



haruki murakami

biên
niên ký
chim vặn
dây cốt

daotieuvu.blogspot.com



NHÀ NÔM



HỘI NHÀ VĂN

BIÊN NIÊN

KÝ CHIM

VĂN DÂY

CÓT



haruki murakami

biên
niên ký
chim vặn
dây cốt

daotieuvu.blogspot.com



ĐÃ ĐƯỢC NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



Tên Ebook: Biên

niên ký Chim vặn dây cốt



Tác Giả: Haruki

Murakami



Thể Loại: Tiểu thuyết,

Tình cảm

 **Dịch Giả: Trần Tiến**

Cao Đẳng

 **Nhà xuất bản: NXB**

Hội nhà văn

 **Năm xuất bản: 2006**

 **Số trang: 722 trang**

 **Giá tiền: 95.000 VND**

 **Khổ: 15x24 cm**

 **Đánh Máy:**

**lyhongmien; nkh_1988;
thereds; sara_robert; asor;
yatrau; ttdd; mgvn; glur;
kid85dn**

 **Sửa chính tả:**


thuhongphuong

 **Nguồn: e-**

thuvien.com

 **Ebook:**

daotieuvu.blogspot.com

 *Ebook được blog **Đào Tiểu***

***Vũ** hoàn thành với mục đích*

*phi thương mại, nhằm chia sẻ
với những bạn ở xa hoặc
không có điều kiện mua sách,
khi sao lưu xin ghi rõ nguồn.*



*Trong điều kiện có thể bạn
hãy mua sách để ủng hộ nhà
xuất bản và tác giả.*

Mục lục:

Giới thiệu

Quyển một: Chim ác là ăn cắp

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

Quyển hai: Chim tiên tri

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

Quyển ba: Kẻ bắt chim

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

Giới thiệu

Tiểu thuyết *Biên niên ký chim vặn dây cót* với tiếng hót của con chim vặn giây cót chỉ vang lên vào những thời khắc quyết định, khi con người tỉnh thức những tiếng lòng thầm kín, hay khoảnh khắc thấu suốt cảm giác về Định mệnh; tiếng chim tiên báo những thảm hoạ khốc liệt khơi nguồn từ chính con người, cũng là tiếng thúc giục âm thầm của khát vọng đi tìm chân lý. Tiếng hót của chim vặn giây cót trở thành biểu tượng sự thức tỉnh những xúc cảm mãnh liệt và sự trưởng thành về bản ngã của con người trong đời sống hiện đại. Đó chính là ý nghĩa của hình tượng chim vặn giây cót xuyên suốt cuốn

tiểu thuyết lớn của *Haruki Murakami*
Cuốn *Biên niên ký chim vặn dây cót* câu chuyện đưa ta đến nước Nhật thời hiện đại, với những thân phận con người bé nhỏ, lạ lùng. Những cô bé 15 tuổi, như Kasahara May, ngồi sau xe mô tô phóng với tốc độ kinh hoàng, vươn tay bịt mắt bạn trai phía trước. Sau tai nạn, bạn trai qua đời, chỉ còn lại mình cô với nỗi day dứt khôn nguôi: “Chính vì có cái chết, người ta mới phải băn khoăn nhiều đến thế về sự sống.” Những thiếu nữ, như Kano Kreta, tự kết liễu đời mình để giải thoát những cơn đau triền miên có thể gặp phải bất cứ lúc nào, vì bất cứ điều gì nhưng không thành. Phải trả nợ một khoản tiền lớn cho hãng bảo hiểm, không

do dự, cô đi làm gái điếm. Những Dân biểu nghị viên như Wataya Noburu, leo cao trong danh vọng nhờ tài lừa dối đám đông và khả năng khơi dậy những bản năng sa đọa ở người khác... Trong thế giới ấy, nhân vật chính của *Biên niên ký chim vặn giây cốt*, Okada Toru, chàng trai giản dị và chân thành, phải đối mặt với biến cố lạ lùng: Kumiko, người vợ yêu dấu của anh bỗng nhiên biến mất không một lời nhắn gửi. Sự kiện phi lý này khơi nguồn cho sự thức tỉnh trong Okada, thúc đẩy anh ngấm nhìn, chứng nghiệm lại thế giới tràn đầy cái phi lý chung quanh mình, bằng con mắt bản thể. Với Murakami, thế giới đầy những điều bất thường, phi lý trở thành động lực để

con người lên đường trở lại với bản thể chính mình. Cũng tại thời điểm này, Toru Okada nghe thấy tiếng hót của con chim vặn giây cót, như tiếng vọng của bản ngã chính anh. Watanabe bắt đầu cuộc hành trình nhận thức, cuộc hành trình tràn đầy những xúc cảm mãnh liệt khám phá lại cuộc sống và tình yêu đã qua, cuộc sống đang diễn ra, của chính mình và những người xung quanh. Với Okada, từ đây cũng mở ra một thế giới siêu thực với những giấc mơ đầy ám ảnh tính dục, những căn phòng tối đen ngào ngạt phấn hoa cất giấu bí mật về sự lệ thuộc và nô dịch, bóng tối thăm sâu của bản ngã và xa rời bản ngã, Thiên, và những năng lực tâm linh siêu hình. Trong những mối quan hệ đầy cảm thông và gần gũi với

những phụ nữ khác, Kasahara May, mẹ con nhà tạo mẫu Akasaka Nhục đậu khấu, hay Kano Kreta..., Okada dần dần hiểu ra bản chất của cuộc sống con người, không phải một mắt xích của thế giới vật chất cơ giới từ bên ngoài, mà chính là những năng lực tưởng tượng sáng tạo của nội giới, những ám ảnh tinh thần truyền từ người nọ sang người kia, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Okada cũng nói lại trong mình sợi dây liên kết bí ẩn mà mạch lạc với quá khứ xa xăm, nhờ những câu chuyện của các chiến binh xưa và nhân chứng sống như Akasaka. Một thế giới khác, giấc mộng bá chủ không thành của quân đội Thiên hoàng trên cao nguyên Nội Mông, trận

Normohan, Trần Châu Cánh, những cuộc tàn sát man rợ trong và sau Thế chiến 2, khi con người từng rơi vào vực thẳm bởi chính sự tàn ác và lầm lạc của chính mình. Okada đã giác ngộ, không còn cách nào khác, chỉ có cương quyết diệt trừ cái ác, bắt đầu từ trong chính những - giấc - mơ của con người, đấu tranh chống lại nó trong chính thực tại hôm nay. Đó cũng là con đường để giải thoát cho người vợ thân yêu của anh đang bị giam cầm trong vết thương tinh thần như một ác mộng khủng khiếp về con quỷ Râu xanh, do chính người anh vợ, chính khách Wataya Noburu gây nên.

Quyển một: Chim ác là ăn cắp

Tháng 6 và tháng 7 năm 1984

1

Chim vặn dây cót ngày thứ ba



Sáu ngón và Bốn vú

Khi điện thoại reo, tôi đang nấu dở món spaghetti trong bếp, mồm huýt sáo theo bản overture Chim ác là ăn cắp của Rossini phát qua đài FM. Vừa nấu spaghetti vừa nghe bản nhạc này thì còn gì bằng.

Tôi muốn lờ cuộc gọi đi, không chỉ vì món spaghetti sắp chín mà còn bởi Claudio Abbado đang đưa dàn nhạc Giao hưởng Luân Đôn lên đến cao trào âm nhạc. Nhưng rốt cuộc tôi chịu thua. Nhỡ ai đó đang muốn gặp tôi về chuyện

việc làm thì sao. Tôi vặn nhỏ bếp gas, đi ra phòng khách, nhắc ống nghe.

- Cho tôi xin mười phút, - giọng nữ ở đầu bên kia nói.

Tôi vốn có trí nhớ tốt về giọng người, nhưng giọng này tôi không quen.

- Xin lỗi? Chị muốn gặp ai?

- Dĩ nhiên là gặp anh. Tôi chỉ xin mười phút thôi, thế là đủ để chúng ta có thể hiểu nhau, - giọng cô ta trầm trầm, mềm mại, nhưng thật khó phân biệt.

- Hiểu nhau?

- Hiểu cảm xúc của nhau.

Tôi cúi xuống nhìn qua khe cửa bếp. Nồi spaghetti đang sôi sùng sục, Claudia Abbo vẫn đang điều khiển bản Chim ác là ăn cắp.

- Xin lỗi, chả là tôi đang nấu dở nồi spaghetti. Chị gọi lại sau được không?

- Spaghetti á? Ai lại đi nấu mì spaghetti lúc 10 rưỡi sáng kia chứ?

- Đây không phải việc của cô, - tôi nói, hơi nổi cáu. - Tôi muốn ăn cái gì, ăn lúc nào là quyền của tôi.

- Thôi được, tôi sẽ gọi lại sau, - cô ta nói, giọng cô ta giờ khô khan, vô cảm. Thật lạ, một thay đổi nhỏ trong tâm trạng cũng có thể ảnh hưởng đến giọng nói người ta đến thế.

- Đợi một chút, - tôi nói trước khi cô ta gác máy. - Nếu có muốn chào hàng chào hiếc gì đó thì đừng gọi lại mất công. Tôi đang thất nghiệp nên không thể mua sắm gì đâu.

- Đừng lo, tôi biết.

- Cô biết? Cô biết cái gì?

- Rằng anh đang thất nghiệp. Tôi biết. Đi mà nấu cho xong món spaghetti quý giá của anh đi.

- Nhưng mà... Cô này! – nhưng cô ta đã cúp máy.

Tức anh ách mà không biết xả vào đâu, tôi nhìn trân trân một lúc cái ống nghe đang cầm trong tay rồi mới sực nhớ tới món spaghetti. Tôi xuống bếp, tắt gas rồi trút chỗ mì trong nồi ra cái chảo cho ráo nước. Vì cuộc gọi vừa rồi mà món spaghetti hơi bị chín quá, nhưng cũng không đến nỗi chết ai. Tôi vừa ăn vừa ngẫm nghĩ.

Hiểu nhau? Hiểu cảm xúc của nhau trong

vòng mười phút? Cô ta nói năng cái gì vậy? Có lẽ chỉ là gọi để chơi xỏ thôi. Hay là lại một chiêu tiếp thị bán hàng gì đó. Gì thì gì, chẳng liên quan đến tôi.

Ăn trưa xong, tôi lên phòng khách, ngồi trên sofa đọc cuốn sách mượn của thư viện, chốc chốc lại liếc nhìn điện thoại. Làm sao có thể hiểu nhau trong vòng mười phút cơ chứ? Hai con người có thể hiểu gì về nhau trong vòng mười phút?

Thử nghĩ mà xem: cô ta dường như tin chắc một cách quái lạ vào cái mười phút ấy: chẳng phải đó là câu đầu tiên cô ta thốt ra đấy sao. Cứ như thể chín phút thì quá ít còn mười một phút lại quá nhiều. Chính xác từng phút một, cũng như nấu món spaghetti vừa chín tới.

Tôi không đọc được nữa, bèn bỏ đây đi là áo sơ mi. Tôi luôn luôn đi là quần áo mỗi khi trong lòng bứt rứt bức bối. Một thói quen có từ lâu. Tôi chia việc là áo thành mười hai công đoạn. Đầu tiên là cổ còn (mặt ngoài), cuối cùng là măng sét tay trái. Trật tự này bất di bất dịch, tôi vừa là vừa đếm ngược từng công đoạn. Nếu không thì sẽ rối tung lên cả.

Tôi là ba chiếc sơ mi, kiểm tra xem còn chỗ nhấn nào không rồi treo lên mắc áo. Sau khi tắt bàn là rồi cất vào tủ cùng cái giá là quần áo, đầu tôi thấy mình mất hẳn ra.

Tôi quay xuống bếp định rót một cốc nước thì điện thoại lại reo. Tôi chần chừ một giây rồi quyết định trả lời. Nếu cũng

lại người đàn bà kia, tôi sẽ bảo là đang
bận là quần áo rồi cúp máy.

Lần này là Kumiko. Đồng hồ chỉ 11 rưỡi.

- Anh thế nào? – nàng hỏi.

- Ổn cả, - tôi đáp, nhẹ cả người khi nghe
giọng vợ.

- Anh đang làm gì đấy?

- Mới là quần áo xong.

- Có chuyện gì vậy? - giọng nàng nhuốm
chút căng thẳng. Nàng biết, thường chỉ
trong tâm trạng thế nào đó tôi mới đi là
quần áo thôi.

- Có gì đâu. Anh là mấy cái áo sơ mi
thôi mà. – Tôi ngồi xuống, chuyển ống
nghe từ tay trái sang tay phải. – Em gọi
có chuyện gì?

- Anh có biết làm thơ không? – nàng hỏi.

- Thơ!?

Thơ ấy à? Nàng có ý gì vậy... thơ ư?

- Em có người quen ở một tạp chí chuyên đăng truyện cho các thiếu nữ. Họ đang tìm một người chuyên lựa chọn và chỉnh lý các bài thơ do độc giả gửi tới. Nhưng trước hết người đó hàng tháng phải viết một bài thơ ngắn. Lương họ trả cao mà việc thì nhàn. Với lại chỉ làm bán thời gian thôi. Nhưng họ có thể giao thêm một ít việc biên tập nêu người đó...

- Việc nhàn ư? – tôi cắt ngang. - Đợi đã. Anh tìm là tìm việc trong ngành luật, chứ không phải thơ với thần.

- Em cứ tưởng anh từng viết lách hồi còn đi học cơ mà.

- Ừ thì viết cho báo tường: thi đấu bóng

đá đội nào thắng, hay thầy dạy lý ngã cầu thang nằm viện - đại loại thế. Nhưng thơ thì không. Anh không biết làm thơ.

- Hẳn rồi, nhưng em không nói chuyện thơ thứ thiệt, mà chỉ là ba thứ nhăng nhít cho mấy cô nữ sinh thôi. Có ai bắt thơ của anh phải đi vào văn học sử đâu. Nhắm mắt anh cũng làm được. Anh không hiểu à?

- Nghe đây: anh không biết làm thơ, nhắm hay mở mắt cũng vậy thôi. Anh chưa bao giờ làm thơ và sẽ không làm đâu.

- Thì thôi, - Kumiko nói, giọng buồn buồn. - Nhưng tìm việc làm trong ngành luật khó lắm.

- Anh biết. Chính vì vậy anh mới phải đi

gõ đến ngân ấy cửa. Tuần này chắc sẽ có thư trả lời. Nếu không được, anh sẽ tính cách khác.

- Thôi được, cứ cho là vậy. À, hôm nay thứ mấy?

Tôi nghĩ một chút rồi đáp: Thứ Ba.

- Vậy anh chạy ra ngân hàng trả tiền gas và điện thoại nhé?

- Ừ, đằng nào anh cũng phải ra ngoài mua đồ ăn tối.

- Anh định làm món gì?

- Anh chưa biết. Đến cửa hàng rồi sẽ tính.

Nàng ngừng một chút. – Anh nghĩ kĩ đi, - nàng nói, giọng trở nên nghiêm trang.- Anh chẳng việc gì phải hối hả tìm việc làm như vậy đâu.

Câu nói đó khiến tôi hoàn toàn bất ngờ.
“Tạo sao?”, tôi hỏi. Phải chăng toàn thể phụ nữ trên thế giới đã chọn chính ngày hôm nay để làm tôi ngạc nhiên qua điện thoại?

- Sớm muộn gì trợ cấp thất nghiệp của anh cũng sẽ cạn. Anh không thể ngồi không mãi được.

- Đúng thế, nhưng em vừa được tăng lương, thì thoảng có việc làm thêm, lại còn tiền tiết kiệm của chúng mình nữa, nếu biết dè xẻn thì vẫn sống được. thật ra có gì là nước sôi lửa bỏng đâu. Hay anh không thích ở nhà làm nội trợ như thế này? Sống như vậy anh bứt rứt khó chịu lắm à?

- Anh không biết, - tôi đáp rất chân

thành. Quả thực là tôi không biết.

- Thôi, anh cứ từ từ suy nghĩ, - nàng nói.

- À, thế con mèo đã về chưa?

Con mèo. cả buổi sáng nay tôi không hề nghĩ tới con mèo.

- Không, - tôi nói. - Chưa về.

- Anh thử tìm quanh khu hàng xóm xem
Nó đi cả tuần nay rồi.

Tôi ừ hử, chẳng ra đồng ý cũng chẳng ra
không rồi chuyển ống nghe sang tay trái.
Nàng nói tiếp:

- Em tin chắc là nó lảng vãng chỗ căn
nhà không người ở đằng cuối ngõ ấy. Căn
nhà mà trước sân có cái tượng chim ấy.
Em vẫn hay thấy nó ở đó mà.

- Cái ngõ? Em tới cái ngõ ấy từ hồi nào
vậy? Em chưa hề nói gì về...

- Thôi nào ! Em phải chạy đi đây. Nhiều việc phải làm quá. Đừng quên chuyện con mèo đây.

Nàng cúp máy. Tôi lại nhìn chăm chăm cái ống nghe. Rồi tôi đặt lại lên giá đỡ.

Tôi tự hỏi điều gì đã dẫn Kumiko đến cái ngõ ấy. Từ chỗ nhà chúng tôi, muốn đến cái ngõ ấy thì phải trèo qua bức tường bê tông. Mà có mất công trèo đi nữa thì tới đó cũng chẳng để làm gì.

Tôi xuống bếp uống một cốc nước, rồi đi ra hàng hiên để xem đĩa thức ăn cho mèo. Mớ cá sardin không có ma nào động tới từ tối qua. Không, con mèo không về. Tối đứng đó nhìn ra khu vườn nhỏ của vợ chồng tôi đắm trong ánh nắng đầu hè. Đây chẳng phải là loại vườn có

khả năng an ủi về tinh thần khi ta nhìn ngắm nó. Mặt trời chỉ len tới được đây trong một khoảng thời gian ít ỏi mỗi ngày, nên mặt đất luôn đen và ẩm, và toàn bộ cây cối gọi là có ở trong vườn vền vền chỉ là mấy bụi tú cầu lằm lụi trong một góc, mà tôi thì chẳng ưa hoa tú cầu. Gần đây có một rặng cây nhỏ, đứng ở đó ta có thể nghe tiếng kêu như bằng kim khí của một con chim, nghe như nó đang vặn dây cót đồng hồ vậy. Chúng tôi gọi nó là con chim vặn dây cót. Cái tên do Kumiko đặt. Chúng tôi chẳng biết đúnggra con chim đó tên gì, hình thù nó ra sao, nhưng điều đó chẳng làm con chim vặn dây cót bận tâm. Ngày nào cũng vậy, nó đến đậu trên rặng cây nhà hàng xóm để lên dây cho cái thế giới nhỏ bé tĩnh

lặng của chúng tôi.

Thế là bây giờ tôi phải đi lòng mèo. Xưa nay tôi vẫn yêu mèo. Riêng con này tôi càng yêu hơn. Nhưng mèo có lối sống riêng của chúng. Chúng không đàn độn. Nếu một con mèo thôi sống ở nơi ta ở, thế nghĩa là nó đã quyết định chuyển đi nơi khác. Nếu mệt và đói bụng, nó sẽ trở về. Dù vậy nhưng, rốt cuộc, để Kumiko vui lòng, tôi sẽ phải đi tìm con mèo của vợ chồng tôi. Tôi chẳng có việc gì hay hơn để làm.

* * *

Tôi nghỉ việc từ hồi đầu tháng Tư – tôi vốn làm việc ở công ty luật này đã lâu, kể từ khi tốt nghiệp. Tôi thôi việc chẳng phải vì lý do gì đặc biệt. Đơn giản là tôi

không ưa công việc. Chẳng có gì lý thú, nhưng lương bổng khá, đồng nghiệp thì thân thiện.

Chả cần phải sĩ làm gì, vai trò của tôi ở công ty là anh loong toong chạy giấy. Tôi làm việc đó rất cừ. Có thể nói, tôi thực sự có tài trong việc thi hành những sự vụ thực tiễn. Tôi học hỏi nhanh, làm gì cũng hiệu quả, không bao giờ ta thán và là người thực tế. Chính vì vậy mà khi tôi thông báo sẽ thôi việc, vị cổ đông chính của công ty (đây là một công ty luật kiểu cha con, ông này là cha) thậm chí còn đề nghị tăng lương cho tôi chút đỉnh.

Nhưng tôi vẫn thôi. Chẳng phải là để thực hiện một hoài bão hay dự tính gì đặc biệt. Chẳng hạn, việc tôi ghét nhất

trên đời chính là đóng cửa học bài chuẩn bị cho kì thi luật sư. Tôi biết chắc như đinh đóng cột rằng tôi không muốn làm thầy cãi. Nhưng tôi cũng biết mình không muốn cứ chôn chân một chỗ làm mãi công việc đã làm bấy nay. Đằng nào cũng thôi việc thì thôi ngay bây giờ cho xong. Nếu còn nần ná chỗ cũ, ắt tôi sẽ làm ở đó suốt đời. Dù gì tôi cũng đã ba mươi tuổi.

Trong lúc ăn tối tôi đã bảo Kumiko rằng tôi đang tính chuyện thôi việc. Nàng chỉ trả lời: “Em hiểu”. Tôi không biết ý nàng là nàng hiểu cái gì, nhưng hồi lâu sau nàng chẳng nói gì thêm.

Tôi cũng yên lặng, cho đến khi nàng tiếp: “Nếu anh đã muốn nghỉ việc thì cứ nghỉ.

Đây là cuộc đời anh, anh muốn sống thế nào thì cứ sống như thế ấy”. Nói xong, nàng bắt đầu chăm chú dùng đũa tách xương cá để riêng ra mép đĩa.

Kumiko kiếm được khá nhiều tiền bằng nghề biên tập cho một tạp chí chuyên về thực phẩm dưỡng sinh, thỉnh thoảng nàng còn nhận vẽ minh họa cho bạn bè ở các tạp chí khác, nhờ vậy còn kiếm thêm một khoản thu nhập đáng kể nữa. (Nàng học khoa thiết kế ở trường cao đẳng và từng mơ ước làm họa sỹ minh họa tự do).

Ngoài ra, nếu nghỉ việc, tôi vẫn được nhận tiền trong một thời gian từ quỹ trợ cấp thất nghiệp. Thế nghĩa là dù tôi ở nhà làm nội trợ, hai vợ chồng vẫn đủ tiền cho đồ ăn thức uống, giặt ủi và những chi

phí khác, và cuộc sống của chúng tôi vẫn chẳng thay đổi là mấy.

Thế là tôi nghỉ việc.

* * *

Tôi đang cất thức ăn vào tủ lạnh thì điện thoại reo. Lần này tiếng chuông có vẻ nóng nảy, riết róng. Tôi vừa mới mở một gói nhỏ đựng đậu phụ, thế là phải cẩn thận đặt lên bàn nhà bếp sao cho nó khỏi chảy nước, rồi đi lên phòng khách nhắc điện thoại

- Giờ thì anh ăn xong món spaghetti rồi chứ, - người đàn bà nói.

- Ăn rồi. Nhưng giờ tôi phải đi tìm con mèo.

- Chuyện ấy để mười phút nữa cũng chẳng sao. Không phải như nấu món spaghetti.

Vì lý do nào đó tôi không cắt ngang cuộc gọi được. Có gì đó trong giọng cô ta buộc tôi phải chú ý.

- Thôi được, nhưng không quá mười phút đâu đây.

- Giờ thì chúng ta sẽ có thể hiểu nhau, - cô ta nói khẽ nhưng có vẻ quả quyết. Tôi có thể cảm thấy cô ta đang ngồi thoải mái xuống ghế bành, bắt chéo hai chân.

- Để xem, - tôi nói. - Trong vòng mười phút thì cô hiểu được gì nào?

- Mười phút có thể là dài hơn anh tưởng đấy, - cô ta nói.

- Có chắc là cô biết tôi không?

- Dĩ nhiên là chắc. Chúng ta đã gặp nhau hàng trăm lần rồi.

- Ở đâu? Hồi nào?

- Một lúc nào đó, một nơi nào đó, - cô ta nói. – Nhưng nếu em giải thích rõ thì mười phút không đủ đâu. Quan trọng là thời gian ta có lúc này đây. Hiện tại. Anh đồng ý không?

- Có thể. Nhưng tôi muốn có bằng chứng là cô có biết tôi.

- Bằng chứng gì kia?

- Tôi bao nhiêu tuổi chẳng hạn?

- Ba mươi, - cô ta trả lời ngay. – Ba mươi tuổi hai tháng. Được chưa?

Tôi cứng họng. Hiển nhiên là cô ta biết tôi, nhưng tôi không tài nào nhớ ra giọng cô ta.

- Giờ tới lượt anh, - cô ta nói, giọng mơn trớn. - Cố hình dung ra em đi. Từ giọng nói của em. Hình dung xem em thế nào.

Em bao nhiêu tuổi. Em đang ở đâu. Em ăn mặc ra sao. Nào, anh nói đi chứ?

- Tôi biết gì đâu mà nói.

- Thôi nào, cố lên đi, - cô ta nói.

Tôi nhìn đồng hồ. Nãy giờ mới có một phút năm giây trôi qua. – Tôi chẳng biết gì đâu, - tôi lặp lại.

- Thế để em giúp anh nhé, - cô ta nói. –

Em đang nằm trên giường. Em vừa mới tắm xong, người em chẳng mặc gì hết.

Hừ, được lắm. Lại cái trò sex qua điện thoại đây.

- Hay anh thích em mặc trên người một thứ gì đó? Một cái gì có đẳng ten. Hay tất dài chẳng hạn. Anh có thích vậy hơn không?

- Thế nào cũng được, mặc cô. Cô muốn

làm gì thì làm, - tôi nói. – Thích thì mang vài thứ trên người. Còn muốn trần truồng thì cứ việc. Xin lỗi, nhưng tôi không quan tâm đến những trò chơi qua điện thoại kiểu này. Tôi có quá nhiều thứ phải...

- Mười phút thôi, - cô ta nói. – Dành cho em mười phút thì anh có chết đâu nào, phải không? Chỉ cần trả lời vài câu hỏi của em thôi. Anh muốn em trần truồng hay mang vài thứ trên người? Em có nhiều thứ để mang lắm. Quần ren màu đen này...

- Thôi thì trần truồng đi.

- Được rồi. Anh muốn em trần truồng.

- Ừ, trần truồng.

Bốn phút rồi.

- Lông mu em vẫn còn ướt, - cô ta nói. - em sấy chưa kỹ lắm. Ôi, người em ướt quá chừng! Vừa ẩm vừa ẩm ướt. Lại còn mềm nữa. Mềm thật là mềm, đen nhay nháy. Sờ em thử xem.

- Nào nào, tôi xin lỗi, nhưng mà...

- Xuống dưới cũng vậy. Xuống nữa. Dưới ấy thật là ẩm, như là bơ ấy. Ẩm quá chừng! Ôi ôi ôi. Lại còn chân em nữa. Anh thử nghĩ xem em đang ở trong tư thế nào nào? Đầu gối phải nhấc lên, chân trái dẹt sang bên vừa đủ. Như hai cái kim đồng hồ lúc chỉ mười giờ năm phút vậy.

Từ giọng nói cô ta, tôi hiểu rằng cô ta không nói phét. Cô ta quả thật đang giạng chân ra như lúc kim đồng hồ chỉ mười

giờ năm phút, âm hộ cô ta ẩm áp và ẩm ướt.

- Sờ thử hai vành môi xem, - cô ta nói. —
Châ-ậ-m-m thôi. Giờ thì vạch ra. Thế.
Chậm thôi, thật chậm. Hãy để những
ngón tay anh mơn trớn chúng. Ôi, thật
châ-ậ-m-m-m. Giờ lấy tay kia sờ vú phải
của em đi. Đùa với nó. Mân mê nó. Lên
trên nữa. Giờ bóp nhẹ núm vú đi. Lần
nữa. Lần nữa. Lần nữa. Em sắp ra rồi
đây.

Không nói một lời, tôi cúp ống nghe.
Duỗi người trên ghế sofa, tôi nhìn đồng
hồ và thở một hơi dài. Cuộc nói chuyện
kéo dài gần sáu phút.

Mười phút sau điện thoại lại reo, nhưng
tôi không đụng tới ống nghe. Chuông reo

mười lăm lần. Khi nó ngừng reo, một nỗi im lặng sâu thẳm, lạnh lẽo trùm xuống căn phòng.

* * *

Ngay trước 2 giờ chiều, tôi trèo qua bức tường bê tông để sang bên cái ngõ, đúng hơn là chỗ mà chúng tôi gọi là cái ngõ. Thật ra nó chẳng phải là “ngõ” theo đúng nghĩa; hẳn là chẳng có từ nào thích hợp để gọi nó cả. Nó không phải là “đường”, không phải “lối đi”, cũng chẳng ra cái “ngõ”. Dù “đường” hay “ngõ” thì cũng phải có lối vào và lối ra, phải dẫn ta tới một chỗ nào đó nếu ta đi theo nó. Nhưng cái “ngõ” này chẳng có lối vào cũng chẳng có lối ra. Cũng không thể gọi là “ngõ cụt”, vì ít ra ngõ cụt cũng còn có lối

vào. Còn cái ngõ này thì cả hai đầu đều cụt. Người dân xung quanh cứ gọi là “ngõ” cho tiện. Nó dài khoảng trăm mét, len lỏi giữa những khoảnh sân sau của các căn nhà dọc hai bên. Bề ngang nó chỉ tròm tròm một mét, ở vài chỗ thậm chí phải lách người qua mới qua được giữa những hàng rào thò ra giữa lối đi hoặc phải tránh những đồng đồ phế thải.

Về cái ngõ này, ông cậu tôi, người cho vợ chồng tôi thuê căn nhà này với giá gần như cho không, bảo rằng xưa kia nó cũng có đầu vào đầu ra, từng đóng vai trò kiểu như một lối đi tắt giữa hai con phố. Nhưng với sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng vào giữa thập kỷ 1950, hàng dãy nhà mọc lên trên các lô đất trống dọc

hai bên ngõ, ép nó lại cho tới khi chỉ còn là một lối đi hẹp. Dân tình không thích kẻ lạ đến gần nhà và sân của mình, thế nên chẳng bao lâu một trong hai đầu ngõ bị người ta ngăn lại, đúng hơn là che lại bằng một hàng rào xộc xệch. Một người địa phương quyết định nói rộng khoảng sân của mình, thế là xây luôn một bức tường bê tông bít kín đầu ngõ. Như để đáp trả, một hàng rào dây thép gai được dựng ở đầu bên kia, ngay lũ chó cũng không qua lọt. Hàng xóm chẳng ai kêu ca gì, bởi có ai dùng cái ngõ này làm lối đi đâu, thậm chí họ còn hài lòng là khác, bởi nhờ bức tường rào này họ lại có thêm một lớp bảo vệ trước những phường bất hảo. Kết quả là cái ngõ chỉ còn như một kênh đào bị bỏ hoang,

không ai dùng tới, có chăng chỉ là một vùng đệm giữa hai dãy nhà, thế thôi. Lũ nhện chăng mạng dày đặc trong những lùm cây mọc um tùm.

Cớ sao Kumiko hay lui tới một nơi như vậy? Bản thân tôi chỉ mới đi trên cái “ngõ” này không quá hai lần, Kumiko thì sợ nhện nhất trần đời. Nhưng thôi, quỷ tha ma bắt – nếu Kumiko đã bảo tôi ra ngõ kiếm con mèo thì tôi cần phải ra ngõ kiếm con mèo. Chuyện gì sẽ tới hẵng nghĩ sau. Đi ra ngoài thế này vẫn tốt chán so với ngồi nhà chờ điện thoại reo.

Ánh nắng chói đầu hè rọi qua bóng những cành cây trải rộng trên đầu, vẽ những đốm tròn lỗ chỗ xuống bề mặt ngõ. Không có ngọn gió nào lay động cành lá,

những bóng cây trông như những vết ố
mà số trời đã định là sẽ in lên mặt đường
này vĩnh viễn. Dường như không thứ
tiếng động nào lọt được đến nơi này.
Hầu như tôi có thể nghe những ngọn cỏ
phấp phồng trong ánh nắng. Vài đám mây
nhỏ trôi qua bầu trời, bóng của chúng rõ
rệt, sắc nét, như những đám mây trong
tranh khắc thời trung cổ. Tôi cảm nhận
mọi thứ một cách rõ ràng đáng sợ đến
nỗi chính thân thể tôi bỗng như trở nên
mơ hồ, vô hạn, tuôn chảy và... nóng
bỏng.

Tôi mặc áo thun, quần mỏng bằng vải
bông, mang giày tennis, nhưng khi đi
dưới ánh nắng hè, tôi cảm thấy một lớp
mồ hôi mỏng đọng dần dưới hai cánh tay

và trên hõm ngực. Chiếc áo thun và quần sợi bông này lâu nay bị nhét trong cái hộp lèn chặt quần áo mùa hè, tôi chỉ mới lấy ra mặc sáng nay, nên mùi băng phiến hăng hắc xộc vào trong lỗ mũi tôi.

Những căn nhà dọc hai bên ngõ chia làm hai loại khác hẳn nhau: những căn nhà cũ và những căn nhà mới xây. Những căn nhà mới thì nhỏ hơn, sân cũng nhỏ hơn. Những chiếc sào phơi quần áo trong sân thường thò hẳn ra ngoài ngõ, khiến nhiều lúc tôi phải len lỏi giữa những bức màn chắn bằng khăn mặt, khăn trải giường, đồ lót. Bên kia vài bức tường hậu văng ra tiếng ti vi, tiếng nước dội toa lét, thoang thoảng mùi nấu cà ri.

Những căn nhà cũ thì ngược lại, hầu như

không có dấu hiệu sự sống. Chúng được ngăn cách bằng những bụi cây và hàng dâu ngay hàng thẳng lối, xen giữa là những mảnh vườn tía tốt công phu.

Một cây thông Giáng sinh già nua, nâu xỉn, khô héo đứng trong góc một khu vườn. Một khu vườn khác đã hóa thành bãi rác để người ta vứt bỏ bất cứ món đồ chơi nào của con người, rõ ràng là nơi vứt bỏ hàng mấy thế hệ tuổi thơ. Nào chiếc xe đạp ba bánh, vòng gỗ, kiếm nhựa, bóng ca su, nào những con rùa đồ chơi, những chiếc mũ bóng chày bé xíu. Một khu vườn có một khoảnh chơi bằng bóng rổ, một vườn khác nữa có những cái ghế xinh xẻo xếp quanh chiếc bàn bằng gỗ. Bụi đóng dày trên những chiếc

ghế vôn dĩ màu trắng, hình như chẳng ma nào đụng tới nhiều tháng, thậm chí nhiều năm rồi. Mặt bàn phủ đầy những cánh hoa mộc lan tím bị mưa dập vùi tan nát. Tôi thấy rõ một căn phòng khách qua một cánh cửa ngoài bằng nhôm. Phòng khách gồm một bộ sofa và ghế bành bằng da, một cái tivi lớn, một tủ buýp phê (trên đó có một bể nuôi cá nhiệt đới và hai món chiến lợi phẩm gì đó), một cây đèn đứng để trang trí. Căn phòng trông như bối cảnh cho một vở kịch truyền hình. Một cái cũi chó to dùng chiếm lĩnh phần lớn diện tích một khu vườn khác, những chẳng có con chó nào, cửa nhà thì mở toang. Tấm lưới cửa cũi chó bị vênh ra ngoài, như thể ai đó đã tựa vào đó liên

tục hàng mây thàng trời.

Căn nhà không người ở mà Kumiko nói với tôi nằm ngay sau khoảnh sân có cái chuồng chó kéch xù kia. Chỉ cần liếc qua cũng biết căn nhà này không có người ở đã khá lâu rồi. Đó là một căn nhà hai tầng trông cũng mới, nhưng mấy cánh cửa chớp bằng gỗ trông lại quá ư cũ kỹ, chấn song bên ngoài các cửa sổ trên tầng hai phủ đầy gỉ sét. Căn nhà có một khu vườn nhỏ xinh xinh, trong đó hiển nhiên là có bức tượng chim. Tượng đặt trên một cái bệ cao ngang ngực, xung quanh cỏ dại um tùm. Đầu mút những nhánh xiêm gai vàng(1) gần như bén tới chân chim. Con chim – tôi chịu không đoán nổi giống chim gì – giang rộng cánh như thể muốn

thoát khỏi chôn khó ưa này càng nhanh càng tốt. Ngoài con chim ra chẳng còn vật trang trí nào khác trong khu vườn. Dăm chiếc ghế nhựa không biết tự đời thuở nào đứng chổng chơ ở vách tường, cạnh đó là một bụi đỗ quyên phô những đóa hoa đỏ tươi, màu sắc có vẻ là lạ, không thực. Còn lại toàn là cỏ dại.

Tôi tựa vào hàng rào mắt cáo ngang ngực, ngắm khu vườn một hồi lâu. Chôn này hẳn là thiên đường cho lũ mèo, nhưng chẳng thấy mèo đâu cả. Điềm xuyết vào khung cảnh chỉ có tiếng kêu đều đều của một con bồ câu đơn độc vất vèo trên chiếc ăngten truyền hình. Bóng của con chim đá đổ lên mặt cỏ dưới chân bệ tượng, bị cắt làm hai mảnh.

Tôi rút trong túi quần ra một viên kẹo chanh, bóc giấy gói rồi cho vào mồm. Tôi từng coi việc nghỉ làm ở công ty là một cơ hội để bỏ thuốc lá, nhưng bây giờ đi đâu tôi cũng không thể thiếu mấy viên kẹo chanh. Kumiko bảo tôi nghiện kẹo chanh mất rồi và cảnh cáo rằng chẳng mấy chốc tôi sẽ sâu hết cả hàm răng, nhưng tôi không bỏ kẹo được. Trong khi tôi đứng ngắm khu vườn, con bò câu đậu trên ăngten vẫn kêu gù gù, như một tay cạo giấy đóng số lên một tệp giấy. Tôi không biết mình đã đứng đó tựa rào trong bao lâu, nhưng tôi nhớ mình đã nhổ kẹo ra khi cảm thấy nó đã tan một nửa và lấp đầy miệng cái vị ngọt dính dính. Tôi vừa chuyển cái nhìn sang bóng chim đá thì có

cảm giác ai đó vừa gọi mình từ phía sau. Tôi quay lại thì thấy một cô gái đứng trong khu vườn bên kia ngõ. Người cô nhỏ nhắn, tóc tết bím. Cô đeo kính râm thẫm, gọng màu hồ phách, mặc áo phong cộc tay màu xanh nhạt. Mùa mưa vẫn chưa dứt hẳn, thế mà cô đã kịp làm cho đôi tay mảnh dẻ của mình có một màu r ám nắng mềm mại ưa nhìn. Cô dứt một bàn tay vào túi quần soóc. Bàn tay kia đặt lên một cánh cổng hàng tre ngang thắt lưng xem ra chẳng cần được ai. Hai chúng tôi chỉ cách nhau chừng hơn một thước.

- Nóng quá, - cô bảo.

- Ừ, nóng, - tôi đáp.

Sau mẩu trao đổi ngắn ngủi này cô lại

đứng đó nhìn tôi. Rồi cô móc trong túi ra một bao “Hope”, rút một điếu, đút vào giữa miệng. Cô có cái miệng nhỏ, môi trên hơi vểnh. Cô quẹt diêm châm thuốc. Khi cô khẽ nghiêng đầu, tóc cô lệch sang bên để lộ một chiếc tai có hình dáng tuyệt đẹp, nuột nà như vừa mới nặn, vành tai ánh lên vẻ dịu dàng của lớp lông tơ. Cô búng que diêm đi rồi chum môi phà khói. Đoạn, cô nhìn lên tôi như thể đã quên mất là có tôi ở đó. Tôi không nhìn thấy mắt cô sau cặp tròng thâm của chiếc kính râm.

- Anh sống gần đây à? – cô hỏi.

- Ừ, - tôi muốn chỉ về phía nhà mình, nhưng để tới được đây tôi đã len lách quá nhiều đến nỗi giờ tôi chịu không biết

nhà mình ở hướng nào nữa. Tôi đành chỉ hú họa.

- Tôi đi tìm con mèo, - tôi vừa nói như để thanh minh vừa chùi lòng bàn tay ướt mồ hôi vào quần. – Nó đi vắng cả tuần rồi. Có người thấy nó quanh quần chỗ này.

- Con mèo trông thế nào?

- Mèo đực, to khỏe. Có vằn nâu. Chót đuôi hơi quặp.

- Tên gì?

- Noboru. Wataya Noburu.

- Không, không phải tên anh. Tên con mèo cơ.

- Thì tên con mèo đấy.

- Chà, ấn tượng quá!

- Thực ra đây là tên ông anh vợ anh. Con mèo có gì đó giống ông ấy. Bọn anh lấy tên ông ấy đặt cho con mèo, để cho vui thôi mà.

- Con mèo giống ông ấy chỗ nào cơ?

- Anh không biết. Nhìn chung là thế.

Dáng đi chẳng hạn. Hay là cái nhìn chả biểu lộ gì hết.

Lần đầu tiên cô mỉm cười, nụ cười khiến cô giống trẻ con hơn nhiều so với ấn tượng ban đầu. Cô không quá mười lăm, mười sáu tuổi. Mũi trên cô vĩnh thành một góc kì lạ. Tôi nghe như thấy giọng nói “Sờ em đi”, giọng người đàn bà trong điện thoại. Tôi lấy mu bàn tay lau mồ hôi trên trán.

- Con mèo có vằn nâu, chồm đuôi hơi

quần, - cô gái nói. - À, nó có đeo vòng cổ không?

- Đeo vòng cổ màu đen, để trị bọ chét.

- Cô đứng ngẫm nghĩ chừng mười, mười lăm giây, bàn tay vẫn đặt trên cánh cổng. Rồi cô rút điều thuốc đang hút dở xuống đất, lấy bàn chân đi xăng đan giẫm lên.

- Có lẽ em đã gặp một con mèo như thế, - cô bảo. - Em không biết đuôi có quặp không, nhưng con mèo vàng nâu, giống như cọp ấy, hình như có đeo vòng cổ.

- Em thấy khi nào?

- Thấy khi nào á? Chà... Mới ba bốn hôm trước thôi. Sân nhà em cứ như là nơi quá cảnh của tất cả mèo hàng xóm ấy mà. Chúng đi tắt qua nhà em từ nhà Takitani tới nhà Miyawaki.

Cô chỉ về phía căn nhà không người ở, nơi con chim đá vẫn đang giang cánh, cây xiêm gai vàng đang đón nắng hè và con bồ câu vẫn tiếp tục gù gù đơn điệu trên cần ăngten tivi.

- Em có ý này, - cô nói. — Sao anh không đợi ở đây? Tất cả lũ mèo sớm muộn gì cũng đi qua nhà em trên đường tới nhà Miyakawi. Anh cứ đi tới đi lui kiểu này thì coi chừng người ta gọi cảnh sát bắt đấy. Có người bị như thế rồi.

Tôi lưỡng lự.

- Đừng lo, - cô nói. - Ở đây chỉ có em thôi. Chúng mình cứ ngồi sưởi nắng, đợi con mèo ló mặt ra. Em sẽ nhìn giúp anh. Thị lực của em những hai mươi-hai mươi cơ đấy.

Tôi nhìn đồng hồ. Hai giờ hai mươi sáu phút. Những gì tôi phải làm hôm nay, từ giờ cho đến tối là mang đồ đến hiệu giặt và làm bữa tối.

Tôi bước qua cổng vào trong vườn, theo sau cô bé băng qua bãi cỏ. Chân phải cô hơi khập khiễng. Cô đi vài bước rồi dừng, quay lại nhìn tôi.

- Em bị ngã xe máy từ ghế sau, - cô nói như thể chuyện ấy chẳng có gì quan trọng.

Nơi rìa bãi cỏ có một cây sồi lớn. Dưới bóng cây có hai ghế xếp bằng vải bạt, trên một chiếc có trải tấm khăn tắm màu xanh dương. Trên chiếc ghế kia lỉnh kỉnh một bao “Hope” chưa mở, cái gạt tàn, chiếc bật lửa, một cuốn tạp chí, một

chiếc máy nghe nhạc ngoại cỡ. Máy đang phát một bản hard rock âm lượng không to lắm. Cô bé tắt nhạc rồi trút hết mớ đồ đạc trên chiếc ghế thứ hai xuống cỏ để lấy chỗ cho tôi. Ngồi trên chiếc ghế này tôi thấy rõ khoảng sân căn nhà không người ở bên kia – con chim đá, cây xiêm gai vàng, hàng rào mắt cáo. Hẳn là cô bé đã quan sát tôi suốt cả thời gian tôi đứng ở bên kia.

Vườn nhà này lớn thật. Có một bãi cỏ rộng dài thoải thoải, đó đây có mấy khóm cây. Bên trái hai chiếc ghế là một hồ nước to mép bằng bê tông, phơi cái đáy cạn khô dưới nắng. Trông cái màu xanh xanh thì đủ biết đã bao lâu hồ không có nước. Chúng tôi ngồi xoay lưng lại

căn nhà thấp thoáng sau màn cây. Nhà không lớn, kiến trúc chẳng cầu kỳ. Chỉ khu vườn thênh thang được chăm sóc cẩn thận là nom bề thế mà thôi.

- Vườn rộng quá, - tôi vừa nói vừa nhìn quanh. – Rộng thế này thì chăm sóc cũng mệt.

- Hẳn rồi.

- Hồi bé anh có làm việc cho một công ty chuyên xén cỏ thuê.

- Thế à? - rõ là cô bé chẳng quan tâm gì đến chuyện cỏ kiểng.

- Em luôn ở đây một mình à? – tôi hỏi.

- Vâng, lúc nào cũng một mình. Trừ một bà đến mỗi sáng và chiều, dọn dẹp ấy mà. Còn lại thì suốt ngày chỉ mình em thôi. Anh muốn uống gì lạnh không? Nhà

có bia đây.

- Không, cảm ơn.

- Thật á? Đừng khách sáo đấy nhé.

Tôi lắc đầu.

- Em không đi học à?

- Thế anh không đi làm à?

- Có việc gì làm đâu mà đi.

- Thất nghiệp à?

- Đại loại thế. Anh mới thôi việc vài tuần trước.

- Trước anh làm gì?

- Anh là trợ lý luật sư. Anh đến các cơ quan chính phủ để lấy tài liệu, sắp xếp hồ sơ đâu vào đó, kiểm tra các tiền lệ pháp lý tiến hành thủ tục tố tụng... kiểu kiểu thế.

- Nhưng anh thôi việc rồi.
- Ừ.
- Vợ anh có việc làm không?
- Có.

Con bồ câu ở khoảng sân bên kia chắc đã thôi gù gù mà bay đi nơi khác. Đột nhiên tôi nhận thấy một sự im lặng chết chóc bao phủ quanh tôi.

- Kia là chỗ lũ mèo hay qua lại, - cô nói, tay chỉ về phía đằng kia bãi cỏ. – Anh có thấy cái máy đốt rác trong sân nhà Takitani không? Chúng nó chui ra từ dưới hàng rào ngay ở chỗ ấy, đi qua bãi cỏ, rồi chui qua cổng sang mảnh sân bên kia. Lần nào cũng đúng lộ trình ấy.

Cô lật kính lên trán, nheo mắt nhìn khu vườn rồi kéo kính xuống, phà ra một làn

khỏi. Trong khoảng thời gian đó tôi kịp thấy cô có một vết xước dài khoảng năm phân gần mắt trái, loại vết xước có khả năng để sẹo suốt đời. Chiếc kính râm hẳn là để che vết xước ấy. Khuôn mặt cô bé không phải là đẹp lắm nhưng có cái gì đó thật quyến rũ, có thể là cặp mắt sống động hay đôi môi hình dáng khác thường.

- Anh có biết nhà Miyakawi không? – cô hỏi.

- Chẳng biết gì cả, - tôi đáp.

- Gia đình họ từng sống trong căn nhà không có người ở kia. Gia đình rất nề nếp. Họ có hai cô con gái, cả hai đều học trường tư dành cho nữ sinh. Ông Miyakawi là chủ mấy cái nhà hàng.

- Sao họ không ở đó nữa?

- Có lẽ vì ông ấy nợ nần. Họ bỏ trốn, biến mất vô tung tích chỉ trong một đêm. Đâu như một năm trước. Họ bỏ lại căn nhà, mặc cho cỏ dại và lũ mèo. Mẹ em cứ than phiền suốt.

- Có nhiều mèo đến thế sao?

Vẫn ngậm điều thuốc trong miệng, cô bé ngẩng lên nhìn trời.

- Đủ thứ trên đời. Con thì trụi lông, con thì chột mắt... ở cái chỗ trước kia là con mắt giờ chỉ còn cục thịt. Eo ôi!

Tôi gật đầu.

- Em có người bà con mỗi bàn tay đều có sáu ngón. Chị ấy lớn hơn em một chút thôi. Bên cạnh ngón út chị ấy lại có thêm một ngón thừa, như ngón tay trẻ sơ sinh ấy. Chị ấy biết cách gấp nó lại nên hầu

nếu không ai nhận thấy cả. Mà chị ấy đẹp lắm cơ.

Tôi lại gật.

- Anh nói thử xem, đó có phải là do di truyền không? Gọi thế nào ấy nhỉ... từ trong huyết thống ấy mà?

- Anh không biết nhiều lắm về di truyền.

- Cô ngừng nói. Tôi mút viên kẹo chanh và chú mục vào lối đi của lũ mèo. Nãy giờ chẳng thấy con mèo nào cả.

- Thực tình anh không muốn uống gì à? – cô hỏi. – Em đi lấy Coca đây.

Tôi nói tôi không cần uống gì cả.

Cô đứng dậy khỏi ghế và biến mất sau hàng cây, chân phải hơi khập khiễng. Tôi nhặt tờ tạp chí từ dưới cỏ lên, lật lật các trang. Hoàn toàn bất ngờ, tôi nhận ra đó

là một tạp chí dành cho nam giới, loại nguyệt san bìa láng. Trên trang ảnh là một ả ngồi ghế, hai chân dạnh rộng thành một góc kỳ quái, quần bó chèn mỏng dính phô ra toàn bộ chỗ kín với lớp lông đen nhánh. Tôi thờ dài đặt tạp chí xuống, khoanh tay lên ngực, lại chú mục vào lối đi của lũ mèo.

Mãi rất lâu sau cô bé mới trở lại, tay cầm cốc Coca. Cái nóng buổi chiều đang hành hạ tôi. Ngồi dưới nắng, tôi nghe đầu mình cứ ong ong. Tôi hoàn toàn không muốn nghĩ gì hết.

- Nói em nghe, - cô tiếp tục đề tài bỏ dở.
- Nếu anh yêu một cô gái nhưng hóa ra cô ấy có những sáu ngón tay thì anh sẽ làm gì?

- Đưa cô ấy tới rạp xiếc, - tôi đáp.

- Thật à?

- Không, dĩ nhiên là không, - tôi nói. —
Đùa thôi mà. Chắc là chuyện ấy chẳng
làm anh bận tâm lắm đâu.

- Cho dù con cái anh có thể dừng bị do
di truyền?

Tôi nghĩ một chút rồi mới trả lời.

- Không, thực tình anh nghĩ là sẽ không
bận tâm về chuyện đó mà. Thừa một
ngón tay thì đã sao?

- Thế nếu cô ấy có bốn vú?

Tôi lại phải nghĩ một hồi.

- Anh không biết.

Bốn vú? Cứ cái đà này thì nói mãi không
hết. Tôi quyết định chuyển đề tài.

- Em bao nhiêu tuổi?

- Mười sáu. Mới đây thôi là sinh nhật tròn mười sáu của em đây. Em vừa lên năm đầu trung học đệ nhị cấp.

- Em nghỉ học lâu chưa?

- Nếu em đi nhiều thì chân vẫn đau. Em lại còn bị vết xước gần mắt nữa. Trường em họ nhiều sự lăm. Người ta mà biết em bị ngã xe máy thì sẽ bàn tán vào chẳng thiếu chuyện gì. Thành thử em nghỉ ốm. Em được nghỉ trọn một năm nhé. Chẳng việc gì phải vội lên lớp cả.

- Ủ thì thế.

- Thì thế là sao? Vừa rồi anh bảo là cô gái có sáu ngón thì anh vẫn lấy, nhưng có bốn vú thì không...

- Anh không nói vậy. Anh chỉ bảo là anh

không biết.

- Anh không biết gì nào?

- Anh không biết – ý anh là khó tưởng tượng được chuyện ấy.

- Một cô gái có sáu ngón tay thì anh hình dung được chứ?

- Chắc là được.

- Thế sao bốn vú thì lại không? Có gì khác nhau nào?

Tôi lại phải nghĩ thêm một hồi nữa, nhưng vẫn không tìm ra câu trả lời.

- Em hỏi nhiều quá phải không?

- Người ta bảo em vậy à?

- Thỉnh thoảng.

Tôi lại quay về phía lối mèo đi. Tôi đang làm cái quái gì ở đây vậy?

Tự nãy đến giờ chẳng có con mèo nào lộ mặt. Tay vẫn khoanh trước ngực, tôi nhắm mắt lại chừng ba mươi giây. Tôi nghe mồ hôi túa ra khắp mình khắp mẩy. Ánh mặt trời đổ lên tôi với một sức nặng kỳ lạ. Mỗi khi cô gái di chuyển cốc Coca, những mẩu nước đá lại kêu lanh canh như cái lục lạc buộc cổ bò.

- Nếu anh buồn ngủ thì ngủ đi, - cô thì thầm. – Con mèo xuất hiện em sẽ gọi anh.

Mắt vẫn nhắm, tôi lẳng lặng gật đầu.

Trời đứng gió, xung quanh lặng ngắt như tờ. Con bò câu đã bay mất tự đời nào.

Tôi nghĩ mãi về người đàn bà gọi điện thoại. Mình có biết cô ta không nhỉ?

Hoàn toàn chẳng có gì quen thuộc trong

giọng nói hay cung cách ăn nói của cô ta. Nhưng nhất định là cô ta biết tôi. Tôi có cảm giác mình đang nhìn vào một bức tranh của de Chirico(2): cái bóng dài thậm thụt của người đàn bà cắt qua một con phố vắng mà vươn về phía tôi. Một cái chuông cứ kêu leng keng không ngừng bên tai tôi.

- Anh ngủ à? – cô gái hỏi bằng giọng khẽ đến nỗi tôi không chắc mình nghe ra.

- Không, anh có ngủ đâu.

- Em xích lại gần một chút được không? Nói khẽ thì... dễ chịu hơn.

- Anh sao cũng được, - tôi nói, mắt vẫn nhắm.

Cô ta dịch ghế lại gần cho đến khi chạm vào ghế tôi làm phát ra tiếng gỗ khô

khôc.

Thật lạ, giọng cô bé khi mình mở mắt thì nghe thế này, khi nhắm mắt thì lại nghe khác hẳn.

- Em nói chuyện được không? Em sẽ nói thật khẽ và anh không phải trả lời đâu.

Thậm chí anh ngủ luôn cũng được.

- Ừ, - tôi nói.

- Khi người ta chết thì tuyệt lắm nhỉ.

Lúc này miệng cô bé kề bên tai tôi, nên những lời cô nói xuyên thẳng vào tôi cùng với hơi thở ấm áp, ẩm ướt.

- Sao lại thế?

Cô đặt một ngón tay lên môi tôi như thể niêm kín lại.

- Không hỏi gì cả, cũng không mở mắt. Được chứ?

Cái gật đầu của tôi cũng khẽ như giọng nói của cô.

Cô nhắc ngón tay khỏi môi tôi và đặt lên cổ tay tôi.

- Em ước gì có con dao mổ. Em sẽ rạch chỗ này ra mà nhìn vào trong. Không phải nhìn thịt của người chết đâu... mà nhìn vào cái chết. Em tin là có cái gì đó giống như cái chết. Nó tròn tròn, nhun nhũn giống như quả bóng mềm có cái lõi cứng bằng những sợi thần kinh chết. Em muốn lôi nó ra khỏi cơ thể người chết rồi rạch nó ra mà nhìn vào trong. Em luôn luôn tự hỏi nó giống cái gì. Cũng có thể nó cứng ngắc, như kem đánh răng bị khô trong ống vậy. Anh nghĩ sao? Không, đừng trả lời. Bên ngoài nó mềm nhũn,

càng vào trong lại càng rắn. Em muốn rạch da để lộ cái cục mềm mềm như nhũn đó ra, dùng dao mổ và một dụng cụ kiểu như cái đèn lưỡi để lặn vào trong, càng vào trong thì cục mềm nhũn đó lại càng rắn, cho đến khi gặp cái lõi nhỏ xíu kia. Nó bé tí, như hòn bi trong ổ bi ấy, và rất là cứng. Hẳn là vậy phải không? Cô hắng giọng mấy lần.

- Mấy hôm nay em cứ nghĩ mãi chuyện ấy. Có lẽ vì ngày nào em cũng có quá nhiều thời gian rảnh. Mỗi khi không có việc gì làm, ý nghĩ của mình đi xa, rất xa, xa đến nỗi mình không theo kịp ấy. Cô nhắc ngón tay khỏi cổ tay tôi và uống nốt chỗ Coca còn lại. Nghe tiếng những mẩu nước đá, tôi biết cái cốc giờ đã

rỗng.

- Đừng lo chuyện con mèo, em sẽ canh cho. Nếu thấy Wataya Noboru, em sẽ báo cho anh ngay. Anh cứ nhắm mắt. Em tin chắc Wataya Noboru chỉ quanh quẩn đâu đây thôi. Nó có thể ló mặt ra bất cứ lúc nào. Wataya Noboru đang đến đây. Em biết là nó đang đến – nó len qua bão cỏ, luôn dưới hàng rào, dừng lại nửa đường để ngửi những bông hoa. Càng lúc càng gần, Wataya Noboru, từng bước từng bước một. Hãy hình dung cảnh đó, đưa hình ảnh đó vào trong tâm trí anh. Tôi cố mừng tượng ra con mèo, nhưng cố lắm cũng chỉ thấy một hình ảnh mờ mờ như bức ảnh bị thiếu ánh sáng. Ánh nắng xuyên qua mí mắt tôi làm chao đảo

và tán xạ cái bóng tôi bên trong tôi, khiến tôi không thể vẽ nên một hình ảnh chính xác về con mèo. Thay vào đó tôi chỉ nặn ra được một bức chân dung tôi, một bức tranh méo mó, thiếu tự nhiên, có vài nét hao hao giống nguyên bản song phần quan trọng nhất thì lại thiếu vắng. Thậm chí tôi không nhớ nổi dáng đi của con mèo ra sao nữa.

Cô gái lại đặt ngón tay lên cổ tay tôi, dùng đầu ngón tay vẽ một thứ ký hiệu lạ lùng nào đó. Như thể đáp lại, một thứ bóng tối khác – khác về chất so với bóng tối mà tôi cảm thấy nãy giờ - bắt đầu xâm nhập vào ý thức tôi. Có lẽ tôi đã thiếp đi. Tôi không muốn điều đó xảy ra, nhưng không cách nào cưỡng lại được.

Cơ thể tôi như cái xác chết – xác chết của một ai khác – đang chìm sâu vào chiếc ghế xếp bằng vải bạt.

Trong bóng tối, tôi thấy bốn cái chân của Wtaya Noburu, bốn cái chân tĩnh lặng màu nâu bên trên bốn bàn chân với những cái núm chân mềm như bằng cao su, những cái chân đang giẫm lên đầu đó mặt đất tĩnh không một tiếng động.

Nhưng ở đâu?

“Chỉ cần mười phút thôi”, người đàn bà trên điện thoại đã nói thế. Không, cô ta lắm. Đôi khi mười phút không phải là mười phút. Nó có thể giãn ra co lại. Điều đó thì tôi biết rõ.

Khi thức dậy tôi chỉ có một mình. Cô gái đã biến mất, ghế xếp của cô vẫn kê sát

vào ghế tôi. Chiếc khăn tắm, hộp thuốc lá và cuốn tạp chí vẫn nằm đấy, nhưng cốc và máy nghe nhạc thì không còn đó nữa. Mặt trời đã bắt đầu lặn về phía Tây, bóng một cây sồi vắt ngang qua ngang đầu gối tôi. Đồng hồ của tôi chỉ 4 giờ 15. Tôi ngồi dậy nhìn quanh. Bãi cỏ rộng, cái hồ cạn, hàng rào, con chim bằng đá, cây xiêm gai vàng, cần ăngten tivi. Vẫn không thấy bóng dáng con mèo. Hay cô gái.

Vẫn ngồi trên ghế, tôi đưa mắt nhìn lối mèo đi, chờ cô gái quay lại. Mười phút trôi qua, nhưng cả mèo và cô gái vẫn biệt tăm. Chẳng có gì động đậy. Tôi cảm thấy như trong khi ngủ mình đã già khom đi.

Tôi đứng dậy đi về phía căn nhà, nơi không có dấu hiệu sự sống. Kính cửa sổ phản chiếu ánh hoàng hôn. Tôi đành không đợi nữa, băng qua bãi cỏ về nhà. Vẫn chưa tìm thấy con mèo, nhưng tôi đã cố hết sức rồi.

* * *

Ở nhà, tôi thu quần áo phơi vào rồi chuẩn bị một bữa tối đơn giản. Điện thoại reo mười hai lần lúc 5 giờ 30, song tôi không trả lời. Ngay cả khi điện thoại đã ngừng reo, tiếng chuông vẫn còn treo trong bóng tối đang sẫm dần của căn phòng như những hạt bụi lơ lửng trong không khí. Bằng những cây kim có đầu mút cứng, đồng hồ để bàn gõ nhịp đều đều lên một chiếc bảng trong suốt trôi

trong không trung.

Tại sao không viết một bài thơ về con chim vặn dây cót nhĩ? Ý nghĩ này làm tôi như sực tỉnh, song chẳng làm cách nào cho dòng đầu tiên nảy ra trong đầu được. Nhưng liệu các cô nữ sinh có thích một bài thơ viết về con chim vặn dây cót không?

* * *

Kumiko về nhà lúc 7 giờ 30 tối. Tháng rồi nàng ngày càng đi làm về muộn. Chẳng hiếm khi nàng về sau 8 giờ, thậm chí đôi khi sau 10 giờ. Nay thì đã có tôi ở nhà nấu ăn nên nàng chẳng phải vội về nhà nữa. Nàng bảo tòa soạn neo người quá, với lại gần đây một trong các đồng nghiệp của nàng xin nghỉ ốm.

- Xin lỗi nhé, - nàng nói. – Việc nhiều quá, mà con bé làm bán thời gian thì chả được tích sự gì.

Tôi xuống bếp nấu nướng: cá xốt bơ, xà lách, súp miso(3). Kumiko ngồi vào bàn bếp, làm động tác đuổi người.

- Lúc 5 rưỡi anh đi đâu? – nàng hỏi. – Em điện về báo là về muộn mà.

- Hết bơ, anh ra cửa hiệu mua. – tôi nói dối.

- Anh có ra ngân hàng không?

- Có.

- Còn con mèo?

- Không tìm thấy. Anh có đến chỗ căn nhà không người ở như em dặn, nhưng không có nó ở đó. Anh đánh cuộc là nó đã đi xa hơn nhiều.

Nàng chẳng nói gì.

Sau bữa tối, khi tôi tắm xong, Kumiko đang ngồi trong phòng khách, không mở đèn. Ngồi thu lu trong bóng tối, mặc áo sơ mi màu xám, nàng trông như một chiếc vali đặt không đúng chỗ.

Tôi vừa lau tóc bằng khăn tắm vừa ngồi xuống ghế sofa đối diện Kumiko.

Bằng giọng khẽ đến nỗi khó khăn lắm tôi mới nghe ra, nàng nói: Em chắc là con mèo chết rồi.

- Nào, đừng ngốc thế, - tôi đáp. — Anh chắc là nó đang tung tăng vui vẻ đâu đó thôi. Khi nào đói thì nó sẽ mò về.

Chuyện đó xảy ra một lần rồi, em nhớ chứ? Hồi mình sống ở Koenji(4) ấy...

- Lần này khác, - nàng nói. — Lần này thì

anh lắm. Em biết. Con mèo chết rồi. Nó đang thối rửa trong một bãi cỏ ở đâu đó. Anh có tìm trên bãi có quanh căn nhà không có người ở không?

- Không. Nhà không có người ở nhưng vẫn là nhà có chủ. Anh đâu có tự tiện xông vào được.

- Thế thì anh tìm ở đâu chứ? Em dám cá là anh không hề tìm thử. Chính vì vậy mà anh không tìm ra.

Tôi thở dài, lại lau tóc bằng chiếc khăn tắm. Tôi đã toan nói, nhưng lại thôi khi nhận thấy Kumiko khóc. Dễ hiểu thôi, nàng rất thương con mèo. Nó đã ở cùng chúng tôi ngay từ sau đám cưới. Tôi ném khăn tắm vào chiếc giỏ đựng đồ ướn trong buồng tắm rồi xuống bếp lấy một

lon bia lạnh. Hôm nay thật là một ngày ngu ngốc. Một ngày ngu ngốc trong một tháng ngu ngốc của một năm ngu ngốc.

Wataya Noburu, mày ở đâu? Lẽ nào con chim vặn dây cót đã quên vặn dây cót cho mày?

Mấy câu này nảy ra trong đầu tôi như những dòng thơ.

Wataya Noburu

Mày ở đâu?

Lẽ nào con chim vặn dây cót

Đã quên vặn dây cót cho mày?

Tôi đang uống dở lon bia thì điện thoại lại reo.

- Em nghe máy nhé? – tôi thét vào bóng tối trong phòng khách

- Không, - Kumiko đáp. – Anh đi mà nghe.

- Anh không muốn.

Điện thoại vẫn reo, khuấy động những hạt bụi lơ lửng trong bóng tối. Không ai nói một lời. Tôi uống bia, còn Kumiko tiếp tục khóc lặng lẽ. Tôi đếm được hai mươi hồi chuông thì chịu thua. Đêm mãi cũng chẳng có ý nghĩa gì.

1. Tiếng Anh: goldelrod, một loại cây cao có hoa vàng, nở hoa vào cuối mùa hè, có nguồn gốc từ châu u và Bắc Mỹ - ND.

2. Giorgio de Chirico (1888-1978): họa sĩ và điêu khắc gia Ý, một trong những đại diện xuất sắc nhất của trường phái

siêu thực.

3. Miso: một loại tương đặc nổi tiếng trong truyền thống ẩm thực Nhật Bản, làm chủ yếu bằng đậu tương, ngoài ra còn bằng một số loại ngũ cốc khác.

Được dùng làm súp miso và nguyên liệu cho nhiều món ăn Nhật Bản - ND.

4. Một quận ở Tokyo.

2

Trăng tròn và nhật thực



Về những con ngựa chết trong chuồng
Nói cho cùng, liệu người ta có hoàn toàn
hiểu nhau không?

Chúng ta có thể đầu tư rất nhiều thời gian
và công sức hòng hiểu được người khác,
nhưng rốt cục chúng ta tiếp cận được tới
đâu cái bản chất xấu xa của con người
đó? Ta tự thuyết phục mình rằng ta biết
rất rõ người kia, nhưng liệu ta có biết
được điều gì hệ trọng về một ai đó
không?

Tôi bắt đầu suy ngẫm những chuyện như

vậy một cách nghiêm túc từ khoảng sau khi thôi việc ở công ty luật. Trước đó – suốt khoảng thời gian trước đó của tôi – tôi chưa bao giờ vật lộn với những câu hỏi như thế này. Tại sao nhỉ? Có lẽ vì đối với tôi, nội việc sống thôi, đã đủ lắm rồi. Đơn giản là tôi quá bận bịu nghĩ về bản thân mình.

Một sự kiện vặt vãnh đã là cú huých để tôi biết suy ngẫm, nhưng ở đời hầu hết những chuyện hệ trọng nhất đều bắt đầu từ những điều nhỏ nhặt. Có một buổi sáng nọ, sau khi Kumiko nuốt vôi cho xong bữa sáng để đi làm, tôi ném quần áo bẩn vào máy giặt, dọn giường, rửa bát và hút bụi sàn nhà. Sau đó, có con mèo bên cạnh, tôi ra ngoài hiên ngồi đọc các

mục quảng cáo tuyển người và rao vặt mua bán. Đến trưa tôi ăn trưa rồi ra siêu thị. Ở đó tôi mua thức ăn dành cho buổi tối rồi mua thuốc tẩy rửa, khăn giấy và giấy vệ sinh ở quầy giảm giá. Lại về nhà, sửa soạn bữa tối rồi nằm xuống ghế sofa đọc sách chờ Kumiko về.

Tôi vừa mới thất nghiệp nên cảm thấy sống kiểu này thật thoải mái. Không còn phải tất tả đi làm trên những toa xe điện ngầm lèn cứng như cá hộp, không còn phải gặp những người tôi không muốn gặp. Và hơn hết, tôi có thể đọc bất cứ cuốn sách nào mình thích, bất cứ lúc nào mình muốn. Tôi chả biết cái lối sống phong lưu này sẽ tiếp diễn bao lâu, nhưng ít nhất là lúc này, mới sau một

tuần, tôi vẫn còn đang thích thú và cố không nghĩ đến tương lai. Đây là kì nghỉ hè lớn của đời tôi. Sẽ đến lúc nó chấm dứt, nhưng từ giờ tới đó tôi quyết tâm tận hưởng an nhàn.

Dù vậy, tối hôm đó tôi không thể đắm mình vào thú vui đọc sách vì Kumiko về muộn. Nàng không bao giờ về muộn quá sáu rưỡi, và nếu cho rằng mình sẽ về muộn dù chỉ mười phút, nàng luôn báo cho tôi biết. Nhưng hôm đó là ngoại lệ. Mãi sau 7 giờ nàng vẫn chưa về, mà cũng không gọi điện. Thịt và rau đã sẵn sàng, chỉ đợi nàng về là tôi sẽ nấu ngay. Chẳng phải tôi định bày vẽ thịnh soạn gì: tôi sẽ chỉ xào mấy lát thịt bò, hành tây, ớt xanh, giá đỗ, thêm ít muối, tiêu, nước

tương và một chút bia, đó là món tôi học được từ hồi còn độc thân. Cơm đã chín, xúp miso đang nóng, rau đã thái, xếp gọn từng chồng trên một cái đĩa to, sẵn sàng cho vào chảo. Chỉ còn thiếu mỗi Kumiko. Tôi khá đói nên đã nghĩ đến chuyện tự nấu phần mình rồi ăn trước, nhưng lại thôi. Làm vậy hình như không phải lắm.

Tôi ngồi ở bàn bếp, vừa nháp bia vừa nhai vài cái bánh quy xôđa nhão nhoét tìm được sau tủ bếp. Kim chỉ giờ của đồng hồ nhích tới vị trí bảy giờ rưỡi rồi chậm chậm bò qua.

Mãi sau 9 giờ Kumiko mới về. Nàng có vẻ mệt bã người. Mắt nàng đỏ ngầu, sưng húp: dấu hiệu không tốt. Mỗi khi mắt

nàng đỏ là y như rằng có chuyện không hay.

- Được rồi, - tôi tự nhủ. - Cứ bình thản, đừng nói gì thừa, hãy tự nhiên, hãy làm như không có gì xảy ra. Đừng nổi nóng.

- Em xin lỗi, -Kumiko nói. – Cái công việc này thật chẳng ra sao cả. Em đã định gọi cho anh, nhưng chẳng lúc nào bỏ ra được.

- Không sao, chuyện vặt ấy mà. Đừng áy náy gì cả, - tôi cố nói bằng giọng càng bình thường càng tốt. Mà thật, tôi cũng chẳng thấy khó chịu gì cho lắm. Chuyện ấy từng xảy ra với tôi hàng bao nhiêu lần. Đi làm đâu có phải là việc nhẹ nhàng gì, đâu có phải an nhàn dễ chịu như ngắt đóa hoa hồng đẹp nhất trong

vườn để tặng người bà bị ốm sống cách hai khu phố và nán lại suốt ngày ở bên bà. Hễ đã đi làm, đôi khi ta phải làm những việc tẻ ngắt, phải gặp những người khó chịu, đã thế lại chẳng rảnh phút nào để gọi về nhà. Ba mươi giây là đủ để nói: “Hôm nay anh về muộn”, điện thoại thì đâu cũng có, thế mà vẫn không sao gọi được.

Tôi bắt đầu nấu nướng: bật bếp gas lên, rót dầu vào chảo. Kumiko lấy một chai bia trong tủ lạnh và một cái cốc trong chạn, nhìn qua những thứ tôi sắp nấu rồi lẳng lẳng ngồi xuống bàn bếp. Xem vẻ mặt thì biết nàng uống bia mà chẳng thấy ngon lành gì.

- Đáng lẽ anh cứ ăn, đừng đợi em, - nàng

nói.

- Chẳng sao cả. Anh cũng không đói lắm.

Trong khi tôi xào thịt và rau, Kumiko đi tắm. Tôi nghe tiếng nàng rửa mặt và đánh răng. Lát sau nàng ra khỏi buồng tắm, tay cầm cái gì đó. Ấy là giấy vệ sinh và khăn giấy tôi mua ở siêu thị.

- Anh mua cái thứ này làm gì? – nàng hỏi, giọng mệt mỏi.

Tay cầm chảo, tôi nhìn nàng. Rồi tôi nhìn xuống hộp khăn giấy và cuộn giấy vệ sinh. Tôi không hiểu nàng muốn nói gì.

- Ý em là sao? Thì khăn giấy và giấy vệ sinh thôi mà. Mình cần chứ. Thật ra mấy thứ này ở nhà vẫn còn, nhưng có mua thêm thì để lâu một chút chúng cũng có mục ra đâu.

- Dĩ nhiên là không. Nhưng việc gì anh phải mua khăn giấy màu xanh dương và giấy vệ sinh in hoa?

- Anh không hiểu, - tôi nói, cổ trần tĩnh. -
Mấy thứ này bán hạ giá. Khăn giấy xanh có làm mũi em xanh lè ra đâu. Có gì to tát cơ chứ?

- Có. Em ghét khăn giấy xanh và giấy vệ sinh in hoa. Anh không biết à?

- Không, anh không biết. - tôi nói. - Sao em lại ghét?

- Làm sao em biết được tại sao em ghét? Em không chịu được, có thể thôi. Anh thì ghét khăn phủ điện thoại, ghét mấy cái chai giữ nhiệt có trang trí hoa, ghét quần bò rách te tua có cúc bấm, ghét em làm móng tay. Anh cũng có nói được tại sao

đâu. Đó là ý thích của mỗi người.

Thực ra tôi có thể giải thích lý do tất cả những chuyện nàng vừa kể nhưng dĩ nhiên tôi chẳng giải thích gì.

- Thôi được, - tôi nói. - Cứ cho đó là ý thích mỗi người. Nhưng liệu em có thể bảo anh rằng suốt sáu năm kể từ ngày mình lấy nhau chưa một lần nào em mua khăn giấy màu xanh hay giấy vệ sinh có in hoa không?

- Không bao giờ. Không một lần nào.

- Thật chứ?

- Thật. Khăn giấy của em chỉ màu trắng, vàng hay hồng thôi. Và em không bao giờ mua giấy vệ sinh có vẽ này vẽ nọ. Em thật sự bị sốc vì anh đã sống với em suốt thời gian qua mà lại không biết chuyện

ấy.

Bản thân tôi cũng bị sốc khi nhận ra rằng suốt sáu năm qua tôi chưa một lần nào dùng khăn giấy màu xanh hay giấy vệ sinh có vẽ hình.

- Và hễ đã nói thì để em nói nốt, - nàng tiếp. - Em ghét cay ghét đắng món thịt bò rán với ớt xanh. Chuyện ấy anh không biết à?

- Không, anh không biết. - tôi đáp.

- Phải, em ghét cay ghét đắng. Anh cũng đừng hỏi tại sao. Đơn giản là em không chịu nổi mùi của hai thứ nấu trong cùng một chảo.

- Em muốn nói là suốt sáu năm qua chưa một lần nào em nấu thịt bò với ớt xanh? Nàng lắc đầu. - Ớt xanh làm rau trộn thì

em ăn. Em rán thịt bò với hành. Nhưng em chưa bao giờ nấu thịt bò chung với ớt xanh cả.

Tôi thở dài.

- Anh chả bao giờ thấy chuyện đó là lạ sao? – nàng hỏi.

- Thấy lạ á? Anh chưa bao giờ nhận ra điều đó, - tôi vừa nói vừa ngẫm nghĩ một chút: chẳng lẽ suốt từ khi lấy vợ tôi chưa bao giờ ăn món nào vừa có thịt bò vừa có ớt xanh. Dĩ nhiên là tôi không nhớ nổi.

- Anh sống với em gần ấy năm nhưng có mấy khi quan tâm tới em. Anh chỉ quan tâm tới bản thân mình thôi.

- Khoan đã nào, - tôi vừa nói vừa tắt bếp và đặt chảo lên mặt bếp. – Mình không

nên lạc đề. Có thể em nói đúng. Có thể anh đã không quan tâm đầy đủ tới những chuyện như khăn giấy hay giấy vệ sinh hay thịt bò và ớt xanh. Nhưng điều đó không có nghĩa là anh chẳng quan tâm gì đến em. Anh cóc cần biết khăn giấy anh dùng có màu gì. Nếu màu đen thì, ờ, chắc cũng hơi rợn một tí, nhưng trắng hay xanh... với anh có khác gì nhau đâu. Thịt bò với ớt xanh cũng vậy. Nấu riêng, nấu chung, việc gì tới anh chứ? Món thịt bò xào với ớt xanh có hoàn toàn biến khỏi trái đất này thì anh cũng chẳng quan tâm. Nó chẳng liên quan gì đến em, đến những gì là tinh túy của em. Anh nói thế không đúng sao?

Thay vì trả lời, nàng nốc hai ngụm hế

cốc bia rồi nhìn chăm chăm vào cái chai rỗng.

Tôi trút các thứ trong chảo vào thùng rác. Này thì thịt bò, này thì ớt xanh, hành tây, giá đỗ. Lạ thật: mới đây là đồ ăn, nhaoáng cái đã thành rác. Tôi mở một chai bia rồi nốc từ cổ chai.

- Sao anh làm vậy?

- Em ghét món này lắm mà.

- Nhưng lẽ ra anh có thể ăn chứ.

- Tự nhiên anh không thích thịt bò xào ớt xanh nữa.

- Tùy anh thôi, - nàng nhún vai.

Nàng khoanh hai tay lên bàn rồi úp mặt vào, ngồi như vậy một hồi lâu. Rõ là nàng không khóc cũng chẳng ngủ. Tôi nhìn cái chảo rỗng trên bếp, nhìn Kumiko

rồi nốc cạn cốc bia. Điên rồ quá. Việc gì phải âm ỉ về chuyện khăn giấy, giấy vệ sinh và ớt xanh cơ chứ?

Tôi lại gần vợ, đặt tay lên vai nàng.

- Thôi được, - tôi nói. - Anh hiểu rồi.

Anh sẽ không bao giờ mua khăn giấy xanh hay giấy vệ sinh in hoa nữa. Mai anh sẽ mang trả lại siêu thị và đổi hàng khác. Nếu họ không chịu đổi, anh sẽ đốt ở ngoài sân. Anh sẽ ném tro xuống biển. Cũng sẽ không bao giờ có món thịt bò và ớt xanh nữa. Không bao giờ nữa. Chẳng mấy chốc mùi cũng sẽ bay đi, và chúng mình cũng sẽ không bao giờ nghĩ tới chuyện này nữa. Đồng ý nhé?

Nhưng nàng vẫn chẳng nói gì. Tôi ước gì có thể ra ngoài đi dạo chừng một giờ, trở

về thì thấy nàng đã vui vẻ lại, nhưng tôi biết chuyện đó sẽ không xảy ra đâu. Tôi phải tự giải quyết chuyện này thôi.

- Nghe này, em mệt rồi, - tôi nói. - Nghỉ một chút đi, rồi chúng mình đi đâu đó ăn pizza. Lần cuối mình ăn pizza là khi nào nhỉ? Ăn với cá tròng và hành. Mình sẽ gọi một suất chia đôi. Lâu lâu tự cho phép mình ra ngoài ăn hàng một lần thì cũng có sao đâu.

Vẫn không ăn thua. Nàng vẫn gục mặt xuống hai cánh tay.

Tôi chẳng biết nói gì nữa. Tôi ngồi xuống nhìn nàng từ phía bên kia bàn. Một tai nàng lộ ra qua mái tóc đen cắt ngắn. Nó có đeo một chiếc hoa tai mà tôi chưa bao giờ thấy, một cái hoa tai nhỏ bằng

vàng hình con cá. Nàng mua ở đâu ra cái của này vậy? Tôi muốn hút thuốc. Tôi hình dung mình rút gói thuốc và bật lửa ra khỏi túi quần, lấy một điếu đút vào mồm, châm lửa. Tôi hít vào một hơi đầy phổi và đột nhiên cảm thấy cái mùi gắt của thịt bò xào rau. Tôi đói cồn cào cả ruột gan.

Mắt tôi bắt gặp tấm lịch trên tường. Tấm lịch này cho biết các tuần trăng. Sắp đến tuần trăng tròn. Ừ thì dĩ nhiên: sắp đến kỳ kinh nguyệt của Kumiko.

Chỉ từ khi thành người có vợ tôi mới thật sự ngộ ra rằng mình là một công dân của Trái đất, hành tinh thứ ba trong hệ mặt trời. Tôi sống trên trái đất, trái đất quay quanh mặt trời, và quay quanh trái đất là

mặt trăng. Dù ta có muốn hay không, điều đó sẽ tiếp diễn vĩnh viễn (hay ít nhất là cái gọi là vĩnh viễn khi so sánh với cuộc đời tôi). Điều đã khiến tôi đâm ra nhìn sự vật theo cách đó chính là chu kỳ kinh nguyệt tuyệt đối chính xác của vợ tôi, hai mươi chín ngày, lại trùng khớp hoàn toàn với chu kỳ trăng khuyết trăng tròn. Những ngày có kinh của Kumiko luôn thật khổ sở. Từ mấy ngày trước đó nàng đã trở nên bất an, thậm chí trầm uất. Vì vậy chu kỳ của nàng cũng trở thành chu kỳ của tôi, mặc dù nó chỉ liên quan với tôi một cách gián tiếp. Tôi phải cẩn thận không gây những phiền phức không cần thiết vào những ngày đó trong mỗi tháng. Trước khi chúng tôi lấy nhau, tôi chả mấy khi nhận thấy chu kỳ của mặt trăng.

Nó có thể lọt vào mắt tôi khi tôi nhìn lên bầu trời, nhưng tôi không hề bận tâm đến hình dạng của nó vào lúc này hay lúc khác. Nay thì tôi luôn luôn để ý theo dõi hình dáng của mặt trăng.

Tôi từng gần gũi vài phụ nữ trước khi gặp Kumiko, dĩ nhiên mỗi người đều có kỳ kinh nguyệt riêng. Ở vài người kỳ kinh nguyệt diễn ra rất nhọc nhằn, vài người khác thì nhẹ không, có người chỉ ba ngày là xong, người khác phải một tuần; có người đều đặn, có người lại muộn những 10 ngày khiến tôi sợ chết khiếp; người này khi có kinh thì đâm bản tính, người khác hầu như không bị ảnh hưởng gì. Tuy nhiên, trước khi cưới Kumiko, tôi chưa hề sống với một phụ nữ nào. Cho tới khi

đó, vòng tuần hoàn của tự nhiên đối với tôi chỉ có nghĩa là bốn mùa thay đổi.

Mùa đông tôi mặc áo khoác, mùa hè tôi đi dép lê. Từ khi lấy vợ, tôi không chỉ có một người chung sống mà còn có thêm một ý niệm mới về tính tuần hoàn: chu kỳ của mặt trăng. Chỉ có một lần nàng bị rối loạn kinh nguyệt trong vòng vài tháng; đó là khi nàng có thai.

- Em xin lỗi, - nàng ngẩng lên nói. – Em không có ý trút hết mọi chuyện lên đầu anh. Em mệt quá, với lại tâm trạng không thoải mái.

- Không sao đâu, - tôi nói. – Đừng nghĩ ngợi gì cả. Mỗi khi mệt mỏi thì cũng nên xả vào một ai đó. Rồi em sẽ thấy dễ chịu hơn.

Kumiko chậm chậm hít vào một hơi dài, nén lại một lát rồi thở ra.

- Còn anh thì sao? – nàng hỏi.

- Thì sao là thế nào?

- Mỗi khi anh mệt, anh chẳng bao giờ xả vào ai cả. Còn em thì có, tại sao vậy?

- Anh chẳng bao giờ nhận ra điều ấy, - tôi lắc đầu. – Lạ thật.

- Chắc là bên trong anh có một cái giếng sâu, anh hét xuống giếng: “Nhà vua có tai lừa !”, thế là mọi chuyện ổn cả.

Tôi nghĩ một chút.

- Có thể, - tôi đáp.

Kumiko lại nhìn cái chai rỗng. Nàng nhìn chăm chăm vào nhãn chai, sau đó nhìn cổ chai, rồi xoay xoay cổ chai trong mấy

ngón tay.

- Em xấp có kinh, - nàng nói. – Có lẽ vì vậy mà em khó chịu.

- Anh biết. Đừng lo nghĩ về chuyện đó. Em không phải là kẻ duy nhất đâu. Hàng lô ngựa cũng chết vào đêm trăng tròn đầy.

Nàng nhắc tay khỏi chai, há hốc mồm nhìn tôi.

- Này, sao tự dưng anh lôi chuyện ngựa nghèo gì đó ra đây thế?

- Hôm nọ anh đọc trong báo mà. Anh đã định kể cho em nghe nhưng quên mất. Đây là bài phỏng vấn một bác sỹ thú y. Hóa ra, ngựa là loài bị ảnh hưởng ghê gớm bởi chu kỳ của mặt trăng, cả về thể chất lẫn tâm lý. Mỗi khi sắp đến kỳ trăng

tròn, dao động não của chúng trở nên tán loạn, chúng lại còn bị đủ thứ triệu chứng khó ở. Thế rồi, vào đúng đêm trăng tròn, nhiều con ngã bệnh, nhiều con nữa lăn ra chết. Không ai biết vì sao, nhưng số liệu thống kê chứng minh là chuyện đó có. Vào các đêm trăng tròn, bác sỹ thú ý chẳng có thì giờ đâu mà ngủ vì nhiều việc quá.

- Thú vị nhỉ, - Kumiko nói.

- Nhưng nhật thực lại càng tệ hơn. Chẳng thiếu gì thảm kịch cho lũ ngựa. Em không thể hình dung số ngựa chết vào ngày nhật thực toàn phần đâu. Dù sao đi nữa, điều anh muốn nói là ngay lúc này đây, ngựa đang chết ở khắp nơi trên thế giới. So với chuyện đó thì chuyện em trút nỗi bực

đọc lên người khác chẳng có gì là ghê
gớm cả. Vì vậy đừng bận tâm làm gì.
Hãy nghĩ về lũ ngựa bất hạnh kia. Hãy
hình dung chúng nằm trên ổ rơm chuồng
ngựa dưới ánh trăng tròn, sùi bọt mép,
mồm ngáp ngáp trong cơn hấp hối.
Nàng có vẻ nghĩ ngợi một chút về những
con ngựa đang chết trong chuồng.

- Thôi được, - nàng nói với giọng
nhượng bộ. - Em phải thừa nhận là anh
có thể thuyết phục bất cứ ai về bất cứ
chuyện gì.

- Vậy em thay đồ đi, rồi mình đi ăn
pizza.

Đêm đó, nằm bên Kumiko trong căn
phòng ngủ tắt đèn, tôi nhìn lên trần nhà
và tự hỏi mình thực sự biết những gì về

người phụ nữ này. Đồng hồ chỉ 2 giờ sáng. Nàng đang ngủ say. Trong bóng tối, tôi nghĩ về những cái khăn giấy màu xanh dương và giấy vệ sinh in hoa, về thịt bò và ớt xanh. Tôi đã sống với nàng suốt thời gian qua mà không hề biết nàng ghét những thứ đó đến nhường nào. Tự thân chúng chẳng có gì quan trọng hết. Thật ngu xuẩn. Lẽ ra phải cười xòa rồi quên đi, đừng nên chuyện bé xé to. Toàn những điều vật vãnh, chỉ hai ba hôm là ta sẽ quên bống đi ngay.

Nhưng chuyện này thì khác. Có cái gì đó mới mẻ, không bình thường, nó làm tôi bứt rứt như một mẫu xương cá hóc trong cuống họng. Có thể - chỉ là có thể thôi - chuyện này quan trọng hơn tôi tưởng

nhieu. Hoàn toàn có thể là một cái gì đó thật nguy hại. Hay thậm chí đây chỉ mới là khởi đầu cho một cái gì đó thật sự nghiêm trọng và bi thảm. Có thể tôi đang đứng trước ngưỡng cửa một cái gì đó lớn lao mà trong đó là một thế giới chỉ thuộc về Kumiko thôi, một thế giới mệnh mông mà tôi chưa hề biết. Tôi thấy nó như một căn phòng rộng, tối tăm. Tôi đứng đó tay cầm một cái bật lửa, ngọn lửa bé tí của nó chỉ soi cho tôi thấy một phần rất nhỏ của căn phòng.

Liệu có thể nào tôi nhìn thấy phần còn lại không? Hay là cho đến già, đến khi xuống lỗ tôi vẫn chẳng bao giờ thực sự biết được vợ mình? Nếu quả thật đời tôi sẽ thế thì cái cuộc sống vợ chồng này có

ý nghĩa gì cơ chứ? Cuộc đời tôi có ý nghĩa gì nếu suốt đời tôi ngủ chung giường với một người đàn bà xa lạ vẫn hoàn xa lạ.

* * *

Đó là những gì mà suốt đêm đó tôi nghĩ miên man và sau đó tỉnh thoảng vẫn tiếp tục miên man nghĩ. Chỉ rất lâu sau tôi mới vỡ ra rằng mình đã tìm được đường đến tận cốt lõi của vấn đề.

3

Cái mũ của Malta Kano



Màu kem quả, Allen Ginsberg

và các hiệp sĩ Thập tự chinh

Tôi đang làm bữa trưa thì điện thoại reo.

Tôi vừa cắt hai lát bánh mì, phết bơ và mù tạc, kẹp mấy lát cà chua và pho mát vào giữa, đặt cả lên thớt và đang sắp sửa dùng dao cắt làm đôi thì chuông điện thoại vang lên.

Tôi để điện thoại reo ba tiếng rồi mới cắt chiếc sandwich làm đôi. Sau đó tôi đặt hai nửa bánh vào đĩa, lau sạch dao, đặt vào ngăn để dao, rồi rót một cốc cà

phê vừa mới đun.

Điện thoại vừa reo. Dễ đến mười lăm lần. Tôi chịu thua, đành ra nghe máy. Tôi chẳng thích trả lời, nhưng nhớ người gọi là Kumiko thì sao.

- Alô, - ở đầu dây bên kia là giọng một phụ nữ mà tôi chưa hề nghe. Không phải giọng Kumiko, cũng không phải giọng người đàn bà lạ đã gọi tôi hôm nọ khi tôi đang nấu dở món spaghetti. – Chẳng hay có phải tôi đang nói chuyện với ông Toru Okada không ạ? – giọng kia nói, như thể chủ nhân của nó đang đọc thành tiếng một văn bản đã soạn sẵn.

- Đúng rồi, - tôi đáp.

- Ông là chồng của Okada Kumiko phải không ạ?

- Đúng, Okada Kumoko là vợ tôi.

- Và anh trai của bà Okada là Wataya Noburu?

- Lại đúng nữa, - tôi nói, tỏ ra tự chủ đến đáng khâm phục. - Wataya Noburu là anh trai của vợ tôi.

- Thưa ông, tôi tên là Kano.

Tôi đợi cô ta nói tiếp. Việc cô ta bất ngờ nhắc tới anh trai của Kumiko khiến tôi phải cảnh giác. Tôi lấy cái đầu cùn của cây bút chì đặt cạnh điện thoại mà gãi sau cổ. Năm giây hay hơn thế trôi qua, người đàn bà im lặng. Hoàn toàn không có âm thanh gì phát ra từ ống nghe, như thể người đàn bà kia đã lấy khăn tay bịt ống nói để nói chuyện với người bên cạnh.

- Alô, - tôi nói, giờ đã hơi buồn chôn
- Xin ông thứ lỗi, - giọng nói lại bật lên.
- Trong trường hợp đó tôi xin phép được gọi lại ông sau.
- Nay, đợi đã, - tôi nói. – Đây là...

Ngay khi đó cô ta gác máy. Tôi nhìn cái ống nghe, rồi lại áp vào tai. Chẳng nghi ngờ gì nữa: người đàn bà đã gác máy. Cảm thấy bất mãn một cách mơ hồ, tôi trở lại bàn bếp uống cà phê, ăn bánh sandwich. Trước khi điện thoại reo tôi đang nghĩ về chuyện gì đó, nhưng giờ thì chịu không nhớ nổi là chuyện gì. Ban này khi cầm dao sắp sửa cắt bánh làm đôi, nhất định là tôi đang nghĩ về một điều gì đó. Một điều rất quan trọng. Một điều mà đã bao lâu nay tôi cố nhớ nhưng hoài

công. Nó đã nảy ra trong đầu tôi đúng vào khoảnh khắc tôi sắp cắt bánh làm đôi, nhưng giờ nó đã lại biến mất. Tôi vừa nhai sandwich vừa ra sức khơi lại điều đó, nhưng vô ích. Nó đã quay về vùng âm u trong ký ức tôi, nơi nó vẫn hằng nằm yên cho đến khoảnh khắc đó.

* * *

Tôi vừa ăn xong và đang rửa bát thì điện thoại lại reo. Lần này tôi nhấc máy ngay. Một lần nữa tôi lại nghe giọng nữ nói “Alô”, nhưng lần này là Kumiko.

- Anh sao rồi?, - nàng hỏi. – Ăn trưa chưa?

- Rồi. Em thì ăn gì?

- Chẳng ăn gì cả, - nàng đáp. – Bận túi bụi. Chắc em sẽ mua sandwich sau vậy.

Anh ăn gì?

Tôi mô tả cái sandwich của mình.

- Hiểu rồi, - nàng nói, không một chút ghen tị. – À, tiện thể, có chuyện này suýt nữa em quên bảo anh sáng nay. Hôm nay sẽ có một cô Kano nào đó gọi điện cho anh.

- Cô ta gọi rồi, - tôi nói. – Vừa gọi xong. Cô ta chỉ toàn kể tên nhà mình – tên anh, tên em, tên ông anh trai em. Chẳng nói cô ta muốn gì. Thế là thế nào vậy?

- Cô ta gác máy à?

- Bảo là sẽ gọi lại.

- Nghe này! Khi nào cô ta gọi lại, em muốn anh làm tất cả những gì cô ta bảo. Điều này thật sự quan trọng đấy. Em nghĩ là anh sẽ phải đi gặp cô ta.

- Khi nào? Hôm nay à?

- Thì đã sao? Anh đã có kế hoạch làm gì đó à? Anh sắp phải gặp ai sao?

- Không. Chẳng có kế hoạch nào hết. – Hôm qua không, hôm nay không, ngày mai không; hoàn toàn không có kế hoạch gì. – Nhưng cái nhà cô Kano này là ai? Cô ta muốn gì ở anh chứ? Anh muốn biết đôi điều trước khi cô ta gọi lại. Nhưng nếu đây là chuyện việc làm của anh mà lại dính dáng tới ông anh của em thì quên đi. Anh không muốn dây và anh ta. Em biết mà.

- Không, ở đây chẳng liên quan gì đến việc làm cả, - nàng nói, thoáng chút bực bội. – Là về con mèo.

- Con mèo?

- Xin lỗi, em phải chạy đi đây. Có người đang đợi em. Lẽ ra em không nên gọi điện cho anh vào giờ này. Em đã nói mà: thậm chí chẳng có lúc nào mà ăn nữa. Khi nào rồi em sẽ gọi lại ngay cho anh.

- Khoan đã nào, anh biết em rất bận, nhưng em phải giải thích một chút chứ, đừng làm anh rối tung lên chẳng hiểu đầu cua tai nheo gì cả. Mèo là thế nào? Cái cô Kano này là...

- Cô ta bảo anh làm gì thì anh cứ làm, nhé? Hiểu không nào? Chuyện này hệ trọng đây. Anh cứ ở nhà đợi cô ta gọi. Thôi em đi đây.

Nàng gác máy.

* * *

Khi điện thoại reo lúc 2 giờ rưỡi, tôi

đang ngủ trên sofa. Thoạt tiên tôi nghĩ là đồng hồ báo thức. Tôi với tay bấm nút tắt, nhưng đồng hồ không có đó. Tôi không nằm trên giường mà trên sofa, và bây giờ không phải buổi sáng mà là xế trưa. Tôi dậy đi ra chỗ điện thoại.

- Alô? – tôi nói.

- Alô, - một giọng nữ nói. Đó là người đã gọi lúc sáng. – Ông Okada Toru phải không ạ?

- Vâng, tôi đây, Okada Toru.

- Thưa ông, tên tôi là Kano, - cô ta nói.

- Cô vừa mới gọi đây phải không?

- Vâng. Tôi e rằng mình đã quá ư thất lễ. Nhưng thưa ông Okada, xin ông cho biết liệu chiều nay ông có rảnh không?

- Chắc là rảnh.

- Nếu vậy, tôi biết thế này quả thật là đường đột, nhưng liệu chúng ta có thể gặp nhau không?
- Khi nào? Hôm nay? Ngay bây giờ sao?
- Vâng.

Tôi nhìn đồng hồ. Thực ra thì chẳng cần nhìn – cách đây nửa phút tôi vừa nhìn đồng hồ xong – mà chỉ để cho chắc. Vẫn đang 2 giờ rưỡi.

- Có lâu không?
 - Chắc không lâu lắm đâu. Tuy nhiên tôi có thể lắm. Ngay lúc này tôi không thể nói hoàn toàn chính xác được. Xin ông thứ lỗi cho.
- Dù là thế nào đi nữa, tôi cũng không có cách nào khác. Kumiko đã bảo tôi phải làm theo lời người đàn bà này, bởi

chuyện rất hệ trọng. Một khi nàng đã nói là hệ trọng thì đúng là hệ trọng, và tốt nhất là tôi nên làm theo.

- Tôi hiểu, - tôi đáp. – Ta nên gặp nhau ở đâu?

- Chẳng hay ông có biết khách sạn Pacific bên cạnh ga Shinagawa không?

- Có.

- Có một tiệm cà phê ở tầng một. Tôi sẽ đợi ông ở đó lúc 4 giờ. Thế có tiện cho ông không ạ?

- Được, - tôi nói.

- Tôi ba mươi một tuổi, tôi sẽ đợi mũ bằng vải vinyl màu đỏ.

Thật lạ lùng. Có cái gì đó kì quặc trong cách nói năng của người đàn bà này, nó khiến tôi bối rối một lát. Nhưng tôi

không thể lý giải có gì khác thường trong lời lẽ của cô ta. Cũng chẳng có luật nào cấm phụ nữ ba mươi một tuổi đội nón vinyl màu đỏ cả.

- Tôi hiểu, tôi sẽ nhận ra cô.

- Thưa ông Okada, ông có thể vui lòng cho tôi biết ông có những nét bề ngoài nào nổi bật dễ nhận diện không?

Tôi cố nghĩ xem mình có thể có những “nét bề ngoài nổi bật” nào. Mình có không nhỉ?

- Tôi ba mươi tuổi. Tôi cao 1,72 mét, nặng 63 cân, tóc cắt ngắn, không đeo kính. – Trong khi liệt kê mấy nét trên, tôi nhận ra rằng vị tất đó là những đặc điểm bề ngoài dễ nhận diện. Có thể có tới năm chục người đàn ông như vậy trong quán

cà phê ở khách sạn Pacific. Tôi từng tới đó rồi, quán cà phê rộng mênh mông. Phải là nét gì nổi bật hơn thì cô ta mới nhận ra được. Nhưng tôi chẳng nghĩ được gì cả. Nói thế không có nghĩa là tôi chả có nét gì nổi bật. Tôi có một bản Sketchy of Spain của Mils Davis có chữ ký của tác giả. Tôi có nhịp tim rất chậm: bình thường bốn mươi bảy, khi nào lên cơn sốt cũng không quá bảy mươi. Tôi vừa thất nghiệp. Tôi thuộc tên tất cả các anh em nhà Karamazov. Nhưng chẳng có nét nào trong số đó là nét bên ngoài cả.

- Ông sẽ ăn mặc thế nào? — cô ta hỏi.

- Tôi không biết. Tôi chưa quyết định.
Chuyện này đột ngột quá.

- Thế thì xin ông hãy mang cà vạt chấm hạt đỗ, - cô ta nói với vẻ quyết đoán. - Liệu ông có chiếc cà vạt chấm hạt đỗ nào không?

- Chắc là có, - tôi nói. Tôi có một cái cà vạt xanh kiểu lính thủy có những hạt đỗ li ti màu kem. Đó là quà sinh nhật của Kumiko tặng tôi vài năm trước.

- Vậy xin ông hãy mang cái cà vạt ấy, - cô ta nói. - cảm ơn ông đã đồng ý gặp tôi lúc 4 giờ. - Rồi cô ta gác máy.

* * *

Tôi mở tủ tìm cái cà vạt chấm hạt đỗ. Không thấy trên giá treo cà vạt. Tôi lục tất cả các hộp. Tôi tìm trong mấy cái hộp đựng quần áo. Cái cà vạt chấm hạt đỗ chẳng thấy đâu. Không thể có chuyện cái

cà vạt vẫn đang ở trong nhà mà tôi không thể tìm ra. Kumiko là người rất kỹ tính, với nàng quần áo trong tủ luôn phải ngăn nắp đầu ra đó, nên cái cà vạt không thể ở đâu khác ngoài nơi từ trước đến nay vẫn dùng để cất nó. Thực vậy, tôi thấy mọi thứ - cả quần áo của nàng và của tôi - đều rất chỉnh chu. Các sơ mi của tôi xếp gọn trong hộp dành cho chúng. Các áo len của tôi nằm trong mấy cái hộp len chặt băng phiến đến nỗi vừa mở nắp ra là mắt tôi đã cay xè. Một hộp đựng các thứ quần áo nàng mặc hồi còn đi học: một bộ đồng phục kiểu lính thủy, một bộ váy áo mini kẻ hoa, những bức ảnh ưa thích trong một album cũ. Giữ lại những thứ này để làm gì chứ? Có lẽ nàng vẫn mang chúng theo chỉ vì chưa tìm được

cơ hội để tổng khứ đi. Hoặc có thể nàng định gửi chúng sang Bangladesh hoặc một ngày nào đó sẽ đem bán như là vật phẩm văn hóa. Nói gì thì nói, chẳng kiếm đâu ra cái cà vạt chấm hạt đỗ của tôi.

Tì tay lên cửa tủ, tôi cố nhớ lại lần cuối cùng mình đeo cái cà vạt là khi nào. Nó là một cái cà vạt khá sành điệu, rất có gu, chỉ có điều mang đi làm thì hơi điệu quá. Nếu tôi mang nó tới cơ quan thì ắt hẳn trong bữa ăn trưa sẽ có người lại gàn trâm trờ nào màu sắc tuyệt đẹp, nào hình dáng tinh tế. Mà đây chính là một kiểu cảnh cáo. Ở công ty tôi làm trước đây, được khen về cà vạt mình đeo thì chẳng hay ho gì. Vì vậy tôi chẳng bao giờ đeo cái cà vạt chấm hạt đỗ đi làm cả. Tôi chỉ

đeo nó trong những dịp riêng tư và tương đối trang trọng, chẳng hạn nghe hòa nhạc hoặc ăn tối trong một nhà hàng có hạng, nghĩa là những hôm nào Kumiko bảo “Hôm nay em muốn vợ chồng mình ăn mặc lịch sự” (thật ra những dịp như thế không có nhiều). Cái cà vạt ấy đi với chiếc áo sơ mi màu xanh thẫm của tôi rất hợp, và Kumiko rất thích. Thế nhưng tôi vẫn không nhớ nổi lần cuối mình đeo nó là khi nào.

Tôi kiểm lại lần nữa tất cả mọi thứ trong tủ quần áo rồi chịu thua. Vì lý do nào đó, cái cà vạt chấm hạt đỗ đã không cánh mà bay. Thôi vậy. đành phải mặc bộ comple xanh thẫm, sơ mi trắng, đeo cà vạt kẻ sọc. Chẳng sao cả. Cô ta có thể không

nhận ra tôi, nhưng tôi thì chỉ cần tìm người đàn bà nào trạc ba mươi tuổi đội mũ bằng vải vinyl màu đỏ.

Vận quần áo đâu đấy xong, tôi ngồi lên ghế sofa nhìn chăm chăm vào tường. Lần cuối tôi vận bộ comple đã lâu lắm rồi. Bình thường ra, mùa này mà mặc bộ comple xanh thẫm này có thể là quá nặng, nhưng hôm ấy trời lất phất mưa, lại còn se lạnh nữa. Đó chính là bộ comple tôi đã mặc vào hôm cuối cùng đi làm (dạo tháng Tư). Chợt tôi nhận ra có cái gì đó ở một trong các túi. Trong túi ngực tôi tìm thấy một cái biên lai đề ngày từ mùa thu trước. Nó là một cái biên lai taxi, loại mà trước kia tôi hay mang về cơ quan làm thủ tục thanh toán lại. Giờ

thì muộn quá rồi. Tôi vò mảnh biên lai vứt vào sọt rác.

Từ lúc thôi việc cách đây hai tháng, tôi chưa lần nào mặc lại bộ com lê này. Giờ đây, sau gần ấy thời gian mới mặc lại, tôi cảm như thân thể mình biến thành một chất liệu khác. Nó nặng trĩu, thô cứng, dường như không khớp với đường viền thân thể tôi. Tôi đứng dậy đi tới đi lui trong phòng, đứng lại trước gương, kéo thẳng tay áo và vạt áo để bộ com-lê ôm khít người hơn. Tôi duỗi thẳng hai tay, hít một hơi dài rồi gập người xuống ngang thắt lưng để kiểm tra xem dáng người tôi có thay đổi không trong hai tháng vừa qua. Tôi lại ngồi xuống sofa, nhưng vẫn thấy bứt rứt bất an như trước.

Mãi đến mùa xuân vừa rồi, ngày nào tôi cũng mặc com-lê đi làm mà không hề cảm thấy nó là cái gì lạ lẫm. Công ty tôi có quy định tương đối khắt khe về chuyện ăn mặc, họ yêu cầu ngay cả những nhân viên hạng tép riu như tôi cũng phải mặc com-lê. Tôi chẳng nghĩ ngợi gì về điều đó cả.

Tuy nhiên, lúc này đây, mặc bộ com lê mà ngồi trên sofa, tôi có cảm giác mình đang thực hiện một hành vi vô đạo, kiểu như làm sơ yếu lý lịch giả hay cải trang thành phụ nữ. Có cái gì đó rất gần với mặc cảm có tội tràn ngập trong lòng khiến tôi càng lúc càng khó thở.

Tôi bước ra phòng ngoài, lấy đôi giày màu nâu ra khỏi giá, dùng cái bót đi giày

để xỏ chân vào. Bề mặt đôi giày phủ một lớp bụi mỏng.

* * *

Hóa ra tôi không phải tìm người đàn bà nọ mà chính cô ta nhận ra tôi. Bước vào tiệm cà phê, tôi nhìn quanh một lượt tìm chiếc mũ đỏ. Chẳng có người đàn bà nào đội mũ đỏ cả. Đồng hồ của tôi chỉ 4 giờ kém mười. Tôi tìm chỗ ngồi, uống cốc nước người ta mang tới rồi gọi một cốc cà phê. Ngay khi hầu bàn vừa đi khỏi, tôi nghe giọng một phụ nữ vang lên sau lưng: “Chắc hẳn ông là Okada Toru?”. Tôi ngạc nhiên ngoái đầu lại. Từ khi tôi nhìn quanh phòng rồi ngồi xuống gọi cà phê đến giờ mới chưa đến ba phút. Cô ta mặc áo khoác trắng, áo blouse lụa

màu vàng, đội mũ bằng vải vinyl màu đỏ. Theo phản xạ, tôi đứng dậy đối diện với cô ta. Hiển nhiên có thể gọi cô ta là “đẹp”. Ít nhất là đẹp hơn nhiều so với tôi hình dung khi nghe giọng qua điện thoại. Thân hình cân đối, thon thả, trang điểm chừng mực. Cô ta biết cách ăn mặc. Áo khoác và áo blouse cắt may tuyệt khéo. Trên cổ áo khoác lấp lánh một cái ghim bằng vàng hình lông chim. Nhìn bên ngoài có thể cho cô ta là thư ký của một công ty tầm cỡ nào đó. Duy có chiếc mũ đỏ là không hợp tí nào. Chẳng hiểu tại sao, sau khi bỏ công chăm chút ngăn ấy cho quần áo cô ta lại đội lên đầu cái mũ bằng vải vinyl màu đỏ không đâu vào đâu kia. Chắc hẳn cô ta làm thế để người ta dễ nhận ra cô trong những tình huống

như thế này. Nếu quả vậy thì ý đó thật không tồi. Giữa đám đông người, cô ta nổi bật lên ngay.

Cô ta ngồi xuống chiếc ghế đối diện tôi, tôi thì ngồi xuống ghế của mình.

- Lạ nhỉ, làm sao cô biết là tôi, – tôi nói.
– Tôi không tìm ra cái cà vạt chấm hạt đỗ. Tôi biết chắc nó ở đâu đó thôi, nhưng không cách nào tìm ra. Nên tôi đành phải đeo cà vạt kẻ sọc. Tôi cứ nghĩ mình sẽ phải tìm cô, nhưng làm cách nào cô lại nhận ra tôi thế?

- Dĩ nhiên là tôi biết ông, - cô ta vừa nói vừa đặt chiếc xách tay màu trắng lên bàn. Cô ta giở chiếc mũ màu đỏ ra, đẩy kín lên chiếc xách tay. Tôi có cảm tưởng cô ta sắp biểu diễn một trò ảo thuật: khi cô

ta nhắc mũi lên, chiếc xách tay đã biến mất.

- Nhưng tôi đeo cà vạt khác mà, - tôi đập lại.

- Cà vạt khác nào nhỉ? – Cô ta liếc nhìn cái cà vạt của tôi với vẻ băn khoăn, như thể muốn nói: Cái gã dở người này đang nói chuyện gì ấy nhỉ? Rồi cô ta gật đầu: Chuyện ấy không quan trọng, xin ông chớ bận tâm.

Đôi mắt cô ta có cái gì đó thật lạ. Chúng thiếu chiều sâu một cách bí hiểm. Đôi mắt ấy đẹp thì đẹp thật, nhưng dường như chúng chẳng nhìn bất cứ cái gì.

Chúng phẳng lì, như thể làm bằng thủy tinh. Song, dĩ nhiên đó không phải là cặp mắt thủy tinh. Chúng chuyển động, chớp

chớp mi mắt, như mọi cặp mắt bình thường.

Làm sao cô ta nhận ra tôi trong đám đông ngồi chật cứng quán cà phê này? Thật không hiểu nổi. Hầu như ghế nào cũng có người, trong số đó có nhiều người trẻ tuổi tôi. Tôi muốn yêu cầu cô ta giải thích, nhưng kìm mình lại. Tránh khơi lên những chuyện ngoài lề thì tốt hơn.

Cô ta vẫy tay một hầu bàn đi ngang qua, gọi một suất Perrier. Anh ta bảo nhà hàng không có Perrier, nhưng có thể thay bằng nước tonic. Cô ta suy nghĩ một chút rồi đồng ý. Trong khi đợi nhà hàng mang nước tonic ra, cô ta im lặng, tôi cũng vậy.

Đến một lúc, cô ta nhắc cái mũ đỏ lên,

mở khuy móc cài chiếc xách tay nằm bên dưới, rút từ trong đó ra một hộp da đen bóng nhỏ hơn chiếc băng cát sét đôi chút. Đó là một chiếc hộp con đựng danh thiếp. Cũng như chiếc xách tay, nó được cài bằng khuy móc – lần đầu tiên tôi thấy một hộp đựng danh thiếp cài khuy móc như vậy. Cô ta rút trong hộp ra một tấm danh thiếp trao cho tôi. Tôi bèn rút tay vào túi ngực tìm danh thiếp của mình thì mới nhận ra rằng trong người chẳng có tấm nào.

Danh thiếp của cô ta làm bằng nhựa mỏng, hình như thoảng mùi trầm hương. Khi đưa nó lại gần mũi, mùi hương đó càng rõ rệt. Không nghi ngờ gì nữa: chính là trầm hương. Danh thiếp mang

vỏn vẹn một dòng chữ cái màu đen:

Kano Malta

Malta? Tôi lật xem mặt bên kia. Nhưng ở đó chẳng có gì.

Trong khi tôi ngẫm nghĩ về ý nghĩa của tám danh thiếp, tay hầu bàn đến đặt trước mặt cô ta một chiếc cốc đầy nước đá rồi rót nước tonic đến lưng chừng cốc. Trên vành cốc có găm một mẩu chanh. Rồi một cô hầu bàn đến, tay bưng khay đựng một ấm cà phê màu bạc. Cô ta đặt một chiếc tách trước mặt tôi rồi rót cà phê vào. Sau đó len lén như kẻ đang dúi những que xăm xúi quẩy vào tay người khác, cô ta để hóa đơn lên bàn rồi bỏ đi.

- Ở đây chẳng có ghi gì đâu, - Kano Malta bảo tôi.

Tôi vẫn đang nhìn chăm chăm nhìn vào mặt sau của tấm danh thiếp.

- Chỉ có tên tôi mà thôi. Không cần ghi địa chỉ hay số điện thoại. Chẳng ai gọi điện cho tôi cả. Tôi luôn luôn tự gọi cho người khác.

- Tôi hiểu, - tôi nói. Câu trả lời vô nghĩa đó treo lơ lửng trong không trung một hồi như hòn đảo bồng bênh trên bầu trời trong Gulliver du ký.

Giữ cốc bằng cả hai tay, cô ta uống một ngụm nước qua ống hút. Khuôn mặt thoáng cau lại, cô ta đẩy cốc sang bên, như thể không quan tâm gì đến nó nữa.

- Malta không phải là tên thật của tôi, - Kano Malta nói. – Kano là họ thật, nhưng Malta là biệt danh nghề nghiệp.

Theo tên hòn đảo Malta. Ông Okada đã bao giờ đến Malta chưa?

Tôi bảo là chưa. Tôi chưa bao giờ đến Malta, cũng chưa có kế hoạch đến Malta trong tương lai gần. Thậm chí tôi chưa bao giờ nảy ra ý nghĩ đó. Tất cả những gì tôi biết về Malta là bản nhạc jazz kinh khiếp của Herb Albert có tựa đề Cát Malta.

Tôi gặt đầu, nhấp một ngụm cà phê.

- Vâng, nước ở Malta mùi vị thật khó chịu, nhưng một nguồn nước ở đó lại có tác dụng kì diệu lên cấu trúc thân thể của chúng ta. Đó là một thứ nước đặc biệt, thậm chí phải nói là huyền bí, chỉ một nơi duy nhất trên đảo mới có mà thôi. Dòng suối đó ở sâu trong núi, phải trèo

mấy tiếng đồng hồ từ một ngôi làng dưới chân núi mới lên tới được. Nước ấy không thể vận chuyển đi nơi khác. Nếu mang đi nơi khác, nó sẽ mất hiệu lực ngay. Cách duy nhất để uống nước ấy là phải tự mình đến tận nơi. Người ta thường nhắc đến thứ nước này trong các văn bản từ thời Thập tự chinh. Người ta gọi nó là nước thần. Allen Ginsberg từng đến uống nước đó. Keith Richard cũng vậy. Tôi đã sống ở đó suốt ba năm trong ngôi làng nhỏ dưới chân núi. Tôi trồng rau và học nghề đan. Ngày nào tôi cũng leo lên dòng suối để uống thứ nước đặc biệt ấy. Từ năm 1976 đến năm 1979. Có lần, suốt một tuần, tôi chỉ uống nước đó mà không ăn một tí gì. Suốt một tuần không được cho cái gì khác vào miệng

ngoại trừ thứ nước đó. Đó là một sự huấn luyện mà ai cũng phải làm. Theo tôi có thể gọi đó là một kiểu tu hành. Ta làm thế là để thân ta thanh khiết. Đối với tôi, cảm giác đó thật kỳ diệu. Vì vậy khi trở về Nhật, tôi chọn Malta làm biệt danh nghề nghiệp của mình.

- Xin lỗi, cho tôi hỏi nghề của cô là gì? Cô ta lắc đầu.

- Nói đúng ra đây không phải là nghề. Tôi làm không lấy tiền. Tôi là chuyên gia tư vấn. Tôi trò chuyện với mọi người về các thành tố của cơ thể. Tôi cũng nghiên cứu về loại nước có tác dụng tốt đối với các thành tố của cơ thể. Kiếm tiền không phải là chuyện khó đối với tôi. Tôi có tất cả các phương tiện mình cần. Cha tôi là

bác sỹ, ông có mua cổ phiếu và bất động sản cho thuê nhằm chu cấp cho tôi và em gái tôi. Tôi có một kế toán lo sổ sách thu chi. Thu nhập hàng năm của tôi khá bộn. Tôi cũng viết vài cuốn sách kiếm được ít tiền. Còn việc tư vấn về các thành tố của cơ thể, tôi làm không vì lợi nhuận. Chính vì vậy, danh thiếp của tôi không có địa chỉ lẫn số điện thoại. Tôi luôn chủ động gọi cho người khác.

Tôi gặt đầu, nhưng đó chỉ là cử động thuần túy vật lý của cái đầu: tôi chẳng hiểu đầu của tai nheo gì những điều cô ta nói. Tôi có thể hiểu những từ cô ta nói, nhưng ý nghĩa chung của chúng thì không sao nắm bắt được.

Các thành tố của cơ thể?

Allen Ginsberg?

Càng lúc tôi càng bứt rứt khó chịu. Tôi không phải loại người có trực giác thiên phú, nhưng càng ngồi lâu với người đàn bà này, tôi càng như ngửi thấy mùi những điều phiền toái.

- Xin lỗi cô, - tôi nói, - không biết cô có thể giải thích mọi chuyện từ đầu, từng bước một được chẳng? Vừa rồi tôi có nói chuyện với vợ tôi, cô ấy bảo tôi gặp cô để bàn chuyện con mèo đi lạc. Thành thật mà nói, tôi không hiểu nãy giờ cô nói những điều kia với tôi để làm gì. Có liên quan gì đến con mèo không?

- Có chứ. Nhưng trước khi đề cập tới việc đó, có một điều tôi muốn báo cho ông biết, thưa ông Okada.

Cô ta mở khóa xách tay, lấy ra một cái phong bì trắng. Trong phong bì có một bức ảnh, cô đưa cho tôi. “Em gái tôi”, cô nói. Đó là một bức ảnh màu chụp hai phụ nữ. Một người là KanoMalta, trong một bức ảnh cô cũng đội mũ, một chiếc mũ đan màu vàng. Một lần nữa cái mũ rõ ràng không hợp với quần áo cô ta mặc. Cô em gái mặc bộ đồ màu lam nhạt, đội một chiếc mũ cùng tông, loại mũ thịnh hành vào thập niên 1960. Tôi nhớ đâu như tông màu này được gọi là tông “màu kem quả”. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn: hai chị em đều thích đội mũ. Kiểu tóc của cô em chính là kiểu của Jacqueline Kenedy hồi còn là phu nhân tổng thống, keo xịt tóc bóng nhẫy. Cô ta

trang điểm hơi quá tay, tuy nhiên vẫn có thể gọi là đẹp. Cô ta trạc hai mươi lăm tuổi. Tôi đưa trả bức ảnh cho Kano Malta, cô cất ảnh vào phong bì, đút phong bì vào xách, cài khóa móc lại.

- Em gái tôi nhỏ hơn tôi năm tuổi. Nó bị Wataya Noburu phá trinh. Cường hiếp tàn bạo.

Ôi chao! Tôi muốn đứng phắt dậy mà bỏ đi, không nói không rằng, ngay lập tức. Nhưng không thể làm thế được. Tôi rút khăn mùi soa khỏi túi áo com-lê, lau miệng rồi lại đút vào. Rồi tôi hắng giọng.

- Thật kinh khủng, - tôi thốt lên. – Tôi không hề biết chuyện đó. Nếu em gái cô đã bị cường hiếp, tôi xin có lời thông

cảm chân thành. Tuy nhiên, tôi phải nói rằng anh vợ tôi và tôi không có liên quan gì với nhau. Cho nên, nếu vì chuyện đó mà cô muốn...

- Không phải thế, ông Okada ạ, - cô ta tuyên bố với vẻ quả quyết. – Tôi hoàn toàn không bắt ông chịu trách nhiệm đâu. Nếu có một người phải chịu trách nhiệm cho chuyện đã xảy ra thì kẻ đó trước hết phải là tôi. Bởi tôi đã thiếu quan tâm. Bởi tôi đã không bảo vệ được nó mặc dù lẽ ra tôi phải bảo vệ. Thật không may, có một số sự kiện đã khiến tôi không làm được việc đó. Trên đời vẫn có những chuyện như thế, ông Okada ạ. Ông biết đó, chúng ta sống trong một thế giới đầy bạo lực và hỗn loạn. Và trong thế giới

này, có những nơi còn bạo lực hơn, còn hỗn loạn hơn thế. Ông Okada có hiểu ý tôi không? Điều gì xảy ra thì đã xảy ra rồi. Em gái tôi sẽ hồi phục khỏi sự tổn thương này, khỏi vết nhơ này. Nó phải hồi phục được. Tạ ơn trời, cũng không đến nỗi nguy hiểm đến tính mạng. Như tôi đã nói với em tôi, lẽ ra còn có thể xảy ra những chuyện còn tồi tệ hơn thế nhiều. Điều tôi quan tâm nhất bây giờ là các thành tố của cơ thể nó.

- Thành tố của cơ thể, - tôi lặp lại. Cái “thành tố của cơ thể” này hẳn là cái chủ đề trước sau như một của cô ta.

- Tôi không thể giải thích chi tiết cho ông rõ những tình huống này có liên quan với nhau ra sao. Chuyện rất dài và phức tạp,

và mặc dù khi nói thế này tôi không có ý coi nhẹ ông, nhưng quả thật là ở giai đoạn này ông sẽ không có khả năng hiểu thấu ý nghĩa đích thực của câu chuyện đó. Dĩ nhiên, ông hoàn toàn không chịu trách nhiệm gì về chuyện đã xảy ra. Tôi chỉ muốn ông biết rằng các thành tố của cơ thể em gái tôi đã bị ông Wataya làm ô uế, dù chỉ tạm thời. Ông và cô ấy sẽ có liên hệ với nhau bằng cách này hay cách khác trong tương lai. Như tôi đã nói, cô ấy là trợ lý của tôi. Vì vậy, tôi nghĩ có lẽ tốt nhất là cho ông biết chuyện gì đã xảy ra giữa cô ấy với ông Wataya. Và tôi muốn ông biết rằng những chuyện như thế có thể xảy ra trên đời này.

Một thoáng im lặng. Kano Malta nhìn tôi

như muốn nói: Hãy nghĩ kỹ về những gì tôi vừa nói với ông. Và tôi suy nghĩ. Về việc Wataya Noburu đã cưỡng hiếp em gái của Kano Malta. Về mối liên hệ giữa việc đó với các thành tố của cơ thể. Và về mối liên hệ giữa những điều đó với việc con mèo của chúng tôi biến mất.

- Có phải là cô muốn nói, - tôi rụt rè lên tiếng, - rằng cô và em gái cô đều không có ý định làm đơn tố cáo công khai về việc đó... hoặc báo cảnh sát?

- Không, dĩ nhiên chúng tôi không làm thế, - Kano Malta nói, vẻ vô cảm. – Nói đúng ra chúng tôi không buộc ai chịu trách nhiệm về chuyện đó. Chúng tôi chỉ muốn hiểu tận ngọn ngành những nguyên nhân nào khiến một chuyện như vậy xảy

ra. Chừng nào chúng tôi chưa giải quyết được vấn đề đó thì có thể sẽ còn xảy ra những điều đáng sợ hơn thế nữa.

Tôi nhẹ người phần nào khi nghe nói vậy. Tôi hoàn toàn không chút động lòng nếu Wataya Noburu bị buộc tội cưỡng dâm và phải đi tù. Hắn ta mà đến nước ấy thì cũng đáng lắm. Nhưng anh trai của Kumiko là kẻ có tiếng tăm. Hắn ta mà bị bắt và phải ra tòa thì chắc chắn báo chí sẽ làm rùm beng lên, và đó sẽ là một cú sốc ghê gớm đối với Kumiko. Tôi không muốn điều đó xảy ra, dù chỉ để tâm trí mình được thanh thản.

- Ông cứ yên tâm, hôm nay tôi xin được gặp ông chỉ là về chuyện con mèo đi lạc thôi, - KanoMalta nói. – Ông Wataya đề

ngợi tôi cho lời khuyên về việc này. Phụ nhân ông, bà Okada, đã nhờ anh trai là ông Wataya tư vấn về việc con mèo đi lạc, và đến lượt mình ông ta lại nhờ tôi tư vấn.

Ra là vậy! Giờ thì tôi đã hiểu. Kano Malta là loại người có thính giác thấu thị hay gì đó tương tự, và những người kia đã nhờ cô ta tìm tung tích con mèo. Gia đình Wataya xưa nay vẫn ưa mấy cái đoán hậu vận, “phong thủy” và những thứ tương tự thế. Vậy cũng chẳng sao: ai muốn tin việc gì cứ tin. Nhưng việc gì hẳn phải đi hiếp em gái người cô vấn tinh thần của mình? Dấy lên những chuyện phiền toái không đâu như vậy để làm gì?

- Đó là lĩnh vực chuyên môn của cô phải không? Giúp người ta tìm những vật thất lạc? – tôi hỏi.

Cô ta nhìn tôi chăm chăm bằng cặp mắt không có chiều sâu kia, cặp mắt như đang nhìn vào cửa sổ một căn nhà không người ở. Xét theo biểu hiện của chúng thì cô ta đã không hiểu nghĩa câu hỏi của tôi. Không trả lời, cô ta nói:

- Ông Okada đang sống ở một nơi rất lạ lùng phải không?

- Tôi ấy à? Lạ lùng theo nghĩa nào?

Thay vì đáp lại, cô ta đẩy chiếc cốc nước tonic này giờ hầu như không động tới ra xa thêm chừng mười xăng-ti-mét nữa.

- Ông biết đấy, mèo là loài vật hết sức

nhảy cảm.

Im lặng lại trùm lên giữa hai chúng tôi.

- Vậy là chỗ chúng tôi ở rất lạ lùng, và mèo là loài vật nhạy cảm, – tôi nói. - Cứ cho là thế. Nhưng hai vợ chồng với con mèo sống ở đó bao lâu nay. Sao bỗng dưng nó lại quyết định bỏ chúng tôi mà đi? Sao nó không bỏ đi từ trước?

- Điều đó tôi không nói với ông được. Có lẽ vì dòng chảy đã thay đổi. Có lẽ một cái gì đó đã ngăn dòng chảy.

- Dòng chảy...

- Tôi không biết con mèo của vợ chồng ông còn sống hay đã chết, nhưng có một điều chắc chắn: nó không quanh quẩn ở gần nhà ông bà nữa. Ông bà sẽ không bao giờ tìm thấy nó trong khu hàng xóm kia

đầu.

Tôi nâng cốc lên nhấp một ngụm cà phê giờ đã hơi nguội. Ngoài cửa sổ, trời đang mưa lâm thâm. Bầu trời trữu mây đen. Một đoàn người và ô buồn thảm trèo lên trèo xuống chân cầu ở đằng xa.

- Ông cho tôi xem tay nào, - cô ta nói.

Tôi đặt bàn tay phải lên bàn, lòng bàn tay ngửa ra, nghĩ rằng cô ta định xem chỉ tay tôi. Nhưng không, cô ta chìa tay ra, úp lòng bàn tay mình lên lòng bàn tay tôi. Rồi cô ta nhắm mắt lại, không nói không rằng trong tư thế đó, như thể đang lặng lẽ trách móc một người tình không chung thủy. Cô hầu bàn đến rót đầy tách của chúng tôi, vờ như không nhận thấy KanoMalta và tôi đang làm gì. Khách ở

các bàn bên nhìn trộm chúng tôi. Tôi chỉ cầu mong đừng có người quen nào đang ngồi trong quán lúc này.

- Tôi muốn ông hình dung trong đầu một vật mà ông nhìn thấy trước khi đến đây.

- Chỉ một thôi sao?

- Chỉ một thôi.

Tôi nghĩ tới chiếc váy mino in hoa mà tôi đã thấy trong hộp đựng quần áo của Kumiko. Tôi không hiểu sao chính cái ấy chứ không phải gì khác nảy ra trong đầu tôi lúc đó.

Chúng tôi úp lòng bàn tay vào nhau như thể thêm năm phút nữa – năm phút dường như quá dài đối với tôi, không chỉ vì tôi bị người ta nhìn ngó mà còn bởi sự đụng chạm của lòng bàn tay Kano Malta có

cái gì đó khiến tôi ngay ngáy, bất an. Bàn tay cô ta bé nhỏ, không nóng cũng chẳng lạnh. Không phải cái đụng chạm thân ái của bàn tay người yêu, cũng không phải cái đụng chạm nghề nghiệp của bàn tay bác sỹ. Bàn tay cũng có tác động đến tôi như cặp mắt của cô ta, nó biến tôi thành căn nhà không có người ở. Tôi cảm thấy mình trống rỗng: không bàn ghế, không rèm, không khăn. Chỉ là một cái vỏ chứa rỗng không. Cuối cùng KanoMalta rút tay lại, hít thở sâu mấy hơi liền. Rồi cô gật gật đầu.

- Thưa ông Okada, tôi tin rằng đời ông đang bước vào giai đoạn trong đó nhiều sự kiện sẽ xảy ra. Việc con mèo của vợ chồng ông biến mất chỉ là sự khởi đầu

mà thôi.

- Nhiều sự kiện... Tốt hay xấu?

Cô ta nghiêng đầu suy nghĩ.

- Cả tốt lẫn xấu. Xấu song ban đầu ngỡ như tốt, và tốt song ban đầu tưởng là xấu.

- Nói vậy thì trừu tượng quá, - tôi nói. - Cô có thể nói cụ thể hơn không?

- Vâng, hẳn những gì tôi đang nói nghe có vẻ chung chung. Nhưng ông Okada ạ, khi nói về yếu tính của sự vật, thường ta chỉ có thể nói một cách chung chung như thế. Những gì cụ thể thì dễ khiến ta chú ý, nhưng đa phần chúng chỉ là những hiện tượng tầm thường, vật vãnh. Ta càng thử nhìn sự vật từ một khoảng cách thì chúng càng có tính chung chung, khái quát hơn. Tôi lặng lẽ gật đầu, tuy hoàn toàn không

hiếu cô ta đang nói cái gì.

- Tôi có được phép gọi điện cho ông lần nữa không? – cô ta hỏi.

- Dĩ nhiên, - tôi nói, mặc dù thực ra tôi không muốn bất kỳ ai gọi cho tôi cả. “Dĩ nhiên” có lẽ là câu trả lời duy nhất tôi có thể thốt ra lúc này.

Kano Malta giật chiếc mũ đỏ trên bàn, túm lấy chiếc xách tay nãy giờ giấu dưới mũ rồi đứng dậy. Không biết phải phản ứng thế nào, tôi cứ ngồi nguyên tại chỗ.

- Tôi có thể cho ông biết một thông tin nho nhỏ, - đội mũ xong, Kano malta nhìn xuống tôi mà nói. – Ông sẽ tìm thấy chiếc cà vạt chàm hạt đỗ, nhưng không phải trong nhà ông.

4

Tháp cao và giếng sâu (hay là Xa Nomonhan)



Kumiko về nhà trong tâm trạng vui vẻ. Quá vui là khác. Gặp Kano Malta xong, tôi về tới nhà thì đã gần sáu giờ chiều nên không còn đủ thì giờ làm bữa tối cho ra hồn trước khi vợ đi làm về. đành phải làm một bữa ăn quấy quá bằng những gì có trong tủ lạnh. Hai chúng tôi ăn tối uống bia. Kumiko kể chuyện về công việc. Nàng luôn luôn kể về công việc những khi tâm trạng vui vẻ: nào là nàng gặp ai ở cơ quan, nàng đã làm gì, đồng nghiệp nàng ai có năng lực, ai không.

Đại loại thế.

Tôi lắng nghe, thỉnh thoảng gật đầu hoặc thốt vài câu lấy lệ. Tôi chỉ nghe thấy không quá một nửa những gì nàng nói. Chẳng phải vì tôi không thích nghe nàng nói những chuyện ấy. Không kể nội dung câu chuyện, tôi thích ngắm nàng ngồi bên bàn ăn say sưa nói về công việc của mình. Đây chính là "gia đình", tôi tự nhủ. Ở đây mỗi người đang làm đúng phận sự đã được phân công trong gia đình. Nàng nói về công việc của mình, còn tôi, làm bữa tối xong thì giờ lắng nghe nàng nói. Cảnh này rất khác với hình ảnh "gia đình" mà tôi từng hình dung trước khi lấy vợ. Nhưng đây là cái gia đình chính tôi đã chọn. Dĩ nhiên, tôi từng có gia đình,

khi còn bé. Nhưng đó không phải cái gia đình mà tôi tự chọn cho mình. Tôi đã sinh ra trong gia đình đó, nhận lấy gia đình đó như một sự đã rồi. Còn nay tôi sống trong một thế giới do mình chọn bằng ý chí. Đó là gia đình tôi. Nó có thể không hoàn hảo, nhưng nguyên tắc của tôi về gia đình của mình là hãy chấp nhận nó cùng với mọi vấn đề nảy sinh từ đó. Bởi nó là lựa chọn của tôi, và nếu có những vấn đề này nọ nảy sinh thì hầu như chắc chắn phải tìm cội rễ sâu xa của chúng ở trong chính tôi.

- Thế con mèo thì sao? - nàng hỏi. Tôi tóm tắt cho nàng nghe cuộc gặp với KanoMalta tại khách sạn ở Shinagawa, Tôi kể với nàng về cái cà vạt chấm hạt

đồ; rằng chả thấy nó đâu trong tủ quần áo. Rằng dẫu vậy KanoMalta vẫn nhận ra tôi trong quán cà phê đông nghẹt khách. Rằng cô ta ăn mặc và nói năng khác người, và khác người ra sao. Kumiko tỏ vẻ thích thú nghe về chiếc mũ bằng vải vinyl màu đỏ, nhưng khi tôi không thể nói rõ về tung tích của con mèo đi lạc thì nàng hết sức thất vọng.

- Vậy ra cô ta cũng không biết con mèo ở đâu? - Kumiko hỏi gặng. - Chỉ nói được mỗi một điều là nó không còn quanh quẩn bên hàng xóm nữa?

- Thì thế, - tôi nói. Tôi quyết định không đả động gì đến cái "dòng chảy bị ngăn" của nơi vợ chồng tôi đang sống hay về chuyện điều đó có thể liên quan tới

chuyện con mèo bỏ nhà đi. Tôi biết điều đó sẽ khiến Kumiko lo lắng, mà chúng tôi đã có quá nhiều chuyện phải lo rồi. Nếu biết mình đang sống ở một "nơi không tốt", Kumuki sẽ nằng nặc đòi dọn đi nơi khác. Mà với tình hình tài chính hiện nay của chúng tôi thì dọn nhà là chuyện ngoài tầm tay.

- Cô ấy bảo anh thế, - tôi nói. - Con mèo không còn ở quanh đây nữa.

- Nghĩa là nó sẽ không bao giờ về nữa?

- Anh không biết. Cô ta nói gì cũng mơ hồ, không rõ ràng. Toàn bóng gió, gợi ý thôi. Tuy nhiên cô ta bảo nếu tìm được gì mới thì sẽ báo cho mình hay.

- Anh có tin cô ta không?

- Ai mà biết được? Anh có biết mô tê gì

về những chuyện này đâu.

Tôi rót cho mình thêm ít bia rồi nhìn bọt lắng xuống. Kumiko chống cùi chỏ lên bàn, tựa cằm lên lòng bàn tay.

- Cô ta ắt có nói với anh rằng cô ta không nhận tiền thù lao hay quà cáp gì hết. - nàng nói.

- Ồ, ít ra cũng được điểm ấy, - tôi nói. -
Đã vậy thì có vấn đề gì nào? Cô ta không lấy tiền chúng mình, không đánh cắp linh hồn chúng mình, không nhốt nàng công chúa trong lâu đài. Chúng mình chẳng mất gì cả.

- Anh phải hiểu một điều. Con mèo rất quan trọng đối với em. Nói đúng hơn là với cả em và anh. Chúng mình cũng tìm thấy nó chỉ một tuần sau ngày cưới. Anh

còn nhớ chứ?

- Dĩ nhiên anh nhớ.

- Nó bé tí, ướt như chuột lột dưới trời mưa tầm tã. Em đội ô ra ga đón anh. Chú nhóc tội nghiệp. Chúng mình gặp nó trên đường về nhà. Ai đó đã vứt nó vào một thùng bia ở quán rượu. Nó là con mèo đầu tiên em nuôi. Nó rất quan trọng đối với em, nó như một thứ biểu tượng vậy. Em không thể mất nó được.

- Anh hiểu mà, - tôi nói.

- Vậy nó đâu? Nó đi mất mười hôm nay rồi. Chính vì vậy mà em gọi cho ông anh trai. Em nghĩ anh ấy có thể biết một người lên đồng hay một nhà ngoại cảm, ai đó có thể tìm ra một con mèo đi lạc. Em biết anh không muốn hỏi han anh trai

em bất cứ chuyện gì, nhưng anh ấy học cha em, anh ấy rất rành những chuyện như vậy.

- À phải, truyền thống của gia đình Wataya, - tôi nó, lạnh tanh như cơn gió chiều lùa qua eo biển. - Nhưng Wataya Noboru có quan hệ thế nào với người đàn bà đó?

Kumiko nhún vai.

- Hẳn anh ấy tình cờ gặp cô ta ở đâu đó. Dạo sau này anh ấy có rất nhiều mối quan hệ.

- Chuyện đó thì khỏi bàn.

- Anh ấy bảo cô ta có những năng lực khác thường, song cô ta khá kỳ lạ. -

Kumiko lấy nữa chọc chọc một cách máy móc vào món macaroni. - Tên cô ta là gì

ấy nhỉ?

- KanoMalta. Cô ta từng theo một kiểu tôn giáo khắc kỷ để tự hoàn thiện mình ở đảo Malta.

- Ra thế. KanoMalta. Anh nghĩ sao về cô ta?

- Khó nói. - Tôi nhìn hai bàn tay mình đang đặt trên bàn. - Ít nhất là cô ta không làm mình chán. Đó là điều tốt. Ý anh là trên đời đã có quá nhiều chuyện không thể giải thích, nên phải có ai đó lấp đầy cái khoảng trống này. Giao du với người không làm mình chán vẫn hơn với người làm mình chán. Đúng không nào? Như ông Honda chẳng hạn.

Kumiko phá lên cười khi nghe nhắc tới ông Honda.

- Ông già ấy thật tuyệt phải không anh?
Em thích ông ấy lắm.

- Anh cũng thế, - tôi nói.

Từ khoảng một năm sau khi cưới nhau, tôi và Kumiko bắt đầu đến thăm ông Honda mỗi tháng một lần. Ông là người chuyên lên đồng, một trong những kiểu nhà ngoại cảm mà dòng họ Wataya coi là của quý, nhưng ông cực kỳ nặng tai.

Thậm chí dù có mang máy trợ thính ông cũng chỉ nghe câu được câu chăng những gì chúng tôi nói. Chúng tôi phải hét to đến nỗi những tấm vách ngăn phòng bằng giấy shooji muốn bục cả ra. Tôi thường tự hỏi, đã nặng tai đến cỡ đó thì liệu ông có nghe các linh hồn nói gì không. Nhưng

có khi ngược lại không chừng: càng nặng tai, người ta càng có khả năng nghe thấy lời của các linh hồn. Ông bị mất thính giác từ hồi chiến tranh. Là một sĩ quan phi tác chiến đóng tại doanh trại Mãn Châu của đạo quân Quan Đông(5), ông bị vỡ màng nhĩ khi một vỏ đạn đại bác, quả lựu đạn hay một cái gì đó nổ ngay bên cạnh ông trong một trận đánh với một đơn vị hỗn hợp Hồng quân Liên Xô - Ngoại Mông ở Nomanhan(6) trên biên giới Ngoại Mông và Mãn Châu.

Chúng tôi hay đến thăm ông Honda chẳng phải vì tin ở năng lực tâm linh của ông. Tôi chả bao giờ quan tâm đến những chuyện như thế, còn ở Kumiko, khuynh hướng tin vào những điều siêu nhiên

cũng ít hơn nhiều so với cha mẹ và anh trai. Nàng cũng có chút mê tín, nàng có thể lo sốt vó vì những điềm được coi là gở, nhưng nàng chẳng bao giờ ra khỏi nhà để tham gia những việc như bói toán, lên đồng.

Lý do duy nhất để chúng tôi đến thăm ông Honda là cha của Kumiko bắt phải đến. Đó là điều kiện duy nhất ông đưa ra để chúng tôi có thể cưới nhau. Một điều kiện quả là hơi kỳ quặc, nhưng chúng tôi chấp thuận để tránh những điều rắc rối. Cả tôi và Kumiko không hề trông đợi mọi việc sẽ xuôi chèo mát mái với gia đình nàng. Cha nàng là quan chức chính phủ. Là con thứ trong một gia đình trung nông chả lấy gì làm khăm khá ở Niigata,

ông xin được học bổng để theo Đại học Tokyo danh giá, tốt nghiệp bằng ưu và giành được một vị trí cao cấp trong Bộ Giao thông. Điều đó thật đáng khâm phục. Song, cũng như hầu hết những ai đã kinh qua con đường tiến thân như thế, ông ta là kẻ kiêu căng tự mãn. Đã quen ra lệnh, ông hoàn toàn không chút hoài nghi về giá trị của cái thế giới mà ông là một thành phần. Với ông, tôn ti trật tự là tất cả. Ông là kẻ thượng đội hạ đạp. Ông khúm núm trước cấp trên mà không hề thối mắc và chà đạp những kẻ dưới mình mà không do dự mảy may. Cả Kumiko và tôi không hề tin rằng một người như vậy lại có thể nhận làm con rể một thằng khó rách áo ôm mới hai mươi bốn tuổi đầu, không địa vị, không dòng dõi, học chẳng

lấy gì làm xuất sắc, tiền đồ công danh chẳng có, như tôi. Chúng tôi vẫn nghĩ rằng sau khi cha mẹ nàng khước từ chúng tôi sẽ tự làm đám cưới, tự xây dựng cuộc sống và chả liên hệ gì với họ.

Dẫu vậy tôi vẫn làm việc phải làm. Tôi đến gặp cha mẹ Kumiko để cầu hôn nàng. Bảo rằng họ đón tiếp tôi một cách lạnh nhạt là quá nhẹ. Có cảm tưởng như tất cả các cánh cửa tử lạnh trên thế giới này đều mở toang ra cùng một lúc.

Nhưng cuối cùng họ cũng vẫn cho phép tôi, dù miễn cưỡng. Mọi việc đã diễn biến gần như nhờ một phép màu, nhưng ở đây công lao hoàn toàn thuộc về ông Honda. Ông đã hỏi cha mẹ Kumiko tất cả những gì hai ông bà biết về tôi, đoạn

tuyên bố dứt khoát rằng nếu muốn gả chồng cho con gái họ thì chẳng có đám nào tốt hơn tôi, rằng một khi Kumiko đã chọn tôi làm ý trung nhân thì dù có thế nào họ cũng không được ngăn cản, nếu không thì sẽ phải hứng chịu những hậu quả khủng khiếp. Hồi đó cha mẹ Kumiko chuyện gì cũng nhất nhất tin cậy ông Honda, thế nên họ chẳng còn cách nào khác ngoài nhận tôi làm rể.

Dẫu vậy, tôi luôn luôn là người ngoài, khách không mời mà đến. Kumiko và tôi tới thăm gia đình họ và ăn tối hai lần một tháng, đều đặn như một cái máy, vậy thôi. Những lần như vậy thật đến là lộn mửa, nói không ngoa, một cái gì đó nằm giữa sự hành xác không đâu với cực hình

tàn bạo. Suốt bữa ăn, tôi có cảm tưởng như cái bàn ăn nhà họ dài như cái ga tàu hỏa. Họ ngồi vừa ăn vừa trò chuyện gì đó ở mãi đầu bên kia, còn tôi ngồi đầu bên này, xa tí tấp đến nỗi họ không nhìn thấy. Điều đó kéo dài khoảng một năm, cho tới khi cha của Kumiko và tôi cãi nhau một trận nảy lửa, từ đó trở đi tôi và ông ra không bao giờ gặp lại nhau. Tôi thở phào nhẹ nhõm, gần như sướng điên lên. Không có gì bào mòn sinh lực con người cho bằng sự nỗ lực vô nghĩa và vô ích.

Dẫu vậy, suốt một thời gian sau khi cưới, tôi đã nỗ lực hết mình để duy trì quan hệ tốt với cha mẹ vợ. Và không nghi ngờ gì nữa, trong tất cả những nỗ lực ấy, cái ít

làm tôi mệt mỏi hơn hết là những cuộc gặp gỡ hàng tháng với ông Honda.

Mọi chi phí liên quan đến ông Honda đều do cha của Kumiko chu tất. Chúng tôi chỉ có mỗi việc đến chơi nhà ông Honda ở Meguro mỗi tháng một lần, xách theo một chai rượu sake to, nghe ông kể chuyện, xong thì về. Rất đơn giản. Chúng tôi thích ông Honda ngay lập tức. Ông là một cụ già dễ mến, khuôn mặt luôn bừng sáng mỗi khi thấy chai rượu sake chúng tôi mang đến cho ông. Chúng tôi thích ông ở mọi phương diện, có chăng chỉ trừ một nỗi ông luôn mở tivi to hết cỡ vì ông nặng tai quá.

Chúng tôi luôn đến nhà ông chơi vào buổi sáng. Đông cũng như hè, ông ngồi

trong phòng khách tiếp chúng tôi, hai chân thọc vào dưới chiếc bàn sưởi thấp(7). Mùa đông ông quần mền bông từ thắt lưng trở xuống để giữ nhiệt tỏa ra từ ngọn lửa than. Mùa hè thì ông chẳng cần mền lẫn lửa. Ông rõ là một người xem bói khá nổi tiếng, nhưng ông sống rất giản dị, thậm chí phải nói là khắc khổ. Nhà ông bé tí, sảnh đón chỉ vừa đủ chỗ cho một người duy nhất cưỡi hay mang giày. Những tấm chiếu tatami trải trên sàn nhà ông sờn rách, xác xơ, cửa kính nứt dán lại quá bằng băng dính. Bên kia đường là một xưởng sửa ô tô, lúc nào cũng có ai đó đang thét lác chói tai. Ông Honda vận một bộ kimono nửa như áo ngủ nửa như áo khoác công nhân. Bộ đồ đó xem ra đã lâu chưa giặt. Ông sống

một mình, chỉ có một bà hay lui tới để quét dọn và nấu nướng. Tuy nhiên, vì lý do nào đó ông chẳng bao giờ cho bà ta giặt bộ kimono. Đôi má hõm sâu của ông lờm chờm chòm râu quai nón bạc phơ. Nếu có một cái gì đó đáng gọi là gây ấn tượng trong căn nhà của Honda, thì đó là chiếc tivi màu to tướng. Trong căn nhà bé tẹo như thế, kích cỡ khổng lồ của nó thật choáng ngợp. Nó luôn luôn được vặn sang kênh NHK của nhà nước. Khó mà nói được đó là do ông thích kênh NHK, do ông chẳng buồn chuyển sang kênh khác hay vì chiếc tivi này chỉ bắt được mỗi kênh NHK mà thôi, chỉ biết rằng ông luôn xem đọc một kênh đấy.

Thay vì một bình hoa hay một cuộn thư

pháp, tokonoma(8) trong phòng khách của ông được dùng để chứa cái tivi to dùng đó, và mỗi khi đến, chúng tôi luôn thấy ông ngồi đối diện cái tivi, đảo qua đảo lại mấy cây que bói trên nắp chiếc bàn sưởi trong khi đài NHK phát không thôi nào chương trình nấu ăn, dạy chăm sóc cây cảnh, nào tin mới nhất và các thảo luận chính trị.

- Nghề luật có khi chẳng tốt cho con đâu, con ạ, - một hôm ông Honda nói, nhưng không rõ ông nói với tôi hay với ai đó đang đứng sau lưng ông tới hai chục mét.

- Sao ạ?

- Ủ, đúng thế đấy. Rốt cuộc thì luật pháp cũng chi phối mọi sự trên thế gian này. Cái thế giới nơi bóng tối là bóng tối, ánh

sáng là ánh sáng, âm là âm và dương là dương. Tôi là tôi, anh ta là anh ta. "Tôi là tôi / anh ta là anh ta / Tàn thu". Nhưng con ạ, riêng con thì không thuộc về cõi đó. Con thuộc về một cõi nằm trên hoặc nằm dưới cõi đó.

- Vậy cõi nào hơn? - tôi hỏi, chỉ vì tò mò. - Trên hay dưới?

- Vấn đề không phải cõi nào hơn, - ông nói. Ông khúng khắng ho rồi khạc đờm lên một mảnh khăn giấy, sẫm soi một hồi rồi mới vò mảnh khăn mà ném vào giỏ rác. - Vấn đề không phải cõi nào hơn. Quan trọng là không cưỡng lại dòng chảy. Khi nào phải đi lên thì đi lên, khi nào phải đi xuống thì đi xuống. Hễ đã đi lên thì phải chọn ngay cái tháp cao nhất

mà trèo lên đỉnh. Hễ đã đi xuống thì hãy tìm cái giếng sâu nhất mà chui xuống đáy. Khi nào không có dòng chảy thì đứng yên. Nếu cưỡng lại dòng chảy, vạn vật sẽ khô kiệt. Nếu vạn vật khô kiệt, thế gian này sẽ tối đen. "Tôi là anh ta / Anh ta là tôi / Sấm tối mùa xuân". Khi ta xả bỏ cái tôi thì có cái tôi.

- Hiện thời có phải là lúc không có dòng chảy không? - Kumiko hỏi.

- Gì kia?

- HIỆN THỜI CÓ PHẢI LÀ LÚC KHÔNG CÓ DÒNG CHẢY KHÔNG? - Kumiko gào to lên.

- Hiện thời thì không có, - ông Honda vừa nói vừa gật đầu với chính mình. - Hiện thời là lúc cần phải đứng yên. Chớ

làm gì cả. Chỉ cần thận trọng về nước thôi. Biết đâu trong tương lai anh bạn trẻ này rồi sẽ phải ném mùi thống khổ mà chuyện đó có liên quan đến nước. Nước không nằm ở nơi lẽ ra nó nằm. Nước hiện diện ở nơi lẽ ra không có nó. Dù thế nào đi nữa, các con phải thận trọng, hết sức thận trọng về chuyện nước.

Kumiko ngồi cạnh tôi, gật gù với vẻ vô cùng nghiêm trọng, nhưng tôi thấy rõ nàng đang cố kìm để không phá lên cười.

- Ông muốn nói loại nước gì kia ạ? - tôi hỏi.

- Ông không biết. Nước là nước thôi.

Trên tivi một giáo sư đại học nào đó đang nói rằng việc người ta sử dụng ngữ pháp tiếng Nhật một cách bừa bãi là

hoàn toàn tương ứng với sự bừa bãi trong lối sống của họ. "Dĩ nhiên, nói đúng ra, chúng ta không thể gọi là bừa bãi. Ngữ pháp cũng như không khí: ai đó ở trên có thể ra sức định ra những quy tắc cho việc sử dụng nó, nhưng người ta không nhất thiết phải nghe theo". Nghe thì cũng thú, nhưng ông Honda vẫn tiếp tục nói về nước.

- Nói thật với các con, ông đã từng phải chịu khốn khổ vì nước - ông nói. - Ở Nomonhan hoàn toàn không có nước. Tiền tuyến thì hỗn loạn, nguồn tiếp tế bị cắt. Nước không. Lương thực không. Bông băng không. Đạn dược không. Thật khủng khiếp. Các vị tai to mặt lớn ngồi ở hậu phương chỉ quan tâm một điều:

chiếm đất càng nhanh chóng càng tốt. Chẳng ai nghĩ đến việc tiếp tế. Suốt ba ngày trời ông hầu như không có một giọt nước. Trải rộng khăn tay ra, đến sáng nó sẽ ẩm sương. Vắt ra cũng được vài giọt uống, nhưng chỉ có thế. Hoàn toàn không có thứ nước nào khác. Khổ không sao chịu thấu, chỉ muốn chết thôi. Trên đời này chẳng có gì đáng sợ hơn là khát như thế. Chỉ muốn lao ra ngoài ăn một viên đạn cho xong. Những người bị trúng thương ở bụng gào thét đòi nước. Vài người phát điên vì khát. Như là địa ngục trần gian vậy. Ngay trước mặt bọn ông là một dòng sông lớn, ai cũng thấy, ăm ắp bao nhiêu là nước, tha hồ uống. Nhưng không thể đến đó được. Giữa bọn ông và dòng sông là một dãy dài dằng dặc những

xe tăng Xô Viết kếp xù có súng phóng hỏa. Ở các vị trí xung yếu, súng máy chĩa lên tua tủa trông như những cái gỏi cẳm kim. Các tay bắn tĩa dàn đội hình trên những điểm cao, đêm đêm lại bắn pháo sáng. Lính tráng bọn ông mỗi thằng có độc một khẩu súng trường bộ binh M38 với hai mươi lăm viên đạn. Thế nhưng hầu hết lũ bọn ông đều cố ra bờ sông cho bằng được. Họ không chịu nổi nữa.

Không một ai trở về. Họ chết sạch. Chính vì vậy ông mới nói: khi nào cần ngồi yên, hãy ngồi yên.

Ông rút ra một chiếc khăn giấy, xì mũi ầm ỉ, tỉ mẩn khảo sát kết quả thu được rồi mới vò khăn vứt vào sọt rác.

- Đợi cho tới khi dòng chảy bắt đầu thì

cũng cam go đấy, - ông nói. - Nhưng hễ đã cần đợi thì phải đợi. Trong khi chờ đợi, hãy làm như mình đã chết.

- Có phải ý ông là tạm thời cháu chết thì hơn? - tôi hỏi.

- Gì kia?

- CÓ PHẢI Ý ÔNG LÀ TẠM THỜI CHÁU CHẾT THÌ HƠN?

- Ủ, thế. "Chết là cách duy nhất / để bạn được bơi tự do / Nomonhan".

* * *

Ông còn kể chuyện Nomonhan thêm chừng một tiếng đồng hồ nữa. Chúng tôi chỉ ngồi nghe. Chúng tôi đã được lệnh “nhận lời giáo huấn” của ông, nhưng trong suốt một năm đều đặn đến nhà ông hàng tháng, hầu như ông chẳng bao giờ

có lời “giáo huấn” nào để chúng tôi “nhận” cả. Ông hiếm khi bói toán khi có mặt chúng tôi. Trước sau ông toàn kể về trận Nomonhan thôi: nào chuyện một quả đại bác làm vỡ tung nửa hộp sọ viên thiếu úy ở ngay bên cạnh ông, nào chuyện ông nhảy lên một chiếc xe tăng Xô Viết rồi đốt cháy nó bằng một quả cock-tail Molotov(9), nào chuyện họ vây bắt và bắn chết một phi công Xô Viết buộc phải nhảy dù xuống sa mạc. Những câu chuyện ấy đều thú vị, thậm chí rất hấp dẫn, nhưng cái gì cũng vậy, đã nghe đến lần thứ bảy thứ tám rồi thì cũng mất dần vẻ đẹp ban đầu. Mà cũng chẳng phải ông Honda “kể” chuyện. Ông gào lên những câu chuyện ấy thì đúng hơn. Có cảm giác như ông đang đứng bên bờ vực thẳm vào

một ngày gió ùn ùn thổi, lấy hết sức bình sinh thét lên với chúng tôi ở bờ vực bên kia. Khác nào ngồi ở hàng ghế đầu một rạp chiếu phim tồi tàn mà xem một bộ phim cũ của Kurosawa(10). Lần nào cũng vậy, ra khỏi nhà ông Honda, vợ chồng tôi ù đặc cả hai tai mất một hồi. Dẫu vậy, hai chúng tôi – hay ít nhất là tôi - vẫn thích nghe ông Honda kể chuyện. Các câu chuyện đó hầu hết đều đẫm máu, nhưng khi được thốt ra từ miệng một ông lão kẻ miệng lỗ mặc bộ đồ cũ mèm bần thủ, chi tiết của những trận đánh mất đi vẻ hiện thực mà nghe cứ như cổ tích. Gần nửa thế kỷ trước, đơn vị của ông Honda đã có trận kịch chiến trên một mảnh đất hoang khô cằn trên biên giới

Mãn Châu – Mông Cổ. Trước kia tôi hầu như chẳng biết gì về trận chiến

Nomonhan, giờ mới được nghe ông già kể. Thế mà đó là một trận chiến thật bi tráng. Hầu như tay không, thế nhưng họ đã đương đầu với lực lượng Xô Viết trang bị cơ giới và mạnh hơn gấp nhiều lần và họ đã bị đè bẹp. Lần lượt từng phân đội bị giết sạch. Một số sĩ quan tự ý ra lệnh cho đơn vị mình rút lui để tránh bị tiêu diệt; thế là cấp trên buộc họ phải tự sát. Nhiều binh sĩ bị quân đội Xô Viết bắt giữ đã từ chối trở về Tổ quốc khi hai bên trao đổi tù binh sau chiến tranh, sợ rằng nếu trở về sẽ phải ra toà vì tội đào ngũ. Những người đó rốt cuộc gửi lại nắm xương mình ở đất Mông Cổ. Còn ông Honda nhờ bị nặng tai nên được giải

ngũ trong danh dự, về nhà làm nghề xem bói.

- Trong rủi có may, - ông nói. – Giá như không bị lãng tai thì hẳn ông đã bỏ xác ở Nam Thái Bình Dương rồi. Hầu hết các đơn vị sống sót sau trận Nomonhan đều chịu chung số phận như vậy. Trận Nomonhan là một nỗi nhục cho quân đội Thiên hoàng, thành thử bất cứ ai sống sót sau trận đó đều bị đẩy đến những nơi chiến địa ác liệt nhất, khác gì vào chỗ chết. Còn các sĩ quan tham mưu đã làm bao nhiêu binh lính chết như rạ ở Nomonhan kia thì lại thăng quan tiến chức lên bộ tham mưu trung ương. Một vài tên khốn nạn trong lũ đó thậm chí còn trở thành chính trị gia sau chiến tranh.

Còn những chàng trai đã xông pha chiến đấu theo lệnh chúng thì hầu như chết sạch.

- Nhưng tại sao quân đội lại cảm thấy nhục nhã đến thế vì trận Nomonhan? – tôi hỏi. – Quân đội đã chiến đấu anh dũng, rất nhiều người đã hy sinh kia mà. Tại sao những người sống sót lại bị ngược đãi đến vậy?

Nhưng dường như ông Honda không nghe thấy câu hỏi của tôi. Một lần nữa ông lại đảo mấy cây que bói. – Hãy cẩn thận với nước, - ông nói.

Cuộc trò chuyện đến đây là chấm dứt.

* * *

Sau cuộc cãi vã om sòm với cha của Kumiko, vợ chồng tôi không đến nhà ông

Honda nữa. Tôi không thể tiếp tục đến thăm ông một khi đã biết chi phí cho những chuyến đi này là bố vợ tôi thanh toán, mà vợ chồng tôi thì không có khả năng bỏ tiền túi ra cho mấy khoản đó. Hồi đó hai vợ chồng tôi vất vả lắm mới đáp đối được qua ngày. Thế là chúng tôi quên bằng ông Honda, cũng như hầu hết đám thanh niên bận rộn thường lãng quên hầu hết những người già.

* * *

Đêm đó, nằm trên giường, tôi cứ miên man nghĩ mãi về ông Honda. Cả ông lẫn KanoMalta đều nói với tôi về nước. Ông Honda đã cảnh báo tôi cần phải thận trọng. KanoMalta thì đã trải qua những nghi thức khổ hạnh trên đảo Malta liên

quan đến việc nghiên cứu của cô ta về nước. Có lẽ ấy chỉ là trùng hợp, nhưng cả hai đều có mối liên hệ sâu xa đến nước. Giờ thì chuyện đó bắt đầu khiến tôi lo âu. Thế rồi hình dung cảnh chiến trường Nomonhan: xe tăng Xô Viết và các ụ súng máy, dòng sông chảy sau lưng họ. Cơn khát không thể nào chịu nổi. Trong bóng tối, tôi nghe tiếng chảy của dòng sông.

- Anh Toru, - Kumiko thầm thì gọi tôi. — Anh còn thức không?

- Ờ.

- Về cái cà vạt ấy mà. Em nhớ ra rồi. Em mang nó đến hiệu giặt từ hồi tháng Chạp cơ. Nó nhàu cả rồi, cần phải là. Chắc là em quên lấy.

- Tháng Chạp cơ à? Thế là nửa năm rồi còn gì hở Kumiko!

- Em biết. Anh cũng biết đó, thường thì em có thể đâu. Em chả bao giờ quên gì cả. Với lại, cái cà vạt ấy đẹp thế kia mà.

— Nàng đặt tay lên vai tôi. — Em mang nó đến hiệu giặt gần nhà ga ấy. Anh thử nghĩ xem họ có còn giữ không?

- Mai anh sẽ tới đó. Chắc là vẫn còn.

- Sao anh lại nghĩ vậy? Sáu tháng rồi chứ có ít đâu. Hầu hết các hiệu giặt đều thanh lý tất cả những thứ không có người nhận trong vòng ba tháng. Họ có quyền làm thế. Luật là vậy mà. Sao anh lại nghĩ nó vẫn còn ở đó?

- KanoMalta bảo anh sẽ tìm thấy nó. Nhưng không phải ở trong nhà.

Tôi cảm thấy nàng nhìn tôi trong bóng tối.

- Vậy là anh tin cô ấy?

- Anh đang bắt đầu tin.

- Chả mấy chốc nữa anh và anh trai em sẽ có thể nhìn mặt nhau cho mà xem, - nàng nói, giọng nhuốm vẻ hài lòng.

- Chuyện gì cũng có thể, - tôi nói.

Sau khi Kumiko đã ngủ, tôi vẫn miên man nghĩ về chiến trận Nomonhan. Lính tráng đều đang ngủ. Bầu trời trên đầu chỉ chút những sao, cơ man nào là dế kêu ra rả. Tôi nghe tiếng dòng sông. Đang lắng nghe tiếng chảy của dòng sông thì tôi ngủ thiếp đi.

5. Đạo quân Quan Đông: một đơn vị

của quân đội hoàng gia Nhật. Tên gọi này đặt theo tên nơi đạo quân đồn trú là bán đảo Quan Đông. Đại bản doanh đặt tại Tân Kinh (Hsinching hay Xinjing, nay là thành phố Trường Xuân (Changchun), tỉnh Cát Lâm (Jilin), đông bắc Trung Quốc). Là một trong các đơn vị lớn và có uy tín nhất của quân đội hoàng gia Nhật. Nhiều nhân vật cao cấp của đạo quân này được cất nhắc lên những vị trí cao trong cả quân đội và chính phủ dân sự, như Đại tướng Tojo Hideki sau trở thành Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng cho tới khi Nhật bại trận năm 1945 – ND.

6. Một ngôi làng ở Mông Cổ (tên đầy đủ là Nomon-Han-Burd-Obo), trong

thập niên 30-40 của thế kỷ 20 ngay gần ngôi làng này là biên giới giữa Mông Cổ với quốc gia bù nhìn Mãn Châu Quốc do Nhật dựng lên và giết đây. Mùa hè năm 1939, tại vùng này đã diễn ra cuộc xung đột vũ trang lớn giữa quân đội hỗn hợp Liên Xô – Mông Cổ với một phần đạo quân Quan Đông của Nhật đồn trú tại Mãn Châu. Sự kiện này được giới sử học gọi là “sự biến Nomonhan”, riêng tại Liên Xô (cũ) và Nga, nó được gọi là “cuộc chiến ở Khalkhin - Gol”. Theo BTN.

7. Nguyên tác: kotatsu, thiết bị dùng để sưởi ấm trong nhà người Nhật, gồm một chiếc bàn thấp, ở dưới bàn là lò sưởi, phía trên bàn phủ mền (futon).

Ngày xưa lò sưởi đặt ở dưới sàn nhà, đốt bằng than. Ngày nay bàn sưởi kotatsu có thiết bị sưởi ấm – dùng bóng đèn hoặc cắm điện – ngay dưới mặt bàn – ND.

8. Tokonoma: hộc tường trong căn nhà truyền thống của người Nhật, nơi trưng bày hoa, thư pháp hoặc các vật phẩm trang trí khác – ND.

9. Biệt danh của loại bom đơn giản, cầm tay, sử dụng chất nổ tự tạo - thường là xăng trộn thêm một số chất khác. Đặt theo tên của Vyacheslav Mikhailovich Molotov, một chiến sĩ cách mạng Bônsevich, người sáng chế ra loại vũ khí này vào năm 1906 – ND.

10. Kurosawa Akira (1910 -1998): đạo

*diễn điện ảnh lừng danh Nhật Bản, tác
giả những bộ phim kinh điển quen
thuộc với nhiều người Việt Nam như
Rashomon, Bảy võ sĩ đạo, Rao v.v .. –
ND.*

5

Nghiền kẹo chanh



Chim không bay, giếng không nước
Ăn sáng và rửa bát xong, tôi đạp xe đến
tiệm giặt là gần nhà ga. Chủ tiệm, một
người đàn ông gầy gò xấp xỉ năm mươi
tuổi, trán hằn sâu những nếp nhăn, đang
nghe băng hòa tấu Phiên chợ Ba Tư phát
từ một chiếc máy nghe nhạc đặt trên giá.
Đó là một chiếc JVC to đùng có thêm vài
chiếc loa trầm, bên cạnh là một đồng
băng cátxét. Đàn nhạc đang chơi Chủ đề
Tara, phần tráng lệ nhất của nhóm đàn
dây. Chủ nhân đang ở sâu trong tiệm, vừa
huyết sáo theo điệu nhạc vừa là sơ mi

bằng một chiếc bàn là hơi, động tác của ông ta vừa sắc gọn vừa mạnh mẽ. Tôi đến gần quầy, vừa thông báo vừa xin lỗi cho đúng phép rằng hồi cuối năm ngoái tôi có mang đến tiệm một chiếc cà vạt nhưng quên lấy. Với cái thế giới nhỏ bé bình yên của ông ta lúc 9 giờ rưỡi sáng thế này, lời thông báo của tôi chẳng khác nào sự xuất hiện một sứ giả mang theo hung tin trong bi lịch Hy Lạp.

- Chắc không còn biên lai phải không? – ông ta nói bằng giọng là lạ, xa vắng. Ông ta không nói với tôi mà hướng về phía tấm lịch trên tường bên cạnh quầy. Trên trang lịch tháng Sáu là dãy Alpes – thung lũng xanh, đàn bò gặm cỏ, một đám mây trắng sắc cạnh đang trôi qua đỉnh Mont

Blanc, đỉnh Matterhorn hay đỉnh gì gì đó. Thế rồi ông ta nhìn tôi, vẻ mặt như muốn nói: “Đã quên bằng cái cà vạt chết giẫm kia lâu đến thế thì sao không quên phứt luôn cho xong!”. Cái nhìn đó thẳng thừng và thật hùng hồn.

- Từ cuối năm ngoái kia à? Gay đây. Hơn sáu tháng rồi còn gì. Thôi được, tôi sẽ tìm xem, nhưng không chắc là có đâu. Ông ta tắt bàn là, đặt lên giá là, rồi vừa huýt sáo theo giai điệu Một chốn hè vừa lục lọi ở phòng trong.

Bộ phim Một chốn hè tôi đã xem cùng bạn gái từ hồi trung học. Diễn viên chính là Troy Donahue và Sandra Dee. Chúng tôi xem một suất chiếu kép – ngoài phim kia ra còn xem cả Đuổi theo bọn trẻ của

Connie Francis. Phim thì làng nhàng thôi, song lúc này đây, mười ba năm sau, nghe lại bản nhạc trong bộ phim, tôi chỉ nhớ lại những kỷ niệm ngọt ngào ngày đó.

- Cà vạt xanh dương chấm hạt đỗ phải không? Tên là Okada.

- Đúng rồi, - tôi nói.

- Ông gặp may đấy.

Về nhà xong tôi gọi ngay cho Kumiko. – Tìm ra cái cà vạt rồi, - tôi nói.

- Thật không thể tin được! Anh cừ lắm, - nàng nói.

Lời khen nghe khá máy móc, kiểu như bà mẹ khen con trai đi học về khoe điểm cao. Điều đó làm tôi thấy không thoải mái. Lẽ ra tôi đợi đến giờ nghỉ trưa hằng gọi thì hơn.

- Em nhẹ cả người. Nhưng em đang nói chuyện dở với người khác. Xin lỗi nhé. Trưa anh gọi lại được không?

- Ừ, anh sẽ gọi, - tôi nói.

Gác ống nghe xong, tôi cầm tờ báo ra ngoài hiên. Cũng như mọi khi, tôi nằm sấp, trải rộng trước mặt các trang quảng cáo tuyển dụng, nhân nha đọc từ đầu chí cuối, các cột báo đầy những mật mã và ký hiệu lạ lùng. Còn thứ nghề nào mà trên đời này không có! Mỗi nghề đều được phân một ô giữa những hàng chữ đều tăm tắp của trang báo, cứ như trong bản đồ nghĩa địa.

Cũng như mỗi sáng, tôi lại nghe con chim vặn dây cót đang vặn dây cót đầu đó trên ngọn cây. Tôi gấp báo, ngồi tựa lưng vào

một thanh cột hàng hiên, nhìn ra vườn. Chẳng mấy chốc con chim lại cất tiếng kêu ken két lần nữa, từ trên ngọn thông nhà hàng xóm. Tôi căng mắt nhìn qua những cành cây, nhưng chẳng thấy chim đâu, chỉ nghe thấy tiếng kêu. Cũng như mọi khi. Vậy là thế gian đã được lên dây cót cho ngày mới.

Ngay trước 10 giờ, trời đổ mưa. Mưa không to. Những hạt mưa mịn đến nỗi khó lòng biết chắc có mưa hay không, nhìn kỹ mới thấy mưa. Thế giới tồn tại dưới hai trạng thái: mưa và không mưa. Giữa hai trạng thái đó hẳn phải có đường phân giới. tôi ngồi ngoài hiên thêm một lát mà nhìn chăm chăm vào đường phân giới đó, cái đường lẽ ra phải có ở đây.

Tôi nên làm gì từ giờ đến trưa nhỉ? Đi bơi ở hồ bơi gần nhà hay ra ngõ tìm con mèo? Tựa vào cột hàng hiên, nhìn mưa rơi trong vườn, tôi cứ phân vân giữa hai đằng.

Hồ bơi.

Con mèo.

Con mèo thắng. Kano Malta đã nói con mèo không còn lai vãng quanh hàng xóm nữa. Nhưng sáng hôm đó tôi cảm thấy một nỗi thôi thúc khó cắt nghĩa rằng mình phải tới đó tìm con mèo. Lùng con mèo đã thành một phần cuộc sống hàng ngày của tôi. Hơn nữa Kumiko hẳn sẽ hài lòng nếu biết tôi đã thử tìm thêm lần nữa. Tôi khoác chiếc áo mưa nhẹ. Tôi quyết định không cầm ô. Tôi mang giày tennis rồi ra

khỏi nhà, trong túi áo khoác là chìa khóa nhà với mấy cái kẹo chanh. Tôi băng qua khoảnh sân, nhưng khi tôi đặt một bàn tay lên bức tường bê tông thì điện thoại reo. Tôi đứng yên, căng tai nghe, nhưng không thể nhận ra đó là điện thoại nhà mình hay nhà hàng xóm. Ngay khi mình ra khỏi nhà thì điện thoại nào reo nghe cũng như nhau. Tôi phẩy tay chịu thua và trèo qua tường.

Tôi cảm thấy mặt cỏ mềm mại qua lớp đế mỏng của đôi giày tennis. Ngõ tĩnh mịch hơn mọi khi. Tôi đứng yên một lát, nín thở lắng nghe, nhưng chẳng có âm thanh nào. Điện thoại đã ngừng reo. Không nghe tiếng chim, cũng chẳng nghe tiếng động ngoài phố. Bầu trời trên đầu

tuyền một màu xám. Vào những ngày như thế này, những đám mây dường như nuốt chửng mọi âm thanh từ mặt đất. Không chỉ âm thanh mà cả mọi vật. Cảm giác chẳng hạn.

Thọc hai tay vào túi áo mưa, tôi luôn vào ngõ hẹp. Chỗ nào những chiếc sào phơi quần áo nhô ra giữa lối đi thì tôi lách mình giữa các bức tường. Tôi băng qua ngay bên dưới mái hiên những căn nhà khác. Cứ thế tôi lặng lẽ lần theo cái lối đi tựa như con kênh bị bỏ hoang. Đôi giày tennis của tôi bước trên mặt cỏ không một tiếng động. Chỉ có âm thanh duy nhất tôi nghe thấy trong đoạn hành trình ngắn của mình là tiếng radio phát ra từ nhà họ. Đài đang phát một chương trình kiểu như

“gỡ rối tơ lòng” cho những người gọi điện đến. Một ông trung niên than phiền với người dẫn chương trình về bà mẹ vợ của mình. Tôi nghe câu được câu chẳng, đâu như bà ta đã sáu mươi tám tuổi nhưng vẫn máu mê đua ngựa. Khi tôi đã đi qua căn nhà đó, tiếng radio nhỏ dần đến khi không còn gì nữa, dường như cái đang dần dần biến vào hư vô kia không chỉ là tiếng radio mà cả ông trung niên và bà mẹ vợ nghiện đua ngựa của ông ta, cả hai phải đang tồn tại ở đâu đó trên thế giới này.

Cuối cùng tôi cũng đến chỗ căn nhà trống. Nó vẫn đứng nguyên đấy, lặng ngắt mọi khi. Trên nền trời xám trữu nặng, căn nhà hai tầng với những cánh cửa đóng im

ìm trời lên đen thẫm. Nó trông như một con tàu chở hàng khổng lồ đâm vào đá trong một đêm bão táp đã từ lâu lắm và bị thủy thủ đoàn bỏ rơi cho đến mục rữa dần. Nếu không có lớp cỏ mọc cao hơn kể từ lúc tôi tới đây lần trước thì có thể tin rằng riêng tại nơi này thời gian đã ngừng lại. Nhờ mưa rơi liên tục nhiều ngày qua, những nhánh cỏ óng ánh màu xanh thẫm, dậy lên mùi hương hoang sơ rất đặc trưng cho những gì cắm rễ sâu vào đất. Ngay giữa cái biển cỏ này là bức tượng chim, trong chính cái tư thế tôi đã thấy trước đây, dang rộng cánh như sẵn sàng bay vút lên. Dĩ nhiên, đây là con chim không bao giờ có thể cất cánh. Tôi biết điều đó, con chim cũng biết. Nó sẽ còn phải đứng đó đợi cho tới

ngày bị lôi đi nơi khác hoặc đập ra thành từng mảnh. Không còn khả năng nào khác để nó rời bỏ được khu vườn này. Vật duy nhất chuyển động nơi đây là một con bướm nhỏ màu trắng lượn trên cỏ, một con bướm ra đời hơi muộn, mấy tuần sau khi mùa bướm đã qua. Nó tiến về phía trước một cách ngập ngừng, như một người đang tìm kiếm mà chẳng nhớ mình tìm gì nữa. Sau năm phút săn tìm không hiệu quả, con bướm bay đâu mất.

Tôi mút một cái kẹo chanh, tựa lưng vào hàng rào mắt cáo mà ngắm khu vườn. Chẳng có dấu hiệu gì của mèo. Chẳng có dấu hiệu của bất cứ cái gì. Chốn này như một cái ao tù mà dòng chảy đã bị một sức mạnh to lớn nào đó hãm lại.

Tôi cảm thấy có ai đó sau lưng, liền ngoái lại. Nhưng nào thấy ai. Chỉ có hàng rào bên kia ngõ, cái cổng nhỏ trong hàng rào, nơi cô gái kia đã đứng. Nhưng lúc này cổng đóng, trong sân không một bóng người. Mọi vật ẩm ướt và âm lạnh. Chỉ dậy mùi. Mùi cỏ. Mùi mưa. Mùi áo mưa tôi. Mùi cái kẹo chanh đã tan một nửa trong miệng. Tôi hít một hơi dài, thế là tất cả các mùi nhập vào nhau làm một. Tôi quay lại kiểm tra xung quanh mình lần nữa, nhưng chẳng có ai. Lắng tai nghe, tôi bắt được tiếng đùng đục của cánh quạt trực thăng ở xa xa. Ai kia đang ngồi trên đó, bay trên những đám mây. Nhưng ngay cả âm thanh đó cũng lắng dần, tĩnh mịch lại bao trùm.

Rào mắt cáo bao quanh ngôi nhà không người ở có một cánh cổng cũng mắt cáo. Tôi thử đẩy. Nó mở ra dễ dàng đến mức hầu như khiến mình mất hứng, như thể nó giục tôi vào vậy. “Không sao đâu, cứ đi thẳng vào”, dường như nó bảo tôi thế. Tuy nhiên, không cần phải học luật tám năm trời tôi cũng biết rằng đường đột vào nhà người khác, cho dù nhà không người ở, là phạm pháp. Nếu một người hàng xóm phát hiện thấy tôi trong căn nhà không người ở và báo cảnh sát, họ sẽ xộc tới tra hỏi ngay. Tôi sẽ nói rằng tôi đi tìm mèo; nó đi đâu mất, tôi đang tìm nó khắp các nhà hàng xóm. Họ sẽ yêu cầu cho biết địa chỉ và nghề nghiệp. Tôi sẽ phải bảo họ tôi đang thất nghiệp. Họ sẽ

chỉ càng nghi ngờ hơn. Gần đây cảnh sát đang lo sốt vó về những tên khủng bố cánh tả; họ định ninh rằng chúng nhan nhản khắp nơi ở Tokyo, chúng giấu hàng kho súng và lựu đạn tự chế. Họ sẽ gọi điện đến văn phòng Kumiko để kiểm chứng những gì tôi nói. E rằng Kumiko sẽ rất buồn phiền.

Thế nhưng tôi vẫn vào. Vào rồi khép cổng lại sau lưng. Chuyện gì tới, cứ tới. Nếu chuyện gì đó muốn xảy ra, cứ để nó xảy ra.

Tôi băng qua vườn, nhìn kỹ xung quanh. Đôi giày tennis của tôi giẫm lên cỏ vẫn êm ru như mọi khi. Có vài cây ăn trái thâm thắp mà tôi không biết tên, và một bãi cỏ khá rộng. Cỏ đã mọc qua cao,

trùm lấp mọi thứ. Những dây trường xuân xấu xí bò kín lên hai trong số các cây ăn quả như thể muốn siết cho chết ngạt. Hàng cây bụi dọc bờ rào đã biến thành màu trắng ma quái do bị phủ một lớp trứng côn trùng. Một con ruồi nhỏ ngoan cố kêu vù vù bên tai tôi hồi lâu. Băng qua bức tượng đá, tôi đi đến chỗ một chõng ghế nhựa trắng dưới mái hiên. Chiếc ghế trên cùng bụi đóng dày, nhưng chiếc ngay bên dưới thì không đến nỗi quá bẩn. Tôi lấy tay phủi bụi rồi ngồi lên. Cây đại mộc um tùm giữa nơi này với hàng rào khiến người ta không thể nhìn thấy tôi từ ngoài ngõ, hàng hiên thì cho tôi trú mưa. Tôi ngồi, vừa huýt sáo vừa ngắm khu vườn đang hứng cơn mưa

lâm thâm. Thoạt tiên tôi không biết mình đang huýt sáo bản gì, nhưng rồi tôi nhận ra đó là giai điệu vở Chim ác là ăn cắp của Rossini, chính giai điệu mà tôi đang huýt sáo khi người đàn bà kỳ lạ nọ gọi điện lúc tôi đang nấu dở món spaghetti. Ngồi trong vườn thế này, chung quanh không có một ai, nhìn bãi cỏ và con chim đá, huýt sáo (tôi) một giai điệu, tôi có cảm giác mình trở lại thời thơ ấu. Tôi đang trốn ở một nơi không ai nhìn thấy được. Điều đó khiến tôi yên lòng. Tôi thấy như mình vừa ném một hòn đá- nhỏ thôi cũng được – vào cái đích nào đó. Con chim đá hản là một cái đích tốt. Hòn đá sẽ đập vào con chim vừa đủ mạnh để nghe một tiếng “cạch” nhỏ. Hồi nhỏ tôi

rất hay chơi một mình như vậy. Tôi dựng một cái hộp rỗng, lùi lại, ném đá vào cho đến khi hộp đầy. Tôi có thể chơi như vậy hàng giờ. Tuy nhiên, lúc này dưới chân tôi chẳng có hòn đá nào. Thì thôi vậy. Trên đời này có chốn nào để mình cần gì là có nấy đâu.

Tôi co chân lại, gập đầu gối, kê cằm lên bàn tay. Rồi tôi nhắm mắt. Vẫn tuyệt không tiếng động. Bóng tối đằng sau đôi mí mắt khép lại của tôi giống như một bầu trời đầy mây, chỉ có điều màu xám sẫm hơn. Cứ mỗi năm phút ai đó lại đến tô lên màu xám đó một màu xám có sắc độ khác đi một chút, pha chút vàng, xanh lục hoặc đỏ. Tôi ngạc nhiên thấy màu xám lại có nhiều sắc độ đến vậy. Chỉ cần

ngồi yên nhắm mắt khoảng mười phút
thôi là sẽ mở ra vô vàn sắc độ màu xám
ấy.

Trong khi lần giở cuốn sách gồm các
mẫu màu xám ấy, tôi lại bắt đầu huýt sáo,
trong đầu không nghĩ đến một điều gì.

- Này, - ai đó nói.

Tôi mở bừng mắt. Tựa người lên một
tay, tôi nhôm dậy cổ nhìn thấy cánh cổng
qua ngọn các bụi cây. Cổng mở. Mở
toang. Ai đó đã theo tôi vào vườn. Tim
tôi đập thình thịch.

- Này, - ai đó lại lên tiếng. Giọng nữ.
Người đó bước ra từ sau bức tượng và
bước về phía tôi. Đó à cô bé đã tắm
nắng trong sân phía bên kia ngõ. Cô bé
vẫn mặc áo phong hiệu Adidas màu xanh

nhặt và quần soóc. Và cô ta vẫn đi hơi khập khiễng. Điều duy nhất khác lần trước là cô ta đã gỡ kính râm.

- Anh làm gì ở đây? – cô ta hỏi.

- Đi tìm con mèo, - tôi đáp.

- Thật không đấy? Em có thấy thế đâu.

Anh chỉ ngồi đây mà huyết sáo, mắt thì nhắm tịt lại. Ai lại đi tìm con mèo kiểu ấy?

Tôi cảm thấy mình đỏ mặt.

- Với em thì thế nào cũng được, - cô nói tiếp, - nhưng nhớ ra ai đó không biết anh mà nhìn thấy anh, họ sẽ nghĩ anh là một tên đồi bại. Anh không phải là kẻ đồi bại chứ?

- Chắc là không, - tôi đáp.

Cô bé lại gần, ngắm soi rất kỹ chồng ghế

nhựa rồi chọn một chiếc không quá bần, lại nghiên cứu cẩn thận thêm hồi nữa rồi mới đặt nó xuống cỏ mà ngồi lên.

- Mà anh huyết sáo thì thật kinh quá, - cô nói. – Em không biết là bản gì, nhưng chả có giai điệu gì sất. Anh không phải là gay ấy chứ?

- Chắc là không. Sao em hỏi vậy?

- Có người bảo em dân gay huyết sáo rất tồi. Có đúng không?

- Ai biết được?

- Nhưng dù anh có là gay hay kẻ đồi bại thì với em cũng thế thôi. Mà này, tên anh là gì? Em chả biết gọi anh thế nào cả.

- Okada Toru.

Cô bé nhẩm lại cái tên tôi mấy lần.

- Tên cũng làng nhàng thôi phải không?

- Nói thế nào nhỉ? Lúc nào anh cũng nghĩ tên mình nghe như tên của ông Bộ trưởng Ngoại giao thời trước chiến tranh: Okada. Đúng không?

- Chuyện đó có nói em cũng chẳng hiểu gì đâu. Sử là môn em chúa ghét; em học môn ấy kém nhất mà. Nhưng thôi. Mà này, anh có biệt danh nào không? Cái tên nào dễ hơn là Okada Toru ấy?

Tôi không nhớ nổi mình đã bao giờ có biệt danh hay chưa. Cả đời chưa một lần nào. Sao thế nhỉ?

- Anh chả có biệt danh nào cả, - tôi đáp.

- Không hề cơ á? “Gấu” chẳng hạn? Hay “Ếch”?

- Không.

- Thôi thì nghĩ ra cái tên nào đó vậy?

- Chim vặn dây cót, - tôi nói.

- Chim vặn dây cót? – cô bé há hốc mồm nhìn tôi. – Nó là giống gì vậy?

- Con chim vặn dây cót ấy mà, - tôi nói.

– Sáng nào nó cũng vặn dây cót trên ngọn cây. Nó vặn dây cót mùa xuân thời gian.

Két...két...

Cô bé vẫn nhìn tôi trân trân.

Tôi thở dài.

- Chợt nảy ra trong đầu anh thế thôi, - tôi nói. - Chẳng nghĩ được gì hơn. Con chim ấy ngày nào cũng bay qua nhà anh rồi đậu lên ngọn cây nhà hàng xóm mà kêu Kétkéééét. Nhưng chẳng ai nhìn thấy nó cả.

- Thôi cũng được. Em sẽ gọi anh là Chim vặn dây cót. Gọi cũng lú lủi chứ chẳng

không, nhưng so với Okada Toru thì vẫn tốt chán.

- Cảm ơn em.

Cô kéo chân lên ghế, tựa cằm lên hai đầu gối.

- Còn em tên gì? – tôi hỏi.

- Kasahara May. May... như là tháng Năm trong tiếng Anh ấy mà.

- Em sinh vào tháng Năm à?

- Còn phải hỏi! Có ai sinh vào tháng Sáu mà tên là tháng năm, thiên hạ họ cười cho.

- Em nói có lý. Chắc em vẫn chưa đi học?

- Em ngấm anh từ lâu lắm rồi, - cô đáp, lờ đi câu hỏi của tôi. - Từ phòng em. Em dùng ống nhòm. Em thấy anh đi qua

công. Em luôn có một cái ống nhòm trong tầm tay, để quan sát những gì xảy ra trong ngõ. Chắc là anh không biết: ở đây có đủ loại người lai vãng. Mà không chỉ người. Cả thú vật nữa. Nãy giờ ở đây một mình anh làm cái gì vậy?

- Có gì đâu? Thư giãn một chút. Ngẫm ngợi về quá khứ. Huýt sáo.

Kasahara cắn móng tay.

- Anh lạ lắm, - cô nói.

- Anh chả có gì lạ cả. Ai người ta cũng làm vậy.

- Có thể, nhưng chẳng ai lại đi sang nhà hàng xóm để làm việc ấy ngoài anh ra. Nếu muốn thư giãn, nhớ về quá khứ và huýt sáo thì ngồi ở vườn nhà mình cũng được mà.

Cô ta hoàn toàn có lý.

- Này, thế Wataya Noburu vẫn chưa về nhà à?

Tôi lắc đầu.

- Chắc là sau hôm trước em cũng không thấy nó lần nào phải không?

- Không, em cũng đang tìm nó đây. Mèo nâu, vằn như lông cọp, chớp đuôi hơi quặp, đúng không?

Cô ta rút trong túi quần ra một gói Hope rồi châm một điếu. Rít vài hơi xong, cô nhìn thẳng vào tôi mà nói:

- Đạo gần đây anh có rụng tóc một chút phải không?

Tay tôi bất giác đưa lên vuốt phía sau đầu.

- Không phải ở đó, đồ ngốc. Tóc đang trước kia mà. Anh có nhận thấy là nó mọc cao hơn bình thường một ít không?

- Anh chả thấy gì cả.

- Em thì có. Anh sẽ bị hỏi ở chỗ đó đấy. Tóc trên trán anh ngày càng lùi lên cao hơn, như thế này này. – Cô túm một nắm tóc của trán mình mà kéo ngược ra sau rồi chìa cái trán trần trụi ra trước mặt tôi. – Anh phải để ý đấy.

Tôi sờ vào tóc trước trán mình. Có lẽ cô ta nói đúng. Có thể tóc đã lùi lên phía trên một chút. Hay tôi chỉ tưởng tượng ra thế? Lại thêm chuyện để lo đây.

- Ý em là sao? Để ý nghĩa là thế nào?

- Thật ra có để ý cũng không làm gì được. Chẳng có cách nào ngăn được

chúng hói. Những ai mà số trời đã bắt phải hói thì đến lúc là hói thôi. Chẳng cách nào ngăn được. Người ta nói có thể ngừa được chúng hói bằng cách dưỡng tóc này nọ, nhưng toàn vớ vẩn thôi. Anh đi mà xem mấy gã cầu bơ cầu bất ngủ ngoài ra Shinjuku ấy: thằng nào thằng nấy tóc thôi là tóc, có đứa nào hói đâu. Anh tưởng là ngày nào chúng cũng gội đầu bằng Clinique hay Vidal Sassoon hoặc xức tóc bằng Lotion X chắc? Đó là bọn sản xuất mỹ phẩm nói để moi tiền anh thôi.

Lời của cô gây cho tôi ấn tượng mạnh.

- Chắc em nói đúng. Nhưng sao em biết nhiều về chuyện hói thế?

- Lâu nay em vẫn làm bán thời gian cho

một công ty tóc giả mà. Anh biết đó, em không đi học nên có ồi thời gian rảnh. Em đi điều tra, lấy ý kiến khách hàng, những việc kiểu như thế. Thành thử em biết hết về quý ông hói. Em nạp đầy ắp thông tin rồi còn gì.

- Chà!

- Nhưng anh biết không, - cô vừa nói vừa buông mẩu đầu thuốc xuống đất rồi dí chân lên, - ở công ty em làm việc ấy, người ta cấm mình gọi bất cứ ai là “hói”. Phải gọi là “người đang có chứng thừa tóc”. “Hói” là một từ có tính phân biệt đối xử. Có lần em đùa, đề nghị gọi là “quý ông có cái đầu đang bị hoang hóa”, ấy thế mà họ nổi trận lôi đình, trời ạ! “Chả có gì đáng đùa ở đây, cô bé ạ”, họ

nói. Chao, sao mà họ nghiêêm trọọng
thế. Anh có thấy không? Thế giới này ai
người ta cũng nghiêêm trọọng đến chết đi
được.

Tôi móc kẹo chanh ra khỏi túi, ném một
viên vào mồm, đưa một viên khác cho
Kasahara May. Cô lắc đầu và lại rút ra
một điều thuốc.

- Nghe này Chim vặn dây cót, - cô nói. —
Anh đang thất nghiệp. Chưa tìm được
việc nào à?

- Vẫn chưa.

- Anh thực sự muốn có việc làm đàng
hoàng chứ?

- Có chứ, - lời nói thốt khỏi mồm, tôi lại
tự hỏi có thật là vậy không. - Thực ra anh
không biết. Chắc anh cần thêm thời gian.

Thời gian để suy nghĩ. Chính anh cũng không biết mình cần gì. Điều đó khó giải thích.

Kasahara May vừa nhăn móng tay vừa nhìn tôi một hồi.

- Này Chim vặn dây cót, em bảo. Hôm nào đấy anh đi làm với em đi. Ở công ty tóc giả ấy. Lương họ trả không cao, nhưng công việc nhàn hạ, với lại giờ giấc làm việc do tự mình thu xếp. Anh bảo thế nào? Đừng cả nghĩ làm gì, cứ thử xem. Gọi là thay đổi không khí. Biết đâu nó lại chẳng giúp anh suy xét được sáng suốt về mọi chuyện khác.

Cô ta có lý.

- Em có lý, - tôi nói.

- Hay lắm! – cô nói. - lần sau em đi, em

sẽ đón anh đi cùng. Nhà anh ở đâu?

- Chà, khó nhỉ. Mà cũng chẳng khó. Em chỉ cần đi dọc theo ngõ, rẽ mấy lần, cho đến khi thấy ở bên trái có một cái nhà mà trong sân sau có một chiếc Honda Civic màu đỏ. Trên thanh hãm xung của xe có miếng băng dính ghi hàng chữ “Hòa bình cho mọi người trên trái đất”. Nhà anh ở ngay kế bên, nhưng không có cổng mở ra ngõ. Chỉ có một bức tường bê tông, em sẽ phải trèo qua. tường cũng thấp, cỡ ngang cằm anh thôi.

- Đừng lo, tường cỡ ấy thì em trèo qua được.

- Chân em còn đau không?

Cô phà ra một bụm khói thuốc, lần theo một tiếng thở dài.

- Anh đừng lo. Chả sao cả. Em đi cà nhắc mỗi khi có mặt bố mẹ vì em không muốn đi học. Em giả vờ ấy mà. Nhưng riết thành quen. Em đi cà nhắc ngay cả khi xung quanh chả có ai, chỉ một mình trong phòng. Em là kẻ cầu toàn mà. Người ta có câu gì ấy nhỉ, “Lừa mình trước rồi hẵng lừa người”. Này Chim vặn dây cót, anh có gan không?

- Không nhiều lắm.

- Chẳng bao giờ có gan cả à?

- Không, anh chưa bao giờ là kẻ có gan cả. Mà cũng chẳng muốn mình khác đi.

- Thế còn tò mò?

- Tò mò là chuyện khác. Anh thì có hơi tò mò đấy.

- Anh không nghĩ rằng có gan và tò mò

có cái giống nhau à? Có gan thì cũng tò mò, tò mò thì cũng có gan. Không đúng sao?

- Hừm, cũng có thể là giống nhau. Chắc em có lý. Có thể đôi khi tò mò và có gan lại nhập vào nhau làm một.

- Chẳng hạn như khi anh lén vào sân nhà người khác ấy.

- Ừ, kiểu như thế, - tôi vừa nói vừa đảo viên kẹo chanh trên lưỡi. – Khi lén vào sân nhà người khác, dường như mình vừa có sự tò mò vừa có cái gan. Đôi khi cái tò mò đẩy cái gan ra khỏi chỗ nấp, thậm chí còn thúc sau lưng buộc cái gan phải chạy. Nhưng cái tò mò thường chóng qua, cái gan thì còn lại lâu. Cái tò mò cũng giống như người bạn vui tính nhưng

ta không tin tưởng hoàn toàn được. Nó làm ta thức tỉnh, hưng phấn, rồi lại bỏ ta đi, mặc ta hành động một mình, khi đó ta phải vận hết cái gan có ở trong ta.

Cô ta ngẫm nghĩ về điều đó một lúc.

- Cũng có thể. Đó là một cách nhìn, - cô nói. - này Chim vặn dây cốt, anh có muốn thấy cái giếng không?

- Giếng á? - tôi hỏi. - Giếng nào nhỉ?

- Ở đây có một cái giếng cạn. Em thích nó. Ở mức độ nào đó. Anh muốn xem không?

Chúng tôi băng qua sân, đi về phía bên kia căn nhà. Đó là một cái giếng tròn, đường kính khoảng một mét rưỡi, đây vừa khít bằng một cái nắp tròn bằng gỗ dày. Có hai tảng bê tông dẫn lên nắp

giếng giữ cho nó không xô dịch. Thành giếng cao chừng một mét, bên cạnh là một cây già đơn độc, như gã lính canh. Đó là một loại cây ăn trái, nhưng tôi không biết tên.

Cũng như hầu hết những gì gắn liền với căn nhà này, cái giếng trông như đã bị bỏ hoang từ lâu lắm. Nó toát lên một cái gì đó có thể gọi là “sự vô cảm tuyệt đối”. Có cảm giác như chỉ cần ta rời mắt khỏi khung cảnh này, lập tức những vật vô tri sẽ càng vô tri hơn nữa.

Xem xét kỹ, tôi nhận ra rằng thật ra cái giếng này xưa hơn nhiều so với các vật xung quanh. Hẳn nó đã được đào từ lâu trước khi người ta xây căn nhà này. Ngay cả cái nắp gỗ trông cũng rất cũ xưa.

Thành giếng được phủ một lớp bê tông dày, chắc hẳn là để gia cố cho một công trình xây trước đó đã lâu. Cái cây bên cạnh giếng dường như muốn khoe rằng nó đã có mặt ở đó từ xa xưa hơn nhiều so với bất cứ cái cây nào khác ở nơi này.

Tôi đặt một trong hai tảng bê tông xuống đất rồi nhấc một trong hai nửa nắp giếng hình bán nguyệt ra. Tì tay lên thành giếng, tôi khom người nhìn xuống, nhưng chẳng thấy gì dưới đáy. Có thể thấy giếng khá sâu, nửa dưới giếng chìm trong bóng tối. Tôi thử ngửi – nghe thoang thoảng mùi rêu.

- Không có tí nước nào đâu, - Kasahara May nói.

Giếng không nước. Chim không bay. Ngõ

không lỗi ra. Và...

May nhặt một mẫu gạch trên mặt đất rồi ném xuống giếng. Một hồi sau nghe có tiếng động nhỏ, khô khan. Không gì hơn. m thanh đục, khô không khóc, dường như có thể bóp vụn trong bàn tay. Tôi thẳng người lên nhìn Kasahara May.

- Tại sao giếng không có nước nhỉ? Nó tự cạn đi à? Hay ai đó đã lấp lại?

Cô ta nhún vai.

- Nếu lấp lại thì phải lấp cho đến tận miệng chứ. Ai lại để nguyên một cái hố sâu hoắm thế kia. Nguy hiểm lắm, nhớ ai ngã vào thì chỉ có chết. Đúng không?

- Chắc em nói đúng. Có cái gì đó đã làm giếng bị cạn đi.

Bỗng tôi nhớ lại lời ông Honda đã từ lâu

lắm. “Nếu đã phải đi lên thì hãy tìm ngọn tháp cao nhất mà trèo lên tới đỉnh. Nếu đã phải đi xuống thì hãy tìm cái giếng sâu nhất mà tụt xuống tận đáy”. Hóa ra tôi đã tìm thấy giếng đây rồi.

Tôi lại cúi mình trên thành giếng nhìn xuống bóng tôi bên dưới., chờ đợi một cái gì không rõ. Tôi nghĩ: vậy là ở một nơi như thế này, lại có một bóng tôi sâu hun hút thế kia. Tôi húng hắng ho rồi nuốt. Tôi có cảm giác tiếng ho vọng lại từ bóng tôi kia nghe như của người nào khác chứ không phải tôi. Nước bọt của tôi vẫn đượm mùi kẹo chanh.

* * *

Tôi đập nắp giếng lại rồi đặt tảng bê tông đè lên. Rồi tôi nhìn đồng hồ. Gần 11 giờ

ruồi. Đã đến lúc về gọi cho Kumiko trong giờ nghỉ ăn trưa.

- Anh phải về nhà đây, - tôi nói.

Kasahara khẽ cau mày.

- Thế thì đi ngay đi, Chim vặn dây cót. Bay về nhà đi, - cô nói.

Lúc tôi băng qua sân, con chim đá vẫn đang nhìn trời bằng cặp mắt khô queo. Bầu trời vẫn phủ một lớp mây dày xám xịt, không có khe hở nào cho ánh nắng lọt qua, nhưng ít nhất mưa đã tạnh. Kasahara ngắt một búi cỏ ném lên trời. Vì không có gió cuốn đi nên những nhánh cỏ lại rơi lả tả dưới chân cô.

- Từ giờ cho đến khi mặt trời lặn còn bao nhiêu là thì giờ nữa nhỉ, - cô nói mà không nhìn tôi.

- Ủ, còn nhiều, - tôi nói.

6

Về sự chào đời của Okada Kumiko và Wataya Noboru



Là con một trong gia đình, tôi thật khó hình dung anh chị em ruột trong một nhà thường cảm thấy gì lúc gặp nhau sau khi ai nấy đều đã lớn và có cuộc sống riêng. Trong trường hợp Kumiko, bất cứ khi nào ai đó nhắc tới Wataya Noboru thì nàng lại có một vẻ mặt kì lạ, như thể nàng vừa tình cờ cho một món gì đó có mùi vị khó chịu vào mồm. Nhưng chính xác là vẻ mặt đó ẩn chứa cái gì, tôi chịu không biết được. Về phần mình, tôi chẳng có mấy may mắn cảm với anh ta.

Kumiko cũng biết và thấy điều đó hoàn toàn tự nhiên. Bản thân nàng cũng chẳng ưa gì ông anh. Giả như không phải hai anh em ruột thì thật khó hình dung ra cảnh hai người nói chuyện với nhau. Thế nhưng quả thực họ là anh em ruột, điều đó càng khiến mọi chuyện thêm rắc rối. Sau khi tôi cãi nhau om sòm với ông bố và cắt đứt quan hệ với gia đình, hầu như không có dịp nào gặp lại Wataya Noboru. Cuộc cãi nhau đó quả thực là kịch liệt. Trong đời tôi không có mấy khi cãi nhau với ai - tôi vốn không thuộc loại người hay tranh cãi -, nhưng khi đã lâm vào thế chẳngặng đặng dừng thì tôi cãi tới cùng, không ngừng được. Nhưng sau mỗi lần như vậy, khi đã trút sạch những gì

dồn nén trong lòng, cơn giận dữ của tôi đều biến đây mất một cách kỳ lạ. Không còn căm ghét, chẳng còn phần uất, chỉ còn thấy hết sức nhẹ nhõm rằng tôi sẽ không bao giờ phải gặp lại ông ta nữa; rằng tôi đã trút được gánh nặng phải mang đã quá lâu này. Thậm chí tôi còn thấy thông cảm với cuộc đời lắm gian truân vất vả của ông ta, dù cuộc đời đó với tôi có vẻ ngu ngốc và đáng tởm đến đâu đi nữa. Tôi bảo Kumiko tôi sẽ không bao giờ gặp lại cha mẹ nàng nữa nhưng riêng nàng thì khi nào muốn về thăm họ cũng được, chỉ có điều không có tôi. Nhưng Kumiko cũng chẳng thiết tha gì chuyện về thăm cha mẹ.

Hồi đó Wataya Noboru đang sống cùng

cha mẹ, song khi cuộc cãi vã bùng lên giữa cha anh ta và tôi, anh ta chỉ rút lui, chẳng nói với ai một lời nào. Điều đó tôi không lạ. Anh ta chẳng mảy may quan tâm đến tôi. Anh ta tránh hết sức để không gặp mặt tôi trừ những lúc thực sự cần thiết. Vì vậy, mỗi khi đã không còn đến thăm cha mẹ Kumiko, tôi cũng chẳng còn lý do gì để gặp lại Wataya Noboru. Bản thân Kumiko cũng chẳng còn lý do đặc biệt gì để gặp anh ta. Anh ta bận, nàng cũng bận, nhưng cái chính là hai người chưa bao giờ thân thiết với nhau. Tuy vậy thỉnh thoảng Kumiko cũng gọi điện đến văn phòng khoa của anh ta, đôi khi anh ta cũng gọi điện cho nàng ở công ty (nhưng không bao giờ gọi về nhà

chúng tôi). Nàng thường thông báo lại với tôi về những cuộc trò chuyện đó, nhưng không đi vào chi tiết. Tôi không bao giờ hỏi, nàng cũng không bao giờ tự kể rõ hơn nếu không cần thiết.

Tôi không cần biết Kumiko và Wataya Noboru nói với nhau những gì. Bảo vậy không có nghĩa là tôi khó chịu khi biết hai người có nói chuyện với nhau. Đơn giản là tôi không hiểu hai con người khác nhau đến thế thì có gì để nói chuyện với nhau? Hay chỉ vì họ là hai anh em nên mới có chuyện để nói?

Tuy là anh em nhưng Wataya Noboru và Kumiko cách nhau những chín tuổi. Một lý do nữa khiến hai anh em ít gần gũi

nhau, ấy là hồi nhỏ Kumiko sống với ông bà nội suốt mấy năm liền.

Nhà Wataya không chỉ có hai đứa con là Kumiko và Noboru. Giữa hai anh em còn có một người con gái nữa, lớn hơn Kumiko hai tuổi. Tuy nhiên, hồi Kumiko mới ba tuổi cha mẹ đã gửi nàng từ Tokyo về tỉnh Niigata xa xôi cho ông bà nội nuôi nấng một thời gian. Về sau cha mẹ bảo nàng rằng họ làm vậy bởi hồi nhỏ nàng ốm đau quặt quẹo luôn, thành thử không khí trong lành ở thôn quê chắc sẽ có ích cho nàng, nhưng nàng chẳng bao giờ tin hẳn lời họ nói. Theo nàng nhớ thì nàng chưa bao giờ đau yếu cả. Nàng chưa hề ốm nặng bao giờ, người thân ở Niigata hình như cũng không ai phải lo

lẳng lăm về sức khỏe của nàng. "Em tin chắc đó chẳng qua là cái có thôi", có lần Kumiko bảo tôi vậy.

Nỗi ngờ vực của nàng được củng cố bởi một chuyện nàng nghe được từ một người bà con. Hóa ra mẹ và bà nội của Kumiko từng có một mối bất hòa kéo dài, và quyết định đưa Kumiko về Niigata là kết quả một sự thỏa thuận giữa hai người.

Bằng cách giao con cho bà nội nuôi một thời gian, cha mẹ Kumiko đã làm bà nguôi giận, còn đến lượt mình, nhờ được nuôi dạy cháu một thời gian nên bà nội củng cố được quan hệ với con trai (tức cha của Kumiko). Nói cách khác, Kumiko đã là một kiểu con tin.

- Ngoài ra, - Kumiko kể với tôi. - ba mẹ

em đã có hai đứa con rồi, thành thử cho đi đứa thứ ba cũng chẳng mất mát gì ghê gớm. Dĩ nhiên là không phải ba mẹ có ý bỏ em luôn; hình như ba mẹ chỉ nghĩ rằng bởi em còn quá nhỏ nên đi xa khỏi nhà như thế cũng chẳng hề gì. Có lẽ ba mẹ đã không biết nghĩ cho thấu đáo về chuyện đó. Chẳng qua đó là giải pháp dễ dàng nhất cho tất cả mọi người. Anh có tin được không? Em không biết tại sao ba mẹ chẳng hiểu rằng chuyện đó có tác động như thế nào đến một đứa bé.

Nàng được bà nội nuôi nấng ở Niigata từ năm ba tuổi đến năm sáu tuổi. Những năm tháng đó trong đời nàng gọi là u buồn hay phi tự nhiên thì cũng không đúng. Bà nội cưng nàng như cưng trứng

mỏng, Kumiko cũng thích chơi với mấy anh em họ bằng tuổi mình hơn là chơi với anh chị ruột vốn lớn hơn nàng nhiều. Cuối cùng, khi Kumiko đến tuổi đi học, ba mẹ đón nàng về Tokyo. Ba mẹ bắt đầu dấm lo rằng đứa con gái đã xa họ quá lâu nên khẳng khẳng đòi đưa về trước khi quá muộn. Nhưng theo nghĩa nào đó thì đã quá muộn. Suốt mấy tuần sau khi quyết định cho nàng về lại Tokyo, bà nội ngày càng rơi vào trạng thái kích động. Bà thôi ăn và ngủ rất ít. Bà khi khóc khi cười, lúc lại hoàn toàn câm lặng. Mới phút trước bà vừa siết chặt Kumiko vào lòng đến tức thở, phút sau bà đã lấy thước kẻ phát vào tay Kumiko mạnh đến nỗi hằn đỏ cả lên. Phút trước bà bảo bà không muốn cháu đi, rằng bà thà chết còn

hơn mất cháu, phút sau bà lại bảo bà không muốn thấy mặt cháu nữa, rằng bà muốn tống cháu đi cho khuất mắt. Bằng những lời lẽ không thể nào thậm tệ hơn, bà rửa xả mẹ Kumiko, bảo rằng mẹ nàng là một mụ đàn bà khốn nạn. Thậm chí bà còn đâm kéo vào cổ tay định tự sát. Kumiko không hiểu nổi điều gì đang diễn ra quanh mình nữa. Mọi chuyện vượt ngoài khả năng lĩnh hội của nàng. Thế là nàng quyết định khép mình trước ngoại giới. Nàng nhắm mắt lại. Nàng khép tai lại. Nàng đóng chặt tâm trí mình. Nàng không nghĩ gì nữa, không hy vọng gì nữa. Một tháng sau đó là một khoảng trống hoàn toàn trong ký ức nàng. Nàng tuyệt chẳng nhớ bất cứ điều gì xảy ra

trong thời gian đó. Khi hồi tỉnh, nàng thấy mình đang ở trong một ngôi nhà mới. Đó là ngôi nhà lẽ ra nàng đã sống từ xưa đến nay. Ba mẹ nàng sống ở đây, anh nàng cũng thế, chị nàng cũng thế. Nhưng đó không phải nhà của nàng. Nó chỉ là một môi trường sống mới mà thôi. Kumiko trở thành một đứa trẻ lẫm lì, khó tính trong môi trường mới đó. Không ai là người cô bé có thể tin, không ai là người cô bé có thể tin vậy vô điều kiện. Ngay cả trong vòng tay cha mẹ, cô cũng không bao giờ hoàn toàn thoải mái. Cô không biết mùi cơ thể họ; cái mùi lạ lẫm đó khiến cô bứt rứt khó chịu. Thậm chí có đôi khi cô còn căm ghét nó. Người duy nhất trong nhà mà Kumiko dần dần

cởi mở hơn, dù một cách khó khăn, là chị gái. Cha mẹ đã hết hy vọng có thể gần gũi được cô bé; anh trai gần như không biết đến sự tồn tại của cô. Nhưng chị gái thì thấu hiểu sự bất loạn và nỗi cô đơn ẩn sau thái độ bướng bỉnh đó. Chị ở suốt ngày bên Kumiko, ngủ cùng buồng với cô, nói chuyện với cô, đọc sách cho cô nghe, đưa cô đi học, giúp cô làm bài tập. Những khi Kumiko rúc vào một góc giường mà khóc hàng giờ, chị gái luôn có mặt, ngồi một bên, ôm chặt cô vào lòng. Chị làm tất cả những gì có thể để tìm đường đến với cõi lòng sâu kín của Kumiko. Giả như chị không chết vì trúng độc thức ăn chỉ một năm sau Kumiko từ Niigata trở về thì mọi chuyện hẳn đã khác đi rất nhiều.

- Nếu chị còn sống thì mọi chuyện trong gia đình hẳn đã tốt hơn rồi, Kumiko nói.

– Mới mười một tuổi chị ấy đã là trụ cột về tinh thần cho cả gia đình. Giá như chị không chết thì mọi người khác trong nhà hẳn đã ít khác người hơn. Ít nhất thì em cũng không phải là một trường hợp hết thuốc chữa như thế này. Anh có hiểu ý em không? Em thấy mình thật có lỗi sau chuyện đó. Tại sao em không chết thay cho chị? Tại sao em đây, một đứa chẳng ai cần tới, chẳng đem lại niềm vui cho ai, tại sao em không chết đi? Ba mẹ và anh trai hiểu rõ cảm xúc của em, nhưng họ không hé một lời để an ủi em. Mà đâu chỉ có thế. Họ không từ bất cứ cơ hội nào để nói về người chị quá cố của em:

nào chị ấy xinh, nào chị ấy thông minh, nào ai cũng thích chị ấy, nào chị ấy chu đáo quan tâm đến mọi người, nào chị ấy chơi piano giỏi! Thế rồi họ bắt em phải học chơi piano! Sau khi chị mất thì cũng phải có ai sử dụng cây đàn piano to dùng kia chứ! Nhưng em chẳng thích chơi piano tí nào! Em biết mình sẽ chẳng bao giờ chơi hay như chị ấy, em cũng không cần có thêm một cách để chứng tỏ em kém cỏi thế nào so với chị ấy. Em không thể thế chỗ cho bất cứ ai, nói gì đến cho chị ấy. Nhưng chẳng ai nghe em. Không ai thèm nghe em cả! Mãi đến giờ, hể nhìn thấy piano là em ghét cay ghét đắng. Thấy ai đó chơi piano là em không chịu nổi.

Tôi vô cùng phần nộ với gia đình Kumiko khi nghe nàng kể. Phần nộ vì những gì họ đã làm với nàng. Vì những gì họ đã không làm được cho nàng. Ấy là hồi chúng tôi chưa cưới. Hai chúng tôi chỉ mới quen nhau được hai tháng. Đó là một sáng Chủ nhật yên tĩnh, chúng tôi đang nằm trên giường. Nàng kể một hồi lâu về thời thơ ấu, như thể gỡ dần một sợi chỉ rối, thỉnh thoảng lại ngừng để đánh giá tầm quan trọng của từng sự kiện nàng vừa thổ lộ. Đó là lần đầu tiên nàng kể nhiều đến vậy về mình. Trước buổi sáng hôm đó tôi hầu như chẳng biết gì về gia đình hay thời thơ ấu của nàng. Tôi biết tính nàng trầm lặng, rằng nàng thích vẽ, rằng nàng có mái tóc dài thật đẹp,

rằng nàng có hai cái bớt trên bả vai phải.
Và rằng tôi là người đàn ông đầu tiên
trong đời nàng.

Nàng vừa kể vừa khóc thút thít. Tôi hiểu
tại sao nàng cần phải khóc. Tôi ôm nàng
trong vòng tay, vuốt tóc nàng.

- Nếu chị ấy còn sống, em tin chắc anh sẽ
yêu chị ấy, - Kumiko nói. - Hồi xưa ai
cũng yêu chị ấy. Vừa thấy lần đầu là đã
yêu ngay.

- Có thể, - tôi nói. - Nhưng anh lại phải
lòng em. Chuyện ấy đơn giản lắm mà.
Chỉ có anh và em thôi. Chị của em chẳng
có liên quan gì ở đây hết.

Kumiko nằm đó một hồi mà ngẫm nghĩ. 7
giờ rưỡi sáng Chủ nhật: khi mọi âm thanh
đều êm dịu và nhẹ bỗng. Tôi nghe tiếng

bồ câu vỗ cánh bay ngang qua mái căn hộ của tôi, ai đó gọi chó ở xa xa.

Kumiko nhìn không rời mắt vào một điểm duy nhất trên trần nhà.

- Này, nói em nghe, anh có thích mèo không?

- Có chứ, anh mê mèo lắm, - tôi nói. —
Hồi nhỏ lúc nào anh cũng có một con mèo. Anh chơi với nó suốt, ngủ cũng ôm mèo.

- Hay quá! Từ nhỏ em đã thích có mèo đến chết được. Nhưng người ta không cho em nuôi. Mẹ em ghét mèo. Cả đời chưa bao giờ em thử cố sao cho có được cái mình muốn cả. Chưa một lần nào cả. Anh có tin được không? Anh không thể hiểu sống như vậy là thế nào đâu. Khi

anh đã quen với cuộc sống đó rồi – không bao giờ có được cái mình muốn – thì anh sẽ không còn biết mình muốn gì nữa.

Tôi nắm tay nàng.

- Có thể từ trước đến giờ với em là vậy. Nhưng em không còn là trẻ con nữa. Em có quyền chọn cho mình một cuộc sống riêng. Em có thể bắt đầu lại. Nếu muốn có mèo, em chỉ việc chọn một cuộc sống mà trong đó em có một con mèo. Đơn giản thôi mà. Đó là quyền của em... đúng không?

Mắt nàng nhìn chăm chăm vào tôi.

- Ừ... đúng vậy.

Vài tháng sau, Kumiko và tôi bàn chuyện cưới nhau.

* * *

Nếu thiếu thời của Kumiko trong căn nhà đó què quặt, nặng nề, thì thời thơ ấu của Wataya Noburu lại méo mó đến độ phi tự nhiên theo một cách khác. Cha mẹ yêu thằng con duy nhất đến mức cuồng si, nhưng họ không chỉ nâng niu, vỗ vập thằng bé mà còn đòi hỏi ở nó nhiều thứ. Người cha tin chắc như đinh đóng cột rằng cách duy nhất để có một cuộc sống sung túc trong xã hội Nhật là phải đạt được những thành tích cao nhất đồng thời gạt bỏ bất cứ ai hay bất cứ cái gì chần ngang đường tiến thân của ta. Ông ta tin chắc vào triết lý đó với một niềm tin sắt đá.

Chẳng bao lâu sau khi cưới Kumiko, tôi

nghe được những lời như vậy từ chính ông ta. Con người ta sinh ra vốn không bình đẳng, ông ta nói. Lý tưởng bình đẳng này nọ nghe thì phải đạo, song chỉ là những thứ vớ vẩn người ta dạy ở trường. Nhật Bản có một thể chế chính trị dân chủ, nhưng đồng thời cũng là một xã hội phân chia giai cấp theo một thứ luật rừng khốc liệt, cá lớn nuốt cá bé, thành thử nếu không trở thành một kẻ trong tầng lớp tinh hoa thì sống ở cái xứ này chẳng để làm gì. Anh sẽ bị nghiền nát thành cám. Anh phải giành giật từng nấc thang một để leo lên, leo lên mãi. Cái tham vọng này hoàn toàn lành mạnh. Nếu người ta đánh mất tham vọng đó, nước Nhật sẽ tiêu vong. Tôi không đưa ra ý kiến gì đáp lại quan điểm của bố vợ. Mà

ông ta cũng chẳng cần nghe ý kiến của tôi. Đơn giản là ông ta tuân ra niềm tin của mình, cái niềm tin ông cho tin là ngàn đời cũng không đổi.

Mẹ của Kumiko là con gái một quan chức cao cấp. Bà lớn lên ở Yamanote, khu thượng lưu của Tokyo, chưa bao giờ thiếu thốn thứ gì, cũng chẳng có một ý kiến hay tính cách nào để đối chọi lại ông chồng. Theo như tôi thấy, bà ta không có ý kiến về bất cứ sự kiện hay sự vật gì nếu nó không bày ra ngay trước mặt bà ta (nói cho ngay, bà ta bị cận thị cực nặng). Còn nhớ có lúc nào đó buộc phải phát biểu ý kiến về một cái gì đó nằm ngoài tầm nhìn của mình, bà ta lại vay mượn ý kiến chồng. Giá như bà ta

chỉ có vậy thì cũng chẳng làm phiền ai, song, cũng như hầu hết các phụ nữ tương tự, bà ta mắc chứng hợm hĩnh không thể nào chịu nổi. Những kẻ như vậy không có thang giá trị nào cho riêng mình mà chỉ có thể tìm được chỗ đứng trong thiên hạ bằng cách vay mượn các chuẩn mực hoặc quan điểm của người khác. Nguyên lý duy nhất chi phối tâm trí họ là “Mình trông thế nào trong mắt thiên hạ?”. Thế nên bà Wataya trở thành một phụ nữ hẹp hòi, bộp chộp, chẳng quan tâm đến gì khác ngoài địa vị của chồng mình trong chính phủ và thành tích học hành của đứa con trai. Mọi thứ khác không có ý nghĩa gì với bà ta hết.

Thế là ông cha bà mẹ ra sức nhồi nhét

cái triết lý đáng ngờ và thế giới quan méo mó của họ vào đầu cậu bé Wataya Noburu. Họ nhồi sọ nó, cho nó học những gia sư tốt nhất mà họ mua được bằng tiền. Mỗi khi nó đạt thứ hạng cao, họ lại thưởng bằng cách mua cho nó bất cứ thứ gì nó muốn. Thời thơ ấu của nó đầy ứ xa hoa vật chất, nhưng khi đến giai đoạn có những rung động và cảm xúc đầu đời, cậu bé chẳng lấy đâu ra thì giờ cho bạn gái, chẳng có dịp nào đi chơi với lũ bạn trai. Cậu phải trút toàn bộ sức lực vào việc duy trì vị trí số một. Wataya Noburu có thích cuộc sống đó chẳng, tôi không biết. Kumiko cũng không. Wataya Noburu không phải loại người hay thổ lộ cảm xúc với người khác: không thổ lộ với em gái, không bộc bạch với cha mẹ,

không cởi mở với bất kỳ ai. Và chẳng, anh ta chẳng có lựa chọn nào khác. Tôi thấy hình như có những phương thức suy nghĩ giản đơn và một chiều đến nỗi ta không thể nào cưỡng lại được. Dù thế nào, Wataya Noburu cũng đã tốt nghiệp trường tư dành cho giới thượng lưu, thi đỗ vào khoa kinh tế Đại học Tokyo và tốt nghiệp ngôi trường danh giá này với thứ hạng danh giá nhất.

Người cha muốn rằng tốt nghiệp đại học xong anh ta vào làm việc trong chính phủ hay một tập đoàn hàng đầu nào đó, nhưng Wataya lại quyết định theo con đường học thuật và trở thành học giả. Anh ta không phải thẳng ngốc. Anh ta biết, môi trường thích hợp với mình không phải là

cái thế giới nơi anh ta phải giải quyết các vấn đề thực tiễn cùng với những người khác, mà là cái thế giới đòi hỏi sử dụng tri thức một cách có kỷ luật và hệ thống, cái thế giới đề cao kỹ năng cá nhân của người trí thức. Anh ta theo học năm thứ hai sau đại học ở Yale rồi trở lại theo chương trình nghiên cứu sinh ở Tokyo. Vâng lời cha mẹ, anh ta lấy vợ, đám cưới do hai nhà sắp đặt, nhưng cuộc hôn nhân kéo dài không quá hai năm. Sau khi ly dị, anh ta lại về sống với cha mẹ. Cho tới khi tôi gặp anh ta lần đầu, Wataya Noburu đã là một tay dờ dờ ương ương, một thằng cha không thể nào ưa nổi.

Sau khi tôi cưới Kumiko được hai năm,

Wataya Noburu xuất bản một cuốn sách to, dày. Đó là một công trình nghiên cứu kinh tế đầy rẫy thuật ngữ chuyên môn; tôi đã cố đọc, nhưng đã không thể hiểu tí gì những điều anh ta nói. Không hiểu nổi lấy một trang. Tôi chẳng biết là do nội dung quá khó với tôi hay do tác giả viết tồi. Thế nhưng dân trong ngành thì khen lấy khen để. Một tay điểm sách tuyên bố đây là “một loại công trình kinh tế hoàn toàn mới được viết từ một quan điểm hoàn toàn mới”, nhưng đọc hết bài điểm sách tôi cũng chỉ hiểu được mỗi một câu đó thôi. Chẳng bao lâu giới truyền thông bắt đầu giới thiệu anh ta là “người hùng của thời đại mới”. Hàng đông sách ra đời để diễn giải cuốn sách của anh ta. Hai thành ngữ anh ta chế ra, “kinh tế tính

dục” và “kinh tế bài tiết” trở thành câu đầu lưỡi của thiên hạ. Báo và tạp chí đăng trên trang nhất những bài viết về anh ta như một trong các trí thức của thời đại mới. Tôi không tin rằng chính tác giả mấy bài báo đó thật sự hiểu Wataya Noburu nói gì trong cuốn sách của anh ta. Thậm chí tôi ngờ rằng họ chưa hề giở cuốn sách đó ra lần nào nữa kia. Nhưng điều đó chẳng làm họ bận tâm chút nào hết. Wataya Noburu còn trẻ, độc thân, và đủ thông minh để viết một cuốn sách không ai hiểu.

Nó làm anh ta nổi tiếng. Các tạp chí đua nhau mời anh ta viết bài. Anh ta xuất hiện trên truyền hình để bình luận về các vấn đề chính trị và kinh tế. Chẳng mấy

chốc anh ta trở thành thành viên thường trực của các chương trình thảo luận bàn tròn về chính trị. Những ai từng biết Wataya Noburu (trong đó có Kumiko và tôi) không thể nào hình dung anh ta lại thích hợp với trò phô phang trước người khác đến vậy. Ai cũng định ninh anh ta là loại người thuần túy sách vở, chẳng quan tâm đến bất cứ gì ngoài lĩnh vực chuyên môn. Nhưng hóa ra, bước vào thế giới truyền thông, anh ta nhập vai mới thật dễ dàng, còn tỏ ra khoái trá là khác. Anh ta không hề nao núng khi bị ống kính quay phim chĩa vào mình. Thậm chí trước ống kính anh ta trông còn thoải mái ung dung hơn cả trong thế giới thực. Chúng tôi vô cùng sửng sốt quan sát sự biến hình đột ngột của anh ta. Gã Wataya Noburu

chúng tôi thấy trên truyền hình vận những bộ com lê đắt tiền, cà vạt chọn kỹ không chê vào đâu được, đeo kính gọng đồi mồi. Anh ta để kiểu tóc mới nhất. Rõ ràng anh ta được chăm sóc bởi một tay làm đầu chuyên nghiệp. Tôi chưa thấy anh ta khoe bộ cánh chảnh chọe đến thế bao giờ. Mà thậm chí nếu bộ cánh đó là do hãng truyền hình bắt anh ta mặc thì anh ta cũng đã khoác lên người một cách hết sức tự nhiên, như thể suốt đời anh ta vẫn luôn ăn mặc thế. Con người này là ai vậy? Tôi đã tự hỏi khi lần đầu tiên gặp anh ta. Wataya Noburu đích thực ở đâu? Trước ống kính anh ta đóng vai Người Ít Nói. Mỗi khi ai hỏi ý kiến, anh ta trả lời đơn giản, rõ ràng, chính xác và súc tích.

Khi cuộc tranh luận nóng lên và những người khác vận hết gân cổ mà gào, anh ta vẫn bình thản. Khi bị tấn công bằng những câu hỏi gai góc, anh ta điềm tĩnh, mặc đối phương muốn nói gì thì nói, sau đó chỉ cần buông một câu duy nhất là đập tan mọi lý lẽ của y. Anh ta học được cái nghệ thuật giữ cho giọng nói vẫn đều đều, nụ cười vẫn trên môi mà tung ra ngón đòn chí mạng. Trên màn ảnh truyền hình, anh ta có vẻ thông minh và đáng tin cậy hơn nhiều so với Wataya Noburu trong thực tế. Tôi không biết làm sao anh ta đạt được như vậy. Anh ta không điển trai, nhưng cao ráo, mảnh dẻ, phong thái đường hoàng, rõ con nhà dòng dõi. Bằng phương tiện truyền hình, Wataya Noburu đã tìm được đúng chỗ cho mình. Truyền

thông đại chúng dang rộng tay chào đón anh ta, và anh ta cũng chào đón nó nồng nhiệt như thế.

Thế nhưng tôi không thể nào chịu nổi cái bộ dạng anh ta, dù trên báo hay trên truyền hình. Anh ta là người có tài, có năng lực, tôi không phủ nhận. Tôi nhận thấy quá rõ là khác. Anh ta biết cách quật nốc ao đối thủ một cách chóng vánh và hiệu quả chỉ bằng một vài lời. Anh ta có cái bản năng của loài thú là đánh hơi chiều gió. Nhưng nếu để ý kỹ những gì anh ta nói hay viết, ta sẽ thấy lời lẽ anh ta thiếu sự nhất quán. Chúng không hề phản ánh một thế giới quan duy nhất dựa trên một niềm tin sâu sắc. Thế giới của anh ta là một thế giới mà anh ta dựng nên

bằng cách lắp ghép vài ba hệ tư tưởng một chiều. Nếu cần, anh ta có thể xáo xáo lại cái kết cấu đó để tạo ra một hệ quan điểm mới trong nháy mắt. Đó là những trò biến dị và tổ hợp tư duy rất tài tình, thậm chí phải nói là đầy nghệ thuật. Nhưng với tôi, tất cả những cái đó chỉ là một trò chơi, không hơn không kém. Nếu trong các quan điểm của anh ra có cái gì đó gọi là nhất quán, ấy là cái sự trước sau như một chẳng có gì nhất quán, và nếu anh ta có một thế giới quan thì thế giới quan đó có thể gọi là “tôi chẳng có thế giới quan nào sất”. Nhưng chính những sự thiếu vắng đó lại là hành trang trí tuệ của anh ta. Sự nhất quán và một thế giới quan vững chắc chỉ là những thứ thừa thãi không cần thiết trong những

cuộc giao đấu trí tuệ diễn ra trong một thời lượng ngắn ngủi trên truyền hình, thành thử không có những cái đó hóa ra lại là ưu thế lớn của anh ta.

Anh ta chẳng có gì để bảo vệ, nghĩa là anh ta có thể hoàn toàn chú tâm vào những “hành vi giao chiến” thuần túy. Anh ta chỉ cần tấn công, chỉ cần hạ nóc ao đối thủ. Wataya Noburu là một con tắc kè trí thức, đổi màu tùy theo màu của đối thủ, biết điều chỉnh các lập luận logic của mình tùy từng trường hợp sao cho đạt hiệu quả tối đa, và làm các lập luận đó vững chắc hơn bằng tài hùng biện. Tôi không biết làm cách nào anh ta học được những kỹ năng đó, nhưng rõ ràng anh ta có biệt tài thu hút cảm tình

của đám đông khán giả. Anh ta biết cần dùng loại lập luận nào có khả năng tác động mạnh nhất đến số đông. Mà các lập luận đó cũng chẳng cần phải có logic, chúng chỉ cần có vẻ như thế, điều quan trọng là chúng đánh vào tâm tư tình cảm người xem.

Một thế mạnh khác của anh ta là phô thuật ngữ chuyên môn. Dĩ nhiên chẳng ai biết mấy thuật ngữ ấy có ý nghĩa gì, nhưng anh ta có khả năng đưa chúng ra với cái vẻ như nếu bạn không hiểu thì tại bạn thôi. Anh ta lại còn luôn trích dẫn số liệu thống kê. Những số liệu ấy nằm sẵn trong đầu anh ta, chúng khiến cho lý lẽ anh ta càng có sức thuyết phục, nhưng nếu về sau nghĩ lại, ta sẽ nhận ra rằng

chẳng ai đặt nghi vấn về nguồn hoặc tính tin cậy của các số liệu đó cả.

Những thủ thuật tinh khôn của anh ta thường khiến tôi điên tiết, nhưng tôi chưa bao giờ giải thích được với người khác cụ thể cái gì làm tôi bức bối. Tôi chưa khi nào dựng được một lý lẽ đủ sức quật lại anh ta. Chẳng khác gì đấu quyền Anh với một bóng ma: những quả đấm của ta chỉ vụt vào khoảng không. Tôi bị sốc khi thấy ngay những vị thức giả tinh tường nhất cũng bị cuốn vào cuộc chơi của anh ta. Điều đó khiến tôi khó chịu một cách kỳ lạ.

Thế là Wataya Noburu dần dần được coi như một trong những nhân vật trí thức sáng láng nhất thời đại. Dường như

chẳng còn ai để ý đến sự nhất quán này
nọ nữa. Cái duy nhất mà họ quan tâm khi
bật tivi lên là cuộc giao tranh giữa các
võ sĩ giác đấu trên đấu trường tri thức,
máu họ đổ ra càng đỏ càng hay. Và nếu
như cùng một người đó hôm thứ Hai nói
một điều còn đến thứ Năm lại nói một
điều hoàn toàn ngược lại thì cũng chẳng
sao.

* * *

Tôi gặp Wataya Noburu lần đầu khi
Kumiko và tôi quyết định lấy nhau. Tôi
muốn nói chuyện với anh ta trước khi
gặp cha nàng. Tôi cứ đinh ninh rằng, do
là người trạc tuổi tôi, anh ta hẳn sẽ giúp
phần nào đó để buổi nói chuyện với cha
nàng được suôn sẻ.

- Em e rằng anh không thể trông mong anh ấy giúp đâu, - Kumiko nói, chẳng hiểu sao có vẻ ngập ngừng thấy rõ. – Nói sao cho anh hiểu đây... Anh ấy không phải loại người đó.

- Trước sau gì anh cũng phải gặp anh ấy kia mà, - tôi nói.

- Ừ thì thế.

- Cứ thử gặp xem sao. Ở đời việc gì chả vậy, có thử mới biết được.

- Thôi được. Mình cứ thử xem.

Qua điện thoại Wataya Noburu chẳng tỏ ra nhiệt tình cho lắm về việc gặp tôi.

Nhưng nếu cậu khẩn khoản xin gặp thì tôi có thể dành cho cậu nửa giờ, anh ta nói.

Chúng tôi quyết định gặp nhau ở một quán cà phê gần ga Ochanomizu. Hồi đó

anh ta chỉ mới là trợ giảng ở đại học, hãy còn chưa viết cuốn sách và hóa ra đom dáng như mãi sau này. Chiếc túi áo khoác của anh ta bọc tung, chắc vì thói quen thọc hai nắm tay vào đó quá lâu. Tóc anh ta lẽ ra phải tỉa bớt từ hai tuần trước. Chiếc sơ mi thể thao màu tương mù tạc của anh ta hoàn toàn không đi với chiếc áo khoác hàng hải bằng vải tuyết xanh xám. Anh ta có cái dáng điển hình của những tay trợ giảng ở trường đại học mà với họ tiền là một thứ gì rất ư xa lạ. Mắt anh ta có cái vẻ ngái ngủ của những người vừa mới chui từ thư viện ra sau khi miệt mài nghiên cứu cả ngày giữa hàng đống sách, song nếu nhìn kỹ sẽ còn thấy một ánh lạnh lùng, sắc như dao trong cặp mắt đó.

Tự giới thiệu xong, tôi nói tôi đang dự định cưới Kumiko trong thời gian tới. Tôi cố giải bày mọi chuyện hết sức chân thành. Tôi bảo tôi đang làm việc cho một hãng luật, nhưng tôi biết công việc đó không phù hợp với mình. Tôi vẫn đang tìm kiếm chính mình. Người như tôi mà tính chuyện lấy vợ thì nghe có vẻ điên rồ, nhưng tôi nói tôi yêu Kumiko, và tôi tin mình có thể làm nàng được hạnh phúc. Hai chúng tôi có thể mang lại sức mạnh và niềm an ủi cho nhau.

Lời của tôi xem ra chẳng có tác dụng gì với Wataya Noburu. Anh ta ngồi khoanh tay, lẳng lặng nghe. Thậm chí sau khi tôi đã nói xong, anh ta vẫn ngồi im như phỗng thêm một hồi lâu, như đang mải

nghe chuyện khác.

Ngay từ đầu tôi đã cảm thấy lúng túng với sự hiện diện của anh ta, nhưng tôi cho rằng đó là do tình huống tế nhị. Hẳn ai cũng sẽ lúng túng khi phải nói với một kẻ hoàn toàn xa lạ: “Tôi muốn cưới em gái anh làm vợ”. Nhưng khi ngồi đối diện anh ta, cái cảm giác lúng túng đó từ từ dâng lên thành một nỗi khó chịu trong tôi. Cảm giác đó giống như có một khối vật chất lạ đang lên men chua loét trong dạ dày mình. Chẳng phải vì lời lẽ hay cử chỉ anh ta có gì đó xúc phạm tôi. Vấn đề là bộ mặt: chính cái bộ mặt của Wataya Noburu. Tôi có linh cảm rằng bộ mặt đó được che giấu dưới một lớp gì đó hoàn toàn khác. Có gì đó không ổn. Đó không

phải bộ mặt thật của anh ta. Tôi không sao rũ bỏ được cảm giác đó.

Tôi muốn đứng dậy đi khỏi ngay, càng xa càng tốt. Tôi đã định làm vậy thật, nhưng đâm lao thì phải theo lao, mình đã trót khơi mào câu chuyện thì phải ngồi cho rớt. Thế là tôi vẫn ngồi, vừa nhấp tách cà phê đã nguội vừa chờ anh ta nói cái gì đó.

Khi cất lời, dường như anh ta cố tình điều chỉnh giọng mình nhỏ lại nhằm tiết kiệm năng lượng.

- Thật tình mà nói, tôi không hiểu mà cũng chẳng quan tâm tới những chuyện cậu vừa nói với tôi. Những gì tôi quan tâm thuộc về một cấp độ hoàn toàn khác, những thứ mà tôi tin chắc cậu không hiểu

mà cũng chẳng quan tâm tới. Để nói càng ngắn gọn càng tốt, nếu cậu yêu Kumiko và cô ấy muốn lấy cậu thì tôi không có quyền cũng chẳng có lý do gì để ngăn cản. Vì vậy tôi sẽ không ngăn cản. Tôi chẳng buồn nghĩ tới việc đó nữa là.

Nhưng mặt khác, cậu cũng đừng trông mong gì hơn ở tôi. Và quan trọng nhất là, đừng mong tôi phí thêm thời gian vào việc này nữa.

Anh ta xem đồng hồ rồi đứng dậy. Lời tuyên bố của anh ta thật ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề. Không thừa, không thiếu. Tôi hiểu rành mạch cả điều anh ta muốn nói lẫn những gì anh ta nghĩ về tôi. Chúng tôi chia tay nhau như thế.

Sau khi Kumiko và tôi lấy nhau, Wataya

Noburu trở thành anh vợ tôi, thành thử có nhiều lúc tình huống buộc tôi và anh ta phải trao đổi vài lời tuy không hẳn là trò chuyện. Như anh ta có lần nói, hai chúng tôi chẳng có gì chung, nên dù chúng tôi nói gì thì nói những khi gặp mặt nhau, những lời đó không bao giờ phát triển thành một cuộc trò chuyện được. Chả khác gì hai người nói hai thứ tiếng khác nhau vậy. Giả sử Đạt lai Lạt Ma đang nằm hấp hối trên giường trong khi nghệ sĩ nhạc jazz Eric Dolphy ra sức giải thích cho ngài về tầm quan trọng của việc chọn đúng loại dầu máy ô tô phù hợp với những thay đổi của âm sắc kèn clarinet bass, cuộc đối thoại đó có khi còn hữu ích và hiệu quả hơn những trao đổi dăm câu ba chữ giữa tôi và Wataya

Noburu.

Tôi hiếm khi mang những tình cảm tiêu cực kéo dài do gặp phải người này hay người nọ. Dĩ nhiên, ai đó có thể làm tôi cáu tiết hoặc khó chịu, nhưng chuyện đó chóng qua. Tôi có thể phân biệt bản thân mình với những người khác như là những sinh thể thuộc hai cảnh giới hoàn toàn khác nhau. Cái khả năng đó có thể gọi là một thứ tài năng (nói thế hoàn toàn không phải là khoe lác; làm được vậy không dễ chút nào, phải có tài, có năng lực đặc biệt mới được). Mỗi khi ai đó gây tác động đến thần kinh tôi, việc đầu tiên tôi làm là chuyển đối tượng của những cảm xúc khó chịu của tôi sang một bình diện khác, một bình diện hoàn toàn không có

liên hệ gì với tôi. Thế rồi tôi tự nhủ: Được thôi, mình đang thấy khó chịu, nhưng mình đã chuyển cái gốc của những cảm xúc khó chịu đó vào một vùng khác, cách đây rất xa, khi nào rảnh rồi mình hãy kiểm tra, phân tích nó sau. Nói cách khác, tôi phong bế cảm xúc của mình. Về sau, khi quay lại để xem xét, thỉnh thoảng tôi cũng thấy cảm xúc của mình vẫn còn trong tình trạng tiêu cực, cơn tức tối hay nỗi khó chịu vẫn còn, nhưng trường hợp đó rất hiếm. Thường thì sau một thời gian, cái độc tố trong những cảm xúc tiêu cực sẽ bị trung hòa và trở nên vô hại, thành thử dù sớm hay muộn tôi cũng sẽ quên chúng đi.

Từ trước đến giờ tôi vẫn có khả năng giữ

cho thế giới nội tại của mình ở trạng thái ít nhiều ổn định và bình an, tránh hầu hết những phiền toái không cần thiết bằng cách kích hoạt cái hệ thống kiểm soát cảm xúc này. Duy trì được hiệu quả cao của cái hệ thống đó suốt gần ấy năm qua là một niềm tự hào của tôi.

Thế nhưng, khi gặp Wataya Noburu, cái hệ thống của tôi từ chối hoạt động. Tôi không tài nào đẩy bật được Wataya Noburu vào một cõi khác không có liên hệ gì đến tôi. Ngược lại thì có – Wataya Noburu làm được điều đó với tôi.

Chuyện đó khiến tôi cáu tiết. Dĩ nhiên, cha của Kumiko là kẻ khó chịu và ngạo mạn. Song, xét cho cùng, ông ta chỉ là điển hình cho loại người có tầm nhìn

thiền cận, khur khur bám lấy những xác tín hẹp hòi. Người như vậy thì tôi quên được. Nhưng Wataya Noburu thì không. Anh ta biết rõ mình là ai, và cũng biết rất rõ tôi là cái hạng gì. Nếu thích, anh ta có thể nghiền nát tôi thành cám dưới gót giày. Lý do duy nhất anh ta không làm vậy là anh ta hoàn toàn chẳng mảy may bận tâm tới tôi. Thậm chí cái thằng tôi không đáng cho anh ta bỏ thời gian công sức để nghiền nát ra nữa kia. Chính vì vậy mà tôi căm tức anh ta. Anh ta là một con người đê tiện, một tên ích kỷ rỗng tuếch ở bên trong. Thế nhưng anh ta lại là kẻ tài năng gấp bội so với tôi. Sau lần gặp đầu tiên đó, trong mồm tôi có một cái vị khó chịu mãi không chịu

hết. Cứ như ai đó đã tọng vào mồm tôi một dùm bọt thối hoảng vậy. Có nhổ ra cũng vô ích: cái mùi đó vẫn nồng nặc trong mồm. Ngày này qua ngày khác, tôi không sao tống khứ Wataya Noburu ra khỏi đầu được. Tôi cố nghĩ đến cái gì khác, nhưng vô ích. Tôi đi xem phim, nghe hoà nhạc. Thậm chí tôi đi chơi bóng chày với đồng nghiệp ở công ty. Tôi uống rượu, tôi đọc những cuốn sách đã muốn đọc từ lâu nếu có thời gian. Nhưng Wataya Noburu vẫn lù lù đó, khoang tay, nhìn tôi với cặp mắt nham hiểm, dường như hút lấy tôi tựa một cái đầm lầy không đáy. Điều đó khiến thần kinh tôi sôi sục, như làm rung rinh mặt đất dưới chân tôi.

Khi gặp Kumiko sau đó, nàng hỏi tôi có ấn tượng thế nào về ông anh trai. Tôi không thể thành thật trả lời nàng được. Tôi muốn hỏi về chiếc mặt nạ hắc ta mang, về “cái gì đó” bị vặn xoắn một cách phi tự nhiên ẩn dưới cái mặt nạ đó. Tôi muốn kể với nàng tất cả những gì tôi nghĩ về anh trai nàng. Nhưng tôi chẳng nói gì. Tôi cảm thấy mình sẽ không bao giờ có thể truyền đạt những điều đó với nàng, rằng nếu tôi không thể diễn đạt ý mình một cách rõ ràng thì tốt hơn là đừng đề lộ gì cả.

- Anh ấy đúng là khác người thật, - tôi nói. Tôi muốn bổ sung gì đó, nhưng không tìm ra lời. Nàng cũng không gắng hỏi thêm, chỉ im lặng gật đầu.

Cảm giác của tôi về Wataya Noburu từ đó đến nay vẫn không thay đổi. Anh ta vẫn tiếp tục khiến thần kinh tôi phùng phùng như trước; nó như một cơn sốt nhẹ chẳng bao giờ chịu buông tha tôi. Nhà tôi chưa bao giờ có tivi, nhưng không hiểu vì sự ngẫu nhiên kỳ quái thế nào mà dù ở bất cứ đâu, mỗi khi tôi nhìn tivi là lại thấy Wataya Noburu đang chễm chệ trên đó mà phát ngôn với khán giả. Hễ tôi ngồi đợi trong phòng khám bác sĩ, cầm tờ tạp chí lên mà lật bâng quơ thì y như rằng có bức ảnh Wataya Noburu ở đó, cùng với một bài anh ta viết. Tôi cảm thấy như thể trong từng góc ngách của cả thế giới này đều có Wataya Noburu chực sẵn đợi tôi.

Đành vậy. Phải chấp nhận thực tế. Tôi
căm ghét cái gã này.

Hiệu giặt là hạnh phúc



Kano Creta xuất hiện

Tôi mang một chiếc blouse và một chiếc váy của Kumiko đến hiệu giặt cạnh nhà ga. Thường thì tôi mang quần áo bẩn tới hiệu giặt ngay góc phố gần nhà, không phải vì thích chỗ đó hơn mà đơn giản là gần hơn. Thỉnh thoảng Kumiko cũng đến hiệu giặt gần nhà ga. Buổi sáng đi làm nàng ghé qua đó vứt quần áo bẩn, chiều về thì tạt vào lấy. Chỗ này đắt hơn một chút, nhưng theo Kumiko thì họ giặt sạch hơn chỗ gần nhà. Những bộ đồ đẹp nhất, nàng luôn luôn mang tới đó giặt dù hơi

bất tiện. Chính vì vậy mà hôm đó tôi quyết định đạp xe đến đó, vì tôi nghĩ nàng hẳn sẽ thích giặt đồ của mình ở đó hơn.

Ra khỏi nhà, tôi mặc quần vải bông mỏng màu xanh lá cây, mang đôi giày tennis muôn thuở, vận áo thun màu vàng dành cho các fan của Van Hallen mà Kumiko được một hãng băng đĩa tặng. Chủ hiệu giặt hôm nay vẫn mở dàn JVC to hết cỡ như khi tôi đến lần trước. Sáng nay anh ta nghe một đĩa của Andy Williams. Khi tôi bước vào, Bài hát đám cưới ở Havaii vừa dứt và Hoàng hôn Canada mới dạo đầu. Vừa vui vẻ huýt sáo theo tiếng nhạc, chủ nhân vừa hí hoáy viết gì đó vào sổ bằng bút bi, động tác của anh ta vẫn

mạnh mẽ, quả quyết như lần trước. Trên
chồng đĩa chất trên giá, tôi thấy những
cái tên như Sergio Mendes, Berr
Laempert và ban 101 Strings. Hẳn anh ta
là người mê thể loại jazz nhẹ. Bỗng dưng
tôi nghĩ: những tín đồ thứ thiệt của loại
jazz “nặng đô” như Albert Ayler, Don
Cherry, Cecil Taylor hẳn sẽ không bao
giờ trở thành chủ một hiệu giặt gần nhà
ga. Nhưng cũng có thể họ làm được. Chỉ
có điều họ sẽ không là một ông chủ hiệu
giặt vui vẻ và hạnh phúc.

Khi tôi đặt chiếc blouse màu xanh có in
hoa và chiếc váy màu xanh xám nhạt lên
quầy, anh ta trải rộng ra xem qua rồi viết
lên biên lai “blouse và váy”. Chữ viết
anh ta rõ ràng, nắn nót. Tôi thích những

chủ hiệu giặt viết chữ rõ ràng. Và nếu họ thích Andy Williams thì lại càng hay.

- Ông Okada phải không? – Tôi đáp rằng phải. Anh ta viết tên tôi, xé liên thứ nhì đưa cho tôi. - Thứ Ba tuần sau có, lần này ông đừng quên ghé lấy đấy nhé. Máy món này của bà Okada phải không?

- Ừ.

- Màu đẹp lắm, - anh ta nói.

Bầu trời trấu mây xám xịt. Dự báo thời tiết cho hay sẽ có mưa. Đã quá 9 rưỡi sáng, nhưng vẫn còn rất nhiều người che ô xách cặp vội vã bước về phía các bậc tam cấp nhà ga. Ấy là những người đi làm muộn. Buổi sáng nóng nực và ẩm ướt, nhưng điều đó chẳng có gì khác với những người này, ai nấy đều chỉnh tề

com lê, chỉnh tề cả vạt, chỉnh tề giày đen bóng. Tôi thấy nhiều người trạc tuổi tôi, nhưng chẳng ai trong họ diện áo thun Van Hallen. Mỗi người đều đeo huy hiệu công ty trên ve áo, dưới nách cấp một tờ Thời báo Kinh tế Nhật bản. Chuông reo, nhiều người tất tả lao lên các bậc thang. Đã lâu tôi không nhìn thấy những người như vậy.

Đạp xe về nhà, bất chợt tôi nhận ra mình đang huyết sáo bản Hoàng hôn Canada.

Kano Malta gọi điện lúc 11 giờ trưa.

- Xin chào. Chẳng hay đây có phải nhà của ông Okada Toru không ạ? – cô ta hỏi.

- Vâng, tôi Okada Toru đây. – Ngay từ câu chào đầu tiên, tôi đã nhận ra Kano

Malta.

- Tên tôi là Kano Malta. Lần trước ông thật tử tế đã nhận lời gặp tôi. Không biết chiều nay ông có dự định làm gì không?

- Không, tôi đáp. Tôi mà có kế hoạch gì thì chẳng khác nào con chim di cư có cỗ phiều vậy.

- Nếu vậy thì em gái tôi, Kano Creta, sẽ đến gặp ông lúc 1 giờ chiều.

- Kano Creta? – tôi hỏi bằng giọng khô khan.

- Vâng. Lần trước hẳn là tôi đã cho ông xem ảnh của cô ấy.

- Dĩ nhiên tôi nhớ. Chỉ có điều...

- Tên cô ấy là Kano Creta. Cô ấy sẽ đến gặp ông với tư cách đại diện của tôi. 1 giờ chiều có tiện cho ông không?

- Được, - tôi nói.

- Cô ấy sẽ đến, - Kano Malta nói rồi gác máy.

Kano Creta?

Tôi hút bụi sàn nhà rồi chỉnh trang nhà cửa đầu ra đó. Tôi cột hết báo thành một bó rồi ném vào trong tủ. Tôi cho những băng cát-xét vứt vung vãi vào hộp rồi xếp ngay ngắn lên giá. Tôi rửa hết chỗ bát đĩa chất đống trong bếp. Rồi tôi tắm vòi hoa sen, xịt dầu thơm, thay quần áo sạch. Tôi pha cà phê mới rồi ăn trưa; bánh sandwich với thịt xông khói và trứng luộc. Tôi ngồi trên ghế sofa mà đọc tờ Tạp chí gia đình, vừa đọc vừa ngẫm nghĩ xem bữa tối sẽ nấu món gì. Tôi đánh dấu mục giới thiệu cách làm

món xà lách bằng rong biển với đậu phụ, rồi viết các thứ cần dùng ra một tờ giấy đăng khi đi mua hàng thì cầm theo. Tôi mở radio. Micheal Jackson đang hát bài Billy Jean. Tôi nghĩ về hai chị em Kano Malta và Lano Creta. Hai chị em lấy hai cái tên đến là ngộ ngĩnh! Nghe cứ như một cặp nghệ sĩ hài vậy. Kano Malta, Kano Creta.

Cuộc sống của tôi đang chuyển hướng một cách kỳ lạ, đó là điều chắc chắn. Con mèo đi mất. Những cuộc gọi lạ lùng của một người đàn bà kỳ lạ. Tôi đã gặp một cô gái lạ, và bắt đầu lui tới một căn nhà không người ở. Wataya Noburu đã hăm hiếp Kano Creta. Kano Malta đã tiên đoán đúng rằng tôi sẽ tìm thấy cả

vật. Kumiko bảo tôi rằng tôi không cần phải kiếm việc làm.

Tôi tắt radio, trả tờ Tạp chí gia đình lên kệ sách rồi uống một tách cà phê khác.

* * *

Kano Creta nhấn chuông đúng 1 giờ không sai một mảy may. Cô ta trông hoàn toàn giống như ảnh chụp: một phụ nữ nhỏ nhắn chừng 25, 26 tuổi, thuộc típ người trầm lặng. Cô duy trì được một cách tài tình dáng vẻ của một phụ nữ thập niên sáu mươi. Cũng cái kiểu tóc “bồng” tôi từng thấy trong các bộ phim thời đó, đầu mút các sợi tóc hơi xoắn lên. Tóc trước trán hất ngược về phía sau, được giữ lại bằng một cái kẹp tóc to, lấp lánh. Lông mày cô ta tô sắc nét bằng bút chì, mỹ

phẩm làm tăng thêm bóng mờ bí ẩn cho cặp mắt, còn son môi tái tạo hoàn hảo cái màu được ưa chuộng vào thời đó. Trông như thể chỉ cần ấn vào tay cô ta một chiếc micro là lập tức cô sẽ cất tiếng hát Johnny Angel.

Cô ăn mặc giản dị hơn rất nhiều so với trang điểm. Một bộ đồ công sở đúng nghĩa, thực tế, không màu mè: áo blouse trắng, váy xanh lục bó sát, không nữ trang. Cô kẹp dưới nách một chiếc xác sơn mài màu trắng, mang đôi giày trắng mũi nhọn bé tí. Đôi gót giày mảnh và sắc lẹm như đầu bút chì, trông như đồ chơi búp bê. Tôi hầu như muốn tỏ lời khen cô ta đã có thể đi đến nhà tôi trên đôi giày ấy.

Vậy là Kano Creta đây. Tôi dẫn cô vào nhà, mời cô ngồi lên sofa, đun lại ấm cà phê rồi rót cho cô một tách. Cô đã ăn trưa chưa? – tôi hỏi. – Trông cô có vẻ đói. Không, cô chưa ăn.

- Nhưng xin ông đừng lo, - cô ta vội nói thêm. - Buổi trưa tôi luôn ăn rất ít.

- Có thật không? Đừng khách sáo nhé. Làm vài cái sandwich thì có gì khó đâu. Tôi vẫn quen nấu nướng, làm việc này việc nọ mà.

Kano Creta khẽ lắc đầu.

- Ông tử tế quá, nhưng thật tình tôi không ăn. Xin đừng lo. Một tách cà phê là đủ lắm rồi.

Song tôi vẫn dọn lên một đĩa bánh quy để phòng xa. Kano Creta ăn liền ngay

bốn chiếc, tỏ vẻ rất ngon miệng. Tôi ăn hai chiếc rồi uống cà phê.

Cô ta có vẻ thoải mái hơn sau khi ăn bánh và uống cà phê.

- Hôm nay tôi đến đây với tư cách đại diện cho chị tôi, Kano Malta, - cô nói. Dĩ nhiên Kano Creta không phải là tên thật của tôi. Tên thật của tôi là Setsuko. Tôi lấy cái tên Creta từ khi làm trợ lý cho chị tôi. Biệt danh dùng trong công việc mà thôi. Creta là tên xưa của đảo Crete, nhưng tôi chẳng có liên quan gì đến đảo Crete cả. Tôi chưa đến đó bao giờ. Chị tôi đã lấy tên Malta, thành thử chị chọn tên Creta cho tôi để hai cái tên đi với nhau thành cặp. Chẳng hay ông đã tới đảo Crete bao giờ chưa, thưa ông

Okada?

- Chẳng may là chưa, - tôi đáp. – Tôi chưa hề đến Crete mà cũng không định đến đó trong tương lai gần.

- Tôi thì muốn đến Crete một lúc nào đó,

- Kano Creta vừa nói vừa gật đầu, vẻ hết sức nghiêm trang. – Crete là hòn đảo Hy Lạp gần châu Phi nhất. Đó là một hòn đảo lớn, từng có một nền văn minh phồn thịnh vào thời cổ đại. Chỉ tới Malta thì có đến Crete. Chỉ bảo nơi đó thật tuyệt. Gió mạnh, mật ong thì cực ngon. Tôi rất mê mật ong.

Tôi gật đầu. Tôi thì chẳng thích mật ong đến thế.

- Tôi đến đây là có một việc muốn nhờ ông, - Kano Creta nói. – Tôi muốn lấy

một mẫu nước trong nhà ông.

- Nước? – tôi hỏi. – Cô muốn nói nước ở vòi ấy à?

- Nước ở vòi là được rồi, - cô ta nói. – Song nếu gần đây có cái giếng nào thì tôi cũng muốn lấy nước ở đó nữa.

- Tôi e rằng gần đây chẳng có cái giếng nào đâu. Thật ra thì có một cái, nhưng lại nằm trong sân nhà người khác, và lại cạn từ lâu rồi. Chẳng còn tí nước nào cả.

Kano Creta nhìn tôi với vẻ khó hiểu.

- Có đúng là cái giếng đó không còn nước không? Ông có chắc không?

Tôi nhớ lại âm thanh thùng đục khi Kasahara May ném viên gạch xuống cái giếng nơi căn nhà không người ở kia.

- Cái giếng ấy đúng là cạn mà. Tôi tin

chắc thế.

- Tôi hiểu, - Kano Creta nói. – Thôi được. Tôi sẽ chỉ lấy nước ở vòi thôi, nếu ông không phiền.

Tôi dẫn cô ta xuống bếp. Từ trong chiếc túi xách sơn mài màu trắng cô ta rút ra hai cái lọ con, loại người ta vẫn dùng để đựng thuốc. Cô lấy nước vào đầy một lọ rồi đậy nắp lại hết sức cẩn thận. Cô bảo cô muốn lấy nước từ đường ống cấp nước cho bồn tắm. Tôi dẫn cô ta vào buồng tắm. Hoàn toàn không bối rối trước những chiếc đồ lót và tất chân mà Kumoko đang phơi trong đó, Kano Creta mở vòi nước đóng đầy vào chai kia. Đậy nắp xong, cô lật úp lại để kiểm tra xem có bị rò không. Hai nắp lọ có phân màu

rất rõ: màu xanh dương cho nước trong bồn tắm, màu xanh lục cho nước trong bểp.

Trở lại sofa ngoài phòng khách, cô ta cho hai cái lọ vào một túi đông lạnh nhỏ bằng nhựa, phong kín lại rồi cho túi nhựa vào chiếc xác sơn mài, cái khóa kim loại với một tiếng cách khô khốc. Cử động của hai bàn tay cô hết sức thuần thục, rõ ràng cô đã làm việc này nhiều lần rồi.

- Cảm ơn ông rất nhiều, - Kano Creta nói.

- Chỉ có thế thôi à? – tôi hỏi.

- Vâng, hôm nay thế là đủ, - cô nói. Cô vuốt thẳng váy, kẹp xác vào dưới nách rồi dợm đứng dậy.

- Đợi chút đã, - tôi nói, hơi bối rối. Tôi

không ngờ cô ta lại bỏ về đột ngột như vậy. – Cô có thể nán lại thêm một chút được không? Vợ tôi muốn biết con mèo đang ở đâu. Nó đi mất gần hai tuần nay rồi. Nếu cô có biết gì, xin cho tôi được rõ.

Vẫn kẹp chiếc xác sơn mài màu trắng ở dưới nách, cô ta gật đầu nhanh mấy cái. Khi cô ta làm vậy, những đuôi tóc xoắn nhẹ của cô ta bập bênh gợi nhớ đến sự thanh thoát của thập niên sáu mươi. Mỗi khi cô chớp mắt, hai hàng lông mi giả của cô động đậy lên xuống chậm rãi như những cái quạt cán dài trong tay các cô nô tì ở mấy bộ phim về Ai cập thời cổ đại.

- Nói thật với ông, chị tôi bảo đây sẽ là

một câu chuyện dài hơn nhiều so với ta tưởng lúc đầu.

- Dài hơn ta tưởng lúc đầu?

Cụm từ “chuyện dài hơn” khiến tôi hình dung một cây sào dài cắm giữa sa mạc, ngút tầm mắt không còn bất cứ vật nào khác. Mặt trời càng lặn thì bóng sào càng kéo dài ra, dài ra mãi, cho tới khi đầu mút của nó vươn ra xa tới đến nỗi mắt trần không thấy được.

- Chị ấy bảo vậy, - Kano Creta nói tiếp.

- Chuyện này sẽ không chỉ dừng lại ở việc con mèo đi mất.

- Tôi không hiểu gì cả. Chúng tôi chỉ nhờ chị em cô mỗi một việc là tìm con mèo. Chỉ có thế thôi. Nếu con mèo đã chết, chúng tôi cũng muốn biết chắc. Tại sao

“chuyện sẽ không dừng ở đó” chứ? Tôi chẳng hiểu gì hết.

- Tôi cũng không, - Kano Creta nói. Cô đặt tay lên chiếc kẹp tóc trên đầu, dịch về phía sau một chút. – Nhưng xin ông hãy tin ở chị tôi. Tôi không nói rằng chị ấy gì cũng biết. Nhưng một khi chị ấy đã báo “chuyện sẽ còn dài” thì nhất định là chuyện sẽ còn dài, ông hãy biết cho như thế.

Tôi gật đầu, không nói gì. Tôi không thể nói thêm gì nữa.

- Thưa ông Okada, hiện giờ ông có bận gì không ạ? Ông có định làm gì từ đây cho đến hết buổi chiều không? – Nhìn thẳng vào mắt tôi, Kano Creta lại đổi giọng lễ phép kiểu cách.

- Không, - tôi nói, - tôi chẳng định làm gì cả.

- Vậy thì không biết ông có cảm phiền nghe tôi kể đôi điều về bản thân không?

— Kano Creta hỏi. Cô ta đặt chiếc xác sơn mài màu trắng xuống sofa rồi đặt hai bàn tay lên chiếc váy xanh, nơi đầu gối, tay nọ xấp trên tay kia. Móng tay cô cắt khéo, sơn màu hồng thật đẹp. Cô không đeo chiếc nhẫn nào.

- Vâng, xin mời cô cứ kể, - tôi nói. Và thế là dòng chảy cuộc đời tôi lại đang ngoặt sang những hướng ngày càng lạ lùng hơn nữa — như đã được tiên báo trước từ cái khoảnh khắc Kano Creta bấm chuông nhà tôi.

8

Chuyện dài của Kano Creta



Khảo sát bản chất của cái đau

- Tôi sinh ngày 29 tháng Năm, - Kano Creta bắt đầu kể, - và vào tối sinh nhật năm hai mươi tuổi, tôi quyết định tính sổ cuộc đời mình.

Tôi đặt một tách cà phê trước mặt cô. Cô cho kem vào rồi khuấy một cách uể oải. Không cho đường. Tôi thì uống cà phê đen, như mọi khi. Đồng hồ trên kệ sách tiếp tục gõ khô khốc lên bức tường thời gian.

Kano Creta nhìn chăm chăm vào tôi rồi

nói:

- Không biết liệu tôi có nên kể từ đầu không – tôi sinh ra ở đâu, về gia đình tôi...

- Cô muốn kể gì cũng được, tùy cô thôi. Cô thấy kể thế nào tiện nhất thì cứ kể.

- Tôi là con thứ ba trong gia đình, - cô nói. - Chị Malta và tôi còn có một người anh trai. Cha tôi là chủ một bệnh viện ở tỉnh Kanawaga. Nhà tôi chẳng có gì gọi là những “vấn đề gia đình” mà chỉ là một gia đình bình thường như bao gia đình khác. Cha mẹ tôi rất nghiêm khắc, tin tưởng mạnh mẽ vào giá trị của lao động. Cha mẹ khá là khắt khe với ba anh em tôi, nhưng cũng cho chúng tôi có được đôi chút tự lập trong những chuyện nhỏ

nhặt. Anh em tôi chẳng thiếu thốn thứ gì, song cha mẹ cho rằng không nên cho con cái có thừa tiền tiêu vào những thứ xa xỉ. Nói chung, từ bé cha mẹ đã dạy tôi sống thanh đạm.

Chị Malta lớn hơn tôi năm tuổi. Ở chị ngay từ bé đã có cái gì đó khác người. Chị ấy có khả năng tiên đoán nhiều chuyện. Chị biết ở phòng bao nhiêu đây có bệnh nhân nào vừa chết, hoặc nếu ai đó đánh rơi ví thì chị biết chính xác tìm ở đâu sẽ thấy, vân vân. Đầu tiên ai cũng thích thú, cho rằng đó là một năng khiếu có ích, nhưng chẳng mấy chốc cha mẹ tôi lại đâm lo. Ba mẹ ra lệnh cho chị không được nói về “những việc không có cơ sở thực tế rõ ràng” khi có mặt người ngoài.

Cha tôi lo là lo cho cái ghế giám đốc bệnh viện của mình, ông không muốn người ta nghe nói chuyện con gái ông có những khả năng siêu nhiên. Từ đó trở đi chị Malta tự khóa mồm mình. Chị không những thôi nói về “những việc không có cơ sở thực tế rõ ràng” mà còn hiếm khi dự phần vào những cuộc trò chuyện bình thường nhất.

Tuy nhiên, chị lại cởi mở tấm lòng với tôi. Hai chị em tôi rất thân nhau. Chị ấy thường dặn trước: “Đừng nói với ai là chị đã báo trước với em nhé”, rồi chị sẽ khê khàng nói đại loại như là “Sẽ có một đám cháy dưới phố” hoặc “Sức khỏe của bà dì sống ở Setagaya sẽ còn tệ hơn nữa”. Chị hề đã nói là đúng. Hồi đó tôi

còn nhỏ nên chỉ thích thú vô cùng. Tôi không thấy có gì đáng sợ hay kỳ quái cả. Thậm chí đến giờ tôi vẫn nhớ, tôi hay lẳng nhẳng bám theo chị từng bước, đòi chị nói cho nghe những lời “sấm truyền” của chị.

Chị càng lớn thì những năng lực đặc biệt kia càng mạnh, nhưng chị chẳng biết dùng chúng vào việc gì hay nuôi dưỡng chúng ra sao, điều đó khiến chị hết sức khổ sở. Chị không biết xin lời khuyên nhủ của ai, không biết nhờ ai chỉ dẫn xem chị làm gì. Điều đó khiến chị trở thành một cô bé rất cô độc. Chị phải tự mình giải quyết mọi việc. Chị phải tự mình tìm lời giải cho mọi vấn đề. Trong gia đình, chị không hạnh phúc. Chẳng có lấy một

lần nào chị tìm được bình an trong tâm hồn. Chị phải đè nén năng lực của mình, im chùng đi. Chẳng khác gì trồng một cái cây to lớn, mạnh mẽ trong một chiếc chậu con. Nó không tự nhiên. Không đúng chỗ. Chị chỉ biết mỗi một điều: cần phải thoát khỏi chỗ này, càng sớm càng tốt. Chị tin rằng ở nơi nào đó vẫn có một thế giới thích hợp với chị, nơi chị có thể sống đúng cuộc đời mình. Thế nhưng chị phải nhẫn nhịn đợi đến khi tốt nghiệp trung học.

Chị quyết định không vào đại học mà đi nước ngoài sau khi rời trường. Song, dĩ nhiên, cha mẹ tôi là những người bình thường, sống một đời giản dị, nên họ không dễ gì cho chị làm vậy. Thế là chị

tôi ra sức làm việc, tích cóp một số tiền đủ cần rồi trốn khỏi nhà. Nơi đầu tiên chị đến là Hawaii. Chị sống ở đảo Kauai trong hai năm. Chị ấy đọc được ở đâu đó rằng bờ biển phía Bắc của Kauai có một nơi mang những nguồn nước thần diệu. Ngay từ khi đó chị ấy đã nuôi một mối quan tâm to lớn đối với nước. Chị ấy tin rằng sự tồn tại của con người phụ thuộc rất nhiều vào các thành tố của nước. Chính vì vậy chị đến sống ở Kauai. Lúc ấy có một cộng đồng híp-pi cư ngụ trong nội địa hòn đảo. Chị ấy sống như một thành viên trong cộng đồng đó. Nước ở đó có tác động to lớn đến khả năng ngoại cảm của chị. Nhờ uống nước ấy, chị đạt được sự hài hòa hơn giữa năng lực tâm linh với thể xác vật chất. Chị viết thư kể

cho tôi điều đó tuyệt diệu đến nhường nào; thư của chị làm tôi thật hạnh phúc. Nhưng chẳng bao lâu sau vùng đất đó không còn làm chị thỏa mãn nữa. Quả thật đó là một xứ sở tươi đẹp, bình yên, con người ở đó xa lạ với vật dục mà chỉ tìm kiếm bình an nội tâm. Thế nhưng, họ phụ thuộc quá nhiều vào tính dục và ma túy. Chị tôi không cần những thứ đó. Sau khi sống hai năm ở Kauai, chị bỏ đi.

Từ đó chị sang Canada, đi đây đó vòng quanh miền Bắc nước Mỹ, rồi tiếp tục đến châu u. Đi đến đâu chị đều thử mẫu nước đến đó, ở một vài nơi chị cũng tìm thấy những thứ nước tuyệt diệu, nhưng không ở đâu có thứ nước hoàn hảo cả. Thế là chị lại đi, đi mãi. Mỗi khi hết tiền

chị lại hành nghề chiêm tinh, giúp người ta tìm vật đánh rơi hay người thân đi lạc. Người ta trả tiền cho chị, dù chị không muốn lấy tiền. Chị cho rằng những năng lực trời cho thì không nên đáng đổi bằng lợi lộc vật chất. Tuy nhiên, vào lúc ấy đó là kế sinh nhai duy nhất của chị. Chị đi đến đâu người ta cũng nghe tiếng chị. Chị kiếm tiền không khó. Thậm chí chị còn giúp cảnh sát điều tra một vụ án ở Anh. Một cô bé bị mất tích, chị tìm ra nơi cái xác bị giấu. Chị còn tìm thấy găng tay của kẻ sát nhân cách đó không xa. Hắn bị bắt và nhận tội. Báo nào cũng đưa tin chuyện ấy. Lúc nào tôi sẽ cho ông xem mấy bài báo tôi cắt giữ lại. Thế là chị tôi cứ lang thang khắp châu u như thế, cho tới khi dừng chân ở Malta. Đã gần năm

năm từ khi chị rời Nhật Bản, nơi này hóa ra lại là đích cuối cho cuộc truy tìm nước của chị. Chắc là chính chị ấy có kể cho ông chuyện này?

Tôi gật đầu.

- Suốt những năm tháng bôn ba khắp thế giới Malta vẫn thường xuyên gửi thư cho tôi. Dĩ nhiên, có những lúc hoàn cảnh khiến chị không thể viết thư, song hầu như tuần nào tôi cũng nhận được một bức thư dài của chị trong đó chị kể chị đang ở đâu, làm gì. Chị em tôi vẫn rất thân thiết với nhau. Dù xa xôi cách trở bao nhiêu, chị em tôi vẫn có thể chia sẻ cảm xúc với nhau qua những lá thư của chị. Mà thư mới tuyệt làm sao chứ! Giá như đọc được, ông sẽ thấy chị ấy là người

tuyệt vời đến thế nào. Qua thư, tôi có thể gặp gỡ hàng bao nhiêu thế giới khác, hàng bao nhiêu con người thú vị. Thư của chị khích lệ tôi biết chừng nào!

Chúng giúp tôi trưởng thành. Vì vậy, tôi sẽ luôn luôn biết ơn sâu sắc đối với chị tôi. Tôi không hề phủ nhận những gì chị đã làm cho tôi. Nhưng nói gì thì nói, thư cũng chỉ là thư. Khi tôi bước vào tuổi mới lớn, những năm tháng đủ những vấn đề phức tạp, khi tôi cần chị hơn bao giờ hết, chị lại luôn luôn ở nơi nào đó xa lắc xa lơ. Tôi không thể nào vươn tay ra để bắt gặp bàn tay chị ở bên tôi. Ở nhà, tôi hết sức cô đơn. Một mình một cõi.

Những năm vị thành niên của tôi đầy rẫy những đau đớn – tôi sẽ kể với ông sau. Tôi không biết nhờ ai khuyên nhủ, bảo

ban. Theo nghĩa đó tôi cũng cô đơn như chị Malta ngày trước. Giá như chị ở gần tôi khi đó thì hẳn đời tôi đã khác bây giờ. Chị hẳn sẽ khuyên bảo tôi, khích lệ, cứu giúp tôi. Nhưng giờ đây nhắc lại chuyện đó để làm gì? Cũng như Malta đã phải tìm con đường riêng cho mình, tôi phải tìm đường cho riêng tôi. Thế là năm tròn hai mươi tuổi, tôi quyết định tự sát. Kano Creta cầm tách, uống chỗ cà phê còn lại:

- Cà phê ngon quá, - cô nói.
 - Cảm ơn, - tôi đáp, cố tỏ vẻ càng tự nhiên càng tốt. — Tôi mời cô ăn gì nhé? Tôi có luộc mấy quả trứng.
- Cô ngần ngừ một chút rồi nói cô muốn ăn một quả. Tôi mang trứng và muối từ

trong bếp ra rồi rót thêm cà phê cho cô. Không chút vội vã, Kano Creta và tôi bắt đầu bóc vỏ trứng rồi vừa ăn vừa uống cà phê. Nửa chừng thì chuông điện thoại reo, nhưng tôi không trả lời. Sau khi reo được mười lăm, mười sáu lần gì đó, chuông ngừng. Suốt thời gian đó, Kano Creta có vẻ như không hề nghe thấy chuông điện thoại.

Ăn quả trứng xong, Kano Creta rút từ trong chiếc xác sơn mài màu trắng ra một chiếc khăn tay nhỏ để lau miệng. Rồi cô kéo thẳng diềm váy.

- Khi đã quyết định tự sát, tôi muốn để lại thư tuyệt mệnh. Tôi ngồi nơi bàn suốt một tiếng đồng hồ, cố viết ra cho được lý do khiến mình muốn chết. Tôi muốn

nói rõ rằng không một ai có lỗi, rằng mọi lý do đều nằm ở bên trong tôi. Tôi không muốn gia đình cảm thấy mình phải chịu trách nhiệm vì một lỗi lầm không phải của họ.

Nhưng tôi không viết hết được bức thư. Tôi cố viết lại, viết lại nữa, song mỗi thư mới lại càng tệ hơn thư trước. Khi đọc lại cái mình vừa viết, tôi thấy nó nghe thật buồn ngốc, thậm chí khôi hài nữa. Tôi càng cố làm cho nghiêm chỉnh, nó càng trở nên lố bịch. Cuối cùng tôi quyết định chẳng viết gì hết.

Tôi cảm thấy thật ra chuyện rất đơn giản. Tôi thất vọng với cuộc đời mình. Tôi không chịu nổi nữa hàng bao nhiêu kiểu đau mà cuộc đời liên tục bắt tôi phải

chịu. Tôi đã phải chịu đau suốt hai mươi năm. Đời tôi chẳng khác gì hơn là một nguồn đau đớn không dứt. Nhưng tôi đã gắng chịu đựng. Tôi hoàn toàn tin tưởng mình đã nỗ lực đến cùng để chịu đựng cái đau. Tôi có thể tự hào tuyên bố không có gì mạnh hơn những nỗ lực của tôi. Tôi sẽ không đầu hàng mà chiến đấu đến cùng. Nhưng đúng ngày tròn hai mươi tuổi, tôi đi đến một kết luận giản dị: sống như thế không đáng. Cuộc sống không đáng cho ta phải mất nhiều sức lực đến vậy.

Cô ngừng nói, ngồi vuốt vuốt một hồi mấy góc chiếc khăn tay để trên đùi. Khi cô nhìn xuống, hai hàng mi dài đổ những cái bóng mềm mại lên khuôn mặt.

Tôi hăng giọng. Tôi cảm thấy mình phải nói gì đó, nhưng không biết nói gì, nên tôi lặng thinh. Đằng xa, tôi nghe tiếng kêu của con chim vặn dây cót.

- Cái đau là nguyên nhân khiến tôi quyết định tự sát, - Kano Creta nói. – “Đau” ở đây không phải theo nghĩa bóng mà là nghĩa đen. Hoàn toàn không phải ẩn dụ, mà là cái đau thể xác, thuần túy về thể xác. Cái đau giản đơn, thường tình, trực tiếp, vật lý, song chính vì vậy càng là cái đau buốt nhói: nào nhức đầu, đau răng, nào đau khi đến kỳ kinh nguyệt, nào đau lưng dưới, nào tê vai, nào sốt, nào đau cơ, nào bỏng, nào tê cồng, nào chuột rút, nào bong gân, nào bầm tím, vân vân. Suốt đời, tôi luôn phải chịu đựng những

cái đau thể xác ngày càng thường xuyên, ngày càng dữ dội hơn cái đau của kẻ khác. Răng tôi chẳng hạn. Đường như từ khi tôi ra đời chúng đã mang sẵn gen khuyết tật rồi. Chúng làm tôi đau đớn từ năm này sang năm khác. Dù tôi có đánh răng cẩn thận cách mấy, hay đánh răng bao nhiêu lần một ngày đi nữa, hoặc dù tôi đã tuyệt đối kiêng ăn đồ ngọt, vẫn chẳng ăn thua gì. Răng tôi thấy đều sâu hết, chẳng chữa cái nào. Đã vậy, thuốc gây tê hình như không có tác dụng với tôi. Đến phòng răng luôn luôn là một cơn ác mộng. Đau đớn không lời nào tả nổi. Tôi sợ đến chết được. Rồi lại những kỳ kinh nguyệt khủng khiếp. Nặng nề khôn xiết kẻ. Mỗi lần như vậy, suốt một tuần tôi đau đến nỗi như có ai đó đang xoay

mũi khoan vào người tôi. Lại nữa đầu tôi cứ ong ong. Ông không thể hình dung nó là thế nào đâu, ông Okada ạ, đau đến làm tôi phải trào nước mắt ra ấy. Tháng nào cũng vậy, có một tuần tôi cứ bị hành hạ suốt bởi cái đau không chịu nổi đó.

Khi đi máy bay, đầu tôi như thể nứt toác ra vì áp suất không khí thay đổi. Bác sĩ nói ấy là do cấu trúc tai của tôi, rằng chuyện đó thường xảy ra nếu tai trong nhạy cảm với thay đổi áp suất. Chuyện đó cũng hay xảy ra mỗi khi tôi lên xuống thang máy. Tôi không thể đi thang máy trong các tòa nhà cao tầng. Đau đến nỗi đầu tôi sắp vỡ toác ra thành nhiều mảnh và máu sẽ phụt ra có vòi. Thế rồi đến bao tử. Mỗi tuần nó lại đau ít nhất một

lần, đau quần quai, đau như xé ruột xé gan, khiến buổi sáng tôi không sao dậy nổi. Bác sĩ không tài nào tìm được nguyên nhân. Một số người cho rằng đó chỉ là bệnh tưởng. Song, cứ cho là bệnh tưởng đi nữa, cái đau vẫn sờ sờ, không dứt. Dù có đau đến mấy, tôi cũng không thể nằm nhà không đi học. Nếu như mỗi khi đau gì đó tôi lại nghỉ học thì hầu như tôi sẽ chẳng bao giờ đi học cả.

Chi cần khế đụng vào một cái gì đó là người tôi thâm tím ngay. Mỗi khi tự ngắm mình trong gương ở buồng tắm, tôi chỉ muốn khóc. Khắp người tôi đầy những vết bầm dập đến nỗi trông tôi cứ như một quả táo thối. Tôi không muốn bất cứ ai thấy tôi mặc đồ tắm. Theo như

tôi nhớ, chính vì lý do này mà cả đời tôi hầu như chẳng bao giờ đến hồ bơi. Lại còn một chuyện nữa: ấy là kích thước hai bàn chân tôi không bằng nhau, bên to bên nhỏ. Bất cứ khi nào mua giày mới, bên chân to lại đau khủng khiếp, cho tới khi giày nong ra vừa đủ mới thôi.

Vì tất cả những điều đó, tôi hầu như không chơi thể thao. Hồi ở trung học, có lần lũ bạn lôi tôi đi trượt băng. Tôi bị ngã, bị thương ở mạng sườn nặng đến nỗi từ đó trở đi cứ đến mùa đông là lại đau ghê gớm. Như thể ai đâm tôi bằng một cây kim to, dày. Đã bao nhiêu lần, đang ngồi trên ghế, tôi cố đứng lên thì ngã lăn quay ra đất.

Tôi còn bị táo bón nữa. Cứ ba, bốn hôm

một lần, hể vào nhà vệ sinh là phải cắn răng chịu đau. Rồi lại đau bả vai. Cơ căng lên cho tới khi cứng như đá. Đau đến nỗi đứng không đứng được, nhưng nằm cũng không khá hơn. Tôi hình dung nỗi khổ của tôi hẳn cũng giống như một hình phạt ở Trung Hoa mà tôi đọc ở đâu đó. Người ta nhét tội nhân vào một cái hộp suốt mấy năm trời. Những khi vai đau nhất, tôi gần như không thở được. Tôi còn có thể kể thêm cả một danh sách dài nhiều cái đau khác mà tôi phải chịu trong đời, nhưng sẽ khiến ông chán thôi, ông Okada ạ, nên chỉ tôi dừng ở đây. Tôi chỉ muốn ông hiểu rằng thân thể tôi thực sự là cuốn sách mẫu cho mọi thứ đau trên đời. Tôi từng phải chịu mọi thứ đau

người ra có thể tưởng tượng ra. Tôi đâm ra nghĩ rằng tôi đã bị ai nguyên rủa độc địa, rằng đời thật không công bằng. Lẽ ra tôi có thể cứ tiếp tục cắn răng chịu đựng nếu những người khác trên thế giới này cũng phải chịu đau như thế, nhưng họ thì không. Vì vậy tôi không chịu nổi. Cái đau được phân phối không công bằng. Tôi thử hỏi mọi người rằng đau là gì, nhưng chẳng ai biết cái đau thực sự nó là thế nào cả. Hầu hết thiên hạ trên đời này sống mà chẳng mấy khi biết đến cái đau, ít nhất là không phải biết nó ngày ngày. Khi hiểu ra điều đó (hồi đó tôi mới lên trung học), tôi buồn đến nỗi cứ khóc mãi, không sao nín được. Sao lại là tôi kia chứ? Tại sao chính tôi chứ không ai khác phải chịu một gánh nặng khủng khiếp

nhường này? Chính lúc đó, chính ở đó, tôi chợt thấy muốn chết.

Song, đồng thời một ý nghĩ khác nảy đến với tôi. Điều này không thể kéo dài vĩnh viễn. Một sáng nào đó thức dậy, cái đau sẽ biến mất, đột ngột, không sao giải thích được, khi đó cả một cuộc đời mới thật bình an, không mảy may đau đớn sẽ mở ra trước mắt tôi. Tuy nhiên, tôi chẳng mấy tin điều đó sẽ xảy ra thật.

Thế là tôi thổ lộ những ý nghĩ đó với chị tôi. Tôi nói với chị: Em không muốn tiếp tục sống mà phải chịu đau như vậy nữa. Em phải làm gì? Chị suy nghĩ một lát rồi trả lời như thế này: “Nhất định là ở em có cái gì đó không ổn. Nhưng chị không biết là cái gì. Chị cũng không biết em

cần phải làm gì nữa. Năng lực của chị chưa đủ để phán đoán về những việc như vậy. Chị chỉ biết một điều là em phải cố sống ít nhất tới hai mươi tuổi. Hãy cố chịu đựng cho tới hai mươi tuổi, chừng đó hãy quyết định. Làm vậy sẽ tốt hơn.” Thế là tôi quyết định tiếp tục sống đến khi hai mươi tuổi. Nhưng thời gian trôi qua, tình hình vẫn không khá lên chút nào. Còn tệ hơn là khác. Cái đau ngày một khốc liệt. Điều đó chỉ cho tôi ngộ ra một điều: “Cơ thể phát triển đến đâu, cái đau cũng lớn lên đến đấy”. Tuy nhiên, tôi vẫn chịu đau được tám năm. Tôi vẫn sống suốt thời gian đó, cố gắng nhìn vào phương diện tốt đẹp của cuộc đời. Tôi không ta thán với ai. Tôi gắng sức giữ nụ

cười, ngay cả khi đang đau đớn nhất. Tôi tự rèn cho mình một kỷ luật, ấy là luôn giữ vẻ ngoài bình thản ngay cả khi đau đến mức tôi chặt vật lăm mới đứng vững. Khóc lóc than vãn chẳng làm bớt đau mà chỉ khiến tôi trông càng khốn khổ hơn. Tôi nỗ lực hết mình, chính vì vậy mà mọi người yêu mến tôi. Họ thấy tôi là một cô bé trầm lặng, dễ mến. Tôi chiếm được lòng tin cậy của người lớn và bạn bè cùng trang lứa. Lẽ ra tôi đã có một cuộc sống thật mỹ mãn, một thời niên thiếu thật đẹp, nếu như không có cái đau. Nhưng cái đau luôn ở đó. Nó theo tôi như bóng với hình. Chỉ cần tôi quên nó đi một phút, lập tức nó sẽ lại tấn công một bộ phận khác của cơ thể tôi.

Ở trường tôi gặp một bạn trai, và vào mùa hè ngay năm đầu trung học tôi đã mất trinh. Ngay cả điều này - mà tôi cũng đoán trước được - chỉ làm cho tôi đau đớn. Một bạn gái có kinh nghiệm trấn an tôi rằng khi đã quen thì sẽ không đau nữa, nhưng điều đó không xảy ra. Bất cứ khi nào ngủ với anh ấy, tôi lại đau đến chảy nước mắt. Một hôm tôi bảo bạn trai tôi rằng tôi không muốn ngủ với anh ấy nữa. Tôi nói với anh ấy: “Em yêu anh, nhưng em không bao giờ muốn phải chịu đau thế này nữa”. Anh ấy bảo anh chưa hề nghe ai nói năng vớ vẩn đến vậy. “Em đa cảm quá đấy thôi, - anh ấy nói.- Cứ thư giãn đi, rồi sẽ hết đau ngay ấy mà. Thậm chí còn dễ chịu là khác. Ai cũng

vậy, chẳng lẽ em lại không? Cứ cố hết sức xem, sẽ thấy ngay thôi. Đừng có giở trò con nít đi. Em toàn lấy chuyện “đau” này, “đau” nọ để chống chế. Đừng mè nheo nữa, chẳng ích gì đâu”.

Khi nghe nói vậy, tất cả những gì tôi đã phải chịu đựng suốt gần ấy năm thật sự nổ bùng lên trong tôi. “Anh thì biết quái gì về đau với đốn kia chứ? - tôi quát lên với anh ta. – Cái đau của em không phải là đau thường. Em thì em biết đau là thế nào. Em đau không còn thiếu thứ gì. Một khi em đã nói đau thì nghĩa là thật sự đau!” Tôi cố giải thích bằng cách liệt kê ra tất cả các loại đau mà tôi từng phải nếm, nhưng anh ta vẫn chẳng hiểu một tí gì. Thật khó lòng hiểu được đau thực sự

là thế nào trừ phi bản thân người ta phải chịu đựng cái đau thực sự. Thế là chúng tôi chia tay nhau.

Chẳng bao lâu sau chuyện đó là ngày sinh nhật tôi. Suốt hai mươi năm trời tôi đã chịu đựng bao đau đớn, luôn đau đáu niềm hy vọng rằng rồi sẽ đến một bước ngoặt, nhưng điều đó không xảy ra. Tôi thất vọng ê chề. Tôi muốn chết sớm hơn. Tôi đã đi đường vòng hóa ra chỉ để kéo dài thêm nỗi đau đớn này.

Nói đến đây Kano Creta ngừng lại thở một hơi dài. Trên bàn trước mặt cô là chiếc đĩa đựng vỏ trứng và tách cà phê đã uống hết. Trên đùi cô là chiếc khăn tay mà cô đã cẩn thận gấp lại gọn gàng. Như sức nhớ đến thời gian, cô đưa mắt

nhìn chiếc đồng hồ trên kệ.

- Xin ông thứ lỗi, - cô nói khẽ bằng giọng khô khan. - Tôi không định nói lâu như vậy. Tôi đã chiếm mất quá nhiều thời gian của ông rồi. Tôi sẽ không dám làm phiền ông thêm nữa. Tôi không biết phải xin lỗi ông thế nào vì đã buộc ông nghe mãi câu chuyện chán ngắt này.

Cô vợ lấy chiếc xác sơn mài màu trắng rồi đứng dậy khỏi ghế sofa.

Việc này khiến tôi chưng hửng.

- Đợi chút đã, - tôi bối rối thốt lên. Tôi không muốn cô ta ngưng ngang câu chuyện như thế. - Nếu cô áy náy vì chiếm mất thời gian của cô thì xin cố chớ ngại. Tôi rảnh suốt chiều nay. Một khi cô đã kể cho tôi đến thế này rồi thì sao không

kể cho rõt? Chuyện của cô còn dài, tôi tin chắc vậy.

- Dĩ nhiên là còn, - cô vừa nói vừa nhìn xuống tôi, cả hai bàn tay nắm chặt quai xách. – nãy giờ tôi chỉ mới kể xong đoạn mở đầu thôi.

Tôi đề nghị cô chờ một chút rồi xuống bếp. Đứng trước bồn rửa bát, tôi dành chút thời gian để hít thở hai hơi dài. Sau đó tôi lấy hai chiếc cốc trong tủ, cho nước đá vào rồi rót đầy nước cam cất trong tủ lạnh. Tôi đặt hai chiếc cốc lên một cái khay con rồi bung lên phòng khách. Tôi làm tất cả các động tác trên một cách cố tình chậm rãi, song khi lên đến nơi, tôi thấy cô ta vẫn đứng nguyên trong tư thế cũ. Tuy nhiên, khi tôi đặt hai

cốc nước cam trên bàn, dường như cô đã nghĩ lại. Cô lại ngồi lên ghế sofa, đặt chiếc xác sang một bên.

- Ông thực sự muốn tôi kể chuyện cho đến hết sao? – cô hỏi.

- Dĩ nhiên rồi.

Cô uống hết nửa cốc nước cam rồi kể tiếp.

- Dĩ nhiên là tôi đã tự sát nhưng không thành. Nếu không thì tôi đã chẳng ngồi đây uống nước cam với ông, thưa ông Okada. – Cô nhìn thẳng vào mắt tôi, và tôi khẽ mỉm cười tán thành. – Giá như tôi đã chết đúng theo kế hoạch thì mọi chuyện hẳn đã giải quyết xong rồi. Chết có nghĩa là ý thức không còn nữa, tôi sẽ không bao giờ phải chịu đau đớn nữa.

Đó chính là điều tôi muốn. Thế nhưng, thật không may, tôi đã chọn sai cách chết.

Vào 9 giờ tối ngày 29 tháng Năm, tôi đến phòng anh tôi hỏi mượn xe. Đó là một chiếc Toyota MR2 mới toanh, nên anh ấy tỏ vẻ rất khổ sở nếu phải cho tôi mượn. Nhưng tôi chẳng bận tâm đến điều đó. Anh ấy không thể từ chối được, bởi chính tôi đã cho anh ấy mượn tiền mua chiếc xe này. Tôi lấy chìa khóa rồi lái loanh quanh khoảng nửa giờ. Chiếc xe chỉ mới chạy chưa đầy 1.800 cây số. Chỉ cần nhấn ga một chút mà nó vọt như tên bắn. Đó chính là chiếc xe lý tưởng cho mục đích của tôi. Tôi lái đến tận sông Tama ở ngoại ô thành phố, ở đó tôi gặp

một bức tường đá mà tôi đã chú ý tìm từ trước. Đó là loại tường bao quanh một biệt thự lớn, nằm ở cuối một ngõ cụt. Tôi lùi lại rõ xa để lấy đà rồi nhất ga hết cỡ. Hẳn tôi đã cho xe đâm sầm vào bức tường với tốc độ 150 cây số một giờ, rồi bất tỉnh.

Tuy nhiên, thật không may cho tôi, bức tường lại không rắn như tôi tưởng. Nhà thầu quá hà tiện nên đã không cố định bức tường cho tới nơi tới chốn. Bức tường sụp xuống, nửa trước xe bẹp dúm. Chỉ có thể. Bởi bức tường quá mềm nên hấp thụ hết lực va chạm. Thế chưa hết, trong cơn bán loạn, tôi đã quên mở đai an toàn.

Thế là tôi thoát khỏi cái chết. Thậm chí

tôi hầu như không bị thương. Và, điều lạ nhất là tôi hầu như không thấy đau đớn gì hết. Đó là điều kỳ quái nhất. Người ta đưa tôi vào bệnh viện để băng cái xương duy nhất bị gãy. Cảnh sát đến điều tra, nhưng tôi bảo họ tôi chẳng nhớ gì sát. Tôi bảo chắc là do tôi định nhấn phanh song lại nhầm sang nhấn ga. Và họ tin lời tôi. Tôi chỉ mới hai mươi tuổi, mới lấy bằng lái được sáu tháng. Ngoài ra, trông tôi chẳng giống loại người toan tự tử. Ai đòi tự tử mà vẫn thắt đai an toàn chứ?

Khi xuất viện tôi phải đương đầu với vài chuyện rắc rối. Trước hết tôi phải trả hết chỗ nợ còn lại cho chiếc MR2 mà tôi đã biến thành đồng kim loại vụn. Thật xui xẻo, khi làm hồ sơ với công ty bảo hiểm

lại xảy ra một nhảm lẫn nào đó, thế là người ta không chịu trả tiền bảo hiểm cho chiếc xe.

Để tự sát, đáng lẽ tôi phải thuê một chiếc xe có bảo hiểm, song bây giờ hiểu ra điều đó thì quá muộn rồi. Dĩ nhiên vào lúc đó tôi chẳng còn tâm trí đâu để nghĩ tới chuyện bảo hiểm này kia. Tôi không hề nghĩ rằng xe của anh trai tôi sẽ không được bảo hiểm hay việc tự sát của tôi sẽ không thành. Tôi đã đâm xe vào một bức tường đá với tốc độ 150 cây số một giờ mà vẫn sống, thật không tin được.

Ít lâu sau tôi nhận được một hóa đơn của hiệp hội quản lý nhà đòi bồi thường cho bức tường đá. Họ đòi 1.364.294 yên(11). Trả ngay lập tức. bằng tiền mặt.

Tôi không còn cách nào khác ngoài mượn của cha tôi. Ông sẵn sàng cho tôi vay, nhưng yêu cầu tôi phải hoàn lại cho ông. Ông là người rất chi li về tiền bạc. Ông bảo rằng tôi phải chịu trách nhiệm về sự cố này, nên ông muốn tôi hoàn tiền lại cho ông đúng hạn, không thiếu một yên. Thật ra lúc đó tiền nong ông cũng chẳng dư dả gì. Ông đang mở rộng bệnh viện, nên bản thân ông cũng đang đau đầu về việc huy động tiền cho dự án.

Tôi lại nghĩ đến chuyện tự sát. Lần này tôi sẽ chọn cách chắc ăn nhất. Tôi sẽ nhảy từ tầng thứ mười lăm tòa nhà hành chính của trường đại học. Lần này thì không thể phạm sai lầm nữa. Tôi thử nhiều lần. Tôi chọn cái cửa sổ thích hợp

nhất. Tôi đã sắp sửa nhảy xuống.

Nhưng có cái gì đó níu tôi lại. Có một cái gì đó là lạ, một cái gì đó lẩn cấn ở trong tôi. Đứng vào giây cuối cùng, “cái gì đó” ấy gần như đã lôi ngược tôi lại từ trên thành cửa sổ. Tuy nhiên, phải một thời gian khá lâu sau tôi mới hiểu ra “cái gì đó” là gì.

Tôi không còn đau gì nữa.

Tôi hầu như không còn đau gì nữa từ sau sự cố nọ. Xảy ra dồn dập hết chuyện này đến chuyện khác, tôi hầu như không còn tâm trí để nhận ra rằng cái đau đã biến mất khỏi cơ thể tôi. Không còn đau ruột, không còn đau khi hành kinh, không còn nhức đầu, không còn đau dạ dày. Thậm chí khi cái xương sườn gãy cũng hầu như

không đau. Tôi không biết tại sao điều đó lại xảy ra được. Nhưng thực tế là: cái đau đã hoàn toàn biến mất.

Tôi quyết định tạm thời hăng cứ tiếp tục sống. Tôi chợt muốn biết, dù chỉ một chút thôi, rằng thế nào là sống mà không phải đau đớn gì. Rồi nếu muốn chết thì lúc nào mà chẳng được.

Nhưng nếu tiếp tục sống thì tôi phải trả nợ cho cha. Tổng cộng, tôi nợ đến hơn ba triệu yên. Để trả được nợ, tôi đi làm điếm.

- Làm điếm?!

- Đúng vậy, - Kano Creta nói, như thể điều đó chẳng có gì ghê gớm cả. – Tôi cần phải có tiền trong một thời gian ngắn. Tôi muốn trả nợ càng sớm càng tốt, mà

tôi thì chẳng biết cách nào khác để kiếm tiền ngoài cách đó. Tôi quyết định làm việc đó không chút do dự. Vấn đề là tôi đã quyết chí chết, và tôi vẫn đang nuôi ý định chết, không sớm thì muộn. Chẳng qua vì tò mò muốn biết sống mà không phải đau đớn gì là thế nào nên tôi mới tiếp tục sống thôi, nhưng hoàn toàn chỉ là tạm thời. So với chết thì chuyện bán mình kia có sá gì.

- Tôi hiểu ý cô, - tôi nói.

Đá trong cốc nước cam của cô ta đã tan, Kano Creta chậm rãi dùng ống hút khuấy rồi nhấp một ngụm.

- Tôi hỏi cô một câu được không? – tôi hỏi.

- Vâng, xin ông cứ hỏi.

- Cô có hỏi ý kiến chị về việc này không?

- Lúc ấy chị ấy đang tu tập ở đảo Malta. Trong thời gian tu tập, chị ấy không chịu cho tôi biết địa chỉ. Chị ấy không muốn tôi làm chị ấy mất tập trung. Trong suốt ba năm chị ấy sống ở Malta, thực sự là tôi không thể nào viết thư cho chị ấy.

- Tôi hiểu, - tôi nói. - Cô dùng thêm ít cà phê nhé?

- Vâng, - Kano Creta nói.

Tôi xuống bếp đun lại cà phê. Trong khi chờ đợi, tôi vừa nhìn chăm chăm vào cánh quạt thông gió vừa hít thở sâu vào mấy cái. Khi cà phê đã nóng, tôi rót vào hai chiếc tách mới, cho vào khay kèm theo một đĩa bánh quy sôcôla rồi bung lên

phòng khách. Chúng tôi ăn uống một hồi.

- Lần cô thử tự sát là khi nào vậy? – tôi hỏi.

- Lúc đó tôi hai mươi tuổi. Đó là sáu năm trước đây vào tháng Năm 1978.

Tháng Năm 1978 là tháng mà Kumiko và tôi kết hôn. Vậy là, đúng vào tháng hai vợ chồng tôi làm đám cưới, Kano Creta đã toan tự sát còn Kano Malta thì đang tu tập ở đảo Malta.

- Tôi đến khu lân cận có nhiều quán bar, lại gần người đàn ông đầu tiên có vẻ đường được một chút mà tôi thấy, ngả giá, rồi đến khách sạn ngủ với ông ta. – Kano Creta nói. - Việc làm tình không còn làm tôi đau đớn về thể xác nữa. Nhưng cũng không có khoái lạc. Chỉ đơn

thuần là vận động cơ thể. Tôi cũng chẳng thấy tội lỗi gì ở chuyện làm tình để kiếm tiền. Tôi bị vây bọc trong sự tê liệt về cảm xúc, một sự vô cảm sâu hun hút đến mức nhìn không thấy đáy đau.

Tôi kiếm được bốn tiền bằng cách đó, chỉ trong một tháng đầu đã được gần một triệu yên. Với tốc độ đó tôi có thể trả hết nợ chỉ trong vòng ba, bốn tháng. Ngày nào cũng vậy, học ở trường xong là tôi về nhà, tối đến lại ra khỏi nhà, rồi về nhà muộn nhất là mười giờ đêm. Tôi bảo cha mẹ rằng tôi làm hầu bàn, chẳng ai nghi ngờ gì cả. Dĩ nhiên, họ sẽ thắc mắc nếu tôi hoàn tiền lại qua nhiều tiền như vậy cùng một lúc, vì vậy tôi quyết định mỗi tháng chỉ hoàn lại ông 10.000 yên, chỗ

còn lại gửi ngân hàng.

Nhưng rồi một đêm nọ, khi tôi đang mời chài khách gần nhà ga, có hai người đàn ông túm lấy tôi từ đằng sau lưng. Đầu tiên tôi ngỡ đó là cảnh sát, nhưng rồi tôi nhận ra chúng là bọn xã hội đen. Chúng lôi tôi vào một hẻm vắng, hăm dọa tôi bằng một món gì đó giống như con dao, rồi đưa tôi về sào huyệt của chúng.

Chúng đẩy tôi vào một căn phòng mái phía sau, lột hết áo quần tôi, trói chặt cổ tay tôi lại rồi thay nhau hăm hiếp tôi trước ống kính máy quay video. Suốt thời gian đó tôi nhắm mắt, cố không nghĩ gì cả. Việc đó với tôi không khó, bởi tôi chẳng cảm thấy gì hết – đau đớn không, khoái lạc cũng không.

Sau đó chúng cho tôi xem cuộn băng và bảo tôi rằng nếu không muốn bất cứ ai nhìn thấy thì tôi phải nhập hội với chúng và làm việc cho chúng. Chúng tịch thu thẻ sinh viên trong ví tôi. Chúng bảo nếu tôi từ chối làm theo ý chúng, chúng sẽ gửi một bản sao cuộn băng cho cha mẹ tôi để tố cáo. Tôi không còn cách nào khác. Tôi bảo chúng rằng tôi sẽ làm như chúng bảo, rằng với tôi chuyện đó chẳng quan trọng gì. Mà thật, lúc đó không có bất cứ cái gì là quan trọng đối với tôi. Chúng nói rõ rằng nếu tôi nhập hội với chúng, thu nhập của tôi sẽ giảm vì chúng sẽ thu bảy mươi phần trăm, song bù lại tôi sẽ không phải mất công tự tìm khách hàng, cũng không còn phải nơm nớp sợ

cảnh sát. Chúng sẽ tìm cho tôi những vị khách sộp. Song nếu tôi vẫn tiếp tục tự kiếm khách hàng thì sẽ đến lúc người ta bắt gặp tôi bị bóp cổ đến chết trong một căn phòng khách sạn nào đó.

Từ đó trở đi tôi không phải đứng đường nữa. Tôi chỉ việc mỗi tối đến “văn phòng” của chúng, ở đó chúng sẽ bảo tôi đến khách sạn nào. Chúng gửi đến tôi những khách hàng sộp thật, đúng như chúng hứa. Tôi không biết tại sao, nhưng tôi được chúng biệt đãi. Có thể là vì tôi trông quá ngây thơ. Tôi có cái vẻ con nhà lành mà các cô gái khác không có. Hẳn là nhiều khách hàng thích loại gái “không có vẻ chuyên nghiệp lắm” này. Các cô khác phải tiếp ba hay bốn khách

mỗi ngày, nhưng tôi thì chỉ cần một khách là đủ, nhiều lắm là hai. Các cô khác phải mang theo máy nhắn tin, bất cứ khi nào “văn phòng” gọi là tất tả phải đến khách sạn hạng xoàng nào đó để ngủ với những người đàn ông không rõ nhân thân. Tôi thì lại luôn luôn được hẹn ở một khách sạn hạng sang, thậm chí đôi khi ở một biệt thự. Khách hàng của tôi thường là người lớn tuổi, hiếm khi gặp người trẻ.

“Văn phòng” trả tiền tôi mỗi tuần một lần, không nhiều như lúc tôi còn làm ăn một mình, nhưng cộng thêm tiền boa của khách hàng thì cũng khá. Dĩ nhiên, một số khách hàng có những ý thích kỳ quái, nhưng tôi chẳng nề gì. Yêu cầu của khách

càng quái gở thì tiền boa lại càng cao. Tôi bắt đầu có một số khách quen, cũng chính họ thường là những người boa rất rộng tay. Tôi mở mấy tài khoản để giữ tiền. Nhưng tới khi đó tiền không còn làm tôi bận tâm. Chỉ là những dây số thôi. Tôi sống chỉ vì một điều duy nhất, ấy là kiểm chứng xem có thật tôi đã hoàn toàn mất cảm giác không.

Sáng nào thức dậy tôi cũng nằm đó, nghiệm xem có đúng là cơ thể mình không cảm thấy bất cứ cái gì có thể gọi là đau. Tôi mở mắt, chăm chặp tập trung tư tưởng, thế rồi tôi bắt đầu kiểm tra cảm giác trong cơ thể mình từ đầu xuống chân, từng cơ quan một. Tôi hoàn toàn không đau gì cả. Liệu quả thật là không

có gì đau, hay là có đau đấy nhưng tôi không cảm thấy? Tôi chẳng biết. Dù thế nào đi nữa, cái đau đã biến mất. Nhưng không chỉ cái đau: trên thực tế, tôi không còn cảm giác gì nữa. làm việc đó xong, tôi ra khỏi giường, vào phòng tắm đánh răng. Rồi tôi cởi đồ ngủ và tắm bằng vòi hoa sen nóng. Thân thể tôi nhẹ bồng một cách đáng sợ. Nó nhẹ tênh, như không khí, như không còn là thân xác tôi nữa. Tôi cảm thấy như linh hồn mình đã nhập vào một cơ thể không phải của tôi. Tôi nhìn thân thể mình trong gương, nhưng giữa tôi với cái thân thể tôi trong gương kia là một khoảng cách xa vời vợi và khủng khiếp.

Cuộc sống không biết thế nào là đau đớn:

nó chính là điều tôi từng mơ ước ngàn ấy năm ròng, nhưng giờ đây có nó, tôi lại không thấy có chỗ cho mình trong đó. Giữa cuộc sống đó với tôi có một sự cách ngăn rạch ròi, điều đó khiến tôi bối rối vô cùng. Tôi cảm thấy như mình không gắn liền với thế giới – cái thế giới mà tôi từng căm ghét và vẫn đang căm ghét tận đáy lòng, cái thế giới mà tôi nguyên rủa vì sự bất công của nó, song nó là cái thế giới nơi ít nhất tôi còn biết mình là ai. Giờ đây thế giới ấy không còn là thế giới, tôi cũng không còn là tôi nữa.

Tôi bắt đầu khóc rất nhiều. Buổi chiều tôi hay đến công viên - Vườn Hoàng gia Shinjuku hay công viên Yoyogi-, ngồi

trên bãi cỏ mà khóc. Tôi thường khóc suốt một, hai tiếng đồng hồ, nước nở rất to. Người qua kẻ lại nhìn tôi, nhưng tôi chẳng màng. Tôi ước gì lần ấy, đêm 29 tháng Năm, giá như tôi chết đi thì tốt biết bao! Nhưng bây giờ thậm chí chết cũng không chết được. Trong nỗi vô cảm này, thậm chí tôi không đủ sức tự giết mình. Tôi không cảm thấy gì hết: đau đớn không, niềm vui không. Mọi cảm giác và cảm xúc đã ra đi. Và tôi thậm chí không còn là tôi nữa.

Kano Creta hít một hơi dài rồi nén lại một lát. Sau đó cô cầm tách cà phê lên, nhìn nó đăm đăm một hồi, khẽ lắc đầu rồi lại đặt tách xuống đĩa.

- Chính trong khoảng thời gian đó tôi gặp

Wataya Noburu.

- Wataya Noburu? Hắn là khách của cô sao?

Kano Creta im lặng gật đầu.

- Nhưng mà... - tôi đã toan nói, nhưng dừng lại để lựa lời. – Tôi không hiểu lắm ở chỗ này. Hôm trước chị cô có kể với tôi rằng Wataya Noburu đã hãm hiếp cô. Phải chăng chuyện đó không liên quan gì với những gì cô đang kể với tôi lúc này?

Kano Creta nhặt chiếc khăn tay đang đặt trên đùi mà lau miệng lần nữa. Rồi cô nhìn thẳng vào tôi. Trong mắt cô có cái gì đó khiến tôi bất an.

- Xin lỗi lại làm phiền ông, tôi có thể xin ông thêm một tách cà phê không? – cô

hỏi.

- Dĩ nhiên, - tôi nói. Tôi đặt tách của cô lên khay rồi mang xuống bếp. Trong khi đợi cà phê sôi, tôi tựa mình vào giá phơi bát đĩa, hai tay thọc vào túi quần. Khi tôi mang cà phê trở lại phòng khách, Kano Creta không còn trên ghế sofa. Chiếc xác, chiếc khăn tay, mọi dấu hiệu hữu hình của cô đã biến mất. Tôi ra ngoài phòng đợi, đôi giày cô ta cũng không còn ở đó nữa.

Ái chà chà, tôi nghĩ.

11. Khoảng gần 11.000 đô la Mỹ - BTN

Thiếu điện trầm trọng và những ống ngâm



Kasahara May khảo cứu bản chất của tóc giả

Sáng hôm sau, tiễn Kumiko đi làm xong, tôi đi đến hồ bơi. Bơi buổi sáng là tốt nhất, bởi vắng người. Đi bơi về tôi đun ít cà phê rồi ngồi uống trong bếp, vừa uống vừa ôn lại câu chuyện kỳ quặc chưa kể hết của Kano Creta, cố nhớ lại từng chi tiết trong cuộc đời cô theo trình tự thời gian. Tôi càng nhớ lại thì câu chuyện càng có vẻ kỳ quặc, nhưng hoạt động của bộ não tôi mỗi lúc một chậm dần, tôi bắt

đầu buồn ngủ rũ. Tôi bèn lên phòng khách, nằm xuống sofa, nhắm mắt lại. Chẳng mấy chốc tôi đã thiếp đi. Và tôi nằm mơ.

Tôi mơ thấy Kano Creta. Tuy nhiên, trước khi cô ta xuất hiện, tôi mơ thấy Kano Malta. Malta đội chiếc mũ kiểu Tyrol gắn một cái lông chim to màu sắc sặc sỡ. Xung quanh cô có rất nhiều người (tuồng như một cái đại sảnh nào đó), nhưng tôi nhận ra ngay Kano Malta nhờ chiếc mũ của cô. Cô đang ngồi một mình nơi quầy bar. Trước mặt cô là một ly cocktail Tropical, nhưng tôi không nhớ liệu cô có uống không.

Tôi mặc com-lê, đeo cà vạt chấm hạt đỗ. Ngay khi nhìn thấy Kano Malta, tôi đã cố

đi về phía cô, nhưng đám đông cứ ngáng đường tôi. Đến khi tôi tới được chỗ quầy bar thì cô đã đi mất. Ly cocktail Tropical vẫn còn nguyên trên quầy, trước mặt chiếc ghế cô ngồi ban nãy. Tôi ngồi vào ghế bên cạnh rồi gọi một ly Scotch có đá. Người phục vụ quầy bar hỏi tôi muốn uống loại Scotch nào, tôi liền bảo "Cutty Sark". Thật ra thì với tôi loại nào cũng được, nhưng Cutty Sark là cái tên đầu tiên nảy ra trong đầu tôi.

Anh ta chưa kịp đưa ly rượu thì tôi cảm thấy có một bàn tay nắm lấy tay tôi từ phía sau, cái đụng chạm nhẹ nhàng đến nỗi dường như người đó đang nắm một vật gì rất giòn mỏng manh, có thể vỡ vụn ra bất cứ lúc nào. Tôi quay lại và thấy

một người đàn ông không có mặt. Có thật là anh ta không có mặt hay không, tôi không biết, nhưng ở chỗ lẽ ra là khuôn mặt chỉ bao trùm một bóng tối đen ngòm, và tôi không thể biết có cái gì đằng sau nó. - Lối này, thưa ông Okada, - hắn nói. Tôi có nói, nhưng chưa kịp mở mồm thì hắn đã bảo: "Mời ông đi với tôi. Chúng ta có ít thời gian lắm. Xin ông vội lên cho." Vẫn nắm tay tôi, hắn rảo bước len qua đám đông, bước ra một hành lang. Tôi đi theo hắn dọc hành lang, không cưỡng lại. Nói gì thì nói, hắn biết tên tôi. Cũng chẳng phải tôi đang để một kẻ hoàn toàn xa lạ dẫn đi đâu tùy ý. Phải có nguyên nhân và mục đích nào đó trong chuyện này.

Đi dọc hành lang một lúc, người không mặt dừng lại trước một cánh cửa. Con số ghi trên cánh cửa là 208. - Cửa khóa. - Xin ông hãy mở ra. - Tôi làm theo, mở cửa ra. Phía sau cánh cửa là một căn phòng rộng. Xem ra nó là một phần của dạng phòng suite(12) trong khách sạn kiểu xưa. Trần cao, treo một chùm đèn kiểu cổ. Đèn không thắp sáng. Một ngọn đèn tường hắt ra ánh sáng lờ mờ, nguồn sáng duy nhất trong phòng. Các rèm cửa kéo kín mít.

- Nếu ông muốn whisky thì bao nhiêu cũng có, thưa ông Okada. Ông thích Cutty Sark phải không? Xin mời, uống bao nhiêu cũng được. - Hắn chỉ về phía một cái tủ âm cạnh cửa ra vào rồi lặng lẽ

đóng cửa lại, để tôi một mình. Tôi đứng giữa phòng một hồi lâu, không biết phải làm gì.

Một bức tranh sơn dầu lớn treo trên tường. Đó là tranh vẽ một dòng sông. Tôi nhìn nó một lát, hy vọng sẽ trấn tĩnh lại. Trăng đang lên trên dòng sông. Ánh trăng tỏa xuống phía bên kia sông, nhưng trăng mờ đến nỗi tôi không nhìn rõ được cảnh trí ở đó. Chỉ thấy những đường viền mờ hồ nhập nhoạng mà thôi.

Bỗng nhiên tôi thấy thềm whisky ghé gớm. Tôi toan mở chiếc tủ âm để lấy rượu theo lời gã đàn ông không mặt, nhưng không mở được. Cái giọng như là cửa tủ hóa ra chỉ là những cánh cửa giả làm rất khéo. Tôi thử hết kéo lại đẩy

những chỗ lỗi ra, nhưng tử vẫn đóng im
im.

- Không dễ mở đâu, thưa ông Okada, -
Kano Creta nói. Tôi nhận ra rằng cô
đang đứng đó, vẫn trong bộ y phục đầu
thập niên 1960. - Phải mất một thời gian
nữa nó mới mở. Hôm nay thì không được
đâu. Ông đừng cố làm gì.

Cô trút hết quần áo dễ dàng như mở một
hộp đậu rồi đứng đó trần truồng trước
mặt tôi, không hề báo trước hay giải
thích. "Chúng ta có ít thời gian lắm, thưa
ông Okada, hãy cố làm cho xong việc
này càng nhanh càng tốt. Tôi xin lỗi vì
phải vội vã thế này, song tôi có lý do
riêng. Tới được đây cũng đã khó khăn
lắm rồi". Thế rồi cô lại gần tôi, mở khóa

quần tôi, thế rồi, như thế đó là việc tự nhiên nhất trên đời, cô lôi dương vật của tôi ra. Cup đôi mắt đeo lông mi giả xuống, cô ngoạm nó vào miệng gọn lỏn. Miệng cô rộng hơn tôi tưởng nhiều. Bên trong miệng cô, tôi lập tức cương cứng. Khi cô cử động lưỡi, những đuôi tóc loăn xoăn của cô khẽ rung rung như trong làn gió nhẹ, mơn man hai bắp đùi tôi. Tôi chẳng thấy gì khác ngoài mái tóc và hai hàng mi giả của cô. Tôi ngồi trên giường, cô thì quỳ gối, vùi mặt vào chỗ đũng quần tôi. - Dừng ngay, - tôi nói. - Wataya Noboru sẽ đến bất cứ lúc nào. Tôi không muốn gặp hắn ở đây.

Kano Creta rút miệng ra khỏi dương vật tôi rồi nói: Dừng lo. Chúng ta còn nhiều

thì giờ, ít nhất là để làm việc này.
Cô đánh đầu lưỡn lên dương vật tôi. Tôi không muốn xuất tinh, nhưng không các nào kìm lại được. Tôi cảm thấy như bị hút hết tinh khí ra khỏi mình. Môi và lưỡn cô ta quần lấy da thịt tôi như những sinh thể nhớp nháp trơn nhầy. Tôi không chịu được nữa, tôi xuất tinh. Tôi mở mắt ra.

Thế đấy. Tôi xuống buồng tắm, giặt cái quần lót vậy bẩn rồi đứng hồi lâu dưới vòi hoa sen nóng, cẩn thận gột cho sạch hết cái cảm giác dính dính mà giấc mơ để lại. Đã bao nhiêu năm rồi từ khi tôi gặp mộng tinh lần cuối? Tôi cố nhớ lại chính xác nhưng đành chịu thua, đã lâu quá rồi.

Tôi vừa ra khỏi phòng tắm, đang lau người thì điện thoại reo. Ấy là Kumiko. Sau một giấc mơ ân ái với người đàn bà khác, tôi cảm thấy hơi căng thẳng khi phải nói chuyện với nàng.

- Giọng anh lạ lắm, - nàng nói. - Có chuyện gì vậy? - Sự nhạy cảm của nàng đối với những chuyện như thế này thật đáng sợ.

- Có gì đâu, - tôi nói. - Anh đang ngủ. Em gọi làm anh thức dậy.

- Thế à? - nàng nói. Tôi cảm thấy rõ sự hoài nghi của nàng qua ống nghe, điều đó khiến tôi càng căng thẳng hơn.

- Thôi được, em xin lỗi, em chỉ muốn báo rằng hôm nay sẽ về muộn một tí, - Kumiko nói. - Có thể tới 9 giờ rưỡi mới

về. Em sẽ đi ăn ngoài.

- Được thôi, - tôi nói. - Anh ăn tối một mình vậy. Đừng lo cho anh.

- Em xin lỗi mà, - nàng nói, như thể sau khi ngẫm nghĩ điều đó. Nàng ngừng một lát, rồi mới gác máy.

Tôi nhìn cái ống nghe thêm vài giây. Rồi tôi xuống bếp gọt một quả táo.

* * *

Suốt sáu năm từ khi lấy Kumiko, tôi chưa hề ngủ với người đàn bà nào khác. Nói vậy không có nghĩa là tôi không bao giờ thèm muốn hoặc có cơ hội ngủ với một người đàn ông khác. Đơn giản là tôi không bao giờ để mình bị cuốn theo dù có cơ hội đi nữa. Tôi không biết tại sao, có lẽ vì đức tính không nằm trong số những

việc ưu tiên trong đời tôi.

Tôi chỉ có một lần duy nhất tình cờ qua đêm với một người đàn bà khác. Cô ta thuộc típ đàn bà tôi thích, và tôi cũng biết cô ta sẵn sàng ngủ với tôi nếu có dịp. Nhưng rốt cuộc tôi chẳng làm gì cô ta cả.

Khi cô ta phải thôi việc để lấy chồng (cô phải chuyển đến Kyushu, nơi chồng cô ta đang làm việc), tôi cùng một số đồng nghiệp mời cô đi uống bữa rượu chia tay. Sau đó cô ta và tôi đi cùng một chuyến tàu về nhà, và do đã khuya nên tôi tiễn cô ta về tận căn hộ nơi cô ở. Đến trước cửa, cô mời tôi vào uống một tách cà phê. Tôi thì chỉ lo nhớ chuyến tàu cuối, nhưng tôi biết có thể hai chúng tôi

sẽ không bao giờ gặp lại nhau, mà tôi thì cũng thích uống chút cà phê cho tỉnh rượu, thế là tôi quyết định vào. Nhà cô ta thật điển hình cho căn hộ của gái độc thân. Nó có một cái tủ lạnh hơi quá to so với một người, một chiếc máy nghe đĩa đặt trên giá sách. Một người bạn đã tặng cô chiếc tủ lạnh này. Cô thay bộ đồ khác cho thoải mái ở phòng bên rồi pha cà phê dưới bếp. Chúng tôi ngồi trên sàn nhà trò chuyện.

Đến một lúc, khi hai chúng tôi không còn chuyện gì để nói, cô chợt hỏi, như thể ý nghĩ đó vừa nảy ra với cô:

- Anh thử nói em nghe, anh có sợ nhất một cái gì không, một cái gì cụ thể ấy?
- Chắc là không, - tôi nghĩ một chút rồi

nói. Tôi vốn sợ đủ thứ trên đời, nhưng sợ nhất một cái gì đó thì không.

- Còn em?

- Em sợ những ống ngầm, - cô nói, hai tay bó gối. - Chắc anh biết ống ngầm chứ?

- Kiểu như cống thoát nước phải không?

- tôi không biết định nghĩa thế nào cho thật chính xác.

- Vâng, nhưng ở dưới lòng đất ấy. Ống dẫn nước thải dưới lòng đất. Cống nước thải, phía trên có nắp đậy, nước chảy ở dưới, đen kịt.

- Anh hiểu. Ống ngầm thoát nước.

- Em sinh trưởng ở vùng quê, tỉnh Fukushima. Có một dòng suối chảy ngay cạnh nhà em, một dòng chảy nhỏ, chỉ là

một cái rãnh tiêu nước ngoài đồng. Đến một quãng, nó chảy vào một cống ngầm chui xuống lòng đất. Hình như chuyện đó xảy ra khi em đang chơi với vài đứa trẻ khác. Lúc đó em mới hai, ba tuổi gì đó. Mấy đứa kia cho em vào một cái thuyền con rồi thả theo dòng suối. Có lẽ trò ấy chúng chơi suốt, nhưng hôm ấy trời mưa, nước dâng rất cao. Thuyền rời xa chúng và đưa em thẳng tới chỗ miệng cống ngầm. Nếu như không có một bác nông dân tình cờ đi ngang qua trông thấy thì chắc em đã bị hút tọt vào trong đó rồi, chừng đó thì chẳng ai còn tìm thấy em nữa.

Cô di di ngón tay trở trên miệng như để kiểm tra xem mình có còn sống không.

- Tối giờ em vẫn còn nhớ như in chuyện đó. Em nằm ngửa, bị dòng nước cuốn đi băng băng. Hai bên bờ suối sừng sững phía trên em như hai bức tường đá cao chót vót, trên đầu là trời xanh. Trời trong, xanh đến nhức mắt. Em bị dòng nước cuốn phăng đi. Càng lúc càng xa, càng lúc càng nhanh. Mãi em vẫn không hiểu như thế là thế nào. Nhưng rồi đột nhiên em bừng hiểu: rằng đằng kia là bóng tối. Bóng tối thực sự. Chẳng mấy chốc nó sẽ xộc tới hút em xuống. Em cảm thấy một bóng tối lạnh ngắt bắt đầu vây bọc lấy mình. Đó là ký ức đầu đời của em.

Cô nhấp một ngụm cà phê.

- Em sợ đến chết được, - cô nói. - Sợ

không thể nào chịu nổi. Sợ giống như ngày đó, khi em bị dòng nước cuốn phăng phăng đến đó, mà đã đến đó rồi thì không ra được nữa.

Cô lấy trong xác tay ra một miếng thuốc, cho vào giữa miệng, dùng diêm châm lửa rồi thở một hơi dài, chậm rãi. Đây là lần đầu tiên tôi thấy cô hút thuốc.

- Em đang nói về đám cưới của em phải không? - tôi hỏi.

- Đúng vậy, - cô đáp. - Về đám cưới.

- Có vấn đề gì đặc biệt không? - tôi hỏi.

- Một vấn đề gì cụ thể?

Cô lắc đầu.

- Vấn đề gì cụ thể thì không; toàn những chuyện vặt vãnh ấy mà... - cô nói.

Tôi không biết nói gì với cô, nhưng trong

tình thế này tôi cần phải nói gì đó.

- Anh nghĩ là bất cứ ai khi sắp lấy vợ lấy chồng đều có cảm giác đó, không nhiều thì ít. "Trời, nhớ ra mình đang phạm một sai lầm nghiêm trọng thì sao!" Chuyện ấy bình thường lắm, không cảm thấy thế mới là lạ. Dù gì thì chọn một người để sống suốt đời với nhau là một quyết định lớn. Thành thử cảm thấy sợ cũng tự nhiên thôi, nhưng không nên sợ thái quá như vậy.

- Nói thì dễ, "Ai cũng cảm thấy như vậy. Ai cũng như nhau", - cô nói.

Đã quá mười một giờ. Tôi phải tìm cách nào đó kết thúc cuộc trò chuyện này cho êm đẹp rồi đi khỏi đây. Nhưng tôi chưa kịp nói gì thì bỗng nhiên cô yêu cầu tôi

ôm lấy cô.

- Tại sao? - tôi hỏi, đâm ra cảnh giác.

- Để sạc pin cho em, - cô nói.

- Sạc pin cho em?

- Cơ thể em hết điện rồi. Đã mấy hôm nay em không ngủ được. Hễ sắp thi u thi u ngủ là em sức tỉnh, sau đó thì không thể nào ngủ lại được nữa. Mà cũng không suy nghĩ gì được. Mỗi khi em như vậy, cần phải có người nạp pin cho em. Nếu không em sẽ không sống nổi. Thật đấy.

Tôi nhìn thẳng vào mắt cô, tự hỏi liệu cô có còn say không, nhưng đây vẫn là cặp mắt bình thản, thông minh của cô. Còn lâu cô mới say.

- Nhưng tuần sau em lấy chồng rồi. Em có thể bảo anh ấy ôm em bao nhiêu tùy ý.

Đêm nào cũng ôm. Có vậy người ta mới lấy nhau chứ. Em sẽ chẳng bao giờ hết điện nữa.

- Vấn đề là em cần ngay bây giờ, - cô nói. - Không phải ngày mai, không phải tuần sau, tháng sau. Em đang hết điện ngay bây giờ đây.

Môi mím chặt, cô nhìn đăm đăm hai bàn chân mình. Hai bàn chân đều tăm tắp. Nhỏ nhắn, trắng muốt, mười móng chân xinh xắn. Dường như cô quả thực đang muốn ai đó ôm mình, thế là tôi dang tay ôm cô vào lòng. Thật kỳ quặc. Với tôi, cô chỉ là một đồng nghiệp có năng lực, dễ mến. Chúng tôi làm việc trong cùng một cơ quan, hay kể chuyện cười cho nhau nghe, thỉnh thoảng rủ nhau đi uống

vài ly. Nhưng ở đây, ngoài công việc, trong căn hộ của cô, thân thể cô nằm gọn trong vòng tay tôi, hai chúng tôi chẳng gì hơn là những khối thịt nồng ấm. Chúng tôi vẫn thường đóng những vai mình được phân trên sân khấu công ty, nhưng khi bước xuống khỏi sân khấu, vứt bỏ lại những hình ảnh mà chúng tôi phóng chiếu lên ở đó, hai chúng tôi chỉ còn là những khối thịt bất định, vụng về, những súc thịt ấm được trang bị thêm hệ tiêu hóa, tim, não và cơ quan sinh dục. Tôi vòng tay ôm quanh lưng cô, cặp vú cô ép chặt vào ngực tôi. Cặp vú to và mềm hơn tôi vẫn hình dung. Tôi ngồi trên sàn nhà, lưng tựa vào tường, cả thân thể cô tì vào người tôi. Chúng tôi ôm nhau trong tư thế đó một hồi lâu, không nói một lời.

- Được chưa? - tôi hỏi, bằng một giọng nghe như không phải của tôi. Như thể ai đó đang nói thay cho tôi vậy.

Cô không nói gì, nhưng tôi cảm thấy cô gật đầu.

Cô đang mặc áo len dệt kim và váy mỏng dài đến gối, nhưng chẳng mấy chốc tôi nhận ra rằng bên dưới cô hoàn toàn chẳng mặc gì. Thế là tôi gần như là tự động cương cứng lên. Hình như cô cũng biết điều đó. Tôi nghe hơi thở ấm áp của cô trên cổ mình.

Rốt cuộc tôi đã không ngủ với cô. Nhưng tôi vẫn phải "sạc pin" cho cô mãi tới 2 giờ sáng. Cô nài tôi ở lại cho tới khi nào cô ngủ được. Tôi bế cô vào giường, ấn cô vào trong chăn. Nhưng mãi mà cô vẫn

thức. Cô thay đồ ngủ, và tôi vẫn cứ ôm cô, "sạc pin" cho cô. Trong vòng tay tôi, tôi cảm thấy hai bầu má cô nóng bừng, tim cô đập mạnh. Tôi không biết mình làm vậy có đúng không, nhưng tôi chẳng biết phải làm gì khác trong tình thế này. Việc đơn giản nhất hẳn là ngủ với cô ta, nhưng tôi ra sức xua cái khả năng đó ra khỏi tâm trí. Bản năng mách bảo tôi chớ làm vậy.

- Xin anh đừng ghét em vì chuyện này, - cô nói. - Điện của em còn ít quá. Em không chịu nổi.

- Đừng lo, - tôi nói. - Anh hiểu mà.

Tôi biết mình nên gọi điện về nhà, nhưng tôi có thể nói gì với Kumiko đây? Tôi không muốn nói dối, nhưng tôi biết việc

sẽ không thể nào giải thích chuyện này cho nàng hiểu. Vả chẳng, gọi cũng chẳng ích gì. Điều gì tới thì sẽ tới. Tôi rời căn hộ của cô ta lúc 2 giờ sáng, về đến nhà thì đã 3 giờ. Khó khăn lắm mới tìm được taxi.

Dĩ nhiên là Kumiko nổi giận đùng đùng. Nàng đang ngồi bên bàn bếp, vẫn thức chong chong, đợi tôi. Tôi nói tôi ra ngoài uống rượu và chơi mạt chược với mấy tay đồng nghiệp ở cơ quan. Gọi điện về nhà nhấn một tiếng, có khó gì đâu, sao anh không gọi? nàng hỏi. Chả hiểu thế nào mà anh không nghĩ ra, tôi nói. Nàng không tin, và lời nói dối thấy ngay là quá lộ liễu. Đã nhiều năm nay tôi không chơi mạt chược, lại nữa tôi vốn dĩ không biết

nói dối trong bất kỳ trường hợp nào. Rốt cuộc tôi đành thú nhận sự thật. Tôi kể cho nàng toàn bộ câu chuyện từ đầu tới cuối - dĩ nhiên là trừ chi tiết cương cứng -, cô lặp đi lặp lại và nhấn mạnh rằng tôi tuyệt chẳng làm gì cô kia.

Kumiko không nói năng gì với tôi suốt ba ngày liền. Thực sự là không một lời nào. Nàng ngủ ở phòng khác, ăn cũng một mình. Đây là cuộc khủng hoảng căng nhất từ khi chúng tôi lấy nhau. Nàng quả thật giận tôi lắm, và tôi rất hiểu tâm trạng này ra sao.

Sau ba ngày không hé răng, Kumiko hỏi tôi: Nếu anh ở vào địa vị của em thì anh nghĩ sao? - Đó là câu đầu tiên của nàng. - Nếu như em cũng mãi ba giờ sáng Chủ

nhật mới về nhà mà thậm chí không thèm gọi điện thoại? "Em đã nằm trên giường suốt với một gã đàn ông, nhưng anh đừng lo, em chẳng làm gì hết, tin em đi mà.

Em chỉ sạc lại pin cho anh ta thôi. Thôi nào, mình ăn sáng rồi đi ngủ nhé". Nếu em nói thế, liệu anh có nổi điên lên không? Liệu anh có tin em không?

Tôi lặng thinh.

- Mà anh thì còn tệ hơn thế! - Kumiko nói tiếp. - Anh đã nói dối em. Anh bảo nào là anh uống rượu, nào là anh chơi mạt chược. Nói dối như cuội! Sao anh có thể nghĩ rằng em sẽ tin anh không ngủ với ả đó cơ chứ?

- Anh xin lỗi là đã nói dối, - tôi nói. - Lẽ ra anh không bao giờ nên làm vậy. Chỉ vì

anh thấy giải thích sự thật thì khó quá.
Anh muốn em tin một điều: thực sự là
anh đã không làm gì sai cả.

Kumiko tựa đầu lên bàn. Tôi cảm thấy
như không khí trong phòng đang dần dần
mỏng đi.

- Anh không biết nói gì nữa, - tôi nói. -
Anh không biết giải thích cách nào hơn
là xin em hãy tin anh.

- Thôi được. Nếu anh muốn em tin anh
thì em tin, - nàng nói. - Nhưng em muốn
anh nhớ một điều: rồi sẽ có lúc em làm
một chuyện tương tự như thế. Chừng đó
thì em muốn anh hãy tin em. Em có quyền
đó.

Kumiko chưa hề sử dụng cái quyền đó.
Thỉnh thoảng tôi lại thử hình dung mình

sẽ cảm thấy ra sao nếu nàng làm vậy. Hẳn là tôi sẽ tin nàng, nhưng phản ứng của tôi chắc chắn cũng sẽ phức tạp, khó lường như phản ứng của Kumiko. Sao cứ phải làm một việc như thế, để làm gì chứ? Đó chính là điều mà hôm đó Kumiko đã nghĩ về tôi.

* * *

- Chim vặn dây cốt ơ, - có tiếng gọi tôi từ ngoài vườn. Đó là Kasahara May.

Vừa lau tóc tôi vừa ra ngoài hiên. Cô bé đang ngồi vắt vẻo trên ban công mà cắn móng tay. Cô vẫn đeo cặp kính hoa râm như khi tôi gặp lần đầu, mặc quần vải bông màu kem, áo phông đen. Tay cô cầm một chiếc dập ghim.

- Em trèo qua đó, - cô vừa nói vừa chỉ

bức tường bê tông. Rồi cô phúi bụi bám vào quần. - Em cứ đoán hú họa: chắc nhà này đây. May quá, đúng là nhà anh! Thử nghĩ mà xem, nhớ em trèo vào nhằm nhà thì sao!

Cô rút trong túi ra một gói Hope, châm một điếu.

- Công việc thế nào hử Chim vặn dây cót?

- Làng nhàn thế thôi.

- Em sắp đi làm đây, - cô nói. - Đi với em đi? Bọn em làm việc theo nhóm hai người, mà nếu em cặp với một người quen thì tố-ố-ốt quá! Phải một tay lạ hoắc thì thế nào cũng hạch hỏi đủ thứ, nào "Em mấy tuổi rồi", rồi lại "Sao không đi học?" Mệt lắm! Mà nhớ ra gặp

một thằng bệnh hoạn tính dục thì gay to. Chuyện gì cũng có thể xảy ra mà, anh biết đấy! Nào, đi với em nhé. Chim vặn dây cốt. Làm ơn đi mà!

- Có phải đó là công việc mà em có lần kể với anh không, điều tra gì gì đó cho hãng làm tóc giả ấy?

- Đây đây, - cô nói. - Anh chỉ phải làm mỗi một việc là đếm số người hỏi đầu ở khu Ginza, từ một giờ đến bốn giờ. Dễ như ăn ớt ấy! Mà cũng có ích cho anh nữa. Cứ cái kiểu này thì lúc nào đấy anh cũng sẽ hỏi đầu thôi; bây giờ tạm thời còn tóc, anh nên tìm hiểu một chút đi là vừa.

- Ủ, nhưng còn em? Lỡ giám thị trường đi kiểm tra học sinh trốn học mà nhìn

thấy em làm việc này ở Ginza giữa giờ học thì em tính sao?

- Có sao đâu, em sẽ bảo là em đang điều tra thực địa để nghiên cứu xã hội học. Em nói thế bao nhiêu lần rồi, hiệu nghiệm lắm đấy.

Do chưa định làm gì vào buổi chiều nên tôi quyết định đi cùng cô bé xem sao.

Kasahara May gọi điện về công ty báo rằng chúng tôi sẽ tới. Trên điện thoại, cô chuyển thành một phụ nữ trẻ rất đoan trang nên nã:

- Vâng, thưa ông, tôi muốn lập nhóm với anh ấy, đúng vậy, vâng, cảm ơn ông rất nhiều, vâng, tôi hiểu, vâng, chúng tôi sẽ đến vào đúng giữa trưa.

Tôi để lại mấy chữ cho Kumiko nhắn

rằng tôi sẽ về trước 6 giờ, phòng trường hợp nàng về sớm, rồi ra khỏi nhà cùng với Kasahara May.

Hãng làm tóc giả nằm ở khu Shinbashi. Trên xe điện ngầm, Kasahara May giải thích cho tôi cách tiến hành điều tra.

Chúng tôi sẽ đứng ở một góc phố mà đếm tất cả những người hói (hay những người đang rụng tóc) đi ngang qua.

Chúng tôi phải phân loại cho tùy theo mức độ hói: C là những người mới rụng chút ít, B là đã rụng nhiều, A là hoàn toàn hói. May rút trong cặp hồ sơ ra một cái bìa gấp rồi mở ra chỉ cho tôi xem ảnh mẫu của ba giai đoạn.

- Anh hiểu rồi chứ, đầu nào xếp vào loại nào ấy mà? Em không đi vào chi tiết đâu.

Phải mất cả ngày đấy. Nhưng anh cũng hiểu đại khái chứ, đầu nào xếp loại nào ấy?

- Tạm tạm, - tôi nói, nhưng chẳng tỏ ra tự tin cho lắm.

Bên cạnh Kasahara May có một quý ông béo núc ních ra dáng dân công sở, cái đầu dẹt khoát là thuộc loại B; quý ông cứ liếc mãi cái bìa có những tấm ảnh mẫu trên tay Kasahara May, vẽ bôn chôn ra mặt, nhưng cô bé dường như hoàn toàn không chú ý đến ông ta.

- Em sẽ đảm nhiệm việc phân loại, còn anh đứng cạnh em cầm tờ điều tra. Anh chỉ việc ghi vào A, B hay C, em bảo gì anh ghi nấy. Chỉ có vậy thôi. Dễ mà, phải không?

- Nói chung thì dễ, - tôi nói. - Nhưng điều tra như vậy rồi thì để làm gì?

- Em chả biết, - cô nói. - Họ làm vậy ở khắp Tokyo - ở Shinjuku, Shibuya, Aoyama. Chắc họ muốn tìm hiểu xem khu nào có nhiều người hói nhất. Hoặc họ muốn biết tỷ lệ A, B, C trong dân số. Ai mà biết được? Họ có nhiều tiền quá không biết xài đâu cho hết ấy mà. Cho nên họ mới vung tiền ra làm mấy trò như vậy. Nghề tóc giả lãi ới tiền đấy. Nhân viên của họ được hưởng lương hậu hỹ hơn mấy công ty kinh doanh thương mại nhiều. Anh biết vì sao không?

- Không. Vì sao?

- Tóc giả đâu có dùng được lâu. Em cá là anh không biết: tóc giả chỉ dùng được

hai năm, cùng lắm là ba năm. Tóc giả làm càng tốt, chất lượng càng cao thì càng chóng phải thay. Nói gì thì nói, nó là sản phẩm tiêu dùng ấy mà. Ấy là vì nó vừa khít đầu của người ta quá thành thử tóc bên dưới lại càng mọc thừa hơn nữa. Mà hễ tóc thừa hơn thì lại phải mua bộ tóc giả mới cho khớp. Anh cứ thử nghĩ xem: Giả dụ anh đội tóc giả, thế rồi hai năm sau không dùng được nữa, liệu anh có nghĩ: Chà, tóc giả này hết xài được rồi. Không đội được nữa. Nhưng mua cái mới thì đắt quá, nên từ mai mình sẽ đi làm không đội tóc giả. Liệu anh có nghĩ thế không?

Tôi lắc đầu. - Chắc là không, - tôi nói.
- Dĩ nhiên rồi. Một khi đã phải đội tóc

giả là cứ phải đội mãi. Như là số trời bắt vậy rồi. Cho nên hội làm tóc giả mới phát to thế. Nói thì em cũng chả muốn nói, nhưng thật ra họ chẳng khác gì bọn buôn lậu thuốc phiện. Đã mắc câu của họ thì cứ thế làm khách hàng của họ cả đời. Anh đã bao giờ nghe nói tới anh chàng hói nào bỗng dựng lại mọc tóc chưa? Em thì chưa bao giờ nghe. Tóc giả tẻ lắm cũng nửa triệu yên một bộ, oách thì phải tới một triệu. Thế mà cứ hai năm anh phải mua một bộ mới! Trời ạ! Ngay cả xe hơi cũng xài được lâu hơn thế, những bốn, năm năm. Anh lại còn có thể đổi xe mới nữa chứ!

- Anh hiểu, - tôi nói.

- Thế đã hết đâu, họ còn có cửa hiệu làm

tóc nữa. Họ giặt tóc giả và cắt tóc thật cho khách hàng. Cứ tưởng tượng mà xem: làm sao anh có thể tới hiệu cắt tóc bình thường, ngồi xuống ghế, lột tóc giả ra rồi bảo người ta tỉa tóc cho anh được! Chỉ cần mấy cửa hiệu đó không thôi cũng đủ cho họ hốt bạc rồi!

- Chuyện gì em cũng rành quá nhỉ! - tôi nói, thật sự khâm phục cô. Ông bạn làm công sở thuộc loại B ngồi bên cạnh May lắng nghe chúng tôi như nuốt từng chữ.

- Có gì lạ đâu, - cô nói. - Mấy người ở công ty thích em lắm. Họ kể với em đủ thứ chuyện. Ngành kinh doanh này lãi khủng khiếp. Họ làm tóc giả ở Đông Nam Á và những nơi tương tự, vì nhân công rẻ. Họ mua cả tóc ở đó nữa, ở Thái

Lan hay Philippin. Phụ nữ ở mấy xứ đó bán tóc cho các công ty làm tóc giả. Ở một số nơi, họ làm vậy để có tiền làm của hồi môn. Thế giới này kỳ quặc thật! Cái tay ngồi cạnh anh thật ra đang mặc tóc thật của cô nàng nào đó ở Indonesia đấy.

Một cách bản năng, cả quý ông công chức (loại B) lẫn tôi đều ngoài cổ nhìn những người khác ở trong toa.

* * *

Chúng tôi dừng ở văn phòng công ty tại Shinbashi để lấy một phong bì to đựng phiếu điều tra và bút chì. Công ty này hẳn phải đứng hàng thứ hai trong số các hãng làm tóc giả, nhưng lại có vẻ yên ắng khác thường, thậm chí nơi cửa chính

chẳng có lấy một cái biển tên để khách ra vào khỏi bở ngỡ. Cả phong bì lẫn mấy tờ phiếu điều tra đều không thấy đề tên công ty. Ở phòng phụ trách điều tra, tôi điền tên, tuổi, địa chỉ, trình độ học vấn vào một mẫu đăng ký làm bán thời gian. Cái văn phòng này im ắng đến lạ. Chẳng ai thét lác vào điện thoại, chẳng ai xấn tay áo lên hì hục gõ bàn phím. Mỗi nhân viên đều ăn mặc tươm tất, lặng lẽ tập trung làm việc của mình. Vốn là một công ty làm tóc gia nên quả thật chẳng ai ở đây bị hói đầu cả. Cũng có thể vài ba người đang đội sản phẩm của công ty, nhưng tôi chịu không phân biệt được ai tóc thật ai tóc giả. Trong tất cả các công ty tôi từng đến, đây là công ty kỳ lạ nhất.

Chúng tôi đi xe điện ngầm đến khu Ginza. Vẫn còn sớm và lại đang đói, nên chúng tôi ghé quán Dairy Queen làm một cái hamburger.

- Này Chim vặn dây cốt, nói em nghe, nếu bị hỏi thì anh có đội tóc giả không? - Kasahara May hỏi.

- Anh chưa biết, - tôi nói. - Anh không thích những việc rầy rà, mệt thì giờ. Thành thử nếu bị hỏi chắc anh cũng để mặc thôi.

- Hay đây, - cô vừa nói vừa dùng khăn giấu lau xốt cà chua dính trên miệng. - Thử nghĩ mà xem, người hỏi trông cũng đâu đến nỗi xấu như họ nghĩ. Theo em, chẳng việc gì phải lo sốt vó về nó như vậy.

- Ủ, - tôi nói.

* * *

Suốt ba tiếng đồng hồ sau đó chúng tôi ngồi nơi lối xuống xe điện ngầm gần Tòa nhà Wako mà đếm những người đàn ông hói đi ngang qua. Nhìn xuống những cái đầu lên xuống cầu thang là cách chính xác nhất để xác định mức độ hói của bất kỳ cái đầu nào. Kasahara May thì nói "A", "B" hay "C", tôi thì ghi vào phiếu. Rõ là cô bé đã làm việc này nhiều lần rồi. Cô chẳng bao giờ lúng túng, ngập ngừng hay tự đánh chính, mà phân loại từng cái đầu một cách cực kỳ nhanh chóng và chính xác, phát âm các chữ cái bằng giọng khe khẽ để người qua kẻ lại không để ý. Mỗi khi có một đám nhiều

cái đầu hói cùng xuất hiện thì cô tuân một tràng dài "CCBABCAACCB BB" như súng liên thanh. Đến một lúc, một ông cụ đáng người lịch lãm (bản thân ông có cả một đầu tóc bạc phơ như tuyết) dừng lại xem chúng tôi tác nghiệp. - Xin lỗi, - một hồi sau ông nói, - cho phép tôi hỏi quý vị đang làm gì đấy?

- Làm điều tra, - tôi đáp.
- Điều tra gì kia? - ông hỏi.
- Nghiên cứu xã hội học, - tôi đáp.
- CACABC, - Kasahra May nói.

Cụ ông lịch lãm xem chừng chẳng tin là mấy, nhưng ông chỉ quan sát chúng tôi thêm một lát rồi phẩy tay bỏ đi.

Khi cái đồng hồ Mitsukoshi phía bên kia đường chỉ đúng 4 giờ, chúng tôi kết thúc

buổi điều tra và trở lại quán Dairy Queen làm một tách cà phê. Công việc này không tốn sức nhiều, thế mà cổ và vai tôi tê cứng đến là lạ. Có thể vì tính chất công việc, chúng tôi đếm những cái đầu hỏi một cách vụng trộm, nên tôi mang cảm giác có lỗi thế nào đó. Suốt quãng thời gian ngồi xe điện ngầm trở lại văn phòng công ty ở Shinbashi, tôi chợt nhận ra mình đang tự động phân loại A, B, C bất cứ cái đầu hỏi nào lọt vào tầm mắt, điều đó khiến tôi hầu như buồn nôn. Tôi muốn dừng ngay, nhưng cái quán tính nào đó đã bắt đầu vận hành rồi, không cưỡng lại được. Chúng tôi nộp các phiếu điều tra rồi nhận tiền công, khá là hậu hỷ so với thời gian và công sức bỏ ra. Tôi ký biên nhận rồi đút tiền vào túi.

Kasahara May và tôi đón xe điện ngầm đến Shinjuku, từ đó chuyển sang tuyến Odakyu để về nhà. Giờ cao điểm chiều đã bắt đầu. Khá lâu tôi mới đi lại trên một chuyến tàu đông khách thế này, song tôi chẳng có cảm giác bồi hồi gì mấy.

- Công việc không tôi chứ hử, - đứng cạnh tôi trên tàu, Kasahara May nói. - Việc nhẹ nhàng, thù lao lại khá.

- Ừ, - tôi nói, miệng mút keo chanh.

- Lần sau lại đi với em nhé? Mỗi tuần một lần.

- Sao lại không? - tôi nói.

- Này Chim vặn dây cót, anh biết không,

- Kasahara May nói sau một thoáng im lặng, như thể có một ý nghĩ vừa đột ngột đến với cô, - em cá rằng sở dĩ người ta

sợ bị hỏi là do hỏi đầu khiến họ nghĩ mình sắp tới số rồi. Ý em là, khi tóc bắt đầu rụng, người ta thấy như đời mình cũng đang tàn dần đi... như thể mình đã xoắn một bước dài về phía cái chết, về phía miệng lỗ vậy.

Tôi ngẫm nghĩ một lát.

- Chắc hẳn cũng có một số người nghĩ thế, - tôi nói.

- Anh biết không, Chim vặn dây cót, thỉnh thoảng em tự hỏi chết dần từng tí một suốt một thời gian dài đằng đẳng thì như thế nào. Anh nghĩ sao?

Chưa hiểu cô muốn nói gì, tôi liền đổi thế nắm quai treo giữ thăng bằng mà nhìn thẳng vào mắt cô.

- Chết dần từng tí một... nghĩa là sao?

Em cho một ví dụ cụ thể được không?

- Em chả biết nữa... Ví như anh bị nhốt trong bóng tối, tối như hũ nút, anh tro troi một mình, không đồ ăn, không nước uống, thế là anh chết từ từ...

- Thế thì kinh khủng lắm, - tôi nói. - Rất đau đớn. Anh chẳng muốn chết vậy tí nào.

- Nhưng chẳng phải đời là vậy sao, hở Chim vặn dây cót? Chẳng phải tất cả chúng ta đều bị nhốt trong bóng tối ở đâu đó, người ta lấy đi hết đồ ăn nước uống của chúng ta, thế là chết từ từ, chết dần chết mòn...?

Tôi phá lên cười.

- Em còn trẻ quá mà sao lại pessimistic thế, - tôi nói, dùng chữ tiếng Anh.

- Pessi... cái gì cơ?

- Pessimistic. Nghĩa là bi quan, chỉ nhìn vào khía cạnh đen tối của sự vật.

- Pessimistic, pessimistic... - cô lặp lại từ tiếng Anh mấy lần, rồi nhìn lên tôi với ánh mắt giận dữ. - Em mới có mười sáu tuổi, em chưa biết nhiều về thế giới này, nhưng có một điều em biết chắc chắn.

Nếu như em bi quan thì những người lớn nào không bi quan trên đời này thấy đều là một lũ ngốc.

12. Phòng khách sạn hạng sang, gồm một dãy nhiều phòng - ND

10

Mát tay



Chết trong bốn tấm



Sứ giả trao kỷ vật

Vợ chồng tôi chuyển đến căn nhà đang sống hiện nay kể từ mùa hè năm thứ hai sau khi lấy nhau. Căn hộ ở Koenji mà chúng tôi vẫn sống trước đó đã bị san phẳng để xây dựng lại. Chúng tôi tìm một căn hộ vừa rẻ tiền vừa tiện nghi để chuyển đi, nhưng với túi tiền của chúng tôi thì tìm một chỗ như vậy không dễ. Khi ông cậu tôi biết chuyện đó, ông liền

đề nghị chúng tôi chuyển đến sống ở căn nhà của ông tại Setagaya. Căn nhà này ông mua từ hồi còn trẻ và từng sống ở đó mười năm. Ông muốn dỡ căn nhà cũ để xây một căn nhà mới đa chức năng hơn, nhưng quy chuẩn kiến trúc không cho phép ông xây đúng kiểu nhà ông muốn. Nghe đồn rằng quy định sẽ được nới lỏng; ông sẵn sàng đợi tới khi đó, nhưng nếu bỏ không căn nhà trong suốt thời gian đó thì ông vẫn phải nộp thuế, mà nếu cho người lạ thuê thì nhỡ đâu khi cần đòi nhà người ta lại không chịu đi. Ông chỉ cần chúng tôi trả tiền nhà đủ để nộp thuế, song đôi lại chúng tôi phải dọn đi trong vòng ba tháng khi nào ông yêu cầu. Chúng tôi chẳng có gì phản đối: chuyện thuế thiếc này nọ thì chúng tôi không rõ

lắm, nhưng chúng tôi chớp ngay cơ hội này để được sống trong một căn nhà ra nhà, dù chỉ trong một thời gian không lâu, mà chỉ phải trả tiền thuê nhà như khi sống trong một căn hộ (mà là căn hộ rẻ tiền nữa chứ). Căn nhà ở rất gần bến xe gần nhất trên tuyến Odakyu, nhưng khu dân cư quanh đó rất chi là yên tĩnh, đã vậy lại còn có một khoảnh vườn nhỏ. Cho dù căn nhà không phải của chúng tôi, nhưng ngay khi dọn về, nó lập tức cho chúng tôi cảm giác từ nay chúng tôi thực sự là "gia chủ".

Ông cậu này, em của mẹ tôi, chẳng bao giờ đòi hỏi gì ở chúng tôi. Hẳn vì ông vốn là người tử tế, nhưng kiểu ông để mặc chúng tôi có cái gì đó hơi kỳ quặc.

Dẫu sao, trong tất cả những người bà con, ông là người tôi yêu quý nhất. Ông từng tốt nghiệp một trường ở Tokyo rồi làm nghề phát thanh viên radio, nhưng được mười năm, một hôm ông tuyên bố "Đủ rồi!", đoạn ông thôi việc ở đài phát thanh mà đi mở một quán bar ở khu Ginza. Quán nhỏ và khiêm nhường thôi, nhưng lại rất nổi tiếng nhờ những món cocktail độc nhất vô nhị, và chỉ trong vài năm ông cậu đã có trong tay cả một loạt quán bar và nhà hàng. Mọi cơ sở của ông đều làm ăn hết sức phát đạt, dường như ông quả thật có duyên làm kinh doanh. Có lần, hồi tôi còn đi học, tôi đã hỏi tại sao ông đi đến đâu là thành công đến đó như vậy. Tại sao, cùng một địa điểm ở Ginza mà kẻ khác mở nhà hàng là thất

bại, đến lượt ông mở cùng một loại nhà hàng đó thì lại thành công đến thế? Tại sao vậy? Ông liền xòe hai lòng bàn tay ra trước mặt tôi mà nói: "Cậu vốn mát tay mà", ông chỉ nói thế. Xét về nghiêm trang của ông, tôi hiểu ông không đùa. Có thể ông quả là "mát tay" thật, nhưng ông còn có cái tài tìm được những người có năng lực để làm việc cho ông. Ông trả lương cho họ rõ cao và đối xử với họ tử tế, đổi lại họ làm việc cho ông hết lòng hết dạ. "Mỗi khi cậu tìm được đúng người, cậu dúi ngay vào tay anh ta một nắm tiền và cho anh ta làm đúng sở trường của mình", có lần ông bảo tôi. "Cái gì mua được bằng tiền thì phải bỏ tiền mua, đừng đăn đo hơn thiệt. Hãy để

dành tâm lực cho những cái mà tiền không mua được".

Ông lấy vợ muộn. Chỉ khi đã khá thành công về tài chính ở độ tuổi ngoài bốn mươi, ông mới chịu yên bề gia thất. Vợ ông từng ly dị chồng, trẻ hơn ông ba bốn tuổi và cũng có tài sản kha khá. Cậu chưa bao giờ kể cho tôi nghe đã gặp bà như thế nào, tôi chỉ có thể nói bà thuộc loại người trầm lặng, gia đình nề nếp. Họ không có con. Với người chồng trước bà cũng chẳng có con, có lẽ vì vậy mà hai vợ chồng ly dị. Dù thế nào thì thế, vào tuổi ngoài tứ tuần, cậu tôi giàu thì chưa hẳn đã giàu nhưng cũng không phải đầu tắt mặt tối vì chuyện tiền nong nữa. Ngoài lợi nhuận từ mấy nhà hàng và quán

bar, ông còn có thu nhập từ mấy ngôi nhà và căn hộ cho thuê, lại còn lợi tức đều đặn từ mấy khoản đầu tư nữa. Dòng họ tôi, vốn mang truyền thống coi trọng những nghề danh giá và lối sống thanh bạch, có khuynh hướng coi cậu tôi như một thứ chiên ghẻ, trong khi bản thân ông cũng chẳng mặn mà gì với bà con họ hàng. Tuy nhiên, là cháu trai của ông, tôi luôn được ông quan tâm chăm sóc, nhất là sau khi mẹ tôi mất đúng vào năm tôi vào đại học và tôi đâm ra bất hòa với cha từ khi ông tục huyền. Khi tôi sống đời sinh viên nghèo kiết, một thân một mình ở Tokyo, cậu thường cho tôi ăn cơm tại một trong các nhà hàng của ông ở khu Ginza.

Hiện nay cậu tôi cùng vợ đang sống ở một căn hộ trên đồi ở Azabu, chả là ông cho rằng sống trong một biệt thự thì phiền phức quá. Tính ông không ưa xa hoa, nhưng ông cũng có một sở thích riêng. Đó là chơi xe quý hiếm. Ông có một chiếc Jaguar và một chiếc Alpha Romeo trong ga-ra, cả hai đều rất cổ, được chăm chút cực kỳ cẩn thận, ngời sáng như những đứa trẻ mới chào đời.

* * *

Có lần, trong khi nói chuyện với cậu qua điện thoại về một chuyện khác, tôi nhân cơ hội hỏi xem ông biết gì về gia đình Kasahara May.

- Cháu bảo là Kasahara à? - Ông ngẫm nghĩ một chút. - Cậu chưa nghe bao giờ.

Hồi sống ở đó cậu chưa lập gia đình, chẳng đi lại gì với hàng xóm xung quanh hết.

- Thật ra, cháu quan tâm là quan tâm tới căn nhà đối diện nhà họ cơ, cái nhà bỏ không bên kia ngõ, nhìn sang sân sau nhà Kasahara ấy, - tôi nói. - Nghe đâu hồi trước có người tên là Miyawaki sống ở đây. Nay thì cửa đóng im ỉm.

- À, Miyawaki, ông ấy thì cậu biết. Hồi trước ông ấy có mấy cái nhà hàng kia. Có một cái cũng ở khu Ginza. Cậu gặp ông ấy vài lần vì công việc. Nhà hàng của ông ấy, nói thật với cháu, cũng làng nhàng thôi, nhưng địa thế thì tuyệt, làm ăn cũng được. Ông ta tính người cũng dễ chịu, nhưng có phần cậu ấm thế nào ấy.

Hoặc cả đời ông ta chưa bao giờ biết làm lụng vất vả là gì, hoặc ông ta không nắm bắt được công việc, cậu chẳng biết, nhưng ông ta chưa bao giờ thực sự trưởng thành. Ai đó rỉ tai nói ngon nói ngọt với ông ta, thế là ông ta dốc hết tiền của ra mua những cổ phiếu đáng ngờ, thế là mất sạch sành sanh - nhà cửa, đất đai, nhà hàng, mất hết. Mà đã xui lại còn xui tận mạng: đúng lúc ông ta đang muốn mở nhà hàng mới nên đã đem thế chấp cả nhà, cả đất. Khác nào ông ta vừa dỡ đi cây cọc chống rào thì gió bỗng nổi lên, thế là sụp hết. Cậu nhớ đâu như ông ấy có hai đứa con gái đang tuổi đi học.

- Hẳn là ngôi nhà bị bỏ hoang từ đó đến nay, - tôi nói.

- Cháu bảo sao? Thật thế à? Vậy thì chắc người ta đã tịch biên nhà cửa với gia sản của ông ấy rồi. Cháu đừng có mà mua cái nhà ấy, dù người ta chào giá hời đến đâu đi nữa.

- Ai kia? Cháu ấy à? - tôi phá lên cười. - Cháu làm gì có tiền mua cái nhà như thế cơ chứ. Nhưng sao cậu nói vậy?

- Hồi mới mua nhà, ban đầu cậu đã xem cái nhà ấy kia. Nó có cái gì đó không ổn.

- Ý cậu là nhà có ma?

- Ma hay không chưa biết, nhưng cậu chưa hề nghe một chuyện gì tốt lành về cái nhà ấy cả, - cậu tôi nói. - Hồi trước chiến tranh có một ông sĩ quan khá tiếng tăm từng sống ở căn nhà đó. Đại tá gì gì ấy, sĩ quan cao cấp hẳn hoi. Quân đội

dưới trướng ông ta ở Bắc Trung Hoa giành được đủ thứ huy chương, nhưng cũng làm nhiều chuyện kinh khủng ở đó, chẳng hạn như thủ tiêu năm trăm tù binh, buộc hàng vạn nông dân phải lao động khổ sai cho đến khi tới một nửa chết rục, vân vân. Người ta đồn đại những chuyện như thế, thực hư chẳng biết thế nào. Ngay trước khi chiến tranh chấm dứt ông ta bị triệu hồi về nước, khi Nhật đầu hàng thì ông ta đang ở Tokyo, và với từng ấy chuyện thì chắc ông ta phải ra tòa án binh. Những vị nào tướng tá, nào sĩ quan từng tác oai tác quái ở Trung Hoa đều bị quân cảnh Mỹ lôi đi tuốt. Ra tòa thì ông ta không muốn. Ông ta không muốn bị bêu ra trước bàn dân thiên hạ, có khi còn bị treo cổ không chừng. Ông ta thà tự kết

liều đời mình còn hơn để điều đó xảy ra. Thế là một ngày kia, vừa thấy một tay quân cảnh Mỹ đỗ xích xe jeep trước cửa nhà, ông ta bèn tự bắn vỡ sọ ngay tại chỗ. Lẽ ra ông ta thích tự rạch bụng theo lối samurai truyền thống hơn nhưng không đủ thì giờ. Vợ ông ta thì treo cổ trong bếp để "theo" ông ta về cõi chết.

- Chao ôi!

- Sau đó người ta mới biết, hóa ra đó chỉ là một tên quân cảnh mèn đang đi tìm con bò. Hắn đi lạc, muốn hỏi đường. Cháu cũng biết rồi còn gì, hể đã vào khu ấy là tìm đường cực khó. Biết được khi nào là lúc mình chết, chuyện đó không đơn giản đâu, ai cũng vậy thôi.

- Đúng đấy ạ.

- Sau đó căn nhà bị bỏ trống một thời gian, cho đến khi có một nữ minh tinh điện ảnh mua lại. Tên bà ấy chắc cháu không biết đâu. Bà ta đóng phim từ lâu rồi, và lại cũng chẳng lấy gì làm nổi tiếng cho lắm. Bà ta sống ở đây chừng mười năm gì đó. Bà ta độc thân, chỉ sống với cô hầu gái thôi. Vài năm trước khi chuyển đến nhà đó, bà ta mắc một chứng bệnh gì đấy về mắt. Bà ta nhìn cái gì đó, dù ở rất gần, cũng như trong màn sương. Nhưng nói gì thì nói, bà ta là nghệ sĩ: bà ta không thể đeo kính mà đóng phim được. Mà kính sát trùng thì hồi đó còn mới mẻ quá, chẳng tốt lắm, nên hầu như không ai dùng. Thành thử trước khi đóng cảnh nào, bà ta luôn luôn đến chỗ trường

quay để học thuộc lòng xem mình đi từ A đến B, chẳng hạn từ tường đến cửa thì phải mất bao nhiêu bước. Nói chung bà ta vẫn thu xếp cách nào đó được, vì đó chỉ là những bộ phim cũ của hãng Shochiku, khá đơn giản, cảnh quay toàn trong nhà thôi. Hồi đó cái gì cũng thoải mái hơn bây giờ. Thế rồi một hôm, sau khi bà ta đã kiểm tra kỹ địa điểm quay rồi trở lại phòng thay đồ, có một tay quay phim trẻ không biết ắt giáp gì nên đã di chuyển cái này một tí, cái kia một tí.

- Ôi trời ơi!

- Bà ta bước hụt chân, trượt ngã, sau đó thì không đi lại được nữa. Và thị lực của bà ta càng tồi tệ hơn, đến gần như mù

hắn. Tội nghiệp: bà ta vẫn còn trẻ, vừa trẻ lại vừa đẹp. Dĩ nhiên là chẳng đóng phim đóng phiếc gì nữa. Bà ta chỉ còn làm được mỗi một việc là ngồi nhà. Thế rồi cô hầu gái cuôm sạch tiền của bà ta mà bỏ trốn với một tay nào đó. Đó là cô hầu gái mà bà ta tin tưởng, bà ta cậy nhờ từ những việc cón con, thế mà nó cuôm hết của bà ta: nào cổ phiếu, nào tiền tiết kiệm, khoảng sạch. Chuyện thật khủng khiếp! Cháu thử nghĩ xem bà ta làm gì nào?

- Chắc hẳn là kết cục không thể tốt lành gì phải không ạ?

- Hẳn thế rồi, - cậu tôi nói. - Bà ta vắn nước đầy bồn tắm, vục mặt vào để tự sát. Tự cháu hiểu rồi đó, phải quyết tâm

mạnh mẽ đến nhường nào thì mới có thể chết như vậy.

- Chẳng có gì tươi sáng hạnh phúc cả.

- Hẳn là thế, chẳng có gì tươi sáng hạnh phúc cả. Ít lâu sau thì Miyawaki mua căn nhà ấy. Nhà thì rõ là đẹp, ai thấy mà chẳng thích. Xung quanh toàn những người đàn ông, nhà xây trên chỗ cao, nhiều ánh nắng, khuôn viên rộng rãi. Nhưng Miyawaki cũng nghe nói về những chuyện thê lương xảy ra với những người từng sống ở đó. Thế là ông ta giật sập nhà, tróc móng lên, xây lại một căn nhà mới. Thậm chí ông ta còn mới mấy tu sĩ Thần đạo đến để thanh tẩy nhà, xua đuổi tà ma. Nhưng chắc là chẳng ăn thua gì. Ai sống ở đó rồi cũng gặp toàn

chuyện rủi. Trên thế gian này có những nơi như vậy, thế thôi. Cho không cậu cũng chả lấy.

* * *

Mua hàng ở siêu thị về, tôi sắp xếp các thức để chuẩn bị làm bữa tối. Sau đó tôi mang quần áo giặt vào nhà, xếp lại cẩn thận, cho vào tủ. Trở lại bếp, tôi pha một tách cà phê. Ngày hôm nay thật thanh bình, điện thoại không reo lấy một lần. Tôi đuổi người trên đi-văng đọc sách. Chẳng ai quấy rầy tôi. Thỉnh thoảng con chim vượn dây cót lại kêu dưới sân sau. Đó là âm thanh duy nhất tôi nghe thấy trong cả ngày hôm đó.

Lúc 4 giờ chiều có ai đó nhấn chuông cửa. Đó là người đưa thư. "Thư lưu ký",

anh ta vừa nói vừa đưa tôi một phong bì dày. Tôi cầm lấy rồi đóng con dấu của mình lên tờ biên nhận.

Đây không phải một phong bì bình thường. Nó làm bằng loại giấy gạo kiểu xưa; người gửi đã rất kỳ công điền tên và địa chỉ của tôi bằng bút lông, với những nét to, đen. Tên người gửi ở mặt sau phong bì là Mamiya Tokutaro, địa chỉ là đâu đó ở tỉnh Hiroshima. Cả cái tên này lẫn cái địa chỉ này, tôi hoàn toàn mù tịt. Song xét theo nét chữ bút lông, ông Mamiya Tokutaro này là người trọng tuổi. Ngày nay hầu như không ai còn viết được như thế nữa.

Tôi ngồi trên sofa, dùng kéo rạch phong bì ra. Cả bức thư cũng theo kiểu cổ như

chiếc phong bì, viết trên giấy gạo bằng thứ chữ lưu loát của một người rõ ràng có học thức. Bản thân tôi thiếu một nền tảng học thức như vậy nên đọc rất chật vật. Đã vậy lời lẽ cũng theo lối cổ như chữ viết, cực kỳ lễ phép rườm rà, khiến đã khó đọc càng thêm khó, nhưng dần dần tôi cũng nắm được ý chung. Thư viết rằng ông Honda, nhà chiêm tinh mà trước kia Kumiko và tôi vẫn năng thăm viếng, đã qua đời hai tuần trước tại nhà riêng ở Meguro vì một cơn đau tim. Ông sống một mình, không có ai bên cạnh vào lúc lâm chung, nhưng các bác sĩ cho rằng ông đi nhanh, không quá đau đớn - âu là trong bất hạnh cũng có cái đó là may mắn vậy. Sáng ra bà giúp việc mới phát hiện ông đã chết, gục mặt xuống chiếc bàn

thấp đặt trên lò sưởi chân. Người viết thư, ông Mamiya Tokutaro, từng đóng quân ở Mãn Châu với hàm trung úy, từng vào sinh ra tử cùng trung sĩ Honda Oishi nơi chiến địa. Giờ đây, theo di nguyện của người đã khuất, và do Honda không có ai là bà con thân thích còn sống sót, ông Mamiya nhận trách nhiệm trao lại những di vật của người quá cố. Trước khi chết, chính Honda đã để lại những hướng dẫn cực kỳ cẩn thận về việc này. "Bản di chúc rất ư chi tiết và tỉ mỉ cho thấy ông Honda đã dự cảm mình sắp chết. Di chúc ghi rõ rằng ông Honda sẽ vô cùng sung sướng nếu ông Okada Toru vui lòng nhận một vật nho nhỏ làm kỷ vật về ông ấy. Tôi có thể hình dung ông bạn

rộn đến thế nào, thưa ông Okada, nhưng, với tư cách một chiến hữu từng đồng cam cộng khổ với người đã khuất, bản thân cũng chỉ còn sống được dăm năm nữa thôi, tôi xin cam đoan với ông rằng tôi sẽ còn sung sướng hơn thế nữa nếu ông có thể vui lòng nhận cho món quà mọn này như một di vật nho nhỏ để nhớ về ông Honda quá cố." Cuối thư là địa chỉ tạm trú của ông Mamiya tại Tokyo, tại nhà một người nào đó cũng tên là Mamiya ở khu 2, Hongo, quận Bunkyo. Chắc ông ta đang tá túc ở nhà một người quen.

Tôi viết thư phúc đáp ở bàn bếp. Tôi đã định dùng lời lẽ ngắn gọn, giản dị, nhưng khi đã cầm lấy bút, mấy câu vắn tắt ấy không sao tuôn ra được. "Tôi đã rất may

mắn được quen biết ông Honda quá cố, dù không lâu nhưng sinh thời ông tôi đã chịu ơn ông nhiều. Được tin ông ấy không còn nữa, ký ức về những ngày ấy lại tràn ngập lòng tôi. Dĩ nhiên, tuổi tác hai chúng tôi chênh lệch, chúng tôi gặp nhau cũng chỉ trong vòng vòn vẹn một năm, nhưng tôi luôn cảm thấy ở người quá cố có một cái gì đó làm lay động sâu sắc trái tim con người. Thật lòng mà nói, tôi không thể nào ngờ ông Honda sẽ nêu đích danh tôi để nhận một kỷ vật từ ông ấy, tôi cũng chẳng dám tin mình xứng đáng nhận của ông ấy dù bất cứ cái gì, nhưng nếu đó là ý nguyện của người quá cố thì nhất định rằng tôi sẽ xin cung kính chấp nhận. Mời ông liên lạc với tôi bất cứ lúc nào tiện cho ông."

Khi thả tấm bưu thiếp vào hộp thư gần nhất, tôi chợt nhận ra mình đang lầm bầm bài thơ của ông Honda:

Chết là cách duy nhất
để mi được bơi tự do
Nomonhan.

* * *

Mãi gần 10 giờ tối Kumiko mới đi làm về. Nàng đã gọi điện từ trước 6 giờ để báo rằng hôm nay nàng sẽ lại về muộn, rằng tôi cứ ăn một mình, còn nàng thì sẽ ăn tạm đâu đó ở ngoài. Được thôi, tôi nói, đoạn làm một bữa tối đơn giản rồi ngồi ăn. Một lần nữa tôi lại ngồi nhà một mình đọc sách. Khi về, Kumiko nói nàng muốn uống vài hớp bia. Chúng tôi cùng uống một lon cỡ vừa. Nàng có vẻ mệt

mỗi. Tì cùi chỗ trên mặt bàn, nàng tựa
cầm lên hai bàn tay, năm thì mười họa
mới lên tiếng trong khi tôi nói chuyện.
Nàng có vẻ bị quá tải. Tôi kể với nàng
rằng ông Honda đã chết. - Ồ, thật sao? -
nàng vừa nói vừa thở dài. "Mà phải, ông
ấy già quá rồi, lại gần như điếc nữa còn
gì." Khi tôi nói rằng ông có để lại cho tôi
một kỷ vật, nàng bị sốc, như thể có cái gì
đó đột ngột từ trên trời rơi xuống vậy.
- Cho anh á? - nàng kêu lên, mày nhíu
lại.
- Ừ. Lạ quá phải không?
- Hẳn là ông ấy thích anh.
- Sao có chuyện đó được? Anh có bao
giờ thật sự trò chuyện với ông ấy đâu, -
tôi nói. - Ít nhất là phần anh hầu như

chẳng nói gì nhiều. Mà dù anh có nói, ông ấy cũng có nghe được gì đâu. Chúng mình bao giờ cũng chỉ ngồi nghe ông ấy kể chuyện, mỗi tháng một lần. Mà hầu như ông ấy chỉ kể chuyện trận Nomonhan thoi: nào họ ném cocktail Molotov, xe tăng nào cháy xe nào không, đại loại thế.

- Em không biết, - Kumiko nói. - Ất là ông ấy phải thích cái gì đó ở anh. Em không hiểu những người như vậy trong đầu họ nghĩ gì.

Sau đó nàng lại im lặng. Im lặng thật căng thẳng sao đó. Tôi liếc nhìn lịch treo tường. Vẫn chưa đến kỳ của nàng. Hẳn có chuyện gì khó chịu xảy ra với nàng ở cơ quan chẳng?

- Em làm mệt quá phải không? - tôi hỏi.

- Một chút thôi, - Kumiko nói sau khi nhấp một ngụm bia rồi nhìn đăm đăm vào chỗ bia còn lại trong cốc. Giọng nàng gần như có vẻ thách thức. - Em xin lỗi vì đã về muộn như thế, nhưng anh cũng biết làm báo thì bận rộn ra sao rồi. Với lại có phải bao giờ em cũng bận thế đâu. Ấy là em đã xin được làm thêm ít hơn mọi người rồi đấy. Họ biết em có chồng đang đợi ở nhà mà.

Tôi gật đầu.

- Anh không trách gì em. Anh biết rằng thỉnh thoảng em phải làm muộn. Anh chỉ lo em làm quá sức thôi.

Nàng tắm rất lâu. Tôi vừa uống bia vừa lật qua tờ tuần san mà nàng mua về.

Tôi thọc tay vào túi quần thì đụng thấy

khoản tiền thù lao mà công ty tóc giả đã trả cho tôi, vẫn còn nguyên trong phong bì. Có một việc nữa tôi đã không làm, đó là kể cho Kumiko về công việc này.

Chẳng phải tôi muốn giấu nàng, đơn giản là tôi đã bỏ qua cơ hội để nhắc tới chuyện đó, mà cơ hội khác thì không có nữa. Càng lúc tôi càng cảm thấy khó nói về việc này hơn, chẳng hiểu tại sao. Tất cả những gì tôi có thể nói sẽ là: "Anh gặp cô bé mười sáu tuổi kỳ quặc này ở dưới phố và cùng cô ta đi làm điều tra cho một hãng làm tóc giả. Người ta trả công cũng hậu." Và Kumiko có thể sẽ nói: "Thật à? Hay nhỉ", rồi thôi. Nhưng cũng có thể không phải. Nàng có thể sẽ muốn biết nhiều hơn về Kasahara May. Nàng có thể sẽ bận tâm tới chuyện tôi

đánh bạn với một cô bé mười sáu tuổi. Thế là tôi sẽ phải kể với nàng về Kasahara May, kể hết, nào gặp cô ta ở đâu, khi nào, bằng cách nào. Mà tôi thì chẳng giỏi gì trong việc giải thích cho ra đầu ra đũa những chuyện như thế.

Tôi rút tiền ra khỏi phong bì rồi cho vào ví. Phong bì thì tôi vò nát ném vào sọt rác. Bí mật bắt đầu như vậy đây, tôi nghĩ. Người ta dựng nên những điều bí mật từng tí một. Tôi đã không hề chú ý giữ bí mật chuyện Kasahara May với Kumiko. Quan hệ giữa tôi với cô bé không phải là chuyện gì to tát, thành thử kể ra hay không cũng chả có gì hậu quả ghê gớm cả. Tuy nhiên, khi đã chảy qua một kênh vi tế nào đó, nó liền bị phú bức màn bí

mặt mời mờ ảo ảo, dù ý định ban đầu của tôi là thế nào đi nữa. Chuyện Kano Creta cũng vậy. Tôi đã kể với Kumiko rằng em gái của Kano Malta đã đến nhà, rằng tên cô ta là Creta, rằng cô ta ăn mặc theo một thập niên 1960, rằng cô ta đã lấy mẫu nước nơi vòi nước. Nhưng tôi không nói gì về chuyện sau đó bỗng dưng cô ta bắt đầu kể tuốt tuột những điều thầm kín nhất với tôi, rồi đang kể nửa chừng thì biến mất mà không nói một lời. Đến chuyện Kano Creta thì đã quá xa rồi: hẳn tôi sẽ không tài nào chuyển tải được hết mọi chi tiết tinh tế của nó cho Kumiko được, thành thử tôi không kể. Hoặc, Kumiko chắc hẳn sẽ khó mà thích thú nếu biết được rằng Kano Creta đã nán lại rất lâu sau khi xong việc mà thỏ

lộ với tôi bao nhiêu là tâm sự riêng tư. Thế là chuyện đó lại trở thành một bí mật khác nữa của tôi. Có thể Kumiko cũng có những bí mật kiểu như vậy và cũng không cho tôi biết. Dĩ nhiên bản thân tôi cũng có những bí mật riêng, nên tôi không thể trách nàng được. Giữa hai chúng tôi, chắc chắn tôi là kẻ có nhiều bí mật hơn. Kumiko có khuynh hướng nghĩ gì nói nấy. Nàng thuộc loại người nói đến đâu nghĩ đến đấy. Tôi thì khác.

Cảm thấy bất an vì những suy nghĩ đó, tôi đi xuống buồng tắm. Cửa mở toang. Tôi đứng nơi cửa nhìn Kumiko từ phía sau. Nàng đã thay bộ pyjama xanh, đang đứng trước gương lau tóc bằng khăn tắm.

- Về công ăn việc làm của anh, anh cứ

nghe mãi. Anh đã nhờ bạn bè tìm giúp, bản thân anh cũng đã thử vài nơi. Việc thì có đấy, nên anh có thể đi làm bất cứ lúc nào. Nếu đã quyết định, anh có thể đi làm ngay ngày mai. Nhưng chính cái việc quyết ấy mới khó. Anh không biết nữa. Anh không biết liệu có nên hề có việc làm là chớp lấy ngay như vậy không.

- Chính vì vậy mà em không ngừng nhắc anh hãy làm những gì mình muốn, - nàng vừa nói vừa nhìn tôi trong gương. - Có ai bắt anh tìm việc ngay lập tức đâu nào. Nếu anh không yên tâm về mặt kinh tế thì cứ yên trí đi. Còn nếu anh không thoải mái vì không có việc làm, nếu anh cảm thấy để mình em đi làm trong khi anh ở nhà làm nội trợ là một gánh nặng thì anh

cứ đi làm đi, việc gì cũng được, tạm thế đã. Với em sao cũng được.

- Dĩ nhiên, đảng nào thì anh rồi cũng phải tìm được việc làm. Anh biết chứ. Em cũng biết. Anh không thể lông bông thế này mãi được. Sớm hay muộn anh cũng sẽ tìm được việc làm. Chỉ có điều ngay bây giờ anh không biết mình nên chọn loại công việc nào. Sau khi nghỉ việc, có một thời gian anh cứ hình dung mình sẽ tìm một việc khác cũng liên quan đến ngành luật. Anh có nhiều quan hệ trong lĩnh vực đó mà. Nhưng bây giờ anh không còn tâm trạng đó nữa. Thời gian càng trôi, anh lại càng ít quan tâm đến luật. Càng ngày anh càng cảm thấy đơn giản là công việc đó không hợp với

mình.

Kumiko nhìn tôi trong gương. Tôi nói tiếp:

- Song, mình không muốn làm gì thì mình biết, còn mình muốn làm gì thì vẫn chịu không biết được. Anh có thể làm bất cứ việc gì nếu có ai đó bảo anh làm. Nhưng anh không hình dung được đâu mới chính là cái việc mà "mình muốn làm đây". Vấn đề của anh bây giờ là thế. Anh không hình dung được.

- Vậy thì, - Kumiko đặt khăn tắm xuống giường và quay lại nhìn tôi, - nếu anh đã chán luật rồi thì đừng làm luật nữa. Quên chuyện thi lấy bằng luật sư đi. Và đứng cuống lên về chuyện tìm việc nữa. Nếu anh chưa hình dung được thì hãy chờ đến

khi nào hình dung được hẫng hay. Có sao đâu nào?

Tôi gật đầu.

- Anh chỉ muốn giải thích sao cho em hiểu đúng tâm trạng của anh thôi.

- Tốt, - nàng nói.

Tôi xuống bếp rửa cốc. Nàng từ buồng tắm bước vào, ngồi xuống bên bàn bếp.

- Anh thử đoán xem chiều nay ai gọi điện cho em, - nàng nói. - Ông anh em đây.

- Thế à?!

- Anh ấy đang nghĩ đến việc ra tranh cử. Thật ra thì anh ấy đã quyết định làm như vậy rồi.

- Ra tranh cử á? - tôi sững sốt đến nỗi cứng họng mất một lúc. - Ý em là tranh cử vào quốc hội à?

- Đúng vậy. Người ta yêu cầu anh ấy ra tranh cử chiếc ghế của ông bác em ở Niigata.

- Anh nghe nói ghế đó mặc nhiên sẽ thuộc về con trai của ông bác em kia mà(13)? Anh ấy chả đang sắp từ chức khỏi ban giám đốc ở hãng Dentsu để quay về Niigata là gì?

Nàng bắt đầu dùng bông để ngoáy tai.

- Ban đầu định là vậy, nhưng ông anh họ em không muốn. Anh ấy có gia đình ở Tokyo, vả lại anh ấy hài lòng với công việc đang làm. Anh ấy không sẵn sàng từ bỏ một vị trí quan trọng đến thế ở công ty quảng cáo lớn nhất thế giới để quay về làm nghị sĩ ở chôn Niigata heo hút kia. Song lý do chính là vợ anh ấy phản đối.

Chị ta không muốn anh hy sinh gia đình để theo nghiệp quan trường.

Ông bác của Kumiko đã qua bốn, năm nhiệm kỳ đại biểu hạ viện ở khu vực bầu cử đó tại Niigata. Tuy không hẳn là một chính trị gia nặng ký, ông cũng đã có một sự nghiệp khá rạng rỡ, thậm chí có lúc còn leo lên tới một chức vụ nhỏ trong nội các. Tuy nhiên, nay do tuổi già sức yếu, lại thêm bị bệnh tim nên ông không thể ra tranh cử trong kỳ bầu cử tới, nghĩa là một ai đó sẽ phải thay thế ông. Ông bác này có hai con trai, nhưng người con trưởng không bao giờ có ý định làm chính trị, cho nên hiển nhiên chỉ còn lại người con thứ.

- Giờ thì dân vùng đó nặng nề đòi ông

anh em về đó cho bằng được. Họ muốn có một người vừa trẻ vừa thông minh, năng nổ. Người nào có thể làm dân biểu nhiều nhiệm kỳ và có tài để trở thành nhân vật có vai vế trong chính phủ trung ương. Ông anh em có tên tuổi, anh ấy sẽ thu hút phiếu bầu của giới trẻ: thật chẳng chê vào đâu được. Dĩ nhiên, để cơm lành canh ngọt với chính quyền địa phương thì cũng không dễ, nhưng tổ chức ủng hộ anh ấy mạnh lắm, họ sẽ lo chuyện đó. Thêm nữa, nếu muốn thì anh ấy vẫn cứ sống ở Tokyo, chẳng có vấn đề gì. Anh ấy chỉ có mỗi một việc là đến kỳ bầu cử thì có mặt ở khu vực đó mà thôi.

Tôi khó hình dung được cảnh Wataya Noboru làm dân biểu Hạ viện.

- Em nghĩ sao về chuyện này? - tôi hỏi.

- Việc của anh ấy chẳng có liên quan gì đến em hết. Anh ấy muốn làm dân biểu Hạ viện hay muốn làm phi hành gia thì cứ việc làm, em chẳng quan tâm.

- Nhưng nếu vậy thì anh ấy bàn với em để làm gì?

- Anh nói buồn cười thật, - nàng nói bằng giọng khô khan. - Anh ấy chẳng bàn bạc gì với em hết. Anh ấy chẳng bao giờ bàn bạc với em bất cứ chuyện gì, anh biết mà. Anh ấy chỉ muốn báo cho em biết thôi. Dù gì cũng là người nhà.

- Anh hiểu. Có điều nếu ra ứng cử dân biểu thì chuyện anh ta đã ly dị và đang độc thân liệu có gây khó khăn gì không?

- Em cũng chẳng biết, - Kumiko nói. - Em

chẳng biết gì về chính trị, bầu cử hay gì gì đó cả. Đơn giản là em không quan tâm. Nhưng đằng nào thì em cũng biết chắc anh ấy sẽ không bao giờ lấy vợ nữa. Sẽ không bao giờ lấy ai. Trước hết là lẽ ra anh ấy đừng bao giờ lấy vợ. Anh ta có cần chuyện đó đâu. Anh ta cần cái khác cơ. Anh ta theo đuổi một cái gì khác, cái gì đó hoàn toàn khác với những gì em hay anh cần. Điều đó thì em biết chắc.

- Thật à?

Nàng gói hai chiếc bông ngoáy tai dùng xong vào một tấm khăn giấy rồi ném vào sọt rác. Đoạn nàng ngẩng lên nhìn thẳng vào tôi.

- Có lần em thấy anh ta thủ dâm. Em vừa mở cửa bước vào thì thấy anh ta ở đó.

- Thì đã sao? Ai mà chẳng thử dâm, - tôi nói.

- Không, anh không hiểu, - nàng nói. Rồi nàng thở dài. - Chuyện đó xảy ra đâu như khoảng hai năm sau khi chị em qua đời. Hồi đó ông anh em hình như đang học trung học, em thì khoảng tám tuổi. Sau khi chị của em mất, mẹ em cứ phân vân mãi giữa một đằng là vứt hết quần áo của chị gái em còn một đằng là giữ lại, cuối cùng mẹ quyết định giữ, may ra có vài thứ em có thể mặc được khi em lớn. Mẹ cất hết chỗ quần áo đó trong một chiếc hộp để trong tủ. Anh trai em đã lôi hết quần áo của chị gái ra, vừa hít lấy hít để vừa thử dâm.

Tôi im lặng.

- Hồi đó em còn bé. Em chẳng biết gì về sex hết. Em thực sự không thể hiểu đích xác anh ấy đang làm gì, nhưng em vẫn hiểu rằng đó là một cái gì rất tồi tệ, một cái gì đáng lẽ em không nên thấy, một cái gì sâu xa hơn nhiều so với vẻ bề ngoài, - Kumiko lắc đầu.

- Wataya Noboru có biết là em thấy anh ta không?

- Dĩ nhiên. Anh ta và em nhìn thẳng vào mắt nhau.

Tôi gật đầu.

- Còn quần áo của chỉ em thì sao? Khi em lớn em có mặc không?

- Không đời nào, - nàng đáp.

- Thế em cho rằng anh ta phải lòng chị gái em?

- Em không biết. Thậm chí em không chắc anh ta có ham muốn tính dục đối với chị ấy không, nhưng chắc chắn là anh ta có một cái gì đó, và em ngờ rằng cho đến giờ anh ta vẫn không sao dứt bỏ được. Vì vậy em mới nói lẽ ra anh ta đừng bao giờ lấy vợ.

Kumiko lặng thinh. Hai chúng tôi không nói gì một hồi lâu. Rồi nàng nói:

- Theo nghĩa đó em nghĩ rằng anh ấy có một vài vấn đề nghiêm trọng về tâm lý. Dĩ nhiên trong chừng mực nào đó thì chúng ta ai mà chẳng có vấn đề về tâm lý, không nhiều thì ít, nhưng vấn đề của anh ta khác với của anh hay của em, mà nặng hơn. Chúng sâu sắc hơn và dai dẳng hơn nhiều. Mà anh ta thì chẳng đời nào

muôn để những vết sẹo hay điểm yếu hay gì gì đó của mình cho bất cứ ai khác nhìn thấy. Không đời nào, anh có hiểu không? Mà lại bầu cử tới nơi rồi... Em lo lắm.

- Lo? Lo gì mới được chứ?

- Em không biết. Cứ lo lo thế thôi, - nàng nói. - Mà thôi, em mệt lắm rồi. Hôm nay không thể nghĩ thêm gì nữa. Đi ngủ thôi.

Trong khi đánh răng, tôi ngắm soi khuôn mặt mình trong gương. Đã hai tháng nay, kể từ khi thôi việc, tôi hiếm khi bước ra "thế giới bên ngoài". Tôi chỉ đi đi về về giữa nhà mình với mấy cửa hiệu ở gần, hồ bơi. Nếu không kể lần đến khu Ginza và cái khách sạn ở Shinagawa kia thì chỗ xa nhất mà tôi đến trong suốt thời gian qua hầu như là hiệu giặt là gần nhà ga.

Và suốt cả thời gian đó tôi hầu như không gặp bất kỳ ai. Ngoài Kumiko, người duy nhất tôi có thể nói là đã "gặp" trong hai tháng qua là chị em Kano Malta, Kano Creta, và Kasahara May. Thật là một thế giới chật hẹp, một thế giới đứng yên, bất động. Nhưng nó càng chật hẹp càng tĩnh tại thì hình như lại càng đầy ắp những sự vật và con người chỉ có thể gọi là kỳ lạ. Dường như từng ấy vật và người luôn rình sẵn trong bóng tối, đợi đến khi tôi dừng lại. Và mỗi lần con Chim vắn dây cót đậu trong sân nhà tôi mà vắn dây cót thì thế giới càng đắm sâu và hỗn loạn hơn.

Tôi súc miệng rồi tiếp tục nhìn mặt mình thêm một lúc lâu nữa.

Tôi không có ý niệm gì, tôi tự nhủ. Tôi đã ba mươi tuổi, tôi đang đứng yên, thế mà tôi vẫn không có ý niệm gì.

Khi tôi từ buồng tắm vào phòng ngủ. Kumiko đã ngủ rồi.

13. Một hiện tượng phổ biến ở chính trường Nhật, đó là khi một chính khách cao tuổi sắp về hưu, ông ta thường "thu xếp" cho một người con hoặc cháu mình được ứng cử tại khu vực bỏ phiếu của "nhà mình" - BTN.

11

Trung úy Mamiya xuất hiện

*

Từ bùn ấm sinh ra cái gì

*

Nước hoa

Ba ngày sau, Mamiya Tokutaro gọi điện lúc 7 giờ rưỡi sáng. Khi đó tôi đang ăn sáng với Kumiko.

- Tôi thật vô cùng xin lỗi mới sáng sớm thế này đã gọi cho ông. Mong là tôi đã không phá giấc ngủ của ông, - ông Mamiya nói, vẻ hối lỗi rất thành thật.

Tôi trấn an ông rằng không sao cả, sáng nào cũng vậy, 6 giờ hơn một chút là tôi

đã dậy rồi.

Ông ta cảm ơn tôi về tấm bưu thiếp và giải thích rằng ông muốn gặp tôi trước khi tôi đi làm sáng nay, lại nói rằng ông sẽ biết ơn lắm nếu tôi có thể gặp ông một lát ngay trong giờ nghỉ trưa hôm nay.

Ông ta hy vọng có thể lấy ngay vé cho chuyến tàu tối về lại Hiroshima. Ông bảo ban đầu ông định nán lại ở Tokyo lâu hơn, nhưng vì có chuyện gì đó nên ông phải quay về nhà càng sớm càng tốt.

Tôi bèn nói rõ rằng hiện tôi đang thất nghiệp, rằng tôi rảnh suốt ngày, rằng tôi có thể gặp ông bất cứ lúc nào, sáng, trưa, chiều, tối, tùy ông.

- Nhưng ắt hẳn ông cũng có ý định làm một việc gì đó trong ngày hôm nay chứ

ạ? – ông ta hỏi một cách vô cùng lịch thiệp.

Tôi đáp rằng tôi hoàn toàn chẳng có ý định gì hết.

- Nếu vậy liệu tôi có thể ghé qua nhà ông lúc 10 giờ sáng nay không?

- Thế thì tốt quá.

Chỉ sau khi gác máy tôi mới nhớ ra mình đã quên chỉ cho Mamiya biết làm cách nào tìm ra nhà của chúng tôi nếu đi từ nhà ga. Mà cũng không sao, chẳng nào ông ấy cũng có địa chỉ; hễ đã muốn thì thế nào cũng tìm tới được.

- Ai vậy? – Kumiko hỏi.

- Cái ông phân phát di vật của ông Honda ấy mà. Độ gần trưa ông ấy sẽ mang đến cho anh.

- Thật à? – nàng nhấp một ngụm cà phê rồi phết bơ lên bánh mì. – Ông ấy tử tế quá.

- Ủ, tử tế thật.

- Nhân thể, liệu anh với em – hay ít nhất là anh – có nên đi viếng ông Honda, thắp một nén nhang không nhỉ?

- Ý hay đấy. Anh sẽ hỏi Mamiya xem sao.

Khi sửa soạn đi làm, Kumiko nhờ tôi cài hộ khóa kéo sau lưng chiếc áo váy nàng mặc. Áo rất bó nên trầy trật mãi mới cài được. Nàng xúc một thứ nước hoa rất dễ chịu ở phía sau tai, một mùi hương thật tuyệt, thích hợp vô cùng với một buổi sáng mùa hè. – Nước hoa mới à? – tôi hỏi. Thay vì trả lời, nàng liếc đồng hồ

rồi đưa tay sửa tóc.

- Em muộn giờ rồi, - nàng nói rồi cầm lấy túi xách đang đặt trên bàn.

* * *

Tôi vừa dọn dẹp căn phòng nhỏ mà Kumiko dùng để làm việc và đang mang sọt rác đi đổ thì phát hiện một dải ruy băng màu vàng mà Kumiko đã vứt đi. Nó thò ra từ dưới một tờ giấy bị vo tròn dúm dó và mấy chiếc phong bì quảng cáo. Màu vàng bóng lờng của nó đập ngay vào mắt tôi. Nó là loại ruy băng dùng để gói quà thắt nơ hình bông hoa. Tôi nhặt nó ra khỏi sọt rác mà xem xét. Cái ruy băng bị vứt bỏ cùng một tờ giấy gói quà của siêu thị Matsuya. Bên dưới tờ giấy là một chiếc hộp có nhãn hiệu

Christian Dior. Lót bên trong hộp có chỗ lõm hình cái chai. Cứ theo chiếc hộp mà suy, đó hẳn là một món quà khá đắt tiền. Tôi mang nó vào phòng tắm rồi mở tủ đựng mỹ phẩm của Kumiko ra. Quả nhiên trong tủ có một chai nước hoa Christian Dior chưa dùng, hình dáng đúng như chỗ lõm trong hộp. Tôi mở nắp chai mạ vàng ra ngửi thử. Đúng là mùi hương tôi đã nghe đằng sau tai Kumiko.

Tôi ngồi trên ghế sofa, vừa uống cốc cà phê còn lại từ ban sáng vừa tập trung tư tưởng. Rõ ràng ai đó đã tặng quà cho Kumiko. Một món quà đắt tiền. Mua ở siêu thị Matsuya, gói quà và thắt ruy băng. Đàn ông chẳng ai lại tặng quà cho phụ nữ (nhất là phụ nữ có chồng) nếu

quan hệ giữa họ với cô ta không phải là thân thiết. Nếu một bạn gái tặng cho Kumiko thì sao... Nhưng liệu phụ nữ có tặng nước hoa cho phụ nữ không? Tôi không rõ. Tuy nhiên, có một điều tôi dám chắc là chẳng có lý do đặc biệt nào để Kumiko được ai đó tặng quà vào dịp này trong năm. Sinh nhật nàng là vào tháng Năm. Kỷ niệm ngày cưới của hai vợ chồng cũng vậy. Cũng có thể nàng đã tự mua cho mình một chai nước hoa rồi bảo người ta gói lại bằng ruy băng. Nhưng vì sao?

Tôi thờ dãi nhìn lên trần nhà.

Liệu tôi có nên hỏi nàng không? “Có phải ai đó mua cho em chai nước hoa này không?”. Nàng có thể trả lời: “À,

chai này ấy à. Có một cô bé chỗ cơ quan em gặp mấy vấn đề riêng tư, em giúp nó giải quyết thôi mà. Kể thì dài lắm. Nó tặng em để trả ơn thôi. Mùi thật tuyệt phải không? Của này đắt lắm đây!”

Nghe cũng hợp lý lắm. Không còn gì hỏi nữa. Chả cần băn khoăn làm gì cả.

Nhưng tôi cứ băn khoăn mãi. Lẽ ra nàng phải nói gì với tôi chứ. Nếu nàng đã có thì giờ đi về phòng, tháo ruy băng, xé giấy gói, mở hộp ra, ném cả ba thứ vào sọt rác rồi đặt chai nước hoa vào tủ mỹ phẩm thì hẳn nàng cũng có thể đến chỗ tôi mà nói: “Xem này, quà của con bé ở cơ quan tặng em đây”. Nhưng không, nàng chẳng nói gì hết. Có lẽ nàng cho rằng chuyện đó không đáng nhắc tới

chẳng. Cứ cho là vậy thì mọi chuyện đã phủ một lớp màn bí mật. Chính điều đó mới làm tôi băn khoăn.

Tôi nhìn lên trần nhà một hồi lâu. Tôi cố nghĩ một chuyện gì khác, nhưng không được, đầu óc cứ trơ ra. Tôi vẫn miên man nghĩ về cái lúc tôi cài khóa kéo cho nàng, tấm lưng mịn màng trắng nuột của nàng, mùi hương sau tai nàng. Lần đầu tiên sau nhiều tháng, tôi thèm hút thuốc. Tôi muốn cho một điếu xì gà lên môi. Châm lửa rồi hít khói vào phổi. Được vậy thì tôi sẽ trấn tĩnh một chút. Nhưng tôi chẳng có điếu nào. Không còn cách nào khác, tôi đành lấy một viên kẹo chanh mà mút.

Lúc 10 giờ kém điện thoại reo. Tôi đồ

rằng là Trung úy Mamiya. Nhà này vốn không dễ tìm. Ngay cả những người từng đến đây một lần đôi khi vẫn đi lạc là chuyện thường. Nhưng không phải Trung úy Mamiya gọi. Trong ống nghe là giọng người đàn bà bí ẩn mà hôm nọ đã gọi điện cho tôi.

- Chào mừng! Lâu lắm mới gặp nhau, - cô ta nói. – Anh có thích lần trước không? Em có làm anh nhúc nhích chút nào không? Sao tự dưng anh lại gác máy? Mà lại ngay giữa lúc thú vị nhất kia chứ! Trong một khoảnh khắc tôi cứ nghĩ cô ta đang nói về giấc mơ của tôi gần đây trong đó tôi làm tình với Kano Creta. Nhưng hóa ra là chuyện khác. Cô ta đang nói về cái hôm cô ta gọi điện trong khi

tôi đang nấu spaghetti.

- Xin lỗi, - tôi nói. – Hiện giờ tôi đang bận. Mười phút nữa tôi có khách nên phải dọn dẹp nhà cửa một chút.

- Đang thất nghiệp mà sao lúc nào anh cũng bận rộn lắm thế, - cô ta nói, giọng mỉa mai. Lần trước cũng vậy, giọng điệu cô ta cứ đổi xoành xoạch. – Lúc thì bận nấu spaghetti, khi thì bận tiếp khách.

Nhưng không sao. Em chỉ cần mười phút thôi. Ta nói chuyện mười phút đi nào, chỉ anh với em thôi. Khi nào khách đến anh cúp máy là được mà.

Tôi muốn cúp máy ngay không nói năng gì, nhưng không làm vậy được. Có lẽ vì tôi vẫn còn đang rối bời về chuyện chai nước hoa của Kumiko nên cảm thấy

muốn nói chuyện với một người nào đó, ai cũng được.

- Nào nào, tôi không hề biết cô là ai cả, - tôi nói. Tôi nhặt cây bút chì nằm cạnh chiếc điện thoại, vừa nói vừa xoay xoay trên mấy ngón tay. – Cô có chắc là tôi biết cô không?

- Dĩ nhiên là anh biết em. Lần trước em đã bảo mà. Em biết anh, anh cũng biết em. Gì chứ chuyện đó thì em không nói dối đâu. Em không có thì giờ gọi điện cho những kẻ hoàn toàn xa lạ. Trí nhớ anh có điểm mù hay sao vậy?

- Tôi thật không hiểu. Thật ra thì...

- Đủ rồi, - cô ta cắt ngang. – Nghĩ ngợi gì cho lắm. Anh biết em và em biết anh. Điều quan trọng là, ờ, thôi cứ xem thế

này đi: em sẽ rất là dễ thương với anh.
Còn anh không phải làm gì cả. Thế chẳng
tuyệt quá hay sao? Anh không phải làm
gì cả, không chịu trách nhiệm gì hết. Mọi
thứ đã có em làm. Mọi thứ. Thế là hay
quá còn gì phải không? Đừng cả nghĩ làm
gì. Đừng làm mọi chuyện phức tạp lên.
Vứt mọi thứ ra khỏi đầu đi. Hãy hình
dung anh đang nằm trên một lớp bùn thật
êm, thật dễ chịu vào một chiều xuân ấm
áp.

Tôi im lặng.

- Anh ngủ. Anh đang mơ. Anh đang nằm
trên một lớp bùn ấm áp. Quên vợ anh đi.
Quên đi chuyện mình đang thất nghiệp.
Quên tương lai đi. Quên mọi thứ đi. Tất
cả chúng ta đều trôi lên từ bùn ấm rồi tất

cả lại quay về đó. Cuối cùng... Ô, mà này, anh Okada! Lần cuối cùng anh làm tình với vợ anh là khi nào vậy? Anh có nhớ không? Lâu rồi phải không? Chắc cũng phải hai tuần rồi.

- Xin lỗi, khách của tôi đến rồi, - tôi nói.

- Hơn hai tuần phải không? Nghe giọng anh em biết. Hay là ba tuần?

Tôi không nói gì.

- Thôi được rồi, - cô ta nói, giọng cô nghe như nước nhỏ rửa trôi bụi bám trên các lá sách rèm cửa sổ. – Đó là chuyện giữa anh với vợ anh. Nhưng em sẽ cho anh tất cả những gì anh muốn. Đổi lại thì anh, anh Okada, anh không phải có bất cứ trách nhiệm gì. Chỉ cần rẽ qua góc quanh là sẽ thấy cả một thế giới mà anh

chưa hề thấy. Em đã nói anh có điểm mù, đúng không? Anh vẫn chưa hiểu à?

Siết chặt ống nghe, tôi vẫn im lặng.

- Nhìn quanh đi, - cô ta nói. – Nhìn quanh rồi bảo em xem, anh thấy gì nào? Ngay khi đó chuông cửa reo. Cảm thấy nhẹ cả người, tôi gác máy.

* * *

Trung úy Mamiya là một ông già cao lênh khênh, đầu hói, mang kính gọng vàng. Ông có nước da rám nắng, khí sắc khỏe mạnh của người quen lao động tay chân, không một tí thịt thừa. Hai bên khóe mắt hằn những nếp nhăn sâu, mỗi bên ba nếp cực kỳ cân đối, như thể ông sắp nheo mắt vì ánh sáng quá gắt. Khó đoán được tuổi ông, nhưng ít nhất cũng

phải trên bảy mươi. Thời trai trẻ hẳn ông là một anh chàng có sức khỏe hơn người. Có thể thấy rõ điều đó qua dáng đi thẳng tắp và những động tác dứt khoát, đầu ra đó. Thái độ và lời lẽ của ông toát lên vẻ cực kì lễ phép, nhưng không phải kiểu hình thức khách sáo mà gây ấn tượng một sự chính xác giản dị, không tô vẽ. Viên trung úy tỏ ra là một người quen tự mình quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Ông mặc bộ com lê màu xám sáng bình thường, sơ mi trắng, cà vạt xám sọc đen. Bộ com-lê đơn sơ có vẻ làm bằng chất liệu quá dày so với một buổi sáng tháng Sáu oi bức, nhưng ông chẳng rỏ lấy một giọt mồ hôi. Bàn tay trái của ông là tay giả, đeo chiếc găng xám nhạt cùng màu với bộ com lê. Bọc

kín trong chiếc găng màu xám đỏ, bàn tay nhân tạo trông càng lạnh lẽo và vô tri so với tay kia rúm nắng và lông lá đang xách lưng lửng một bọc vải buộc túm lại ở đầu.

Tôi mời ông vào phòng khách rồi mời ông một chén trà xanh.

Ông xin lỗi vì không có danh thiếp.

- Trước kia tôi dạy khoa xã hội tại một trường trung học ở miền quê tỉnh

Hiroshima, nhưng từ khi về hưu tôi không làm gì cả. Tôi trồng ít rau, cho vui là chính, làm nghề nông đơn giản thôi.

Thành thử tôi không mang danh thiếp, giờ tôi mới thấy như vậy thì thật thất lễ.

Tôi cũng không có danh thiếp.

- Thưa ông Okada, xin cho tôi được hỏi

ông bao nhiêu tuổi?

- Tôi ba mươi, - tôi nói.

Ông gật đầu. Rồi ông nhấp một ngụm trà. Tôi chịu không biết ông có cảm tưởng gì về chuyện tôi ba mươi tuổi.

- Nhà ông ở thích thật, yên tĩnh quá, - ông ta nói, như để đổi đề tài.

Tôi kể với ông chuyện tôi thuê lại căn nhà này của ông cậu với giá gần như cho không. Tôi nói thêm rằng bình thường ra, với thu nhập của chúng tôi thì không đủ tiền để sống trong một căn nhà rộng như thế này. Ông vừa gật gù vừa nhìn quanh nhà với vẻ ngại ngùng. Tôi cũng theo ông nhìn quanh nhà. Hãy nhìn quanh anh, giọng người đàn bà kia đã bảo tôi. Nhìn ra xung quanh với cái nhìn mới mẻ đầy ý

thức này, tôi nhận ra bầu không khí lan tỏa nơi đây có một sự lạnh lẽo nào đó.

- Lần đi này tôi đã ở Tokyo hai tuần, - Trung úy Mamiya nói. – Ông là người cuối cùng mà tôi gặp để trao kỷ vật của ông Honda. Giờ thì tôi có thể quay về Hiroshima rồi.

- Tôi mong sẽ có thể đến thăm nhà ông Honda thấp cho ông ấy nén nhang, - tôi nói.

- Ý định ấy thật quý hóa, nhưng nhà ông Honda – nay là phần mộ ông ấy – là ở Asahikawa, Hokkaido. Gia đình ông ấy đã từ Asahikawa đến để thu xếp những gì ông còn để lại trong nhà ông ở Meguro, giờ thì họ quay về rồi. Không còn lại gì nữa.

- Tôi hiểu, - tôi nói. – Vậy là lâu nay ông Honda không ở với gia đình mà sống một mình ở Tokyo.

- Đúng vậy. Người con trai trưởng hiện sống ở Asahikawa rất áy náy về việc để cha già sống một mình ở thủ đô, người ngoài họ nhìn vào thì không hay lắm.

Hình như anh ta từng thuyết phục cha về sống với mình, nhưng ông Honda từ chối.

- Ông ấy có có trai à? – tôi hỏi, hơi sững sốt. Lâu nay tôi cứ tưởng ông Honda chỉ có một thân một mình trên đời này. – Vậy thì hẳn vợ ông ấy qua đời khá lâu rồi.

- Chuyện đó thì khá phức tạp. Sau chiến tranh bà Honda đang dúi với một người đàn ông khác, rồi cả hai người tự sát. Hình như vào năm 1950 hay 1951 gì đó.

Chi tiết thì tôi không được biết. Ông Honda chẳng bao giờ nói nhiều về chuyện đó, còn tôi nếu gặng hỏi thì dĩ nhiên không tiện.

Tôi gật đầu.

Sau đó ông Honda một mình nuôi con, một trai một gái. Khi con cái đủ lớn để tự lập, ông chuyển đến Tokyo ở một mình làm nghề bói toán, như ông biết đó.

- Hồi ở Asahikawa ông ấy làm gì?

- Ông ấy hùn vốn làm ăn với người anh trai trong ngành in ấn.

Tôi cố hình dung ông Honda mặc quần áo bảo hộ lao động đứng trước máy in mà đọc bản in thử, nhưng trong ký ức tôi ông Honda là một ông già có phần lôi thôi bần thiêu mặc bộ kimono cũ mềm mại

thiếu lười thối, đeo cái khăn quàng lã ra chỉ hợp với áo ngủ, đông cũng như hè luôn ngồi dưới sàn nhà, thông chân xuống hồ sưởi, tay nghịch đôi que bói trên chiếc bàn thấp.

Trung úy Mamiya dùng bàn tay lạnh lạnh khéo léo mở cái túi vải mang theo, lôi ra gói đồ hình thù giống như hộp kẹo nhỏ gói trong giấy thô buộc chặt mấy vòng dây. Trung úy đặt nó lên bàn rồi đẩy về phía tôi.

- Đây là kỷ vật mà ông Honda nhờ tôi chuyển cho ông.

Tôi cầm lên. Nó hầu như nhẹ bằng. Nhìn bên ngoài tôi không đoán được bên trong là cái gì.

- Tôi mở được không? – tôi hỏi.

Trung úy Mamiya lắc đầu.

- Tôi xin lỗi, nhưng ông Honda đã nói rõ, ông ấy muốn rằng chỉ khi nào có một mình ông mới mở.

Tôi gật đầu, đặt lên bàn.

- Thật ra tôi nhận được thư ông Honda đúng một ngày trước khi ông ấy qua đời. Thư viết thế này: “Tôi sắp chết. Tôi hoàn toàn không sợ chết. Ý trời đã định tôi chỉ sống được chừng ấy thôi. Đã là thiên mệnh thì làm sao cưỡng được. Tuy nhiên, còn một việc tôi chưa làm xong. Trong tủ tôi có mấy vật, những vật ấy tôi muốn chuyển cho một số người. Nay thì chắc tôi không tự mình làm việc ấy được nữa. Chính vì vậy tôi sẽ rất biết ơn nếu anh có thể giúp tôi phân phát chỗ kỷ vật

này theo danh sách đính kèm. Tôi biết mình yêu cầu như thế là quá đáng, nhưng tôi hy vọng anh sẽ coi đây là ý nguyện cuối cùng của tôi trước khi nhắm mắt mà gắng lòng thực hiện vì tôi.” Phải nói rằng tôi đã thật sự bị chấn động khi nhận được bức thư như thế của ông Honda. Đã nhiều năm nay – dễ đến sáu, bảy năm – tôi mất liên lạc với ông ấy, không hề viết thư cho nhau một chữ. Tôi viết thư hỏi âm ngay, nhưng thư tôi bị trả về kèm theo giấy thông báo của con trai ông Honda rằng ông ấy đã qua đời.

Ông nhấp một ngụm trà xanh.

- Ông Honda biết rõ mình sắp chết, -
Trung úy Mamiya nói tiếp. – Ông ấy đã đạt tới một trạng thái tâm thức mà những

kẻ như tôi chẳng bao giờ mong có được. Như ông đã nói trong thư thiệp, ở ông ấy có gì đó làm người khác bị xáo động sâu xa. Tôi cảm thấy điều đó ngay từ lần đầu gặp ông ấy, vào mùa hè năm 1938.

- Ô, có phải ông ở cùng đơn vị với ông Honda vào thời điểm trận Nomonhan không?

- Không, - Trung úy Mamiya vừa nói vừa cắn môi. – Chúng tôi ở hai đơn vị khác nhau, thậm chí hai sư đoàn khác nhau. Chúng tôi tình cờ cùng tham gia một chiến dịch quân sự nhỏ ngay trước trận Nomonhan. Về sau hạ sĩ Honda bị thương ở Nomonhan và được đưa về Nhật. Tôi thì không có mặt ở Nomonhan. Tôi bị mất bàn tay – tới đây Trung úy

Mamiya chia bàn tay trái mang găng ra – trong trận tiến công của quân Xô Viết vào tháng Tám năm 1945, tháng cuối cùng của cuộc chiến. Tôi bị dính đạn súng máy hạng nặng vào vai trong trận đánh chống một đơn vị xe tăng, đang nằm bất tỉnh trên mặt đất thì một chiếc xe tăng Xô Viết cán lên tay tôi. Tôi bị bắt làm tù binh, được chữa trị ở quân viện tại Chita, sau đó bị đưa đến trại tù ở Siberia. Họ giam tôi cho tới năm 1949. Tính từ khi người ta cử tôi sang Mãn Châu từ năm 1937 thì tôi đã ở Trung Hoa đại lục tổng cộng mười hai năm. Suốt thời gian đó tôi không một lần đặt chân lên đất Nhật. Gia đình tôi cứ tưởng tôi đã chết trong khi đánh nhau với người Nga. Họ đã xây mộ cho tôi trong nghĩa

địa làng. Trước khi rời Nhật tôi đã gần như là tỏ tình với một cô gái, nhưng khi tôi về thì cô ấy đã lấy người khác. Biết làm sao được. Mười hai năm chứ đâu có ít.

Tôi gật đầu.

- Tôi xin lỗi, thưa ông Okada, - ông nói.
- người trẻ như ông mà nghe mấy chuyện ngày xưa này thì hẳn thấy chán lắm. Tuy nhiên, tôi muốn nói thêm một điều nữa. Đó là hồi ấy chúng tôi cũng là những chàng trai bình thường như ông vậy. Tôi chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện đi lính. Tôi muốn làm thầy giáo kia. Tuy nhiên, ngay khi tôi rời trường, người ta gửi giấy gọi nhập ngũ, tổng tôi vào trường huấn luyện sĩ quan, thế là rốt cuộc tôi nằm ở

Trung Hoa đại lục suốt mười hai năm trời. Đời tôi cứ như một giấc mơ vậy, - nói xong câu này, Trung úy Mamiya nín lặng.

- Nếu không có gì bất tiện, tôi rất muốn được biết ông và ông Honda đã quen biết nhau như thế nào, - lát sau tôi nói. Tôi thực tình muốn biết ông Honda từng là người như thế nào trước khi gặp Trung úy Mamiya.

Trung úy Mamiya ngồi ngẫm nghĩ điều gì, hai bàn tay đặt đúng trên đầu gối. Chẳng phải là ông không biết nên làm gì. Chỉ là ông đang suy nghĩ.

- Chuyện có thể dài đấy, - ông nói.

- Không sao cả.

- Chuyện này tôi chưa hề kể với ai. Mà

tôi tin chắc rằng cả ông Honda cũng không hề kể với ai. Lý do là hai chúng tôi... đã có một thỏa thuận... là giữa bí mật chuyện này. Nhưng ông Honda đã mất. Tôi là người duy nhất còn lại. Nếu tôi kể thì cũng chẳng làm hại ai. Thế là Trung úy Mamiya bắt đầu kể cho tôi nghe chuyện của ông.

12

Chuyện dài của Trung úy Mamiya: Phần 1



Trung úy Mamiya bắt đầu kể.

Tôi được đưa tới Mãn Châu bằng tàu thủy vào đầu năm 1937. Lúc ấy tôi là một thiếu úy mới toe. Người ta bổ nhiệm tôi tới Bộ Tổng Tham mưu đạo quân Quan Đông ở Tân Kinh. Hồi ở đại học tôi theo chuyên ngành địa lý nên rất cuộc tôi được điều về Cục bản đồ quân sự, chuyên trách vẽ bản đồ. Điều đó thật lý tưởng đối với tôi vì rằng, nói thật, công việc tôi được giao là một trong những việc nhẹ nhàng nhất người ta có thể mong

được làm trong quân đội.

Ngoài ra, tình hình ở Mãn Châu tương đối bình yên, hay ít nhất là ổn định. Sự cố Trung Hoa(14) vừa xảy ra đã đẩy vũ đài quân sự Mãn Châu vào lãnh thổ Trung Hoa. Lực lượng viễn chinh Trung Hoa mới là lực lượng đang tham chiến, còn đạo quân Quan Đông thì đang thanh thoi. Thật ra vẫn có những chiến dịch lẻ tẻ nhằm vào các đơn vị du kích kháng Nhật nhưng chỉ diễn ra ở những vùng sâu, nói chung là giai đoạn xấu nhất đã qua. Nhiệm vụ duy nhất của đội quân Quan Đông lúc này là duy trì trật tự ở nước Mãn Châu bù nhìn “độc lập” vừa thành lập, đồng thời để mắt canh chừng phía Bắc.

Nhưng dù tình hình có vẻ bình an đi nữa thì vẫn đang là thời chiến, nên vẫn phải thường xuyên luyện tập. Cũng may, tôi không phải tham gia những buổi tập như vậy. Người ta phải luyện tập trong những hoàn cảnh thật kinh khủng. Nhiệt độ tụt xuống đến bốn mươi, năm mươi độ dưới không. Bước nhầm một bước trong những buổi tập kiểu đó là có thể mất mạng. Mỗi khi có buổi tập như vậy là y như rằng hàng trăm người phải vào bệnh viện vì tê cóng hoặc được đưa đến suối nước nóng để điều trị. Tân Kinh không phải là một thành phố lớn nhưng vẫn là một chốn lạ xứ người, thành thử nếu anh muốn vui chơi thì chẳng thiếu gì trò tiêu khiển. Cánh sĩ quan trẻ độc thân như tôi không

sống trong doanh trại mà ở một thứ kiểu như nhà nghỉ. Nó như là kéo dài quãng đời sinh viên vậy. Tôi chẳng nghĩ ngợi gì nhiều, cứ đinh ninh rằng chẳng có gì phải than phiền nếu thời gian quân dịch của tôi cứ đều đều như vậy, bình an, ngày này qua ngày khác.

Dĩ nhiên, thì đó chỉ là bình an giả tạo. Ngay ngoài rìa cái vòng tròn ánh nắng nhỏ nhoi của chúng tôi, một cuộc chiến khốc liệt vẫn đang diễn ra. Hầu hết người Nhật đều hiểu rằng cuộc chiến với Trung Hoa có thể biến thành một vùng lầy mà chúng ta sẽ không bao giờ thoát ra được. Ít nhất là người Nhật nào có cái đầu đều nhận ra điều đó. Dù chúng ta có thắng bao nhiêu trận thì cũng thế: Nhật

Bản không có cách gì để tiếp tục chiếm đóng và cai trị một đất nước khổng lồ như vậy. Điều đó thật hiển nhiên, chỉ cần nghĩ cho tỉnh táo là thấy ngay. Mà rõ ràng là vậy, chiến sự càng tiếp diễn, số người chết và bị thương càng nhân lên. Quan hệ với Hoa Kỳ đã tệ càng tồi tệ. Bóng ma chiến tranh cứ ngày một u ám ngay cả tại quê nhà Nhật Bản. Đó là những năm đen tối, 1937, 1938. Thế nhưng khi sống cuộc đời sĩ quan vô lo ở Tân Kinh, hầu như ta chỉ muốn tự hỏi: “Chiến tranh? Chiến tranh nào kia?” Tôi nào chúng tôi cũng kéo nhau đi chè chén và bù khú, lại hay đến những quán cà phê có các cô gái người Bạch Nga. Thế rồi, một ngày cuối năm 1938, một sĩ

quan cấp cao ở Bộ Tổng Tham mưu gọi tôi lên giới thiệu tôi với một người mặc thường phục tên là Yamamoto. Y cắt tóc ngắn, để ria mép. Y không cao lớn lắm, trạc ba tư, ba lăm tuổi, có vết sẹo trên cổ trông như vì một thứ lưỡi bén nào đó.

Viên sĩ quan nói với tôi:

- Ông Yamamoto là thường dân. Ông ấy được quân đội thuê tiến hành khảo sát đời sống và tập tục của người Mông Cổ sống ở Mãn Châu. Lần này ông ấy sẽ đến thảo nguyên Hulunbuir gần biên giới Ngoại Mông, chúng tôi sẽ cử một đội vũ trang tháp tùng theo ông ấy. Anh sẽ là một thành viên trong nhóm này.

Tôi không tin một lời nào ông ta nói. Gã Yamamoto này mặc thường phục thật

đây, nhưng chỉ cần liếc qua ai cũng biết y là một quân nhân chuyên nghiệp. Cái nhìn trong mắt y, cách y nói, kiểu dáng đi đứng của y, làm sao được. Tôi cho rằng y là một sĩ quan cao cấp có quan hệ với tình báo, đang thi hành một điệp vụ bí mật nên phải giấu nhẹm việc mình là nhà binh. Có cái gì đó có vẻ chẳng lành trong toàn bộ chuyện này.

Được phân công đi theo Yamamoto có ba người, kể cả tôi. Để có một đội hộ tống vũ trang hữu hiệu thì thế là quá ít, tuy rằng nếu đông người hơn thì có thể gây chú ý cho các đơn vị quân đội Ngoại Mông đang triển khai dọc biên giới. Người ta cũng có thể coi đây là trường hợp giao phó một nhiệm vụ bí mật cho

một nhóm người đặc tuyển, nhưng sự thật thì hoàn toàn khác. Trong nhóm chỉ có mình tôi là sĩ quan, mà tôi thì kinh nghiệm chiến đấu chẳng có gì. Người duy nhất mà cả nhóm có thể trông cậy nếu xảy ra chạm súng là một viên trung sĩ tên Hamano. Tôi biết rõ anh ta vì anh này được giao nhiệm vụ hỗ trợ cho bộ tổng tham mưu. Anh ta là một tay gan lì, đã từ những cấp bậc thấp nhất leo lên đến hàm hạ sĩ quan, từng tỏ ra xuất sắc trong các trận đánh ở Trung Hoa. Anh ta cao lớn, rắn rỏi, không biết sợ là gì, nói gọn là, tôi tin chắc chúng tôi có thể trông cậy vào anh ta trong những lúc dầu sôi lửa bỏng. Nhưng sao người ta lại đưa cả hạ sĩ Honda vào nhóm thì tôi chịu không hiểu được. Cũng như tôi, anh ta mới chân

ướt chân ráo từ Nhật sang và dĩ nhiên là chưa hề biết mùi đánh đấm. Anh ta là một tay mềm mỏng, ít nói, xem ra lúc lâm trận thì sẽ chẳng được tích sự gì. Đã vậy anh ta vốn là người của Sư đoàn Bảy, nghĩ là Bộ Tổng Tham mưu đã phải cắt công sang bên đó điều động anh ta về chỉ để tham gia sứ mệnh này. Vậy ra anh ta là một người lính có giá trị lắm, nhưng mãi về sau chúng tôi mới thấy rõ tại sao. Tôi được chọn làm trưởng nhóm hộ tống bởi nhiệm vụ chính của tôi là nghiên cứu địa hình biên giới phía Tây của Mãn Châu quốc trong lưu vực sông Khalkha. Việc của tôi là kiểm tra xem các bản đồ chúng tôi hiện có về khu vực này hoàn chỉnh đến đâu. Thậm chí tôi từng đến

vùng này mấy lần bằng máy bay. Hẳn rằng tôi có mặt là để sứ mạng được hoàn thành êm đẹp. Nhiệm vụ thứ hai của tôi là thu thập thêm thông tin chi tiết về địa hình khu vực này nhằm nâng độ chính xác của bản đồ. Một hòn đá trúng hai con chim, như người ta đã nói. Thành thật mà nói, những bản đồ chúng tôi có hồi đó về Thảo nguyên Hulunbuir giáp giới với Nội Mông chỉ là những thứ bản thô, chẳng hoàn thiện hơn là mấy so với các bản đồ cổ từ thời nhà Thanh. Đạo quân Quan Đông đã tiến hành mấy đợt vẽ bản đồ từ sau khi Mãn Châu quốc được thành lập. Họ muốn vẽ những bản đồ chính xác hơn, nhưng khu vực mà họ muốn bao quát lại quá rộng, miền Tây Mãn Châu thì chỉ là một sa mạc vô tận. Ở những

vùng hoang địa mênh mông thế kia thì biên giới quốc gia chẳng có ý nghĩa gì lắm. Những người du mục Mông Cổ đã sinh sống ở đó hàng trăm năm chẳng cần tới biên giới, thậm chí không hề có ý niệm biên giới là gì.

Tình hình chính trị cũng gây cản trở cho việc vẽ bản đồ chính xác hơn. Có nghĩa là, nếu chúng tôi vội đơn phương đưa ra một bản đồ chính thức trình bày đường biên giới quốc gia theo ý của riêng mình thì có thể sẽ nổ ra xung đột toàn diện cấp quốc tế. Cả Liên Xô và Ngoại Mông, những nước có chung biên giới với Mãn Châu quốc, cực kỳ nhạy cảm về vấn đề xâm phạm biên giới, đã từng có mấy trường hợp giao tranh đẫm máu vì

chuyện này. Vào thời điểm đó quân đội chúng ta không có ý định đánh nhau với Liên Xô. Toàn bộ lực lượng của chúng ta đã dồn vào cuộc chiến với Trung Hoa, chẳng còn lại gì để có thể giáp chiến trên quy mô lớn với Liên Xô. Chúng tôi không có đủ sư đoàn, không đủ xe tăng, pháo binh lẫn máy bay. Ưu tiên hàng đầu là bảo đảm an ninh của Mãn Châu quốc vốn vẫn là một thực thể chính trị tương đối mới. Việc xác định biên giới phía Bắc và Tây Bắc có thể để sau, ý của phía quân đội là vậy. Họ muốn câu thời gian bằng cách cứ để mọi chuyện không rõ ràng. Ngay cả đạo quân Quan Đông hùng mạnh cũng theo quan điểm này và giữ thái độ “chờ để xem”. Hệ quả là người ta để mặc mọi chuyện bị bao trùm

trong một sự mơ hồ.

Tuy nhiên, nếu dù lãnh đạo có tính toán kỹ đến đâu đi nữa mà vẫn có sự kiện bất ngờ nào đó làm chiến tranh nổ ra (trên thực tế đã diễn ra như vậy ở Nomonhan một năm sau đó) thì phải có bản đồ mới đánh nhau được. Không phải loại bản đồ dân sự thông thường mà là bản đồ tác chiến thứ thiệt kia. Trong chiến tranh ta cần có những bản đồ chỉ rõ phải đóng quân ở đâu, chỗ nào bố trí hỏa lực hữu hiệu nhất, bộ binh phải mất bao nhiêu ngày để đi đến chỗ kia, nguồn nước ở đâu, cần bao nhiêu thức ăn cho lũ ngựa: bao nhiêu là thông tin chi tiết cần phải có. Không có bản đồ như vậy thì không thể tiến hành chiến tranh hiện đại được.

Chính vì vậy công việc của chúng tôi phần nhiều lại chông chéo với công việc của bên tình báo, chúng tôi vẫn thường xuyên trao đổi thông tin với với bộ phận tình báo của đạo quân Quan Đông hay đơn vị đặc nhiệm của quân đội ở Hailar. Hai bên ai cũng biết nhau, nhưng tay Yamamoto này thì tôi chưa gặp bao giờ. Sau năm ngày chuẩn bị, chúng tôi rời Tân Kinh đến Hailar bằng xe lửa. Từ đó chúng tôi chuyển sang xe tải, qua khu vực chùa phật giáo Tây Tạng Khan-buo thì đến trạm quan sát biên giới của đạo quân Quan Đông gần sông Khalkha. Tôi không nhớ chính xác chúng tôi đã đi bao xa, khoảng hơn ba trăm cây số gì đó. Ấy là một vùng cực hoang vu, hoàn toàn trơ

trụi, nhìn ngút mắt cũng không thấy bất kỳ một cái gì. Công việc của tôi đòi hỏi phải thường xuyên đối chiếu bản đồ với địa hình thực, nhưng không có gì để tôi đối chiếu cả, chẳng có cái gì là địa thế đặc biệt may ra có thể dùng làm mốc định hướng. Đâu đâu cũng toàn những đồi gò nham nhở đầy cỏ dại kéo dài mãi không hết, đường chân trời bất tận, những đám mây trôi trên bầu trời. Tôi chịu chẳng cách nào xác định được mình đang ở đâu trên bản đồ. Chỉ có thể đoán chừng dựa trên quãng thời gian mình đã đi mà thôi.

Đôi lúc, những khi lặng lẽ đi qua một vùng đất bao la hoang vắng đến nhường đó, ta có thể bị một ảo giác choán ngợp

rằng bản thân ta, một con người riêng lẻ, đang dần dần bị tiêu biến đi. Không gian xung quanh rộng lớn đến nỗi càng lúc càng khó giữ cho cân bằng bản thân sự tồn tại của ta. Ông có hiểu ý tôi không? Ý thức trương nở ra để lấp đầy toàn bộ cảnh quan, bị tan hòa đến độ ta không còn khả năng gắn kết nó vào nhục thể của ta. Tôi đã cảm nhận chính mình như vậy giữa lòng thảo nguyên Mông Cổ. Mênh mông quá! Giống đại dương hơn là giống cảnh sa mạc. Mặt trời mọc ở chân trời phía Đông, chậm rãi băng qua bầu trời rồi lặn xuống chân trời phía Tây. Đó là sự thay đổi duy nhất nhìn thấy được xung quanh chúng tôi. Và trong sự chuyển động đó của mặt trời tôi cảm nhận được một cái gì khó gọi tên, một tình yêu lớn

lao, có tính vũ trụ.

Ở chốt biên giới của quân đội Mãn Châu quốc, chúng tôi chuyển từ xe tải sang cưỡi ngựa. Người ta đã chuẩn bị cho chúng tôi đủ mọi thứ: bốn con ngựa để cưỡi, thêm hai con ngựa thồ mang sẵn thức ăn, nước uống và vũ khí. Chúng tôi trang bị vũ khí nhẹ. Tôi và gã tên Yamamoto chỉ mang súng lục. Hamano và Honda thì mỗi người ngoài súng lục còn mang một khẩu súng trường bộ binh M38 và hai quả lựu đạn.

Trên thực tế chỉ huy nhóm của chúng tôi là Yamamoto. Y quyết định mọi chuyện, cũng y là người ra lệnh. Bởi bề ngoài y được coi là dân thường nên theo luật nhà binh thì tôi là sĩ quan chỉ huy, song trên

thực tế chẳng ai nghi ngờ rằng chính hắn mới có quyền ra lệnh. Một mặt, hắn là loại người sinh ra để làm chuyện đó, mặt khác, dù tôi mang lon trung úy nhưng kỳ thực tôi chỉ là một cây cạo giấy chưa hề biết thế nào là trận mạc. Cánh quân nhân nhìn ra ngay ai thực sự là kẻ có năng lực, và chỉ kẻ đó họ mới vâng lời mà thôi.

Ngoài ra, cấp trên đã lệnh cho tôi phải tuân theo chỉ thị của Yamamoto mà không thắc mắc gì hết. Việc tôi tuân lời hắn là một điều gì đó vượt ngoài lề luật và phép tắc thông thường.

Chúng tôi đi về phía sông Khalkha rồi men theo dòng sông về phía Nam. Dòng sông dềnh lên vì tuyết mới tan. Chúng tôi nhìn thấy những con cá lớn trong dòng

nước. Đôi khi ở đằng xa thấp thoáng những con sói. Có lẽ đó không phải là sói thuần chủng mà một phần lai chó rừng, nhưng dù sao vẫn nguy hiểm.

Chúng tôi phải cắt người canh gác hàng đêm để bảo vệ lũ ngựa trước bầy sói.

Chúng tôi thấy nhiều chim, hầu hết là chim di trú trên đường trở về Siberia.

Yamamoto và tôi thường thảo luận với nhau về các đặc điểm địa hình. Chúng tôi đối chiếu bản đồ với con đường đang đi, ghi chép cẩn thận vào sổ mọi chi tiết nhỏ mình nhận thấy. Tuy nhiên, ngoài những cuộc trao đổi chuyên môn đó, Yamamoto hầu như không nói chuyện với tôi. Y lặng lẽ thúc ngựa đi, ăn một mình chứ không ăn cùng chúng tôi, đêm thì đi ngủ mà không nói một lời. Tôi có cảm giác đây

không phải là lần đầu tiên y đến vùng này. Y am hiểu địa hình, phương hướng, vân vân... một cách chính xác đến kỳ lạ. Sau khi tiến về phương Nam được hai ngày không xảy ra sự cố gì, Yamamoto gọi riêng tôi ra bảo rằng sáng hôm sau chúng tôi sẽ vượt sông Khalkha. Tôi nghe mà sửng sò. Bờ bên kia đã là lãnh thổ Ngoại Mông. Ngay cả bờ sông nơi chúng tôi đang đứng cũng là khu vực nguy hiểm bởi vấn đề tranh chấp biên giới. Người Mông Cổ khẳng khẳng rằng đây là đất của họ. Mãn Châu quốc cũng tuyên bố đây là lãnh thổ của mình, vì vậy mà hai bên thường xuyên xung đột vũ trang. Nếu chúng tôi bị quân đội Ngoại Mông bắt ở bờ bên này thì ít ra sự bất

đồng ý kiến kia giữa hai bên còn là một cái cớ để du di cho chúng tôi. Thực ra thì ít có nguy cơ chạm trán quân đội Ngoại Mông ở đây vào mùa này, bởi tuyết đang tan nên rất khó vượt sông. Nhưng bờ bên kia thì khác hẳn. Nhất định là bên kia có quân tuần tra Mông Cổ. Nếu chúng tôi bị bắt ở bên kia thì chẳng có cớ gì thanh minh được. Rõ ràng đây sẽ là một vụ xâm phạm biên giới, có thể dấy lên đủ thứ rắc rối về chính trị. Chúng tôi có thể bị bắn ngay tại chỗ, chính phủ cũng chẳng bảo vệ được. Ngoài ra, sĩ quan cấp trên không hề nói rằng chúng tôi có thể vượt qua biên giới. Dĩ nhiên người ta đã bảo tôi phải tuân lệnh Yamamoto, nhưng tôi không cách nào biết được liệu có cần phải tuân lệnh

y ngay cả trong một việc nghiêm trọng như là xâm phạm biên giới không. Thứ hai, như tôi đã nói ban nãy, sông Khalkha đang tràn bờ, dòng chảy quá mạnh khó lòng vượt qua, ấy là chưa nói nước lạnh cắt da cắt thịt. Ngay cả các bộ lạc du mục cũng chẳng vượt sông vào mùa này trong năm. Họ thường chỉ vượt sông trong mùa đông khi sông đã đóng băng, hoặc vào mùa hè khi dòng chảy êm, nước ấm.

Khi tôi nói hết những điều đó với Yamamoto, y nhìn tôi chăm chăm một lát. Đoạn y gật gật đầu mấy cái. – Tôi hiểu nỗi lo của anh về việc xâm phạm biên giới, - y nói, vẻ có phần kẻ cả. – Với một sĩ quan có những người cấp

dưới trong tay thì cân nhắc vấn đề trách nhiệm trong những chuyện như thế là điều tự nhiên. Anh không bao giờ muốn cho thuộc cấp của mình phải nguy hiểm đến tính mạng nếu không có lý do chính đáng. Nhưng anh cứ để chuyện ấy cho tôi. Tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc này. Tôi không thể giải thích nhiều với anh, nhưng việc này đã được thông qua ở cấp cao nhất của quân đội. Về chuyện vượt sông thì anh đừng lo, chúng ta chẳng bị trở ngại gì về mặt kỹ thuật cả. Có một chỗ kín đáo, ít người biết, ở đó ta có thể vượt sông. Quân đội Ngoại Mông đã xây dựng một số điểm như vậy. Chuyện đó thì hẳn anh cũng biết rõ. Bản thân tôi đã vượt sông mấy lần tại điểm đó vào mùa này. Năm ngoái tôi đã

vào lãnh thổ Ngoại Mông cũng vào mùa này, chính tại chỗ đó. Anh chẳng việc gì phải lo.

Y nói đúng ở một điểm. Quân đội Ngoại Mông, vốn biết rõ khu vực này như lòng bàn tay, từng cử các đơn vị chiến đấu – tuy không nhiều lắm – đến phía bên này sông trong mùa tuyết tan. Đã vậy thì họ cũng có thể đưa sang hàng đạo quân nếu muốn. Và một khi họ đã có thể vượt sông thì gã Yamamoto này cũng vượt được, và chẳng có lý nào những kẻ còn lại trong bọn tôi thì không.

Hiện chúng tôi đang đứng tại một trong những điểm vượt sông bí mật mà quân đội Ngoại Mông đã xây dựng. Nó được nguy trang khéo léo, thoát nhìn khó nhận

ra. Một cây cầu bằng ván ghép chìm dưới nước, hai đầu buộc chặt bằng thùng để trụ lại giữa dòng nước xiết, nối liền hai chỗ cạn ở hai bên bờ sông. Xe chở lính, xe thiết giáp, xe tăng chỉ cần ngấp bánh dưới nước một chút là có thể vượt sông bằng cây cầu này. Do cầu được phủ kín dưới nước nên máy bay thám thính không bao giờ phát hiện được. Chúng tôi băng qua dòng nước xiết bằng cách bám theo dây thùng. Yamamoto đi đầu để kiểm tra xem có lính tuần canh của Ngoại Mông hay không, chúng tôi theo sau y. Chân chúng tôi tê dại trong nước lạnh cắt da, nhưng người ngựa vẫn cố sang tới được bờ bên kia sông Khalkha. Bờ bên kia cao hơn nhiều, đứng ở đó chúng tôi có thể trông xa hàng nhiều dặm về sa

mạc bao la phía bên này sông. Đây là một lý do khiến quân đội Xô Viết đã luôn luôn có lợi thế hơn khi trận Nomonhan nổ ra. Sự khác biệt về cao độ cũng ảnh hưởng đến độ chính xác của hỏa lực. Dù thế nào đi nữa, tôi nhớ mình đã thật sững sốt thấy cảnh quan hai bên bờ khác nhau đến vậy. Tôi cũng nhớ, mất một hồi lâu lắm mới lại có cảm giác ở đôi chân phải ngâm quá lâu trong làn nước băng giá. Thậm chí mãi một hồi tôi mới lên tiếng lại được. Nhưng, tình thật, duy sự căng thẳng khi nhớ ra mình đang ở trên lãnh địa kẻ thù cũng đủ khiến chúng tôi quên phắt cái lạnh.

Chúng tôi men theo dòng sông về phía Nam. Như con rắn ngoằn ngoéo uốn

khúc, dòng Khalkha chảy phía dưới chúng tôi, về bên trái. Ngay sau khi vượt sông, Yamamoto khuyên chúng tôi lột bỏ hết quân hàm, chúng tôi liền làm theo. Hẳn là vì những thứ này sẽ chỉ gây thêm rắc rối nếu chúng tôi bị địch bắt. Vì lý do đó, tôi tháo đôi ủng sĩ quan và chuyển sang đi ghệt.

Tối hôm đó chúng tôi đang cắm trại thì một người đàn ông từ xa cưỡi ngựa đến gần chúng tôi. Y là người Mông Cổ. Người Mông Cổ dùng thứ yên ngựa cao khác thường cho nên dễ nhận ra họ từ xa. Vừa nhắc thấy kẻ đang lại gần, trung sĩ Hamano liền chộp ngay khẩu súng trường, nhưng Yamamoto bảo anh ta đừng bắn. Hamano chậm chậm hạ súng

xuống, chẳng nói chẳng rằng. Bốn chúng tôi đứng đó, đợi người kia lại gần. Y đeo ngang lưng một khẩu súng trường của Liên Xô, một khẩu súng Mauser giắt ở lưng. Mặt y râu quai nón xồm xoàm, đầu đội mũ có che tai. Bộ quần áo bản thủ của y giống của dân du mục, nhưng nhìn phong thái của y có thể biết ngay rằng y là quân nhân chuyên nghiệp.

Gã đàn ông xuống ngựa nói với Yamamoto bằng một thứ tiếng tôi cho là tiếng Mông Cổ. Tôi biết chút ít cả tiếng Nga lẫn tiếng Trung Hoa, nhưng đây không phải tiếng này cũng chẳng phải tiếng kia, vậy ắt là tiếng Mông Cổ.

Yamamoto trả lời người kia cũng bằng thứ tiếng đó. Điều này càng khiến tôi tin

chắc Yamamoto là sĩ quan tình báo.

Yamamoto bảo tôi:

- Nay Trung úy Mamiya, tôi sẽ đi cùng người này. Tôi không biết sẽ đi bao lâu, nhưng tôi muốn các anh chờ ở đây, dĩ nhiên là phải luôn luôn cảnh giác. Nếu trong vòng ba mươi sáu giờ mà tôi chưa trở về, các anh phải báo cáo với bộ tham mưu. Hãy cử một người vượt sông trở về chốt quan sát của quân đội Mãn Châu quốc.

Nói xong, y lên ngựa cùng với người Mông Cổ ruổi về phía Tây.

Dừng trại xong, ba chúng tôi dùng bữa tối đạm bạc. Chúng tôi không thể nấu nướng hay đốt lửa. Thảo nguyên mênh mông này nhìn đâu cũng chỉ thấy rất

những gò cát thấp, không có một cái gì che chắn chúng tôi, nên chỉ cần một làn khói nhỏ cũng đủ để chúng tôi bị tóm cổ lập tức. Chúng tôi dựng lều thấp dưới các đụn cát, chỉ ăn bánh quy khô và thịt hộp nguội. Khi mặt trời đã lặn dưới chân trời, bóng tối nhanh chóng trùm lên chúng tôi, bầu trời nhiều sao đến mức khó tin. Xa xa có tiếng sói tru lẫn trong tiếng gầm gào của dòng sông Khalkha. Chúng tôi nằm dài trên cát nghỉ ngơi sau một ngày kiệt lực.

Trung sĩ Hamano bảo tôi:

- Xem ra chúng ta đặt chân vào hiểm địa rồi đây, trung úy à.

Tôi đành phải đồng ý với anh ta. Cho tới khi đó, ba chúng tôi – trung sĩ Hamano,

hạ sĩ Honda và tôi – đã khá hiểu nhau. Thói thường, một hạ sĩ quan dày dạn súng đạn như hạ sĩ Hamano sẽ giữ thái độ xa cách và khinh khỉnh đối với một sĩ quan trẻ non nớt như tôi, nhưng trường hợp chúng tôi thì khác. Anh ta tôn trọng tôi vì tôi có học vấn, đã tốt nghiệp một trường không phải là trường nhà binh, tôi thì thực lòng quan tâm đến kinh nghiệm trận mạc và óc phán xét đầy thực tiễn của anh ta mà không coi trọng chuyện cấp bậc. Chúng tôi còn dễ nói chuyện với nhau bởi anh ta quê ở Yamaguchi còn tôi ở Hiroshima, không xa Yamaguchi. Anh ta kể tôi nghe về cuộc chiến ở Trung Hoa. Anh ta là người lính từ đầu đến chân, học vấn võ vẽ hết cấp tiểu học, nhưng anh ta cũng có nỗi hoài nghi về cái

cuộc chiến trần ai tưởng như không bao giờ dứt này ở đại lục. Anh ta bực bực với tôi.

- Tôi không nề hà chuyện đánh nhau. Tôi là người lính. Tôi sẵn sàng chết trên chiến trường vì tổ quốc, bởi vì đó là việc của tôi. Nhưng cái cuộc chiến mà chúng ta đang lâm vào ấy, trung úy à, nó không chính đáng đâu. Nó không phải là cuộc chiến thật, không có chiến tuyến nơi ta giáp mặt quân địch mà đánh tới nơi tới chốn. Chúng ta tiến, còn địch thì rút lui không đánh. Rồi lính Trung Hoa họ cởi hết quân phục mà trà trộn vào dân thường, thế là chúng ta chẳng còn biết kẻ thù là ai nữa. Vậy nên chúng ta giết nhiều người vô tội với cái cớ là tiêu diệt “bọn

nổi loạn” hay “đám tàn quân” và tịch thu thực phẩm. Chúng ta buộc phải cướp đồ ăn của họ vì chiến tuyến di chuyển quá nhanh nên hậu cần của ta không theo kịp. Và ta buộc phải giết tù binh vì không biết giam chúng ở đâu hay lấy gì cho chúng ăn. Thế là sai, trung úy ạ. Chúng ta đã làm những chuyện kinh khủng ở Nam Kinh. Chính đơn vị tôi làm. Chúng tôi quăng hàng tá người xuống giếng rồi ném lựu đạn xuống theo. Có những chuyện chính mình đã làm mà bây giờ không sao mở miệng nói ra được. Trung úy ạ, tôi nói với anh rằng đây là một cuộc chiến hoàn toàn không có Lý do Chính đáng nào hết. Chỉ là hai bên giết nhau thôi. Những người chịu chết chóc đau thương hóa ra toàn là đám nông dân nghèo khổ,

họ thì có biết chính trị hay ý thức hệ là cái gì đâu. Với họ thì chả có Quốc dân đảng, chả có Thống chế Trương(15), chả có Bát lộ quân nào hết. Có cái ăn là họ hạnh phúc rồi. Tôi biết cảm nghĩ họ ra sao, vì chính tôi là con một ngư dân nghèo. Những người thấp cổ bé họng làm quần quật từ sáng đến tối cũng chỉ vừa đủ cầm xác. Tôi không tin, giết những người như vậy mà hoàn toàn không có lý do gì hết thì liệu có tốt lành gì cho nước Nhật.

Khác với trung sĩ Hamano, hạ sĩ Honda chẳng có gì nhiều để nói về mình. Nói chung, anh ta là một tay ít nói. Anh ta thường im lặng nghe chúng tôi nói chuyện mà không chêm nhận xét của mình

vào. Nhưng bảo rằng anh ta “ít nói” vậy thôi, chứ thật ra anh ta không phải là loại người bản tính lắm lì khó chịu hay rầu rĩ. Chỉ là anh ta ít khi tự mở miệng. Thực sự là điều đó khiến tôi thỉnh thoảng lại tò mò không biết anh ta đang nghĩ gì, nhưng anh ta hoàn toàn không phải là kẻ khó gần. Thậm chí, chính phong thái bình thản của anh ta nhiều khi lại làm người khác thấy nhẹ lòng. Anh ta quả thật là điềm tĩnh. Dù chuyện gì xảy ra đi nữa, anh ta không hề đổi sắc mặt. Tôi được biết anh ta quê ở Asahikawa, ở đó cha anh ta có một nhà in nhỏ. Anh ta kém tôi hai tuổi. Sau khi học xong, anh ta cùng các anh trai làm việc cho nhà in của cha. Anh ta là em út trong ba anh em, người anh cả thì đã bị giết ở Trung Hoa hai

năm về trước. Anh ta thích đọc sách, hề
rảnh được phút nào là y như rằng tôi thấy
anh ta cuộn tròn một góc mà đọc cuốn
sách nào đó về đề tài Phật giáo.

Như tôi đã nói, Honda hoàn toàn không
có kinh nghiệm chiến đấu thực tế, nhưng
dù chỉ mới được huấn luyện một năm,
anh ta đã là một người lính kiệt xuất.

Trong mỗi trung đội luôn luôn có một hai
người như vậy, những người luôn luôn
nhẫn nại, bền gan, thực hiện đến cùng
nghĩa vụ của mình không một lời ta thán.

Thể chất khỏe mạnh, phản xạ tuyệt hảo,
họ hiểu ngay lập tức những gì được chỉ
bảo và áp dụng chính xác vào thực tế.

Honda là một người như vậy. Và do
được đào tạo về kỹ binh nên anh ta là

người biết rõ nhất về loài ngựa; anh ta lãnh phần chăm sóc cả sáu con mà chúng tôi mang theo. Đôi khi chúng tôi cảm thấy dường như anh ta hiểu tâm trạng lũ ngựa đến từng chân tơ kẽ tóc. Trung sĩ Hamano thừa nhận ngay khả năng của hạ sĩ Honda và giao phó cho anh ta gần ấy việc mà không chút băn khoăn.

Vậy nên tuy đơn vị chúng tôi khác thường, chấp vá là vậy nhưng chúng tôi hết sức hiểu nhau. Và chính bởi không phải là một đơn vị bình thường nên chúng tôi không hề câu nệ những thứ quy tắc nhà binh theo sách vở. Chúng tôi rất thoải mái, cởi mở với nhau, gần như là Nghiệp quả đã đưa chúng tôi đến với nhau vậy. Chính vì thế trung sĩ Hamano

mới có thể nói thẳng với tôi những gì vượt ngoài cái khuôn phép bất di bất dịch giữa sĩ quan với hạ sĩ.

- Trung úy này, - có lần anh ta hỏi, - ông nghĩ thế nào về tay Yamamoto kia?

- Tôi dám đánh cuộc là mật vụ, - tôi nói.

- Nếu không phải chuyên gia thì làm sao nói tiếng Mông Cổ như thế được. Lại còn thông thạo vùng này như lòng bàn tay nữa.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. Ban đầu tôi cứ nghĩ hắn là một trong những bọn đạo tặc chuyên cưỡi ngựa thông đồng với đám sĩ quan chớp bu, nhưng hóa ra không phải. Lũ ấy tôi còn lạ gì. Chúng nó đã mở mồm là nói rạc tai, mười phần hết năm phần là bịa. Rút súng thì nhanh như chớp. Nhưng

tay Yamamoto này thì không phải hạng xoàng. Hắn là tay tổ đấy. Sĩ quan cao cấp, rất cao nữa là khác. Chuyện ấy thì đứng xa một dặm tôi cũng nghĩ ra. Tôi nghe nói quân ta muốn kết hợp đơn vị tác chiến bí mật nào đó với những người Mông Cổ thuộc quân đội do Liên Xô đào tạo, và người ta đã đưa sang một số chuyên viên mật vụ để lo chiến dịch này. Có thể Yamamoto có liên quan đến vụ này.

Hạ sĩ Honda đang cầm súng đứng canh ở cách chúng tôi một quãng. Tôi đặt khẩu Browning ngay bên cạnh để có thể chớp lấy bất cứ lúc nào. Trung sĩ Hamano đã tháo ghệt ra và đang xoa bóp chân.

- Dĩ nhiên là tôi chỉ đoán thế thôi, - anh

ta nói thêm. – Gã Mông Cổ mà chúng ta gặp có thể là một sĩ quan quân đội Mông Cổ đang chống người Liên Xô và cố tiếp xúc bí mật với quân đội Nhật.

- Cũng có thể, - tôi nói. – Nhưng anh nhớ giữ mồm giữ miệng, kéo người ta chặt đầu đấy.

- Nào, nào, trung úy, tôi đâu có ngu thế. Chuyện này chỉ giữa hai chúng ta thôi, - anh ta nhe răng cười với tôi, rồi trở nên nghiêm trang. – Nhưng nếu đúng vậy thật thì nguy hiểm lắm. Khéo mà chiến tranh như chơi.

Tôi gật đầu đồng tình. Ngoại Mông về hình thức là một nước độc lập, nhưng thực chất là một xứ vệ tinh của Liên Xô. Theo nghĩa đó thì nó chẳng khác là bao

so với Mãn Châu quốc, nơi quyền hành thực sự nằm trong tay người Nhật. Nhưng ai cũng biết, ở Ngoại Mông có một nhóm chống Liên Xô, nhóm này đã bí mật liên hệ với quân đội Nhật ở Mãn Châu quốc, các thành viên nhóm này đã dấy lên nhiều cuộc nổi loạn. Hạt nhân của thành phần nổi loạn này là các quân nhân Mông Cổ bất mãn với sự chuyên quyền của quân đội Xô Viết, tầng lớp địa chủ chống lại chính sách tập trung hóa cưỡng bức trong nông nghiệp và các tu sĩ Phật giáo Tây Tạng – số này có tới hàng trăm người. Thế lực nước ngoài duy nhất mà nhóm chống Liên Xô này có thể xin trợ giúp là quân đội Nhật đang đóng quân tại Mãn Châu quốc. Vả lại so với người Nga thì rõ ràng người Nhật chúng ta gần

gửi họ hơn bởi đều là người châu Á, đồng chủng da vàng. Một năm trước đó, 1937, một kế hoạch nổi dậy quy mô lớn ở thủ đô Ulan Bator đã bị lộ, hậu quả là xảy ra những cuộc thanh trừng quy mô lớn. Hàng ngàn quân nhân và tu sĩ Phật giáo bị hành hình như những phần tử phản cách mạng cấu kết với quân đội Nhật, nhưng tâm trạng chống Nhật vẫn cứ âm ỉ nơi này nơi khác. Thành thử nếu có một sĩ quan tình báo Nhật vượt sông Khalkha để bắt liên lạc với một sĩ quan chống Liên Xô thuộc quân đội Ngoại Mông thì cũng chẳng có gì lạ. Để ngăn chặn việc đó, quân đội Ngoại Mông đã cử các đơn vị tuần tra thường xuyên đi tuần và tuyên bố toàn bộ dải lãnh thổ

cách biên giới Mãn Châu quốc từ mười tới mười hai cây số là vùng cấm. Tuy nhiên vùng này quá rộng nên dầu có tuần tra cũng không thể nào để mắt tới từng li từng tí một.

Cho dù cuộc nổi dậy của họ có thành công đi nữa, chắc chắn quân đội Liên Xô sẽ lập tức can thiệp để bóp chết hoạt động phản cách mạng của họ. Nếu điều đó xảy ra, những người nổi dậy sẽ yêu cầu quân đội Nhật giúp đỡ, đó sẽ là cái cớ để đạo quân Quan Đông của Nhật can thiệp. Chiếm Ngoại Mông thì chẳng khác nào thọc dao vào mạng sườn của Liên Xô ở Siberia. Bộ tổng tham mưu ở Tokyo hẳn sẽ cố kiềm chế cơn hăng đó, nhưng đây là một cơ hội mà bộ tham mưu

đạo quân Quan Đông vốn đầy tham vọng chẳng dễ gì bỏ qua. Hậu quả sẽ không chỉ là xung đột biên giới mà là chiến tranh tổng lực giữa Liên Xô và Nhật. Nếu một cuộc chiến như vậy xảy ra trên vùng biên giới Mãn Châu – Liên Xô, Hitler có thể đáp trả bằng cách chiếm Ba Lan hay Tiệp Khắc. Đó chính là tình huống mà hạ sĩ Hamano đã nói khi nhận xét về khả năng xảy ra chiến tranh.

Sáng hôm sau, mặt trời đã mọc mà Yamamoto vẫn chưa trở về. Tôi là người cuối cùng canh gác. Tôi mượn súng trường của trung sĩ Hamano, ngồi trên một đụn cát có phần cao hơn mà ngắm bầu trời phía Đông. Bình minh ở Mông Cổ là một điều kỳ diệu. Chỉ trong khoảnh

khắc, chân trời trở thành một dải sáng mờ treo trong bóng tối, rồi cái dải sáng ấy dâng lên, mỗi lúc một cao hơn.

Dường như có một bàn tay vĩ đại tự trên trời vươn xuống chậm chậm kéo tấm màn đêm ra khỏi mặt đất. Cảnh tượng đó thật kỳ vĩ, một cảnh tượng mà, như tôi đã nói, lớn lao hơn rất nhiều so với tất cả những gì tôi có thể lĩnh hội được với những giác quan hạn hẹp của con người. Tôi ngồi đó ngấm nhìn, trong tôi bỗng dâng lên một cảm giác rằng chính sự sống của tôi đang dần dần tiêu biến thành hư vô. Ở cõi hư vô đó không có dấu vết gì của những thứ vô nghĩa như những việc làm nhỏ nhặt của con người. Cũng một cảnh tượng này từng xảy ra hàng triệu lần, hàng trăm triệu lần, từ thời thái cổ, từ rất

lâu trước khi tồn tại bất cứ thứ gì gọi là sự sống trên trái đất. Quên khuấy rằng mình đang đứng gác, tôi như bị thôi miên, ngắm mãi cảnh bình minh của một ngày mới.

Sau khi mặt trời đã hiện rõ phía trên chân trời, tôi châm điếu thuốc, nhấp một ngụm nước trong bidông và đi tiểu. Rồi tôi nghĩ về nước Nhật. Tôi hình dung thành phố quê hương vào đầu tháng Năm – hương hoa, tiếng rì rào của dòng sông, những đám mây trên bầu trời. Bận cũ. Gia đình. Vị ngọt của chiếc bánh gạo nong nóng gói trong lá sồi. Tôi vốn không ưa của ngọt, nhưng sao sáng hôm đó tôi thèm một cái bánh mochi đến chết được. Giá như khi đó có thể trả nửa năm

lượng sĩ quan để mua một cái thì tôi cũng mua. Và khi nghĩ đến nước Nhật, tôi đâm ra cảm thấy mình đã bị bỏ rơi ở bên lề thế giới. Tại sao chúng tôi phải liều mạng chiến đấu cho cái mảnh đất tro bụi không có chút giá trị về quân sự hay công nghiệp này, cái vùng đất nơi không gì sống được ngoài cỏ dại và trùng độc này? Tôi, tôi cũng sẵn sàng chiến đấu và chết để bảo vệ quê hương. Nhưng hy sinh mạng sống chỉ có một này cho cái rẻo đất hoang vu nơi không thứ hạt nào có thể nảy mầm thì thật quá vô nghĩa.

* * *

Sáng tinh mơ ngày hôm sau thì Yamamoto trở về. Lúc ấy tôi cũng là người cuối cùng đứng gác. Tôi đang

đứng xoay lưng lại dòng sông, mắt dõi về phía Tây thì nghe một âm thanh như tiếng ngựa hí ở đằng sau. Tôi quay lại nhưng chẳng thấy gì. Tôi nhìn chăm chăm về phía âm thanh đó phát ra, trong tư thế sẵn sàng nổ súng. Tôi nuốt nước bọt, cái âm thanh từ trong chính cổ họng mình to đến nỗi tôi rùng mình. Ngón tay đặt lên cò súng của tôi run run. Từ trước đến nay tôi chưa từng phải bắn ai cả.

Chỉ mấy giây sau, một con ngựa lão đảo đi qua triền cong một đụn cát, trên lưng nó là Yamamoto. Tôi nhìn quanh, ngón tay đặt trên cò súng, nhưng không còn ai khác xuất hiện – gã Mông Cổ không, quân địch cũng không. Vàng trắng to tướng trắng bệch treo trên nền trời phía

Đông như một tảng đá mang điềm gở. Tay trái của Yamamoto hình như bị thương. Chiếc khăn mùi xoa hắt dùng buộc quanh cánh tay bên vết máu. Tôi đánh thức hạ sĩ Honda dậy trông nom con ngựa. Rõ ràng con vật đã phải phi nước đại suốt một quãng đường dài, nó thở hổn hển, toàn thân đầm đìa mồ hôi. Hamano gác thay tôi, còn tôi lo sơ cứu vết thương cho Yamamoto.

- Đạn chỉ sượt qua thôi, máu ngừng chảy rồi, - Yamamoto bảo. Y nói đúng: viên đạn chỉ xé rách thịt mà không phạm vào xương. Tôi tháo chiếc khăn mùi xoa ra, dùng cồn sát trùng miệng vết thương rồi băng lại. Trong suốt thời gian đó Yamamoto thậm chí không nhú mày, duy

có môi trên y đóng một lớp mồ hôi mỏng. Y uống ừng ực nước trong bidông, đốt một điếu thuốc và rít với vẻ khoan khoái ra mặt. Đoạn y rút khẩu Browning ra, kẹp dưới nách, tháo băng đạn và khéo léo dùng một tay nạp ba viên đạn vào.

- Này, Trung úy Mamiya, chúng ta rời khỏi đây ngay. Vượt sông đi về phía chốt quan sát của quân đội Mãn Châu quốc. Chúng tôi nhanh chóng dỡ trại, hầu như không nói một lời, lên ngựa ruổi về phía chỗ vượt sông. Tôi không hỏi Yamamoto xem chuyện gì đã xảy ra với y, ai đã bắn y. Vị trí của tôi không cho phép, nhưng thậm chí dù tôi có quyền hỏi đi nữa, vị tất y đã trả lời. Ý nghĩ duy nhất của tôi lúc đó là làm sao đi khỏi lãnh địa của kẻ

thù càng sớm càng tốt, vượt sông Khalkha sang bờ bên kia nơi tương đối an toàn.

Chúng tôi làm lủi đi, thúc ngựa qua bình nguyên đầy cỏ. Không ai nói năng gì, nhưng tất cả đều nghĩ cùng một điều: liệu chúng tôi có thể vượt sông hay không? Nếu một toán tuần tiễu Mông Cổ đã tới chỗ cây cầu trước chúng tôi thì mạng chúng tôi coi như xong. Nếu đánh nhau thì chẳng có cách nào chúng tôi thắng được. Tôi nhớ khi đó mồ hôi chảy ròng ròng dưới hai cánh tay tôi, mãi không khô.

- Này Trung úy Mamiya, anh đã bắn bao giờ chưa? – Sau một hồi im lặng, Yamamoto hỏi tôi.

- Chưa bao giờ, - tôi đáp.

- Anh đã bắn ai bao giờ chưa?

- Chưa bao giờ, - tôi lại đáp.

Tôi chịu không biết những câu trả lời của tôi gây ấn tượng thế nào với y, cũng không biết y hỏi vậy có mục đích gì.

- Trong này có một tài liệu cần chuyển cho ban tham mưu, - y vừa nói vừa đặt tay lên túi yên ngựa. – Nếu không chuyển được thì phải hủy đi – đốt cũng được, chôn cũng được, nhưng dù trong hoàn cảnh nào cũng không được phép rơi vào tay địch. Không được phép, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Đó là ưu tiên số một của chúng ta. Tôi muốn anh hiểu rõ điều đó. Quan trọng lắm, hết sức quan trọng.

- Tôi hiểu, - tôi nói.

Yamamoto nhìn thẳng vào mắt tôi.

- Nếu rơi vào hoàn cảnh ngặt nghèo, việc đầu tiên anh phải làm là bắn tôi. Không được chần chừ. Nếu tự làm được thì tôi đã làm. Nhưng tay tôi bị thế này thì tôi không làm được. Trong trường hợp đó, anh phải bắn tôi. Mà đã bắn là phải chắc chết.

Tôi lẳng lặng gật đầu.

* * *

Khi chúng tôi đến chỗ vượt sông ngay trước khi mặt trời mọc, nỗi sợ đã dày vò tôi trên suốt đường đi tỏ ra hoàn toàn có cơ sở. Một toán nhỏ quân Mông Cổ đã triển khai ở đó. Yamamoto và tôi leo lên một đụn cát cao, chuyền nhau ông nhòm để quan sát bọn họ. Có tám người tất cả,

không đông lắm, nhưng so với một toán tuần tra biên giới thì nhóm này được trang bị quá nhiều. Một người mang súng máy nhẹ, lại còn một súng máy hạng nặng đặt trên một mô đất cao, chung quanh chất bao cát, nòng hướng về phía đông. Hiển nhiên là họ bố trí ở đây để ngăn không cho chúng tôi băng sang bờ bên kia. Họ đã neo lều bên bờ sông và buộc mười con ngựa ở gần đó. Xem ra họ sẽ lưu lại đây cho tới khi nào tóm được chúng tôi mới thôi.

- Liệu ta có thể dùng chỗ cạn nào khác để vượt không? – tôi hỏi.

Yamamoto rời mắt khỏi ống nhòm nhìn tôi mà lắc đầu.

- Có, nhưng rất xa. Đi ngựa phải mất hai

ngày. Ta không có nhiều thời gian như thế đâu. Ta chỉ có thể vượt sông ở đây, bằng bất cứ giá nào.

- Nghĩa là ta sẽ vượt sông vào ban đêm?

- Đúng. Đó là cách duy nhất. Ta để ngựa lại đây. Ta sẽ thanh toán tên lính gác, bọn còn lại thì hẳn đang ngủ say. Đừng lo, dòng sông sẽ im đi hầu hết tiếng động. Tôi sẽ lo phần tên gác. Từ giờ đến đó ta chẳng có gì làm cả, nên tốt nhất là đi ngủ, tranh thủ chút cơ hội mà nghỉ ngơi.

Chúng tôi ấn định chiến dịch vượt sông sẽ diễn ra lúc ba giờ sáng. Hạ sĩ Honda dỡ hết hành trang khỏi lưng ngựa, dẫn ngựa đến một chỗ xa rồi thả chúng ra. Chúng tôi đào một cái hố sâu, chôn

xuống đó chỗ đạn dược và thức ăn thừa. Mỗi người chỉ còn mang một biđông nước, phân ăn đủ một ngày, một khẩu súng, vài viên đạn. Nếu trạm trăn quân Mông Cổ thì với hỏa lực vượt trội của bọn họ chúng tôi không cách gì thắng được dù có nhiều đạn đến mấy. Tạm thời thì chúng tôi cố ngủ được chút nào hay chút ấy, bởi khi đã vượt sông thì chắc hẳn sẽ không còn thì giờ đâu mà ngủ nữa. Hạ sĩ Honda gác đầu tiên, kế đó trung sĩ Hamano sẽ thay.

Duỗi dài trong lều, Yamamoto thiếp đi ngay lập tức. Xem ra đã suốt một thời gian dài y không hề chớp mắt. Cạnh gối y là một chiếc vali da, y đã cất tài liệu bí mật vào trong đó. Chúng tôi ai cũng kiệt

sức, nhưng tôi căng thẳng quá nên không ngủ được. Tôi nằm đó hồi lâu, buồn ngủ đến chết được nhưng vẫn thức chong chong, trong đầu cứ hình dung cảnh chúng tôi giết tên lính gác và bị khẩu súng máy nã đạn như vãi trấu khi vượt sông. Hai lòng bàn tay tôi nhớp nháp mồ hôi, thái dương tôi giãn giãn. Tôi chẳng biết liệu đến khi đó mình có khả năng hành xử cho đáng mặt sĩ quan không. Tôi bò ra khỏi lều, đến ngồi cạnh hạ sĩ Honda đang ngồi gác.

- Honda này, anh biết đó, chúng ta đến chết cả nút ở đây thôi.

- Khó mà nói được, - anh ta đáp.

Chúng tôi ngồi một lát, không ai nói gì. Nhưng có cái gì đó trong câu trả lời của

anh ta khiến tôi băn khoăn – có một giọng điệu nào đó hàm ý biết chắc chắn. Linh cảm vốn không phải là thể mạnh của tôi, nhưng tôi biết câu nhận xét mơ hồ của anh ta có ý che giấu điều gì đó. Tôi quyết định gặng hỏi anh ta.

- Nếu anh có gì để nói với tôi thì đừng giữ kín nữa, - tôi bảo. – Đây có thể là lần cuối cùng chúng ta trò chuyện với nhau, có thể nói vậy.

Honda cắn môi, vượt vượt lên chỗ cát dưới chân. Tôi biết anh ta đang vật lộn với những tình cảm mâu thuẫn nhau.

- Trung úy ạ, - lát sau anh ta nói. Anh ta nhìn thẳng vào mắt tôi, - Trong bốn chúng ta, trung úy sẽ là người sống lâu nhất, lâu hơn trung úy tưởng nhiều. Trung

ủy sẽ chết ở Nhật.

Giờ đến lượt tôi nhìn anh ta. Anh ta nói tiếp:

- Hẳn trung úy đang tự hỏi làm sao tôi biết, nhưng điều đó thì chính tôi cũng không giải thích được. Tôi biết, thế thôi.

- Anh có khả năng ngoại cảm à?

- Có thể, có điều cái ấy không chính xác lắm với những gì tôi cảm nhận được. Nó hơi quá to tát. Như tôi vừa nói, tôi biết, chỉ có thế thôi.

- Xưa nay anh có luôn cảm thấy như thế không?

- Luôn luôn, - anh ta đáp rành mạch. – Nhưng tôi giấu mãi không cho ai biết, cho tới khi đủ lớn để hiểu đó là cái gì. Nhưng đây là chuyện sinh tử, trung úy ạ,

và bởi tự trung úy hỏi nên tôi mới kể thật với trung úy.

- Còn những người khác thì sao? Anh có biết những người khác thì chuyện gì sẽ xảy ra với họ không?

Anh ta lắc đầu.

- Có điều tôi biết, có điều không. Nhưng có lẽ trung úy không biết thì hơn, trung úy ạ. Kể như tôi mà lại đi nói chuyện to tát thế này với người có học như trung úy thì có lẽ hơi hồ đồ, nhưng vận mệnh con người, ta chỉ có thể ngóai nhìn khi nó đã đi qua chứ không thể nhìn trước được.

Tôi có ít nhiều kinh nghiệm về những chuyện như vậy, còn trung úy thì không.

- Dù sao thì, như anh nói, tôi sẽ không chết ở đây sao?

Anh ta vốc đầy cát vào bàn tay rồi để cát trôi đi qua những kẽ ngón tay.

- Chuyện đó thì tôi nói được, trung úy ạ. Trung úy sẽ không chết trên đại lục này đâu.

Tôi còn muốn hỏi nữa về chuyện đó, nhưng hạ sĩ Honda không chịu tiết lộ thêm. Dường như anh ta đắm vào những suy tư hay chiêm nghiệm của mình. Súng cầm tay, anh ta nhìn đăm đăm ra thảo nguyên mênh mông. Anh ta như không nghe thấy những gì tôi nói nữa.

Tôi trở lại chỗ cái lều buộc thấp dưới bóng một đụn cát, nằm xuống cạnh trung sĩ Hamano, nhắm mắt lại. Lần này giấc ngủ đến ngay lập tức, một giấc ngủ sâu hoắm như thể nắm gót chân tôi mà lôi

tuột xuống đáy biển.

14. Hay “sự cố Lư Cầu Kiều”, cuộc đụng độ vũ trang xảy ra ngày 7/7/1937 giữa quân đội Nhật và quân đội Trung Hoa gần Bắc Kinh, dẫn đến chiến tranh giữa hai nước – BTN.

15. Túc Trương Học Lương, nhân vật lịch sử Trung Quốc, thuộc tướng của Tưởng Giới Thạch, từng là sứ quân cát cứ tại Mãn Châu nhưng về sau để mất vùng này vào tay Nhật. Tháng 12 năm 1936, Trương cùng tướng Dương Hổ Thành tiến hành vụ “bắt cóc” Tưởng Giới Thạch nhằm gây áp lực buộc Tưởng phải hợp tác với lực lượng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong cuộc kháng

chiến chống quân xâm lược Nhật.

13

Chuyện dài của Trung úy Mamiya: Phần

2



Tôi bị đánh thức bởi tiếng lách cách kim khí khi người ta mở khóa an toàn súng. Không một người lính tác chiến nào có thể bỏ qua cái âm thanh đó dù đang ngủ say đi nữa. Nó là một âm thanh... nói sao nhỉ, một âm thanh đặc biệt, lạnh lẽo và nặng nề như bản thân cái chết. Hầu như theo bản năng, tôi thò tay tìm khẩu Browning để cạnh gối, thì ngay khi đó một chiếc giày đập vào thái dương tôi làm tôi tối tăm mặt mũi mất một lát. Cổ kim nhịp thở lại, tôi hé mở mắt thì thấy

gã đàn ông chắc hẳn vừa đá tôi. Hẳn đang quỳ xuống nhặt khẩu Browning của tôi lên. Tôi chậm chậm nhấc đầu lên thì kìa, đầu ruồi của hai khẩu súng trường đang chĩa ngay vào mặt tôi. Đằng sau mũi súng là hai tên lính Mông Cổ.

Vừa ban nãy tôi ngủ trong lều, nhưng lúc này lều đã biến mất, trên đầu là bầu trời chỉ chút sao. Một tên lính Mông Cổ khác đang chĩa súng máy vào đầu Yamamoto nằm cạnh tôi. Y nằm im như để giữ sức vì biết kháng cự là vô ích. Toàn bộ đám lính Mông Cổ mặc áo khoác dài và đội mũ sắt chiến đấu. Hai người cầm đèn pin cỡ lớn rọi vào Yamamoto và tôi. Thoạt tiên tôi không hiểu nổi chuyện gì vừa xảy ra, hẳn vì tôi ngủ quá sâu và bị cú sốc

quá lớn. Nhưng nhìn đám lính Mông Cổ và bộ mặt của Yamamoto thì rõ cuộc tôi hiểu: không nghi ngờ gì nữa, lẽ của chúng tôi đã bị phát hiện trước khi chúng tôi kịp băng qua sông.

Sau đó tôi chợt tự hỏi không biết chuyện gì đã xảy ra với Honda và Hamano. Tôi ngoái đầu thật chậm rãi để quan sát xung quanh. Nhưng ngoài ra không thấy ai nữa. Hoặc quân Mông Cổ đã giết họ rồi, hoặc họ đã trốn thoát được.

Đây hẳn là đám lính tuần mà chúng tôi đã thấy lúc trước ở chỗ vượt sông. Họ quân số ít, trang bị súng máy hạng nhẹ và súng trường. Chỉ huy bọn họ là một tay hạ sĩ quan đáng gân gó, người duy nhất mang giày nhà binh đúng nghĩa là giày.

Đó chính là kẻ đã đá tôi. Hắn cúi xuống nhặt chiếc vali da mà Yamamoto đặt bên cạnh đầu. Hắn mở vali ra dòm vào bên trong, rồi lật úp xuống mà lắc lắc. Vài điều thuốc lá rơi xuống đất, ngoài ra chẳng còn gì nữa. Tôi không thể tin được. Chính mắt tôi đã thấy Yamamoto đút tài liệu vào trong vali. Hắn đã lấy tài liệu từ trong túi yên ngựa, cho vào trong vali rồi để vali bên cạnh gối. Yamamoto cố giữ vẻ bình thản, nhưng tôi vẫn thấy y đổi sắc mặt trong một khoảnh khắc. Song dù tài liệu biến mất vì lý do nào đi nữa thì Yamamoto cũng chỉ mong có thế. Như y đã nói với tôi, ưu tiên số một của chúng tôi là phải đảm bảo rằng tài liệu đó không bao giờ được rơi vào tay kẻ thù.

Đám lính trút hết đồ đạc của chúng tôi xuống đất rồi kiểm tra kỹ lưỡng từng cái một nhưng chẳng tìm thấy gì quan trọng. Sau đó họ lột hết quần áo của chúng tôi mà lục lọi các túi. Họ lấy lưỡi lê chọc thủng quần áo và balô nhưng không ai thấy tài liệu gì. Họ thu hết thuốc lá, bút, ví, sổ tay, đồng hồ của chúng tôi mà nhét vào túi. Rồi họ lần lượt đi thử giày của chúng tôi, ai vừa chân là lấy. Đám lính cãi nhau càng lúc càng căng về chuyện ai được cái gì, nhưng viên hạ sĩ quan tỏ ra thờ ơ. Tôi đồ rằng tước sạch đồ dùng cá nhân của tù binh và lính địch chết là việc bình thường ở Mông Cổ. Viên hạ sĩ quan chỉ lấy đồng hồ của Yamamoto, những thứ khác thì mặc cho đám lính dành nhau.

Những trang bị còn lại của chúng tôi – súng lục, đạn dược, đồng hồ, la bàn, ống nhòm – thì họ cho vào một cái bao lớn, hẳn là để gửi về tổng hành dinh ở Ulan Bator.

Sau đó họ trói hai chúng tôi – trần truồng - bằng thứ dây thừng mỏng, chắc. Khi lại gần, đám lính Mông Cổ có mùi như một cái chuồng gia súc đã lâu không được cọ rửa. Quân phục của họ bẩn thỉu, bết bết bùn đất, bụi bặm và vết bẩn thức ăn đến nỗi không thể nào biết màu nguyên thủy là gì. Giày của họ thùng lố chỗ như chỉ chực bục ra khỏi chân. Chẳng lạ là họ thềm giày của chúng tôi. Khuôn mặt họ hàu như dã man, đầu bù tóc rối, răng đen đúa. Họ giống đám cướp đường chuyên

cưỡi ngựa hay phường lục lâm thảo khấu hơn là lính tráng, song những vũ khí do Liên Xô sản xuất và quân hàm hình ngôi sao cho thấy họ là một đơn vị quân chính quy của nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ. Theo tôi, tính kỷ luật và tinh thần chiến đấu của đám lính này dĩ nhiên là không cao lắm. Người Mông Cổ vốn là những chiến binh gan lì, chịu đựng giỏi, nhưng họ không thích hợp lắm với chiến tranh hiện đại.

Đêm lạnh thấu xương. Nhìn những đám mây trắng từ hơi thở của đám lính Mông Cổ đều đều hiện ra rồi tan biến vào bóng tối, tôi ngỡ như vì một sai lầm kỳ lạ nào đó mà tôi đã bị ném vào cơn ác mộng của một kẻ nào khác. Tôi không thể tin

những gì đang diễn ra đây là có thực. Đây quả thực là một cơn ác mộng, nhưng chỉ về sau tôi mới hiểu ra, đây chỉ là phần đầu của một cơn ác mộng khủng khiếp.

Chỉ một lát sau, một trong các tên lính Mông Cổ từ trong bóng tối nhô ra, kéo lê đằng sau một vật gì nặng. Miệng cười toe toét, hắn ném phịch cái vật đó xuống đất bên cạnh chúng tôi. Đó là xác của Hamano. Hai bàn chân cái xác phơi trần ra, ai đó đã lột giày của viên trung sĩ rồi. Đám lính liền xoay ra lột quần áo anh ta mà lục lọi hết các túi. Những bàn tay thò ra giật lấy đồng hồ, ví và thuốc lá của Hamano. Họ chia nhau chỗ thuốc lá rồi vừa hút vừa kiểm tra các ví. Chỉ có ít

giấy bạc Mãn Châu quốc và bức ảnh một phụ nữ. Có lẽ là mẹ của Hamano. Viên hạ sĩ quan nói gì đó rồi quơ lấy số tiền. Bức ảnh bị ném xuống đất.

Một trong các tay lính Mông Cổ hăn đã rón rén đến sau lưng Hamano rồi cắt họng anh ta trong lúc anh đang đứng gác. Họ đã làm với chúng tôi chính cái việc mà chúng tôi định làm với họ. Máu đỏ tươi vẫn đang túa ra từ vết thương há hoác của cái xác, nhưng so với một vết thương lớn như vậy thì máu không nhiều lắm, hăn là từ nãy đến giờ hầu hết máu đã chảy ra ngoài. Một trong các tên lính rút một con dao ra khỏi vỏ giắt nơi thắt lưng, mũi dao cong dài khoảng mười lăm phân. Hăn khua dao ngay trước mặt tôi.

Con dao hình thù kỳ quái như vậy tôi chưa thấy bao giờ. Hình như nó được làm ra nhằm mục đích đặc biệt nào đó. Tên lính cầm con dao làm động tác cắt cổ họng rồi huýt sáo qua kẽ răng. Vài tên lính khác cười rộ. Có vẻ đây không phải trang bị chung của quân đội mà là vật sở hữu riêng của tên lính. Mỗi tên lính đều có một lưỡi lê giắt ngang hông, duy chỉ tên này giắt con dao cong và có lẽ hắn đã dùng chính con dao này để cắt họng Hamano. Sau khi xoay xoay lưỡi dao mấy vòng một cách thiện nghệ, hắn dứt dao vào vỏ.

Không nói một lời, chỉ cử động cặp mắt, Yamamoto liếc về phía tôi. Cái liếc chỉ kéo dài một khoảnh khắc, nhưng tôi hiểu

ngay y môn nói gì: Anh có nghĩ là hạ sĩ Honda đã thoát được không? Dù hết sức bối rối và sợ hãi, tôi cũng đã nghĩ như vậy: hạ sĩ Honda đâu? Nếu Honda đã thoát được trong cuộc tấn công chớp nhoáng này của toán quân Mông Cổ thì có thể vẫn còn chút cơ hội cho chúng tôi, dù là mong manh. Nhưng một mình Honda liệu có thể làm gì được? Nghĩ vậy là lại thấy nản lòng, nhưng dẫu sao một tí cơ hội thì vẫn hơn hoàn toàn không có cơ hội nào.

Chúng tôi bị trói nằm đó trên cát cho đến sáng. Hai tên lính được cắt đặt để canh chừng chúng tôi, một tên mang súng máy, tên kia ôm súng trường. Đám còn lại ngồi cách một quãng, hút thuốc, cười nói,

ra chiều hã hê vì đã bắt được chúng tôi. Yamamoto và tôi không ai nói một lời. Dù đang giữa tháng Năm, nhiệt độ lúc về sáng ở vùng này tụt xuống dưới mức đóng băng. Tôi cứ sợ chúng tôi nằm đó trần truồng thì sẽ chết cóng mất. Nhưng cái lạnh chẳng là gì so với nỗi khiếp sợ ở trong tôi. Số phận chúng tôi rồi sẽ ra sao? Đám người này chỉ là một đơn vị tuần tiễu, hẳn là họ không có quyền quyết định sẽ làm gì với chúng tôi. Họ sẽ phải đợi lệnh. Nghĩa là có lẽ chúng tôi sẽ không bị giết ngay lập tức. Tuy nhiên, sau đó thì thế nào? Chịu không biết được. Yamamoto là gián điệp thì đã quá rõ, còn tôi bị bắt cùng với y nên hiển nhiên sẽ bị coi là tòng phạm. Dù thế nào đi nữa, chúng tôi sẽ không dễ dàng thoát

khỏi vụ này đâu.

Mặt trời vừa mọc ít lâu thì từ xa trên bầu trời có một âm thanh như tiếng vù vù của động cơ trực thăng. Cuối cùng, thân máy bay màu bạc hiện ra trong tầm nhìn của tôi. Đó là một chiếc máy bay do thám của Liên Xô, trên thân có huy hiệu của Ngoại Mông. Chiếc máy bay lượn trên đầu chúng tôi mấy vòng. Đám lính vỗ tay, chiếc máy bay chao cánh để đáp lại. Sau đó nó đổ xuống một khoảng đất trống gần đó làm bụi bay lên mù mịt. Ở đây đất cứng lại không có nhà cửa gì nên có thể cất hạ cánh tương đối dễ dàng không cần đường băng. Nếu tôi không lầm, họ đã nhiều lần dùng chính địa điểm này làm bãi đáp máy bay. Một người trong đám

lính lên ngựa phi nước kiệu về phía chiếc máy bay, theo sau là hai con ngựa trắng yên sẵn.

Khi quay lại, hai con ngựa đó mang trên lưng hai người hãn là sĩ quan cao cấp. Một là người Nga, kẻ kia là người Mông Cổ. Tôi đề rằng đám lính tuần đã liên lạc bằng radio với tổng hành dinh về việc bắt được chúng tôi, và hai viên sĩ quan này đã từ Ulan Bator bay đến để hỏi cung chúng tôi. Nhất định họ là sĩ quan tình báo. Tôi nghe nói chính GPU(16) đứng đằng sau vụ bắt bớ quy mô lớn và thanh trừng các phần tử chống chính phủ hồi năm ngoái.

Cả hai viên sĩ quan mặc đồng phục mới tinh tươm. Râu ria nhẵn nhụi. Tay người

Nga mặc áo khoác dày có thắt lưng. Đôi ủng của y bóng lộn không có một hạt bụi. Y gầy gò, không cao lắm so với người Nga, trạc từ ba mươi đến ba mươi lăm tuổi. Trán rộng, mũi hẹp, nước da hồng tai tái, mang kính gọng kim loại. Nhìn chung, đây là một khuôn mặt không gây ấn tượng gì đặc biệt. Đứng cạnh y, viên sĩ quan người Mông Cổ lùn tịt, đậm chắc, đen đúa trông cứ như con gấu con. Gã Mông Cổ gọi viên hạ sĩ quan ra một bên, ba người bàn bạc một hồi. Tôi đoán rằng các viên sĩ quan đang yêu cầu báo cáo chi tiết. Viên hạ sĩ quan đưa cho những người kia cái túi to những vật đã tịch thu của chúng tôi. Gã người Nga xem xét từng món một rất cẩn thận rồi lại

cho tất cả vào túi. Y nói gì đó với gã Mông Cổ, gã này lại nói điều gì đó với viên hạ sĩ quan. Rồi gã người Nga lấy trong túi áo ngực ra một gói thuốc lá, mở ra mời hai người kia. Cả ba vừa hút thuốc vừa tiếp tục trò chuyện. Trong khi nói, mấy lần tay người Nga dấm nắm tay phải vào lòng bàn tay trái. Y có vẻ giận dữ. Viên sĩ quan Mông Cổ khoanh tay, vẻ mặt u ám, viên hạ sĩ quan thì thỉnh thoảng lại lắc đầu.

Cuối cùng, viên sĩ quan Nga thông thả đi lại chỗ chúng tôi đang nằm trên mặt đất.

- Có muốn hút thuốc không? — y hỏi bằng tiếng Nga. Như tôi đã nói, thời sinh viên tôi từng học tiếng Nga và có thể nghe hiểu khá tốt, nhưng để tránh rắc rối tôi

giả vờ không hiểu gì.

- Cảm ơn, không cần, - Yamamoto nói bằng tiếng Nga. Y cừ thật.

- Tốt lắm, - viên sĩ quan Xô Viết nói, - Nếu ta nói chuyện bằng tiếng Nga thì đỡ mất thời gian hơn.

Y tháo găng tay đút vào túi áo khoác. Một chiếc nhẫn nhỏ bằng vàng ánh lên trên bàn tay trái y.

- Chắc chúng mày biết rõ, chúng tao đang tìm một thứ. Tìm đồ mất ra. Và chúng tao biết cái thứ đó nằm trong tay chúng mày. Đừng hỏi vì sao chúng tao biết; chúng tao biết, có thể thôi. Nhưng hiện giờ nó không ở chỗ chúng mày. Nghĩa là, nếu suy luận lôgic, chúng mày hẳn đã giấu nó ở đâu đó trước khi bị bắt.

Chúng mày chưa kịp chuyển nó sang bên kia, - y chỉ về phía sông Khalkha. – Chưa một ai trong chúng mày vượt được sông. Vậy là bức thư phải còn nằm ở bên này, giấu ở đâu đó. Tao nói này giờ chúng mày có hiểu không?

Yamamoto gật đầu.

- Tôi hiểu, - y nói. – Nhưng chúng tôi chẳng biết thư từ nào hết.

- Tốt lắm, - tay người Nga nói, nét mặt vô cảm. – Trong trường hợp đó tao có một câu hỏi nhỏ cho chúng mày. Lũ chúng mày làm gì ở đây? Chúng mày biết đây là lãnh thổ Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ kia mà. Chúng mày đột nhập vào lãnh thổ của người khác là nhằm mục đích gì? Mày trình bày lý do tao nghe xem.

- Chúng tôi vẽ bản đồ, - Yamamoto giải thích. – Tôi là thường dân làm việc cho một công ty bản đồ, còn anh này và người vừa bị đám lính kia giết thap từng để bảo vệ tôi. Chúng tôi cũng biết bên kia sông là lãnh thổ của các ông. Chúng tôi lấy làm tiếc đã vượt qua biên giới, nhưng thật sự chúng tôi không nghĩ mình đang xâm phạm lãnh thổ. Chúng tôi chỉ muốn quan sát địa hình từ điểm cao bên này bờ sông thôi.

Viên sĩ quan bấu môi lên thành nụ cười, như thể điều y vừa nghe hoàn toàn không đáng cười.

- Chúng tôi rất tiếc? – y dài giọng. - Ừ, dĩ nhiên. Chúng mày chỉ muốn quan sát địa hình từ chỗ cao. Ừ, dĩ nhiên. Từ trên

cao thì bao giờ tâm nhìn cũng tốt hơn.
Nghe hợp lý lắm.

Y không nói gì một hồi, chỉ nhìn chăm
chăm lên những đám mây trên trời. Đoạn
y lại chuyển cái nhìn sang Yamamoto,
chậm chậm lắc đầu và thở dài.

- Giá như tao có thể tin lời mày nhỉ!
Được vậy thì tốt quá, tốt cho cả chúng
tao lẫn chúng mày! Giá như tao có thể vờ
vai mày mà nói: “Phải, phải, tôi hiểu,
giờ thì anh băng qua sông mà về đi, lần
sau thì phải cẩn thận nhé”. Tao muốn làm
vậy lắm, thực đấy. Nhưng đáng tiếc là
tao không thể. Bởi tao biết chúng mày là
ai. Và tao biết chúng mày làm gì ở đây.
Chúng tao cũng có bạn bè ở Ulan Bator
vậy.

Y rút găng tay ra khỏi túi, gấp lại, rồi lại cho vào túi.

- Nói thật, hành hạ hay giết chúng mày thì cá nhân tao chẳng lợi lộc gì. Nếu chúng mày đưa thư cho tao, tao cũng sẽ chẳng có gì dính dáng tới chúng mày nữa.

Chúng mày sẽ được thả ra khỏi đây ngay lập tức theo lệnh tao. Chúng mày có thể vượt sông mà về. Tao hứa với chúng mày như vậy, lời hứa danh dự đấy. Còn sau đó chuyện gì xảy ra là việc nội bộ của chúng tao. Chẳng liên quan gì tới chúng mày.

Ánh mặt trời ở phía Đông rớt cuộc cũng bắt đầu sưởi ấm làn da tôi. Không có gió, vài đám mây trắng lửng lơ trên bầu trời.

Im lặng kéo dài. Không ai nói một lời. Viên sĩ quan người Nga, viên sĩ quan Mông Cổ, đám lính tuần, Yamamoto: tất cả im lặng. Dường như ngay từ lúc bị bắt Yamamoto đã sẵn sàng chết; gương mặt y hoàn toàn không biểu lộ cảm xúc gì.

- Nếu không thì chúng mày... cả hai... gần như chắc chắn... sẽ chết ở đây, - viên sĩ quan người Nga chậm rãi nói tiếp, từng tiếng một, như đang nói với trẻ con. – Và đó sẽ là một cái chết khủng khiếp. Bọn kia... - Đến đây viên sĩ quan người Nga liếc về phía đoàn lính Mông Cổ. Gã to lớn cầm súng máy nhìn tôi cười nhả nhổ phô hàm răng vàng khè. – Chúng thích giết người, bằng những cách đòi hỏi phải hết sức công phu và giàu

tưởng tượng. Phải nói chúng là bậc thầy trong lĩnh vực này. Ngay từ thời Thành Cát Tư Hãn, người Mông Cổ đã thích bày ra những cách giết người đặc biệt tàn bạo. Gì chứ chuyện đó thì người Nga chúng tao thấm thía lắm. Chúng tao được học chuyện đó từ khi học phổ thông, môn sử ấy mà. Người ta dạy cho chúng tao biết người Mông Cổ đã làm gì khi xâm lăng nước Nga. Họ đã giết hàng triệu người. Chẳng vì có gì hết. Họ bắt hàng trăm quý tộc Nga ở Kiev rồi giết tất cả cùng một lúc. Chúng mày có biết bằng cách nào không? Họ cưa những tấm ván thật to, thật nặng, cho đám người Nga nằm dưới các tấm ván đó, rồi thì họ bày tiệc bên trên các tấm ván đó. Những người Nga chết chệt dưới cái sức nặng

kia. Người bình thường ai mà nghĩ ra được trò như vậy, phải không nào? Mất bao nhiêu thời gian, bao nhiêu là công sức chuẩn bị! Có ai trên đời này đi cất công làm chuyện đó chứ? Thế mà họ làm đấy. Sao lại làm? Bởi đây là một thứ trò vui của họ mà. Đến cả bây giờ họ vẫn làm những việc như thế. Tao có lần tận mắt thấy họ làm thế. Tao cứ nghĩ đời mình đã chứng kiến lắm chuyện khủng khiếp rồi, nhưng tối hôm đó, chúng mày hình dung được không, tao ăn mất ngon. Tao nói chúng mày có hiểu không? Tao nói có nhanh quá không?

Yamamoto lắc đầu.

- Tốt lắm, - tay người Nga nói. Y ngừng nói, hắng giọng. – Dĩ nhiên, đây sẽ là lần

thứ hai. Có lẽ đến bữa tối thì tao sẽ lại ăn ngon. Tuy nhiên, tao vẫn muốn không phải giết người nếu không cần thiết.

Hai tay chấp sau lưng, y nhìn trời một hồi. Đoạn y rút găng tay ra và liếc về phía máy bay.

- Thời tiết thật đẹp, - y nói. – Mùa xuân. Vẫn còn se lạnh, nhưng vậy là tốt. Nóng hơn một chút là sẽ có muỗi. Muỗi thì kinh khủng. Phải, mùa xuân tốt hơn mùa hè nhiều.

Y lại rút gói thuốc ra, cho một điếu lên miệng, quẹt diêm châm lửa. Chầm chậm, y hít khói vào phổi rồi phả ra.

- Tao hỏi lần nữa: có phải chúng mày vẫn khẳng khẳng mình không biết về lá thư không?

Yamamoto chỉ nói một tiếng: “Phải”.

- Tốt, - tay người Nga nói. – Tốt lắm. –
Đoạn y nói gì đó bằng tiếng Mông Cổ
với viên sĩ quan Mông Cổ. Người này
gật đầu rồi quát lệnh gì đó với đám lính.
Họ liền mang đến mấy súc gỗ thô, lấy
lưỡi lê vạt nhọn thành bốn cây cọc. Họ
dùng bước chân đo khoảng cách rồi cắm
bốn cây cọc xuống đất, lèn đá cho chắc,
sao cho bốn cây cọc làm thành bốn góc
của một hình vuông. Toàn bộ công việc
chuẩn bị này mất khoảng hai mươi phút
là xong, nhưng tôi không biết để làm gì.
Viên sĩ quan người Nga nói:

- Với bọn họ, giết người là một cách
ngon lành cũng như ăn một bữa ngon vậy.
Chuẩn bị càng lâu, khoái cảm càng tăng.

Chứ đơn giản là giết thì dễ quá: đom một phát là xong. Nhưng ở đây thì không đâu, - tới đây y đưa đầu ngón tay thông thả xoa cái cằm nhẵn thín, - thú vị lắm.

Đám lính cười trói Yamamoto rồi dẫn y đến chỗ cấm cọc. Ở đó chúng buộc tay chân Yamamoto vào bốn cây cọc. Y nằm ngửa, giang chân tay ra bốn phía, trên cơ thể trần trụi của y có mấy vết thương còn mới.

- Mà y biết đó, - người Mông Cổ chuyên chần cừu, - viên sĩ quan Nga nói. – Dân chần cừu có nhiều cách để tận dụng lông cừu: ăn thịt, xén lông, lột da. Với họ, cừu là con vật lý tưởng. Suốt ngày họ ở bên lông cừu, cả đời họ sống với cừu. Họ biết lột da chúng cực kỳ khéo léo. Da cừu họ

dùng làm lều và quần áo. Mà đã bao giờ thấy họ lột da cừu chưa?

- Cứ giết quách tôi đi cho xong, - Yamamoto nói.

Tay người Nga chạm hai bàn tay vào nhau, vừa chậm chậm xát tay vừa gật đầu với Yamamoto.

- Đừng lo. Nhất định là chúng tao sẽ giết chúng mày. Bảo đảm với mày thế. Sẽ mất chút thời gian đấy, nhưng mày sẽ chết.

Chuyện ấy thì mày khỏi lo. Chúng ta vội gì nào. Ở đây toàn là thảo nguyên vô tận, nhìn mỗi mắt cũng có thấy gì đâu. Chỉ có thời gian. Thời gian thì ta có khối. Tao còn nhiều chuyện muốn nói với mày mà. Giờ ta nói về quy trình lột da nhé: mỗi nhóm Mông Cổ đều có ít nhất một chuyên

gia, một bậc thầy am hiểu tường tận từng li từng tí về việc lột da, một người có kỹ năng lột da tốt cùng điều luyện. Tài nghệ lột da của anh ta là cả một nghệ thuật. Chỉ nháy mắt là anh ta lột da xong rồi, cực nhanh, cực khéo, đến nỗi thậm chí ta cứ tưởng cái sinh vật đang bị lột da sống kia không biết mình đang bị lột da nữa kia. Nhưng dĩ nhiên, - y lại rút gói thuốc là trong ngực áo ra, chuyển sang tay trái rồi búng búng bằng mấy ngón tay phải, - bị lột da thế kia thì làm sao không nhận ra được. Kẻ bị lột da sống sẽ phải đau đớn khủng khiếp. Đau không tưởng tượng được. Nhưng đau thế kia mà vẫn chưa chết. Rốt cuộc thì cũng chết vì chảy hết máu, nhưng tới khi đó thì còn lâu, lâu lắm.

Y búng ngón tay. Viên sĩ quan Mông Cổ bước lên. Y rút trong túi áo khoác ra một con dao có vỏ bọc, hình thù giống như con dao mà tên lính kia đã cầm làm động tác cắt cổ. Y rút dao ra khỏi vỏ rồi giơ cao lên. Trong ánh nắng buổi sáng, lưỡi dao lóe lên ánh trắng đùng đục.

- Gã này là một trong các chuyên gia tao vừa kể, - viên sĩ quan Nga nói. – Nhìn con dao xem. Nhìn kỹ vào. Dao này đặc biệt lắm, chuyên dùng để lột da, được chế tác tuyệt hảo! Lưỡi mỏng tang mà sắc như dao cạo. Kỹ thuật của các chuyên gia này thì cao vô cùng. Họ đã lột da thú vật từ hàng ngàn năm nay rồi, còn phải nói. Họ lột da người cũng như mày lột vỏ quả lê vậy. Thật đẹp, thật khéo, không có lấy

một vết xước! Mà này, tao nói có nhanh quá không?

Yamamoto không nói gì.

- Họ lột từng mảng nhỏ một, - viên sĩ quan Nga nói. – Phải làm chậm thì lột mới sạch, không bị trầy xước. Nếu giữa chừng chúng mày muốn nói gì thì cho tao biết. Chừng đó mày sẽ không chết.

Người của tao ở đây làm chuyện này mấy lần rồi, chưa ma nào chịu đến cùng được đâu, tuôn ra hết. Cứ nhớ kỹ thế. Dừng lại càng sớm thì càng tốt cho cả hai ta.

Tay cầm dao, viên sĩ quan Mông Cổ trông như con gấu nhìn Yamamoto mà nhe răng cười. Tận bây giờ tôi vẫn nhớ cái nụ cười đó. Nằm mơ cũng thấy. Chưa bao giờ tôi quên được cái cười đó. Cười

xong, hắn bắt tay vào việc ngay. Đám lính giữ chặt hai bàn tay và đầu gối Yamamoto trong khi hắn bắt đầu hết sức cẩn thận lột da Yamamoto. Đúng là giống gọt vỏ quả lê thật. Tôi không nhìn nổi. Tôi nhắm mắt lại. Tôi vừa nhắm mắt lại thì một tên lính quật báng súng vào tôi. Hắn quật mãi kỳ đến khi tôi mở mắt mới thôi. Nhưng nhắm mắt hay mở mắt thì cũng thế: đằng nào tôi cũng nghe giọng của Yamamoto. Ban đầu y cố chịu đau không kêu. Nhưng chẳng mấy chốc y bắt đầu gào thét. Tôi chưa bao giờ nghe cái tiếng gào thét đó, nó như không thuộc về thế giới này. Gã kia rạch một đường xẻ đôi vai phải của Yamamoto rồi bắt đầu lột da cánh tay phải từ trên xuống dưới, một cách từ từ, cẩn trọng, gần như

là âu yếm. Đúng như gã người Nga nói, kỹ năng của y là cả một nghệ thuật. Nếu không có tiếng gào thét thì ta có thể tưởng tượng như hoàn toàn không đau gì cả. Nhưng tiếng gào thét kia cho ta biết, đi kèm theo công trình nghệ thuật ấy là một cái đau khủng khiếp.

Chẳng mấy chốc toàn bộ da cánh tay phải của Yamamoto đã bị lột ra thành một miếng mỏng duy nhất. Gã lột da đưa miếng da cho người đứng cạnh, gã này đỡ lấy bằng mấy đầu ngón tay, căng rộng chia ra cho những người khác xem. Máu vẫn đang nhỏ giọt từ miếng da xuống. Đoạn viên sĩ quan quay qua tay trái của Yamamoto, lặp lại quy trình. Sau đó y lột da hai chân, cắt dương vật và tinh

hoàn, rồi cắt tai. Kề đó hấn lột da đầu, mặt và mọi chỗ khác. Yamamoto bất tỉnh, hồi tỉnh, rồi lại bất tỉnh. Mỗi khi y ngất đi, tiếng gào thét ngưng, khi y tỉnh thì tiếng gào thét lại tiếp tục. Nhưng giọng y yếu dần, cuối cùng tắt hẳn. Suốt thời gian đó, viên sĩ quan Nga lấy gót giày vẽ vẽ những hình vô nghĩa trên cát. Đám lính Mông Cổ im lặng quan sát cảnh lột da. Mặt bọn họ vô cảm, không kinh tởm, không hào hứng, không khiếp hãi. Họ quan sát Yamamoto bị lột từng mảng da với vẻ mặt như khi ta đang tản bộ thì dừng lại ngắm một công trình xây dựng vậy.

Suốt thời gian đó tôi toàn nôn mửa. Nôn thốc nôn tháo. Ngay cả khi tưởng chừng

không còn gì để nôn ra nữa, tôi vẫn cứ nôn mãi. Cuối cùng, viên sĩ quan Mông Cổ giống con gấu giơ lên cao tám da thân của Yamamoto mà hấn vừa lột tuyệt khéo. Thậm chí hai núm vú còn y nguyên. Cho đến giờ tôi vẫn không nhìn thấy một cái gì ghê rợn đến vậy. Ai đó nhận miếng da từ tay hấn rồi trải ra cho khô như ta phơi ga trải giường. Còn lại trên mặt đất kia là cái xác của Yamamoto, một đồng thịt máu me đỏ lôm, không còn một tí da nào. Khủng khiếp nhất là khuôn mặt. Từ trong vũng thịt đỏ thon thót thòi ra hai nhãn cầu to tướng trắng ớn. Miệng há hoác phô hết răng như đang thét lên. Ở chỗ vốn là cái mũi nay là hai cái lỗ nhỏ. Mặt đất chung quanh là cả một biển máu.

Viên sĩ quan Nga nhô xuống đất rồi nhìn tôi. Rồi hắn rút cái khăn mùi soa ra khỏi túi mà lau mồm.

- Thằng này thật sự không biết gì phải không? – hắn vừa nói vừa đút mùi xoa vào túi. Giọng hắn bây giờ nghe khô khan hơn lúc nãy. – Nếu biết thì nó đã nói rồi. Cũng tội. Dù gì thì nó cũng là một tay chuyên nghiệp. Đằng nào nó cũng sẽ chết đau đớn thôi, không sớm thì muộn. Chả làm sao được. Mà nếu nó đã không biết gì thì làm sao mày lại biết cái gì.

Hắn cho một điều thuốc lên miệng rồi quẹt diêm.

- Nghĩa là chúng tao không cần mày nữa. Tra tấn mày để moi thông tin thì bằng

thừa. Để cho sống làm tù binh cũng vô ích. Chúng tao muốn dứt điểm vụ này một cách tuyệt đối bí mật. Nếu đưa mày về Ulan Bator, chúng tao có thể sẽ gặp rắc rối. Dĩ nhiên, cách tốt nhất là cho một viên đạn vào đầu mày ngay bây giờ, ngay tại đây, rồi chôn hoặc thiêu xác mày và ném tro xuống sông Khalkha. Giải quyết vậy là đơn giản nhất. Mày đồng ý không? – Chắc mày không hiểu tiếng Nga thật. Nói với mày chỉ tổ phí thời gian. Thôi được rồi. Coi như tao nói cho tao vậy. Nghe đây nhé. Tao có tin vui cho mày đây. Tao đã quyết định không giết mày. Coi như đây là tao bày tỏ chút ân hận vì đã giết thẳng bạn mày một cách vô ích. Sáng nay, chúng tao giết vừa rồi. Mỗi ngày một mạng là đủ. Cho nên tao sẽ

không giết mày. Thay vào đó tao sẽ cho mày một cơ hội sống. Nếu gặp may có khi mày sẽ sống không chừng. Dĩ nhiên cơ hội không nhiều đâu. Phải nói là hầu như không có. Nhưng cơ hội vẫn là cơ hội. Ít nhất cũng còn tốt hơn nhiều so với bị lột da sống. Đồng ý chứ?

Hắn giơ tay lên gọi tay sĩ quan Mông Cổ. Gã này vừa hết sức cẩn thận rửa dao bằng nước trong bidông và liếc cho sắc bằng đá mài. Đám lính đã trải các tấm da của Yamamoto ra rồi đứng bên cạnh mà thảo luận gì đó. Hình như họ đang trao đổi ý kiến về những điểm tinh tế của kỹ thuật lột da. Gã sĩ quan Mông Cổ rút dao vào vỏ rồi cho vào túi áo khoác, sau đó mới lại gần chúng tôi. Hắn nhìn vào mặt

tôi một thoáng rồi quay sang viên sĩ quan Nga. Người này nói với hắn mấy câu bằng tiếng Mông Cổ, hắn gật đầu, vẻ vô cảm. Một tên lính mang lại hai con ngựa cho họ.

- Chúng tao sẽ quay về Ulan Bator ngay bây giờ, - viên sĩ quan Nga bảo tôi. – Tao ghét phải về tay không, nhưng đành chịu, làm thế nào được. Có lúc được thì cũng có lúc mất. Tao hy vọng tới bữa tối thì sẽ ăn ngon miệng, nhưng cũng chưa chắc.

Họ leo lên ngựa đi. Máy bay cất cánh, trở thành một tấm bạc trên bầu trời phía Tây rồi biến mất hẳn, để lại một mình tôi với đám lính Mông Cổ và bảy ngựa.

Đám lính đặt tôi lên một con ngựa, trói

chặt tôi vào yên. Sau đó tất cả dàn thành đội hình đi về phía Bắc. Gã lính đi ngay phía trước tôi hát mãi một giai điệu đều đều bằng giọng khê gần như không ai nghe được. Ngoài ra, không còn âm thanh nào khác ngoài tiếng móng ngựa khô khốc gõ lên mặt cát. Tôi không biết họ dẫn tôi đi đâu hay sẽ làm gì tôi. Tôi chỉ biết mỗi một điều: với họ tôi là một sinh vật thừa, hoàn toàn vô giá trị.

Những lời của viên sĩ quan Nga cứ vang vang trong đầu tôi. Hắn đã nói sẽ không giết tôi. Hắn sẽ không giết tôi, nhưng cơ hội cho tôi sống thì hầu như không có. Thế nghĩa là thế nào? Mơ hồ quá, tôi không thể nào hiểu cụ thể được. Có lẽ chúng sẽ dùng tôi trong một kiểu trò chơi ghê rợn nào đó. Chúng sẽ không dễ dàng

thả tôi ra đâu, chúng còn phải vui thú với trò chơi kinh khủng của chúng trước đã.

Nhưng ít ra thì chúng đã không giết tôi. Ít nhất chúng đã không lột da sống tôi như đã làm với Yamamoto. Cũng có thể cuối cùng tôi vẫn sẽ không thoát chết, nhưng ít nhất là không chết như thế. Tạm thời tôi vẫn còn sống; tôi vẫn còn hít thở. Và nếu những gì viên sĩ quan Nga nói là đúng thì tôi sẽ không bị giết ngay. Thời gian giữa tôi bây giờ và cái chết càng nhiều, tôi càng có nhiều cơ hội sống. Cơ hội đó có thể vô cùng nhỏ nhoi, nhưng tôi chỉ còn cách bám lấy nó.

Thế rồi, hoàn toàn đột ngột, lời của hạ sĩ Honda lại lóe lên trong đầu tôi: lời tiên báo kỳ lạ của anh ta rằng tôi sẽ không

chết ở đại lục. Dầu tôi đang ngồi đây, bị trói chặt vào yên ngựa, tấm lưng trần của tôi bị mặt trời sa mạc thiêu đốt, tôi vẫn ôn đi ôn lại từng chữ anh ta nói. Tôi miên man nhớ lại vẻ mặt anh ta, ngữ điệu của anh ta, âm thanh từng chữ của anh ta. Và tôi quyết định phải tin lời anh ta, tin tận đáy lòng tôi. Không, không. Tôi sẽ không nằm xuống mà chết ở một nơi như thế này! Tôi sẽ sống mà thoát khỏi nơi này?! Tôi sẽ còn sống để đặt chân lên mảnh đất quê hương lần nữa!

Chúng tôi đi về phía Bắc trong khoảng hai tiếng đồng hồ hay hơn, cuối cùng dừng lại gần một cái gò bằng đá do các tu sĩ Phật giáo Tây Tạng xây nên. Các gò đá này, gọi là oboo, vừa là thần hộ mệnh

cho khách lữ hành vừa là một dấu hiệu chỉ đường quý báu trong sa mạc. Ở đây đám lính xuống ngựa và cỡi trói cho tôi. Hai người xốc hai bên nách dẫn tôi ra một quãng vắng. Ra là tôi sẽ bị giết ở chỗ này đây. Có một cái giếng đào xuống đất. Bao quanh miệng giếng là một bức tường đá cao khoảng một mét. Họ buộc tôi quỳ bên giếng, túm cổ tôi từ đằng sau bắt tôi nhìn xuống giếng. Tôi không thấy gì trong bóng tối dày đặc. Viên hạ sĩ quan đi ủng tìm đâu ra một hòn đá to cỡ nắm tay, thả xuống giếng. Lát sau hòn đá chạm mặt cát vang lên một tiếng khô khốc. Vậy là chắc giếng này cạn. Đã có thời nó là giếng nước trong sa mạc, nhưng hẳn đã bị cạn khô từ lâu vì mạch nước ngầm dưới đất dịch chuyển. Xét

theo khoảng thời gian mà hòn đá phải rơi
để xuống tận đáy thì giếng khá sâu.

Viên hạ sĩ quan nhìn tôi nhe răng cười.
Rồi hắn rút một khẩu súng lục tự động to
tướng ra khỏi bao da nơi thắt lưng. Hắn
mở chốt an toàn rồi nạp một viên đạn
vào buồng đạn kêu đánh cách một tiếng
lớn. Đoạn hắn chĩa nòng súng vào đầu
tôi.

Hắn giữ nguyên vậy một hồi lâu nhưng
không bóp cò. Đoạn hắn từ từ hạ súng
xuống và giơ tay trái chỉ về phía cái
giếng. Liếm đôi môi khô nẻ, tôi nhìn trân
trân vào khẩu súng trong tay hắn. Điều
hắn muốn bảo tôi là thế này: tôi có quyền
lựa chọn một trong hai số phận. Hoặc tôi
để hắn bắn tôi chết ngay bây giờ - chết là

hết. Hoặc tôi có thể nhảy xuống giếng. Vì giếng rất sâu nên nếu không gặp may khi tiếp đất, tôi có thể sẽ chết. Bằng không, tôi sẽ chết từ từ dưới đáy cái lỗ đen ngòm này. Rốt cuộc tôi cũng hiểu ra đây chính là cái cơ hội mà viên sĩ quan Nga đã nói. Viên hạ sĩ quan chỉ vào chiếc đồng hồ tước của Yamamoto đếm đến ba, tôi bước lên thành giếng rồi nhảy xuống. Tôi không có cách nào khác. Tôi đã mong có thể bám theo thành giếng mà tụt xuống, nhưng hẳn không cho tôi có thì giờ làm việc đó. Hai bàn tay tôi trượt khỏi thành giếng, tôi lao thẳng xuống. Dường như phải rất lâu tôi mới chạm tới đáy. Thực ra thì chắc hẳn không quá mấy giây, nhưng trong khoảng thời gian rơi

xuống đó tôi đã kịp nhớ lại rất nhiều thứ. Tôi nghĩ về thị trấn quê nhà sao mà xa quá đỗi. Tôi nghĩ về người con gái tôi đã ngủ cùng chỉ một lần duy nhất trước khi xuống tàu ra đi. Tôi nghĩ về bố mẹ tôi. Tôi nhớ mình đã cảm ơn trời đã cho tôi một đứa em gái chứ không phải em trai: nhờ vậy thì dù tôi chết bố mẹ tôi vẫn còn có nó và không phải lo rằng đến lượt nó phải đi lính. Tôi nhớ những chiếc bánh bột gạo gói trong lá sồi. Thế rồi tôi đâm sầm xuống mặt đất khô cứng và bất tỉnh một lát. Dường như toàn bộ không khí bên trong tôi đã phụt cả ra ngoài qua lớp vỏ thân thể tôi. Tôi đã rơi phịch xuống đáy giếng như cái bao cát.

Hắn tôi đã ngất đi chỉ một thoáng vì cú

ngã. Khi tỉnh dậy, tôi cảm thấy có dòng nước nào đó đang rưới lên mình. Ban đầu tôi ngỡ là mưa, nhưng tôi nhầm. Đó là nước tiểu. Đám lính Mông Cổ đang đái lên tôi trong khi tôi nằm dưới đáy giếng. Tôi nhìn lên thấy bóng dáng lơ mờ của họ xa mãi trên kia, từng người một đến bên miệng giếng tròn để đái. Quang cảnh đó có gì đó phi thực một cách khủng khiếp, như một cơn ảo giác vì ma túy vậy. Nhưng đó là thực tại. Quả thực tôi đang ở dưới đáy giếng, và người ta đang đái lên tôi bằng nước đái thật. Sau khi cả bọn đã đái xong, một người rọi đèn pin lên tôi. Tôi nghe họ cười rộ. Rồi họ biến mất khỏi mép giếng. Sau đó, mọi sự chìm vào im lặng thăm thẳm.

Tôi nghĩ tốt nhất là nằm sấp một lát, chờ xem họ có quay lại không. Nhưng hai mươi phút trôi qua, rồi ba mươi phút (tôi chỉ đoán vậy vì không có đồng hồ), họ vẫn không quay lại. Dường như họ đã đi, bỏ tôi ở đây. Tôi đã bị bỏ lại ở dưới đáy một cái giếng giữa sa mạc. Khi đã chắc là đám lính không quay lại nữa, tôi quyết định kiểm tra xem mình có bị thương không. Làm việc đó trong bóng tối thật không dễ. Tôi không nhìn thấy chính cơ thể mình. Tôi không thể dùng mắt để xác định xem cơ thể mình có ổn không. Tôi chỉ có thể dùng tay sờ, nhưng không dám chắc những cảm nhận của mình trong bóng tối là chính xác. Tôi cảm thấy mình đang bị dối gạt, bị đánh lừa. Đó là một

cảm giác thật kỳ lạ.

Tuy vậy, từng tí một, và bằng cách hết sức chú ý tới từng chi tiết, tôi bắt đầu nhận thức được hoàn cảnh của mình. Điều đầu tiên tôi nhận thấy là tôi đã hết sức gặp may. Đáy giếng tương đối mềm, toàn cát. Nếu không thì khi rơi xuống từ trên cao đến thế chắc tôi đã gãy hết xương. Tôi hít một hơi dài, sâu rồi cố cử động. Trước hết tôi thử cử động các ngón tay. Ngón tay động dậy được, dù yếu ớt. Sau đó tôi thử ngồi dậy, nhưng không được. Cơ thể tôi như đã mất hết cảm giác. Ý thức vẫn còn, nhưng có cái gì đó không ổn trong sự liên lạc giữa ý thức với cơ thể. Tâm trí tôi quyết định làm cái gì đó, nhưng không truyền tải

được ý nghĩ đó đến hoạt động các cơ. Tôi đành chịu thua, chỉ nằm im một lát trong bóng tối.

Tôi đã nằm như thế trong bao lâu, tôi không biết. Nhưng rồi, dần dần, cảm giác bắt đầu trở lại. Và cùng với sự phục hồi là – cũng tự nhiên thôi – cái đau xuất hiện. Đau ghê gớm. Chắc tôi gãy chân mất rồi. Và tôi hẳn đã bị trật khớp, có khi còn gãy không chừng.

Tôi nằm đó ráng chịu đau. Không biết tự lúc nào nước mắt tuôn ràn rụa xuống hai má tôi – khóc vì đau, nhưng còn hơn cả đau là khóc vì tuyệt vọng. Chắc ông sẽ không bao giờ hiểu nổi cảm giác ấy đâu – nỗi cô đơn tột cùng, nỗi tuyệt vọng cùng cực khi bị bỏ mặc trong một cái

giếng sâu giữa sa mạc ở bên rìa thế giới, người đau như dần trong bóng tối như mực. Thậm chí tôi hồi tiếc phải chi tên hạ sĩ quan Mông Cổ bắn quách tôi cho rồi thì có hay hơn không. Nếu tôi bị giết bằng cách đó thì chí ít bọn họ cũng biết về cái chết của tôi. Chứ nếu tôi chết ở đây, đó sẽ là một cái chết thực sự cô độc, một cái chết chẳng ai buồn quan tâm, một cái chết câm lặng.

Thi thoảng tôi nghe tiếng gió. Mỗi khi lùa qua mặt đất, gió lại gây ra một âm thanh kỳ lạ nơi miệng giếng, âm thanh như một người đàn bà than khóc ở một thế giới xa xôi nào. Thế giới đó và thế giới này nối với nhau bằng một đường thông hẹp qua đó giọng của người đàn bà

vọng đến tôi, dù chỉ từng chớp cách
quãng không đều. Tôi đã bị bỏ mặc một
mình trong im lặng sâu thẳm và trong
bóng tối còn thẳm thẳm hơn thế.

Cổ nén đau, tôi vươn tay sờ nền đất
quanh mình. Đáy giếng phẳng, không
rộng lắm, đường kính khoảng từ mét rưỡi
tới mét bảy. Trong khi sờ soạng mặt đất,
tay tôi bỗng chạm phải một vật cứng,
sắc. Tôi sợ hãi rút tay về, nhưng rồi lại
chậm chậm, cẩn thận chìa tay về phía vật
đó. Các ngón tay tôi lại tiếp xúc với cái
vật sắc đó. Ban đầu tôi nghĩ đó là một
cành cây, nhưng chẳng mấy chốc tôi nhận
ra mình đang chạm phải xương. Không
phải xương người mà là xương của một
con vật nhỏ. Xương vung vãi tứ tung, có

thể vài lâu ngày, cũng có thể vì cú ngã của tôi. Chẳng còn gì khác dưới đáy giếng nữa, chỉ toàn cát, mịn và khô. Kế đó tôi miết lòng bàn tay lên vách giếng. Dường như vách được làm bằng những viên đá mỏng, nhẵn. Bề mặt sa mạc vào ban này nóng như thiêu, nhưng cái nóng đó không xuyên thấu nổi đến thế giới dưới lòng đất này. Các viên đá lạnh toát như băng. Tôi lại sờ soạn lên vách giếng để kiểm tra khoảng hở giữa các viên đá. Nếu đủ chỗ tì chân thì tôi sẽ có thể leo lên được. Nhưng khoảng hở giữa các viên đá quá hẹp không thể tì chân được, đã vậy cái thân tôi bầm dập thế này thì leo lên là chuyện hầu như không tưởng.

Cổ hết sức bình sinh, tôi lệch về phía vách giếng, gương dậy ngồi tựa vào vách. Mỗi cử động lại khiến chân và vai tôi đau thon thót như bị châm hàng trăm mũi kim dày. Sau đó thì từng hơi thở đều khiến tôi có cảm giác toàn thân tôi sắp rời ra từng mảnh. Tôi sờ vai thì thấy nó nóng hầm hập, sưng tấy lên.

* * *

Bao nhiêu thời gian trôi qua như vậy, tôi không biết. Nhưng rồi, đến một lúc, xảy ra một điều mà tôi không thể tưởng tượng nổi. Ánh nắng mặt trời rơi xuống qua miệng giếng như một thứ mặc khải. Trong khoảnh khắc đó, tôi thấy rõ mọi vật quanh mình. Giếng ngập trong ánh sáng rực rỡ. Cả một dòng thác ánh sáng.

Cái chói chang đó hầu như làm tôi nghẹt thở. Bóng tối và cái lạnh bị quét sạch trong một khoảnh khắc, ánh mặt trời ấm áp, dịu dàng bao bọc tâm thân trần trụi của tôi. Ngay cả cái đau của tôi dường như cũng được ban phúc trong ánh sáng của mặt trời, cái ánh sáng giờ đây đang rọi chiếu lên mớ xương trắng của con vật nhỏ bên cạnh tôi. Năm xương đó vốn lẽ ra đã là điềm gở cho cái chết mười mười của tôi, nhưng trong ánh nắng mặt trời dường như nó lại là một người bạn thân thiết đồng cam cộng khổ. Tôi thấy rõ những tảng đá xây vách giếng bao quanh tôi. Chừng nào còn ở trong ánh sáng, tôi có thể quên hết nỗi sợ, cái đau, cơn tuyệt vọng. Sững sờ, tôi ngồi ngây ra trong ánh sáng chói lòa. Thế rồi ánh sáng biến mất

cũng đột ngột như khi nó đến. Bóng tối dày đặc lại trùm lên mọi vật. Khoảnh khắc vừa rồi hết sức ngắn ngủi. Nếu nói theo đồng hồ, nó kéo dài khoảng mười giây, cùng lắm là mười lăm giây. Rõ ràng là do góc độ nên ánh sáng mặt trời chỉ có thể rơi thẳng vào đáy giếng trong gần ấy thời gian, chỉ một lần duy nhất mỗi ngày. Dòng ánh sáng đã ra đi trước khi tôi kịp hiểu ra ý nghĩa của nó.

Sau khi ánh sáng đã tàn, tôi lại chìm trong bóng tối còn dày đặc hơn trước. Tôi gần như không cử động được. Tôi không có nước, không có thức ăn, không một mảnh vải che thân. Buổi chiều dài dằng dặc trôi qua, rồi đêm đến, nhiệt độ tụt xuống thấp nhất. Tôi gần như không

ngủ được. Cơ thể tôi thêm được ngủ, nhưng cái lạnh chọc vào da tôi như hàng ngàn cái gai nhỏ xíu. Tôi cảm thấy như phần cốt tủy của sinh mệnh tôi đang cứng lại, đang chết dần. Trên đầu, tôi thấy những vì sao lạnh giá trên bầu trời. Sao nhiều đến hải hùng. Tôi nhắm nhìn chúng, quan sát chúng di động chậm chậm. Chuyển động của chúng giúp tôi yên lòng rằng thời gian vẫn đang trôi. Tôi ngủ một chút, sức tỉnh vì lạnh và đau, ngủ thêm chút nữa rồi lại sức tỉnh vì đau.

Cuối cùng trời cũng sáng. Từ miệng giếng tròn, những điểm sáng li ti sắc nhọn của ánh sao dần dần nhạt đi. Thế nhưng, ngay cả khi bình minh đã rạng,

các vì sao vẫn không biến mất hoàn toàn. Dù đã mờ nhạt đến hầu như không thấy được, chúng vẫn còn đó. Để cho đỡ khát, tôi liếm những giọt sương buổi sáng đọng trên vách giếng. Dĩ nhiên là chẳng được bao nhiêu, nhưng với tôi chỗ nước đó ngon như một hồng phúc trời cho. Tôi chợt nhớ ra rằng đã suốt một ngày tôi không ăn, không uống. Thế nhưng tôi không thấy đói chút nào.

Tôi cứ ở đó, ngồi yên, dưới đáy lỗ. Tôi không làm gì khác được. Thậm chí tôi không thể suy nghĩ, cảm giác cô đơn và tuyệt vọng của tôi quá to lớn. Tôi ngồi đó chẳng làm gì, chẳng nghĩ gì. Tuy nhiên, một cách vô thức, tôi chờ tia sáng đó, cái dòng ánh sáng chói lòa tuôn thẳng

xuống đáy giếng chỉ trong một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi mỗi ngày. Ất hẳn đó là một hiện tượng xảy ra lúc rất gần giữa trưa, khi mặt trời nằm ở thiên đỉnh và ánh sáng của nó chiếu vuông góc xuống mặt đất. Tôi đợi ánh sáng đó, ngoài ra tôi không chờ đợi gì nữa. Tôi chẳng còn có thể đợi cái gì khác nữa. Dường như rất nhiều thời gian đã trôi qua. Đến một lúc, tôi thiếp đi mà không hay. Ngay lúc tôi cảm thấy sự hiện diện của cái gì đó và sự tỉnh thì ánh sáng đã ở đó rồi. Tôi nhận ra mình lại đang ngập trong ánh sáng chan hòa đó. Một cách vô thức, tôi dang rộng hai tay, ngửa lòng bàn tay ra đón nhận mặt trời. Lần này ánh sáng mạnh hơn nhiều so với lần đầu. Nó

cũng ở lại với tôi lâu hơn lần trước nhiều. Ít nhất là tôi cảm thấy như vậy. Trong ánh sáng đó, lệ trào khỏi mắt tôi. Tôi cảm thấy như toàn bộ chất lỏng trong cơ thể tôi có thể biến thành nước mắt rồi trào ra khỏi mắt tôi, rằng chính cơ thể cũng có thể tan đi mất. Nếu như điều đó xảy ra trong niềm phúc lạc tốt cùng của ánh sáng kỳ vĩ đó thì ngay cái chết cũng không còn đáng sợ nữa. Thực sự tôi cảm thấy muốn chết. Tôi có một cảm giác kỳ diệu về nhất thể, một cảm thức vô cùng lớn lao về sự hợp nhất. Phải, nó đấy: ý nghĩa đích thực của cuộc nhân sinh nằm trong cái ánh sáng chỉ kéo dài mấy giây kia, và tôi cảm thấy thật sự mình cần phải chết ngay lúc đó, ngay ở đó.

Nhưng dĩ nhiên, chưa có chuyện gì kịp xảy ra thì ánh sáng đã biến mất. Tôi vẫn đang ngồi dưới đáy cái giếng khôn khổ kia. Bóng tối và cái lạnh lại siết chặt lấy tôi như thể tuyên bố rằng ánh sáng kia chưa bao giờ tồn tại cả. Tôi cứ ngồi co ro đó mãi một hồi lâu, mặt mũi đầm đìa nước mắt. Như bị một sức mạnh to lớn nào đó giã cho tơi bời, tôi không thể làm gì, không thể nghĩ về bất cứ cái gì, thậm chí không còn cảm thấy sự tồn tại của thân thể mình nữa. Tôi như một bộ xương khô, cái vỏ rỗng bị một con côn trùng bỏ lại. Nhưng rồi, trong tâm trí tôi, như một căn phòng trống, lại hiện về lời tiên tri của hạ sĩ Honda: rằng tôi sẽ không chết ở Trung Hoa đại lục. Giờ đây, khi ánh sáng

đó đã đến và đã đi qua, tôi thấy mình có thể tin lời của anh ta. Giờ đây tôi có thể tin lời của anh ta bởi vì, ở nơi mà đáng lẽ ra tôi đã chết, vào thời điểm mà đáng lẽ ra tôi đã chết, tôi đã không thể chết. Không phải tôi không chết, mà là tôi không thể chết. Ông Okada có hiểu tôi đang nói gì không? Bao nhiêu ân huệ mà tôi đã được trời ban cho tôi lúc đó, tôi đã mất cả rồi.

* * *

Kể đến đây, Trung úy Mamiya nhìn đồng hồ.

- Và như ông thấy đó, tôi đang ngồi đây.
- Ông lắc đầu như cổ xua đi những sợi tơ vô hình của ký ức. - Đúng như ông Honda đã nói, tôi không chết ở Trung

Hoa đại lục. Và trong số bốn người chúng tôi khi đó, tôi là người sống lâu nhất.

Tôi im lặng gật đầu.

- Xin ông thứ lỗi cho, chuyện tôi kể dài quá. Phải nghe một lão già vô dụng lắm nhảm liên tục bất tận về những ngày xa xưa thế này hẳn là ông thấy chán lắm. — Trung úy Mamiya đổi thế ngồi trên ghế sofa. — Trời ạ, nếu tôi nán lại thêm nữa thì sẽ nhớ tàu mất.

Tôi vội tìm cách giữ ông lại.

- Xin ông đừng ngưng câu chuyện như thế, - tôi nói. — Sau đó thì thế nào? Tôi muốn nghe nốt phần còn lại.

Ông nhìn tôi một lát.

- Thế này vậy. Thật sự là tôi muộn tàu

mất rồi, hay ông đi bộ với tôi đến trạm xe buýt nhé? Trong khi đi tôi có thể kể vắn tắt cho ông.

Tôi ra khỏi nhà, cùng ông đi bộ đến trạm xe buýt.

- Đến sáng ngày thứ ba, tôi được hạ sĩ Honda cứu thoát. Ông ấy đã cảm thấy rằng đêm hôm đó đám lính Mông Cổ sẽ tấn công chúng tôi, nên đã lén ra khỏi lều và nấp kỹ suốt thời gian đó. Ông ấy đã lấy bản tài liệu trong túi của Yamamoto mà mang theo mình. Ông ấy làm vậy bởi vì ưu tiên số một của chúng tôi là phải làm sao cho tài liệu đó không rơi vào tay thù, dù có phải hy sinh đến đâu. Hẳn ông đang tự hỏi, nếu hạ sĩ Honda đã đoán được quân Mông Cổ sẽ đến thì tại sao

ông ấy bỏ chạy một mình mà không đánh thức mọi người để tất cả cùng thoát. Vấn đề đơn giản là chúng tôi không hề có hy vọng thắng trong hoàn cảnh đó. Quân Mông Cổ biết chúng tôi đang ở đâu. Bọn họ quân số đông hơn, súng ống nhiều hơn. Và họ, tìm ra chúng tôi, bắn chết chúng tôi và lấy tài liệu đi là việc dễ như bỡn. Tình huống đã vậy thì hạ sĩ Honda không có cách nào hơn là trốn thoát một mình. Trên chiến trường, hành vi của ông ta có thể là một trường hợp đào ngũ rõ ràng, nhưng với một nhóm đặc nhiệm như chúng tôi thì điều quan trọng nhất là khả năng tùy cơ ứng biến.

Ông ấy đã chứng kiến mọi việc. Ông ấy đã quan sát chúng lột da Yamamoto. Ông

ấy đã thấy đám lính Mông Cổ điệu tôi đi. Nhưng ông ấy không còn ngựa nên không thể đi theo ngay lúc đó được. Ông ấy chỉ còn cách cuốc bộ. Ông ấy đào chỗ thức ăn thừa mà chúng tôi đã chôn trong sa mạc lên rồi chôn dấu bản tài liệu cũng ở đó. Sau đó ông ấy đi tìm tôi. Tuy nhiên, để tìm ra được tôi dưới cái giếng kia, ông ấy phải mất nhiều công sức lắm. Thậm chí ông ấy không biết đám lính dẫn tôi về hướng nào kia mà.

- Làm sao ông ấy phát hiện ra cái giếng?
— tôi hỏi.

- Tôi không biết, - Trung úy Mamiya nói.
— Ông ấy không nói gì nhiều về chuyện đó. Chắc chỉ có thể nói là ông ấy biết, vậy thôi. Khi tìm thấy tôi, ông ấy xé quần

áo thành từng mảnh làm thành một sợi dây dài. Đến khi đó tôi hầu như đã bất tỉnh, khiến ông ấy lại càng vất vả hơn mới kéo được tôi lên. Thế rồi ông ấy tìm đâu được con ngựa, liền đặt tôi lên lưng nó. Ông ấy đưa tôi qua các đụn cát, vượt sông về chốt tiền tiêu của quân đội Mãn Châu quốc. Ở đó người ta chữa các vết thương cho tôi rồi cho tôi lên một chiếc xe tải do bộ tham mưu cử đến. Tôi được đưa tới bệnh viện Hailar.

- Còn cái tài liệu, bức thư hay cái gì gì đó thì sao?

- Chắc hẳn nó vẫn còn nằm đâu đó trong lòng đất, gần sông Khalkha. Đối với hạ sĩ Honda và tôi, quay trở lại suốt quãng đường đó để đào nó lên là một việc thậm

vô lý, mà chúng tôi cũng chẳng tìm được lý do nào để phải nhọc công làm vậy. Chúng tôi đi đến kết luận rằng trước hết một vật như vậy lẽ ra không bao giờ nên tồn tại. Chúng tôi quyết định sẽ thống nhất lời khai khi bị quân đội tiến hành điều tra. Cả hai chúng tôi sẽ khẳng khẳng rằng chưa bao giờ nghe nói đến tài liệu tài liếc gì hết. Nếu không, người ta sẽ buộc tội chúng tôi đã không đem tài liệu đó từ sa mạc về. Người ta bắt chúng tôi ở hai phòng riêng biệt được canh phòng cẩn mật viện cớ để chữa trị, rồi ngày nào cũng thăm vấn chúng tôi. Các sĩ quan cao cấp ngày nào cũng đến, buộc chúng tôi kể đi kể lại mãi chuyện đã xảy ra. Họ hỏi những câu rất tỉ mỉ và rất thông minh. Nhưng dường như họ tin chúng tôi. Tôi

kể cho họ đến từng chi tiết nhỏ những gì tôi đã trải qua, nhưng cẩn thận lược bỏ bất cứ điều gì tôi biết về bản tài liệu. Họ ghi lại tất cả, sau đó thì cảnh cáo tôi rằng đây là chuyện tối mật không được phép ghi vào hồ sơ chính thức của quân đội, và tôi không bao giờ được kể cho bất cứ ai, bằng không tôi sẽ bị nghiêm trị. Hai tuần sau tôi được đưa về vị trí ban đầu, còn hạ sĩ Honda chắc cũng được quay về đơn vị cũ.

- Có điều này tôi vẫn chưa rõ, - tôi nói. — Sao họ lại phải cất công đưa ông Honda từ đơn vị của ông ấy sang nhóm đặc nhiệm này?

- Ông ấy chẳng bao giờ nói nhiều với tôi về chuyện đó. Có lẽ người ta cấm ông ấy

kể, và tôi ngờ rằng ông ấy cũng nghĩ tôi không biết thì hơn. Tuy nhiên, xét theo những lần nói chuyện với ông ấy, tôi có thể đoán rằng có một mối quan hệ cá nhân nào đó giữa ông ấy với người tên Yamamoto, mối quan hệ đó có liên quan tới năng lực đặc biệt của ông ấy. Tôi thường nghe nói quân đội có một đơn vị riêng chuyên nghiên cứu các hiện tượng huyền bí như vậy. Nghe bảo người ta tập hợp những người có khả năng tâm linh hay ngoại cảm đó từ mọi miền đất nước lại rồi tiến hành thí nghiệm trên họ. Tôi ngờ rằng ông Honda đã gặp Yamamoto trong hoàn cảnh đó. Dù thế nào đi nữa, nếu không có những năng lực đó thì ông Honda hẳn đã không bao giờ tìm được tôi ở dưới giếng và đưa tôi đến đúng vị

trí tiền đồn của quân đội Mãn Châu quốc. Bản đồ không, la bàn cũng không, thế mà ông ấy biết chính xác hướng đi không một chút phân vân. Cứ suy theo lối thường thì không thể có chuyện đó được. Tôi là chuyên gia vẽ bản đồ thật đấy, tôi khá rành địa dư vùng đó, nhưng tôi chẳng bao giờ làm được như ông ấy. Có lẽ chính vì năng lực đó mà Yamamoto mới phải tìm đến ông Honda.

Chúng tôi đã tới trạm xe buýt và dừng lại đợi xe.

- Dĩ nhiên, có những điều không rõ đến bây giờ vẫn hoàn toàn không rõ, - Trung úy Mamiya nói. - Có những chuyện đến giờ tôi vẫn không hiểu. Tôi vẫn tự hỏi gã sĩ quan Mông Cổ đi một mình mà chúng

tôi đã gặp trong sa mạc là ai. Tôi lại tự hỏi nếu chúng tôi mang bản tài liệu đó về bộ tham mưu thì sự thế sẽ ra sao. Tại sao Yamamoto không để chúng tôi lại trên hữu ngạn sông Khalkha rồi vượt sông một mình? Nếu làm vậy hẳn sẽ có thể đi lại tự do hơn nhiều chứ. Có lẽ hẳn có ý định dùng chúng tôi làm mồi nhử quân Mông Cổ để hẳn có thể thoát một mình. Chuyện ấy có thể lắm. Có lẽ Honda nhận ra điều đó ngay từ đầu nên ông ấy chỉ đứng nhìn khi người Mông Cổ giết Yamamoto.

Dù thế nào đi nữa, mãi rất lâu sau đó tôi với hạ sĩ Honda mới có cơ hội gặp lại nhau. Ngay từ khi đến Hailar chúng tôi đã bị cách ly, người ta cấm chúng tôi nói

chuyện với nhau, gặp nhau cũng không được. Thậm chí tôi muốn gặp để cảm ơn một lần cuối, người ta cũng không cho. Ông ấy bị thương trong trận Nomonhan và được đưa về nước, còn tôi ở lại Mãn Châu đến hết chiến tranh, sau đó thì bị đưa đi Siberia. Mãi mấy năm sau khi được thả khỏi trại tù ở Siberia và hồi hương, tôi mới tìm lại được ông ấy. Sau đó chúng tôi gặp nhau vài lần nữa, còn lại thì viết thư. Nhưng hình như ông ấy tránh nói về những gì đã xảy ra với chúng tôi bên bờ sông Khalkha, chính tôi cũng chẳng hào hứng nhắc lại chuyện đó lắm. Với cả hai chúng tôi, những gì đã trải qua đó thật lớn lao quá sức, chúng tôi cùng chia sẻ nó bằng cách không nói gì về nó hết. Ông hiểu tôi chứ?

Chuyện hóa ra rất dài như vậy đó, song điều tôi muốn truyền đạt cho ông là, tôi cảm thấy cuộc sống thật của mình đã chầm dứt dưới cái giếng sâu trong sa mạc Ngoại Mông kia. Tôi cảm thấy như thể, trong cái ánh sáng cường liệt mỗi ngày chỉ rọi vào đáy giếng trong mười đến mười lăm giây đó, tôi đã đốt cháy cốt lõi của sinh mệnh mình cho đến khi chẳng còn lại gì nữa. Với tôi cái ánh sáng kia huyền bí đến như vậy đó! Tôi không giải thích được rõ lắm, nhưng nếu cố nói một cách thật trung thực và giản dị, thì từ đó trở đi, dù tôi có gặp chuyện gì, dù tôi có trải nghiệm gì đi nữa, tôi cũng không còn cảm xúc nào trong đáy lòng tôi. Ngay cả khi đối diện với những

đơn vị xe tăng Xô Viết không lồ kia, ngay cả khi mất bàn tay trái, ngay cả những trại tù Siberia chẳng khác gì địa ngục, trong tôi chỉ có sự vô cảm. Nói thì nghe lạ, nhưng tất cả những chuyện đó chẳng quan trọng chút nào hết. Một cái gì đó bên trong tôi đã chết rồi. Khi ấy tôi nghĩ, lẽ ra tôi nên chết trong ánh sáng đó thì hơn, cứ tan biến đi trong ánh sáng đó thì hơn. Đây mới là giờ chết của tôi.

Song, như ông Honda tiên đoán, tôi đã không chết ở đó. Hay có lẽ phải nói rằng tôi đã không thể chết ở đó.

Tôi trở về Nhật khi đã mất một bàn tay và mất đứt mười hai năm quý báu. Khi tôi về tới Hiroshima thì cha mẹ và em gái tôi đã chết từ lâu. Người ta điều động

cô em gái nhỏ của tôi vào làm việc ở một nhà máy, khi bom nguyên tử rơi thì cô ấy đang ở đó. Cha tôi lúc đó đang trên đường tới thăm cô ấy nên cũng mất mạng. Cú sốc khiến mẹ tôi nằm liệt giường, rồi cuộc bà cũng từ trần năm 1947. Như tôi đã kể với ông, cô gái mà xưa kia tôi bí mật cầu hôn đã lấy người khác và có hai đứa con. Ở nghĩa trang, tôi tìm thấy mộ của chính mình. Tôi chẳng còn gì hết. Tôi cảm thấy thực sự trống rỗng, biết rằng mình lẽ ra không nên trở về đây. Từ đó đến nay tôi sống như thế nào, thật khó mà nhớ được. Tôi trở thành thầy giáo dạy môn xã hội, dạy sử địa ở trường trung học, nhưng tôi không sống theo đúng nghĩa của từ này. Tôi chỉ đơn thuần thực hiện những nhiệm

vụ đời thường người ta giao cho, hết cái này đến cái khác. Tôi không có ai thực sự là bạn, không hề có mối quan hệ bình thường như giữa con người đối với các học sinh mà mình phụ trách. Tôi không hề yêu bất cứ ai. Tôi không còn biết yêu một người khác là như thế nào nữa. Hễ nhắm mắt lại là tôi thấy Yamamoto đang bị lột da sống. Tôi nằm mơ thấy cảnh đó hàng bao nhiêu lần. Mơ đi mơ lại. Tôi thấy người ta lột da sống anh ta, biến anh ta thành một đồng thịt. Tôi nghe rõ tiếng thét xé ruột xé gan của anh ta. Tôi cũng thường mơ thấy mình mục ruỗng dần dần, khi vẫn còn sống, ở dưới đáy giếng. Đôi khi tôi cảm thấy dường như đó mới là những gì đã xảy ra trong thực tại, còn

cuộc sống của tôi hiện giờ chỉ là giấc mơ mà thôi.

Lúc ông Honda bảo tôi trên bờ sông Khalkha rằng tôi sẽ không chết ở Trung Hoa đại lục, tôi đã mừng khôn xiết. Vấn đề không phải là tin hay không tin – đơn giản là khi đó tôi cần bám víu vào một cái gì đó, gì cũng được. Hẳn ông Honda biết vậy nên nói thế chỉ là để an ủi tôi. Nhưng hóa ra chẳng có gì đáng để tôi vui. Trở về Nhật rồi, tôi sống như một cái vỏ rỗng. Sống như cái vỏ rỗng thì không phải là sống, dù kéo dài bao nhiêu năm đi nữa. Con tim và xác thịt của một cái vỏ rỗng chẳng sinh ra gì khác hơn là cuộc sống của một cái vỏ rỗng. Đó mới là điều tôi hy vọng làm ông hiểu, thưa

ông Okada.

- Vậy có phải là sau khi về Nhật ông không hề lấy vợ? – tôi đánh bạo hỏi.

- Dĩ nhiên là không, - Trung úy Mamiya đáp. – Tôi không vợ, không cha mẹ, không anh chị em. Tôi hoàn toàn cô độc. Lưỡng lự một hồi, tôi hỏi:

- Ông có lấy làm tiếc đã nghe lời tiên báo của ông Honda không?

Lần này đến lượt Trung úy Mamiya lưỡng lự. Im lặng một chút, ông nhìn thẳng vào mặt tôi.

- Có thể, - ông nói. – Cũng có thể rằng lẽ ra ông ấy không nên nói những lời đó. Có thể rằng lẽ ra tôi đừng bao giờ nghe những lời đó. Như ông Honda đã nói khi ấy, vận mệnh con người thì chỉ có thể về

sau nhìn lại chứ không thể nhìn trước được. Tuy nhiên, nay thì tôi nghĩ: đằng nào cũng vậy thôi. Giờ đây tôi chỉ đang thi hành nghĩa vụ của mình, ấy là tiếp tục sống.

Xe buýt đến, Trung úy Mamiya cúi chào tôi thật thấp. Rồi ông xin lỗi đã lấy mất của tôi nhiều thời gian quý báu.

- Thôi tôi đi đây, - ông nói. – Xin cảm ơn ông về mọi chuyện. Tôi rất vui vì đã trao được cho ông gói quà của ông Honda. Thế nghĩa là rốt cuộc việc của tôi đã làm xong, tôi có thể yên tâm trở về nhà rồi.

Bằng cả bàn tay phải lẫn bàn tay giả, ông khéo léo rút mấy đồng lẻ thả vào hộp thu tiền vé.

Tôi đứng nhìn cho tới khi chiếc xe buýt khuất dạng sau góc phố. Khi xe đi rồi, tôi thấy một cảm giác trống rỗng kỳ lạ trong lòng, cảm giác vô vọng như đứa trẻ bị bỏ rơi một mình ở một nơi xa lạ.

Về nhà, tôi ngồi trên sofa trong phòng khách mở gói quà đựng kỷ vật của ông Honda. Tôi phải toát mồ hôi mới mở được hết lớp giấy gói này đến lớp giấy gói khác đến khi lộ ra một hộp các tông vuông vức. Đó là một hộp whisky Cutty Sark dùng làm quà tặng, nhưng sao nhẹ bồng, như không hề đựng chai rượu nào. Tôi mở ra thì thấy bên trong chẳng có gì hết. Hộp trống trơn. Tất cả những gì ông Honda để lại cho tôi là một cái hộp rỗng.

16. GPU: cơ quan mật vụ Liên Xô trong thời kỳ 1922-1923, viết tắt từ tiếng Nga Gosudarstvennoe politich eskoe upravlenie, tạm dịch Vụ Chính trị Quốc gia, tiền thân của Bộ Dân ủy Nội vụ (NKVD) và Ủy ban An ninh Quốc gia (KGB) sau này – ND.

Quyển hai: Chim tiên tri

Từ Tháng 7 tới Tháng 10 năm 1984

1

Càng cụ thể càng tốt



Đề tài ăn ngon miệng trong văn học

Đêm đó Kumiko không về. Tôi thức đến nửa đêm, lúc đọc sách khi nghe nhạc để đợi nàng về, nhưng rốt cuộc tôi chịu thua, đành đi ngủ. Tôi thiếp đi không tắt đèn. Khi tôi dậy thì đã 6 giờ. Ngoài cửa sổ trời sáng bạch. Bên ngoài tám rèm mỏng chim hót líu lo. Không thấy bóng dáng vợ tôi đâu. Chiếc gối trắng bên cạnh tôi vẫn phẳng phiu, phồng lên. Vậy là suốt đêm chẳng có ai đặt đầu lên đó. Bộ pijama mới giặt, gấp lại gọn gàng của Kumiko vẫn nằm nguyên trên bàn ngủ.

Chính tôi đã giặt bộ đó. Chính tôi gấp nó. Tôi tắt cây đèn bên cạnh gối mình rồi hít một hơi dài, như để điều chỉnh lại dòng thời gian.

Tôi cứ mặc nguyên pijama mà đi một vòng quanh nhà. Đầu tiên tôi xuống bếp, sau đó kiểm tra phòng khách rồi phòng của Kumiko. Tôi kiểm tra buồng tắm, thử nhòm cả vào trong tủ quần áo cho chắc. Chẳng thấy tắm hơi nàng đâu. Nhà có vẻ im ắng hơn mọi ngày. Tôi cảm thấy cứ đi tới đi lui thế này là tôi đã mang tội phá vỡ sự hài hòa tĩnh lặng của chốn này mà chẳng có lý do nào chính đáng.

Tôi chẳng còn gì khác để làm. Tôi xuống bếp, lấy đầy ấm nước rồi bật bếp gas. Khi nước sôi, tôi pha cà phê rồi ngồi nơi

bàn bếp nháp một ngụm. Rồi tôi nướng bánh mì và ăn ít salad khoai tây còn trong tủ lạnh. Đây là lần đầu tiên trong nhiều năm qua tôi ăn sáng một mình. Thử nghĩ mà xem, ngoài một chuyến công tác xa duy nhất, còn thì kể từ ngày cưới vợ chồng tôi chưa lần nào bỏ một bữa ăn sáng cùng nhau. Bữa trưa chúng tôi hay ăn riêng, đôi khi bữa tối cũng không ăn cùng, nhưng bữa sáng thì không bao giờ vắng nhau. Có một thứ thỏa thuận ngầm, gần như là một nghi thức giữa hai chúng tôi về việc cùng ăn bữa sáng. Dù muộn giờ đến mấy đi nữa, chúng tôi vẫn luôn cố dành thời gian đủ để làm một bữa sáng đầu ra đó và thư thả ăn cùng nhau. Nhưng sáng hôm đó vắng Kumiko. Tôi

uống cà phê và ăn bánh mì nướng một mình, lặng lẽ. Tôi nhìn mãi chiếc ghế trống trước mặt. Tôi vừa ăn vừa nhìn chiếc ghế mà miên man nghĩ tới thứ nước hoa nàng đã xúc sáng hôm qua. Tôi nghĩ đến người đàn ông ắt hẳn đã tặng món nước hoa đó cho nàng. Tôi hình dung nàng nằm trên giường với hắn, hai vòng tay quấn lấy nhau. Tôi thấy hai bàn tay hắn ve vuốt tấm thân trần truồng của nàng. Tôi thấy tấm lưng trắng ngần trơn láng như bằng sứ của nàng mà tôi đã thấy sáng qua, làn da mịn màng của nàng dưới chiếc khóa tôi đang kéo.

Hình như cà phê có vị xà phòng. Tôi thật không tin được. Ngay khi nhấp ngụm đầu tiên tôi đã cảm thấy dư vị khó chịu. Tôi

tự hỏi phải chẳng cảm giác của tôi đang đánh lừa tôi, nhưng ngụm thứ hai cũng có cái vị đó. Tôi đổ hết cốc cà phê uống dở vào chậu rửa rồi rót thêm cà phê vào một cốc sạch. Lại vẫn mùi xà phòng. Thật không hiểu nổi tại sao. Ấm đun cà phê tôi đã rửa sạch, nước cũng không có vấn đề gì. Nhưng cái vị - hay mùi - thì không làm được: chỉ có thể là xà phòng, cũng có thể là mỹ phẩm chống khô da. Tôi đổ cà phê đi rồi toan đun thêm ít nước, nhưng lại thấy chẳng bổ công. Tôi rót đầy một cốc nước máy rồi uống. Thật ra tôi cũng chẳng thêm cà phê đến như vậy.

* * *

Tôi đợi đến 9 giờ rưỡi rồi gọi đến cơ quan của Kumiko. Một phụ nữ trả lời

điện thoại.

- Cho tôi nói chuyện với Okada Kumiko được không ạ? – tôi hỏi.

- Xin lỗi, chị ấy chưa đến.

Tôi cảm ơn rồi gác máy. Sau đó tôi đi là sơ mi như tôi vẫn làm mỗi khi bút rút không yên. Là hết sơ mi rồi, tôi quay sang bó báo và tạp chí cũ thành từng bó, lau chùi chậu rửa bát và các kệ tủ, rửa sạch phòng vệ sinh và buồng tắm. Tôi đánh bóng các tấm gương và cửa kính. Tôi tháo hết đèn trần ra rồi lau sạch những tấm kính mờ. Tôi tháo ga trải giường bẩn ném vào máy giặt rồi thay ga mới.

Đến 11 giờ tôi lại gọi lên cơ quan của Kumiko. Cũng người phụ nữ đó trả lời,

và một lần nữa cô ta nói Kumiko chưa đến.

- Cô ấy có định nghỉ làm hôm nay không?
— tôi hỏi.

- Tôi không biết ạ, - cô ta nói, giọng hoàn toàn vô cảm. Cô ta chỉ đơn thuần thông báo sự việc.

Nếu 11 giờ mà Kumiko chưa đến cơ quan thì có gì không ổn rồi. Hầu hết các nhà xuất bản đều làm việc theo giờ giấc không bình thường, nhưng chỗ Kumiko thì không. Do tạp chí này đề cập đến lối sống lành mạnh và thức ăn thiên nhiên, nên cộng tác viên của họ - các nhà sản xuất thực phẩm, nông dân, bác sĩ – đều là những người thường xuyên đi sớm về muộn. Để thích ứng với giờ giấc của

cộng tác viên, Kumiko và các đồng nghiệp phải đến cơ quan đúng 9 giờ sáng và rời cơ quan lúc 5 giờ chiều, trừ phi có lý do đặc biệt phải ở lại muộn hơn.

Tôi gác máy rồi vào phòng ngủ, xem kỹ tủ quần áo của nàng. Nếu Kumiko bỏ nhà đi, hẳn nàng phải mang theo quần áo. Tôi kiểm tra các áo dài, áo cánh và váy treo trong tủ. Dĩ nhiên không phải bất cứ cái gì nàng mặc tôi cũng biết – ngay quần áo của chính mình tôi cũng có biết hết từng cái đâu -, nhưng bởi tôi thường mang quần áo của nàng đến hiệu giặt là rồi mang về nên tôi biết khá rõ nàng hay mặc những chiếc áo nào nhất, những chiếc áo nào quan trọng nhất đối với nàng, và xét theo chỗ tôi biết, tất cả đều đang nằm

trong tủ.

Ngoài ra, nàng cũng đâu có cơ hội mang theo nhiều quần áo. Tôi cố nhớ lại càng chính xác càng tốt lúc nàng rời khỏi nhà ngày hôm trước – quần áo nàng mặc, túi xách nàng đeo. Nàng chỉ mang chiếc túi xách đeo vai vẫn thường mang đi làm, trong đó chỉ có sổ sách, mỹ phẩm, chiếc ví, bút, khăn mùi xoa, khăn giấy. Làm gì còn chỗ để đựng quần áo thay.

Tôi kiểm tra các ngăn kéo của nàng. Những đồ lặt vặt như túi xách, thắt lưng, tất dài, kính râm, quần lót, may ô thể thao, tất cả đều yên vị, xếp hàng ngay ngắn. Nếu có cái gì biến mất, tôi cũng không thể biết được. Dĩ nhiên, tất dài và quần lót thì nàng có thể cho vào túi đeo

vai, nhưng thử nghĩ mà xem, tội gì phải thế chứ? Những thứ đó mua đâu chẳng được.

Tôi lại xuống phòng tắm kiểm tra lần nữa. Ở đó cũng chẳng thấy có gì thay đổi: chỉ rất nhiều hộp mỹ phẩm và đồ linh kinh khác của Kumiko. Tôi mở chai nước hoa Christian Dior ngửi một lần nữa. Cũng cái mùi như trước: hương thơm của một bông hoa trắng thơm ngát vào buổi sáng mùa hè. Tôi lại nhớ đến đôi vai và tấm lưng trắng muốt của nàng. Tôi lên phòng khách duỗi dài trên ghế sofa. Tôi nhắm mắt lắng nghe. Gần như âm thanh duy nhất tôi nghe được là tiếng đồng hồ tích tắc đếm thời gian. Không có tiếng ồn xe hơi, không có tiếng chim. Tôi

không biết làm gì bây giờ. Tôi quyết định lại gọi điện đến cơ quan của nàng, đã nhắc ông nghe lên và quay mấy chữ số đầu tiên, nhưng nghĩ đến chuyện phải nói chuyện cũng với người đàn bà kia là tôi lại ngán ngẩm, đành đặt ông nghe xuống. Tôi chẳng còn gì làm nữa. Tôi chỉ có thể chờ. Có thể Kumiko đã bỏ tôi, vì lý do gì tôi không biết, nhưng ít nhất chuyện đó cũng có thể. Tuy nhiên, dù đúng vậy đi nữa, Kumiko cũng không phải loại người bỏ đi mà không nói một lời. Nàng hẳn sẽ nói thật lý do mình ra đi, nói càng chính xác, càng rõ ràng càng tốt. Gì chứ điều đó thì tôi tin chắc trăm phần trăm.

Mà cũng có thể nàng bị tai nạn. Có thể nàng bị một chiếc xe hơi chệt, người ta

phải đưa nàng đến bệnh viện. Nàng có thể mê man bất tỉnh, người ta tiếp máu cho nàng. Ý nghĩ đó khiến tim tôi đập thình thịch, nhưng tôi biết nàng có mang theo bằng lái, thẻ tín dụng và sổ địa chỉ. Bệnh viện hay cảnh sát hẳn phải liên lạc với tôi rồi chứ.

Tôi ra ngồi ngoài hiên nhìn khu vườn, nhưng kỳ thực tôi chẳng nhìn gì hết. Tôi cố suy nghĩ, nhưng không thể tập trung tư tưởng vào bất cứ cái gì. Trong đầu tôi cứ trở đi trở lại hình ảnh tấm lưng Kumiko khi tôi kéo khóa áo cho nàng – tấm lưng, và mùi nước hoa sau đôi tai nàng.

Ngay sau 1 giờ trưa, điện thoại reo. Tôi đứng dậy nhắc ống nghe.

- Xin lỗi, đây có phải là nhà của ông

Okada không ạ? – một giọng phụ nữ hỏi.
Ấy là Kano Malta.

- Đúng, - tôi nói.

- Tên tôi là Kano Malta. Tôi gọi điện là về việc con mèo.

- Con mèo? – tôi nói, trong dạ hơi bối rối. Tôi đã quên bằng mất chuyện đó.

Giờ thì dĩ nhiên tôi nhớ ra, nhưng có cảm giác như chuyện đó là từ thuở xa xưa nào kia.

- Con mèo mà bà Okada đang tìm đấy ạ,

- Kano Malta giải thích.

- Phải, phải, tôi biết, - tôi nói.

Kano Malta im lặng, như đang cân nhắc điều gì. m sắc giọng nói của tôi hẳn đã làm cô ta cảnh giác. Tôi hắng giọng rồi chuyển ống nghe sang tay kia.

Ngừng một chút, Kano Malta nói:

- Ông Okada ạ, tôi phải nói rằng theo tôi, hầu như chắc chắn ông sẽ không bao giờ tìm thấy con mèo. Nói ra điều này thật tôi không muốn, nhưng có lẽ tốt nhất là ông nên chấp nhận thực tế. Nó đã đi vĩnh viễn rồi. Trừ phi có một thay đổi lớn nào đó, bằng không con mèo sẽ không trở về nữa.

- Một thay đổi lớn nào đó? – tôi hỏi.
Nhưng cô ta không trả lời.

Kano Malta im lặng một hồi lâu. Tôi chờ cô ta nói gì đó, nhưng cố lắm tôi cũng không nghe thấy dù chỉ một hơi thở nhẹ ở đầu dây bên kia. Ngay lúc tôi bắt đầu ngờ rằng điện thoại hỏng thì cô ta nói tiếp.

- Ông Okada ạ, tôi biết nói ra điều này thì thật thất lễ, nhưng ngoài chuyện con mèo, liệu có việc gì khác mà tôi có thể giúp ông không?

Tôi không thể trả lời ngay. Cảm ông nghe trong tay, tôi tựa lưng vào tường. Phải mất một lúc mới tìm ra lời.

- Mọi chuyện vẫn chưa rõ lắm đối với tôi, - tôi nói. - Tôi không biết chắc điều gì cả. Tôi đang cố nghĩ cho rành mạch. Nhưng có lẽ vợ tôi đã bỏ tôi. - Tôi giải thích với cô ta rằng đêm hôm trước Kumiko không về nhà, sáng nay cũng không đến cơ quan làm việc.

Dường như cô ta ngẫm nghĩ về điều tôi nói.

- Hẳn là ông đang bối rối lắm, - cô nói. -

Ngay lúc này tôi chưa thể nói gì, nhưng chẳng bao lâu nữa mọi chuyện sẽ rõ. Giờ ông chỉ còn cách đợi thôi. Hẳn là việc ấy chẳng dễ dàng gì với ông, nhưng cái gì cũng có lúc của nó. Như triều lên triều xuống vậy. Không ai có thể làm gì để thay đổi chúng. Khi nào cần đợi thì phải đợi.

- Nào, nào, cô Kano! Tôi rất cảm ơn cô đã vất vả vì con mèo của nhà tôi, nhưng ngay lúc này tôi chả có bụng dạ nào để nghe những lý luận chung chung kiểu đó. Tôi đang rối bời đây. Rối tinh rối mù đây. Tôi có dự cảm sẽ xảy ra một điều gì đó kinh khủng. Nhưng tôi không biết phải làm gì cả. Tôi hoàn toàn không biết mình phải làm gì. Nói thế rõ không? Tôi thậm

chí không biết sau cuộc gọi này mình sẽ làm gì nữa. Tôi cần bây giờ là cần những gì cụ thể. Những sự việc cụ thể. Vật vãnh cũng được, ngớ ngẩn cũng được, tôi nhận hết, tôi nói thế đã rõ chưa? Tôi cần một cái gì đó có thể nhìn bằng mắt, sờ bằng tay.

Ở đầu dây bên kia tôi nghe vật gì đó rơi xuống sàn nhà – cái gì đó không nặng lắm, có lẽ một hạt ngọc trai rơi xuống sàn gỗ. Sau đó có tiếng sột soạt, như thể ai đó cầm một tờ giấy can bằng mấy đầu ngón tay mà giật mạnh. Những chuyển động đó hình như diễn ra không gần cũng không xa chiếc điện thoại lắm, nhưng xem chừng Kano Malta chẳng buồn để ý.

- Tôi hiểu, - cô ta nói bằng giọng bình

thản, vô cảm. – Một cái gì đó cụ thể.

- Đúng rồi. Càng cụ thể càng tốt.

- Ông hãy đợi một cú điện thoại.

- Ngoài đợi điện thoại ra tôi còn biết làm gì nữa.

- Sắp tới sẽ có một người tên bắt đầu bằng chữ “O” gọi cho ông.

- Người đó có biết gì về Kumiko không?

- Cái đó thì tôi không rõ. Tôi nói vậy vì ông đã bảo ông muốn một trong những sự việc cụ thể, sự việc nào cũng được. Đây là một sự việc nữa: sắp tới đây, một vòng bán nguyệt sẽ kéo dài trong vài ngày.

- Bán nguyệt? – tôi hỏi. – Ý cô là trăng trên trời phải không?

- Vâng, trăng trên trời, thưa ông Okada.

Dù thế nào đi nữa, việc ông cần làm là chờ đợi. Chờ đợi là tất cả. Tạm biệt ông. Tôi sẽ hầu chuyện ông sau, sớm thôi. — Đoạn cô ta gác máy.

* * *

Tôi đi lấy cuốn sổ điện thoại trên bàn làm việc, giở ra vắn O. Ở đó có 4 mục tên O, được Kumiko ghi bằng nét chữ nắn nót. Mục đầu là Okada Takao, cha tôi. Sau đó là một bạn học cũ của tôi tên Onoda, một nha sĩ tên Otsuka, và Omura, chủ cửa hàng rượu bia gần nhà.

Chỗ cửa hàng rượu bia thì tôi có thể loại ngay. Nó ngay gần nhà tôi, đi bộ mười phút là tới, và trừ năm thì mười họa chúng tôi gọi điện đặt một két bia mang tới nhà, còn thì vợ chồng tôi chẳng có

việc gì dính tới họ. Ông nha sĩ cũng chẳng liên quan gì. Cách đây hai năm tôi có tới chỗ ông ta để chữa cái răng hàm, nhưng Kumiko thì chưa đến đó bao giờ. Thực sự là từ khi cưới tôi Kumiko không đến nha sĩ lần nào cả. Bạn cũ Onoda thì đã nhiều năm rồi tôi không gặp. Sau khi tốt nghiệp đại học cậu ta đi làm cho một ngân hàng, đến năm thứ hai thì được chuyển về chi nhánh ở Sapporo, từ đó cậu ta sống hẳn ở Hokkaido. Hiện nay cậu ta chỉ là một trong những người hàng năm trao đổi thiệp chúc mừng Năm Mới với tôi. Tôi không nhớ nổi cậu ta đã gặp Kumiko bao giờ chưa.

Chỉ còn lại cha tôi, nhưng không thể có chuyện Kumiko có mối quan hệ đặc biệt

nào đó với ông. Sau khi mẹ tôi mất cha tôi đã tục huyền, từ đó đến nay đã nhiều năm tôi không gặp ông, không thư từ cũng chẳng nói chuyện qua điện thoại với ông. Thậm chí Kumiko chưa bao giờ gặp ông nữa là.

Lật cuốn sổ địa chỉ, tôi mới nhận ra hai vợ chồng tôi ít giao du với người khác thế nào. Ngoại trừ dăm ba cuộc tụ tập cần thiết với đồng nghiệp, suốt sáu năm kể từ ngày cưới chúng tôi hầu như không có quan hệ với người ngoài mà khép mình vào cuộc sống riêng tư, chỉ có Kumiko và tôi.

Tôi quyết định làm lại món spaghetti để ăn trưa. Đói thì tôi chẳng đói một chút nào. Nhưng tôi không thể ngồi chết dí

trên sofa chờ điện thoại reo được. Tôi phải vận động thân thể, phải làm cái gì đó, hướng đến mục đích nào đó. Tôi lấy nước đầy ấm đun, bật bếp gas, rồi trong khi đợi nước sôi tôi vừa làm sốt cà chua vừa nghe đài FM. Đài đang phát một bản xô-nát cho violon không nhạc đệm của Bach. Diễn tấu thì xuất sắc, nhưng có cái gì đó làm tôi khó chịu. Chẳng biết là do lỗi của nhạc công hay vì tâm trạng của chính tôi, nhưng tôi tắt nhạc đi rồi tiếp tục nấu nướng trong im lặng. Tôi đun dầu ôliu, ném vào ít tỏi và hành xắt nhỏ. Khi dầu bắt đầu sôi, tôi cho vào chỗ cà chua mà tôi đã xắt lát, thái nhỏ. Cắt, thái, chiên xào các thứ như thế này thật thích. Nó cho tôi cảm giác mình đang hoàn thành một công việc cụ thể, có thể cảm

nhận được trong tay mình. Tôi thích những âm thanh, những mùi xào nấu. Khi nước sôi, tôi cho muối và một nắm spaghetti vào. Tôi hẹn giờ là mười phút rồi rửa các thứ trong chậu rửa. Tuy nhiên, ngay cả khi đĩa spaghetti nóng sốt đã đặt ngay trước mắt, tôi vẫn không muốn ăn chút nào. Cố lắm tôi mới ăn hết một nửa, chỗ còn lại thì đổ đi. Chỗ xốt còn thừa tôi trút vào lọ rồi cất trong tủ lạnh. Cái chính là không muốn ăn thì biết làm thế nào?

Tôi nhớ đã lâu rồi tôi có đọc câu chuyện một người đàn ông cứ ăn liên tục trong khi đợi một điều gì đó xảy ra. Nghĩ hồi lâu tôi mới nhớ ra, đó là truyện Giã từ vũ khí của Hemingway. Nhân vật chính (tôi

quên tên anh ta rồi) tìm cách trốn từ Ý sang Thụy Sĩ bằng thuyền và nán lại ở thị trấn Thụy Sĩ bé nhỏ đó để chờ vợ sinh, suốt thời gian đó anh ta thường xuyên sang quán cà phê bên kia đường để ăn uống. Tôi hầu như chẳng nhớ cốt truyện thế nào nữa. Trong kí ức tôi chỉ in đậm mỗi một đoạn gần cuối truyện trong đó nhân vật chính đi ăn hết bữa này đến bữa khác trong khi đợi vợ sinh ở xứ người. Lý do khiến tôi nhớ rõ đoạn đó đến vậy là vì tính hiện thực mãnh liệt của nó. Tôi cảm thấy, xét về mặt văn chương, việc nhân vật chính càng lo lại càng ăn ngon có vẻ thật hơn nhiều so với nếu anh ta vì lo mà ăn mất ngon.

Tuy nhiên, trái ngược với Giã từ vũ khí,

tôi hoàn toàn mất cảm giác ăn ngon trong khi dõi theo những chiếc kim đồng hồ trong căn nhà câm lặng này, chờ một điều gì đó xảy ra. Đột nhiên tôi nảy ra ý nghĩ rằng tôi ăn mất ngon là bởi trong tôi thiếu cái cảm thức về thực tại văn chương đó. Tôi cảm thấy hình như mình đã trở thành một phần của một cuốn tiểu thuyết viết tồi, và ai đó đang chỉ trích rằng tôi đây hoàn toàn không có tính hiện thực. Có lẽ đúng vậy thật.

* * *

Cuối cùng, ngay trước 2 giờ trưa điện thoại cũng reo.

- Đây có phải là nhà của ông Okada không ạ? – một giọng đàn ông lạ hỏi. Giọng một thanh niên, trầm và khá dễ

nghe.

- Phải, - tôi đáp, giọng hơi căng thẳng.

- Khu số 2, nhà số 26?

- Đúng vậy.

- Cửa hàng rượu bia Omura gọi đây ạ. Chúng tôi rất cảm ơn ông đã là khách hàng thường xuyên của chúng tôi. Tôi sắp đi thu tiền, nên tôi gọi để xem liệu lúc này có tiện cho ông không.

- Thu tiền ấy à?

- Vâng ạ, ông còn phải thanh toán hai két bia và một két nước quả.

- Ồ, được. Tôi còn ở nhà thêm một lát nữa, - tôi nói cho xong chuyện.

Gác máy xong, tôi tự hỏi liệu cuộc trò chuyện vừa rồi có hàm chứa thông tin gì về Kumiko không. Nhưng xét từ mọi góc

độ, nó chẳng qua chỉ là cuộc trao đổi ngắn gọn và thực tế của một cửa hàng rượu bia về việc thu tiền. Tôi đã đặt mua của họ bia và nước quả, họ đã giao hàng cho tôi, điều đó thì đúng. Nửa giờ sau anh chàng kia đến, tôi liền trả tiền hai két bia và một két nước quả cho anh ta.

Anh chàng dễ mến vừa mỉm cười vừa ghi biên lai.

- Ông Okada này, nhân thể, ông có nghe nói về vụ tai nạn gần nhà ga sáng nay không? Lúc khoảng chín rưỡi ấy.

- Tai nạn à? - tôi hỏi, sửng cả người. - Ai bị vậy?

- Một con bé con, - anh ta đáp. - Nó bị một chiếc xe tải nhỏ đang lùi chệch phải. Nghe nói bị thương khá nặng. Tôi đi

ngang đó thì tai nạn vừa xảy ra xong. Mới sáng sớm mà đã thấy cảnh đó thì sợ thật. Cái lũ lau nhau ấy thì tôi sợ chết khiếp, vì chúng bé quá, mình nhìn kính chiếu hậu có thấy chúng đâu. Ông biết ông chủ hiệu giặt là ở gần nhà ga chứ? Tai nạn xảy ra ngay trước hiệu ấy. Người ta dựng xe đạp cả ở đó, bao nhiêu là hộp chất đóng lên, nhìn chẳng thấy gì hết. Anh ta đi rồi, tôi cảm thấy không thể nán nã ở nhà thêm một phút nào nữa. Bỗng dưng nơi này trở nên nóng bức, ngột ngạt, ảm thấp, chật chội. Tôi mang giày rồi hấp tấp ra khỏi nhà. Thậm chí tôi không khóa cửa. Tôi để cửa sổ mở, không tắt đèn dưới bếp. Tôi đi lang thang quanh khu nhà mình, miệng mút kẹo

chanh. Khi ôn đi ôn lại trong đầu những lời của tay nhân viên cửa hàng rượu bia, dần dần tôi mới nhớ ra mình có gửi mấy món đồ nơi hiệu giặt gần nhà ga, vẫn chưa lấy. Áo cánh và váy của Kumiko. Biên nhận đang nằm ở nhà, nhưng nếu tôi cứ tới hỏi thì chắc ông chủ cũng đưa cho tôi thôi.

Khu nhà tôi ở trông khang khác. Những người tôi đi ngang qua trên phố đều có cái nhìn không tự nhiên, thậm chí giả tạo nữa. Đi ngang qua ai, tôi đều quan sát kỹ gương mặt họ mà tự hỏi họ là loại người nào. Họ sống trong những loại nhà nào? Họ có gia đình như thế nào? Họ sống theo lối nào? Họ có ngủ với những người đàn bà khác ngoài vợ mình hay những

người đàn ông khác ngoài chồng mình không? Họ có hạnh phúc không? Họ có biết trông bộ dạng họ phi tự nhiên và giả tạo đến nhường nào không?

Bên ngoài hiệu giặt là vẫn còn thấy rõ dấu vết vụ tai nạn lúc sáng: trên mặt đất là vết phún của cảnh sát; gần đó một chủ cửa hiệu vẫn đang bàn tán về vụ tai nạn, vẻ mặt nghiêm trọng. Nhưng bên trong hiệu giặt thì vẫn như mọi khi. Vẫn chiếc máy nghe nhạc màu đen phát cũng loại nhạc êm dịu đó, vẫn chiếc máy điều hòa nhiệt độ kiểu cũ kêu ro ro ở đằng sau, vẫn những làn mây hơi nước bay nghi ngút từ bàn là lên tới trần nhà. Bài hát đang phát là bài Triều xuống. Robert Maxwell, chơi thụ cầm. Tôi chợt nghĩ

giá bây giờ được ra biển thì tuyệt biết mấy! Tôi hình dung mùi bãi biển và tiếng sóng vỗ bờ. Những con hải âu. Lon bìa lạnh như đá.

Tôi chỉ nói với chủ hiệu rằng tôi quên biên nhận.

- Tôi mang tới cho ông đâu như thứ Năm hay thứ Sáu tuần trước. Một áo cánh, một váy.

- Okada... Okada... - anh ta vừa nói vừa lật một các trang cuốn vở học sinh. - Ủ, đây rồi. Một áo cánh, một váy. Nhưng bà Okada lấy rồi.

- Lấy rồi? – tôi sững sờ.

- Sáng hôm qua. Tôi nhớ rõ chính tôi đã đưa cho bà ấy mà. Bà ấy đang trên đường đi làm thì ghé qua. Mang theo cả

biên lai nữa.

Tôi không biết trả lời anh ta như thế nào nữa. Tôi chỉ còn biết trăn trối nhìn anh ta.

- Ông về hỏi bà nhà xem. Bà ấy lấy rồi mà, chắc chắn.

Anh ta rút một điếu trong hộp thuốc lá trên quầy, cho lên môi rồi bật lửa châm.

- Sáng hôm qua? – tôi hỏi. – Không phải chiều chứ?

- Buổi sáng, chắc chắn mà. Lúc tám giờ đúng. Hôm đó vợ ông là người mở hàng cho tôi. Chuyện như vậy tôi không quên đâu. Khi mà khách hàng đầu tiên của mình là một thiếu phụ trẻ thì mình thấy dễ chịu lắm chứ, phải không nào?

Tôi không rặn nổi một nụ cười để đáp lại

anh ta, giọng nói tôi phát ra nghe như không phải giọng tôi.

- Ô thôi, vậy là được rồi. Xin lỗi, tôi không biết cô ấy đã lấy rồi.

Anh ta gật đầu, liếc tôi rồi dụi tắt điều thuốc chỉ mới phì phèo hai ba hơi, lại đi là quần áo. Hình như anh ta bắt đầu thấy quan tâm đến tôi, muốn nói với tôi điều gì đó như rút cuộc lại quyết định không nói gì hết. Tôi cũng có những điều muốn hỏi anh ta. Khi Kumiko đến lấy đồ giặt trông nàng như thế nào? Nàng mang theo cái gì? Nhưng tâm trí tôi rồi bời, lại còn khát cháy cổ. Điều tôi muốn nhất bây giờ là ngồi xuống đâu đó uống một cái gì mát lạnh. Tôi cảm thấy đó là cách duy nhất để may ra tôi lại có thể nghĩ ngợi về một

điều gì.

Tôi đi thẳng từ hiệu giặt là tới quán cà phê cách đó mấy căn rồi gọi một cốc trà đá. Trong quán khá mát mẻ, tôi lại là người khách duy nhất. Những chiếc loa nhỏ gắn trên tường đang phát bản Tám ngày một tuần của Beattle biên soạn lại cho dàn nhạc. Tôi lại nghĩ đến biển. Tôi hình dung mình chân trần bước men theo mép bãi biển. Cát nóng rẫy, gió mang nặng mùi thủy triều. Tôi hít sâu vào ngực rồi nhìn lên bầu trời. Duỗi hai bàn tay ra, lòng bàn tay ngửa lên trời, tôi cảm thấy nắng hè nóng bỏng tuôn vào đó. Một làn sóng lạnh giá vỗ vào chân tôi.

Xét theo cách nào đi nữa, việc Kumiko ghé lấy đồ giặt trên đường đi làm thật là

lạ. Một mặt nàng sẽ phải chen lên tàu điện chật ních người trong khi tay cầm mấy chiếc áo váy vừa là xong, còn treo nguyên trên móc. Rồi nàng còn phải lặp lại như thế một lần nữa trên đường về nhà. Làm thế nàng không chỉ thêm bận tay mà công phu là ủi thẳng thớm của người ta sẽ hóa thành vô ích, áo váy sẽ nhàu hết. Gì chớ những chuyện ấy thì Kumiko kỹ tính lắm, tôi khó lòng hình dung nàng sẽ làm một việc vô ích như vậy. Nàng có thể ghé lấy trên đường đi làm về cơ mà. Hoặc nếu về muộn, nàng có thể nhờ tôi lấy. Chỉ có thể có một lý do thôi: nàng đã biết trước là nàng sẽ không về nhà. Cầm áo cánh và váy trong tay, nàng có thể đi bất cứ đâu. Bằng cách đó nàng sẽ có ít nhất một bộ đồ để thay, những thứ

còn lại nếu cần thì đều có thể mua được. Nàng có thể tín dụng, thẻ rút tiền, lại có tài khoản ngân hàng riêng. Nàng có thể muốn đi đâu cũng được.

Và nàng đi với một người nào đó – một người đàn ông. Không có lý do nào khác để nàng bỏ nhà đi cả.

Thế này thì nghiêm trọng đây. Kumiko biến mất, để lại toàn bộ quần áo, giày dép. Nàng xưa nay vẫn thích mua sắm quần áo, nàng dành cho việc đó bao nhiêu là tâm trí và công sức. Bỏ nhà ra đi mà hầu như không mang theo một thứ gì, nàng ắt hẳn phải có một quyết tâm dứt khoát lắm. Đã vậy còn hầu như chẳng chút do dự - ít nhất là tôi cảm thấy vậy -, nàng đi khỏi nhà chỉ mang theo mỗi một

chiếc áo cánh và một chiếc váy. Không, hẳn là lúc ra đi, quần áo là thứ nàng ít nghĩ tới hơn cả.

Tựa mình vào ghế, lơ đãng nghe thứ nhạc nền sạch sẽ đến khó chịu, tôi hình dung Kumiko đi trên tàu điện chật ních người, tay ôm áo váy vẫn còn nguyên móc áo gói trong túi nhựa của hiệu giặt. Tôi nhớ lại màu chiếc áo váy nàng mặc, mùi nước hoa sau tai nàng, tấm lưng mịn màng trắng muốt của nàng. Hẳn là tôi kiệt sức rồi. Tôi cảm thấy nếu nhắm mắt lại, tôi sẽ trôi đến nơi nào khác; tôi sẽ rơi vào một chỗ hoàn toàn khác.

Không có tin lành nào trong chương này



Tôi rời quán cà phê đi vợ vẫn qua các phố. Cái nóng hầm hập buổi chiều bắt đầu khiến tôi nôn nao khó chịu, thậm chí ớn lạnh nữa. Nhưng về nhà thì tôi không muốn chút nào. Chỉ nghĩ đến chuyện ngồi một mình trong căn nhà câm lặng đó mà đợi một cú điện thoại có lẽ chẳng bao giờ tới là tôi thấy ghệt thở rồi.

Việc duy nhất tôi nghĩ ra được để làm là đi gặp Kasahara May. Tôi về nhà, trèo qua tường rồi men theo con ngõ đến mặt hậu nhà cô bé. Tựa vào hàng rào căn nhà bỏ không phía bên kia ngõ, tôi nhìn khu

vườn có bức tượng chim. May hẳn sẽ thấy tôi nếu tôi cứ đứng thế này. Ngoài đôi lần ra ngoài làm việc cho công ty tóc giả, May lúc nào cũng ở nhà, hoặc quan sát con ngõ từ cửa sổ nhà mình hoặc tắm nắng trong sân.

Nhưng chả thấy Kasahara May đâu. Trên trời không một đám mây. Ánh nắng hè nung cháy lưng cổ tôi. Mùi cỏ hăng hăng dậy lên từ mặt đất, xộc vào phổi tôi. Tôi nhìn đăm đăm bức tượng chim, cố nghĩ đến những chuyện mà cậu tôi đã kể về số phận những người đã sống trong căn nhà này. Nhưng tôi chẳng nghĩ tới gì khác được ngoài biển, lạnh và xanh. Tôi hít sâu mấy hơi liền rồi nhìn đồng hồ. Coi như hôm nay đành chịu thua, tôi đã định

bỏ đi thì Kasahara May rút cuộc cũng xuất hiện. Cô chậm rãi băng qua đường đến chỗ tôi đứng. Cô mặc quần soóc bằng vải bông thô, áo sơ mi chim cò màu xanh dương, mang xăng đan đỏ. Đứng cạnh tôi, hình như cô mỉm cười qua cặp mắt kính.

- Chào Chim vặn dây cốt. Đã tìm thấy mèo Wataya Noboru chưa?

- Chưa, - tôi nói. - Sao hôm nay em ra muộn vậy?

Cô thọc tay vào túi bên hông, nhìn quanh với vẻ thích thú.

- Này Chim vặn dây cốt, em có nhiều thì giờ thật đấy, nhưng có phải em sinh ra để đứng canh cái ngõ này từ sáng đến tối đâu. Em có vài việc để làm chứ. Thôi

được rồi, xin lỗi anh vậy. Anh chờ lâu chưa?

- Không lâu lắm. Có điều đứng đây nóng quá.

Kasahara May nhìn chăm chú vào mặt tôi rồi nhíu mày.

- Có gì không ổn hử Chim vặn dây cốt? Anh trông khiếp lắm, cứ như mới đào dưới đất lên ấy. Vào chỗ râm mà nghỉ đi nào.

Cô nắm tay tôi dẫn vào vườn nhà cô. Ở đó cô chuyển một chiếc ghế xếp vào chỗ bóng râm dưới cây sồi, đặt tôi ngồi lên đó. Những cành lá xum xuê hắt bóng râm mát rượi mang mùi hương của cuộc sống.

- Đừng lo, nhà lúc nào cũng vậy thôi, chẳng có ai đâu, - cô nói. – Anh chẳng

phải lo gì hết. Đừng nghĩ ngợi nữa. Thư giãn đi.

- Anh có một việc muốn nhờ em, - tôi nói.

- Anh nói đi, - cô bảo.

- Anh muốn nhờ em gọi một cú điện thoại cho anh.

Tôi rút sổ và bút ra ghi số điện thoại cơ quan của Kumiko. Rồi tôi xé trang đó ra đưa cho May. Cuốn sổ nhỏ bìa nhựa âm ỉ, nhộp nháp vì mồ hôi.

- Em chỉ cần gọi điện đến chỗ này hỏi xem Okada Kumiko có ở đó không, nếu không thì hỏi xem hôm qua cô ấy có đi làm không.

Kasahara cầm mảnh giấy rồi đọc, môi chu lại. Đoạn cô nhìn tôi.

- Được rồi, xong ngay thôi. Anh đừng nghĩ ngợi gì hết, cứ nằm ngang. Anh không được cử động đấy. Em quay lại ngay.

Cô bé đi rồi, tôi đuổi người ra nhắm mắt theo lệnh cô. Người tôi ướt đầm mồ hôi từ đầu đến chân. Tôi thử suy nghĩ thì nghe giật phùng phùng ở tận bên trong đầu, lại như có một túm bùng nhùng ở trong dạ dày. Chốc chốc một cơn buồn nôn lại dợn lên. Xung quanh hoàn toàn tĩnh lặng. Tôi chợt nhớ ra rằng đã khá lâu tôi không nghe tiếng con chim vặn dây cót. Lần cuối tôi nghe tiếng nó là khi nào nhỉ? Có lẽ bốn năm hôm trước gì đó. Nhưng tôi không chắc. Đến khi tôi nhận ra thì đã vắng tiếng nó quá lâu rồi. Có

thể nó là chim di cư. Thử nghĩ mà xem, ta nghe tiếng nó lần đầu khoảng một tháng trước. Thế rồi suốt một thời gian, con chim vắn dây cót đều đặn hằng ngày lên dây cót cái thế giới nhỏ bé của chúng tôi. Đó là mùa Chim vắn dây cót.

Mười phút sau, Kasahara May trở lại. Cô đưa cho tôi một cái cốc to. Khi tôi cầm cốc, nước đá từ trong cốc kêu lanh canh. m thanh ấy như thể đến với tôi từ một thế giới xa xăm. Có mấy cánh cổng nối thế giới đó với nơi tôi ở lúc này, và tôi như nghe được âm thanh đó chỉ vì các cánh cổng tình cờ mở ra cùng lúc. Nhưng ấy chỉ là trong khoảnh khắc ngắn ngủi thôi – chỉ cần một cổng đóng lại, âm thanh đó sẽ không còn đến tai tôi nữa.

- Nước chanh đá đây. Uống vào sẽ nhẹ đầu hơn.

Tôi cố uống một nửa rồi trả cốc cho cô. Nước lạnh trôi qua cổ họng rồi xuống sâu vào trong cơ thể tôi, ngay sau đó một cơn buồn nôn dữ dội trỗi dậy. Cái khối lùm nhùm thối rữa trong dạ dày bắt đầu bung ra, dâng lên trong cuống họng tôi. Tôi nhắm mắt lại, cố chống chọi cho qua đi. Mắt nhắm, tôi lại thấy Kumiko đứng trên tàu điện, tay ôm chiếc áo cánh và váy. Có lẽ tốt nhất là nôn ra, tôi nghĩ. Nhưng tôi không nôn. Tôi hít thở sâu mấy lần cho đến khi cảm giác đó nguôi dần và biến mất hẳn.

- Thế nào, anh đỡ chưa? – Kasahara May hỏi.

- Anh đỡ rồi.

- Em gọi điện rồi, - cô nói. – Em bảo em là họ hàng. Thế được chứ phải không?

- Ờ.

- Cô Okada Kumiko này chính là bà Chim vặn dây cót phải không?

- Ờ.

- Họ bảo bà ấy không đi làm, hôm nay không, hôm qua cũng không. Nghỉ mà chẳng báo gì cả. Họ chẳng hiểu thế nào nữa. Bà ấy không phải loại người làm chuyện như vậy, họ bảo thế.

- Đúng. Cô ấy không phải loại người ấy.

- Chị ấy đi từ hôm qua phải không?

Tôi gật đầu.

- Tội nghiệp Chim vặn dây cót! –

Kasahara May nói, giọng cô có vẻ thành thật lấy làm tiếc cho tôi. Cô đặt tay lên trán tôi. – Em có thể giúp gì cho anh không?

- Bây giờ thì không, - tôi nói. – Cảm ơn em.

- Em hỏi tiếp có được không? Hay là em không hỏi nữa?

- Cứ hỏi đi. Nhưng không chắc anh trả lời được đâu.

- Có phải vợ anh bỏ đi với người khác không?

- Anh không chắc. Có thể. Cũng có thể là vậy.

- Nhưng hai anh chị đã ở với nhau suốt gần ấy năm còn gì. Làm sao chuyện như vậy mà anh không biết được?

Cô nói có lý. Làm sao tôi lại không biết cơ chứ?

- Tội nghiệp Chim vặn dây cót, - cô lại nói. – Ước gì em có thể nói gì đó để giúp anh được, nhưng em có biết gì về đời sống hôn nhân đâu.

Tôi đứng dậy khỏi ghế. Để đứng được như vậy cần phải mất sức hơn tôi tưởng nhiều.

- Cảm ơn em về mọi chuyện. Em đã giúp anh nhiều lắm. Giờ anh phải đi. Anh cần phải ở nhà, nhớ ra có tin tức gì. Có thể ai đó sẽ gọi điện.

- Về nhà thì anh đi tắm nhé. Tắm là việc đầu tiên. Được chứ? Rồi giặt quần áo sạch vào. Và cạo râu nữa.

- Cạo râu á? – tôi sờ cằm. Đúng thật vậy:

tôi quên cạo râu. Từ sáng đến giờ tôi quên khuấy việc ấy.

- Những chuyện ấy tuy nhỏ nhưng mà quan trọng đấy, Chim vặn dây cót ạ, - Kasahara May nói, nhìn thẳng vào mắt tôi. – Về nhà soi gương cho kỹ đi.

- Ừ, anh sẽ soi, - tôi nói.

- Sau đó em ghé qua nhà anh được không?

- Được chứ, - tôi nói. Rồi tôi thêm: Em giúp anh nhiều lắm.

Kasahara May im lặng gật đầu.

* * *

Về đến nhà, tôi nhìn mặt mình trong gương. Đúng thật: trông tôi khiếp quá. Tôi cởi quần áo, tắm vòi hoa sen, gội đầu ra trò, cạo râu, đánh răng, thoa dầu

sau cao râu lên mặt rồi lại soi gương, ngắm mình thật kỹ. Hình như có khá hơn một chút. Không buồn nôn nữa. Duy có cái đầu vẫn còn hơi mụ mẫm.

Tôi mặc quần soóc và áo phông mới. Tôi ngồi trên hàng hiên, dựa lưng vào cột mà ngắm khu vườn trong khi chờ tóc khô. Tôi cố gắng xếp lại các sự kiện trong những ngày vừa qua theo thứ tự. Đầu tiên là cú điện thoại của Trung úy Mamiya. Là sáng hôm qua thì phải? Ừ, chắc chắn rồi: sáng hôm qua. Sau đó Kumiko bỏ nhà đi. Tôi kéo khóa áo cho nàng. Kế đó tôi tìm thấy hộp đựng nước hoa. Rồi Trung úy Mamiya đến kể cho tôi nghe những câu chuyện kỳ lạ về thời chiến: chuyện ông bị quân Ngoại Mông bắt rồi

ném xuống giếng. Ông để lại cho tôi kỷ vật của ông Honda. Một cái hộp rỗng. Rồi Kumiko không về nhà. Sáng hôm đó nàng đã ghé lấy đồ giặt ở hiệu giặt gần nhà ga rồi biến mất. Không nói với cơ quan một tiếng. Đó là những gì đã diễn ra ngày hôm qua.

Tôi khó lòng tin được gần đây chuyện đã xảy ra chỉ trong vòng một ngày. Một ngày mà đến thế thì quá nhiều.

Ngẫm nghĩ mãi về những chuyện đó, tôi đâm ra buồn ngủ kinh khủng. Đây không phải cơn buồn ngủ bình thường. Nó là một cơn buồn ngủ mãnh liệt, thậm chí dữ dội. Cơn buồn ngủ lột phăng ý thức của tôi như người ta lột phăng quần áo khỏi cơ thể một người không kháng cự. Chẳng

nghe ngời gi, tôi vào phòng ngủ, cởi hết quần áo trừ quần lót rồi leo lên giường. Tôi cố nhìn chiếc đồng hồ trên bàn ngủ, nhưng thậm chí tôi không ngoảnh đầu lại được. Tôi nhắm mắt và lập tức rơi tõm vào một cơn ngủ không đáy sâu hun hút.

* * *

Trong giấc ngủ, tôi đang kéo khóa áo cho Kumiko. Tôi thấy tám lưng trơn nhẵn trắng ngần của nàng. Nhưng khi kéo khóa áo lên đến đỉnh, tôi nhận ra đó không phải là Kumiko mà là Kano Creta. Trong phòng chỉ có tôi và cô ta.

Đó cũng là căn phòng trong giấc mơ lần trước: một căn phòng cũng trong khách sạn đó. Trên bàn là một chai Cutty Sark và hai chiếc cốc. Có cả một xô bằng thép

không gỉ đưng đầy nước đá. Ở hành lang ngoài có ai đó đang đi ngang qua, vừa đi vừa nói gì đó giọng trầm trầm. Tôi không nghe rõ lời, hình như là tiếng nước ngoài. Trên trần có một chùm đèn nhưng không bật lên. Ánh sáng duy nhất trong căn phòng nhá nhem này là từ những ngọn đèn gắn trên tường. Cửa sổ cũng treo rèm dày kéo kín mít.

Kano Creta mặc bộ váy áo mùa hè của Kumiko màu xanh dương nhạt có hoa văn chim. Váy cao hơn đầu gối cô ta một chút. Cũng như mọi khi, cách trang điểm của cô ta theo phong cách Jacqueline Kennedy. Cổ tay phải cô đeo một cặp vòng tay hợp phong cách.

- Cô lấy đâu ra bộ áo này? Của cô à? –

tôi hỏi.

Kano Creta nhìn tôi lắc đầu. Khi cô làm vậy, đầu những lọn tóc quăn của cô rung rung một cách đáng yêu.

- Không, không phải của tôi, - cô nói. – Tôi mượn thôi. Nhưng xin ông Okada đừng lo, việc đó chẳng làm phiền ai cả.

- Chúng ta đang ở đâu đây? – tôi hỏi.

Kano Creta không đáp. Cũng như lần trước, tôi đang ngồi trên mép giường. Tôi mặc com lê, đeo cà vạt chấm hạt đỗ.

- Ông không phải nghĩ ngợi gì cả, ông Okada ạ, - Kano Creta nói. – Chẳng có gì phải lo hết. Mọi chuyện rồi sẽ tốt thôi. Và một lần nữa, cũng như trước, cô mở toan khóa quần tôi, kéo dương vật của tôi ra rồi ngậm vào miệng. Điểm duy nhất

khác lần trước là cô không cởi quần áo. Suốt thời gian đó cô vẫn mặc áo váy của Kumiko. Tôi cố cử động, nhưng dường như thân thể tôi bị trói chặt bằng những sợi dây vô hình. Tôi cảm thấy mình càng lúc càng to và cứng lên trong miệng cô ta.

Tôi thấy cặp mi giả và đuôi những lọn tóc quăn của cô rung rung. Những chiếc vòng tay của cô chạm vào nhau phát ra một âm thanh khô khốc. Lưỡi cô dài và mềm, dường như bọc kín quanh tôi. Ngay lúc tôi sắp xuất thì đột ngột cô ngừng người ra và bắt đầu chậm chậm cởi áo quần tôi. Cô cởi áo khoác, cà vạt, quần âu, áo sơ mi, quần lót của tôi rồi đẩy tôi nằm xuống giường. Tuy nhiên, cô vẫn

mặc nguyên y phục. Cô ngồi lên giường, cầm tay tôi kéo vào dưới lần áo của cô. Cô không mặc quần lót. Tay tôi cảm thấy sự ấm áp của âm đạo cô. Chỗ đó sâu, ấm và rất ẩm ướt. Ngón tay tôi sục xuống càng lúc càng sâu.

- Này, chút nữa Wataya Noboru có đến đây không? – tôi hỏi. – Chẳng phải cô đang đợi hắn hay sao?

Thay vì trả lời, Kano Creta sờ trán tôi.

- Đừng nghĩ gì hết, ông Okada. Chúng tôi sẽ lo mọi chuyện. Cứ để đây cho chúng tôi.

- Chúng tôi là ai? – tôi hỏi, nhưng không có câu trả lời.

Rồi Kano Creta trèo lên người tôi, dùng tay giúp đưa tôi vào bên trong cô. Khi

tôi đã vào sâu bên trong rồi, cô bắt đầu xoay hông chậm chậm. Nhịp theo chuyển động của cô, mép áo váy xanh nhạt vờn lên chỗ da dầy và cặp vú trần của tôi.

Trong tư thế cưỡi trên tôi như vậy, váy xòe ra quanh mình, trông Kano Creta như một cây nấm mềm mại khổng lồ, lặng lẽ trôi qua lớp lá khô trên mặt đất mà nở bung ra dưới đôi cánh chở che của bóng đêm. m đạo của cô vừa ấm lại vừa lạnh. Nó vừa cố bao bọc quanh tôi, hút tôi vào, lại vừa ra sức đẩy tôi ra. Tôi càng lúc càng cương to, càng cứng. Tôi cảm thấy mình sắp sửa nổ tung. Đó là một cảm giác thật kỳ lạ, vượt ngoài khoái cảm tình dục đơn thuần. Dường như có một cái gì đó bên trong cô, một cái gì đó đặc biệt từ bên trong cô đang thông qua

cơ quan sinh dục của tôi mà từ từ nhập vào tôi.

Mắt nhắm, cảm hơi ngược lên, Kano Creta nhẹ nhàng đu đưa người từ trước ra sau như đang mơ. Tôi thấy bộ ngực cô dềnh lên hạ xuống dưới làn áo theo từng hơi thở. Vài sợi tóc rụng vương trên trán cô. Tôi hình dung mình đang bồng bênh một mình giữa biển rộng mênh mông. Tôi nhắm mắt lại, lắng tai, chờ nghe thấy tiếng những làn sóng nhỏ vỗ vào mặt tôi. Thân thể tôi tắm trong nước đại dương ấm áp. Tôi cảm thấy dòng thủy triều chậm chậm chuyển. Nó đang mang tôi đi. Tôi quyết định làm theo lời Kano Creta, không nghĩ ngợi gì hết. Tôi nhắm mắt lại, để cho sức lực thoát khỏi tay chân, phó

thác thân mình cho dòng nước.

Đột nhiên tôi nhận thấy căn phòng sụp tối. Tôi cố nhìn quanh nhưng hầu như chẳng thấy gì. Các ngọn đèn tường đều đã tắt phụt. Chỉ còn hình dáng mờ mờ bộ áo dài xanh của Kano Creta đang khẽ lắc lư trên người tôi. “Quên đi,” cô ta nói, nhưng đó không còn là giọng của Kano Creta nữa. “Quên hết mọi chuyện đi. Anh đang ngủ. Anh đang mơ. Anh đang nằm trong một vũng bùn ẩm, dễ chịu. Tất cả chúng ta từ bùn mà ra và đều trở về bùn”.

Đó là người đàn bà đã nói chuyện với tôi qua điện thoại. Người đàn bà bí ẩn trên điện thoại lúc này đang cười trên tôi, hợp nhất thân mình với thân tôi. Cô ta

cũng mặc áo váy của Kumiko. Cô ta và Kano Creta đã đổi chỗ cho nhau mà tôi không hề biết. Tôi cố nói. Tôi không biết mình mong nói được gì, nhưng ít nhất tôi cũng cố nói gì đó. Tuy nhiên, vì quá bối rối nên tôi chẳng thốt được tiếng nào. Tôi chỉ bật ra được mỗi một luồng khí nóng. Tôi mở căng mắt cố nhìn rõ mặt người đàn bà đang cười trên tôi, nhưng trong phòng tối quá.

Người đàn bà không nói gì nữa. Thay vào đó cô ta bắt đầu chuyển động đôi hông càng khêu gợi hơn. Thịt da mềm mại của cô, dường như bản thân nó là một cơ thể độc lập, vừa ôm trùm lấy tôi vừa nhẹ nhàng kéo tôi vào trong nó. Từ phía sau cô ta tôi nghe thấy – hay tưởng

như nghe thấy – tiếng quả đấm cửa xoay. Một ánh lóe trắng lướt qua trong bóng tối. Có thể là chiếc xô đựng đá đặt trên bàn vừa được chiếu sáng trong khoảnh khắc bởi ánh đèn ngoài hành lang. Hoặc có thể ánh lóe đó phát ra từ một lưỡi dao bén. Nhưng tôi không nghĩ gì hơn được nữa. Chỉ còn một việc duy nhất tôi có thể làm: tôi xuất.

* * *

Tôi rửa tay thật kỹ dưới vòi hoa sen, giặt bằng tay chiếc quần lót vấy tinh dịch. Lại thật, tôi nghĩ. Cớ sao tôi lại gặp mộng tinh trong giai đoạn khó khăn này của cuộc đời mình?

Một lần nữa tôi lại thay quần áo mới, một lần nữa tôi lại ra ngoài hiên nhìn khu

vườn. Những vật nắng lọc qua tầng lá xanh dày, nhảy múa trên vạn vật. Mấy ngày mưa liên tục làm cỏ dại xanh tươi mọc um tùm đầy đó, khiến khu vườn phẳng phất vẻ tiêu điều tù đọng.

Lại Kano Creta. Hai cơn mộng tinh cách nhau chỉ một thời gian ngắn, và cả hai lần đều là Kano Creta. Tôi chưa lần nào nghĩ đến việc ngủ với cô ta cả. Ý muốn ngủ với cô ta chưa bao giờ nảy ra trong đầu tôi. Ấy thế mà cả hai lần tôi đều cùng ở trong một căn phòng đó mà nhập thân thể mình vào thân thể cô ta. Nguyên do là thế nào chứ? Lại còn người đàn bà trên điện thoại về sau thế chỗ cho Creta nữa, cô ta là ai? Cô ta biết tôi, mà tôi cũng biết cô ta, ấy là cô ta bảo vậy. Tôi

điểm lại trong đầu mấy người bạn tình tôi từng có trong đời, nhưng không ai trong số đó có thể là người đàn bà trên điện thoại cả. Thế nhưng ở cô ta có cái gì đó quen lắm. Đó là điều khiến tôi bứt rứt khó chịu.

Có một thứ ký ức nào đó đang cố thoát ra ngoài. Tôi cảm thấy nó đang vùng vẫy ở bên trong. Tất cả những gì tôi cần chỉ là một lời gợi ý nhỏ. Nếu tôi rút đúng sợi chỉ nhỏ nhoi đó, mọi thứ sẽ được tháo gỡ hết. Điều bí ẩn đang chờ tôi giải nó. Nhưng sợi chỉ mỏng manh duy nhất kia thì tôi chưa thể tìm ra.

Tôi chịu thua không nghĩ nữa. “Quên hết đi. Anh đang ngủ. Anh đang mơ. Anh đang nằm trong bùn âm, dễ chịu. Tất cả

chúng ta từ bùn mà ra và tất cả chúng ta đều trở về bùn”.

* * *

Đến 6 giờ chiều vẫn không ai gọi điện. Chỉ có Kasahara May đến. Cô chỉ cần một hộp bia thôi, cô bảo. Tôi lấy một lon bia trong tủ lạnh rồi chia đôi với cô. Tôi đói, thế nên tôi kẹp ít thịt băm và rau diếp vào giữa hai lát bánh mì rồi ăn. Thấy tôi ăn, May bảo cô cũng muốn ăn. Tôi bèn làm sandwich cho cả cô. Chúng tôi lặng lẽ ăn và uống bia. Chốc chốc tôi lại nhìn đồng hồ.

- Nhà này không có tivi à?

- Không có tivi, - tôi đáp.

Cô hơi cần môi.

- Em cũng nghĩ vậy. Anh không thích tivi

sao?

- Không phải anh không thích. Nhưng không có tivi cũng chả sao.

Kasahara May ngẫm nghĩ một hồi.

- Chim vặn dây cốt này, anh chị lấy nhau được mấy năm rồi?

- Sáu năm, - tôi đáp.

- Suốt sáu năm ấy anh chị không hề có tivi à?

- Ồ. Ban đầu bọn anh không có tiền mua. Sau rồi quen, sống không cần tivi nữa. Vậy cũng tốt, yên tĩnh.

- Hả hai anh chị hạnh phúc lắm.

- Sao em nghĩ vậy?

Cô nhăn mặt.

- Em thì không sống nổi một ngày nếu

không có tivi.

- Vì sao, vì em không hạnh phúc à?

Kasahara May không trả lời.

- Nhưng giờ Kumiko đi rồi. Hẳn anh sẽ không hạnh phúc như vậy nữa đâu, Chim vặn dây cốt à.

Tôi gật đầu, nhấp một ngụm bia.

- Có vậy thật, - tôi nói. Quả đúng vậy.

Cô cho một miếng thuốc lên môi rồi bật diêm môi thuốc bằng một động tác thành thạo.

- Này Chim vặn dây cốt, anh nói thật với em nhé, hết sức thành thật đấy. Em có xấu xí không?

Tôi đặt cốc bia xuống rồi nhìn lại khuôn mặt Kasahara May. Nói chuyện với cô từ nãy đến giờ mà tâm trí tôi cứ để đâu đâu.

Cô mặt váy áo phong đen quá khổ, làm lộ rõ đường cong của bộ ngực con gái.

- Em hoàn toàn không xấu chút nào, - tôi nói. – Dứt khoát là vậy. Sao em hỏi thế?

- Bạn trai em cứ luôn mồm bảo em xấu xí, rằng em không có vú vê gì hết.

- Có phải cậu bị tai nạn mô tô không?

- Vâng, cậu ấy đấy.

Tôi quan sát Kasahara May chậm chậm phà khói thuốc.

- Tụi con trai ở tuổi đó toàn nói năng vậy thôi. Chúng không biết nói sao để diễn đạt chính xác cảm nhận của mình, nghĩ một đằng nói một nẻo, thành ra vô có làm tổn thương đến người khác và cũng làm tổn thương chính mình. Chứ em thì có xấu chút nào đâu. Anh thấy em rất

xinh. Không phải nịnh đâu.

Kasahara May ngẫm nghĩ một hồi. Cô gạt tàn thuốc vào lon bia rỗng.

- Bà Chim vặn dây cốt có xinh không?

- Chà, cái ấy thì khó nói. Kể thì bảo cô ấy xinh, người khác lại bảo không. Đó là chuyện sở thích.

- Em hiểu, - cô nói. Cô gõ móng tay lên thành cốc như thể đang thấy buồn chán.

- Bạn trai em làm gì? - tôi hỏi. - Cậu ta có đến gặp em nữa không?

- Không, - Kasahara May đáp, ngón tay đặt lên vết sẹo cạnh mắt trái. - Em sẽ không bao giờ gặp cậu ấy nữa. Chắc chắn thế. Chắc hai trăm phần trăm. Có cước chặt ngón chân út em cũng cước. Nhưng em không thích nói chuyện đó

ngay lúc này. Anh biết đó, có những điều
hề mình nói tới thì lại thành ra không
thật. Anh hiểu ý em chứ, hờ Chim vặn
dây cốt?

- Chắc anh hiểu, - tôi nói. Đoạn tôi liếc
cái điện thoại trong phòng khách. Nó
nằm trên bàn, chìm trong im lặng. Nó
trông như một sinh vật đáy biển giả vờ là
một vật vô tri, đang mai phục rình mồi.

- Chim vặn dây cốt à, hôm nào đó em sẽ
kể với anh về cậu ấy. Khi nào em thấy
thích kể ấy. Nhưng bây giờ thì không.
Đơn giản là em không thích kể bây giờ.
Cô nhìn đồng hồ.

- Em phải về đây. Cám ơn anh cho uống
bia nhé.

Tôi tiễn cô ra bức tường ngoài vườn.

Vàng trắng gần tròn tuôn ánh sáng to hạt xuống mặt đất. Cảnh trăng tròn làm tôi nhớ lại rằng sắp tới kỳ kinh của Kumiko. Nhưng điều đó hẳn không liên quan gì tới tôi nữa. Ý nghĩ đó khiến trong ngực tôi đau nhói lên. Cái đau dữ dội đột kích tôi thật bất ngờ: nó giống như nỗi buồn.

Đặt hai tay lên đầu tường, Kasahara May nhìn tôi.

- Này Chim vặn dây cốt, anh nói em nghe, anh yêu Kumiko phải không?

- Anh nghĩ là yêu.

- Cho dù chị ấy bỏ đi với tình nhân? Nếu chị ấy bảo muốn quay lại với anh, anh có đón nhận chị ấy không?

Tôi thờ dãi.

- Câu hỏi khó đây, - tôi nói. — Chừng nào

xảy ra như vậy thật thì anh cần phải nghĩ đã.

- Xin lỗi nếu em hơi tọc mạch, -
Kasahara May vừa nói vừa khẽ tắc lưỡi.
- Anh đừng giận nhé. Em chỉ cố học thôi mà. Em muốn biết nếu bị vợ bỏ thì thế nào thôi. Có bao nhiêu chuyện mà em không biết.

- Anh không giận đâu, - tôi đáp. Rồi tôi lại nhìn lên vầng trăng tròn.

- Thế thì được rồi. Chim vặn dây cót, anh khỏe nhé. Em mong vợ anh sẽ về và mọi chuyện sẽ êm đẹp.

Nhẹ nhàng đến khó tin, Kasahara May nhảy phóc qua tường rồi biến mất vào màn đêm mùa hè.

* * *

Kasahara May đi rồi, tôi lại chỉ có một mình. Tôi ngồi ngoài hiên ngẫm nghĩ về những câu hỏi cô bé đã nêu ra. Nếu Kumiko bỏ nhà đi với tình nhân, liệu tôi có thể đón nhận nàng nếu nàng trở lại không? Tôi không biết câu trả lời. Tôi thực sự không biết. Có bao nhiêu điều tôi không biết.

Bất ngờ điện thoại reo. Bàn tay tôi bật ngay ra như một phản xạ có điều kiện, chớp lấy ống nghe.

Giọng nói ở đầu dây bên kia là của một phụ nữ.

- Tôi là Kano Malta đây, - cô ta nói. — Xin ông thứ lỗi vì tôi gọi ông thường xuyên như vậy, thưa ông Okada. Tôi muốn biết chẳng hay ngày mai ông có dự

định gì không?

Tôi bảo tôi chẳng có dự định nào hết.
Đơn giản rằng tôi không hề có cái gọi là dự định.

- Nếu vậy, liệu chúng ta có thể gặp nhau vào buổi chiều không ạ?

- Chuyện này có liên quan gì đến Kumiko không?

- Tôi tin là có, - Kano Malta vừa nói vừa chọn kỹ từng lời. – Rất có thể Wataya Noboru cũng sẽ gặp chúng ta.
Nghe đến đây tôi suýt đánh rơi ống nghe.

- Ý cô là ba chúng ta sẽ gặp nhau để nói chuyện à?

- Vâng, tôi nghĩ vậy, - Kano Malta nói – trong hoàn cảnh hiện nay thì điều đó là cần thiết. Tôi xin lỗi không thể nói chi

tiết hơn qua điện thoại.

- Tôi hiểu. Thôi được rồi, - tôi nói.

- Chúng ta gặp nhau lúc 1 giờ chiều nhé.

Cũng ở nơi ta gặp nhau lần trước: trà quán ở khách sạn Shinagawa Pacific.

- 1 giờ ở trà quán tại khách sạn Shinagawa Pacific, - tôi đáp lại rồi gác máy.

* * *

10 giờ đêm thì Kasahara May gọi điện. Cô chẳng có chuyện gì đặc biệt cần nói cả, chỉ muốn nói chuyện với ai đó thôi. Chúng tôi chuyện gẫu một hồi về những đề tài vặt vãnh.

- Nói em nghe, Chim vặn dây cót, - cuối cùng cô hỏi, - từ lúc em về anh có nhận được tin lành nào không?

- Không có tin lành nào hết, - tôi nói. –
Chẳng có gì.

3

Wataya Noboru nói



Chuyện lữ khỉ trên đảo cút

Tôi đến quán trà sớm hơn giờ hẹn mười phút, nhưng Wataya Noboru và Kano Creta đã ngồi nơi bàn đợi tôi rồi. Đang giờ ăn trưa, quán đông nghẹt khách, nhưng tôi nhận ra Kano Creta ngay lập tức. Có mấy ai đội mũ vải vinyl màu đỏ giữa trưa hè nắng gắt đâu. Đó hẳn cũng là cái mũ cô đã đội vào hôm đầu tiên tôi gặp cô ta, trừ phi cô có cả một bộ sưu tập mũ bằng vải vinyl, tất cả đều cùng màu, cùng kiểu. Cô vẫn ăn mặc như lần trước, đơn giản mà tinh tế: áo ngắn tay

bằng vải lanh khoác ngoài áo cánh không cổ bằng vải bông. Cả hai đều trắng phau, không một nếp nhăn. Không trang sức, không trang điểm. Duy chỉ có chiếc mũ vải vinyl màu đỏ là tương phản với mọi thứ còn lại cả về màu sắc lẫn chất liệu. Khi tôi đến kéo ghế ngồi, cô ta giở mũ đặt lên bàn như chỉ đợi có thế. Bên cạnh chiếc mũ là một cái xắc tay nhỏ bằng da màu vàng. Cô ta đã gọi nước tonic nhưng chưa đựng tới, cũng như lần trước. Thứ chất lỏng kia trông có vẻ lúng túng thế nào đó trong cái cốc cao, như thể nó chẳng có gì hay hơn để làm ngoài việc sủi lên những bong bóng nhỏ.

Wataya Noboru đeo kính râm màu xanh lục. Ngay khi tôi ngồi xuống, hẩn tháo

kính ra nhìn chăm chăm vào cặp tròng kính một lúc rồi lại đeo vào. Hắn mặc áo phong trắng nom mới tinh, bên ngoài là áo khoác thể thao bằng vải bông màu xanh nước biển. Trên bàn trước mặt hắn cũng có một cốc trà đá, nhưng hình như hắn cũng chưa đụng tới.

Tôi gọi cà phê rồi nhấp một ngụm nước đá.

Không ai nói gì. Wataya Noboru thậm chí ra vẻ không hề nhận thấy tôi đã đến. Tôi đặt một bàn tay lên bàn, lật lên úp xuống và quan sát kỹ để biết chắc không phải mình đã đột ngột trở nên vô hình. Bồi bàn đến, đặt tách trước mặt tôi rồi rót cà phê. Khi anh ta đi rồi, Kano Malta khẽ hắng giọng như để thử micro, nhưng

cô ta vẫn chẳng nói gì.

Người đầu tiên lên tiếng là Wataya Noboru.

- Tôi có rất ít thời gian, nên chúng ta hãy nói càng đơn giản và thẳng thắn càng tốt.

Hắn như đang nói với cái chén đựng đường bằng thép không gỉ ở giữa bàn, nhưng dĩ nhiên đó là hắn nói với tôi. Cái chén đựng đường chẳng qua là một điểm chung chuyển thuận tiện giữa chúng tôi, để hắn có thể hướng lời vào đấy.

- Nói càng đơn giản và thẳng thắn càng tốt về cái gì? – tôi hỏi một cách cực kỳ thẳng thắn.

Rốt cuộc Wataya Noboru cũng tháo kính ra, xếp lại, để lên bàn, rồi nhìn thẳng vào tôi. Đã hơn ba năm rồi tôi không gặp

hắn, không nói chuyện với hắn, nhưng tôi không hề cảm thấy có cái khoảng cách thời gian ấy – hắn là vì cái mặt hắn từ trên báo chí và truyền hình quá thường xuyên chường ra trước mắt tôi. Có một số loại thông tin cứ như khói: nó xộc vào mắt, vào tâm trí người ta dù người ta có tìm kiếm nó hay không, có thích hay không.

Nhưng lúc này, buộc phải gặp trực tiếp hắn, tôi không thể không nhận thấy ba năm qua đã làm thay đổi đến mức nào cái ấn tượng mà khuôn mặt hắn gây ra. Vẻ lơ đãng, uể oải trước kia của hắn đã lùi xuống đằng sau, được thay bằng một cái gì đó bóng lưỡng, nhân tạo. Wataya Noboru đã tìm được cho mình một cái

mặt nạ mới, tinh vi hơn, một cái mặt nạ làm rất khéo, thậm chí có thể nói là một bộ da mới. Dù nó là gì đi nữa, mặt nạ hay bộ da, tôi buộc phải thừa nhận – vâng, ngay cả tôi cũng phải thừa nhận – rằng nó có một sức hấp dẫn nào đó. Thế rồi tôi vỡ ra: nhìn cái mặt này cũng như nhìn một hình ảnh trên truyền hình vậy. Hắn nói năng đúng theo kiểu người ta nói trên truyền hình, hắn cử động đúng theo kiểu người ta cử động trên truyền hình. Giữa hai chúng tôi luôn luôn có một lớp kính. Tôi ở bên này, hắn ở bên kia.

- Nói chuyện gì thì chắc cậu biết rồi, ta gặp nhau hôm nay để nói về Kumiko, - Wataya Noboru nói. – Về Kumiko và cậu. Về tương lai của cậu. Cậu và cô ấy

sẽ làm gì.

- Làm gì á? - Tôi vừa nói vừa nâng tách lên, nhấp một ngụm cà phê. – Anh nói cụ thể hơn một chút được không?

Wataya Noboru nhìn tôi với cặp kính vô cảm đến kỳ lạ.

- Cụ thể hơn một chút à? Kumiko có tình nhân. Nó đã bỏ cậu. Chắc cậu cũng biết, không ai là người trong cuộc ở đây lại muốn tình thế này kéo dài mãi. Như vậy sẽ không tốt cho bất cứ ai.

- Có tình nhân? – tôi hỏi.

- Khoan đã, xin hãy khoan, - Kano Malta chọn đúng lúc đó để xen vào. – Những cuộc nói chuyện như thế này phải theo trình tự trước sau. Thưa ông Wataya, ông Okada, xin mọi người hãy nói theo trình

tự.

- Tôi không hiểu, - Wataya Noboru nói bằng giọng hoàn toàn vô sinh khí. - Ở đây chả có trình tự gì hết. Cô nói về cái trình tự nào kia? Chẳng có trình tự quái gì ở đây cả.

- Cứ để ông ấy nói trước, - tôi nói với Kano Malta. - Trình tự thì ta có thể áp đặt sau, nếu cứ cho là có trình tự.

Kano Malta nhìn tôi vài giây, hơi bĩu môi, rồi khẽ gật đầu.

- Thôi được, - cô nói. - Ông Wataya nói trước. Xin mời.

- Kumiko đã tìm được một người đàn ông khác, - hần bắt đầu nói. - Nay nó đã bỏ nhà theo anh ta. Chuyện đó đã rõ. Nghĩa là chẳng còn lý do gì để hai cô

cậu tiếp tục cuộc hôn nhân. Cũng may cô cậu chưa có con, và xét hoàn cảnh thì cũng chẳng có khoản tiền nào cần trao tay cả. Mọi việc có thể thu xếp chóng vánh. Đơn giản là nó rút tên khỏi hộ khẩu gia đình nhà cậu thôi. Cậu chỉ cần ký tên, đóng dấu vào các mẫu đơn do luật sư soạn sẵn, thế là xong. Và cho tôi nói thêm điểm này để tránh hiểu lầm: những gì tôi đang nói đây là quan điểm cuối cùng của toàn bộ gia đình Wataya.

Tôi khoanh tay trước ngực, ngẫm nghĩ một lúc những điều hần vừa nói.

- Tôi có vài câu hỏi, - tôi nói. — Trước hết, làm sao anh biết Kumiko có tình nhân?

- Chính nó bảo tôi, - Wataya Noboru nói.

Tôi không biết nói gì nữa. Tôi đặt hai tay lên bàn, im lặng. Tôi thật khó hình dung một vấn đề cá nhân như vậy mà Kumiko lại đi nói với Wataya Noboru.

- Nó gọi điện cho tôi cách đây một tuần, nói rằng có chuyện cần bàn, - Wataya Noboru nói tiếp. — Hai chúng tôi đã gặp nhau và nói chuyện. Mặt đối mặt. Lúc đó Kumiko mới kể với tôi nó đang hẹn hò với một người khác.

Lần đầu tiên trong nhiều tháng, tôi thấy thèm thuốc. Dĩ nhiên tôi không mang theo thuốc lá. Thay vì thuốc, tôi nhấp một ngụm cà phê rồi đặt tách xuống đĩa đánh cách một tiếng lớn, khô khốc.

- Rồi nó bỏ nhà đi, - hần nói.

- Tôi hiểu, - tôi nói. — Nếu anh nói vậy

thì chắc đúng như vậy. Hẳn là Kumiko đã có tình nhân. Và cô ấy đến gặp anh nhờ khuyên bảo. Tôi thật khó mà tin được, nhưng tôi không thể hình dung chuyện như vậy mà anh có thể nói dối với tôi.

- Dĩ nhiên là tôi không nói dối, - Wataya Noboru nói, môi thoáng cười.

- Anh chỉ có ngân ấy để nói với tôi sao? Kumiko bỏ tôi theo người khác, thế là tôi nên đồng ý ly dị à?

Wataya Noboru đáp bằng cách chỉ khẽ gật đầu, như thể hẳn đang cố tiết kiệm sức lực.

- Chắc cậu cũng biết ngay từ đầu tôi đã không đồng tình với việc Kumiko lấy cậu. Tôi đã không tích cực can thiệp vào

bởi tôi cho đó không phải là việc của tôi, nhưng giờ thì tôi lấy làm tiếc hồi đó mình đã không can thiệp. – Hấn nhấp một ngụm nước rồi đặt lại cốc xuống bàn. Đoạn hấn nói tiếp: Ngay từ lần đầu tiên gặp cậu, tôi đã biết không thể hy vọng bất cứ cái gì ở cậu hết. Tôi không thấy ở cậu có chút hứa hẹn gì sất. Ở cậu không có cái gì cho thấy cậu sẽ làm được việc gì ra hồn, làm người cho ra người còn không được nữa là. Chẳng có gì lấp lánh, chẳng có gì tỏa sáng, chẳng có gì ráo. Tôi đã biết cậu đặt tay lên cái nào là y như rằng cái đó dở cơm dở cháo, rằng cậu sẽ không bao giờ làm được việc gì đến nơi đến chốn. Và tôi có sai đâu. Cậu đã cưới em tôi được sáu năm, trong suốt thời gian đó cậu làm được cái gì? Không

gì hết, đúng không? Suốt sáu năm qua cậu chỉ làm được mỗi một việc là bỏ việc và hủy hoại cuộc đời của Kumiko. Nay cậu đang thất nghiệp và không có dự định nào cho tương lai. Trong cái đầu cậu chẳng có gì khác ngoài đá cục và rác rưởi.

Tại sao Kumiko lại ưa cái ngữ như cậu, tôi không bao giờ hiểu nổi. Có lẽ nó thấy đồng rác rưởi đá cục trong đầu cậu là thú vị chẳng. Nhưng nói gì thì nói, rác vẫn là rác, đá vẫn là đá. Ngay từ đầu nó đã chọn lầm người. Nói vậy không có nghĩa Kumiko là người hoàn hảo. Từ nhỏ nó đã có những thói kỳ quặc, vì lý do này nọ. Tôi cho rằng chính vì vậy mà có thời nó đã bị cậu thu hút. Nhưng giờ thì hết rồi.

Trong mọi trường hợp, tốt nhất là hãy chấm dứt chuyện này càng sớm càng tốt. Cha mẹ tôi và tôi sẽ trông nom Kumiko. Chúng tôi muốn cậu hãy rút lui. Mà cũng đừng mất công tìm nó. Cậu không còn liên quan gì tới nó nữa. Cậu càng cố dây vào thì chỉ tổ càng gây rắc rối thôi. Tốt nhất cậu hãy bắt đầu cuộc đời mới ở một chỗ mới, một cuộc đời thích hợp với cậu hơn. Thế là tốt nhất cả cho cậu lẫn cho chúng tôi.

Để tỏ ra hắn đã nói xong, Wataya Noboru uống cạn cốc nước rồi gọi bồi, bảo mang thêm nước lên.

- Anh còn gì nói nữa không? – tôi hỏi.
Lần này Wataya Noboru trả lời bằng cách khẽ lắc đầu.

- Nếu vậy, - tôi nói với Kano Malta, -
trình tự của cuộc nói chuyện này là thế
nào?

Kano Malta lấy trong xác ra một chiếc
khăn mùi soa nhỏ màu trắng mà lau khô
miệng. Đoạn cô ta nhắc chiếc mũ bằng
vải vinyl màu đỏ đặt lên trên cái xác.

- Tôi biết chuyện này sẽ rất sốc đối với
ông, thưa ông Okada, - cô nói. - Về phần
mình, tôi rất khổ tâm khi phải nói chuyện
trực tiếp với ông về những chuyện này,
mong ông hiểu.

Wataya Noboru liếc đồng hồ như để xác
nhận rằng trái đất vẫn đang xoay quanh
trục, càng xoay thì lại càng lấy mất thì
giờ quý báu của hắn.

- Tôi hiểu mình phải nói càng đơn giản

và thẳng thắn càng tốt. Bà Okada đến gặp tôi đầu tiên. Bà ấy đến xin tôi lời khuyên.

- Theo lời giới thiệu của tôi, - Wataya Noboru xen vào. – Kumiko đến gặp tôi về chuyện con mèo, tôi mới giới thiệu nó với cô Kano.

- Chuyện ấy là trước hay sau khi tôi gặp cô? – tôi hỏi Kano Malta.

- Trước, - cô đáp.

- Trong trường hợp đó, nếu sắp xếp mọi chuyện theo trình tự thì đại loại thế này. Kumiko biết về sự tồn tại của cô thông qua Wataya Noboru, cô ấy liền đến tìm cô về việc con mèo đi lạc. Sau đó, vì lý do gì tôi chưa rõ, cô ấy giấu tôi việc cô ấy đã gặp cô mà sắp xếp cho tôi gặp cô, thế là chúng ta gặp nhau, ngay ở đây. Tôi

nói có đúng không?

- Gần như vậy, - Kano Malta nói, hơi ngắc ngứ. – Cuộc gặp đầu tiên giữa tôi với bà Okada là chỉ về chuyện con mèo. Tuy nhiên, tôi lại thấy chuyện này có gì đó sâu xa hơn chứ không chỉ có thế, chính vì vậy tôi mới cần gặp ông Okada để nói trực tiếp với ông. Sau đó tôi lại thấy cần phải gặp bà Okada một lần nữa để hỏi về những việc sâu kín, riêng tư hơn.

- Đó cũng là lúc Kumiko kể với cô rằng cô ấy có tình nhân.

- Vâng. Đại thể là vậy. Ở địa vị của tôi, tôi không thể nói chi tiết hơn về chuyện đó, - Kano Malta nói.

Tôi thờ dài. Thờ dài có giải quyết được

gì cho cam, nhưng tôi không thể không làm vậy.

- Vậy là Kumiko dan díu với gã kia đã khá lâu rồi?

- Khoảng hai tháng rưỡi gì đó, tôi nghĩ vậy.

- Hai tháng rưỡi, - tôi nói. – Làm sao chuyện đó diễn ra suốt hai tháng rưỡi trời mà tôi không nhận thấy gì hết cơ chứ?

- Bởi vì ông chẳng mảy may nghi ngờ vợ mình, ông Okada ạ, - Kano Malta nói. Tôi gật đầu.

- Đúng vậy. Chưa bao giờ trong đầu tôi có ý nghĩ đó. Tôi chưa bao giờ hình dung Kumiko có thể nói dối tôi như vậy, đến giờ tôi vẫn không tin được.

- Nếu không kể đến hậu quả, thì khả năng tin tưởng người khác một cách trọn vẹn là một trong những phẩm chất cao đẹp nhất của con người, - Kano Malta nhận xét.

- Và không dễ gì có được, - Wataya Noboru nói.

Bồi bàn đến rót thêm vào tách cà phê của tôi. Một phụ nữ bàn bên cạnh phá lên cười.

- Vậy thì rốt cuộc mục đích để hôm nay chúng ta gặp nhau là gì? – tôi nói với Wataya Noboru. – Tại sao ba chúng ta ngồi đây? Để tôi phải đồng ý ly dị Kumiko chẳng? Hay còn mục đích nào khác sâu xa hơn? Những gì anh vừa nói tuồng như cũng có thứ logic nào đó,

nhưng tất cả những phần quan trọng thì lại mơ hồ. Anh nói Kumiko có tình nhân và bỏ nhà đi. Vậy cô ấy đi tới đâu? Cô ấy đang làm gì ở đó? Cô ấy ở đó một mình hay ở với gã kia? Tại sao Kumiko không liên lạc với tôi? Nếu đúng là cô ấy có tình nhân thì đành chịu, thế là hết. Nhưng tôi chỉ tin đó là sự thật chừng nào chính Kumiko nói ra với tôi. Anh có hiểu không? Nói gì thì nói, chuyện chỉ liên quan đến hai người thôi, là Kumiko và tôi. Chỉ có chúng tôi mới phải nói chuyện với nhau và quyết định mọi chuyện. Anh chẳng dính dáng gì ở đây hết.

Wataya Noboru đẩy cốc trà đá chưa đựng tới sang một bên.

- Chúng tôi tới đây để thông báo tình hình cho cậu, - hắn nói. – Tôi đã nhờ cô Kano đi cùng tôi, bởi tôi cho rằng có mặt bên thứ ba nữa thì hơn. Tôi không biết tình nhân của Kumiko là ai, tôi cũng không biết hiện giờ nó ở đâu. Kumiko là người lớn. Nó muốn làm gì là việc của nó. Nhưng dù có biết nó đang ở đâu, nhất định tôi cũng không nói cho cậu hay. Nó không liên lạc với cậu bởi vì nó không muốn nói chuyện với cậu.

- Nhưng cô ấy đã nói chuyện với anh! Cô ấy có thể nói những gì với anh nhỉ? Theo tôi hiểu, anh với cô ấy có thân thiết với nhau lắm đâu.

- Nếu cậu với nó thân thiết với nhau đến thế thì có sao nó ngủ với thằng khác? –

Wataya Noboru nói.

Kano Malta khẽ ho.

Wataya Noboru nói tiếp:

- Kumiko bảo tôi nó đang có quan hệ với một người đàn ông khác. Nó bảo nó muốn giải quyết dứt điểm mọi chuyện một lần cho xong. Tôi đã khuyên nó ly dị cậu. Nó bảo nó sẽ suy nghĩ về chuyện đó.

- Chỉ thế thôi à? – tôi hỏi.

- Chứ cậu còn muốn gì nữa?

- Tôi không hiểu nổi, - tôi nói. – Tôi không tin chuyện quan trọng như thế mà Kumiko lại đi nói với anh. Chuyện như vậy cô ấy sẽ tâm sự với ai chứ anh thì không đời nào. Cô ấy hoặc sẽ tự suy nghĩ lấy hoặc sẽ nói thẳng với tôi. Chắc hẳn cô ấy nói với anh là nói gì khác cơ. Nếu

cô ấy đã gặp anh để nói chuyện thì hẳn phải là chuyện gì khác rồi.

Trên môi Wataya Noboru thoáng qua nụ cười mơ hồ nhất có thể có – một nụ cười mỏng dính, lạnh tanh như mảnh trăng treo trên bầu trời khi bình minh.

- Người ta bảo vu vạ là ý nói vậy đó, - hẳn nói bằng giọng khẽ nhưng nghe rõ.

- Vu vạ, - tôi nhắc lại, để thử tự mình nói ra cái từ ấy.

- Chắc cậu hiểu ý tôi chứ, - hẳn nói. – Vợ cậu ngủ với tình nhân. Cô ta bỏ cậu. Thế rồi cậu đổ lỗi lên người khác. Tôi chưa bao giờ nghe ai nói năng ngu xuẩn như vậy. Này, tôi đến đây có phải vì thích đến đâu. Tôi đến là vì việc cần phải đến. Với tôi, thế này chỉ tổ phí thời

gian. Cầm bằng như tôi ném thời gian vào máng xối ấy.

Khi hắn nói xong, cả bàn lặng ngắt.

- Anh có biết chuyện lũ khỉ trên đảo cắt không? – tôi hỏi Wataya Noboru.

Hắn lắc đầu, vẻ không hề quan tâm.

- Chưa bao giờ nghe.

- Ở nơi kia, xa, xa lắm, có một hòn đảo cắt. Một hòn đảo không tên. Một hòn đảo không đáng được đặt tên. Một hòn đảo cắt, hình thù như cắt. Trên hòn đảo cắt đó mọc những cây dừa hình thù cũng như cắt. Những cây dừa đó cho những quả dừa có mùi cắt. Có những lũ khỉ như cắt sống trên những cây dừa đó, chúng thích ăn những quả dừa có mùi cắt đó, ăn xong chúng ị ra thứ cắt kinh tởm nhất trên đời.

Cút đó rơi xuống đất, lâu ngày thành cả ụ cút, làm những cây dừa cút mọc trên đó đã cút lại càng cút. Đó là một chu trình vô tận.

Tôi uống nốt chỗ cà phê còn lại.

- Ngồi đây nhìn anh, - tôi tiếp -, bỗng tôi nhớ lại câu chuyện về hòn đảo cút nọ. Điều tôi muốn nói là thế này. Một thứ cút, một thứ thối tha, một thứ bóng tối nào đó đang tự phát tán ra hoài hoài bằng tự lực nó, theo chu trình tự thân của nó. Và một khi nó đã vượt qua một điểm nhất định thì không ai ngăn nó lại được, cho dù chính đương sự muốn ngăn nó lại đi nữa.

Mặt Wataya Noboru không biểu lộ bất cứ cảm xúc gì. Nụ cười đã biến mất,

nhưng cũng chẳng có dấu hiệu gì là bức tức. Tôi chỉ thấy mỗi một nếp nhăn nhỏ giữa hai lông mày hấn, nhưng tôi không nhớ có phải nếp nhăn đó đã có từ trước không.

- Anh hiểu tôi chưa, Wataya Noboru? – tôi nói tiếp. – Tôi biết đích xác anh là loại người nào. Anh bảo tôi là đá cục, là rác rưởi. Anh nghĩ anh có thể nghiền tôi thành cám bất cứ lúc nào anh muốn.

Nhưng không đơn giản như vậy đâu. Với anh, xét theo những giá trị của anh thì tôi có thể đúng là rác rưởi và đá cục. Nhưng tôi không ngu như anh nghĩ đâu. Tôi biết anh rõ anh là hạng nào bên dưới cái mặt nạ trơn tru dành riêng cho truyền hình kia của anh. Tôi biết bí mật của anh. Kumiko

biết, tôi biết, cả hai chúng tôi biết dưới đó là cái gì. Nếu muốn, tôi có thể nói hết với thiên hạ. Tôi có thể đưa nó ra giữa thanh thiên bạch nhật. Có thể mất thời gian, nhưng tôi làm được. Tôi có thể chẳng là cái thá gì, nhưng ít nhất tôi không phải là cái bao cát. Tôi là một con người đang sống, đang hít thở. Kẻ nào đá tôi, tôi đá lại. Hãy nhớ điều đó cho kỹ.

Wataya Noboru tiếp tục nhìn tôi chằm chằm với bộ mặt vô cảm kia, bộ mặt giống như một cục đá trôi trong không trung. Những gì tôi vừa nói với hắn hầu như toàn là bịp bợm mà thôi. Tôi không biết bí mật của Wataya Noboru. Trong con người hắn có cái gì đó méo mó ghê gớm, điều đó nhận ra không khó. Nhưng

tôi không cách nào đoán được chính xác đó là cái gì. Tuy nhiên, lời của tôi dường như đã chọc đúng cái gì đó ở bên trong. Tôi đọc được điều đó trên mặt hắn. Hắn không phản ứng lại tôi theo kiểu hắn thường làm với các đối thủ khi thảo luận trên truyền hình: hắn không chế nhạo lời của tôi, không nói khích để bẫy tôi, không tìm cách khéo léo nói chệch đi. Hắn ngồi đó im lìm, không động đậy một cơ nào.

Thế rồi một cái gì đó thật kỳ quặc diễn ra trên mặt Wataya Noboru. Từng chút một, mặt hắn chuyển sang màu đỏ. Nhưng nó chuyển sang màu đỏ theo một cách hết sức lạ lùng. Trong khi một số mảng đã đỏ tía lên rồi thì vài mảng khác chỉ mới

ương ương đỏ đỏ, phần còn lại thì xám ngoét ra một cách quái dị. Nó khiến tôi nghĩ đến một cánh rừng thu lỏ đỏ những đốm màu khác nhau bởi các tán cây quanh năm và tán cây rụng lá xen lẫn nhau.

Cuối cùng, chẳng nói chẳng rằng, Wataya Noboru đứng dậy, rút kính râm ra khỏi túi, đeo vào. Những đốm màu loang lổ kỳ quái kia vẫn bao phủ mặt hắn. Xem ra từ nay chúng sẽ nằm đó mãi mãi. Kano Malta vẫn ngồi yên như tượng, không nói gì. Tôi thì ra vẻ hoàn toàn thờ ơ. Wataya Noboru toan nói gì đó với tôi nhưng hình như rút cuộc hắn kìm lại. Hắn đi khỏi bàn, biến mất vào đám đông.

* * *

Wataya Noboru đi khỏi một hồi, Kano Malta và tôi vẫn không nói gì với nhau. Tôi thấy kiệt sức. Bồi bàn đến đề nghị rót thêm cà phê, nhưng tôi xua anh ta đi. Kano Malta nhặt cái mũ đỏ lên, nhìn chăm chăm vào nó trong vài phút rồi đặt lên chiếc ghế bên cạnh cô.

Tôi nghe vị đắng trong miệng. Tôi thử chiêu ít nước cho trôi cái vị đó đi, nhưng không ăn thua.

Im lặng thêm một lát nữa, Kano Malta nói:

- Đôi khi cảm xúc cần được bộc lộ ra ngoài. Nếu không, dòng chảy có thể bị ngưng trệ ở bên trong. Giờ ông đã nói ra những điều muốn nói rồi, hẳn ông thấy dễ chịu hơn chứ?

- Một chút thôi, - tôi nói. – Nhưng chẳng giải quyết được gì. Chẳng kết thúc được vấn đề gì sắt.

- Ông không thích ông Wataya phải không, thưa ông Okada?

- Mỗi lần nói chuyện với thằng cha đó, tôi lại có cảm giác trống rỗng khủng khiếp. Mọi vật trong phòng đâm ra như không có thực chất nào hết. Mọi vật dường như rỗng tuếch. Tại sao lại như vậy, tôi không thể nào giải thích chính xác với cô được. Chính vì cái cảm giác đó mà rốt cuộc tôi nói và làm những điều vốn không thuộc bản tính tôi. Sau đó thì tôi thấy thật ghê sợ. Giả như tôi không bao giờ phải gặp lại hắn nữa thì hạnh phúc biết bao nhiêu!

Kano Malta lắc đầu.

- Thật đáng tiếc, ông sẽ còn phải gặp ông Wataya rất nhiều lần nữa. Chuyện đó ông không tránh được đâu.

Rất có thể cô ta có lý. Tôi không thể gạt hấn ra khỏi đời tôi dễ dàng như vậy.

Tôi cầm cốc lên nhấp thêm ngụm nước. Cái vị kinh khủng này ở đâu ra kia chứ?

- Có một điều tôi muốn hỏi cô, - tôi nói.
- Cô đứng về bên nào? Wataya Noboru hay tôi?

Kano Malta chống cùi chỏ lên bàn, chìa hai lòng bàn tay ra trước mặt.

- Không bên nào cả, - cô nói. - Chẳng có bên nào hết trong trường hợp này. Đơn giản là chẳng có bên nào cả. Ở đây không hề có trên hay dưới, phải hay trái,

trước hay sau, ông Okada ạ.

- Nghe như Thiên ấy, - tôi nói. – Với tư cách hệ tư tưởng thì tự thân nó cũng thú vị, nhưng nó chẳng lý giải được bao lắm về sự vật.

Cô ta gật đầu. Cô giãn hai lòng bàn tay này giờ khếp vào nhau trước mặt ra xa nhau chừng năm phân, làm thành một góc hơi chênh chếch hướng về phía tôi. Hai lòng bàn tay cô nhỏ nhắn, xinh xẻo.

- Tôi biết những điều tôi đang nói đây không có ý nghĩa gì lắm. Và tôi không trách ông đã nổi giận. Nhưng dù tôi nói gì với ông lúc này đi nữa, nó sẽ không có lợi ích thiết thực nào cả. Thậm chí còn có hại cũng nên. Ông sẽ phải vượt qua tất cả bằng chính sức của mình. Bằng chính

đôi tay mình.

- Như người tiền sử ấy nhỉ, - tôi vừa nói vừa mỉm cười. – Ai đánh ta, ta đánh lại.

- Chính thế, - Kano Malta nói. – Đúng vậy. – Thế rồi, một cách cẩn trọng như thể đang thu nhặt di vật của một người vừa quá cố, cô nhặt cái xác, đội lên đầu chiếc mũ vải vinyl đỏ. Một khi Kano Malta đội chiếc mũ đó lên, cô mang lại một ấn tượng kỳ lạ nhưng rõ rệt rằng một đơn vị thời gian vừa mới kết thúc.

* * *

Kano Malta đi rồi, tôi vẫn ngồi lại một mình, trong đầu chẳng nghĩ gì. Tôi chẳng biết nếu đứng dậy khỏi bàn thì nên đi đâu, nên làm gì đây. Nhưng dĩ nhiên tôi không thể ngồi đó mãi được. Sau khi

ngồi như vậy được hai mươi phút, tôi trả tiền cho cả ba người rồi rời khỏi trà quán. Hai người kia không ai trả tiền.

4

Ân sủng đánh mắt



Điểm tinh thần

Về đến nhà, tôi thấy trong thùng thư có một bức thư dày. Đó là thư của Trung úy Mamiya. Họ tên và địa chỉ của tôi được viết ngoài phong bì bằng thứ Hán tự đậm nét, chân phương quen thuộc. Thay đồ, rửa mặt xong, tôi xuống bếp uống hai cốc nước lạnh. Nghỉ một chút lấy lại hơi, tôi mới rọc phong bì.

Trung úy Mamiya dùng bút lông viết kín đặc mười trang giấy mỏng bằng thứ chữ li ti. Tôi lật qua các trang giấy rồi nhét lại vào phong bì. Tôi mệt quá không đọc

nổi một bức thư dài như vậy. Tôi không có sức đâu để tập trung vào lúc đó. Lướt mắt qua những hàng chữ viết tay, tôi thấy chúng như một bầy lúc nhúc những con bọ kỳ dị màu xanh nước biển. Bên cạnh đó, giọng của Wataya Noboru vẫn còn văng vẳng trong trí tôi.

Tôi nằm dài trên ghế sofa, nhắm mắt hồi lâu, không nghĩ gì cả. Với tâm trạng của tôi lúc này thì không nghĩ gì cả chẳng phải là việc khó. Để không nghĩ gì cả, tôi chỉ việc nghĩ về nhiều chuyện, mỗi chuyện một tí: nghĩ về cái gì đó một chút rồi lại quẳng ngay ra khỏi đầu.

Mãi gần 5 giờ chiều tôi mới quyết định đọc thư của Trung úy Mamiya. Tôi ra ngoài hiên, ngồi tựa lưng vào một cây

cột rồi rút các trang giấy ra khỏi phong bì.

Trang đầu toàn những câu giao đãi theo nghi thức: chào hỏi dông dài, cảm ơn tôi đã mời ông đến nhà hôm nọ, và vô cùng xin lỗi đã làm tôi chán ngấy với những câu chuyện dài lê thê của ông. Trung úy Mamiya nhất định là người rất am hiểu lễ nghi giao tiếp. Ông là một kẻ còn sống sót từ thời những lễ nghi đó chiếm một phần quan trọng trong đời sống hàng ngày. Tôi lướt nhanh qua những dòng đó rồi giở sang trang thứ hai.

Xin ông thứ lỗi cho tôi đã mào đầu một cách dài dòng đến vậy. Mục đích duy nhất của tôi khi viết như vậy - dấu biết khi mạo muội làm vậy là tôi đang buộc

ông phải gánh một nhiệm vụ không mong muốn - là để thông báo với ông rằng những sự kiện tôi kể với ông hôm trước hoàn toàn không phải do tôi bịa đặt ra, cũng chẳng phải là những hồi ức đáng ngờ của một lão già, mà là một sự thật hoàn toàn, trọng đại, sự thật đến từng chi tiết nhỏ. Như ông cũng biết, chiến tranh đã chấm dứt từ rất lâu rồi, hiển nhiên là ký ức thoái hoá dần cùng với thời gian. Ký ức và ý nghĩ cũng già đi như con người ta già đi vậy. Nhưng một số ý nghĩ không bao giờ có thể già đi, một số ký ức không bao giờ có thể già đi.

Mãi đến ngày hôm nay tôi vẫn chưa bao giờ kể những chuyện này với bất cứ ai ngoại trừ ông. Đối với hầu hết mọi

người, những câu chuyện đó của tôi nghe như toàn bịa đặt không thể tin được. Phần đông thiên hạ coi những gì nằm ngoài phạm vi hiểu biết của họ là vớ vẩn, không đáng bận tâm. Ngay chính tôi cũng chỉ ước ao rằng những câu chuyện của mình quả thật không là gì khác ngoài bịa đặt. Tôi đã sống qua ngàn ấy năm trời chỉ bám víu vào niềm hy vọng mong manh rằng những ký ức đó của tôi chẳng qua chỉ là giấc mộng hoặc cơn mê sảng. Tôi đã ra sức thuyết phục chính mình rằng những chuyện đó chưa hề xảy ra. Nhưng mỗi khi tôi cố đẩy chúng vào bóng tối, những ký ức đó lại quay về, càng mãnh liệt hơn, càng sống động hơn bao giờ hết. Như té bào ung thư, những ký ức đó đã cắm rễ trong tâm trí tôi, ăn

dẫn vào trong thể xác tôi.

Mãi đến giờ tôi vẫn nhớ như in từng chi tiết nhỏ nhất một cách rõ ràng đến đáng sợ. Tôi nhớ như thể những sự kiện đó chỉ mới xảy ra hôm qua. Tôi có thể vốc cát và cầm ngọn cỏ trong tay, thậm chí nghe được mùi của chúng. Tôi thấy rõ hình dáng những đám mây trên bầu trời. Tôi cảm thấy ngọn gió khô lẩn đầy cát thốc vào hai má tôi. So ra thì chính những sự kiện sau này trong đời tôi mới có vẻ là ảo ảnh trên đường ranh giữa mộng mị và thực tại.

Cội rễ cuộc đời tôi - những gì tôi có thể nói rằng từng có lúc thực sự là chính bản thân tôi - đã bị chết cồng hay thiêu rụi ở đó, giữa thảo nguyên Ngoại Mông nơi

mà xa ngút mắt cũng không có một cái gì cản trở tầm nhìn. Sau đó tôi mất một bàn tay trong trận kịch chiến với đơn vị xe tăng Xô Viết tấn công qua biên giới; tôi đã ném mùi khở ải không thể hình dung nổi nơi trại lao động Siberia trong cái lạnh chết người của mùa đông; tôi được hồi hương, làm thầy dạy môn xã hội ở một trường trung học vùng quê suốt ba mươi năm trời yên ả, rồi từ đó tới giờ tôi sống đơn độc, canh tác trên mảnh đất của mình. Thế nhưng từng ấy năm tháng về sau trong đời mình tôi thấy chỉ như là ảo ảnh. Dường như chưa hề có những năm tháng đó vậy. Chỉ trong khoảnh khắc, ký ức tôi đã nhảy qua cái vỏ rỗng thời gian đó mà về lại thảo nguyên Hulunbuir hoang vu.

Cuộc đời tôi mai một như thế đó, bị biến thành vỏ rỗng như thế đó hẳn là do một cái gì kia trong làn ánh sáng tôi đã nhìn thấy nơi đáy giếng, làn ánh sáng mặt trời mãnh liệt xuyên thấu vào đáy giếng chỉ trong vòng mười đến hai mươi lăm giây. Nó ập xuống bất ngờ và biến đi cũng đột ngột như vậy. Nhưng trong làn ánh sáng kéo dài ngắn ngủi kia tôi đã thấy một cái gì đó - cái gì đó mà suốt đời tôi sẽ không bao giờ thấy lại được nữa. Và một khi đã thấy rồi, tôi không còn là con người như xưa nữa.

Điều gì đã xảy ra dưới đó? Có ý nghĩa gì? Mãi đến giờ, hơn bốn mươi năm sau, tôi vẫn không trả lời được chính xác những câu hỏi đó. Chính vì vậy những gì

tôi sắp nói sau đây chỉ là một giả thuyết, không hơn, một cách giải thích tạm thời tôi nghĩ ra cho chính mình mà không dựa trên một cơ sở logic nào. Tuy nhiên, tôi tin chắc rằng trong lúc này giả thuyết của tôi là gần gũi nhất với ý nghĩa đích thực của những gì tôi đã trải qua.

Quân Mông Cổ đã ném tôi xuống một cái giếng sâu đen kịt giữa thảo nguyên, chân và vai tôi bị gãy, tôi chẳng có đồ ăn lẫn nước uống, chỉ còn chờ chết. Trước đó tôi đã thấy một người bị lột da sống. Tôi cho rằng trong hoàn cảnh đặc biệt đó, ý thức của tôi đã đạt tới sự tập trung đậm đặc đến mức khi làn ánh sáng cường liệt đó rọi xuống trong vài giây ngắn ngủi kia, tôi đã xuống được đến nơi có thể gọi

là phần cốt lõi của ý thức tôi. Dù thế nào đi nữa, tôi đã thấy hình dáng của một cái gì đó. Ông cứ tưởng tượng xem. Mọi vật quanh tôi đều tắm trong ánh sáng. Tôi đang ở ngay chính giữa một dòng thác ánh sáng. Mắt tôi chẳng nhìn thấy gì. Đơn giản là tôi được bọc trong ánh sáng. Nhưng rồi có cái gì đó bắt đầu xuất hiện. Trong lòng sự mù lòa thoáng chốc của tôi, một cái gì đó đang cố gắng thành hình. Một vật gì đó. Một vật gì đó có sự sống. Như cái bóng nhật thực, nó bắt đầu trỗi dậy, màu đen, trong ánh sáng. Nhưng tôi không thể nào nhận rõ hình thù của nó. Nó đang cố đến với tôi, đang cố ban cho tôi một cái gì đó như là ân sủng của trời. Tôi run rẩy chờ nó. Nhưng rồi, hoặc vì nó đã đổi ý hoặc vì không đủ thời

gian, nó chẳng bao giờ đến với tôi. Chỉ một khoảnh khắc trước khi thành hình tròn vẹn, nó đã lại tan biến đi và hòa lẫn vào ánh sáng. Thế rồi bản thân ánh sáng cũng tắt. Thời hạn cho ánh sáng đó chiếu vào đáy giếng đã hết.

Điều đó xảy ra cứ hai ngày một lần. Cũng chính một điều đó. Một cái gì đó khởi sự hình thành trong làn ánh sáng tràn trề, rồi chưa kịp nên hình thù tròn vẹn thì đã biến mất. Dưới đáy giếng, tôi đói khát đến khủng khiếp. Nhưng rồi cuộc thì đó không phải là vấn đề quan trọng nhất. Điều khiến tôi khổ sở nhất khi còn ở dưới giếng là nổi giày vò vì không sao nhìn rõ được hình dạng cái vật gì đó kia trong ánh sáng: đói vì không thể nhìn

thấy cái cần phải thấy, khát vì không thể biết cái cần phải biết. Giá như nhìn rõ được nó thì dù có chết ngay ở đó tôi cũng cam lòng. Tôi thật sự cảm thấy vậy đó! Tôi sẵn sàng hy sinh bất cứ cái gì để nhìn trọn vẹn được hình dạng của nó.

Nhưng rồi rốt cuộc cái hình thể đó vượt khỏi tôi mãi mãi. n sủng chưa được ban cho tôi thì đã hết rồi. Và như tôi đã nói, từ khi thoát được cái hố kia mà leo lên mặt đất, cuộc đời tôi chỉ còn là một cái vỏ rỗng, trống hơ trống hoác. Chính vì vậy mà khi quân đội Xô Viết xâm chiếm Mãn Châu ngay trước khi chiến tranh kết thúc, tôi đã tình nguyện lên tuyến đầu.

Trong trại lao động ở Siberia cũng vậy, tôi cố tình làm sao cho người ta đưa tôi

đền những nơi khắc nghiệt nhất. Thế
nhưng, dầu có làm gì đi nữa, tôi vẫn
không chết. Đúng như hạ sĩ Honda đã
tiên đoán đêm ấy, số tôi là quay về Nhật
để sống một cuộc đời dài đến lạ lùng.
Tôi nhớ lần đầu tiên nghe lời tiên đoán
đó tôi đã sung sướng biết bao. Nhưng lời
tiên đoán đó hoá ra là một lời nguyền.
Không phải tôi không chết, mà là tôi
không thể chết. Hạ sĩ Honda nói đúng cả
về điều đó nữa: lẽ ra tôi đừng biết thì
hơn.

Khi sự khai thị và ân sủng đó đã mất thì
cuộc đời tôi cũng mất. Những gì trước
kia từng sống ở trong tôi, những gì chính
vì vậy mà có giá trị gì đó, nay đều đã
chết. Không còn lại gì nữa cả. Tất cả đã

bị thiêu cháy thành tro trong luồng sáng khốc liệt kia rồi. Sức nóng tỏa ra từ sự khải thị hay ân sủng đó đã đốt rụi vào tận trong cốt lõi cái sinh mệnh của kẻ vốn là tôi. Hiển nhiên tôi không đủ sức cưỡng lại sức nóng đó. Thế nên tôi không hề sợ chết. Có chăng thì cái chết của thể xác sẽ là một dạng cứu thoát cho tôi. Nó sẽ vĩnh viễn giải thoát tôi khỏi cái nhà tù vô vọng này, khỏi cái nỗi đau khi tôi phải là tôi.

Một lần nữa tôi lại làm ông phát chán vì câu chuyện dài lê thê này. Tôi xin ông thứ lỗi. Nhưng điều tôi muốn nói với ông là thế này, ông Okada ạ: tôi đã lỡ đánh mất cuộc đời mình vào một thời điểm nhất định, từ đó trở đi tôi sống thêm hơn

bốn mươi năm nhưng cuộc đời thì đã mất. Là kẻ ở trong địa vị đó, tôi đâm ra nghĩ rằng sự sống của ta hạn hẹp hơn nhiều so với những ai đang rơi vào vòng xoáy của đời vẩn tương. Ánh sáng chỉ rơi vào hành vi sự sống trong một khoảnh khắc tốt cùng ngắn ngủi, có lẽ chỉ vài giây. Một khi ánh sáng đã ra đi mà ta chưa ngộ được điều khái thị nó mang lại cho ta thì sẽ không còn cơ hội thứ hai nữa. Có khi kẻ đó sẽ phải sống nốt quãng đời còn lại trong nỗi cô đơn và sám hối sâu thẳm và vô vọng. Trong cái thế giới xé chiều đó, ta không thể trông mong bất cứ điều gì nữa. Tất cả những gì kẻ đó nắm trong tay chỉ là cái xác khô còn lại của cái lẽ ra đã có.

Dù có thể nào, tôi cũng lấy làm vui đã có cơ duyên gặp ông Okada và kể cho ông nghe câu chuyện của tôi. Liệu nó có giúp ích gì được cho ông, tôi không biết.

Nhưng kể ra với ông rồi, tôi như được giải thoát. Dầu mong manh yếu ớt đi chăng nữa, sự giải thoát nào đối với tôi cũng quý báu vô cùng. Tôi cũng không thể không cảm thấy trong việc ông Honda đã dẫn lối tôi đến việc này có những mối dây vi tế nào đó của số phận. Xin ông hãy nhớ, nơi đây có người cầu chúc cho ông sống một cuộc đời hạnh phúc mai sau.

Tôi đọc lại bức thư một lần nữa, đọc cẩn thận, rồi nhét lại vào phong bì.

Thư của Trung úy Mamiya lay động tâm

hồn tôi đến kỳ lạ, nhưng với trí óc tôi, nó chỉ mang lại những hình ảnh mơ hồ xa xăm. Trung úy Mamiya là người tôi có thể tin cậy và chấp nhận, và tôi cũng có thể chấp nhận là sự thật những gì ông tuyên bố là sự thật. Song bản thân khái niệm sự thật hay thực tại không còn đủ sức thuyết phục tôi nữa. Điều khiến tôi xúc động nhất là nỗi ám ức trong từng lời của viên trung úy: ám ức vì không bao giờ có thể miêu tả hay lý giải một điều gì cho hoàn toàn ưng ý được.

Tôi xuống bếp uống cốc nước. Rồi tôi đi lòng vòng quanh nhà. Trong phòng ngủ, tôi ngồi trên giường nhìn những bộ áo váy của Kumiko xếp hàng trong tủ. Và tôi nghĩ: mục đích của đời tôi cho đến giờ là

gì? Giờ thì tôi hiểu những gì Wataya Noboru nói. Phản ứng đầu tiên của tôi trước lời lẽ của hắn là giận dữ, nhưng tôi phải nhận rằng hắn nói đúng. “Cậu đã cưới em tôi được sáu năm, trong suốt thời gian đó cậu làm được cái gì? Không gì hết, đúng không? Suốt sáu năm qua cậu chỉ làm được mỗi một việc là bỏ việc và hủy hoại cuộc đời Kumiko. Nay cậu đang thất nghiệp và chả có dự định nào cho tương lai hết. Trong cái đầu cậu chả có gì khác ngoài cục đá và rác rưởi”. Tôi chỉ còn cách thừa nhận rằng hắn nhận xét chính xác. Khách quan mà nói, tôi đã chẳng làm được cái gì ra hồn trong sáu năm qua, và những gì có trong đầu tôi quả thật rất giống rác rưởi và đá cục. Tôi là con số không. Đúng như hắn

nói.

Nhưng có đúng là tôi đã hủy hoại đời Kumiko không?

Mãi một hồi lâu tôi ngồi nhìn những áo váy, áo cánh và váy của Kumiko. Chúng là những cái bóng mà Kumiko để lại.

Vắng chủ, những cái bóng đó chỉ còn có thể treo nguyên đó, vật vờ ẻo lả. Tôi xuống buồng tắm lấy chai nước hoa Christian Dior ai đó đã tặng Kumiko. Tôi mở chai ra ngửi. Nó là cái mùi hương tôi ngửi thấy sau tai Kumiko vào cái buổi sáng nàng bỏ nhà đi. Tôi chậm chậm đổ hết nước hoa trong chai xuống bồn rửa mặt. Trong khi chỗ nước hoa kia trôi xuống ống thải, một mùi hoa nồng gắt (tên là hoa gì tôi cố nhớ nhưng không

được) xộc lên trong bồn, khuấy động ký ức một cách tàn nhẫn. Giữa cái mùi hương mãnh liệt ấy, tôi rửa mặt, đánh răng. Sau đó tôi quyết định sang nhà Kasahara May.

* * *

Cũng như mọi khi, tôi đứng nơi ngõ chỗ phía sau nhà Miyawaki, đợi Kasahara May xuất hiện, nhưng lần này đợi mãi không thấy. Tôi tựa vào hàng rào, mút kẹo chanh, ngắm bức tượng chim và miên man nghĩ đến bức thư của Trung úy Mamiya. Tuy nhiên, chỉ lát sau trời bắt đầu sấm tối. Đợi được gần nửa tiếng đồng hồ, tôi đành chịu thua. Kasahara May chắc đang ở ngoài, không có nhà. Tôi đi dọc theo con ngõ đến phía sau nhà

mình qua rồi trèo qua tường. Trong nhà, tôi nhìn thấy bóng nhá nhem thanh tĩnh của buổi tối mùa hè. Và Kano Creta đang ở trong nhà. Trong một khoảnh khắc như ảo giác, tôi ngỡ mình đang mơ. Nhưng không, đây vẫn là thực tại đang tiếp diễn. Chút mùi nước hoa mà tôi đã đồ đi vẫn còn vương vất trong không khí. Kano Creta ngồi trên ghế sofa, hai tay đặt trên đầu gối. Tôi lại gần cô, song như thể chính thời gian đã ngưng lại trong cô, cô không hề cử động. Tôi bật đèn rồi ngồi xuống ghế trước mặt cô.

- Cửa không khóa nên tôi tự vào, - rót cuộc cô nói.

- Không sao, mỗi khi ra ngoài tôi đều để cửa không khóa mà, - tôi nói.

Cô mặc áo cánh trắng thêu ren, váy bông màu hoa cà, đeo một cặp hoa tai lớn. Trên cổ tay trái cô đeo một cặp vòng to. Nhìn thấy cặp vòng, tôi như giật nảy mình. Chúng giống in hệt cặp vòng tôi đã thấy cô đeo trong giấc mơ của tôi. Đầu tóc và cách trang điểm của cô đều theo phong cách quen thuộc. Cũng như mọi lần, keo xít giữ cho tóc ở nguyên vị trí, như thể Kano Creta vừa từ thẩm mỹ viện ra là đến thẳng đây.

- Không có nhiều thì giờ đâu, - Kano Creta nói. - Tôi cần phải về nhà ngay. Nhưng nhất định tôi cần nói chuyện với ông, thưa ông Okada. Hôm nay hình như ông đã gặp chị tôi và ông Wataya thì phải.

- Tôi có gặp. Phải nói ngay, cuộc gặp chẳng vui vẻ gì lắm.

- Ông không có gì để hỏi tôi liên quan đến cuộc gặp đó hay sao? - cô hỏi.

Ai đến gặp tôi cũng đều chất vấn tôi đủ điều thế này sao!

- Tôi muốn biết thêm về Wataya Noboru, - tôi nói. - Tôi không khỏi nghĩ rằng tôi cần phải biết nhiều hơn về hắn.

Cô gật đầu.

- Chính tôi cũng muốn biết nhiều hơn về Wataya Noboru. Tôi tin rằng chị tôi đã cho ông biết hắn từng làm nhục tôi, từ rất lâu rồi. Hôm nay tôi không có thì giờ kể sâu về chuyện đó, nhưng vào một dịp nào đó sau này tôi sẽ kể. Trong mọi trường hợp, việc đó đã xảy ra ngoài ý muốn của

tôi. Đầu tiên, người ta thu xếp cho tôi quan hệ với hắn. Chính vì vậy nên đây không phải là hãm hiếp theo nghĩa thường của từ này. Nhưng hắn đã làm nhục tôi, và điều đó đã làm con người tôi thay đổi rất nhiều. Rốt cuộc tôi cũng đã phục hồi được sau sự cố đó. Thật ra, nó đã giúp tôi (dĩ nhiên còn nhờ chị Kano Malta giúp nữa) tự nâng mình lên một tầm mới, cao hơn. Song dù hệ quả thế nào đi nữa, sự thật vẫn là khi đó Wataya Noboru đã cưỡng dâm và làm nhục tôi ngoài ý muốn của tôi. Việc hắn làm với tôi là sai quấy và nguy hiểm. Lẽ ra tôi còn có thể mất đi mãi mãi nữa kia. Ông hiểu ý tôi chứ?

Tôi thật không hiểu ý cô ta.

- Dĩ nhiên, tôi cũng đã quan hệ với ông Okada, nhưng chúng ta đã làm việc đó một cách đúng đắn, với mục đích đúng đắn. Làm như vậy thì tôi không thể nào bị làm nhục cả.

Tôi nhìn thẳng vào cô trong mấy giây, như nhìn một bức tường lốm đốm nhiều màu.

- Cô đã quan hệ với tôi à?

- Vâng, - cô nói. - Lần đầu tôi chỉ dùng miệng, nhưng lần thứ hai chúng ta đã quan hệ với nhau. Cả hai lần đều trong cùng một căn phòng. Hẳn ông nhớ chứ? Lần đầu chúng ta có rất ít thời gian nên cứ phải vội vã. Nhưng đến lần thứ hai ta có nhiều thì giờ hơn.

Tôi chịu không biết trả lời ra sao nữa.

- Lần thứ hai thì tôi mặc áo váy của vợ ông. Chiếc màu xanh dương ấy mà. Tay trái tôi thì đeo vòng như thế này. Có đúng không? - Cô chìa cổ tay trái mang cặp vòng ra trước mặt tôi.

Tôi gật đầu.

- Dĩ nhiên chúng ta đã không quan hệ với nhau trong thực tại, - Kano Creta nói. - Khi ông xuất tinh, đây không phải xuất tinh vào tôi theo nghĩa vật chất mà là vào ý thức của ông. Ông có hiểu không? Đó là một ý thức được tạo tác. Tuy nhiên, hai chúng ta cùng chung ý thức rằng mình đã quan hệ với nhau.

- Làm như vậy là để làm gì?

- Để biết, - cô nói. - Để biết nhiều hơn, biết sâu hơn.

Tôi thở dài. Điên quá đi mất. Nhưng cô ta đã mô tả tuyệt đối chính xác khung cảnh trong giấc mơ của tôi. Tôi xoa xoa ngón tay quanh mồm, nhìn trân trân vào cặp vòng trên cổ tay trái cô.

- Có thể tôi không được sáng dạ lắm, - tôi nói, giọng khô khan, - nhưng tôi thật không dám bảo là đã hiểu tất cả những gì cô nói.

- Trong giấc mơ thứ hai của ông, khi tôi đang quan hệ với ông, một người đàn bà khác đã thế chỗ tôi. Có đúng không? Tôi không biết cô ta là ai. Nhưng có lẽ sự kiện đó là nhằm gợi lên một điều gì đó với ông, ông Okada ạ. Đó là điều tôi muốn nói với ông.

Tôi không nói gì.

- Ông không nên cảm thấy mình có lỗi về chuyện đã quan hệ với tôi, - Kano Creta nói. - Ông Okada biết tôi là gái điếm cơ mà. Tôi từng là điếm về xác thịt, nhưng nay tôi là điếm tinh thần. Mọi sự đều đi qua tôi.

Nói đến đây Kano Creta rời chỗ ngồi quỳ xuống cạnh tôi, áp tay tôi trong hai bàn tay cô. Bàn tay cô ấm, mềm, thật nhỏ bé.

- Ôm tôi đi, ông Okada. Ngay ở đây, ngay bây giờ.

Chúng tôi đứng dậy, tôi vòng tay ôm quanh người cô. Tôi thật tình không biết mình có nên làm vậy không. Nhưng hình như ôm lấy Kano Creta ngay khi đó, ngay ở đó không phải là một sai lầm. Tôi

không giải thích được, chỉ cảm thấy như vậy thôi. Tôi choàng tay qua tấm thân mảnh dẻ của cô như thể đang học bài đầu tiên trong lớp dạy khiêu vũ. Cô là một phụ nữ nhỏ nhắn. Đỉnh đầu cô chỉ quá chót cằm tôi một chút. Cặp vú cô ép vào dạ dày tôi. Cô áp má vào ngực tôi. Và mặc dù suốt khoảng thời gian đó cô không phát ra tiếng nào, nhưng cô khóc. Tôi cảm thấy những giọt nước mắt âm âm qua làn áo phông. Tôi nhìn xuống thấy mái tóc làm khéo không chệ vào đâu được của cô đang rung rung. Tôi thấy như mình đang mơ một giấc mơ thực sự. Nhưng đây không phải là mơ.

Sau khi chúng tôi giữ nguyên tư thế đó một hồi rất lâu không động đậy, cô ngừng

ra khỏi tôi như vừa sức nhớ điều gì. Duy trì một khoảng cách, cô nhìn tôi.

- Cảm ơn ông Okada rất nhiều, - cô nói. - Giờ tôi sẽ về nhà. - Cô vừa mới khóc ràn rụa, thế nhưng son phấn của cô hầu như không bị hề hấn gì. Cảm giác thực tại giờ lại biến mất một cách kỳ lạ.

- Có khi nào cô sẽ lại đến trong giấc mơ của tôi không? - tôi hỏi.

- Tôi không biết, - cô vừa nói vừa khẽ lắc đầu. - Chính tôi cũng không biết nữa. Nhưng xin ông hãy tin tôi. Dù gì xảy ra đi nữa, xin đừng sợ tôi hay đừng cảm thấy cần phải cảnh giác về tôi. Ông Okada hứa với tôi như thế chứ?

Tôi gật đầu để trả lời.

Ngay sau đó Kano Creta về nhà.

Bóng đêm càng dày đặc hơn bao giờ hết. Mặt trước áo phong của tôi ướt đẫm. Tôi thức đến tận bình minh, không ngủ được. Một phần tôi không buồn ngủ, mặt khác tôi sợ ngủ. Tôi có cảm giác rằng nếu đi ngủ, tôi sẽ bị bao bọc trong một dòng cát chảy đưa tôi đến một thế giới khác mà từ đó tôi sẽ không bao giờ trở về được nữa. Tôi ngồi nơi sofa cho đến sáng, vừa uống brandy vừa nghĩ về câu chuyện của Kano Creta. Thậm chí khi trời đã sáng, cái thần khí của Kano Creta cùng mùi nước hoa Christian Dior vẫn còn vương vất trong nhà như những cái bóng bị cầm tù.

5

Cảnh quan những thành phố xa xôi

*

Vàng bán nguyệt vĩnh cửu

*

Thang đặt vào đúng chỗ

Hầu như đúng lúc tôi thiếp đi thì điện thoại reo. Tôi cố lờ đi, nhưng dường như đọc được ý nghĩ của tôi, nó cứ bướng bỉnh reo mãi: mười lần, hai mươi lần, không chịu dừng. Cuối cùng tôi mở một mắt nhìn đồng hồ. Mới hơn 6 giờ một chút. Ngoài cửa sổ trời đã sáng bạch. Có thể là Kumiko gọi. Tôi ra khỏi giường, ra phòng khách, nhắc ông nghe.

- Alô, - tôi nói, nhưng người gọi chẳng thừa. Rõ ràng là có ai đó ở đầu dây bên kia, nhưng người đó chẳng nói gì. Tôi cũng im lặng. Tập trung hết sức, tôi mới nhận ra được tiếng thở trong ống nghe.

- Ai đấy? - tôi hỏi, nhưng đầu bên kia vẫn im lặng.

- Nếu là người suốt ngày vẫn gọi cho tôi thì làm ơn gọi lại sau nhé, - tôi nói. - Trước bữa điếm tâm thì xin đừng nói chuyện về sex.

- Người suốt ngày gọi? - bỗng giọng Kasahara May bật ra. - Hay nhỉ, anh nói chuyện về sex với ai đấy?

- Chẳng ai cả, - tôi đáp.

- Có phải người đàn bà anh ôm trong tay hồi đêm qua không? Anh hay nói chuyện

về sex qua điện thoại với cô ta à?

- Không, không phải cô ấy đâu.

- Này Chim vặn dây cót, nói em nghe đi, có bao nhiêu đàn bà lượn lờ quanh anh nào, ngoài vợ anh ra?

- Nói ra thì dài lắm, - tôi nói. - Dù gì thì cũng chỉ mới 6 giờ sáng, anh chưa ngủ được bao nhiêu cả. Vậy là tối qua em sang nhà anh à?

- Rồi em thấy anh với cô kia đang ôm nhau.

- Cái ấy chẳng có nghĩa gì hết. Nói sao nhỉ? Kiểu như một nghi thức nho nhỏ mà thôi.

- Anh không phải phân bua gì với em, - Kasahara May nói. - Em có phải vợ anh đâu. Chả liên quan gì đến em hết, nhưng

cho em nói điều này: anh dính vào chuyện rắc rối rồi đây.

- Có thể em nói đúng, - tôi nói.

- Em biết anh đang gặp lúc gay go.

Nhưng em không khỏi nghĩ rằng ấy là anh tự chuốc vào mình. Anh chỉ gặp một vấn đề duy nhất thật sự cơ bản, thế rồi nó hút mọi phiền phức vào mình như cục nam châm ấy. Bất cứ phụ nữ nào biết suy xét một chút mà gặp anh thì chắc chạy mất dép cả.

- Có thể em nói đúng, - tôi lại nói.

Kasahara May im lặng một chút ở đầu dây bên kia. Đoạn cô hắng giọng rồi nói:

- Tối qua anh đi trên ngõ phải không?

Anh đứng hồi lâu phía sau nhà em như thằng ăn trộm nghiệp dư ấy... Đừng lo,

em nhìn thấy anh mà.

- Thế sao em không ra?

- Con gái có phải bao giờ cũng cần chạy ra đâu, anh biết mà. Đôi khi cũng muốn chảnh một tí chứ, cứ mặc cho anh chàng đợi - đã muốn đợi thì cho tha hồ đợi.

Tôi ậm ừ.

- Nhưng em vẫn áy náy, - cô nói tiếp, - nên sau đó em mới lại vác xác đến nhà anh như con ngốc ấy.

- Và anh đang ôm cô kia.

- Phải, nhưng cô ấy hơi dở người phải không? Thời buổi này ai còn ăn mặc như thế. Lại còn trang vớ điếm nữa chứ! Cứ như tự đời nào đời nào chui ra ấy. Cô ta phải tới bác sĩ kiểm tra cái đầu đi là vừa.

- Đừng lo, cô ấy không dở người đâu.

Mỗi người có một thị hiếu riêng.

- Thì vâng. Thị hiếu gì chả được. Nhưng người bình thường chẳng ai lại có cái thị hiếu quái chiêu như thế cả. Cô ta - nói sao nhỉ? - như là từ trong cuốn tạp chí cũ bước thẳng ra ấy: cái gì ở cô ta cũng vậy, từ đầu đến chân.

Tôi không trả lời.

- Này Chim vặn dây cót, nói em nghe, anh đã ngủ với cô ta chưa?

Tôi ngần ngừ một chút rồi nói: Chưa.

- Thật không?

- Thật. Anh không quan hệ với cô ấy theo nghĩa thân xác.

- Thế tại sao anh ôm cô ta?

- Đôi khi phụ nữ muốn vậy, họ cần ai đó ôm họ.

- Có thể, - Kasahara May nói, - nhưng cái ý tưởng đó có thể hơi nguy hiểm đấy.

- Đúng vậy, - tôi nói.

- Tên cô ta là gì?

- Kano Creta.

Kasahara May lại im lặng ở đầu dây bên kia.

- Anh đùa đấy chứ? - rốt cuộc cô nói.

- Không đùa tí nào. Còn chị cô ấy tên là Kano Malta.

- Malta?! Đó không thể là tên thật của cô ta.

- Ừ, không phải. Đó là tên dùng trong nghề nghiệp thôi.

- Thế họ là ai, một cặp diễn viên hài à?
Hay họ có liên hệ gì với Địa Trung Hải?

- Đúng đây, họ có mối liên hệ nào đó với Địa Trung Hải.

- Cô chị có ăn mặc như người bình thường không?

- Nói chung là có. Cô ta ăn mặc bình thường, ít nhất là bình thường hơn Creta nhiều. Trừ mỗi chuyện lúc nào cô ta cũng đội cái mũ bằng vải vinyl màu đỏ.

- Nghe vậy là em biết cô ta cũng không hẳn bình thường đâu. Tại sao anh cứ giao du với những hạng người hơi bị chập mạch ấy nhỉ?

- Chuyện ấy thì dài lắm. Để khi nào mọi chuyện ôn ôn một chút anh sẽ kể cho em nghe. Nhưng giờ thì không. Đầu anh đang

rồi tung lên đây. Mọi chuyện lại càng rối bời hơn nữa đây.

- Thôi được, - cô nói, giọng có vẻ ngờ vực. - Mà này, vợ anh vẫn chưa về à?

- Chưa.

- Nghe này Chim vặn dây cót! Anh là người lớn rồi. Sao anh không vận dụng cái đầu anh một chút đi? Nếu tối qua vợ anh đổi ý mà quay về, chị ấy có thể nhìn thấy anh đang choàng tay ôm cái cô kia. Khi đó thì sao hở?

- Ủ, cũng có khả năng đó.

- Và nếu đúng là chị ấy gọi điện chứ không phải em mà anh lại đi nói về chuyện xé rách xiếc này nọ thì chị ấy sẽ nghĩ gì?

- Em có lý, - tôi nói.

- Em đã nói mà, anh đang gặp rắc rối to đấy, - cô vừa nói vừa thở dài.
- Đúng vậy, anh đang gặp rắc rối.
- Anh thôi cái trò em nói gì cũng ừ ừ phải phải đi! Cứ như chỉ cần nhận mình sai là chuyện gì cũng giải quyết được ấy. Anh có nhận hay không thì sai vẫn là sai.
- Ừ, đúng vậy, - tôi nói. Quả là đúng thật.
- Thôi đủ rồi, em không chịu nổi nữa! - Kasahara May nói. - Nào, nói em nghe, đêm qua anh muốn gì? Anh đến nhà em để tìm cái gì đó phải không?
- Ồ thôi. Đừng để ý làm gì.
- Đừng để ý làm gì?
- Ồ. Rốt cuộc thì... Đừng để ý làm gì.

- Nói cách khác, cô ta cho anh ôm, thế là anh không cần em nữa.

- Không, không phải thế. Chỉ là anh cảm thấy...

Đến đây Kasahara May gác máy.

Kasahara May, Kano Malta, Kano Creta, người đàn bà trên điện thoại, và Kumiko. Kasahara May nói đúng: mấy ngày hôm nay tôi có hơi nhiều phụ nữ quanh mình. Mỗi người đến lại mang theo một vấn đề bí hiểm của riêng mình.

Nhưng tôi mệt quá không nghĩ gì được nữa. Tôi cần phải ngủ một chút. Ngủ xong thức dậy tôi còn có việc phải làm. Tôi trở lại giường ngủ thiếp đi.

* * *

Khi thức dậy, tôi lấy một cái ba lô trong

tử. Ba lô này chúng tôi để dành phòng khi động đất hay những tình huống khẩn cấp khác cần phải di tản. Trong ba lô có một chai nước, bánh quy, một đèn pin, một cái bật lửa. Kumiko mua cái ba lô này từ khi chúng tôi mới chuyển về nhà này, phòng trường hợp xảy ra động đất lớn. Tuy nhiên chai nước rỗng không, bánh quy ỉu xiu, pin thì chết. Rồi tôi đến cửa hàng vật dụng gần nhà mua một chiếc thang dây, loại dùng để thoát hiểm trong trường hợp hỏa hoạn. Tôi ngẫm nghĩ xem có cần gì nữa không nhưng chẳng nghĩ ra gì khác ngoài kẹo chanh. Tôi đi một vòng khắp nhà, đóng hết cửa sổ, tắt hết đèn. Tôi đã toan khóa cửa ngoài, nhưng lại thôi. Có thể sẽ có người đến tìm tôi trong khi tôi đi vắng. Có thể Kumiko sẽ về. Và

lại, nhà này chẳng có gì đáng trộm cả. Tôi để lại một mẫu thư ngắn trên bàn bếp: “Đi vắng ít lâu. Sẽ trở về. T.”

Tôi tự hỏi liệu Kumiko sẽ ra sao khi thấy mẫu thư này. Nàng sẽ nghĩ gì? Tôi vò nát mẫu thư rồi viết một cái khác: “Phải ra ngoài ít lâu vì có chuyện quan trọng. Sẽ về ngay. Hãy đợi. T.”

Tôi mặc quần bằng vải bông thô, áo phông ngắn tay, khoác ba lô. Tôi bước từ hàng hiên xuống vườn. Quanh tôi là những dấu hiệu không thể nhầm lẫn của mùa hè - đích thực là mùa hè, không dè xẻn, không điều kiện. Ánh nắng trời, mùi gió, màu xanh của bầu trời, hình dáng những đám mây, tiếng ve sầu râm ran: tất cả đều thông báo rằng mùa hè thực sự đã

đền. Và tôi đây, ba lô trên lưng, trèo qua bức tường cuối vườn rồi thả mình xuống ngõ.

Hồi nhỏ có lần tôi đã bỏ nhà đi vào một sáng mùa hè đẹp trời giống như thế này. Tôi không nhớ lý do gì đã khiến tôi quyết định ra đi. Chắc do tôi giận cha mẹ. Tôi bỏ nhà ba lô khoác trên vai, trong túi là toàn bộ số tiền tôi dành dụm được. Tôi bảo mẹ rằng tôi đi dã ngoại với mấy đứa bạn và nhờ mẹ chuẩn bị sẵn bữa trưa. Ngay phía trên nhà chúng tôi có mấy ngọn đồi leo rất thích, bọn trẻ con thường leo lên đó không có người lớn trông chừng. Ra khỏi nhà, tôi lên xe buýt đi đến tận trạm dừng cuối. Với tôi, đó là một thị trấn lạ lẫm, xa xôi. Ở đó tôi

chuyển sang xe buýt khác và lại đi đến một thị trấn lạ lẫm và xa xôi khác - còn xa xôi hơn nữa. Thậm chí tôi chẳng biết chỗ đó tên gì, cứ thế xuống xe buýt rồi tha thân qua các phố. Thị trấn này chẳng có gì đặc biệt, náo nhiệt hơn khu tôi ở một chút nhưng cũng nhếch nhác hơn một chút. Nó có một con phố hai bên là quán xá, một ga xe lửa, dăm nhà máy nhỏ. Có một dòng suối chảy ngang qua thị trấn, đối diện dòng suối là một rạp chiếu phim. Bảng bên ngoài thông báo đang chiếu một bộ phim phương Tây. Đến trưa tôi ngồi trên ghế đá công viên, giờ cơm trưa ra ăn. Tôi nán lại thị trấn đó đến chiều, nhưng khi mặt trời bắt đầu xế, tôi đâm ra ngã lòng. Đây là cơ hội cuối cùng để mày trở về, tôi tự nhủ. Khi trời đã tối

hắn, mà sẽ không bao giờ đi khỏi chỗ này được đâu. Tôi về nhà cũng trên mấy chiếc xe buýt đã đưa tôi đến đó. Tôi về tới lúc 7 giờ tối, không ai nhận ra tôi đã bỏ nhà ra đi. Cha mẹ tôi hẳn cho rằng tôi đã ở suốt trên đồi với bọn trẻ khác.

Chuyện đó tôi đã quên hẳn rồi. Nhưng ngay lúc trèo qua bức tường sau vườn, lưng khoác ba lô, cảm giác đó liền trở lại với tôi - nỗi cô đơn khôn tả xiết khi ta đứng một mình giữa những phố phường xa lạ, những con người xa lạ, những ngôi nhà xa lạ, ngấm mặt trời chiều mất dần ánh sáng, từng tí một. Rồi tôi nghĩ đến Kumiko: Kumiko, nàng đã biến mất nơi nào đó, chỉ mang theo chiếc túi đeo vai duy nhất, thêm chiếc áo khoác và váy lầy

ở hiệu giặt. Nàng đã bỏ lỡ cơ hội cuối cùng để quay về. Giờ đây có lẽ nàng đang đứng một mình ở thị trấn lạ lẫm xa xôi nào đó. Nghĩ về nàng như vậy tôi thật khó mà chịu nổi.

Nhưng không, nàng không thể chỉ một mình được. Nàng phải ở bên một người đàn ông. Chỉ có cách đó thì chuyện này mới có ý nghĩa.

Tôi không nghĩ tới Kumiko nữa.

* * *

Tôi đi dọc theo con ngõ.

Cỏ dưới chân đã mất màu xanh sống động như đang thở phập phồng khi còn đón những cơn mưa xuân, giờ đây nó có cái vẻ xín xín điển hình của cỏ mùa hè. Giữa những lá cỏ kia thì thoảng một con

cào cào xanh nhảy tanh tách đây đó khi tôi đi ngang qua. Đôi lúc thậm chí một con ếch cũng nhảy ra. Con ngõ đã biến thành thế giới của các sinh vật nhỏ đó, còn tôi chẳng qua là kẻ ngoài đột nhập vào quấy nhiễu cái trật tự hiện hành.

Đến căn nhà bỏ không của nhà Miyawaki, tôi mở cổng rồi cương quyết bước vào. Tôi giẫm qua đám cỏ cao tiến về phía giữa sân, ngang qua con chim đá nhem nhuốc vẫn đang nhìn đăm đăm lên trời, đi vòng qua bên hông nhà, bụng thầm mong Kasahara May không nhìn thấy tôi vào đây.

Việc đầu tiên tôi làm khi đến chỗ cái giếng là dẹp những tảng đá dần nắp giếng, sau đó gỡ một trong hai nửa nắp

giếng bằng gỗ hình bán nguyệt ra. Để kiểm tra xem có phải dưới đáy vẫn không có nước hay không, tôi ném một hòn sỏi xuống như lần trước. Và cũng như lần trước, hòn sỏi chạm đáy phát ra một tiếng đùng đục. Không có nước. Tôi đặt ba lô xuống, lấy thang dây ra, buộc một đầu vào thân cây bên cạnh. Tôi siết chặt hết sức để đảm bảo rằng nó sẽ giữ chắc. Gì chứ chuyện này thì cẩn thận mấy cũng không thừa. Nếu chẳng may thang dây bị lỏng hay tuột ra thì có khi tôi sẽ không bao giờ leo lên được nữa.

Ôm đồng thùng trong tay, tôi bắt đầu thả thang xuống giếng. Toàn bộ cuộn dây đã đưa vào trong giếng rồi mà tôi vẫn không cảm thấy nó chạm đáy. Không thể có

chuyện thang quá ngắn được, tôi đã mua thứ thang dài nhất người ta có kia mà. Nhưng cái giếng này sâu thật. Tôi rọi đèn pin thẳng xuống mà vẫn không thấy thang đã chạm đáy chưa. Ánh đèn pin chỉ xuyên xuống đến độ sâu nào đó rồi cũng bị bóng tối nuốt chửng.

Tôi ngồi trên thành giếng, lắng nghe. Vài con ve sầu kêu ran ran trên cây như thể thi nhau xem con nào có tiếng to nhất hay dung tích phổi lớn nhất. Tuy nhiên chẳng nghe thấy tiếng con chim nào. Tôi nhớ lại con Chim vặn dây cót một cách triu mến. Có lẽ nó không thích ganh đua với lũ ve sầu nên đã bay tránh đi chỗ khác.

Tôi lật lòng bàn tay lên về phía ánh nắng. Chỉ trong khoảnh khắc bàn tay tôi đã thấy

âm lên, như thể ánh sáng đã xuyên suốt vào da, ngấm vào tận từng đường vân tay tôi. Nơi đây ánh sáng ngự trị trên tất cả. Tắm mình trong ánh sáng, vạn vật bừng lên sắc màu rực rỡ của mùa hè. Ngay những sự vật vô hình như thời gian hay ký ức cũng được hưởng ân sủng của ánh sáng mùa hè. Tôi ném tọt một viên kẹo chanh vào mồm rồi vẫn ngồi đó cho tới khi kẹo tan hết. Rồi tôi giật mạnh cái thang lần nữa để xem nó đã buộc thật chắc chưa.

Leo thang dây xuống giếng là việc khó hơn tôi tưởng nhiều. Thang được bện bằng sợi bông và sợi nylon nên rất chắc, song khi tôi đặt chân lên thì nó lại trông trơn không vững. Đôi giày tennis của tôi

có đế cao su, mỗi khi tôi thử chuyển sức nặng thân mình từ chân này sang chân kia là đế giày cứ muốn trượt ra. Hai tay tôi phải bấu chặt dây thừng đến nỗi lòng bàn tay bắt đầu đau. Tôi xuống thật chậm, thật cẩn thận, từng nấc một. Nhưng xuống sâu lắm rồi mà vẫn không thấy đáy.

Chừng như tôi sẽ phải xuống thế này mãi không bao giờ dứt. Tôi tự nhắc mình nhớ lại tiếng hòn sỏi chạm đáy giếng. Giếng này phải có đáy chứ! Vấn đề là ở cái thang khi gió này, dùng nó để leo xuống mất nhiều thời gian quá.

Đếm được hai mươi nấc thì một nỗi kinh sợ xâm chiếm lấy tôi. Nó ập đến đột ngột, như cơn sốc điện, làm tôi chết cứng tại chỗ. Cơ bắp tôi hóa đá. Từng lỗ chân

lông trên người tôi túa mồ hôi, chân tôi run lên. Làm gì có cái giếng nào lại sâu đến như vậy. Ngay giữa lòng Tokyo kia mà! Nó ở ngay sau cái nhà tôi ở. Tôi nín thở lắng tai, nhưng chẳng nghe thấy gì. Tiếng tim tôi đập thình thịch dội lại trong tai tôi to đến nỗi thậm chí không còn nghe thấy tiếng ve sầu ran ran ở trên kia. Tôi hít một hơi thật sâu. Tôi cứ ở nguyên đó, trên nấc thang thứ hai mươi, chẳng biết nên xuống nữa hay leo trở lên. Không khí dưới giếng mát lạnh, sực mùi đất. Dưới đây là một thế giới riêng biệt, bị cắt lìa khỏi mặt đất trên kia, nơi ánh mặt trời soi chiếu một cách hào phóng đến nhường nào. Tôi nhìn lên miệng giếng trên đầu, giờ đây chỉ còn là một mảnh bé xiu. Miệng giếng tròn vành vạnh

được chia đúng thành hai nửa bằng nhau bởi phân nửa nắp giếng mà tôi đã giở ra. Từ dưới nhìn lên, nó trông như vầng bán nguyệt trôi trên nền trời đêm. “Một vầng bán nguyệt sẽ kéo dài trong vòng hai ngày”, Kano Malta đã nói vậy. Cô đã tiên đoán như vậy qua điện thoại.

Giỏi lắm. Và khi ý nghĩ đó thoáng qua đầu tôi, tôi cảm thấy phần nào sức lực rời bỏ mình. Cơ bắp tôi chùng xuống, khối hơi thở chắc nịch trong tôi như thoát cả ra ngoài.

Vận chút sức lực cuối cùng, tôi lại bắt đầu leo xuống. Chỉ thêm chút nữa thôi. Một chút nữa thôi. Đừng lo, thế nào cũng có đáy mà. Và đến nấc thang thứ hai mươi ba, tôi chạm đáy. Chân tôi tiếp xúc

với nền đất nơi đáy giếng.

* * *

Việc đầu tiên tôi làm trong bóng tối là lấy mũi giày dò dẫm bề mặt đáy giếng quanh mình, tay vẫn bám lấy thang, phòng khi có cái gì đó mà tôi cần phải tránh xa. Sau khi đã yên tâm rằng không có nước và không có vật gì khả nghi, tôi mới bước xuống nền đất. Tôi hạ ba lô xuống, mở khóa kéo lấy đèn pin ra. Ánh đèn pin cho tôi nhìn rõ lần đầu tiên quang cảnh nơi đáy giếng. Nền đất không quá rắn cũng không quá mềm. Và may thay, đất khô ráo. Rải rác đây đó vài hòn đá, hẳn do người ta thả xuống. Vật duy nhất rơi xuống đáy giếng là một vỏ bao khoai tây chiên. Đáy giếng được soi

bằng ánh đèn pin làm tôi nhớ tới bề mặt Mặt trăng mà tôi đã xem trên truyền hình từ lâu lắm rồi.

Vách giếng hình trụ bằng bê tông phẳng phiu, trơn nhẵn, gần như chỗ nào cũng giống chỗ nào, trừ đây đó có vài ba cụm giống như rêu. Vách giếng đâm thẳng lên trời như ống khói, với lỗ thoát là khoảng sáng hình bán nguyệt mãi trên kia. Nhìn thẳng lên, giờ tôi mới hình dung được giếng sâu đến cỡ nào. Tôi lại kéo mạnh chiếc thang dây. Trong tay tôi, nó vẫn chắc chắn, cho tôi cảm giác yên lòng. Chừng nào nó còn ở nguyên đó, tôi sẽ có thể leo lên mặt đất bất cứ lúc nào tôi muốn. Sau đó tôi hít một hơi dài. Ngoại trừ chút mùi rêu, nhìn chung không khí

khá ổn. Cái tôi lo nhất là không khí. Không khí dưới đáy giếng thường bị tù hãm, giếng khô lại hay có khí độc từ trong đất thoát ra. Đã lâu rồi tôi có đọc bài báo nói về một người đào giếng hít phải khí mê-tan dưới đáy giếng mà mất mạng.

Hít một hơi dài, tôi ngồi trên nền giếng, lưng tựa vào vách giếng. Tôi nhắm mắt lại, để cho thân thể mình quen dần với nơi này. Thế đấy, tôi nghĩ, giờ thì tôi ở dưới đáy giếng rồi.

6

Thừa kế tài sản

*

Vấn hỏi về loài sứa

*

Cái gì đó như là cảm giác xa cách

Tôi ngồi trong bóng tối. Mãi xa phía trên kia, vàng sáng hình bán nguyệt trôi trên miệng giếng như dấu hiệu của một cái gì đó. Thế nhưng không chút ánh sáng nào trên kia lọt xuống được đáy giếng này.

Sau một thời gian, mắt tôi quen dần với bóng tối. Chẳng mấy chốc tôi đã có thể nhận ra hình dáng bàn tay mình nếu đưa lên gần mặt. Những vật khác quanh tôi

bắt đầu lơ mờ hiện ra, rất từ từ, như những con vật nhỏ buông lỏng dần cảnh giác, từng tí từng tí một. Tuy nhiên, dù mắt đã quen đi nữa, bóng tối không bao giờ thôi là bóng tối. Mỗi khi tôi tập trung cố nhìn rõ vật gì thì hình dáng của nó lại mờ đi, im lìm hòa lẫn vào bóng tối. Hẳn có thể gọi đây là “bóng tối nhạt”, nhưng dù “nhạt” đi nữa, nó vẫn có sự dày đặc riêng của nó, sự dày đặc mà trong một số trường hợp còn hàm chứa một bóng tối nhiều ý nghĩa hơn cả bóng tối như mực. Trong thứ bóng tối này ta có thể thấy cái gì đó. Nhưng đồng thời ta cũng hoàn toàn chẳng thấy gì.

Trong cái bóng tối đầy ẩn nghĩa đến kỳ lạ đó, ký ức tôi bỗng trôi dạt với một

sức mạnh chưa từng có. Những hình ảnh rời rạc mà ký ức khơi dậy trong tôi sinh động lạ lùng, rõ rệt đến từng chi tiết nhỏ, chừng như tôi có thể nắm bắt được trong tay. Tôi nhắm mắt, hồi tưởng lại lần đầu tiên gặp Kumiko tám năm về trước.

* * *

Chuyện xảy ra trong phòng đợi dành cho người nhà bệnh nhân tại bệnh viện trường đại học ở Kanda. Đạo đó gần như ngày nào tôi cũng phải tới bệnh viện gặp một khách hàng giàu có đặt lo chuyện thừa kế tài sản cho ông ta. Kumiko thì đến bệnh viện mỗi ngày giữa hai buổi học để chăm sóc mẹ đang điều trị loét tá tràng. Nàng hay mặc quần bò hay quần soóc, áo len chui cổ, tóc buộc đuôi ngựa.

Có khi nàng mặc áo khoác có khi không
tùy thời tiết đầu tháng Mười một. Nàng
mang túi đeo vai trong đó luôn có vài
cuốn sách trông như là giáo trình đại
học, ngoài ra còn thêm vài cuốn mẫu vẽ.
Ngày chiều hôm đầu tiên tôi đến bệnh
viện, Kumiko đang ngồi trên ghế sofa,
bắt chéo đôi chân mang giày đen gót thấp,
say sưa đọc sách. Tôi ngồi đối diện
nàng, cứ năm phút lại xem đồng hồ để
đợi đến giờ phỏng vấn ông khách hàng -
ông ta đi khỏi trước đó một tiếng rưỡi
đồng hồ vì lý do gì tôi không rõ. Kumiko
không hề rời mắt khỏi sách. Nàng có đôi
chân rất đẹp. Nhìn nàng, tâm trạng tôi
mới phấn chấn lên được ít nhiều. Bỗng
dưng tôi tự hỏi nếu là người có khuôn

mặt đẹp (hay ít nhất là cực kỳ thông minh) và đôi chân tuyệt mỹ thế kia thì mình sẽ thấy thế nào nhỉ?

Sau khi gặp nhau vài lần trong phòng đợi, tôi và Kumiko bắt đầu chuyện gẫu với nhau - cho nhau mượn những cuốn tạp chí đã đọc xong hoặc cùng ăn chỗ hoa quả trong túi quà ai đó đem tới biếu mẹ nàng. Dù gì thì ở đó chúng tôi thấy chán kinh khủng nên cần có người trạc tuổi mình để nói chuyện.

Ngay từ đầu tôi và Kumiko đã tìm thấy một cái gì đó ở nhau. Đó không phải là loại cảm xúc mạnh mẽ, bản năng khiến hai con người như bị sốc điện ngay từ lần đầu gặp gỡ, mà là một cái gì thâm lặng hơn, êm ả hơn, như hai tia sáng nhỏ

nhoi cùng trôi trong bóng tối mênh mông, ngày một tiến lại gần nhau mà chính mình không biết. Càng hay gặp nhau, tôi càng cảm thấy không phải mình vừa làm quen với một người lạ mà mới tình cờ gặp lại một người bạn thân.

Chẳng bao lâu tôi không còn thỏa mãn với những cuộc chuyện trò ngắn ngủi với Kumiko trong bệnh viện xen giữa việc này việc khác. Tôi vẫn mong có dịp gặp nàng ở nơi khác để có thể trò chuyện thoải mái với nàng. Cuối cùng, một ngày kia tôi quyết định hẹn gặp nàng.

- Anh nghĩ em và anh cần thay đổi không khí một chút, - tôi nói. - Ta hãy ra khỏi đây, đến chỗ nào không có bệnh nhân hay khách hàng gì hết ấy.

Kumiko nghĩ một chút rồi đề nghị:

- Đến công viên thủy sinh nhé?

Thế là công viên thủy sinh trở thành nơi hẹn hò đầu tiên của chúng tôi. Sáng hôm đó Kumiko mang quần áo đến bệnh viện cho mẹ thay và gặp tôi ở phòng đợi của bệnh viện. Hôm đó trời quang, ấm áp, Kumiko mặc áo váy đơn sơ màu trắng, áo khoác len đan màu xanh dương nhạt. Ngay từ hồi đó tôi đã luôn kinh ngạc thấy nàng sành ăn mặc đến nhường nào. Ngay cả khi mặc cái quần, cái áo đơn giản nhất, nàng chỉ cần xắn tay áo hay bẻ cổ áo lên là đủ để biến nó thành một cái gì đó thật khác thường, ngoạn mục. Đó là một thứ tài khéo mà nàng có. Tôi thấy nàng chăm chút cho quần áo của mình

với nỗi trêu mến gần như là tình yêu. Mỗi khi ở bên nàng, mỗi khi đi cạnh nàng, tôi luôn ngắm nàng đầy thần phục. Áo cánh của nàng không khi nào có một nếp nhăn. Các đường gấp trên quần áo nàng ngay tắp lự không chê vào đâu được. Cái gì màu trắng nàng mặc trông cũng như mới tinh. Giày của nàng chẳng bao giờ mòn vẹt hay lấm bẩn. Nhìn những gì nàng mặc, tôi có thể hình dung những áo cánh, áo len của nàng gấp cẩn thận, xếp ngay hàng trong tủ hay ngăn kéo, những chiếc váy và áo dài của nàng bọc nylon treo trong tủ (sau này khi đã lấy nhau, tôi sẽ tận mắt thấy là đúng như vậy).

Buổi chiều đầu tiên bên nhau, hai chúng tôi đến công viên thủy sinh ở Vườn thú

Ueno. Hôm ấy trời thật đẹp. Tôi thì cho rằng tản bộ loanh quanh vườn thú thích hơn nhiều, nên bèn gợi ý như vậy với Kumiko trong khi đi xe điện đến Ueno, nhưng rõ ràng nàng đã nhất quyết đến công viên thủy sinh. Nếu nàng đã muốn vậy thì chẳng sao, với tôi thế nào cũng được. Ở công viên thủy sinh có một chỗ đặc biệt chuyên trưng bày sứa, hai chúng tôi đi từ đầu đến cuối khu ấy để ngắm các loài sứa quý hiếm từ khắp nơi trên thế giới tề tựu về. Chúng vừa bơi vừa lắc lư trong bể, từ con bé tí như tùm bông cỡ đầu ngón tay đến những gã khổng lồ đường kính xấp xỉ một mét. Tuy là Chủ nhật nhưng khu công viên thủy sinh không đông người lắm. Có khi hơi thưa thớt là khác. Vào một hôm đẹp trời

như vậy, người ta thích xem voi và hươu cao cổ hơn là xem sứa.

Tôi không nói gì với Kumiko, nhưng thật ra tôi ghét cay ghét đắng cái giống sứa. Hồi nhỏ đi bơi ngoài biển tôi bị sứa cắn luôn. Có lần bơi một mình ra hơi xa, tôi lạc vào giữa cả một đàn sứa. Khi tôi nhận ra thì đã muộn, bị sứa vây quanh tứ bề. Suốt đời tôi sẽ không bao giờ quên cái cảm giác nhơn nhớt, lạnh lạnh khi lũ sứa chạm vào tôi. Giữa cái mê cung toàn là sứa ấy, một nỗi kinh hoàng khủng khiếp tràn ngập trong tôi, như thể tôi đã bị lôi tuột vào một vực thẳm đen ngòm không đáy. Chẳng hiểu sao tôi không bị cắn, nhưng vì hãi quá tôi đã uống no nê một bụng nước biển. Chính vì vậy tôi chỉ

mong sao đi qua khu trung bày sửa càng nhanh càng tốt, thà đi xem mấy loài cá bình thường như cá hồi hay cá bơn còn hơn.

Nhưng Kumiko thì lại mê lắm. Đến bể nào nàng cũng dừng lại, tựa vào tay vịn, đứng ngây ra như bị thôi miên, chẳng còn biết thời gian là gì nữa. - Nhìn xem, - nàng nói. - Em chả bao giờ ngờ trên đời lại có giống sửa hồng đẹp tuyệt đến thế. Xem nó bơi đẹp chưa kìa! Chúng cứ lắc lư như thế mà chu du khắp các đại dương trên thế giới kia đấy. Chúng thật là tuyệt phải không?

- Ừ, tuyệt, - tôi nói. Nhưng càng bắt mình ra điều nghiên lũ sửa cùng với Kumiko, càng lúc tôi càng thấy tức ngực. Tự lúc

nào chẳng biết tôi không trả lời nàng nữa, chỉ chăm chú đếm tiền trong túi hoặc lau mép bằng khăn tay. Tôi cứ cầu trời sao cho chóng đến bề sửa cuối cùng, nhưng mãi không thấy hết. Trên các đại dương của trái đất này có cơ man nào là loài sửa cơ mà. Tôi cố chịu được chừng nửa tiếng, nhưng rồi cơn căng thẳng khiến đầu tôi như vỡ ra. Cuối cùng, đứng tựa vào tay vịn cũng không nổi nữa, tôi đành phải rời Kumiko mà đổ vật xuống một ghế dài gần đó. Nàng đến cạnh tôi, vẻ rất lo lắng hỏi xem tôi có bị ốm không. Tôi thành thực trả lời rằng nhìn lữ sửa mãi tôi bị chóng mặt.

Nàng nhìn đăm đăm vào mắt tôi với vẻ mặt nghiêm trang.

- Đúng vậy thật, - nàng nói. - Nhìn mắt anh em hiểu. Mắt anh lơ lảo thất thần thế nào ấy. Nghĩ cũng lạ, chỉ vì nhìn sứa không thôi mà ra vậy. - Kumiko nắm tay tôi dẫn tôi rời khỏi khu trưng bày thủy sinh tôi tắm, ẩm ướt để ra ngoài nắng. Ngồi ở công viên gần đó trong mười phút, hít thở chậm, dần dần tôi mới lấy lại được trạng thái tâm lý bình thường. Mặt trời mùa thu tuôn ánh sáng dịu dàng xuống khắp nơi, lá cây ngân hạnh khô đến tận gân khẽ rung rung khi gió nhẹ thổi.

- Anh đỡ chưa? - vài phút sau Kumiko hỏi. - Anh lạ thật đấy. Nếu anh ghét sứa đến vậy thì phải nói ngay từ đầu chứ, ai lại đợi tới khi nó làm mình phát ốm thế

này?

Bầu trời cao vọi vọi, không mây, gió thổi dễ chịu, thiên hạ thong dong tận hưởng ngày Chủ nhật trong công viên nom thật hạnh phúc. Một cô gái mảnh dẻ, xinh xắn dắt con chó lớn lông dài. Một ông lớn tuổi đợi mũ phớt không rời mắt khỏi đứa cháu gái đang chơi bập bênh. Vài cặp ngồi trên ghế dài cũng như chúng tôi. Đằng xa có người đang tập chạy nốt kèn saxophone.

- Sao em thích sửa quá vậy? - tôi hỏi.

- Em chả biết nữa. Chắc là vì chúng dễ thương, - nàng nói. - Nhưng khi nhìn kỹ chúng, em bỗng nảy ra ý nghĩ này. Cái mà ta thường thấy trước mắt mình chỉ là một phần nhỏ nhoi của thế giới mà thôi.

Ta vẫn quen nghĩ: Thế giới của ta là thế này đây, nhưng hoàn toàn không phải vậy. Thế giới thực nằm ở một nơi tối và sâu hơn thế giới này nhiều, ở đó gần như toàn là bọ sứa hay những loài tương tự thôi. Chỉ là chúng ta quên mất điều đó. Anh có đồng ý không? Hai phần ba bề mặt trái đất là đại dương, bằng mắt trần ta chỉ thấy mỗi bề mặt trên cùng, mỗi lớp da mà thôi. Chúng ta hầu như chẳng biết gì về những cái nằm bên dưới lớp da ấy. Sau đó chúng tôi đi dạo hồi lâu. Đến 5 giờ chiều, Kumiko báo nàng phải quay lại bệnh viện, thế là tôi đưa nàng về đó. “Cám ơn anh, hôm nay rất vui,” nàng nói khi chia tay. Trong nụ cười của nàng có một ánh sáng dịu dàng thâm lặng trước

đây không có. Nhìn thấy ánh sáng ấy, tôi hiểu ngày hôm đó mình đã nhích gần nàng được hơn một chút, chuyện đó nhất định là nhờ lũ sửa.

* * *

Kumiko và tôi tiếp tục hẹn hò nhau. Mẹ nàng đã được xuất viện, tôi cũng không phải đến bệnh viện lo thủ tục di chúc cho khách hàng nữa, nhưng tuần nào chúng tôi cũng gặp nhau một lần, đi xem phim, nghe hòa nhạc hay đi dạo. Càng gặp chúng tôi càng gần gũi nhau hơn. Tôi rất thích được ở bên nàng, và mỗi khi chúng tôi tình cờ chạm nhau, tôi nghe ngực mình đánh trống. Càng sắp đến kỳ nghỉ cuối tuần tôi càng khó tập trung làm việc. Tôi tin chắc rằng nàng cũng như tôi. Nếu

không nàng đã chẳng cuối tuần nào cũng gặp tôi.

Dẫu vậy tôi không vội vàng tiến xa hơn trong quan hệ với Kumiko. Tôi cảm thấy có gì đó không chắc chắn ở nàng. Chính xác là gì thì tôi không biết, nhưng thì thoảng nó lại thoáng hiện ra trong lời lẽ hay hành vi của nàng. Tôi hỏi nàng gì đó thì cách khoảng một hơi thở sau nàng mới trả lời - chỉ một thoáng do dự thôi, nhưng trong cái khoảnh khắc chưa đầy một giây kia tôi đã nhận thấy có một bóng đen nào đó.

Mùa đông đến, rồi thì năm mới. Chúng tôi vẫn gặp nhau mỗi cuối tuần. Tôi chẳng bao giờ hỏi nàng về điều đó, nàng cũng không bao giờ nói. Chúng tôi chỉ

gặp nhau, đi đâu đó, đi ăn, nói toàn những chuyện bình thường vô hại.

Một hôm tôi đánh bạo nói:

- Chắc em phải có bạn trai chứ phải không?

Kumiko nhìn tôi một chút rồi hỏi:

- Sao anh nghĩ vậy?

- Chỉ là linh cảm thôi, - tôi nói. Lúc đó chúng tôi đang đi qua Vườn thượng uyển Shinjuku vắng vẻ giữa mùa đông.

- Linh cảm gì kia?

- Anh không biết. Anh có cảm tưởng em có gì đó muốn nói với anh. Nếu nói được thì em nên nói.

Trên mặt Kumiko thoáng một chút dao động, gần như không thấy được. Có thể có một khoảnh khắc phân vân nào đó, thế

nhưng kết luận của nàng thì ngay từ đầu đã rõ ràng.

- Cám ơn anh đã hỏi, - nàng nói. - Nhưng em không có chuyện gì đặc biệt định nói với anh đâu.

- Em vẫn chưa trả lời câu hỏi của anh.

- Về chuyện em có bạn trai không ấy à?

- Ồ.

Kumiko dừng lại. Đoạn nàng tháo găng tay cho vào túi áo khoác. Rồi nàng nắm lấy bàn tay để trần của tôi. Khi nắm chặt tay nàng để đáp lại, tôi cảm thấy như hơi thở nàng trở nên nhỏ hơn, trắng hơn.

- Ta về nhà anh bây giờ được không? - nàng hỏi.

- Được chứ, - tôi đáp, hơi lúng túng. -

Chỉ có điều chỗ anh ở không được đáng

hoàng lâm đầu.

Lúc đó tôi đang sống ở khu Asagaya trong một căn hộ một buồng, có gian bếp nhỏ tí, phòng vệ sinh và phòng tắm cỡ bằng cái buồng điện thoại công cộng. Nó nằm trên tầng hai, quay về hướng Nam, nhìn xuống sân kho một công ty xây dựng. Căn hộ được mỗi cái ấy thôi - nhờ quay về hướng Nam nên nhiều nắng. Kumiko và tôi ngồi bên nhau hồi lâu trong dòng nắng đó, lưng tựa vào tường. Hôm đó tôi làm tình lần đầu tiên với Kumiko. Chính nàng muốn vậy, điều đó tôi tin chắc. Theo nghĩa nào đó thì chính nàng đã quyến rũ tôi. Không phải nàng đã nói hay làm gì đó lộ ra là muốn quyến rũ. Nhưng khi vòng tay ôm thân thể trần

trường của nàng, tôi biết chắc nàng đã có ý muốn việc này xảy ra. Tấm thân nàng mềm mại, không hề kháng cự.

Đó là lần đầu tiên Kumiko biết đến chuyện ái ân. Sau đó nàng không nói gì một hồi lâu. Nhiều lần tôi cố bắt chuyện với nàng, nhưng nàng không trả lời. Nàng đi tắm, mặc quần áo rồi lại ngồi dưới nắng. Tôi chẳng biết nói gì. Tôi chỉ đến ngồi bên nàng trong vạt nắng mà im lặng. Ánh nắng chuyển dịch dần, chúng tôi cũng xê dịch dọc bờ tường. Khi trời sẫm tối, Kumiko nói nàng phải về. Tôi tiễn nàng về nhà.

- Em chắc là không có điều gì muốn nói với anh chứ? - tôi lại hỏi nàng khi ở trên xe điện.

Nàng lắc đầu.

- Không cần bận tâm đâu, - nàng nói thật khẽ.

Tôi không bao giờ nhắc chuyện đó nữa. Kumiko đã tự mình lựa chọn ngủ với tôi, vậy nếu quả thật nàng giữ trong lòng chuyện gì đó không thể kể với tôi, hẳn chuyện đó sẽ có thể giải quyết được theo thời gian.

Sau đó chúng tôi vẫn gặp nhau mỗi cuối tuần, từ nay trở đi thường có thêm mục về căn hộ của tôi để làm tình. Trong khi chúng tôi nằm ôm ấp sờ soạng nhau, nàng bắt đầu kể về mình mỗi ngày thêm một chút, về những gì nàng đã trải qua, về những ý nghĩ và cảm xúc mà những điều đó mang lại cho nàng. Và tôi bắt đầu

hiểu cách nàng nhìn nhận về thế giới. Tôi bỗng thấy mình cũng có thể kể với Kumiko về cách nhìn thế giới của tôi. Tôi trở nên yêu nàng sâu đậm, nàng cũng nói nàng không bao giờ muốn xa tôi. Chúng tôi đợi đến khi nàng tốt nghiệp đại học là làm đám cưới.

Cuộc sống vợ chồng của chúng tôi hạnh phúc, không có vấn đề gì đáng nói. Thế nhưng vẫn có những lúc tôi không khỏi cảm thấy bên trong Kumiko có một vùng nào đó tôi không được phép vào. Ngay giữa chừng cuộc đối thoại bình thường nhất hay thậm chí sôi nổi nhất, hoàn toàn không có dấu hiệu nhỏ nào báo trước, đột nhiên Kumiko chìm vào im lặng. Việc đó có thể xảy ra hoàn toàn bất ngờ,

chẳng có nguyên nhân gì cả (hay ít nhất là không có nguyên nhân nào mà tôi có thể đoán ra). Nó giống như đang đi trên đường thì bất thành linh sụp hố vậy. Sự im lặng của nàng không bao giờ kéo dài quá lâu, nhưng mãi một lúc sau đó nàng có vẻ như đang ở nơi nào khác.

Lần đầu tiên đi vào trong Kumiko, tôi cảm thấy có một nỗi ngập ngừng kỳ lạ nào đó. Hẳn khi ân ái lần đầu tiên Kumiko chỉ cảm thấy đau, mà thật, toàn thân nàng cứng đờ ra vì cái đau ấy, nhưng đó không phải là lý do duy nhất của nỗi ngập ngừng mà tôi cảm thấy kia. Ở nàng còn có một cái gì đó dễ nhận ra đến lạ lùng, một cảm giác phân ly, xa cách, mặc dù tôi không biết gọi thế nào

cho chính xác. Tôi không xua được cái ý nghĩ kỳ quặc rằng cái thân thể tôi đang ôm trong tay kia không phải là thân thể người đàn bà mới cách đây ít phút còn má kề tay ấp thủ thủ tâm tình với tôi, dường như đã có sự đánh tráo mà tôi không hay biết, da thịt của kẻ nào khác đã thế vào chỗ của nàng. Mỗi khi ôm nàng, hai tay tôi không ngớt vuốt ve lưng nàng. Sự động chạm vào tấm lưng nhỏ thon trơn nhẵn của nàng có một hiệu quả gần như là thôi miên đối với tôi, thế nhưng cùng một lúc tấm lưng Kumiko dường như lại ở nơi nào xa tôi lắm. Suốt khoảng thời gian Kumiko nằm trong tay tôi, tôi có thể thề rằng Kumiko đang ở một nơi khác, nghĩ về người khác, và cái thân thể tôi ôm trong tay chỉ là một tấm

thân thể chỗ tạm thời thôi. Đó hẳn là lý do vì sao mặc dù tôi lên rất mạnh nhưng phải rất lâu mới dứt điểm được.

Tôi cảm thấy như vậy ngay từ lần đầu gần gũi với Kumiko. Sau đó, tôi cảm thấy nàng gần gũi tôi hơn nhiều, những phản ứng nhục thể của nàng nhạy bén hơn nhiều. Tôi tự thuyết phục mình rằng cái cảm giác xa cách ban đầu đó chẳng qua là bởi lần đầu tiên nàng ân ái với đàn ông.

* * *

Trong khi ôn lại từng ký ức, chốc chốc tôi lại chìa tay về phía cái thang dây treo sát tường mà giật mạnh để kiểm tra xem có bị lỏng không. Dường như tôi không thể nào rũ được nỗi sợ nó sẽ tuột ra bất

kỳ lúc nào. Mỗi khi ý nghĩ đó hiện lên trong tôi, dưới đáy giếng kia trong bóng tối, nó lại khiến tôi bứt rứt không yên. Thậm chí tôi nghe tiếng tim mình đập thình thịch. Sau khi đã kiểm tra nhiều lần - chắc phải tới hai, ba chục lần - tôi mới bình tâm lại. Dù gì tôi cũng đã buộc thang vào gốc cây kỹ đến thế kia mà. Không dễ gì tuột ra như vậy được.

Tôi nhìn đồng hồ. Kim đồng hồ lân tinh cho thấy chưa tới 3 giờ. Ba giờ chiều. Tôi ngược lên trên. Mảnh sáng hình bán nguyệt vẫn đang treo đó. Mặt đất đang tràn ngập nắng hè chói chang. Tôi hình dung một dòng suối lấp lánh trong ánh nắng, những chiếc lá xanh rờn rung rinh trong gió nhẹ. Ánh sáng trên kia bao trùm

vạn vật, thế mà ngay bên dưới, nơi đáy giếng này, chỉ hiện hữu toàn bóng tối. Chỉ cần tụt xuống lòng đất một chút theo một chiếc thang dây là có thể tới được vùng tối thăm thẳm đến nhường này. Tôi lại giật chiếc thang dây lần nữa để tin chắc là nó vẫn trụ vững. Đoạn tôi tựa đầu vào vách giếng, nhắm mắt lại. Cuối cùng, giấc ngủ trùm lấy tôi như làn thủy triều chậm chậm dâng lên.

Hồi ức và đối thoại về việc có thai

*

Tri thức thực nghiệm về cái đau

Khi tôi thức dậy, miệng giếng hình bán nguyệt đã mang màu xanh thẫm buổi chiều tối. Kim đồng hồ chỉ 7 giờ rưỡi. Bảy giờ ba mươi tối. Nghĩa là tôi đã ngủ ở đây trong vòng bốn tiếng rưỡi đồng hồ. Không khí dưới đáy giếng mát lạnh. Khi tụt xuống đây tôi đã quá hồi hộp nên không còn tâm trí đâu nghĩ đến nhiệt độ không khí. Nhưng giờ thì da tôi bắt đầu phản ứng lại với khí lạnh. Tôi vừa chà xát hai cánh tay trần cho ấm vừa nghĩ lẽ ra tôi nên mang theo trong ba lô cái gì đó

âm ẩm để khoác ra ngoài áo phong. Tôi không hề nghĩ tới chuyện không khí dưới đáy giếng có thể khác với không khí trên mặt đất.

Giờ thì bao quanh tôi là bóng tối hoàn toàn. Dù cố đến mấy mắt tôi cũng không nhìn thấy gì nữa. Thậm chí tôi không biết tay mình ở đâu. Tôi mò mẫm dọc vách giếng tìm cái thang dây rồi kéo mạnh. Nó vẫn buộc chắc trên mặt đất. Chuyển động của bàn tay tôi dường như làm bản thân bóng tối dịch chuyển, nhưng đó có thể chỉ là ảo giác.

Thật lạ rằng tôi không thể nào nhìn thấy thân thể của chính mình bằng mắt mình tuy biết rõ thân thể mình đang có đó. Càng ngồi im lặng trong bóng tối, tôi

càng bớt tin tưởng rằng bản thân tôi đang hiện hữu. Để củng cố lại điều đó, chốc chốc tôi lại hắng giọng hoặc xoa tay lên mặt. Bằng cách đó tai tôi có thể kiểm chứng xem giọng tôi có hiện hữu không, tay tôi có thể kiểm chứng xem mặt tôi có hiện hữu không, còn mặt tôi có thể kiểm chứng xem tay tôi có hiện hữu không.

Nhưng dù tôi cố gắng bao nhiêu đi nữa, thân thể tôi bắt đầu mất trọng lượng và mật độ, như cát từ từ bị nước rửa trôi vậy. Dường như bên trong tôi đang diễn ra một cuộc kéo co dữ dội và câm lặng mà trong đó ý thức tôi đang thắng thế, đang dần dần lôi thể xác tôi vào lãnh địa của nó. Cái bóng tối này đang phá vỡ thế cân bằng vốn có giữa hai thế lực kia. Tôi

chợt nghĩ rằng thể xác tôi chẳng qua chỉ là một cái vỏ bọc được làm ra để ý thức tôi có thể sắp xếp các ký hiệu gọi là nhiệm sắc thể. Chỉ cần các ký hiệu kia được sắp xếp lại là tôi sẽ thấy mình nằm trong một cơ thể hoàn toàn khác. "Điểm tinh thần", Kano Creta tự gọi mình vậy. Giờ thì tôi có thể hiểu lời của cô không khó khăn gì. Vâng, chúng tôi hoàn toàn có thể làm tình trong tâm trí và xuất tinh trong thực tại. Trong bóng tối thật sự dày đặc, mọi chuyện lạ lùng đều có thể xảy ra.

Tôi lắc đầu, cố đẩy ý thức tôi vào trở lại trong cơ thể.

Trong bóng tối, tôi chập các ngón bàn tay này lên các ngón bàn tay kia - ngón

cái chập vào ngón cái, ngón trỏ chập vào ngón trỏ. Các ngón tay phải tôi kiểm chứng sự hiện hữu của các ngón tay trái tôi, các ngón tay trái tôi kiểm chứng sự hiện hữu của các ngón tay phải tôi. Đoạn tôi từ từ hít thở sâu mấy hơi liền. Thôi, nghĩ về ý thức thế là đủ. Nghĩ về thực tại đi nào. Hãy nghĩ về thế giới thực. Thế giới của nhục thể. Chính vì thế giới đó mà tôi mới ở đây. Ở đây là để nghĩ về thực tại. Và cách tốt nhất để nghĩ về thực tại là hãy tránh xa nó, càng xa càng tốt, như chui xuống đáy giếng chẳng hạn. "Khi cần đi xuống, hãy tìm cái giếng sâu nhất mà chui xuống đáy," ông Honda đã nói vậy. Tựa lưng vào vách giếng, tôi chậm chậm hít vào phổi bầu không khí sạch mùi rêu.

* * *

Tôi và Kumiko không làm lễ cưới. Cái chính là bởi chúng tôi không có tiền, mà xin cha mẹ thì chẳng ai muốn cả. Quyết định chung sống với nhau dù bằng cách nào đi nữa, điều đó quan trọng hơn nhiều so với tổ chức lễ này đám nọ. Chúng tôi đến phòng đăng ký hộ tịch vào một sáng sớm Chủ nhật, rung chiếc chuông nơi cửa sổ tiếp khách để dựng nhân viên trực dậy rồi nộp tờ đăng ký kết hôn. Sau đó chúng tôi đến một nhà hàng Pháp cao cấp mà bình thường ra chẳng ai trong chúng tôi có đủ hầu bao để vào, kêu một chai rượu vang và ăn một bữa tối đủ ba món. Với chúng tôi vậy là đủ.

Lúc đó chúng tôi gần như không có tiền

tiết kiệm (mẹ tôi khi qua đời có để lại cho tôi một ít tiền, nhưng tôi đã quyết định sẽ không bao giờ đụng đến trừ phi trong những trường hợp thật sự cấp bách), đồ đạc lại càng không. Triển vọng tương lai của chúng tôi cũng mù mịt. Mặc dù làm ở hãng luật nhưng tôi không có bằng luật sư nên tiền đồ chẳng có gì, còn Kumiko làm cho một nhà xuất bản bé tí chẳng ai biết tới. Giá như Kumiko muốn thì sau khi tốt nghiệp nàng đã có thể tìm được một vị trí tốt hơn nhiều nhờ các mối quan hệ của cha, nhưng nàng không thích nhờ cậy cha nên đã tự tìm việc lấy. Tuy nhiên cả hai chúng tôi chẳng có gì bất mãn. Chỉ cần sống được mà không phải nhờ vả ai là chúng tôi thấy vui rồi.

Dẫu sao xây dựng cuộc sống từ con số không là việc chẳng dễ dàng. Là con một, tôi có thiên hướng thích cô đơn, khép kín. Mỗi khi muốn làm việc gì đó quan trọng, tôi chỉ thích làm một mình. Tôi thấy phải giải thích, thuyết minh với người khác cho họ hiểu thì mất thì giờ công sức quá, chẳng thà mình cứ lẳng lẳng làm một mình còn hơn. Kumiko cũng vậy, từ khi người chị qua đời, nàng đóng chặt cũi lòng đối với gia đình, cứ thế lớn lên như thể nàng chỉ có một mình. Dù có chuyện gì nàng cũng chẳng bao giờ đến gặp gia đình xin một lời khuyên nhủ. Theo nghĩa đó thì tôi và nàng rất giống nhau.

Dẫu sao, từng tí một, chúng tôi học cách

đồng hóa thân thể và tâm hồn mình vào cái sinh thể vừa mới tạo lập này mà chúng tôi gọi là "tổ ấm của mình". Chúng tôi tập cách cùng nghĩ và cùng cảm về mọi sự. Những gì xảy ra với một trong hai người, chúng tôi đều cố gắng giải quyết như thể nó liên quan đến cả hai. Có khi làm vậy được, có khi không. Nhưng chúng tôi rất thích cái quá trình thử và sai đầy mới mẻ này. Và những cuộc va chạm dù có nảy lửa đi chăng nữa, chúng tôi cũng quên mất ngay khi ôm chặt lấy nhau.

* * *

Lấy nhau được ba năm thì Kumiko có mang. Chuyện đó chẳng khác nào sét đánh ngang tai đối với chúng tôi - ít nhất

là đối với tôi - bởi chúng tôi đã dùng thuốc tránh thai cực kỳ cẩn thận. Ất chỉ vì một khoảnh khắc bất cẩn mà ra nông nổi: chẳng phải là chúng tôi có thể biết chính xác cái thai đã đậu vào lúc nào, nhưng không có cách giải thích nào khác. Dù thế nào đi nữa, chúng tôi cũng không đủ tiền để nuôi con. Kumiko vừa mới vững chân ở nhà xuất bản kia, nên nàng muốn giữ chỗ làm đó nếu có thể. Một công ty nhỏ như công ty nàng không có khả năng ban phát những trò xa xỉ như nghỉ thai sản. Phụ nữ làm việc ở đó mà muốn có con thì chỉ còn cách thôi việc. Nếu Kumiko làm vậy thì cả nhà chỉ còn cách trông vào đồng lương của một mình tôi ít nhất là trong một thời gian, nhưng điều đó rõ ràng là không thể.

- Chắc mình phải bỏ đứa này thôi, -
Kumiko nói với tôi bằng giọng vô cảm
hôm bác sĩ thông báo cho nàng kết quả
xét nghiệm.

Có lẽ nàng có lý. Dù xét vấn đề theo
cách nào đi nữa, đó vẫn là giải pháp hợp
lý nhất. Chúng tôi còn quá trẻ, chưa
chuẩn bị đầy đủ để làm cha mẹ. Cả
Kumiko lẫn tôi đều cần thời gian cho bản
thân mình. Chúng tôi phải tạo lập cuộc
sống cho chính mình đã, đó là ưu tiên số
một. Chúng tôi còn thiếu gì cơ hội để có
con trong tương lai.

* * *

Thế nhưng thực ra, tôi không muốn
Kumiko phá thai. Có lần, vào năm thứ
hai đại học, tôi trót làm một cô gái có

mang - tôi quen cô ấy khi đi làm thêm ngoài giờ. Cô là một cô bé dễ thương, kém tôi một tuổi, hai chúng tôi rất hợp nhau. Dĩ nhiên là chúng tôi thích nhau, nhưng giữa chúng tôi chẳng có gì nghiêm túc, mà cũng không thể nào có chuyện nghiêm túc được. Chúng tôi chẳng qua chỉ là hai người trẻ tuổi cô đơn cần ai đó để tựa vào.

Lý do làm cô ta có thai thì chẳng có gì khó hiểu. Tôi luôn luôn dùng bao cao su mỗi khi quan hệ với cô ta, nhưng một hôm tôi quên mang sẵn một chiếc. Chẳng còn cái nào cả. Tôi nói thật với cô ta vậy, cô ta ngần ngừ vài giây rồi nói: "Ồ, chẳng sao, hôm nay chắc không dính đâu". Chỉ một lần ấy là đủ.

Tôi vẫn không tin hẳn được là mình đã "làm một cô gái có mang", nhưng tôi biết rõ rằng phá thai là giải pháp duy nhất. Tôi ráng gom góp tiền rồi đi cùng cô đến bệnh viện. Chúng tôi đáp xe lửa đến một thị trấn nhỏ ở Chiba tại đó một người bạn của cô đã giới thiệu cô với bác sĩ. Chúng tôi xuống xe ở một nhà ga tôi chưa hề nghe tới và thấy hàng ngàn căn nhà bé tí, tất cả đều rập cùng một khuôn, xúm xít vào nhau mà trải dài trên các ngọn đồi thoai thoải đến tận chân trời. Đó là những khu dân cư mới xây dựng trong những năm gần đây dành cho những người trẻ tuổi làm công sở không đủ tiền mua nhà ở Tokyo. Bản thân nhà ga thì lại mới tinh, ngay trước cửa ga là những

cánh đồng lúa nước bạt ngàn, rộng hơn bất cứ cánh đồng nào tôi từng thấy. San sát hai bên phố là bảng hiệu các hãng chuyên buôn bán động sản.

Phòng đợi của bệnh viện chật cứng các bà trẻ tuổi bụng chứa vượt mặt, hầu hết trong số đó hẳn đã lấy chồng được bốn, năm năm, nhờ vay tín dụng ngân hàng mà mua được nhà ở ngoại ô, an cư rồi mới quyết định sinh con. Gã trai duy nhất ở đó là tôi. Các bà bầu nhìn tôi với vẻ tò mò không giấu giếm đồng thời chẳng tỏ ra chút thiện ý nào. Chỉ cần liếc qua ai cũng biết tổng tôi là một thằng lỏi sinh viên chẳng may làm bạn gái có bầu, giờ phải đưa cô ả đi nạo thai.

Sau khi giải quyết xong, tôi và cô gái

đáp xe lửa về lại Tokyo. Chuyến tàu lúc
chập tối về thành phố hầu như vắng ngắt.
Tôi xin lỗi cô ta. Vì tôi bất cẩn mà cô
phải khổ sở thế này, tôi nói.

- Đừng cả nghĩ thế, - cô bảo. - Ít nhất thì
anh cũng đã đi với em tới bệnh viện và
trả tiền viện.

Chẳng bao lâu sau đó tôi và cô ấy thôi
gặp nhau, nên tôi chẳng bao giờ biết cô
ấy giờ ra sao, nhưng suốt một thời gian
rất dài sau vụ phá thai - thậm chí cả sau
khi chúng tôi đã chia tay - tâm trạng tôi
vẫn rối bời. Mỗi khi nhớ lại cái ngày đó,
trong tâm trí tôi lại hiện lên hình ảnh
những thiếu phụ mang thai ngồi chật cứng
phòng đợi trong bệnh viện, ánh mắt đầy
lo âu. Và tôi không khỏi nảy ra ý nghĩ lẽ

ra mình không bao giờ nên làm cô ấy có mang.

Trên chuyến tàu về nhà, để an ủi tôi - vâng, an ủi chính tôi -, cô gái kể tôi nghe mọi chi tiết việc đó diễn ra khá nhẹ nhàng. - Thật ra không kinh khủng như anh nghĩ đâu. Chẳng lâu lắm, mà cũng không đau. Mình chỉ việc cởi quần áo rồi nằm đó. Ừ thì cũng mắc cỡ chứ, nhưng bác sĩ dễ thương lắm, y tá cũng vậy. Dĩ nhiên là họ giảng cho một hồi, nào là từ nay trở đi phải cẩn thận hơn nữa. Thành thử anh đừng khổ sở thế. Một phần là lỗi của em mà. Em mới là người đã nói không sao đâu. Đúng không? Vui lên đi nào.

Tuy nhiên, suốt quãng đường dài trên xe

lửa đến thị trấn nhỏ ở Chiba rồi suốt quãng đường về, tôi cảm thấy mình đã trở thành một con người khác. Cả sau khi tôi đã tiễn cô gái về nhà rồi trở về phòng, nằm trên giường nhìn chong chong lên trần nhà, tôi cảm thấy sự thay đổi ấy. Tôi đã là một tôi khác, và tôi không bao giờ có thể trở lại là tôi như trước nữa. Sở dĩ thành ra vậy là vì tôi biết mình không còn trong trắng nữa. Đây không phải cái cảm nghĩ nhuộm mùi đạo đức rằng mình đã làm điều quấy, hay sự giằng vò bởi ý thức về tội lỗi. Tôi biết mình đã phạm sai lầm khủng khiếp, nhưng tôi không tự trừng phạt mình vì chuyện đó. Đó là một sự kiện vật lý mà tôi phải đương đầu một cách lạnh lùng và hợp logic, nằm ngoài chuyện trừng

phạt hay không trừng phạt.

* * *

Điều đầu tiên nảy ra trong đầu tôi khi biết Kumiko có mang là hình ảnh các thiếu phụ mang bầu ngồi chật cứng phòng đợi bệnh viện. Hay đúng hơn là cái mùi đặc biệt trong không khí ở nơi đó. Tôi không biết đó là mùi gì - nếu như quả thật đó là mùi của một cái gì. Có khi chỉ là cái gì đó giống như mùi thôi. Khi y tá gọi tên cô gái, cô chậm chậm đứng dậy khỏi chiếc ghế nhựa cứng rồi đi thẳng về phía cửa. Ngay trước khi dừng lại, cô liếc tôi, trên môi cô thoáng nụ cười - hoặc cái còn lại của nụ cười mà cô đã đổi ý thôi không nhoen nữa. Tôi biết đối với vợ chồng tôi việc có

con là không thực tế, nhưng tôi cũng không muốn Kumiko phá thai. Khi tôi nói với nàng vậy, nàng trả lời:

- Chuyện đó mình đã nói rồi mà. Nếu bây giờ có con thì em sẽ mất việc, còn anh sẽ phải tìm công việc nào lương cao để có tiền nuôi em và con. Mình sẽ không còn dư tiền cho bất cứ chuyện gì khác. Có muốn làm gì cũng chẳng được. Từ nay trở đi khả năng thực tế cho chúng mình sẽ thu hẹp đến chẳng còn gì nữa. Anh có chịu được như vậy không?

- Được, - tôi nói. - Anh nghĩ là anh chịu được.

- Thật á?

- Nghĩ kỹ anh thấy anh có thể tìm việc được chứ, ông cậu anh chẳng hạn, ông ấy

sẽ tìm giúp. Ông ấy đang muốn mở một chỗ mới nhưng không tìm ra người tin cậy để quản lý. Anh tin chắc nếu làm cho ông ấy thì sẽ kiếm được khá hơn nhiều so với hiện nay. Đó không phải là công ty luật, thì đã sao? Công việc đang làm hiện giờ anh có thích lắm đâu.

- Vậy là anh sẽ quản lý nhà hàng?

- Anh tin nếu thử làm thì chắc là được.

Với lại, trong trường hợp bức bách, anh còn ít tiền mẹ để lại kia mà. Chúng mình không chết đói đâu.

Kumiko im lặng, trầm ngâm suy nghĩ hồi lâu, khóe mắt nheo nheo tạo thành nhiều nếp nhăn nhỏ xíu. Nàng có những cách biểu cảm nho nhỏ như vậy mà tôi rất thích.

- Nghĩa là anh muốn có con sao? - nàng hỏi.

- Anh không biết, - tôi đáp. - Anh biết em đang có mang, nhưng anh vẫn chưa thật sự hiểu ra rằng mình có thể sẽ làm cha. Anh cũng không thật sự biết nếu có con thì cuộc sống của chúng mình sẽ thay đổi ra sao. Em thích công việc của mình, thành thử để em phải mất việc thì hẳn là một sai lầm. Mặt khác, anh nghĩ hai chúng ta cần nhiều thời gian hơn cho nhau, nhưng anh cũng lại nghĩ có đứa con thì thế giới của chúng mình sẽ rộng mở hơn. Anh không biết đằng nào đúng. Anh chỉ cảm thấy anh không muốn em phá thai. Anh không thể bảo đảm điều gì hết. Anh không dám chắc trăm phần trăm bất

cứ chuyện gì, cũng không có giải pháp nào hay ho cả. Anh chỉ có cái cảm giác như vậy thôi.

Kumiko nghĩ một lát, chốc chốc lại xoa xoa chỗ da dày.

- Này, nói em nghe, sao em lại có bầu nhỉ? Theo anh thì vì sao?

Tôi lắc đầu.

- Anh không biết nữa. Chúng mình lúc nào cũng cẩn thận cơ mà. Những phiền phức kiểu này thì anh luôn muốn tránh. Thành thử anh không biết thế nào lại xảy ra như vậy được.

- Anh không nghĩ là em có thể có tình nhân à? Anh không nghĩ đến khả năng đó sao?

- Không bao giờ.

- Sao lại không?

- Anh không biết. Anh không dám nói là nhờ trực giác hay gì gì, nhưng chuyện đó thì anh tin chắc.

Chúng tôi đang ngồi ở bàn bếp, uống rượu vang. Đêm đã khuya, chung quanh yên lặng. Kumiko nheo mắt nhìn đăm đăm vào chút rượu cuối cùng còn lại nơi đáy cốc của nàng. Nàng hầu như không bao giờ uống rượu, chỉ đôi khi không ngủ được nàng mới uống một cốc. Chỉ cần một cốc là hiệu nghiệm ngay. Tôi chỉ uống với nàng cho có bạn. Chúng tôi chẳng làm gì có những món xa xỉ như cốc thứ thiệt dành riêng cho rượu vang. Chúng tôi chỉ uống bằng những cốc nhỏ đựng bia mà cửa hàng rượu bia gần nhà

biểu không.

- Em có dan díu với người khác à? - tôi hỏi, chợt cảm thấy quan tâm đến chuyện đó.

Kumiko mỉm cười lắc đầu.

- Cái anh này, hỏi gì ngốc vậy. Anh biết là em không bao giờ làm những chuyện như thế mà. Em chỉ nêu chuyện đó ra như một khả năng về lý thuyết thôi. - Rồi nàng trở nên nghiêm trang, tì cùi chỏ lên bàn. - Nhưng đôi khi em cũng không biết nhiều điều... Em không biết điều gì thật, điều gì không thật... điều gì thực sự đã xảy ra, điều gì không... Chỉ đôi khi thôi...

- Đây có phải là một trong những cái đôi khi ấy không?

- Vâng, kiểu như thế. Anh thì có bao giờ

cảm thấy như vậy không?

Tôi nghĩ một chút.

- Không, anh không nhớ có khi nào như thế cả, - tôi nói.

- Nói thế nào nhỉ? Có một thứ khoảng cách nào đó giữa những gì em cho là thực với những gì quả đúng là thực. Em có cảm giác như có một cái gì đó nho nhỏ, nằm ở bên trong em... như tên trộm ở trong nhà mình, nấp trong tủ quần áo... chốc chốc nó lại xộ ra ngoài một lát làm xáo tung cái trật tự hay logic mà em đã thiết lập cho mình. Kiểu như cục nam châm làm cho cỗ máy như phát rồ lên ấy.

- Một cái gì gì đó nho nhỏ? Một tên trộm? - tôi nói. - Em nói toàn chuyện mơ hồ quá!

- Ồ, đúng là mơ hồ thật, - Kumiko nói rồi uống nốt chỗ rượu vang còn lại.

Tôi nhìn nàng một lát.

- Em cho là có mối liên hệ nào đó giữa cái gì gì đó nho nhỏ với chuyện em có mang sao?

Nàng lắc đầu.

- Không, em không nói là hai cái đó có liên quan hay không liên quan với nhau. Chỉ là đôi khi em không còn tin chắc lắm vào trật tự của sự vật. Em chỉ muốn nói như vậy thôi.

Có một nét nóng nảy càng lúc càng tăng trong lời nói của nàng. Đã đến lúc chấm dứt câu chuyện này. Đã quá 1 giờ sáng rồi. Tôi vươn tay qua bàn để nắm tay nàng.

- Anh biết đó, - Kumiko nói, - em muốn anh để em tự quyết định chuyện này. Em hiểu đây là vấn đề hệ trọng đối với cả hai chúng ta. Em hiểu vậy mà. Nhưng riêng chuyện này em muốn anh hãy để em quyết định. Em rất áy náy rằng không thể giải thích được rõ ràng những gì em đang nghĩ và đang cảm.

- Anh nghĩ, về cơ bản thì quyền quyết định là của em, - tôi nói. - Anh tôn trọng quyền đó.

- Chúng mình vẫn còn chừng một tháng để quyết định. Chúng mình đã bàn bạc chuyện này mãi rồi, em cũng hiểu khá rõ ý anh ra sao rồi. Giờ hãy cho em suy nghĩ. Mình tạm thời thôi nói đến chuyện này đi nhé.

* * *

Tôi đang ở Hokkaido thì Kumiko phá thai. Xưa nay công ty chả bao giờ cử những tay loong toong đi công tác xa, nhưng riêng lần này chẳng còn ai khác nên rút cuộc họ phải cho tôi đi lên miền Bắc. Nhiệm vụ của tôi là giao nhận một va li đầy ắp hồ sơ, giải thích ngắn gọn với bên đối tác, nhận lại hồ sơ của họ giao rồi về ngay. Hồ sơ quá quan trọng nên công ty không thể gửi bưu điện cũng không tin nhiệm các hãng chuyển phát chuyên nghiệp được. Vì tất cả các chuyến bay về Tokyo đều kín chỗ nên tôi phải ở lại một đêm tại khách sạn dành cho doanh nhân ở Sapporo. Ngày hôm đó Kumiko đi phá thai, một mình. Nàng gọi

điện đến khách sạn cho tôi sau 10 giờ đêm mà nói: "Chiều nay em đã làm thủ thuật. Em xin lỗi vì chuyện xong rồi mới gọi cho anh, nhưng người ta đã hẹn mà thời hạn gấp quá, hơn nữa em nghĩ chuyện này nếu em tự quyết định và tự lo lấy khi anh đi vắng thì sẽ tốt hơn cho cả hai người."

- Đừng lo nghĩ làm gì, - tôi nói. - Em quyết định thế nào thì cứ thế là tốt nhất.

- Em còn muốn kể với anh nữa, nhưng bây giờ thì không được. Lúc nào đó em sẽ phải kể với anh.

- Anh về rồi mình sẽ nói chuyện.

Sau cuộc gọi, tôi mặc áo khoác rồi ra ngoài lang thang khắp phố xá Sapporo. Mới đầu tháng Ba, hai bên vệ đường san

sát những đồng tuyết cao ngất ngưởng. Không khí lạnh cắt da, mỗi hơi thở ra đều hóa thành những đám mây trắng xóa rồi biến mất trong nháy mắt. Thiên hạ mặc áo khoác nặng trĩu, đi găng, khăn choàng kéo tận cằm, cẩn thận dò từng bước một trên vỉa hè đóng băng. Những chiếc taxi dòng qua dòng lại, lớp xe có đỉnh chống trượt nghiêng rào rào xuống mặt đường. Khi không chịu nổi cái lạnh nữa, tôi vào một quán bar uống vài ly rồi lại ra ngoài đi bộ thêm lát nữa.

Tôi lang thang rất lâu. Tuyết chốc chốc ào xuống rồi lại dừng, nhưng chỉ là tuyết mỏng, như một ký ức mờ dần vào khoảng xa xôi. Quán bar thứ hai tôi ghé vào nằm thấp hơn mặt đất. Trông cửa vào cứ nghĩ

là quán nhỏ, nhưng vào rồi mới thấy hóa ra rộng hơn nhiều. Có một sân khấu nhỏ gần quầy bar, trên sân khấu là một tay gầy gò đeo kính đang vừa đệm ghita vừa hát. Anh ta ngồi trên một chiếc ghế bằng kim loại, bắt treo chân, hộp đựng đàn đặt cạnh chân.

Tôi ngồi nơi quầy bar, vừa uống vừa lơ đãng nghe nhạc. Giữa hai bài hát, người đàn ông cho biết các bài này đều là của anh ta. Anh ta khoảng gần ba mươi tuổi, gương mặt chẳng có nét gì đặc sắc, đeo kính gọng nhựa màu đen. Anh ta mặc quần jean, đi giày cao cổ buộc dây, áo sơ-mi bằng vải nỉ kẻ ô bỏ ngoài quần. Nhạc của anh ta thuộc loại nào thì khó xác định, có lẽ gọi là nhạc "dân gian"

ngày xưa cũng được, tuy là một dạng nhạc dân gian của Nhật. Hợp âm đơn giản, giai điệu đơn giản, ca từ chả có gì đặc biệt. Không phải loại nhạc tôi sẵn sàng ra khỏi nhà để đi nghe.

Nếu trong hoàn cảnh bình thường thì tôi đã chẳng chú ý đến thứ nhạc này. Chắc tôi sẽ chỉ uống bia, xong thì trả tiền rồi rời quán. Nhưng đêm đó tôi thấy lạnh thấu xương, nên chừng nào chưa ấm người lên thì tôi chẳng có ý định đi đâu hết. Tôi uống một cốc rồi lại gọi cốc nữa. Tôi không cởi áo khoác cũng chẳng cởi khăn quàng. Khi người phục vụ hỏi tôi có muốn ăn gì không, tôi gọi ít pho-mát nhưng chỉ ăn một miếng. Tôi cố suy nghĩ nhưng cái đầu tôi không nghĩ gì

được. Thậm chí tôi không biết mình đang muốn nghĩ về cái gì nữa. Tôi là một căn phòng trống. Trong căn phòng đó, âm nhạc kia chỉ làm phát lên một tiếng vang khô khan, trống rỗng.

Khi người đàn ông ngừng hát, có tiếng vỗ tay lác đác, không nồng nhiệt cũng không hẳn là chiếu lệ. Trong quán chỉ có chừng mười, mười lăm khách, không hơn. Anh chàng đứng dậy cúi chào. Hình như anh ta đưa ra một nhận xét hóm hỉnh nào đó khiến vài vị khách bật cười. Tôi gọi người phục vụ gọi cốc whisky thứ ba. Sau đó rốt cuộc tôi cũng cởi áo khoác và khăn quàng.

- Chương trình của tôi tới đây là hết, -
tay ca sĩ thông báo. Anh ta dừng một

chút, nhìn quanh phòng. - Nhưng chắc hẳn có vài vị ở đây đêm nay không thích những bài hát của tôi. Với các vị đó, tôi có thêm một tiết mục nho nhỏ. Tôi không hay trình diễn tiết mục này đâu, nên quý vị có thể coi như mình rất gặp may.

Anh ta đặt đàn ghita xuống sàn rồi lấy từ trong hộp đựng đàn ra một cây nến dày màu trắng. Anh ta quẹt diên châm nến, nhỏ vài giọt sáp xuống một cái đĩa rồi dựng đứng cây nến lên. Sau đó, với dáng vẻ như một triết gia Hy Lạp, anh ta giơ cao cái đĩa lên. - Có thể giảm ánh sáng xuống một chút được không? - Một trong các nhân viên vặn đèn nhỏ lại, chỉ để mờ mờ. - Làm ơn tối hơn chút nữa. - Giờ thì trong quán tối hơn nhiều, ngọn lửa nến

trong tay anh ta nổi bật hẳn lên. Áp lòng bàn tay quanh cốc whisky để sưởi ấm, tôi không rời mắt khỏi người đàn ông và ngọn nến của anh ta.

- Như quý vị đều biết, - người đàn ông nói tiếp, giọng anh ta nhỏ nhẹ nhưng nghe rõ, - trong cuộc đời con người ta phải nếm trải nhiều loại đau. Cái đau thể xác và cái đau tâm hồn. Tôi biết tôi đã nếm trải cái đau dưới nhiều hình thức khác nhau, và tôi tin quý vị cũng vậy. Tuy nhiên, trong hầu hết trường hợp, tôi cho rằng quý vị thấy đều thấy rất khó truyền đạt sự thực của cái đau đó cho người khác, rất khó giải thích nó bằng lời. Người ta thường nói chỉ có chính họ mới thấu hiểu cái đau họ đang cảm thấy mà

thôi. Nhưng có đúng vậy không? Riêng tôi, tôi không tin như vậy. Nếu như ngay trước mắt mình chúng ta thấy ai đó đang thực sự đau đớn, đôi khi chúng ta cũng cảm thấy nổi thống khổ và cái đau của người đó như của chính mình vậy. Đó là sức mạnh của sự đồng cảm. Tôi nói thế có rõ không?

Anh ta đừng lời, nhìn quanh phòng lần nữa.

- Sở dĩ người ta cất tiếng hát cho người khác là vì họ muốn có cái sức mạnh khơi gợi sự đồng cảm ấy, muốn bứt khỏi cái vỏ chật hẹp của cái tôi đang chia sẻ nỗi đau và niềm vui của mình với người khác. Nhưng dĩ nhiên, đây không phải việc dễ làm. Vậy nên tối nay, như một

các thử nghiệm, tôi muốn quý vị ném trái một loại đồng cảm khác đơn giản hơn, có tính vật chất hơn. Xin mời vận sáng đèn lên.

Mọi người trong quán lúc này im phăng phắc, mọi cặp mắt đều dán lên sân khấu. Trong im lặng hoàn toàn, người đàn ông nhìn mông lung vào khoảng không, như để ngừng một chút hoặc để đạt tới trạng thái tập trung tư tưởng. Từng tí một, anh ta đưa lòng bàn tay mỗi lúc một gần hơn đến ngọn lửa. Ai đó trong số khán giả thốt lên một tiếng nghe như tiếng thở dài hoặc tiếng rên. Ta có thể thấy đầu ngọn lửa thiêu đốt lòng bàn tay người đàn ông. Ta hầu như nghe được tiếng thịt cháy xèo xèo. Một phụ nữ bật ra tiếng thét nho nhỏ

nhưng chói lói. Những người còn lại
ngây ra nhìn cảnh đó. Như bị hóa đá vì
khiếp sợ. Người đàn ông cố chịu đựng,
mặt anh ta méo xệch vì đau đớn. Cái trò
quái quỷ gì vậy? Sao anh ta lại phải làm
cái việc ngu xuẩn, vô nghĩa này? Tôi
cảm thấy miệng mình khô khốc. Sau
chừng năm, sáu giây, anh ta chậm chậm
rút tay ra khỏi ngọn lửa rồi đặt chiếc đĩa
cắm cây nến xuống sàn nhà. Đoạn anh ta
úp hai bàn tay vào nhau, lòng bàn tay
phải và lòng bàn tay trái ép chặt vào
nhau.

- Thưa quý ông quý và, như quý vị đã
thấy đêm nay, cái đau thực, sự có thể
thieu đốt thịt người, - anh ta nói. Giọng
anh ta nghe vẫn như trước: nhỏ nhẹ, đều

đều, bình thản. Không còn dấu vết đau đớn nào trên mặt anh ta. Thay vào đó là một nụ cười yếu ớt. - Và cái đau ắt hẳn vừa xảy ra ở đây, quý vị đã có thể cảm thấy như là cái đau của chính mình. Đó là sức mạnh của sự đồng cảm.

Người đàn ông tách hai bàn tay ra. Từ giữa hai bàn tay anh ta rút ra một chiếc khăn choàng mỏng màu đỏ, mở rộng ra cho mọi người đều thấy. Đoạn anh ta chìa hai lòng bàn tay về phía khán giả. Không có vết bồng nào hết. Căn phòng lặng đi một lát, rồi mọi người bày tỏ sự nhẹ nhõm bằng một tràng vỗ tay cuồng nhiệt. Đèn bật lên, tiếng lao xao trò chuyện thay cho sự căng thẳng mới đây còn đầy ắp căn phòng. Như thể không có

chuyện gì xảy ra, người đàn ông xếp đàn vào hộp, bước khỏi sân khấu rồi biến mất.

Khi trả tiền, tôi hỏi cô gái đứng nơi quầy bar xem người đàn ông nọ có thường hát ở đây không, anh ta có hay biểu diễn trò vừa rồi không.

- Em không rõ, - cô ta nói. - Theo em biết thì đây là lần đầu tiên anh ta tới đây. Trước nay em chưa hề nghe tới anh ta. Chẳng ai bảo em rằng anh ta biết diễn ảo thuật. Mà hay quá phải không anh? Chẳng biết anh ta làm thế nào nhỉ. Em dám cá anh ta sẽ là nhân vật ăn khách trên ti-vi đấy.

- Đúng vậy, - tôi nói. - Trông cứ như anh ta đang đốt tay mình thật.

Tôi đi bộ về khách sạn, ngay lúc tôi leo lên giường thì lập tức giấc ngủ ập tới như thể này giờ chỉ đợi có thể. Trong lúc chập chờn, tôi nghĩ đến Kumiko, nhưng nàng ở xa lắm, sau đó thì tôi không nghĩ gì được nữa. Trong trí tôi hiện lên hình ảnh khuôn mặt người đàn ông đang đốt tay mình. Đúng là cứ như anh ta đang đốt tay mình thật, tôi nghĩ. Rồi tôi chìm vào giấc ngủ.

8

Cội rễ của dục vọng

*

Trong Phòng 208

*

Đi qua tường

Trước lúc bình minh, dưới đáy giếng sâu, tôi nằm mơ. Nhưng đó không phải là mơ. Đó là một cái gì đó mang hình thức của giấc mơ.

Tôi đang đi một mình. Bộ mặt của Wataya Noboru chường ra trên màn hình ti-vi lớn đặt giữa một gian tiền sảnh rộng. Bài nói của hắn chỉ mới bắt đầu. Hắn mặc bộ com-lê bằng vải tuyết, sơ-mi

kẻ sọc, cà vạt màu xanh nước biển. Tay
hắn xếp vào nhau đặt trên chiếc bàn
trước mặt, hắn đang nói vào máy quay.
Một tấm bản đồ thế giới to dùng treo trên
tường sau lưng hắn. Trong gian tiền sảnh
chắc phải có tới mấy trăm người, ai nấy
đang làm gì đều nhất nhất dừng cả lại để
nghe hắn, vẻ mặt nghiêm trọng. Wataya
Noboru sắp tuyên bố một điều gì đó sẽ
quyết định vận mệnh của tất cả.

Tôi cũng dừng lại nhìn lên màn hình ti-
vi. Bằng cách nói lão luyện nhưng cũng
rõ là rất chân thành, Wataya Noboru
đang nói với hàng triệu con người mà
hắn không nhìn thấy. Cái gì đó không thể
nào chịu nổi mà tôi luôn cảm thấy mỗi
khi gặp hắn trực tiếp giờ đây được giấu

ở nơi nào đó sâu kín, vô hình. Hẳn nói bằng phong thái đầy thuyết phục có một không hai của hắn - những khoảng lặng cực chính xác, không thừa không thiếu, giọng sang sảng, vẻ mặt phong phú đầy biểu cảm, tất cả đều làm tăng cảm giác chân thực. Wataya Noboru dường như đang ngày một trở thành một diễn giả tài ba. Dù căm ghét hắn đến mấy, tôi vẫn phải thừa nhận điều đó.

- Thưa các bạn, như các bạn đã thấy, mọi chuyện vừa phức tạp vừa đơn giản. Đó là quy luật nền tảng chi phối thế giới này. Chúng ta không bao giờ được quên quy luật đó. Những sự vậy có vẻ như phức tạp - mà quả thật là phức tạp - thật ra rất đơn giản nếu ta xét đến những động cơ.

Vấn đề chỉ là ta đang tìm kiếm cái gì. Động cơ là gốc rễ của dự vọng, có thể nói vậy. Điều quan trọng là tìm cho ra gốc rễ. Nếu các bạn làm như vậy, - đến đây hẳn phác một cử chỉ về phía tấm bản đồ, - mọi chuyện rốt cuộc sẽ trở nên rõ ràng. Thế giới vận hành như vậy đó. Những kẻ ngu muội chẳng bao giờ có thể thoát khỏi sự phức tạp bề ngoài. Họ mò mẫm trong bóng tối tìm lối thoát, chết mà vẫn chưa hiểu nổi một điều gì về cách thức của thế gian này. Họ đã mất mọi cảm thức về phương hướng. Họ chẳng khác gì đang ở trong rừng sâu hay dưới đáy giếng. Và sở dĩ họ đánh mất mọi cảm thức về phương hướng là vì họ không hiểu nổi những nguyên lý nền tảng. Họ chẳng có gì trong đầu ngoại trừ đá và rác

rười. Họ không hiểu gì hết. Tuyệt đối không. Thậm chí họ không biết đâu là trước đâu là sau, đâu trên đâu dưới, đâu Nam đâu Bắc. Chính vì vậy họ chẳng bao giờ thoát khỏi bóng tối được.

Nói đến đây Wataya Noboru ngừng lại để lời lẽ của hắn có thì giờ ngấm vào tâm trí người nghe.

- Nhưng ta hãy quên những kẻ đó đi, -
hắn nói tiếp. - Nếu người ta đã muốn đánh mất mọi cảm thức về phương hướng, thì điều tốt nhất các bạn và tôi có thể làm là cứ để họ mất. Chúng ta có những việc quan trọng đáng làm hơn.

Càng nghe tôi càng giận điên lên, giận đến mức gần như nghẹt thở. Hắn đang vờ nói với cả thế giới, nhưng kỳ thực hắn

chỉ nói với mình tôi. Và ắt hẳn phải có một thứ động cơ lệch lạc, méo mó để làm vậy. Nhưng chẳng ai khác nhận ra điều đó. Chính vì vậy Wataya Noboru mới có thể lợi dụng cái hệ thống truyền hình khổng lồ này để gửi những thông điệp bí mật cho tôi. Tôi siết chặt hai nắm tay trong túi, nhưng không cách gì xả cơn giận được. Và vì không thể chia sẻ cơn giận này với bất cứ ai trong gian tiền sảnh, tôi cảm thấy mình thật cô đơn.

Gian tiền sảnh đông nghẹt những người đang căng tai ra uống từng lời Wataya Noboru nói. Tôi đi ngang qua, tiếng thảng về phía hành lang nối với các phòng dành cho khách. Gã đàn ông không mặt đang đứng đó. Khi tôi lại gần, hẳn

nhìn tôi bằng bộ mặt không có mặt. Rồi, không nói một lời, hấn dịch ra chần lỏi tôi.

- Đây không phải lúc, - hấn nói. - Ông không nên ở đây lúc này.

Nhưng cái đau sâu thẳm, như xé ruột xé gan mà Wataya Noboru gây ra cho tôi giục tôi dần tới. Tôi vươn tay đẩy gã đàn ông không mặt sang một bên. Gã lão đảo như cái bóng rồi ngã xuống.

- Tôi nói thế chỉ là vì ông thôi, - hấn gọi với từ đằng sau, mỗi lời của hấn găm vào lưng tôi như một mảnh đạn. - Nếu đi tới nữa, ông sẽ không quay lại được đâu. Ông có hiểu không?

Tôi không buồn để ý, vẫn rảo bước về phía trước. Giờ thì tôi không sợ gì nữa.

Tôi phải biết. Tôi đã mất mọi cảm thức về phương hướng, nhưng tôi không thể cứ như vậy mãi mãi.

Tôi đi dọc theo cái hành lang có vẻ quen quen. Tôi cứ nghĩ gã đàn ông không mặt sẽ đuổi theo cố ngăn tôi lại, nhưng khi ngoái lại đằng sau tôi thấy chẳng có ai. Hành lang dài, ngoằn ngoèo, hai bên là những cánh cửa giống nhau như đúc. Mỗi cửa đều có số, nhưng tôi không nhớ được số của căn phòng người ta đã đưa tôi tới lần trước. Lần đó tôi cứ đinh ninh mình đã nhớ số, nhưng lúc này rặn óc nhớ lại mà không sao nhớ nổi. Mở lần lượt từng cánh cửa một thì không được.

Tôi cứ loanh quanh lui tới khắp hành lang cho tới khi đi ngang qua một người

phục vụ buồng đang bê một chiếc khay. Trên khay là một chai Cutty Sark mới, một xô đá và hai chiếc cốc. Tôi để người bồi đi qua rồi bám theo gã. Chốc chốc, chiếc khay bóng loáng lại lóe lên khi bắt ánh đèn trần. Tay bồi không ngoái lại. Cầm ngang cao có chủ ý, gã đi thẳng về phía trước, bước theo một nhịp đều đặn. Lâu lâu gã lại huýt sáo vài câu nhạc. Đó là bản overtune trong vở Chim ác là ăn cắp, đoạn mở đầu có đánh trống. Gã huýt thật cừ khôi.

Hành lang rất dài, nhưng suốt thời gian bám theo gã bồi tôi không gặp ai cả. Cuối cùng, gã dừng lại trước một cánh cửa rồi gõ nhẹ ba tiếng. Sau vài giây, có người mở cửa, gã bồi bung khay vào.

Tôi nép mình vào tường, núp sau một bình hoa lớn kiểu Tàu, đợi gã bồi trở ra. Số phòng là 208. Dĩ nhiên rồi! Sao mãi bây giờ tôi mới nhớ được nhỉ?

Gã bồi vào trong phòng rất lâu. Tôi nhìn đồng hồ. Tuy nhiên kim đồng hồ đã đứng tự lúc nào không biết. Tôi nghiên cứu những bông hoa cắm trong bình, ngửi từng bông một. Những bông hoa trông như vừa cắt ở ngoài vườn cách đây ít phút, còn tươi quá, vẫn nguyên vẹn màu sắc và mùi hương. Gần như chúng không hề nhận biết mình đã bị cắt lìa khỏi gốc rễ. Một con côn trùng bé tí có cánh đã chui vào trong lòng một đóa hồng đỏ với những cánh hoa dày, đầy đặn.

Năm phút hay hơn nữa trôi qua, gã bồi

mới ra khỏi phòng, tay không. Cầm vẫn
nhô ra như trước, gã đi khỏi cũng theo
lối gã đến đây. Ngay khi gã biến mất sau
một góc quanh, tôi liền đi đến chỗ cửa.
Tôi nín thở lắng tai, chờ nghe thấy một
cái gì. Nhưng chẳng có âm thanh nào,
không có dấu hiệu nào cho thấy trong
phòng có người. Tôi đánh liều gõ cửa.
Ba lần. Nhẹ nhẹ. Như gã bồi đã làm.
Nhưng không ai đáp lại. Tôi đợi vài giây
rồi lại gõ, lần này mạnh hơn trước một
chút. Vẫn không ai thưa.

Kế đó tôi xoay quả đấm. Nó xoay, cửa
mở ra không một tiếng động. Thoạt tiên
phòng hình như tối om, nhưng rồi có một
tia sáng lọt vào qua khe hở giữa những
tấm rèm dày. Cố lắm tôi cũng chỉ thấy

được cửa sổ, chiếc bàn, ghế sofa. Đây chính là căn phòng nơi tôi đã ân ái với Kano Creta. Nó là phòng suite: đây là phòng khách, đằng sau là phòng ngủ. Trên bàn là bóng dáng mờ mờ của chai Cutty Sark, hai chiếc cốc, xô đá. Khi tôi mở cửa, chiếc xô đựng đá bằng thép không gỉ bắt ánh sáng ngoài hành lang, lóe lên một ánh sắc như dao. Tôi bước vào bóng tối, nhẹ nhàng khép cửa lại sau lưng. Không khí trong phòng ấm áp, nặng mùi hoa đặc quánh. Tôi nín thở lắng nghe, bàn tay trái vẫn đặt trên quả đấm để có thể mở ra bất cứ lúc nào. Chỗ này phải có người, ở đâu đó. Ai đó đã gọi whisky, đá và cốc từ chỗ phục vụ buồng, đã mở cửa cho gã bồi vào.

* * *

- Đừng bật đèn, - một giọng nữ nói.

Giọng vang lên từ trong phòng ngủ. Tôi nhận ra ngay lập tức. Đó là giọng người đàn bà bí ẩn đã có những cuộc trò chuyện lạ lùng với tôi qua điện thoại. Tôi buông quả đấm cửa rồi dò dẫm tiến về phía giọng nói. Bóng tối ở phòng trong dường như còn dày đặc hơn ở phòng ngoài. Tôi đứng lại nơi cửa thông giữa hai phòng, căng mắt cố nhìn trong bóng tối.

Tôi nghe thấy tiếng ga trải giường sột soạt. Một bóng đen đang chuyển động trong bóng tối.

- Cứ để tôi, - giọng người đàn bà nói.

- Đừng lo, - tôi nói. - Tôi không bật đèn

đâu.

Tôi bầu chặt tay vào thanh dọc cửa.

- Anh đến đây một mình à? - người đàn bà hỏi, giọng có vẻ mệt mỏi.

- Dĩ nhiên, - tôi đáp. - Tôi vẫn nghĩ là sẽ gặp cô ở đây. Cô hoặc Kano Creta. Tôi phải biết Kumiko đang ở đâu. Bởi mọi chuyện đều bắt đầu từ cú điện thoại đầu tiên của cô. Cô đã mở chiếc hộp Pandora. Từ đó trở đi xảy ra hết chuyện lạ lùng này đến chuyện lạ lùng khác, cuối cùng là Kumiko biến mất. Chính vì vậy tôi mới đến đây. Một mình. Tôi không biết cô là ai, nhưng cô nắm giữ một mấu chốt nào đó. Tôi nói đúng không?

- Kano Creta? - người đàn bà hỏi bằng giọng cảnh giác. - Tôi chưa hề nghe nói

tới cô ta. Cô ta cũng ở đây sao?

- Tôi không biết cô ta ở đâu. Nhưng tôi đã gặp cô ấy ở đây không chỉ một lần.

Mỗi lần hít vào tôi đều hít cả mùi hoa rất gắt. Không khí dày đặc, nặng trĩu. Đâu đó trong căn phòng này có một bình đầy hoa. Đâu đó cũng trong bóng tối này, chúng đang thở, đang lay động. Trong bóng tối ngập đầy mùi hương mãnh liệt của chúng, tôi dần dần đánh mất cảm giác về thể xác của mình. Tôi cảm thấy như mình đã biến thành một con côn trùng nhỏ xíu. Giờ tôi đang len lỏi giữa những cánh cửa một bông hoa khổng lồ. Mật hoa dính dính, phấn hoa và những sợi lông mềm đang chờ đợi tôi. Chúng cần sự xâm nhập và hiện diện của tôi.

- Nhưng trước hết tôi muốn biết cô là ai,
- tôi nói. - Cô bảo rằng tôi biết cô, nhưng
tôi đã cố hết sức nhớ ra cô mà không
được. Cô là ai vậy?

- Tôi là ai ư? - người đàn bà nhại lại,
nhưng không có vẻ gì là châm chọc. -
Tôi muốn uống. Anh cho vào hai viên đá
nhé? Anh uống với tôi chứ?

Tôi ra ngoài phòng khách, mở chai
whisky mới, cho đá vào hai cốc rồi rót
rượu. Trong bóng tối, việc này mất khá
nhiều thời gian. Tôi mang hai cốc rượu
vào phòng ngủ. Người đàn bà bảo tôi đặt
một cốc lên bàn ngủ. - Còn anh thì ngồi
xuống ghế nơi chân giường ấy.

Tôi làm như cô ta bảo, đặt một cốc rượu
lên bàn ngủ rồi ngồi xuống một chiếc ghế

bàn không bọc da cách đó một quãng, rượu cầm tay. Mắt tôi có lẽ đã quen hơn với bóng tối. Tôi có thể nhìn thấy những bóng đen dịch chuyển đằng kia. Người đàn bà hình như đã ngồi dậy trên giường. Đoạn có tiếng những viên nước đá kêu lanh canh khi cô ta uống. Tôi, tôi cũng nhấp một hớp whisky.

Cô ta im lặng hồi lâu không nói gì. Im lặng càng kéo dài thì dường như mùi hoa lại càng gay gắt.

- Anh có thực sự muốn biết tôi là ai không? - người đàn bà hỏi.

- Chính vì vậy tôi mới tới đây, - tôi nói, nhưng giọng tôi có vẻ lúng túng trong bóng tối.

- Anh đến đây chỉ để biết tên tôi là gì

thôi phải không?

Thay vì đáp, tôi hắng giọng, nhưng việc đó nữa cũng làm bật lên một tiếng vang kỳ lạ.

Người đàn bà lắc lắc cốc làm những viên đá kêu lanh canh mấy lần.

- Anh muốn biết tên tôi. Nhưng tiếc thay, tôi không thể cho anh biết tên tôi là gì. Tôi biết anh rất rõ. Anh biết tôi rất rõ. Nhưng chính tôi không biết tôi là ai. Tôi lắc đầu trong bóng tối.

- Tôi không hiểu, - tôi nói. - Tôi ngáy đến tận cổ những câu đó rồi. Tôi cần một cái gì đó cụ thể mà tôi có thể nắm bắt bằng đôi tay. Tôi cần sự thực cụ thể, cần cái gì đó mà tôi có thể dùng làm đòn bẩy nạy cửa ra. Tôi cần là cần cái đó.

Người đàn bà hình như trút một hơi dài từ sâu trong cơ thể.

- Okada Toru này, tôi muốn anh khám phá tên tôi. Mà không, anh không cần phải khám phá nó. Anh đã biết nó rồi. Anh chỉ cần phải nhớ lại thôi. Nếu anh tìm được tên tôi, tôi sẽ ra khỏi nơi này được. Thậm chí tôi có thể giúp anh tìm được vợ, giúp anh tìm được Kumiko Okada. Nếu muốn tìm ra vợ mình, hãy khám phá cho bằng được tên tôi, bằng mọi cách. Đó là cái đòn bẫy mà anh cần. Anh không có thì giờ để mãi loay hoay không biết phải làm gì. Mỗi ngày qua mà anh chưa tìm được Okada Kumiko, cô ấy sẽ càng rời xa anh hơn nữa.

Tôi đặt cốc rượu vang xuống sàn.

- Nói tôi nghe, đây là nơi nào vậy? Cô ở đây bao lâu rồi? Cô làm gì ở đây?

- Anh phải đi ngay bây giờ, - người đàn bà nói, như thể vừa sức nhớ mình đang làm chuyện gì. - Nếu hắn phát hiện được anh ở đây thì nguy to. Hắn còn nguy hiểm hơn anh tưởng. Hắn có thể giết anh. Gì chứ chuyện ấy hắn dám làm đấy.

- "Hắn" là ai?

Người đàn bà không trả lời, tôi cũng không biết nói gì nữa. Tôi thấy bối rối. Không một cái gì động đậy trong phòng. Nỗi im lặng sâu thẳm, dày đặc làm tôi nghe thở. Đầu tôi bưng bưng. Hắn là tại phần hoa. Trộn lẫn với không khí, những hạt phấn li ti đang xuyên suốt vào đầu tôi, khiến dây thần kinh tôi bị xáo tung

lên.

- Này Okada Toru, - người đàn bà nói, giọng cô ta đột ngột đổi khác. Chất giọng cô ta thay đổi trong tích tắc. Giờ nó đã trở thành một với bầu không khí đặc sệt, nặng trĩu trong phòng. - Có bao giờ anh muốn ôm em lần nữa không? Có bao giờ anh muốn đi vào trong em? Muốn hôn khắp người em? Anh có thể làm gì em cũng được, anh biết mà. Em sẽ làm bất cứ cái gì anh muốn... bất cứ cái gì... những gì mà vợ anh, Okada Kumiko... chẳng bao giờ làm cho anh cả. Em sẽ làm anh sung sướng đến suốt đời không quên. Nếu như anh...

Đột ngột có tiếng gõ cửa. Nó có cái âm thanh sắc gọn, dứt khoát của cây đinh bị

đóng thẳng vào, một âm thanh đầy điềm
gở trong bóng tối.

Bàn tay người đàn bà từ trong bóng tối
chìa ra, nắm lấy cánh tay tôi. - Đi lối
này, - cô ta thì thầm. - Nhanh lên. -

Giọng cô lúc này không còn vẻ mơ hồ
phi thực nữa. Tiếng gõ lại vang lên: hai
tiếng gõ cùng với cái sức mạnh đó. Tôi
chợt nhớ ra mình đã không khóa cửa.

- Nhanh lên, - cô nói. - Anh phải rời khỏi
đây ngay. Chỉ có một lối duy nhất.

Tôi mò mẫm qua bóng tối theo tay người
đàn bà dẫn. Tôi nghe tiếng quả đấm cửa
xoay chậm chậm. m thanh đó làm tôi lạnh
sống lưng. Đúng lúc ánh sáng từ hành
lang rạch một dải xuyên qua bóng tối, hai
chúng tôi đã lọt qua tường. Bức tường có

độ đậm đặc như một khối thạch khổng lồ lạnh lạnh: tôi nghiền chặt răng không cho cái chất ấy lọt vào mồm. tôi chột nghĩ ra: mình đang đi xuyên tường! Để đi từ chỗ này đến chỗ kia, tôi đang đi xuyên qua một bức tường. Thế nhưng, dù chuyện đó đang xảy ra thật đi nữa, tôi vẫn thấy đó là việc tự nhiên nhất trên đời.

Tôi cảm thấy lưỡi của người đàn bà lọt vào trong miệng tôi. Vừa ấm vừa mềm, nó thám hiểm từng góc ngách một rồi quán quanh lưỡi tôi. Hương hoa nặng trĩu mơn man vách phổi tôi. Nơi bụng dưới tôi cảm thấy âm ỉ muốn xuất. Nhắm nghiền mắt, tôi cố cưỡng lại. Một khoảnh khắc sau tôi nghe nơi má phải nóng ran lên. Đó là một cảm giác thật kỳ lạ. Tôi

không thấy đau, chỉ cảm nhận cái nóng.
Tôi không biết cái nóng đó đến từ bên
ngoài hay đang sôi sục từ bên trong tôi.
Chẳng mấy chốc tất cả đều biến mất:
lưỡi của người đàn bà, mùi hoa, nhu cầu
muốn xuất, cái nóng ở trên má. Và tôi
qua hết bức tường. Khi mở mắt, tôi đã ở
phía bên kia tường - dưới đáy giếng sâu.

9

Giếng và sao



Thang biến mất

Mới hơn 5 giờ sáng trời đã rạng, thế nhưng tôi vẫn thấy trên đầu mình cơ man nào là sao. Trung úy Mamiya đã nói với tôi như vậy: từ đáy giếng nhìn lên, ta có thể thấy sao ngay giữa ban ngày. Những vì sao le lói xếp gọn trong mảnh trời vành vạnh hình bán nguyệt như những tiêu bản khoáng vật quý.

Có lần, khi cắm trại trên đỉnh núi với vài người bạn năm tôi lên mười, mười một tuổi, tôi đã thấy nhiều sao, thật nhiều sao, ngập cả bầu trời. Cảm giác như bầu trời

sẽ bực võ dưới sức nặng của ngàn ấy sao mà sụp xuống. Tôi chưa bao giờ thấy trời đầy sao đến nỗi làm ta sững sốt thế kia. Khi mọi người đã ngủ tôi vẫn không sao chợp mắt được, bèn chui ra khỏi lều, nằm trên mặt đất ngắm trời sao. Chốc chốc một vì sao băng lại vẽ một vòng cung sáng láng xuyên qua vòm trời. Tuy nhiên, càng ngắm tôi càng thấy bồn chồn. Nhiều sao quá, bầu trời rộng và sâu quá. Một dị vật quá to lớn, áp đảo, nó bao quanh tôi, bủa vây tôi, khiến tôi gần như choáng váng. Trước đó tôi vẫn luôn cho rằng trái đất nơi mình đang đứng là một vật vững chắc và tồn tại mãi mãi. Hay đúng hơn, tôi chẳng bao giờ nghĩ đến điều đó. Tôi coi đó là chuyện đương

nhiên. Nhưng trên thực tế, trái đất chẳng qua chỉ là một dùm đá trôi lửng lơ trong một góc nhỏ nhoi của vũ trụ này: một chỗ đứng chân tạm thời trong cái khoảng không vô cùng tận của vũ trụ. Nó – và – tất cả chúng ta cùng với nó – có thể ngay ngày mai thôi sẽ bị thổi bay vô trung tích vì một tia bùng nổ bất thần hay một thăng giáng cơn con trong năng lượng vũ trụ. Dưới bầu trời đen dày sao đến nghẹt thở kia, tôi bàng hoàng nhận ra sự nhỏ nhoi vô nghĩa của sự tồn tại của chính mình (mà dĩ nhiên không cần phải mất nhiều lời như vậy). Đó là một khám phá thật lớn lao đối với một đứa trẻ.

Từ đáy giếng nhìn lên những ngôi sao lúc bình minh là một trải nghiệm đặc biệt rất

khác với từ trên đỉnh núi nhìn lên bầu trời ngợp sao, như thể ý thức tôi - bản thân sự hiện hữu của tôi – thông qua khung cửa sổ hẹp kia được ràng buộc chặt với mỗi một vì sao kia trên bầu trời. Tôi cảm thấy một niềm thân thiết sâu xa với những vì sao đó: chúng là những vì sao của tôi, không ai khác nhìn thấy chúng ngoài tôi, nơi đây giống tôi lắm này. Tôi coi chúng như của chính mình, và đến lượt mình chúng gọi lên tôi năng lượng và hơi ấm.

Thời gian trôi qua, bầu trời càng lúc càng chịu tác động của vàng mặt trời sáng rỡ mùa hè, từng vì sao một tự xóa mình khỏi tầm nhìn của tôi. Chúng tự xóa mình một cách hoàn toàn lặng lẽ, và tôi

mở to mắt quan sát quá trình tự xóa mình đi ấy. Tuy nhiên, mặt trời mùa hè không xoá sạch tất cả các vì sao khỏi bầu trời. Một vài vì sao mạnh mẽ nhất vẫn còn lại. Dù mặt trời lên cao đến mấy, chúng vẫn bừng bình không chịu biến mất. Điều này khiến tôi thật hoan hỉ: trừ vài đám mây thỉnh thoảng bay qua, các vì sao kia là những gì duy nhất tôi thấy được từ dưới đó.

Tôi đã đổ mồ hôi trong khi ngủ, lúc này mồ hôi đầm ra lạnh dần, làm tôi ớn lạnh. Tôi rùng mình mấy lần. Mồ hôi khiến tôi nghĩ tới căn buồng khách sạn tối om và người đàn bà trên điện thoại ở đó. Vẫn còn vang trong tai tôi những lời cô ta nói - từng lời một - và tiếng gõ cửa. Lỗ mũi

tôi vẫn giữ nguyên mùi nước hoa nặng trĩu. Và Wataya Noboru vẫn đang phát biểu từ phần bên kia màn hình ti vi. Ký ức về những cảm nhận đó vẫn còn lại, không hề phai nhạt dù thời gian đã qua. Và sở dĩ như vậy là do đó không phải giấc mơ, ký ức tôi bảo thế.

Thậm chí cả khi đã tỉnh hẳn, tôi vẫn tiếp tục thấy nóng nóng nơi má phải. Quyện với cái nóng nóng đó là một chút đau, như thể da vừa bị xát giấy nhám. Tôi ấn lòng bàn tay lên chỗ đó qua lớp râu một ngày không cạo, nhưng làm thế cũng chẳng bớt nóng hay dịu đau. Dưới đáy giếng tối như mực này, không có kính, tôi thật không thể kiểm tra xem má mình đã bị cái gì.

Tôi giờ tay chạm vào cái vách giếng, dùng đầu ngón tay miết trên bề mặt rồi ấn lòng bàn tay lên một lát, nhưng không thấy có gì bất thường: vẫn là vách bê tông bình thường. Tôi nắm tay lại gõ gõ vài cái. Tường cứng, vô cảm, hơi nhóp nhép. Tôi vẫn còn ấn tượng rõ ràng về cái cảm giác kỳ lạ, dinh dính của bức tường lúc tôi đi xuyên qua nó – như đi qua một khối thạch vậy.

Tôi mò mẫm tìm cái ba lô, lấy bi đông ra uống một ngụm nước. Tôi đã đi suốt một ngày mà chẳng ăn gì. Nghĩ đến chuyện đó là tôi đã thấy đói còn cào, nhưng cơn đói chẳng mấy chốc đã biến mất, bị thẩm thấu vào một trạng thái vô cảm như là lơ lửng. Tôi lại đưa tay sờ mặt, thử đo xem

râu mình mọc đến đâu. Hàm tôi đã mọc
râu lún phún một ngày không cạo. Đúng
một ngày đã trôi qua. Nhưng sự vắng mặt
của tôi suốt một ngày hẳn không ảnh
hưởng đến ai. Biết đâu chẳng có lấy một
ai nhận thấy rằng tôi đã đi đâu đó. Tôi có
thể biến mất khỏi trái đất này mà thế giới
vẫn xoay vần chẳng hỏng hóc mảy may.
Mọi sự vô cùng phức tạp, cái đó thì chắc
chắn, nhưng có một điều duy nhất rõ
ràng: chẳng ai cần đến tôi cả.

Tôi lại ngược lên những vì sao. Nhìn
thấy những vì sao, nhịp tim tôi dần dần
dịu lại. Rồi bỗng sực nhớ ra, tôi mò mẫm
dọc theo vách giếng tìm chiếc thang. Ở
nơi lẽ ra phải có chiếc thang, tay tôi
chẳng gặp gì hết. Tôi sờ soạng cả một

vùng rộng, kiểm tra thật kỹ, nhưng không thấy thang đâu. Không có cái thang ở chỗ lẽ ra phải có. Tôi hít một hơi dài, lấy đèn pin ra khỏi ba lô, bật lên. Nhưng chẳng thấy tăm hơi cái thang. Tôi rọi đèn pin xuống mặt đất, rồi rọi lên vách giếng trên đầu tôi, xa hết sức đèn. Không thấy thang đâu hết. Mồ hôi lạnh vã ra hai bên sườn tôi như một thứ sinh vật sống. Đèn pin tuột khỏi tay tôi, rơi xuống đất, tắt ngấm. Đó là dấu hiệu của cái gì đó. Trong khoảnh khắc đó tâm trí tôi đổ sụp: nó là một hạt cát, bị đồng hoá vào thế giới xung quanh. Cơ thể tôi ngưng vận hành, như thể nguồn điện cho nó đã bị ngắt. Hư không trợn vện trợn lên tôi. Điều đó kéo dài có lẽ vài giây, chợt tới

khi tôi hồi tỉnh. Các chức năng vật lý của tôi dần dần trở lại. Tôi cúi xuống nhặt chiếc đèn pin nằm dưới chân, gõ gõ mấy cái rồi bật lên. Đèn lại sáng. Tôi cần phải trấn tĩnh, phải sắp xếp ý nghĩ cho thứ tự lớp lang. Sợ hãi, hoảng loạn chẳng giải quyết được gì. Lần cuối tôi kiểm tra cái thang là khi nào? Hôm qua, hồi đêm, ngay trước khi tôi thiếp đi. Tôi đã kiểm tra xem nó vẫn ở đó hay không, sau đó mới cho phép mình ngủ. Không thể nhầm được. Cái thang đã biến mất trong khi tôi ngủ. Nó bị ai đó rút lên. Lấy mất.

Tôi tắt đèn pin, tựa lưng vào vách giếng. Rồi tôi nhắm mắt lại. Điều đầu tiên tôi cảm thấy là cái đói. Nó quét qua tôi từ xa, như con sóng, đập lên tôi rồi rút đi.

Khi nó đã đi qua, tôi đứng đó, rỗng không, như con vật bị moi hết lòng ruột. Sau khi cơn hoảng loạn ban đầu đã qua, tôi không còn thấy khiếp sợ hay tuyệt vọng nữa. Lạ thay, trong khoảnh khắc đó điều tôi duy nhất cảm thấy là cái gì đó gần như cam chịu.

Từ Sapporo về tôi ôm Kumiko trong vòng tay mà an ủi nàng. Nàng đang lúng túng và rối trí. Hôm ấy nàng đã xin nghỉ làm một ngày. “Suốt đêm qua em không chợp mắt được tí nào,” nàng nói. “Bệnh viện họ xếp lịch cho em đúng vào lúc đó, thế là em quyết định luôn”, kể vậy xong nàng khóc thút thít.

- Giờ thì chuyện ấy qua rồi, - tôi nói. -

Chẳng cần nghĩ tới làm gì nữa. Chúng mình cứ nói về chuyện đó mãi, giờ thì kết cục là vậy. Nếu em còn muốn nói gì thêm thì tốt nhất hãy nói ngay bây giờ. Sau đó ta hãy gạt chuyện đó ra khỏi đầu đi. Quên đi. Em đã nói trên điện thoại là có chuyện muốn nói với anh. Kumiko lắc đầu.

- Không, không có gì đâu, - nàng nói. — Anh nói đúng. Mình hãy quên chuyện này đi.

Chúng tôi tiếp tục sống mà cố tránh nhắc đến chuyện phá thai của Kumiko. Nhưng làm vậy không dễ. Nhiều khi chúng tôi đang nói về một chuyện hoàn toàn khác thì tự dưng cả hai đều im lặng. Cuối tuần chúng tôi hay đi xem phim. Trong bóng

tôi, chúng tôi có thể tập trung vào bộ phim, nhưng cũng rất có thể chúng tôi lại nghĩ về một cái gì đó hoàn toàn chẳng liên quan gì đến bộ phim, hoặc cho đầu óc nghỉ ngơi bằng cách không nghĩ gì hết. Thường thì tôi biết, khi ngồi cạnh tôi, Kumiko đang nghĩ tới điều gì đó hoàn toàn khác điều tôi đang nghĩ. Tôi cảm nhận được điều đó.

Xem phim xong chúng tôi thường đi ăn uống ở đâu đó. Đôi lúc chúng tôi không biết nói chuyện gì. Cứ thế trong khoảng sáu tuần – sáu tuần dài đằng đẳng cuối cùng Kumiko bảo tôi:

- Hay mai mình đi chơi đi, đi nghỉ đâu đó thật xa, chỉ có anh với em thôi? Mai là thứ Sáu, mình có thể nghỉ đến Chủ

nhật. Thỉnh thoảng người ta cũng cần phải nghỉ như vậy chứ.

- Anh hiểu ý em rồi, - tôi mỉm cười đáp.

- Nhưng anh không chắc ở cơ quan anh người ta liệu có biết nghỉ phép có nghĩa là gì không.

- Thì anh gọi điện bảo ốm. Cứ nói là bị cúm hay gì đó. Em cũng sẽ làm vậy.

Chúng tôi đáp xe lửa đến Karuizawa.

Tôi chọn chỗ ấy vì Kumiko nói nàng muốn đến một nơi yên tĩnh ở trên núi, sao cho chúng tôi muốn đi dạo bao nhiêu tùy thích. Đang tháng Tư nên không phải mùa cao điểm du lịch; khách sạn thưa khách, hầu hết quán xá đóng cửa, nhưng đó chính là điều chúng tôi cần. Chúng tôi chẳng làm gì, chỉ đi dạo suốt ngày, từ

sáng đến tôi. Phải mất một ngày rưỡi Kumiko mới xả được hết cảm xúc. Và khi xả được rồi, nàng ngồi trong buồng khách sạn khóc gần hai tiếng đồng hồ. Suốt thời gian đó tôi chẳng làm gì, chỉ ngồi ôm nàng, để nàng khóc.

Thế rồi, từng chút một, đứt đoạn, nàng bắt đầu kể mọi chuyện cho tôi nghe. Về vụ phá thai. Về cảm xúc của nàng khi đó. Về cảm giác mất mát tột cùng của nàng. Về việc nàng đã thấy cô đơn đến nhường nào khi tôi đang ở Hokkaido, và về chuyện chính vì thấy cô đơn đến vậy nàng mới có thể làm những gì như nàng đã làm.

- Anh đừng hiểu lầm em, - nàng nói. — Em không hối tiếc việc mình đã làm. Đó

là cách duy nhất. Điều đó thì em biết rõ. Tuy nhiên, điều làm em đau lòng là em muốn kể với anh tất cả, kể tất, không thiếu một cái gì, nhưng em không thể. Em không thể kể chính xác với anh về cảm xúc của em.

Kumiko đánh bông tóc lên, để lộ một chiếc tai nhỏ nhắn xinh xẻo, rồi lắc đầu.

- Em không giấu giếm anh đâu. Em định lúc nào đó sẽ kể với anh. Anh là người duy nhất em có thể kể. Nhưng bây giờ thì em không kể được. Em không nói thành lời được.

- Một chuyện gì trong quá khứ sao?

- Không, không phải.

- Bao lâu nữa cũng được, tùy em, - tôi nói. - Khi nào em kể được thì hãy kể.

Thời gian là thứ duy nhất mình có thừa. Anh sẽ ở bên em. Đừng lo gì cả. Anh chỉ muốn em ghi nhớ điều này: bất cứ chuyện gì của em, bất cứ chuyện gì, miễn là thuộc về em, anh sẽ coi như là của chính mình vậy. Chuyện ấy thì em không bao giờ phải lo.

- Cám ơn anh. – nàng nói. – Em rất vui vì đã lấy anh.

Nhưng chúng tôi đã không có nhiều thời gian như tôi tưởng. Điều gì mà Kumiko đã không thể nói thành lời? Liệu nó có liên quan đến việc nàng biến mất không? Giá như tôi cố gắng hỏi nàng lúc đó thì có lẽ đã không phải mất nàng như bây giờ. Nhưng không, tôi kết luận sau một hồi suy nghĩ: tôi không bao giờ dồn ép

nàng. Nàng đã bảo nàng không nói thành lời được. Dầu là gì đi nữa, nó vẫn vượt quá sức nàng.

- Này Chim vặn dây cót! – Kasahara May hét gọi tôi. Đang lơ mơ ngủ, tôi cứ tưởng giọng cô bé là ở trong mơ. Nhưng đây không phải giấc mơ. Nhìn lên, tôi thấy khuôn mặt Kasahara May, nhỏ xíu xa tí. – Em biết anh đang ở dưới đó. Nào Chim vặn dây cót! Trả lời em đi!

- Anh đây, - tôi đáp.

- Trời ạ, anh làm cái gì dưới đó thế?

- Suy nghĩ, - tôi đáp.

- Em không hiểu. Sao lại phải chui xuống tận đáy giếng mới suy nghĩ được? Không có cách nào đỡ nhiều khô hơn à?

- Làm cách này thì mới thật sự tập trung được. Dưới này tối, mát, lại yên tĩnh.

- Anh hay làm thế này sao?

- Không, không hay làm đâu. Cả đời anh chưa làm thế này bao giờ hết.

- Thấy có hiệu nghiệm không? Có dễ suy nghĩ hơn không?

- Anh chưa biết. Anh vẫn đang thử nghiệm mà.

Cô hắng giọng. m thanh đó vang to xuống dưới đáy giếng.

- Thôi được rồi, Chim vặn dây cót, anh có nhận ra là cái thang biến đâu mất rồi không?

- Có chứ, - tôi đáp. - Mới đây thôi.

- Anh có biết chính em đã rút thang lên

không?

- Không, cái đó thì anh không biết.

- Thế thì anh nghĩ ai rút?

- Anh không biết. – tôi đáp. – Anh không biết nói thế nào, nhưng anh chưa bao giờ nảy ra ý nghĩ rằng ai đó đã lấy thang đi cả. Anh chỉ nghĩ nó cứ thế mà biến mất thôi, nói thật đấy.

Kasahara May im lặng. Rồi, với vẻ thận trọng trong giọng nói, như thể cô ngờ rằng lời của tôi có chứa bẫy, cô nói:

- Cứ thế mà biến mất à. Hừm. Ý anh là sao, “cứ thế mà biến mất”? Rằng... tự nhiên mà nó... biến đi hay sao?

- Có thể.

- Nay Chim vặn dây cót, nói ra chuyện này bây giờ thì nghe buồn cười, nhưng

anh là tay kì quặc lắm cơ. Trên đời này chẳng có mấy ai kì quặc như anh đâu.

Anh có biết không?

- Với anh thì anh không kì quặc đến thế, - tôi đáp.

- Thế thì cứ sao anh nghĩ cái thang tự nó biến đi được?

Tôi lấy cả hai tay xoa mặt, cố tập trung chú ý vào cuộc đối thoại này với Kasahara May.

- Chính em rút thang lên à?

- Dĩ nhiên là em rút. Đâu cần phải động não đến cỡ đó mới nghĩ ra được. Em rút đấy. Đêm em lên ra khỏi nhà, kéo thang lên.

- Nhưng tại sao?

- Sao lại không? Anh có biết đêm qua em

sang nhà anh tới mấy lần không? Em muốn gọi anh đi làm với em như lần trước ấy. Dĩ nhiên là anh không có nhà. Rồi em thấy mẫu giấy anh để trên bàn bếp. Thế là em đợi, đợi mãi, không thấy anh về. Thế rồi em nghĩ chắc anh lại đến chỗ căn nhà bỏ hoang đây. Em thấy nửa cái nắp giếng bị giở ra, có thang dây thòng xuống. Thế nhưng em không nghĩ ra rằng anh lại đang ở dưới đó đâu. Em chỉ nghĩ chắc có một người thợ hay ai đó chui xuống giếng rồi để thang lại. Trên đời này có mấy ai khi muốn suy nghĩ thì chui xuống đáy giếng ngồi cơ chứ?

- Cái đó thì em nói đúng, - tôi nói.

- Đến đêm em lại chuồn ra khỏi nhà, qua nhà anh, nhưng anh vẫn chưa về. Khi đó

em mới chợt nghĩ ra: có khi anh đang ngồi dưới đáy giếng ấy chứ. Anh ngồi dưới đó làm gì thì làm sao em biết được, nhưng anh vốn là một tay kỳ khôi lắm, em đã nói mà... Em liền tới chỗ cái giếng kéo thang lên. Em cuộc là làm anh hết hồn.

- Ủ, có.

- Dưới đó anh có gì ăn uống không?

- Có chút nước. Đồ ăn thì anh không mang theo. À, anh có ba viên kẹo chanh.

- Anh ở dưới đó bao lâu rồi?

- Từ gần trưa hôm qua.

- Chắc anh đói lắm.

- Ủ, cũng đói.

- Anh có muốn đái hay gì không?

Nghe Kasahara May nhắc, tôi mới nhớ ra rằng từ khi xuống đây tôi chưa đáí lần nào.

- Không, - tôi nói. — Anh có ăn uống gì nhiều đâu.

- Này Chim vặn dây cót, anh có biết gì không? Anh có thể chết ở dưới đó nếu em muốn. Em là người duy nhất biết anh đang ở dưới đó, em cũng là người duy nhất giấu thang dây đi. Anh có hiểu không? Em chỉ cần đi khỏi đây thôi là anh rồi đời. Anh có thể la hét, nhưng không ai nghe thấy anh đâu. Không ai nghĩ là anh đang ở dưới giếng. Em dám cuộc là thậm chí không ai biết anh đi khỏi nhà nữa kia. Anh không làm cho công ty nào, vợ anh thì bỏ nhà đi rồi. Có

thể rút cuộc ai đó cũng sẽ nhận thấy anh mất tích và báo cho cảnh sát, nhưng tới khi đó thì anh ngỏm rồi, mà người ta cũng chẳng bao giờ tìm được xác anh.

- Em nói đúng lắm. Anh có thể chết dưới này tùy ý em.

- Đã biết vậy thì anh thấy thế nào?

- Sợ, - tôi đáp.

- Nghe giọng anh có sợ đâu.

Tôi vẫn đang xoa má. Đó là tay của tôi, má của tôi. Tôi không thấy được chúng trong bóng tối, nhưng chúng vẫn đang ở đây: thể xác tôi vẫn đang hiện hữu.

- Ấy là vì vẫn chưa thật sự ngấm được, - tôi nói.

- Với em thì có, - Kasahara May nói. — Em thấy hoá ra giết một ai đó lại dễ hơn

người ta tưởng nhiều.

- Có lẽ còn tùy ở phương pháp.

- Dễ lắm mà! Em chỉ cần bỏ anh lại đây thôi. Em chả phải làm gì hết. Anh thử nghĩ đi, Chim vặn dây cót. Cứ thử hình dung anh sẽ khổ sở đến nhường nào ở dưới đó, chết dần chết mòn vì đói khát, trong bóng tối. Chết thế kinh lắm đây.

- Em nói đúng lắm. – tôi bảo.

- Anh không thực sự tin em phải không hở Chim vặn dây cót? Anh vẫn nghĩ em không thể làm điều gì tàn ác đến thế.

- Anh không biết nữa, - tôi nói. – Không phải anh tin em làm được, cũng chẳng phải tin em không làm được. Chuyện gì cũng có thể xảy ra. Điều gì cũng có thể. Anh nghĩ là nghĩ vậy.

- Em không nói về chuyện có thể hay không thể, - cô nói bằng giọng lạnh như đá. – Này, em có ý này. Em mới nảy ra thôi. Anh đã cất công leo xuống dưới kia để có thể suy nghĩ. Sao giờ em không giúp thêm một tí để anh có thể tập trung suy nghĩ còn tốt hơn nữa?

- Em định làm cách nào? – tôi hỏi.

- Cách này này, - cô vừa nói vừa đẩy nửa nắp giếng đang mở lại. Giờ thì bóng tôi là toàn bích.

10

Kasahara May nói về chết và tiến hoá

*

Cái được tạo thành ở nơi khác

Tôi ngồi thụp xuống trong bóng tối toàn bích. Mắt tôi chỉ nhìn thấy được mỗi cái Không. Và tôi thành một phần của cái Không này. Tôi nhắm mắt lại nghe tiếng tim mình đập, nghe tiếng máu tuần hoàn trong thân thể tôi, nghe nhịp co bóp như bể lò rèn của phổi tôi, nghe những cuộn sóng trơn chuội của bộ ruột tôi đang khổ sở vì cái đói. Trong bóng tối sâu thẳm, từng cử động, từng nhịp đập đều được khuếch đại đến mức phi tự nhiên. Đây là thân thể tôi, xác thịt tôi, nó quá sống sít,

quá đôi vật chất.

Chẳng bao lâu ý thức tôi bắt đầu chuội ra khỏi nhục thể tôi.

Tôi thấy mình là con chim vặn dây cót đang bay qua bầu trời mùa hè, đậu trên cành một cây to đâu đó mà vặn sợi dây cót của thế gian. Nếu quả thật không còn chim vặn dây cót nữa thì một ai đó phải đảm đương bổn phận của nó. Một ai đó sẽ phải thay nó vặn dây cót thế gian. Nếu không, dây cót sẽ chùn và cỗ máy tinh vi sẽ ngừng lại. Tuy nhiên, hình như kẻ duy nhất nhận ra rằng chim vặn dây cót đã ra đi là tôi.

Tôi cố sức bắt chước tiếng kêu của chim vặn dây cót ở phần sau cuống họng. Nhưng không được. Tôi chỉ thốt ra một

âm thanh vô nghĩa, dị hợm, như tiếng hai vật vô nghĩa, dị hợm cọ vào nhau vậy. Cái tiếng kêu ấy, chỉ một mình Chim vặn dây cót mới phát ra được thôi. Chỉ Chim vặn dây cót mới có thể vặn dây cót của thế gian đúng cách mà thôi.

Dẫu vậy, dù là một con chim vặn dây cót vô thanh, không có khả năng vặn sợi dây cót của thế gian, tôi vẫn quyết định bay trên bầu trời mùa hè. Việc đó hoá ra chẳng lấy gì làm khó. Khi đã lên cao rồi, ta chỉ việc vỗ cánh cho đúng góc độ để điều chỉnh hướng và độ cao. Cơ thể tôi chỉ trong khoảnh khắc đã quen với kỹ thuật bay, thế là tôi bay lượn chẳng khó khăn gì, ung dung tự tại, đi đâu tùy thích. Tôi nhìn ngắm thế giới từ điểm nhìn

thuận tiện của chim vặn dây cót. Bay chán thì tôi lại đậu lên một cành cây, ghé qua những tán lá xanh mà ngắm những mái nhà, những con đường. Tôi ngắm thiên hạ đi tới đi lui trên mặt đất, lo toan cuộc sống thường nhật. Nhưng, tiếc thay, tôi không thấy được thân thể của chính mình. Đó là vì tôi chưa bao giờ nhìn thấy con chim vặn dây cót nên không hề biết hình dáng nó ra sao.

Tôi là chim vặn dây cót một thời gian khá dài. Có thể là bao lâu? Tôi không biết. Nhưng là chim vặn dây cót thì cũng chẳng đưa tôi đến đâu. Bay lượn thì vui thật, nhưng tôi không thể cứ ham vui mãi. Có việc gì đó mà tôi phải làm cho xong nơi đáy giếng tối om này. Tôi thôi là

chim vặn dây cót và trở lại là mình.

Kasahara May đến thăm lần thứ hai lúc hơn 3 giờ một chút. Ba giờ chiều. Khi cô mở nửa nắp giếng ra, ánh sáng từ phía trên tuôn xuống – ánh sáng chói gắt một ngày hè. Để bảo vệ mắt, tôi nhắm mắt lại, cúi đầu xuống một lát. Chỉ cần nghĩ tới ánh sáng trên kia thôi là tôi đã trào nước mắt ra.

- Chim vặn dây cót ời! – Kasahara May nói. – Anh còn sống đấy chứ? Chim vặn dây cót à! Nếu còn sống thì trả lời đi chứ.

- Còn sống, - tôi nói.

- Anh đói lắm nhỉ.

- Ừ, chắc là đói.

- Vẫn “chắc là” thôi à? Chẳng bao lâu nữa anh sẽ chết đói cho mà xem. Đói không thôi thì không dễ chết đâu, nếu như vẫn có nước uống.

- Cái đó có lẽ đúng, - tôi nói, sự không chắc chắn trong giọng nói tôi vang vọng trong giếng. Tiếng vang hẳn đã khuếch đại bất cứ âm sắc nào hàm chứa trong giọng của tôi.

- Em biết chắc là đúng, - Kasahara May nói. – Sáng nay em có nghiên cứu chút đỉnh trong thư viện. Đọc toàn về chuyện đói khát thôi. Này Chim vặn dây cốt có biết không, có người đã sống dưới lòng đất hai mươi một ngày cơ đấy! Vào thời Cách mạng Nga.

- Em không đùa chứ? – tôi nói.

- Chắc là ông ta khổ sở lắm.
- Ủ, ắt là khổ rồi.
- Ông ấy vẫn sống, nhưng rụng hết tóc, rụng hết cả răng. Chẳng còn cái nào. Sống thì sống đấy, nhưng chắc hẳn là kinh khủng lắm.
- Ủ, hẳn là kinh rồi.
- Nhưng dù anh có rụng hết răng tóc đi nữa, chắc anh vẫn có thể sống bình thường được miễn là anh kiếm được bộ tóc giả và hàm răng giả khơ khớ.
- Ủ, với lại tóc và răng giả ngày nay đã tiến bộ nhiều so với thời Cách mạng Nga, nên nếu là bây giờ thì sẽ đỡ hơn.
- Chim vặn dây cót này... - Kasahara May vừa nói vừa hắng giọng.
- Sao cơ?

- Nếu như con người ta sống đời đời, nếu họ chẳng bao giờ già đi cả... nếu người ta cứ sống hoài sống huỷ trên đời này mà không chết, lúc nào cũng khoẻ mạnh, thì theo anh liệu khi đó người ta có buồn nghĩ ngợi về điều này điều nọ tới nơi tới chốn như anh em mình đang làm không? Bởi vì chúng ta đây cứ nghĩ hầu như bất cứ chuyện gì, dù nhiều dù ít, về triết học này, tâm lý này, logic này. Tôn giáo. Văn chương. Em nghĩ nếu trên đời này không hề có cái chết thì những tư duy và ý nghĩ phức tạp kiểu ấy chẳng bao giờ xuất hiện trên thế giới này cả. Ý em là...

Kasahara May đột nhiên khựng lại, im lặng một lát, trong khoảng thời gian đó cái câu “ý em là...” của cô treo trong

bóng tôi dưới giếng như một mảnh tư duy bị vạc ra. Có thể cô không muốn nói thêm nữa. Cũng có thể cô cần thêm thời gian để nghĩ sẽ nói tiếp cái gì. Tôi im lặng chờ cô nói tiếp, đầu vẫn cúi như từ đầu. Tôi chợt nảy ra ý nghĩ nếu Kasahara May muốn giết tôi ngay tức khắc, cô có thể làm vậy chẳng khó khăn gì. Cô chỉ cần thả một tảng đá lớn xuống giếng. Nếu cô thử vài lần thì thế nào cũng có một tảng rơi đúng vào đầu tôi.

- Ý em là... đây là em nghĩ thôi... sở dĩ người ta suy nghĩ một cách nghiêm túc về chuyện họ sống trên đời để làm gì là bởi họ biết một lúc nào đó mình sẽ chết. Đúng không? Việc gì phải nghĩ ngợi xem ý nghĩa cuộc sống là gì nếu người ra sẽ

sống hoài hoài? Bận tâm làm gì cho mệt? Mà thậm chí nếu người ta có bận tâm đi nữa thì hẳn họ sẽ bảo: “Ôi dào, mình còn ồi thì giờ. Để sau hẵng nghĩ”. Nhưng ta đâu thể chờ để sau được. Ta phải nghĩ về chuyện đó ngay bây giờ. Có thể ngay chiều mai em sẽ bị xe tải chẹt. Còn Chim vặn dây cót, anh thì có thể chết đói. Ba ngày nữa có khi anh đã chết nghèo dưới đáy giếng rồi. Thế nên ta cần có cái chết mới tiến hoá được. Em nghĩ vậy đó. Chết là một cái gì đó thật to lớn, sáng chói, và nó càng to lớn, càng sáng chói thì người ta lại càng nghĩ tợn về chuyện này chuyện khác.

Kasahara May dừng lời.

- Nay Chim vặn dây cót...

- Gì cơ?

- Dưới kia trong bóng tối, có bao giờ anh nghĩ đến cái chết của chính mình chưa? Về chuyện anh sẽ chết như thế nào dưới đó?

Tôi nghĩ một chút về câu hỏi của cô.

- Không. Chuyện đó thì anh chưa nghĩ tới.

- Sao lại không nghĩ? – Kasahara May hỏi, giọng có vẻ ghê tởm, như thể cô đang nói với một con vật dị dạng. – Sao anh lại chưa nghĩ đến chuyện đó được? Anh đang thật sự đối mặt với cái chết đấy. Em không đùa đâu. Em nói rồi, anh sống hay chết là tùy ý em mà.

- Em có thể thả một hòn đá xuống, - tôi nói.

- Đá à? Anh nói chuyện đá điếc gì thế?

- Em có thể tìm một tảng đá to rồi thả xuống đầu anh.

- À, ừ, em làm vậy cũng được. – Nhưng hình như cô không thích ý tưởng đó lắm. – Nhưng Chim vặn dây cốt này, chắc anh đói vàng mắt ra rồi. Sẽ càng ngày càng tệ hơn đây. Rồi anh sẽ còn hết nước nữa. Thành thử làm sao anh không nghĩ đến cái chết được? Anh không thấy thế là lạ à?

- Ừ, thế cũng lạ, - tôi nói. – Nhưng anh toàn nghĩ chuyện khác thôi. Khi nào thật sự đói thì có thể anh sẽ nghĩ đến cái chết. Phải ba tuần nữa anh mới chết phải không?

- Ấy là nếu anh có nước uống, -

Kasahara May nói. – Như tay người Nga kia ấy. Ông ta là địa chủ cỡ bự hay gì gì đó. Vệ binh cách mạng ném ông ấy xuống một hố mả cũ, nhưng có nước rỉ qua vách, ông ấy liếm nước ấy mà sống được. Ông ấy phải ở trong bóng tối như mực, như anh vậy. Nhưng anh đâu có nhiều nước lắm phải không?

- Ủ, - tôi nói thành thật. – Còn một ít nước.

- Thế thì anh phải cẩn thận, - Kasahara May nói. - Mỗi lần nhấp một tí thôi. Rồi đề thì giờ mà nghĩ đi. Về cái chết. Về chuyện anh sẽ chết ra sao. Anh còn nhiều thời gian mà.

- Sao em cứ nhất quyết bắt anh nghĩ về cái chết thế nhỉ? Có lợi lộc gì cho em

sao?

- Chả lợi lộc gì cho em hết. – Kasahara May bật ra. – Sao anh có thể nghĩ rằng nếu anh nghĩ đến cái chết của chính anh thì có lợi lộc gì cho em? Mạng sống là của anh cơ mà. Chẳng liên quan gì đến em hết. Em chỉ... quan tâm thôi.

- Vì tò mò?

- Ừ. Tò mò. Về chuyện con người ta chết ra sao. Khi chết thì người ta thấy thế nào. Tò mò thôi.

Kasahara May im lặng. Khi cuộc đối thoại ngưng lại, một im lặng sâu thẳm tràn ngập trong không gian quanh tôi như thể này giờ chỉ đợi có thể. Tôi muốn ngẩng mặt ngược lên. Để xem từ dưới này liệu có thể nhìn thấy Kasahara May

không. Nhưng ánh sáng mãnh liệt quá.
Tôi sợ nó thiêu cháy mắt mình mất.

- Có chuyện này anh muốn nói với em, -
tôi nói.

- Được. Anh nói đi.

- Vợ anh có nhân tình. – tôi nói. – Ít nhất
là anh tin vậy. Anh chẳng nhận thấy gì
hết, nhưng có đến mấy tháng trời, dù
đang sống với anh, cô ấy vẫn ngủ với
thằng cha ấy. Ban đầu anh không tin
được, nhưng càng nghĩ anh càng tin. Giờ
nghĩ lại, anh thấy có rất nhiều manh mối
từ những chuyện nhỏ nhặt. Tỉ như cô ấy
làm khuya lác khuya lơ mới về, hay cô
ấy rút lại mỗi khi anh chạm vào người.
Nhưng anh đã không hiểu ra những dấu
hiệu ấy, anh tin cô ấy. Anh không bao giờ

nghĩ cô ấy lại tặng tui với ai. Ý nghĩ đó chẳng bao giờ nảy ra trong đầu anh cả.

- Chà. – Kasahara May nói.

- Thế rồi một hôm cô ấy bỏ nhà đi, không bao giờ trở lại nữa. Sáng hôm đó anh và cô ấy cùng ăn điểm tâm với nhau. Cô ấy đi làm, ăn mặc vẫn như bình thường. Cô ấy chỉ mang theo túi xách tay, dọc đường thì ghé lấy áo cánh và váy ở chỗ hiệu giặt. Thế đấy. Không một lời tạm biệt. Không để lại một chữ. Không gì hết. Kumiko đã ra đi. Bỏ lại tất cả mọi thứ của cô ấy - quần áo, đồ đạc. Và có lẽ cô ấy sẽ không bao giờ về với anh nữa. Ít nhất là không phải theo ý muốn của cô ấy. Vậy đó.

- Theo anh thì hiện giờ Kumiko có đang

ở với gã kia không?

- Anh không biết. – tôi vừa nói vừa lắc đầu. Khi đầu tôi chuyển động chậm chậm như vậy, có cảm giác như không khí xung quanh là một thứ nước nặng mình không thể nhìn thấy được. - Chắc là họ đang ở bên nhau.

- Thành ra bây giờ anh mới suy sụp, và chính vì vậy anh mới chui xuống giếng.

- Dĩ nhiên là khi biết được sự tình anh đã suy sụp. Nhưng không phải vì vậy mà anh xuống đây. Anh không muốn trốn tránh thực tại. Như anh đã nói, anh cần một chỗ nào đó chỉ có mình anh thôi, để anh có thể tập trung suy nghĩ. Quan hệ của anh với Kumiko đã hỏng đi từ bao giờ, như thế nào? Chuyện đó anh không

hiếu được. Anh không có ý nói là trước đó mọi chuyện đều hoàn hảo. Một người đàn ông, một người đàn bà, hai tính cách hoàn toàn khác nhau, tình cờ gặp nhau đâu đó và bắt đầu sống với nhau. Chẳng có cặp vợ chồng nào trên đời này mà không có những vấn đề riêng. Song anh cứ nghĩ vợ chồng anh nói chung là ổn, dù có những rắc rối nho nhỏ nhưng theo thời gian đều tự nó êm xuôi cả. Nhưng anh đã lầm. Hẳn là anh đã bỏ sót một cái gì đó lớn lao, đã phạm một sai lầm nào đó ở cấp độ cơ bản. Chính vì vậy anh mới xuống đây, để suy nghĩ.

Kasahara May không nói gì. Tôi nuốt nước bọt.

- Anh không biết nói thế này liệu em có

hiếu không. Hồi mới cưới, cách đây sáu năm, vợ chồng anh muốn cùng nhau tạo nên một thế giới hoàn toàn mới, giống như xây một căn nhà mới trên lô đất trống vậy. Bọn anh hình dung rất rõ mình muốn gì. Bọn anh không cần nhà cao cửa rộng hay gì gì cả, chỉ cần một nơi che nắng che mưa, cho hai đứa ở bên nhau. Bọn anh chả cần gì hơn. Mọi việc rồi sẽ đâu vào đấy. Tất cả đều có vẻ đơn giản đối với bọn anh. Em đã bao giờ có cảm giác đó chưa - cảm giác mình muốn đến một nơi hoàn toàn khác, trở thành một người hoàn toàn khác?

- Hẳn rồi, - Kasahara May nói. – Lúc nào em cũng muốn vậy hết.

- Ồ, hồi mới cưới bọn anh đã muốn làm

như vậy. Anh đã muốn thoát khỏi chính mình, khỏi cái tôi đã tồn tại từ trước khi đó. Kumiko cũng vậy. Trong thế giới mới đó bọn anh cố tìm một cái tôi mới phù hợp hơn với cái bản lai diện mục sâu xa của mình. Bọn anh tin mình có thể sống theo một lối mới tương hợp hơn với cái tôi đích thực của mình.

Kasahara May hình như đang đôi trọng tâm cơ thể trong dòng ánh sáng. Tôi cảm thấy được chuyển động của cô. Dường như cô đang đợi tôi nói tiếp. Nhưng tôi không còn gì nói nữa. Chẳng nghĩ ra được gì trong đầu. Tôi thấy mệt bởi âm thanh giọng nói của chính mình trong chiếc ống bê tông của cái giếng.

- Những gì anh vừa nói em có hiểu

không? – tôi hỏi.

- Hiểu chứ.

- Em nghĩ thế nào?

- Này, anh biết đấy, em còn nhỏ mà. Em không biết gì về chuyện hôn nhân hết. Em không biết vợ anh đã nghĩ gì khi bắt đầu lãng nhăng hay lúc bỏ nhà đi. Nhưng nghe những gì anh vừa kể, em cho rằng ngay từ đầu anh đã nghĩ sai rồi. Anh hiểu ý em chứ hờ Chim vặn dây cót? Cái anh vừa nói ấy mà... Những chuyện kiểu như, “ờ, được, mình sẽ làm ra cả một thế giới mới” hay “ờ, mình sẽ tạo ra một cái hoàn toàn mới”... đại loại thế, không ai làm được đâu. Em thì nghĩ vậy đó. Anh cứ ngỡ mình đã tạo ra một thế giới mới, một cái tôi mới, nhưng cái tôi cũ của anh

nó vẫn luôn ở đó, ngay bên dưới cái bề ngoài kia, chỉ cần có chuyện gì xảy ra là nó lại ngóc đầu dậy mà nói “Xin chào”. Hình như anh không hiểu chuyện ấy. Anh được tạo ra không phải ở chốn này. Và ngay cả cái ý định cần phải tái tạo bản thân mình ấy, nó cũng được tạo ra không phải ở chốn này. Chuyện đó thì đến em cũng biết, Chim vặn dây cót ạ. Anh là người lớn mà, phải không? Làm sao anh không hiểu được chứ? Đây là cả một vấn đề lớn đấy, nếu anh đã hỏi em. Và chính vì vậy mà anh mới bị trừng phạt, trừng phạt bởi mọi thứ: bởi cái thế giới mà anh muốn vứt bỏ, bởi cái tôi mà anh muốn vứt bỏ ấy. Anh hiểu em nói gì chứ? Tôi im lặng, nhìn chăm chăm vào bóng

tôi trùm kín đôi chân mình. Tôi không biết nói gì.

- Thôi được rồi, Chim vặn dây cót, - cô nhẹ nhàng nói. – Anh cứ nghĩ đi. Nghĩ. Nghĩ.

Nấp giếng lại đập vào chỗ cũ, miệng giếng lại bị phong kín.

Tôi lấy bi đông nước ra khỏi ba lô, khẽ lắc lắc. Tiếng nước óc ách yếu ớt vọng lại trong bóng tối. Có lẽ còn chừng một phần tư. Tôi tựa đầu vào vách giếng, nhắm mắt. Có lẽ Kasahara May nói đúng. Con người này, cái tôi này, cái ngã này, được tạo ra ở một nơi khác. Mọi cái đều từ một nơi khác đến, mọi cái đều cũng nơi đó mà trở về. Tôi chẳng qua chỉ

là đường thông cho cái kẻ gọi là tôi đi qua.

Đến như em cũng còn biết chuyện đó,
Chim vượn dây cót ọ. Làm sao anh không
hiếu cơ chứ?

11

Đói quá hoá đau

*

Thư dài của Kumiko

*

Chim tiên tri

Tôi thiếp đi mấy lần, sức tỉnh cũng gần ấy lần. Đó là những giấc ngủ ngắn, chớp chờn bất an, như khi ngồi trên máy bay. Hễ sắp ngủ sâu là lại giật mình thức dậy, rồi hễ sắp tỉnh hẳn là lại lơ mơ ngủ, cứ thế lặp đi lặp lại không ngừng. Không có sự thay đổi ánh sáng, thời gian cứ tròn trành như toa tàu có bộ trục lỏng lẻo, xộc xệch. Tư thế co ro, thiếu tự nhiên khiến

thân thể tôi không thư giãn được. Mỗi khi thức dậy, tôi lại nhìn đồng hồ để xem giờ. Thời gian trôi nặng nề, bất cân bằng. Chẳng biết làm gì, chốc chốc tôi lại cầm đèn pin rọi vào vắn chỗ này chỗ nọ, khi xuống đất, khi lên vách giếng, khi lên nắp giếng. Bao giờ cũng vẫn nền đất ấy, vách giếng ấy, nắp giếng ấy. Những cái bóng từ ánh đèn hắt ra cứ xê dịch, giãn ra rút vào, phình ra co lại. Chán trò ấy, tôi lại dành thời gian sờ soạng mặt mình, kiểm tra từng đường nét, từng nếp nhăn, khảo sát từng li từng tí một, đăng phát hiện như mới hình thù của nó. Trước đây tôi chưa bao giờ thật sự quan tâm đến hình dạng đôi tai mình. Nếu có ai bảo tôi vẽ đôi tai mình, dù chỉ phác đôi nét thôi,

hắn tôi đã bó tay. Nhưng lúc này tôi có thể tái tạo từng chỗ hõm, từng đường cong một cách chi tiết, chính xác. Tôi lấy làm lạ khi nhận thấy tai trái với tai phải lại khác nhau đến thế. Tôi hoàn toàn không biết vì sao lại có sự khác nhau như vậy, hay liệu sự bất cân đối này có hệ quả gì không (hắn là nó có hệ quả nào đó).

Kim đồng hồ chỉ 7: 28. Từ khi xuống đây tôi đã xem đồng hồ đến hai nghìn lần. Hiện giờ là 7 giờ 28 phút tối, điều ấy thì chắc; trong một trận bóng chày, đây là lúc cuối hiệp ba hay là cao điểm của hiệp bốn. Hồi nhỏ, tôi hay ngồi ở hàng ghế tít trên cùng ngoài sân bóng, ngắm cảnh ngày hè cứ dùng dằng mãi không

chịu dứt. Mặt trời đã lặn qua chân trời phía Tây, nhưng ráng chiều vẫn thật huy hoàng, tuyệt đẹp. Đèn sân vận động hắt những cái bóng dài trên sân như để nhắc khéo điều gì. Đầu tiên một ngọn, rồi một ngọn nữa bật sáng, cực kỳ thận trọng, ngay sau khi trận đấu bắt đầu. Tuy nhiên trời vẫn đủ sáng để đọc báo. Ký ức về ánh chói của ngày dài vẫn còn nấn ná nơi cửa, không cho đêm hè được bước vào. Tuy nhiên, một cách kiên trì, bền bỉ, ánh sáng nhân tạo cứ lặng lẽ mà chiến thắng ánh sáng mặt trời, tuôn ra cả một dòng lũ những màu sắc hội hè. Màu xanh rực rỡ của sân cỏ, màu đất đen nhánh, những đường vôi trắng vừa vẽ trên mặt đất, ánh véc ni lấp lánh trên gậy các đấu thủ đang

đội lượt mình vào đánh, khói thuốc lá bay lơ lửng trong những luồng ánh sáng (vào những ngày đứng gió, chúng như những linh hồn lang thang tìm người để nhập vào), tất cả đều nổi bật lên, rõ nét lạ lùng. Những người bán bia trẻ tuổi chìa tay ra trong ánh sáng, xòe những tấm biên lai kẹp giữa mấy ngón tay. Đám đông chốc chốc lại nhòm dậy khỏi ghế dõi theo một đường bóng bay cao, giọng của họ vồng lên theo vòng cung của bóng hoặc tan biến thành một tiếng thở dài. Những đàn chim nhỏ trên đường về tổ thi thoảng lại bay ngang qua, hướng về phía biển. Đó là sân vận động lúc 7 giờ rưỡi tối.

Tôi nghĩ về tất cả những trận bóng chày

đã xem từ trước đến nay. Đội Saint Louis Cardinal từng đến Nhật một lần để đấu giao hữu, hồi ấy tôi còn bé lắm. Tôi đã đến sân vận động xem trận đó cùng với cha tôi. Trước khi khai trận, các đấu thủ đội Cardinals đứng dàn hàng dọc chu vi sân, tay xách túi đựng đầy những quả bóng tennis có chữ ký của họ, ra sức ném từng quả lên khán đài càng xa càng tốt. Thiên hạ nháo nhào tranh nhau bắt, còn tôi vẫn ngồi yên tại chỗ, không nhúc nhích, thế rồi chưa kịp nhận ra chuyện gì thì đã thấy một quả bóng rơi đúng vào lòng mình. Điều đó xảy ra như thể có phép màu: kỳ lạ và bất ngờ.

Tôi lại nhìn đồng hồ. 7 giờ 36 phút. Tám phút đã qua kể từ lần xem trước. Chỉ có

tám phút. Tôi tháo đồng hồ ra đưa lên tai. Nó vẫn kêu tích tắc bình thường. Tôi nhún vai trong bóng tối. Có sự lạ nào đó đang xảy ra với cảm nhận của tôi về thời gian. Tôi quyết định tạm thời không xem đồng hồ nữa. Có thể tôi không còn gì khác để làm, nhưng cứ xem đồng hồ liên tục như vậy thì có gì đó không lành mạnh. Tuy nhiên, phải khó khăn lắm tôi mới kìm được không xem. Làm việc đó cũng khổ sở như khi bỏ thuốc lá vậy. Từ thời điểm quyết định không nghĩ đến thời gian nữa, tâm trí tôi không thể nghĩ về bất cứ gì khác. Nó là một thứ mâu thuẫn, một cơn loạn tinh thần. Càng cố quên thời gian đi, tôi lại càng buộc phải nghĩ đến thời gian. Ngoài ý thức của tôi, mắt tôi cứ chực tìm cái đồng hồ nơi cổ tay

trái. Mỗi khi điều đó xảy ra, tôi lại
ngoảnh mặt đi, nhắm mắt lại, tự đấu tranh
để không nhìn. Rốt cuộc tôi phải tháo
đồng hồ nhét vào trong ba lô. Ấy vậy mà
sau đó tâm trí tôi vẫn cứ mò mẫm tìm
chiếc đồng hồ trong ba lô, nơi nó vẫn
đang tích tắc đếm thời gian.

Thời gian cứ vậy mà trôi trong bóng tối,
dù không có sự hành tiến của những cây
kim đồng hồ - một thời gian bất phân,
không chịu sự đo lường. Khi đã mất
những điểm phân giới, thời gian không
còn là một dòng liên tục mà trở thành
một thứ chất lỏng bất định hình, lúc co
lúc giãn tùy ý muốn. Trong thứ thời gian
này tôi thiếp đi rồi dậy, lại thiếp đi rồi
lại thức, từ từ quen với sự sống không có

đồng hồ. Tôi đã luyện cho thân thể mình nhận thức được rằng tôi không cần thời gian nữa. Nhưng chẳng mấy chốc tôi cảm thấy bất an ghê gớm. Đúng là tôi đã được giải phóng khỏi cái thói quen thần kinh là cứ năm phút lại xem đồng hồ, nhưng khi cái khung quy chiếu thời gian đã hoàn toàn biến mất, tôi bắt đầu cảm thấy như mình đã bị ném xuống đại dương giữa đêm khuya từ trên boong một con tàu đang chạy. Chẳng ai nghe ra tiếng thét của tôi, con tàu vẫn tiến về phía trước, càng lúc càng xa cho tới khi hầu như biến khỏi tầm mắt.

Thôi không cố nữa, tôi lại lấy đồng hồ ra khỏi ba lô, đeo vào cổ tay. Kim đồng hồ chỉ 6: 15. Chắc là 6 giờ 15 sáng. Lần

cuối tôi xem đồng hồ là 7 giờ 36 phút. Bảy giờ 36 phút tối. Vậy có thể kết luận rằng từ lúc đó đến giờ đã mười ba tiếng đồng hồ trôi qua. Khó có khả năng là những hai mươi ba tiếng đồng hồ. Nhưng tôi không biết chắc được. Có gì khác nhau về bản chất giữa mười một tiếng với hai mươi ba tiếng cơ chứ? Dù mười một hay hai mươi ba tiếng, cái đói của tôi đã trở nên dữ dội hơn nhiều. Cảm giác đó khác hẳn với những gì tôi từng tưởng tượng về một cái đói dữ dội. Người ta thường cho rằng đói giống như là cảm giác thiếu cái gì đó. Trên thực tế, nó gần với cái đau thuần túy nhục thể, một cái đau hoàn toàn vật lý, trực tiếp, như thể bị đâm hay bị bóp cổ. Và cái đau ấy, nó không đều. Nó không nhất quán.

Có lúc nó dâng lên trong tôi như ngọn triều tới ngưỡng cực đại khiến tôi gần ngất xỉu, rồi nó lại từ từ hạ xuống.

Để thôi không chú ý đến cái đau dữ dội của những cơn đói, tôi cố gắng tập trung vào một cái gì khác. Nhưng tôi không thể nghĩ một chuyện gì cho nghiêm túc nữa. Những mẫu ý nghĩ rời rạc dạt vào tâm trí tôi rồi lại biến mất nhanh như khi chúng đến. Hễ tôi cố nắm bắt một mẫu nào là nó lại chuội khỏi tay tôi như một con vật trơn nhẩy, vô hình.

Tôi đứng dậy đuổi người, hít một hơi sâu. Người tôi đau khắp mọi chỗ. Từng bắp thịt, từng khớp sụn rên siết kêu đau vì phải ở trong tư thế thiếu tự nhiên quá lâu. Tôi chậm chậm đuổi người lên phía

trên rồi gập đầu gối xuống mấy lần, nhưng chỉ được mười lần là đã thấy chóng mặt. Lại ngồi trên nền giếng, tôi nhắm mắt lại. Tai tôi kêu ong ong, mồ hôi chảy ròng ròng xuống mặt. Tôi muốn nắm lấy một cái gì đó, nhưng trong tay chẳng có gì để nắm. Tôi muốn nôn, nhưng trong tôi chẳng có gì để nôn. Tôi thở thở sâu, mong có thể làm tâm trí mình tươi mới lại bằng cách đổi mới bầu không khí trong cơ thể, đổi mới dòng lưu chuyển máu, nhưng mây mù trong tâm trí tôi không chịu tản ra. Cơ thể mình yếu quá rồi, tôi nghĩ, và quả thực tôi đã muốn nói to câu đó lên - “Cơ thể mình yếu quá rồi” - nhưng miệng tôi không động đậy nổi thành câu. Giá như thấy được những vì sao thì tốt biết mấy, tôi nghĩ! Nhưng

tôi không nhìn thấy sao. Kasahara May đã bịt kín miệng giếng.

Tôi cứ nghĩ rằng nội trong buổi sáng thế nào Kasahara May cũng sẽ tới chỗ giếng, nhưng cô không đến. Suốt buổi sáng tôi ngồi chờ cô, lưng tựa vào vách giếng. Cảm giác khó ở suốt buổi sáng không chịu rời bỏ tôi, tâm trí tôi không còn sức tập trung vào bất cứ cái gì dù trong khoảng thời gian ngắn ngủi đến mấy. Những cơn đói liên tiếp trào lên rồi lại trôi qua, bóng tối quanh tôi hết dày lên rồi lại mỏng đi. Cứ mỗi làn sóng mới là lại thêm một chút khả năng tập trung của tôi bị lôi đi mất, như đồ đạc bị trộm khoảng từng cái một ra khỏi căn nhà không người ở.

Buổi trưa đã qua, Kasahara May vẫn không xuất hiện. Tôi nhắm mắt cố ngủ, hy vọng sẽ mơ thấy Kano Creta, nhưng giấc ngủ của tôi quá nông nên không thể mơ được. Ngay sau khi tôi từ bỏ mọi cố gắng tập trung, đủ thứ ký ức rời rạc bắt đầu xâm nhập vào tôi. Chúng đến lạng lẽ, như nước từ từ lấp đầy một cái hang ngầm. Những nơi tôi từng đến, những người tôi từng gặp, những vết thương tôi từng bị, những cuộc trò chuyện, những vật tôi đã mua, những gì tôi đã mất; tôi nhớ lại tất cả, vô cùng sinh động và chi tiết đến kinh ngạc. Tôi nhớ lại những căn nhà và căn hộ mình từng sống. Tôi nhớ lại những cánh cửa sổ, những cái tủ, bàn ghế, những ngọn đèn. Tôi nhớ lại những

thầy cô, những giáo sư mình từng học, từ cấp tiểu học đến tận đại học. Những ký ức ấy ít hoặc hầu như không liên quan gì với nhau. Chúng là những ký ức vụn vặt, vô nghĩa, hiện lên chẳng theo thứ tự thời gian nào hết. Chốc chốc, dòng hồi tưởng của tôi lại bị gián đoạn vì một cơn đau đoi mới. Nhưng mỗi ký ức đều sinh động đến kỳ lạ, khiến tôi rung động một cách vật chất như thể dưới sức mạnh của một cơn gió xoáy.

Tôi ngồi quan sát tâm trí mình theo đuổi những ký ức đó, cho đến khi hồi tưởng lại một sự cố từng xảy ra ở cơ quan khoảng ba, bốn năm trước. Đó chỉ là một sự kiện ngu ngốc, tầm phào, nhưng càng đề thì giờ nhớ lại những chi tiết vô nghĩa

của nó thì tôi lại càng bức tức, cho đến khi nổi bức tức trở thành cơn giận điên người. Cơn giận xâm chiếm tôi dữ dội đến nỗi át đi mọi thứ khác - cơn mệt mỏi, cái đói, nỗi sợ -, khiến toàn thân tôi run lên, hơi thở tôi hỗn hển. Tôi nghe tim mình đập thình thình, cảm thấy cơn giận đang bơm đầy adrenalin vào máu trong người tôi. Đó là một cuộc cãi vã phát sinh từ một sự hiểu lầm nhỏ nhặt. Một gã trong cơ quan buông mấy lời xúc phạm tôi, tôi cũng trả miếng, nhưng rồi cả hai đều nhận ra mình đã đấu khẩu vì chuyện không đâu, nên liền xin lỗi nhau, xí xóa mọi chuyện và không để bụng làm gì. Chuyện như vậy vẫn hay xảy ra: người ta bận, người ta mệt, thanh thử mới thốt ra lời nhận xét bất cẩn nào đó. Chuyện ấy

tôi đã quên từ lâu. Thế nhưng, trong bóng tối như mực dưới đáy giếng, hoàn toàn xa cách thực tại, ký ức đó lại trở về, sống động đến cháy bỏng. Tôi cảm thấy sức nóng của nó trên da tôi, nghe thấy nó đốt xèo xèo thịt tôi. Có sao trước một lời chỉ trích quá quắt như vậy phản ứng của mình lại yếu xìu thế kia chứ? Giờ thì tôi nghĩ ra đủ những lời mà lẽ ra tôi có thể nói với gã kia. Tôi gọt giữa những lời đó, mài sắc chúng, và chúng càng sắc bén, tôi lại càng tức giận.

Thế rồi, hết sức đột ngột, con quỷ ám kia đi mất, và toàn bộ câu chuyện kia chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Có sao tôi phải ôn lại những ký ức dờ hời như thế này? Có ích gì? Tay kia hẳn từ lâu đã quên bếng

cuộc cãi vã đó. Bản thân tôi cho đến thời điểm này cũng đã quên. Tôi hít một hơi sâu, chùng vai xuống, cơ thể tôi lại chìm vào bóng tối. Tôi thử theo đuổi một ký ức khác, nhưng khi cơn tam bành đã qua, tôi chẳng còn ký ức nào nữa. Đầu tôi lúc này rỗng không như dạ dày tôi.

Thế rồi, từ lúc nào không biết, tôi bắt đầu tự nói với mình, lảm bảm thành lời những mẩu ý nghĩ rời rạc mà tôi không hề biết là mình có. Tôi không dừng được. Tôi nghe miệng mình thốt ra lời, nhưng chẳng hiểu tí gì những điều mình đang nói. Miệng tôi tự chuyển động, tuôn ra từng chuỗi lời xuyên qua bóng tối, những lời mà tôi không tài nào nắm được ý nghĩa. Chúng tuôn ra từ bóng tối này để

rồi bị nuốt chửng vào bóng tối khác. Cơ thể tôi chẳng qua chỉ là một cái ống rỗng, một cầu dẫn để chuyển lời từ đó đến đây. Chúng hẳn nhiên là những mâu ý nghĩ, nhưng đó là ý nghĩ sinh ra ngoài ý thức của tôi.

Chuyện gì đang xảy ra vậy? Thần kinh tôi sắp đứt ư? Tôi nhìn đồng hồ. Kim chỉ 3: 42. Có lẽ 3 giờ 42 chiều. Tôi thử hình dung ánh sáng lúc 3 giờ 42 phút vào một buổi chiều hè. Tôi hình dung chính mình trong làn ánh sáng đó. Tôi lắng tai cố tìm một âm thanh mà tai tôi có thể bắt được, nhưng không có gì hết: không tiếng ve sầu hay tiếng chim, không một giọng trẻ con. Có lẽ trong khi tôi ở dưới đáy giếng này, Chim vặn dây cót đã thôi vặn dây

cột và thế giới đã ngừng chuyển động. Từng tí một, dây cột chùn dần, và đến một lúc nào đó, mọi chuyển động - dòng sông chảy, cành lá xao xác, chim bay qua bầu trời - thấy đã ngừng lại.

Kasahara May đang làm gì vậy? Sao cô ta không tới? Cô ta không tới đây đã lâu quá rồi. Đột nhiên tôi nảy ra ý nghĩ biết đâu có chuyện gì kinh khủng đã xảy ra với cô ta, tai nạn xe cộ chẳng hạn. Trong trường hợp đó sẽ chẳng còn ai trên đời này biết tôi đang ở dưới đây. Và tôi sẽ thật sự chết một cái chết từ từ nơi đáy giếng.

Tôi quyết định xét vấn đề theo một cách khác. Kasahara May không phải là người bất cần như vậy. Cô ta không dễ gì để

cho ô tô chẹt. Hẳn là bây giờ cô đang ở trong phòng, thỉnh thoảng lại lấy ống nhòm quan sát khu vườn này mà hình dung cảnh tôi đang ở dưới giếng. Cô ta cố tình làm thế: cứ kéo dài thời gian ra, để tôi phải sợ, để tôi phải cảm thấy mình đã bị bỏ rơi. Đó là tôi đoán vậy. Và nếu quả thật cô cố tình kéo dài thời gian thì kế hoạch của cô đã quá thành công. Tôi đang thực sự sợ đây. Tôi đang thực sự thấy mình bị bỏ mặc đây. Mỗi khi trong đầu hiện ra ý nghĩ mình rất có thể sẽ chết rục xương trong bóng tối này, nỗi khiếp đảm lại khiến tôi nghẹn thở. Thời gian càng trôi qua, tôi lại càng yếu sức, cho đến khi những cơn đói trở nên đủ khốc liệt để giết chết tôi. Tuy nhiên, trước khi điều đó xảy ra, có khi tôi đã mất khả

năng cử động thân mình theo ý muốn. Thậm chí nếu ai đó hạ thang dây xuống cho tôi, có khi tôi không còn leo lên nổi nữa. Toàn bộ răng tóc tôi hẳn sẽ rụng hết.

Rồi tôi lại đâm lo về chuyện không khí. Tôi ở dưới đáy cái ống bê tông sâu, hẹp này đã hai ngày rồi, vậy mà chưa hết, nắp đã bị bịt kín. Lưu thông không khí hoàn toàn chẳng có. Không khí quanh tôi bỗng nhiên có vẻ nặng trĩu, đè ép. Tôi không biết đó là do trí tưởng tượng đánh lừa tôi hay quả thật không khí đã trở nên nặng hơn vì thiếu oxy. Để biết chắc, tôi hít vào sâu rồi thở ra mấy lần, nhưng càng thở càng khó chịu. Sợ hãi khiến toàn thân tôi vã mồ hôi. Hết tôi bắt đầu

nghĩ đến không khí là cái chết liền xâm chiếm tâm trí tôi như một cái gì có thật, không tránh khỏi. Nó dâng lên như một làn nước im lìm, đen kịt, thấm vào từng góc ngách của ý thức tôi. Cho đến giờ tôi chỉ nghĩ đến khả năng chết đói, mà để chết đói thì vẫn còn nhiều thời gian. Nhưng nếu hết oxy, mọi chuyện sẽ kết thúc nhanh hơn nhiều.

Chết vì ngạt thở thì thế nào nhỉ? Kéo dài trong bao lâu? Có phải đó là một quá trình chậm chạp, đau đớn, hay tôi sẽ dần dần mất ý thức và chết như là thiếp ngủ? Tôi hình dung Kasahara May đến chỗ giếng thì thấy tôi đã chết. Cô sẽ lớn tiếng gọi tôi mấy lần, không nghe tiếng trả lời, cô sẽ thả vài hòn sỏi xuống giếng bởi

cho rằng tôi đang ngủ. Nhưng tôi sẽ không thức dậy. Khi đó cô sẽ nhận ra rằng tôi đã chết.

Tôi muốn hét gọi ai đó. Tôi muốn thét lên rằng mình đang bị nhốt ở đây. Rằng tôi đói. Rằng không khí sắp không còn thở được nữa. Tôi thấy như mình đã trở lại là đứa bé bơ vơ không người giúp đỡ. Tôi đã trốn nhà đi trong một cơn bốc đồng và không tìm được lối về nhà. Tôi đã quên mất đường. Đó là một giấc mơ tôi đã mơ hàng bao nhiêu lần. Đó là cơn ác mộng suốt thời niên thiếu của tôi - lạc đường, mất lối về nhà. Tôi đã quên tất cả những cơn ác mộng đó từ nhiều năm nay. Nhưng giờ đây, dưới đáy giếng sâu này, chúng lại trôi lên, sống động đến đáng

sợ. Thời gian quay ngược lại trong bóng tối, để rồi bị một loại thời gian khác nuốt chửng.

Tôi rút bi đông ra khỏi ba lô, mở nắp, rồi, hết sức cẩn thận, cố không đánh rơi một giọt nào, tôi cho một chút nước vào miệng. Tôi ngậm nước trong miệng một hồi lâu, nếm nấp cái hơi ẩm, rồi mới nuốt càng chậm càng tốt. Một âm thanh to phát ra từ cuống họng tôi khi nước trôi qua, như thể một vật gì cứng, nặng vừa rơi xuống đất, thế nhưng đó chỉ là âm thanh khi tôi nuốt vài giọt nước.

* * *

- Ông Okada ơ!

Ai đó đang gọi tôi. Tôi nghe giọng nói trong giấc mơ.

- Ông Okada ơi! Ông Okada! Dậy đi!
Nghe như giọng Kano Creta. Tôi cố mở mắt, nhưng chẳng có gì thay đổi. Quanh tôi vẫn là bóng tối, tôi không thể nhìn thấy gì. Không có ranh giới rõ ràng giữa ngủ và thức. Tôi gắng nhồm dậy, nhưng mấy ngón tay tôi không còn đủ sức. Cơ thể tôi lạnh ngắt, rúm ró, ỉu xiu, như quả dưa chuột bị bỏ quên lâu ngày trong tủ lạnh. Tâm trí tôi mụ mị vì kiệt sức và yếu ớt. Tôi cóc cần, cô muốn gì cứ làm đi, tôi sẽ lại cương cứng trong tâm trí rồi xuất tinh trong thực tại. Làm đi, nếu cô đã muốn vậy. Trong ý thức mờ đục, tôi đợi hai bàn tay cô cởi thắt lưng tôi. Nhưng giọng của Kano Creta vang lên từ đâu đó ở trên đầu. “Ông Okada ơi! Ông

Okada!””, cô gọi. Tôi ngẩng lên thì thấy nửa nắp giếng đang mở, bên trên là một bầu trời đẹp đẽ, đầy sao, một mảnh trời hình bán nguyệt.

- Tôi đây!

Tôi nhô người, cố đứng dậy. Ngẩng lên, tôi lại hét: Tôi đây!

- Ông Okada! - Kano Creta ngoài đời thực nói. - Ông ở dưới đó à?

- Vâng, tôi ở đây.

- Làm sao lại thế được?

- Chuyện dài lắm.

- Xin lỗi, tôi nghe ông không rõ lắm. Ông nói to hơn chút được không?

- Chuyện dài lắm! - tôi hét. - Để ra khỏi đây xong tôi sẽ kể cô nghe. Ngay lúc này tôi không nói thật to được.

- Đây là thang dây của ông à?

- Phải.

- Làm sao ở dưới đó mà ông đưa nó lên đây được? Ông ném lên à?

- Dĩ nhiên là không! - Cớ sao tôi phải làm vậy chứ? Làm thế nào tôi có thể làm vậy chứ? - Dĩ nhiên là không! Có ai đó đã kéo lên mà không bảo tôi.

- Nhưng nếu vậy thì ông không ra khỏi đây được.

- Dĩ nhiên là không, - tôi nói, cố giữ kiên nhẫn. - Chuyện là vậy đó. Tôi không ra khỏi đây được. Cô có thể làm ơn thả cái thang xuống không? Bằng cách đó thì tôi sẽ ra được.

- Vâng, dĩ nhiên, tôi sẽ làm ngay.

- Đợi một chút! Trước khi thả xuống, cô làm ơn kiểm tra xem nó còn buộc chắc vào gốc cây không. Nhỡ ra...

Nhưng cô không đáp. Hình như không còn ai ở đó nữa. Tôi cố hết sức căng mắt nhìn lên miệng giếng, nhưng không thấy ai. Tôi lấy đèn pin ra khỏi ba lô mà rọi lên trên, nhưng ánh đèn pin không bắt được dáng người nào. Nó chỉ rọi thấy chiếc thang dây treo ở nguyên chỗ cũ, như thể từ trước đến giờ nó vẫn luôn ở đó. Tôi thở một hơi dài. Khi thở ra, tôi cảm thấy như một cái khối cứng ở sâu trong cơ thể tôi chùng xuống, tan đi.

- Này! Kano Creta ơi! - tôi hét, nhưng vẫn không có tiếng trả lời.

Kim đồng hồ của tôi chỉ 1: 07. Một giờ

bảy phút lúc nửa đêm, dĩ nhiên. Những ngôi sao nhấp nháy trên đầu tôi cho biết thế. Tôi quảy ba lô lên vai, hít một hơi dài rồi bắt đầu leo lên. Thang tròng trành, leo rất khó. Cứ mỗi lần vận sức, từng cơ bắp, từng khúc xương và khớp sụn tôi đều rên rỉ kêu đau. Tôi cẩn thận lên từng bước một, chẳng mấy chốc đã thấy không khí xung quanh ấm lên, sau đó là mùi cỏ không lẫn vào đâu được. Tiếng côn trùng giờ đã lọt đến tai tôi. Tôi đặt tay lên thành giếng, rồi với một nỗ lực cuối cùng ẩy người lên, gần như lăn tròn xuống mặt đất mềm. Vậy là tôi lại ở trên mặt đất. Tôi nằm ngửa một hồi, chẳng nghĩ ngợi gì. Tôi nhìn lên trời, hít không khí thật sâu vào phổi, hít mãi, hít mãi - bầu không khí dày, ấm áp của đêm hè,

đầy mùi hương tươi mát của sự sống. Tôi
ngửi thấy mùi đất, mùi cỏ. Chỉ mùi đó
thôi là đủ để lòng bàn tay tôi cảm thấy
cái mềm mại khi sờ lên mặt đất, sờ lên
cỏ. Tôi muốn bốc cả đất, cả cỏ lên trong
tay mà ăn ngấu nghiến.

Chẳng còn vì sao nào trên bầu trời nữa:
không một cái nào. Những vì sao trên kia
chỉ có thể nhìn thấy từ dưới đáy giếng
thôi. Treo trên bầu trời chỉ có vàng trắng
gần tròn, to lồ lộ.

Tôi nằm như thế trong bao lâu, tôi không
biết. Mãi một lúc lâu, tôi chỉ lắng nghe
tiếng đập của tim mình. Tôi cảm thấy
mình có thể cứ sống như vậy mãi mãi mà
chỉ làm mỗi việc ấy thôi - lắng nghe tim
mình đập. Nhưng cuối cùng tôi cũng

đứng dậy nhìn xung quanh. Không có một ai. Khu vườn trải rộng trong bóng đêm, con chim đá vẫn nhìn chăm chăm lên trời như mọi khi. Không có ánh đèn nào trong nhà Kasahara May. Chỉ có một ngọn đèn thủy ngân đang cháy trong sân, hắt ánh sáng nhợt nhạt, vô cảm ra con ngõ không người. Kano Creta biến đi đâu rồi?

Dù thế nào đi nữa, việc đầu tiên cần làm là về nhà - về nhà, uống gì đó, ăn gì đó, tắm cho thật kỹ, thật lâu. Người tôi hẳn bốc mùi kinh lắm. Tôi phải tống khứ cái mùi đó đi trước khi làm bất cứ việc gì khác. Kế đó tôi phải làm đầy cái bao tử rỗng không. Những chuyện khác sau hẵng hay.

Tôi theo con đường quen thuộc để về

nhà; nhưng với mắt tôi, con ngõ trông
khang khác, là lạ. Có lẽ là bởi ánh trăng
sống sít, những dấu hiệu của sự tù đọng
và thối rữa nổi bật lên rõ rệt khác
thường, tôi ngửi thấy cái gì đó như mùi
thịt thối xác thú chết, mùi khắm lăm
không thể nhầm lẫn của phân và nước
tiểu. Trong nhiều nhà, người ta vẫn còn
thức, vừa xem tivi vừa trò chuyện hay ăn
uống. Từ một cửa sổ thoát ra mùi thức ăn
ngậy mỡ, hành hạ không thương tiếc tâm
trí và dạ dày tôi. Tôi đi qua một chiếc
máy điều hòa đang kêu ro ro, nó xộc vào
tôi một làn khí ẩm. Tôi nghe tiếng vòi
hoa sen và thấy hình người mờ mờ trên
cửa sổ một buồng tắm.

Tôi cố sức trèo qua bức tường sau nhà

rồi buông mình xuống sân. Từ đây, căn nhà có vẻ tối om om, dường như nó đang nín thở. Nó không có vẻ gì là ấm áp hay thân thiết. Vốn là căn nhà nơi cuộc sống của tôi vẫn trôi qua ngày này sang ngày khác, nhưng lúc này nó chỉ là một căn nhà hoang không dấu vết con người. Thế nhưng nếu tôi có một căn nhà để trở về thì nó đây.

Tôi bước lên hàng hiên, đẩy cánh cửa bằng kính ra. Bị nhốt bên trong quá lâu nên không khí nặng nề, tù đọng. Nó có mùi như trộn giữa mùi hoa quả chín nẫu với mùi thuốc diệt trùng. Mẩu thư ngắn tôi để lại trên bàn bếp vẫn còn đó.

Những bát đĩa tôi đã rửa vẫn xếp chồng y nguyên trên giá phơi. Tôi lấy một cái

cốc, rót đầy rồi lại rót nữa, rót nữa, hứng nước thẳng từ vòi. Trong tủ lạnh chẳng có gì đặc biệt: một mớ hồ lón những thức ăn thừa, những thứ chỉ mới dùng một phần: trứng, dăm bông, xà lách khoai tây, cà tím, rau diếp, cà chua, đậu phụ, bơ, sữa. Tôi rót ít sữa lên một bát bánh bột ngô nướng rồi ăn. Lý ra tôi phải đói cào ruột mới đúng, nhưng sau khi thấy những thức ăn thật sự có trong tủ lạnh, tôi lại gần như không thấy đói. Có chăng tôi chỉ thấy buồn nôn. Tuy vậy, để làm dịu bớt cơn đau của cái dạ dày rỗng, tôi ăn thêm ít bánh quy. Nhưng rồi bánh quy cũng chẳng làm tôi muốn ăn gì thêm nữa.

Tôi xuống buồng tắm, cởi hết quần áo vứt vào máy giặt. Đứng dưới vòi hoa sen

nóng, tôi kỳ cọ từng phân vuông trên cơ thể rồi gội đầu. Chiếc mũ gội đầu bằng nylon của Kumiko vẫn treo trong buồng tắm. Dầu gội đầu của nàng cũng ở đó, dầu dưỡng tóc, chiếc lược bằng nhựa nàng hay dùng khi gội đầu cũng ở đó. Bàn chải răng của nàng. Chỉ xỉa răng của nàng. Mọi thứ đều y như trước khi nàng ra đi. Sự thay đổi duy nhất do việc nàng vắng mặt là một sự kiện đơn giản: Kumiko không còn đó nữa.

Tôi đứng trước gương xem xét kỹ mặt mình. Đây những sợi râu lún phún đen. Ngần ngừ một chút, tôi quyết định không cạo râu. Nếu cạo bây giờ có khi tôi làm xước mặt mắt. Mai cạo cũng được. Tôi có phải gặp ai đâu. Tôi đánh răng, súc

miệng mấy lần rồi ra khỏi buồng tắm. Đoạn tôi mở một lon bia, lấy một quả cà chua và một cây rau diếp trong tủ lạnh ra làm món salad. Ăn món salad xong, tôi bắt đầu thấy muốn ăn thêm, bèn lấy ra ít salad khoai tây, kẹp vào giữa hai lát bánh mì rồi ăn. Tôi chỉ nhìn đồng hồ mỗi một lần.

Tôi vào toa lét, đứng nhắm mắt mà tiểu một hồi lâu. Thật khó mà tin được mình lại tiểu lâu đến thế. Có cảm giác như tôi sẽ ngất xỉu giữa lúc đang đứng tiểu như vậy. Sau đó tôi lên phòng khách, nằm duỗi dài trên sofa, nhìn đăm đăm lên trần nhà. Cảm giác thật kỳ lạ: cơ thể tôi mệt nhoài, nhưng trí óc tỉnh như sáo. Tôi không buồn ngủ chút nào hết.

* * *

Tôi chợt nghĩ cần phải kiểm tra hòm thư. Có thể có người gửi thư cho tôi trong khi tôi đang ở dưới giếng. Tôi ra phòng ngoài xem thì thấy có một lá thư. Phong bì không đề tên người gửi, nhưng nét chữ viết tay ở mặt trước rõ ràng là của Kumiko. Những con chữ nhỏ tí, từng chữ một đều được viết - gần như là vẽ - một cách kỳ khu, nắn nót, như là họa tiết trang trí. Viết theo kiểu này mất khối thời gian, nhưng nàng chỉ biết mỗi cách đó thôi. Mắt tôi chuyển ngay lên dấu bưu điện. Con dấu lem nhem, gần như không đọc được, nhưng tôi vẫn nhìn ra được chữ taka, còn một chữ có thể là matsu. Takamatsu ở tỉnh Kagawa sao? Theo chỗ

tôi biết, Kumiko chẳng quen ai ở Takamatsu cả. Hai chúng tôi chưa hề tới đó, nàng cũng chưa bao giờ từng nói đến chuyện từng đi phà sang Shikoku hoặc băng qua cây cầu mới. Cái tên Takamatsu đơn giản là chưa bao giờ xuất hiện trong những lần trò chuyện giữa chúng tôi. Chắc không phải Takamatsu đâu.

Dù thế nào thì thế, tôi mang thư vào bếp, ngồi xuống bàn, lấy kéo rọc phong bì, cẩn thận sao cho không cắt phải thư ở bên trong. Để trấn tĩnh, tôi nốc cạn chỗ bia còn lại.

Chắc anh đã rất sốc và lo lắng khi em biến mất đột ngột như vậy mà không nói một lời – Kumiko viết như vậy bằng loại

mực Mont Blanc màu xanh đen nàng vẫn dùng. Giấy là loại giấy viết thư mỏng bình thường, đâu cũng có bán.

Em đã định viết thư cho anh sớm hơn để giải thích mọi chuyện cho tới nơi tới chốn, nhưng trong khi em đang vắt óc nghĩ không biết làm sao có thể diễn tả được chính xác cảm xúc của em, làm sao có thể giải thích tình trạng hiện thời của em cho anh hiểu thì thời gian cứ vùn vụt trôi qua. Em rất áy náy với anh về chuyện đó.

Hắn là mãi đến giờ anh vẫn ngờ em có dan díu với người khác. Em đã có quan hệ tình dục với người đó trong khoảng gần ba tháng. Em gặp ông ta vì quan hệ công việc; anh không biết ông ấy đâu.

Mà ông ấy là ai cũng chẳng quan trọng lắm. Em sẽ không bao giờ gặp ông ta nữa. Ít nhất là với em, chuyện đó đã chấm dứt. Điều này có thể an ủi anh phần nào, mà cũng có thể không.

Em có yêu ông ta không? Câu hỏi ấy em không sao trả lời được. Mà bản thân câu hỏi dường như cũng không cần thiết. Em có yêu anh không? Điều đó thì em có thể trả lời không do dự: có. Quả thực em đã vô cùng hạnh phúc khi lấy anh. Đến giờ em vẫn thấy như vậy. Anh có thể hỏi: đã thế sao em còn phải có nhân tình nhân ngãi làm gì, lại còn bỏ nhà đi? Em cũng đã tự hỏi mình câu đó không biết bao nhiêu lần ngay khi chuyện đó đang diễn ra: Tại sao mình phải làm vậy chứ?

Em không cách nào giải thích điều đó được. Em chưa bao giờ có ý muốn kiếm tình nhân hay tặng tịu với ai. Những ý nghĩ đó tuyệt chẳng hề nảy ra trong đầu em khi em gặp ông ta lần đầu. Em với ông ta gặp nhau mấy lần vì công việc. Mặc dù hai người nói chuyện với nhau khá hợp, song những lúc trò chuyện qua điện thoại chỉ thỉnh thoảng em với ông ta mới nói đôi ba chuyện khác ngoài công việc thôi. Ông ta lớn tuổi hơn em nhiều, có vợ con, cũng không đặc biệt hấp dẫn đối với em trong tư cách đàn ông. Vì vậy trong đầu em chẳng bao giờ nảy ra ý nghĩ một lúc nào đó mình sẽ dan díu với ông ta.

Nói thế không có nghĩa là em đã hoàn

toàn loại bỏ được ý nghĩ ăn miếng trả miếng với anh. Em vẫn ám ức mãi chuyện anh từng qua đêm với người đàn bà nào đó. Em tin anh khi anh nói anh chẳng làm gì cô ta cả, nhưng dù có thật anh chẳng làm gì cô ta thì em cũng không dễ quên được. Tâm trạng em là vậy đó. Nhưng dù vậy, em dạn dít với người khác không phải là để trả miếng anh. Em nhớ có lần em nói vậy thật, nhưng ấy là em chỉ dọa thôi. Em ngủ với ông ta vì em muốn ngủ với ông ta. Vì em không thể chịu nổi nếu không ngủ với ông ta. Vì em không kìm nén nổi dục vọng xác thịt của mình.

Sau một thời gian không gặp nhau, em với ông ta mới có dịp cần gặp vì công

việc. Làm việc xong, em với ông ta đi ăn tối, sau đó thì đi uống cái gì đó. Em vốn không biết uống rượu, dĩ nhiên rồi, thành thử để giữ lịch sự, em chỉ uống một cốc nước cam không pha một giọt rượu nào. Vì vậy rượu chẳng liên quan gì đến chuyện đã xảy ra. Bọn em chỉ ăn uống và trò chuyện theo cách bình thường nhất. Nhưng rồi, đến một lúc, em với ông ta chạm vào người nhau, khi đó em không thể nghĩ đến gì khác ngoài chuyện làm sao ngả vào vòng tay ông ta. Ngay khoảnh khắc hai bên động chạm nhau, em biết ông ta thèm muốn em, và hình như ông ta biết em cũng thèm muốn ông ta. Dường như có một dòng điện hoàn toàn phi lý, choáng ngợp vừa xẹt qua giữa em với ông ta. Em cảm thấy như bầu trời đã

sụp xuống em. Má em nóng bừng, tim em đập thình thịch, em có cảm giác nặng nặng, tan chảy ở dưới sườn. Khó khăn lắm em mới ngồi thẳng được trên ghế quây bar, cảm giác đó mạnh quá. Đầu tiên em không biết điều gì đang diễn ra bên trong mình, nhưng chẳng mấy chốc em nhận ra đó là dục vọng xác thịt. Em thèm muốn ông ta mãnh liệt đến mức gần như không thở được. Chẳng biết ai gợi ý đầu tiên, em và ông ta đi bộ sang một khách sạn gần đó rồi làm tình với nhau như điên dại.

Nói chuyện này ra một cách rành rọt như vậy chắc hẳn sẽ làm anh đau lòng, nhưng em tin rằng về lâu dài, tốt nhất là có một lời thú nhận trung thực, chi tiết. Đau lòng

thì có thể đau lòng đấy, nhưng mong anh hãy cố chịu đựng mà đọc tiếp.

Những gì em đã làm với ông ta tuyệt chẳng có gì liên quan đến “tình yêu”. Chỉ là em muốn được ông ta ôm ấp, muốn cảm thấy ông ta nhập vào trong em. Cả đời em chưa bao giờ thấy cần thân thể một người đàn ông đến ghê tởm như vậy. Trước kia em vẫn đọc được trong sách về một “dục vọng không sao chịu nổi”, nhưng mãi đến ngày hôm đó em mới nhận ra mấy chữ ấy có ý nghĩa gì. Tại sao cái nhu cầu ấy trỗi lên trong em đột ngột như vậy, tại sao không phải với anh mà với người khác, em không biết. Cái dục vọng trong em khi đó không thể nào kiềm chế được, mà em cũng không

cô kiểm chế. Xin hãy hiểu cho em: lúc ấy trong đầu em không hề có ý nghĩ rằng em đang phản bội anh. Cuộc ái ân trên giường khách sạn với ông ta là một cái gì rất gần với cơn điên. Nói thật, cả đời em chưa bao giờ thấy thích thú như lần đó. Không, không đơn giản chỉ là “thích thú”. Thê xác em lăn lộn trong bùn nóng hổi. Tâm trí em hút lấy khoái lạc, hút mãi cho đến độ nổ tung - và nó nổ tung. Thật là kỳ diệu. Đó là một trong những điều tuyệt vời nhất em từng biết đến trong đời.

Rồi thì, như anh đã biết, em giấu kín mãi chuyện đó. Anh chẳng bao giờ nhận ra em đang có nhân tình. Anh chẳng bao giờ nghi ngờ em, cho dù em bắt đầu về nhà

muộn. Em biết anh tuyệt đối tin tưởng em. Anh nghĩ em không bao giờ có thể phản bội anh. Và dù phản bội lòng tin đó của anh, em hoàn toàn không có cảm giác tội lỗi. Em cứ từ phòng khách sạn gọi điện về báo việc nhiều quá nên em phải làm muộn. Dối trá chất chồng dối trá, nhưng điều đó chẳng làm em động tâm. Dường như với em đó là điều tự nhiên nhất trên đời. Tự đáy lòng em cần cuộc sống bên anh. Căn nhà em chung sống với anh là thế giới của em. Em thuộc về nơi đó. Nhưng thân thể em lại cuồng nhiệt đòi ái ân với người đàn ông kia. Một nửa em ở đảng này, nửa khác ở đảng kia. Em biết sớm muộn gì cũng sẽ xảy ra tan vỡ, nhưng lúc đó em cảm thấy cuộc sống kép kia có thể kéo dài mãi. Ở đây

em sống bình an với anh, ở kia em làm tình cuồng loạn với ông ta.

Em mong anh hiểu ít nhất là một điều này. Rằng đây hoàn toàn không phải chuyện anh kém cỏi hơn ông ta trong chuyện ái ân hay thiếu hấp dẫn về tình dục, cũng không phải vì em đã chán làm tình với anh. Mà chỉ là, trong lúc đó, thân thể em cảm thấy một nỗi khao khát tình dục mãnh liệt, không thể kiềm chế nổi. Em không sao cưỡng lại được. Tại sao lại xảy ra như thế, em không biết. Trong suốt mấy tuần ngủ với ông ta, có đôi lần em cũng nghĩ đến việc ngủ với anh. Nếu chỉ ngủ với ông ta mà không ngủ với anh thì thật bất công cho anh. Nhưng trong vòng tay anh, em không còn

cảm nhận được gì cả. Hẳn anh cũng nhận thấy thế. Suốt gần hai tháng, em cố nặn ra đủ có này có nọ để tránh quan hệ tình dục với anh.

Thế rồi một hôm, ông ta đòi em bỏ anh để theo ông ta. Ông ta bảo: chúng mình là một cặp rất đẹp đôi, chẳng có lý do gì để chúng ta không ở bên nhau. Ông ta nói ông ta sẽ bỏ gia đình. Em đề nghị ông ta cho em thời gian suy nghĩ. Nhưng đêm đó, trên chuyến xe về nhà sau khi chia tay với ông ta, em nhận ra mình không còn cảm thấy gì ở ông ta nữa. Em không hiểu nổi chính mình, nhưng ngay lúc ông ta bảo em theo ông ta thì cái gì đó đặc biệt mà em cảm thấy bên trong mình lập tức biến đâu mất, như có cơn gió mạnh

nào ập tới thối phăng nó đi. Nỗi thèm khát ông ta đã biến mất khỏi em không còn dấu vết.

Chính khi đó em bắt đầu thấy có tội với anh. Như em đã viết ở trên, khi còn thèm muốn mãnh liệt ông ta, em đã hoàn toàn không có cảm giác đó. Em chỉ thấy thật thoải mái vì anh không hề nhận thấy gì. Em đã nghĩ chuyện gì rồi cũng xong, miễn là anh không nhận ra. Mọi quan hệ giữa em với ông ta thuộc về một thế giới hoàn toàn khác với quan hệ giữa em với anh. Tuy nhiên, khi nỗi thèm muốn ông ta đã biến mất, em không còn biết mình đang ở đâu nữa.

Em đã luôn luôn tự coi mình là kẻ trung thực. Đúng là em cũng có lỗi lầm. Nhưng

nếu là những chuyện quan trọng, em không bao giờ nói dối với ai hoặc lừa dối chính mình. Em đã không bao giờ giấu anh bất cứ chuyện gì. Đó là một nguồn tự hào nho nhỏ của em. Nhưng rồi, suốt mấy tháng trời, em cứ nói dối anh như cuội mà chẳng mảy may dần vặt.

Chính điều đó bắt đầu giày vò em. Nó làm em cảm thấy mình như một kẻ rỗng tuếch, vô nghĩa, không chút giá trị gì. Mà có lẽ đúng thế thật. Nhưng ngoài ra còn một điều khác vẫn cứ làm em băn khoăn: làm thế nào em lại đột ngột cảm thấy thèm khát nhục dục một cách dữ dội, bất thường như vậy với một người đàn ông mà em không yêu? Điều đó em không hiểu nổi. Giá như không có cái dục vọng

đó thì giờ em vẫn đang sống hạnh phúc với anh rồi. Còn người kia thì vẫn là một người bạn tốt để thỉnh thoảng tán gẫu. Nhưng cái cảm giác đó, cái thèm khát nhục dục không thể tin được, không thể cưỡng được đó, nó đã làm sụp đổ tất cả những gì chúng ta đã xây nên trong những năm qua. Nó đã cướp đi tất cả những gì của em: nó cướp anh đi, cướp căn nhà chúng ta chung sức làm nên, và công việc của em. Tại sao điều đó lại phải xảy ra cơ chứ?

Sau khi em phá thai cách đây ba năm, em có bảo anh rằng có một điều em phải nói với anh. Anh có nhớ không? Có lẽ đúng ra đã em phải nói. Đúng ra em nên kể với anh tất cả những gì trong lòng em

trước khi xảy ra cơ sự này. Chuyện này hẳn đã không xảy ra nếu như em đã kể. Nhưng bây giờ khi mọi sự đã rồi - thậm chí cả bây giờ nữa -, em vẫn không tin mình có thể kể với anh những gì em đã cảm thấy hồi đó. Đó là bởi em thấy hình như một khi em đã nói điều đó thành lời, mọi sự sẽ còn tan nát hơn cả bây giờ nữa. Chính vì vậy em mới dậm ra nghĩ, tốt nhất là em nên nuốt nó vào mình rồi chính mình biến mất đi.

Em rất tiếc phải nói với anh điều này, nhưng thực tế là em chưa bao giờ có khoái cảm tình dục thật sự với anh, dù trước hay sau khi chúng ta cưới nhau. Em rất sung sướng mỗi khi anh ôm em vào vòng tay anh, nhưng cảm giác của

em lúc đó lại mơ hồ, xa xôi, gần như nó thuộc về một người nào khác. Đó hoàn toàn không phải lỗi tại anh. Việc em không có khả năng cảm xúc hoàn toàn là tại em, chỉ tại em thôi. Có một cái rào cản nào đó ở bên trong em, nó bóp nghẹt mọi cảm xúc tình dục của em. Nhưng khi chẳng biết vì lý do gì cái rào cản đó bị cuốn phăng đi khi làm tình với ông ta, em không còn biết mình nên làm gì.

Giữa anh và em luôn luôn có một cái gì đó rất gần gũi và tinh tế. Ngay từ đầu đã như vậy. Nhưng giờ đây nó đã mất đi vĩnh viễn. Cái sự ăn rơ tuyệt vời đó, cái điều huyền bí đó, đã bị hủy diệt. Bởi chính em đã hủy diệt nó. Hay nói chính xác hơn, một cái gì đó đã buộc em hủy

diệt nó. Em hồi tiếc vô cùng vì đã xảy ra như vậy. Không ai trên đời này có thể may mắn như em khi được ở cùng anh. Em căm thù cái gì đã gây nên nông nỗi này. Anh không thể biết em căm thù nó đến nhường nào đâu. Em muốn biết chính xác nó là cái gì. Em phải biết chính xác nó là cái gì. Em phải tìm cho ra cội rễ của nó, phán xử và trừng phạt nó. Em không biết liệu mình có đủ sức làm vậy không. Nhưng có một điều chắc chắn: đây là vấn đề của riêng em. Nó không liên quan gì đến anh.

Em chỉ có một điều muốn xin anh. Đó là đừng bận tâm đến em nữa. Đừng cố công tìm em. Hãy quên em đi mà bắt đầu một cuộc đời mới. Về phần gia đình em, em

sẽ làm việc cần làm: em sẽ viết thư cho họ giải thích rằng tất cả là lỗi của em, rằng anh hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm. Họ sẽ không làm khó dễ gì anh. Thủ tục ly dị chính thức sẽ bắt đầu sớm thôi, em nghĩ vậy. Thế là tốt nhất cho cả hai ta. Nên mong anh đừng phản đối. Cứ làm như vậy. Còn về quần áo và những đồ đạc khác em để lại, em rất tiếc, nhưng anh hãy tổng khứ đi, hoặc hiến tặng đâu đó. Mọi cái đã là quá khứ rồi. Tất cả những gì em từng dùng khi còn sống với anh, nay em không có quyền dùng nữa.

Vĩnh biệt.

Tôi đọc thư một lần nữa từ đầu đến cuối rồi cho lại vào phong bì. Rồi tôi lấy thêm một lon bia ra khỏi tủ lạnh mà uống.

Nếu Kumiko đang định nộp đơn xin ly dị, thế nghĩa là ít nhất nàng không có ý định tự tử vào lúc này. Điều ấy làm tôi nhẹ nhõm phần nào. Nhưng rồi tôi chợt nhớ, đã gần hai tháng qua tôi không có quan hệ tình dục với ai. Như Kumiko nói trong thư, nàng đã khước từ ngủ với tôi trong suốt thời gian đó. Nàng nói nàng bị viêm bàng quang nhẹ, bác sĩ bảo nàng phải kiêng quan hệ tình dục một thời gian. Và dĩ nhiên tôi đã tin nàng. Tôi không có lý do nào để không tin.

Trong hai tháng đó tôi đã có quan hệ với phụ nữ trong những giấc mơ - hoặc trong một thế giới nào đó mà với vốn từ hạn hẹp của mình tôi chỉ có thể gọi là giấc mơ - với Kano Creta và với người đàn

bà trên điện thoại. Nhưng giờ nghĩ lại tôi mới thấy, đã hai tháng qua kể từ lần cuối tôi ngủ với một người đàn bà có thực trong thế giới thực. Nằm trên sofa, nhìn chăm chăm vào hai bàn tay của chính mình đặt trên ngực, tôi nghĩ đến lần cuối cùng nhìn thấy thân thể Kumiko. Tôi nghĩ đến đường cong mềm mại của lưng nàng khi tôi kéo khóa áo cho nàng, mùi nước hoa sau tai nàng. Tuy nhiên, nếu những gì nàng nói trong thư là sự thật không thể thay đổi được thì có lẽ tôi sẽ không bao giờ được ngủ với Kumiko nữa. Nàng đã viết như vậy một cách rõ ràng, dứt khoát thế kia: nó có thể là gì khác ngoài sự thật không thể thay đổi được?

Càng nghĩ đến việc quan hệ của Kumiko

có thể đã là chuyện trong quá khứ, tôi càng nhớ da diết hơi ấm dịu dàng của tấm thân ấy, tấm thân từng có lúc thuộc về tôi. Tôi luôn thấy khoái lạc những khi ngủ với nàng. Dĩ nhiên, tôi đã thấy khoái lạc như vậy từ trước khi chúng tôi lấy nhau, nhưng ngay cả khi vài năm đã qua, những run rẩy và rung động thuở đầu đã nhạt thì mỗi khi ngủ với nàng tôi vẫn thấy sung sướng. Tấm lưng thon mảnh của nàng, phía sau cổ nàng, đôi chân nàng, cặp vú nàng - tôi có thể nhớ lại từng bộ phận thân thể nàng một cách hoàn toàn sống động. Tôi nhớ lại tất cả những gì tôi đã làm cho nàng và nàng đã làm cho tôi những khi chúng tôi ân ái với nhau. Nhưng nay Kumiko đã nhập thân xác

nàng với thân xác của một kẻ tôi không hề biết, và nàng làm việc đó một cách cuồng nhiệt đến mức tôi khó hình dung nổi. Nàng đã khám phá ra một khoái lạc nàng chưa bao giờ được hưởng khi làm tình với tôi. Khi làm tình với hắn ta, hắn nàng đã oằn mình quằn quại đến nỗi giường phải rung bần bật lên, nàng đã rên rỉ to đến mức ở phòng bên cũng nghe thấy. Hắn nàng đã làm với hắn những gì nàng chẳng bao giờ làm với tôi. Tôi đến tủ lạnh, mở ra, lấy một lon bia uống. Đoạn tôi ăn ít salad khoai tây. Vì muốn nghe nhạc, tôi bật đài FM, chuyển sang kênh nhạc cổ điển, vặn âm lượng nhỏ. “Hôm nay em mệt quá”, - Kumiko hay nói. “Em không cảm thấy có hứng. Em xin lỗi. Thật đấy”. Và tôi trả lời: “Được

mà, không sao cả”. Khi Serenade cho đàn dây của Tchaikovski đã chấm dứt, một bản đàn piano liền cất lên, hình như của Schumann. Nghe quen quen, nhưng tôi không nhớ được nhan đề. Khi bản nhạc dứt, một giọng nữ cho tôi biết đó là cảnh thứ bảy trong Những cánh rừng của Schumann, nhan đề là Chim tiên tri. Tôi hình dung Kumiko vắn vẹo đôi hông bên dưới gã đàn ông kia, nhấc chân lên, bấu mười đầu móng tay vào lưng hắn, rớt dãi xuống khăn trải giường. Người dẫn chương trình cho biết Schumann đã tạo ra một cảnh hoang đường, rằng trong cánh rừng nọ có một con chim huyền bí sinh sống, nó có khả năng tiên đoán tương lai.

Tôi từng biết gì về Kumiko? Im lìm, tôi bóp nát lon bia trong tay rồi ném vào sọt rác. Có thật là Kumiko mà tôi tưởng mình đã biết, Kumiko mà tôi đã đầu gối tay ấp, đã cùng giao hoan trong ngần ấy năm trời, cô Kumiko ấy chẳng qua chỉ là lớp bề ngoài cạn cợt của Kumiko đích thực, cũng như phần lớn của thế giới này thuộc về vương quốc của lũ sứa? Nếu vậy thì sáu năm chung sống của chúng tôi là gì chứ? Chúng là cái gì? Chúng có ý nghĩa gì?

* * *

Tôi đang đọc lại thư của Kumiko một lần nữa thì điện thoại reo. Tiếng reo làm tôi bật khỏi sofa. Ai có thể gọi điện vào lúc 2 giờ sáng? Kumiko? Không, nàng hẳn

không bao giờ gọi tới đây nữa. Có lẽ là Kasahara May. Cô đã nhìn thấy tôi rời căn nhà hoang và quyết định gọi cho tôi. Hoặc có thể là Kano Creta. Cô muốn giải thích vì sao cô đã biến mất. Cũng có thể là người đàn bà trên điện thoại. Hẳn cô ta muốn truyền đạt với tôi thông điệp gì đó. Kasahara May nói đúng: tôi có hơi nhiều phụ nữ quanh mình. Tôi lấy một chiếc khăn mặt nằm gần đó để lau mồ hôi trên mặt, rồi khi đã sẵn sàng tôi mới nhắc ông nghe. “Alô,” tôi nói. “Alô”, giọng vang lên từ đầu dây bên kia. Không phải giọng Kasahara May. Cũng không phải giọng Kano Creta hay giọng của người đàn bà bí ẩn. Đó là Kano Malta.

- Alô, - cô ta nói. - Ông Okada phải không ạ? Tên tôi là Kano Malta. Không biết ông có còn nhớ tôi không?

- Dĩ nhiên. Tôi nhớ cô rất rõ, - tôi vừa nói vừa cố ghì nhịp tim đập thình thịch. Làm sao tôi không nhớ cô ta được?

- Tôi phải xin lỗi đã gọi cho ông giữa đêm hôm khuya khoắt thế này. Tuy nhiên, đây là chuyện khẩn cấp. Tôi biết làm thế này là hết sức bất nhã và ông sẽ lấy làm tức giận lắm, nhưng tôi vẫn buộc lòng phải gọi. Tôi vô cùng xin lỗi.

Tôi trấn an cô ta rằng cô không cần phải áy náy gì, chẳng nào thì tôi cũng đang thức và tôi không bức mình chút nào hết.

12

Phát hiện trong khi cạo râu



Phát hiện khi thức dậy

- Sở dĩ tôi phải gọi cho ông giữa đêm hôm thế này là bởi tôi thấy cần phải gặp ông càng sớm càng tốt, - Kano Malta nói. Nghe cô ta nói, tôi có ấn tượng rằng cô đang lựa chọn và sắp xếp từng từ một thành những câu có cấu trúc chẵn chu chuẩn xác theo những nguyên tắc logic nghiêm ngặt, cô ta bao giờ cũng ăn nói như thế. - Nếu ông không phản đối, có vài câu hỏi mà tôi xin phép được hỏi ông, thưa ông Okada. Ông cho phép chứ ạ?

Cầm ống nghe trong tay, tôi ngồi xuống sofa.

- Xin mời cô, cứ hỏi gì cũng được.

- Thưa ông Okada, chẳng hay hai ngày vừa qua ông đã đi đâu? Tôi đã cố gọi điện cho ông không biết bao nhiêu lần, nhưng hình như lúc nào ông cũng đi vắng.

- Ừ, phải, tôi đi vắng. Tôi muốn đi khỏi nhà một thời gian. Tôi cần ở một mình để suy nghĩ đôi chút. Tôi có rất nhiều chuyện cần phải nghĩ.

- Vâng, thưa ông Okada, tôi rất hiểu điều đó. Tôi hiểu tâm trạng của ông. Thay đổi hoàn cảnh có thể là rất tốt những khi ta cần suy nghĩ rõ ràng, thấu đáo về một việc gì. Tuy nhiên trong trường hợp này,

ông Okada ạ - tôi cũng biết hỏi thế này thì có vẻ hơi tọc mạch - ông có đi đâu xa lắm không?

- Không, không xa lắm, - tôi nói, cố tình tỏ ra mập mờ. Tôi chuyển ống nghe từ tay trái sang tay phải. - Nói thế nào nhỉ? Tôi đã ở một nơi có phần cách ly. Tuy nhiên, tôi không thể nói chi tiết được. Tôi có lý do của riêng tôi. Tôi vừa mới về thôi, tôi mệt quá nên không giải thích dài được.

- Dĩ nhiên rồi, ông Okada. Tôi hiểu. Ai cũng có lý do riêng của mình. Tôi không ép ông phải giải thích đâu. Ất là ông phải mệt lắm. Nghe giọng ông tôi biết. Xin ông đừng băn khoăn gì về tôi. Tôi sẽ không dám hỏi quá nhiều kéo lại phiền

ông giữa đêm hôm khuya khoắt thế này. Tôi vô cùng xin lỗi. Chúng ta có thể nói về chuyện này sau, vào một lúc thích hợp hơn. Tôi biết hỏi ông một câu có tính riêng tư thế này thì khá sỗ sàng, nhưng tôi làm vậy chỉ là vì tôi rất lo nhớ có chuyện gì chẳng lành đã xảy ra cho ông trong mấy ngày qua.

Tôi cố tìm một lời đáp thích hợp, nhưng cái âm thanh nhỏ thoát ra từ họng tôi nghe chẳng giống lời đáp mà giống tiếng ngáp ngáp của con vật sống dưới nước phải thở theo kiểu trên cạn. Chuyện chẳng lành, tôi nghĩ. Trong tất cả những gì đang xảy ra với tôi, đâu là chuyện lành và đâu là chuyện chẳng lành? Đâu là chuyện phải, đâu là không phải?

- Cảm ơn cô đã lo lắng cho tôi như vậy, -
tôi nói, cố chỉnh giọng cho bình thường. -
Hiện giờ tôi vẫn ổn. Tôi không thể nói là
đã có điều lành xảy ra với tôi, nhưng mặt
khác cũng không có chuyện gì là đặc biệt
chẳng lành.

- Được biết vậy tôi rất vui.

- Tôi chỉ mệt, có thể thôi, - tôi nói thêm.

Kano Malta khẽ hắng giọng một cách
trang nhã.

- Nhân thể, thưa ông Okada, tôi không
biết liệu ông có nhận thấy một sự thay
đổi nào về vật lý xảy ra trong mấy ngày
qua không?

- Thay đổi về vật lý? Với tôi?

- Vâng, ông Okada ạ. Một sự thay đổi
nào đó trên cơ thể ông.

Tôi ngẩng mặt lên nhìn hình phản chiếu của mình trên tấm cửa kính trông ra sân, nhưng không nhìn ra được cái gì có thể gọi là “thay đổi về vật lý”. Tôi đã tỉ mỉ kỳ cọ từng phần cơ thể trong khi tắm nhưng khi đó cũng không phát hiện thấy gì.

- Ý cô muốn nói thay đổi kiểu gì kia? - tôi hỏi.

- Chính tôi cũng không biết là cái gì, nhưng đó hẳn là một thay đổi rất rõ, bất cứ ai nhìn ông sẽ nhận thấy ngay.

Tôi duỗi bàn tay phải ra trên bàn, nhìn chăm chăm vào lòng bàn tay, nhưng đó vẫn là lòng bàn tay bình thường. Nó không hề có thay đổi gì để tôi có thể nhận ra. Nó không trở nên phủ đầy vàng lá, cũng

không đâm ra có màng giữa các ngón. Nó không đẹp cũng chẳng xấu.

- Cô bảo ai nhìn vào tôi cũng sẽ nhận ra, vậy ý cô là sao? Kiểu như đôi cánh mọc trên lưng tôi ấy à?

- Cũng có thể vậy, - Kano Malta nói, vẫn bằng giọng đều đều như thường. - Dĩ nhiên, tôi chỉ nói là có khả năng như vậy.

- Dĩ nhiên, - tôi nói.

- Vậy thì ông đã nhận ra sự thay đổi nào như thế chưa?

- Chưa. Ít nhất là đến giờ. Nhưng nếu như sau lưng tôi mọc cánh thì ắt tôi phải nhận ra chứ, phải không?

- Dĩ nhiên, - Kano Malta nói. - Nhưng xin ông Okada hãy cẩn thận. Biết được tình trạng của chính mình không phải là

việc đơn giản. Chẳng hạn, người ta không thể nhìn thẳng vào mặt mình bằng chính mắt mình. Người ta không có cách nào khác ngoại trừ nhìn ảnh phản chiếu ở trong gương. Qua kinh nghiệm ta đâm ra tin hình ảnh đó là chân thực, nhưng đó chỉ là niềm tin mà thôi.

- Tôi sẽ cẩn thận, - tôi nói.

- Tôi còn có một chuyện nữa xin được hỏi ông, thưa ông Okada. Ít lâu nay tôi không liên lạc được với Creta em tôi, cũng như không liên lạc được với ông vậy. Có thể chỉ là ngẫu nhiên, nhưng tôi thấy rất lạ. Tôi tự hỏi liệu ông có biết chút gì về nguyên nhân điều đó chẳng.

- Kano Creta?!

- Vâng, - Kano Malta nói. - Ông có nays

ra ý gì về chuyện đó không?

- Không, tôi chẳng nảy ra được gì cả, tôi đáp. Tôi không có căn cứ rõ ràng nào để nghĩ vậy, nhưng tôi cảm thấy trong lúc này tốt nhất là không kể với Kano Malta về việc mới đây tôi đã nói chuyện trực tiếp với Kano Creta và ngay sau đó cô ta biến mất. Đó chỉ là cảm giác thôi.

- Creta đã rất lo lắng vì không liên lạc được với ông Okada. Đêm qua nó ra khỏi nhà, bảo rằng nó định đến nhà ông xem có chuyện gì không, nhưng rồi đến giờ này nó vẫn chưa về. Và chẳng hiểu vì lý do gì tôi cảm thấy nó không còn nữa.

- Tôi hiểu. Nếu như cô ấy đến đây, tôi sẽ bảo cô ấy gọi cho cô ngay.

Kano Malta im lặng một lát.

- Chẳng giấu gì ông, tôi rất lo cho Kano Creta. Ông biết đấy, công việc mà nó và tôi đang làm hoàn toàn không bình thường chút nào. Nhưng nó không thành thạo những vấn đề của cái thế giới đó như tôi. Tôi không có ý nói rằng nó không có khiếu. Thực ra nó rất có năng khiếu. Nhưng nó vẫn chưa hoàn toàn thích nghi với cái năng khiếu đó của mình.

- Tôi hiểu.

Kano Malta lại im lặng. Lần này cô im lặng lâu hơn những lần trước. Tôi có cảm giác cô đang ngần ngừ sao đó.

- Alô. Cô vẫn ở đó chứ? - tôi hỏi.

- Vâng, ông Okada. Tôi vẫn ở đây, - cô đáp.

- Nếu gặp Creta, nhất định tôi sẽ bảo cô ấy liên lạc với cô ngay, - tôi nói một lần nữa.

- Đa tạ ông, - Kano Malta nói. Thế rồi, sau khi xin lỗi vì đã gọi điện quá khuya, cô gác máy. Tôi cũng gác máy, rồi lại nhìn hình phản chiếu của mình trên cửa kính một lần nữa. Đột nhiên một ý nghĩ bật ra trong đầu tôi: tôi có thể sẽ không bao giờ nói chuyện với Kano Malta nữa. Đây có thể là lần cuối cùng tôi tiếp xúc với cô ta. Cô ta có thể sẽ biến mất vĩnh viễn khỏi cuộc đời tôi. Tôi chẳng có lý do đặc biệt nào để nghĩ như vậy, đó chỉ là một cảm giác chợt đến.

* * *

Bỗng tôi sực nghĩ đến chiếc thang dây.

Tôi vẫn để nó treo nơi giếng. Tôi phải lấy nó về càng sớm càng tốt. Nếu ai đó phát hiện ra thì có thể sẽ rất phiền. Lại còn chuyện Kano Creta đột ngột biến mất nữa. Tôi gặp cô ta lần cuối cũng ngay chỗ giếng.

Tôi rút đèn pin vào túi, mang giày, bước xuống sân rồi lại trèo qua tường. Rồi tôi lần theo ngõ về phía căn nhà không người ở. Nhà Kasahara May vẫn tối như mực. Kim đồng hồ của tôi chỉ gần 3 giờ sáng. Tôi bước vào sân căn nhà không người ở rồi tiến thẳng về phía giếng.

Thang dây vẫn buộc chắc vào gốc cây và thả xuống giếng, miệng giếng vẫn mở một nửa.

Có cái gì đó mách bảo tôi cúi nhìn xuống

giếng mà gọi tên Kano Creta khe khẽ, chỉ lớn hơn thì thầm một chút. Không có tiếng trả lời. Tôi rút đèn pin soi xuống giếng. Ánh đèn không rọi đến đáy giếng, nhưng tôi nghe có tiếng gì rất nhỏ như tiếng rên. Tôi thử gọi tên cô lần nữa.

- Không sao đâu, tôi ở đây, - Kano Creta nói.

- Cô làm gì ở cái chỗ này chứ? - tôi hạ giọng hỏi.

- Tôi làm gì à? Tôi đang làm chính cái việc ông đã làm, ông Okada ạ, - cô nói, giọng rõ là bối rối. - Tôi đang suy nghĩ. Đây thực sự là một chỗ thật tuyệt cho mình suy nghĩ, phải không?

- Ủ, có thể thật, - tôi nói. - Nhưng chị cô vừa gọi đến nhà tôi, mới đây thôi. Cô ấy

lo cho cô lắm. Nửa đêm rồi mà cô vẫn chưa về nhà, chị cô bảo cô ấy có cảm giác là cô không còn nữa. Cô ấy nhờ tôi nếu gặp cô thì bảo cô liên lạc cho cô ấy ngay lập tức.

- Tôi hiểu. Cảm ơn ông đã mất công.

- Không có gì đâu, Kano Creta à. Cô có thể làm ơn ra khỏi đó được không? Tôi có chuyện muốn nói với cô.

Cô không trả lời.

Tôi tắt đèn pin nhét lại vào túi.

- Sao ông Okada không xuống đây? Hai ta có thể ngồi dưới này nói chuyện.

Lại xuống dưới giếng để nói chuyện với Kano Creta cũng không phải là một ý tồi, tôi nghĩ, nhưng rồi tôi nhớ tới bóng tối mọc rêu dưới đáy giếng và lại nghe nặng

trữ nơi dạ dày.

- Không, xin lỗi, tôi không xuống đó lại đâu. Mà cô cũng phải leo lên thôi. Ai đó có thể lại kéo thang lên. Không khí lại thiếu oxy nữa.

- Tôi biết. Nhưng tôi muốn ở dưới này thêm chút nữa. Đừng lo cho tôi.

Nếu Kano Creta đã không có ý định ra khỏi giếng thì tôi chẳng làm gì được.

- Hồi nãy nói chuyện với chị cô qua điện thoại, tôi không cho cô ấy biết tôi đã gặp cô ở đây. Tôi hy vọng mình làm vậy là đúng. Tôi chỉ có cảm giác tốt nhất là không nói gì.

- Ông có lý, - Kano Creta nói. - Xin đừng kể với chị tôi rằng tôi đang ở đây. -
Lát sau cô nói thêm: Tôi không muốn làm

chị ấy lo lắng, nhưng đôi khi tôi cũng cần một cơ hội để suy nghĩ. Tôi sẽ ra khỏi đây ngay lúc nghĩ xong. Hiện giờ tôi muốn ở một mình, mong ông không phiền. Tôi sẽ không làm ông phải lo đâu. Tôi quyết định tạm thời cứ để cô ta đó mà trở về nhà. Sáng ra tôi có thể quay lại xem cô ta thế nào. Nếu giữa đêm Kasahara May lại kéo thang lên, tôi vẫn có thể tìm cách giải quyết, giúp Kano Creta lên khỏi giếng bằng cách này hay cách khác. Tôi về nhà, cởi quần áo, nằm dài lên giường. Nhật quyển sách đang đọc dở, tôi mở ra. Tưởng như hoàn cảnh hiện tại sẽ khiến tôi không thể ngủ ngay được, nhưng đọc được chưa đầy hai trang thì tôi đã díp mắt lại. Tôi gấp sách,

tắt đèn, liền đó đã ngủ say như chết.

* * *

Khi tôi thức dậy thì đã 9 giờ 30 sáng. Cảm thấy lo cho Kano Creta, tôi mặc quần áo mà không buồn rửa mặt rồi vội vã đi theo con ngõ về phía căn nhà hoang. Trời nặng trĩu mây, bầu không khí ẩm ướt buổi sáng như đe dọa sẽ mưa bất cứ lúc nào. Chiếc thang dây không còn chỗ cái giếng nữa. Ai đó ắt đã tháo nó khỏi gốc cây rồi mang đi mất. Hai nửa nắp giếng đều đã đập vào chỗ, bên trên dần tảng đá. Tôi mở nửa nắp giếng ra, cúi người xuống giếng, gọi tên Kano Creta. Không có tiếng trả lời. Tôi thử gọi mấy lần, sau mỗi lần lại đợi một lát. Nghĩ rằng có thể cô ta đang ngủ, tôi ném

vài hòn sỏi xuống, nhưng hình như không có ai dưới đáy giếng cả. Kano Creta hẳn đã trèo lên khỏi giếng lúc tảng sáng, tháo thang dây ra rồi mang theo. Tôi đẩy nắp vào chỗ cũ rồi lui khỏi giếng.

Lại bước ra con ngõ, tôi tựa vào hàng rào căn nhà hoang, quan sát nhà Kasahara May một hồi. Tôi nghĩ cô sẽ nhìn thấy tôi ở đó như mọi khi và sẽ ra, nhưng chẳng thấy cô đâu. Xung quanh hoàn toàn yên lặng, không một bóng người, không một âm thanh nào, đến cả tiếng ve sầu cũng không. Tôi cứ đứng thế, lấy mũi giày chọc chọc xuống đất. Khu nhà tôi ở hình như có cái gì đó khác, lạ lẫm, như thể trong mấy ngày tôi ở dưới giếng, cái thực tại cũ của

nơi này đã bị thay bằng một thực tại mới, nó đã trụ chắc và chiếm lĩnh nơi này mãi mãi. Ngay từ lúc lên khỏi giếng trở về nhà tôi đã cảm thấy như vậy tận sâu trong tim.

Đi theo con ngõ về đến nhà, tôi vào buồng tắm đánh răng. Mặt tôi lờm chờm râu mấy ngày chưa cạo. Tôi trông cứ như một nạn nhân đắm tàu vừa được cứu sống. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi để râu mọc dài đến vậy. Tôi chột nghĩ vẫn vợ không biết có nên để dài vậy không, nhưng rồi ngẫm lại tôi quyết định cạo. Chẳng hiểu vì lý do gì, tôi cảm thấy cứ để nguyên khuôn mặt như lúc Kumiko bỏ đi thì hơn.

Tôi làm mềm râu bằng khăn tắm nhúng

nước ấm rồi thoa lên râu một lớp kem dày. Sau đó tôi bắt đầu cạo, chậm rãi, cẩn thận, cố tránh làm xước mặt: đầu tiên là cằm, kế đó là má trái, rồi đến má phải. Sau khi cạo xong má phải, điều tôi nhìn thấy trong gương làm tôi ghen thờ. Trên má phải tôi có một vết xanh đen không hiểu là gì. Thoạt tiên tôi nghĩ chắc mình ngẫu nhiên bị một vết bầm. Tôi lau sạch chỗ kem cạo râu còn sót lại rồi rửa mặt kỹ bằng xà bông và nước, đoạn lấy vải ni xát lấy xát để lên chỗ bầm. Nhưng vết bầm không chịu đi. Dường như nó đã ăn sâu vào da. Tôi đưa ngón tay miết lên. Chỗ da đó nghe như ấm hơn một chút so với những chỗ còn lại trên mặt, ngoài cái đó ra thì chẳng có cảm giác gì đặc biệt. Nó là một vết bầm. Tôi đang mang trên má

một vết bầm đúng ở nơi tôi đã cảm thấy nóng khi còn ở dưới giếng.

Tôi đưa mặt sát vào gương, xem xét vết bầm hết sức cẩn thận. Nó nằm ngay gần xương hàm, kích thước bằng bàn tay đứa trẻ sơ sinh. Nó có màu xanh dương thẫm gần như đen, giống màu mực Mont Blanc xanh đen mà Kumiko luôn dùng.

Có thể giải thích rằng đây là do dị ứng da. Hẳn tôi đã tiếp xúc với một cái gì đó ở dưới giếng khiến da rộp lên. Nhưng ở dưới đáy giếng kia làm gì có một thứ nào có thể gây chuyện ấy chứ? Tôi đã dùng đèn pin kiểm tra cẩn thận từng li từng tí một dưới đáy giếng, ở đó ngoài nền đất và vách giếng ra nào có gì đâu. Vả lại, có bao giờ dị ứng hay viêm da mà lại

thành một vết bầm hình thù rõ rệt như thế không?

Một cơn hoảng loạn nhẹ trùm lấy tôi. Trong khoảnh khắc tôi mất hết cảm giác về phương hướng, như một cơn sóng lớn đập lên ta trên bãi biển cuốn ta đi vậy. Khăn mặt rơi khỏi tay tôi. Tôi va phải cái sọt rác, vấp chân vào cái gì đó trên sàn, lảo đảo một hồi những âm tiết vô nghĩa. Nhưng rồi tôi cố trấn tĩnh, tựa người vào bồn rửa mặt, cố bình tĩnh suy nghĩ xem phải đối phó ra sao với sự kiện này.

Việc tốt nhất tôi có thể làm trước mắt là đợi xem sao. Đi bác sĩ thì lúc nào chẳng được. Có thể đây chỉ là một tình trạng nhất thời, tự nó sẽ khỏi, giống như da bị

rộp vì gặp véc ni vậy. Nó chỉ mới hình thành cách đây mấy hôm, nên có khi nó cũng sẽ biến mất nhanh vậy thôi. Tôi xuống bếp pha ít cà phê. Tôi đói, nhưng cứ hể thử ăn gì đó là cảm giác thèm ăn lại biến mất như nước trong tay vậy.

Tôi duỗi dài trên sofa, nhìn mưa bắt đầu rơi. Chốc chốc tôi lại xuống buồng tắm nhìn vào gương, nhưng chẳng thấy vết bầm có thay đổi gì. Nó đã nhuộm chỗ đó trên má tôi thành một màu xanh thẫm, gần như là đẹp.

Nghĩ lại, tôi thấy chỉ một chuyện duy nhất có thể là nguyên nhân gây ra có sự này, ấy là trong cơn ảo giác như giấc mơ trước bình minh khi tôi còn ở dưới giếng, lúc người đàn bà trên điện thoại

đi trước dắt tay tôi, tôi đã đi xuyên qua tường. Cô ta đã kéo tôi xuyên qua tường để chúng tôi thoát khỏi kẻ nào đó nguy hiểm vừa mở cửa và đang bước vào phòng. Đúng khoảnh khắc đi qua tường, tôi đã có cảm giác rõ rệt rằng má mình nóng ran lên, ở chính nơi mà bây giờ có vết bầm. Dĩ nhiên, giữa việc tôi đi qua tường với việc hình thành vết bầm trên má tôi có mối liên hệ nhân quả nào thì chưa giải thích được.

Gã đàn ông không mặt đã nói với tôi nơi tiền sảnh khách sạn. “Đây không phải lúc,” hắn đã cảnh cáo tôi. “Ông không nên có mặt ở đây”. Nhưng tôi đã lờ đi lời cảnh cáo của hắn mà cứ dần tới. Tôi đang căm giận Wataya Noboru, giận

chính cơn bồi rối của mình. Và có lẽ hậu quả là tôi mang vết bầm này.

Trên vết bầm này có thể có một dấu triện mà giấc mơ hay cơn ảo giác hay cái gì gì đó để lại. Đây không phải là giấc mơ, chúng nói với tôi vậy qua vết bầm.

Chuyện đó thật sự đã xảy ra. Từ nay trở đi, mỗi khi nhìn vào vết bầm, mi sẽ buộc phải nhớ đến nó.

Tôi lắc đầu. Quá nhiều chuyện chưa giải thích nổi. Điều duy nhất tôi hiểu rõ, đó là tôi tuyệt không hiểu gì hết. Một cơn giãn giật âm ỉ bắt đầu nổi lên trong đầu tôi.

Tôi không thể nghĩ ngợi gì nữa. Tôi chẳng thấy muốn làm bất cứ việc gì. Tôi nhấp một ngụm cà phê âm ỉ rồi lại nhìn ra ngoài mưa.

* * *

Chiều hôm đó tôi gọi điện thoại cho cậu tôi để tán chuyện. Tôi cần phải nói chuyện với ai đó - bất kỳ ai cũng được - về cảm giác hiện giờ của tôi, rằng mình đang bị kéo xa dần khỏi thế giới thực tại. Khi ông cậu hỏi Kumiko dạo này thế nào, tôi nói nàng vẫn khỏe, rồi thôi. Sau đó tôi nói thêm rằng nàng đang đi công tác ngắn hạn. Thật ra tôi cũng có thể kể thật sự tình với ông, nhưng diễn đạt có đầu có đuôi cho người khác hiểu về một chuyện vừa mới xảy ra là việc bất khả thi. Chính mình cũng chưa rõ lắm thì làm sao giải thích cho người khác rõ được? Tôi quyết định tạm thời chưa nói sự thật cho ông cậu biết.

- Cậu đã từng sống trong căn nhà này phải không ạ? - tôi hỏi.

- Có chứ, - ông đáp. - Sáu bảy năm gì đó. Khoan đã nào... Cậu mua cái nhà ấy hồi cậu ba mươi lăm tuổi rồi sống ở đấy đến năm bốn mươi hai tuổi. Vậy là bảy năm. Đến khi lấy vợ thì cậu chuyển sang căn hộ bây giờ. Suốt bảy năm đó cậu sống có một mình.

- Cháu đang tự hỏi không biết có chuyện gì chẳng lành xảy ra với cậu trong thời gian sống ở đây không?

- Chuyện chẳng lành? Kiểu như chuyện gì?

- Tỉ như là cậu bị bệnh hay phải chia tay cô nào đó chẳng hạn.

Cậu tôi phá lên cười ha hả.

- Cậu đã chia tay không chỉ một cô, chuyện đó thì chắc rồi. Nhưng không phải chỉ khi cậu sống ở đó. Hà, cậu thấy chuyện đó có gì là chẳng lành đâu. Nói thật với cháu, cậu chả tiếc cô nào cả. Còn bệnh ấy à... Chà. Không, bệnh cũng không. Có chẳng là cái bướu gì đó mọc sau cổ, phải mổ lấy ra, nhưng chỉ thế thôi. Cậu đi cắt tóc, thợ họ phát hiện ra và bảo phải mổ ngay cho an toàn. Thế là cậu đi bác sĩ, nhưng hóa ra chẳng có gì ghê gớm hết. Đó là lần đầu cậu đi bác sĩ trong suốt thời gian sống ở nhà đó, mà cũng là lần cuối. Có khi cậu phải đòi lại tiền bảo hiểm y tế ấy chứ!

- Vậy là cậu chẳng có ký ức không vui nào về cái nhà này phải không?

- Không, không, - cậu tôi nghĩ một chút rồi nói. - Nhưng sao bỗng dưng cháu hỏi thế?

- Không có gì đâu ạ, - tôi đáp. - Hôm nọ Kumiko có gặp một thầy bói, ông ta kể cho cô ấy chẳng biết bao nhiêu chuyện về cái này, nào là nó xui xẻo, xúi quẩy, kiểu kiểu thế, - tôi nói dối. - Cháu thì nghĩ toàn là bốc phét thôi, nhưng cháu đã hứa sẽ hỏi cậu xem sao.

- Hừm... Người ta gọi là gì nhỉ? Phong thủy hay địa mạch gì gì ấy... Cậu chả rành mấy chuyện đó đâu. Nhưng cậu đã sống ở nhà đó, thấy mọi chuyện đều ổn, chẳng có vấn đề gì. Dĩ nhiên nhà Miyawaki thì khác hẳn, nhưng cháu thì ở khá xa nhà ấy mà.

- Sau khi cậu dọn đi thì đã có những ai đến sống ở đây hử cậu? - tôi hỏi.

- Xem nào, sau cậu thì có một thầy giáo cùng gia đình ở đấy trong ba năm, sau đó thì một cặp vợ chồng trẻ ở trong năm năm. Anh chồng kinh doanh gì đó, nhưng cậu không nhớ là ngành gì. Cậu không dám chắc ai cũng sống vui vẻ hạnh phúc trong căn nhà đó, bởi cậu có một đại lý bất động sản chuyên quản lý căn nhà đó thay cho cậu mà. Cậu chẳng bao giờ gặp những người đó, cũng không biết vì sao họ dọn đi, nhưng cậu chưa bao giờ nghe có chuyện gì chẳng lành xảy ra với ai. Cậu chỉ nghĩ chắc tại nhà hơi nhỏ đối với họ nên họ muốn xây nhà riêng cho mình, thế thôi.

- Có người bảo cháu rằng dòng chảy của nơi này bị ngăn trở. Nghe thế cậu có đoán ra gì không ạ?

- Dòng chảy bị ngăn trở á?

- Cháu cũng không hiểu nói thế nghĩa là thế nào. Người ta bảo thế thôi.

Cậu tôi ngẫm nghĩ một chút.

- Không, cậu không đoán ra gì cả. Nhưng cái ngõ mà người ta rào cả hai đầu lại thì có lẽ chẳng hay gì. Đường đi mà đầu vào chẳng có đầu ra cũng không thì lạ lắm, cứ nghĩ mà xem. Nguyên lý cơ bản của đường đi hoặc sông ngòi là phải chảy. Ngăn lại là chúng sẽ ngưng trệ ngay.

- Cháu hiểu, - tôi nói. - Giờ có một chuyện nữa cháu muốn hỏi cậu. Cậu có bao giờ nghe tiếng kêu của con chim vặn

dây cót trong khu này không?

- Chim vượn dây cót? - cậu tôi hỏi. - Nó là cái gì vậy?

Tôi liền giải thích cho cậu về con chim vượn dây cót, rằng nó hay đậu trên cây sau nhà mỗi ngày một lần mà kêu nghe như đang vượn dây cót.

- Cậu không biết, - ông nói. - Cậu chả bao giờ nhìn hay nghe thấy cái gì như vậy cả. Cậu vốn thích chim, lúc nào cũng luôn chú ý nghe chúng hót, nhưng đây là lần đầu tiên cậu nghe nói về cái giống chim ấy. Ý cháu là nó có liên hệ gì đó với căn nhà à?

- Không, liên hệ thì cũng không hẳn. Cháu chỉ muốn biết cậu đã bao giờ nghe tiếng nó không thôi.

- Này cháu, nếu cháu thật sự muốn biết rõ về những chuyện này - tỉ như ai đã sống ở nhà đó sau cậu hay gì gì đó - thì hãy đi hỏi già Ichikawa, đại lý bất động sản ở gần nhà ga ấy. Đó là Công ty bất động sản Setagaya Dai-ichi. Cứ bảo ông ấy là cậu giới thiệu cháu đến. Ông ấy trông coi cái nhà ấy cho cậu đã nhiều năm nay. Ông ấy sống ở khu này từ lâu lắm rồi, nên có thể kể với cháu bất cứ chuyện gì cháu muốn biết. Chính ông ấy kể cho cậu nghe chuyện nhà Miyawaki mà. Ông ấy là kiểu người già ham chuyện, cháu nên đến gặp ông ấy đi.

- Cám ơn cậu, cháu sẽ đến, - tôi nói.

- Thế chuyện tìm việc thì ra sao rồi?

- Chưa ra sao cả ạ. Thú thực với cậu,

cháu cũng không cố tìm lắm. Kumiko đi làm, cháu thì lo việc nhà, tạm thời vẫn xoay xở được.

Cậu tôi hình như ngẫm nghĩ gì đó một chút. Rồi ông nói:

- Khi nào có chuyện gì cháu không giải quyết được thì cho cậu biết. Có thể cậu sẽ giúp được cháu một tay.

- Cám ơn cậu, - tôi nói. - Cháu sẽ làm thế.

Đến đây cuộc trò chuyện chấm dứt.

Tôi đã định gọi điện cho ông già làm đại lý bất động sản để hỏi về lai lịch căn nhà này và những người từng sống ở đây trước tôi, nhưng nội nghĩ đến chuyện vớ vẩn đó thôi cũng đã thấy buồn cười rồi. Tôi quyết định thôi không gọi nữa.

Mưa rơi rả rích suốt buổi chiều, làm ướt những mái nhà, ướt cây cối ngoài vườn, ướt đất. Tôi ăn trưa bằng bánh mì với xúp rồi suốt buổi chiều chỉ nằm trên sofa. Tôi muốn đi mua sắm chút đỉnh, nhưng nghĩ đến vết bầm trên má tôi lại do dự. Tôi lấy làm tiếc đã không để râu cứ mọc dài ra. Tôi vẫn còn ít rau củ trong tủ lạnh, một ít đồ hộp trong chạn. Tôi còn gạo, còn trứng. Nếu không đòi hỏi gì nhiều thì tôi vẫn đủ cái ăn trong hai ba ngày nữa.

Nằm trên sofa, tôi không nghĩ gì hết. Tôi đọc sách, nghe nhạc cổ điển, ngắm mưa rơi ngoài vườn. Khả năng tư duy của tôi hình như đã tụt xuống mức thấp chưa từng có, hẳn vì tôi đã tập trung suy nghĩ

quá cao độ một thời gian dài dưới đáy giếng tối bùng. Cứ hể tôi cố nghĩ đến điều gì đó một cách nghiêm túc là trong đầu lại đau âm ỉ, cứ như bị kẹp vào giữa một cái ê-tô có đệm mút vậy. Còn mỗi khi cố nhớ lại một cái gì đó là từng cơ bắp, từng dây thần kinh trên người tôi lại như kêu ken két vì phải gắng sức. Tôi cảm thấy như mình đã biến thành gã người thiếc trong truyện Phù thủy xứ Oz(1), các khớp tôi đang han gỉ cần phải tra dầu. Chốc chốc tôi lại đến bồn rửa mặt kiểm tra vết bầm trên mặt, nhưng nó vẫn không thay đổi. Nó không lan ra cũng không co lại. Màu xanh đen của nó không thắm hơn cũng không nhạt hơn. Mãi tôi mới nhận ra mình đã bỏ sót không cạo một ít râu

nơi môi trên. Vì quá bối rối khi phát hiện vết bầm trên má phải, tôi đã quên cạo nốt cho xong. Tôi lại rửa mặt, phết kem rồi cạo hết chỗ râu còn lại.

Trong những lần đi soi gương như vậy, tôi nghĩ đến những gì Kano Malta đã nói qua điện thoại: rằng tôi phải cẩn thận, rằng qua kinh nghiệm ta đi đến chỗ tin rằng hình ảnh trong gương là thật. Để cho chắc, tôi vào phòng ngủ soi mặt mình trong tấm gương to bằng thân người mà Kumiko vẫn dùng mỗi khi thay đồ. Nhưng vết bầm vẫn ở đó. Vậy không phải vì gương mới thành vết bầm. Tôi không thấy gì khác thường về vật lý ngoại trừ vết bầm. Tôi đo thân nhiệt mình, thấy vẫn bình thường. Ngoài

chuyện tôi không đói lắm dù đã gần ba ngày không có gì vào bụng và ngoài chuyện thỉnh thoảng hơi buồn nôn (có lẽ chỉ là tiếp diễn triệu chứng tôi đã bị từ lúc ở dưới giếng) thì thân thể tôi hoàn toàn bình thường.

Buổi chiều thật êm ả. Điện thoại không hề reo. Chẳng có thư nào đến. Không ai bước xuống ngõ. Chẳng giọng hàng xóm nào quấy rầy sự tĩnh mịch. Chẳng con mèo nào băng qua vườn, chẳng con chim nào tới hót. Thi thoảng có con ve sầu kêu, nhưng không rền vang như mọi khi. Chưa tới 7 giờ tôi bắt đầu thấy đói, bèn làm bữa tối gồm thức ăn đóng hộp và rau. Tôi nghe tin buổi chiều trên radio, đã lâu lắm rồi tôi không làm chuyện này,

nhưng chẳng có gì đặc biệt xảy ra trên thế giới. Có vài trẻ vị thành niên nào đó chết vì tai nạn ô tô trên đường cao tốc, người lái xe của bọn họ cố vượt một xe khác nhưng không được nên đâm luôn vào tường. Giám đốc và nhân viên chi nhánh một ngân hàng lớn bị cảnh sát điều tra vì một vụ cho vay bất hợp pháp. Một bà nội trợ ba mươi sáu tuổi ở Machida bị một thanh niên dùng búa đánh chết ngoài phố. Nhưng tất cả chỉ là những sự kiện từ một thế giới khác, xa xôi. Điều duy nhất đang diễn ra trong thế giới của tôi là mưa rơi ngoài vườn. Vô thanh. Dịu nhẹ.

Khi đồng hồ chỉ 9 giờ, tôi chuyển từ sofa lên giường, đọc hết chương sách đang

đọc dở rồi tắt đèn đi ngủ.

Nửa đêm tôi giật thót mình thức dậy giữa chừng một giấc mơ nào đó. Tôi không nhớ được chuyện gì đang xảy ra trong mơ, nhưng có điều chắc rằng giấc mơ đầy căng thẳng, vì tim tôi đang đập thình thịch. Phòng vẫn tối như mực. Tôi thức dậy một hồi mà không nhớ nổi mình đang ở đâu. Phải lát sau tôi mới nhận ra mình đang ở nhà mình, nằm trên giường mình. Kim đồng hồ báo thức cho thấy chỉ mới hơn 2 giờ sáng. Thói quen ngủ bất thường của tôi khi còn ở dưới giếng hầm là nguyên nhân của cái chu kỳ ngủ rồi lại thức không sao đoán trước được này. Khi đã hết bản thân, tôi thấy buồn tiêu. Có lẽ vì uống bia. Giá như có thể thì tôi

chỉ muốn ngủ lại, nhưng không cách nào ngủ lại được. Khi rút cuộc tôi đành chấp nhận thực tế đó mà ngồi dậy trên giường, tay tôi chạm phải làn da người đang ngủ cạnh tôi. Điều đó chả làm tôi ngạc nhiên. Bao giờ Kumiko cũng ngủ ở đó. Nhưng rồi tôi sực nhớ Kumiko không còn ở với tôi nữa. Nàng bỏ đi rồi. Một người khác đang ngủ cạnh tôi.

Tôi nín thở bật đèn ngủ. Đó là Kano Creta.

1. The Wizard of Oz, tác phẩm lừng danh viết cho thiếu nhi của L. Frank Baum, minh họa của W. W. Denslow, ấn hành lần đầu năm 1900. Chuyện kể về cuộc phiêu lưu của cô bé Dorothy ở xứ sở hư

câu Oz. Từng được dịch ra nhiều thứ tiếng, nhiều lần được dựng thành nhạc kịch và phim trong đó có bộ phim vào hàng kinh điển dựng vào thời “hoàng kim” của Hollywood (1939). ND.

13

Chuyện Kano Creta – phần tiếp



Kano Creta hoàn toàn khỏa thân. Cô nằm quay mặt về phía tôi mà ngủ ngon lành, không mảnh vải che thân, lồ lộ cặp nhũ hoa đẹp đẽ, đôi núm vú nhỏ hồng hồng, dưới cái bụng phẳng lì là màng lông âm hộ hình tam giác đen nhánh trông như khoảng tối trên một bức tranh. Da cô trắng phau, ánh lên như thể vừa mới đúc. Dù bản khoăn không hiểu làm cách nào cô có mặt ở đây được, tôi vẫn không sao rời mắt khỏi tấm thân tuyệt đẹp của cô. Hai đầu gối cô khép chặt vào nhau, hơi gập lại, hai chân xếp đều tăm tắp. Tóc cô

xõa về phía trước che nửa mặt khiến tôi không nhìn thấy mắt cô, nhưng rõ là cô đang ngủ rất say: tôi bật đèn ngủ cũng không hề làm cô cục cựa, hơi thở của cô nhẹ và đều. Tuy nhiên, lúc này thì tôi đã tỉnh như sáo. Tôi lấy trong tủ ra một chiếc chăn mỏng nhẹ mùa hè đắp lên người cô. Rồi tôi tắt đèn, vẫn mặc nguyên pijama mà xuống bếp ngồi một lát trên bàn.

Tôi lại nhớ ra vết bầm. Lấy tay sờ lên, thấy vết nám trên má vẫn âm ẩm. Thôi được rồi, vết bầm vẫn ở đó - không phải soi gương làm gì. Đây không phải là loại chuyện vặt qua một đêm là tự biến đi. Tôi nghĩ đến chuyện sáng ra sẽ tìm trong danh bạ điện thoại xem có bác sĩ da liễu

nào gần nhà, nhưng nếu bác sĩ hỏi theo tôi nguyên nhân là gì thì tôi biết nói thế nào? Tôi đã ở dưới giếng hai, ba ngày liền. Không, chuyện đó chẳng liên quan gì đến công việc hết. Tôi xuống dưới đó chỉ là để suy nghĩ một chút. Tôi cho rằng đáy giếng là chỗ tốt nhất để mình ngồi suy nghĩ. Không, tôi không mang thức ăn gì theo cả. Không, cái giếng ấy không phải trong cơ ngơi của tôi, nó thuộc về nhà khác. Một căn nhà bỏ không gần nhà tôi. Tôi đã vào mà không xin phép.

Tôi thở dài. Tôi không thể nói những điều đó với bất cứ ai, dĩ nhiên.

Tôi chống cùi chỏ lên bàn, rồi tuy không định mà bỗng dung lại hình dung thân thể trần truồng của Kano Creta một cách thật

chi tiết và sống động. Cô vẫn ngủ say trên giường tôi. Tôi nghĩ đến lúc làm tình với cô trong giấc mơ khi cô mặc áo váy của Kumiko. Tôi vẫn còn nguyên ấn tượng rõ rệt về làn da cô, sức nặng của thể xác cô. Nếu không suy xét từng bước một cái sự kiện đó, tôi sẽ không thể phân biệt đâu là thời điểm mà thực tại kết thúc và phi thực tại bắt đầu. Bức tường ngăn giữa hai cõi đó đã bắt đầu tan chảy. Ít nhất là trong ký ức tôi, thực tại và phi thực tại thường trụ ở bên nhau, cùng một sức nặng và cùng sắc nét như nhau. Tôi đã nhập mình vào thân thể Kano Creta, nhưng đồng thời tôi cũng chưa làm vậy bao giờ.

Để xua khỏi đầu mình những hình ảnh

tình dục hỗn độn không đầu không đuôi đó, tôi phải xuống buồng tắm dập nước lạnh vào mặt. Một chút sau tôi ghé nhìn Kano Creta. Cô vẫn ngủ say. Cô đã đẩy tấm chăn xuống tận thắt lưng. Từ chỗ đang đứng, tôi chỉ nhìn thấy lưng cô. Nó làm tôi nhớ lại lần cuối cùng nhìn thấy lưng Kumiko. Giờ nghĩ lại, tôi thấy lưng Kano Creta giống lưng Kumiko đến kỳ lạ. Mãi đến giờ tôi mới nhận ra sự giống nhau đó là bởi hai người quá khác nhau về kiểu tóc, thị hiếu ăn mặc và cách trang điểm. Hai người cao như nhau và hình như cân nặng cũng như nhau. Có lẽ hai người mặc cùng một cỡ quần áo.

Tôi mang tấm chăn dùng cho mùa hè lên phòng khách, nằm dài lên sofa rồi mở

sách ra. Tôi đang đọc một cuốn sách lịch sử mượn của thư viện. Sách viết về việc Nhật Bản cai trị Mãn Châu thời trước chiến tranh và về trận chiến với quân đội Xô Viết ở Nomonhan. Câu chuyện của Trung úy Mamiya đã khơi dậy trong tôi mối quan tâm đến những sự kiện xảy ra ở Trung Hoa đại lục vào thời đó, nên tôi đã mượn vài cuốn sách về chủ đề này. Tuy nhiên, chưa đọc được mười phút về những tường thuật lịch sử chi tiết thì tôi đã buồn ngủ rũ. Tôi đặt sách xuống sàn nhà, định chỉ nghỉ mắt một chút, nhưng rồi lập tức rơi vào giấc ngủ sâu, đèn vẫn để sáng.

Một tiếng động từ dưới bếp làm tôi thức dậy. Tôi xuống bếp xem sao thì thấy

Kano Creta đã ở đó, đang làm bữa điểm tâm. Cô mặc áo phông và quần soóc xanh, tất cả đều của Kumiko.

- Quần áo của cô đâu? - tôi đứng ở cửa bếp mà hỏi.

- Ô, tôi xin lỗi. Ông ngủ say quá, nên tôi mạn phép mượn ít quần áo của bà nhà, tôi biết mình làm thế là hết sức tự tiện, nhưng tôi không có gì để mặc hết, - Kano Creta nói, chỉ ngoái đầu lại nhìn tôi.

Không biết tự lúc nào kể từ khi tôi gặp cô ta lần cuối, cô đã trở lại lối ăn mặc và trang điểm thịnh hành hồi thập niên 1960, chỉ thiếu mỗi cặp mi giả.

- Không sao cả, - tôi nói. - Tôi chỉ muốn biết quần áo của cô ra làm sao rồi.

- Tôi mất hết quần áo rồi, - cô đáp giản

dị.

- Mất?

- Vâng. Tôi mất hết quần áo ở đâu đó.

Tôi bước vào bếp, tựa vào bàn quan sát Kano Creta làm món trứng tráng. Bằng những động tác khéo léo, cô đập trứng, thêm gia vị rồi đánh trứng.

- Nghĩa là khi đến đây thì cô đã trần truồng rồi?

- Vâng, đúng thế, - Kano Creta nói, như thể đó là điều tự nhiên nhất trên đời. - Tôi hoàn toàn trần truồng. Ông biết mà, ông Okada. Chính ông đã đắp chăn lên người tôi.

- Ủ, đúng, - tôi lẩm bẩm. - Nhưng tôi vẫn muốn biết cô đã mất hết quần áo ở đâu, bằng cách nào, và làm sao cô tới

đây được khi trên người không có tí quần áo nào?

- Tôi cũng chẳng biết gì hơn ông, - Kano Creta vừa nói vừa lắc chảo cho trứng dàn đều ra.

- Cô cũng chẳng biết gì hơn tôi, - tôi lặp lại.

Kano Creta chuyển trứng trắng lên đĩa rồi cho thêm ít nhánh bông cải hấp. Cô cũng đã nướng bánh mì đặt sẵn trên bàn cùng cà phê. Tôi lấy bơ, muối và tiêu ra. Thế rồi, như một cặp vợ chồng mới cưới, chúng tôi ngồi vào bàn ăn sáng, đối diện nhau.

Chỉ khi đó tôi mới nhớ ra vết bầm. Kano Creta không hề tỏ ra ngạc nhiên mỗi khi nhìn tôi, cũng chẳng hỏi gì tôi về nó. Tôi

đưa tay sờ chỗ đó thì thấy nó vẫn âm âm như trước.

- Có đau không, ông Okada?

- Không, không đau, - tôi đáp.

Kano Creta nhìn đăm đăm vào mặt tôi.

- Trông như vết bầm ấy, - cô nói.

- Tôi cũng thấy nó giống vết bầm, - tôi nói. - Tôi tự hỏi không biết có nên đi bác sĩ không.

- Tôi e rằng bác sĩ không giúp được gì đâu.

- Có thể cô có lý, - tôi nói. - Nhưng tôi không thể cứ để vậy được.

Nĩa cầm trong tay, Kano Creta ngẫm nghĩ một chút.

- Nếu ông cần mua sắm hay làm việc gì,

tôi có thể giúp ông. Ông có thể ở nhà bao lâu cũng được nếu ông không muốn ra ngoài.

- Rất cảm ơn cô, nhưng hẳn cô cũng có việc cần làm, tôi thì cũng không thể ru rú ở nhà mãi được.

Kano Creta lại ngẫm nghĩ một chút nữa.

- Kano Malta chắc có thể biết cách xử trí chuyện này.

- Vậy cô có thể làm ơn liên hệ với cô ấy giúp tôi không?

- Kano Malta chủ động liên lạc với người khác thì được, nhưng chị ấy không cho phép người khác liên lạc với chị ấy,

- Kano Creta vừa nói vừa cắn một miếng bông cải.

- Nhưng cô thì chắc phải liên lạc với cô

ấy được chứ?

- Dĩ nhiên. Chúng tôi là chị em mà.

- Vậy thì lần sau gặp cô ấy, sao cô không hỏi về vết bầm của tôi xem sao? Hoặc cô có thể đề nghị cô ấy liên lạc với tôi.

- Tôi xin lỗi, nhưng việc đó tôi không làm được. Tôi không được phép hỏi han chị tôi thay mặt người khác. Đó là một quy tắc giữa hai chị em tôi.

Tôi vừa phết bơ lên bánh mì vừa thở dài.

- Ý cô là nếu tôi có chuyện gì muốn hỏi Kano Malta thì cũng chỉ có cách ngồi đợi đến khi cô ấy liên lạc với tôi sao?

- Vâng, ý tôi là thế, - Kano Creta nói.

Đoạn cô gật đầu. - Nhưng về vết bầm ấy mà. Trừ phi nó đau hoặc ngứa, còn thì tôi đề nghị ông tạm thời quên nó đi. Tôi

thì chẳng bao giờ để những chuyện như vậy làm bận trí mình. Ông cũng không nên để nó làm bận trí ông, ông Okada ạ. Thỉnh thoảng người ta cũng gặp chuyện như thế mà.

- Tôi không biết nữa, - tôi nói.

Trong vài phút sau đó chúng tôi tiếp tục im lặng ăn. Đã khá lâu tôi không cùng ăn điểm tâm với người khác nên bữa điểm tâm này thấy ngon kỳ lạ. Khi tôi nói vậy với Kano Creta như thế, cô tỏ vẻ thích thú.

- Thế còn... quần áo cô ấy mà...

- Ông có phiền khi tôi mặc quần áo của vợ ông mà không xin phép không? - cô hỏi, vẻ lo lắng thấy rõ.

- Không, không phiền gì đâu. Cô mặc gì

của Kumiko thì cứ mặc thôi. Dù gì cô ấy cũng đã bỏ lại hết ở đây mà. Tôi chỉ muốn biết làm cách nào cô mất hết quần áo của cô được.

- Không chỉ mất quần áo đâu. Cả giày nữa.

- Làm sao lại thế?

- Tôi không nhớ được, - Kano Creta nói.

- Tôi chỉ biết khi thức dậy đã thấy mình đang ở trên giường của ông, chẳng có tí quần áo nào. Tôi không nhớ chuyện gì đã xảy ra trước đó.

- Cô đã xuống dưới giếng đúng không nào, sau khi tôi đi ấy?

- Chuyện ấy thì tôi nhớ. Rồi tôi thiếp đi dưới đó. Nhưng sau đó thì tôi không nhớ gì cả.

- Nghĩa là cô hoàn toàn không nhớ mình đã ra khỏi giếng bằng cách nào?

- Vâng. Có một khoảng trống trong trí nhớ của tôi. - Kano Creta chìa hai ngón trở ra cách nhau khoảng hai mươi phân. Cái khoảng cách đó đại diện cho quãng thời gian bao lâu, tôi thật không hiểu nổi.

- Vậy chắc cô cũng không nhớ mình đã làm gì cái thang. Nó biến mất rồi.

- Tôi chẳng biết gì về cái thang cả. Thậm chí tôi không nhớ mình có leo lên thang để ra khỏi giếng hay không cơ mà.

Tôi nhìn cốc cà phê trong tay mình một lát.

- Cô có thể cho tôi xem lòng bàn chân cô không? - tôi hỏi.

- Được chứ, - Kano Creta nói. Cô ngồi

xuống chiếc ghế cạnh tôi, duỗi hai chân về phía tôi để tôi có thể thấy hai lòng bàn chân cô. Tôi giữ hai gót chân cô trong tay mình rồi xem xét lòng bàn chân cô. Sạch bong. Hình dáng thật xinh xẻo, hai lòng bàn chân cô không có lấy một tí vết - không xước, không lấm bùn, không gì cả.

- Không lấm, không xước, - tôi nói.

- Vâng, - Kano Creta nói.

- Hôm qua trời mưa suốt ngày. Nếu cô đánh mất giày ở đâu đó rồi đi bộ đến đây thì chân cô phải lấm bùn chứ. Cô lại còn phải băng qua vườn mới vào đây được. Thế nhưng chân cô sạch bong, không có tí bùn nào cả.

- Vâng.

- Nghĩ là cô chẳng hề từ đâu đó đi chân trần đến đây.

Kano Creta nghiêng đầu qua một bên tỏ vẻ bối rối.

- Ông lập luận rất logic.

- Logic thì có thể logic, nhưng chẳng đưa chúng ta tới đâu hết, - tôi nói. - Cô đã mất hết quần áo, kể cả giày nữa ở đâu, cô đã đi từ đó đến đây bằng cách nào?

Kano Creta lắc đầu.

- Tôi không hiểu gì hết, - cô nói.

* * *

Trong khi cô đứng bên bồn chăm chú rửa bát, tôi đứng ở bàn bếp ngẫm nghĩ về toàn bộ chuyện này. Dĩ nhiên, tôi cũng chẳng hiểu gì hết.

- Chuyện ấy có hay xảy ra với cô không - đại loại như cô không thể nhớ mình đã ở đâu ấy? - tôi hỏi.

- Đây không phải là lần đầu tôi gặp chuyện này - tự dưng không nhớ được mình đã ở đâu hay làm gì. Không phải là xảy ra luôn, nhưng thỉnh thoảng có xảy ra. Có lần tôi cũng đã mất vài thứ quần áo. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi mất hết quần áo, mất cả giày nữa.

Kano Creta tắt nước rồi lau bàn bằng một chiếc khăn lau bát.

- Creta này, cô vẫn chưa kể hết mọi chuyện cho tôi nghe. Lần trước cô kể đến nửa chừng câu chuyện thì lại bỏ ngang mà đi mất. Cô nhớ không? Nếu được, tôi muốn nghe nốt phần còn lại. Cô đã kể

đến chỗ bọn gangster bắt cóc cô và ép cô phải làm điểm cho chúng, song những gì xảy ra sau khi cô gặp Wataya Noboru và ngủ với hắn thì cô chưa kể.

Kano Creta tựa người vào bồn rửa bát nhìn tôi. Những giọt nước trên hai bàn tay cô chảy xuống mấy đầu ngón tay rồi rỏ xuống sàn nhà. Hình dáng hai núm vú cô nổi rõ qua làn áo phong trắng, gợi nhớ sinh động đến tấm thân trần truồng mà tôi đã thấy hồi đêm.

- Thôi được. Tôi sẽ kể với ông về tất cả những gì xảy ra sau đó. Ngay bây giờ.

Kano Creta lại ngồi xuống chiếc ghế đối diện tôi.

- Ông Okada ạ, sở dĩ lần trước tôi bỏ đi khi đang kể nửa chừng câu chuyện là vì

lúc ấy tôi chưa sẵn sàng kể hết. Tôi đã bắt đầu kể chuyện mình chỉ vì cảm thấy cần phải kể cho ông biết sự thật về những gì đã xảy ra với tôi, càng trung thực càng tốt. Nhưng rồi tôi cảm thấy không sao kể đến cùng được. Hẳn ông đã rất ngạc nhiên thấy tôi đột ngột bỏ đi như vậy.

Kano Creta đặt hai tay lên bàn, vừa nói vừa nhìn thẳng vào tôi.

- Phải, tôi đã rất ngạc nhiên, tuy rằng đây không phải điều làm tôi ngạc nhiên nhất từ đó trở về sau.

* * *

Như tôi đã kể với ông, người khách cuối cùng mà tôi tiếp trong tư cách điểm xác thịt là Wataya Noboru. Lần thứ hai tôi gặp hắn - khi đó hắn là khách của Kano

Malta - tôi nhận ra ngay. Tôi không thể nào quên hẳn được. Hẳn có nhớ tôi không thì tôi không biết. Wataya không phải là người hay lộ cảm xúc.

Nhưng thôi, để tôi quay lại kể mọi chuyện theo trình tự lớp lang. Đầu tiên tôi sẽ kể cho ông nghe lần tôi tiếp Wataya Noboru với tư cách khách hàng. Chuyện đó cách đây sáu năm.

Như tôi đã kể cho ông, lúc ấy tôi đang ở tình trạng không biết đau là gì cả. Mà không chỉ đau: tôi hoàn toàn không có bất kỳ loại cảm giác nào. Tôi sống trong một cơn vô cảm sâu không đáy. Dĩ nhiên, nói thế không phải là tôi hoàn toàn mất khả năng cảm giác, vì mỗi khi tiếp xúc với cái gì đó nóng, lạnh hoặc gây đau,

tôi đều biết hết. Chỉ có điều, những cảm giác đó như thể đến với tôi từ xa, từ một thế giới khác chẳng liên quan gì đến tôi. Chính vì vậy tôi không có gì phản đối việc quan hệ xác thịt với đàn ông để kiếm tiền. Dù người ta làm gì tôi đi nữa, những cảm giác mà tôi thấy đó có thuộc về tôi đâu. Thể xác vô cảm của tôi không phải là thể xác của tôi.

Rồi thì, xem nào, tôi đã kể với ông chuyện đám xã hội đen đã tuyển tôi vào đường dây gái điếm của họ. Họ bảo tôi ngủ với đàn ông thì tôi ngủ, họ trả tiền cho tôi thì tôi nhận. Kể đến đó thì tôi bỏ đi.

Tôi gật đầu.

- Hôm đó họ bảo tôi đến một phòng trên

tầng mười sáu một khách sạn dưới phố. Vị khách có cái tên không bình thường là Wataya. Tôi gõ cửa đi vào thì thấy ông ta đang ngồi trên sofa. Hình như ông ta đang vừa uống cà phê phục vụ buồng mang lên vừa đọc sách. Ông ta mặc áo phong thể thao màu xanh lục, quần vải bông màu nâu. Ông ta tóc cắt ngắn, đeo kính gọng nâu. Trên bàn cà phê trước mặt ông ta là chiếc tách, ấm cà phê và cuốn sách. Ông ta có vẻ vừa chìm đắm rất sâu vào việc đọc: một ánh nồng nhiệt nào đó vẫn còn đọng lại trong mắt ông ta. Nét mặt ông ta chẳng có gì đặc biệt lắm, nhưng cặp mắt ông ta lóe lên một sức sống hầu như bất thường, phi tự nhiên. Lần đầu nhìn thấy cặp mắt đó, tôi cứ nghĩ mình vào nhầm phòng. Nhưng tôi không

nhằm phòng. Người đàn ông bảo tôi vào rồi khóa cửa lại.

Vẫn ngồi trên sofa, không nói không rằng, ông ta đưa mắt nhìn khắp người tôi. Từ đầu đến chân. Thường là vậy: mỗi khi tôi vào phòng gặp khách hàng, hầu như ai cũng ngắm soi khắp người tôi như thế. Xin lỗi ông Okada, cho tôi hỏi câu này: đã bao giờ ông đi gái chưa?

Tôi bảo là chưa.

- Cứ như là họ đang ngắm soi một món hàng. Nhưng rồi cũng nhanh quen với những cái nhìn đó thôi. Dù gì họ cũng trả tiền để mua xác thịt mà, họ xem xét kỹ món hàng thì cũng phải. Nhưng cách người đàn ông kia nhìn tôi thì khác hẳn. Dường như ông ta đang nhìn xuyên qua

thể xác tôi vào một cái gì đó ở phía bên kia. Mắt ông ta khiến tôi bối rối, như thể tôi đã biến thành một người nửa trong suốt vậy.

Hắn là tôi đã hơi lúng túng. Tôi đánh rơi túi xách xuống sàn. Nó làm vang lên một tiếng động nhỏ, nhưng tôi đang thất thần đến nỗi trong một thoáng tôi không biết mình vừa làm gì. Rồi tôi cúi xuống nhặt túi lên. Chiếc khóa bấm đã bung ra khi chạm đất, vài thứ mỹ phẩm của tôi rơi ra ngoài. Tôi nhặt bút kẻ lông mày, son môi và một chai nước hoa nhỏ lên, cho lại vào túi từng thứ một. Suốt khoảng thời gian đó ông ta vẫn nhìn tôi chòng chọc. Khi tôi đã nhặt nhanh các thứ rơi trên sàn cho lại vào túi xách xong, ông ta liền bảo

tôi cởi quần áo. Tôi hỏi ông ta xem liệu trước tiên tôi có thể tắm một chút không, vì tôi bị đổ mồ hôi hơi nhiều. Hôm đó trời nóng, lúc ở trên xe điện tôi đã vã mồ hôi. Nhưng ông ta bảo không sao hết. Ông ta không có nhiều thời gian. Ông ta muốn tôi cởi ngay lập tức.

Khi tôi đã trần truồng rồi, ông ta bảo tôi nằm lên giường úp mặt xuống, tôi liền làm theo. Ông ta ra lệnh tôi nằm im không động đậy, nhắm mắt lại, không được nói gì chừng nào ông ta chưa bảo nói.

Ông ta mặc nguyên quần áo mà ngồi xuống cạnh tôi. Ông ta ngồi thế, chẳng làm gì cả. Ông ta không đụng một ngón tay lên người tôi. Ông ta chỉ ngồi ngấm

thân thể trần truồng của tôi. Ông ta cứ làm thế khoảng mười phút trong khi tôi nằm đó không động đậy, mặt úp xuống. Tôi cảm thấy cặp mắt ông ta xoáy vào sau cổ tôi, vào lưng, vào mông, vào chân tôi, riết róng đến đau đớn. Tôi chợt nghĩ có khi ông ta bị bắt lực. Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp những khách hàng như vậy. Họ trả tiền mua gái điếm, bảo điếm cởi quần áo rồi ngồi nhìn. Cũng có người bảo cô gái cởi quần áo rồi tự sát ngay trước mặt cô ta. Có đủ loại người đi tìm gái điếm, vì đủ thứ lý do. Có lẽ đây là một trong số đó chẳng?

Tuy nhiên, sau một chốc, ông ta chìa tay ra và bắt đầu sờ soạng tôi. Mười ngón tay ông ta chậm chậm di chuyển dọc

người tôi, từ vai xuống lưng, từ lưng xuống hông, như tìm kiếm cái gì đó. Đây không phải kiểu mơn trớn trước khi làm tình, và dĩ nhiên cũng không phải là xoa bóp. Những ngón tay ông ta di chuyển trên người tôi hết sức thận trọng, như thể lần theo một con đường trên bản đồ. Và suốt khoảng thời gian chạm vào thể xác tôi, ông ta dường như đang suy nghĩ - không phải theo nghĩa bình thường của từ này, mà là nghiền ngẫm về cái gì đó, một cách tập trung cao độ.

Có lúc những ngón tay ông ta dường như lang thang bất định chỗ này chỗ nọ, nhưng rồi chỉ khoảnh khắc sau chúng đã dừng lại hồi lâu ở một chỗ. Dường như chính những ngón tay cũng từ bối rối

chuyển sang xác tín. Tôi nói có rõ ý không nhỉ? Mỗi ngón tay dường như đều sống và suy nghĩ, đều có một ý chí của riêng nó. Đó là một cảm giác thật kỳ lạ. Kỳ lạ và gây bất an.

Thế nhưng, sự động chạm của ngón tay ông ta lại làm tôi hưng tình. Lần đầu tiên trong đời tôi. Trước khi tôi trở thành gái điếm, tình dục không gây cho tôi cảm giác gì khác ngoài đau đớn. Chỉ nghĩ đến tình dục thôi là tôi đã sợ chết khiếp, sợ vì biết mình sẽ lại phải chịu đau đến thế nào. Nhưng sau khi tôi thành điếm thì hoàn toàn ngược lại: tôi chẳng cảm thấy gì hết. Tôi không thấy đau nữa, nhưng cũng không có cảm giác nào khác. Tôi vẫn thở hỏn hển, vờ tỏ ra khoái lạc để

làm vui lòng khách, nhưng đó toàn là giả dối, một màn kịch chuyên nghiệp. Nhưng khi hấn ta động chạm tôi, tiếng thở của tôi là thực. Chúng thoát ra từ những vùng sâu thẳm nhất trong tôi. Tôi biết một cái gì đó bên trong tôi đã bắt đầu chuyển động, như thể trọng tâm của tôi đã thay đổi vị trí bên trong cơ thể tôi, khi sang chỗ này lúc sang chỗ khác.

Cuối cùng, người đàn ông ngừng di chuyển các ngón tay. Hai tay đặt trên thắt lưng tôi, hình như hấn đang suy nghĩ. Qua những đầu ngón tay hấn, tôi biết hấn đang cố trấn tĩnh, đang lặng lẽ cố kìm nhip thở. Rồi hấn bắt đầu chậm rãi cởi quần áo. Tôi vẫn nhắm mắt, vùi mặt vào gối, đợi xem sau thế nào. Khi đã trần truồng,

hắn banh rộng tay chân tôi ra.

Căn phòng im lặng đến đáng sợ. m thanh duy nhất là tiếng ro ro khe khẽ của máy điều hòa nhiệt độ. Bản thân gã đàn ông không phát ra một tiếng động nào. Thậm chí tôi không nghe được tiếng hắn thở.

Hắn đặt hai lòng bàn tay lên lưng tôi.

Dương vật hắn chạm vào mông tôi, nhưng nó vẫn còn mềm.

Ngay khi đó điện thoại trên bàn ngủ reo.

Tôi mở mắt, ngoái đầu lại nhìn mặt người đàn ông, nhưng hình như hắn không biết điện thoại đang reo. Nó reo tám, chín lần rồi ngưng. Căn phòng lại trở nên im lặng.

Kể đến đây Kano Creta ngừng lại, hít thở mấy hơi đều đặn. Cô im lặng nhìn hai

bàn tay mình.

- Xin lỗi, tôi nghỉ một chút được không ạ?

- Được chứ, - tôi nói. Tôi rót thêm cà phê rồi uống một ngụm. Cô thì uống nước lạnh. Chúng tôi ngồi đó không nói gì trong khoảng mười phút.

- Những ngón tay hăn lại bắt đầu chuyển động, sờ soạng từng bộ phận thân thể tôi,

- Kano Creta nói tiếp. - Sờ hết, không chừa một chỗ nào. Tôi không còn nghĩ được gì nữa. Tiếng tim tôi đập inh cả hai tai tôi, đập thình thịch nhưng chậm đến kỳ lạ. Tôi không kiểm soát được mình nữa. Tôi cứ kêu ồ ồ hết lần này đến lần khác trong khi hăn vuốt ve mơn trớn tôi. Tôi cố điều khiển giọng mình, nhưng một

kẻ nào khác đang dùng giọng của tôi mà rền rĩ kêu thét. Tôi cảm thấy như mọi định ốc trong cơ thể tôi đều nhất loạt lỏng ra. Thế rồi, sau một chập rất lâu, hấn thọc một cái gì đó vào tôi từ phía sau. Nó là cái gì, tôi chịu không biết. Nó rất to, rất cứng, nhưng không phải là dương vật hấn. Điều đó thì tôi tin chắc. Khi đó tôi đã nghĩ: mình đoán đúng, hấn bị bắt lực.

Dù hấn đút cái gì vào tôi đi nữa, nó làm tôi cảm thấy đau lần đầu tiên kể từ khi tự tử không thành - một cái đau thực sự, đau tê tái thuộc về tôi chứ không phải ai khác. Nói thế nào nhỉ? Cái đau ấy dữ dội đến hầu như không thể hình dung, dường như thể xác tôi bị xé làm đôi từ bên

trong. Thế nhưng, dù đau đớn khủng khiếp là vậy, tôi quằn quại không chỉ vì đau mà còn bởi khoái lạc. Khoái lạc và đau đớn là một. Ông có hiểu ý tôi không? Đau đớn dựa trên khoái lạc, khoái lạc dựa trên đau đớn. Tôi phải hứng chịu cả hai như là một thể duy nhất. Trong cơn đau đớn và khoái lạc đó, thể xác tôi tiếp tục tách làm đôi. Tôi chẳng cách nào ngăn không cho điều đó xảy ra. Thế rồi một cái gì rất kỳ lạ xảy ra. Từ giữa hai nửa xác vừa tách đôi ấy của tôi bò ra một cái gì đó mà tôi chưa bao giờ thấy, chưa bao giờ đụng tới. Nó to thế nào tôi không biết, nhưng nó ướt và trơn như đứa trẻ sơ sinh. Tôi hoàn toàn không biết nó là cái gì. Nó vẫn luôn luôn ở trong tôi từ trước đến nay, nhưng tôi hoàn toàn

chẳng hay biết gì về nó. Gã đàn ông này đã lôi nó ra khỏi tôi.

Tôi muốn biết nó là cái gì. Tôi muốn nhìn thấy nó bằng chính mắt tôi. Dù gì nó cũng là một phần của tôi, tôi có quyền nhìn thấy nó. Nhưng không thể. Tôi bị nuốt chửng trong dòng thác khoái lạc và đau đớn. Tôi là một khối thịt thuần túy vật lý, chỉ có khả năng rên rỉ, nhỏ dãi, vặn vẹo đôi hông. Thậm chí mở mắt còn không mở được nữa là.

Thế rồi tôi đạt cực khoái tình dục - dấu không hẳn là cực khoái, đúng hơn là tôi như bị ném từ mỏm đá cao xuống vầy. Tôi thét lên, cảm thấy như từng khuôn kính trong phòng đều vỡ vụn ra. Mà không chỉ cảm thấy: tôi thực sự nhìn thấy

và nghe thấy cửa sổ và ly tách thủy đều vỡ vụn thành từng mảnh li ti như cám, cảm thấy chúng trút xuống tôi như mưa. Rồi tôi thấy buồn nôn trong dạ dày. Ý thức tôi bắt đầu trôi tuột đi, thân thể tôi hóa lạnh. Tôi biết nói thế này nghe lạ, nhưng tôi cảm thấy mình đã biến thành một bát cháo đặc lạnh tanh, đặc sệt, vón cục, những cục đó cứ giần giật một cách chậm chạp, kênh càng, theo từng nhịp đập của tim tôi. Tôi nhận ra cơn giần giật này: nó từng xảy ra với tôi trước đây rồi. Chẳng cần mất nhiều thời gian để tôi nhớ ra nó là cái gì. Tôi biết nó là cái đau âm ỉ, chí tử, không bao giờ dứt mà tôi từng trải qua trước lần tự tử không thành. Và, giống như thanh nạy, cái đau đó ẩ bật nắp đẩy ý thức của tôi lên - ẩ bật nắp ra

bằng một sức mạnh không cưỡng nổi, thể rồi, ngoài ý muốn của tôi, lõi tuột cái nội dung ký ức đã đông thành thạch của tôi ra ngoài. Nói thì nghe lạ, tôi giống như một người chết đang quan sát người ta mổ khám nghiệm tử thi của chính mình. Ông có hiểu ý tôi không? Tôi thấy như mình đang từ một điểm cao quan sát người ta mổ phanh thân thể rồi lõi những nội tạng trơn nhầy ra khỏi tôi, từng cái một.

Tôi vẫn nằm đó, rớt dãi bê bết lên gối, toàn thân co giật, són đái. Tôi biết cần phải kiểm soát được chính mình, nhưng tôi không còn khả năng kiểm soát nữa. Từng ốc vít trong thân thể tôi không chỉ lỏng lẻo mà còn rơi hằn ra. Trong ý thức

tôi sâu, tôi cảm thấy một cách riết róng rằng mình cô đơn và bất lực đến nhường nào. Mọi thứ đều phọt ra khỏi tôi. Mọi thứ trong tôi, những cái có hình dạng và những cái vô hình vô dạng, tất cả đều biến thành chất lỏng tuôn qua thịt tôi ra ngoài như nước bọt hay nước tiểu. Tôi biết mình không được để điều đó xảy ra, rằng tôi không được để chính mình chảy hết ra ngoài và mất đi vĩnh viễn như thế, nhưng tôi không thể làm gì để ngăn dòng chảy đó lại. Tôi chỉ có thể nhìn dòng lưu xuất đó diễn ra. Cứ thế kéo dài trong bao lâu, tôi không biết. Dường như toàn bộ ký ức tôi, toàn bộ ý thức tôi đã trôi tuột đi hết. Tất cả những gì từng ở trong tôi giờ đều ở ngoài tôi. Cuối cùng, như một bức màn nặng rơi xuống, bóng tối trùm

lấy tôi trong một khoảnh khắc.

Và khi tôi tỉnh lại, tôi đã là một người khác.

Đến đây Kano Creta ngừng nói, nhìn tôi.

- Chuyện xảy ra như thế, - cô nhẹ nhàng nói.

Tôi không nói gì, chỉ đợi cô kể nốt phần còn lại của câu chuyện.

Điểm xuất phát mới của Kano Creta



Kano Creta kể tiếp câu chuyện.

Suốt mấy ngày sau đó tôi sống trong cảm giác thân thể mình đã rời ra thành từng mảnh. Khi đi bộ, tôi không cảm thấy chân mình chạm đất. Khi ăn, tôi không cảm thấy mình đang nhai cái gì. Dù ngồi yên tôi cũng có cái cảm giác khủng khiếp là thân thể tôi hoặc đang rơi mãi không ngừng hoặc đang trôi dưới quả bóng bay khổng lồ trong không gian vô tận. Tôi không còn kết nối được những cử động và cảm giác của thân thể tôi. Những cử động và cảm giác của thân thể, chúng cứ

vận hành theo ý chúng mà chẳng liên quan gì đến ý chí của tôi, chẳng có trật tự hay phương hướng nào hết. Mà tôi thì chẳng thể nào an định cơn hỗn loạn trầm kha này. Tôi chỉ còn cách đợi cho mọi cái ổn lại dần khi đến đúng hạn kỳ của nó. Tôi giam mình trong buồng riêng từ sáng đến tối, hầu như chẳng ăn gì, nói thác với gia đình rằng tôi không được khỏe.

Mấy ngày trôi qua như thế, ba bốn ngày gì đó. Thế rồi hết sức đột ngột, mọi thứ nguôi đi, như thể cơn gió đại ào qua rồi đi mất. Tôi nhìn quanh, rồi xem xét chính mình, và tôi nhận ra mình đã trở thành một con người mới, hoàn toàn khác tôi trước kia. Đây là cái tôi thứ ba của tôi.

Cái tôi đầu tiên là cái tôi đã từng bị đày đoạ bởi cái đau vô cùng tận. Cái tôi thứ hai là cái tôi từng sống trong tình trạng vô cảm hoàn toàn không biết đến cái đau. Cái tôi đầu tiên là tôi ở trạng thái nguyên thủy, không sao dứt được khỏi cỗ cái ách nặng trịch trịch của cái đau. Và khi tôi thử dứt bỏ nó – nghĩa là khi tôi thử tự sát mà không được – tôi đã trở thành cái tôi thứ hai: một cái tôi trung gian. Quả thật là cái đau từng hành hạ tôi cho đến lúc đó đã biến mất, nhưng đồng thời mọi cảm giác khác cũng cùng với nó mà thoái lui, mờ nhạt đi. Ý chí muốn sống của tôi, sinh lực của thể xác tôi, khả năng tập trung tư tưởng của tôi, tất cả đều biến mất cùng cái đau. Và khi tôi đã kinh qua chặng quá độ kỳ lạ đó thì sinh ra một cái

tôi hoàn toàn mới. Liệu cái tôi này có phải là cái tôi mà tôi cần phải trở thành sau khi trải qua toàn bộ chuyện đó không, tôi không biết. Nhưng tôi có cái cảm giác, dù có thể mù mờ đến đâu đi nữa, rằng ít nhất tôi đang đi đúng hướng.

Kano Creta ngược mắt lên nhìn tôi như muốn nghe xem tôi có ấn tượng thế nào về những gì cô kể. Hai tay cô vẫn đặt trên bàn.

- Vậy là cô muốn nói rằng chính gã đàn ông đó đã cho cô một cái tôi mới, phải không? - tôi nói.

- Có lẽ vậy – Kano Creta gật đầu nói. Khuôn mặt cô vô cảm như đáy một cái ao cạn.

- Được gã đàn ông đó vuốt ve, ôm ấp,

nhờ hấn mà được hưởng khoái cảm tình dục ghê gớm đến nhường đó lần đầu tiên trong đời, tôi trải qua một sự thay đổi lớn lao về thể xác. Tại sao điều đó xảy ra, và tại sao chính gã đàn ông đó chứ không phải ai khác làm điều đó xảy ra, tôi không thể hiểu. Nhưng dù thế nào thì thế, sự thực vẫn là kết cuộc tôi thấy mình ở trong một vỏ bọc hoàn toàn mới. Và khi đã vượt qua cơn bản loạn sâu xa mà ban nãy tôi vừa nói, tôi muốn nhận lấy cái tôi mới này như là “cái tôi đúng hơn”, dù chỉ vì một lý do rằng tôi đã thoát được khỏi cơn vô cảm triền miên vốn từng là ngục tù ngột thở đối với tôi. Nhưng dẫu sao cái dư vị khó chịu vẫn còn dai dẳng suốt một thời gian dài như

một cái bóng đen. Mỗi khi nhớ lại mười ngón tay hần đã đút vào trong tôi, mỗi khi nhớ lại cái thứ lùm lùm, nhờn nhớt đã chui ra khỏi (hay là theo tôi cảm thấy đã chui ra khỏi) người tôi, tôi lại thấy bất an khủng khiếp. Trong tôi tràn ngập nỗi căm giận - và thất vọng – mà tôi không thể làm gì được. Tôi muốn xóa sạch chuyện xảy ra ngày hôm đó ra khỏi ký ức, nhưng điều đó tôi không làm được bởi gã đàn ông kia đã mở tung một cái gì đó sâu trong thân thể tôi. Cảm giác mình đã bị bật tung cứ bám riết lấy tôi, kháng khí không rời với ký ức về gã đàn ông đó, cùng với cảm giác rõ ràng mình đã bị ô ướ. Đó là một cảm giác thật mâu thuẫn. Ông có hiểu ý tôi không? Sự biến đổi đã xảy ra với tôi kia hiển nhiên là đúng, là

chính đáng, nhưng sự biến đổi đó gây ra bởi một cái gì đó cực bản thủ, một cái gì đó sai trái. Sự mâu thuẫn này – sự giằng xé này – cứ giày vò tôi suốt một thời gian rất lâu.

Kano Creta lại nhìn hai bàn tay mình đang đặt trên bàn.

- Sau đó tôi thôi không bán mình nữa.

Việc đó chẳng còn ý nghĩa gì nữa, - khuôn mặt Kano Creta vẫn vô cảm.

- Cô chỉ đơn giản bỏ ngang thế được à? – tôi hỏi.

Cô gật đầu.

- Vâng, thế thôi. Tôi không nói gì với ai, chỉ thôi không bán mình nữa, nhưng chẳng sao cả. Tôi hầu như không ngờ lại dễ dàng đến thế. Tôi cứ nghĩ người ta ít

nhất cũng sẽ gọi điện cho tôi, tôi đã chuẩn bị tinh thần cho cái lúc đó, nhưng đợi mãi không thấy. Họ không nói năng gì với tôi hết. Họ biết địa chỉ của tôi. Họ biết số điện thoại của tôi. Họ có thể đe dọa tôi chứ. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả.

Vậy, ít nhất là ở bề ngoài, tôi đã trở thành một cô gái bình thường. Đến lúc đó tôi đã trả hết cho bố mẹ những gì tôi còn nợ, lại dành được một khoản tiền kha khá. Với số tiền tôi trả, ông anh tôi đã mua một chiếc ô tô mới cấu khác để lại phí thời giờ lái loanh quanh, nhưng anh ấy chẳng bao giờ hình dung nổi tôi đã phải làm gì để trả nợ cho anh ấy. Tôi cần thời gian làm quen với cái tôi

mới của mình. Cái tôi mới này của tôi, nó là loại sinh thể nào? Nó vận hành ra sao? Nó cảm thấy cái gì, cảm thấy thế nào? Từng thứ một như vậy tôi đều phải trải nghiệm, phải ghi nhớ tích lũy. Ông có hiểu điều tôi nói không? Hầu như tất cả những gì ở trong tôi đều đã chảy hết ra ngoài, đã mất. Giờ đây tôi hoàn toàn mới, nhưng cũng hoàn toàn trống rỗng. Tôi phải xây dựng cái mà tôi gọi là “tôi” này, hay đúng hơn, tự mình làm ra từng cái một trong những cái hình thành nên tôi.

Về danh nghĩa tôi vẫn còn là sinh viên, nhưng tôi không có ý định quay lại trường. Mỗi sáng tôi ra khỏi nhà, đến công viên, ngồi một mình trên băng ghế

suốt ngày, chẳng làm gì cả. Hoặc tôi đi lang thang quanh quần những lối đi trong công viên. Khi trời mưa tôi đến thư viện, đặt một cuốn sách trên bàn trước mặt, và đọc. Đôi khi tôi bỏ suốt một ngày đi xem phim hoặc lái ô tô quanh thành phố theo tuyến vòng cung Yamanote. Tôi cảm thấy mình đang trôi trong một không gian tối om om, đơn độc một mình. Tôi chẳng có ai để xin một lời khuyên. Giả như chị Malta của tôi có đó thì tôi đã có thể chia sẻ mọi điều với chị, nhưng dĩ nhiên lúc đó chị đang ở rất xa, đang lánh mình tu tập trên đảo Malta. Tôi không biết địa chỉ của chị. Tôi không có cách nào liên lạc với chị ấy cả. Cho nên tôi phải tự mình giải quyết những vấn đề đó. Thế nhưng, dù cô đơn, tôi không cảm thấy bất

hạnh. Tôi nay đã có thể nắm chặt chính mình. Ít nhất là nay tôi có một cái tôi để nắm chặt lấy.

Cái tôi mới của tôi cảm nhận được cái đau, tuy rằng không đau ghê gớm như trước. Tôi cảm nhận được cái đau, nhưng tôi cũng học được một cách để thoát khỏi cái đau. Nghĩa là tôi nay có thể tách lìa khỏi cái tôi vật chất đang cảm nhận cái đau. Ông có hiểu điều tôi nói không? Tôi nay đã có thể chia mình ra thành một cái tôi vật chất và một cái tôi phi vật chất. Miêu tả thế thì có thể hơi khó hiểu, nhưng một khi đã học được cách đó, ông sẽ thấy không khó chút nào. Mỗi khi cái đau xuất hiện, tôi lại rời khỏi cái tôi vật chất. Cũng như khi có ai

đó xuất hiện mà ta không muốn gặp thì ta lẳng lặng bỏ sang phòng bên. Việc ấy rất tự nhiên. Tôi nhận thấy cái đau đã xuất hiện trên thân thể tôi, tôi cảm thấy sự hiện hữu của cái đau, nhưng tôi không ở đó. Tôi đang ở phòng bên. Thế là cái ách đau đón không còn đè nặng tôi được nữa.

- Có phải hễ khi nào muốn là cô đều có thể tách ra khỏi mình như vậy không?

- Không, - Kano Creta nghĩ một chút rồi nói. — Đầu tiên tôi chỉ có thể làm vậy khi cơ thể tôi đang chịu một cái đau vật lý. Cái đau là chìa khoá để có thể tách đôi ý thức của tôi. Về sau, nhờ chị Malta giúp, tôi học được cách làm vậy tùy ý muốn ở mức độ nào đó. Nhưng đó là mãi về sau này.

Chẳng bao lâu sau tôi nhận được thư của chị Malta. Chị ấy cho biết cuối cùng chị ấy cũng đã hoàn thành ba năm tu tập trên đảo Malta và một tuần nữa sẽ trở về Nhật. Chị ấy định từ nay về sau sẽ sống hẳn ở Nhật. Tôi hết sức vui mừng khi nghĩ mình sẽ gặp lại chị. Chị em tôi xa nhau đã gần tám năm. Như tôi đã nói trước đây, chị Malta là người duy nhất trên đời này mà tôi có thể kể thoải mái tất cả những gì trong lòng tôi.

Ngay hôm đầu chị Malta trở về Nhật, tôi kể ngay với chị về tất cả những chuyện đã xảy ra với tôi. Chị lắng nghe đến cuối câu chuyện dài, kỳ lạ của tôi mà không hỏi một câu nào. Và khi tôi đã kể xong, chị trút một hơi thở dài mà nói với tôi:

- Chị biết lẽ ra chị phải ở bên em, chị phải trông nom em trong suốt thời gian đó. Vì lý do nào đó chị không hề biết em có những vấn đề sâu xa như vậy. Có lẽ đơn giản là vì em gần gũi với chị quá. Nhưng dù thế nào đi nữa, có những việc chị cần phải làm. Có những nơi chị phải đến, một mình. Chị không có lựa chọn nào khác.

Tôi bảo chị rằng chị không nên quá bận lòng về chuyện đó. Nói gì thì nói, đó là những vấn đề của tôi, và tôi đang cải thiện dần dần, từng chút một. Chị ngẫm nghĩ một lát, lặng thinh, sau đó chị nói:

- Tất cả những gì em đã trải qua sau khi chị rời Nhật đều rất đốn đau, cay đắng đối với em, nhưng đúng như em nói, em

đang tiến đến chỗ đúng là mình, từng bước một. Những gì xấu xa nhất đã qua đời với em và nó sẽ không bao giờ quay trở lại nữa. Những điều đó sẽ không bao giờ xảy ra với em lần nữa. Sẽ không dễ dàng đâu, nhưng sau một thời gian rồi em sẽ quên được nhiều chuyện. Tuy nhiên, không có một cái tôi đích thực, người ta không thể sống. Nó cũng như cái nền trên đó ta đứng vậy. Không có nền, ta không thể xây được gì hết.

Tuy nhiên, có một điều em không bao giờ được quên, đó là thân thể em đã bị gã đàn ông đó làm ô uế. Chuyện đó lẽ ra không bao giờ được phép xảy ra. Lỡ mà xảy ra điều xấu nhất, chị có thể sẽ mất em mãi mãi, em có thể sẽ phải vĩnh viễn

lang thang trong cõi hư vô. Cũng may, hoá ra cái tôi của em lúc đó không phải là cái tôi thực, cái tôi bản lai của em, thành thử biến cố kia lại có tác dụng ngược. Thay vì giam hãm em, nó lại giải phóng em khỏi trạng thái trung gian. Điều đó xảy ra hoàn toàn là do may mắn. Tuy nhiên, việc em đã bị làm ô uế thì vẫn còn đó, ở bên trong em, đến một lúc nào đó em sẽ phải tự rút nó ra khỏi mình. Về việc đó chị không thể làm gì giúp em. Chị cũng không biết nên bảo em làm thế nào. Em sẽ phải tự mình tìm ra cách và tự mình làm việc đó.

Rồi chị tôi đặt cho tôi cái tên mới: Kano Creta. Em vừa mới ra đời nên cần một cái tên mới, chị nói. Tôi thích cái tên ấy

ngay từ đầu. Sau đó Kano Malta bắt đầu sử dụng tôi làm người trung gian tinh thần cho chị ấy. Dưới sự hướng dẫn của chị ấy, tôi ngày càng học được cách kiểm soát cái tôi mới của mình và tách rời thể xác khỏi tinh thần. Cuối cùng, lần đầu tiên trong đời, tôi bắt đầu có thể sống với cảm giác bình an. Dĩ nhiên, cái tôi đích thực của tôi vẫn là một cái gì ngoài tầm nắm bắt của tôi. Nhưng giờ đây, với Kano Malta, tôi có một người bạn đồng hành ở bên tôi, người mà tôi có thể trông cậy, người hiểu tôi và chấp nhận tôi. Chị trở thành người hướng đạo cho tôi và bảo vệ tôi.

- Nhưng rồi cô lại gặp Wataya Noboru lần nữa phải không?

- Kano Creta gật đầu. Tôi đã gặp lại Wataya Noboru. Chuyện xảy ra vào đầu tháng ba năm ngoái. Đã hơn năm năm qua kể từ khi tôi qua tay hắn, trải qua cuộc hoá thân và bắt đầu làm việc cùng Kano Malta. Tôi với hắn chạm mặt nhau khi hắn đến nhà chúng tôi để gặp chị Malta. Hai chúng tôi không nói chuyện với nhau. Tôi chỉ thoáng thấy hắn nơi phòng ngoài, nhưng chỉ thoáng thấy là đủ để tôi chết cứng tại chỗ như vừa bị sét đánh. Chính là gã đó - người đàn ông cuối cùng đã mua tôi.

Tôi gọi Kano Malta ra một bên, cho chị biết đó là gã đàn ông đã làm tôi bị ô uế. “Được rồi”, chị nói. “Cứ để mọi chuyện đó cho chị. Đừng lo, em lánh mặt đi.

Đừng để hắn nhìn thấy em”. Tôi làm như chị bảo. Chính vì vậy mà tôi không biết hắn và chị Malta bàn với nhau chuyện gì.

- Wataya Noboru có việc gì cần gặp Kano Malta thế nhỉ?

Kano Creta lắc đầu.

- Ông Okada ạ, tôi xin lỗi, tôi không biết.

- Người ta đến nhà các cô bởi họ có việc cần, thường là vậy phải không?

- Vâng, đúng vậy.

- Thường thì họ đến vì chuyện gì?

- Đủ thứ chuyện.

- Nhưng đủ thứ chuyện là chuyện gì? Cô cho tôi một ví dụ được không?

Kano Creta cắn môi một lát.

- Bị mất đồ. Vận mệnh. Tương lai. Mọi

thứ.

- Và hai cô biết những chuyện đó?

- Chúng tôi biết. Không phải gì cũng biết, nhưng hầu hết các câu trả lời đều ở đây, - Kano Creta nói, tay chỉ lên thái dương. - Ta chỉ cần vào trong đó thôi.

- Như là xuống giếng ấy à?

- Vâng, kiểu như vậy.

Tôi chống cùi chỏ lên bàn, thở một hơi dài.

- Giờ thì, nếu được, có một điều tôi muốn cô nói cho tôi biết. Cô đã xuất hiện trong giấc mơ của tôi mấy lần. Cô làm việc đó là có ý thức. Cô muốn điều đó xảy ra. Đúng không?

- Vâng, đúng thế - Kano Creta nói. - Đó là hành động có ý đồ. Tôi đã bước vào ý

thức của ông và giao hợp với ông.

- Cô làm được những chuyện như vậy à?

- Vâng, tôi làm được. Đó là một trong các chức năng của tôi.

- Cô và tôi giao hoan với nhau trong ý thức của tôi. – Khi nghe chính mình nói ra những lời đó, tôi có cảm giác mình vừa treo một bức họa siêu thực táo bạo lên một bức tường trắng. Thế rồi, như thể tôi đang lùi ra xa một quãng rồi nhìn bức tranh xem nó có treo lệch không, tôi lặp lại: Cô và tôi giao hoan với nhau trong ý thức của tôi. Nhưng tôi không hề yêu cầu các cô điều gì cả. Tôi chưa bao giờ nảy ý định tìm kiếm một cái gì đó ở cô. Đúng không? Vậy thì tại sao cô lại nhọc công làm chuyện đó chứ?

- Bởi chị Kano Malta ra lệnh cho tôi làm vậy.

- Nghĩa là Kano Malta dùng cô làm trung gian để sục sạo trong ý thức của tôi. Cô ta tìm cái gì vậy? Câu trả lời cho Wataya Noboru ư? Hay cho Kumiko?

Kano Creta im lặng một chút. Cô có vẻ bối rối.

- Tôi không thực sự biết, - cô nói – Tôi không được biết thông tin chi tiết. Không biết thông tin chi tiết thì người trung gian có thể làm tròn vai trò của mình một cách tự nhiên hơn. Việc duy nhất của tôi là làm trung gian để tâm trí của người khác đi qua tôi. Còn việc của Kano Malta là gán ý nghĩa cho những gì tôi tìm thấy ở đó. Nhưng xin ông Okada hiểu

cho: Kano Malta về cơ bản là đứng về phía ông. Tôi căm thù Wataya Noboru, ông cũng hiểu, mà chị Kano Malta lo là lo cho tôi trước tiên. Chị ấy làm vậy là vì ông, ông Okada ạ. Tôi tin như thế.

* * *

Kano Creta ra siêu thị gần nhà. Tôi đưa tiền cho cô và đề nghị trước khi ra khỏi nhà cô nên thay quần áo khác thơm mát hơn. Cô gật rồi vào phòng Kumiko, chọn một chiếc áo cánh bằng vải cotton trắng và váy in hoa.

- Ông Okada không phiền vì tôi mặc quần áo của bà nhà chứ?

Tôi lắc đầu.

- Thưa cô ấy bảo tôi vứt hết đi. Cô có mặc cũng chẳng phiền ai hết.

Đúng như tôi chờ đợi, mọi thứ đều rất hợp với cô, hợp đến lạ kỳ. Ngay cả cỡ giày của cô cũng khớp. Kano Creta ra khỏi nhà mang một đôi xăng-đan của Kumiko. Nhìn Kano Creta mặc quần áo của Kumiko, một lần nữa tôi lại cảm thấy thực tại đang đổi hướng, kiểu như một con tàu khách khổng lồ đang chậm chậm bò sang lộ trình khác vậy.

Sau khi Kano Creta đi khỏi, tôi nằm trên sofa nhìn đăm đăm ra vườn, đầu óc trống rỗng. Ba mươi phút sau cô đi taxi về, tay xách ba túi to ních đầy thức ăn. Rồi cô làm cho tôi món thịt nguội với trứng và salad cá hồi.

- Ông Okada này, ông có quan tâm gì đến đảo Crete không? - Kano Creta đột ngột

hỏi sau khi chúng tôi ăn xong.

- Crete? – tôi nói – Ý cô muốn nói đảo Crete ở Địa Trung Hải ấy à?

- Vâng.

Tôi lắc đầu.

- Tôi không biết. Không phải là tôi không quan tâm. Chẳng qua tôi chưa bao giờ quan tâm nhiều đến chuyện ấy cả.

- Ông có muốn đến Crete cùng tôi không?

- Đến Crete cùng cô? – tôi hỏi lại.

- Tôi muốn rời Nhật một thời gian. Suốt khoảng thời gian ngồi dưới giếng sau khi ông đi khỏi, tôi nghĩ là nghĩ về chuyện đó. Ngay từ khi chị Malta đặt cho tôi cái tên Creta, tôi đã muốn một ngày nào đó sẽ đến Crete. Để chuẩn bị tôi đã đọc

nhiều sách về hòn đảo đó. Thậm chí tôi còn học tiếng Hy Lạp để có thể sống ở đó khi đến lúc. Tôi có vài khoản tiết kiệm kha khá, đủ để hai chúng ta sống thanh thoi ở đó một thời gian dài. Ông sẽ không phải lo gì chuyện tiền nong cả.

- Kano Malta có biết cô có ý định đi đảo Crete không?

- Không. Tôi không hề nói gì với chị về chuyện này, nhưng tin tôi tin chắc chị ấy sẽ không phản đối. Hẳn chị ấy sẽ nghĩ đó là điều tốt cho tôi. Chị đã dùng tôi làm trung gian trong năm năm qua, nhưng ấy không phải là chị khai thác tôi như một thứ công cụ. Chị làm vậy cũng là để giúp tôi phục hồi. Chị tin rằng bằng cách cho tâm trí hay bản ngã của nhiều người khác

nhau đi qua tôi, chỉ có thể giúp tôi nắm chắc được “cái ngã” của chính mình. Ông có hiểu điều tôi nói không? Với tôi, nó có tác dụng như một thứ kinh nghiệm của người khác, qua đó tôi biết có một cái ngã là như thế nào.

Thử nghĩ mà xem. Cả đời tôi chưa bao giờ nói thẳng thừng, rành rọt với bất cứ ai: “Tôi muốn làm việc này”. Ngay từ thời điểm ra đời, cái đau là trung tâm cuộc sống của tôi. Mục đích duy nhất của đời tôi là tìm cách cùng tồn tại với cái đau khủng khiếp đó. Rồi khi tôi đầy hai mươi tuổi và cái đau biến mất khi tôi tìm cách tự tử, thì thay cho cái đau lại là một nỗi vô cảm sâu thẳm thẳm. Tôi sống như cái xác biết đi. Một tấm màn vô cảm

dây phủ kín quanh tôi. Tôi hoàn toàn không có chút gì – thậm chí không một mẩu nhỏ - của cái gọi là ý chí của riêng tôi. Thế rồi khi Wataya Noboru làm ô uesthể xác tôi và mở tung tâm trí tôi ra, tôi đã có được cái tôi thứ ba của mình.

Nhưng dù đã vậy đi nữa tôi vẫn chưa là chính mình. Mãi đến giờ tôi vẫn chỉ nắm được cái vỏ tối thiểu cần thiết để mang chứa tôi – chỉ cái vỏ mà thôi. Và như một cái vỏ, dưới sự dẫn dắt của Kano Malta, tôi cho nhiều cái tôi khác thông qua mình.

Hai mươi sáu năm đời tôi đã trôi qua như vậy đó. Ông cứ tưởng tượng mà xem: suốt hai mươi sáu năm trời, tôi chẳng là gì hết. Đó là điều tôi đã đột

nhiên hiểu ra khi ngồi một mình dưới đáy giếng mà suy nghĩ. Tôi nhận ra rằng suốt khoảng thời gian dằng dặc đó, con người gọi là “tôi” kia kỳ thực chẳng là gì sất. Tôi chẳng là gì khác ngoài một con điếm. Một con điếm thể xác. Một con điếm tinh thần.

Tuy nhiên, bây giờ tôi muốn nắm chắc lấy cái tôi mới của mình. Tôi không còn là cái vỏ cũng không còn là vật trung gian nữa. Tôi đang cố xác lập bản thân mình ở đây, trên mặt đất này.

- Tôi hiểu những gì cô nói với tôi, nhưng tại sao cô muốn đi Crete với tôi chứ không phải ai khác?

- Bởi vì đó có thể là điều tốt cho cả hai chúng ta: cho ông Okada, lẫn cho tôi –

Kano Creta nói. – Hiện thời cả ông lẫn tôi đều không cần có mặt ở đây. Mà nếu đã vậy, tôi nghĩ tốt nhất là chúng ta không có mặt ở đây. Ông Okada nói tôi nghe, ông có dự định làm một việc gì không, ông có kế hoạch nào để thực hiện từ nay trở về sau không?

- Việc duy nhất tôi cần là nói chuyện với Kumiko. Chừng nào tôi với cô ấy chưa gặp mặt nhau và cô ấy chưa bảo tôi rằng cuộc sống chung của hai chúng tôi đã chấm dứt, tôi không thể làm gì khác. Tuy nhiên, tôi không biết phải tìm cô ấy bằng cách nào bây giờ.

- Nhưng nếu ông tìm ra bà ấy và cuộc hôn nhân giữa hai người đã “chấm dứt” như ông nói, thì liệu ông có nghĩ đến

việc đi Crete với tôi không? Đến một lúc nào đó hai chúng ta sẽ phải khởi đầu một cái gì đó mới, - Kano Creta nói, nhìn thẳng vào mắt tôi. – Tôi cho rằng đảo Crete là điểm khởi đầu không tồi.

- Không tồi chút nào cả, - tôi nói. – Bất ngờ thì có thể, nhưng là điểm khởi đầu thì không tồi.

Kano Creta mỉm cười với tôi. Nghĩ một chút, tôi nhận ra rằng đây là lần đầu tiên cô mỉm cười. Khi cô cười, tôi cảm thấy như lịch sử đã phần nào đã bắt đầu chuyển sang hướng mới.

- Chúng ta vẫn còn thời gian, - cô nói. – Dù tôi có quảng lên đi nữa thì cũng phải mất ít nhất hai tuần để chuẩn bị. Ông hãy dùng thời gian đó để suy nghĩ, ông

Okada ạ. Tôi không biết liệu tôi có thể cho ông cái gì không. Ngay lúc này tôi cảm thấy mình chẳng có gì để cho cả. Tôi gần như hoàn toàn trống rỗng. Tôi chỉ mới bắt đầu lấp đôi ba nội dung vào cái vỏ rỗng này, từng tý một. Tôi có thể trao ông chính bản thân tôi, nếu ông Okada bảo như thế là đủ cho ông. Tôi tin rằng hai ta có thể giúp nhau.

Tôi gật đầu.

- Tôi sẽ nghĩ xem, - tôi nói. – Tôi rất vui khi được lời đề nghị này của cô, tôi nghĩ nếu chúng ta cùng đi được với nhau thì hay quá. Thật đấy. Nhưng tôi còn nhiều điều phải suy nghĩ và nhiều việc cần phải thu xếp.

- Nếu như cuối cùng ông nói ông không

muốn đến đảo Crete thì cũng không sao. Tôi sẽ không méch lòng đâu. Tiếc thì tôi sẽ tiếc, nhưng tôi muốn ông trả lời thẳng, đừng khách sáo.

* * *

Kano Creta lại lưu lại nhà tôi đêm đó. Lúc xế chiều cô mời tôi đi dạo trong công viên gần nhà. Tôi quyết định quên đi vết bầm trên mặt và ra khỏi nhà. Hà cớ gì phải bận tâm về những chuyện đó chứ? Chúng tôi tản bộ khoảng một tiếng đồng hồ trong buổi tối mùa hè dễ chịu, rồi trở về nhà ăn tối.

Sau khi ăn xong, Kano Creta bảo cô muốn ngủ với tôi. Cô bảo cô muốn có quan hệ tình giao bằng thể xác với tôi. Chuyện này đột ngột quá, tôi không biết

nên làm gì, và tôi nói với cô đúng như vậy: “Chuyện này đột ngột quá. Tôi không biết nên làm gì”.

Nhìn thẳng vào tôi, Kano Creta nói:

- Dù ông Okada có đi cùng tôi đến đảo Crete hay không, tôi muốn ông hãy lấy tôi làm gái điếm, dù chỉ một lần duy nhất. Tôi muốn ông mua thẻ xác tôi.

Ngay tại đây. Ngay bây giờ. Đây sẽ là lần cuối cùng của tôi. Tôi sẽ thôi làm gái điếm, dù là điếm thẻ xác hay điếm tinh thần. Tôi cũng sẽ bỏ cái tên Kano Creta. Tuy nhiên, muốn vậy, tôi cần có một điếm phân giới rõ ràng, nhìn thấy được, nó bảo cho ta biết rằng “đến đây là hết”.

- Tôi hiểu cô cần một điếm phân giới, nhưng tại sao cô cứ phải ngủ với tôi?

- Ông Okada không hiểu sao? Bằng cách ngủ với ông, con người thực của ông, nhập thân thể mình vào thân thể ông trong thực tế, tôi muốn đi qua con người ông, con người gọi là Okada này. Có làm như vậy tôi mới mong thoát khỏi cảm giác ô uế ở bên trong tôi. Điểm phân giới là vậy đó.

- Dù sao đi nữa, tôi rất tiếc, tôi không bao giờ mua thể xác người khác.

Kano Creta cắn môi.

- Hay là thế này. Thay vì trả tiền, ông hãy cho tôi một ít quần áo của vợ ông. Cả giày nữa. Chúng ta sẽ lấy đó làm cái giá cho thể xác tôi. Như vậy là được phải không ông? Chừng đó tôi sẽ được cứu thoát.

- Cứu thoát? Ý cô là cô sẽ được giải phóng khỏi vết nhơ mà Wataya Noboru đã để lại bên trong cô?

- Vâng, ý tôi là thế. – Kano Creta nói.
Tôi nhìn đắm đắm vào cô. Không có cặp lông mi giả, khuôn mặt Kano Creta trông thật trẻ con.

- Đây Kano Creta, - tôi nói. – Thật ra gã Wataya Noboru này là người thế nào? Hắn là anh vợ tôi đấy, nhưng hầu như tôi chẳng biết gì về hắn. Hắn nghĩ những gì? Hắn muốn cái gì? Tôi chỉ biết chắc mỗi một điều là hắn và tôi căm ghét nhau.

- Wataya Noboru là kẻ thuộc về một thế giới hoàn toàn đối lập với thế giới của ông, - Kano Creta nói. Cô dừng một chút, dường như để tìm từ, rồi mới nói

tiếp: ở một thế giới nơi ông Okada mất tất cả thì Wataya Noboru được tất. Ở một thế giới nơi ông Okada bị khước từ thì Wataya Noboru được chấp nhận. Ngược lại cũng vậy. Chính vì vậy mà hắn thù ghét ông đến thế.

- Tôi không hiểu. Việc gì hắn phải bận tâm là có cái thằng tôi ở trên đời này chứ? Hắn vừa nổi tiếng lại vừa lắm quyền lực. So với hắn, tôi chỉ là con số không tròn trĩnh. Có gì hắn phải phí thời giờ công sức để đi thù ghét chính tôi?

Kano Creta lắc đầu.

- Lòng thù hận, nó cũng như một cái bóng dài, đen. Trong hầu hết trường hợp, ngay cả kẻ bị cái bóng đó trùm lên cũng không biết nó từ đâu tới. Nó như thanh gươm

hai lưỡi. Khi ta đâm người khác thì cũng là đâm chính mình. Ta chém người khác càng mạnh thì cũng chém chính mình càng mạnh. Đôi khi nó gây chết người nữa. Nhưng thoát khỏi nó không dễ đâu. Ông Okada cần phải cẩn thận. Nó nguy hiểm lắm. Một khi lòng thù hận đã bắt rễ trong lòng ông thì rút bỏ được nó là điều khó nhất trên đời này.

- Mà cô thì cảm thấy được nó phải không? Cái cội rễ thù hận trong lòng Wataya Noboru ấy.

- Vâng, tôi thấy được. Đến giờ vẫn cảm thấy được, - Kano Creta nói. — Đó chính là cái đã xé toạc thể xác tôi làm hai, đã làm tôi ô uế, ông Okada ạ. Chính vì vậy tôi không muốn hẳn là người khách cuối

cùng mua thể xác tôi. Ông có hiểu không?

Đêm ấy tôi lên giường với Kano Creta. Tôi cởi bỏ những thứ quần áo của Kumiko mà cô mặc rồi nhập thân thể mình vào cô. Nhẹ nhàng và lặng lẽ. Như thể đó là phần nối dài của giấc mơ tôi, như thể tôi đang tái tạo trong thực tại chính những động tác tôi đã làm với Kano Creta trong giấc mơ. Thân thể cô là có thực, là sống động. Nhưng thiếu một cái gì đó: thiếu cái cảm thức sáng rõ rằng chuyện này đang xảy ra trong thực tế. Những mấy lần tôi có cái hư giác rằng mình đang làm những việc này với Kumiko chứ không phải Kano Creta. Tôi cứ đinh ninh rằng ngay khi tôi xuất thì sẽ

thức dậy. Nhưng tôi không thức dậy. Tôi đi vào bên trong cô. Đó là thực tại. Đúng là thực tại. Nhưng mỗi khi tôi nhìn nhận điều đó thì thực tại lại có vẻ ít thực hơn một chút. Thực tại cứ lỏng ra dần và rời khỏi thực tại, từng bước từng bước một. Nhưng dấu sao đó vẫn là thực tại.

- Ông Okada, - Kano Crete nói, hai tay vòng qua lưng tôi, - ta cùng đến đảo Crete nhé. Đây không phải là chỗ cho hai ta nữa, không phải cho ông cũng không phải cho em. Chúng ta phải đến đảo Crete. Nếu ông ở lại đây, sẽ có chuyện không hay xảy ra với ông. Em biết. Em tin chắc thế.

- Chuyện không hay?

- Hết sức không hay, - Kano Crete nói

lời tiên tri. Giọng cô nhỏ nhưng xuyên
thấu tim như giọng con chim tiên tri sống
trong rừng sâu.

Điều không hay duy nhất từng xảy ra
trong nhà Kasahara May



Kasahara May suy tư về cội nguồn kinh
tởm của cái nóng

- Chào Chim vặn dây cót! – giọng phụ nữ
nói. Áp chặt ống nghe vào tai, tôi nhìn
đồng hồ. 4 giờ chiều. Lúc điện thoại reo
tôi đang nằm trên sofa, mình mảy dăm
mồ hôi. Đó là một giấc chợp mắt ngắn,
khó chịu. Lúc này vẫn còn lại cái cảm
giác như thể ai đó đã ngồi đè lên người
tôi suốt trong thời gian ngủ. Cái kẻ chẳng
biết là ai đó đã chờ khi tôi thiếp đi thì
đến ngồi lên người tôi, rồi ngay trước

khi tôi thức giấc thì đứng dậy bỏ đi.

- A-lôôô, - giọng nữ kia thỏ thẻ, gần như tiếng thì thầm. Tiếng nói dường như đi qua một thứ không khí cực mỏng nào đó rồi mới đến tai tôi. – Kasahara May gọi đây...

- Chào, - tôi cố nói, nhưng miệng tôi vẫn chưa chịu cử động như tôi muốn. Cái chữ thoát ra nghe như một tiếng rên thì đúng hơn.

- Anh đang làm gì đấy? – cô hỏi, giọng quan tâm.

- Chẳng làm gì cả, - tôi vừa nói vừa đưa đầu nối của ống nghe ra xa để hắng giọng. – Chẳng làm gì. Đang ngủ.

- Em phá giấc ngủ của anh à?

- Ừ thì có, nhưng không sao. Chỉ chọn

mắt tý thôi mà.

Kasahara May có vẻ ngần ngừ một chút. Rồi cô nói: Này Chim vặn dây cốt, anh qua nhà em được không?

Tôi nhắm mắt lại. Trong bóng tối treo lơ lửng những ánh sáng nhiều màu sắc và hình dạng khác nhau.

- Được thôi, - tôi nói.

- Em đang tắm nắng ngoài vườn, anh cứ vào qua ngõ sau ấy.

- Ok.

- Này Chim vặn dây cốt, anh có giận em không?

- Anh không biết, - tôi nói. – Nhưng dù thế nào anh cũng đi tắm, thay đồ một cái rồi qua em ngay. Anh có chuyện cần nói với em.

Tôi mở vòi nước lạnh xối toàn thân một lát cho tỉnh người, sau đó chuyển sang nước nóng để kỳ cọ, rồi lại mở nước lạnh. Làm vậy xong tôi cũng tỉnh hẳn ra, nhưng cơ thể tôi vẫn thấy ù lỳ, nặng trĩu. Chân tôi bắt đầu run, trong khi tắm tôi phải vịn lấy giá treo khăn tay hay ngồi lên thành bồn tắm mấy lần. Có lẽ tôi kiệt sức hơn mình tưởng.

Ra khỏi bồn tắm và lau khô người xong, tôi đánh răng rồi nhìn mình trong gương. Vết bầm màu xanh sẫm vẫn còn đỏ trên má phải, không sẫm hơn cũng không nhạt hơn trước. Hai nhãn cầu tôi chẳng chịt những đường đỏ li ti, dưới mắt có quầng thâm. Hai má tôi hóp vào, tóc tôi bõm xồm, phải tỉa. Tôi trông như một xác chết

còn mới vừa sống lại, tự đào mồ chui lên.

Tôi mặc áo phông, quần soóc, đội mũ, mang kính râm. Ra khỏi nhà, đi dọc theo con ngõ, tôi nhận ra rằng cái nóng còn lâu mới dứt. Mọi sinh vật trên mặt đất – mọi sinh vật mắt nhìn thấy được – đều há hốc miệng chờ mưa, nhưng trên trời không có lấy một cụm mây. Một màn không khí hầm hập, tù đọng trùm lên con ngõ. Nơi này vắng tanh vắng ngắt, như mọi khi. Tốt thôi. Vào một ngày oi bức thế này, và với cái bản mặt tôi trông gớm ghiếc thế này, tôi không muốn gặp ai hết. Trong vườn căn nhà hoang, con chim đá vẫn nhìn đăm đăm lên trời như trước, mỏ ngoảnh lên trên. Nó trông còn bản thủ

hơn cả lần trước, còn bệ rạc thảm hại hơn. Thế nhưng vẫn có cái gì đó căng thẳng trong cái nhìn của nó. Dường như nó đang nhìn chăm chú một cái gì đó cực kỳ u ám đang trôi trên bầu trời. Giá như có thể, con chim hản đã dời cái nhìn sang chỗ khác, nhưng mắt nó như đã bị khoá chặt vào một chỗ, nó không còn cách nào khác, đành phải nhìn thôi.

Những ngọn cỏ dại cao nghệu vây quanh bức tường vẫn bất động, như dàn đồng ca trong bi kịch Hy Lạp đang nín thở chờ sấm truyền ban xuống. Chiếc Ăng-ten truyền hình trên mái nhà chĩa những cái xúc-tu bằng bạc vào cái nóng ngạt thở. Dưới ánh sáng mùa hè thiêu đốt, mọi thứ đều khô xác và kiệt sức.

Sau khi quan sát vườn căn nhà hoang, tôi đi vào vườn nhà Kasahara May. Cây sồi già hắt bóng râm mát mẽ lên bãi cỏ, nhưng Kasahara May rõ là cố tình tránh bóng râm mà nằm dài ngay dưới cái nắng như thiêu như đốt. Cô bé nằm ngửa trên ghế xếp, mặc một bộ bikini nhỏ xíu màu sôcôla, hai mảnh vải bé tý nối với nhau bằng mấy mẩu dây. Tôi không khỏi tự hỏi mặc như thế liệu người ta có bơi được không. Cô vẫn đeo cặp kính râm như khi chúng tôi gặp nhau lần đầu, những giọt mồ hôi to lấm tẩm trên mặt. Dưới ghế xếp cô nằm là một tấm khăn tắm màu trắng, một hộp đựng kem chống nắng và mấy tờ tạp chí. Nằm bên cạnh là hai lon sprite rỗng, một lon được cô dùng làm

gạt tàn thuốc. Một ống nước nhựa có đầu phun nằm lơ lửng trên bãi cỏ, ai đó dùng xong cũng không buồn cuộn lại.

Khi tôi đến gần, Kasahara May ngồi dậy với tay tắt radio. Da cô rám nắng hơn nhiều so với lần trước. Đây không phải là cái rám nắng bình thường như khi người ta đi tắm biển cuối tuần. Từng phần cơ thể cô – từ đầu đến ngón chân – được nung chín đều khắp. Dường như suốt ngày cô chỉ làm mỗi một việc là tắm nắng, kể cả suốt thời gian tôi ở dưới giếng. Tôi nhìn quanh vườn một chút. Vườn trông chẳng khác gì lần trước, bãi cỏ rộng xen tía chin chu, cái hồ vẫn cạn nước và khô ran đến nỗi tôi nhìn thấy là thấy khát nước rồi.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế xếp bên cạnh ghế của Kasahara May, rút trong túi ra một chiếc kẹo chanh. Nóng bức làm cho giấy gói dính bết vào kẹo.

Kasahara May nhìn tôi một lát, không nói gì.

- Anh sao vậy hả Chim vặn dây cót? Cái gì trên mặt anh vậy? Có phải vết bầm không?

- Chắc là vậy. Có thể. Nhưng anh không biết làm sao lại thế. Anh soi gương thì đã thấy nó ở đây rồi.

Kasahara May chống một cùi chỏ nhôm dậy, nhìn chằm chằm vào mặt tôi. Cô gạt mấy giọt mồ hôi đọng dưới mũi rồi đẩy kính râm lên một chút về đúng chỗ của nó. Cặp tròng kính thăm che kín mít cặp

mắt cô.

- Anh hoàn toàn không biết à? Không hề biết bị khi nào hay tại sao à?

- Hoàn toàn không.

- Không á?

- Anh ra khỏi giếng, lát sau anh soi gương thì nó đã ở đó rồi. Thật đấy. Chỉ có vậy thôi.

- Có đau không?

- Không đau, không ngứa. Nhưng có hơi âm ẩm.

- Anh đi bác sĩ chưa?

Tôi lắc đầu.

- Chắc chỉ phí thời giờ thôi.

- Chắc vậy, - Kasahara May nói. – Em cũng chưa ghét bác sĩ.

Tôi bỏ mũ và kính ra rồi rút khăn mùi soa lau mồ hôi trên trán. Nách chiếc áo phông xám tôi mặc đã đen nhem mồ hôi.

- Bộ bikini đẹp lắm, - tôi nói.

- Cảm ơn.

- Trông cứ như bằng mấy mẩu vải ghép lại ấy. Tận dụng tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên ít ỏi của nước ta.

- Khi xung quanh không có ai thì em cởi phần trên ra.

- Ừ, - tôi nói.

- Ở dưới đâu có gì nhiều để phô ra đâu, - cô nói, như để thanh minh.

Mà thật, bộ ngực cô sau mảnh trên bộ bikini vẫn còn khá nhỏ, chưa phát triển.

- Em đã bao giờ mặc thế này mà bơi

chưa? – tôi hỏi.

- Chưa bao giờ. Em không biết bơi. Còn anh, Chim vặn dây cót?

- Ồ, anh thì biết bơi.

- Bao xa?

- Xa.

- Mười cây số?

- Chắc thế... Hiện giờ không có ai ở nhà à?

- Cả nhà đi từ hôm qua rồi, đến nhà nghỉ mùa hè của nhà em ở Izu. Ai cũng thích đi bơi vào cuối tuần. Cả nhà tức là ba mẹ và thằng cu em của em ấy.

- Không có em à?

Cô khẽ nhún vai. Rồi cô lấy từ trong nếp gấp khăn tắm ra một gói Hope và hộp

điên rồi châm một điều.

- Anh trông kinh quá, Chim vặn dây cót à.

- Dĩ nhiên là anh trông kinh rồi, mấy ngày ngồi dưới đáy giếng hầu như không ăn, không uống thì có ai trông không kinh?

Kasahara May bỏ kính ra quay mặt lại tôi. Cô vẫn còn vết cắt sâu gần mắt.

- Này Chim vặn dây cót, anh điên em lắm phải không?

- Anh không biết. Anh đã có hàng đồng chuyện để nghĩ rồi, hơi đầu mà điên với em.

- Vợ anh đã về chưa?

Tôi lắc đầu.

- Cô ấy có gửi thư cho anh. Nói là không

bao giờ về nữa.

- Tội nghiệp Chim vặn dây cót, Kasahara May nói. Cô ngồi dậy nhào người, đặt tay lên đầu gối tôi. – Tội nghiệp Chim vặn dây cót, tội quá. Anh Chim vặn dây cót này, có thể anh không tin, nhưng rốt cuộc em cũng đã định cứu anh lên khỏi giếng đấy. Em chỉ muốn làm anh sợ một chút thôi, hành hạ anh tí ti. Em muốn xem liệu em có làm anh ghét lên được không. Em muốn xem phải đợi bao lâu thì anh mới cuống cuống kêu la loạn lên.

Tôi không biết trả lời thế nào nên chỉ gật đầu.

- Anh có nghĩ khi em bảo sẽ để anh chết dưới đó là em nói nghiêm chỉnh không? Thay vì trả lời ngay, tôi vo tròn mảnh

giấy gói kẹo thành viên tròn. Rồi tôi nói:

- Thật sự là anh không biết. Em nói nghe thì cứ như thật, nhưng lại cũng nghe như em chỉ muốn dọa cho anh sợ thôi. Khi mình đã xuống dưới giếng mà nói chuyện với ai đó ở trên miệng giếng thì giọng nói nghe lạ lẫm, mình không thật sự nắm bắt được nét biểu cảm trong giọng người kia. Nhưng nói gì thì nói, vấn đề không phải thật ra em nói thật hay nói đùa. Ý anh là thực tại được tạo nên từ nhiều lớp. Thành thử có thể trong thực tại kia em muốn giết anh thật, nhưng trong thực tại này thì lại không. Nó còn tùy em ở thực tại nào còn anh ở thực tại nào.

Tôi nhét mẫu giấy gói kẹo đã vo tròn vào lỗ hộp Sprite.

- Này Chim vặn dây cốt, anh làm giúp em một việc được không? - Kasahara May nói, tay chỉ ống nước trên bãi cỏ. – Anh lấy cái đó xịt cho em được không? Nóng quá là nóng! Nếu không xối cho ướt từ đầu đến chân thì óc em chắc khô quắt lại mất.

Tôi rời khỏi ghế xếp, đi tới nhặt chiếc ống nước bằng nhựa màu xanh dương nằm trên bãi cỏ. Nó ẩm sục, nhũn ra vì nóng. Tôi ra đứng sau lùm cây rồi mở vòi. Đầu tiên chỉ có nước đã bị hun nóng ở trong vòi vọt ra, nhưng vòi mát lên dần cho đến khi chỉ còn phun nước lạnh.

Kasahara May đuổi dài trên bãi cỏ, tôi bèn hướng một làn nước mạnh mẽ mát rượi vào cô.

Cô nhắm mắt để cho nước xối tràn lên thân thể.

- Ôi, dễ chịu quá! Anh cũng nên làm vậy đi, Chim vặn dây cốt à.

- Nhưng bộ này đâu phải đồ tắm, - tôi nói, song Kasahara May có vẻ hết sức khoan khoái nhờ kiểu tắm này còn cái nóng thì lại gay gắt đến nỗi tôi không cưỡng lại được. Tôi cởi chiếc áo phong sương mồ hôi ra, cúi người về phía trước, để dòng nước lạnh tràn qua đầu. Tôi nuốt một ngụm nước. Vừa lạnh vừa ngon.

- Đây, nước giếng đây à? – tôi hỏi.

- Chứ sao nữa! Lấy lên bằng bơm. Quá tuyệt phải không? Lạnh ới là lạnh. Uống luôn cũng được. Nhà em nhờ một tay ở Bộ Y Tế đến kiểm nghiệm chất lượng

nước, ông ta bảo nước này hoàn toàn ổn, hầu như khắp cả Tokyo chả bao giờ tìm được nước sạch thế. Ông ta ngạc nhiên lắm. Nhưng nhà em vẫn hơi sờ sợ không uống. Bao nhiêu là nhà xúm quanh thế này, ai mà biết được có những thứ gì lẫn vào nước.

- Nhưng em không thấy lạ à? Giếng nhà Miyawaki khô như đá, nhưng giếng nhà em thì nước ngon lành tươi nguyên thế này. Thế mà chỉ bên kia ngõ thôi. Sao lại khác nhau đến thế được?

Kasahara May nghiêng đầu.

- Chắc có gì đó làm cho mạch nước ngầm chuyển hướng một chút, khiến cho giếng bên kia cạn còn bên em thì không. Em không biết chắc lý do tại sao.

- Đã có chuyện không hay nào xảy ra trong nhà em không? – tôi hỏi.

Kasahara May nhăn mặt, lắc đầu.

- Điều không hay duy nhất xảy ra ở cái nhà này trong mười năm qua là nó chán chết được ấy.

Kasahara May lau mình rồi hỏi tôi có muốn uống bia không. Tôi bảo muốn. Cô vào nhà mang ra hai lon Heineken. Cô uống một lon, tôi uống một lon.

- Này Chim vặn dây cốt, nói em nghe, dự định của anh từ nay trở đi là gì?

- Anh chưa quyết định được, - tôi nói – Nhưng chắc anh sẽ đi khỏi đây. Có khi anh đi khỏi Nhật không chừng.

- Đi khỏi Nhật? Là đi đâu?

- Đến Crete.

- Crete? Có phải là liên quan đến cô tên là Creta gì gì ấy không?

-Ừ, phần nào đấy.

Kasahara May ngẫm nghĩ một chút.

- Có phải cô Creta gì gì ấy cứu anh lên khỏi giếng không?

- Kano Creta, - tôi nói. - Ừ, cô ấy đấy.

- Anh có nhiều bạn lắm phải không hở Chim vặn dây cót?

- Có đâu mà nhiều. Anh bị mang tiếng là ít bạn thì có.

- Mà làm sao Kano Creta tìm được anh ở dưới giếng nhỉ? Anh đâu có bảo ai là anh xuống đó phải không? Thế làm sao cô ta đoán được anh đang ở đâu chứ?

- Anh không biết, - tôi nói.

- Nhưng mà anh sẽ đi Crete à?

- Anh chưa quyết định có đi hay không. Có khả năng thế thôi. Trước hết anh phải giải quyết xong chuyện Kumiko đã.

Kasahara May cho một điều thuốc lên môi rồi châm lửa. Đoạn cô đưa đầu ngón tay út sờ lên vết sẹo gần mắt.

- Anh biết không, Chim vặn dây cốt, suốt thời gian anh ở dưới giếng, em toàn ở đây tắm nắng. Em ngắm vườn căn nhà hoang, vừa tự nướng mình dưới nắng vừa nghĩ tới anh đang ở dưới giếng, bụng đói meo, tiến dần từng tí một tới cái chết. Em là người duy nhất biết anh đang ở dưới đó và không lên được. Và khi nghĩ thế, em cảm nhận một cách rõ rệt đến khó ngờ anh đang cảm thấy thế nào: đau đớn,

rồi trí, sợ hãi. Anh có hiểu ý em không? Nhờ làm vậy, em thấy được gần gũi anh lắm lắm ấy! Em thật không có ý để anh chết đâu. Thật mà. Đúng vậy đó. Nhưng em vẫn muốn làm tới. Đến tận phút chót. Kỳ đến khi nào anh rụng rời chân tay, sợ vãi linh hồn ra, hết chịu nổi nữa mới nghe. Em tin thế là tốt nhất cho cả em và anh, thật đấy mà.

- Anh thì bảo em thế này, - tôi nói. — Anh nghĩ nếu em đã thật sự làm tới đến phút chót thì có khi em sẽ muốn đẩy đến tận cùng luôn. Có khi sẽ dễ hơn em tưởng nhiều đấy. Nếu em đã đi xa đến mức đó thì chỉ cần ẩy thêm một cái cuối cùng là xong. Sau đó có khi em sẽ nghĩ thế là tốt nhất cho cả anh và em không chừng. —

Tôi nhấp một ngụm bia.

Kasahara May vừa nghĩ một chút vừa cắn môi.

- Có thể anh nói đúng, - cô nói. – Em cũng không biết nữa.

Tôi nốc cạn bia rồi đứng dậy. Tôi đeo kính, mặc chiếc áo phông sũng mồ hôi vào. – Cảm ơn em cho uống bia nhé.

- Này Chim vặn dây cốt, anh biết không,

- Kasahara May nói, - đêm qua, khi cả nhà em lên đường nghỉ hè cả rồi, em đã xuống chỗ cái giếng. Em ở đó phải tới năm, sáu tiếng đồng hồ, chỉ ngồi yên thôi.

- Thế em chính là người đã tháo thang dây mang đi.

- Vâng, - Kasahara May nói, hơi cau mày. – Em đấy.

Tôi quay ra nhìn bãi cỏ rộng. Đất ẩm toả một làn hơi nước trông như khói vì nóng. Kasahara May nhét mẩu đầu thuốc lá vào một lon Sprite rỗng.

- Trong mấy tiếng đầu tiên em không cảm thấy gì đặc biệt. Dĩ nhiên, ngồi trong tối như hũ nút thế kia thì cũng không khoái lắm, nhưng em không sợ, không hãi, không gì cả. Em không như mấy đứa con gái hơi một tý là ré lên. Nhưng em biết đó không phải chỉ là bóng tối. Anh Chim vịn dây cốt đã ở dưới đó hàng mấy tiếng liền, anh biết chẳng có lý do gì để sợ cả. Thế nhưng sau khoảng hai, ba tiếng, em càng lúc càng cảm thấy ít biết được chính mình hơn. Ngồi im lặng dưới kia trong bóng tối, em có thể nghe có cái gì

đó bên trong em – bên trong cơ thể em ấy – đang càng lúc càng lớn ra. Cảm thấy như cái vật gì đó ấy đang mọc dần lên trong em, như rễ cây trong chậu, khi nào đủ lớn nó sẽ xé toang em ra. Đến khi đó thì em coi như là hết, như cái chậu vỡ nát ra thành hàng triệu mảnh vụn. Nó là cái gì chịu không biết được, nhưng khi em còn ở dưới ánh mặt trời thì nó vui bên trong em, còn trong bóng tối thì nó được hút một thứ dưỡng chất đặc biệt nào đấy rồi lớn lên nhanh ời là nhanh, đến phát sợ lên ấy! Em cố kìm nó xuống mà không được. Chính khi đó em mới thực sự sợ. Chưa bao giờ trong đời em sợ đến thế. Cái gì đó ở bên trong em, cái vật trắng trắng kinh tởm ấy nó đang chiếm lĩnh dần, chiếm lĩnh em, ngốn dần thân thể

em. Lúc đầu thì cái thứ kinh tởm ấy nó bé lắm, Chim vặn dây cót ạ.

Kasahara May ngừng nói một chút, nhìn chăm chăm vào hai tay mình, như đang hồi tưởng lại những gì đã xảy ra với mình ngày hôm đó

- Em sợ thật đấy, sợ chết điếng, - cô nói.
— Có lẽ trước kia em muốn anh sợ chính là sợ như thế này đây. Em đã muốn anh phải nghe thấy tiếng cái vật kia đang nhai nuốt mình.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế xếp, ngắm thân thể Kasahara May chỉ che hờ bằng bộ bikini bé xiu. Cô đã mười sáu tuổi nhưng dáng người chỉ như cô bé mười ba, mười bốn tuổi. Ngực và đùi cô còn xa mới nảy nở đầy đủ. Thân hình cô gợi

cho tôi nhớ tới những bức họa chỉ dùng một số nét tối thiểu nhưng vẫn cho ta một cảm thức sống động về thực tại. Thế nhưng, đồng thời ở nó vẫn có một cái gì đó cho ta ấn tượng già cỗi đê.

Rồi bỗng tôi buột miệng hỏi cô:

- Em đã bao giờ có cảm giác mình bị cái gì đó làm cho ô ứ không?

- Ô ứ? - Cô nheo mắt nhìn tôi. - Ý anh là ô ứ về thể xác ấy à? Anh định nói là bị hiếp?

- Về thể xác. Về tinh thần. Hoặc thể này hoặc thể kia.

Kasahara May nhìn xuống thân thể mình, rồi lại nhìn sang tôi.

- Về thể xác thì không. Em vẫn là gái tân. Em có cho một cậu trai sờ mó. Nhưng

vẫn mặc nguyên quần áo.

Tôi gật đầu.

- Về tinh thần... ừm... em không biết.

Em thật không hiểu bị ô uế về tinh thần nghĩa là thế nào.

- Anh cũng chẳng biết, - tôi nói. — Vấn đề là mình có cảm thấy điều đó từng xảy ra với mình hay không. Nếu em không cảm thấy thì hẳn có nghĩa là em chưa bị ô uế.

- Sao anh hỏi em thế?

- Bởi vì một vài người mà anh biết có cảm giác ấy. Nó làm sinh ra đủ thứ phức tạp. Nhưng có chuyện này anh muốn hỏi em. Vì sao em luôn nghĩ đến cái chết thế?

Cô cho một miếng thuốc lên môi rồi khéo léo môi lửa bằng một tay. Đoạn cô kéo

kính râm lên.

- Anh thì không hay nghĩ đến cái chết à, hử Chim vặn dây cót?

- Dĩ nhiên là anh có nghĩ đến cái chết. Nhưng không phải luôn luôn. Chỉ thỉnh thoảng thôi. Như hầu hết thiên hạ.

- Em thì em nghĩ thế này Chim vặn dây cót, - Kasahara May nói. – Mỗi người sinh ra trên đời này đều có một cái gì đó riêng biệt nằm ở sâu bên trong người đó. Và cái đó ấy, dù là cái gì đi nữa, trở thành một nguồn nhiệt điều khiển mỗi con người từ bên trong. Dĩ nhiên em cũng có. Như mọi người khác. Nhưng đôi khi nó bị rối loạn. Nó phình lên rồi co lại bên trong em, nó làm em lộn tùng phèo lên. Thật sự là em chỉ muốn truyền đạt cái

cảm giác đó cho người khác. Nhưng dường như em không làm nổi. Người ta không hiểu. Dĩ nhiên có thể tại em không biết giải thích sao cho thật rõ, nhưng cũng tại người ta không chịu lắng nghe nữa. Họ vờ nghe, nhưng thật ra họ có nghe đâu. Vì thế mà đôi khi em nổi điên lên rồi làm những việc rồ dại.

- Những việc rồ dại á?

- Như là nhốt anh dưới giếng chẳng hạn, hoặc như khi đang ngồi trên yên sau xe máy thì choàng tay che mắt anh chàng đang đèo mình.

Khi nói vậy, cô đưa tay sờ vết thương trên mặt.

- Chính vì vậy mới xảy ra tai nạn phải không? – tôi hỏi.

Kasahara May nhìn tôi với vẻ dò hỏi, như thể cô không nghe thấy tôi nói gì. Tôi không nhìn ra được nét cảm xúc trong mắt cô sau cặp kính râm dày, nhưng một sự vô cảm nào đó hình như đã lan ra trên khắp mặt cô như dầu rót lên mặt nước lặng.

Điều thuốc ngậm giữa hai môi, Kasahara May vẫn nhìn tôi. Hay đúng hơn, cô vẫn tiếp tục nhìn vết bầm của tôi.

- Em có phải trả lời câu hỏi ấy không, hờ Chim vặn dây cót?

- Không, nếu em không muốn. Chính em kêu chuyện ấy ra mà. Nếu em không muốn nói tới chuyện đó thì đừng nói.

Kasahara May trở nên hết sức trầm lặng. Hình như cô phân vân không biết phải

làm gì. Đoạn cô hít khói thuốc vào đây phổi rồi từ từ thở ra. Bằng một động tác nặng nề, cô gỡ kính rồi quay mặt về phía nắng, hai mắt nhắm tịt. Quan sát cô, tôi thấy như dòng chảy thời gian đang dần dần chậm lại, như thể dây cót của thời gian đang bắt đầu chùng xuống.

- Anh ta chết, - cuối cùng cô nói, giọng vô cảm, như thể cô vừa miễn cưỡng chấp nhận một cái gì đó.

- Chết à?

Kasahara May bập bập tàn thuốc. Đoạn cô nhặt khăn tắm dưới đất lên lau mồ hôi trên mặt, lau tới lau lui mấy lần. Cuối cùng, như thể chợt nhớ ra một việc quan trọng quên thực hiện, cô nói một cách vắn tắt, kiểu sự vụ:

- Lúc đó bọn em đi khá nhanh. Chuyện xảy ra ở gần Enoshima.

Tôi nhìn cô không nói một lời. Cô cầm mỗi tay một mép chiếc khăn tắm mà ấn khăn vào khăn mặt. Khói trắng tuôn ra từ điều thuốc giữa những ngón tay cô. Không có gió nên khói bốc thẳng lên, như từ một đồng lửa báo hiệu thu nhỏ. Cô hình như đang phân vân không biết nên cười hay nên khóc. Ít nhất là tôi cảm thấy vậy. Cô phân vân trên lần ranh hẹp chia cách khả năng này với khả năng kia, nhưng rốt cuộc cô không ngã về bên nào cả. Kasahara May lấy lại vẻ mặt cũ, đặt khăn tắm xuống đất rồi rít một hơi thuốc. Đã gần 5 giờ chiều, nhưng cái nóng chẳng có vẻ gì là dịu đi.

- Em đã giết anh ấy, - cô nói. – Dĩ nhiên em không có ý định giết anh ấy. Em chỉ muốn đẩy tới những giới hạn. Bọn em vẫn làm như vậy luôn. Như là trò chơi ấy. Em bịt mắt hoặc cù lét anh ấy trong khi cả hai đang đi xe máy. Nhưng chẳng chuyện gì xảy ra cả. Cho đến hôm đó...

Kasahara May ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào tôi.

- Dù sao thì em cũng không có cảm giác mình bị ô uế đâu, Chim vặn dây cót à. Em chỉ muốn đến càng gần hơn càng tốt cái vật khốn nạn ấy. Em muốn dụ nó ra khỏi em rồi đập nát nó thành từng mảnh. Mà muốn dụ nó ra được thì mình phải thực sự đẩy đến tận cùng. Không có cách nào khác. Anh phải có một miếng mồi

ngon để nhử nó. – Cô chậm rãi lắc đầu. – Không, em không nghĩ là mình đã bị làm ô uế. Nhưng mặt khác em cũng không được cứu vớt. Không ai có thể cứu vớt em lúc này được, Chim vặn dây cốt ạ. Thế giới có vẻ hoàn toàn trống rỗng đối với em. Mọi thứ em thấy quanh mình đều có vẻ giả tạo. Cái duy nhất không giả tạo là cái thứ kinh tởm nằm ở trong em ấy.

Kasahara May ngồi một lát, thở từng hơi nhỏ đều đặn. Không có âm thanh nào khác, không tiếng chim, không tiếng côn trùng. Một sự tĩnh mịch khủng khiếp trùm lên khu vườn, như thể cả thế giới này đã trở nên trống rỗng.

Kasahara May ngoảnh lại đối diện tôi. Dường như lúc đó cô vừa nhớ ra điều gì

đây. Giờ đây mọi nét biểu cảm đều biến mất khỏi mặt cô, như thể cô vừa được gội sạch chẳng còn lại gì.

- Này Chim vặn dây cốt, nói em nghe, anh đã ngủ với cô Kano Creta gì đó chưa?

Tôi gật đầu.

- Đến Crete rồi anh có viết thư cho em không? - Kasahara May hỏi.

- Có chứ. Nếu anh đi.

- Này Chim vặn dây cốt biết không, - ngân ngữ một lát cô nói, - em nghĩ có khi em sẽ đi học lại đây.

- Ồ, thế ra em đổi ý về chuyện trường học rồi à?

Cô khẽ nhún vai.

- Đó là chuyện khác. Em không chịu về

trường cũ đâu. Trường mới thì ở xa đây. Thành thử chắc là em sẽ không gặp anh một thời gian.

Tôi gật đầu. Rồi lấy trong túi ra một viên kẹo chanh cho vào miệng. Kasahara May đưa mắt nhìn quanh rồi châm một điếu thuốc.

- Này Chim vặn dây cót, ngủ với nhiều đàn bà khác nhau thì cũng thú phải không?

- Còn phải nói.

- Ồ, cái đó thì em có nghe rồi.

- Đúng, - tôi nói, nhưng không biết nói gì hơn.

- Mà thôi, quên đi. Nhưng này Chim vặn dây cót, anh biết không, chính vì gặp anh mà rốt cuộc em mới quyết định đi học lại

đây. Không đùa đâu.

- Sao vậy? – tôi hỏi.

- Ừ, tại sao nhỉ? - Kasahara May nói.

Rồi cô nheo nheo đuôi mắt mà nhìn tôi. –

Có thể là em muốn quay trở lại một thế giới bình thường hơn. Nhưng được gần anh, em thật sự rất vui, Chim vặn dây cốt à. Không đùa đâu. Anh là một người cực kỳ bình thường, nhưng anh lại làm những chuyện chẳng bình thường chút nào. Và anh lại rất ư là – nói thế nào nhỉ? –

không thể đoán trước được. Thành thử là cả bên anh thế này không hề chán chút nào. Anh không biết được ở gần anh em thấy dễ chịu đến thế nào đâu. Mà không thấy chán có nghĩa là không phải nghĩ về bao nhiêu là chuyện ngu ngốc. Đúng

không nào? Cho nên về chuyện ấy thì em rất vui khi có anh. Nhưng phải nói thật, gần anh em cũng thấy lo lo là.

- Lo lo thế nào kia?

- Nói sao nhỉ? Đôi khi, nhìn anh, em có cảm giác như anh đang chiến đấu rất dữ với một cái gì đó vì em. Em biết nói thế nghe lạ lẫm, nhưng mỗi khi như vậy, em thấy mình đang ở bên anh, đang đỡ đỡ hơi cùng anh. Hiểu ý em không? Anh luôn luôn có vẻ bình thản, như thể dù có gì xảy ra đi nữa thì cũng chẳng liên quan gì đến anh, nhưng thật ra anh không phải vậy. Theo cách riêng của anh, anh đang chiến đấu hết sức mình, mặc dù thoạt nhìn người ta không biết đâu. Nếu không vậy thì anh đã chẳng chui xuống giếng

như thế, đúng không? Nhưng dù sao đi nữa, anh cũng không phải đang chiến đấu vì em, dĩ nhiên. Anh đang gồng hết sức mình vật lộn với cái gì đó rất to lớn, mà lý do duy nhất khiến anh làm vậy là để tìm cho bằng được Kumiko. Thành thử chẳng có lý do gì để em phải vã mồ hôi vì anh cả. Em biết rõ thế, nhưng dẫu vậy em cũng không khỏi cảm thấy anh đang chiến đấu vì chính em, Chim vặn dây cót ạ - rằng theo cách nào đó có lẽ anh đang chiến đấu vì nhiều người khác đồng thời với chiến đấu vì Kumiko. Có lẽ chính vì vậy mà đôi khi anh có vẻ như một gã lơ lơ láo ngáo. Em nghĩ như vậy đó, Chim vặn dây cót ạ. Nhưng mỗi khi thấy anh làm vậy, em thấy căng thẳng, lo lo, rốt cuộc thì chẳng còn hơi sức nào nữa. Em

thấy như thể anh chắc sẽ không thắng nổi. Nếu phải đặt cược thì em sẽ cược anh thua. Rất tiếc, nhưng nó là vậy. Em thích anh lắm, nhưng em không muốn trắng tay.

- Anh hoàn toàn hiểu.

- Em không muốn thấy anh sa cơ, cũng không muốn phải vã mồ hôi thêm vì anh nữa. Chính vì vậy em mới quyết định quay về một thế giới bình thường hơn một chút. Nhưng giá như em không gặp anh ở đây - ở đây, ngay trước căn nhà hoang này – thì chắc mọi sự đã không thành ra như thế. Hẳn em đã chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện đi học trở lại. Em sẽ nán ná mãi trong một thế giới chẳng bình thường cho lắm. Thành thử theo nghĩa đó thì chính là do anh cả, Chim vặn dây cót

a. Anh không hoàn toàn là kẻ vô ích đâu. Tôi gặt đầu. Đã lâu lắm rồi lần đầu tiên mới có người nói điều gì đó tốt đẹp về tôi.

- Lại đây, chim vặn dây cót, - Kasahara May nói. Cô nhôm dậy trên chiếc ghế xếp.

Tôi đứng dậy, đi về phía cô.

- Ngồi đây, chim vặn dây cót, - Kasahara May nói.

Tôi làm theo, ngồi xuống cạnh cô.

- Cho em xem mặt anh nào, chim vặn dây cót.

Cô nhìn tôi đăm đăm một hồi. Thế rồi, một tay đặt trên đầu gối tôi, cô ấn lòng bàn tay kia lên vết bầm trên má tôi.

- Tội nghiệp Chim vặn dây cót, -

Kasahara May nói, giọng gần như thì thầm. – Em biết rồi anh sẽ gặp đủ thứ chuyện. Mà thậm chí anh chẳng biết vậy nữa cơ. Và anh cũng không thể lựa chọn gì hết. Kiểu như mưa rơi trên đồng ấy. Giờ nhắm mắt lại nào, chim vặn dây cót. Nhắm thật chặt vào. Như là bị dán keo ấy.

Tôi nhắm chặt mắt lại.

Kasahara May chạm môi vào vết bầm của tôi – môi cô nhỏ và mỏng, như không phải môi thật mà là một thứ bất chước làm cực khéo. Rồi cô hé môi ra và miết lưỡi lên khắp vết bầm của tôi – thật chậm rãi, từng li từng tý một. Suốt thời gian đó bàn tay vẫn để nguyên trên đầu gối tôi. Cái đụng chạm ấm áp, ẩm ướt

của bàn tay đó như thể đến với tôi từ xa, từ một nơi thậm chí còn xa hơn cả những cánh đồng xa nhất trên thế giới. Đoạn cô cầm lấy tay tôi, đặt nó chạm vào vết thương bên cạnh mắt cô. Tôi vuốt ve vết sẹo dài chỉ hơn một xăng-ti-mét ấy. Khi tôi làm vậy, những làn sóng của ý thức cô rung qua đầu ngón tay tôi mà nhập vào tôi, như tiếng vang vi tế của một niềm ham muốn. Một ai đó cần phải ôm người con gái này vào tay, siết cô thật chặt. Hẳn là ai khác chứ không phải tôi. Ai có đủ phẩm chất để cho cô một cái gì.

- Tạm biệt chim vặn dây cót. Hẹn ngày nào đó gặp lại anh.

16

Điều đơn giản nhất

*

Trả thù dưới dạng tình vi

*

Vật trong thùng đàn ghita

Ngày hôm sau tôi gọi điện thoại cho ông cậu, báo cho ông biết trong vài tuần tới tôi sẽ dọn đi. Tôi xin lỗi đã nói chuyện này với ông đột ngột như vậy, nhưng giải thích ấy là vì Kumiko đã bỏ tôi mà đi cũng đột ngột như thế. Chẳng việc gì phải giấu giếm nữa. Tôi bảo ông cậu rằng nàng đã viết thư nói nàng sẽ không về nữa, và tôi muốn đi khỏi nơi này ngay

lập tức, dẫu rằng đi bao lâu tôi cũng chưa biết. Nghe xong bài giải thích đơn sơ của tôi, cậu tôi im lặng một hồi ở đầu dây bên kia. Hình như ông đang ngẫm nghĩ điều gì đó. Rồi ông nói: Ít lâu nữa cậu đến chơi được không? Cậu muốn tận mắt thấy đang có chuyện gì. Mà cũng đã lâu rồi cậu chưa về lại nhà đó.

* * *

Hai hôm sau cậu tôi đến vào buổi tối. Ông nhìn vết bầm trên má tôi nhưng không nói gì. Có lẽ ông chẳng biết nói gì. Ông nheo mắt nhìn có vẻ hiếu kỳ, chỉ có thế. Ông mang đến cho tôi một chai Scotch và một gói bánh bột tôm mua ở Odawara. Chúng tôi ngồi ngoài hiên, vừa ăn bánh vừa uống rượu.

- Lại về ngôi trên hàng hiên này thật thích quá, - cậu tôi nói, đầu gật gật mấy lần. - Khu nhà cậu ở hiện giờ không có hàng hiên, dĩ nhiên rồi. Nhiều khi cậu thật tình nhớ cái nhà này. Ngôi ngoài hiên này mình có một cảm giác đặc biệt mà không đâu khác có.

Ông ngồi im một hồi rồi nhìn trăng, một mảnh trăng lưỡi liềm trắng mảnh trông như ai đó vừa mài sắc xong. Một vật như thế mà có thể trôi trên bầu trời hầu như là một sự thần kỳ đối với tôi.

Thế rồi cậu tôi bỗng hỏi, vẻ như hoàn toàn vô tình:

- Sao cháu có cái vết bầm kia vậy?

- Cháu cũng chả biết nữa, - tôi nói rồi nhấp một ngụm whisky. - Tự dưng có đó.

Đâu như cách đây một tuần thì phải? Giá như có thể giải thích rõ hơn thì hay biết mấy, nhưng cháu chẳng biết giải thích ra sao cả.

- Cháu đi khám bác sĩ chưa?

Tôi lắc đầu.

- Cậu chả muốn chõ mũi vào chuyện người khác làm gì đâu, nhưng cho cậu nói điều này: cháu cần phải ngồi xuống mà suy nghĩ cho tới nơi tới chốn xem điều gì là quan trọng nhất đối với cháu.

Tôi gật đầu.

- Cháu nghĩ mãi đấy chứ, - tôi nói. -

Nhưng mọi chuyện phức tạp quá, cứ rối tung lên. Cháu không sao tách bạch ra từng chuyện một được. Cháu chả biết làm cách nào gỡ rối cả.

Cậu tôi mỉm cười.

- Cháu biết cậu nghĩ gì không? Theo cậu, đầu tiên cháu hãy nghĩ về những chuyện đơn giản nhất, hãy bắt đầu từ đây. Chẳng hạn, cháu có thể đứng ở góc phố nào đó ngày này sang ngày khác mà nhìn người qua kẻ lại. Cháu chẳng việc gì phải vội quyết định điều gì cả. Có thể khó đấy, nhưng đôi khi cháu cần phải dừng lại, cứ từ từ, thông thả. Cháu phải tự rèn cho mình biết cách nhìn sự vật bằng chính mắt mình, cho đến khi một cái gì đó trở nên rõ ràng. Đã muốn vậy thì đừng sợ mất thời gian. Một khi ta không tiếc thời gian vào một cái gì, ấy có thể là hình thức trả thù tinh vi nhất đó.

- "Trả thù"?! Ý cậu là thế nào? "Trả

thù"? Trả thù ai?

- Rồi cháu sẽ hiểu thôi, không lâu nữa đâu, - cậu tôi mỉm cười đáp.

* * *

Nói xong, chúng tôi vẫn ngồi uống rượu ngoài hiên thêm hơn một tiếng đồng hồ. Rồi cậu tôi nói ông đã nán lại quá lâu, bèn đứng dậy ra về. Còn lại một mình, tôi ngồi ngoài hiên, tựa vào một cây cột, nhìn đăm đăm khu vườn dưới ánh trăng. Một hồi, tôi hít thở sâu vào ngực bầu không khí thực tại hay cái gì gì đó mà cậu tôi để lại, và cảm thấy - lần đầu tiên sau một thời gian rất dài - một cảm giác thật sự là nhẹ nhõm.

Nhưng chỉ vài tiếng sau cái không khí đó lại bắt đầu tan đi, và một bức màn u uất

nhột nhạt lại bao trùm lên tôi. Rốt cuộc tôi lại ở trong thế giới của mình còn cậu tôi ở trong thế giới của ông.

* * *

Cậu tôi đã nói, trước hết tôi hãy nghĩ đến những điều đơn giản, nhưng tôi thấy không thể nào phân biệt cái gì là đơn giản cái gì là phức tạp. Thế là sáng hôm sau, khi đã hết giờ cao điểm, tôi đáp xe đến khu Shinjuku. Tôi quyết định chỉ đứng đó nhìn mặt thiên hạ. Tôi chẳng biết làm thế liệu có ích gì không, nhưng có lẽ còn hơn là chẳng làm gì. Nếu nhìn mặt thiên hạ cho tới khi phát chán lên là ví dụ tiêu biểu về một việc đơn giản thì thử một lần cũng chẳng hại gì. Còn nếu làm vậy mà có tác dụng thì hẳn nó sẽ chỉ

tôi biết thế nào là những điều "đơn giản" đối với tôi.

Ngày đầu tiên tôi ngồi suốt hai tiếng đồng hồ trên bức tường thấp bằng gạch dọc mép bồn hoa bên ngoài ga Shinjuku mà nhìn mặt những người qua lại. Nhưng người quá đông mà lại đi quá nhanh nên tôi không thể nhìn kỹ mặt người nào được. Đã vậy, tôi ngồi đó được một hồi thì vài gã vô gia cư lại gần kiếm có cà khịa. Chốc chốc lại có một tay cảnh sát đi qua nhìn nhìn tôi. Thế nên tôi đành bỏ khu đông người ngoài nhà ga và quyết định tìm một chỗ thích hợp hơn sao cho có thể thông dong khảo sát người qua kẻ lại.

Tôi đi dọc theo lối bộ hành bên dưới các

tuyến đường ray khu phía Tây nhà ga, loanh quanh một hồi thì gặp một quảng trường nhỏ lát đá bên ngoài một tòa nhà cao tầng lấp kính. Nó có một bức tượng nhỏ và vài băng ghế xinh xinh nơi tôi có thể ngồi ngắm thiên hạ bao nhiêu tùy thích. Số người đi qua đây chẳng hề nhiều như ngoài cửa chính nhà ga, cũng không có gã vô gia cư nào với chai rượu nhét trong túi áo. Tôi ngồi đó suốt ngày, buổi trưa ăn quẩy quá vài cái bánh vòng và uống cà phê ở quán Dunkin's Donuts rồi về nhà trước khi đến giờ cao điểm chiều.

Thoạt tiên những người duy nhất đập vào mắt tôi là những người đàn ông hói, nhờ tôi đã được tập huấn khi cùng Kasahara

May làm điều tra cho hãng tóc giả. Hễ gặp một mái đầu hói là cái nhìn của tôi bất giác dán vào ngay và tôi hầu như vô thức phân loại y ra thành A, B hay C. Cứ kiểu này thì chắc tôi có thể gọi Kasahara May để tình nguyện đi làm điều tra với cô lần nữa.

Tuy nhiên, chỉ sau mấy ngày là tôi đã có thể chỉ ngồi quan sát khuôn mặt thiên hạ mà trong đầu chẳng nghĩ gì. Hầu hết những người đi qua đều là nam nữ công nhân viên làm việc ở các văn phòng trong tòa nhà cao tầng đó. Đàn ông mặc áo sơ-mi trắng, thắt cà vạt, tay xách cặp, đàn bà thì hầu hết mang giày cao gót. Ngoài ra tôi còn thấy chủ các nhà hàng cửa hiệu bên trong tòa nhà, những gia

đình kéo cả bầu đoàn đi lên đài quan sát trên tầng thượng, vài ba người thì chỉ đi ngang, từ điểm A đến điểm B. Hầu hết mọi người có xu hướng không đi quá nhanh. Tôi chỉ việc quan sát tất cả, không có mục đích gì rõ rệt. Thi thoảng có đôi người thu hút sự chú ý của tôi vì lý do nào đó, nhưng rồi tôi lại tập trung vào những khuôn mặt khác và đưa mắt nhìn theo.

Ngày nào tôi cũng đáp xe đến Shinjuku lúc 10 giờ sáng, sau giờ cao điểm, ngồi ở băng ghế trên quảng trường, ngồi đó hầu như không động đậy đến 4 giờ chiều, chỉ nhìn mặt thiên hạ. Chỉ khi đã thử làm việc đó tôi mới nhận ra rằng bằng cách luyện cho mắt mình nhìn hết khuôn mặt

này đến khuôn mặt khác đi qua, tôi có thể làm cho đầu óc hoàn toàn trống rỗng, như là lôi cái nút chai ra khỏi chai vậy. Tôi chẳng trò chuyện với ai, cũng chẳng ai trò chuyện với tôi. Tôi chẳng nghĩ gì, chẳng cảm gì. Tôi thường có cảm giác mình đã trở thành một phần của băng ghế đá kia.

Tuy nhiên, có lần cũng có người nói chuyện với tôi - một người đàn bà trung niên mảnh dẻ ăn mặc tươm tất. Bà ta vận áo váy màu hồng tươi bó sát người, đeo kính râm sẫm màu gọng đồi mồi, đội mũ trắng, mang xắc tay bằng vải lưới màu trắng. Bà có đôi chân đẹp, mang đôi xăng-đan trắng sạch như lau như li thoát nhìn đã biết là đắt tiền. Bà trang điểm

đậm nhưng có chừng mực. Bà hỏi tôi liệu có đang gặp khó khăn gì không. Chẳng có gì cả, tôi đáp. Hình như ngày nào tôi cũng gặp anh ở đây, bà ta nói, rồi hỏi tôi đang làm gì vậy. Tôi bảo tôi nhìn mặt thiên hạ. Bà ta hỏi tôi làm vậy có mục đích gì không, tôi bảo là không.

Bà ngồi xuống cạnh tôi, rút trong xác tay ra một gói Virginia Slims rồi mời một điếu bằng chiếc bật lửa nhỏ bằng vàng. Bà mời tôi một điếu, nhưng tôi lắc đầu. Đoạn bà gỡ kính rồi chẳng nói chẳng rằng nhìn chăm chăm vào mặt tôi. Chính xác hơn, bà nhìn chăm chăm vào vết bầm trên má tôi. Đáp lại, tôi cũng nhìn chăm chăm vào mắt bà. Nhưng tôi không đọc được cảm xúc nào ở đó. Tôi chẳng thấy

gì hơn ngoài hai con người đen đường như đang vận hành đúng như chúng phải vận hành. Bà có cái mũi nhỏ, nhọn. Môi bà mỏng, màu son tô cực cẩn thận. Thoạt nhìn bà trẻ hơn tuổi, nhưng các nếp nhăn dọc hai bên sống mũi có cái vẻ mệt mỏi đặc biệt sao đó.

- Cậu có tiền không? - bà ta hỏi.

Tôi đâm ra cảnh giác.

- Tiền á? Bà hỏi tôi có tiền không là có ý gì?

- Tôi chỉ hỏi cậu có tiền hay không thôi? Cậu có đang kẹt tiền không?

- Không. Hiện giờ tôi đang không kẹt tiền, - tôi nói.

Bà ta hơi dẩu môi qua một bên như để nếm thử điều tôi vừa nói, rồi tiếp tục tập

trung chú ý nhìn chăm chăm vào tôi. Đoạn bà ta gật đầu. Rồi bà lại đeo kính vào, thả điều thuốc xuống đất, duyên dáng đứng dậy bỏ đi, không hề nhìn về phía tôi. Tôi sững sốt nhìn bà ta biến mất vào đám đông. Có lẽ bà ta hơi dở người chẳng. Nhưng chuyện đó cũng khó tin, bà ta phục sức không chê vào đâu được như thế kia mà. Tôi giậm chân lên điều thuốc bà ta vừa bỏ, dụi cho nó tắt, rồi chậm chậm nhìn quanh bốn phía. Quanh tôi lại vẫn là thế giới thực tại thông thường. Thiên hạ vẫn đang di chuyển từ chỗ nọ đến chỗ kia, mỗi người có mục đích riêng. Tôi không biết họ là ai, họ cũng chẳng biết tôi là ai. Tôi hít một hơi dài rồi trở lại nhiệm vụ nhìn vào khuôn mặt những người đó, đầu chẳng nghĩ ngợi gì.

Tôi vẫn ngồi như thế suốt mười một ngày sau đó. Ngày nào cũng vậy, tôi ăn bánh vòng, uống cà phê rồi chẳng làm gì khác ngoài nhìn mặt những người qua lại.

Ngoại trừ mẩu đối thoại vô nghĩa với người đàn bà ăn mặc đẹp đã lại gần tôi kia, tôi không nói chuyện với bất cứ ai trong suốt mười một ngày đó. Tôi chẳng làm gì đặc biệt, cũng chẳng có việc gì đặc biệt xảy ra với tôi. Tuy nhiên, ngay cả sau cái khoảng chân không mười một ngày đó, tôi vẫn không rút ra được kết luận nào cả. Tôi vẫn lạc trong một mê cung rồi bời bời, không giải quyết nổi ngay cả vấn đề đơn giản nhất.

Nhưng đến chiều ngày thứ mười một thì một chuyện rất lạ lùng xảy ra. Hôm đó là

Chủ nhật, nên tôi nán lại đó để ngắm khuôn mặt mọi người lâu hơn mọi khi. Những người đến khu Shinjuku vào ngày Chủ nhật khác với đám đông lui tới nơi này vào ngày thường, cũng không phải giờ cao điểm. Tôi nhìn thấy một gã thanh niên mang chiếc hộp đàn ghita màu đen. Vóc người y trung bình. Y đeo kính gọng nhựa màu đen, tóc dài tới vai, mặc áo khoác vải thô và quần jean màu xanh dương, lê đôi giày thể thao cũ rích. Y đi ngang qua tôi, mắt nhìn thẳng ra phía trước lộ vẻ ưu tư. Khi nhìn thấy y, một cái gì đó khiến tôi ngẩn ra. Tim tôi giật thót lên. Mình biết kẻ này, tôi nghĩ. Tôi đã gặp y ở đâu đó rồi. Nhưng phải mất mấy giây tôi mới nhớ ra y là ai - tay ca sĩ tôi đã gặp đêm hôm đó trong quán bar ở

Sapporo. Không nghi ngờ gì nữa: chính y.

Tôi bật dậy khỏi ghế, lật đật đuổi theo y. Vì y chỉ đi thung thỉnh nên tôi đuổi kịp y chẳng khó gì. Tôi theo sau y khoảng mười bước, vừa đi vừa điều chỉnh nhịp bước của mình cho khớp với của y. Tôi cân nhắc xem có thể nói với y những gì. Tôi có thể nói chẳng hạn như: "Ba năm trước anh có hát ở Sapporo phải không? Tôi có nghe anh hát ở đó". "Ồ, thế à?" y sẽ nói. "Cám ơn ông nhiều lắm". Rồi sao nữa? Liệu tôi có nên nói: "Tôi hôm đó vợ tôi đi phá thai. Và cô ấy đã bỏ tôi mới đây không lâu. Cô ấy đã ngủ với người khác"? Tôi quyết định chỉ theo y để xem chuyện gì sẽ xảy ra. Có thể trong

khi đi tôi sẽ nghĩ ra cách gì đóặng tùy cơ ứng biến.

Y đang rời khỏi nhà ga. Y đi ngang qua một dãy nhà cao tầng, băng qua Xa lộ Ome rồi hướng về phía Yoyogi. Y có vẻ đang đắm mình suy nghĩ. Rõ là thông thuộc khu này như lòng bàn tay, y không một lần nào do dự hay nhìn quanh. Y luôn bước đều nhịp, mắt hướng thẳng về phía trước. Tôi theo sau y mà nghĩ về cái ngày Kumiko đi phá thai. Sapporo vào đầu tháng Ba. Đất lạnh cứng, thi thoảng vài bông tuyết rơi xuống. Tôi lại quay lại những con phố đó, phổi tôi đầy khí lạnh. Tôi thấy hơi thở trắng tỏa ra từ miệng mọi người.

Thế rồi tôi bỗng ngộ ra: rằng chính lúc

đó mọi việc đã thay đổi. Phải, chắc chắn vậy. Đó chính là bước ngoặt. Từ đó trở đi, dòng chảy quanh tôi đã bắt đầu tỏ dấu hiệu thay đổi. Giờ đây nghĩ lại, tôi mới nhận ra rằng việc phá thai đó đã là một sự kiện hệ trọng đối với hai chúng tôi. Tuy nhiên, tại thời điểm đó tôi đã không hiểu được tầm quan trọng đích thực của nó. Tôi đã quá bối rối bởi bản thân hành động phá thai, trong khi điều thực sự hệ trọng có thể là một cái gì đó hoàn toàn khác.

Em phải làm chuyện đó, nàng đã nói. Em cảm thấy mình làm vậy là đúng, rằng làm vậy là tốt nhất cho cả hai ta. Nhưng còn một cái gì khác nữa, cái gì đó mà anh không biết, cái gì đó mà em chưa thể nói

thành lời. Em không giấu anh điều gì cả. Em chỉ không biết chắc liệu đó có phải là một cái gì có thực không. Chính vì vậy em chưa thể nói thành lời được.

Hồi ấy nàng không biết đó có phải là một cái gì có thực hay không. Và một cái gì ấy, không nghi ngờ gì nữa, có liên quan với việc mang thai hơn là với việc phá thai. Có thể nó có gì đó liên quan đến đứa trẻ trong bụng nàng. Nó có thể là cái gì? Cái gì đã khiến nàng hoang mang đến vậy? Phải chăng nàng có quan hệ với người đàn ông khác nên từ chối cho đứa bé ra đời? Không, không thể có chuyện ấy được. Chính nàng đã tuyên bố là không thể có chuyện ấy. Nó là con tôi, điều đó chắc chắn. Thế nhưng, vẫn có

cái gì đó nàng không thể nói với tôi. Và chính một cái gì ấy có liên quan mật thiết đến việc nàng quyết định bỏ tôi. Mọi chuyện đều bắt đầu từ đó.

Nhưng bí mật đó là gì, cái gì bị che giấu ở đó, tôi hoàn toàn không biết. Tôi là kẻ duy nhất bị bỏ rơi, một mình trơ trọi trong bóng tối. Tôi chỉ biết chắc mỗi một điều là chừng nào tôi chưa giải được bí mật của một cái gì kia thì Kumiko sẽ không bao giờ trở lại với tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy một nỗi căm giận căm lặng dâng lên trong tôi, căm giận cái gì đó vẫn đang vô hình đối với tôi. Tôi vươn thẳng lưng, hít một hơi dài, cổ trắn an nhịp tim đập thành thịch. Nhưng dù có vậy, nỗi căm giận, giống như nước, vẫn

thấm thấu vào từng góc ngách thân thể tôi. Đó là một cơn giận chìm trong u buồn. Tôi không có cách nào quật nó vào một cái gì cho nó vỡ tan ra, không thể làm gì để xua nó đi được.

* * *

Gã đàn ông vẫn đi bằng nhịp chân đều đều. Y băng qua những đường ray của tuyến xe điện Odakyu, đi qua một dãy cửa hiệu, qua một đền thờ, qua một mê cung nhiều con ngõ. Tôi theo sau y, cố giữ một khoảng cách sao cho y không phát hiện ra tôi. Và rõ là y không phát hiện ra tôi. Y không một lần quay lại. Ở gã đàn ông này rõ ràng có cái gì đó khác người thường. Y không chỉ chẳng hề quay lại mà cũng chẳng bao giờ nhìn

sang hai bên. Y quá đỗi tập trung; y đang nghĩ gì vậy? Hay đúng hơn, y hầu như không nghĩ về bất cứ cái gì?

Chẳng mấy chốc gã đàn ông bước vào một khu tĩnh mịch, phố xá vắng tanh hai bên là những dãy nhà hai tầng có khung bằng gỗ. Đường đi nhỏ hẹp, ngoằn ngoèo, len giữa hai dãy những căn nhà xập xệ chen chúc chụm vào nhau. Ở đây vắng người đến kỳ lạ. Hơn một nửa những căn nhà này không có người. Có những thanh ván nẹp ngang qua cửa chính những căn nhà không người ở, bên ngoài dán những lá đơn xin phép quy hoạch. Đây đó, như những chiếc răng bị khuyết, có những lô đất trống mọc tràn cỏ dại mùa hè, xung quanh rào lưới mắt cáo.

Hắn là có một kế hoạch giải tỏa toàn bộ khu này trong thời gian sắp tới để xây dựng vào tòa nhà cao tầng mới. Những chậu bìm bìm cùng mấy loài hoa khác xúm xít trong khoảnh đất bé xíu đằng trước dăm căn nhà ít ỏi còn người ở. Bên cạnh khoảnh đất đó một chiếc xe đạp ba bánh nằm lăn lóc, một chiếc khăn tắm và một bộ đồ tắm trẻ con phơi trên cửa sổ tầng hai. Mèo nằm nhan nhản khắp nơi, dưới cửa sổ, nơi ngưỡng cửa các nhà, chúng theo dõi tôi bằng cái nhìn uể oải. Tuy chỉ mới xế chiều nhưng khu này không một bóng người. Địa thế của nơi này làm tôi bối rối. Tôi không biết đây là phía Bắc hay phía Nam. Tôi đoán chừng đây là một vùng tam giác nằm giữa Yoyogi, Sendagaya và Harajuku, nhưng

không chắc lắm.

Dù thế nào đi nữa, đây là một khu vực bị lãng quên của thành phố. Hẳn là người ta đã quên bằng nó bởi đường sá ở đây quá hẹp nên ô tô khó lòng qua được. Bàn tay các nhà thầu xây dựng chưa vươn tới đây. Bước chân tới chốn này, tôi có cảm giác như thời gian đã quay lại hai mươi, ba mươi năm về trước. Tôi nhận ra rằng đến một lúc nào đó, tiếng gầm gào triền miên của động cơ ô tô đã bị nuốt chửng, lúc này thì đã hoàn toàn biến mất. Xách chiếc hộp đàn ghita, gã đàn ông len lỏi qua mê cung những con phố cho tới khi đến một căn nhà khung gỗ gồm nhiều căn hộ cho thuê. Y mở cửa, bước vào rồi đóng cửa lại sau lưng mình. Theo như tôi

thấy thì cửa không khóa.

Tôi đứng đó một lát. Kim đồng hồ của tôi chỉ 6 giờ 20. Tôi tựa lưng vào hàng rào mắt cáo của lô đất trống bên kia đường mà quan sát căn nhà. Nó là một căn nhà chuyên cho thuê điển hình, có hai tầng, khung bằng gỗ. Nhìn cửa ra vào và cách bố trí các phòng là thấy ngay. Hồi còn sinh viên tôi từng sống trong một căn nhà như thế này. Nơi tiền sảnh có một cái tủ đựng giày, một toilet dùng chung, một gian bếp nhỏ, chỉ có sinh viên và những người đi làm độc thân mới sống ở đó. Tuy nhiên, căn nhà này lại chẳng có vẻ gì là có người ở. Không âm thanh, không động tĩnh. Trên cánh cửa bọc nhựa không có tấm bảng tên người nào. Trước kia thì

có bảng tên nhưng ai đó đã bóc đi, chỉ còn trơ lại một khoảng trống dài, hẹp. Mọi cửa sổ đều đóng im ỉm, rèm che kín mít, dù cái nóng cuối buổi chiều vẫn chưa dứt.

Căn nhà cho thuê này, cũng như các căn nhà kế cận, hẳn nằm trong kế hoạch giải tỏa, nên không còn ai sinh sống nữa. Nhưng nếu đúng vậy thì gã đàn ông ôm hộp đàn ghita làm gì ở đây? Tôi đã có ý chờ xem sau khi y vào thì có cánh cửa sổ nào mở ra không, nhưng chẳng có động tĩnh gì.

Tôi không thể cứ quanh quẩn ở cái phố hẹp vắng tanh này mãi. Tôi liền đi đến chỗ cửa chính căn nhà, đẩy thử. Tôi đã đoán đúng: cửa không khóa, mở vào

trong dễ dàng. Tôi đứng nơi ngưỡng cửa một lát, cố gắng có một cảm nhận về nơi này, nhưng hầu như không nhìn rõ được gì trong cảnh tranh tối tranh sáng. Mọi cửa sổ đều đóng kín mít, không khí trong nhà nồng nực, tù hãm. Cái mùi ẩm mốc làm tôi nhớ tới các mùi dưới đáy giếng. Nách tôi vã mồ hôi trong cái nóng. Một giọt mồ hôi chảy xuống phía sau vai tôi. Sau một thoáng do dự, tôi bước vào rồi nhẹ nhàng đóng cửa lại đằng sau. Tôi đã nghĩ đến chuyện xem thử có tên người nào dám trên thùng thư hay tủ đựng giày để biết liệu có ai vẫn đang sống ở đây chẳng, nhưng chưa làm vậy thì tôi đã nhận ra rằng có ai đó ở trong nhà. Có ai đó đang quan sát tôi.

Bên phải lối vào có cái gì đó cao cao giống như tủ giày, và ai đó kia đang đứng ngay phía sau nó, như đang ẩn nấp. Tôi nín thở nhìn chòng chọc vào cái hơi ẩm tranh tối tranh sáng kia. Người đứng đó là gã trai mang hộp đàn ghita. Rõ ràng là ngay sau khi vào phòng y đã núp sau tủ giày. Y làm gì ở đây? Đợi tôi chẳng? "Chào đấng ấy", tôi cố buộc mình lên tiếng. "Tôi đang muốn hỏi anh..."

Nhưng mấy chữ ấy vừa buột khỏi mồm tôi thì một cái gì đó đã quật mạnh vào vai tôi. Rất mạnh. Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra. Trong khoảnh khắc đó điều duy nhất tôi cảm thấy lực đánh mạnh đến tôi tăm mắt mũi. Tôi đứng đực ra đó, hoang mang. Nhưng ngay một giây sau đó

tôi hiểu điều gì đang diễn ra. Nhanh như
khí, gã đàn ông đã nhảy phóc ra từ sau
chiếc tủ giày mà đánh tôi bằng một cây
gậy bóng chày. Trong khi tôi đang đứng
đó choáng váng, y lại vung gậy lên giáng
vào tôi. Tôi cố tránh nhưng không kịp.
Lần này gậy đập vào tay trái tôi. Trong
một khoảnh khắc, tay mất hết cảm giác.
Không đau đớn, không gì cả. Cứ như
toàn bộ cánh tay đã tan biến vào không
trung vậy.

Tuy nhiên, chưa kịp nghĩ gì thì tôi đã
tung chân đá hấn, như một phản xạ có
điều kiện. Tôi chưa bao giờ theo học
khóa võ thuật chính quy nào, nhưng một
thằng bạn tôi hồi trung học biết karate
đến đẳng gì đấy đã dạy tôi những đòn cơ

bản. Hết ngày này sang ngày khác, cậu ta dạy tôi những đòn đá - chẳng cầu kỳ gì cả, chỉ là tập đá sao cho càng mạnh, càng cao, càng thẳng chân càng tốt. Đây là thứ hữu ích duy nhất cần biết trong những tình huống nước sôi lửa bỏng, cậu ta bảo. Cậu ta có lý lắm. Gã đàn ông đang mãi mê vung gậy nên không hề ngờ trước rằng y có thể sẽ bị đá. Tôi cũng đang hoảng loạn như y nên không hề nghĩ xem mình đã vào đâu, cú đá cũng chẳng lấy gì làm mạnh, nhưng hình như cú sốc nó gây ra cũng đủ cho gã kia tắt điện. Y không vung gậy nữa, và như thể đúng khoảnh khắc đó thời gian dừng lại, y nhìn trân trân vào tôi bằng cặp mắt trống rỗng. Chộp lấy cơ hội, tôi bồi thêm một cú đá mạnh hơn, chính xác hơn vào bụng dưới

y, và khi y gập người lại vì đau, tôi giăng cây gậy khỏi tay y. Rồi tôi đá mạnh vào mạng sườn y. Y cố túm chân tôi, thế là tôi lại đá y. Rồi lại đá nữa, cũng vào chỗ đó. Đoạn tôi vung gậy phang thẳng cánh vào đùi y. Y rống lên một tiếng dùng dục rồi đổ vật xuống sàn nhà.

Ban đầu tôi đá và đánh y hoàn toàn là do khiếp sợ, đánh để chính mình không bị đánh. Nhưng khi y đã ngã xuống sàn, tôi nhận thấy nỗi khiếp sợ của tôi đã chuyển thành giận dữ, thực sự là giận dữ. Giận dữ vẫn còn nguyên đó, nỗi giận dữ lặng lẽ vốn đã tràn dâng trong thân thể tôi trước đó, khi tôi vừa đi vừa nghĩ đến Kumiko. Giờ đây được tuôn ra, nó bùng lên không sao kìm chế được thành cái gì

đó gần như là nổi căm hận dữ dội. Tôi lại vung gậy quật vào đùi gã đàn ông. Y rớt dãi nơi khoe miệng. Vai và tay trái tôi, chỗ bị y đánh ban nãy, bắt đầu đau nhói. Cái đau càng khiến tôi điên tiết. Mặt gã đàn ông méo xệch vì đau, nhưng y vẫn cố gượng dậy khỏi sàn. Tôi không điều khiển được tay trái, thế nên tôi quăng gậy xuống đất mà giẫm lên người y, giã túi bụi vào mặt y bằng tay phải. Tôi nện liên hồi kỳ trận. Tôi nện cho đến khi mấy ngón tay phải tôi tê dại rồi trở nên đau nhói. Tôi muốn dằn y cho đến khi bất tỉnh mới nghe. Tôi túm cổ y, đập đầu y xuống sàn nhà bằng gỗ. Chưa bao giờ trong đời tôi phải thương cảm chân hạ cẳng tay với ai. Tôi chưa bao giờ vận hết sức bình sinh đặng đánh kẻ nào khác.

Nhưng lúc này tôi chỉ làm được mỗi một việc là đánh, đánh mãi, chừng như không sao dừng được. Trí óc bảo tôi dừng lại: thế là đủ rồi. Đánh nữa sẽ là quá tay. Gã này sẽ không dậy nổi nữa. Nhưng tôi không dừng được. Tôi nhận ra rằng lúc này có đến hai tôi. Tôi đã tách làm hai, nhưng cái tôi này không còn đủ sức ngăn cái tôi kia. Ý nghĩ đó làm tôi lạnh sống lưng.

Thế rồi tôi nhận thấy gã đàn ông đang mỉm cười. Cho dù tôi đang đánh y, y vẫn đang cười vào mặt tôi - tôi càng đánh tợn thì nụ cười càng ngoác ra, cho tới khi máu tuôn xối xả từ mũi và cặp môi nát toét của y, và tới khi y sặc vì nước dãi của chính y, thì y bật ra một tiếng cười

lạnh lót, mỏng dính. Y điên rồi, tôi nghĩ. Tôi bèn ngừng đánh y mà đứng thẳng dậy.

Tôi nhìn quanh thì thấy chiếc hộp đàn ghita dựng bên hông cái tủ đựng giày. Tôi để mặc gã đàn ông nằm cười sằng sặc đó mà lại gần chiếc hộp đàn. Tôi hạ nó xuống sàn, mở khóa rồi nhấc nắp hộp lên. Bên trong chẳng có gì hết, không đàn, không nệm. Gã đàn ông nhìn tôi, vừa cười vừa ho khục khặc. Tôi cảm thấy khó thở. Đột nhiên, bầu không khí oi nồng, sức hơi nước trong căn nhà này trở nên không thể chịu nổi. Mùi ẩm mốc, mồ hôi nhớp nháp của chính tôi, mùi máu và nước dãi, nỗi giận dữ và căm hận trong tôi: tất cả bỗng trở nên quá sức chịu

đựng của tôi. Tôi đẩy bật cửa bước ra ngoài, khép cửa lại đằng sau. Cũng như trước, không hề có dấu vết một ai ở chốn này. Sinh vậy duy nhất là một con mèo to màu nâu đang chậm rãi băng qua lô đất trống, chẳng buồn để ý đến tôi.

Tôi muốn rời khỏi nơi này trước khi có người phát hiện ra tôi. Tôi không biết đi lối nào, nhưng tôi cứ đi, chẳng mấy chốc cũng tìm được một trạm xe buýt có biển đề "Đến ga Shinjuku". Tôi cố thở đều lại và sắp xếp cho đầu vào đây trong đầu trước khi xe buýt đến, nhưng cả hai đều không xong - hơi thở hỗn hển, trong đầu vẫn rối tung lên. "Mình chỉ muốn nhìn vào mặt thiên hạ thôi mà", tôi cứ nhắc đi nhắc lại trong đầu vậy! Tôi chỉ nhìn mặt

người qua kẻ lại trên đường mà thôi, như lời cậu tôi bảo. Tôi chỉ đang cố gỡ rối những rắc rối đơn giản của đời tôi, chỉ có thế. Khi tôi lên xe buýt, hành khách quay lại nhìn tôi. Ai đẩy đều tỏ vẻ kinh hoàng rồi ngoảnh đi chỗ khác. Ban đầu tôi nghĩ ấy là do vết bầm trên mặt tôi. Mãi một lúc tôi mới nhận ra đó là vì những vết máu loang lổ trên ngực áo tôi (chủ yếu là máu mũi của y) và cây gậy bóng chày mà tôi vẫn đang nắm chặt trong tay.

Rót cuộc tôi đã tha cây gậy suốt dọc đường về nhà rồi ném vào trong tủ. Đêm đó tôi thức trắng đến tận sáng. Vai và tay trái tôi, những chỗ bị gã kia đánh bằng gậy bóng chày, giờ đây sưng vù lên,

đầu tê tái, còn nắm tay phải tôi vẫn còn nguyên cảm giác nện tới tấp vào gã đó, nện liên hồi kỳ trận. Tôi nhận ra rằng bàn tay vẫn nắm chặt thành quả đấm, sẵn sàng đánh. Tôi cố duỗi bàn tay ra nhưng nó không chịu nghe. Còn không ngủ được thì không hẳn vì không thể ngủ mà đúng hơn là không muốn ngủ. Nếu cứ trong tình trạng này mà ngủ, tôi sẽ chẳng có cách nào thoát khỏi mơ những giấc mơ khủng khiếp. Tôi cố trấn tĩnh, ngồi bên bàn bếp, vừa nhấp chỗ whisky ông cậu tôi để lại vừa nghe nhạc êm dịu phát ra từ máy cát-xét. Tôi muốn nói chuyện với một ai đó. Tôi muốn một ai đó nói chuyện với tôi. Tôi đặt điện thoại lên bàn rồi nhìn nó hàng giờ liền. Ai đó hãy gọi tôi đi nào, làm ơn hãy gọi cho tôi, ai cũng được, kể

cả người đàn bà bí ẩn trên điện thoại kia cũng được; ai tôi cũng sẵn lòng nghe. Dù cho là cuộc nói chuyện bản thủ và vô nghĩa nhất, cuộc đối thoại độc địa và ghê tởm nhất. Không sao hết. Tôi chỉ cần một người nào đó hãy nói chuyện với tôi.

Nhưng điện thoại không reo. Tôi uống nốt nửa chai Scotch còn lại, rồi khi trời đã sáng, tôi bò vào giường đi ngủ. Xin đừng để tôi mơ, xin hãy cho giấc ngủ tôi là một giấc ngủ trống trơn, không mộng mị, dù chỉ hôm nay thôi.

Nhưng dĩ nhiên tôi đã mơ. Và đúng như tôi đã sợ, đó là một giấc mơ khủng khiếp. Trong mơ có gã đàn ông mang hộp đàn ghita. Trong giấc mơ tôi cũng làm những việc như đã làm trong thực tại - đi

theo y, mở cửa trước căn nhà có hộ cho thuê, cảm thấy tác động từ cú đánh, rồi nện gã đàn ông, nện mãi, nện mãi. Nhưng sau đó thì khác. Khi tôi thôi đánh hấn và đứng dậy, gã đàn ông vẫn chảy rớt dãi và cười như điên dại như trong thực tại, nhưng y lại rút từ trong túi ra một con dao - một con nhỏ sắc lẹm. Lưỡi dao phản chiếu ánh chiều yếu ớt tuôn vào qua rèm cửa, hắt ra một ánh trắng trắng giống như xương. Nhưng gã đàn ông không dùng con dao để tấn công tôi. Thay vào đó y cởi hết quần áo ra rồi bắt đầu tự lột da mình như lột vỏ quả táo. Y làm rất nhanh mà vẫn không ngớt cười sằng sặc. Máu phụt ra xối xả từ mình y, làm thành một cái ao đen sệt, khủng khiếp trên sàn nhà. Y dùng bàn tay phải lột da cánh tay

trái, rồi dùng bàn tay trái đã lột da đâm máu để lột da cánh tay phải. Cuối cùng y trở thành một súc thịt đỏ hỏn, nhưng ngay cả khi đó y vẫn tiếp tục cười sằng sặc từ cái lỗ đen ngòm vốn là cái miệng há hoác của y, cặp nhãn cầu trắng đã lộn lên lộn xuống như điên trên mớ thịt đỏ hỏn vốn là bộ mặt y. Chẳng mấy chốc, như thể đáp lại độ lớn phi tự nhiên của tiếng cười y, bộ da đã lột của gã đàn ông bắt đầu trườn trên sàn nhà mà lại gần tôi. Tôi muốn bỏ chạy, nhưng chân tôi không cựa cựa. Bộ da chạm tới chân tôi rồi bắt đầu bò ngược lên. Nó bò lên trên da tôi, bộ da sũng máu của gã đàn ông dán chặt lên da tôi làm thành một lớp bọc ngoài. Đâu cũng mùi máu nồng nặc. Chẳng mấy

chốc mà chân tôi, mình tôi, mặt tôi bị lớp màng mỏng của bô da gã đàn ông hoàn toàn phủ kín. Rồi mắt tôi không nhìn được nữa, và tiếng cười của gã đàn ông vang vọng trong bóng tối rỗng hoác. Đến đó thì tôi thức dậy.

Bàng hoàng và khiếp đảm tràn ngập tôi. Trong một lát, tôi thậm chí không còn cảm nhận được sự hiện hữu của chính mình. Các ngón tay tôi run rẩy. Nhưng đồng thời tôi biết mình đã đi đến một kết luận.

Tôi không thể - và không nên - chạy trốn, không trốn đến Crete, cũng chẳng trốn đi đâu hết. Tôi phải đưa bằng được Kumiko trở về. Bằng đôi tay mình, tôi phải lôi nàng trở lại thế giới này. Bởi nếu tôi

không làm vậy, đó sẽ là chung cục của chính tôi. Con người này, cái kẻ mà tôi xem là "tôi", kẻ đó sẽ mất đi vĩnh viễn.

Quyển ba: Kẻ bắt chim

Tháng 10 đến tháng 12 năm 1984

1

Chim vặn dây cót trong mùa đông



Từ đoạn cuối mùa hè kỳ lạ ấy cho tới mùa đông, cuộc sống của tôi không có gì thay đổi. Ngày nào cũng khởi đầu bình lặng, chấm dứt cũng bình lặng như khi nó khởi đầu. Tháng chín trời nhiều mưa. Tháng mười có vài ngày ẩm ướt đến toát cả mồ hôi. Ngoài khí hậu ra thì hầu như chẳng có gì phân biệt ngày này với ngày kia. Tôi cố gắng tập trung vào những gì thực tế và hữu ích. Ngày nào tôi cũng đi bơi thật lâu, đi dạo, tự nấu ăn ba bữa. Nhưng dẫu vậy đi nữa, thỉnh thoảng tôi vẫn thấy cô đơn đến nhói lòng. Ngay cả

nước tôi uống, không khí tôi thở dường như cũng tua tủa những chiếc kim dài, bén ngọt. Những trang sách trên tay tôi lấp lánh ánh kim loại đầy đe dọa như những lưỡi dao lam. Lúc 4 giờ sáng, chung quanh lặng tờ đến độ tôi như nghe thấy tiếng nổi cô đơn đâm rẽ vào thân tôi mỗi lúc một sâu.

* * *

Thế nhưng vẫn có những người không chịu để tôi yên, đó là gia đình Kumiko. Họ viết thư cho tôi. Họ bảo Kumiko không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với tôi nữa, rằng tôi nên đồng ý li dị ngay lập tức. Làm vậy sẽ giải quyết được mọi vấn đề. Những bức thư đầu tìm cách gây sức ép với tôi bằng giọng văn lạnh lùng, sự

vụ. Khi tôi không trả lời, họ chuyển sang đe dọa, sau rốt là cầu khẩn. Nhưng mục đích trước sau vẫn là một.

Cuối cùng cha của Kumiko gọi điện cho tôi.

- Con không nói rằng con cương quyết không ly dị, - tôi nói. – Nhưng trước hết con muốn gặp Kumiko nói chuyện tay đôi. Nếu Kumiko thuyết phục được con rằng quả thật cô ấy cần ly dị thì con sẽ cho ly dị. Không thì sẽ chẳng ly dị gì hết. Tôi ngoái lại cửa sổ nhà bếp nhìn bầu trời xám xịt trĩu mưa trải dài tít đằng xa. Trời mưa đã bốn ngày ròng. Cả thế gian biến thành đen kịt, ướt sũng.

- Kumiko và con đã bàn bạc với nhau mọi chuyện trước khi quyết định cưới

nhau, thành thử nếu chấm dứt cuộc hôn nhân đó thì con cũng muốn làm đúng như vậy.

Cha của Kumiko và tôi tiếp tục đối đáp qua lại một hồi mà chẳng đi tới đâu, ít nhất là chẳng đi tới kết quả tích cực nào.

* * *

Một số câu hỏi vẫn chưa có lời đáp. Có thật Kumiko muốn ly dị tôi không? Có phải Kumiko đã nhờ cha mẹ cố thuyết phục tôi đồng ý ly dị? “Kumiko nói nó không muốn gặp cậu”, cha nàng bảo tôi vậy, hệt như anh trai nàng, Wataya Noboru đã nói. Có thể không phải họ hoàn toàn nói dối đâu. Cha mẹ Kumiko đúng là những kẻ luôn lý giải sự vật theo cách có lợi cho mình, nhưng theo tôi

biết, họ không phải là loại người dựng chuyện từ không thành có. Dù tốt hay dù xấu, họ vẫn là người thực tế. Nếu điều cha của Kumiko nói là sự thật thì hiện giờ Kumiko đang được họ cho “nương náu” ở đâu đó chăng?

Nhưng điều đó tôi lại không tin được. Từ nhỏ Kumiko đã không có cái gọi là tình yêu thương đối với cha mẹ và anh. Đã bao năm nay nàng đấu tranh để không bị lệ thuộc vào họ. Rất có thể Kumiko bỏ tôi vì nàng có nhân tình. Cho dù tôi không sao chấp nhận được lời giải thích nàng đưa ra trong thư, nhưng tôi biết không thể loại trừ hoàn toàn khả năng đó. Song, điều tôi không thể chấp nhận là Kumiko bỏ tôi để đến thẳng nhà cha mẹ

hay một chỗ nào đó họ đã chuẩn bị sẵn sàng cho nàng và thông qua họ mà giữ liên lạc với tôi.

Càng nghĩ, tôi càng không hiểu. Có một khả năng là Kumiko bị suy sụp thần kinh và không sao qua được cơn chấn động đó. Một khả năng khác là nàng đang bị ai đó dùng vũ lực giam giữ. Suốt mấy ngày tôi xếp lui xếp tới trong đầu chuỗi sự kiện, lời nói và ký ức, để rồi rốt cuộc đành chịu thua không nghĩ nữa. Đoán già đoán non chẳng đi tới đâu.

* * *

Thu sắp tàn, trong không khí đã nghe hơi hướng của mùa đông. Cũng như mọi năm, cứ tới độ này là tôi lại hót lá rụng trong vườn rồi nhét vào túi nhựa. Tôi dựa

thang vào mái nhà rồi dọn sạch lá rụng trong ống máng. Khu vườn nhỏ nhà tôi ở không có cây, nhưng gió cứ vất lá những cây cối sum suê ở mấy khu vườn cả hai bên mà dồn đông vào đây. Tôi làm việc này chẳng nề hà gì. Tôi lơ đãng ngắm những chiếc lá úa rơi trong nắng chiều mà quên cả thì giờ. Một cái cây lớn ở vườn hàng xóm bên phải ra những quả đỏ mọng tươi. Hàng đàn chim đậu trên đó, kêu inh ỏi như đang thi với nhau. Lũ chim có bộ lông màu sáng, tiếng kêu ngắt quãng, chói lọi như thọc vào không khí. Tôi tự hỏi nên cất giữ quần áo mùa hè của Kumiko bằng cách nào hay nhất. Tôi có thể làm như nàng đã viết trong thư là tổng khứ chúng đi. Nhưng tôi nhớ lại,

nàng đã từng chăm chút nâng niu từng thứ một đến thế nào. Mà đâu phải tôi không có chỗ nào để giữ. Thế nên tôi quyết định tạm thời quần áo đang treo đâu thì cứ để nguyên ở đấy.

Dẫu vậy, mỗi khi mở tủ, tôi lại va phải sự vắng mặt của Kumiko. Những bộ áo váy treo kia là cái vỏ còn lại của một cái gì không còn tồn tại nữa. Tôi biết rõ nàng trông ra sao khi mặc những bộ đồ đó, một số cái còn gắn liền với những kỷ niệm cụ thể. Nhiều khi tôi cứ ngồi thừ trên mép giường, nhìn đăm đăm những dây áo dài, áo cánh hoặc váy kia. Tôi không biết mình ngồi đó bao lâu. Có thể mười phút, cũng có thể một tiếng.

Đôi khi, ngắm một bộ áo váy, tôi lại hình

dung một người đàn ông mà tôi không quen biết đang giúp Kumiko cởi nó ra. Bàn tay hấn trút áo váy khỏi người nàng, rồi cởi nốt đồ lót bên trong. Bàn tay hấn ve vuốt cặp vú nàng, banh háng nàng ra. Tôi thấy rõ đôi vú và cặp đùi mềm mại trắng nõn của nàng, thấy hai bàn tay gã đàn ông kia đang sờ mó chúng. Tôi không muốn nghĩ về những chuyện như vậy, nhưng không thể nào không nghĩ. Có lẽ những chuyện đó đã diễn ra trong thực tế. Tôi phải cố quen với những hình ảnh đó. Tôi không thể gạt phắt thực tại như thế được.

Thi thoảng tôi lại nhớ đến cái đêm ngủ với Kano Creta, song ký ức về nó khá mơ hồ. Đêm đó tôi ôm cô ta trong vòng

tay, nhập thân thể mình vào thân thể cô không biết mấy lần, đó là một sự kiện không thể phủ nhận. Nhưng tuần nôi tuần qua, cảm giác chắc chắn kia dần dần biến mất. Tôi không còn phục hồi lại được hình ảnh rõ nét về thân thể cô ta, hay cách mà thân thể đó đã hoà làm một với thân tôi. Có chăng là ký ức về những gì tôi đã làm với cô ta từ trước nữa, trong tâm khảm tôi – trong cõi phi thực – còn sống động hơn nhiều so với ký ức về cái đêm đó. Hình ảnh cô ta chồng chất lên tôi, mặc chiếc áo váy màu xanh biển của Kumiko, trong căn phòng khách sạn xa lạ, trở đi trở lại mãi với tôi, rõ ràng đến kinh ngạc.

* * *

Vào đầu tháng mười, ông bác của Wataya Noboru làm dân biểu Hạ viện tỉnh Niigata qua đời. Ông ta bị lên cơn đau tim ngay sau nửa đêm trên giường bệnh ở Niigata; dù bác sĩ đã hết sức cứu chữa song đến sáng ông vẫn ra đi. Dĩ nhiên, cái chết của ông đã được người ta tiên liệu từ lâu, kỳ tổng tuyển cử thì sắp đến, cho nên những người ủng hộ ông bác liền mau mắn thực hiện kế hoạch đã có từ trước là đề Wataya Noboru thừa kế chức dân biểu này. Bộ máy vận động phiếu bầu của vị dân biểu quá cố vốn có cơ sở rất vững chắc và rất ư bảo thủ. Hoạ chẳng có một sự kiện lớn bất ngờ nào đó, nếu không thì việc Wataya Noboru được bầu là chắc như đinh đóng

cột.

Tôi đọc được tin đó trong tờ báo ở thư viện, và ý nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu tôi là: từ nay trở đi nhà Wataya Noboru sẽ vô cùng bận rộn, chẳng hơi đâu bận tâm đến chuyện ly hôn của Kumiko nữa.

* * *

Vết bầm xanh đen trên mặt tôi không lớn lên cũng chẳng teo đi. Nó không nóng cũng chẳng đau. Dần dà, thậm chí tôi quên mất rằng mình có nó. Tôi thôi tìm cách giấu đi vết bầm bằng cách đeo kính râm hay đội mũ che sùm sụp. Thi thoảng tôi vẫn phải nhớ tới nó, đó là những khi tôi đi mua sắm, người ta nhìn chằm chằm vào tôi hoặc ngoảnh đi chỗ khác, nhưng rồi chẳng mấy chốc ngay những phản ứng

đó cũng chẳng làm tôi bận tâm nữa. Có vết bầm trên mặt thì tôi cũng chẳng làm hại ai. Mỗi sáng, khi cạo râu rửa mặt, tôi đều kiểm tra vết bầm, nhưng không thấy có gì thay đổi. Kích thước, màu sắc và hình dáng của nó vẫn vậy.

Có cả thầy bốn người lên tiếng bày tỏ mối quan tâm đối với vết bầm tự dung xuất hiện trên má tôi: chủ hiệu giặt là gần nhà ga, tay thợ cắt tóc, gã thanh niên ở quán rượu Omura, và chị thủ thư ngồi ở quầy thư viện địa phương. Mỗi lần bị hỏi, tôi đều tỏ vẻ bức bối và nói một câu gì đó mơ hồ đại loại như “tôi bị một tai nạn nhỏ”. Thế là họ lẩm bầm “Ồ, ồ, à, à” hay “Xui cho anh quá”, như thể xin lỗi vì đã nhắc tới nó.

Càng ngày dường như tôi lại càng xa cách chính mình hơn. Mỗi khi ngẩng bàn tay mình hồi lâu, tôi bắt đầu cảm thấy mình đang nhìn xuyên qua nó. Hầu như tôi không nói chuyện với ai. Chẳng ai viết thư hay gọi điện cho tôi. Trong hòm thư tôi chỉ thấy rất những hoá đơn và thư quảng cáo linh tinh, hầu hết là các catalogue thiết kế và thời trang gửi cho Kumiko, đầy những ảnh màu các kiểu áo váy xuân. Mùa đông năm nay lạnh, nhưng thỉnh thoảng tôi lại quên bật lò sưởi, vì không chắc đây là lạnh thật hay là lạnh ở bên trong mình. Tôi thường chỉ bật công tắc lò sưởi sau khi đã nhìn nhiệt kế mà tự nhủ “Ồ, lạnh thật”, nhưng ngay cả khi đó, cái lạnh mà tôi cảm thấy vẫn không hề

giảm bớt.

* * *

Tôi viết thư cho Trung úy Mamiya mô tả khái quát những gì đang diễn ra với tôi. Nhận được thư này có lẽ ông ta sẽ bối rối hơn là vui vẻ, song tôi chẳng nghĩ ra được ai khác để viết thư cả. Tôi mào đầu bằng chính lý do đó. Rồi tôi báo cho ông Mamiya biết chuyện Kumiko đã bỏ tôi đúng vào cái ngày ông đến chơi nhà tôi, rằng nàng ngủ với người khác đã hàng mấy tháng trời, rằng tôi đã trải qua ba ngày dưới đáy giếng mà suy tư, rằng hiện nay tôi sống một mình, và rằng món quà ông Honda để lại chỉ là một hộp đựng whisky rỗng.

Một tuần sau Trung úy Mamiya gửi thư

phúc đáp cho tôi.

Nói thật, từ khi ta gặp nhau lần trước ông luôn luôn hiện diện một cách lạ lùng trong suy nghĩ của tôi. Tôi rời khỏi nhà ông mà cảm thấy thực ra hai ta cần phải tiếp tục trò chuyện, phải “rút gan rút ruột” cho nhau, có thể nói vậy, và tôi vô cùng ân hận rằng hai ta đã không làm vậy. Thế nhưng, thật không may, tôi có việc đột xuất phải quay về Hiroshima ngay đêm đó. Vì vậy, theo nghĩa nào đó, tôi rất vui khi nhận được thư ông. Tôi tự hỏi phải chăng tất cả là do ông Honda đã có ý định đưa hai ta đến với nhau. Có lẽ ông ấy tin rằng nếu tôi gặp ông và ông gặp tôi thì sẽ rất tốt. Việc trao di vật chỉ là một cái cớ để tôi đến thăm ông. Có thể

vì vậy mà món di vật nọ chỉ là một cái hộp rỗng. Bản thân việc tôi đến thăm ông mới là món quà mà ông Honda để lại cho ông.

Tôi sửng sốt khi được biết ông đã chui xuống giếng, bởi chính tôi cũng luôn luôn cảm thấy mình bị những cái giếng lôi cuốn mãnh liệt. Một khi đã biết trường hợp cận kề cái chết của tôi, người ta sẽ cho rằng tôi hẳn sẽ không bao giờ muốn thấy một cái giếng nào nữa, nhưng không, hoàn toàn ngược lại: cho tới tận giờ đây, bất cứ khi nào thấy một cái giếng, tôi không thể không dòm xuống. Và nếu hoá ra đó là giếng cận, tôi cảm thấy nôn nao muốn trèo xuống. Có lẽ vì tôi vẫn nuôi hy vọng gặp một cái gì đó dưới kia, rằng

nếu trèo xuống dưới rồi cứ đợi, có thể tôi sẽ gặp một cái gì đó. Chẳng phải vì tôi trông đợi nó sẽ phục hồi cuộc đời cho tôi đâu. Tôi già rồi, không còn ở cái tuổi trông mong những điều như vậy. Cái mà tôi hy vọng tìm thấy được là ý nghĩa của cuộc sống mà tôi đã đánh mất. Cái gì đã tước nó khỏi tôi? Vì sao? Tôi muốn biết lời đáp tuyệt đối chắc chắn cho những câu hỏi đó. Thậm chí tôi có thể nói rằng, nếu như biết được những lời đáp đó, tôi sẽ chẳng kể gì cho dầu còn đánh mất chính mình một cách sâu xa hơn cả bây giờ. Tôi sẽ vui lòng chấp nhận cái gánh nặng đó dù đời tôi còn lại bao năm đi nữa.

Thực lòng tôi rất lấy làm tiếc khi hay tin

bà nhà đã bỏ ông, nhưng về việc này tôi không thể khuyên nhủ gì ông được. Tôi đã sống quá lâu mà không hề biết tới tình yêu thương hay mái ấm gia đình nên không có tư cách gì để nói về những chuyện đó. Tuy nhiên, tôi tin rằng nếu ông có dù chỉ chút lòng mong muốn đợi thêm ít lâu may ra bà ấy quay về thì hẳn ông cứ đợi như ông đang đợi. Đó là ý kiến của tôi, nếu như ý kiến của tôi có chút giá trị gì. Tôi hiểu lắm, phải sống mãi một mình ở nơi mà có kẻ đã bỏ rơi mình thì khó đến nhường nào, song trên đời này chẳng có gì tàn nhẫn bằng không còn gì để hy vọng nữa.

Nếu có thể, tôi muốn đến Tokyo nay mai để gặp lại ông, nhưng thật không may, tôi

đang bị đau một bên chân, phải mất ít lâu mới chữa lành. Xin ông bảo trọng.

Đôi khi tôi trèo qua bức tường sau vườn rồi đi dọc cái ngõ quanh co đến nơi từng toạ lạc căn nhà bỏ trống của gia đình Miyawaki. Mặc áo khoác dài đến giữa đùi, khăn quàng quần kỹ dưới cằm, tôi giẫm lên lớp lá rụng mùa đông trên con ngõ. Gió mùa đông lạnh buốt giật từng cơn, rít qua những hàng dây điện ở trên đầu. Căn nhà đã bị đập bỏ hoàn toàn, mảnh sân giờ đây bị quán kín bởi một hàng rào cao bằng ván. Tôi có thể nhìn vào trong qua khe hở giữa những tấm ván, nhưng chẳng có gì để nhìn – không còn nhà, không còn những hòn đá lát lối đi, không giếng, không cây, không ăng-

ten, không bức tượng chim; chỉ là một khoảnh đất bằng phẳng, đen đúa trông lạnh lẽo, chẳng chịt vết xe ủi đất, dăm ba cụm cỏ dại lơ thơ. Thật khó tin rằng từng có một cái giếng sâu trong khoảnh sân này và tôi đã từng chui xuống đáy giếng đó.

Tôi tựa vào hàng rào, nhìn lên ngôi nhà của Kasahara May, nơi từng có căn phòng của cô, trên tầng hai. Nhưng cô không còn ở đó. Cô sẽ không còn bước ra mà nói: “Chào Chim vặn dây cốt”.

* * *

Vào một buổi chiều tháng Hai lạnh cắt da cắt thịt, tôi ghé vào văn phòng địa ốc gần nhà ga tên là công ty địa ốc Setagaya Dai-ichi mà ông cậu tôi từng nói với tôi.

Khi vào trong, người đầu tiên tôi gặp là một nữ tiếp tân đã đứng tuổi. Máy chiếc bàn làm việc kê thành hàng gần lối vào, nhưng các ghế ngồi đều trống, như thể tất cả nhân viên môi giới đều đi gặp khách hàng. Chính giữa phòng là một cái máy sưởi lớn chạy gas toả ánh đỏ rực. Trên chiếc đi-văng trong gian tiếp khách nhỏ ở mé trong có một ông già bé nhỏ ngồi mê mải đọc báo. Tôi hỏi người tiếp tân xem ông Ichikawa có ở đây không. “Tôi đây”, ông lão vừa quay về phía tôi vừa nói. “Tôi có thể giúp gì cho ông đây?”. Tôi tự giới thiệu là cháu của cậu tôi, hiện đang sống ở một trong các căn nhà thuộc sở hữu của ông cậu.

- À, tôi hiểu rồi, - ông già vừa nói vừa

đặt tờ báo xuống. – Vậy ông là cháu của ông Tsuruta! – Ông gấp cặp kính đọc sách lại rồi nhìn tôi từ đầu đến chân. Tôi không biết mình gây ra ấn tượng thế nào với ông ta. – Vào đây, vào đây. Ông dùng trà nhé?

Tôi bảo ông xin đừng bận tâm, nhưng ông hoặc không nghe thấy hoặc không thèm đếm xỉa đến lời từ chối của tôi. Ông bảo người tiếp tân pha trà. Chẳng mấy chốc bà ta đã mang trà tới, nhưng khi hai chúng tôi ngồi đối diện nhau uống trà, lò sưởi tắt, căn phòng đậm ra mát lạnh. Trên tường treo một tấm bản đồ chi tiết tất cả các căn nhà trong khu vực, đây đó được đánh dấu bằng bút chì hay bút dạ. Gần tấm bản đồ là tấm lịch của ngân

hàng nào đó, có in bức tranh nổi tiếng của Van Gogh vẽ cây cầu.

- Đã khá lâu tôi không gặp cậu của anh. Ông ấy dạo này thế nào? – ông già hỏi sau khi nhấp một ngụm trà.

- Cậu tôi chắc vẫn khỏe, lúc nào cũng bận rộn. Bản thân tôi cũng chẳng mấy khi gặp cậu, - tôi nói.

- Được thế thì tôi mừng. Từ lần cuối tôi gặp ông ấy đến giờ đã mấy năm rồi nhỉ? Thấy như đã hàng bao nhiêu năm trời không gặp lại nhau. – Ông lấy một điều thuốc từ trong túi áo khoác, cẩn thận ướm thử rồi quẹt diêm châm thuốc bằng một cử chỉ đầy quyết đoán. – Tôi chính là người đã khuyên cậu anh mua căn nhà đó, sau đó cũng lại là tôi quản lý nó cho

ông ấy suốt một thời gian dài. Dù sao, được biết ông ấy vẫn bận rộn thì tôi cũng vui.

Bản thân ông Ichikawa xem ra chẳng lấy gì làm bận rộn. Tôi đoán ông ta hẳn đã về hưu một nửa, chỉ thi thoảng tạt vào cơ quan để trông nom các khách hàng lâu năm thôi.

- Vậy anh có thích căn nhà không? Không có vấn đề gì chứ?

- Không, hoàn toàn không có gì ạ, - tôi đáp.

Ông lão gật đầu.

- Vậy thì tốt. Chỗ đó đẹp lắm. Có thể nhà hơi nhỏ, nhưng sống ở đó rất tốt. Ai sống ở đó thì mọi chuyện đều xuôi chèo mát mái. Anh cũng vậy phải không?

- Tạm tạm ạ, - tôi nói. Ít nhất là mình vẫn còn sống, tôi tự nhủ. – Tuy nhiên, tôi có đôi điều muốn hỏi ông. Cậu tôi nói ông rành khu này hơn bất cứ ai.

Ông già tũm tũm cười.

- Nếu bảo là rành thì khu này tôi hơi bị rành đấy. Tôi kinh doanh nhà đất ở khu này đã gần bốn mươi năm rồi còn gì.

- Tôi muốn hỏi ông là hỏi về nhà của gia đình Miyawaki, phía sau nhà chúng tôi. Nhà ấy bị san phẳng rồi, như ông biết đấy.

- Phải, tôi biết, - ông lão nói, môi mím lại như thể đang lục qua các ngăn kéo trong trí nhớ. – Nhà ấy người ta bán hồi cuối tháng Tám. Rốt cuộc họ cũng trả được hết nợ, lo liệu xong quyền sở hữu

và các vấn đề pháp lý để đưa nhà ra bán. Một nhà đầu cơ mua lại, phá nhà đi để bán đất. Một căn nhà dù tốt đến mấy mà để trống lâu như vậy thì cũng sẽ khó bán. Dĩ nhiên, những người mua căn nhà đó không phải người ở đây. Nếu là dân khu này thì chẳng ai đụng tới chỗ đó. Anh có nghe vài chuyện về căn nhà ấy chưa?

- Có, tôi có nghe cậu tôi kể.

- Thế thì anh hiểu ý tôi nói gì rồi. Nếu là người biết sự tình thì đã không mua. Lẽ ra chúng tôi cũng có thể cứ mua rồi tìm một ai đó chẳng biết gì để bán lại, nhưng chúng tôi không làm vậy. Thôi lắm. Chúng tôi không làm ăn kiểu đó.

Tôi gật đầu đồng tình.

- Vậy thì ai đã mua?

Ông lão nhú mày lắc đầu, rồi cho tôi biết tên của một công ty bất động sản có tiếng.

- Chắc là họ chẳng nghiên cứu gì hết, vừa thấy vị trí căn nhà và giá bán là chớp ngay, chắc mẩm phen này lãi nhanh. Nhưng đâu có dễ.

- Đến giờ họ vẫn chưa bán được sao?

- Máy lần cũng suýt bán được rồi, - ông lão vừa nói vừa khoanh tay lại. - Mua một mảnh đất đâu có rẻ. Đầu tư cả đời chứ có ít gì. Ai người ta cũng cẩn thận lắm. Trước khi quyết định mua, người ta bắt đầu tìm hiểu kỹ hơn, thế là mới biết hàng bao nhiêu chuyện xung quanh cái nhà ấy, mà chẳng chuyện nào tốt lành cả. Anh đã nghe mấy chuyện như vậy rồi,

người bình thường mà nghe thấy thì đời nào dám mua. Hầu hết những ai sống quanh đây đều biết mấy chuyện đồn đại về nơi đó.

- Họ đòi bao nhiêu?

- Đòi gì kia?

- Giá mảnh đất nơi nhà của Miyawaki trước kia ấy.

Ông Ichikawa nhìn tôi, xét theo cách ông nhìn, tôi đã gây sự tò mò ở ông.

- Để xem nào. Khu ấy rộng hơn ba ngàn năm trăm bộ vuông một chút. Chưa tới một trăm tsubo(1) . Giá thị trường là một triệu rưỡi Yên một tsubo. Ý tôi là khu đất ấy thuộc hạng nhất đấy – vị trí tuyệt vời, hướng Nam. Tuy thị trường hiện đang eo sèo nhưng giá một triệu rưỡi là

chắc. Dĩ nhiên có thể đợi thêm ít lâu, rồi giá cũng sẽ lên khoảng đó. Nhưng đây là nói về đất bình thường. Nhưng đất của nhà Miyawaki thì đâu có thường. Có đợi lâu đến mấy giá cũng không tăng nữa đâu. Giảm thì có. Hiện nay đã giảm còn một triệu một Yên một tsubo, nhưng nếu mặc cả chút ít thì có thể mua trọn khu đất với giá một triệu Yên tròn.

- Ông có cho rằng giá sẽ tiếp tục hạ nữa không?

Ông lão gật đầu cả quyết.

- Dĩ nhiên còn hạ nữa. Xuống còn chín trăm ngàn một tsubo, dễ không. Đó chính là cái giá mà họ đã trả để mua. Giờ thì họ đang lo sốt vó lên. Chỉ cần hoà vốn là họ vui lắm rồi. Tôi không biết liệu họ có

giảm xuống nữa không. Nếu cần tiền quá thì có khi họ cũng đành chịu lỗ. Nếu không thì họ có thể đợi. Tôi chẳng biết tình hình công ty ấy thế nào. Nhưng tôi biết chắc rằng họ hối tiếc đã mua chỗ đó. Tốt nhất là chớ dây vào mảnh đất đó, chỉ rách việc.

Ông gạt tro vào tàn thuốc.

- Mảnh đất ấy có một cái giếng phải không ạ? – tôi hỏi. – Ông có biết gì về cái giếng ấy không?

- Hừm, đúng là có một cái giếng. Giếng sâu. Nhưng chắc họ lấp rồi. Đằng nào cũng là giếng cạn mà. Đâu có dùng được.

- Ông có biết vì sao nó bị cạn không?

Ông lão khoanh tay nhìn lên trần một lát.

- Từ lâu lắm rồi. Thực tình tôi không

nhớ, nhưng nghe nói hồi trước chiến tranh thì nó từng có nước. Chắc nó đã bị cạn sau chiến tranh. Chính xác khi nào thì tôi không biết. Nhưng tôi biết khi bà diễn viên dọn vào ở thì nó đã cạn rồi. Lúc đó người ta bàn cãi nhau rất ghê xem có nên lấp giếng lại không. Nhưng rồi chẳng ai làm gì cả. Chắc là vì nhiều khe quá.

- Tôi nghe nói giếng ở sân nhà Kasahara phía bên kia ngõ thì lại nhiều nước, mà nước rất ngon là khác.

- Có thể, có thể. Tất cả giếng ở khu này luôn luôn có nước, ngon, ngọt. Chuyện này chắc có liên quan đến đất. Anh biết đó, chuyện mạch nước này nọ thì phức tạp lắm. Một chỗ có nước mà ngay bên

cạnh lại không thì chẳng bình thường đâu. Nhưng có gì khiến anh quan tâm tới cái giếng ấy vậy?

- Thú thật với ông, tôi muốn mua mảnh đất đó.

Ông lão ngược lên chăm chú nhìn vào tôi. Đoạn ông nâng tách trà lên lặng lẽ nhấp một ngụm.

- Anh muốn mua mảnh đất ấy?

Tôi chỉ im lặng gật đầu.

Ông lão rút từ trong bao ra một điều thuốc nữa rồi bập bập lên mặt bàn.

Nhưng rồi, thay vì châm lửa, ông lại kẹp nó giữa mấy ngón tay, tặc tặc lưởi giữa hai môi.

- Hay để tôi nói thêm lần nữa rằng chỗ đất đó có lắm chuyện không ổn. Không ai

– tôi xin nói rõ là không một ai – sống ở đó mà gặp điều lành cả. Anh có hiểu không? Dù có rẻ cách mấy thì cũng chớ mừng là được món hời. Biết vậy mà anh vẫn muốn mua sao?

- Vâng, tôi vẫn muốn mua. Nhưng cho tôi nói rõ điều này: hiện tôi không có đủ tiền để mua chỗ đó dù giá có hạ đến mấy so với giá thị trường đi nữa. Nhưng tôi định sẽ lo chạy tiền, dù phải mất một thời gian. Vì vậy tôi muốn rằng trong thời gian đó vẫn theo dõi được tình hình mảnh đất, giá cả lên xuống thế nào, có người nào muốn mua không. Ông có thể giúp tôi chuyện đó không?

Ông lão nhìn đăm đăm điều thuốc chưa châm lửa, đăm mình suy nghĩ. Rồi ông

khẽ ho để hăng giọng và nói:

- Đừng lo, anh còn thời gian; chỗ ấy không bán nhanh được đâu, đảm bảo với anh thế. Chỉ khi nào họ bán với giá gần như cho không thì may ra mới có nhúc nhích gì, mà chuyện đó thì còn lâu.

Thành thử anh cứ thùng thảng gom góp tiền, cần bao nhiêu thời gian cũng được. Nếu anh thực sự muốn mua.

Tôi cho ông ta số điện thoại. Ông lão ghi vào một cuốn sổ bìa đen ố mờ hôi. Nhét cuốn sổ vào túi áo khoác xong, ông nhìn thẳng vào mắt tôi một lát rồi nhìn vết bầm trên má tôi.

* * *

Tháng Hai đã qua, đến giữa tháng ba thì cái lạnh tê tái có phần giảm bớt. Gió ẩm

thời từ phương Nam lại. Cây cối đâm chồi, trong vườn xuất hiện những đàn chim mới. Những hôm trời âm, tôi hay ngồi ngoài hiên ngắm khu vườn. Một chiều nọ tôi nhận được điện thoại của ông Ichikawa. Ông cho biết mảnh đất của nhà Miyawaki vẫn chưa bán được, giá thì đã hạ.

- Tôi đã bảo anh rằng chẳng một sớm một chiều mà được đâu, - ông nói thêm, giọng nhuốm vẻ tự hào. - Đừng lo, từ giờ trở đi sẽ càng ngày càng rẻ hơn thôi. Mà này, công việc của anh thế nào rồi? Tiền gom góp được chứ?

* * *

Lúc 8 giờ tối hôm đó tôi đang rửa mặt thì nhận ra vết bầm của của mình đang hơi

sốt. Đặt ngón tay lên nghe âm âm, trước đây không vậy. Màu sắc dường như cũng đậm hơn, gần như tía. Nín thở, tôi nhìn trân trân vào gương một hồi, đủ lâu để bắt đầu thấy gương mặt mình thành cái gì đó chứ không phải mặt mình nữa. Vết bầm bắt đầu bảo tôi điều gì đó: nó cần một cái gì đó ở tôi. Tôi không rời mắt khỏi cái tôi của chính mình trong gương, và cái tôi đó nhìn chăm chăm lại tôi từ phía bên kia gương, không nói một lời. Ta phải có cái giếng đó. Dẫu có chuyện gì đi nữa, ta phải có cái giếng đó. Tôi đã kết luận như vậy.

1. Tsubo: đơn vị đo diện tích đất, ruộng... của Nhật, tương đương với

khoảng 33 mét vuông - ND

2

Tỉnh giấc đông miên

*

Thêm một danh thiếp nữa

*

Đồng tiền vô danh

Dĩ nhiên, muốn mảnh đất đó không thôi thì chưa đủ biến nó thành của mình. Số tiền tôi hiện có trong tay gần như bằng không. Tôi vẫn còn một ít tiền mẹ tôi để lại, nhưng khoản ấy chẳng mấy chốc cũng chẳng còn gì, miệng ăn núi lở. Tôi không có việc làm, cũng chẳng có gì thể chấp. Mà trên thế giới này chẳng có ngân hàng nào cho một kẻ như tôi vay tiền chỉ vì

lòng tốt. Có họa là phù thủy thì mới phù phép ra tiền từ không khí được. Đã vậy còn phải làm thật nhanh.

Một buổi sáng nọ tôi đi bộ đến nhà ga mua mười tám vé số năm mươi triệu Yên có dãy số kế tiếp nhau. Tôi dùng đinh ghim cắm chúng lên một mảng tường nhà bếp rồi ngắm hàng ngày. Đôi khi tôi để hàng tiếng đồng hồ ngồi trên ghế mà nhìn chúng chăm chăm, như thể đợi một mật mã bật ra từ chúng mà chỉ mình tôi đọc được. Sau mấy ngày như vậy, bỗng dưng tôi như choàng tỉnh:

Tôi sẽ chẳng bao giờ trúng số cả.

Chẳng mấy chốc tôi biết chắc điều đó.

Mọi việc đâu thể giải quyết dễ dàng như vậy: ra nhà ga mua mấy tờ vé số rồi ngồi

đợi kết quả. Tôi phải kiếm tiền bằng nỗ lực của chính mình thôi. Tôi bóc hết các tờ vé số ra khỏi tường vứt đi. Rồi tôi lại đứng trước gương nơi bồn rửa mặt, nhìn chăm chú vào chiều sâu của nó. Phải có cách nào đó, tôi nói với chính mình ở trong gương, nhưng dĩ nhiên không có lời đáp lại.

* * *

Một nhòai vì cứ giam mình mãi trong nhà, quần quanh với những ý nghĩ của mình, tôi bắt đầu tản bộ quanh các khu lân cận. Tôi cứ đi loanh quanh vô mục đích như thế suốt ba, bốn ngày, đến khi đã chán những khu lân cận thì tôi bắt xe lửa đến khu Shinjuku. Ý muốn đi xuống khu trung tâm nảy đến khi tôi tình cờ đi

qua nhà ga. Tôi nghĩ, đôi khi thử chuyển sang một khung cảnh khác mà suy nghĩ thì cũng tốt. Với lại, đã lâu tôi không đi tàu điện. Thực vậy, khi bỏ tiền vào máy bán vé tự động, tôi cảm thấy lúng túng như khi làm một việc gì đó không quen. Lần cuối tôi đi trên các phố trung tâm là khi nào nhỉ? Cũng phải hơn sáu tháng rồi. Từ khi tôi đi theo gã đàn ông mang thùng ghi-ta từ cổng phía tây khu Shinjuku.

Quang cảnh đám đông ở ga Shinjuku làm tôi choáng váng. Chỉ cần thấy dòng người đi lại là tôi đã thấy nghẹt thở, thậm chí tim đập thình thình, ấy thế mà nào phải giờ cao điểm! Khó khăn lắm tôi mới chen qua được khối người. Đây không phải là đám đông mà là một dòng chảy

khổng lồ xé tan tành và cuốn phăng nhà cửa. Mới đi bộ được dăm phút, tôi đã cảm thấy phải làm cho thần kinh dịu lại. Tôi vào một quán cà phê đối diện với đại lộ, ngồi cạnh ô cửa sổ lớn bằng kính. Đã xế trưa, quán thưa khách. Tôi gọi một tách cà cao rồi lơ đãng nhìn người qua kẻ lại ngoài kia.

Tôi không biết bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Có thể mười lăm phút, có thể hai mươi phút, nhưng rồi tôi nhận ra mình đang dõi theo từng chiếc Mercedes-Benz, Jaguar và Porsche bóng lộn đang chậm chạp bò trên đại lộ nệm kín những xe. Trong ánh nắng mai tươi rói sau một đêm mưa, những chiếc xe kia lấp lánh chói lọi hầu như nhức mắt, như

là biểu tượng cho một cái gì. Không có lấy một hạt bụi. Những kẻ ngồi trong xe đó có tiền. Ý nghĩ như vậy chưa bao giờ nảy ra trong tôi trước đây. Tôi nhìn hình ảnh chính mình phản chiếu trong gương mà lắc đầu. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, đây là lần đầu tiên tôi cần tiền ghê gớm đến vậy.

Khi đám đông khách ăn trưa bắt đầu ủa vào quán, tôi quyết định đi dạo. Tôi chẳng có mục đích nào cụ thể, chỉ là muốn đi bộ qua khu trung tâm thành phố mà đã lâu tôi không đến. Tôi đi bộ từ phố này sang phố nọ, ý nghĩ duy nhất của tôi là cố sao tránh va vào những người đi ngược chiều tôi. Tôi rẽ phải, rẽ trái hay đi thẳng tùy theo sự thay đổi của đèn

giao thông hay ý thích nhất thời. Thọc tay vào túi, tôi tập trung vào bản thân hành động đi – từ các đại lộ với hàng dãy siêu thị và cửa sổ bày hàng, đến những ngõ hẻm phía sau với những porno shop(2) trang hoàng loè loẹt, qua những con phố đông vui lấp rập chiếu phim, qua khuôn viên tĩnh mịch những đền thờ Thần đạo rồi lại quay về các đại lộ. Buổi chiều ấm áp, gần một nửa đám đông đã bỏ áo khoác lại nhà. Làn gió nhẹ chốc chốc lại thổi, cảm giác đổi thay dễ chịu. Chưa kịp nhận ra thì tôi đã lại đứng trong khung cảnh quen thuộc. Tôi nhìn những viên gạch dưới chân mình, nhìn bức tượng nhỏ đứng kia, nhìn toà nhà bằng kính cao chót vót phía trên tôi. Tôi đang đứng ngay giữa quảng trường nhỏ bên ngoài

toà nhà cao tầng nơi tôi đã đến hồi mùa hè năm ngoái để nhìn người qua kẻ lại theo lời khuyên của ông cậu. Tôi đã làm vậy suốt mười một ngày, cuối cùng tôi theo gã đàn ông kỳ quặc ôm thùng đàn ghi-ta bước vào gian ngoài căn nhà lạ lùng kia, ở đó hắn tấn công tôi bằng gậy bóng chày. Giờ đây lang thang vô định quanh khu Shinjuku, bước chân tôi lại đến chính nơi này.

Cũng như trước, tôi mua cà phê và bánh cam vòng tại cửa hàng bánh Dunkin rồi đi đến chỗ băng ghế trên quảng trường. Tôi ngồi nhìn mặt những người qua lại, việc đó khiến tâm trạng tôi càng lúc càng bình an. Tôi dễ chịu vì một lý do mà tôi không hiểu được, như thể tôi đã tìm thấy

một cái ổ tiện nghi trên tường nơi không ai có thể nhận ra rằng tôi đang quan sát họ. Đã lâu lắm rồi tôi không nhìn mặt thiên hạ kỹ đến vậy. Nhưng rồi tôi hiểu ra rằng không chỉ mặt. Tôi đã không hề nhìn – thật sự nhìn – bất cứ cái gì trong sáu tháng qua. Tôi ngồi thẳng người dậy trên ghế, lấy tư thế thẳng bằng để nhìn sự vật. Tôi nhìn những con người, nhìn những toà nhà cao ngất trên đầu, nhìn bầu trời mùa xuân ló ra qua những đám mây vừa tản mát, tôi nhìn những bảng hiệu nhiều màu sắc, tôi nhặt một tờ báo nằm bên cạnh rồi nhìn nó. Khi chiều xuống, màu sắc chân thực dần dần quay trở lại với vạn vật.

* * *

Sáng hôm sau tôi lại bắt tàu điện đến khu Shinjuku. Tôi ngồi cũng trên băng ghế ấy, nhìn mặt người qua lại. Buổi trưa tôi lại ăn bánh cam vòng và uống cà phê. Trước khi đến giờ cao điểm chiều, tôi lên xe điện về nhà. Tôi làm bữa tối, uống bia rồi nghe nhạc trên radio. Ngày hôm sau tôi cũng làm đúng như vậy. Hôm ấy cũng không có gì xảy ra. Nhưng tôi có một cảm giác mơ hồ rằng mình đang nhích gần đến một cái gì đó từng tí một. Tôi có thể nhận ra cái chuyển động đó, cái gần gũi hơn từng tí một đó mỗi khi nhìn chính mình trong gương trước bồn rửa mặt. Màu sắc của vết bầm càng sống động hơn bao giờ hết, ấm áp hơn bao giờ hết. Vết bầm của mình có sự sống, tôi tự nhủ.

Nó đang sống, cũng như tôi.

Tôi lặp lại quy trình đó hàng ngày, hết như mùa hè trước: sau mười giờ sáng một chút lên tàu điện đến thành phố, ngồi trên băng ghế nơi quảng trường cạnh toà nhà cao tầng, nhìn người qua kẻ lại suốt ngày, tuyệt không nghĩ ngợi gì. Thỉnh thoảng, chẳng hiểu sao những âm thanh có thực quanh tôi trở nên xa xăm, nhỏ dần rồi tắt ngấm. Cái duy nhất tôi nghe thấy vào những lúc đó là tiếng nước chảy sâu thẳm, êm lặng. Tôi nghĩ tới Kano Malta. Cô đã nói về chuyện lắng nghe tiếng nước. Nước là chủ đề chính của cô. Nhưng tôi không thể nhớ ra Kano Malta đã nói gì về tiếng nước. Tôi cũng không nhớ được mặt cô. Chỉ nhớ được mỗi màu

đỏ chiếc mũ bằng vải vinyl mà cô đội.
Tại sao lúc nào cô ta cũng đội chiếc mũ
bằng vải vinyl màu đỏ ấy?

Nhưng rồi các âm thanh dần dần trở lại
với tôi, và một lần nữa tôi lại ngắm
gương mặt mọi người.

* * *

Vào buổi chiều ngày thứ tám tôi lên phố,
một người đàn bà nói chuyện với tôi.
Lúc đó tôi đang nhìn hướng khác, tay
cầm cốc cà phê rỗng. “Xin lỗi” bà ta nói.
Tôi quay lại, ngược mắt lên thì thấy
gương mặt một phụ nữ đang đứng trước
mặt tôi. Đó chính là người đàn bà luống
tuổi mà tôi đã gặp ở đây mùa hè năm
ngoái, người duy nhất đã nói chuyện với
tôi trong suốt khoảng thời gian tôi ngồi

trên quảng trường. Chẳng phải tôi ngồi ở đây với ý định sẽ gặp lại bà ta, nhưng khi bà ta lên tiếng với tôi, dường như đó là kết cục tự nhiên của một dòng chảy lớn vậy.

Cũng như trước, người đàn bà ăn mặc không chê vào đâu được, cả về chất lượng từng thứ bà ta mặc lẫn cách kết hợp thứ này với thứ kia. Bà ta đeo kính đồi mồi màu tối, vận áo khoác màu xanh khói có độn vai, váy nỉ kẻ ô màu đỏ. Áo blouse của bà bằng lụa, trên ve áo khoác lấp lánh một chiếc ghim bằng vàng chạm khắc tinh xảo. Đôi giày cao gót màu đỏ của bà có kiểu dáng giản dị, song số tiền bà ta bỏ ra mua nó hẳn đủ cho tôi sống được vài tháng. Quần áo tôi thì chẳng

đầu vào đầu, như mọi khi: chiếc áo khoác bóng chày tôi mua từ hồi mới vào đại học, áo thun màu xám cổ đã doãng ra, và đôi giày tennis xưa kia màu trắng nhưng bây giờ chẳng biết gọi màu gì.

Mặc sự tương phản một trời một vực kia, bà ta ngồi xuống cạnh tôi, bắt tréo chân, rồi chẳng nói chẳng rằng rút từ trong ví cầm tay ra một gói Virginia Slims. Bà ta mời tôi một điếu, hết như dạo hè năm ngoái, và một lần nữa tôi từ chối. Bà ta cho một điếu lên miệng rồi châm lửa bằng cái bật lửa bằng vàng dài dài, thanh mảnh, cỡ bằng viên tủy. Rồi bà ta tháo kính, cho vào túi áo khoác, đoạn nhìn tôi chăm chú như thể đang tìm một đồng bạc bà ta đánh rơi vào một cái ao cạn. Tôi

cũng nhìn vào mắt bà ta. Mắt bà ta thật lạ, sâu thẳm nhưng vô cảm.

Bà ta hơi nheo mắt rồi nói:

- Thế là cậu quay lại đây.

Tôi gật.

Tôi dõi theo khói thuốc mỏng tang bay lên từ đầu điếu thuốc của bà ta rồi tản đi theo gió, biến mất vào không khí. Bà ta ngoái lại nhìn quang cảnh chung quanh, như để tận mắt thấy tôi đang nhìn những gì từ chiếc ghế này. Tuy vậy, những gì trông thấy hình như chẳng làm bà ta bận tâm. Bà lại quay sang nhìn tôi. Bà nhìn chằm chằm vào vết bầm của tôi một hồi lâu, đoạn nhìn vào mắt tôi, vào mũi, vào miệng tôi, rồi lại nhìn vết bầm. Tôi có cảm giác thật ra bà chỉ muốn ngắm soi tôi

như sấm soi một con chó ngoài hội chợ:
cạy mõm ra để kiểm tra răng tôi, dòm
vào trong tai tôi.

- Hiện giờ tôi đang cần tiền, - tôi nói.

Bà im lặng một chút.

- Bao nhiêu?

- Tám mươi triệu Yên là đủ.

Bà ta thôi nhìn tôi mà ngược lên trời như
để nhẩm tính: xem nào, nếu mình lấy chỗ
này một chút, chuyển từ kia một chút...

Suốt thời gian đó tôi quan sát cách trang
điểm của bà ta: mắt đánh rất nhạt như cái
bóng của một suy nghĩ, hàng mi cong tinh
tế như một biểu tượng nào đó.

- Số tiền đó không nhỏ, - bà ta nói, môi
hơi cong lại.

- Tôi thì tôi nói là quá lớn.

Điều thuốc chỉ mới hút được một phần ba, nhưng bà ta thả xuống đất rồi cẩn thận dùng gót giày di nát. Rồi bà ta lấy một hộp đựng danh thiếp bằng da thuộc ra khỏi chiếc ví cầm tay mỏng mảnh, gi một tấm danh thiếp vào tay tôi.

- Chiều mai đúng 4 giờ hãy đến địa chỉ này, - bà ta nói.

Trên danh thiếp chỉ ghi có mỗi địa chỉ - một toà nhà văn phòng ở quận Akasaka giàu có. Không có tên. Tôi lật mặt sau xem, nhưng mặt sau trắng. Tôi đưa lên mũi ngửi, nhưng nó chẳng có mùi gì. Nó chỉ là một tấm danh thiếp trắng bình thường.

- Không có tên à? - tôi hỏi.

Lần đầu tiên bà ta mỉm cười, nhẹ nhàng

lắc đầu.

- Cậu chỉ cần tiền thôi mà. Tiền thì có tên không?

Tôi lắc đầu giống như bà ta. Dĩ nhiên, tiền thì vô danh. Nếu có tên thì nó chẳng còn là tiền nữa. Cái mang lại cho tiền ý nghĩa đích thực là sự vô danh tối mò như đêm đen của nó, cái khả năng trao đổi đầy áp đảo và ghệt thờ của nó.

Bà ta đứng dậy khỏi ghế.

- Cậu đến lúc 4 giờ chiều được chứ?

- Nếu tôi đến, bà sẽ đưa tiền tận tay tôi sao?

- Để xem, - bà ta nói, một nụ cười nơi khoé mắt bà ta như những hình mà gió vẽ ra trên cát. Bà ta ngắm khung cảnh xung quanh một lần nữa rồi kéo thẳng nếp váy

cho có lệ.

Bà ta rảo bước rồi biến mất vào dòng người. Tôi vẫn nhìn điều thuốc mà bà ta đã giẫm nát, nhìn màu son môi vấy trên đầu lọc. Màu đỏ tươi làm tôi nhớ tới chiếc mũ bằng vải vinyl của Kano Malta. Nếu tôi có một cái gì đó của riêng mình, ấy chính là việc tôi chẳng có gì để mất. Có lẽ vậy.

2. Cửa hàng bán sản phẩm phục vụ sex

3

Chuyện xảy ra trong đêm



Giữa đêm khuya, chú bé nghe một tiếng động rõ mồn một. Chú tỉnh dậy với tay bật đèn bàn rồi nhìn quanh phòng. Đồng hồ treo tường chỉ 2 giờ sáng. Chú bé tự nhủ: chuyện gì trên đời có thể xảy ra vào giờ này được nhỉ?

Rồi tiếng động lại vang lên, từ bên ngoài cửa sổ, cái này thì chắc chắn. Nghe như ai đó đang vặn một sợi dây cót khổng lồ. Ai mà vặn dây cót giữa đêm hôm khuya khoắt thế này? Mà khoan, nghe như ai đó đang vặn dây cót, nhưng thật ra chẳng phải sợi dây cót nào hết. Đó là tiếng kêu

của một con chim. Chú bé dịch ghế lại gần cửa sổ rồi trèo lên. Chú vén rèm rồi hé mở cửa sổ. Treo giữa bầu trời là vàng trắng lớn trắng phau, vàng trắng tròn tiết cuối thu, rọi sáng khu vườn như ánh sáng ban ngày. Cây cối ngoài kia trông hoàn toàn khác lúc ban ngày đối với chú bé. Chúng tuyệt không còn vẻ hiền lành thân thiện nữa. Cây sồi vạn niên thanh có vẻ bức bối vì thỉnh thoảng lại bị một làn gió động làm rung lên, cất tiếng ken két đầy khó chịu. Những hòn đá trong vườn trông như trắng hơn, nhẵn hơn bình thường, ngó trân trân lên trời một cách vô cảm như khuôn mặt những người chết.

Tiếng chim kêu hình như vang lên từ chỗ cây thông. Chú bé tỳ vào cửa sổ nhìn lên,

nhưng từ góc hẹp này thì không thể thấy con chim qua những cành thông to nặng. Chú muốn thấy con chim kia trông thế nào. Chú muốn nhớ nằm lòng màu sắc và hình dáng của con chim để ngày mai có thể tìm thấy nó trong cuốn bách khoa toàn thư có minh họa của chú. Nỗi hiếu kỳ mạnh mẽ khiến chú bé hoàn toàn tỉnh như sáo. Chú bé thích nhất là tìm những loài chim, cá và các loài vật khác trong cuốn bách khoa toàn thư. Bộ sách có nhiều tập dày cộp, chất đầy cả một kệ sách trong phòng chú. Chú chưa đến tuổi đi học nhưng đã biết đọc rồi.

Con chim nín lặng sau khi vắn dây cọt mấy lần liên tiếp. Chú bé tự hỏi liệu có ai khác nghe tiếng kêu của nó không. Bó

mẹ chú có nghe thấy không? Bà của chú? Nếu không thì sáng ra chú có thể kể cho mọi người nghe: có một con chim có tiếng kêu y hệt như tiếng vắn dây cọt, nó ở trên cây thông lúc 2 giờ sáng. Giá như chú nhìn thấy nó, dù chỉ một lần thôi! Chừng đó thì chú có thể cho mọi người biết cả tên nó.

Nhưng con chim không hề cất tiếng kêu nữa. Nó câm lặng như tảng đá, trên những cành thông tắm trong ánh trăng. Giây lát sau một làn gió lạnh ùa vào phòng, như thể mang tới một lời cảnh báo. Chú bé rùng mình đóng cửa sổ. Đây là một loài chim khác, chú biết, không phải sẻ hay bồ câu, nó không dễ dàng xuất hiện trước mắt con người. Chú đã

đọc trong cuốn bách khoa toàn thư rằng hầu hết các loài chim đêm đều khôn ngoan và thận trọng. Con chim này có lẽ biết chú đang rình quan sát nó. Chính vì vậy nó sẽ không lộ mặt dù chú đợi bao lâu đi nữa. Chú bé tự hỏi có nên đi xuống phòng vệ sinh không. Nếu vậy thì phải đi dọc theo hành lang hun hút tối om. Không, tốt nhất là vào lại giường. Thật tệ là chú không thể đợi đến sáng. Chú bé tắt đèn rồi nhắm mắt, nhưng ý nghĩ về con chim trên cây thông khiến chú trằn trọc mãi. Ánh trăng vàng vạc tuôn vào từ dưới tấm rèm cửa như mời gọi. Khi con chim vắn dây cót lại kêu lần nữa, chú bé nhảy ra khỏi giường. Lần này chú không bật đèn mà choàng áo len ra

ngoài bộ pijama rồi trèo lên chiếc ghế bên cửa sổ. Chỉ hé rèm ra một tý, chú nhìn chăm chăm vào cây thông. Lần này hẳn con chim sẽ không nhận ra rằng chú đang rình nó.

* * *

Tuy nhiên, lần này chú bé lại thấy bóng dáng hai người đàn ông. Chú nín thở. Hai người đàn ông quỳ gối như hai cái bóng đen kịt dưới gốc cây. Cả hai đều mặc quần áo màu sẫm. Một người đội mũ, người kia đội cái gì đó giống như mũ phớt có vành. Tại sao mấy người lạ này lại ở đây, trong vườn nhà mình giữa đêm khuya? Chú bé tự hỏi. Sao chớ lại không sửa? Chắc là chú phải báo cho cha mẹ ngay. Nhưng nổi tò mò giữ chú lại nơi

cửa sổ. Chú muốn xem mấy người này đang làm gì.

Thế rồi, đột nhiên con chim vặn dây cót lại cất tiếng kêu. Không chỉ kêu một tiếng mà cả một tràng dài liên tục Quick...

Quick... Nhưng hai người đàn ông dường như không nhận thấy. Họ không động đậy, cũng chẳng nhìn lên. Họ vẫn quỳ dưới cây thông, mặt đối mặt. Dường như họ đang bàn bạc điều gì đó bằng giọng thì thầm. Những cành cây che khuất ánh trăng, thành thử chú bé không nhìn rõ được mặt họ. Chẳng mấy chốc, hai người đàn ông đứng dậy cùng một lúc, một người cao hơn người kia dễ đến hai mươi phân. Cả hai đều gầy gò, người cao (đội mũ) mặc áo khoác dài. Người thấp

mặc quần áo bó sát người.

Người thấp lại gần cây thông rồi đứng đó, nhìn lên những cành cây. Lát sau, y bắt đầu sờ nắn, vỗ vỗ thân cây bằng cả hai tay như để kiểm tra, rồi thỉnh thoảng nhảy lên cây. Thế rồi, hoàn toàn không phải nỗ lực chút nào (hoặc là do chú bé có cảm tưởng vậy), y leo thoăn thoắt lên cây hết như diễn viên xiếc. Chú bé biết rõ cái cây này như biết rõ một người bạn cũ. Chú biết rằng leo lên cây ấy chẳng dễ chút nào. Thân nó nhẵn thín, trơn tuột, đã vậy lên đến trên cao thì chẳng có gì để bám. Nhưng có sao gã đàn ông lại leo lên cây giữa đêm khuya? Hay y muốn bắt con chim vặn dây cót?

Người cao đứng dưới gốc cây nhìn lên.

Chẳng mấy chốc sau người bé nhỏ đã biến mất. Những cành cây thì thoảng lại xào xạc, thế là y ắt vẫn đang trèo lên cây thông. Con chim vặn dây cót ắt sẽ nghe tiếng y đến gần mà bay đi thôi. Người này hẳn trèo cây giỏi, nhưng con chim vặn dây cót không dễ bắt như vậy đâu. Tuy vậy, chú bé hy vọng rằng nếu gặp may thì sẽ nhìn thấy được con chim, dù chỉ thoáng qua thôi, khi nó bay đi. Chú nín thở, chờ tiếng vỗ cánh. Nhưng tiếng vỗ cánh không hề đến, cũng chẳng có tiếng kêu nào.

* * *

Im lặng rất lâu, không có âm thanh hay chuyển động nào. Vạn vật tắm trong ánh trắng trắng bạc như không có thật, khu

vườn trông như đáy biển ướn át lộ ra khi nước đột nhiên rút hết. Như bị hấp hồn, không nhúc nhích, chú bé vẫn nhìn chong chong vào cây thông và người đàn ông cao lớn dưới gốc cây. Chú không thể nào rời mắt được dù có cố đi chẳng nữa. Hơi thở chú che mờ mặt kính. Ngoài kia hẳn phải lạnh lắm. Người đàn ông đứng nhìn lên, tay chống nạnh, không hề động đậy, như đã hoá thành băng. Chú bé cho rằng y đang lo cho người bạn đồng hành bé nhỏ của y, đợi hẵn ta hoàn thành một sứ mạng nào đó rồi tụt từ trên cây thông xuống. Kẻ này lo cũng phải: chú bé biết rằng cây thông này tụt xuống khó hơn leo lên. Nhưng rồi, hoàn toàn đột ngột, người cao lớn sải bước thẳng vào trong bóng đêm, như thể bỏ bê hết việc đang làm.

Chú bé cảm thấy giờ đây mình là người bị bỏ rơi. Người bé nhỏ đã biến mất vào trong cây thông, còn người cao lớn đã bỏ đi đâu đó. Con chim vượn dây cót vẫn im lặng. Chú tự hỏi mình có nên đánh thức bố dậy không. Nhưng chú biết mình sẽ không thể làm bố tin được chuyện này. “Chắc con lại nằm mơ đấy thôi”, bố sẽ nói vậy. Đúng là chú hay mơ, chú thường lẫn lộn giấc mơ với thực tại, nhưng chú không quan tâm những gì người khác nói: chuyện này hoàn toàn có thực – con chim vượn dây cót và hai người đàn ông mặc đồ đen. Tất cả đã đột ngột biến mất, chỉ có thế. “Bố hẳn sẽ tin nếu mình giải thích cho ra đầu ra đũa”, chú nghĩ vậy.

Chỉ khi đó chú mới nhận ra: người đàn

ông bé nhỏ kia trông rất giống bố chú. Dĩ nhiên y nhỏ con quá nên không thể là bố chú, nhưng ngoài cái đó ra y giống bố ở mọi điểm: giáng người giống, cử chỉ cũng giống. Nhưng không, bố chú chẳng bao giờ trèo cây được như vậy. Bố không nhanh nhẹn cũng chẳng khoẻ mạnh như thế. Càng nghĩ chú bé càng hoang mang.

Người cao lớn quay lại dưới chỗ gốc cây. Bây giờ hẳn ta mang cái gì đó trong tay – một cái xẻng vào một cái bao lớn bằng vải. Hẳn đặt cái bao xuống mặt đất rồi bắt đầu đào gần chỗ rễ cây. Cái xẻng xắn vào đất làm vang lên tiếng động sắc ngọt, nghe rất rõ. Giờ thì ai cũng phải thức dậy đây, chú bé nghĩ. Tiếng động

lớn rõ mòn một thể kia mà!

Nhưng chẳng ai thức dậy. Người đàn ông vẫn không ngừng tay đào, dường như chẳng quan tâm xem liệu có ai nghe thấy. Mặc dù cao lêu ngêu, gầy gò, hăn khỏe hơn rất nhiều so với bề ngoài, xét theo cách hăn sử dụng cái xẻng. Hăn làm việc đều đều, không phí sức. Khi đã đào được một cái hố vừa ý, người đàn ông dựa xẻng vào thân cây rồi đứng đó nhìn xuống. Hăn chẳng bao giờ nhìn lên, như thể đã quên phát kẻ trèo lên cây lúc nãy. Dường như hăn chỉ quan tâm đến một thứ duy nhất là cái hố. Chú bé không thích điều đó. Lẽ ra hăn phải lo cho người đang ở trên cây kia chứ.

Qua đồng đất mà người đàn ông đào lên,

chú bé có thể đoán rằng cái hồ không sâu lắm, có lẽ chỉ trên đầu gối chú là cùng. Người đàn ông ý chừng hài lòng về hình dáng và kích thước cái hồ. Hắn quay lại phía cái túi và nhẹ nhàng nhấc từ trong túi ra một vật bọc vải nom đen đen. Cái vật ấy mềm, nhũn, xét theo cách người đàn ông nâng nó. Có lẽ hắn sắp chôn một cái xác nào đó vào cái hồ. Ý nghĩ đó khiến tim chú bé đập thành thịch. Nhưng cái vật bọc vải kia không lớn hơn con mèo. Nếu là người thì chỉ có thể là một đứa bé sơ sinh. Nhưng sao hắn ta lại phải chôn một thứ như vậy ngay trong vườn nhà mình cơ chứ? - chú bé nghĩ. Chú nuốt nước bọt mà chẳng biết từ lúc nào đã tiết đầy mồm. Tiếng ực to đến nỗi chính chú bé cũng đâm hoảng hốt: ngộ

nhờ gã đàn ông ngoài kia nghe thấy thì sao.

Ngay lúc đó, như thể được tiếng ực của chú bé đánh thức, con chim vắn dây cót lại cật tiếng, lần này vắn một dây cót lớn hơn bao giờ hết: Quick... Quiiiiiiiick... Khi nghe tiếng kêu đó, chú bé cảm thấy bằng trực giác rằng một cái gì đó nghiêm trọng sắp xảy ra. Chú cắn môi và bắt giác gãi da trên cánh tay. Lẽ ra chú không nên thấy cảnh này, chú cảm thấy vậy. Nhưng giờ thì đã quá muộn. Giờ đây chú không thể nào dứt ra khỏi cảnh tượng đang bày ra trước mắt chú. Chú hé môi, tỳ mũi vào khung cửa sổ giá lạnh, sững sờ trước tấn kịch lạ lùng đang diễn ra trong vườn nhà mình. Chú không còn

hy vọng có ai trong nhà sẽ thức dậy. Dù ngoài kia có tiếng động to cách mấy thì cũng không ai thức dậy đâu. Mình là người sống duy nhất có thể nghe thấy những tiếng động đó. Ngay từ đầu đã vậy rồi, - chú nghĩ.

Người cao lớn khom mình xuống và hết sức cẩn trọng, đặt cái vật bọc vải đen xuống đáy hồ. Rồi hắn vươn thẳng người lên nhìn xuống vật nằm dưới kia. Chú bé không thể nhìn rõ khuôn mặt người đàn ông dưới vành mũ, nhưng dường như hắn có vẻ mặt nghiêm trang, thậm chí trang trọng nữa. Phải, đó ắt là một cái xác nào đó, chú bé nghĩ. Phút chốc sau người đàn ông quả quyết cầm lấy xẻng, bắt đầu lấp hồ lại. Khi đã lấp xong, hắn nhẹ nhàng

lấy chân dẫm đất, và san cho phẳng. Sau đó hấn tựa xẻo vào thân cây, rồi cầm túi vải trong tay, chậm chậm bỏ đi. Hấn không quay đầu lại. Hấn không ngược lên cây. Và con chim vặn dây cót không hề cất tiếng nữa.

Chú bé ngoài nhìn đồng hồ treo tường. Căng mắt trong bóng tối, khó khăn lắm chú mới nhìn ra là 2 giờ rưỡi sáng. Chú còn nhìn đăm đăm lên cây thông thêm khoảng mười phút nữa qua khe hở giữa mấy tấm rèm, nhớ ra có gì đó chuyển động ngoài kia, nhưng một cơn buồn ngủ kinh khủng xâm chiếm chú ngay lập tức, như thể có một cái nắp bằng sắt nặng trĩu đang khép lại trên đầu chú. Chú muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra với người

đàn ông bé nhỏ ở trên cây và con chim
vặn dây cót, nhưng chú không còn chong
mắt được nữa. Chú cố cởi cho xong
chiếc áo len trong khi vẫn còn tỉnh rồi
vùi mình vào chăn và chìm ngay vào
giấc ngủ.

4

Mua giày mới



Kẻ về nhà

Từ ga xe điện ngầm Akasaka tôi đi theo một con phố sầm uất hai bên san sát nhà hàng và quán bar để đến nơi tọa lạc tòa cao ốc văn phòng, hơi lên dốc một quãng ngắn. Đó là một tòa nhà chẳng có gì đặc biệt, không mới không cũ, không to không nhỏ, không sang trọng chẳng tồi tàn. Một hãng du lịch chiếm một phần tầng trệt, khung cửa sổ lớn trang hoàng hai tấm áp phích quảng cáo, một là cảnh hải cảng trên đảo Mykono, một là xe cáp treo ở San Francisco. Cả hai đều bạc phéch vì

treo ngoài cửa sổ lâu ngày. Ba nhân viên
hãng đang miệt mài làm việc sau tấm
kính, người nói chuyện qua điện thoại, kẻ
gõ bàn phím máy tính. Giả vờ xem các
tấm poster, tôi giết thời giờ bằng cách
quan sát cảnh văn phòng trong khi đợi
đồng hồ điểm 4 giờ. Vì lý do nào đó, cả
Mykono lẫn San Francisco đều dường
như cách chỗ tôi đứng đến hàng năm ánh
sáng.

Càng nhìn tòa nhà này, tôi càng nhận thấy
nó tầm thường đến mức nào. Dường như
nó được xây theo nguyên xi bản vẽ bằng
bút chì của một đứa trẻ con nếu như
người ta bảo nó vẽ một tòa nhà; hoặc
dường như người ra cố tình thiết kế sao
cho nó không nổi bật giữa môi trường

xung quanh. Đầu trong khi đi tìm tôi đã kiểm tra các số nhà cẩn thận đến mấy, suýt nữa tôi đã bỏ qua tòa nhà này mà không biết, nó bình thường quá. Lối vào khiêm nhường của nó ở ngay cạnh cửa vào của hãng du lịch. Nhìn qua các bảng tên, tôi có cảm tưởng rằng thuê văn phòng ở đây hầu hết là những doanh nghiệp nhỏ - văn phòng luật, kiến trúc sư, nhà nhập khẩu, nha sĩ. Một vài bảng tên sáng choang đến độ tôi có thể soi rõ mặt mình trên đó, nhưng bảng tên cho phòng 602 thì đã mờ xỉn vì năm tháng, chuyển sang một màu khó xác định. Hẳn người đàn bà này đã thuê văn phòng ở đây từ lâu. "Hãng thiết kế thời trang Akasaka", tám biển đề. Vẻ cũ kỹ của tám bảng làm dịu đi nỗi nghi hoặc của tôi.

Giữa sảnh đợi và thang máy là một cánh cửa bằng kính khóa chặt. Tôi bấm chuông phòng 602 rồi nhìn quanh tìm ống kính camera mà chắc hẳn đang truyền hình ảnh của tôi vào màn hình ở bên trong. Có một thiết bị nhỏ trông như camera trên một góc trần sảnh đợi. Chẳng mấy chốc chuông reo, khóa cửa mở ra, tôi liền bước vào buồng thang máy.

Tôi đi trên cái buồng thang máy tuyệt đối không trang hoàng gì để lên tầng sáu, rồi sau một hồi loanh quanh trong cái hành lang tuyệt đối không trang hoàng, tìm thấy cánh cửa số 602. Sau khi kiểm tra xem có đúng là trên cánh cửa có biển đề "Akasaka Fashion Design", rồi mới bấm

chuông đúng một tiếng.

Mở cửa cho tôi là một thanh niên mảnh dẻ tóc cắt ngắn, đường nét gương mặt thật cân đối. Có lẽ y là gã đàn ông điển trai nhất tôi từng gặp. Nhưng đập vào mắt tôi còn mạnh mẽ hơn cả khuôn mặt là quần áo của y. Y vận một chiếc áo sơ-mi trắng đến nhức mắt, thắt cà vạt màu xanh thẫm có họa tiết tinh tế. Không chỉ bản thân cà vạt rất đúng một mà nút thắt cũng không chệ vào đâu được. Từng nếp gấp đều đúng hệt như thường thấy trong tạp chí thời trang dành cho nam giới. Tôi chẳng bao giờ thắt cà vạt được như vậy, và bỗng dưng tôi tự hỏi y làm cách nào. Có phải đó là tài năng thiên bẩm của y, hay là kết quả sự dày công khổ luyện? Y

mặc quần xanh thẫm và mang giày đế
phẳng màu nâu có trang trí nún tua. Mọi
thứ y mặc đều mới tinh, như thể y mặc
lần đầu tiên mới cách đây vài phút.

Y thấp hơn tôi. Trên môi y thấp thoáng
nụ cười, như thể y vừa nghe một mẩu
chuyện khôi hài và lúc này y đang mỉm
cười một cách tự nhiên nhất. Chẳng phải
một mẩu chuyện khôi hài dung tục đâu:
đó là loại hài hước thanh lịch mà cách
đây một thế hệ ngài bộ trưởng ngoại giao
hắn đã nói với hoàng thái tử trong một
bữa tiệc ngoài trời, khiến những người
nghe xung quanh cười khe khẽ đầy lịch
sự. Tôi toan tự giới thiệu, nhưng y đã khẽ
lắc đầu ý nói tôi không cần phải nói gì.
Tay giữ cửa mở, y để tôi vào, đoạn đảo

mắt nhìn khắp hành lang rồi đóng cửa lại. Suốt thời gian đó y không hé môi, chỉ nheo nheo mắt nhìn tôi như thể xin lỗi rằng y không thể nói năng gì bởi có con báo đen nóng nảy đang ngủ ngay bên cạnh. Nói thế không có nghĩa là quả thật có con báo đen nào đang ngủ cạnh y, đơn giản là gã thanh niên này có cái vẻ như vậy.

Giờ tôi đang đứng ở một phòng tiếp khách có một chiếc đi-văng và ghế da trông khá tiện nghi, một giá treo quần áo bằng gỗ theo kiểu cổ và một cây đèn chân đế. Bức tường đằng xa có một cánh cửa, ý chừng để dẫn sang phòng bên cạnh. Bên cánh cửa này, quay lưng lại tường, là một chiếc bàn làm việc đơn

giản bằng gỗ sồi trên đó là một chiếc máy vi tính lớn. Chiếc bàn kê phía trước đi-văng hẳn chỉ đủ lớn để đặt một cuốn danh bạ điện thoại. Sàn phòng trải một tấm thảm màu lục nhạt trông dịu mắt. Từ những chiếc loa giấu kín phát ra nho nhỏ một bản tứ tấu đàn dây của Haydn. Trên tường có mấy bức tranh dễ thương vẽ hoa lá và chim chóc. Nhìn qua cũng biết đây là một căn phòng không chê vào đâu được, không một chút bừa bộn. Các giá sách trên tường chất toàn những mẫu vải và tạp chí thời trang. Đồ đạc trong căn phòng không xa hoa cũng chẳng mới, nhưng lại mang vẻ ấm áp, xưa cũ và quen thuộc làm ta bình tâm.

Người thanh niên dẫn tôi lại chỗ đi-văng,

còn chính mình thì đi về phía bên kia bàn làm việc rồi ngồi xuống đối diện tôi. Chìa hai lòng bàn tay về phía tôi, y ra hiệu rằng phải đợi một lát. Thay vì nói "Xin lỗi đã bắt ông phải đợi", y chỉ khẽ mỉm cười, và thay vì nói "Không lâu đâu", y giơ một ngón tay lên. Dường như y có khả năng diễn đạt ý mình mà không cần lời nói. Tôi gật đầu một lần để tỏ ý hiểu. Mở mồm nói khi có mặt y hẳn sẽ không đúng chỗ và thô bỉ.

Y nhặt một cuốn sách nằm cạnh máy vi tính, cẩn thận như đang cầm trong tay một vật dễ vỡ, rồi lật tới trang đang đọc dở. Đó là một cuốn sách dày màu đen không có bìa ngoài nên tôi không nhìn ra tựa đề. Mở sách ra là y toàn tâm toàn ý vào

việc đọc, dường như quên hẳn rằng tôi đang ngồi đó. Lẽ ra tôi cũng muốn đọc một cái gì cho qua thời gian, nhưng chẳng có gì để đọc. Tôi bắt tréo chân, ngồi cho thoải mái trên đi-văng mà nghe nhạc Haydn (mặc dù, nếu hỏi ra thì tôi cũng không dám chắc đó là Haydn).

Nhạc thì hay, song đó là loại nhạc dường như vừa xuất phát từ nguồn là lập tức tan biến vào không trung. Trên bàn làm việc của gã thanh niên, ngoài chiếc máy vi tính là một cái điện thoại bình thường màu đen, một khay đựng bút và một cuốn lịch.

Tôi vẫn mặc đúng lễ bộ đã mặc ngày hôm trước: áo khoác bóng chày, áo len có mũ trùm đầu, quần bò xanh, giày

tennis. Trước khi ra khỏi nhà tôi đã vớ được gì thì mặc nấy. Trong căn phòng ngăn nắp chĩnh chu không chệ vào đâu được này, có mặt chàng thanh niên đẹp trai tươm tất không chệ vào đâu được kia, đôi giày tennis của tôi trông càng bản thủ, càng cũ rách. Cả năm qua ngày nào tôi cũng mang đôi giày này, trèo qua bức tường sau nhà không biết mấy lần, thỉnh thoảng dẫm lên phân chó trong khi đi về theo con ngõ, lại còn chui xuống đáy giếng nữa. Chẳng lạ là chúng bản thủ, cũ mềm. Không phải đợi đến khi thôi việc tôi mới quan tâm đến chuyện mình đang mang đôi giày ra sao. Xem xét đôi giày kỹ thế này, tôi càng thấm thía mình cô đơn đến nhường nào, cảm thấy thế giới đã bỏ xa tôi đến mức nào. Đến

lúc phải mua giày mới rồi, tôi tự nhủ.
Đôi này thật kinh khủng quá sức.

Chẳng mấy chốc, nhạc Haydn kết thúc –
một cái kết đột ngột, chẳng đầu vào đầu.
Sau một quãng lặng ngắt, một tác phẩm
dành cho harpsichord của Bach lại cất
lên (tuy cả lần này nữa tôi cũng không
dám chắc là của Bach). Tôi bắt tréo chân
này rồi lại đổi chân kia. Điện thoại reo.
Gã thanh niên dùng một mẫu giấy đánh
dấu chỗ đang đọc dở, đặt sách qua một
bên rồi nhắc ống nghe. Y áp ống nghe
vào tai rồi khẽ gật đầu. Nhìn sang cuốn
lịch để bàn, y lấy bút chì đánh dấu. Đoạn
y giữ ống nghe gần mặt bàn rồi gõ gõ đốt
ngón tay hai lần lên lớp gỗ như đang gõ
cửa. Sau đó y gác máy. Cuộc gọi chỉ kéo

dài khoảng hai mươi giây, suốt thời gian đó gã trai không nói một câu nào. Thực ra, y đã không hề thốt một tiếng từ khi mời tôi vào phòng. Tại sao y không nói chuyện được nhỉ? Rõ là y có thể nghe được, cứ xem cách y trả lời điện thoại và lắng nghe những gì người ta đang nói ở đầu bên kia phòng thì đủ biết.

Y ngồi nhìn chiếc điện thoại một hồi như đang suy nghĩ. Rồi y đứng dậy không một tiếng động, đi vòng qua bàn làm việc, tiến thẳng tới chỗ tôi đang ngồi và ngồi xuống cạnh tôi. Rồi y đặt hai tay lên đầu gối, đều tăm tắp. Những ngón tay y thanh mảnh, tuyệt đẹp, đúng như ta có thể hình dung một khi đã nhìn thấy mặt y. Các đốt ngón và khớp nối có rất ít nếp gấp; ngón

tay thì thể nào cũng phải có nếp gấp, ít ra cũng phải vài nếp, không thì ngón không gấp được. Song những ngón tay y không có nhiều nếp gấp, không nhiều quá mức tối thiểu cần thiết. Tôi cố nhìn những ngón tay y sao cho không quá sỗ sàng. Gã trai này hẳn là con của người đàn bà kia, tôi nghĩ. Những ngón tay y có hình dáng như ngón tay của bà ta. Khi ý nghĩ đó nảy ra trong đầu, tôi bắt đầu nhận ra thêm những điểm giống nhau khác: cái mũi nhỏ khá nhọn, cặp mắt sáng như pha lê. Nụ cười thích thú lại bắt đầu nở trên môi y, hiện ra rồi lại biến đi hoàn toàn tự nhiên như một cái hang bên bờ biển lộ ra rồi lại chìm vào những cơn sóng. Chẳng mấy chốc gã trai đứng dậy, cũng nhanh nhẹn như lúc y ngồi xuống, và môi y

động đây: "Mời đi lối này". Mặc dù y tuyệt không phát ra một tiếng nào, nhưng tôi hiểu rõ điều y muốn nói. Tôi đứng dậy đi theo y. Y mở cánh cửa trong rồi mời tôi vào.

Sau cánh cửa là một căn bếp nhỏ có bồn rửa, sau đó nữa lại là một căn phòng khác, rất giống căn phòng tiếp khách nơi tôi ngồi nãy giờ, song nhỏ hơn một chút. Thảm trải sàn cũng cùng một màu như ở phòng kia. Giữa phòng là một cái bàn làm việc chuyên dụng trên đó có kéo, hộp dụng cụ, bút chì, tạp chí thiết kế, tất cả đều sắp xếp ngay ngắn. Có hai con ma-nơ-canh mà các thợ may vẫn dùng. Cửa sổ không chỉ treo màn mà treo tới hai bộ rèm, một bằng vải một bằng ren,

cả hai đều khép kín. Đèn trần không bật nên phòng tranh tối tranh sáng như buổi chiều hôm nhiều mây. Bóng đèn duy nhất của chiếc đèn chân đế bên cạnh chiếc sofa cũng không bật sáng. Một bình hoa bằng thủy tinh đựng hoa lay-ơn đặt trên bàn cà phê phía trước sofa. Hoa còn tươi, như thể vừa mới cắt vài phút trước, nước trong bình vẫn trong. Ở phòng này không nghe thấy tiếng nhạc, cũng chẳng có bức tranh hay cái đồng hồ nào ở trên tường.

Gã thanh niên lại im lặng ra dấu, lần này đề bảo tôi ngồi xuống sofa. Khi tôi đã ngồi như y bảo, y liền lấy trong túi quần ra cái gì đó trông như cặp kính bơi rồi giương ra trước mắt tôi. Đó đúng là cặp

kính bơi, chỉ là kính bơi thông thường làm bằng cao su và nhựa, y như những cặp kính tôi vẫn dùng khi đi bơi. Tại sao y lại mang theo vào đây, tôi chịu không hiểu.

- Đừng sợ, - gã thanh niên nói. Đúng ra, y chẳng hề "nói" gì. Y chỉ khẽ động đập môi và cử động mấy ngón tay còn nhẹ nhàng hơn. Thế nhưng tôi vẫn hiểu hoàn toàn chính xác y định nói những gì. Tôi gật đầu.

- Xin hãy mang kính vào. Đừng tự tháo ra. Tôi sẽ tháo. Ông cũng không được xê dịch kính. Ông hiểu không?

Tôi gật.

- Nó chẳng hại gì cho ông đâu. Mọi chuyện sẽ ổn. Đừng lo.

Tôi gật.

Gã thanh niên đi vòng lại phía sau sofa và đeo cặp kính bơi vào mắt tôi. Y kéo căng sợi dây cao su qua đầu tôi rồi điều chỉnh hai tròng kính sao cho lớp đệm mút khớp vào quanh hai mắt tôi. Điểm duy nhất mà cặp kính này khác với những cặp kính tôi vẫn dùng là tôi không nhìn thấy gì qua nó cả. Người ta đã phết một lớp dày cái gì đó ra ngoài lớp nhựa trong suốt. Một bóng tối hoàn toàn – và nhân tạo – vây quanh tôi. Tôi chẳng thấy gì hết. Tôi không biết cây đèn chân đế đang chiếu sáng ở chỗ nào nữa. Tôi có cái ảo giác như ai đó đã sơn lên khắp người tôi một lớp dày của cái gì đó.

Gã thanh niên khẽ đặt tay lên vai tôi như

để khích lệ tôi. Y có những ngón tay thon mảnh, tinh tế, song hoàn toàn không yếu ớt chút nào. Chúng có sức mạnh đầy quyết đoán của các ngón tay một nghệ sĩ dương cầm đặt trên mặt phím, thông qua những ngón tay này tôi có thể cảm thấy một thiện chí nào đó, hoặc nếu không hẳn là thiện chí thì cũng rất gần như vậy.

“Không sao cả, đừng lo”, những ngón tay bảo tôi vậy. Tôi gật đầu. Đoạn y rời khỏi phòng. Trong bóng tối, tôi nghe những bước chân y xa dần, sau đó là tiếng cửa mở ra rồi đóng lại.

* * *

Tôi tiếp tục ngồi trong tư thế đó một hồi lâu sau khi gã thanh niên đi khỏi. Bóng tối nơi tôi đang ngồi có cái gì đó thật kỳ

lạ. Tôi như hũ nút, không nhìn thấy bất cứ cái gì, về điểm đó thì cũng như bóng tối nơi đáy giếng kia, song ngoài ra bóng tối này có cái gì đó nữa hoàn toàn khác. Nó không có hướng, không chiều sâu, không trọng lượng, không thể nắm bắt. Nó không chỉ là bóng tối mà đúng hơn là hư vô. Đơn giản người ta đã làm tôi mù tạm thời bằng cách nhân tạo. Tôi nghe cơ bắp mình căng cứng, miệng và cổ họng tôi khô khốc. Chuyện gì sẽ còn xảy ra với tôi đây? Nhưng rồi tôi nhớ lại cái đụng chạm của những ngón tay gầy thanh niên. Đừng lo, chúng đã bảo tôi vậy. Chẳng hiểu vì lý do gì, tôi cảm thấy có thể tin được vào “lời nói” đó.

Căn phòng im lặng hoàn toàn đến nỗi khi

nín thở, tôi bị tràn ngập bởi cảm giác rằng thế giới đã hoàn toàn ngưng lại giữa chừng và vạn vật sẽ bị nuốt chửng, chìm xuống những đáy nước sâu vĩnh viễn. Nhưng không, rõ ràng thế giới vẫn đang chuyển động. Chẳng mấy chốc một người đàn bà mở cửa, sẽ sàng bước vào phòng. Tôi biết đó là đàn bà qua mùi nước hoa tinh tế. Đây không phải là thứ mùi của đàn ông. Hẳn đó là loại nước hoa đắt tiền. Mùi thơm có vẻ quen thuộc, tôi cố nhớ ra nhưng không được. Dường như khi đã bị tước đi thị giác thì khả năng ngửi của tôi cũng bị mất thăng bằng. Điều duy nhất tôi biết chắc, ấy là mùi thơm tôi đang ngửi thấy lúc này khác với mùi nước hoa của người đàn bà ăn mặc

đẹp dễ đã chỉ cho tôi đến đây. Tôi nghe tiếng sột soạt của quần áo người đàn bà khi cô ta bước ngang qua phòng rồi sẽ ngồi xuống sofa, bên phải tôi. Cô ta ngồi xuống đệm sofa hết sức nhẹ nhàng, gần như không trọng lượng, rõ ràng đây là một phụ nữ có thân hình bé nhỏ.

Người đàn bà ngồi nhìn thẳng vào tôi. Tôi có thể cảm thấy cặp mắt cô ta nhìn vào mặt tôi; và tôi chợt nhận ra rằng người ta có thể cảm thấy cái nhìn của người khác mà không cần đến mắt.

Người đàn bà không nhúc nhích, cứ nhìn tôi chăm chú. Tôi cảm thấy tiếng thở khẽ khàng, chậm rãi của cô ta, nhưng hầu như không nghe thấy được. Tôi vẫn giữ nguyên tư thế, hướng thẳng về phía

trước. Vết bầm trên má tôi dường như bắt đầu nóng lên, màu của nó hình như cũng trở nên sống động hơn bình thường. Người đàn bà chìa tay, khẽ đặt mấy đầu ngón tay lên vết bầm của tôi, thật cẩn trọng như thể đó là vật gì quý báu và dễ vỡ. Rồi cô ta bắt đầu vuốt ve vết bầm. Tôi không biết phải phản ứng ra sao hoặc cô ta muốn tôi phản ứng ra sao. Tôi chỉ có một cảm nhận hết sức xa xôi về thực tại. Tôi cảm thấy mình đang ở một thế phân ly lạ lùng, như thể tôi đang cố nhảy từ một chiếc xe đang chạy sang một chiếc xe khác chạy với vận tốc khác. Tôi hiện hữu ở khoảng trống giữa hai bên, một căn nhà trống rỗng. Bây giờ tôi là một căn nhà bỏ trống, như căn nhà của

gia đình Miyawaki trước kia. Người đàn bà này đã bước vào căn nhà trống đó, và, vì lý do nào đó, đang lướt tay dọc tất cả các bức tường và thân cột. Dù lý do của cô ta là gì đi nữa, bởi tôi là căn nhà trống (và tôi là vậy, căn nhà rỗng, không gì hơn) nên tôi không thể làm gì (mà cũng không cần làm bất cứ cái gì). Khi ý nghĩ đó hiện lên trong tâm trí, tôi cảm thấy phần nào nhẹ nhõm.

Người đàn bà không nói không rằng. Ngoài tiếng quần áo sột soạt, căn phòng chìm trong im lặng sâu thẳm. Người đàn bà miết đầu ngón tay trên da tôi như cố đọc ra một thứ chữ viết nhỏ xíu bí mật nào đã được viết lên đó từ lâu lắm. Cuối cùng cô ta thôi vuốt ve vết bầm của

tôi. Cô ta đứng dậy, đi vòng về phía sau tôi, rồi bắt đầu dùng lưỡi thay vì các đầu ngón tay. Cũng như Kasahara May đã làm trong vườn hồi mùa hè năm ngoái, cô ta liếm vết bầm của tôi. Tuy nhiên, cô ta làm thành thạo hơn nhiều so với Kasahara May. Lưỡi cô ta di động, riết chặt lấy thịt tôi. Lúc mạnh lúc nhẹ, dưới nhiều góc độ khác nhau, bằng nhiều động tác khác nhau, nó nếm, mút và kích thích vết bầm của tôi. Tôi cảm thấy nóng bỏng, giần giật nơi bụng dưới. Tôi không muốn cương cứng. Thật hoàn toàn vô nghĩa! Tôi không tự ngăn mình được.

Tôi cố sức áp đặt hình ảnh chính mình lên hình ảnh căn nhà bỏ trống. Tôi nghĩ về mình như một cây cột, bức tường, trần

nhà, sàn nhà, mái nhà, cửa sổ, cửa ra vào, tảng đá. Đường như đó là điều hợp lý nhất nên làm.

Tôi nhắm mắt lại và tách ra khỏi cái vỏ bằng nhục thể này, với đôi giày tennis cũ rích, cặp kính bơi kỳ quặc, cơn cương cứng vụng về của nó. Tách khỏi xác thịt mình không đến nỗi khó. Tôi thấy dễ chịu hơn nhiều, ít nhất việc này cũng cho phép tôi rũ bỏ cảm giác vụng về mà tôi đang cảm thấy. Tôi là một khu vườn um tùm cỏ dại, một con chim đá không bay, một cái giếng cạn khô. Tôi biết rằng một người đàn bà đang ở trong căn nhà trống vốn là bản thân tôi. Tôi không nhìn thấy cô ta, song điều đó chẳng làm tôi bận lòng nữa. Nếu cô ta đang tìm cái gì đó ở

trong kia, tôi có thể cho cô ta cái đó. Tiến trình thời gian càng ngày càng trở nên không rõ ràng. Xung quanh tôi lúc này có nhiều loại thời gian, tôi không biết mình đang ở thời gian nào trong số đó. Ý thức dần dần trở lại với thể xác tôi, và đến lượt mình người đàn bà dường như cũng rời khỏi đó. Cô ta ra khỏi phòng cũng êm ru như lúc vào. Tiếng quần áo sột soạt. Mùi nước hoa phảng phất. Tiếng cửa mở ra đóng lại. Một phần ý thức tôi vẫn nằm ở đó như một căn nhà trống. Đồng thời tôi vẫn ở đây, chính tôi trên chiếc sofa này. Tôi nghĩ: Mình nên làm gì bây giờ? Tôi không thể nào quyết đâu là thực tại. Từng tí một, cái từ “ở đây” dường như tách

làm hai ở bên trong tôi. Tôi ở đây, nhưng tôi cũng ở đây. Cả hai đều có sự như nhau đối với tôi. Ngồi trên sofa, tôi dần vào sự phân đôi kỳ lạ đó.

* * *

Chẳng bao lâu sau cửa mở, ai đó bước vào phòng. Qua tiếng bước chân tôi biết đó là gã thanh niên. Y vòng lại sau lưng tôi tháo kính bơi ra. Căn phòng vẫn tối, ánh sáng duy nhất là từ bóng đèn đơn của cây đèn chân đế. Tôi lấy lòng bàn tay dụi mắt, để làm quen với thế giới thực tại. Lúc này gã thanh niên đã vận com-lê, pha một chút ánh lục, là sự phối màu hoàn hảo với màu chiếc cà vạt y đeo. Mỉm cười nhẹ nhàng, y nắm lấy tay tôi, giúp tôi đứng dậy rồi đưa tôi về phía

cánh cửa ở đầu bên kia phòng. Y mở cửa, phía bên kia là một buồng tắm. Buồng có bệ xí, đằng sau là một góc tắm hoa sen nhỏ. Nắp bệ xí đang đầy, y cho tôi ngồi lên đó rồi mở vòi hoa sen. Y đợi cho nước nóng bắt đầu chảy rồi ra hiệu cho tôi tắm dưới vòi. Y mở giấy gói một bánh xà phòng mới đưa cho tôi. Rồi y ra khỏi buồng tắm, đóng cửa lại. Tại sao tôi phải tắm hoa sen cơ chứ? Thật không thể hiểu.

Cuối cùng, khi cởi quần áo thì tôi hiểu. Tôi đã xuất tinh dưới quần lót. Tôi bước vào dưới vòi hoa sen nóng rồi tắm rửa bằng bánh xà phòng mới màu xanh. Tôi gột sạch chỗ tinh dịch bám vào lông dương vật. Tôi ra khỏi vòi hoa sen rồi

lau mình bằng chiếc khăn tắm lớn. Ngoài khăn tắm ra tôi còn thấy một chiếc quần lót và một chiếc áo thun hiệu Calvin Klein, cả hai đều còn nguyên giấy gói và đều đúng cỡ tôi. Có thể họ đã tính trước rằng tôi sẽ xuất tinh trong quần. Tôi nhìn đăm đăm vào chính mình trong gương một lát, nhưng đầu tôi không nghĩ được gì cho ra đầu ra đũa. Tôi vứt chiếc quần lót vấy bẩn vào sọt rác rồi mặc chiếc quần lót mới trắng tinh, chiếc áo thun mới trắng, sạch bong. Rồi tôi mặc quần bò và áo len có cổ qua đầu. Tôi đi tất rồi mang đôi giày tennis bẩn, cuối cùng là chiếc áo khoác bóng chày. Rồi tôi ra khỏi buồng tắm. Gã thanh niên đang chờ tôi ở ngoài, liền dẫn tôi ra phòng đợi ban đầu.

Căn phòng nom vẫn như trước. Trên bàn làm việc vẫn là cuốn sách để mở, cạnh đó là chiếc máy vi tính. Bản nhạc cổ điển không biết của ai vẳng ra từ loa. Gã thanh niên bảo tôi ngồi xuống sofa rồi đem tới cho tôi một cốc nước khoáng mát lạnh. Tôi uống nửa cốc. “Tôi mệt làm sao đó”, tôi nói. Giọng nói nghe như không phải của tôi. Chẳng phải tôi định nói điều gì như vậy. mấy chữ đó bật ra chẳng biết từ đâu, ngoài ý chí của tôi. Tuy nhiên, giọng nói thì dĩ nhiên là của tôi.

Gã thanh niên gật đầu. Y lấy từ trong túi áo khoác của mình ra một chiếc phong bì trắng rồi dúi vào túi trong chiếc áo khoác bóng chày của tôi. Rồi y lại gật

đầu lần nữa. Tôi nhìn ra ngoài. Trời đã tối đường phố lấp lánh những bảng hiệu nê-ông, ánh đèn từ cửa sổ các cao ốc văn phòng, những ngọn đèn đường, những đèn pha ô-tô. Ý nghĩ phải nán lại thêm chút nào trong cái phòng này trở nên không thể chịu nổi. Chẳng nói chẳng rằng, tôi đứng dậy, băng qua căn phòng, mở cửa bước ra ngoài. Gã thanh niên đứng ở bàn làm việc nhìn theo tôi, vẫn im lặng như bao giờ, không giữ tôi lại.

* * *

Chuyến tàu Akasaka Mitsuke chật ních người đi làm về nhà. Không có lòng dạ nào chui vào xe điện ngầm, tôi quyết định đi bộ càng xa càng tốt. Tôi đi bộ qua cung điện dành cho các phái bộ

nước ngoài đến tận ga Yotsuya. Rồi tôi đi dọc theo đại lộ Shinjuku và ghé vào một quán nhỏ không đông khách, gọi cốc bia. Ngục đầu tiên khiến tôi nhận ra mình đang đói cồn cào, thế là tôi gọi bánh snack. Tôi nhìn đồng hồ mới biết đã gần 7 giờ tối. Song thử nghĩ mà xem, thời gian còn có quan trọng gì với tôi đâu.

Đến một lúc, tôi nhận ra có cái gì đó ở túi trong áo khoác. Tôi đã quên bằng chiếc phong bì gã thanh niên đưa tôi khi tôi ra về. Đó chỉ là một chiếc phong bì trắng bình thường, nhưng cầm trong tay, tôi nhận ra nó nặng hơn nhiều so với thoạt nhìn. Mà không phải chỉ nặng, trọng lượng của nó có gì đó là lạ, như thể có

cái gì đó bên trong đang cố ghì hơi thở. Sau một thoáng lưỡng lự, tôi xé phong bì ra, sớm muộn gì thì tôi cũng phải làm việc đó cơ mà. Bên trong là một tập giấy bạc mười ngàn Yên gói chặt, mới cứng, không có lấy một vết gấp hoặc nếp nhăn. Tiền mới quá, trông như không phải thật, mặc dù tôi chẳng có lí do gì không tin là tiền thật. Có hai mươi tờ tất cả. Tôi đếm lại lần nữa cho chắc. Phải chẳng nghi ngờ gì nữa: hai mươi tờ. Hai trăm ngàn Yên.

Đoạn tôi nhặt chiếc nĩa trên bàn lên mà nhìn nó chăm chăm chẳng vì lí do gì. Điều đầu tiên nảy ra trong đầu tôi là nên dùng số tiền này để mua một đôi giày mới. Đó chính là điều tôi cần hơn hết

thầy. Tôi trả tiền ăn uống rồi quay lại đại lộ Shinjuku nơi có một hiệu giày lớn. Tôi chọn một đôi giày điền kinh rất bình thường màu xanh dương rồi cho người bán biết cỡ chân của mình mà không hỏi giá tiền. Nếu vừa thì tôi có thể mang luôn về nhà, tôi nói. Người bán (hắn cũng là chủ hiệu) luôn cặp dây giày trắng vào các lỗ trên hai chiếc giày rồi hỏi: “Còn đôi cũ thì làm sao đây?”. Tôi bảo ông ta vứt đi, nhưng rồi nghĩ lại, liền bảo tôi sẽ mang về nhà.

Ông ta mỉm cười tử tế với tôi. “Giày cũ mà tốt thì dù nhếch nhác một tí vẫn được việc”, ông ta nói, như muốn hàm ý rằng những đôi giày bản thủ đến thế ông vẫn thường gặp luôn. Đoạn ông cho đôi giày

cũ vào cái hộp vốn đựng đôi giày mới, lại cho hộp vào một cái túi mua hàng. Nằm trong hộp mới đôi giày tennis cũ trông như xác chết của hai con vật nhỏ. Tôi trả tiền bằng một trong các tờ một vạn Yên mới cứng đựng trong phong bì, nhận tiền trả lại gồm một vài tờ một ngàn Yên không mới lắm. Xách chiếc túi đựng đôi giày cũ, tôi lên tuyến xe điện Odakyu để về nhà. Tôi níu chặt vào vòng tay vịn, hoà mình vào đám đông đang trở về nhà mà nghĩ về những thứ mới mình đang có trên người – quần lót mới, áo thun mới, giày mới.

* * *

Về nhà, tôi lại ngồi bên bàn dưới bếp như mọi khi, vừa uống bia vừa nghe nhạc

trên radio. Bỗng dưng tôi muốn nói chuyện với ai đó, nói về thời tiết, về sự ngu xuẩn của chính phủ, về cái gì cũng được. Chỉ cần được trò chuyện với ai đó, nhưng tôi không nghĩ ra được ai, không một người nào tôi có thể cùng trò chuyện. Ngay cả con mèo tôi cũng chẳng có.

* * *

Sáng hôm sau, khi cạo râu, tôi kiểm tra vết bầm trên mặt như mọi khi. Không thấy có gì thay đổi. Tôi ngồi ngoài hiên, và đã lâu lắm tôi mới lại dành cả ngày trời chẳng làm gì, chỉ ngồi ngắm khu vườn nhỏ ngoài kia. Buổi sáng thật đẹp trời, buổi trưa cũng đẹp. Lá trên cây đu đưa trong làn gió nhẹ đầu xuân.

Tôi rút cái phong bì đựng mười chín tờ giấy bạc mười ngàn Yên ra khỏi túi áo khoác rồi cho vào ngăn kéo bàn làm việc. Nó vẫn có vẻ nặng đến kỳ lạ trong tay tôi. Cái sức nặng này hẳn hàm chứa một ý nghĩa nào đó, nhưng tôi không thể hiểu đó là gì. Đột nhiên tôi hiểu ra: nó nhắc tôi nhớ lại một cái gì đó. Việc tôi đã làm nhắc tôi nhớ lại một cái gì đó. Nhìn chăm chăm vào cái phong bì trong ngăn kéo, tôi cố nhớ ra là cái gì mà không được.

Tôi đóng ngăn kéo lại, xuống bếp pha ít trà rồi đứng trước bồn rửa mặt mà uống; đúng vào lúc đó tôi chợt nhớ. Việc tôi đã làm hôm nay cũng giống như việc mà Kano Creta đã làm trong vai gái gọi.

Người ta gọi tới đâu thì tôi đi tới đó, ngủ với một người xa lạ, rồi được trả tiền. Thật ra tôi không ngủ với người đàn bà đó (tôi chỉ xuất tinh trong quần), nhưng ngoài cái đó ra thì thực chất là một. Vì cần một số tiền lớn, tôi đã bán mình cho người khác để được tiền. Tôi vừa uống trà vừa ngẫm nghĩ về điều đó. Một con chó sủa đằng xa. Rồi có tiếng máy bay. Song những ý nghĩ của tôi không thể nào mạch lạc cho được. Tôi lại ra ngoài hiên ngắm khu vườn tắm dưới ánh nắng chiều. Khi đã chán, tôi nhìn hai lòng bàn tay mình. Liệu có cần thế chẳng: tôi đã thành một tên đĩ đực! Ai có thể tưởng tượng nổi rằng có ngày tôi đem thân mình ra bán lấy tiền? Và với số tiền đó, việc đầu tiên tôi làm là đi mua đôi giày mới?

Tôi muốn hít thở không khí ngoài trời, bèn quyết định đi mua sắm. Tôi đi bộ xuôi theo phố, chân đi đôi giày mới. Tôi có cảm giác như đôi giày mới kia đã biến tôi thành một con người mới, khác với con người của tôi trước kia. Quang cảnh đường phố, những khuôn mặt người mà tôi đi qua trông cũng khác. Ở siêu thị khu vực, tôi mua rau, trứng, sữa, cá và hạt cà phê, trả tiền bằng mấy tờ giấy bạc mà tôi qua người ta trả lại tôi ở hiệu giày. Tôi muốn kể cho người phụ nữ trung niên có bộ mặt tròn đứng bên quầy rằng tôi đã kiếm được món tiền này hôm trước bằng cách bán mình. Tôi đã kiếm được hai trăm ngàn Yên. Hai trăm ngàn Yên! Có làm việc hùng hục như khổ sai

ở hăng luật, làm thêm giờ tất cả các ngày trong tháng, tôi cũng chỉ đem về nhà được hơn trăm năm mươi ngàn Yên một chút. Tôi muốn nói với bà ta vậy. Nhưng dĩ nhiên tôi chẳng nói gì. Tôi đưa tiền rồi nhận một túi giấy đầy các thứ đã mua. Có điều này thì chắc chắn: mọi việc đã bắt đầu chuyển động. Tôi vừa cuộc bộ về nhà, tay xách túi đựng thức ăn, vừa tự nhủ mình như vậy. Giờ tôi chỉ còn một việc phải làm là trụ thật vững để không bị quật ngã. Nếu làm được vậy thì ít nhất tôi cũng đến được chỗ nào đó, một nơi nào đó khác nơi tôi đang ở hiện nay.

* * *

Linh cảm của tôi không sai. Khi tôi về đến nhà, con mèo ra đón tôi. Ngay khi tôi

mở cửa trước, nó kêu meo một tiếng rõ to như thể đã đợi tôi suốt cả ngày rồi chạy ủa đến với tôi, chót đuôi quặp dựng đứng lên. Vâng, chính là Wataya Noboru, đi lạc đã gần một năm nay. Tôi đặt túi đồ ăn xuống rồi ôm nó vào lòng.

5

Một nơi mà nếu nghĩ thật lung thì sẽ đoán
ra

(Quan điểm của Kasahara May, Phần 1)

*

Chào Chim vặn dây cót!

Em cá là anh cứ nghĩ em đang ngồi trong
lớp học trước cuốn giáo khoa để mở,
đang nhìn một môn nào đó như bất cứ
đứa học trò nào. Đúng là lần trước gặp
nhau chính em có bảo anh rằng em sắp đi
học một “trường khác” thành thử anh
nghĩ vậy thì cũng tự nhiên thôi. Thực ra
em cũng có tới một trường khác thật,
trường tư dành cho nữ sinh, ở xa lắm,
trường rất oách, phòng vừa sạch vừa

rộng rãi như phòng khách sạn, có quán cà phê muốn ăn gì có đấy, có sân tennis mới cái rộng mênh mông, lại có cả hồ bơi, dĩ nhiên là rất đắt, chỉ dành cho con gái nhà giàu. Mà không phải những đứa bình thường đâu nhé, toàn mấy đứa cá biệt thôi. Anh có hình dung được thế là thế nào không? Một cái trường kiểu như trường tư ở miền quê hoặc trong rừng, của dân nhà giàu ấy. Bao quanh là tường cao chót vót rào kẽm gai, cổng thì cổng sắt to dùng cỡ Godzilla chắc cũng không phá nổi, có lính canh gác thay phiên suốt ngày đêm, cứ như là người máy, để ngăn không cho người ngoài vào thì ít mà ngăn không cho người ở trong ra thì nhiều. Giờ chắc anh sẽ hỏi: “Đã biết là một nơi

kinh khủng như vậy sao còn tới làm gì?”. Anh nói đúng, nhưng em không có cách nào khác. Điều duy nhất em muốn là thoát khỏi cái nhà đó, nhưng sau tất cả những gì em đã gây ra thì chẳng còn trường nào ngoài cái trường ấy đủ “khoan dung” để nhận em làm học sinh chuyển tiếp. Đã vậy thì em quyết định cứ ráng chịu thử xem. Nhưng cái trường ấy thật tình là kinh khủng quá sức! Người ta hay dùng chữ “ác mộng”, nhưng ở đó còn tồi tệ hơn cả cứ cơn ác mộng nào. Ở đó hầu như lúc nào em cũng mơ toàn ác mộng, thức dậy thì mồ hôi đã vã ra như tắm, nhưng dầu vậy đi nữa em thà cứ mơ tiếp còn hơn, bởi những cơn ác mộng của em còn tốt hơn thực tại ở cái chỗ đó. Chẳng biết anh có hiểu điều em nói không hở

Chim vặn dây cót? Giá mà anh rơi vào một chỗ như thế nhỉ.

Thế là rốt cuộc em chỉ ở lại cái khách sạn cao cấp hay nhà tù hay trường học trong rừng này vền vền có một học kỳ. Khi được về nhà nghỉ vào mùa xuân, em tuyên bố với cha mẹ rằng nếu phải quay lại đó thì em sẽ tự tử. Em sẽ nhét ba cục bông vào cổ họng rồi uống cả xô nước, em sẽ cắt cổ tay, em sẽ đâm đầu từ trên mái trường xuống đất. Em đã nói là em làm. Em không đùa. Cả bố lẫn mẹ em cộng lại trí tưởng tượng cũng chỉ bằng một con ếch, nhưng qua kinh nghiệm họ cũng biết, một khi em đã tới nước đó thì không phải dọa xuông đâu.

Thế là em không bao giờ quay lại chỗ đó

nữa. Suốt cả tháng Ba, tháng Tư, em chỉ ngồi nhà đọc sách, xem ti-vi với lại ăn không ngồi rồi. Và ngày nào cũng vậy, có tới trăm lần em nghĩ: “Giá như được gặp Chim vặn dây cót”. Em muốn đi xuôi con ngõ nọ, trèo qua hàng rào đến nói chuyện thật lâu, thật thú với anh. Nhưng đâu dễ thế. Nếu vậy thì khác gì lặp lại hè năm ngoái đâu. Thế nên em chỉ ngắm cái ngõ từ phòng mình mà tự hỏi: Chim vặn dây cót giờ đang làm gì nhỉ? Mùa xuân đang từ từ, lặng lẽ chiếm ngự cả thế gian, nhưng chuyện gì đang xảy ra với anh ấy trong thế gian này? Kumiko đã trở về với anh ấy chưa? Chuyện gì đang xảy ra với hai người đàn bà kỳ lạ Kano Malta và Kano Creta? Mèo Wataya Noboru đã về chưa? Vết bầm trên má Chim vặn dây cót

đã biến đi chưa?...

Sống một tháng như vậy rồi em không chịu nổi nữa. Em không biết làm thế nào hay tự lúc nào mà cái khu nhà mình đối với em nay chẳng là gì khác ngoài “thế giới của Chim vặn dây cót”, và khi em ở trong đó thì em chẳng là gì khác ngoài “cái tôi trong thế giới của Chim vặn dây cót”. Đó chẳng phải là chỉ nói vậy đâu... Không phải lỗi tại anh, dĩ nhiên, nhưng dù sao... Thành thử phải tìm một chỗ cho riêng mình.

Em nghĩ mãi, nghĩ mãi, rốt cuộc cũng nghĩ ra mình phải đi đâu.

* * *

(Gợi ý) Đó là một chỗ mà nếu anh suy nghĩ thật lung vào thì sẽ đoán ra. Anh sẽ

hình dung được em đang ở đâu nếu anh cố nghĩ. Đây không phải một ngôi trường, không phải khách sạn, không phải nhà tù, không phải một cái nhà. Nó là một chỗ đặc biệt, ở xa. Nó là... bí mật. Ít nhất là tạm thời.

* * *

Em lại đến vùng núi, ở một nơi khác có tường vây quanh (nhưng không đến nỗi cao ngất ngưỡng thế), có một cái cổng, có một ông già dễ chịu làm gác cổng, nhưng mình có thể ra vào bất cứ lúc nào tùy thích. Khuôn viên rộng mênh mông, có cả rừng, cả hồ, nếu đi dạo khi mặt trời mọc thì sẽ gặp cơ man nào là thú, sư tử này, ngựa vằn này..., không em đùa đấy, nhưng anh có thể gặp những con vật nhỏ

nhỏ dễ thương như lủng(3) và công. Có một ký túc xá, em sống ở đó.

Em đang viết thư này trong một căn phòng bé tí, trên một cái bàn bé tí, cạnh một kệ sách bé tí, bên một cái tủ quần áo bé tí, chẳng cái nào có trang hoàng tí tì nào, tất cả đều được thiết kế đủ đáp ứng những nhu cầu chức năng tối thiểu. Trên bàn là một cái đèn bàn, một tách trà, giấy bút đang viết bức thư này và một cuốn từ điển. Nói thật, em chả bao giờ dùng từ điển. Vốn là em không ưa từ điển. Em không thích bộ dạng chúng, cũng chẳng ưa những gì người ta nói trong đó. Mỗi khi dùng từ điển, em đều nhăn mặt nghĩ: Ai mà cần cơ chứ? Những người như em không hợp với từ điển đâu. Chẳng hạn

như em tìm từ “chuyển tiếp”, trong từ điển nói: “giai đoạn chuyển từ trạng thái này sang trạng thái kia”. Thì đã sao? Em nghĩ. Có liên quan gì tới em nào. Vì vậy mỗi khi thấy một cuốn từ điển trên bàn là em lại có cảm giác mình đang thấy một con chó lạ đang ị một đồng phân xoắn tít trên bãi cỏ nhà em vậy. Nhưng dù sao em vẫn mua một cuốn vì chắc em phải tra gì đó khi viết thư cho Chim vặn dây cót.

Em còn có một tá bút chì, tẩy đều gọt sắc, sắp thành hàng. Toàn bút mới tinh. Em mới mua ở cửa hàng văn phòng phẩm, mua chỉ để viết thư cho anh (chẳng phải em muốn anh cảm kích hay gì gì đó đâu; đơn giản là bút mới, gọt sắc

thì trông thật đẹp, đúng không?) Em lại có một cái gạt tàn, có thuốc lá và diêm quẹt. Em không hút nhiều như hồi trước, chỉ thỉnh thoảng mới hút khi tâm trạng thay đổi (như bây giờ chẳng hạn). Đó là tất cả những thứ trên bàn em. Bàn đối diện cửa sổ, cửa sổ thì có rèm. Rèm có vẽ những bông hoa nhỏ trông khá dễ thương – chẳng phải em chú ý chọn đâu, khi em về thì đã thế rồi. Kiểu vẽ hoa ấy là thứ duy nhất không bình bình, giản dị ở đây. Đây là căn phòng hoàn hảo dành cho một thiếu nữ mới lớn – mà cũng có thể không. Không, dĩ nhiên là hơn một cái xà lim hiện đại được xây với ý tốt dành cho những người phạm lỗi lần đầu. Máy nghe nhạc của em đặt ở trên kệ (cái máy to, anh có nhớ không hử Chim vặn

dây cót?), hiện em đang nghe Bruce Springsteen đây. Đang chiều Chủ nhật, ai nấy ra ngoài kia vui chơi nên em có vận thật to thì cũng chẳng ai than phiền gì cả. Thú giải trí duy nhất của em hồi này là cuối tuần lại sang thị trấn lân cận mua những cuốn băng cát-xét em thích ở một cửa hàng băng đĩa. (Em hầu như chẳng bao giờ mua sách. Nếu muốn đọc gì thì đã có thư viện). Em chơi khá thân với con bé phòng bên. Nó mua một chiếc ô-tô cũ, thành thử khi nào muốn xuống phố em đều đi với nó. Và anh thử đoán xem nào? Em đang học lái ô-tô nhé. Ở đây rộng mênh mông, em tha hồ tập bao nhiêu chẳng được. Em chưa có bằng lái nhưng lái cũng khá đấy.

Thật ra, chả giấu gì anh, ngoài chuyện mua băng nhạc thì xuống phố cũng chả để làm gì. Ai cũng nói họ phải ra ngoài ít nhất một lần mỗi tuần, không thì sẽ phát điên, nhưng em lại thấy thoải mái được ở lại đây một mình khi ai nấy đều đi khỏi, được nghe thứ nhạc mình thích như thế này. Có lần em đi ô-tô cùng với cô bạn đến chỗ hẹn với một anh chàng mà em chưa biết mặt. Thử xem thế nào thôi mà. Con bé là dân vùng này nên quen biết nhiều người. Anh chàng em hẹn là một cậu cũng dễ thương, sinh viên, nhưng... Biết nói thế nào nhỉ, em vẫn chưa xác định được cảm xúc của mình về mấy chuyện này. Cảm xúc của em đều như ở đằng xa, xếp hàng như một lũ hình nộm

trong trường bắn, và có tới hàng mấy dãy bình phong trong suốt ngăn giữa chúng với em.

Nói thật với anh, khi gặp anh hồi mùa hè năm ngoái, khi hai ta ngồi ở bàn bếp vừa uống bia vừa trò chuyện, em cứ nghĩ: nếu ngay lúc này đây Chim vặn dây cót đột ngột đề em ra toan cưỡng hiếp thì em sẽ làm gì? Em chẳng biết mình sẽ làm gì. Cổ nhiên, hẳn là em sẽ chống cự mà nói: “Không, Chim vặn dây cót à, anh không nên làm thế!”. Nhưng rồi hẳn em sẽ lại nghĩ: mình phải giải thích tại sao làm thế là sai, tại sao anh lại không nên làm thế, và càng nghĩ em lại càng rối trí, trong thời gian đó thì hẳn anh đã hiếp em xong rồi. Hễ nghĩ đến chuyện đó là tim em lại

đập như điên, và em lại nghĩ chuyện này có phần không công bằng. Em cuộc là anh không ngờ nổi trong đầu em lại có những ý nghĩ như vậy đâu. Anh có cho rằng thế là ngu ngốc không? Chắc là có. Đúng là em ngốc thật. Nhưng lúc ấy thì em tuyệt đối nghiêm túc, vô cùng nghiêm túc về những chuyện đó. Hẳn vì vậy mà em đã kéo thang lên khỏi giếng và đập nắp giếng lại trong khi anh đang ở dưới đáy, em làm vậy như là để nhốt anh lại mãi mãi. Sẽ không còn Chim vặn dây cót nào trên đời này nữa, em sẽ không còn phải bận tâm với những ý nghĩ đó mà sống yên ổn.

Dù sao em cũng xin lỗi, em biết lẽ ra không bao giờ nên làm vậy với anh (hay

với bất kỳ ai). Nhưng đôi khi em không thể kìm mình được. Em biết đích xác mình đang làm gì, nhưng em không dừng được. Đó là điểm yếu lớn nhất của em. Em tin rằng chẳng bao giờ anh lại hiếp em, Chim vặn dây cót ạ. Giờ thì em biết chắc điều đó, không hiểu vì sao. Không hẳn là anh sẽ không bao giờ, chẳng đời nào làm vậy (ý em là chẳng ai biết chắc được sẽ xảy ra chuyện gì) nhưng có lẽ anh sẽ không làm vậy ít nhất là để khỏi làm em bối rối. Em không biết nói sao cho rõ hơn, nhưng em cảm thấy vậy đó. Mà thôi, nói chuyện cưỡng hiếp thế đủ rồi.

Nói gọn là, dù đi hẹn hò với một chàng trai nhưng em không sao tập trung cảm

xúc vào đó được. Em vẫn cười cười nói nói nhưng tâm trí em cứ phiêu diêu mãi đâu đâu, như quả bong bóng bị đứt dây. Em cứ nghĩ chuyện nọ xọ chuyện kia, chẳng liên quan gì với nhau hết. Em chẳng biết, chắc là bởi em muốn ở một mình lâu lâu một chút, muốn thả cho ý nghĩ mình mặc sức tự do. Theo nghĩa đó, hẳn là em vẫn đang “trên đường hồi phục”. Em sẽ lại viết thư cho anh, không lâu nữa đâu. Lần sau, chắc em sẽ có thể nói sâu hơn một chút về mọi chuyện.

TB: Trước khi nhận được thư sau, anh hãy cố đoán xem em đang ở đâu, đang làm gì nhé.

3. Động vật thuộc họ chồn, màu xám,

*trên đầu có vân đen trắng, chân ngắn,
móng khỏe, lông dày, đào hang dưới
đất và ra ngoài hang vào ban đêm. Tên
tiếng Anh là badger - ND.*

6

Nhục đậu khấu và Quế



Từ đầu cho tới chót đuôi con mèo bunn khô đóng thành từng mảng, lông rời bù, bết lại thành từng búi, như thể nó đã lăn qua lăn lại hồi lâu trên một bãi bunn đất nhoe nhoét. Nó kêu rừ rừ khoái chí khi được tôi bồng lên mà kiểm tra khắp người. Nó có gầy đi một chút, nhưng cái đó ra thì nó không khác mấy so với lần cuối tôi nhìn thấy: khuôn mặt, thân hình, bộ lông. Mắt nó trong veo, mình mẩy không bị thương. Nó chả có gì giống một con mèo đi lạc đã gần một năm trời. Có chăng là giống như nó trở về nhà sau một

đêm chơi bời bê tha vậy.

Tôi cho nó ăn ở ngoài hiên: một đĩa cá thu cắt lát mà tôi mua ở siêu thị. Rõ là nó đói meo. Nó khoắng sạch đĩa cá nhanh đến nỗi chốc chốc lại sặc và ọ ra đĩa những miếng đã nuốt. Tôi tìm thấy cái đĩa đựng nước cho mèo dưới bồn rửa mặt, liền đổ nước đầy tận mép. Nó tọt gần như sạch đĩa. Ăn uống no nê rồi, nó bắt đầu liếm bộ lông bê bết bùn, nhưng rồi như thể sợ nhớ rằng tôi đang ở đó, liền nhảy vào lòng tôi, cuộn tròn mà thiếp đi.

Con mèo ngủ, hai chân trước gấp lại dưới mình, mặt vùi vào trong đuôi. Ban đầu nó còn kêu rừ rừ to, sau đó nhỏ dần, cho tới khi hoàn toàn chìm vào giấc ngủ

lặng êm, mọi sự phòng thủ đều hạ xuống. Tôi ngồi ở một chỗ nắng trên hàng hiên, khẽ vuốt ve để không làm nó thức giấc. Lâu lắm rồi tôi mới lại nghĩ tới sự gần gũi mềm mại, ấm áp đặc biệt của con mèo. Quá nhiều chuyện đã xảy ra với tôi đến nỗi hầu như tôi quên hẳn rằng con mèo đã đi mất. Song giờ đây, ôm trong lòng cái sinh linh mềm mại bé nhỏ này, thấy nó say sưa ngủ một cách hoàn toàn tin cậy ở tôi, tôi nghe một nỗi ấm áp tràn lên ngực. Tôi đặt tay lên ngực con mèo, cảm thấy tim nó đập. Mạch yếu và nhanh, nhưng tim nó, cũng như tim tôi, đang cần mẫn đếm lượng thời gian mà cơ thể nhỏ bé của nó được chia phần với toàn bộ nỗi đau đáu không yên của tim tôi.

Con mèo đã đi đâu suốt năm qua? Nó đã làm gì? Sao nó lại chọn đúng lúc này để trở về, hoàn toàn đột ngột? Những dấu vết thời gian mà nó đã đánh mất ở đâu? Ước gì tôi có thể hỏi nó những câu hỏi đó. Giá như nó trả lời cho tôi được!

* * *

Tôi tháo một tấm rèm khỏi cửa sổ rồi đặt con mèo lên. Nó mềm oặt như một súc quần áo mới giặt. Khi tôi nhấc nó lên, khe mắt nó hơi hé mở, mí mắt nhếch lên, nó khẽ mở miệng nhưng không phát ra một tiếng nào. Nó sủa thể nằm trên tấm rèm cho thoải mái, ngáp rồi lại ngủ. Sau khi tin chắc rằng nó đã ngủ say, tôi xuống bếp soạn mấy thứ đồ ăn đã mua ra. Tôi đặt chỗ đậu phụ, rau và cá vào từng ngăn

trong tủ lạnh rồi lại liếc ra ngoài hiên. Con mèo vẫn ngủ ở nguyên vị trí. Vợ chồng tôi lúc nào cũng gọi nó là Wataya Noboru bởi cái nhìn trong mắt nó giống như của ông anh trai Kumiko, nhưng đó chỉ là một trò đùa nho nhỏ của chúng tôi chứ không phải tên thật của con mèo. Thật ra, chúng tôi nuôi nó đã được sáu năm mà chẳng hề đặt tên cho nó.

Song, dầu là trò đùa đi nữa thì cái tên Wataya Noboru cũng không hợp với con mèo của chúng tôi. Trong vòng sáu năm đó kẻ mang cái tên này đã trở thành một nhân vật quá ư tầm cỡ, nhất là từ khi y được bầu vào Hạ viện. Nhất định không thể nào gán cái tên đó cho con mèo mãi. Chừng nào nó còn ở trong cái nhà này,

cần phải đặt cho nó một cái tên mới, một cái tên riêng của nó, càng sớm càng tốt. Đó nên là một cái tên giản dị, cụ thể, dễ hiểu, một cái tên khả dĩ gột sạch được hết mọi âm thanh, ký ức và ý nghĩa của cái tên Wataya Noboru.

Tôi mang cái đĩa mè²o ăn vào nhà. Đĩa sạch bóng như thể vừa được lau rửa xong. Con mè²o hẳn đã ăn ngon lành lắm. Tôi thấy vui vì đã tình cờ mua ít cá thu đúng lúc con mè²o trở về nhà. Đó dường như là một điềm lành, cho cả tôi lẫn con mè²o. Ừ phải, tôi sẽ gọi nó là Cá thu. Vừa vuốt ve nó ở sau tai, tôi vừa thông báo cho nó: “Từ nay chú mày không phải là Wataya Noburo nữa”, tôi nói. “Từ nay tên mày là Cá thu”. Tôi muốn hét to lên

vậy với toàn thế giới.

Tôi ngồi ngoài hiên bên con mèo Cá thu mà đọc sách tới khi mặt trời bắt đầu lặn. Con mèo ngủ li bì như bị ai đó đánh cho bất tỉnh, hơi thở êm nhẹ của nó như một cái bễ lò rèn ở xa xăm, mình nó phập phồng theo âm thanh đó. Thỉnh thoảng tôi lại với tay sang để cảm nhận hơi ấm của nó và biết chắc rằng con mèo đang thực sự nằm kia. Thật tuyệt khi có thể làm như vậy: với tay ta chạm vào một cái gì đó, cảm thấy một cái gì đó ấm áp. Tôi đang mất dần cái cảm giác này.

* * *

Tới sáng hôm sau Cá thu vẫn ở nhà. Nó chẳng biến đi đâu cả. Khi thức dậy tôi thấy nó đang ngủ ngay cạnh tôi, nằm

ngiêng một bên sườn, bốn chân duỗi thẳng. Hẳn là hồi đêm cậu chàng có thức dậy liếm láp mình cho sạch sẽ. Những mảng bunn và túm lông bết lại đã biến mất. Nó gần như trở lại y như chính mình trước kia. Xưa nay nó vốn là một chú mèo có bộ lông dày, đẹp mã. Tôi ôm ấp nó một hồi rồi cho nó ăn và thay nước. Sau đó tôi lùi xa xa một tý mà gọi “Cá thu!”. Gọi đến lần thứ ba thì cu cậu quay lại, kêu meo khe khẽ để trả lời.

Giờ đến lượt tôi bắt đầu một ngày mới. Con mèo đã quay về với tôi, vậy thì tôi cũng phải bắt đầu tiến lên phía trước. Tôi tắm hoa sen rồi là một chiếc sơ mi mới giặt. Tôi mặc một chiếc quần mới bằng vải bông, đi đôi giày mới. Tôi

quyết định mặc một chiếc áo len mới dày hơn và không vận áo khoác ngoài. Tôi bắt tàu điện đến Shijuku như mọi hôm, băng qua lối xuống xe điện ngầm về phía quảng trường ở sảnh phía đông của nhà ga và lại ngồi xuống băng ghế quen thuộc của mình.

* * *

Người đàn bà xuất hiện sau 3 giờ chiều một chút. Gặp tôi bà ta không có vẻ ngạc nhiên, tôi cũng tỏ vẻ bình thản khi thấy bà ta đi tới. Như thể chúng tôi gặp nhau là hoàn toàn tự nhiên. Chúng tôi không chào nhau, như thể chuyện đó cũng đã được tính trước rồi. Tôi ngẩng mặt lên, bà ta thì nhìn tôi mà khẽ nhếch môi.

Bà ta mặc áo khoác vải bông màu cam

kiểu mùa xuân, váy bó màu vàng nhạt như đá Topaz, đeo đôi hoa tai nhỏ bằng vàng. Bà ta ngồi xuống cạnh tôi, và cũng như mọi khi, rút từ trong ví ra một gói Virginia Slims. Bà ta cho một điếu lên miệng rồi châm lửa bằng một cái bật lửa thanh mảnh bằng vàng. Lần này thì bà ta đã biết nên không mời tôi hút. Sau khi thủng thẳng rít hai ba hơi với vẻ trầm tư, bà ta thả điếu thuốc xuống đất như để kiểm tra xem điều kiện trọng lực hôm nay có gì thay đổi chẳng. Đoạn bà ta vỗ gối tôi mà nói: “Theo tôi” rồi đứng dậy đi. Tôi dí bẹp điếu thuốc rồi đi theo bà. Bà ta đưa tay vẫy một chiếc taxi dừng lại rồi chui vào. Tôi lên xe ngồi cạnh bà ta. Người đàn bà nói cho tài xế một địa chỉ rất rõ ràng ở Aoyama, rồi sau đó, trong

khi xe chúng tôi len lỏi qua dòng xe dày đặc về phía đại lộ Aoyama, bà ta không nói gì nữa. Tôi ngắm cảnh Tokyo qua cửa kính. Có mấy tòa nhà mới tôi chưa hề thấy trước đây. Người đàn bà lấy từ trong ví ra một cuốn sổ rồi viết gì đó bằng một cây bút nhỏ bằng vàng. Chốc chốc bà ta lại nhìn đồng hồ như đang kiểm tra cái gì đó. Cái đồng hồ được cất trong một chiếc vòng đeo tay cũng bằng vàng. Dường như mọi thứ đồ lễ nho nhỏ bà ta mang theo mình đều được làm bằng vàng. Hay đó là do tất cả những gì bà ta chạm vào đều biến thành vàng?

Bà ta đưa tôi đến một cửa hàng quần áo ở phố Omote Sando chuyên bán hàng hiệu. Ở đó bà ta chọn cho tôi hai bộ com

lê, cả hai đều bằng chất liệu mỏng, một bộ màu xám pha xanh dương, bộ kia màu xám sẫm. Những bộ keng thế này thì tôi chẳng bao giờ dám mặc đến sở làm; nhìn thôi cũng biết là cực đắt. Bà ta chẳng giải thích gì, tôi cũng không hỏi. Người ta bảo gì tôi làm nấy. Chuyện này làm tôi nhớ tới vài bộ phim được gọi là phim nghệ thuật mà tôi đã xem hồi còn sinh viên. Những bộ phim như vậy chẳng bao giờ giải thích chuyện gì đang diễn ra. Những lời giải thích bị coi như một cái ác chỉ làm được mỗi việc là hủy diệt cái “thực tại” được trình bày trong phim, cho nên chúng phải bị loại trừ. Hiển nhiên đó là một cách nghĩ, một cách nhìn sự vật, nhưng cách nghĩ đó có vẻ thật lạ lùng đối với tôi, một sinh thể có thật

bằng xương bằng thịt đang bước vào thế giới này.

Vóc dáng tôi trung bình thành thử quần áo không cần phải sửa gì, chỉ cần điều chỉnh một chút chiều dài tay áo và quần. Người đàn bà chọn thêm ba chiếc sơ mi, ba chiếc cà vạt đi với từng chiếc sơ mi ấy, rồi lại hai dây đeo quần và nửa tá đôi tất. Bà ta trả bằng thẻ tín dụng và yêu cầu gửi tất tậ mọi thứ về tận nhà tôi. Đường như bà ta đã có một hình dung rất rõ trong đầu rằng tôi nên ăn mặc ra sao. Thành thử bà ta không mất chút thời giờ chọn lui chọn tới. Tôi mà đi mua dù chỉ một cục tẩy ở hiệu văn phòng phẩm thì chắc cũng còn mất nhiều thì giờ hơn. Nhưng tôi phải thừa nhận thì hiều ăn mặc

của bà ta thật không chê vào đâu được. Từng chiếc sơ mi và từng cái cà vạt bà ta chọn tưởng chừng hù họa lại đi với nhau đến mức hoàn hảo về màu sắc và phong cách, như thể bà ta chỉ chọn sau khi đã cân nhắc rất lâu, rất kỹ. Mọi kết hợp giữa áo và cà vạt mà bà ta chọn đều quả thật độc đáo.

Kế đó bà ta đưa tôi đến hiệu giày, mua cho tôi hai đôi để đi với các bộ com lê. Việc này cũng chẳng lâu la gì. Bà ta lại trả bằng thẻ tín dụng và yêu cầu gửi hàng về nhà tôi. Thật ra chỉ có hai đôi giày thì xem chừng cũng không đáng để phải giao tận nhà, nhưng có lẽ cung cách của bà ta là vậy: chọn hàng mau chóng, trả bằng thẻ tín dụng, rồi yêu cầu giao hàng tận

nhà.

Kế đó chúng tôi lại đến hiệu đồng hồ và lập lại quy trình. Bà ta mua cho tôi một chiếc đồng hồ kiểu cọ, thanh lịch, dây đeo bằng da cá sấu, đính đi với mấy bộ com lê, và bà ta lại hầu như chẳng mất chút thời giờ lựa chọn. Giá tiền khoảng năm mươi hay sáu mươi ngàn Yên gì đó. Tôi đang có một chiếc đồng hồ bằng nhựa rẻ tiền, nhưng rõ ràng cái ấy quá xoàng đối với bà ta. Ít ra thì cái đồng hồ này bà ta không yêu cầu giao tận nhà mà bảo người bán gói lại, rồi bà ta lẳng lặng trao cái hộp cho tôi.

Kế đó bà ta đưa tôi đến một hiệu tóc dành cho cả nam và nữ. Chỗ này giống như sàn nhảy, sàn bằng gỗ sáng bóng,

tường phủ kính. Có năm mươi chiếc ghế, đâu đâu cũng thấy các kỹ thuật viên đi tới đi lui, tay cầm nào kéo, nào lược và những thứ gì gì nữa. Đây đó có vài chậu cây cảnh, và từ hai cái loa Bose màu đen gắn trên trần phát ra khe khẽ một tác phẩm độc tấu Piano trúc trắc của Keith Jarrett. Người ta đưa tôi đến thẳng một chiếc ghế - có lẽ trong khi đi sắm hàng ban nãy bà ta đã gọi điện tới đây đặt chỗ trước. Bà ta dặn dò tỉ mỉ cho gã gầy gò sẽ cắt tóc cho tôi. Xem chừng họ biết nhau. Trong khi làm theo từng chỉ dẫn của bà ta, y nhìn chăm chú vào mặt tôi phản chiếu trong gương với cái vẻ như đang ngắm soi một bát cọng cần tây mà y sắp phải ăn. Y có bộ mặt giống Solzhenitsyn thời trẻ. Người đàn bà bảo

y: “Tôi sẽ quay lại khi nào anh cắt xong” rồi rảo bước ra khỏi cửa hiệu cắt tóc.

Gã đàn ông nói rất ít trong khi cắt tóc cho tôi, chỉ mở miệng “Lỗi này, thưa ông” khi cần phải gọi đầu cho tôi, “Xin lỗi” khi phải phui chỗ vụn tóc đã cắt. Lúc y đi khỏi, tôi thò tay ra khỏi tấm vải che quanh người để sờ vết bầm trên má phải. Đây là lần đầu tiên tôi thấy vết bầm trong một tấm gương khác chứ không phải gương ở nhà. Các tấm gương lớn bằng cả bức tường phản chiếu hình ảnh nhiều người trong đó có tôi. Và trên mặt tôi là vết bầm màu xanh sáng rất nổi này. Trông cũng không đến nỗi xấu xí hay bẩn thỉu. Đơn giản nó là một phần của tôi, tôi cần phải chấp nhận nó. Tôi cảm thấy

chốc chốc lại có người này kẻ nọ nhìn vết bầm đó – nhìn hình chiếu của nó trong gương. Nhưng có quá nhiều hình người phản chiếu trong gương nên tôi không thể biết cụ thể ai đang nhìn. Tôi chỉ cảm thấy ánh mắt họ dán vào vết bầm.

Buổi cắt tóc cho tôi kéo dài nửa tiếng đồng hồ. Tóc tôi vốn đã ngày càng dài hơn từ khi tôi thôi việc, nay lại ngắn như trước. Tôi chuyển sang một trong những chiếc ghế xếp dọc tường, ngồi nghe nhạc và đọc qua quýt một cuốn tạp chí, đợi người đàn bà quay lại. Bà ta ra chiều hài lòng với đầu tóc mới của tôi. Bà ta rút khỏi ví một tờ mười ngàn Yên, trả tiền rồi kéo tôi ra ngoài. Sau đó bà ta dừng

lại, sẫm soi tôi từ đầu đến chân, y hệt khi tôi kiểm tra toàn thân con mèo, như để xem có còn gì mình quên làm không. Hẳn là không. Đoạn bà ta liếc chiếc đồng hồ bằng vàng thờ dài. Đã gần 7 giờ tối.

- Đi ăn tối nhé, - bà ta nói. – Cậu thế nào?

Hồi sáng tôi mới chỉ dẫn bụng một lát bánh mì, trưa thì một cái bánh vòng.

- Chắc là được, - tôi nói.

Bà ta dẫn tôi đến một nhà hàng Ý gần đó.

Hình như ở đây người ta biết bà ta.

Chẳng nói chẳng rằng người ta đưa chúng tôi đến một bàn yên tĩnh ở đằng sau. Ngay khi tôi ngồi xuống đối diện bà ta, bà ta liền ra lệnh cho tôi đặt tất cả những gì có trong túi quần lên bàn. Tôi

lẳng lẳng làm theo. Thực tại trước đây của tôi dường như đã rời bỏ tôi mà phiêu diêu đâu đó gần đây. Mong rằng nó sẽ tìm được mình, tôi nghĩ. Trong túi tôi chẳng có gì đặc biệt: chìa khóa, khăn mùi soa, ví. Bà ta quan sát chùng ấy thứ mà chẳng tỏ vẻ quan tâm lắm, rồi nhặt cái ví lên nhìn vào trong. Ví đựng khoảng năm mươi lăm ngàn Yên tiền mặt, một cái thẻ điện thoại, một cái thẻ rút tiền ngân hàng, thẻ hồ bơi, chỉ có thế. Chẳng có gì khác thường. Chẳng có gì để người ta muốn ngửi, muốn đo, muốn lắc, muốn chìm vào nước hay đưa ra ánh sáng. Bà ta đưa ví lại cho tôi, vẻ mặt không thay đổi.

- Tôi muốn cậu ngày mai đi mua nửa tá

khăn mùi soa, một cái ví mới và một cái móc khóa mới, - bà ta nói. – Từng ấy thứ thì chắc cậu tự chọn lấy được. À, thế lần gần đây nhất cậu mua quần lót là khi nào?

Tôi nghĩ một lúc mà không nhớ ra.

- Tôi không nhớ. Chắc cũng lâu rồi.

Nhưng tôi vốn ưa sạch sẽ, chẳng bao giờ chất đồng quần áo bẩn, cởi ra là giặt...

- Không sao cả. Tôi muốn cậu mua một tá áo may-ô và quần lót.

Tôi không nói gì, chỉ gật đầu.

- Cứ mang hóa đơn lại cho tôi. Tôi sẽ trả. Mà nhớ phải mua những thứ tốt nhất đấy. Tôi sẽ trả cả tiền giặt cho cậu nữa. Đừng bao giờ mặc một cái sơ mi quá một lần mà không gửi giặt. Được chưa?

Tôi lại gật. Tay chủ hiệu giặt gần nhà ga mà biết chuyện này thì sẽ vui lắm đây. Nhưng, tôi tự nhủ, rồi cố kéo dài cái liên từ ngắn ngủi, sức tích này, vốn đang dính chặt vào cửa sổ do sức căng bề mặt, thành một câu đầy đủ, ra đầu ra đũa:

- Nhưng sao bà lại làm những chuyện này – mua cho tôi cả một tủ quần áo, trả tiền cắt tóc, tiền giặt là cho tôi?

Bà ta không trả lời, chỉ rút một điếu Virginia Slims đưa lên môi. Một gã bồi bàn cao lớn có đường nét cân đối bỗng dung hiện ra như từ dưới đất chui lên, châm lửa cho bà ta bằng một động tác thuần thục. Hắn quẹt diêm làm phát ra một âm thanh rõ ràng, khô khốc, cái loại âm thanh có khả năng kích thích ăn ngon

miệng. Xong việc đó rồi, y chìa cho chúng tôi xem thực đơn. Tuy nhiên, bà ta chẳng buồn xem mà nói ngay rằng chúng tôi không quan tâm đến các món đặc biệt trong ngày.

- Cho tôi món Salad và một ổ bánh mì, và một món cá nào đó thịt trắng. Món salad chỉ cần nhỏ vài giọt xốt dầu giấm thôi, thêm một tí tiêu. Và một cốc nước khoáng không đá.

Tôi chẳng thú gì chuyện vui đầu vào thực đơn.

- Tôi cũng vậy, - tôi nói.

Tay bồi cúi chào, đoạn rút lui. Dường như thực tại của tôi vẫn chưa sao tìm lại được tôi.

- Tôi hỏi chỉ vì tò mò thôi, chứ không có

ý gì, - tôi nói, cô thử lần nữa hòng moi được của bà ta một lời giải thích. – Bà đã mua ngân ấy thứ cho tôi, tôi không dám phê phán gì, nhưng liệu có đáng cho bà bỏ ra ngân ấy thời gian, công sức và tiền bạc không?

Bà ta lại không trả lời.

- Tôi chỉ tò mò thôi, - tôi lại nói.

Lại không trả lời. Bà ta quá bận ngắm bức tranh sơn dầu trên tường, chẳng hơi đâu bận tâm đến chuyện trả lời tôi. Bức tranh hẳn là vẽ phong cảnh nước Ý, với một cây thông được cắt tỉa công phu, vài nếp nhà thôn quê tường sơn màu đỏ hung rải rác trên những ngọn đồi. Những căn nhà nhỏ xíu nhưng thật đáng yêu. Tôi tự hỏi loại người nào có thể sống trong

những căn nhà đó: hẳn là những người bình thường, sống một cuộc sống bình dị. Chẳng ai trong số họ bỗng dưng gặp một người đàn bà bí hiểm chẳng biết từ đâu chui ra mua cho họ hết com lê đến giày rồi lại đồng hồ. Chẳng ai trong số họ phải tính toán tiền số tiền khổng lồ họ phải kiếm cho ra đặng có thể mua một cái giếng cạn khô. Tôi cảm thấy ghen tị đến nhức nhối với những kẻ sống trong một thế giới bình thường như vậy. Tôi vốn không phải người hay ghen tị, nhưng quang cảnh trong bức tranh kia khơi dậy cảm giác đó trong tôi một cách lạ lùng. Giá như tôi có thể bước vào bức tranh đó ngay bây giờ, ngay ở đó! Giá như tôi có thể bước vào một trong những căn nhà thôn quê đó, thưởng thức một ly vang, rồi

chui vào một góc nhà mà đánh một giấc ngon lành tỉnh không nghĩ ngợi gì!

Gã bồi quay lại rất nhanh, đặt một cốc nước khoáng trước mặt người đàn bà và tôi. Bà ta dụi thuốc vào gạt tàn.

- Sao cậu không hỏi tôi chuyện gì khác?
— bà ta nói.

Trong khi tôi ngẫm nghĩ xem có thể hỏi bà ta chuyện gì khác, bà ta nhấp một ngụm nước khoáng.

- Anh thanh niên ở trong văn phòng ở Akasaka là con trai bà phải không? — tôi hỏi.

- Dĩ nhiên, - bà ta đáp không do dự.

- Anh ấy không nói được à?

Người đàn bà gật đầu.

- Từ khi mới sinh nó đã nói rất ít, nhưng năm lên sáu tuổi đột nhiên nó ngừng nói hẳn. Dù thế nào thì thế, nó thôi dùng giọng của mình.

- Tại sao vậy? Có lý do nào không?

Bà ta lờ đi câu hỏi của tôi. Tôi cố nghĩ đến một điều khác.

- Nếu anh ấy không nói được thì làm sao có thể điều hành công việc?

Bà ta chỉ hơi nhíu mày một chút. Không phải bà ta lờ đi câu hỏi của tôi, nhưng rõ ràng bà ta không có ý định trả lời.

- Tôi cuộc rằng anh ta mặc hay mang gì cũng đều là do bà chọn, từ đầu tới chân. Như với tôi vậy thôi.

- Tôi không ưa thấy người ta ăn mặc lôi thôi. Chỉ có thế. Gì chứ chuyện ấy thì tôi

không chịu được. Tôi muốn ít nhất là những người quanh tôi ăn mặc càng đàng hoàng càng tốt. Tôi muốn cái gì ở họ cũng phải đâu ra đó, dù người ngoài có nhìn thấy hay không.

- Vậy chắc hẳn bà không thích khúc ruột thừa của tôi rồi, - tôi cố nói đùa.

- Cậu có vấn đề về hình dạng của khúc ruột thừa à? – bà ta hỏi, nhìn thẳng vào tôi với vẻ hoàn toàn nghiêm túc.

Tôi lấy làm tiếc đã đùa như vậy.

- À không, tạm thời thì ổn, - tôi nói. – Tôi chỉ nói thế thôi, không có ý gì. Kiểu như “ví dụ” thôi mà.

Bà ta vẫn nhìn tôi soi mói hồi lâu – hẳn bà ta đang nghĩ tới khúc ruột thừa của tôi.

- Vậy đó, tôi muốn những người chung quanh tôi trông phải đàng hoàng đâu ra đó, dù tôi có phải tự trả tiền về việc đó đi nữa. Chỉ có thế thôi. Đừng bận tâm làm gì. Tôi làm tất cả các chuyện này hoàn toàn là để cho tôi. Bản thân tôi luôn thấy tởm lợm – hầu như một cách sinh lý – mỗi khi nhìn thấy quần áo lôi thôi lếch thếch.

- Kiểu như nhạc sĩ thì không chịu nổi khi nghe thấy âm nhạc bị chơi lạc điệu phải không?

- Đại loại thế.

- Lúc nào bà cũng mua quần áo cho tất cả những người chung quanh mình như thế này à?

- Ừ. Thật ra quanh tôi đâu có nhiều

người lắm. Tôi thì có thể không thích cách ăn mặc của người ta, nhưng tôi đâu thể mua quần áo cho tất cả thiên hạ trên đời, đúng không?

- Cái gì cũng có giới hạn, - tôi nói.

- Chính thế.

* * *

Lát sau món salad được dọn lên, chúng tôi ăn. Đúng như người đàn bà đã dặn, mỗi suất salad chỉ được nhỏ vài giọt xốt dầu giấm, ít đến nỗi có thể đếm trên một bàn tay.

- Cậu có gì muốn hỏi tôi nữa không? – bà ta hỏi.

- Tôi muốn biết tên bà, - tôi nói. – Để cho tiện dùng thôi.

Bà ta im lặng giây lát, miệng nhai một

miệng củ cải. Thế rồi giữa hai mí mắt bà ta hình thành một nếp nhăn sâu, như thể bà vừa nhai phải một cái gì đó đắng ngắt trong mồm.

- Sao cậu lại cần phải dùng tên tôi chứ?

Viết thư cho tôi thì chắc là không rồi.

Tên với tuổi, nếu có chẳng thì cũng quan trọng gì đâu.

- Nhỡ ra tôi phải gọi bà khi bà đang quay lưng lại chẳng hạn? Không biết tên thì gọi bằng gì?

Bà ta đặt nĩa xuống đĩa rồi dùng khăn lau miệng.

- Tôi hiểu ý cậu rồi. Chuyện ấy tôi hoàn toàn không nghĩ đến. Cậu nói đúng, gặp tình huống như vậy thì cậu cần tên tôi thật.

Bà ta ngồi ngẫm nghĩ hồi lâu. Trong khi bà ta nghĩ, tôi ăn món salad.

- Xem nào, cậu cần một cái tên thích hợp những khi cần gọi tôi từ sau lưng chẳng hạn, đúng không nào?

- Nói chung là thế.

- Vậy đó không nhất thiết là tên thật của tôi, đúng không?

Tôi gật.

- Tên, tên... kiểu tên nào là hay nhất nhỉ?

- Chắc là một cái tên đơn giản, dễ gọi.

Nếu có thể thì một cái gì đó cụ thể, một vật nào đó sờ mó được, nhìn thấy được. Kiểu vậy thì dễ nhớ.

- Chẳng hạn?

- Chẳng hạn như tôi gọi con mèo của tôi

là Cá thu. Tôi mới đặt tên cho nó hôm qua.

- Cá thu, - bà ta gọi to lên, như để xác nhận âm thanh của từ đó.

Đoạn bà ta dăm dăm nhìn một lát vào cái giá đựng muối tiêu trên bàn, rồi ngẩng đầu lên nhìn tôi mà nói:

- Nhục đậu khấu.

- Nhục đậu khấu?

- Ừ... Tự nhiên nảy ra trong đầu tôi thế... Cậu có thể gọi tôi vậy, được chứ?

- Dĩ nhiên là được. Thế còn con trai bà thì gọi sao đây?

- Quế.

- Rau mùi, xô thơm, hương thảo, húng tây, - tôi nói, ý muốn nhắc lại một giai điệu(4).

- Akasaka Nhục đậu khấu và Akasaka Quế. Không dở phải không?

Akasaka Nhục đậu khấu và Akasaka Quế: liệu Kasahara May có bị sốc chẳng nếu cô bé biết tôi đã làm quen với những người như vậy! “Chim vặn dây cót ới là Chim vặn dây cót! Anh không thể làm quen với người nào khác bình thường hơn một chút sao?”. Ừ, tại sao không thể, hử Kasahara May? Câu hỏi đó tôi không trả lời được.

- Thử nghĩ mà xem, - tôi nói. – Năm ngoái tôi gặp hai người đàn bà tên là Kano Malta và Kano Creta. Kết quả là xảy ra với tôi chẳng còn thiếu chuyện gì. Tuy nhiên, giờ thì họ không ở đây nữa. Nhục đậu khấu khế gặt đầu để trả lời,

nhưng không góp ý gì.

- Họ biến đi đâu đó thôi, - tôi khẽ khàng nói thêm. – Như hạt sương lúc sáng hè vậy. Hoặc tan đi như ngôi sao lúc bình minh.

Bà ta lấy nữa ghim một thứ gì đó như là lá diếp xoắn cho vào miệng. Rồi, như thể đột nhiên nhớ lại một lời hứa từ lâu trước đây, bà ta với tay lấy cốc nước uống một ngụm.

- Chắc cậu muốn biết về số tiền kia đúng không? Số tiền cậu nhận được ngày hôm kia ấy? Tôi nói đúng không nào?

- Vâng, bà nói đúng. Tôi rất muốn biết điều đó.

- Kể cho cậu thì cũng được, nhưng chuyện có thể rất dài đấy.

- Liệu có thể kể hết trước khi tới món tráng miệng không?

- Chắc là không, - Akasaka Nhục đậu khấu nói.

4 - *“Parsley, sage, rosemary and thyme”* – lời bài hát nổi tiếng của Paul Simon và Arthur Garfunkel nhan đề Hội chợ Scarborough (Scarborough Fair)- ND.

Bí ẩn ngôi nhà có dớp



SETAGAYA, TOKYO:

BÍ ẨN NGÔI NHÀ CÓ DỚP

Ai đã mua mảnh đất xúi quẩy sau khi cả gia đình tự sát?

Điều gì đang diễn ra ở khu phố có máu mặt này?

(Trích tuần báo _____, ngày 7 tháng Mười)

Dân địa phương gọi lô đất ở số __, 2-chome, Setagaya là “nhà có dớp”. Nằm ở khu dân cư yên tĩnh, lô đất tuyệt đẹp

rộng hơn 1000 mét vuông quay về hướng Nam này rõ ràng là một địa điểm xây nhà lý tưởng, song những ai hiểu biết đều nhất trí với nhau một điểm: có cho không lô đất này họ cũng chẳng dám nhận. Lý do rất đơn giản: bất cứ ai từng sở hữu cơ ngơi này, không có ngoại lệ, đều gặp số phận thảm khốc. Điều tra của chúng tôi cho thấy, từ đầu thời kỳ Chiêu Hòa, năm 1926, không dưới bảy chủ nhân – người cư trú ở ngôi nhà này đều đã kết liễu cuộc đời bằng cách tự tử, đa số treo cổ hoặc dùng hơi ngạt.

[Lược bỏ chi tiết các vụ tự tử]

Công ty rơm mua đất xúi quẩy
Vụ việc gần nhất, khó lòng được xem là

một chuỗi sự kiện ngẫu nhiên, là vụ ám sát – tự sát của gia đình Kojiro

Miyawaki [ảnh], chủ nhân của chuỗi nhà hàng tiếng tăm Rooftop Grill có đại bản doanh ở Ginza. Cách đây hai năm

Miyawaki đã bán toàn bộ nhà hàng của mình và tuyên bố phá sản vì nợ một khoản kếp xù, nhưng sau đó ông bị một số chủ nợ kiện vì có liên quan đến tội phạm có tổ chức. Cuối cùng, hồi tháng Giêng năm nay, Miyawaki đã dùng thắt lưng để siết cổ cô con gái mười bốn tuổi là Yukie khi cô này đang ngủ tại một nhà trọ ở thành phố Takamatsu, sau đó ông cùng vợ là Natsuko tự treo cổ bằng sợi dây thừng họ mang theo để dùng vào mục đích này. Cô con gái cả của nhà Miyawaki, lúc đó là một nữ sinh trung

học, thì đang mất tích.

Khi Miyawaki mua cơ ngơi này vào tháng Tư năm 1972, ông cũng đã nghe những tin đồn gở về khu đất, nhưng ông chỉ cả cười, gạt đi mà tuyên bố: “Đó chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên thôi”. Sau khi mua lô đất, ông cho phá dỡ ngôi nhà bỏ trống để lâu ngày và san phẳng lô đất. Để cho an toàn, ông mời một tu sĩ Thần đạo đến để xua đuổi tà ma lần quất, chỉ sau đó ông mới xây căn nhà mới hai tầng. Sau đó mọi chuyện diễn ra êm đẹp. Gia đình sống bình yên. Hàng xóm thấy nhất trí rằng nhà Miyawaki có vẻ rất hòa thuận, các cô con gái trông sáng láng và hạnh phúc. Nhưng mười năm sau, số phận gia đình này đã có bước ngoặt bất

ngờ, thảm khốc.

Miyawaki bị mất nhà vào mùa thu năm 1983. Trước đó ông đã đem thế chấp căn nhà, nhưng do các chủ nợ tranh cãi với nhau về thứ tự bồi hoàn nên việc thanh lý cuối cùng đã phải đợi đến khi tòa phân xử vào mùa hè năm ngoái để mở đường cho việc bán lô đất. Ban đầu lô đất được một công ty bất động sản lớn ở Tokyo là _____ Land and Buildings mua với giá thấp hơn nhiều so với giá thị trường hiện nay. Công ty đã tiến hành san phẳng căn nhà của gia đình Miyawaki rồi tìm cách bán như là lô đất trống. Là cơ ngơi số một ở khu Setagaya, lô đất được rất nhiều người quan tâm, nhưng mọi cuộc đàm phán đều tan vỡ khi người mua nghe

nói đến chuyện xúi quẩy liên quan đến lô đất. Theo lời ông M phụ trách bộ phận bán hàng của _____ Land and Buildings: “Vâng, dĩ nhiên chúng tôi có nghe những chuyện không hay liên quan đến lô đất này, nhưng nói gì thì nói đây vẫn là một địa điểm tuyệt vời, trong khi dạo này ai cũng ra sức tìm cho bằng được những cơ ngơi hạng nhất, thành thử chúng tôi cho rằng nếu định giá đủ thấp thì vẫn có người mua. Chúng tôi vẫn đang lạc quan. Từ khi chúng tôi đưa căn nhà ra rao bán trên thị trường nó vẫn chưa nhúc nhích. Thiên hạ không quan tâm đến giá cả - hề nghe nói đến mấy câu chuyện kia là họ rút lui ngay. Rồi lại còn chẳng đúng lúc chút nào nữa! Gia đình Miyawaki tội

nghiệp tự vẫn hồi tháng Giêng, thế là báo chỉ thấy đều nhắc tới khu đất. Nói thật, chúng tôi chẳng biết làm gì với nó nữa”. Cuối cùng lô đất cũng bán được hồi tháng Tư năm nay. “Xin đừng hỏi tôi người mua là ai hay mua giá bao nhiêu”, ông M nói, nhưng theo nguồn tin không chính thức từ công ty, _____ Land and Buildings đã phải bán lô đất với giá thấp hơn nhiều so với giá rao ban đầu. Thà chịu lỗ một khoản chấp nhận được còn hơn cứ tiếp tục trả lãi ngân hàng cho một cơ ngơi chẳng bao giờ bán được. “Dĩ nhiên những người mua biết rõ họ đang làm gì”, ông M nói. “Chúng tôi không có thói quen lừa khách hàng. Chúng tôi đã giải thích trước mọi chuyện. Dù đã biết

toàn bộ lịch sử lô đất nhưng họ vẫn mua”.

Điều đó dẫn chúng tôi đến câu hỏi ai là người mua một mảnh đất xúi quẩy như vậy. Cuộc điều tra hóa ra khó khăn hơn chúng tôi tưởng nhiều. Theo sổ đăng bạ quận, bên mua là một công ty có văn phòng ở quận Minato tên gọi là Akasaka Research, tự nhận là chuyên “nghiên cứu và tư vấn về kinh tế”, mục đích của họ khi mua lô đất được ghi là “để xây nhà ở cho nhân viên”. Trên thực tế “nhà ở cho nhân viên” đã được xây vào mùa xuân này, nhưng bản thân công ty là một “công ty trên giấy” điển hình. Chúng tôi đã đến thăm địa chỉ Akasaka 2-chome ghi trên hồ sơ nhưng chỉ thấy một tấm biển nhỏ

đề “Akasaka Research” trên cửa một văn phòng trong một tòa nhà nhỏ chuyên cho thuê văn phòng, và khi chúng tôi bấm chuông thì không ai trả lời.

Kín cổng cao tường

“Nhà ở trước kia của nhà Miyawaki” nay được bao quanh bằng một bức tường cao hơn bất cứ bức tường nào của các nhà lân cận. Nó có một hàng rào sắt rất to, chắc chắn, đen sì được xây để làm nản lòng bất cứ ai muốn nhìn trộm [xem ảnh], trên một trụ cổng có gắn máy quay video. Chúng tôi đã thử bấm chuông nhưng không ai trả lời. Hàng xóm có nhìn thấy một chiếc Mercedes 500SEL có cửa sổ màu sẫm ra vào mỗi ngày vài lần,

ngoài ra không có dấu hiệu nào khác cho thấy có người vào kẻ ra, cũng không nghe thấy một âm thanh nào phát ra từ trong nhà.

Việc xây dựng đã bắt đầu từ hồi tháng Năm nhưng luôn luôn diễn ra sau hàng rào cao nên hàng xóm không hề biết ngôi nhà trông ra sao. Nó được xây với tốc độ không thể tin được: từ khi khởi công đến lúc hoàn thành chỉ mất hai tháng rưỡi. Một nhà cung cấp thực phẩm trong khu vực mà lúc đó vẫn hay cung cấp bữa trưa cho công trường nói với chúng tôi: “Bản thân tòa nhà luôn luôn giấu kín sau một bức rèm bằng vải, nên tôi không nói chắc được, nhưng nhà không to lắm, chỉ một tầng thôi, như cái hộp bằng bê tông,

giản dị lắm. Tôi nhớ khi đó mình đã nghĩ họ đang xây cái gì đó kiểu như lán tránh oanh kích. Nó trông chả giống một căn nhà bình thường mà những người bình thường vẫn sống, nhỏ quá lại không đủ cửa sổ. Nhưng nó cũng chẳng phải nhà làm việc nữa. Những người thiết kế vườn có đến trồng một số cây cối trông thật sự ấn tượng khắp cả lô đất. Cái vườn ấy là ngón bộn tiền”.

Chúng tôi đã thử gọi điện đến tất cả các hãng thiết kế sân vườn ở Tokyo, rồi cuộc mới tìm được người đã làm việc trên “cơ ngơi trước kia của nhà Miyawaki”, nhưng chủ nhân không thể nói gì với chúng tôi về bên đã thuê họ làm. Công ty xây dựng đã cung cấp cho họ một bản đồ

khu vườn và lệnh viết tay chỉ thị phải bố trí một khu vườn đẹp, chẵn chu. “Giá thầu chúng tôi đưa ra khá cao, nhưng họ chấp nhận mà chẳng hề mặc cả”.

Hãng thiết kế sân vườn cũng kể với chúng tôi rằng trong khi họ làm việc trong khu vườn, một hãng chuyên đào giếng đã được mời tới để đào một cái giếng sâu.

“Họ dựng một giàn giáo ở góc vườn để móc bùn lên. Tôi quan sát được công việc đó khá rõ vì lúc đó tôi đang trồng một cây hồng vàng ở gần đó. Họ đang đào một cái giếng cũ đã bị người ta lấp lại. Nó vẫn còn nguyên cái thành giếng bằng bê tông lúc đầu. Hình như họ cũng không phải mất công lắm, vì người ta chỉ

mới lấp gần đây thôi. Điều lạ là giếng không có nước. Thật ra cái giếng đó ngay từ đầu đã cạn, giờ người ta chỉ phục hồi nó về tình trạng ban đầu mà thôi, thành thử làm sao có nước được. Tôi không biết, kỳ quặc lắm, họ làm vậy ắt phải có lý do đặc biệt nào đây”.

Đáng tiếc là chúng tôi không xác minh được công ty nào đã đào cái giếng, nhưng chúng tôi đã xác định được rằng chiếc Mercedes 500SEL là sở hữu của một công ty lớn chuyên cho thuê, có trụ sở tại quận Chiyoda và chiếc xe đã được một công ty ở quận Minato thuê trong thời hạn một năm, bắt đầu từ tháng Bảy. Công ty cho thuê không thể tiết lộ cho chúng tôi danh tính của khách hàng, tuy

nhiên, xét sự trùng hợp của các sự kiện thì hầu như chắc chắn đó là Akasaka Research. Chúng tôi có thể chỉ ra rằng mức phí để thuê một chiếc Mercedes 500SEL trong vòng một năm dự kiến vào khoảng _____ Yên. Công ty này thường cho thuê xe kèm cả lái xe, nhưng chúng tôi không thể xác định riêng chiếc Mercedes 500SEL này thì có được thuê kèm lái xe hay không.

Người dân khu lân cận không mấy nhiệt tình nói chuyện với chúng tôi về “căn nhà có dớp”. Khu vực này vốn không được tiếng là niềm nở hiếu khách, và hầu hết người ta có vẻ như không muốn dây vào. Ông A, dân địa phương nói với chúng tôi:

“Tôi thường căng mắt ra, cố hình dung xem họ là ai khi họ tới đây lần đầu tiên, nhưng tôi tin chắc họ không phải là bọn xã hội đen hay một tổ chức chính trị. Ít người ra vào quá nên khó là hai thứ đó được. Tôi không hiểu lắm. Đúng là họ hơi quá kín cổng cao tường thật, nhưng tôi chẳng có lí do gì để phàn nàn cả, mà chắc hàng xóm khác họ cũng chẳng bận tâm gì giống như tôi thôi. Thế còn tốt chán thay vì cứ để cái nhà ấy bỏ hoang với bao nhiêu là lời đồn đại quái gở.”

Dẫu vậy chúng tôi vẫn muốn biết ai là chủ nhân mới và cái “Ông X” này dùng lô đất này vào mục đích gì. Bí ẩn càng lúc càng bí ẩn.

8

Dưới giếng



Tôi trèo xuống chiếc thang bằng thép nép vào thành giếng, và trong bóng tối dưới đáy, tôi mò mẫm tìm chiếc gậy mà tôi vẫn luôn dựa vào thành giếng, cây gậy mà tôi đã vô tình đem luôn về nhà từ chỗ căn nhà nơi tôi đã bám theo gã đàn ông mang thùng đàn. Chạm đến chiếc gậy cũ kỹ sứt sọc trong bóng tối dưới đáy giếng, tôi cảm thấy bình tâm kỳ lạ. Điều đó cũng giúp tôi tập trung.

Khi tìm thấy cây gậy, tôi nắm chặt tay cầm, như một cầu thủ bóng chày bước vào ô đập bóng, khẳng định với chính

mình rằng đây là cây gậy của tôi. Tôi bắt đầu từ đó để kiểm tra xem có đúng là không có gì thay đổi trong bóng tối dưới này, nơi không thể nhìn thấy bất cứ cái gì. Tôi căng tai nghe xem có gì mới không, tôi hít một hơi đầy phổi, tôi lấy gót giày cào cào mặt đất, tôi gõ gõ đầu gậy để kiểm tra độ cứng của vách giếng. Đó chỉ là những nghi thức tự đặt ra để giúp tôi bình tĩnh lại. Đáy giếng chả khác gì đáy biển. Mọi thứ dưới đây quá đổi tĩnh lặng, giữ nguyên hình trạng ban đầu, như thể chịu một sức ép kinh khủng: ngày này qua ngày khác vẫn chẳng mấy may biến hóa.

Một lát cắt ánh sáng trôi trên đầu tôi, ấy là mẫu trời chiều. Nhìn lên, tôi nghĩ tới

cái thế giới vào buổi chiều tháng Mười, nơi “người ta” đang sống cuộc sống của “người ta”. Dưới ánh sáng mùa thu nhợt nhạt kia, hẳn họ đang đi dọc theo phố xá, mua sắm vật này vật nọ, làm bữa tối, lên tàu điện về nhà. Và họ nghĩ – đó là nếu như họ có nghĩ – rằng tất cả những việc kia thì quá đổi hiển nhiên chẳng có gì phải nghĩ. Tôi cũng thường như vậy (hoặc không như vậy). Họ là cái khối được định nghĩa một cách mơ hồ là “người ta”, và tôi vốn là một phần tử vô danh trong đó. Họ chấp nhận nhau và được chấp nhận bởi nhau, cùng sống với nhau dưới ánh sáng đó, và dấu là vĩnh viễn hay chỉ trong khoảnh khắc, hẳn phải có một sự gần gũi nào đó giữa họ chừng nào họ còn được phủ trong cái ánh sáng

kia. Tuy nhiên, tôi không còn là một trong số họ. Họ ở trên kia, trên mặt đất; còn tôi ở dưới đây, dưới đáy giếng. Họ có ánh sáng, tôi thì đang dần dần mất nó. Đôi khi tôi cảm thấy mình có thể chẳng bao giờ tìm được lối quay về thế giới đó, rằng tôi sẽ chẳng bao giờ có thể cảm thấy bình an khi được phủ trong ánh sáng, rằng tôi sẽ không bao giờ còn có thể ôm trong tay thân hình mềm mại của con mèo. Nghĩ vậy, tôi nghe một nỗi đau âm ỉ trong ngực, như thể có một cái gì bên trong đó đang bị bóp chết.

Nhưng tôi càng đào lớp đất mềm nơi đáy giếng bằng gót giày cao su thì quang cảnh trên mặt đất kia càng trở nên xa vời. Cảm giác về thực tại chìm dần từng tí một, và

sự gần gũi của cái giếng bao trùm lấy tôi. Dưới đáy giếng thật âm áp và im lặng, cái mềm của đất sâu ve vuốt da tôi. Con đau bên trong tôi tan đi như những gợn sóng trên mặt nước. Nơi này chấp nhận tôi, và tôi chấp nhận nơi này. Tôi siết chặt hơn cây gậy. Tôi nhắm mắt lại rồi mở mắt nhìn lên trên.

Tôi kéo dây thừng để đóng nắp lại, nhờ một hệ thống ròng rọc mà anh chàng Quế thông minh đã thiết kế cho tôi. Bóng tối giờ đây thật toàn bích. Miệng giếng đã đóng, mọi ánh sáng đã biến mất. Thậm chí những làn gió thoảng cũng không còn nghe thấy nữa. Sự cắt lìa giữa “người ta” với tôi giờ thật trọn vẹn. Thậm chí tôi không mang cả đức theo. Việc đó giống

như là thú nhận một niềm tin: tôi muốn cho “họ” thấy tôi đang cố gắng chấp nhận bóng tối một cách toàn vẹn nhất đúng như nó có.

Tôi đặt mông xuống mặt đất, tựa lưng vào thành giếng bằng bê tông, kẹp cây gậy giữa hai đầu gối rồi nhắm mắt lại, lắng nghe tim mình đập. Dĩ nhiên trong bóng tối thế này thì cũng chẳng cần nhắm mắt làm gì, nhưng tôi vẫn nhắm. Việc nhắm mắt có ý nghĩa riêng của nó, dù trong bóng tối hay không. Tôi hít sâu mấy hơi, để cho thân thể mình quen dần với cái không gian sâu, tối, hình trụ này. Cái mùi ở đây vẫn như trước, làn không khí cảm thấy trên da tôi cũng như trước. Giếng đã bị lấp hoàn toàn trong một thời

gian, nhưng không khí ở đây vẫn y nguyên như cũ. Với mùi rêu và cái vẻ ảm thấp, không khí ở đây xem ra chẳng khác gì khi tôi trèo xuống lần đầu tiên. Dưới đây không hề có mùa nào. Thậm chí thời gian cũng không hiện hữu.

* * *

Tôi vẫn luôn mang đôi giày tennis cũ và đeo đồng hồ nhựa, cái đồng hồ tôi đã đeo khi chui xuống giếng lần đầu. Cũng như cây gậy, những vật đó giúp tôi bình tâm. Trong bóng tối tôi kiểm tra xem những vật đó có liên hệ bền chắc với thân thể tôi không. Tôi kiểm tra xem có chắc mình không xa rời chính mình không. Tôi nhắm mắt rồi lát sau lại mở mắt ra. Việc đó giúp làm cho cái áp lực

bên trong tôi từ từ tiến gần hơn tới cái áp lực của bóng tối quanh tôi. Thời gian trôi qua. Chẳng mấy chốc, cũng như mọi khi, tôi mất khả năng phân biệt giữa hai loại bóng tối. Tôi không còn biết mắt mình đang mở hay nhắm nữa. Vết bầm trên má tôi bắt đầu nghe nóng nóng. Tôi biết nó đang nhuộm một màu đỏ tía sống động hơn.

Trong hai thứ bóng tối càng lúc càng quện vào nhau đó, tôi tập trung chú ý hết vào vết bầm và nghĩ đến căn phòng. Tôi cố tách ra khỏi chính mình, như tôi đã làm mỗi khi ở bên những người đàn bà. Tôi cố thoát ra khỏi cái nhục thể vụng về vô dụng này của tôi đang ngồi chồm chồm trong bóng tối. Giờ đây tôi

chẳng là gì khác ngoài một căn nhà trống, một cái giếng bị bỏ rơi. Tôi cố đi ra ngoài, cố thay đổi phương tiện, cố nhảy từ một thực tại này sang một thực tại khác, di động với một vận tốc khác, và suốt thời gian đó tôi không ngừng siết lấy cây gậy.

Lúc này một bức tường là vật duy nhất phân cách giữa tôi và căn phòng lạ. Tôi ắt phải có thể đi qua bức tường đó. Tôi ắt phải có thể làm được việc đó bằng chính sức tôi và bằng sức mạnh của cái bóng tối sâu hút ở nơi này.

Nếu tôi nín thở và tập trung, tôi có thể nhìn thấy những gì có trong phòng. Bản thân tôi không ở đó, nhưng tôi đang quan sát căn phòng đó. Đây là phòng suite

khách sạn: Phòng 208. Rèm dày che kín cửa sổ. Phòng tối om. Một bình lớn cắm đầy hoa, không khí nặng trĩu mùi hương đầy ám dụ của hoa. Một cây đèn chân đế lớn đứng cạnh cửa ra vào, nhưng trong bóng đèn trắng nhờ và chết như vàng trắng lúc buổi sáng. Thế nhưng, nhìn thật kỹ thì sau một lát tôi vẫn có thể phân biệt được hình dáng các vật thể nhờ chút ánh sáng cố len vào được trong phòng, kiểu như mắt quen dần với bóng tối trong rạp chiếu bóng. Trên chiếc bàn nhỏ giữa phòng có một chai Cutty Sark gần đầy. Xô đá đựng những viên đá vừa mới chặt (xét theo những đường mép rõ rệt, sắc nét của chúng), và ai đó đã pha một suất scotch có đá trong chiếc ly gần đó. Một chiếc khay bằng thép không gỉ tạo thành

một cái ao tĩnh lặng, lạnh lẽo trên mặt bàn. Chẳng cách nào biết được bây giờ là mấy giờ. Có thể đang buổi sáng, có thể buổi chiều mà cũng có thể nửa đêm, mà có thể chốn này không hề có thời gian. Trên chiếc giường ở phía sâu trong phòng có một phụ nữ nằm. Tôi nghe tiếng cô ta chuyển động giữa chăn đệm. Những viên nước đá kêu lanh canh dễ nghe trong ly rượu cô cầm. Những hạt phấn hoa li ti treo trong không khí rung động trước âm thanh đó như những cơ thể sống. Mỗi gợn âm thanh nhỏ xíu lan trong không khí càng khiến chúng sống động bất ngờ hơn. Bóng tối nhá nhem mở ra đón nhận phấn hoa, và những hạt phấn hoa, khi đã nhập vào bóng tối, làm cho

bóng tôi đó càng thêm đậm đặc. Người đàn bà nâng ly whisky lên môi, để vài giọt chất lỏng trôi qua cuống họng, rồi cô nói với tôi. Căn phòng ngủ tối om. Tôi không thấy gì khác ngoài chuyển động mờ mờ của những cái bóng. Nhưng cô ấy có điều gì đó muốn nói với tôi. Tôi đợi cô nói. Tôi đợi nghe lời của cô.

Và những lời ấy đây.

* * *

Như một con chim tưởng tượng treo trên một bầu trời tưởng tượng, tôi nhìn những căn phòng từ trên cao. Tôi phóng đại quang cảnh, lùi lại, quan sát toàn thể, rồi lại phóng đại nhìn cận cảnh. Khỏi cần phải nói, mỗi chi tiết đều có ý nghĩa lớn lao. Tôi kiểm tra lần lượt từng chi tiết,

xem xét hình dáng, màu sắc và chất liệu. Giữa chi tiết này với chi tiết nọ không có mối liên kết, không có hơi ấm. Tất cả những gì tôi làm trong thời điểm đó chỉ là tiến hành kiểm kê một cách cơ giới các chi tiết. Tuy nhiên, việc đó cũng đáng làm. Cũng như khi ta xát hai hòn đá hay hai cây gậy vào nhau, cuối cùng cũng sẽ tạo sức nóng và xẹt lửa, một thực tại được kết nối lại với nhau dần dần sẽ có hình hài. Cũng như một chuỗi lặp đi lặp lại đều đều những âm thanh ngẫu nhiên thoát nghe thì tưởng như vô nghĩa, nhưng cứ chồng chất lên thì mãi cũng thành một âm tiết rõ rệt.

Tôi cảm thấy được mối liên kết yếu ớt đó lớn lên trong những chiều sâu thăm

nhất của bóng tôi kia. Tuyệt lắm, được lắm. Ở đây thật là yên tĩnh, “họ” vẫn chưa nhận ra sự hiện diện của tôi. Tôi cảm thấy bức tường ngăn cách tôi với chỗ đó đang tan ra, nhão thành một thứ thạch. Tôi nín thở. Ngay bây giờ thôi! Nhưng đúng vào khoảnh khắc tôi bước về phía bức tường, một tiếng gõ cửa gay gắt vang lên, như thể người ta biết tôi đang định làm gì. Có ai đó đang gõ âm âm lên cửa. Đó chính là tiếng gõ tôi đã nghe lần trước, một tiếng nện dữ dội, dứt khoát, như thể ai đó đang cố đóng đinh xuyên qua tường. Tiếng gõ cũng theo nhịp y như lần trước: hai tiếng gõ, dừng một chút, rồi lại hai tiếng. Người đàn bà thở hắt hắt. Những hạt phấn hoa run rẩy,

bóng tôi trông tránh chao đảo. Cái tiếng động xâm hấn kia đóng sầm cái lối đi mà rớt cuộc đang bắt đầu trở nên có hình hài để tiếp nhận tôi.

Lần nào cũng y như vậy.

* * *

Một lần nữa tôi lại ở trong thân thể chính mình, ngồi dưới đáy giếng, lưng tựa vào tường, hai tay siết chặt gậy bóng chày. Cảm giác về cái thế giới “ở bên này” chậm chậm trở lại đôi tay tôi, kiểu như một hình ảnh dần dần hiện rõ khi ta nhìn gần lại. Tôi cảm thấy hai lòng bàn tay mình nhom nhóp mồ hôi. Tim tôi đập thình thịch trong cổ họng. cái tiếng gõ chát chúa, đâm phập vào thế giới kia vẫn còn nguyên vẹn, sống sít trong tai tôi, và

tôi vẫn còn nghe rõ tiếng quả đấm cửa
chầm chậm xoay trong bóng tối. Ai đó
(hay cái gì đó) ngoài kia đang mở cửa,
đang chuẩn bị bước vào, nhưng chính tại
khoảnh khắc đó mọi hình ảnh tan biến.
Bức tường lại là bức tường cứng tựa bao
giờ, và tôi bị ném trở về phía bên này.
Trong bóng tối, tôi gõ gõ đầu gây lên
bức tường trước mặt – vẫn là bức tường
bê tông cứng ngắt, lạnh lẽo. Tôi đang bị
bao quanh bởi một hình trụ bê tông. Lần
này mình suýt nữa đã làm được rồi, tôi
tự nhủ. Mình đã đến được gần hơn. Tôi
tin chắc thế. Đến một lúc nào đó tôi đã
sắp sửa vượt qua được rào chắn để vào
“trong kia”. Tôi sẽ lọt được vào căn
phòng và đứng đó, sẵn sàng, đợi tiếng gõ
cửa kia vang lên. Nhưng còn bao lâu nữa

điều đó mới xảy ra được? Và tôi còn lại bao nhiêu thời gian nữa?

Đồng thời tôi lại sợ rằng điều đó sắp xảy ra thật. Bởi nếu vậy tôi sẽ phải đương đầu với những gì ắt phải có ở đó đều là cái gì đi nữa.

Tôi vẫn ngồi co ro trong bóng tối. Tôi phải để cho tim mình lắng lại. Tôi cần phải tách tay mình ra khỏi cây gậy.

Trước khi có thể đứng dậy trên nền đáy giếng này, sau đó leo cái thang bằng thép để trở lên mặt đất, tôi phải cần thêm thời gian, và cần thêm sức mạnh.

Cuộc tấn công vườn thú
(Hay cuộc thảm sát vụng về)



Akasaka Nhục đậu khấu kể chuyện những con hổ, báo, sói và gấu bị một toán lính bắn chết một buổi trưa oi bức kinh người vào tháng Tám năm 1945. Bà kể lại một cách lộp lang và rõ ràng chính xác như một bộ phim tài liệu chiếu trên màn hình trắng. Không có bất cứ chi tiết nào mơ hồ trong chuyện của bà, dù trên thực tế bản thân bà không chứng kiến sự kiện. Khi chuyện đó xảy ra, bà đang đứng trên boong một con tàu vận tải chở những người Nhật định cư tại Mãn Châu tị nạn

về Nhật Bản. Những gì bà thực sự chứng kiến chỉ là một chiếc tàu ngầm Mỹ nổi lên mặt biển.

Cũng như mọi người, bà cùng những đứa trẻ khác đã chui ra khỏi hầm tàu nóng hầm hập như cái nồi hơi để lên boong, tựa vào lan can mà tận hưởng làn gió nhẹ thổi qua mặt biển bình yên phẳng lặng, thì đột nhiên chiếc tàu ngầm nổi lên mặt biển như thể hiện ra từ một giấc mơ.

Thoạt tiên là một chiếc ăng-ten, trụ ra đa và tiềm vọng kính trời lên. Kế đó đài chỉ huy xuất hiện, rạch ngang mặt biển tạo thành một vệt dài. Cuối cùng là toàn bộ thân tàu bằng thép lừng lững hiện ra, phơi thân hình trần trụi tao nhã dưới ánh nắng hè. Mặc dù hình dáng của vật trước

mắt bà không thể là gì khác ngoài một chiếc tàu ngầm, song nó trông như một thứ dấu hiệu mang tính biểu tượng, hay là một ẩn dụ không hiểu nổi.

Chiếc tàu ngầm chạy song song với con tàu trong chốc lát như đang rình mò.

Chẳng mấy chốc một cánh cửa nắp mở ra, một người trong thủy thủ đoàn leo lên boong, sau đó một người khác, rồi một người nữa, động tác chậm chạp gần như uể oải. Từ boong đài chỉ huy, các sĩ quan dùng những chiếc ống nhòm to dùng để quan sát từng chi tiết của chiếc tàu vận tải, những thấu kính ống nhòm chốc chốc lại lóe lên dưới ánh nắng. Chiếc tàu lén chặt những dân thường đang trở về Nhật Bản, cảng đến là Sasebo. Phần lớn là

phụ nữ và trẻ em, gia quyến của các sĩ quan Nhật trong chính phủ bù nhìn Mãn Châu quốc và các nhân viên cao cấp thuộc công ty đường sắt Nam Mãn Châu của người Nhật, đang quay về tổ quốc để tránh những loạn lạc ắt sẽ theo sau sự thất trận nhãn tiền của người Nhật trong chiến tranh. Những con người đó – ít nhất là cho tới lúc này – thà bị tàu ngầm Mỹ tấn công trên biển còn hơn chịu số phận khùng khiếp chờ đợi họ ở Trung Hoa đại lục.

* * *

Các sĩ quan tàu ngầm đang kiểm tra xem liệu chiếc tàu vận tải có vũ trang không và có tàu hộ tống không. Họ chẳng có gì phải sợ. Người Mỹ bây giờ đang làm chủ

cả bầu trời nữa. Okinawa đã thất thủ, còn trên đất Nhật máy bay chiến đấu giỏi lắm cũng chỉ sót lại dăm ba chiếc. Chẳng có gì phải sợ, thời gian đang ở về phía họ. Một viên sĩ quan hô khẩu lệnh, thế là ba viên thủy thủ liền quay bộ truyền động để hướng khẩu đại bác trên boong tàu về phía chiếc tàu vận tải. Hai thủy thủ khác mở cánh cửa nắp ở đuôi tàu, lôi ra những quả đạn nặng trĩu để nạp vào đại bác. Lại một tốp thủy thủ nữa đang nạp đạn vào một khẩu súng máy gắn vào một chỗ nhô cao trên boong tàu, gần đài chỉ huy. Tất cả các thủy thủ đang chuẩn bị chiến đấu đều đội mũ sắt, mặc dù vài người cởi trần từ thắt lưng trở lên và gần một nửa chỉ mặc quần soóc. Nếu nhìn kỹ, Nhục đậu khấu có thể nhìn thấy những

hình xăm loang loáng trên tay họ. Nếu nhìn kỹ, cô bé có thể thấy được nhiều thứ.

Toàn bộ hỏa lực của chiếc tàu ngầm chỉ là một khẩu đại bác trên boong và một khẩu súng máy, nhưng thế đã là quá đủ để đánh chìm chiếc tàu hàng xập xệ hoen gỉ được cải tạo thành chiếc tàu vận tải này. Chiếc tàu ngầm chỉ mang một lượng thủy lôi hạn chế, số đó được để dành đến khi chạm trán những đoàn hộ tống có vũ trang, giả dụ như còn có tàu hộ tống có vũ trang nào ở Nhật. Ấy là luật bất di bất dịch.

Nhục đầu khẩu búa tay vào lan can boong tàu, quan sát cái nòng súng đen ngòm kia hướng về phía cô. Chỉ mới giây phút

trước còn chìm trong nước, thế mà bây giờ nó đã khô ran dưới cái nắng mùa hè. Cô chưa bao giờ nhìn thấy khẩu súng nào to đến thế. Hồi ở Tân Kinh cô vẫn thường thấy những khẩu súng trường của quân đội Nhật, nhưng mấy khẩu súng ấy không thể nào sánh nổi với khẩu súng khổng lồ trên boong chiếc tàu ngầm kia. Chiếc tàu ngầm chiếu đèn hiệu vào chiếc tàu hàng: Đứng lại. Sắp sửa tấn công. Lập tức đưa hành khách xuống xuống cứu nạn. (Dĩ nhiên, hồi đó Nhục đậu khấu không thể hiểu được ý nghĩa các tín hiệu bằng đèn đó, nhưng khi hồi tưởng lại bà có thể hiểu hết sức rõ ràng). Trên boong chiếc tàu vận tải – vốn chỉ được cải tiến một cách quấy quá để chuyển từ một chiếc tàu hàng cũ ngay trong lúc loạn lạc

chiến tranh – không hề có đủ xuồng cứu nạn. Trên thực tế, chỉ có vền vền hai chiếc xuồng nhỏ cho hơn năm trăm con người gồm cả hành khách và thủy thủ. Hầu như chẳng có chiếc áo phao hay phao cứu nạn nào ở trên tàu.

Nắm chặt lan can tàu, nín thở, Nhục đậu khấu nhìn trên trời như bị thôi miên vào chiếc tàu ngầm hình dáng thon đẹp kia. Nó sáng choang như vừa mới đúc xong, không có lấy một tý gỉ sét. Cô nhìn thấy những con số vạch bằng sơn trắng trên đài chỉ huy. Cô nhìn thấy ăng-ten ra-đa quay phía trên đài chỉ huy. Cô nhìn thấy viên sĩ quan có mái tóc màu cát đeo kính râm. Chiếc tàu ngầm này đã từ đáy biển trồi lên để giết hết chúng ta, cô nghĩ,

nhưng chuyện đó chẳng có gì lạ, lúc nào nó cũng có thể xảy ra. Nó chẳng liên quan gì đến chiến tranh hết, nó có thể xảy ra với bất cứ người nào ở bất cứ đâu. Ai cũng nghĩ rằng chuyện đó xảy ra là vì chiến tranh. Nhưng đâu phải vậy. Chiến tranh chỉ là một trong những gì có thể xảy ra thôi.

Đôi mắt chiếc tàu ngầm và khẩu đại bác to đùng của nó. Nhục đậu khấu không thấy sợ. Mẹ cô đang hét to câu gì đó với cô, song cô chẳng hiểu gì. Đoạn cô cảm thấy ai đó túm cổ tay cô giật mạnh.

Nhưng tay cô vẫn siết chặt lan can tàu. Những giọng kêu la gầm rú quanh cô bắt đầu xa dần, như thể ai đó đang vặn nhỏ âm lượng đài phát thanh. Sao mình buồn

ngủ thê, cô nghĩ. Sao mình buồn ngủ quá vậy? Cô nhắm mắt lại, thê là ý thức cô lập tức chuội đi, bỏ boong tàu lại tí đằng sau.

* * *

Nhục đầu kháu đang nhìn thấy những người lính Nhật tiến vào vườn thú để bắn chết bất cứ con vật nào có khả năng tấn công người. Viên sĩ quan hạ lệnh, và đạn từ những khẩu súng trường Model 38 đâm toạc lớp da mềm của một con hổ, xé tan lòng ruột con vật. Trời mùa hè xanh ngắt, từ cây cối xung quanh, tiếng ve sàu ra rả rơi xuống như một trận mưa rào bất chợt.

Những người lính chẳng nói năng gì. Khuôn mặt cháy nắng của họ không còn

một chút máu, trông họ như hình vẽ trên những chiếc bình cổ. Chỉ ít ngày nữa thôi – cùng lắm là một tuần nữa – bộ phận chủ lực của Tập đoàn Viễn Đông quân đội Xô-Viết sẽ đến Tân Kinh này. Chẳng cách nào ngăn nổi bước tiến của họ.

Ngay từ đầu cuộc chiến, những đội quân tinh nhuệ và khí tài thiết bị từng có lúc thừa mứa của đạo quân Quan Đông đã được đổ hết vào mặt trận phía Nam ngày càng mở rộng, đến giờ thì phần lớn cả quân lính lẫn trang bị vũ khí đều đã chìm xuống đáy biển hay đang mục rữa trong rừng sâu. Xe tăng không còn nữa. Đại bác chống tăng không còn nữa. Xe chở quân lính gần như hỏng hết chẳng còn gì, phụ tùng thay thế lại không có. Tổng động viên thì vẫn tập hợp được khá đông

quân, nhưng thậm chí cả súng trường cổ
lỗ sĩ cũng không đủ cho mỗi người một
khẩu hoặc không đủ đạn để nạp cho tất cả
các súng. Thế là đạo quân Quan Đông,
“bức tường thành phía Đông” nay chỉ
còn là một con hổ giấy. Các đơn vị cơ
giới Xô-Việt từng đè bẹp quân đội Đức
nay đang hoàn tất việc chuyển quân bằng
xe lửa đến mặt trận Viễn Đông, quân
trang thừa thãi, sĩ khí ngất trời. Mãn
Châu quốc sụp đổ là điều không tránh
khỏi.

Ai cũng biết đó là sự thật, mà biết hơn ai
hết là Bộ Tham Mưu đạo quân Quan
Đông. Vì thế họ triệt thoái bộ phận chủ
lực về hậu phương, trên thực tế là bỏ
mặc các đồn nhỏ dọc biên giới và những

người thường dân người Nhật làm nghề nông. Những người nông dân không vũ khí này bị quân đội đối phương giết sạch bởi họ tiến quân quá nhanh nên không có thì giờ bắt tù binh. Nhiều phụ nữ chọn – hoặc buộc phải chọn – con đường tự sát còn hơn bị hãm hiếp. Các đồn biên giới tự giam mình vào các boong-ke bằng bê tông được mệnh danh là “pháo đài vĩnh viễn” và kháng cự kịch liệt, nhưng vì không được yểm trợ từ hậu phương, thấy họ đều bị hỏa lực áp đảo của quân đội Xô-Viết tiêu diệt. Các vị chóp bu trong bộ tham mưu và các sĩ quan cao cấp khác đã thu xếp để chính mình được “thuyên chuyển” đến bộ tham mưu mới ở Thông Hoa(5) gần biên giới Triều Tiên, còn Hoàng đế bù nhìn Henry Phổ Nghi

và gia đình đã vứt hết gia sản mà tháo chạy khỏi thủ đô trên một chiếc thuyền xa. Hầu hết binh lính người Trung Hoa trong đạo quân Quan Đông được giao nhiệm vụ bảo vệ thủ đô đều đào ngũ ngay khi hay tin quân đội Xô-Viết đang xâm lấn, hoặc nếu không thì họ nổi loạn và bắn chết các sĩ quan chỉ huy người Nhật. Họ không có ý định hi sinh tính mạng mình cho nước Nhật trong cuộc chiến chống lại quân đội Xô-Viết có ưu thế vượt trội.

Do hậu quả những diễn tiến có tương quan đó, thủ đô của Mãn Châu quốc, cái “thành phố mới đặc biệt Tân Kinh” mà nước Nhật Bản hiện đại đã dựng nên trên một vùng đất hoang vu, đã đặt cược uy

tín của mình vào đó, nay bị bỏ lửng trong một tình thế chân không chính trị kỳ lạ. Để tránh hỗn loạn và đổ máu không cần thiết, các quan chức cao cấp người Trung Hoa thuộc Mãn Châu quốc cho rằng cần tuyên bố Tân Kinh là thành phố phi quân sự và đầu hàng không kháng cự, nhưng đạo quân Quan Đông cự tuyệt đề nghị đó.

Những người lính được phân công đến vườn thú đã phó mặc mình cho số phận. Họ cho rằng chỉ dăm hôm nữa thôi họ sẽ chết khi giao chiến với quân đội Xô Viết (mặc dù, trên thực tế, sau khi bị giải giáp, họ sẽ bị đưa đi lao động ở các mỏ than ở Siberia, và ba người trong số họ sẽ chết tại đó). Họ chỉ còn biết cầu trời

cho cái chết của mình sẽ không quá đau đớn. Chẳng ai muốn bị nghiền nát như dưới xích xe tăng, bị nướng chín dưới chiến hào vì súng phóng hỏa hay quần quai chết từ từ vì một viên đạn trong dạ dày. Thà bị bắn vào đầu hay ngay tim còn hơn. Nhưng trước hết họ phải giết lũ thú kia.

* * *

Giá như có thể thì họ đã giết lũ thú bằng thuốc độc để tiết kiệm dăm viên đạn ít ỏi còn lại. Viên trung úy trẻ tuổi chỉ huy chiến dịch này đã được sĩ quan cấp trên chỉ thị như vậy, lại nghe lệnh rằng vườn thú đã được cung cấp đủ thuốc độc để làm việc này. Viên trung úy dẫn tám binh sĩ súng ống tận răng đến vườn thú chỉ

cách sở chỉ huy hai mươi phút đi bộ. Cổng vườn thú đã đóng im ỉm từ khi người Liên Xô tiến công, có hai binh sĩ đứng canh, súng cầm lưỡi lê. Viên trung úy đưa cho lính canh xem mệnh lệnh rồi đưa quân mình vào.

Giám đốc vườn thú xác nhận rằng quả thật ông đã được chỉ thị “loại bỏ” những con thú hung dữ trong trường hợp khẩn cấp và làm việc đó bằng thuốc độc, nhưng ông bảo lô hàng thuốc độc mãi đến giờ vẫn chưa nhận được. Nghe vậy, viên trung úy rất bối rối. Y vốn là nhân viên kế toán, được bổ nhận chân phát lương trong Bộ tham mưu, xưa nay chưa lần nào phải chỉ huy một nhóm người, thế mà bây giờ bị lôi ra khỏi bàn giấy để

làm cái nhiệm vụ khẩn cấp này. Y phải lục mãi trong ngăn kéo để tìm khẩu súng lục đã nhiều năm không hề đụng tới, thậm chí chẳng biết có còn bắn được hay không nữa.

- Cái tệ quan liêu thì bao giờ cũng vậy, trung úy à, - giám đốc vườn thú nói, ông ta vốn lớn hơn viên trung úy vài tuổi, nhìn y với ít nhiều thương hại. – Những gì ta cần thì chẳng bao giờ có cả.

Để hỏi han thêm tình hình, giám đốc vườn thú cho gọi bác sĩ thú y trưởng vào, ông này bảo viên trung úy rằng vườn thú chỉ có một lượng thuốc độc rất nhỏ, không đủ để giết một con ngựa. Viên bác sĩ thú y là một người cao lớn, điển trai trạc gần bốn mươi tuổi, có một vết

bầm màu xanh đen bên má phải, kích thước và hình dáng giống như một bàn tay bé sơ sinh. Viên trung úy cho rằng vết bầm kia là bầm sinh.

Từ chỗ văn phòng giám đốc vườn thú, viên trung úy gọi điện thoại về Bộ Tham mưu để xin thêm chỉ thị, nhưng bộ Tham mưu đạo quân Quan Đông đang trong tình trạng hoảng loạn cùng cực ngay từ khi quân đội Xô Viết vượt qua biên giới vài ngày trước, hầu hết các sĩ quan cao cấp đều đã biến mất. Vài ba viên sĩ quan còn sót lại đều bận túi bụi, kẻ đang đốt hàng chồng tài liệu quan trọng ngoài sân, người thì dẫn quân ra ven thành phố để đào công sự chống tăng. Viên đại tá đã ra lệnh cho trung úy chẳng hiểu biến đi

đầu mất. Thành thử viên trung úy chịu không biết đào đầu ra chỗ thuốc độc họ cần. Ai ở đạo quân Quan Đông chịu trách nhiệm về vụ thuốc độc bây giờ đây? Người ta chuyển cuộc gọi của viên trung úy hết từ văn phòng này đến văn phòng khác, cho tới khi một đại tá quân y cầm máy quát om sòm với viên trung úy: “Đồ ngu như bò! Cả cái nước này toi mệ tới nơi rồi mà còn đi hỏi tôi về cái vườn thú chó dái nào đó là sao? Thằng đêch nào nó quan tâm chứ hả?”.

Mà đúng, ai người ta quan tâm, viên trung úy nghĩ. Mình thì chắc chắn là không rồi. Với vẻ hết hy vọng, y gác máy và quyết định thôi không cố đòi thuốc độc nữa. Giờ thì y có hai lựa chọn. Y có

thể quên vụ giết thú đi, chẳng giết con nào cả, cứ thể dẫn lính về, hoặc họ có thể dùng đạn để thi hành nhiệm vụ. Đảng nào thì cũng vi phạm mệnh lệnh được giao, nhưng rốt cuộc y quyết định dùng súng để bắn. Nếu làm cách đó, sau này y có thể sẽ bị giáng một cấp vì tội phạm đạn dược, song ít nhất thì mục đích “loại bỏ” những con vật nguy hiểm cũng được thực hiện. Còn nếu chọn giải pháp không giết lũ thú, có thể y sẽ phải ra tòa án binh vì tội bất tuân thượng lệnh. Dĩ nhiên, vào lúc chiến tranh sắp kết thúc thế này thì chưa chắc có tòa án binh nữa không, nhưng nói gì thì nói, lệnh là lệnh. Chừng nào quân đội vẫn còn tồn tại thì quân lệnh vẫn phải được thi hành.

Giá như có thể, mình cũng chẳng muốn giết con nào cả, viên trung úy tự nhủ, hoàn toàn thành thực. Song vườn thú đang cạn dần thức ăn cho bọn thú, nên hầu hết bọn chúng (nhất là những con to xác) đang bị đói trầm trọng. Mọi chuyện chỉ có ngày càng tệ hơn thôi – hay ít nhất là sẽ không thể khá lên được. Bắn quách chúng đi có khi là cách nhẹ nhàng nhất cho bản thân bọn thú, một cái chết nhanh chóng, sạch sẽ. Mà nữa, nếu lũ thú đói kia xông chuồng lao vào thành phố giữa lúc giao tranh ác liệt hoặc đang nửa chừng cuộc không kích thì thảm họa là điều không tránh khỏi.

Giám đốc vườn thú đưa cho viên trung úy bản danh sách cần “loại bỏ khẩn cấp”

mà ông đã lập ra theo chỉ thị, cùng với một tấm bản đồ vườn thú. Viên bác sĩ thú y có vết bầm trên má cùng hai công nhân người Trung Hoa được giao nhiệm vụ đi cùng đội hành quyết. Viên trung úy liếc bản danh sách và nhẹ cả người khi thấy nó ngắn hơn y tưởng. Tuy nhiên, trong số các con vật bị ghi là cần loại bỏ có hai con voi Ấn Độ. Voi à? Viên trung úy cau mày nghĩ. Làm thế quái nào bọn tôi giết voi được kia chứ?

Cứ theo tấm bản đồ thì con vật đầu tiên cần loại bỏ là hổ. Thôi thì dù sao voi cũng được để sau cùng. Tấm biển trên chuồng hổ cho biết cặp hổ này đã bị bắt ở Mãn Châu, trong vùng núi Đại Khingan. Viên trung úy phân công bốn

người bắn một con hồ, và bảo đám lính nhắm vào tim, tuy nhiên tim nằm ở đâu trên mình hồ thì chính y cũng chẳng biết. Nhưng không sao, ít nhất thì trong bốn viên ắt có một viên trúng đích. Khi tám người cùng gạt đòn bẩy những khẩu Model 38s và nạp băng đạn vào ổ đạn, tiếng lách cách khô khốc đầy điềm gờ làm thay đổi hẳn toàn bộ bầu không khí nơi này. Nghe tiếng động, hai con hồ đứng dậy. Để phòng xa viên trung úy rút khẩu súng lục tự động của y ra, tháo chốt an toàn. Để tự trấn an, y háng giọng. Có gì đâu, y cố tự nhủ. Ai mà chẳng có lúc phải làm những việc thế này.

Đám lính quỳ xuống, nhắm cẩn thận rồi theo lệnh viên trung úy bóp cò. Lục giật

lại làm vai họ rung bần bật, và trong một khoảnh khắc tâm trí họ trở nên trống hoác, như là bị thổi phăng mất. Tiếng gầm của ngàn ấy phát bắn cùng một lúc vang vọng qua vườn thú không người, dội từ nhà này sang nhà khác, tường này sang tường khác, cắt qua những vạt rừng, rạch qua những mặt nước, đâm thấu vào tim bất cứ ai nghe thấy nó, như tiếng sấm ở xa. Lũ thú nín thở. Ngay cả ve sầu cũng thôi kêu. Mãi lâu sau khi tiếng vọng của những phát súng đã lắng đi ở đằng xa, vẫn không có một âm thanh nào. Như thể vừa bị một người khổng lồ vô hình quật cho một phát chí tử bằng một cây gậy khổng lồ, hai con hổ dựng đứng lên một khoảnh khắc trong không khí, sau đó đổ ụp xuống sàn chuồng, quần quai hấp hối,

mồm học máu. Đám lính đã không thể hạ
thủ được lũ hổ chỉ bằng một phát súng.
Bùng tỉnh khỏi cơn mê, họ lại kéo đòn
bẫy, vút vỏ đạn vừa bắn đi, rồi lại ngắm
đích.

* * *

Viên trung úy ra lệnh cho một người
trong đám lính vào chuồng kiểm tra xem
có chắc là lũ hổ đã chết chưa. Trông thì
có vẻ chết thật rồi mắt nhắm, răng nhe ra,
không nhúc nhích. Nhưng điều quan trọng
là phải kiểm tra cho chắc. Viên bác sĩ
thú ý mở khoá chuồng và tay lính trẻ
(mới tròn hai mươi tuổi) bước vào, nơm
nớp sợ, tay lăm lăm lưỡi lê chìa ra đằng
trước. Điều bộ gã đến là buồn cười. Gã
lấy gót giày đá nhẹ vào chân sau một

trong hai con hổ. Con vật vẫn bất động. Gã lại đá đúng chỗ đó, lần này mạnh hơn một chút. Con hổ đã chết, không nghi ngờ gì nữa. Con hổ kia (con cái) cũng nằm không cựa cựa. Tay lính trẻ cả đời chưa đến vườn thú bao giờ, cũng chưa một lần nào thấy một con hổ thật. Một phần vì vậy mà gã vẫn chưa hoàn toàn tin nổi họ vừa giết chết một con hổ thật, đang sống sờ sờ đó. Gã chỉ cảm thấy gã vừa bị lôi vào một nơi chẳng liên quan gì đến gã. Đứng trong một biển máu đen kịt, gã nhìn trân trân xuống xác hai con hổ, nhìn như bị thôi miên. Khi đã chết, lũ hổ trông to hơn nhiều so với khi còn sống. Sao thế nhỉ? Gã lấy làm lạ tự hỏi.

Sàn chuồng bằng bê tông nồng nặc mùi

khắm lặm của nước tiểu loài mèo lớn
trộn lẫn với mùi máu âm ẩm. Máu vẫn
đang ộc ra từ những lỗ thủng toang hoác
trên thân thể lũ hổ, làm thành một cái hồ
đen sịt dính dính quanh chân gã. Đột
nhiên, khẩu súng trường trong tay gã nghe
nặng trĩch, lạnh ngắt. Gã muốn quăng
súng đi, gập người xuống, nôn kỳ hết tất
cả những gì có trong dạ dày gã ra sàn
chuồng. Giá làm vậy được thì nhẹ người
biết bao! Nhưng không thể nôn được –
tay chỉ huy sẽ dần gã dập mặt mặt. (Dĩ
nhiên, người lính này hoàn toàn không
biết rằng mười bảy tháng sau gã sẽ chết
khi một tay lính gác Liên Xô ở một khu
mỏ gần Irkutsk dùng xẻng đập toác sọ
gã). Gã lấy lưng cổ tay lau mồ hôi trên
trán. Chiếc mũ trận gã đội đè nặng xuống

gã. Một con ve sầu, rồi một con nữa lại bắt đầu kêu, như thể mới hồi sinh. Chẳng mấy chốc hoà vào tiếng ve sầu còn có tiếng kêu của một con chim – một tiếng kêu khác hẳn, nghe như tiếng vắn một sợi dây cót: Quick... quick... Năm lên mười hai tuổi tay lính trẻ đã từ một làng vùng núi Hokkaido cùng gia đình vượt biển đến Trung Hoa, cả nhà cùng canh tác một mảnh đất ở làng biên giới Bắc An cho tới năm ngoài thì gã bị động viên vào quân đội. Mặc dù gã biết rõ tất cả các loài chim ở Mãn Châu, nhưng con chim có tiếng kêu đặc biệt này thì gã chưa hề gặp. Có lẽ đó là một loài chim nhập từ một vùng xa, nó đang kêu trong lồng ở một khu vực khác của vườn thú. Thế

nhưng tiếng kêu hình như phát ra từ những cành cây cao ở đâu đó gần đây. Gã ngoái đầu nhìn về phía tiếng kêu nhưng chẳng thấy gì. Một cây du sừng sững có tán lá rậm dày hắt cái bóng sắc nét, mát rượi xuống mặt đất bên dưới. Gã nhìn về phía viên trung úy như để xin chỉ thị. Viên trung úy gật đầu, lệnh cho gã ra khỏi chuồng, đoạn lại trải bản đồ ra. Với bọn hổ thế là xong. Giờ đến lượt báo. Sau đó có thể là chó sói. Ta còn phải xử lý lũ gấu nữa. Voi thì để thanh toán xong những con khác sẽ tính sau, y nghĩ. Rồi y mới nhận ra trời nóng như thiêu. “Nghỉ chút đi”, y nói với thuộc hạ. “Uống chút nước”. Họ lấy bi đông ra uống. Rồi họ lại quảy súng lên vai, đứng

thành đội hình, đi về phía chuồng báo.
Trên một cây cao, con chim lạ có tiếng
kêu khản thiết vẫn tiếp tục vắn dây cọt.
Ngực và lưng áo lính ngăn tay của đám
đàn ông đen nhẹp mồ hôi. Đội quân súng
ống tận răng này diễu đến đâu, tiếng lách
cách của đủ thứ vận dụng kim loại làm
bật lên đến đó những tiếng vang rỗng
hoác khắp trong vườn thú không người.
Lũ khỉ bầu chặt lấy chân song chuồng rít
lên những tiếng xé tai, cuống cuống cảnh
báo sự chẳng lành với tất cả những con
vật khác trong vườn thú, đến lượt mình
những loài khác hoà vào dàn đồng ca
theo cách của riêng chúng. Lũ sói ngoảnh
mồm lên trời hú từng tràng dài, bọn chim
góp lời bằng cách đập cánh như điên, vài
con vật lớn ở đâu đó vật mình rầm rầm

vào vách chuồng như buông lời đe dọa. Một cụm mây hình thù như nắm đấm chẳng biết từ đâu xuất hiện che khuất mặt trời trong chốc lát. Vào buổi chiều tháng Tám đó, người, vật, tất cả đều nghĩ đến cái chết. Hôm nay những người này sẽ giết lũ thú, ngày mai quân đội Liên Xô sẽ giết những người này. Có lẽ.

* * *

Hai chúng tôi luôn luôn ngồi đối diện nhau ở cùng một bàn đó, trong cùng nhà hàng đó mà trò chuyện. Bà ta là khách quen ở đó, và dĩ nhiên lần nào bà cũng trả tiền. Phần sau của nhà hàng được chia thành những ngăn riêng biệt, ngồi ở bàn này trò chuyện thì bàn bên không nghe thấy được. Mỗi ngăn như vậy được dành

riêng cho khách suốt cả buổi tối, nghĩa là chúng tôi có thể ngồi nói chuyện bao nhiêu tùy thích, đến khi nhà hàng đóng cửa thì thôi, không bị bất cứ ai quấy rầy kể cả bồi bàn – họ chỉ đến để bưng món ăn lên hoặc dọn đi. Bà ta luôn luôn gọi một chai Burgundy lâu đứng ngàn ấy năm và luôn luôn chừa lại nửa chai không uống.

- Một con chim vặn dây cót? – đang ăn, tôi ngẩng đầu lên hỏi.

- Một con chim vặn dây cót? – Nhục đậu khấu nói, lặp lại đúng từng từ tôi vừa nói, đoạn cong môi lên một thoáng. – Tôi không hiểu cậu đang nói gì. Cậu đang nói về cái gì thế?

- Có phải bà vừa nói gì đó về một con

chim vặn dây cót không?

Bà ta chậm chậm lắc đầu.

- Hừm. Giờ thì tôi không nhớ được. Hình như tôi chẳng nói về chim chóc gì cả.

Tôi đành chịu thua. Bà luôn luôn kể chuyện mình như vậy. Tôi cũng chưa hỏi bà về vết bầm nữa.

- Vậy là bà sinh ra ở Mãn Châu? – tôi hỏi.

Bà lại lắc đầu.

- Tôi sinh ở Yokohama. Cha mẹ tôi mang tôi sang Mãn Châu năm tôi mới ba tuổi. Cha tôi vốn dạy ở một trường thú y, nhưng khi chính quyền thành phố Tân Kinh muốn tìm một người từ Nhật sang làm bác sĩ thú y trưởng cho vườn thú mới mà họ sắp xây dựng, cha tôi đã tình

nguyện đi. Mẹ tôi không muốn rời bỏ cuộc sống vốn đã yên hàn ở Nhật để đến một xứ khỉ ho cò gáy, nhưng cha tôi vẫn khẳng khái. Có lẽ ông muốn tự thử mình ở một nơi lớn lao hơn, rộng mở hơn là Nhật Bản. Hồi ấy tôi còn bé nên đi đâu cũng được, nhưng quả thật sống trong vườn thú tôi rất thích. Sống trong vườn thú thật tuyệt. Thân thể cha tôi lúc nào cũng có mùi thú vật. Tất cả những mùi khác nhau của nhiều loài vật trộn lẫn với nhau thành một mùi, và cái mùi ấy mỗi ngày mỗi khác đi một chút, như khi ta thay đổi các thành phần trong công thức một thứ nước hoa vậy. Mỗi khi cha về nhà, tôi hay trèo lên lòng cha, bắt cha ngồi im để tôi hít ngửi khắp mình cha.

Nhưng rồi chiến tranh ngày càng chuyển biến theo hướng xấu, tình hình trở nên nguy hiểm, thế nên cha tôi quyết định để mẹ tôi và tôi trở về Nhật trước khi quá muộn. Mẹ con tôi đi cùng với nhiều người khác, đáp xe lửa từ Tân Kinh đến Triều Tiên, ở đó có một chiếc tàu đặc biệt đón chúng tôi. Cha tôi thì ở lại Tân Kinh. Lần cuối cùng khi tôi nhìn thấy cha, ông đang đứng trên sân ga vẫy mẹ con tôi. Tôi thò đầu ra cửa sổ nhìn ông cứ nhỏ dần, nhỏ dần cho đến khi biến mất trong đám đông trên sân ga. Không ai biết chuyện gì xảy ra với ông sau đó. Tôi nghĩ chắc ông đã bị người Liên Xô bắt làm tù binh rồi đưa đến Siberia buộc lao động cưỡng bức và chết ở đó, như

nhiều người khác. Hẳn là ông đã vùi xác nơi mảnh đất cô đơn lạnh lẽo nào đó, thậm chí chẳng có lấy một cái gì để đánh dấu nấm mồ ông.

Đến giờ tôi vẫn nhớ như in vườn thú Tân Kinh, nhớ rõ từng chi tiết. Tôi có thể hồi tưởng tất cả trong tâm trí – từng lối đi, từng con vật. Gia đình tôi sống ở tư dinh của bác sĩ thú y trưởng, trong khuôn viên vườn thú. Công nhân vườn thú ai cũng biết tôi, họ cho tôi muốn đi đâu cũng được, kể cả khi vườn thú đóng cửa vào các ngày lễ.

Nhục đậu khấu nhắm mắt, hồi tưởng lại quang cảnh đó trong tâm trí. Tôi không nói gì, đợi bà kể tiếp chuyện.

- Thế nhưng tôi không chắc liệu cái vườn

thú như tôi hồi tưởng lại có thật sự như thế không. Nói sao nhỉ? Đôi khi tôi cảm thấy nó sống động quá mức, không biết nói thế cậu có hiểu chẳng... Mà khi đã chớm nghĩ như vậy thì càng nghĩ, tôi càng không dám chắc bao nhiêu phần trong cái sống động kia là thực còn bao nhiêu phần là do trí tưởng tượng của tôi tạo ra. Tôi thấy như mình đang lạc vào mê cung vậy. Đã bao giờ cậu gặp chuyện như vậy chưa?

Tôi thì chưa.

- Bà có biết vườn thú đó vẫn còn ở Tân Kinh không? – tôi hỏi.

- Tôi không biết nữa, - Nhục đậu khấu nói, tay chạm vào đuôi hoa tai. – Tôi nghe nói sau chiến tranh nơi đó đã bị

đóng cửa, nhưng không biết đến giờ có còn đóng cửa không.

* * *

Suốt một thời gian rất dài, Akasaka Nhục đậu khấu là người duy nhất trên đời mà tôi có thể trò chuyện. Tuần nào chúng tôi cũng gặp nhau một, hai lần, ngồi hai bên bàn mà trò chuyện với nhau. Sau khi đã gặp nhau như vậy mấy lần, tôi khám phá ra rằng bà là người có khả năng lắng nghe thật khác thường. Bà rất sáng trí, biết cách dẫn dắt câu chuyện bằng những câu hỏi và trả lời khôn khéo.

Để tránh làm phật ý bà, tôi luôn luôn sửa soạn hết sức chu đáo mỗi lần đi gặp bà, sao cho quần áo tôi chỉnh tề, sạch sẽ đâu ra đó. Tôi luôn mặc áo sơ-mi sạch bong

vừa lấy ở hiệu giặt là về rồi chọn chiếc cà vạt nào hợp nhất. Giày tôi luôn bóng loáng, tịnh không một hạt bụi. Mỗi lần gặp nhau, việc đầu tiên bà ta làm là kiểm tra tôi từ đầu đến chân, bằng cặp mắt của anh đầu bếp chọn rau. Nếu có gì làm bà không hài lòng, bà sẽ đưa tôi đến thẳng một cửa hàng đặng mua cho tôi ngay thứ cần phải có. Nếu có thể, bà ta bắt tôi thay đồ mới ngay lập tức, ngay tại chỗ. Gì chứ về chuyện quần áo thì bà luôn luôn đòi hỏi sự hoàn hảo.

Kết quả là tủ quần áo của tôi bắt đầu đầy lên. Một cách từ từ nhưng chắc chắn, những bộ com lê mới, áo khoác mới và sơ-mi mới dần dần chiếm lĩnh cái lãnh thổ trước kia vốn thuộc về những bộ váy

áo của Kumiko. Chẳng mấy chốc tủ quần áo bắt đầu chật, thế là tôi gấp hết đồ của Kumiko lại cho vào hộp có băng phiến rồi cất vào chỗ khác. Nếu Kumiko có trở về, tôi biết nàng sẽ tự hỏi chẳng biết chuyện quái gì đã xảy ra trong thời gian nàng vắng mặt.

Tôi phải mất một thời gian dài để giải thích với Nhục đậu khấu về Kumiko – rằng tôi phải cứu nàng và đưa nàng về. Bà ta chống cùi chỏ lên bàn, tựa cằm lên lòng bàn tay mà nhìn tôi một lát.

- Vậy thì cậu sẽ cứu Kumiko từ đâu về chứ? Cái nơi đó có tên gọi hay gì đó kiểu như vậy không?

Tôi tìm lời lẽ trong không khí. Nhưng lời lẽ làm gì có trong không khí. Chúng cũng

chẳng chôn dưới đất. - Ở đâu đó xa lắm,
- tôi nói.

Nhục đầu kháu mồm cười.

- Nghe như chuyện Cây sáo thần vậy.
Của Mozart, cậu biết không? Chuyện là
người ta phải cứu một nàng công chúa bị
giam trong một toà lâu đài ở một nơi rất
xa, cứu bằng một cây sáo thần và những
cái chuông thần. Tôi thích vở Opera đó
lắm. Tôi đã xem không biết bao nhiêu
lần. Thậm chí tôi thuộc nằm lòng lời vở
hát nữa “Tôi là kẻ bắt chim, ở xứ này từ
già đến trẻ ai cũng biết tôi...” Cậu đã
xem chưa?

Tôi lắc đầu. Tôi chưa bao giờ xem vở
ấy.

- Trong vở ấy, chàng hoàng tử và kẻ bắt

chim, Pagageno, được ba đứa trẻ cười
mây dẫn đến toà lâu đài. Nhưng thực ra
đó là cuộc chiến tranh giữa vương quốc
của ngày và vương quốc của đêm. Vương
quốc của đêm cố gắng bắt lại nàng công
chúa từ tay vương quốc của ngày. Đến
nửa chừng vỡ, các nhân vật chính không
còn biết đâu là chính đâu là tà, ai bị bắt
ai không nữa. Đương nhiên là đến cuối
vở hoàng tử tái hợp với công chúa,
Pagageno có được Pagagena, còn những
kẻ ác bị đày xuống địa ngục, - Nhục đậu
khấu miết ngón tay dọc vành cốc. –
Nhưng lúc này thì cậu không có kẻ bắt
chim cũng chẳng có sáo thần hay gương
thần.

- Nhưng tôi có cái giếng, - tôi đáp.

* * *

Mỗi khi tôi nói đã mệt hoặc không thể kể tiếp chuyện của mình do không tìm được những từ ngữ mình cần, Nhục đậu khấu thường cho tôi nghỉ bằng cách kể về chính thời thơ ấu của bà, và những chuyện của bà hoá ra còn dài dòng và rối rắm hơn nhiều so với chuyện của tôi. Mặt khác, không như tôi, bà thường không kể những câu chuyện của mình theo trình tự lớp lang mà thường nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác tùy tâm trạng. Bà thường đảo ngược trình tự thời gian mà không hề giải thích, hoặc tự dưng kể tới một nhân vật chính mà từ trước đến giờ chưa hề xuất hiện. Để hiểu được mầu chuyện bà đang kể liên quan

đền quăng nào trong cuộc đời bà thì cần phải diễn dịch thật cẩn thận, nhưng trong vài trường hợp thì có diễn dịch cách mấy cũng bằng thừa. Bà thường kể những sự kiện mà chính mắt bà chứng kiến đồng thời cũng kể những sự kiện mà bà chưa chứng kiến bao giờ.

* * *

Họ giết lũ báo. Họ giết lũ sói. Họ giết lũ gấu. Bắn chết lũ gấu là mất nhiều thì giờ nhất. Thậm chí đã ăn đến hàng tá đạn, hai con thú khổng lồ vẫn cứ đập âm âm vào chần song chuồng mà gào rú vào đám người, nhe nanh, sùi bọt mép. Khác với những con thuộc họ mèo vốn dễ dàng chấp nhận số phận hơn (hay ít nhất là có vẻ chấp nhận số phận), lũ gấu hình như

không thể nào hiểu nổi cái thực tế rằng chúng đang bị giết. Có lẽ vì vậy mà phải mất nhiều thời gian hơn mức cần thiết đến thế lữ gấu mới chịu chia tay với cái tình trạng tạm thời gọi là cuộc sống kia. Khi rút cuộc cũng dập tắt được mọi dấu hiệu sự sống ở lữ gấu, đám lính kiệt sức đến nỗi chỉ còn thiếu nước gục xuống ngay tại chỗ. Viên trung úy gài lại chốt an toàn súng rồi lấy mũ lau mồ hôi từ lông mày rỏ xuống. Trong cái im lặng sâu thẳm theo cuộc bắn giết, vài người lính hình như cố che giấu nỗi hổ thẹn của mình bằng cách khạc nhổ âm ỉ xuống đất. Vở đạn vãi quanh chân họ giống như bao nhiêu là đầu mẩu thuốc lá. Tiếng súng nổ đoành đoành vẫn còn inh tai họ. Tay lính trẻ mà mười bảy tháng nữa sẽ bị một tên

lính Liên Xô đánh chết trong một mỏ than gần Irkutsk hít sâu vài hơi liên tục, ngoảnh đi không nhìn xác lũ gấu. Gã đầu tranh kịch liệt để chống lại cơn buồn nôn đang trào lên cuống họng.

Rốt cuộc họ đã không giết lũ voi. Khi đối mặt với voi, họ nhận ra một điều hiển nhiên rằng chúng quá lớn. Bên những con thú đó, súng trường của những người lính trông như những món đồ chơi ngớ ngẩn. Viên trung úy ngẫm nghĩ một chút rồi quyết định để yên lũ voi. Nghe vậy, đám lính thở phào nhẹ nhõm. Nghe thì như lạ - tuy rằng thật ra cũng chẳng lạ lắm – đám lính thấy đều chung một ý nghĩ: giết người trên chiến trường còn dễ hơn nhiều so với giết thú trong chuồng,

mặc dù trên chiến trường thì có thể chính mình bị giết.

Những con thú đó, giờ chỉ còn là những cái xác, được đám công nhân người Trung Hoa lôi ra khỏi chuồng, chất lên xe rồi kéo đến một nhà kho để trống. Ở đó những con thú, đủ hình đủ dạng, to có nhỏ có, nằm la liệt trên sàn. Sau khi đã thực thi chiến dịch từ đầu đến cuối, viên trung úy quay về văn phòng của giám đốc vườn thú bảo ông này ký vào những giấy tờ cần thiết. Sau đó đám lính xếp hàng, đều bước theo đội hình mà đi khỏi, những tiếng lách cách kim khí khua vang giống như khi họ đến. Đám công nhân Trung Hoa dùng vòi nước rửa sạch những đám máu đen kịt trên sàn các

chuồng, đoạn dùng bàn chải cạo sạch những mẩu thịt thú dính đây đó trên tường. Khi xong việc, các công nhân hỏi viên bác sĩ thú y có vết bầm trên má phải xem ông ta định xử lý mấy cái xác bằng cách nào. Viên bác sĩ lúng túng không biết trả lời sao. Thường thì khi có thú chết, ông ta gọi một chuyên viên đến để xử lý. Nhưng hiện giờ khi thủ đô đang chuẩn bị bước vào trận huyết chiến, khi ai cũng chỉ nghĩ đến việc cao chạy xa bay khỏi cái đô thành sắp tận số này thì làm sao có thể nhắc điện thoại lên bảo ai đó chạy đến xử lý một cái xác thú chết được. Tuy nhiên đang là giữa hè, mấy cái xác sẽ rất chóng phân huỷ. Ngay lúc này đây những đàn ruồi đen đã bầu lại kín nghịt. Cách hay nhất là đem chôn,

nhưng đó là một việc quá lớn thậm chí dù vườn thú có đủ thiết bị hạng nặng, còn với nhân lực hạn chế như lúc này thì không thể nào đào một cái hố đủ lớn để chôn hết mấy cái xác.

Các công nhân Trung Hoa bảo viên bác sĩ thú y: Bác sĩ này, nếu ông cho chúng tôi đem hết mấy cái xác đi thì chúng tôi sẽ thanh lý cho ông. Chúng tôi có nhiều bạn bè giúp, với lại chúng tôi biết rõ phải làm ở đâu. Chúng tôi sẽ mang ra ngoài thành phố và xử lý sạch sẽ, không để lại dấu vết nào. Sẽ êm xuôi hết, ông không phải lo. Nhưng bù lại, chúng tôi muốn lấy lông và thịt. Nhất là thịt gấu, món đó ai cũng thích. Vài bộ phận của gấu và hổ làm thuốc rất tốt, bán được

cao giá lắm. Giờ mới nói thì quá muộn rồi, nhưng giá như lính các ông chỉ nhắm vào đầu chúng thì hay hơn bao nhiêu. Được vậy lòng sẽ bán được khối tiền. Máy tay lính này dở quá! Giá như các ông giao cho chúng tôi ngay từ đầu thì chúng tôi đã chẳng làm vụng đến thế. Viên bác sĩ đồng ý đổi chác. Anh ta không có lựa chọn nào khác. Nói gì thì nói, đây là đất nước của họ.

Chẳng mấy chốc mười người Trung Hoa xuất hiện mang theo mấy chiếc xe kéo. Họ lôi đồng xác thú ra khỏi nhà kho, chất lên xe, buộc chặt rồi lấy chiếu rơm dầy lên. Suốt thời gian làm những việc đó họ gần như chẳng nói với nhau một lời. Khuôn mặt họ vô cảm. Khi đã chất đầy

các xe, họ kéo đi đâu đó. Những chiếc xe kêu ken két dưới sức nặng của đồng xác thú. Cuộc thảm sát - mà theo lời các công nhân là thảm sát vụng về - các con vật trong vườn thú vào một chiều tháng Tám oi bức đã kết thúc như vậy. Chỉ còn lại dăm cái chuồng sạch sẽ - và trống không. - Vẫn còn trong trạng thái kích động, bây giờ tiếp tục hét gọi nhau bằng thứ ngôn ngữ không ai hiểu. Những con lửng bồn chồn chạy tới chạy lui trong cái chuồng hẹp. Lũ chim đập cánh một cách tuyệt vọng làm lông bay tung toé. Ve sầu tiếp tục kêu inh ỏi.

* * *

Sau khi toán lính đã giết thú xong và quay về Bộ Tham mưu, và sau khi hai

công nhân Trung Hoa cuối cùng đã kéo xe chất xác thú đi đâu đó, vườn thú có cái vẻ rỗng hoác như căn nhà bị khuân hết đồ đạc. Viên bác sĩ thú y ngồi trên mép một đài phun nước không có nước, nhìn lên trời, ngắm những đám mây sắc nét đang trôi. Đoạn anh lắng nghe tiếng ve sàu. Con Chim vặn dây cốt không kêu nữa, nhưng viên bác sĩ không nhận thấy điều đó. Với lại, anh vốn dĩ chưa bao giờ nghe thấy tiếng con Chim vặn dây cốt. Người duy nhất nghe được nó là anh lính trẻ tội nghiệp mà về sau sẽ bị đánh chết trong một mỏ than ở Siberia.

Viên bác sĩ rút một gói thuốc ẩm mồ hôi trong túi áo ngực ra, cho một điếu lên miệng rồi quẹt diêm. Khi quẹt diêm anh

mới nhận ra tay mình đang run, run đến nỗi phải quẹt tới ba que diêm anh mới châm được thuốc. Chẳng phải vì anh đang bị chấn động cảm xúc hay gì gì. Một số thú lớn đã bị “loại bỏ” trong chốc lát ngay trước mắt anh, thế nhưng, vì một lý do không thể giải thích nào đó, anh không hề thấy bị sốc, thấy buồn rầu hay giận dữ. Thật ra anh chẳng cảm thấy gì hết. Anh chỉ thấy hoang mang khủng khiếp.

Anh ngồi đó một lúc, ngấm khói cuộn lên từ điếu thuốc mình đang hút, cố gắng suy xét lại cảm xúc của mình. Anh ngấm đôi tay đang đặt trên lòng mình, rồi lại nhìn lên những đám mây trên trời. Thế giới trước mắt anh vẫn là cái thế giới như lâu

nay. Anh chẳng thấy có gì thay đổi ở đó. Thế nhưng đó ắt phải là một thế giới khác hẳn so với cái thế giới anh đã quen thuộc từ trước đến giờ. Nói gì thì nói, cái thế giới anh đang sống lúc này là một thế giới mà ở đó gấu, hổ, báo và sói vừa mới bị “loại bỏ”. Những con thú đó sáng nay vẫn còn hiện hữu, nhưng lúc này, 4 giờ chiều, chúng không hiện hữu nữa. Chúng đã bị đám lính kia thăm sát, thậm chí xác chúng cũng đã biến mất.

Hắn phải có một sự tách biệt lớn lao mang tính quyết định phân chia hai thế giới khác nhau đó. Cái thế giới trước mắt anh vẫn là cái thế giới của xưa nay. Điều khiến viên bác sĩ thú y hoang mang nhất là sự vô cảm ở trong chính mình.

Anh nhận ra mình đã kiệt sức. Thử nghĩ mà xem, đêm hôm trước hầu như anh không chợp mắt tí nào. Giá như lúc này anh tìm được bóng cây râm mát nào đó, nằm dài ra ngủ dù chỉ trong chốc lát thôi – thôi không nghĩ gì nữa, đắm mình vào bóng tối âm lặng của vô thức – thì tuyệt biết mấy! Anh liếc đồng hồ. Anh còn phải tìm thức ăn cho lũ thú còn sống sót. Anh phải chữa cho con khỉ đầu chó đang bị sốt cao. Có hàng ngàn việc khác anh còn phải làm. Nhưng lúc này hơn bất cứ việc gì khác, anh phải ngủ. Việc gì khác hãy tính sau.

Viên bác sĩ thú y đi vào khoảnh rừng gần đó, đuổi dài trên một bãi cỏ ở chỗ kín đáo không ai thấy. Lá cỏ mát rượi thật dễ

chịu. Mùi cỏ là mùi anh luôn nhớ một cách triu mến từ khi còn bé. Vài con cào cào Mãn Châu to gồ nhẩy tanh tách qua mặt anh, đập cánh nghe rõ mồn một, đầy sinh lực. Anh nằm đó chiêm thêm điều thuốc nữa và hài lòng nhận thấy tay mình không còn run đến là khổ như ban nãy. Vừa hít khói sâu vào phổi, anh vừa hình dung ở nơi nào đó những người Trung Hoa đang lột da tất tạt những con thú vừa bị giết kia rồi xẻ thịt. Anh vẫn thường thấy người Trung Hoa làm việc đó, về chuyện này thì họ còn khuya mới gọi là vụng về. Chỉ trong phút chốc toàn bộ con vật đã biến thành lông, da, thịt, nột tạng và xương, như thể mấy thành phần đó vốn dĩ tách biệt khỏi nhau và chỉ tình cờ được gá vào nhau trong chốc lát. Chắc

hắn mình chưa kịp thiếp đi thì những tảng thịt đó đã nằm ngoài chợ rồi. Đó là thực tại cho mi đó: nhanh chóng và hiệu quả.

Anh ngắt một búi cỏ, nghịch nghịch trong tay một hồi cái mềm mại của cỏ. Đoạn anh dụi thuốc rồi thở một hơi dài, phà hết khói còn trong phổi ra. Khi anh nhắm mắt lại, tiếng cào cào vỗ cánh nghe to hơn nhiều trong bóng tối. Viên bác sĩ thú y có ảo giác như những con cào cào lớn tưởng cỡ bằng con ếch đại kia đang nhảy thon thót tứ phía quanh mình.

Có khi thế giới này là một cánh cửa xoay, viên bác sĩ chợt nghĩ trong khi ý thức anh dần mờ đi. Ta lọt vào ngăn nào của cửa xoay là hoàn toàn tùy ở chỗ chân ta bước vào đâu. Ở ngăn này có hổ, ở

ngăn kia không có hồ. Có khi chỉ đơn giản như vậy thôi. Và cũng chẳng có tính liên tục thuận lý nào từ ngăn này sang ngăn nọ. Và chính vì không có tính liên tục thuận lý nào nên lựa chọn ngăn này hay ngăn nọ chẳng có ý nghĩa gì lắm. Có lẽ vì vậy mà anh không cảm nhận được chỗ tách biệt giữa thế giới này với thế giới kia? Nhưng ý nghĩ của anh chỉ đi xa được đến thế. Anh không thể nào nghĩ sâu hơn vậy nữa. Con mệt mỏi trong anh nặng trĩu và nghẹt thở như một cái chần sững nước. Anh không còn nghĩ gì nữa, chỉ nằm đó, hít thở mùi thơm của cỏ, lắng nghe tiếng cào cào vỗ cánh, và cảm thấy qua làn da mình cái lớp màng dày đặc của bóng tối đang trùm phủ lên anh.

Và cuối cùng tâm trí anh bị hút vào giấc ngủ sâu hút của buổi chiều.

* * *

Chiếc tàu vận tải tắt động cơ theo mệnh lệnh, chẳng mấy chốc đã đứng yên trên mặt biển. Chỉ có chưa tới một phần vận cơ hội là nó có thể chạy nhanh hơn hòng thoát khỏi một chiếc tàu ngầm cơ động, hiện đại như vậy. Khẩu đại bác đặt trên boong và khẩu súng máy của tàu ngầm vẫn hướng thẳng vào chiếc tàu vận tải, thủy thủ đoàn trong tư thế sẵn sàng tấn công. Thế nhưng một cảm giác tĩnh lặng kỳ lạ bao trùm trên cả hai con tàu. Thủy thủ đoàn chiếc tàu ngầm đứng hẳn lên boong, nhìn chiếc tàu vận tải với cái vẻ như có khối thì giờ để giết. Nhiều người

thậm chí chẳng buồn đội mũ sắt lên nữa. Buổi chiều hè hôm ấy hầu như không có gió, nên lúc này, khi cả hai tàu đều đã tắt động cơ, âm thanh duy nhất là tiếng sóng vỗ ì oạp lười biếng vào hai thân tàu. Tàu vận tải ra hiệu cho tàu ngầm: “Chúng tôi là tàu vận tải chở dân thường không vũ trang. Trên tàu chúng tôi không có đạn dược, không có binh sĩ. Chúng tôi chỉ có vài chiếc xuồng cứu nạn thôi”. Chiếc tàu ngầm trả lời cộc lốc: “Đó là việc của các người. Có rời tàu hay không thì trong đúng mười phút nữa chúng tôi vẫn sẽ bắn”. Trao đổi thông điệp giữa hai bên đến đó là hết. Thuyền trưởng tàu vận tải quyết định không truyền đạt nội dung trao đổi cho hành khách. Có ích gì? Dăm ba người chắc cũng sẽ gặp may mà sống sót,

nhưng hầu hết sẽ bị lôi xuống đáy biển cùng với cái chậu giặt già nua khốn khổ này. Thuyền trưởng muốn uống rượu lần cuối, nhưng chai whisky – chút ít rượu scotch ngon ông còn để dành được – lại cất trong ngăn kéo bàn trong buồng ông, chẳng còn thì giờ đi lấy bây giờ nữa. Ông cởi mũ nhìn lên trời, hy vọng rằng nhờ phép màu nào đó một phi đội máy bay chiến đấu Nhật Bản sẽ bắt thần xuất hiện. Nhưng hôm nay không phải là một ngày có phép màu. Thuyền trưởng đã làm tất cả những gì có thể làm. Ông lại nghĩ tới whisky.

Khi thời gian ân hạn mười phút đã hết, những chuyển động kỳ lạ bắt đầu diễn ra trên boong tàu ngầm. Những viên sĩ quan

đứng dàn hàng trên boong đài chỉ huy vội
vã trao đổi với nhau, thế rồi một viên sĩ
quan trèo xuống boong chính, chạy hùng
hục giữa đám thủy thủ mà quát lớn những
mệnh lệnh nào đó. Anh ta đi đến đâu là
những làn sóng chuyển động lan ra đến
đáy giữa đám thủy thủ ở từng vị trí chiến
đấu. Một thủy thủ lắc đầu quây quây rồi
nắm chặt tay đám thùm thụp lên nòng
súng. Một người khác tháo mũ trận nhìn
lên trời. Hành vi của đám thủy thủ có thể
là biểu hiện của giận dữ, mà cũng có thể
là vui mừng, thất vọng hoặc phấn khích.
Hành khách trên tàu vận tải chịu không
hiều nổi cái gì đang diễn ra hay chuyện
này sẽ dẫn đến đâu. Giống như khán giả
đang xem một vở kịch câm mà họ không
được biết trước nội dung (nhưng lại hàm

chứa một thông điệp rất quan trọng), họ
nín thở, dán mắt vào từng cử động của
các thủy thủ, những mong nắm bắt được
chút ý nghĩa nào chẳng. Cuối cùng, làn
sóng nhiễu loạn vừa lan ra giữa đám thủy
thủ kia cũng lắng xuống, và theo mệnh
lệnh từ đài chỉ huy người ta bắt đầu
nhanh chóng lấy đạn ra khỏi khẩu đại
bác. Các thủy thủ quay bộ truyền động,
dời nòng súng khỏi chiếc tàu vận tải cho
đến khi nòng súng lại chĩa thẳng lên trời
như trước rồi nút cái mồm đen ngòm
đáng sợ của họng súng lại. Những quả
đạn lại được cho xuống dưới boong tàu,
đoạn các thủy thủ chạy về phía các cửa
nấp. Ngược với vẻ uể oải lúc đầu, mọi
cử động của họ lúc này đều nhanh chóng

và hữu hiệu. Không tán gẫu, không một động tác thừa.

Động cơ tàu ngầm khởi động với một tiếng gầm dứt khoát, và hầu như cùng một lúc còi hiệu hú lên: “Tất cả mọi người xuống dưới boong!”. Chiếc tàu ngầm bắt đầu chuyển động về phía trước, loáng sau đã sụp xuống, làm cuộn lên một đám bọt trắng xóa, như thể nó chỉ đủ kiên nhẫn đợi đến khi thủy thủ đã xuống dưới hết và cài chặt cửa nắp lại. Một lớp màng nước biển nuốt gọn boong tàu dài, mảnh từ đầu đến đuôi, khẩu đại bác chìm xuống dưới mặt nước, đài chỉ huy trượt xuống, cắt ngang qua làn nước xanh thẫm, cuối cùng là cái ăng-ten và tiềm vọng kính cũng biến mất như muốn xóa

sạch mọi dấu vết chứng tỏ chúng từng có mặt ở đó. Những gợn sóng lan trên mặt đại dương trong chốc lát nhưng chẳng bao lâu đã lắng đi, chỉ còn lại mặt biển phẳng lặng buổi chiều.

Ngay cả khi chiếc tàu ngầm đã lặn sâu xuống nước, cũng chớp nhoáng đến lạ lùng như khi xuất hiện, hành khách vẫn đứng nguyên trên boong tàu như hóa đá, nhìn mãi xuống mặt biển. Thậm chí không ai hắng giọng. Viên thuyền trưởng trấn tĩnh lại, ra lệnh cho hoa tiêu, hoa tiêu truyền lệnh cho phòng máy, cuối cùng, sau một tràng rú rít dài, động cơ cỡ lớn sẽ bắt đầu khởi động như con chó đang ngủ bị chủ đá cho một phát.

Thủy thủ đoàn trên tàu vận tải nín thở,

đội bị tấn công bằng thủy lôi. Có khi người Mỹ họ chỉ thay đổi phương sách thôi, họ quyết định rằng đánh đắm tàu bằng thủy lôi thì nhanh và dễ hơn nhiều so với nã đạn bằng đại bác, tốn thì giờ. Tàu chạy theo hình chữ chi, thuyền trưởng cùng hoa tiêu cầm ống nhòm căng mắt nhìn khắp mặt biển, tìm cái vệt sóng trắng chết người của thủy lôi. Nhưng chẳng có thủy lôi nào. Hai mươi phút sau khi tàu ngầm đã biến mất vào lòng biển, mọi người rớt cuộc mới bắt đầu thở phào nhẹ nhõm thấy mình đã thoát khỏi lời nguyên chết chóc vừa mới treo trên đầu. Đầu tiên họ thấy thật khó tin, nhưng dần dà họ thấy đó là sự thật: họ đã sống sót sau khi cận kề cái chết. Ngay thuyền trưởng cũng không hiểu tại sao người Mỹ

lại thôi không tấn công. Điều gì khiến họ đổi ý vậy? (Chỉ sau này người ta mới rõ rằng, chỉ ít giây trước khi cuộc tấn công bắt đầu, tàu ngầm đã nhận được chỉ thị từ ban tham mưu rằng nên tránh đụng độ với đối phương trừ phi bị tấn công trước.

Chính phủ Nhật đã gửi điện cho lực lượng Đồng minh rằng họ sẵn sàng chấp nhận các điều kiện của Tuyên bố Potsdam và đầu hàng vô điều kiện). Giờ mới thoát được nỗi căng thẳng không thể nào chịu nổi, một số hành khách đứng trên boong quy xuống ngay tại chỗ mà rên rỉ, song hầu hết không khóc nổi cũng không cười nổi. Suốt mấy giờ - ở một số người thì suốt mấy ngày - họ cứ ở trong một trạng thái hoàn toàn lơ đãng, cái mũi

nhọn của cơn ác mộng dài, khủng khiếp cứ thọc mãi không thương tiếc vào phổi họ, tim họ, xương sườn họ, não họ, tử cung họ.

Suốt thời gian đó cô bé Akasaka Nhục đậu khấu ngủ ngon lành trong tay mẹ. Cô ngủ một mạch hai mươi tiếng đồng hồ, như bị ai đó đánh bất tỉnh. Mẹ cô thét gọi cô, vả vào má cô, nhưng vô ích. Cô như đã chìm xuống đáy biển. Khoảng cách giữa hai nhịp thở của cô cứ dài ra, dài ra mãi, nhịp tim cô chậm dần. Hơi thở cô hầu như không nghe thấy được. Nhưng khi tàu đến Sasebo thì cô đột nhiên thức dậy, như có sức mạnh lớn lao nào đó đã lôi tuột cô trở về thế giới này. Thế nên Nhục đậu khấu không tận mắt chứng kiến

việc tàu ngầm Mỹ chuẩn bị tấn công rồi lại thôi và biến mất. Cô chỉ nghe mẹ kể lại, mãi rất lâu về sau.

Chiếc tàu hàng ì ạch lê vào cảng Sasebo vào khoảng 10 giờ hơn một chút sáng ngày 16 tháng Tám, một ngày sau vụ tấn công hụt. Trên cảng bao trùm một sự im ắng kỳ lạ, không ai ra đón con tàu. Thậm chí ở trận địa phòng không gần cửa cảng cũng không có một bóng người. Ánh nắng hè căm lạng đốt thiêu mặt đất. Cả thế giới như lâm vào một cơn tê liệt sâu thẳm, vài người trên tàu cảm thấy như mình đã chẳng may lạc vào vương quốc của người chết. Sau nhiều năm sống ở nước ngoài, họ chỉ còn biết lặng nhìn đất nước của tổ tiên. Vào trưa ngày 15 tháng

Tám, đài phát thanh loan báo tuyên bố của Thiên hoàng rằng chiến tranh đã kết thúc. Sáu ngày trước đó, thành phố Nagasaki lân cận đã bị thiêu cháy bằng một quả bom nguyên tử. Cái đế quốc ma Mãn Châu quốc đang biến vào quá khứ. Và, vô ý bị lọt vào nhảm ngẩn của cánh cửa xoay, viên bác sĩ thú y có vết bầm trên má sẽ cùng chia sẻ số phận với Mãn Châu quốc.

5. Tiếng Anh: Tonhua - ND.

10

Giờ đến vấn đề kế tiếp

(Quan điểm của Kasahara May, Phần 2)

*

Chào Chim vặn dây cót!

Cuối thư trước em có bảo anh thử nghĩ xem em đang làm gì, ở đâu, vậy anh đã nghĩ chưa? Anh có nghĩ ra được gì không nào?

Thôi thì cứ coi như anh không nghĩ ra được cái gì sát – cái đó thì chắc rồi. Em đành tự kể từ đầu vậy.

Em đang làm việc ở một... nói sao nhỉ... một nhà máy. Một nhà máy to. Nó nằm ở một thị trấn tỉnh lẻ, đúng hơn là trên vùng

núi ở ngoại ô một thị trấn tỉnh lẻ nhìn ra biển Nhật Bản. Nhưng anh đừng nghe chữ “nhà máy” mà tưởng tượng ra một nơi toàn những cỗ máy to đùng hiện đại suốt ngày nghiêng ầm ầm, băng chuyền chạy liên tục, ống khói thì ùn ùn nhả khói. To thì to thật, nhưng diện tích trải ra trên một vùng rộng thênh thang, sáng sủa và yên tĩnh. Không hề có khói. Em chưa bao giờ hình dung nổi có cái nhà máy nào rộng mênh mông như vậy.

Trước đây em chỉ đặt chân đến nhà máy một lần duy nhất, ấy là hồi học tiểu học, lớp em đi dã ngoại và đến thăm một nhà máy kẹo ở Tokyo. Em chỉ còn nhớ mỗi chuyện ở đó ồn ời là ồn, chật ních những người, ai cũng hì hục làm việc, mặt thì cứ khó đăm đăm. Thành thử đối với em,

cái từ “nhà máy” luôn gợi nhớ tới hình minh họa cho “Cách mạng công nghiệp” thấy trong sách giáo khoa ấy.

Làm ở đây hầu như toàn con gái. Gần đó có một tòa nhà, phòng thí nghiệm, ở đó có các ông mặc áo choàng trắng phụ trách mảng phát triển sản phẩm, về lúc nào cũng nghiêm trọng, nhưng họ chỉ chiếm một phần rất nhỏ mà thôi. Còn lại toàn là con gái chưa đầy hai mươi tuổi hoặc lớn hơn một chút, trong đó chắc phải tới bảy mươi phần trăm sống ở các ký túc xá trong khuôn viên nhà máy như em vậy. Ngày nào cũng đi về về bằng xe buýt hay ô tô từ thị trấn tới đây thì mệt chết, mà ký túc xá thì lại rất được. Nhà mới xây, phòng toàn phòng đơn, đồ ăn

ngon, muốn ăn gì có nấy, tiện nghi thật tuyệt, tiền ăn lại rẻ. Có hồ bơi nước nóng, thư viện, nếu thích thì còn có thể làm những thứ như trà đạo hay cắm hoa (nhưng em thì không thích); nếu thích nữa thì có thể ghi danh vào các nhóm thể thao, thành thử nhiều đứa bạn đầu còn đi đi về về, sau chuyển hẳn vào ở ký túc xá. Hầu như đứa nào cũng cuối tuần lại về nhà ăn cơm với gia đình, đi xem phim hoặc đi chơi với bạn trai hay đại loại thế, cho nên tới thử Bảy thì chỗ này vắng tanh vắng ngắt. Hầu như chả có đứa nào như em, cuối tuần chẳng có gia đình nào mà về. Nhưng như em đã nói trước đây, em thích cái cảm giác mênh mông, trống trải của nơi này vào mỗi cuối tuần. Cả ngày em tha hồ đọc sách, nghe nhạc vãn

hết cỡ, đi bộ lên đồi chơi, hay ngồi viết thư cho Chim vặn dây cót như lúc này chẳng hạn.

Đám con gái làm chỗ này đều là dân địa phương, toàn con cái nhà nông. Có thể không phải đứa nào cũng vậy, nhưng hầu hết đều vui vẻ, khỏe mạnh, lạc quan yêu đời, siêng năng làm lụng. Vùng này không có nhiều ngành công nghiệp, thành thử trước đây đám con gái hề tốt nghiệp trung học xong là toàn lên thành phố tìm việc làm. Đám trai ở lại trong thị trấn chẳng có ai để lấy làm vợ, lại khiến cho dân số ngày càng giảm. Thế là chính quyền thành phố quyết định cắt một mảnh đất to rồi mời các doanh nghiệp xây nhà máy, để con gái vùng này không phải bỏ

đi nữa. Em thấy ý tưởng đó thật là hay. Ý em là thậm chí là bây giờ có người ở vùng khác lặn lội về đây, như em chẳng hạn. Nay thì, khi tốt nghiệp trung học xong (hoặc sau khi bỏ học, như em vậy), đám con gái thấy đều đi làm ở nhà máy, dành dụm tiền để khi đến tuổi thì lấy chồng và nghỉ việc, sinh vài ba đứa con rồi phì lũ ra như cá heo, đứa nào đứa nấy giống nhau y đúc. Dĩ nhiên, cũng có vài người lấy chồng xong vẫn tiếp tục làm việc, nhưng hầu hết đều thôi.

Đến đây thì anh chắc đã hình dung được khá rõ chỗ này là thế nào rồi chứ?

Vậy giờ câu hỏi kế tiếp cho anh là: ở nhà máy này người ta sản xuất cái gì?

Gợi ý: Anh với em có lần làm một việc

có liên quan đến nhà máy này. Anh em mình đến khu Ginza làm điều tra.

Nào nào, Chim vặn dây cót! Giờ thì ắt hẳn anh phải đoán ra rồi chứ?

Chính thế! Em đang làm việc ở một nhà máy làm tóc giả! Ngạc nhiên chưa?

Trước em có kể với anh về chuyện em đã bỏ cái chỗ khách sạn cao cấp kiêm nhà tù kiêm trường học thượng lưu chỉ sau sáu tháng rồi chỉ nằm khoèo ở nhà, như con chó bị gãy chân. Thế rồi, đột nhiên trong đầu em nảy ra ý nghĩ về cái nhà máy làm tóc giả. Em nhớ ông chủ công ty đó có lần nói nửa đùa nửa thật rằng nhà máy chẳng bao giờ đủ người làm cả, và bất cứ lúc nào, nếu em muốn thì họ sẽ thuê em ngay. Thậm chí ông ấy

còn cho em xem tờ quảng cáo về nhà máy đó, em rất thích, cảm thấy nhà máy này hay thật, làm ở đây cũng tốt chứ sao. Sếp em bảo đảm con gái ở đó chỉ làm việc bằng tay thôi, cầm từng sợi tóc lên nền tóc giả ấy mà. Làm tóc giả là việc rất tinh vi, chứ đâu phải là cái nồi nhôm, gõ một cái, gõ hai cái, gõ ba cái là xong đâu. Phải trồng từng túm tóc một, tóc thật ấy, hết sức, hết sức cẩn thận, từng túm nhỏ, thì mới nên bộ tóc giả có chất lượng được. Nghe đã chóng mặt chưa nào? Ý em là, theo anh trên đầu người ta có bao nhiêu sợi tóc? Có đến hàng trăm ngàn! Mà để làm bộ tóc giả thì phải cầm toàn bộ ngàn ấy sợi tóc bằng tay, như người ta cấy mạ ngoài đồng ấy. Thế nhưng bọn con gái chẳng đứa nào kêu ca. Đó là bởi

vùng này là “Xứ tuyết”, mùa đông rất dài, từ lâu đàn bà con gái nhà quê đã có tập quán làm hàng thủ công dệt có cái ăn trong mùa đông. Chắc cũng vì vậy mà công ty chọn chỗ này để đặt nhà máy.

Nói thật với anh, em cũng chẳng nề hà gì khi làm công việc chân tay kiểu này.

Nhìn qua thì không biết đâu, nhưng chính ra em đan giỏi lắm đấy. Thầy cô ở trường cứ khen em luôn. Anh vẫn không tin em sao? Thật đấy mà! Chính vì vậy mà em đã nảy ra ý nghĩ: hay mình lên nhà máy ở trên núi làm việc đi, để hai tay mình bận rộn từ sáng đến tối và không nghĩ tới bất cứ chuyện gì cho nặng đầu, có khi vậy cũng hay đấy. Em chán trường học, nhưng em cũng chả ưa gì nếu cứ

lông bông và bắt cha mẹ phải lo cho mình mãi (mà em tin chắc là ba mẹ cũng nghĩ thế), nhưng em lại chẳng hề thiết làm bất cứ việc gì, thành thử, càng nghĩ lui nghĩ tới, em càng thấy việc duy nhất em làm được là vào nhà máy này thôi.

Em nhờ bố mẹ làm người đỡ đầu, sếp của em thì làm người giới thiệu (họ thích bảng điều tra của em lắm), em qua cuộc phỏng vấn ở văn phòng công ty, và ngay tuần kế tiếp em đã gói ghém đồ đạc xong (mà đâu phải em chỉ mang theo mỗi quần áo và máy nghe nhạc thôi không). Em một mình lên tàu tốc hành, sau đó chuyển sang một tuyến xe điện nhỏ dễ thương chạy lên miền đồi núi, cứ thế đến thẳng cái thị trấn đèo heo hút gió này. Ấy thế

mà em có cảm giác như mình đã đến đầu bên kia thế giới vậy! Em quả thật là bị choáng khi bước ra khỏi xe! Lúc ấy em nghĩ: mình đã phạm sai lầm khủng khiếp. Nhưng rốt cuộc thì không phải: em ở đây đã sáu tháng nay, chẳng có chuyện gì không ưng ý, em cũng đã quen dần với chỗ này rồi.

Chẳng biết tại sao mà từ xưa tới nay em luôn quan tâm đến tóc giả. Không, nói thế chưa đúng. Có khi cần phải nói là những bộ tóc giả luôn có sức “lôi cuốn” em, kiểu như một số cậu trai bị xe mô-tô lôi cuốn vậy. Anh biết đấy, trước kia thì em chưa thực sự biết đâu, nhưng từ khi em đi làm nghiên cứu thị trường và có cơ hội thấy bao nhiêu là người hói (hay gọi

theo cách của công ty là những “người có vấn đề về rụng tóc”), em mới thật sự vỡ ra rằng có quá nhiều người như vậy ở trên đời! Chẳng phải vì em có cảm tình riêng theo cách này hay cách khác với những người hói (hay có vấn đề về rụng tóc) đâu. Em chẳng “thích” cũng chẳng phải “không thích” họ. Như anh Chim vặn dây cót chẳng hạn. Dù tóc của anh có rụng nhiều hơn bây giờ đi nữa (chuyện ấy có còn lâu nữa đâu), thì tình cảm của em đối với anh vẫn hoàn toàn không thay đổi. Cái cảm xúc mạnh mẽ trong em mỗi khi gặp một người đang bị rụng tóc, ấy là cái cảm xúc mà chắc em đã có lần nói với anh, ấy là đời mình đang tàn dần. Nay thì đó mới là cái em thật sự bận tâm!

Có lần em nghe nói người ta đạt mức tăng trưởng cao nhất ở một độ tuổi nào đó (mười chín hay hai mươi gì đó, em quên rồi), sau đó thì cơ thể bắt đầu hao mòn dần. Nếu đúng vậy thì chuyện tóc rụng dần và ngày càng thưa đi chẳng qua chỉ là một phần của quá trình cơ thể “hao mòn đi” mà thôi. Có gì lạ đâu. Rất bình thường và tự nhiên. Có lạ chẳng là thế này: một số người bị hói từ khi còn trẻ, trong khi người khác dù có già đi nữa cũng chẳng bao giờ hói. Em biết rằng nếu em bị hói, hẳn em sẽ cho rằng thật không công bằng. Ý em là đầu bị hói thì bàn dân thiên hạ nhìn vào, chả giấu đi đâu được! Dù em hiểu cảm giác của họ thế nào, nhưng chuyện rụng tóc không liên

quan gì tới em.

Trong hầu hết trường hợp, người bị mất tóc chẳng có tội tình gì trong chuyện anh ta bị rụng nhiều hay ít hơn người khác. Hỏi em còn làm bán thời gian, sắp em bảo gen di truyền quyết định tới chín mươi phần trăm việc người ta có bị hói hay không. Người nào thừa hưởng gen rụng tóc từ ông và cha thì sớm muộn gì cũng sẽ hói, dù anh ta có làm gì để ngăn chặn thì cũng bằng thừa. Cái câu “Nhân định thắng thiên” không áp dụng được ở đây. Nếu khi đã đến lúc cái gen ấy đứng dậy nói: “Nào, tiến hành đi thôi nhỉ?” (đó là nếu như các gen có thể đứng dậy mà nói được) thì tóc sẽ cứ thế rụng thôi, không còn cách nào khác. Chẳng lẽ thế là

công bằng sao? Em thì em biết, không công bằng chút nào hết.

Vậy là giờ anh đã biết em đang ở rất xa anh, đang làm việc ở nhà máy này, làm cật lực ngày này qua ngày khác. Và anh đã biết em có mối quan tâm riêng, quan tâm sâu sắc, đối với tóc giả và nghề làm tóc giả. Thư sau em sẽ kể chi tiết hơn về cuộc sống và công việc của em ở đây.

Thôi nhé. Tạm biệt.

11

Cái xẻng này có thực không?

(Chuyện xảy ra trong đêm - Phần 2)



Chú bé chìm sâu vào giấc ngủ và mơ một giấc mơ sống động như thật. Tuy nhiên, chú biết đây là mơ, điều đó khiến chú phần nào yên lòng. Mình biết đây là mơ, cho nên những gì xảy ra trước đó là thật. Những chuyện đó đã xảy ra, thật sự xảy ra. Mình có thể nói ngay cái này khác cái kia ở chỗ nào.

Trong giấc mơ, chú bé đi ra ngoài vườn. Lúc đó vẫn đang giữa đêm thâu, xung quanh không một bóng người. Chú bé nhặt xẻng và bắt đầu đào cái lỗ mà người

đàn ông cao lớn vừa lắp lại. Y đã kê chiếc xẻng vào gốc cây. Đất vừa mới lắp nên đào lên lại không khó, nhưng với chú bé năm tuổi thì chỉ mới nhấc xẻng lên thôi cũng đã hụt hơi rồi. Đã vậy chú không đi giày. Hai gót chân chú sẽ tê cóng vì lạnh. Dù vậy, chú vẫn vừa thở hổn hển vừa đào, cho tới khi tìm thấy cái túi vải mà người đàn ông chôn mới thôi. Con chim vặn dây cót không kêu nữa. Người đàn ông đã trèo lên cây không hề trở xuống. Đêm lặng ngắt đến nỗi nghe ong ong trong tai. Dường như người đàn ông chỉ vừa biến mất thôi. Nhưng nói gì thì nói, đây là mơ kia mà, chú bé nghĩ. Con chim vặn dây cót kêu và người đàn ông trông giống cha của chú trèo lên cây,

mấy chuyện đó đâu phải mơ. Những chuyện ấy đã thực sự xảy ra. Vậy là không thể có mối liên kết nào giữa đảng này với đảng kia. Nhưng thật lạ: chú ở đây, trong giấc mơ, đang đào một cái lỗ thật trong thực tại. Vậy làm sao chú phân biệt cái gì là mơ cái gì không phải là mơ? Cái xẻng này có thực không? Hay là cái xẻng ở trong mơ?

Càng nghĩ, chú bé càng không hiểu ra sao. Thế là chú thôi không vắt óc nghĩ nữa mà hoàn toàn tập trung vào việc đào cái lỗ. Cuối cùng, xẻng bập vào túi vải. Chú hết sức cẩn thận xới nốt chỗ đất bao quanh sao cho không động tới cái túi vải. Đoạn chú quỳ xuống nhấc cái túi ra khỏi hố. Trời không một gợn mây, không có

chương ngại vật nào ngăn làn ánh sáng
âm ướt của vàng trắng tròn đổ lên mặt
đất. Trong mơ, chú hoàn toàn không thấy
sợ. Nỗi tò mò ghê gớm là cảm xúc duy
nhất ngự trị trong tâm trí chú. Chú mở túi
ra thì thấy trong đó một trái tim người.
Chú nhận ra trái tim qua hình dáng và
màu sắc đúng như bức tranh chú từng
thấy trong cuốn bách khoa thư. Trái tim
còn tươi rói, còn sống nguyên và cử
động, như một đứa bé vừa bị cha mẹ bỏ
rơi. Nó vẫn phập phồng đập mạnh dẫu
không có dòng máu nào phụt ra từ những
lỗ mạch máu bị cắt. Chú bé nghe tiếng
đập thùm thụp inh cả tai, nhưng đó là
tiếng đập của chính tim chú. Trái tim bị
chôn và trái tim chú đập cùng một nhịp,
như đang nói chuyện với nhau.

Chú bé cố thở đều mà tự nhủ một cách dứt khoát: “Chẳng có gì phải sợ! Chỉ là trái tim người thôi mà. Y như trong cuốn bách khoa. Ai cũng có một trái như vậy. Mình cũng có”. Tự trấn an mình rồi, chú lại gói trái tim vào tấm vải, cho xuống hố rồi lấp đất lại. Chú dùng đôi chân trần san đất cho phẳng để không ai biết là có người đã đào một cái hố ở đó, rồi chú tựa xéng vào thân cây như trước. Trong đêm, đất lạnh như băng. Xong xuôi đâu đó, chú bé trèo qua bầu cửa sổ, trở về căn phòng ấm áp, quen thuộc của mình. Chú chải bùn đất dính ở chân vào sọt rác để khỏi làm bẩn chăn đệm rồi chui vào giường. Nhưng rồi cậu nhận ra rằng đã có người nằm đó rồi. Ai đó đang ngủ

trên giường chú, vùi mình dưới chăn, ngay ở chỗ chú nằm.

Đùng đùng nổi giận, chú bé liền giật mạnh chăn. “Này, cút khỏi đây ngay! Đây là giường của tao!” – chú muốn hét lên như vậy, nhưng không thốt được thành lời, bởi kẻ đang ngủ trên giường kia là chính chú. Chú đang ngủ ngon lành, hít thở đều đặn ở trên giường. Chú bé ngậy ra như hoá đá, không cất nổi một tiếng nào. Nếu mình đã ngủ ở đây rồi thì cái mình đây sẽ ngủ ở đâu? Lần đầu tiên chú thấy sợ, một nỗi sợ dường như thấu vào tận xương tủy chú. Chú bé muốn thét lên. Chú muốn thét càng to càng tốt để đánh thức cái tôi đang ngủ kia dậy, đánh thức tất cả mọi người trong nhà dậy. Nhưng

giọng chú đã biến đầu mất. Chú vận hết sức bình sinh, nhưng không bật ra nổi một âm thanh nào. Thế là chú túm vai cái tôi đang ngủ kia mà lay thật lực. Nhưng chú bé đang ngủ kia không thức dậy.

Chú chẳng biết làm gì nữa. Chú cởi áo len ra ném giữa sàn. Đoạn chú ra sức đẩy cái người đang ngủ kia – mà cũng là chú - ra khỏi giường. Chú phải giữ lấy cho mình một chỗ ở đây. Bằng không, có thể chú sẽ bị đẩy bật ra khỏi cái thế giới quen thuộc bấy nay của chú. Nằm co quắp, thậm chí gối cũng chẳng có, nhưng vừa đặt lưng xuống là lập tức chú cảm thấy buồn ngủ lạ lùng. Chú không nghĩ gì được nữa. Chỉ một khoảnh khắc sau chú đã ngủ say như chết.

Sáng hôm sau thức dậy, chú bé đang nằm chính giữa giường, không có ai bên cạnh. Gối đang kê dưới đầu chú. Chú chậm rãi nhồm dậy, nhìn quanh phòng. Thoạt trông, có vẻ chẳng có gì thay đổi. Vẫn cái bàn đó, cái tủ đó, vẫn cái đèn chân đế kia. Kim đồng hồ chỉ 6 giờ 20 sáng. Nhưng chú bé biết có một cái gì đó đã đổi khác. Mặc dù thoạt trông chẳng có gì thay đổi, nhưng chú bé biết đây không phải là căn phòng nơi chú đi ngủ đêm qua. Không khí, ánh sáng, âm thanh, mùi, tất cả đều khác trước một chút. Người khác có thể không nhận ra, song chú bé thì biết. Chú tung chăn rồi kiểm tra toàn thân mình. Chú giơ hai bàn tay lên rồi lần lượt động dậy từng ngón tay. Tay chú

bình thường. Chân cũng ổn. Chú không đau, không ngứa gì. Chú ra khỏi giường rồi xuống phòng vệ sinh. Đi tiểu xong, chú đứng ở bồn rửa nhìn khuôn mặt mình trong gương. Chú cởi áo pijama, đứng lên một chiếc ghế, nhìn hình ảnh phản chiếu cái thân hình bé nhỏ trắng xanh của chú. Không thấy có gì bất thường.

Thế nhưng vẫn có cái gì đó khác. Chú cảm thấy như chính mình đã bị trút vào một cái vỏ chứa khác. Chú biết, chú vẫn chưa hoàn toàn quen với cái cơ thể mới này. Cái cơ thể mới này có gì đó không khớp với cái tôi nguyên thủy của chú. Đột nhiên chú cảm thấy mình thật bơ vơ, không ai giúp đỡ, chú cố gọi mẹ, nhưng cái từ ấy không bật ra khỏi cổ họng chú.

Thanh đời của chú không làm rung động
nội không khí, như thể bản thân từ “mẹ”
cũng đã biến mất khỏi thế gian. Nhưng
chẳng mấy chốc chú nhận ra rằng cái đã
biến mất không phải là từ “mẹ”.

12

Liệu pháp bí mật của M

TRÒ HUYỀN BÍ LAN TRẦN TRONG
GIỚI

KINH DOANH GIẢI TRÍ

*(Trịnh Nguyệt san _____, tháng Mười
Một)*

... Các liệu pháp huyền bí này, vốn đã trở thành một thứ cơn sốt trong giới kinh doanh giải trí, chủ yếu được lưu truyền bằng cách rỉ tai nhau, nhưng trong một số trường hợp lại mang dấu ấn của vài hội kín nào đó.

Chẳng hạn như trường hợp “M”: 33 tuổi,

mười năm trước chỉ đóng vai phụ trong các series kịch truyền hình, được công chúng đón nhận và từ đó chuyên đóng vai chính trong phim truyền hình và phim màn ảnh rộng, sáu năm trước đã cưới một “đấng nam nhi thành đạt” làm nghề kinh doanh bất động sản, hai năm đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Chàng làm ăn phát đạt, nàng cũng có một số vai diễn thành công trong điện ảnh. Nhưng rồi nhà hàng ăn uống và shop thời trang mà chàng thành lập mang tên nàng bị thua lỗ, chàng bắt đầu nợ nần chồng chất nhưng về danh nghĩa người mang nợ là nàng. Vốn dĩ M chẳng bao giờ thích thú chuyện kinh doanh, nhưng do chàng muốn khuếch trương việc làm ăn nên nàng đã ít nhiều để chồng cầm tay bảo gì làm nấy.

Có người cho rằng bởi chồng nàng bị
đính vào một âm mưu lừa đảo. Ngoài ra,
ngay từ đầu giữa M với bố mẹ chồng đã
chẳng xuôi chèo mát mái rồi.

Rồi lại có lời đồn rằng giữa M với
chồng cũng cơm không ngọt, và chẳng
bao lâu hai người sống ly thân. Cách đây
hai năm hai vợ chồng đã hoàn tất thủ tục
ly hôn chính thức sau khi tòa giúp họ thu
xếp trả nợ nần, nhưng sau đó M bắt đầu
có dấu hiệu trầm uất; vì phải điều trị nên
nàng gần như thôi hẳn đóng phim. Theo
một nguồn tin ở hãng phim nơi nàng từng
làm việc thì từ sau khi ly hôn, M thường
xuyên bị hành hạ vì những cơn ảo giác
trầm trọng. Nàng tự hủy hoại sức khỏe do
dùng quá nhiều thuốc chống trầm cảm,

đền độ người ta bắt đầu nói về nàng rằng “Xưa kia cô ấy từng là diễn viên”. Theo chúng tôi quan sát, “Nàng đã mất khả năng tập trung vốn rất cần thiết để có thể đóng phim, còn ngoại hình nàng cũng xuống cấp đến đáng kinh ngạc. Đã vậy nàng vốn là người bản chất nghiêm túc nên luôn luôn ưu tư về mọi việc đến nỗi ảnh hưởng xấu đến cả tâm thần nàng.

Cũng may, tình hình tài chính của nàng vẫn ổn nên dù không làm gì nàng vẫn có thể sống một thời gian”.

Một người họ hàng xa của M là vợ của một chính khách nổi tiếng, cựu bộ trưởng trong Nội các. M gần như là con gái của người này, nên ông ta mới giới thiệu nàng đến gặp một người đàn bà có liệu

pháp chữa trị bằng tâm linh cho một nhóm khách hàng rất hạn chế thuộc tầng lớp thượng lưu. M đều đặn đến gặp bà này trong suốt một năm trời để trị chứng trầm uất, nhưng chính xác liệu pháp này bao gồm cái gì thì không ai biết. Bản thân M giữ bí mật hoàn toàn. Dù liệu pháp đó là gì đi nữa thì nó cũng có tác dụng. Chẳng bao lâu M thôi dùng thuốc chống trầm uất, kết quả là nàng không còn bị chứng phù kỳ lạ thường phát sinh do tác dụng của thuốc, tóc nàng lại mọc dày, sắc đẹp của nàng trở lại như xưa. Nàng cũng hồi phục về mặt tâm thần và dần dần đóng phim trở lại. Đến lúc đó thì nàng thôi không điều trị nữa.

Tuy nhiên, vào tháng Mười năm nay,

ngay khi ký ỨC về cơn ác mộng của nàng đã bắt đầu phai nhạt, M lại gặp một sự cố mà trong đó những triệu chứng cũ lại tái phát chẳng vì lý do gì. Thật không đúng lúc chút nào, bởi chỉ vài hôm nữa nàng sẽ phải thủ một vai quan trọng, nhưng trong tình trạng thế này thì nàng không thể đảm đương. M liền liên lạc với người đàn bà nọ yêu cầu được điều trị như mọi lần, nhưng người đàn bà bảo bà ta không còn điều trị nữa. “Tôi rất tiếc, - bà ta nói, - tôi không thể làm gì cho cô. Tôi không còn đủ sức nữa. Tôi đã mất năng lực. Tuy nhiên có một người mà tôi có thể giới thiệu với cô, nhưng cô phải thể giữ bí mật tuyệt đối. Nếu cô hở ra dù chỉ một lời về chuyện này với bất cứ ai thì cô sẽ phải hối tiếc. Thế đã rõ

chưa?”

M được chỉ dẫn tới một nơi, tại đó người ta đưa nàng đến gặp một người đàn ông có vết bầm màu xanh trên mặt. Người này trạc ba mươi tuổi, không hề nói với nàng một câu trong suốt thời gian nàng ở đó, nhưng liệu pháp của anh ta “có hiệu lực lạ lùng”. M từ chối tiết lộ nàng đã phải trả bao nhiêu cho buổi chữa trị, nhưng ta có thể đoán rằng “phí tư vấn” là một khoản tiền khá lớn.

Về liệu pháp bí ẩn mà M đã kể với một người bạn “rất thân”, chúng tôi chỉ được biết như sau. Đầu tiên nàng phải đến “một khách sạn nào đó” ở đó nàng gặp một chàng thanh niên có nhiệm vụ đưa nàng đến gặp “người chữa trị”. Họ lên

“một chiếc xe lớn màu đen” trong một lô đồ xe đặc biệt dưới lòng đất dành cho VIP rồi đi đến nơi liệu pháp được thực hiện. Tuy nhiên, về bản thân liệu pháp kia thì chúng tôi chẳng biết được gì.

Người ta nói M đã bảo bạn nàng, “Những người này có sức mạnh đáng sợ. Nếu mình nuốt lời hứa thì sẽ có những chuyện kinh khủng xảy ra cho mình.”

M chỉ đến chỗ đó một lần duy nhất, từ đó trở đi các triệu chứng không trở lại nữa. Chúng tôi đã cố tiếp cận M để tìm thêm thông tin về liệu pháp kia cũng như người đàn bà bí ẩn, song, đúng như chúng tôi đã biết trước, M “cực tuyệt”. Theo một nguồn đáng tin cậy, cái “tổ chức” này thường tránh tiếp xúc với giới

kinh doanh giải trí mà tập trung vào những giới chính trị và tài chính vốn dĩ kín đáo hơn. Những tiếp xúc của chúng tôi với giới nghệ sĩ cho đến nay không mang lại thêm thông tin gì...

13

Kẻ chờ đợi

*

Không dễ gạt bỏ tôi như vậy đâu

*

Không ai là một hòn đảo cả.

*

Đã quá 8 giờ, chung quanh tối đen như mực khi tôi mở cánh cổng sau rồi bước ra con ngõ. Cổng rất hẹp, tôi phải lách mình mới len qua được. Cổng cao không đầy một mét, được nguy trang khôn khéo ở một góc rào để đứng từ bên ngoài thì không thể nhìn thấy cũng chẳng thể sờ ra. Con ngõ bao giờ cũng vậy trôi lên từ

trong bóng tối, dưới ánh sáng trắng lạnh của ngọn đèn thủy ngân trong vườn nhà Kasahara May.

Tôi đóng chặt cổng rồi rảo bước theo con ngõ. Qua từng hàng rào tôi thấy loáng thoáng bóng những người đang ăn tối trong phòng ăn hay xem ti vi trong phòng khách. Mùi thức ăn tỏa ra ngoài ngõ qua các cửa sổ nhà bếp và quạt thông gió. Một cậu thiếu niên đang tập một đoạn nhanh trên cây đàn ghita điện hạ thấp âm lượng. Trong một cửa sổ tầng hai, một cô bé nhỏ xíu đang ngồi bên bàn học, vẻ mặt rất nghiêm nghị. Một cặp vợ chồng cãi nhau, tiếng la lối om sòm vang ra ngoài ngõ. Một đứa bé khóc thét. Chuông điện thoại reo. Thực tại tuôn vào

con ngõ như nước trào ra khỏi chiếc bát đầy tràn - dưới dạng những âm, những mùi, những hình ảnh, tiếng gọi và lời đáp.

Tôi mang đôi giày tennis quen thuộc. Cần phải đi không quá nhanh, nhưng cũng không quá chậm. Quan trọng là đừng để người ta chú ý, đừng để cái “thực tại” kia phát hiện ra sự có mặt thoáng qua của tôi. Tôi biết rõ từng góc ngách, từng vật chướng ngại một. Ngay cả trong bóng tối tôi vẫn có thể đi dọc theo con ngõ kia mà không va vào bất cứ vật gì. Rốt cuộc, khi về đến phía sau nhà mình, tôi dừng lại, nhìn quanh rồi trèo qua bức tường thấp. Căn nhà lù lù trong bóng tối như cái vỏ của một con thú khổng lồ. Tôi mở khóa

cửa bếp, bật đèn rồi thay nước cho mèo. Tôi lấy một hộp thức ăn cho mèo ra khỏi tủ rồi mở ra. Nghe tiếng động đó, Cá thu chẳng biết từ đâu hiện ra. Nó dụi đầu vào chân tôi mấy lần rồi chúi mũi ăn ngon lành. Trong khi con mèo ăn, tôi lấy một lon bia từ trong tủ lạnh. Tôi luôn luôn ăn tối ở Dinh - ở đó Quế đều đặn nấu cho tôi món gì đó – thành thử ở nhà chỉ cần món salad hay một mẩu pho mát là đủ. Tôi vừa uống bia vừa bế con mèo lên đầu gối, để xác nhận bằng hai bàn tay mình cái ấm áp, mềm mại của nó. Suốt ngày chúng tôi ở hai nơi xa nhau, bây giờ cả hai đều muốn cảm nhận rằng mình đang ở nhà.

Nhưng tối hôm đó, khi về đến nhà, vừa

cởi giày và vươn tay định bật đèn nhà bếp, tôi bỗng nhận ra sự hiện diện của cái gì đó. Tay tôi chững lại nửa chừng trong bóng tối, nín thở, dỏng tai nghe ngóng. Im lặng như tờ, song tôi ngửi thấy thoang thoảng mùi thuốc lá. Hẳn là ngoài tôi ra, trong nhà đang có một người nữa, người này từ nãy đến giờ ngồi đợi tôi về, và chỉ ít phút trước khi tôi vào nhà đã không nhin nổi mà châm thuốc hút. Y ta chỉ rít vài hơi rồi mở cửa sổ để khói bay ra ngoài, nhưng cái mùi vẫn còn. Đây hẳn là một người lạ. Cửa thì tôi đã khóa, và trong số những người tôi quen, chỉ một mình Nhục đậu khấu là hút thuốc. Mà nếu bà ta muốn gặp tôi thì hẳn đã không ngồi trong bóng tối thế kia.

Một cách bản năng, tay tôi mò mẫm trong bóng tối tìm cây gậy. Nhưng không có. Cây gậy tôi đã để lại ở giếng. Tim tôi đập thình thình, to đến nỗi như không có thực, như thể nó đã bật ra khỏi lồng ngực mà đập ngay bên tai tôi. Tôi cố thở đều. Có khi tôi cũng chẳng cần gậy. Nếu ai đó lén vào nhà nhằm hại tôi thì hẳn y đã không ngồi đợi thế kia. Nhưng dù vậy, hai lòng bàn tay tôi vẫn ngứa ngáy muốn đề phòng. Tay tôi vẫn thêm cái cảm giác siết chặt lấy cây gậy. Con mèo từ đâu xuất hiện, vừa kêu meo meo vừa cọ đầu vào chân tôi. Nhưng lần này nó không đói như mọi khi. Tôi nhận ra điều qua giọng kêu của nó. Tôi sờ được công tắc đèn bếp, liền bật lên.

- Xin ông thứ lỗi cho, tôi cho con mèo ăn rồi, - kẻ đang ngồi trên sofa trong phòng khách nói bằng giọng khá trầm bổng. – Tôi đợi ông từ lâu lắm rồi, thưa ông Okada, mà con mèo thì cứ quần chân tôi mà kêu meo meo. Thế là tôi mạo muội lấy thức ăn cất trong chạn ra cho nó. Thật tình mà nói, tôi không hợp với giống mèo lắm...

Y thậm chí không buồn đứng dậy. Tôi nhìn y, không nói gì.

- Hẳn ông bị sốc khi thấy tự dung có kẻ cha căng chú kiết nào chui vào nhà mình, ngồi đợi mình trong bóng tối. Tôi xin lỗi. Thật tình xin lỗi. Nhưng nếu như tôi bật đèn thì hẳn ông đã cảm thấy có gì bất thường và không vào nhà rồi. Tôi không

định làm gì hại đến ông đâu, thành thử xin đừng nhìn tôi như thế. Tôi chỉ muốn nói chuyện với ông một chút thôi.

Y là một người bé nhỏ, vận com lê. Khó mà ước đoán chính xác y cao bao nhiêu bởi y đang ngồi, nhưng hẳn y cùng lắm chỉ hơn mét rưỡi một chút. Khoảng từ bốn mươi lăm đến năm mươi tuổi, trông y như con ếch béo mẫm có cái đầu hói, một tiêu bản hoàn hảo cho loại A theo bảng phân loại của Kasahara May. Thật ra thì phía trên hai tai y có mấy dóm tóc như được dán vào, nhưng bộ dạng đen đúa xấu xí của chúng chỉ càng làm nổi bật hơn cái đầu hói. Cái mũi to tương hình như bị ngẹt, vì mỗi khi y hít thở, cái mũi lại co vào phồng ra chả khác cái bễ

lò rèn. Phía trên mũi là cặp gọng kính kim loại dày cộp. Mỗi khi y nói, môi trên của y lại cong lên (nhưng chỉ với một số từ nhất định thôi), làm lộ ra hàm răng xiêu vẹo vàng khè vì thuốc lá. Chắc chắn rằng y là kẻ xấu xí nhất tôi từng gặp. Mà không chỉ là xấu xí về thể chất; ở y có cái gì đó tơm tởm, lạnh lạnh, trơn, ẩm mà tôi không biết tả ra sao, kiểu như khi tay ta chạm phải một thứ sâu bọ to đùng không rõ hình thù trong bóng tối. Y giống như con đỉ của một cơn ác mộng ta đã quên từ lâu hơn là giống con người.

- Tôi hút thuốc được không? – y hỏi. – Tôi đã cố không hút, nhưng cứ ngồi đợi mãi, đợi mãi mà không được rít hơi nào thì quả là cực hình. Thói quen thật là

xấu, ông ạ.

Tôi không biết nói thế nào, chỉ gật đầu. Kẻ lạ mặt bé nhỏ rít trong túi áo khoác ra một gói “Peace” không đầu lọc, lấy một điếu đưa lên môi rồi quẹt diêm châm lửa làm bật ra một tiếng động lớn, khô khốc. Y nhặt cái vỏ hộp đựng thức ăn mèo ở dưới chân lên, ném que diêm vào. Ra là y dùng vỏ hộp rỗng làm gạt tàn. Y rít mấy hơi vẻ ngon lành thấy rõ, cặp lông mày sâu róm châu vào nhau thành một đường xệch xạc, rồi rên lên khe khẽ vì thích thú. Cứ mỗi lần y rít một hơi dài, đầu điếu thuốc lại bùng lên như than hồng. Tôi mở cánh cửa kính dẫn ra ngoài hiên cho không khí lọt vào. Ngoài kia đang mưa lâm thâm; không nghe thấy,

không nhìn thấy, nhưng ngửi mùi tôi biết. Gã đàn ông mặc bộ com lê màu nước trà, sơ mi trắng, cà vạt đỏ, đều thuộc hạng rẻ tiền và đều cũ rách như nhau. Màu của bộ com lê làm ta liên tưởng tới những nhát sơn vụng về của một gã tay ngang trên chiếc ô tô cũ. Những nếp nhăn sâu hoắm ở quần và áo khoác xem ra cũng trường tồn như những thung lũng trên một bức khung ảnh. Chiếc sơ mi trắng đã ngả màu vàng, một cúc trên ngực lúc nào cũng chực rơi ra. Lại nữa, chiếc sơ mi xem chừng nhỏ hơn người y đến hai cỡ, cúc trên cùng bung ra, cổ áo thì xơ xác. Cà vạt thắt theo một kiểu kỳ quặc giống như một mẫu tế bào dị dạng, tuồng như một thứ còn sót lại từ thưở anh em nhà

Osmond(6). Ai nhìn qua cũng thấy ngay rằng người đàn ông này tuyệt đối chẳng quan tâm gì đến cái gọi là quần áo. Y mặc quần áo đơn giản vì khi ra ngoài gặp người này người nọ thì không thể không mặc gì, dường như y căm ghét cái vụ quần áo này lắm lắm. Hẳn y có ý định sẽ mặc mãi những thứ này cho tới khi chúng bục ra thành từng mảnh, kiểu như tay nông dân vùng cao cưỡi con lừa của gã từ sáng sớm đến tối mịt cho đến khi nó chết mới thôi.

Sau khi đã hít vào phổi đủ lượng đủ nicotin cần thiết, y thở dài khoan khoái, và một cái vể vể kỳ lạ không ra cười cũng không ra nhếch mép hiện trên mặt y. Rồi y mở miệng.

- Ô vâng, suýt nữa thì tôi quên tự giới thiệu. Xin lỗi, xin lỗi. Thường tôi không thô lỗ thế. Tên tôi là Ushikawa. Ushi là “con bò” ấy, còn kawa là “sông”(7). Tên dễ nhớ phải không. Ai cũng gọi tôi là Ushi – con bò. Buồn cười nhỉ: càng nghe, tôi càng cảm thấy mình đúng là con bò thật. Thậm chí mỗi khi thấy một con bò ngoài đồng, tôi còn cảm thấy mình có mối quan hệ thân thuộc với nó nữa kia. Thật là buồn cười, cái chuyện tên tuổi ấy mà, ông có nghĩ thế không hở ông Okada? Ngay như ông chẳng hạn. Tên đâu ra đó: “ngọn đồi” và “cánh đồng”(8). Đôi khi tôi cũng ước mình có cái tên bình thường như thế, nhưng thật không may, mình đâu thể tự do muốn chọn họ gì

thì chọn. Đã sinh ra trên đời với cái họ Ushikawa thì trọn kiếp cứ là Ushikawa, dù muốn hay không. Từ khi tôi còn học mẫu giáo thiên hạ đã gọi tôi là Bò (Ushi) rồi. Có tránh được đâu. Đã mang tên Ushikawa thì người ta cứ thế gọi Ushi, đúng không? Người ta bảo cái tên biểu thị cho tính cách của sự vật, nhưng tôi đồ chừng có khi ngược lại mới đúng: mình bị gọi tên là gì thì càng ngày càng giống cái tên. Thôi thì ông cứ biết tôi là Ushikawa, còn nếu ông thích gọi là Ushi thì xin mời, không sao cả.

Tôi xuống bếp lấy một lon bia trong tủ lạnh. Tôi không mời Ushikawa. Nói gì thì nói, tôi không mời y tới. Tôi không nói gì, chỉ lẳng lẳng uống bia, Ushikawa

cũng không nói gì, lẳng lẳng rít thuốc. Tôi không ngồi trên chiếc ghế đối diện y mà đứng tựa lưng vào một cái cột, nhìn xuống y. Cuối cùng, y dúi mẩu thuốc vào cái vỏ hộp thức ăn mèo, đoạn nhìn lên tôi.

- Chắc hẳn ông đang tự hỏi làm sao tôi vào đây được, phải không ông Okada? Khi ra khỏi nhà ông đã khóa cửa cơ mà. Đúng là cửa khoá thật. Nhưng tôi có chìa khóa. Chìa thật hẳn hoi. Nhìn này.

Y thọc tay vào túi áo khoác rút ra một chiếc chìa khóa kéo theo móc khoá, đưa cho tôi xem. Trông giống chìa khóa nhà này thật. Nhưng cái làm tôi chú ý là chiếc móc khoá. Kumiko có một cái móc khóa hết vậy bằng da màu xanh lục, trông

giản dị, với một cái vòng kim loại đóng mở không theo lối thường.

- Chìa thật, như ông thấy đó. Móc khóa thì là của vợ ông. Tôi xin nói ngay, để tránh mọi hiểu lầm: cái này là do vợ ông, Kumiko, đưa cho tôi. Tôi không ăn cắp hay đoạt lấy bằng vũ lực.

- Kumiko đâu? – tôi hỏi, giọng tôi như lạc đi.

Ushikawa tháo kính ra như để kiểm tra xem mắt kính có bị đọng hơi nước không, rồi lại đeo vào.

- Tôi biết chính xác bà ấy đang ở đâu, - y nói. - Thật ra tôi đang trông nom bà ấy.

- Trông nom cô ấy?

- Nào, nào, xin đừng hiểu lầm tôi. Tôi không có ý ấy. Đừng lo, - Ushikawa vừa

nói vừa cười. Khi y cười, mặt y méo xệch từ bên này sang bên nọ, và cặp kính của y xệ xuống một bên. – Xin ông đừng nhìn tôi như thế. Tôi chỉ giúp bà Kumiko đôi chút như chạy vặt, làm mấy việc linh tinh thôi. Tôi chẳng qua là thằng long toong chạy giấy. Ông cũng biết bà ấy không thể ra khỏi nhà mà.

- Không thể ra khỏi nhà? – tôi nhại lại lời y.

Y ngần ngừ một chút, liếm liếm môi.

- Có lẽ ông không biết. Không sao cả. Nhưng tôi không thể nói chắc là bà ấy không thể ra ngoài hay không muốn ra ngoài. Chắc hẳn là ông muốn biết, nhưng xin đừng hỏi tôi. Tôi đây cũng đâu biết mọi chi tiết được. Nhưng chẳng việc gì

ông phải lo. Không ai giam giữ bà ấy ngoài ý muốn bà ấy hết. Ý tôi là đây không phải chuyện phim hay tiểu thuyết. Chúng tôi đâu thể làm những chuyện như vậy.

Tôi cẩn thận đặt vỏ hộp bia xuống dưới chân.

- Thôi được, thế thì nói tôi nghe, ông đến đây làm gì?

Ushikawa xoè rộng hai tay vỗ vỗ lên đầu gối mấy lần rồi gật đầu về cả quyết.

- À vâng. Tôi chưa nói với ông. Cát công tự giới thiệu với ông còn mình đến đây để làm gì thì lại không nói! Tôi có cái nhược điểm này đã bao năm không sửa được, ấy là cứ huyền thuyên toàn những chuyện đâu đâu, còn cái chính thì quên

mất. Chả trách tôi luôn luôn làm hỏng việc! Thôi đành muộn còn hơn không, thì đây; tôi làm việc cho anh trai bà Kumiko nhà ta. Tên tôi là Ushikawa, nhưng chuyện ấy tôi nói với ông rồi, về cả Ushi với lại gì gì đó nữa. Tôi làm việc cho Tiến sĩ Wataya Noburo, kiểu như là thư ký riêng - chỉ có điều, không phải là loại thư ký riêng mà các ông nghị thường có đâu. Chỉ một loại người nhất định, một hạng người ưu tú mới có thể là “thư ký riêng” thứ thiệt thôi. Nhưng “thư ký riêng” cũng có ba bảy đường. Ý tôi là có những người là thư ký riêng, rồi lại có những người khác cũng là thư ký riêng, nhưng là một loại khác, mà tôi thì gần loại thứ hai này. Tôi ở hàng dưới, ở mãi dưới cùng ấy. Giả dụ như chỗ nào cũng

có thể công thì tôi là cái thứ thô công
nhớp nhúa rúc trong góc buồng tắm hay
xó tủ. Nhưng tôi đâu thể than phiền gì.
Cứ tưởng tượng mà xem, nếu một thằng
lôi thôi lếch thếch như tôi chường mặt ra
trước thiên hạ thì còn gì là hình ảnh tinh
tươm của tiến sĩ Wataya Noboru nữa!
Không, ra trước ông kính thì phải là kẻ
nào trông đường hoàng, thông minh sáng
láng cơ, chứ không phải một tay lùn tịt
hói đầu. “Xin chào quý vị, tôi là thư ký
riêng của Tiến sĩ Wataya”. Đến là chết
cười! Đúng không ông Okada?

Tôi im lặng trong khi y huyền thuyên.

- Nghĩa là tôi làm cho Tiến sĩ Wataya
những việc người ngoài không nên nhìn
thấy, có thể gọi là “việc trong bóng tối”.

Tôi là tay vĩ cầm nấp trong cánh gà.
Những việc như thế là nghề của tôi. Việc
bà Kumiko đây chẳng hạn.Ồ không, xin
đừng hiểu lầm tôi, chớ nghĩ rằng chăm
nom bà ấy là thứ công việc chán ngắt
dành cho một tên chạy giấy quèn. Tiếc
rằng những gì tôi nói gây cho ông ấn
tượng đó, nhưng sự thật hoàn toàn ngược
lại! Dù sao đi nữa, bà Kumiko là người
em gái nhỏ duy nhất mà Tiến sĩ vô cùng
yêu quý; thành thử khi được giao nhiệm
vụ hộ tống đến nhường ấy, tôi coi đó là
niềm vinh dự lớn lao; xin hãy tin tôi!
Ồ, mà nhân thể, nói ra thì có vẻ sỗ sàng
quá, tôi có thể xin ông một hộp bia
không? Nói chuyện này giờ làm tôi khát
khô cả cổ đây. Nếu ông cho phép, tôi sẽ

tự lấy. Tôi biết ở đâu mà. Trong khi đợi ông, tôi đã mạn phép ghé mắt vào tủ lạnh rồi.

Tôi gật đầu. Ushikawa xuống bếp lấy một chai bia trong tủ lạnh. Rồi y lại ngồi xuống sofa, tu luôn bằng cổ chai với vẻ thật ngon lành, cục hàu to gộ của y giật bên trên nút thắt cà vạt như một con vật sống.

- Trên đời này còn gì tuyệt hơn là một ngụm bia lạnh vào cuối ngày, hử ông Okada? Có vài người kén cá chọn canh bảo bia hơi lạnh thì vị không ngon, nhưng tôi chả đời nào đồng ý. Chai bia đầu tiên phải lạnh đến mức thậm chí không nắm được nữa kia. Chai thứ hai thì có thể ít lạnh hơn một tí, nhưng chai đầu

thì phải lạnh như nước đá. Tôi muốn nó lạnh đến nỗi thái dương tôi giàn giụa vì đau. Ấy tôi thích thế; dĩ nhiên là sở thích cá nhân.

Vẫn tựa lưng vào cột, tôi nhấp thêm ngụm bia. Môi mím chặt thành một đường thẳng, Ushikawa nhìn quanh phòng một lát.

- Ông Okada à, phải nói rằng tuy không ở với vợ nhưng ông vẫn giữ cho nhà khá là sạch đấy. Ấn tượng lắm. Còn tôi thì, nói ra thật xấu hổ, hoàn toàn vô phương cứu vãn. Nhà tôi chả khác gì đồng rác hay chuồng lợn. Đã hơn năm nay tôi không cọ rửa buồng tắm. Chắc tôi quên nói với ông rằng tôi cũng bị vợ bỏ. Năm năm nay rồi. Vì vậy tôi thông cảm với ông, ông

Okada ạ, hay là, nói chính xác hơn, để tránh hiểu lầm, tôi có thể hiểu cảm giác của ông. Dĩ nhiên, hoàn cảnh của tôi khác của ông. Vợ tôi bỏ tôi là phải thôi, không thể khác được. Tôi là thằng chồng thậm tồi thậm ác nhất trên đời. Tôi chẳng kêu ca gì, có khi còn khâm phục cô ấy đã chịu đựng tôi được ngàn ấy năm. Tôi đánh cô ấy luôn. Ngoài cô ấy ra tôi có còn đánh ai được nữa đâu? Nhìn tôi ông cũng biết tôi lẻo khoẻo thế nào rồi. Gan thì gan cóc tí. Tôi chẳng làm gì, suốt ngày lông nhông ngoài phố, thiên hạ gọi tôi “Này, Bò!” và sai bảo tôi hết việc này việc nọ, nhưng tôi nhin tất, người ta có nói gì tôi cũng chỉ ngậm tằm. Thế nhưng về tới nhà là tôi trút hết lên vợ. Hê hê hê! Tệ quá phải không? Tôi

biết mình tẻ thế nào chứ, nhưng tôi không
kìm được. Nó như một chứng bệnh ấy.
Tôi hay đánh cô ta sưng vù cả mặt mày
nhìn không nhận ra. Mà có phải chỉ đánh
thôi đâu, tôi còn đập cô ta vào tường, đá
cô ta, rót trà nóng lên cô ta, vợ được gì
ném nấy vào cô ta, thôi thì chả thiếu trò
gì. Lũ trẻ cố ngăn tôi lại, thế là tôi tần
luôn chúng nó. Bọn trẻ còn nhỏ, hồi đó
chừng bảy tám tuổi. Ấy vậy mà không
phải chỉ đuổi vòng quanh đâu, vợ được
gì là vụt nấy. Như là quỷ nhập vào tôi
vậy. Tôi cố ngăn mình lại mà không
được. Tôi không kiểm soát được mình.
Có những lúc tôi tự nhủ: thôi đủ rồi,
dừng lại thôi, nhưng không cách nào
dừng được. Ông có thấy tôi là thứ kinh

tỏm đến thế nào chưa? Thế rồi năm năm trước, khi con gái tôi lên năm, tôi làm gãy tay nó. Vợ tôi hết chịu nổi, liền bỏ đi đem theo cả hai đứa con. Từ đó tới giờ tôi không gặp lại mấy mẹ con nữa. Thậm chí chẳng có tin tức gì. Nhưng biết làm sao được? Chính tôi có lỗi mà.

Tôi không nói gì. Con mèo lại gần tôi kêu meo khe khẽ như muốn được tôi chú ý.

- Mà thôi, tôi xin lỗi, tôi không định làm ông chán ngấy vì những chuyện linh tinh kia. Ông hẳn đang tự hỏi liệu có việc gì để khiến tôi phải đến đây vào tối nay. Có đấy. Tôi không tới đây để nói toàn chuyện phiếm đầu, ông Okada ạ. Tiến sĩ - ấy là Tiến sĩ Wataya - lệnh cho tôi tới

đây gặp ông. Giờ tôi sẽ truyền đạt lại chính xác những gì ông ấy nói, nên xin ông hãy lắng nghe.

Trước tiên, Tiến sĩ Wataya không phản đối việc xem xét lại mối quan hệ giữa ông Okada và cô Kumiko. Nói cách khác, Tiến sĩ sẽ không chống lại nếu hai ông bà quyết định nối lại quan hệ vợ chồng. Hiện nay cô Kumiko không có ý định đó, nên chuyện đó sẽ không xảy ra ngày một ngày hai, nhưng nếu ông vẫn không chịu ly hôn mà sẵn sàng đợi bao lâu cũng được thì ông ấy cũng chấp nhận. Ông ấy sẽ không khăng khăng đòi ông phải ly dị như trước nữa, vì vậy nếu ông muốn liên lạc gì với cô Kumiko thì có thể thông qua tôi. Nói cách khác, sẽ

không còn bề quan toả cảng nữa, quan hệ ngoại giao được phục hồi, có thể nói vậy. Đó là việc thứ nhất. Ông thấy thế nào, hử ông Okada?

Tôi ngồi thụp xuống sàn vuốt đầu con mèo, không nói gì. Ushikawa quan sát tôi và con mèo một lát rồi nói tiếp.

- Dĩ nhiên là chừng nào chưa nghe hết những gì tôi cần nói thì ông không thể nói gì cả. Vậy thì tôi sẽ nói cho đến hết. Việc thứ hai đây. Cái này thì e chừng phức tạp hơn một chút. Nó liên quan tới một bài báo có tựa đề “Căn nhà có dớp” đăng trên một trong các tuần báo. Tôi không biết ông Okada đã đọc chưa, bài báo rất hay. Viết giỏi lắm. “Một nơi xúi quẩy tại khu dân cư sang trọng ở Setagaya. Những

năm qua đã có nhiều người chết bất đắc kỳ tử. Con người kỳ bí vừa mua khu đất ấy là ai? Cái gì đang diễn ra sau hàng rào cao đó? Bí ẩn lại chồng lên bí ẩn...”

Tiến sĩ Wataya đọc bài báo thì nhận ra rằng “căn nhà có dớp” nằm rất gần nhà của ông, ông Okada ạ. Ông ấy đâm ra có ý nghĩ này: biết đâu có mối liên hệ nào đó giữa căn nhà đó với ông Okada. Thế là ông ấy điều tra... ồ không, phải nói là tôi đây, gã Ushikawa hèn mọn đi trên đôi chân nhỏ nhắn tũn này, đã mạn phép tự lãnh phần điều tra vụ việc, và kia rồi: đúng như Tiến sĩ đã dự đoán, ông Okada đây ngày nào cũng theo cái ngõ đó đi đi về về giữa nhà mình với nhà kia và rõ là dính líu ra trò tới những gì có trời biết

đang diễn ra trong đó. Chính tôi phải kinh ngạc khi trông thấy nhãn tiền cái trí thông minh mẫn tuệ đến kỳ tài của Tiến sĩ Wataya.

Cho tới giờ chỉ mới có một bài báo, chưa có bài nào tiếp theo, nhưng ai biết được? Than hồng sắp tắt vẫn có thể lại bùng lên bất cứ lúc nào. Chuyện thú vị đến thế kia mà! Vì vậy Tiến sĩ Wataya lo lắng. Nhỡ ra trong một vụ lôi thôi nào đó lại lôi ra tên cậu em rể ông ấy thì sao? Xì căng đan ra trò nhé! Nói gì thì nói, Tiến sĩ Wataya đang là nhân vật có tiếng tăm. Báo chí sẽ nhâu nhâu bám lấy như ruồi... Lại còn mối quan hệ rắc rối giữa ông và cô Kumiko nữa. Họ sẽ thổi phồng đến đâu ấy chứ. Ai lại chẳng có vài

chuyện không muốn bị phô ra trước thiên hạ, phải không nào? Nhất là những chuyện riêng tư. Hiện nay đang là thời điểm hệ trọng trong sự nghiệp chính trị của Tiến sĩ Wataya. Ông ấy phải vượt qua cái vụ này một cách hết sức cẩn trọng thì mới cất lên được. Thành thử ông ấy đã nghĩ ra cách này cho ông. Nếu ông Okada cắt đứt mọi liên hệ với “căn nhà có dớp” thì ông ấy sẽ suy nghĩ nghiêm túc về việc tái hợp giữa ông và cô Kumiko. Chỉ có thể thôi. Ông thấy thế nào? Tôi nói đã đủ rõ chưa?

- Chắc là rõ, - tôi nói.

- Vậy ông nghĩ sao? Về những gì tôi vừa nói ấy?

Tôi vừa vuốt cổ con mèo vừa ngẫm nghĩ

một chút rồi nói:

- Tôi không hiểu. Tại sao Wataya Noboru lại cho rằng tôi có liên hệ này nọ với cái nhà đó được? Làm thế nào anh ta nghĩ ra được chuyện đó cơ chứ?

Ushikawa ngoác miệng cười, nụ cười làm mặt y méo xệch lại, nhưng mắt y vẫn lạnh như băng. Y rút một điều thuốc ra khỏi hộp rồi quẹt diêm châm lửa.

- Chà chà, ông Okada, ông hỏi những câu hóc quá đi. Hãy nhớ, tôi chỉ là thằng đưa tin hèn mọn. Một bồ câu đưa thư đàn độn, đem thư tới, mang thư hồi âm về, thế thôi. Chắc ông hiểu. Tuy nhiên, tôi có thể nói thế này: Tiến sĩ không phải là thằng ngốc. Ông ấy biết dùng cái đầu mình, ông ấy còn có kiểu giác quan thứ

sáu, cái ấy thì người thường không có được. Ông cũng cho tôi nói điều này nữa, ông Okada ạ: ông ấy có quyền lực thực sự trong cái thế giới này, mà cái quyền lực ấy ngày càng mạnh. Đừng nhắm mắt làm ngơ, hãy thừa nhận nó thì hơn. Ông có lí do để không thích ông ấy – với tôi thì chuyện ấy không sao cả, không phải việc của tôi – nhưng vấn đề không còn ở chuyện thích hay không thích nữa mà đã đi xa hơn thế nhiều. Tôi muốn ông hiểu chuyện đó.

- Nếu Wataya Noboru đầy quyền lực như vậy, tại sao hẳn ta không bắt tờ tạp chí kia thôi ngay, không được đăng nhưng bài kiểu đó nữa? Làm như vậy đơn giản hơn nhiều chứ.

Ushikawa mỉm cười. Rồi y rít một hơi thuốc dài.

- Ông Okada ơì là ông Okada! Ông đừng ăn nói hồ đồ vậy. Nói gì thì nói, ông với tôi đang sống ở Nhật Bản, một trong những nước dân chủ đáng tin cậy nhất thế giới kia mà. Có đúng không? Đây nào phải một xứ độc tài xung quanh toàn đồn điền chuối với sân bóng đá chứ. Dù một chính sách có quyền lực đến cỡ nào ở xứ này đi nữa bóp chết một bài báo trong tạp chí không phải là chuyện dễ. Nguy hiểm cực kỳ. Ông có thể đập đấm chóp bu của tờ báo dễ như trở bàn tay, nhưng rồi sẽ có người bắt mẫn. Đã có người bắt mẫn thì chỉ tổ khiến thiên hạ chú ý nhiều hơn. Với những đề tài nóng như kiểu này

thì không thể buộc thiên hạ nhất nhất theo mình được. Tin tôi đi. Còn chuyện này nữa, nói riêng giữa tôi với ông thôi: có thể còn một vài nhân vật ám muội dây vào vụ này nữa, nhưng nhân vật này ông không biết đâu, ông Okada ạ. Trong trường hợp đó thì rốt cuộc sẽ dính líu không chỉ tới Tiến sĩ. Đến khi đó thì cục diện sẽ hoàn toàn khác. Ta hãy so sánh chuyện này với đi nhờ rãnh. Cho đến giờ chúng ta mới đến giai đoạn chọc vào một chỗ mà thuốc tê vẫn có tác dụng. Chính vì vậy chẳng ai kêu ca gì. Nhưng chẳng mấy chốc mũi khoan sẽ chạm tới dây thần kinh, khi đó sẽ có người nhảy dựng khỏi ghế. Ai đó sẽ dùng dùi nổi giận. Ông hiểu điều tôi nói chứ? Tôi không có ý dọa ông đâu, nhưng tôi, cái lão già

Ushikawa này, tôi cảm thấy như ông đang từ từ dần vào một lãnh địa nguy hiểm mà không biết.

Xem chừng rồi cuộc Ushikawa đã nói hết những gì cần nói.

- Ý ông là tôi nên rút lui trước khi bươu đầu mẻ trán? – tôi hỏi.

Ushikawa gật đầu.

- Đây chẳng khác gì chơi bóng ngay giữa đường cao tốc vậy. Nguy hiểm cực kỳ. Với lại, chuyện này sẽ gây cho Wataya Noboru lắm phiền toái.

- Thành thử nếu tôi rút lui thì anh ta sẽ cho tôi liên lạc với Kumiko?

Ushikawa lại gật

- Nói chung là vậy.

Tôi nhấp một ngụm bia. Rồi tôi nói:

- Trước hết, để tôi nói với ông thế này.

Tôi sẽ đưa Kumiko về, nhưng việc ấy tự tôi sẽ làm, không cần Wataya Noboru giúp. Tôi không cần hắn giúp. Có một điều ông nói đúng: tôi không ưa Wataya Noboru. Dù vậy, như ông nói, đây không phải là chuyện ưa hay không ưa. Vấn đề còn hơn thế. Tôi không chỉ không ưa Wataya Noboru, tôi còn không thể chấp nhận ngay chính sự tồn tại của hắn. Vì vậy sẽ không có chuyện dàn xếp gì với hắn hết. Ông làm ơn truyền đạt lại với hắn như thế. Và đừng bao giờ trở lại căn nhà này mà không xin phép một lần nữa. Đây là nhà của tôi, chứ không phải tiền sảnh khách sạn hay ga tàu điện.

Ushikawa nheo nheo mắt nhìn tôi từ dưới cặp kính. Mắt của y vẫn bất động. Cũng như trước, chúng hoàn toàn vô cảm.

Không phải chúng hoàn toàn không biểu hiện cảm xúc gì. Nhưng ở đó chẳng có gì khác ngoài một cái gì đó tạm thời được nặn ra dành riêng cho tình huống này.

Ushikawa giơ lòng bàn tay phải to một cách mất cân đối lên như để kiểm tra xem có mưa không.

- Tôi hoàn toàn hiểu. – Y nói. – Ngay từ đầu tôi đã biết là không dễ mà, nên tôi không ngạc nhiên trước câu trả lời của ông. Ngoài ra, tôi khó mà ngạc nhiên vì chuyện gì lắm. Tôi hiểu ông, và tôi thấy vui rằng mọi chuyện được nói ra một cách thẳng thắn thế này, không “rằng thì

là mà” gì hết, chỉ một tiếng “có” hoặc “không”, đơn giản. Vậy dễ cho mọi người. Loại bỏ câu đưa thư dần dần như tôi sợ nhất là những câu trả lời vòng vo tam quốc, chẳng biết là đen hay trắng nữa! Trên đời thiếu gì khối những trường hợp như vậy! Chả phải tôi than phiền đâu, nhưng ngày nào tôi cũng gặp toàn những vị trả lời cứ như đánh đố nhau. Làm thứ việc này tốn thọ lắm, phải nói với ông thế. Ông có hiểu ý tôi không hở ông Okada? Ông lúc nào cũng hoài nghi, lúc nào cũng cố lần ra những động cơ thâm kín của người ta, chẳng bao giờ dám tin vào những gì rõ ràng, đơn giản. Kinh khủng lắm, ông Okada ạ, thật đấy. Thế thì được, ông Okada à, tôi sẽ cho

Tiến sĩ biết ông đã có một câu trả lời rõ ràng, dứt khoát. Nhưng ông đừng mong mọi chuyện tới đây là xong. Ông có thể muốn chấm dứt chuyện này đi, nhưng không đơn giản vậy đâu. Chắc hẳn tôi sẽ còn phải tới gặp ông nữa. Tôi lấy làm tiếc buộc ông phải dây dưa với một thằng lùn xấu xí nhếch nhác thế này, nhưng xin ông hãy cố làm quen ít nhất là với sự hiện hữu của tôi. Tôi không có ác cảm cá nhân nào với ông cả, ông Okada ạ. Thật đấy. Nhưng tạm thời, dù ông có muốn hay không, ông sẽ không dễ dàng gạt bỏ tôi đâu. Nói thế nghe hơi lạ, nhưng ông hãy cố nghĩ về tôi như thế. Tuy nhiên, tôi có thể hứa với ông một điều. Tôi sẽ không tự tiện vào nhà ông như vậy nữa. Ông nói đúng lắm: cư xử

như vậy không nên. Ôi cha, lẽ ra tôi phải quỳ xuống xin ông cho vào mới phải chứ. Lần này tôi không có cách nào khác, xin ông hiểu cho. Đâu phải khi nào tôi cũng trơ tráo như vậy. Ngược lại với bề ngoài, tôi là một người bình thường. Từ đây trở đi, tôi sẽ làm như mọi người là gọi điện thoại trước. Thế là ổn chứ, phải không? Tôi sẽ gọi một lần, gác máy rồi lại gọi nữa. Bằng cách đó thì ông sẽ biết đó là tôi gọi đây, và ông có thể tự nhủ: “Ồ, lại cái thằng đàn Ushikawa đây mà” khi nhắc máy. Nhưng xin ông hãy nhắc máy. Bằng không, tôi sẽ lại chẳng có cách nào khác hơn là tự tiện vào. Cá nhân tôi đâu muốn làm vậy, nhưng đã ăn lương thì phải vẫy đuôi thôi, thành thử

khi sếp bảo “Làm đi!” thì tôi phải cố làm cho bằng được. Ông hiểu mà.

Tôi chẳng nói gì. Ushikawa dúi mẫu thuốc còn lại vào đáy cái vỏ hộp thức ăn mèo, đoạn liếc đồng hồ đeo tay như thể chợt nhớ ra chuyện gì.

- Ôi cha mẹ ời, muộn quá rồi! Trước là xông bừa vào nhà, sau đó nói đủ thứ chuyện trên trời dưới biển với ông, rồi lại uống bia của ông nữa. Ông thứ lỗi cho nhé. Như tôi đã nói trước đây, ở nhà chẳng có ai đợi tôi về cả, thành thử mỗi khi gặp người cùng nói chuyện được thì tôi có thể cà kê tới sáng. Buồn quá phải không ông? Tôi phải nói điều này, ông Okada ạ, sống một thân một mình thì không lâu được đâu. Thiên hạ nói thế nào

ấy nhỉ? “Không ai là một hòn đảo cả”(9). Hay là “Nhàn cư vi bất thiện”.

Ushikawa phúi phúi vài hạt bụi tường tượng bám trên đùi rồi đứng dậy.

- Không cần tiễn tôi đâu, - y nói. – Tôi đã tự vào đây thì cũng có thể một mình ra về được. Tôi sẽ nhớ khóa cửa. Tuy nhiên, xin có lời cuối khuyên ông, ông Okada ạ, mặc dù có thể ông không muốn nghe. Trên đời này có những chuyện tốt nhất là không nên biết. Dĩ nhiên, đó cũng chính là những chuyện người ta muốn biết hơn cả. Lạ thật! Dĩ nhiên, tôi chỉ nói chung chung thế thôi... Không biết khi nào chúng ta sẽ gặp lại nhau? Mong rằng tới khi đó mọi chuyện sẽ ổn hơn. Thôi nhé, chúc ngủ ngon.

* * *

Mưa vẫn rơi lâm thâm suốt cả đêm, mãi gần rạng sáng mới ngớt, nhưng cái bóng dáng nhóp nhép của gã đàn ông bé nhỏ kỳ quặc cùng với mùi thuốc lá không lọc của y cứ nhằng nhằng trong nhà như hơi ẩm mãi không sao hết được.

6. Anh em Osmond: một ban nhạc lừng danh của Mỹ, khởi nghiệp vào đầu thập niên 1969 – ND.

7. Ushikawa, viết bằng Hán tự (Kanji) là Nguru Hà – ND.

8. Okada, viết bằng Hán tự (Kanji) là Cương Điền - ND.

9. “No man is a island,” một câu trong bài thơ nổi tiếng của thi sĩ – nhà truyền

học người Anh John Donne (1572-1631), hàm ý không một người nào có thể sống hoàn toàn tách biệt với những người khác. Mỗi người là một mảnh đất của lục địa, mỗi người đều có những mối liên kết với những người khác, số phận của anh ta luôn gắn liền với số phận của cái toàn thể - ND.

14

Ngôn ngữ cử chỉ kỳ lạ của Quế



Món quà âm nhạc

- Quế vĩnh viễn ngừng nói ngay trước sinh nhật lần thứ sáu, - Nhục đậu khấu nói với tôi. - Lẽ ra năm ấy nó phải vào học tiểu học. Hoàn toàn đột ngột, vào tháng Hai năm ấy, nó ngừng nói. Cũng lạ, mãi đến tối vợ chồng tôi mới nhận ra rằng suốt cả ngày nó không nói một tiếng nào.

Thật ra nó vẫn là đứa ít lời, nhưng dù sao vẫn có nói năng. Khi nhận ra điều đó, tôi đã làm hết cách để cho nó nói. Tôi trò chuyện với nó, tôi lay nó; song

vô ích. Nó cứ im như đá. Tôi không biết đó là nó đột nhiên mất khả năng nói hay là nó tự quyết định sẽ không nói nữa.

Đến giờ tôi vẫn không biết. Nhưng từ đó đến nay nó không hề nói thêm một tiếng nào, thậm chí không hề phát ra một âm thanh nào. Dù có đau nó cũng không kêu la, dù có bị cù nó cũng không cười.

Nhục đậu khấu đưa con đến nhiều bác sĩ chuyên khoa tai mũi họng, nhưng không ai xác định được nguyên nhân. Họ chỉ có thể nói đó không phải nguyên nhân về thể lý. Khả năng nghe của Quế vẫn tốt, nhưng nó không nói được. Tất cả bác sĩ đều kết luận, căn nguyên là ở tâm lý.

Nhục đậu khấu liền đưa Quế đến một người bạn là bác sĩ tâm lý, nhưng ông

này cũng không xác định được nguyên nhân tình trạng im lặng hoàn toàn của Quế. Ông ta làm kiểm tra IQ nhưng không thấy có vấn đề gì. Kết quả lại còn cho thấy Quế có chỉ số khả năng trí tuệ cao khác thường. Bác sĩ cũng không tìm được bằng chứng nào cho thấy có vấn đề về cảm xúc, “Cậu ấy có phải chịu cú sốc nào không? – bác sĩ hỏi Nhục đậu khấu, - Cố nghĩ xem. Liệu nó có chứng kiến một cái gì bất thường hay bị đánh đập ở nhà không?” Nhưng Nhục đậu khấu không nghĩ ra được gì. Mới ngày hôm trước mọi việc hoàn toàn bình thường: con trai bà ăn cơm bình thường, nói chuyện bình thường với bà, tới giờ ngủ thì lên giường ngủ ngon lành. Thế mà sáng hôm sau nó đã chìm sâu vào thế giới câm lặng. Ở nhà

không có vấn đề gì, chú bé lớn lên với sự trông nom chu đáo của Nhục đậu khấu và bà ngoại, cả hai người chưa hề một lần nào giơ tay lên đét chú. Bác sĩ kết luận điều duy nhất họ có thể làm là quan sát chú, hy vọng rằng sẽ có thay đổi nào đó. Chừng nào còn chưa biết nguyên nhân thì không có cách gì điều trị được. Nhục đậu khấu cần đưa Quế đến bác sĩ mỗi tuần một lần, có thể theo thời gian sẽ khả dĩ lần ra được chuyện gì đã xảy ra. Có thể chú bé sẽ tự nhiên nói trở lại được, cũng như người nằm mơ thức dậy. Chỉ còn cách đợi mà thôi. Đúng là chú bé không nói, nhưng ngoài chuyện đó ra thì mọi thứ đều ổn.

Nhưng dù họ đợi bao lâu, Quế chẳng bao

giờ còn nổi lên bề mặt cái đại dương im lặng sâu thẳm kia nữa.

* * *

Đúng 9 giờ sáng, với tiếng u u nho nhỏ của động cơ chạy điện, cổng trước bắt đầu mở vào phía trong, chiếc Mercedes-Benz 500SEI của Quế chạy vào. Ăngten điện thoại của xe thò lên từ cửa kính sau như một cái xúc tu mới đâm ra. Tôi quan sát từ khoảng hở giữa các bức rèm.

Chiếc xe nom như một loài cá di trú khổng lồ không sợ một cái gì. Những lớp xe mới màu đen im lìm vẽ một đường cong lên bề mặt bê tông rồi dừng lại đúng chỗ đã định. Sáng nào chúng cũng vẽ đúng một đường cong như thế và dừng lại đúng chỗ như thế, có xô xích thì

cũng không quá năm phân.

Tôi đang uống chổi cà phê tự pha trước đây ít phút. Mưa đã tạnh, nhưng mây xám phủ đầy trời, mặt đất vẫn còn đen, lạnh và ướt át. Lũ chim vừa bay tới bay lui tìm sâu trên mặt đất vừa cất tiếng kêu lạnh lạnh. Một chút sau cửa xe phía người lái bật mở và Quế bước ra, đeo kính râm. Chăm chú nhìn quanh một lượt xong, anh ta tháo kính nhét vào túi ngực rồi đóng cửa xe. Ở loại xe Mercedes cỡ lớn này, then cửa khi đóng lại phát ra một âm thanh khác với những cửa xe khác. Với tôi, âm thanh này đánh dấu một sự khởi đầu một ngày mới ở Dinh.

Suốt từ sáng tới giờ tôi nghĩ mãi về cuộc

viếng thăm của Ushikawa đêm qua, tự hỏi không biết có nên cho Quế biết rằng Ushikawa được Wataya Noburo cử tới để yêu cầu tôi ngưng ngay mọi liên hệ với cái nhà này. Tuy nhiên, cuối cùng tôi quyết định không kể với Quế, ít nhất là tạm thời. Đây là chuyện riêng giữa tôi với Wataya Noburo, không cần người thứ ba dây vào.

Như mọi khi, Quế ăn mặc chải chuốt, vận com lê. Toàn bộ quần áo của Quế đều được may đo với chất lượng tuyệt hảo, vừa như in. Tuy có sự bảo thủ về kiểu dáng, nhưng khi áo quần đó ở trên người Quế thì lại trông thật trẻ trung, như có một phép màu biến chúng thành thứ thời trang mới nhất.

Anh ta đeo một chiếc cà vạt mới, dĩ nhiên, để hợp với bộ com lê ngày hôm đó. Sơ mi và giày của anh ta cũng khác. Mẹ anh, Nhục đậu khấu, đã chọn mua từng thứ một cho anh ta, cũng như mọi khi. Quần áo và đôi giày anh ta, cũng như chiếc Mercedes anh ta lái, tịnh không có một hạt bụi. Khi Quế xuất hiện vào mỗi sáng, anh ta luôn làm tôi thấy khâm phục, thậm chí có thể nói là cảm động. Bản thể nào có thể ẩn dưới cái vẻ bề ngoài hoàn hảo kia?

* * *

Quế lấy hai túi giấy đựng đầy thức ăn và những thứ cần thiết khác ra khỏi thùng xe rồi xách bằng hai tay mà bước vào Dinh. Trong tay anh ta, ngay những vật tầm

thường như túi xách bằng giấy từ siêu thị trong cồng lịch lãm và nghệ sĩ. Có thể là do anh ta xách chúng bằng một cách đặc biệt nào đó. Cũng có thể là bởi một cái gì sâu xa hơn thế. Cả khuôn mặt anh ta ngời sáng khi trông thấy tôi. Đó là một nụ cười tuyệt diệu, như thể anh ta vừa bước ra một vùng trống lộng đầy ánh sáng sau khi đi bộ một lúc dài trong cánh rừng sâu. “Xin chào”, tôi nói. “Xin chào”, anh ta không nói với tôi, mặc dù môi mấp máy. Anh ta lấy các thứ ra khỏi túi rồi sắp xếp đâu ra đấy vào tủ lạnh như một đứa trẻ thông minh đang nạp trí thức vừa học được vào trí nhớ. Những thứ còn lại anh ta xếp vào trong chạn. Rồi anh ta dùng một tách cà phê với tôi. Chúng tôi ngồi ở hai bên nhà bếp, như Kumiko và

tôi vẫn ngồi ngày trước.

* * *

Quế chưa hề đi học ở trường, - Nhục đậu khấu nói. - Trường học bình thường thì không nhận một đứa trẻ không nói được, còn gửi nó tới trường toàn trẻ khuyết tật thì tôi cảm thấy không đúng. Tôi biết, nguyên nhân khiến nó không thể nói - đầu là gì đi nữa – khác với nguyên nhân của những trẻ khác. Ngoài ra, nó lại còn chưa bao giờ tỏ ra thích đi học. Dường như nó chỉ thích nhất là được tự do thoải mái ở nhà, đọc sách, nghe nhạc cổ điển hay chơi ngoài vườn với con chó nhà chúng tôi nuôi hồi đó. thỉnh thoảng nó cũng ra ngoài phố chơi, nhưng nó không tỏ ra hào hứng lắm, bởi nó không thích

giao du với những trẻ khác cùng tuổi. Nhục đậu khấu học ngôn ngữ dấu hiệu dành cho người câm điếc để nói chuyện với Quế. Khi nào ngôn ngữ dấu hiệu không đủ thì họ dùng bút đàm. Tuy nhiên, một ngày kia Nhục đậu khấu nhận ra rằng bà và con trai có thể truyền đạt cảm xúc của mình cho nhau một cách hoàn hảo mà không phải viện tới những phương pháp gián tiếp đó. Chỉ cần một cử chỉ nhỏ hay một thay đổi trên nét mặt là bà biết đích xác Quế đang nghĩ gì, cần gì. Từ đó trở đi bà không còn bận tâm về chuyện Quế không nói được. Rõ ràng điều đó không cản trở đến việc trao đổi tâm linh giữa hai mẹ con. Dĩ nhiên, việc không thể trò chuyện với nhau bằng ngôn ngữ nói đôi

khi cũng khiến bà cảm thấy bất tiện về mặt vật lý, nhưng chẳng qua chỉ là bất tiện thôi, không hơn, và theo nghĩa nào đó, chính sự bất tiện này đã làm sự giao tiếp giữa hai người được nâng lên một cấp độ mới.

Những lúc nghỉ việc, Nhục đậu khấu thường dạy cho Quế đọc, viết và học số học. Nhưng ngoài cái đó ra, bà không có gì phải dạy nhiều. Cậu yêu sách và thường thu nhận được từ sách những gì muốn biết. Bà là người chọn sách cho cậu thì đúng hơn là thầy dạy cậu. Cậu yêu âm nhạc và muốn chơi dương cầm, nhưng sau vài tháng học chạy ngón ở cấp căn bản với một thầy dạy dương cầm chuyên nghiệp, cậu chỉ cần mua sách

giáo khoa và băng nhạc rồi cứ thế tự trau dồi cho đến khi đạt tới trình độ kỹ thuật rất cao so với lứa tuổi. Cậu thích chơi Bach và Mozart, nói chung là chỉ chơi nhạc của các nhạc sĩ thuộc trường phái Lãng mạn, ngoài ra thì cậu không quan tâm, trừ Poulenc và Bartok. Suốt sáu năm liền cậu tập trung vào âm nhạc và đọc sách, song từ khi đến độ tuổi mà như người khác là vào trung học, cậu lại chuyển sang học các thứ ngôn ngữ, bắt đầu từ tiếng Anh rồi tiếng Pháp. Cả tiếng này lẫn tiếng kia cậu đều tự học, thế mà chỉ cần sáu tháng là đã có thể đọc những cuốn sách đơn giản. Dĩ nhiên cậu không có ý định học để đàm thoại; cậu chỉ cần học để đọc được sách. Một việc khác cậu cũng thích là tần mẩn mảy mò những

cỗ máy phức tạp. Cậu mua cả mộ bộ dụng cụ chuyên dùng rồi tự chế ra máy thu thanh lẫn loa phóng âm, lại thích tháo rời đồng hồ ra rồi lắp lại.

Mọi người quanh cậu – ý là cha mẹ và bà ngoại cậu - trở nên quen với việc cậu không bao giờ nói và không còn nghĩ đó là chuyện bất thường hay phi tự nhiên. Sau vài năm, Nhục đậu khấu thôi không đưa cậu đến bác sĩ tâm lý nữa. Những cuộc gặp bác sĩ hàng tuần chẳng giúp được gì cho các “triệu chứng” của Quế, và đúng như các bác sĩ đã nói từ đầu, ngoài chuyện không nói được ra thì mọi thứ ở cậu đều ổn. Trên thực tế, cậu gần như là một đứa bé hoàn hảo. Nhục đậu khấu thậm chí không nhớ nổi đã có lần

nào phải bắt buộc cậu làm việc gì hoặc la rầy cậu vì một việc nào đó lẽ ra cậu không nên làm. Cậu luôn tự quyết định mình phải làm gì và hể đã quyết định là làm tới nơi tới chốn, không chê vào đâu được, theo cách của riêng mình. Cậu khác biệt với những trẻ khác - những trẻ bình thường đến nỗi so sánh cậu với chúng là vô nghĩa. Năm cậu mười hai tuổi thì bà ngoại mất (vì sự kiện này cậu đã câm lặng khóc suốt mấy ngày liền), sau đó cậu tự đảm nhận việc nấu nướng, giặt giũ và lau chùi nhà cửa khi mẹ đi làm. Sau khi mẹ mất, Nhục đậu khấu muốn thuê người giúp việc, nhưng Quế khẳng khẳng từ chối. Cậu không muốn cho người lạ vào phá hỏng nền nếp trong nhà. Từ đó trở đi chính Quế là người

cáng đáng phần lớn việc nhà; cậu làm việc đó với sự chính xác và kỷ luật cao độ.

* * *

Quế nói chuyện với tôi bằng hai bàn tay. Anh thừa hưởng của mẹ những ngón tay thanh mảnh, hình dáng đẹp, dài, nhưng không dài quá. Anh đưa tay lên gần mặt, di động các ngón tay không chút ngập ngừng, và như những sinh vật sống đầy nhạy cảm, chúng truyền đạt những điều anh cần nói với tôi.

- Lúc 2 giờ chiều nay sẽ có một vị khách tới. Hôm nay chỉ có thế. Từ giờ tới khi bà ta đến anh không phải làm gì cả. Tôi sẽ ở đây làm nốt việc trong khoảng một tiếng nữa, sau đó tôi sẽ về, đến 2 giờ sẽ

đi đón bà ta đưa về đây. Dự báo thời tiết nói cả ngày hôm nay trời nhiều mây. Anh có thể xuống giếng trong khi ngoài trời còn sáng, vậy sẽ đỡ hại mắt.

Như Nhục đậu khấu đã nói, tôi hiểu được dễ dàng những lời mà các ngón tay của Quế truyền đạt. Tôi chẳng biết gì về ngôn ngữ dấu hiệu, nhưng tôi dễ dàng theo sát những cử động phức tạp và uyển chuyển của anh ta. Có thể chính nhờ kỹ năng điều luyện của Quế nên ý nghĩa điều anh muốn nói tự nhiên trở thành sáng rõ, cũng như một vở kịch diễn bằng tiếng nước ngoài vẫn có thể truyền cảm được. Mà cũng có thể tôi chỉ có cảm tưởng mình đang quan sát các ngón tay Quế di động, kỳ thực thì không phải. Các ngón tay chuyển động có

thể chỉ là cái mặt tiền trang trí bên ngoài, còn thực chất, tôi đang quan sát một mặt nào đó của toà nhà ở đằng sau, có điều tự tôi không biết. Mỗi sáng, khi ngồi trò chuyện bên bàn bếp, tôi cố nhìn cho ra ranh giới giữa mặt tiền với cái đằng sau nó song chẳng bao giờ thấy được, bởi đường phân tuyến đánh dấu cái ranh giới kia không ngừng chuyển động và thay hình đổi dạng.

Sau cuộc trò chuyện ngắn – hay cuộc trao đổi ngắn - với tôi, Quế thường cởi com lê treo lên giá, dóm cà vạt vào bên trong sơ mi rồi bắt tay quét dọn hay nấu nướng. Trong khi làm việc, anh thường mở máy stereo nghe nhạc. Tuần này anh chẳng nghe gì khác ngoài nhạc thánh lễ

của Rossini, tuần sau anh chỉ nghe các bản concerto dành cho nhạc cụ hơi của Vivaldi, nghe đi nghe lại nhiều lần đến nỗi rốt cuộc tôi thuộc lòng hết các giai điệu.

Quế làm mọi việc cực kỳ khéo léo, không một động tác thừa. Ban đầu tôi hay đề nghị giúp một tay, nhưng anh chỉ mỉm cười lắc đầu.

Quan sát anh làm việc này việc nọ, tôi dần dần đi tới kết luận rằng muốn mọi việc được trơn tru thì tốt nhất cứ để một mình Quế làm hết. sau đó tôi dần có thói quen tránh làm phiền anh ta. Trong khi anh ta làm các việc vặt buổi sáng, tôi thường ngồi ở ghế sofa trong phòng “chỉnh lý” mà đọc sách.

Gọi là Dinh song thật ra căn nhà không rộng, đồ đạc rất ít, chỉ những thứ cần thiết nhất. Không có ai thường xuyên sống ở đây, nên căn nhà chẳng bao giờ bẩn hay bừa bộn lắm. Thế nhưng ngày nào Quế cũng hút bụi từng xăngtimét một, lau bụi bàn ghế, kệ sách, chùi khung cửa sổ, dùng sáp đánh bóng chiếc bàn, phỉ bụi các ngọn đèn, cất vật này vật nọ về chỗ cũ. Anh thường sắp lại bát đĩa trong tủ đựng đồ sứ cho ngay ngắn, xếp các bình, lọ... theo kích thước, kéo lại cho ngay mép khăn trải bàn và khăn mặt, chỉnh sao cho tay cầm tất cả các tách cà phê xoay về cùng một phía, sửa lại vị trí bánh xà phòng trong buồng tắm, thay khăn mặt mới dù những tấm khăn cũ chưa

ai dùng. Rồi anh ta tập trung toàn bộ rác vào một túi duy nhất, buộc lại mang ra ngoài. Anh thường chỉnh giờ trên đồng hồ treo tường theo đúng đồng hồ đeo tay của mình (cái đồng hồ mà tôi dám cá không bao giờ sai quá ba giây). Nếu trong khi lau chùi Quế bắt gặp bất cứ vật gì nằm sai chỗ dù chỉ một tí, anh ta đều trả nó về chỗ cũ với những động tác chính xác và thanh lịch. Có lần tôi thử kéo một chiếc đồng hồ trên giá lệch chừng một phân về bên trái, thế là y như rằng sáng hôm sau anh ta chỉnh nó về bên phải đúng một phân.

Mọi hành vi đó của Quế không hề cho ta ấn tượng anh là người bị lệch lạc về thần kinh. Dường như anh ta chỉ đang làm

những việc rất tự nhiên và “đúng đắn”. Có lẽ trong đầu Quế có một hình dung sống động về việc thế giới này – hay ít nhất là cái thế giới nho nhỏ ở đây - cần phải như thế nào, và đối với anh ta, việc duy trì thế giới trong tình trạng ở đó cũng tự nhiên như việc hít thở vậy. Có lẽ anh ta tự thấy mình chỉ đang góp một bàn tay nhỏ nhoi khi vạn vật đều mang một khát vọng nội tại mãnh liệt nhằm trở về hình dáng ban đầu.

Quế nấu nướng thức ăn rồi cất vào tủ lạnh, sau đó chỉ cho tôi biết bữa trưa sẽ ăn những gì. Tôi cảm ơn anh ta. Sau đó anh ta đứng trước gương, kéo thẳng cà vạt, kiểm tra sơ mi của mình rồi mặc com lê vào. Cuối cùng, miệng khẽ mỉm

cuời, anh ta nhấp máy môi để nói “Tạm biệt”, nhìn quanh một lần nữa rồi đi ra ngoài qua cửa trước. Ngồi sau tay lái chiếc Mercedes-Benz, anh ta cho một băng nhạc cổ điển vào máy cát xét trên xe, ấn nút điều khiển từ xa để mở cổng trước rồi lái xe đi, lại về đúng cái vòng cung mà anh ta đã vẽ khi đến. Xe vừa qua, cổng liền đóng lại. Cũng như trước, tôi quan sát qua khe hở nơi rèm cửa, tay cầm cốc cà phê. Lũ chim không còn lăm lăm như khi Quế đến. Tôi thấy mây đen đã tản mát và bị gió đẩy đi, nhưng bên trên chúng lại còn một tầng mây khác dày hơn nữa.

* * *

Tôi ngồi bên bàn bếp, đặt cốc xuống rồi

nhìn lại căn phòng nơi bàn tay của Quế đã để lại một cảm giác thật đẹp đẽ về trật tự. Nó trông như một bức tranh tĩnh vật lớn ba chiều, sự tĩnh lặng của nó chỉ bị quấy rầy bởi tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ. Kim đồng hồ chỉ 10 giờ 20.

Nhìn chiếc ghế mà Quế ngồi lúc nãy, tôi lại tự hỏi liệu tôi không kể với họ về cuộc viếng thăm của Ushikawa đêm qua thì liệu có đúng không. Liệu việc đó có phương hại đến cái gần như là lòng tin cậy đang có giữa Quế và tôi hay Nhục đậu khấu và tôi?

Dù sao, tôi vẫn muốn đợi thêm ít lâu để xem mọi chuyện sẽ tiến triển ra sao.

Trong những việc tôi làm có cái gì khiến Wataya Noboru lo ngay ngáy đến vậy?

Tôi đang giẫm lên cái đuôi nào của hắc? Hắc đang định dùng tới những biện pháp đối phó nào? Nếu tìm được lời đáp cho những câu hỏi đó, tôi sẽ có thể nhích gần hơn một chút đến bí mật của hắc. Và hệ quả là tôi sẽ có thể tiến gần đến chỗ biết Kumiko đang ở đâu.

Khi kim đồng hồ sắp chuyển sang 11 giờ (cái đồng hồ mà Quế đã dịch sang phải chừng một phân về chỗ cũ), tôi ra ngoài vườn để chui xuống giếng.

* * *

- Từ khi Quế còn nhỏ tôi đã kể cho nó nghe chuyện chiếc tàu ngầm và vườn thú - về những gì tôi đã thấy từ trên boong chiếc tàu vận tải vào tháng Tám năm 1945, và về chuyện lính Nhật đã bắn các

con thú trong vườn thú của cha tôi cùng lúc khi chiếc tàu ngầm Mỹ đang nhắm đại bác vào chúng tôi và sắp sửa đánh đắm tàu chúng tôi. Đã lâu lắm rồi tôi không kể với ai về chuyện ấy, chỉ giữ cho mình. Tôi đã im lìm lang thang qua cái mê cung tranh tối tranh sáng giữa ảo tưởng và thực tại. Tuy nhiên, khi Quế ra đời, tôi chợt hiểu nó là người duy nhất mà tôi có thể kể chuyện của mình. Thế là ngay từ khi nó chưa hiểu được lời nói, tôi đã bắt đầu kể cho nó, kể đi kể lại, gần như thì thầm, về tất cả những gì tôi còn nhớ, và trong khi tôi kể, những cảnh tượng đó lại trỗi dậy trước mắt tôi, bằng những sắc màu sống động, như thể tôi vừa giở một cái nắp cho chúng bật tuôn ra.

Khi Quế bắt đầu hiểu ngôn ngữ, nó cứ đòi tôi kể lại chuyện ấy mãi. Tôi phải kể cho nó hàng một trăm, hai trăm, năm trăm lần, nhưng không phải lần nào cũng lặp đi lặp lại từng ấy thứ. Mỗi lần tôi kể cho Quế nghe, nó lại đòi tôi kể một câu chuyện nhỏ khác nằm trong câu chuyện chính. Nó muốn biết từng cảnh một trên cùng một cái cây. Tôi thường đi theo nhành mà nó yêu cầu, kể cho nó câu chuyện nằm trên nhành đó. Và thế là câu chuyện cứ lớn lên mãi, trưởng thành lên mãi...

Bằng cách đó hai mẹ con tôi tạo ra một hệ thần thoại riêng của mình. Anh có hiểu ý tôi không? Ngày nào mẹ con tôi cũng kể cho nhau nghe câu chuyện, cứ như là

bị ám. Mẹ con tôi nói với nhau hàng giờ về tên các con vật trong vườn thú, về bộ lông ónh ánh của chúng hay màu mắt chúng, về đủ thứ mùi lơ lửng trong không khí, về tên tuổi và khuôn mặt từng người lính, họ chào đời ra sao, thời thơ ấu thế nào, họ có những khẩu súng gì, phải vác đạn nặng ra sao, về những nỗi sợ và cơn khát của họ, về hình dáng những đám mây trên bầu trời...

Tôi nhìn thấy hết sức rõ ràng tất cả những màu sắc và hình dáng đó khi kể câu chuyện cho Quế, tôi có thể chuyển những gì tôi thấy thành ngôn từ - những từ chính xác nhất tôi cần – và truyền đạt cho nó. Cứ thế mãi không ngừng. Luôn luôn có những chi tiết mới có thể đưa

vào thêm, câu chuyện cứ ngày càng sâu hơn, ngày càng rộng ra mãi...

Nhục đậu khấu mỉm cười khi nói về những ngày xa xưa đó. Trước đây tôi chưa hề thấy một nụ cười tự nhiên đến vậy trên gương mặt bà.

- Nhưng rồi một ngày kia mọi chuyện chấm dứt, - bà nói. - Buổi sáng tháng Hai đó, khi Quế ngừng nói, nó cũng thôi chia sẻ những câu chuyện với tôi.

Nhục đậu khấu ngừng lời để chiêm một điều thuốc.

- Nay thì tôi biết điều gì đã xảy ra. Lời lẽ của nó đã mất hút trong cái mê cung đó, bị nuốt chửng bởi cái thế giới những câu chuyện đó. Một cái gì đó từ những câu chuyện bước ra đã giạt mất lưỡi nó.

Và mấy năm sau, cũng cái đó đã giết chết chồng tôi.

* * *

Gió chuyển mạnh hơn hồi sáng, đùn từng đám mây xám nặng nề về phía đông.

Những đám mây trông như những khách lữ hành chậm lặng lên đường đến chỗ tận cùng thế giới. Giữa những cành cây trụi lá ngoài vườn, gió thi thoảng lại cất tiếng rên rỉ ngắn, không lời. Tôi đứng bên cái giếng nhìn lên bầu trời. Ở nơi nào đó hẳn Kumiko cũng đang nhìn lên những đám mây. Ý nghĩ đó tự dưng nảy ra trong đầu tôi, chẳng vì cớ gì. Đó chỉ là cảm giác của tôi thôi.

Tôi trèo thang xuống dưới đáy giếng rồi kéo dây thừng đẩy nắp giếng lại. Tôi hít

thở sâu hai ba lần, siết chặt gậy trong tay rồi nhẹ nhàng ngồi xuống trong bóng tối. Bóng tối hoàn toàn. Phải, đó là cái quan trọng nhất. Cái bóng tối tinh tuyền này chính là mấu chốt. Nó như một chương trình dạy nấu ăn trên truyền hình: “ Mọi người hiểu rồi chứ? Bí quyết của công thức này là bóng tối hoàn toàn. Nhớ phải dùng thứ càng dày càng tốt.” Và cả cây gậy chắc khỏe nhất mà ta có thể nắm trong tay, tôi nghĩ và mỉm cười một thoáng trong bóng tối.

Tôi cảm thấy vết hằn trên má bắt đầu âm lên. Nó cho tôi biết rằng tôi đang nhích gần hơn một chút đến cốt lõi của sự vật. Tôi nhắm mắt lại. Trong tai tôi vẫn còn văng vẳng những điệu nhạc mà Quế đã

nghe đi nghe lại sáng nay trong khi làm việc. Đó là Món quà âm nhạc của Bach, vẫn vang vang trong đầu tôi như tiếng rì rào không dứt của đám đông trong một thánh phòng có trần cao. Nhưng rồi im lặng trùm xuống và bắt đầu đào vào trong những nếp gấp của não tôi, từng nếp một, như con côn trùng đẻ trứng. Tôi mở mắt rồi lại nhắm. Bóng tối bên trong và bên ngoài nhập vào nhau, và tôi bắt đầu rời khỏi chính mình, rời khỏi cái vỏ ngoài vốn chứa đựng tôi.

Cũng như mọi khi.

Đường chắc tới đây là hết

(Quan điểm của Kasahara May: Phần 3)

Chào chim vặn dây cót!

Lần trước em đã kể tới chỗ em đang làm việc ở nhà máy làm tóc giả trên vùng núi non xa xôi cùng với nhiều cô gái dân địa phương. Thư này em kể tiếp chuyện ấy.

Gần đây em thật sự băn khoăn khi thấy thật là lạ, người ta cứ làm việc kiểu này quần quật từ sáng đến tối, ngày này qua ngày khác! Có bao giờ anh thấy điều đó lạ không? Ý em là, ở đây em chỉ có mỗi một việc là làm những gì sếp bảo, không cần nghĩ ngợi gì hết. Chẳng khác gì trước mỗi ngày làm việc em đem bộ óc mình

cất vào tủ, đến cuối ngày lại lấy ra mang về nhà. Mỗi ngày em ngồi bảy tiếng ở bàn làm việc, gắn từng sợi tóc lên bộ tóc giả, rồi ăn tối trong căng tin, đi tắm, xong thì dĩ nhiên là em phải đi ngủ như bất cứ ai, vì vậy mỗi ngày hai mươi bốn tiếng, thời gian rảnh hoàn toàn chẳng còn gì. Và quá mệt vì công việc nên có bao nhiêu “thời gian rảnh” là em toàn nằm trên giường như giữa đám sương mù vậy. Em không có thì giờ ngồi nghĩ về bất cứ chuyện gì. Dĩ nhiên cuối tuần thì em không phải làm việc, nhưng lại phải lau chùi, giặt giũ, thỉnh thoảng đi lên phố, ngoảnh qua ngoảnh lại thì mấy ngày nghỉ cuối tuần đã qua vèo mắt. Có lần em quyết định sẽ ghi nhật ký, nhưng chẳng

có gì để viết, nên chỉ sau một tuần là em thôi. Cứ thế, em chỉ làm đi làm lại từng ấy việc, ngày này qua ngày khác.

Thế nhưng - thế nhưng – em hoàn toàn chẳng băn khoăn gì chuyện mình cứ làm làm kiểu này, như một con ốc nhỏ xiu trong cỗ máy. Em không hề cảm thấy mình bị tách rời khỏi đời sống. Có chăng là, đôi khi em cảm thấy, bằng cách tập trung vào công việc thế này, làm hết mình mà không nghĩ ngợi gì như con kiến, em đang tiến gần đến “cái tôi đích thực” của mình. Em không biết nói sao cho rõ... nhưng hình như chính khi không nghĩ về bản thân mình em lại có thể tiến gần hơn đến cái cốt lõi của chính mình. Chính vì vậy em mới bảo là “lạ thật”.

Em làm việc không tiếc công tiếc sức. Chẳng phải khoe đâu, nhưng thậm chí em còn được gọi là “công nhân giỏi trong tháng” cơ đấy. Em đã nói anh rồi, trông em thế thôi, chứ việc gì bằng tay là em làm cừ lắm. Bọn em chia làm nhóm để làm việc, mà nhóm nào có em là y như rằng thành tích tăng. Khi xong phần việc mình, em còn giúp cả mấy đứa làm chậm nữa. Thành thử nay mọi người ai cũng biết tiếng em. Anh có tin được không? Em đây mà nổi tiếng! Nhưng dù sao, điều em muốn kể với Chim vặn dây cót là từ khi đến nhà máy này em chỉ có làm việc, làm việc, làm việc. Như con kiến. Như anh thợ rèn nhà quê. Em nói thế đã rõ chưa nhỉ?

Dù thế nào, chỗ em đang làm việc thực sự là lạ. Nó to như nhà chứa máy bay, trần nhà cao ời là cao, rộng mênh mông. Một trăm năm mươi đứa con gái ngồi sắp hàng làm việc ở đó. Giá mà anh thấy nhỉ! Dĩ nhiên, người ta đâu cứ phải xây một cái nhà máy to đùng như thế. Có phải bọn em sản xuất tàu ngầm hay gì gì đó đâu. Lẽ ra họ có thể chia bọn em ra thành nhiều phòng riêng biệt. Nhưng có lẽ họ cho rằng nếu cho từng ấy người cùng ngồi chung một chỗ thì sẽ làm tăng tinh thần đoàn kết chẳng. Mà có thể chỉ là để các sếp dễ giám sát cả bọn cùng một lúc. Em cá là bọn họ đang áp dụng cái... gọi là gì ấy nhỉ... à, tâm lý học, với bọn em. Bọn em chia thành nhiều nhóm,

ngồi quanh các bàn làm việc như người ta ngồi trong lớp học sinh vật để mổ ếch, một trong những đứa lớn tuổi hơn ngồi một đầu bàn, làm trưởng nhóm. Bọn em được phép trò chuyện trong khi làm việc – nghĩa là nói chuyện mà vẫn không ngừng tay (ngồi làm việc kiểu này mà cảm như thóc suốt ngày thì có ai chịu được), nhưng nếu nói chuyện hay cười quá to hoặc quá mãi chuyện thì trưởng nhóm sẽ chạy tới cau mày mà nói: “Thôi đi, Yumiko, làm việc bằng tay chứ không phải bằng mồm. Coi chừng làm chậm hơn các bạn đó”. Thành thử bọn em cứ thăm thẳm thì thì với nhau như bọn trộm lúc nửa đêm vậy.

Trong xưởng có bật nhạc. Tùy từng lúc

mà nhạc này hay nhạc khác. Nếu anh Chim vặn dây cốt là fan ruột của Barry Manilow hay Air Supply thì hẳn anh sẽ thích chỗ này.

Phải mất vài hôm mới làm xong một bộ tóc giả “của em”. Dĩ nhiên là tùy sản phẩm thuộc hạng nào mà thời gian có khác nhau, nhưng dù thế nào thì cũng phải vài ngày mới xong một bộ. Đầu tiên là chia nền của bộ tóc ra thành từng ô, sau đó trồng tóc lần lượt vào từng ô một. Tuy nhiên đây không phải làm việc dây chuyền kiểu như nhà máy trong phim của Chaplin đâu, siết một con ốc xong thì lập tức con khác đến; ở đây mỗi bộ tóc giả đều là “của em”, một mình em làm từ đầu tới cuối. Mỗi khi xong một bộ, em

những muốn ký tên mình và ghi ngày tháng vào. Nhưng dĩ nhiên làm em không làm vậy, kéo người ta lại phát khùng lên. Dù vậy, thật dễ chịu khi biết rằng ở đâu đó trên thế giới này có một người đang đội bộ tóc giả do chính tay em làm. Điều đó khiến em có cảm giác... nói sao nhỉ... cảm giác gắn bó.

Dù sao, cuộc đời vẫn thật lạ. Giá như ba năm trước ai đó bảo em: “Ba năm nữa em sẽ làm việc cùng với nhiều gái quê trong một nhà máy chuyên làm tóc giả ở miền núi”, hẳn em sẽ cười vào mặt họ. Chuyện ấy làm sao em có thể hình dung được. Mà sau đây ba năm nữa cũng vậy, ai mà biết được khi đó em sẽ làm gì. Chim vặn dây cót cũng vậy, liệu anh có

biết ba năm nữa mình sẽ làm gì không?
Hắn là không. Mà nói gì tới ba năm; em
dám cá bằng toàn bộ số tiền kiếm được ở
đây rằng thậm chí sau đây một tháng anh
cũng không biết mình sẽ làm gì nữa kia.
Tuy vậy đám con gái quanh em đây biết
rõ ba năm nữa họ sẽ ở đây. Hay ít nhất
họ tưởng là họ biết. Họ nghĩ là sẽ tiết
kiệm được ở đây vài năm nữa sẽ kiếm
được một anh chàng kha khá, thế là đám
cưới hạnh phúc.

Những người mà họ sẽ cưới hầu hết là
con cái nhà nông, những anh chàng sẽ
thừa hưởng cửa hàng của bố hay làm
việc ở các công ty nhỏ trong vùng.
Trước đây em đã viết rằng ở vùng này
thiếu trầm trọng các cô gái trẻ, thành thử

người ta đến bốc các cô đi nhanh lắm. Đứa nào còn trơ khấc lại là xui đấy, thành thử ai cũng cố kiếm cho mình một anh, không anh này thì anh khác. Thế cơ mà! Thử trước em cũng nói rằng hầu hết các cô hễ lấy chồng xong là nghỉ việc. Làm việc ở nhà máy tóc giả chỉ là một khoảng độn chừng mấy năm từ khi họ tốt nghiệp phổ thông cho tới khi họ lấy chồng mà thôi, như một căn phòng mà họ bước vào, nán lại một chút rồi bỏ đi ấy. Thật ra công ty cũng không phản đối chuyện đó, dường như họ lại thích cứ để các cô gái làm việc chỉ vài năm rồi lấy chồng và nghỉ việc. Vậy lại tốt hơn là khác, bởi nhân công của họ cứ xoay vòng liên tục, nên họ không phải lo về lương

lậu, phúc lợi, công đoàn và trăm thứ linh tinh. Công ty o bế nhiều hơn đối với các cô gái có khả năng làm trưởng nhóm, nhưng còn các cô bình thường khác thì đối với họ chỉ như hàng tiêu dùng mà thôi. Có một thoả thuận ngầm giữa công ty và các cô gái rằng khi nào lấy chồng thì họ sẽ ra đi. Vì vậy đối với bọn con gái, nếu hình dung ba năm nữa sẽ thế nào thì chỉ có hai khả năng: một là họ vừa làm việc vừa để mắt tìm một anh vừa ý, hai là họ đi lấy chồng và nghỉ việc. Đơn giản quá phải không!

Ở đây chẳng có ai như em, tự nhủ rằng chẳng biết ba năm nữa chuyện gì sẽ xảy ra với mình. Tất cả đều làm việc siêng năng. Không ai làm quấy quá hay than

vẫn gì về công việc cả. Thỉnh thoảng em có nghe ai đó kêu ca về đồ ăn ở căng tin, nhưng chỉ có thế. Dĩ nhiên, công việc là công việc, nên không thể lúc nào cũng vui cười được. Mình có thể bắt người ta làm việc từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều bởi đó là bốn phần của cô ta, mặc dù cô ta thích đi chơi hơn, nhưng theo em, hầu hết mọi người hài lòng với công việc. Chắc hẳn vì họ biết đây chỉ là một giai đoạn nhất thời bắc cầu từ thế giới này sang thế giới khác. Chính vì vậy họ muốn càng được thoải mái càng tốt trong thời gian ở đây. Nói cho cùng, với họ đây chỉ là một điểm trung chuyển thôi.

Nhưng với em thì không. Đây hoàn toàn không phải là thời gian quá độ hay

chuyển tiếp đôi với em. Em hoàn toàn không biết từ đây mình sẽ đi đâu. Với em, có thể đường đến đây là hết. Anh có hiểu ý em không? Nói nghiêm khắc ra, em không vui thú gì với công việc ở đây. Tất cả những gì em làm chẳng qua là để chấp nhận công việc một cách trọn vẹn nhất. Mỗi khi làm một bộ tóc giả, em không nghĩ tới gì khác ngoài chuyện làm bộ tóc giả đó. Em vô cùng nghiêm túc, đến nỗi toàn thân em vã mồ hôi.

Em không biết nói thế nào... nhưng gần đây em hay nghĩ về cậu trai đã chết trong tai nạn mô tô. Nói thật tình, trước đây em ít khi nghĩ tới cậu ấy. Có lẽ cú sốc do tai nạn đó đã bẻ queo ký ức em hay thế nào đó, bởi những gì em nhớ về cậu ấy chỉ

toàn là những thứ kỳ cục tí như cậu ta hôi nách, cậu ta là một thằng tồ, hay mấy ngón tay cậu ta tìm cách sục sạo vào những chỗ lạ của em. Tuy nhiên, đôi lúc em lại nhớ rằng cậu ta cũng có những cái không đến nỗi. Nhất là những khi đầu óc em trống rỗng, chỉ mãi miết cảm những sợi tóc lên bộ tóc giả, những ý nghĩ đó chẳng biết từ đâu cứ hiệu lên. Ô vâng, em nghĩ, cậu ta đúng là thế. Em nghĩ chắc thời gian không trôi theo thứ tự A, B, C, D đâu, đúng không? Nó muốn đi đâu thì cứ đi vậy thôi.

Em nói thật với anh được không hở Chim vặn dây cót? Rất thật, rất ư là thật đấy. Đôi khi em sợ ơ là sợ! Em thức dậy lúc nửa đêm trơ trụi một mình, cách xa mọi

người hàng mấy trăm cây số, đêm tối mịt mùng, em hoàn toàn không biết tương lai mình sẽ ra sao, em sợ đến nỗi chỉ muốn thét lên. Anh có bao giờ bị như vậy không hở Chim vặn dây cót? Mỗi lần bị như vậy, em lại cố nhắc mình rằng em đang gắn bó với những cái gì đó hay ai đó. Em cố sức liệt kê tên những người đó trong đầu. Trên danh sách đó dĩ nhiên có tên anh. Chim vặn dây cót ạ. Cả con ngõ, cả cái giếng, cả cây hồng vàng và những thứ khác nữa. Cả những bộ tóc giả em làm bằng chính đôi tay mình. Cả những điều vật vãnh em nhớ về cậu trai kia. Tất cả những điều vật vãnh ấy (mặc dù anh Chim vặn dây cót không phải là một trong những cái vật vãnh ấy, nhưng dù sao...) giúp em trở lại “nơi này” từng tí

một. Giờ em bỗng thấy hồi tiếc đã không bao giờ cho cậu bạn trai được thấy em khoả thân hay đụng đến người em. Hồi đó, em cương quyết không cho cậu ấy rờ tới em. Đôi khi, anh Chim vặn dây cốt ạ, em thích mình sẽ là gái tân suốt đời. Thật đấy. Anh nghĩ sao nào?

Tạm biệt nhé. Chim vặn dây cốt. Mong rằng Kumiko sẽ sớm quay về.

16

Những nhọc nhằn và gánh nặng của thế gian

*

Đèn thần

Điện thoại reo lúc 9 giờ đêm. Reo một lần, ngừng rồi lại reo. Đó là Ushikawa, y đã nói sẽ dùng ám hiệu này để tôi biết là y.

- Chào ông Okada, - giọng Ushikawa nói. – Ushikawa đây. Tôi đang ở gần nhà ông, đã định ghé sang nếu ông không phiền. Tôi biết giờ này muộn rồi, nhưng có đôi điều tôi muốn gặp ông trực tiếp để nói. Được không hở ông? Chuyện liên quan đến cô Kumiko, vì vậy tôi nghĩ ông

sẽ quan tâm đấy.

Tôi hình dung vẻ mặt của Ushikawa ở đầu dây bên kia trong khi nghe y nói. Y có một nụ cười nửa tự mãn trên mặt, môi cong lên phô hai hàm răng kinh tởm, như thể muốn nói: tôi biết, đề nghị này ông không từ chối được đâu. Đáng tiếc là, y có lý.

* * *

Y mất đúng mười phút để đến nhà tôi. Y vẫn mặc đúng bộ đồ cách đây ba ngày. Cũng có thể tôi nhầm, nhưng y vẫn mặc cũng thứ comple và sơ mi đó, đeo thứ cà vạt đó, tất cả đều cáu bẩn, nhăn nhúm, rộng thùng thình. Những thứ quần áo thảm hại đó trông như thể chúng buộc phải gánh chịu một phần quá lớn những

nhọc nhằn và gánh nặng của cả thế gian. Nếu như bằng cách nào đó tôi có thể hóa thân thành quần áo của Ushikawa, đổi lại tôi sẽ được bảo đảm một vinh quang hiếm có ở kiếp sau, tôi vẫn sẽ không muốn làm vậy tí nào.

Sau khi xin lỗi, Ushikawa tự lấy bia trong tủ lạnh, kiểm tra xem chai bia có đủ lạnh không rồi mới rót vào một cái cốc gần đó. Hai chúng tôi ngồi ở bàn bếp.

- Thế này nhé, - Ushikawa nói. — Để tiết kiệm thời gian, tôi sẽ bỏ qua phần chuyện phiếm xã giao mà vào ngay việc chính. Ông muốn nói chuyện với cô Kumiko phải không ông Okada? Nói chuyện trực tiếp ấy. Chỉ hai người với

nhau thôi. Tôi tin ông đã muốn điều đó lâu nay rồi. Ấy là ưu tiên số một của ông. Tôi nói đúng không?

Tôi nghĩ một chút. Hay là tôi im lặng một chút, vờ như để nghĩ.

- Dĩ nhiên là tôi muốn nói chuyện với cô ấy, nếu có thể.

- Không phải là không thể. – Ushikawa gật đầu, nhẹ nhàng nói.

- Nhưng có kèm theo điều kiện...?

- Không kèm điều kiện nào hết. –

Ushikawa nhấp một ngụm bia. – Tuy nhiên hôm nay tôi có một đề nghị mới với ông. Hãy nghe điều tôi nói và nghĩ cho kỹ. Chuyện này khác xa chuyện có được nói chuyện với Kumiko hay không. Tôi nhìn y, không nói gì.

- Nào, ta bắt đầu nhé. Ông Okada ạ, ông đang thuê mảnh đất ấy và cái nhà trên đó nữa của một công ty nào đó, phải không? Ý tôi là cái “nhà có dóp” ấy. Hàng tháng ông phải trả tiền thuê nhà khá cao. Tuy nhiên, đây không phải thuê bình thường, mà là thuê nhưng vài năm nữa có thể mua hẳn. Đúng không nào? Dĩ nhiên, chẳng ai đi đưa hợp đồng của ông cho bàn dân thiên hạ xem, vì vậy tên của ông không xuất hiện ở đâu cả, ấy tất cả mưu đồ là ở đó. Chứ trên thực tế ông là chủ nhân của cơ ngơi đó, và tiền thuê ông trả hàng tháng chính là để trả dần vào tiền vay thế chấp. Tổng số tiền ông phải trả, để xem nào, kể cả căn nhà, đâu như khoảng tám mươi triệu yên, đúng không? Với mức trả

thế này thì chưa tới hai năm nữa ông sẽ
nghiễm nhiên thành chủ sở hữu cả nhà lẫn
đất! Cừ lắm! Nhanh cực kỳ! Tôi đến phải
phục ông.

Ushikawa nhìn tôi như để xác nhận
những điều y vừa nói, nhưng tôi vẫn im
lặng.

- Xin đừng hỏi làm sao tôi biết được các
chi tiết đó. Nếu đào cho cật lực vào thì
sẽ tìm được cái mình muốn biết thôi,
miễn là nếu biết cách đào. Giờ thì tôi đã
nắm được kha khá ai đứng đằng sau cái
công ty ma đó rồi. Chà chà, cái ấy mới là
xương chừ! Tôi đã phải lần mò trong cả
một mê cung mới moi ra được đây. Chả
khác nào một chiếc ô tô bị ăn cắp rồi
được sơn lại, thay lốp, bọc lại đệm ghế,

sổ xê ri trên động cơ thì cạo đi. Bọn họ xóa kỹ mọi dấu vết. Dân chuyên nghiệp có khác. Nhưng giờ thì tôi nắm được khá khá sự tình rồi, có khi còn rõ hơn ông ấy chứ, ông Okada ạ. Tôi cuộc là ông thậm chí không biết mình đang trả tiền cho ai đâu, đúng không?

- Đúng vậy. Tiền thì đâu có tên với tuổi. Ushikawa phá lên cười.

- Ông Okada nói hoàn toàn đúng! Tiền thì đâu có tên với tuổi. Nói hay lắm! Câu này tôi phải ghi lại mới được. Nhưng ông Okada ạ, mọi chuyện đâu phải bao giờ cũng như ông muốn. Lấy ví dụ mấy gã ở cục thuế chẳng hạn. Bọn ấy có thông minh lắm đâu. Bọn ấy chỉ biết đi thu thuế những chỗ nào có tên thôi. Chỗ nào chưa

có tên thì chúng bắt phải có tên. Không chỉ tên mà còn đánh số nữa. Làm gì có cảm xúc trong công việc của chúng nó, cứ thế làm như người máy thôi. Nhưng cái xã hội tư bản chủ nghĩa của chúng ta được xây dựng chính trên những cái đó mà. Vậy lên ta đi đến kết luận rằng cái tiền mà tôi với ông đang nói đây quả thật có tên, mà tên rất oách nữa là khác.

Tôi nhìn cái đầu Ushikawa trong khi y nói. Tùy theo góc độ, ánh sáng tạo lên những đường lồi lõm trên sọ y.

- Đừng lo, cục thuế chúng nó không đến đây đòi tiền ông đâu, - Ushikawa phá lên cười mà nói, - Mà cứ cho chúng đến thì phải mò mẫm qua bao nhiêu mê cung thế này thế nào chúng cũng va đầu đó mà

bơu đầu mẻ trán. Sưng bằng quả ổi chứ
chả chơi! Nói gì thì nói, việc của chúng
thì chúng làm, chứ chúng đâu muốn trầy
vì tróc vẩy làm chi cho mệt. Nếu đã thu
tiền được thì chỗ nào dễ thì thu, tội gì
nhè chỗ khó xơi, càng dễ càng tốt mà.
Một khi đã thu đủ thì ở đâu ra mà chả
thế. Nhất là nếu sếp đã bảo cứ chỗ nào
dễ thu mà thu thì người bình thường nhất
định sẽ làm đúng như vậy. Sở dĩ tôi biết
là vì chính tôi đi tìm hiểu mà. Gì chứ
mấy chuyện này thì, không phải tự khoe
chứ tôi hơi bị rành. Nhìn tôi thế thôi, chứ
tôi cừ lắm. Tôi biết tránh sao cho không
bơu đầu. Tôi biết cách chuồn ra đường
dù trời tối đen như mực.

Nhưng phải nói thật với ông, ông Okada

ạ (mà tôi biết ông là người duy nhất tôi có thể bộc bạch hết lòng), đến cả tôi cũng không biết ông đang làm gì ở chỗ đó. Tôi biết những người hay đến gặp ông ở chỗ đó trả ông hậu hĩ lắm. Thành thử ắt là ông đang làm một cái gì rất đặc biệt cho họ, đáng đồng tiền họ bỏ ra. Cái đó thì rõ như ban ngày. Nhưng đích xác ông làm cái gì, và tại sao ông lại dính chặt cứng vào cái lô đất ấy thì tôi chịu không biết được. Đó là hai điểm quan trọng nhất trong toàn bộ chuyện này, nhưng cũng là hai điểm được che dấu kỹ nhất, chả khác gì điểm máu chốt trong lá số của thầy bói vậy. Cái đó làm tôi lo lắng.

- Nghĩa là, đó là cái làm Wataya Noboru

lo, - tôi nói.

Thay vì trả lời, Ushikawa quay ra giật giật túm tóc lơ thơ phía trên tai.

- Nói riêng giữa tôi và ông thôi, ông Okada ạ, phải thú nhận rằng tôi thật sự phục ông. Không phải nịnh ông đâu. Nghe thì hơi lạ, chứ thật ra về cơ bản ông là người hoàn toàn bình thường. Nói đằng thẳng ra thì ông chẳng có gì đặc biệt hết. Ấy xin lỗi, mong ông đừng hiểu nhầm. Thực tế là vậy, nếu từ con mắt xã hội mà nhìn vào. Tuy nhiên, khi gặp ông mặt đối mặt như thế này thì tôi thật sự rất có ấn tượng về ông, về cách hành xử của ông. Cứ xem cái cách ông đã làm một người như tiến sĩ Wataya phải điên đầu thì biết! Thành thử tôi mới chỉ là con

chim đưa thư quên. Một kẻ hoàn toàn tâm thường thì không làm nổi như ông đã làm đâu.

Tôi thích ông là thích chỗ đó, ông Okada ạ. Thật đấy! Tôi có thể chẳng là cái thá gì, song về những chuyện như thế này thì tôi không nói dối. Mà tôi cũng chẳng nghĩ về ông như nghĩ về người dung nước lã. Nếu như trong mắt xã hội ông chẳng có gì đặc biệt thì tôi còn tệ hơn thế hàng trăm lần kia. Tôi chỉ là một thằng nhãi nhép lùn tịt học hành chả tới đâu, xuất thân cũng chẳng ra gì. Ba tôi làm nghề dệt chiếu ở Funabashi, là một tay nát rượu, một thằng khốn nạn. Hồi nhỏ tôi chỉ ước gì cha tôi chết quách đi để tôi được yên thân, tôi khốn khổ quá mà, thế

là rớt cuộc lão ta nghèo thật, chẳng biết vậy là tốt hơn hay xấu hơn nữa. Sau đó tôi phải chịu cảnh khốn cùng y như người ta viết trong sách giáo khoa ấy. Tuổi thơ tôi chẳng có lấy một kỷ niệm nào gọi là đẹp đẽ, chẳng bao giờ được cha lẫn mẹ nói cho một lời tử tế. Chẳng lạ là tôi đồ đốn! Tôi trầy trật lắm mới học hết trung học, sau đó thì chính trường đời mới dạy những môn đích đáng cho tôi. Tôi sống được là nhờ chút nhỏ nhen tôi có, nhờ cái đầu này đây. Chính vì vậy tôi không ưa những ai thuộc lớp thượng lưu hay những quan này chức nọ. Không chỉ không ưa đâu, tôi căm ghét mới đúng. Cứ đường hoàng bước thẳng vào xã hội qua cửa chính, vợ đẹp như tiên, rồi thì vênh vang tự mãn. Tôi thích những tay như ông đấy,

ông Okada ạ, cái gì cũng tự mình làm lên.

Ushikawa quẹt diêm rồi châm một điếu thuốc nữa.

- Tuy nhiên ông không thể cứ thế này mãi. Sớm muộn gì ông cũng gục thôi. Ai cũng gục mà. Con người ta sinh ra là vậy. Cứ theo lịch sử tiến hóa thì chỉ mới hôm qua thôi con người mới học được cách đi trên hai chân và giờ giới nghĩ ngợi toàn những điều rắc rối. Thành thử ông đừng lo, ông Okada: ông sẽ gục thôi. Nhất là trong cái thế giới mà ông đang cố cầm cự ấy: ai thì rồi cũng gục thôi. Có quá nhiều chuyện rắc rối, quá nhiều cách tự chuốc phiền toái vào mình. Đó là một thế giới tạo lên bằng lắm điều rắc rối.

Tôi đã từng làm việc trong thế giới đó từ sinh thời ông bác của tiến sĩ Wataya, nay thì tiến sĩ đã thừa kế chọn cái thế giới đó. Trước nay tôi toàn làm những thứ phạm phù để có cái ăn. Nếu như tôi vẫn cứ vậy thì chắc bây giờ tôi đã nằm khám, có khi còn bỏ mạng rồi không chừng. Không đùa đâu. Wataya tiên sinh quá cố đã cứu tôi đúng lúc. Thành thử hai con mắt nhỏ này của tôi từng nhìn thấy lắm sự đời rồi. Trên đời này ai rồi cũng gục: tay mơ ư, lọc lõi ư, chẳng khác gì nhau, ai cũng gục hết, ai rồi cũng đau thương hết, anh cừ cũng vậy mà anh xoàng cũng vậy, như nhau tuốt. Chính vì vậy mà ai cũng cố bảo hiểm cho bản thân mình chút đỉnh. Thằng tép riu như tôi mà cũng có nữa là. Có vậy thì anh mới sống được

nếu chẳng may bị gục. Chứ nếu cứ trơ ra có mỗi một mình anh, không thuộc về đâu cả thì đã gục là gục hẳn, đi đời luôn. Chấm hết.

Đáng lẽ tôi không nên nói với ông đầu, nhưng ông quả thật sắp gục rồi đó, ông Okada à. Chuyện đó chắc như đinh đóng cột. Sổ của tôi ghi rõ vậy mà, trong hai, ba trang nữa, bằng mực đen, chữ to đàng hoàng: “Okada Toru sắp gục tới nơi rồi”. Đúng vậy đó. Tôi không dọa ông đầu. Ở thế giới này tôi đã nói là chính xác hơn nhiều so với dự báo thời tiết trên tivi. Thành thử tôi chỉ muốn nói với ông thế này: đã đến lúc ông nên rút lui đi thôi.

Nói đến đó Ushikawa ngậm miệng mà

nhìn tôi. Đoạn y nói tiếp:

- Chúng ta nên thôi đừng vờn nhau nữa, ông Okada ạ, nói thẳng vào việc thì hơn... Mào đầu này giờ cũng dài dòng lắm rồi, giờ tôi nói ngay vào đề: tôi đến đây là có một đề nghị với ông.

Ushikawa đặt cả hai tay lên bàn. Rồi y búng búng lưỡi vào môi.

- Vậy là như tôi mới nói với ông đó, ông nên cắt đứt liên hệ với cái khu đất ấy và rút lui khỏi chuyện này. Nhưng có thể dù ông có muốn cũng không rút lui được. Cũng có thể ông còn phải trả cho hết nợ vay đã, bằng không thì kẹt cứng. —

Ushikawa ngưng ngang, nhìn tôi dò xét, - Nếu vấn đề là ở tiền thì chúng tôi sẽ giúp ông. Nếu ông cần tám mươi triệu yên, tôi

sẽ mang đến cho ông tám mươi triệu yên mới cứng, còn nguyên bó. Tám ngàn tờ giấy bạc mười ngàn yên. Ông có thể trả dứt nợ, còn bao nhiêu thì dứt túi, thế là ông sạch nợ, tự do. Tuyệt quá còn gì! Nào, ý ông sao?

- Vậy là mảnh đất và căn nhà sẽ thuộc về Wataya Noboru? Ý là vậy phải không?

- Phải, chắc vậy. Chắc là sẽ thế thôi. Tuy nhiên, có lẽ sẽ còn phải giải quyết nhiều thứ lặt vặt nhiều khê nữa...

Tôi suy nghĩ một chút về đề nghị của y.

- Ushikawa này, thực sự là tôi chưa hiểu. Tôi không hiểu tại sao Wataya Noboru cứ khẳng khẳng đòi tôi phải từ bỏ cái cơ ngơi đó đến vậy. Làm chủ được chỗ đất đó rồi thì ông ta định sẽ làm gì?

Ushikawa chậm rãi lấy lưng bàn tay chà lên má.

- Ông Okada à, tôi xin lỗi, mấy chuyện đó tôi không biết. Ngay từ đầu tôi đã bảo ông rồi: tôi chỉ là con chim đưa thư ngu ngốc thôi. Ông chủ tôi bảo tôi làm gì tôi làm nấy. Mà hầu hết việc ông ấy giao tôi làm thì chả thích thú gì. Hồi nhỏ đọc truyện Aladin ấy mà, tôi luôn luôn thông cảm với ông thần đèn, ông ta bị thiên hạ làm tình làm tội quá cỡ, nhưng tôi chả bao giờ muốn mình lớn lên thành giống như ông ta. Có vui vẻ gì đâu, thật đấy mà. Nói gì thì nói, người ta cử tôi đến đây là để truyền đạt một thông điệp, nội dung thế nào thì tôi nói với ông rồi. Đó là thông điệp của tiến sĩ Wataya. Tùy

ông lựa chọn. Ông nói gì nào? Câu trả lời tôi phải mang về là thế nào đây?

Tôi không nói gì.

- Dĩ nhiên ông cần thời gian suy nghĩ. Tốt thôi. Chúng tôi có thể cho ông thời gian. Tôi không có ý bắt ông phải quyết định ngay tắp lự. Giả như tôi có thể bảo ông cứ suy nghĩ bao lâu thì tùy, nhưng e rằng chúng tôi không thể rộng rãi như vậy. Cho nên tôi nói thế này, ông Okada ạ. Cho tôi có một lời khuyên, của cá nhân thôi. Một đề nghị hậu hĩnh thế này không phải cứ nằm đó đợi ông mãi đâu. Chỉ cần ông ngoảnh đi một giây, ngoảnh lại thì nó đã biến dạng nào rồi. Nó có thể bốc hơi như sương trên cửa kính ấy. Thành thử ông cứ nghĩ cho nghiêm túc đi, nhưng

phải khẩn trương. Đề nghị này không tồi đâu. Ông hiểu ý tôi chứ?

Ushikawa thở dài rồi nhìn đồng hồ.

- Trời đất quỷ thần ơi, tôi phải đi rồi. Chắc tôi lại ngồi lâu quá khiến ông phát chán nên rồi. Lại được ông đãi bia. Và cũng như mọi khi, toàn là tôi nói. Thôi thì xin lỗi nhé. Không phải tôi định thanh minh đâu, nhưng chả hiểu sao mỗi lần tới đây tôi lại thấy như ở nhà vậy. Ông có cái nhà tiện nghi quá chừng, ông Okada ạ. Thật đấy.

Ushikawa đứng dậy, đem cốc, chai bia và cái gạt tàn đến chỗ chậu rửa bát.

- Tôi sẽ liên lạc với ông Okada sớm. Và tôi sẽ thu xếp cho ông nói chuyện với Kumiko, chuyện đó tôi hứa. Không lâu

nữ đầu.

* * *

Sau khi Ushikawa đi khỏi, tôi mở cửa sổ cho khói thuốc tích lũy này giờ bay ra ngoài. Đoạn tôi uống một cốc nước. Ngồi trên sofa, tôi vuốt ve con Cá thu đang nằm trong lòng tôi. Tôi hình dung Ushikawa vừa ra khỏi nhà tôi một bước là cởi ngay bộ đồ giả trang rồi bay về chỗ Wataya Noboru. Tưởng tượng đến là vớ vẩn!

17

“Phòng chính lý”



Người kể tục

Nhục đậu khấu chẳng biết gì về những người phụ nữ hay lui tới chỗ bà. Chẳng ai cho Nhục đậu khấu biết thông tin về bản thân mình, mà bà cũng chẳng bao giờ hỏi. Những cái tên mà quý bà kia dùng để đăng ký cuộc hẹn rõ ràng là tên giả hết. Thế nhưng bao quanh họ là cái hơi hướm đặc biệt kết hợp giữa tiền bạc và quyền lực. Quý bà này chẳng bao giờ tự phô cái đó ra, song nhìn phong thái và cách ăn mặc của họ, Nhục đậu khấu cũng biết rằng họ thuộc tầng lớp thượng lưu.

Bà thuê địa điểm trong một cao ốc văn phòng ở khu Akasaka – một tòa nhà chẳng có gì nổi bật ở một nơi chẳng có gì nổi bật, để làm yên lòng quý bà vốn luôn lo ngay ngáy sao cho đừng ai dòm ngó đến đời tư của họ. Sau khi thận trọng cân nhắc, bà quyết định bố trí chỗ này như một xưởng thiết kế thời trang. Mà thật, trước kia Nhục đậu khấu vốn là nhà thiết kế thời trang, thành thử chẳng ai sẽ thấy khả nghi nếu có các quý bà thuộc nhiều giới khác nhau lui tới chỗ bà. Khách hàng của bà đều trong độ tuổi ba mươi, bốn mươi. Nhục đậu khấu chất đầy vải vóc, mẫu thiết kế và tạp chí thời trang vào căn phòng, lại thêm dụng cụ, bàn vẽ và vài con manơcanh mà thiết kế thời

trang luôn cần tới, thậm chí bà còn thiết kế vài bộ thật, để bên ngoài nhìn vào càng thấy đáng tin hơn. Căn phòng nhỏ hơn trong hai phòng được bà bố trí thành phòng chỉnh lý. Khách hàng của bà thường được đưa vào phòng chỉnh lý, và họ sẽ ngồi lên sofa để được Nhục đậu khấu “chỉnh lý”.

Danh sách khách hàng của Nhục đậu khấu được lập bởi bà vợ của ông chủ một cửa hàng bách hóa lớn. Bà ta đã lựa chọn từ trong số bạn bè đồng đảo của mình một số rất hạn chế những ứng viên đáng tin cậy. Bà ta tin chắc rằng, để tránh mọi khả năng gây tai tiếng om sòm, cần phải biến nhóm này thành một câu lạc bộ có thành phần đặc tuyển. Nếu không thì

tin tức về các cuộc sắp đặt thế này chắc hẳn sẽ tràn lan nhanh chóng. Những quý bà được chọn làm thành viên đều được cảnh báo không bao giờ được tiết lộ cho người ngoài về những lần “chỉnh lý” của mình. Quý bà này không chỉ là những người rất có tư cách, mà họ còn biết rằng nếu nuốt lời hứa họ sẽ bị khai trừ vĩnh viễn khỏi câu lạc bộ.

Mỗi khách hàng sẽ gọi điện thoại để đăng ký giờ “chỉnh lý” và đến đúng giờ đã hẹn, biết rằng mình không phải ngại chạm trán bất cứ thành viên nào khác và có thể yên tâm rằng mọi hành tung của mình đều được giữ kín. Thù lao được trả ngay tại chỗ, bằng tiền mặt, bao nhiêu là do vợ ông chủ cửa hàng bách hóa ẩn

định, song luôn ở mức cao hơn Nhục đậu khấu tương nhiều. Tuy nhiên chẳng phải vì thù lao như thế mà người ta ít đến hơn. Bất cứ quý bà nào từng được Nhục đậu khấu “chỉnh lý” đều sẽ hẹn thêm lần nữa, không có ngoại lệ. “Bà đừng để tiền bạc trở thành gánh nặng cho mình”, vợ ông chủ cửa hàng bách hóa từng giải thích với Nhục đậu khấu. “Càng trả cao thì các bà ấy càng yên tâm”. Nhục đậu khấu đến “văn phòng” một tuần ba lần, mỗi ngày “chỉnh lý” một lần. Bà chỉ làm đến thế là hết mức.

Quế trở thành trợ lý cho mẹ từ khi cậu tròn mười sáu tuổi. Ở thời điểm đó Nhục đậu khấu đã bắt đầu thấy khó tự mình đảm đương mọi công việc hành chính lặt

vật, song thuê một kẻ hoàn toàn xa lạ thì bà không muốn. Cuối cùng, sau khi đã đắn đo rất dũ, bà mới đề nghị con trai giúp một tay, cậu đồng ý ngay lập tức mà thậm chí không hề hỏi xem mẹ đang làm thứ việc gì. Ngày nào cũng vậy, cậu đến văn phòng lúc 10 giờ sáng bằng taxi (cậu không chịu nổi nếu phải đụng chạm với người khác trên xe buýt hay xe điện ngầm), lau chùi, quét bụi, sắp xếp lại đồ đạc đầu vào đó, thay hoa mới vào bình, pha cà phê, mua sắm các thứ cần thiết, cho băng nhạc cổ điển vào máy cassette rồi vặn âm lượng nhỏ, và ghi sổ sách.

Chẳng bao lâu Quế đã trở thành một nhân vật không thể thiếu ở văn phòng. Dẫu là hôm có khách hay không, cậu luôn luôn

vận comple, thắt cà vạt đoạn ngồi vào vị trí của mình ở bàn đón khách. Không một vị khách nào than phiền chuyện cậu không nói được. Họ chẳng thấy bất tiện chút nào về chuyện đó, thậm chí còn thích là đằng khác. Cậu chính là người nhận cuộc gọi mỗi khi họ muốn hẹn giờ. Họ cho cậu biết họ muốn đến vào ngày ấy, giờ ấy, cậu sẽ gõ lên bàn để đáp lại: một tiếng là “không”, hai tiếng là “vâng”. Quý bà thích kiểu vắn tắt ấy. Cậu là một trang thanh niên với những nét hoàn hảo đến mức có thể tạc thành tượng, trưng trong viện bảo tàng, và khác với nhiều thanh niên bảnh trai khác, cậu không bao giờ làm hỏng hình ảnh của mình khi mở miệng. Các bà thường trò chuyện với cậu khi đến hoặc khi đi, và cậu thường đáp

lại bằng một nụ cười và một cái gật đầu. Những cuộc “trò chuyện” đó làm họ thấy nhẹ nhõm hơn, làm vơi đi nỗi căng thẳng mà họ mang từ thế giới bên ngoài vào đây, cũng làm họ thấy đỡ phần lúng túng sau khi được “chỉnh lý”. Bản thân Quế cũng vậy, cậu thường không ưa giao tiếp với người lạ, song lại tỏ ra không hề khó chịu khi tiếp xúc với quý bà này.

Năm mười tám tuổi Quế lấy được bằng lái. Nhục đậu khấu đã tìm được một thầy dạy lái xe tử tế để dạy riêng cho cậu, nhưng Quế đã mua sách tự học tất cả những gì cần học về lái xe rồi. Cậu chỉ cần biết thêm những kỹ năng thực hành mà sách không dạy được, và kỹ năng đó chỉ cần ngồi sau tay lái vài hôm là cậu

nắm vững ngay. Có bằng lái rồi, cậu bắt đầu lùng khắp các tạp chí về ô tô cũ đăng mua một chiếc Porsche Carrera bằng toàn bộ số tiền cậu dành dụm được nhờ làm việc cho mẹ (số tiền đó cậu không hề phải chi tiêu vào sinh hoạt hàng ngày). Cậu đánh bóng động cơ đến sáng choang lên, cậu đặt mua các bộ phận mới qua bưu điện, lắp lốp xe mới, nói chung là nâng cấp chiếc ô tô lên tiêu chuẩn xe đua. Tuy nhiên, sau đó thì cậu vẫn chỉ ngày ngày lái chiếc ô tô đó trên con đường ngắn ngủn đông nghẹt từ nhà cậu ở Hiroo đến văn phòng ở Akasaka với vận tốc hiếm khi trên sáu mươi cây số một giờ. Do vậy chiếc Porsche 911 của cậu là một trong những chiếc hiếm hoi kiểu đó trên thế giới.

* * *

Nhục đậu khấu tiếp tục làm công việc của mình suốt hơn bảy năm, trong thời gian đó bà để mất ba khách hàng: người thứ nhất chết trong một tai nạn xe hơi, người thứ hai bị “khai trừ vĩnh viễn” vì một sai phạm nhỏ nào đó, người thứ ba thì “đi xa” do chồng thay đổi việc làm. Thay cho những người đó là bốn khách hàng mới, tất cả đều thuộc loại quý bà trung niên hấp dẫn mặc quần áo đắt tiền và dùng toàn biệt danh. Bản thân công việc của Nhục đậu khấu không hề thay đổi trong suốt bảy năm. Bà vẫn tiếp tục “chỉnh lý” cho các khách hàng. Quế tiếp tục lau chùi dọn dẹp văn phòng, ghi sổ sách và lái chiếc Porsche. Tiến triển

cũng không, thụt lùi cũng không, chỉ có những người trong cuộc thì thêm tuổi. Nhục đậu khấu sắp bước sang tuổi năm mươi, Quế thì tròn hai mươi. Quế dường như thích công việc của mình, nhưng Nhục đậu khấu dần dần bị cảm giác bất lực xâm chiếm. Hết năm này sang năm khác bà tiếp tục “chỉnh lý” “cái gì đó” kia mà mỗi khách hàng đều mang bên trong mình. Bà chẳng bao giờ hiểu được chính xác mình đang làm gì cho họ, nhưng bà vẫn tiếp tục làm hết sức mình. Tuy nhiên, bà không bao giờ chữa dứt được những “cái gì đó” này. Bà chẳng thể nào xóa sạch được hoàn toàn “cái đó”, toàn bộ năng lực chữa trị của bà chỉ làm được mỗi việc là giảm thiểu hoạt động của chúng trong một thời gian. Chỉ

trong ít ngày (thường từ ba đến mười ngày), mỗi “cái gì đó” ấy sẽ lại hoạt động, khi tiến khi lùi song về lâu dài thì ngày một lớn ra, ngày một mạnh lên như tế bào ung thư, không thể nào ngăn được. Nhục đậu khấu cảm thấy những cái đó trưởng thành lên trong tay mình. Chúng như nói với bà: Mụ chỉ tổ phí thì giờ vô ích thôi. Dù mụ có làm gì đi nữa thì rốt cuộc bọn ta vẫn thắng. Và chúng có lý. Bà chẳng có mấy may hy vọng thắng. Bà chỉ làm được mỗi một việc là trì hoãn bước tiến của chúng sao cho khách hàng của bà có được dăm ngày bình yên. Nhục đậu khấu thường tự hỏi: “Có phải chỉ các bà này không? Có phải tất cả phụ nữ trên thế giới này đều mang “cái gì đó”

này ở bên trong nhục thể mình không? Mà tại sao tất cả các bà đến đây đều trong lứa tuổi trung niên? Liệu chính mình cũng có một “cái gì đó” ở bên trong mình không?”.

Tuy nhiên Nhục đậu khấu không thiết tha lắm đến việc tìm lời đáp cho những câu hỏi đó. Bà chỉ biết chắc một điều là mọi tình huống hình như đã trùng hợp thể nào đó để bà phải bị trói buộc vào căn phòng chỉnh lý này. Người ta cần bà, và chừng nào người ta còn cần bà, bà không thể ra đi được. Đôi khi cảm giác bất lực của bà sâu thẳm và khủng khiếp đến nỗi bà có cảm giác mình như cái vỏ rỗng bị vứt đi. Bà đang kiệt dần đi, đang biến dần vào bóng tối hư vô. Vào những lúc như vậy,

bà thường bộc bạch tâm hồn với cậu con trai trầm lặng của mình, và Quế thường chăm chú lắng nghe từng lời của mẹ, thỉnh thoảng lại gật đầu. Cậu chẳng bao giờ nói năng gì, nhưng nói chuyện với cậu như thế này bà cảm thấy bình tâm kỳ lạ. Bà cảm thấy mình không hoàn toàn cô độc, không hoàn toàn bất lực. Là thật, bà nghĩ: Mình chữa cho người khác, Quế chữa cho mình. Thế còn ai chữa cho Quế? Phải chăng nó là một lỗ đen, tự nó thu hút mọi nỗi đau và nỗi cô đơn? Có lần – mà cũng chỉ một lần ấy thôi – bà thử tìm tòi bên trong cậu con trai bằng cách đặt tay lên trán cậu như bà vẫn làm với khách hàng những khi “chỉnh lý” cho họ. Nhưng bà không cảm thấy gì cả.

Chẳng mấy chốc Nhục đậu khấu cảm thấy muốn thôi không làm việc này nữa.

“Mình chẳng còn lại bao nhiêu sức lực. Nếu cứ thế này, mình sẽ tự thiêu cháy mình đến hết. Mình sẽ chẳng còn lại gì nữa.” Nhưng người ta vẫn rất cần đến khả năng “chỉnh lý” của bà. Bà không thể tự cho phép mình bỏ rơi khách hàng chỉ vì ý muốn cá nhân.

Đến mùa hè năm sau, Nhục đậu khấu tìm được người kế tục. Ngay khi nhìn thấy vết bầm trên má chàng thanh niên đang ngồi trước một tòa nhà ở khu Shinjuku, bà đã biết.

18

Con gái của một con ếch ộp ngu si
(Quan điểm của Kasahara May: 4)

*

Lại chào anh, Chim vặn dây cót!

Bây giờ là 2 giờ 30 sáng. Hàng xóm em ngủ thẳng cẳng hết rồi, nhưng đêm nay em không ngủ được, thế là em mò dậy viết thư cho anh. Nói thật với anh, ban đêm mà không ngủ được thì với em là chuyện bất thường cũng như võ sĩ sumo đội mũ bêrê mà lại đẹp trai vậy. Thường thì hể tới giờ là em đã ngủ tít rồi, cứ thế làm một mạch cho tới giờ phải dậy. Em có đồng hồ báo thức nhưng hầu như chả bao giờ dùng cả. Tuy nhiên, lâu thật lâu

lại có một lần em thức dậy lúc nửa đêm rồi chẳng làm sao ngủ lại được.

Em định sẽ cứ ngồi ở bàn viết thư cho anh cho đến khi nào buồn ngủ thì thôi, cho nên em chả biết thư này sẽ dài hay ngắn nữa. Mà dĩ nhiên là lần nào cũng vậy, hễ cứ viết thư cho anh là mãi đến khi dừng rồi em mới biết thư dài hay ngắn.

Em nghĩ thế này anh ạ, hầu hết thiên hạ sống trên đời này ấy mà (chắc cũng có vài ngoại lệ, nhưng ít lắm), họ cứ nghĩ rằng thế giới này hay cuộc đời này (gọi là gì cũng được) là cái nơi mà tất cả mọi thứ đều hợp lý và nhất quán (hay ít nhất là đều ắt phải hợp lý và nhất quán). Mỗi khi nói chuyện với hàng xóm em ở đây là

em lại thường nghĩ như vậy. Thế này nhé, mỗi khi có chuyện gì đó xảy ra, dù là một sự kiện lớn ảnh hưởng đến toàn bộ xã hội hay chỉ là một chuyện cón con, cá nhân, người ta đều nói kiểu như là “Ồ, tất nhiên rồi, xảy ra thế là vì thế này, và thế kia”, và hầu như bao giờ mọi người cũng đồng ý và nói “À ra thế, tôi hiểu rồi”. Em thì em chả hiểu gì sất. “A thì thế này, chính vì vậy mới xảy ra B”. Nói như thế chẳng giải thích được gì cả. Chả khác gì anh trộn hỗn hợp Chawanmushi(10) cho vào bát, để bát vào vỉ ba rồi nhấn nút, đợi nghe chuông reo thì mở nắp ra, thế là mình có món chawanmushi ngon lành. Thế nhưng chuyện gì xảy ra giữa khoảnh khắc ta nhấn nút và khoảnh khắc lò vỉ ba reo chuông? Anh đâu thể biết được

chuyện gì xảy ra dưới cái nắp. Biết đâu trong bóng tối, khi chẳng ai nhìn thấy, chawanmushi lại chẳng trước hết là biến thành macaroni nấu phở mát, sau đó mới trở lại là chawanmushi thì sao? Chúng ta cứ nghĩ hễ đã cho hỗn hợp chawanmushi vào lò vi ba rồi nhấn nút, đợi chuông reo là ta có món chawanmushi, nhưng với em, đó chỉ là giả thiết mà thôi. Có khi em sẽ thấy nhẹ nhõm hơn nếu sau khi cho hỗn hợp chawanmushi vào lò vi ba, đợi chuông reo, mình mở nắp thì lại thấy món macaroni nấu phở mát. Chắc là em sẽ sùng sốt lắm, dĩ nhiên rồi, nhưng em lại cũng sẽ thấy nhẹ người nữa. Hay ít nhất là em cũng sẽ không bối rối quá, bởi nếu xảy ra như vậy thì có khi lại thực hơn

nhiều.

Sao lại “thực hơn”? Cố công giải thích điều đó theo cách hợp lý, bằng từ ngữ thì khó lắm, vô cùng khó, nhưng nếu lấy chẳng hạn như cuộc đời em từ hồi nào đến giờ làm ví dụ mà ngẫm cho kỹ vào, anh sẽ thấy chẳng có lấy một cái gì để anh may ra gọi được là “nhất quán”.

Trước tiên, thật quá ư lạ lùng là tại sao một đứa con gái như em lại sinh ra bởi một cặp vợ chồng chán ngắt như hai con ếch ộp thế kia. Lạ quá đi ấy! Nói về bản thân mình như thế này nghe thì lạ, nhưng quả thật em nghiêm túc hơn nhiều so với cả hai người cộng lại đấy. Em không nói khoác đâu, sự thật là vậy. Em không có ý nói em tốt hơn bố mẹ em, chỉ là em

ng nghiêm túc hơn thôi. Nếu anh gặp bố mẹ em thì sẽ hiểu em muốn nói gì, Chim vặn dây cót à. Những người đó tin rằng thế giới này nhất quán và dễ giải thích như bản sơ đồ mặt bằng một ngôi nhà đất tiền mới xây để bán ấy, cho nên nếu anh làm mọi việc một cách hợp logic và nhất quán thì mọi chuyện tốt cuộc đều sẽ đầu vào đó cả. Chính vì vậy mà bố mẹ mới hoang mang, buồn bực, giận dữ khi thấy em không như thế.

Tại sao em sinh ra trên đời này lại làm con những kẻ đầu đất như vậy chứ? Mà tại sao dù được những người như vậy nuôi nấng dạy dỗ nhưng em vẫn không trở thành một con ếch ộp ngu si như họ? Em cứ tự hỏi mình mãi về chuyện đó, tự

hỏi mãi từ khi em bắt đầu biết nhớ. Nhưng em không lý giải được. Ất là phải có lý do chính đáng nào đó, nhưng cái lý do đó em chẳng tài nào tìm ra. Mà lại có vô khối chuyện khác không thể nào giải thích bằng logic được. Tỉ như “Tại sao ai cũng ghét em?” Em chẳng làm gì sai cả, em chỉ sống bình thường thôi. Thế mà dùng một cái, một ngày kia em nhận ra rằng chả ai thích em hết. Em không hiểu nổi.

Thế rồi một chuyện chẳng đâu vào đâu này kéo theo chuyện chẳng đâu vào đâu khác, từ đó mọi chuyện cứ thế xảy ra. Tỉ như em gặp anh chàng đi mô tô, rồi sau đó là cái tai nạn ngớ ngẩn đó... Trong ký ức của em – hay là theo cách những

chuyện đó được sắp xếp trong đầu em – thì chẳng làm gì có chuyện “việc này đã xảy ra thế này thì hiển nhiên việc nọ sẽ xảy ra thế nọ”. Mỗi khi chuông reo và em mở nắp lò vi ba, dường như em luôn sẽ nhìn thấy một cái gì đó chưa nhìn thấy bao giờ.

Em chẳng biết chuyện gì đang xảy ra với mình nữa, thế là em bỏ học từ lúc nào không biết, suốt ngày quanh quẩn ở nhà, rồi thì em gặp anh, Chim vặn dây cót. À không, trước đó thì em làm nghiên cứu cho một công ty làm tóc giả. Nhưng sao lại công ty làm tóc giả? Ấy lại là một bí ẩn khác. Em không nhớ nữa. Có lẽ vì khi em bị chấn thương vào đầu lúc bị tai nạn, nên vị trí của bộ não em bị dịch

chuyển loạn hết cả. Mà cũng có thể vì cú sốc tâm lý sau tai nạn khiến em đâm ra giấu biệt hết mọi ký ức trong đầu, kiểu như con sóc giấu một hạt dẻ rồi quên không nhớ mình đã chôn ở đâu ấy. (Anh đã bao giờ thấy chuyện đó chưa hở Chim vặn dây cót? Em thì thấy rồi. Hồi bé, em cứ nghĩ con sóc ngốc nghếch buồn cười quá đi mất! Em chẳng bao giờ nghĩ rằng chuyện y như thế rồi sẽ xảy ra với chính em).

Thế nào thì thế, em bắt đầu làm khảo sát cho công ty làm tóc giả, rồi thì chuyện đó làm em đâm ra thích tóc giả đến mức cứ như là định mệnh hay gì gì ấy. Cứ bảo là không có mối liên hệ gì đi! Sao lại là tóc giả chứ không phải vớ chân hay muôi

đong gạo? Giả như là vớ chân hay muối đong gạo thì chắc em đã không làm việc chăm chỉ ở nhà máy làm tóc giả như thế này. Có đúng không? Và nếu em không gây ra tai nạn xe máy ngớ ngẩn kia thì chắc em đã không gặp anh trong cái ngõ sau nhà mùa hè năm đó, mà nếu anh không gặp em thì chắc anh đã chẳng bao giờ biết tới cái giếng trong vườn nhà Miyawaki, nghĩa là anh cũng sẽ không bị vết bầm trên mặt, và anh sẽ không phải mắc vào bao nhiêu là chuyện lạ lùng kia... Có thể lắm chứ. Mỗi khi nghĩ vậy, em không khỏi tự hỏi: “Liệu có sự nhất quán logic nào trên thế giới này không?”. Em không biết – có khi trên thế giới này có hai loại người khác nhau, đối với loại

người này thì thế giới là một nơi hợp lý, chawanmushi, còn với loại người kia thì được chẳng hay chớ, macaroni với phó mát. Em dám cá là nếu bố mẹ ếch ộp của em cho chawanmushi vào lò vi ba mà đến khi chuông reo lại được món macaroni nấu phó mát thì họ sẽ tự nhủ: “Ồ, chắc mình đã bỏ nhầm macaroni với phó mát vào lò rồi”, hoặc họ sẽ lấy món macaroni với phó mát ra rồi cố tự thuyết phục mình: “Cái này trông giống macaroni nấu phó mát thế thôi chứ thật ra là chawanmushi đó”. Và nếu em cố đi giải thích với họ rằng đôi khi, ta cho chawanmushi vào lò nhưng sẽ có món macaroni với phó mát, họ sẽ chẳng bao giờ tin em cả. Họ sẽ nổi điên mất. Anh có hiểu em đang nói gì không hở Chim

vặn dây cốt?

Anh có nhớ cái lần em hôn vết bầm của anh không? Em cứ nghĩ về chuyện đó hoài từ khi em nói tạm biệt anh hồi mùa hè năm ngoái, nghĩ hoài nghĩ mãi, như con mèo ngắm mưa rơi ấy, ngắm mà tự hỏi: đó là cái gì thế nhỉ? Em không biết liệu chính em có lý giải được không, nói thật với anh thế. Lúc nào đấy sau này, có thể mười, hai mươi năm nữa, nếu mình có dịp nói lại chuyện này, và nếu em đã lớn hơn và cũng thông minh hơn bây giờ nhiều thì có thể em sẽ nói được cho anh biết những chuyện ấy có ý nghĩa gì. Nhưng ngay bây giờ thì đáng tiếc là không, chắc em không có khả năng hay đầu óc để tìm đúng những từ thích hợp.

Tuy nhiên, có chuyện này em có thể nói thành thực với anh, Chim vặn dây cốt à, giá như anh không bị vết bầm trên mặt thì em thích anh hơn. Nhưng khoan, đợi đã, như thế không công bằng. Anh có chủ ý trưng cái vết bầm kia lên mặt đâu. Có lẽ em nên nói rằng dù không có vết bầm đi nữa thì Chim vặn dây cốt vẫn mười phần vẹn mười đối với em. Có phải không nhỉ? Không, nói vậy thì cũng chẳng giải thích được gì.

Em thì nghĩ thế này, Chim vặn dây cốt ạ. Cái vết bầm ấy biết đâu sẽ mang lại cho anh một cái gì đó quan trọng. Nhưng ắt hẳn nó cũng phải tước đi một cái gì đó của anh. Kiểu như là trao đổi ấy. Nhưng nếu bất cứ ai cũng tước đi của anh cái

này cái nợ như vậy thì rốt cuộc anh sẽ hao dần đi cho tới khi chẳng còn lại gì của anh nữa. Thành thử, em không biết thế nào, thật ra điều em muốn nói là nếu như anh chẳng có vết bầm thì với em cũng không có gì khác cả.

Đôi khi em nghĩ sở dĩ em ngồi đây làm tóc giả ngày này qua ngày khác là vì lần đó em đã hôn vết bầm của anh. Chính vì em đã làm vậy nên em mới quyết định rời bỏ nơi đó, càng xa càng tốt. Em biết nói vậy thì có thể anh sẽ đau lòng, nhưng em nghĩ đó là sự thật. Thế nhưng, chính vì vậy mà cuối cùng em mới tìm được chỗ của mình là ở đâu. Cho nên, theo nghĩa nào đó, em phải chịu ơn anh, Chim vặn dây cốt ạ. Mặc dù, nếu có ai đó chỉ

chịu ơn mình “theo một nghĩa nào đó” thì chắc cũng không thích lắm đâu nhỉ?

Giờ thì em cảm thấy chắc là em đã nói hết những gì phải nói với Chim vặn dây cốt rồi. Đã gần 4 giờ sáng. Em phải dậy lúc 7 giờ 30, thành thử chắc em sẽ ngủ được ba tiếng hơn một chút. Em hy vọng có thể ngủ ngay được. Dù thế nào đi nữa em cũng dừng bút đây. Tạm biệt, Chim vặn dây cốt. Hãy chúc cho em ngủ được nhé.

10. Dịch theo bản tiếng Nhật.

Chawanmushi là một món ăn truyền thống của Nhật, đựng trong bát, hấp cách thủy. Để làm món này, người ta đánh trứng, trộn với súp, thêm các gia

*vị như muối, tương đậu nành, xong thì
đổ vào bát có sẵn một vài loại thực
phẩm khác – thường là cá mình trắng,
tôm, gà, chả cá luộc, đậu, nấm và măng
– rồi cho vào nồi hấp cách thủy – ND.*

19

Mê cung dưới lòng đất



Hai cánh cửa của Quế

- Trong nhà kia có một cái máy vi tính phải không ông Okada? Có điều tôi không biết ai dùng thôi, - Ushikawa nói. Lúc ấy là 9 giờ tối, tôi đang ngồi ở bàn bếp, điện thoại áp vào tai.

- Có, - tôi nói, nhưng chỉ thế.

Ushikawa khịt khịt mũi.

- Tôi biết nhiều thế là nhờ thường xuyên rình rập đấy thôi. Dĩ nhiên, tôi không nói này nọ về chuyện ông có một cái máy vi tính ở đó. Thời buổi này, ai là kẻ làm

việc bằng trí óc mà lại không có máy vi tính. Chẳng có gì lạ cả.

Tuy nhiên, để khỏi dông dài, xin nói ngay rằng tôi có nảy ra ý nghĩ nếu khả dĩ liên lạc với ông bằng máy vi tính thì cũng tốt. Thế là tôi đã tìm hiểu, nhưng mẹ kiếp, việc ấy phức tạp quá trời quá đất, phức tạp hơn tôi tưởng nhiều. Chỉ quay số điện thoại thông thường thì không thể kết nối được. Hơn nữa lại phải có mật khẩu đặc biệt để truy cập. Không có mật khẩu thì cửa không mở. Thế là tôi đành chịu.

Tôi im lặng.

- Nào nào, đừng hiểu lầm tôi chứ ông Okada. Tôi không định chui vào trong máy của ông mà vọc đâu. Tôi không hề có ý đó. Ông đã lo bảo mật đến thế kia

thì dù có muốn tôi cũng chẳng lười dữ liệu ra được. Chuyện đó tôi chẳng bao giờ tính tới. Trước sau tôi chỉ nghĩ đến việc làm sao bố trí một cuộc trò chuyện giữa ông và cô Kumiko. Ông nhớ chứ, tôi đã hứa với ông sẽ làm chuyện đó, rằng tôi sẽ cố hết sức giúp ông và cô ấy nói chuyện trực tiếp với nhau. Cô ấy bỏ nhà đi đã lâu, cứ để mọi chuyện lửng lơ thế này thì thật không hay. Cứ kiểu này thì cuộc sống của ông chắc sẽ ngày càng kỳ quặc hơn thôi. Nói chuyện tay đôi với nhau, cởi mở với nhau bao giờ cũng là tốt nhất. Nếu không thì sẽ dễ phát sinh hiểu lầm, mà đã hiểu lầm thì thành ra bất hạnh... Dù sao tôi cũng đã cố kêu gọi cô Kumiko. Tôi đã cố hết mình.

Nhưng tôi không làm sao cho cô ấy đồng ý được. Cô ấy khẳng khẳng một mực rằng sẽ không nói chuyện trực tiếp với ông, thậm chí bằng điện thoại cũng không (bởi gặp trực tiếp thì hiển nhiên là không rồi). Cả bằng điện thoại cũng không?

Suýt nữa tôi đã chịu thua rồi. Tôi đã thử hết mảnh khoe trong sách vở, nhưng ý cô ấy đã quyết. Rắn như đá ấy.

Ushikawa ngừng nói để xem tôi phản ứng ra sao, nhưng tôi chẳng nói gì.

- Thế nhưng tôi cũng không thể cô ấy nói gì thì chỉ biết thế mà đành bó tay. Tiên sĩ Wataya sẽ quở tôi ra trò nếu tôi hành xử kiêu đó. Người kia có thể rắn như đá, nhưng tôi sẽ phải tìm ra một điểm dung hòa tí ti nào đó. Việc của chúng tôi là

vậy: tìm ra điểm dung hòa. Nếu người ta không chịu bán cái tủ lạnh cho ta thì ít nhất hãy làm sao cho họ chịu bán ít nước đá. Thế là tôi vắt óc tìm xem có cách nào không. Nghĩ ra hàng triệu ý tưởng khác nhau, chính cái ấy làm chúng ta thành người đày ông ạ. Thế rồi dùng một cái, một ý tưởng thật hay bật ra trong cái đầu mụ mị của tôi, như ngôi sao lóe lên giữa những đám mây vậy. “Đây rồi!” tôi tự nhủ. “Sao lại không nói chuyện trên màn hình vi tính chứ?” Ông biết đó, dùng bàn phím gõ câu chữ lên màn hình ấy mà. Ông làm vậy được chứ phải không, ông Okada?

Hồi làm ở hãng luật tôi có dùng máy vi tính để nghiên cứu các trường hợp tiền

lệ, tìm dữ liệu cá nhân cho khách hàng và liên lạc qua e-mail. Kumiko cũng dùng máy vi tính ở sở làm. Tạp chí về thức ăn dưỡng sinh nơi nàng làm biên tập có nhiều file lưu trong máy tính về thực đơn các món ăn và phân tích thành phần dinh dưỡng.

- Không phải máy tính cũ nào cũng làm được đâu, - Ushikawa nói tiếp, - nhưng với máy chúng tôi và máy của ông thì ông và cô Kumiko có thể liên lạc với nhau bằng tốc độ khá nhanh. Cô Kumiko nói cô ấy sẵn sàng liên lạc với ông bằng cách đó. Tôi chỉ thuyết phục được cô ấy đồng ý đến thế thôi. Trao đổi thông điệp theo thời gian thực thì cũng gần như nói chuyện trực tiếp với nhau. Đó là điểm

dung hòa cuối cùng tôi có thể tìm ra được. Vất kiệt cái con khỉ này mới ra được ngàn ấy thông thái đấy. Ông nói sao nào? Có thể ông thấy ý tưởng này chẳng có gì ghê gớm, nhưng tôi thì đến rạc cả óc mới nghĩ ra được đấy. Xin thưa với ông, phải động não đến cỡ đó trong khi ngay cả não mình cũng chẳng có thì mệt lắm!

Tôi chuyển ống nghe sang tay trái.

- Alô, ông Okada? Ông vẫn đang nghe đấy chứ?

- Tôi đang nghe đây, - tôi nói.

- Tốt, vậy thì thế này: cái duy nhất tôi cần ở ông là mật khẩu để truy cập máy tính của ông. Được vậy thì tôi sẽ bố trí được một buổi nói chuyện giữa ông và

cô Kumiko. Ý ông thế nào?

- Tôi thì thấy có vài cái khó, về thực tiễn.

-Ồ, khó khăn gì mới được chứ?

- Trước hết, làm sao tôi biết chắc đó là Kumiko? Khi trò chuyện trên màn hình vi tính, ta không thấy được mặt hay nghe giọng nói của người kia. Một ai khác có thể ngồi ở bàn phím vờ là Kumiko chứ.

- Tôi hiểu ý ông, - Ushikawa nói, giọng có vẻ chịu là tôi nói phải. – Tôi chưa hề nghĩ tới điều đó. Nhưng tôi tin chắc là phải có cách giải quyết. Không phải nịnh ông đâu, nhưng luôn nhìn sự vật một cách hoài nghi, luôn nghi ngờ như ông là rất tốt. “Tôi hoài nghi, vì vậy tôi tồn tại”. Được thôi, vậy chuyện này xử lý thế

nào? Trước tiên ông hãy hỏi một câu mà chỉ mình Kumiko mới trả lời được. Nếu người kia trả lời được thì đó phải là Kumiko. Ý tôi là ông với cô ấy sống với nhau đã mấy năm thì hẳn phải có vài điều chỉ hai người biết với nhau thôi.

Điều Ushikawa vừa nói xem ra có lý.

- Thế thì chắc là được, - tôi nói. —

Nhưng tôi không biết mật khẩu. Tôi chưa đụng tới cái máy đó bao giờ.

* * *

Nhục đậu khấu có bảo tôi, Quế đã điều chỉnh từng xăngtimét của hệ thống máy tính theo ý thích của anh. Anh ta đã chế ra cơ sở dữ liệu riêng đầy phức tạp của mình và cài đặt một mã bí mật cùng nhiều phương sách tài tình khác để ngăn

không cho người ngoài truy cập. Mười ngón tay đặt trên bàn phím, Quế là kẻ thống trị tuyệt đối cái mê cung ba chiều dưới lòng đất này. Anh ta biết rõ từng đường đi lối lại trong cái mớ bòng bong những đường ngang ngõ tắt ấy, chỉ cần một cú nhấn phím là có thể dễ dàng nhảy từ đường này đến lối kia. Đối với một kẻ ngu ngơ xâm nhập vào đây (nghĩa là bất cứ ai khác ngoài Quế), thì để mò được đường trong cái mê cung này, vượt qua hết các chốt báo động và cạm bẫy đang tìm ra nơi chứa dữ liệu quan trọng thì phải mất hàng tháng trời, theo lời Nhục đậu khấu. Ấy thế mà cái máy đặt ở Dinh không lấy gì làm quá lớn, nó chỉ cùng loại với máy đặt ở văn phòng tại Akasaka thôi. Tuy nhiên, cả hai đều

được nối mạng với máy chủ ở nhà họ. Nhất định là ở đó Quế lưu dữ liệu về khách hàng và tiến hành hệ thống kế toán kép phức tạp của hai mẹ con, nhưng tôi cho rằng ngoài những bí mật liên quan đến công việc mà anh ta và Nhục đầu khẩu đã làm nhiều năm qua, anh ta còn lưu ở đó một cái gì hơn thế nữa.

Sở dĩ tôi tin như vậy là xét qua mức độ gắn bó sâu sắc giữa Quế với chiếc máy vi tính mà có lần tôi đã tình cờ thấy được khi anh ta nán lại Dinh của chúng tôi.

Thường thì mỗi khi ngồi trong phòng làm việc riêng của mình ở đó, anh ta đều đóng kín cửa, nhưng thi thoảng anh ta lại để cửa hé hé nhờ vậy tôi có thể quan sát anh ta làm việc, dù không phải không có

chút cảm giác tội lỗi khi tọc mạch dòm vào chỗ riêng tư của người ta. Anh ta và chiếc máy vi tính dường như cũng chuyển động trong một môi trường nhất gần như là nhục cảm. Sau khi gõ một loạt phím, anh ta nhìn đắm đắm vào màn hình, miệng anh ta méo đi lộ vẻ bất bình hoặc cong lên hao hao giống nụ cười. Đôi khi anh có vẻ trầm ngâm suy nghĩ, tay gõ một phím, một phím khác, rồi một phím khác nữa; đôi khi anh lướt ngón tay rào rào trên các phím với toàn bộ nội lực của một dương cầm thủ đang chơi một bản étude của Liszt. Trong khi đắm mình vào cuộc đàm thoại câm lặng với chiếc máy tính, dường như anh đang nhìn thấu qua màn hình để thấy một thế giới khác, cái thế giới có mối liên quan mật thiết đặc

biệt với anh. Tôi không thể không cảm thấy, thực tại đối với anh là ở cái mê cung dưới lòng đất của anh hơn là ở thế giới trên mặt đất này. Có lẽ trong thế giới đó Quế có một giọng nói rõ ràng, sang sảng, bằng giọng đó anh nói năng hùng biện, bằng giọng đó anh cười lớn tiếng và thét vang lên.

* * *

- Liệu tôi có thể truy cập máy của ông từ máy ở đây không? – tôi hỏi Ushikawa. – Làm vậy thì ông không cần mặt khẩu.

- Không, thế không được. Thông điệp của ông có thể đến đây, nhưng thông điệp từ đây thì không đến đó được. Vấn đề là ở mặt khẩu, ở cái câu “Vùng ời mở ra” ấy. Không có nó thì ta chẳng làm gì

được. Cửa sẽ không mở ra cho sói, dù sói có ra sức nhai giọng đến đâu. Nó có thể gõ cửa nói: “Chào, mình là bạn Thỏ đây”, nhưng nếu không có mật khẩu thì sẽ bị cấm cửa thôi. Đây là chuyện khóa trình tiết kia mà.

Ushikawa quẹt diêm châm thuốc ở đầu dây bên kia. Tôi hình dung hai hàm răng khắp khênh vàng khè và cái mồm móm xòm của y.

- Đó là một mật khẩu gồm ba ký tự, chữ cái hay chữ số. Ông có mười phút để nhập mật khẩu sau khi con trở nhắc.

Nhập sai ba lần thì sẽ bị từ chối truy cập, thêm nữa sẽ có báo động. Chả phải còi hụ hay gì gì đâu, nhưng sói đã để lại dấu chân thì người ta ắt biết là nó đã

chui vào. Khôn ngoan quá hử? Ông cứ thử tính có bao nhiêu cách hoán vị và kết hợp giữa hai mươi bốn chữ cái và mười chữ số xem, có mà vô số. Ông phải biết mật khẩu, không thì chẳng làm gì được. Tôi suy nghĩ một chút, không trả lời.

- Ông Okada có ý gì không?

* * *

Chiều hôm sau, khi vị khách đã ngồi trên băng sau chiếc Mercedes để ra về, tôi đến chỗ phòng làm việc nhỏ của Quế, ngồi xuống trước máy vi tính của anh ta rồi bật máy. Ánh sáng xanh dương dịu mát của màn hình hiện lên với một thông điệp duy nhất:

Nhập mật khẩu trong vòng mười giây.

Tôi nhập mật khẩu gồm ba chữ mà tôi đã

chuẩn bị sẵn:

ZOO

Máy tính kêu bíp một lần rồi hiển thị thông báo lỗi:

Mật khẩu không đúng.

Nhập mật khẩu đúng trong vòng mười giây.

Mười giây bắt đầu được đếm ngược trên màn hình. Tôi chuyển sang chữ hoa và nhập cũng những ký tự đó.

ZOO

Một lần nữa máy lại từ chối cho tôi truy nhập:

Mật khẩu không đúng.

Nhập mật khẩu đúng trong vòng mười giây.

Nếu nhập sai mật khẩu một lần nữa thì sẽ bị cấm truy nhập.

Một lần nữa mười giây lại được đếm ngược trên màn hình. Lần này tôi chỉ dùng ký tự hoa cho z. Đây là cơ hội chót của tôi.

Zoo

Thay vì thông báo lỗi, một màn hình mệnh đơn xuất hiện với hướng dẫn:

Chọn một trong các chương trình sau.

Tôi chọn “Chat Mode” rồi nhấp chuột.

Nhập mật khẩu trong vòng mười giây.

Đây là một đầu mối quan trọng để Quế ngăn không cho người ngoài xâm nhập vào máy. Mà nếu đầu mối đã quan trọng thì bản thân mật khẩu cũng phải quan trọng. Tôi gõ vào:

SUB

Màn hình hiển thị:

Mật khẩu không đúng.

Nhập mật khẩu đúng trong vòng mười giây.

Máy bắt đầu đếm ngược: 10, 9, 8...

Tôi thử dùng kết hợp giữa chữ hoa và chữ thường mà lần trước đã có hiệu quả:

Sub

Một câu nhắc xuất hiện trên màn hình:

Nhập số điện thoại.

Tôi khoanh tay trước ngực, nhìn đắm đắm vào cái thông điệp này. Không tệ lắm. Tôi đã mở thành công hai cánh cửa trong mê cung của Quế. Không, không tệ một chút nào. “Zoo” và “Sub”(11) là

vào được. Tôi nhấp “Exit” rồi quay lại màn hình chính, sau đó chọn “Shutdown”, khi đó màn hình hiển thị thông điệp:

Lưu các thao tác lần này vào file tác vụ?
Y/N (Y)

Theo chỉ dẫn của Ushikawa, tôi chọn “No” để tránh lưu lại dấu vết về những thao tác mà tôi vừa tiến hành.

Màn hình lạng lẽ tắt. Tôi quẹt mồ hôi trán. Sau khi kiểm tra xem mình đã đặt bàn phím và con chuột về đúng vị trí cũ chưa, tôi rời khỏi cái màn hình giờ đã lạnh.

11. Zoo là vườn thú, còn “sub” là âm tiết đầu của submarine, tàu ngầm. Hiển

nhiên, Okada Toru đã lường trước được rằng “vườn thú” và “tàu ngầm”, hai chi tiết quan trọng trong những câu chuyện của bà Akasaka Nhục đậu khấu kể cho Quế nghe, ắt phải có cái gì đó rất quan trọng, thậm chí quan trọng bậc nhất đối với Quế, nên mật khẩu truy cập máy tính của Quế hẳn cũng không nằm ngoài những thứ này – ND.

Chuyện của Nhục đậu khấu



Akasaka Nhục đậu khấu phải mất mấy tháng mới kể xong chuyện đời mình cho tôi nghe. Đó là một câu chuyện dài, rất dài, nên những gì tôi ghi lại ở đây chỉ là một bản tóm tắt đã được lược giản hóa rất nhiều (tuy không hẳn là ngắn) của toàn bộ câu chuyện. Tôi không thể tự tin tuyên bố rằng câu chuyện tóm lược này hàm chứa được những gì cốt tử của câu chuyện đời Nhục đậu khấu, song ít nhất nó cũng chuyển tải được nét đại cương các sự kiện quan trọng xảy ra vào những thời điểm then chốt của cuộc đời bà.

* * *

Nhục đậu khấu cùng mẹ chạy thoát từ Mãn Châu về Nhật Bản, của quý duy nhất họ mang theo được là nữ trang mang trên người. Từ cảng Sasebo họ dắt díu nhau về Yokohama để sống với gia đình của mẹ bà, vốn từ lâu đã làm chủ một doanh nghiệp xuất nhập khẩu làm ăn chủ yếu với Đài Loan. Hồi trước chiến tranh gia đình làm ăn phát đạt, nhưng từ khi Nhật Bản mất Đài Loan thì họ cũng mất gần như toàn bộ doanh thu. Người cha đã mất vì bệnh tim, còn người con trai thứ của gia đình, vốn là cánh tay phải của người cha, thì chết trong một cuộc không kích ngay trước khi chiến tranh kết thúc. Người con trai trưởng bỏ nghề dạy học

để cang đáng cơ nghiệp của gia đình, song vì khí chất không thích hợp với nghề buôn nên ông không gầy dựng lại nôi gia sản trước kia. Nhà cửa đất đai thì họ vẫn còn, nhưng đó không phải là một nơi dễ sống đối với Nhục đậu khấu cùng mẹ, những kẻ giờ đây chỉ là thêm mấy miệng ăn vào thời buổi khó khăn sau chiến tranh. Họ luôn luôn cố gắng cang thu mình lại càng hay, đến bữa ăn thì lấy phần mình ít hơn người khác, buổi sáng dậy sớm hơn, việc nhà thì tự gánh vác nhiều hơn. Từng món đồ mà Nhục đậu khấu mặc – từ găng tay, tất đeo chân, thậm chí cả quần lót – đều là đồ cũ của các anh chị họ để lại. Bút chì thì cô bé nhặt nhanh những mẫu bút thừa người khác vứt đi. Nội chuyện mỗi sáng thức

dậy cũng đã là khổ sở đối với cô bé. Chỉ cần nghĩ rằng một ngày mới đang bắt đầu là ngực cô đã đau nhói lên.

Cô muốn thoát khỏi căn nhà này, để sống một mình với mẹ ở đâu đó nơi họ không phải luôn cảm thấy bị gò bó, cho dù phải sống bần hàn. Nhưng mẹ cô không bao giờ tìm cách bỏ đi. “Mẹ tôi vốn luôn luôn là người hoạt động,” Nhục đậu khấu nói. “Nhưng từ khi từ Mãn Châu chạy về đây, bà cứ như cái vỏ sò rỗng. Dường như bao nhiêu sức mạnh để sống còn ở trong bà đã biến đâu mất hết”. Bà không còn có thể tỉnh thức trước bất cứ việc gì. Bà chỉ còn làm được mỗi một việc là kể đi kể lại với Nhục đậu khấu về những ngày hạnh phúc xưa kia. Điều đó khiến

cho Nhục đậu khấu phải trông vào tài tháo vát của chính mình đang có thể tiếp tục sống.

Nhục đậu khấu không hẳn là không thích học hành, nhưng bà hầu như không chút quan tâm đến các môn người ta dạy ở trường trung học. Bà không tin nổi rằng cứ nhồi vào đầu cả mớ ngày tháng lịch sử hoặc quy tắc ngữ pháp tiếng Anh hay bằng thức hình học thì có lợi gì cho bà. Điều bà muốn hơn hết thảy là học một kỹ năng hữu ích để có thể tự lập càng sớm càng tốt. Những gì bà quan tâm hoàn toàn khác với đám bạn cùng lớp, những kẻ hoàn toàn hài lòng với cuộc sống học đường.

Điều duy nhất bà bận tâm hồi đó là thời

trang. Từ sáng đến tối tâm trí bà tràn ngập toàn những ý nghĩ về quần áo. Chẳng phải bà có đủ tiền để mặc theo một này một nọ đâu: bà chỉ có thể đọc tới đọc lui các tạp chí về thời trang tìm được, và vẽ đầy vào sổ tay các mẫu áo váy bắt chước những mẫu trong các tạp chí hay những thứ quần áo tự bà nghĩ ra. Bà không hề biết những chiếc áo váy lạ đời kia có gì mà hút hồn mình đến vậy. Nhục đậu khấu nói, có thể đó là do bà vẫn có thói quen nghịch cái tủ quần áo to đùng của mẹ bà hồi ở Mãn Châu. Mẹ bà đúng là một cái giá phơi quần áo. Bà có nhiều bộ kimono và váy áo kiểu âu đến nỗi bao nhiêu tủ cũng không chứa xuể, và cô bé Nhục đậu khấu hẳn có cơ hội là lập tức lôi ra sờ mó. Hầu hết các áo váy và

bộ kimono này họ đã phải bỏ lại Mãn Châu, còn những gì họ nhét vào ba lô được thì dọc đường đã phải đổi lấy cái ăn hết cả. Mỗi lần như vậy, mẹ bà lại trải chiếc áo váy sắp đem đổi ra, thở vắn than dài rồi mới cho đi.

“Thiết kế quần áo là cánh cửa bí mật của tôi để bước vào một thế giới khác”, Nhục đậu khấu nói. “Một thế giới chỉ thuộc riêng tôi. Trong thế giới đó, sức tưởng tượng là tất cả. Ta càng có khả năng tưởng tượng những gì ta muốn thì lại càng có thể lánh xa thực tại hơn. Và cái mà tôi thích nhất ở công việc này là nó tự do. Không tốn một đồng nào. Thật tuyệt vời! Nhưng tưởng tượng ra những quần áo đẹp trong trí mình rồi chuyển lên

mặt giấy không chỉ là một cách để tôi xali thực tại mà bước vào cõi mộng. Tôi phải làm việc này còn là để sinh nhai nữa. Việc đó với tôi cũng tự nhiên và hiển nhiên như là hít thở. Thành thử tôi cứ cho rằng người khác cũng làm thế. Khi tôi nhận ra rằng người khác chẳng ai làm thế, rằng thậm chí dù có cố họ cũng không làm được, tôi bèn tự nhủ: “Ta vốn khác người, vì vậy cuộc sống của ta cũng phải khác người.”

Nhục đậu khấu bỏ trường trung học mà chuyển sang trường dạy cắt may. Để có tiền đóng học phí, bà xin mẹ bán đi một trong những món nữ trang cuối cùng còn lại. Với số tiền đó, bà đã có thể học khâu, cắt, vẽ kiểu và những kỹ năng hữu

ích khác trong hai năm. Khi tốt nghiệp, bà thuê một căn hộ rồi bắt đầu sống một mình. Để có thể tiếp tục theo học một trường đào tạo thiết kế thời trang chuyên nghiệp, bà đi làm hầu bàn ở nhà hàng và làm những việc vặt như khâu vá thuê. Tốt nghiệp trường này xong, bà đi làm cho một nhà sản xuất trang phục phụ nữ cao cấp, ở đây bà được vào làm ở phòng thiết kế.

Không nghi ngờ gì nữa, bà có một tài năng độc đáo. Bà không chỉ vẽ giỏi mà ý tưởng và quan điểm của bà luôn luôn khác mọi người. Bà luôn có hình dung rõ rệt về những cái mình muốn làm; mà đó không phải do bà vay mượn từ bất cứ ai: đó luôn luôn là ý tưởng của chính bà, nảy

sinh từ bà một cách tự nhiên. Bà đeo đuôi từng chi tiết cón con của cái ý tưởng kia với sự riết róng và mãnh liệt của con cá hồi bơi ngược dòng sông lớn về nguồn. Bà chẳng có thời gian để ngủ. Bà yêu công việc và chỉ mơ đến ngày trở thành nhà thiết kế độc lập. Bà không bao giờ nghĩ tới thú vui ngoài giờ làm việc: trên thực tế, bà không biết gì về những trò tiêu khiển thông thường của người đời.

Chẳng bao lâu, các sếp nhận ra chất lượng công việc của bà và quan tâm đến những đường nét phóng túng, đầy khinh khoái trong phong cách của bà. Thế là kết thúc những năm học việc của bà, từ nay bà được giao phụ trách hẳn một bộ

phận nhỏ, đó là một sự thăng tiến phi thường.

Nhục đậu khấu tiếp tục đạt được những thành tựu xuất sắc hết năm này qua năm khác. Tài năng và nghị lực của bà thu hút sự chú ý không chỉ của người trong công ty mà của cả ngành thời trang. Giới thiết kế thời trang là một giới khép kín, nhưng đồng thời là một giới rất công bằng, một xã hội được thống trị bằng quy luật cách tranh. Thực lực của nhà thiết kế được xác định bởi một điều duy nhất: số lượng đơn hàng lớn có được nhờ các bộ quần áo mà anh hay chị ta thiết kế. Hoàn toàn không nghi ngờ gì chuyện ai thắng ai thua: nhìn con số là đủ rõ. Nhục đậu khấu không bao giờ cảm thấy mình đang cạnh

tranh với ai, song thành tựu của bà thì không thể phủ nhận.

Bà làm việc quên mình đến khi xấp xỉ tuổi ba mươi. Bà từng gặp nhiều người qua công việc, một vài người đàn ông đã tỏ ra quan tâm đến bà, nhưng quan hệ giữa bà với họ thường ngắn ngủi và hời hợt. Nhục đậu khấu không bao giờ có thể quan tâm một cách sâu sắc tới những người sống. Tâm trí bà tràn ngập hình ảnh những quần với áo, và những mẫu thời trang đàn ông có tác động trực tiếp tới bà hơn bất cứ người đàn ông sống thật nào.

Tuy nhiên, khi bà bước qua tuổi hai mươi bảy, ở một buổi dạ hội của giới thời trang nhân dịp năm mới người ta

giới thiệu Nhục đậu khấu với một người
trông là lạ. Đường nét anh ta cũng bình
thường thôi, nhưng đầu tóc anh ta rối bù,
mũi và cằm anh ta sắc nét như những
công cụ làm bằng đá. Anh ta giống một
tay thuyết giáo giả cầy hơn là nhà thiết kế
thời trang phụ nữ. Anh ta trẻ hơn Nhục
đậu khấu một tuổi, có cặp mắt sâu không
đáy. Từ chiều sâu không đáy đó anh ta
nhìn mọi người bằng cái nhìn soi mói
như thể cổ tình buộc người ta phải thấy
khó chịu. Tuy nhiên, trong mắt anh ta,
Nhục đậu khấu thấy hình phản chiếu của
chính mình. Lúc đó anh ta là một nhà
thiết kế hầy còn vô danh nhưng có triển
vọng, hai người gặp nhau mới lần đầu.
Dĩ nhiên bà đã nghe người ta nói về anh.
Họ nói anh ta có tài năng độc đáo, nhưng

anh ta kiêu căng, vị kỷ và lý sự, hầu như chẳng ai ưa.

“Hai chúng tôi cùng một loại,” Nhục đậu khấu nói. “Cả hai đều ra đời ở đại lục. Cũng như tôi, anh ấy hồi hương sau chiến tranh, nhưng là từ Triều Tiên, bị mất hết của cải. Cha anh ấy là quân nhân chuyên nghiệp, gia đình vô cùng khốn quẫn những năm hậu chiến. Mẹ anh ấy mất vì sốt phát ban khi anh ấy còn rất nhỏ, tôi cho rằng chính vì vậy anh ấy mới đâm ra quan tâm mạnh mẽ đến y phục nữ giới. Anh ấy tài thì có tài, nhưng không hề biết cách giao tiếp với mọi người. Chẳng gì thì cũng là nhà thiết kế trang phục nữ, nhưng cứ hễ trước mặt đàn bà là anh đỏ bừng mặt lên và cư xử rò dại. Nói cách

khác, cả hai chúng tôi là những kẻ lạc loài, tách biệt khỏi bầy.”

Họ lấy nhau vào năm sau đó, 1963, và đưa con mà họ sinh vào mùa xuân năm sau nữa (năm diễn ra đại hội Olympic Tokyo) là Quế. “Tên cậu ấy là Quế phải không?” Chẳng bao lâu sau khi sinh Quế, Nhục đậu khấu đưa mẹ về sống chung nhà để nhờ bà trông cháu. Bản thân Nhục đậu khấu làm việc từ sáng đến tối không ngừng nghỉ, chẳng có đâu thì giờ chăm con mọn. Vậy là Quế ít nhiều được dưỡng dục nhờ bà ngoại.

* * *

Nhục đậu khấu chẳng bao giờ biết rõ liệu mình có thực sự yêu chồng như một người đàn ông không. Bà không có bất

cứ tiêu chí nào để có thể phán xét như vậy, và điều này cũng đúng đối với chồng bà. Họ gắn bó với nhau chỉ là do gặp gỡ tình cờ và do cả hai cùng đam mê nghề thiết kế thời trang. Dù sao, mười năm đầu chung sống mang lại cho hai người khá nhiều thành quả. Ngay sau khi kết hôn, cả hai đều rời bỏ công ty mình đang làm việc rồi cùng mở một xưởng thiết kế thời trang độc lập trong một căn hộ ở một tòa nhà nhỏ nhìn về hướng Tây ngay sau xa lộ Aoyama. Bởi thông gió kém lại không có điều hòa không khí nên vào mùa hè chỗ ấy nóng đến nỗi mồ hôi làm cho bút chì tuột khỏi tay. Ban đầu việc làm ăn không được thuận buồm xuôi gió. Cả Nhục đậu khấu lẫn chồng đều thiếu năng lực kinh doanh thực tế đến kỳ

lạ, hậu quả là họ bị những kẻ vô liêm sỉ trong giới thời trang lừa bịp dễ dàng, hoặc không đáp ứng được đơn hàng bởi không biết gì về lỗi làm ăn hay phạm phải những sai lầm sơ đẳng. Nợ nần chồng chất đến nỗi có lúc dường như họ chỉ còn giải pháp duy nhất là bỏ trốn. Bước đột phá xảy ra khi Nhục đậu khấu tình cờ gặp một nhà quản trị kinh doanh giỏi biết nhìn nhận tài năng của họ và phục vụ họ một cách trung thành tận tụy. Từ đó trở đi, công ty phát đạt đến nỗi bao nhiêu vấn đề trước kia của họ chỉ còn như là một giấc mơ rồi. Doanh số của họ năm sau cao gấp đôi năm trước, cho tới năm 1970 thì cái công ty nhỏ họ gây dựng nên gần như từ hai bàn tay

trắng đã đạt được thành công thần kỳ đến nỗi ngay cả đôi vợ chồng cao ngạo, xa rời thực tế kia, người khai sinh ra nó, cũng phải lấy làm kinh ngạc. Họ thuê thêm nhân viên, chuyển đến một tòa nhà lớn trên đại lộ và mở những cửa hàng của riêng mình ở những khu sang trọng như Ginza, Aoyama và Shinjuku. Phong cách thiết kế độc đáo của họ thường được giới thiệu trên phương tiện truyền thông và nức tiếng xa gần.

* * *

Khi công ty đã lớn mạnh đến một độ nhất định, cách phân chia công việc giữa hai vợ chồng bắt đầu thay đổi. Tuy thiết kế và may quần áo là một quá trình sáng tạo, nhưng khác với điêu khắc hay viết

tiểu thuyết, nó cũng là một ngành kinh doanh có liên quan đến số phận của nhiều người. Người ta không thể cứ ngồi nhà sáng tạo ra bất cứ cái gì mình thích được. Phải có ai đó đi ra ngoài, trình “bộ mặt” của công ty ra với mọi người. Các giao dịch của công ty ngày càng có quy mô lớn thì nhu cầu ngày càng tăng. Một trong hai người phải có mặt tại các bữa tiệc và show thời trang, phát biểu dăm câu và chén chú chén anh với khách khứa, trả lời phỏng vấn. Nhục đậu khấu không hề có ý định đóng vai trò đó, thế là chồng bà đành phải nhận. Vốn cũng là người kém quảng giao như bà, đầu tiên ông thấy phải làm những trò đó là cả một cực hình. Ông không biết nói năng khéo léo trước mặt nhiều người lạ, nên sau

mỗi buổi như vậy về đến nhà là ông kiệt sức. Tuy nhiên, sau nửa năm, ông nhận ra rằng việc đó không còn làm ông khổ sở lắm nữa. Ông vẫn không phải là người khéo nói, nhưng phản ứng của thiên hạ đối với cung cách vụng về thô lỗ của ông đã khác với hồi ông còn trẻ: nay người ta dường như lại thấy ông đầy lôi cuốn. Họ cho cái phong thái nói năng cộc lốc của ông (vốn là do bản tính trời sinh hướng nội) không phải là bằng chứng của thói ngạo đời lập dị mà là của một tư chất nghệ sĩ đầy quyền rũ. Ông bắt đầu thực sự thích thú cái vị thế mới này, nơi ông tìm thấy chính mình, và chẳng bao lâu ông được người ta xưng tụng như là một người hùng văn hóa của thời đại.

- Chắc hẳn cậu từng nghe tên ông ấy, -
Nhục đậu khấu nói. – Nhưng trên thực tế,
tới hai phần ba công việc thiết kế là một
tay tôi làm. Những ý tưởng táo bạo, độc
đáo của ông ấy đều thành công lớn về
thương mại, và gần đó ý tưởng của ông
ấy đã là thừa đủ để duy trì công ty của
chúng tôi. Việc của tôi là phát triển, triển
khai các ý tưởng đó, định hình cho
chúng. Dù công ty có lớn mạnh đến đâu,
chúng tôi vẫn chẳng bao giờ thuê người
khác thiết kế. Nhân viên ngày càng đông,
nhưng phần việc cốt yếu nhất thì chúng
tôi tự làm. Chúng tôi chỉ muốn nhằm một
điều là làm ra những trang phục mình
muốn làm, không quan tâm đến những
người sẽ mua trang phục đó. Chúng tôi

không nghiên cứu thị trường, không tính giá, cũng không hoạch định chiến lược. Một khi đã quyết định mình cần làm một cái gì, theo cách nào đó là chúng tôi thiết kế theo đúng cách ấy, dùng những chất liệu tốt nhất có thể tìm được, và tốn bao nhiêu thời gian cũng được, để làm. Những gì các nhà khác làm trong hai bước, chúng tôi làm trong bốn bước. Ở đâu họ chỉ dùng ba thước vải thì chúng tôi dùng bốn. Chúng tôi đích thân kiểm tra và duyệt từng cái áo, cái quần xuất khỏi cửa hàng của chúng tôi. Cái gì không bán được, chúng tôi thanh lý. Chúng tôi không bao giờ bán giảm giá. Giá của chúng tôi rất cao, dĩ nhiên. Dân trong nghề cho chúng tôi điên, nhưng trang phục của chúng tôi đã trở thành

biểu tượng của thời đại, ngang hàng với Peter Max, Woodstock, Twiggy, Easy Rider, vân vân. Hồi ấy chúng tôi thiết kế quần áo thật là vui biết mấy! Chúng tôi có thể làm những thứ điên rồ nhất, thế mà mình ở đâu là khách hàng có đó ngay. Dường như chúng tôi đã mọc những đôi cánh khổng lồ, muốn bay đâu cũng được.

* * *

Tuy nhiên chính lúc việc làm ăn của họ đang đi vào ổn định thì Nhục đậu khấu và chồng ngày càng trở nên xa cách. Ngay cả những khi làm việc bên nhau, thỉnh thoảng bà nhận thấy tâm hồn ông cứ vơ vẩn ở đâu đâu. Mắt ông dường như đã mất cái tia đói khát mà trước kia từng có. Tính tình hung bạo, trước kia ông thường

ném vật này vật nọ, song nay cái hung bạo đó hầu như không bao giờ trỗi dậy nữa. Thay vào đó bà hay bắt gặp ông nhìn đắm đắm vào khoảng không như đang đắm mình suy nghĩ. Hai người hiếm khi nói chuyện với nhau ngoài nơi làm việc, và càng ngày ông càng hay đi suốt đêm không về. Nhục đậu khấu cảm thấy giờ đây ông có tới mấy người đàn bà khác, nhưng bà không lấy đó làm đau khổ. Bà coi chuyện đó là không thể tránh được, bởi đã từ lâu họ không có quan hệ về thể xác với nhau (chủ yếu vì Nhục đậu khấu đã mất sự thèm muốn về tình dục).

* * *

Vào cuối năm 1975, khi Nhục đậu khấu bốn mươi tuổi và Quế mười một tuổi,

chồng bà bị giết. Người ta tìm thấy xác ông bị chặt ra thành từng mảnh trong một phòng khách sạn ở Akasaka. Người hầu phòng phát hiện ra ông khi cô ta dùng chìa khóa mở cửa vào phòng để quét dọn lúc 11 giờ trưa. Bồn rửa mặt trông như vừa trải qua một cuộc tắm máu. Bản thân cái xác gần như đã cạn hết máu, không còn tim, dạ dày, gan, cả hai trái thận và lá lách, bởi kẻ nào giết ông đã cắt những cơ quan đó ra khỏi xác rồi cho vào túi nhựa hay một đồ chứa tương tự đựng mang đi đâu đó. Cái đầu bị chặt khỏi thân, đặt trên nắp bệ xí, quay ra ngoài, mặt bị bầm nát. Rõ ràng kẻ giết người đã chặt cái đầu và bầm vằm khuôn mặt trước, sau đó mới thu các cơ quan nội tạng.

Để cắt các cơ quan đó ra khỏi thân người thì phải có những dụng cụ đặc biệt sắc và kỹ năng đáng kể. Hung thủ đã dùng cưa để cưa đứt vài cái xương sườn, một công việc mất nhiều thời gian và đầm máu. Người ta không rõ sao lại có người chịu bỏ ra bao nhiêu công phu để làm việc như vậy.

Vì quá bận rộn do đang là ngày nghỉ nên nhân viên quầy tiếp tân chỉ nhớ được rằng chồng của Nhục đậu khấu đã nhận phòng trên tầng mười hai vào lúc 10 giờ đêm hôm trước cùng với một phụ nữ - một phụ nữ xinh đẹp chừng ba mươi tuổi, mặc áo khoác ngoài màu đỏ, người không cao lắm. Cô ta không mang gì khác ngoài một cái ví nhỏ. Giường nằm có

dấu vết của hoạt động tình dục. Sợi lông và chất lỏng tìm được trên đệm trải giường là lông dương vật và tinh dịch của ông. Căn phòng đầy dầu tay, nhưng vì có quá nhiều dầu nên không dùng để điều tra được. Chiếc va li nhỏ bằng da của ông chỉ đựng một quần lót để thay, vài món đồ rửa mặt cao râu, một cặp hồ sơ đựng ít tài liệu liên quan đến công việc, một tờ tạp chí. Ví của ông có hơn một trăm ngàn yên và vài thẻ tín dụng, nhưng một cuốn sổ mà lẽ ra ông phải mang theo người thì không tìm thấy. Không có dấu vết đánh nhau trong phòng. Cảnh sát điều tra tất cả những người quen biết ông nhưng không tìm thấy người đàn bà nào khớp với mô tả của

tiếp tân khách sạn. Một vài người đàn bà mà họ tìm thấy thì không có lý do gì để nuôi mối thâm thù hoặc ghen tuông đối với nạn nhân, và đều có chứng cứ ngoại phạm vững chắc. Có khá nhiều người ghét ông trong giới thời trang (vốn không hề được tiếng là một giới thân thiện và gần gũi), nhưng không ai có vẻ thù ghét ông đến độ phải giết ông, và không ai được huấn luyện kỹ năng cắt các cơ quan nội tạng ra khỏi xác ông.

Vụ ám sát một nhà thiết kế thời trang nổi tiếng dĩ nhiên là được đưa tin rộng rãi trên báo chí, với ít nhiều chi tiết giật gân, nhưng cảnh sát đã có nhiều biện pháp nghiệp vụ để ém nhẹm thông tin về việc cắt các cơ quan nội tạng, nhằm tránh

không cho một vụ giết người quái đản như vậy thu hút quá nhiều sự chú ý của công chúng. Cái khách sạn có uy tín kia dường như cũng đã tạo áp lực để người ta càng ít nhắc đến họ trong vụ việc này càng tốt. Báo chí gần như chẳng đưa tin gì hơn chuyện ông đã bị đâm chết trong một phòng ở khách sạn họ. Có một đạo người ta đồn đại rằng trong vụ này có “cái gì đó không bình thường”, nhưng cụ thể là gì thì không rõ. Cảnh sát tiến hành điều tra diện rộng, nhưng không bắt được kẻ sát nhân, cũng không xác định được động cơ giết người.

- Căn phòng khách sạn đó có lẽ đến giờ vẫn đang niêm phong, - Nhục đậu khấu nói.

* * *

Năm trước chồng bị giết thì mùa xuân năm sau Nhục đậu khấu bán toàn bộ công ty – cả các cửa hàng bán lẻ, kho hàng, thương hiệu – cho một nhà sản xuất thời trang lớn. Khi viên luật sư được bà thuê để tiến hành đàm phán mang hợp đồng đến cho bà, Nhục đậu khấu chẳng nói chẳng rằng đóng triệu lên, gần như không buồn liếc qua giá bán.

Bán công ty xong, Nhục đậu khấu mới phát hiện ra rằng niềm đam mê của bà đối với nghề thiết kế thời trang đã biến sạch không còn dấu vết. Dòng suối khát vọng mãnh liệt từng có thời là ý nghĩa cuộc đời bà nay đã cạn khô. Thỉnh thoảng bà vẫn nhận đơn hàng và thực

hiện với toàn bộ kỹ năng của một chuyên gia hàng đầu, nhưng không có chút niềm vui. Đó cũng giống như ăn mà chẳng thấy có mùi vị gì. Bà có cảm giác như “bọn họ” đã lôi hết gan ruột của bà ra. Những ai từng biết đến nghị lực và kỹ năng của bà trước kia vẫn còn nhớ đến Nhục đậu khấu như một huyền thoại: đơn hàng vẫn không ngừng đến từ những người như vậy, nhưng ngoại trừ số rất ít mà Nhục đậu khấu không thể từ chối, bà khước từ tất cả. Theo lời khuyên của kế toán, bà đầu tư vào cổ phiếu và bất động sản, và tài sản của bà khuếch trương lên dần trong những năm tăng trưởng đó.

Nhục đậu khấu bán công ty chưa được bao lâu thì mẹ của bà qua đời vì bệnh

tim. Bà cụ đang tưới nước vỉa hè bên ngoài nhà vào một buổi chiều tháng tám nóng nực thì bỗng kêu thấy “khó ở”. Bà nằm xuống ngủ, ngáy to một cách đáng ngại, chẳng mấy chốc sau thì bà mất. Nhục đậu khấu và Quế còn lại bơ vơ trên cõi đời. Nhục đậu khấu giam mình trong nhà suốt hơn một năm, ngày nào cũng ngồi trên sofa nhìn ra vườn, như muốn tìm lại sự bình an êm ả bà đã đánh mất trong đời mình từ bấy lâu nay. Bà hầu như không ăn gì, ngủ mỗi ngày mười tiếng đồng hồ. Quế - lúc đó ở độ tuổi mà như trẻ thông thường là bắt đầu vào trung học – liền thay mẹ cáng đáng gia đình, những lúc rảnh sau khi làm việc nhà thì cậu chơi các bản xô nát của Mozart, Haydn và học được mấy ngoại ngữ.

Giai đoạn gần như trống rỗng và tĩnh lặng này trong đời Nhục đậu khấu kéo dài được một năm, cho tới khi bà tình cờ phát hiện rằng mình có một “năng lực” đặc biệt nào đó, một sức mạnh kỳ lạ mà trước kia bà không hề biết tới. Bà cho rằng cái năng lực đó khởi sinh từ bên trong bà để thay cho nỗi đam mê mãnh liệt đối với thời trang mà nay đã khô kiệt. Và quả thực, cái năng lực đó đã trở thành nghề mới của bà, mặc dù tự thân bà không tìm kiếm nó.

* * *

Người đầu tiên được thụ hưởng năng lực kỳ lạ của bà là vợ của chủ nhân một siêu thị, một phụ nữ thông minh, năng nổ thời trẻ từng là ca sĩ opera. Bà ta từng thừa

nhận tài năng của Nhục đậu khấu từ lâu trước khi bà trở thành nhà thiết kế nổi tiếng và vẫn thường xuyên bảo bọc cho sự nghiệp của bà. Không có sự hỗ trợ của người đàn bà này thì công ty của Nhục đậu khấu hẳn đã lụi bại ngay từ buổi đầu. Do quan hệ đặc biệt giữa hai người, Nhục đậu khấu đồng ý giúp người phụ nữ này và con gái bà ta chọn và phối hợp trang phục cho đám cưới của cô con gái, một việc mà bà thấy cũng không lấy gì làm vất vả.

Nhục đậu khấu và người đàn bà đang tán gẫu trong khi chờ cô con gái thử quần áo thì bỗng nhiên người đàn bà ép cả hai tay lên đầu và lão đảo quỳ sụp xuống sàn nhà. Nhục đậu khấu hoảng hốt ghì lấy bà

ta cho khỏi ngã và xoa xoa thái dương trái của bà ta. Bà làm việc đó theo phản xạ, không suy nghĩ gì, nhưng ngay khi lòng bàn tay bắt đầu di chuyển, bà cảm thấy “có một cái gì đó”, như thể bà đang cảm nhận được một vật bên trong chiếc túi vải.

Bối rối, Nhục đậu khấu nhắm mắt lại cố nghĩ đến một cái gì khác. Bà chợt nhớ đến vườn thú ở Tân Kinh; vườn thú vào một ngày đóng cửa, chỉ có một mình bà ở đó, ấy là một biệt lệ chỉ mình bà được hưởng do là con gái của bác sĩ trưởng vườn thú. Đó là thời hạnh phúc nhất trong đời bà, cái thời bà được đùm bọc, thương yêu, che chở. Đó là kỷ ức đầu đời của bà. Vườn thú vắng tanh. Bà nghĩ

đến những mùi, đến làn ánh sáng rực rỡ, đến hình dáng mỗi đám mây trôi trên trời. Bà tha thân một mình từ chuồng này sang chuồng khác. Đang thu, bầu trời sáng rõ cao vợi vợi, từng đàn chim từ Mãn Châu về chuyển từ cây này sang cây khác. Đó là thế giới bản lai của bà, cái thế giới mà theo nhiều nghĩa là vĩnh viễn đã mất. Không biết bao nhiêu thời gian đã qua trong khi Nhục đậu khấu mơ màng như vậy, nhưng rốt cuộc người đàn bà đứng thẳng dậy và cảm ơn bà. Bà ta nói, bà vẫn còn mất phương hướng, nhưng cơn nhức đầu dường như đã qua. Một ngày sau, Nhục đậu khấu sững sốt khi nhận được khoản thù lao lớn hơn bà tưởng rất nhiều cho việc bà đã làm.

Chừng một tháng sau vợ của ông chủ siêu thị gọi điện thoại cho Nhục đậu khấu mời bà đi ăn trưa. Sau khi ăn xong, bà ta đề nghị hai người cùng về nhà bà, ở đó bà nói với Nhục đậu khấu: “Không biết bà có vui lòng đặt tay lên đầu tôi như bà đã làm lần trước không. Có đôi điều tôi muốn kiểm tra”. Nhục đậu khấu chẳng có lý do gì để từ chối. Bà ngồi cạnh người phụ nữ kia, đặt lòng bàn tay lên thái dương bà ta. Bà cũng cảm thấy “cái gì đó” giống như lần trước. Để nắm rõ hơn hình dạng của cái đó, bà tập trung chú ý vào nó, nhưng cái hình dạng đó bắt đầu uốn éo và biến đổi. Nó là vật sống! Nhục đậu khấu cảm thấy sợ. Bà nhắm mắt lại nghĩ về vườn thú ở Tân Kinh. Việc này

đôi với bà không khó. Bà chỉ việc hồi tưởng lại câu chuyện từng kể cho Quế, những cảnh tượng bà đã mô tả cho cậu. Ý thức của bà rời khỏi thể xác bà, lang thang một hồi trong những không gian giữa ký ức và câu chuyện, rồi quay trở lại. Khi bà lấy lại ý thức, người đàn bà kia nắm lấy tay bà mà cảm ơn. Nhục đậu khấu không hỏi xem chuyện gì đã xảy ra, bà ta cũng chẳng giải thích gì. Cũng như trước, Nhục đậu khấu thấy hơi mệt, một lớp mồ hôi mỏng rịn trên trán. Khi bà ra về, người đàn bà kia cảm ơn bà đã dành thời gian và bỏ công đến thăm, rồi toan đưa bà một phong bì đựng tiền, nhưng Nhục đậu khấu từ chối, một cách nhã nhặn nhưng kiên quyết. “Tôi làm việc này không phải để kiếm tiền, - bà nói. —

Vả lại, lần trước bà đã trả tôi quá nhiều rồi.” Bà ta không nài thêm.

Mấy tuần sau, người đàn bà kia giới thiệu Nhục đậu khấu với một bà khác. Bà này trạc giữa tứ tuần. Bà ta bé nhỏ, có cặp mắt sắc, trũng sâu. Quần áo bà ta mặc thuộc loại tuyệt hảo, nhưng ngoài một thắt lưng đám cưới bằng bạc ra bà không có trang sức nào khác. Khi sắc thái toát ra từ bà thấy rõ bà không thuộc hạng người thường. Bà vợ ông chủ siêu thị đã nói với Nhục đậu khấu: “Bà ta muốn bà cũng làm với bà ta như đã làm với tôi. Lần này xin bà đừng từ chối, và khi bà ta đưa tiền, đừng nói gì cả, cứ nhận. Về lâu dài, đây sẽ là một điều quan trọng đối với bà, cả với tôi nữa”.

Nhục đậu khấu đi vào một phòng phía trong cùng với người đàn bà kia rồi đặt lòng bàn tay lên thái dương bà ta như những lần trước. “Cái gì đó” trong người đàn bà này thì khác. Nó mạnh hơn cái ở trong bà vợ ông chủ siêu thị, chuyển động của nó nhanh hơn. Nhục đậu khấu nhắm mắt lại, nín thở, cố kìm chuyển động đó lại. Bà tập trung mạnh hơn và đeo đuổi những ký ức của mình một cách riết róng hơn. Đào sâu vào những nếp gấp nhỏ nhất tìm thấy ở đó, bà chuyển hơi ấm của ký ức mình vào “cái gì đó” kia.

- Và đó trở thành nghề của tôi từ lúc nào không biết, - Nhục đậu khấu nói. Bà nhận ra rằng mình đã bị một dòng chảy lớn

bao trùm lấy. Và khi Quế lớn lên, cậu trở thành trợ lý cho mẹ.

Bí ẩn căn nhà có dớp: 2



SETAGAYA, TOKYO: NHỮNG KẺ
TRONG “CĂN NHÀ CÓ DỚP”

Cái bóng của vị chính khách lừng danh:

Thoắt hiện thoắt biến

Bức màn vô hình kỳ lạ, tinh vi:

Nó che dấu bí mật gì?

*[Trích tuần báo____, ngày 21 tháng
mười một]*

Trong số ra ngày 7/11 vừa qua chúng tôi
đã thông tin cho quý bạn đọc rằng có một
căn nhà ở khu dân cư yên tĩnh Setagaya

mà người dân địa phương gọi là “nhà có dóp”. Tất cả những ai từng sống trong căn nhà đó đều gặp số phận bi thảm và kết thúc cuộc đời bằng cách tự sát, phần lớn là treo cổ.

[Lược bỏ phần tóm tắt bài lần trước].

Các cuộc điều tra do chúng tôi tiến hành đã dẫn đến một sự thực hiển nhiên duy nhất: rằng dù chúng tôi có thử đường nào để hòng biết được danh tính chủ nhân mới của “căn nhà có dóp” thì thể nào ở cuối đường cũng có một bức tường gạch án ngữ. Chúng tôi đã công phu lắm mới tìm được công ty xây dựng đã xây căn nhà này trước kia, song người ta cự tuyệt cung cấp cho chúng tôi bất cứ thông tin gì về nó. Công ty mà người ta đã dùng

làm bình phong để mua lô đất này là công ty hợp pháp 100% và cũng không có kẽ hở nào. Khi ký kết hợp đồng người ta đã tính toán chi ly đến từng chi tiết nhỏ, nên chúng tôi chỉ có thể cho rằng toàn bộ vụ này phải có một lý do nào đó. Một điều khác khơi dậy nỗi tò mò của chúng tôi, ấy là công ty kế toán từng hỗ trợ trong việc thành lập công ty bình phong đã mua lô đất. Điều tra của chúng tôi cho thấy công ty này được thành lập cách đây năm năm như một thứ “nhà thầu phụ” núp bóng một công ty kế toán nổi tiếng trong giới chính khách. Công ty kế toán lăm tên tuổi này có một số “nhà thầu phụ” như vậy, mỗi nhà phụ trách một loại công việc riêng, trong trường hợp gặp

rắc rối thì sẽ bị vứt bỏ ngay lập tức như thần lùn hể gặp nguy là ngắt đuôi để thoát thân. Bản thân công ty kế toán này chưa bao giờ bị phòng công tố tiến hành điều tra, nhưng theo một nhà báo chuyên về chính trị cho một nhật báo lớn thì “Cái tên của công ty này đã dính đến nhiều vụ xì-căng-đan chính trị, thành thử dĩ nhiên là chính quyền đã để mắt tới nó rồi”. Nếu vậy thì chẳng khó đoán rằng có một mối liên hệ nào đó giữa chủ nhân mới của “căn nhà có dớp” với một chính khách đầy quyền lực nào đó. Kín cổng cao tường, an ninh cực kỳ nghiêm ngặt bằng những thiết bị điện tử tối tân nhất, chiếc Mercedes đen đi thuê, việc khôn khéo thành lập công ty làm bình phong che đậy – tất cả những thủ thuật tinh vi

này khiến ta nghĩ rằng ắt phải có một nhân vật chính trị chớp bu những tay vào.

Bí mật hoàn toàn

Nhóm điều tra của báo chúng tôi đã tiến hành theo dõi những hoạt động ra vào “căn nhà có dóp” của chiếc Mercedes đen. Trong khoảng thời gian mười ngày, chiếc xe đến chỗ căn nhà tổng cộng hai mươi một lần, tức bình quân hai lần một ngày. Những chuyến thăm này diễn ra theo một khuôn đều đặn. Đầu tiên, chiếc xe xuất hiện lúc 9 giờ sáng, sau đó ra đi lúc 10 giờ 30. Người lái xe rất đúng giờ, ngày nào cũng vậy, có lệch chăng thì cũng không quá năm phút. Tuy nhiên, ngược lại với những chuyến thăm vào

buổi sáng, những chuyến thăm vào buổi chiều lại bất thường hơn nhiều. Các chuyến thăm buổi chiều hầu hết diễn ra trong khoảng từ 1 giờ đến 3 giờ chiều, nhưng thời gian đến và đi khác nhau đáng kể. Khoảng thời gian chiếc xe đỗ trong khuôn viên nhà cũng có sự chênh lệch đáng kể, từ dưới hai mươi phút đến tròn một tiếng.

Dựa trên các sự kiện này, chúng tôi có thể đưa ra các giả thuyết sau:

1. Các cuộc viếng thăm đều đặn vào buổi sáng: từ đây có thể suy ra rằng xe “đưa đón” một người nào đó đến căn nhà này. Tuy nhiên, danh tính của “nhân vật” này chưa rõ, vì toàn bộ cửa xe lắp kính dày màu đen.

2. Các cuộc viếng thăm không đều đặn vào buổi chiều: từ đây có thể suy ra rằng xe đưa khách đến thăm, giờ giấc được bố trí sao cho tiện nhất cho khách. Các vị “khách” này đến một mình hay từng nhóm thì chưa rõ.

3. Hình như không có hoạt động gì ở căn nhà vào ban đêm. Cũng không rõ liệu có ai sống ở đó không. Nhìn từ bên ngoài không thể biết có ngọn đèn nào bật sáng không.

Một điểm quan trọng nữa: vật duy nhất ra vào cơ ngơi này trong vòng mười ngày điều tra của chúng tôi là chiếc Mercedes đen. Không có chiếc xe nào khác, không một người đi bộ. Nếu suy theo cách thông thường thì ắt hẳn phải có sự gì lạ

lắm đang diễn ra ở đây. “Ai đó” sống trong căn nhà này không bao giờ ra ngoài để mua sắm hay tản bộ. Người ta đến rồi đi hoàn toàn chỉ bằng chiếc Mercedes lớn màu đen có kính râm. Nói cách khác: vì lý do nào đó, họ không muốn bất cứ ai thấy mặt mình trong bất cứ tình huống nào. Lý do đó là gì? Tại sao họ lại cất công và bỏ ra lắm tiền đến thế để làm những việc cần làm một cách tuyệt đối bí mật?

Ở đây chúng tôi có thể bổ xung rằng cánh cổng trước là lối ra vào duy nhất của cơ ngơi này. Có một cái ngõ hẹp chạy đằng sau lô đất, song cái ngõ này chẳng dẫn đến đâu cả. Cách duy nhất để ra hay vào cái ngõ này là phải băng qua đất của

người khác. Theo những người hàng xóm, hiện không một cư dân nào ở khu này sử dụng cái ngõ đó, chắc hẳn vì vậy mà nhà kia không có cổng mở ra phía ngõ. Ở đó chỉ có một bức tường cao ngất như thành lũy pháo đài.

Trong vòng mười ngày điều tra, mấy lần có những người trông ra vẻ là người chào bán báo hoặc nhân viên tiếp thị đến nhấn chuông hệ thống intercom ở cổng trước, nhưng chẳng ai trả lời. Nếu ở trong nhà có người thì ắt hẳn họ đã sử dụng hệ thống camera để quan sát xem người nhấn chuông là ai. Không hề có ai đến đưa thư hay phát bưu phẩm.

Vì những lý do đó, hướng điều tra duy nhất còn lại cho chúng tôi là bám đuôi

chiếc Mercedes để xác định xem nó đi đâu. Theo sau chiếc xe bóng lộn luôn chạy chậm giữa dòng xe cộ trong thành phố không phải là việc khó, nhưng chúng tôi cũng chỉ bám theo được từ cổng cho đến bãi đỗ xe ngầm dưới đất của một khách sạn năm sao ở khu Akasaka. Có một nhân viên bảo vệ mặc đồng phục đứng trực ở đó, muốn vào thì phải có thể thông hành đặc biệt, cho nên xe chúng tôi không thể theo chiếc Mercedes vào trong bãi. Khách sạn này là nơi thường diễn ra nhiều hội nghị quốc tế, nghĩa là ở đây có nhiều nhân vật VIP cũng như nhiều nhân vật có tiếng tăm từ nước ngoài đến. Để bảo đảm an ninh và quyền riêng tư, bãi đỗ xe dành cho VIP được bố trí cách biệt với bãi đỗ xe của khách thường, một số

buồng thang máy cũng được dành riêng cho khách VIP sử dụng, nhìn bên ngoài không thể biết họ lên hay xuống tầng mấy. Nhờ vậy mà các vị khách đặc biệt này có thể đến và đi mà không bị ai quấy rầy. Chiếc Mercedes này rõ ràng là đỗ ở một trong các lô dành cho khách VIP. Trả lời những câu hỏi của chúng tôi, ban quản trị khách sạn chỉ nói một cách ngắn gọn và dẫn đo cân nhắc rằng các lô chuyên dụng này “thường” được cho thuê với mức đặc biệt chỉ với một số pháp nhân đầy đủ tư cách đã được “thẩm tra toàn diện”, nhưng chúng tôi không thể moi được thêm thông tin chi tiết nào về điều kiện sử dụng hoặc nhân thân những người sử dụng.

Khách sạn này có một khu mua sắm, vài quán cà phê và nhà hàng, bốn đại sảnh dành cho đám cưới, ba đại sảnh dành cho hội nghị hội thảo. Thế có nghĩa là từ sáng đến tối khách sạn luôn luôn có lắm người vào ra. Nếu không có thẩm quyền đặc biệt thì chẳng cách nào xác định được danh tính các hành khách đi chiếc Mercedes. Người ta có thể ra khỏi xe, bước vào một trong những buồng thang máy đặc biệt dành riêng cho họ ở gần đó, bước ra ở tầng nào tùy ý họ rồi hòa mình vào đám đông. Qua đó có thể thấy rõ ràng hệ thống bảo mật tuyệt đối ở đây vận hành hoàn hảo tới mức nào. Ta có thể suy ra rằng đằng sau tất cả chuyện đó là một hệ thống thế lực đồng tiền và

quyền lực chính trị vô cùng mạnh mẽ. Như có thể thấy qua lời giải thích của ban quản trị khách sạn, để thuê và sử dụng một trong những lô đỗ xe VIP ở khách sạn này không phải dễ. Nhất định là trong cái gọi là “thẩm tra toàn diện” mà họ nói, cái quan trọng nhất là để đáp ứng yêu cầu của các cơ quan có nhiệm vụ bảo đảm an ninh cho các yếu nhân ngoại quốc, nghĩa là phải có mối liên hệ nào đó về chính trị ở đây. Có tiền không thôi chưa đủ, mặc dù hiển nhiên nếu không có nhiều tiền thì không thể nào kham nổi mấy vụ này.

[Lược bỏ phần đưa ra giả thuyết rằng cơ ngơi này đang được sử dụng bởi một tổ chức tôn giáo mà đằng sau là một chính

trị gia có thể lực].

Sửa từ khắp thế giới



Sự vật biến hình

Đúng giờ đã hẹn, tôi ngồi xuống trước máy vi tính của Quế rồi dùng mật khẩu để truy cập chương trình gửi và nhận tin. Đoạn tôi nhập dãy số mà Ushikawa đã cho. Phải mất năm phút để kết nối. Tôi nhấp tách cà phê đã pha sẵn rồi tập trung điều hòa hơi thở. Tuy nhiên, cà phê chẳng có vị gì, còn không khí tôi hít vào thì lại nham nhám.

Máy tính kêu bíp và một thông điệp hiện lên trên màn hình, thông báo rằng kết nối đã được thiết lập và máy đã sẵn sàng để

truyền tin hai chiều. Tôi chỉ định rằng cước phí của cuộc gọi này do người được gọi trả tiền. Nếu cẩn thận không để giao dịch này được ghi lại trong máy, tôi có thể ngăn không cho Quế phát hiện ra tôi đã sử dụng máy (tuy rằng tôi chẳng lấy gì làm tự tin về chuyện đó. Đây là mê cung của anh ta, còn tôi chẳng qua chỉ là một người lạ không có chút sức mạnh nào).

Phải đợi lâu hơn tôi tưởng rất nhiều, nhưng rốt cuộc cũng hiện ra thông điệp nói rằng phía bên kia đã chấp nhận sẽ trả tiền. Bên ngoài màn hình này, ở đầu bên kia cái dây cáp bò suốt qua bóng tối lòng đất Tokyo, có thể là Kumiko. Nàng cũng có thể đang ngồi trước một màn hình, hai

bàn tay đặt trên bàn phím. Trên thực tế, tôi chỉ thấy mỗi cái màn hình đang khe khẽ rít lên âm thanh điện tử. Tôi nhấp vào hộp chọn chế độ Send rồi gõ vào những câu mà tôi đã ôn đi ôn lại nhiều lần trong óc.

> Anh muốn hỏi em một câu. Cũng không hẳn là hỏi, chẳng qua là anh muốn kiểm chứng xem đầu bên kia có đúng em không. Thế này nhé: Lần đầu tiên chúng mình đi với nhau ấy, từ lâu trước khi mình cưới nhau, chúng mình đã đến công viên thủy sinh. Anh muốn em cho anh biết em thích xem cái gì nhất ở đó... Tôi nhấp vào biểu tượng gửi thông điệp đi (Anh muốn em cho anh biết em thích xem cái gì nhất ở đó.) Rồi tôi chuyển sang

chế độ Receive.

Câu trả lời đến sau một khoảng lặng ngắn. Câu trả lời không dài.

> Súra. Súra từ khắp nơi trên thế giới.

Câu hỏi của tôi và câu trả lời cho nó xếp hàng ở nửa trên và nửa dưới màn hình.

Tôi nhìn cả hai câu một lát. Súra. Súra từ khắp nơi trên thế giới. Đây phải là Kumiko. Đúng là Kumiko thật. Nhưng điều đó chỉ khiến nỗi đau tràn ngập lòng tôi. Tôi cảm thấy như những gì bên trong mình đang bị xé toạc ra. Tại sao đây là cách duy nhất để hai ta nói chuyện với nhau? Tuy nhiên tôi không có cách nào khác, đành chấp nhận. Thế là tôi bắt đầu gõ.

> Cho anh báo tin lành trước nhé. Mùa

xuân năm nay con mèo đã về. Hoàn toàn bất ngờ. Nó hơi bị đói, nhưng khỏe mạnh, lành lặn. Từ đó đến giờ nó vẫn ở nhà. Anh biết chuyện này đáng lẽ anh phải hỏi ý em trước, nhưng anh đã đặt tên mới cho nó. Tên là Cá thu. Tên loài cá ấy mà. Anh và em sẽ quen dần thôi. Đây thì chắc là tin lành.

Phải đợi mất một lát. Tôi không biết ấy là do cách truyền tin này vốn dĩ buộc ta phải chờ như thế hay là do Kumiko im lặng.

> Được biết là con mèo vẫn còn sống, em vui lắm! Em lo cho nó quá.

Tôi nhấp một ngụm cà phê cho thấm miệng, rồi lại bắt đầu gõ.

> Giờ đến lượt tin xấu. Thật ra, ngoài

chuyện con mèo đã về nhà thì dường như mọi thứ còn lại đều là tin xấu cả. Trước hết, anh vẫn chưa thể giải được bất cứ câu đố nào.

Tôi đọc lại những gì mình vừa viết rồi gõ tiếp:

Câu đố đầu tiên: Giờ em đang ở đâu? Em đang làm gì ở đó? Sao em vẫn tiếp tục lẩn tránh anh? Sao em không muốn gặp anh? Có nguyên nhân nào không? Ý anh là có quá nhiều điều mà em và anh cần phải nói chuyện trực tiếp, mặt đối mặt. Em có nghĩ vậy không?

Nàng phải mất một hồi để trả lời. Tôi hình dung nàng ngồi trước bàn phím, cắn môi suy nghĩ. Cuối cùng, con trỏ bắt đầu nhấp nháy di chuyển ngang qua màn hình,

ứng với chuyển động của các ngón tay nàng.

> Mọi điều muốn nói với anh em đã viết trong thư cả rồi. Điều cốt nhất em muốn anh hiểu là, về nhiều mặt, em không còn là Kumiko như trước nữa. Người ta có thể thay đổi vì đủ thứ nguyên nhân, và trong một số trường hợp sự biến đổi có thể khiến người ta trở nên tồi tệ. Chính vì vậy em không muốn gặp anh. Cũng chính vì vậy em không muốn quay về với anh. Con trở khựng lại, nhấp nháy mãi ở một chỗ, tìm lời. Tôi dán mắt vào nó khoảng mười giây, hai mươi giây, đợi nó tạo thành những câu chữ mới trên màn hình. Sự biến đổi làm người ta trở nên tồi tệ? Nếu có thể, em muốn anh hãy quên em

càng sớm càng tốt. Việc tốt nhất cho cả hai ta là anh hãy hoàn tất thủ tục ly hôn và bắt đầu một cuộc sống mới. Em đang ở đâu, đang làm gì, chuyện ấy không quan trọng. Điều quan trọng nhất là, dù bởi nguyên nhân gì đi nữa, anh và em đã bị tách rời thành hai thế giới hoàn toàn khác nhau. Không cách gì trở lại như chúng ta ngày trước nữa. Hãy cố hiểu em đau lòng đến mức nào khi phải nói chuyện với anh như thế này. Anh không thể hình dung em đau xé đến nhường nào đâu.

Tôi đọc lại những lời của Kumiko đến mấy lần. Tôi không thấy ở đó một chút nào là ngắc ngứ, một chút nào cho thấy những lời này không xuất phát từ một xác

tín sâu xa, đau đớn. Chắc hẳn nàng đã tập đi tập lại mấy câu này trong đầu không biết bao nhiêu lần. Dầu vậy, tôi vẫn phải tìm cách nào đó để làm lung lay cái bức tường không thể xuyên qua ấy của nàng, dù chỉ làm nó rung lên thôi cũng được. Tôi lại gõ bàn phím.

> Điều em nói hơi mơ hồ, anh thấy khó hiểu. Em nói em đã trở nên tồi tệ, nhưng chính xác ra thì thế nghĩa là gì? Anh thật không hiểu. Cà chua trở nên tồi, những cái ô trở nên tồi, cái đó anh hiểu được. Cà chua ửng, ô thì cong vẹo chẳng ra hình thù gì. Nhưng bảo em đã “trở nên tồi tệ” thì ý là sao? Nói thế anh không hình dung được gì rõ ràng cả. Trong thư em có nói em đã ăn nằm với một người

khác, nhưng chuyện đó có làm em “trở nên tồi tệ” được không? Phải, dĩ nhiên chuyện đó làm anh bị sốc. Nhưng chuyện đó hơi khác với việc làm cho một con người “trở nên tồi tệ” chứ.

Sau đó là một khoảng lặng dài. Tôi bắt đầu lo rằng Kumiko đã biến đi đâu đó. Nhưng rồi những chữ cái nàng gõ bắt đầu dàn ra trên màn hình.

> Có thể anh nói đúng, nhưng không chỉ có thế.

Rồi lại im lặng. Nàng đang cẩn thận chọn từ, như thể đang lôi chúng từ trong ngăn kéo ra.

Đó chỉ là một cách nói. “Trở nên tồi tệ” là một quá trình diễn ra trong thời gian dài. Đó là một quá trình đã quyết định từ

trước, trong một căn phòng tối om, bởi một người nào khác mà không có mặt em. Khi em gặp và lấy anh, dường như em có hẳn một loạt khả năng mới. Em đã hy vọng mình sẽ thoát được theo một lối ra ở đâu đó. Nhưng hình như đó chỉ là ảo tưởng. Xung quanh chúng ta đâu cũng toàn dấu hiệu, chính vì vậy em mới lo sốt vó về việc tìm con mèo khi nó đi lạc lúc đó...

Tôi nhìn chăm chăm vào thông điệp trên màn hình, nhưng mãi vẫn chưa thấy dấu Send xuất hiện. Máy của tôi vẫn trong chế độ Receive. Kumiko đang nghĩ xem nên viết tiếp cái gì. “Trở nên tồi tệ” là một quá trình diễn ra trong thời gian dài. Nàng muốn nói gì với tôi vậy? Tôi tập

trung chú ý vào màn hình, nhưng chỉ nhìn thấy ở đó một bức tường vô hình. Một lần nữa các con chữ bắt đầu dàn ra trên màn hình.

Nếu có thể, em muốn anh nghĩ về em như thế này: em đang chết dần mòn vì một chứng bệnh không chữa được, một chứng bệnh làm cho mắt và thân mình em bị phân hủy dần từng tí một. Dĩ nhiên đây chỉ là một ẩn dụ. Trên thực tế mắt và thân mình em không bị phân hủy. Nhưng điều em nói cũng rất gần với sự thực. Chính vì vậy mà em không muốn lộ diện trước mặt anh. Em biết, một ẩn dụ mù mờ này sẽ không thể giúp anh hiểu được mọi điều về tình trạng hiện nay của em. Em không mong nó sẽ thuyết phục được

anh tin vào sự thực của những gì em nói. Em cảm thấy thế là quá tệ, nhưng em không thể nói gì hơn nữa. Anh không có cách nào hơn là chấp nhận thế thôi.

Một căn bệnh không chữa được.

Tôi kiểm tra xem máy của mình đã được chuyển sang chế độ Send chưa rồi bắt đầu gõ.

> Nếu em bảo em muốn anh chấp nhận cái ả dụ của em, thì anh chấp nhận cũng được, không sao cả. Nhưng có một điều anh không hiểu được. Cứ cho là em đã “trở nên tồi tệ” như em nói, và em đang bị “một căn bệnh không chữa được”, nhưng có sao em lại phải mang từng ấy chuyện mà đến với Wataya Noboru, bao nhiêu người khác thì không đến? Sao em

không ở đây với anh? Tại sao chúng ta không ở bên nhau? Chẳng lẽ chúng ta lấy nhau không phải là vì thế hay sao?

Im lặng. Tôi hầu như cảm thấy sức nặng và độ rắn của nó trong hai bàn tay mình. Tôi cup hai bàn tay lại đặt lên bàn rồi hít thở sâu mấy lần. Rồi câu trả lời xuất hiện.

> Em ở đây bởi vì đây là nơi thích hợp cho em, dù em có muốn hay không. Đây là chỗ em phải ở. Em không có quyền chọn chỗ nào khác. Dù có muốn gặp anh, em cũng không gặp được. Anh nghĩ là em không muốn gặp anh sao?

Có một khoảng lặng, dường như Kumiko đang nín thở. Rồi các ngón tay nàng lại chuyển động.

Vì vậy xin anh đừng hành hạ em kiểu này thêm nữa. Nếu có một điều gì anh có thể làm cho em, ấy là anh hãy quên sự tồn tại của em đi, càng nhanh càng tốt. Hãy xóa sạch những năm chúng ta sống bên nhau ra khỏi ký ức anh, như chưa hề có. Rốt cuộc thì đó là điều tốt nhất cho cả hai ta. Em thật sự tin như vậy.

Tôi liền trả lời:

> Em nói em muốn anh quên tất cả. Em nói em muốn anh cứ để mặc em. Nhưng đồng thời, ở nơi nào đó trên thế gian này, em vẫn đang cầu cứu anh. Cái giọng cầu cứu đó yếu ớt, từ đâu đó rất xa vắng tới, nhưng vào những đêm tĩnh mịch anh vẫn nghe rõ. Đó chắc chắn là giọng em, không thể làm được. Anh có thể chấp

nhận rằng có một Kumiko đang cố hết sức rời xa anh, cô ấy hẳn có lý do để làm như vậy. Nhưng còn có một Kumiko khác cũng đang cố hết sức lại gần anh. Anh tin chắc như thế. Dù em có nói gì với anh ở đây đi chăng nữa, anh vẫn phải tin vào Kumiko kia, người đang mong anh giúp đỡ, đang cố nhích lại gần anh. Dù em nói gì với anh đi nữa, dù những lý do của em chính đáng đến đâu đi nữa, anh vẫn không thể nào quên em dễ dàng như vậy, không thể nào tổng khứ khỏi tâm khảm anh những năm chúng ta đã sống bên nhau. Anh không thể làm vậy vì những năm ấy đã thực sự diễn ra, là một phần của cuộc đời anh, nên và không có cách nào xóa sạch chúng đi được. Làm thế khác nào xóa sạch chính mình. Anh

phải biết liệu có lý do chính đáng nào để làm như vậy không.

Lại một khoảng lặng nữa. Tôi cảm nhận được sự im lặng của nàng qua chiếc màn hình. Như một làn khói nặng, nó bò vào qua một góc màn hình mà tuôn ra khắp phòng. Tôi biết rõ những lúc im lặng như vậy của Kumiko. Tôi đã từng gặp chúng, từng kinh qua chúng không biết bao nhiêu lần trong những năm cùng Kumiko chung sống. Lúc này nàng đang nín thở, ngồi trước màn hình vi tính, mày nhíu lại trong cơn tập trung cao độ. Tôi chìa tay lấy tách nhấp một ngụm cà phê lạnh. Rồi, áp chiếc tách rộng trong hai bàn tay, tôi nín thở nhìn chăm chăm vào màn hình, như Kumiko đang làm. Hai chúng tôi gần

bó với nhau bằng những mối dây im lặng nặng nề xuyên qua bức tường ngăn cách hai thế giới của chúng tôi. Chúng tôi cần nhau hơn bất cứ gì khác. Điều đó là chắc chắn.

> Em không biết.

> Anh thì anh biết.

Tôi đặt tách xuống rồi hồi hải gõ trên bàn phím, như thể cố tóm lấy cái đuôi của thời gian đang trốn chạy.

> Anh biết. Anh biết anh muốn tìm đường đến chỗ em đang ở - em, cô Kumiko đang cần anh đến cứu kia. Tiếc thay, anh lại chưa biết làm sao đến được đó, cái gì đang chờ đợi anh ở đó. Suốt một thời gian dài từ khi em bỏ đi, anh luôn sống với cảm giác mình đang bị

ném vào trong bóng tối mịt mù. Tuy vậy, chậm chậm nhưng chắc chắn, anh đang ngày một tiến gần hơn đến cốt lõi, đến nơi mà cốt lõi của sự vật nằm ở đó. Anh muốn em biết điều ấy. Anh đang tiến gần hơn đến chỗ em và sẽ còn đến gần hơn nữa.

Tôi đặt tay trên bàn phím đợi nàng trả lời.

> Em hoàn toàn không hiểu gì hết.

Kumiko gõ vậy, rồi chấm dứt cuộc nói chuyện.

Tạm biệt.

* * *

Màn hình cho biết phía bên kia đã ngắt mạch. Cuộc nói chuyện đã kết thúc. Thế nhưng tôi vẫn ngồi trước màn hình, đợi

một điều gì đó xảy ra. Có thể Kumiko sẽ đổi ý mà trở lại tiếp tục trò chuyện trực tuyến. Có thể nàng sẽ sức nhớ mình đã quên nói điều gì đó. Nhưng nàng không trở lại. Đợi được hai mươi phút thì tôi chịu thua. Tôi lưu file, rồi xuống bếp uống một cốc nước lạnh. Tôi đứng thờ ơ bên tủ lạnh, đầu không nghĩ ngợi gì. Im lặng khủng khiếp dường như trùm lên mọi vật. Tôi cảm thấy cả thế giới như đang lắng nghe ý nghĩ tiếp theo của tôi. Nhưng tôi không thể nghĩ gì hết. Đáng tiếc, tôi không thể nghĩ được bất cứ cái gì.

Tôi trở lại máy tính, ngồi đó đọc lại toàn bộ cuộc trao đổi của hai chúng tôi từ đầu đến cuối: tôi nói gì, nàng nói gì, cái này

tôi trả lời sao, cái nọ nàng trả lời sao. Toàn bộ vẫn còn đó trên màn hình, sinh động đến lạ lùng. Dõi mắt theo những hàng ký tự mà nàng đã gõ, tôi nghe được giọng của nàng. Tôi nhận ra được những chỗ trầm chỗ bổng, những sắc thái và khoảng lặng tinh tế của nó. Con trỏ trên dòng cuối vẫn còn đang nhấp nháy, đều như nhịp đập của trái tim, nín thở đợi từ kế tiếp. Nhưng không có từ nào nữa.

Sau khi ghi khắc toàn bộ cuộc nói chuyện vào tâm trí (tôi đã quyết định tốt nhất là không in ra), tôi nhấp vào hộp tùy chọn để thoát khỏi chế độ truyền tin. Tôi chỉ thị cho chương trình không lưu lại thông tin về cuộc nói chuyện này trong bộ nhớ, rồi tắt máy. Máy kêu bíp bíp, đoạn màn

hình chuyển sang trắng bạch. Tiếng u u
đều đều cơ khí bị nuốt chửng vào im lặng
của căn phòng, như một giấc mơ sinh
động bị xé toạc bởi bàn tay của hư vô.

* * *

Tôi không biết từ lúc đó đến nay đã bao
lâu. Nhưng khi sự tỉnh, tôi thấy mình
dán mắt vào hai bàn tay mình đang nằm
trên bàn. Hai bàn tay in dấu đôi mắt tôi
riết róng nhìn vào chúng suốt một thời
gian dài.

“Trở nên tồi tệ” là điều diễn ra trong một
thời gian dài.

Dài là bao lâu?

23

Đếm cừu



Vật giữa vòng tròn

Ít hôm sau cuộc viếng thăm đầu tiên của Ushikawa, tôi nhờ Quế mỗi khi đến Dinh thì mang cho tôi một tờ báo. Đã đến lúc tôi phải tiếp xúc với thực tại của thế giới bên ngoài. Dù ta cố tránh chúng đến đâu đi chăng nữa, nhưng hễ đã đến lúc là chúng đến với ta.

Quế gặt đầu, và từ đó trở đi ngày nào anh ta cũng mang ba tờ báo đến.

Tôi thường nhìn qua các tờ báo sau khi ăn sáng. Đã từ lâu không buồn đọc báo,

nay tôi thấy chúng thật lạ lùng: lạnh và trống rỗng. Mùi mực in kích thích thần kinh làm tôi thấy nhức đầu, những cụm chữ nhỏ đen nhánh như chọc thủng mắt tôi. Bố cục và kiểu chữ các tit bài cũng như giọng điệu của lối viết dường như phi thực đối với tôi. Tôi thường phải đặt tờ báo xuống, nhắm mắt thở dài. Trước kia thì không như vậy. Trước kia đọc báo hẳn phải là một việc bình thường hơn thế này nhiều. Cái gì đã thay đổi quá nhiều ở chúng vậy? Hay đúng hơn, cái gì đã thay đổi đến vậy ở chính tôi?

Sau khi đọc báo một lúc, tôi có thể hiểu rõ một điều về Wataya Noboru: hẳn đang xây dựng cho mình một vị thế ngày càng vững chắc hơn bao giờ hết trong xã hội.

Đồng thời hấn đang tiến hành một chương trình hoạt động chính trị cực kỳ tham vọng với tư cách một thành viên hứa hẹn của hạ viện, đồng thời thường xuyên phát biểu trước công chúng bằng cách giữ một chuyên mục trên báo chí và làm bình luận viên truyền hình. Đâu đâu tôi cũng thấy tên hấn. Vì lý do nào đó tôi không hiểu nổi, người ta lắng nghe các ý kiến của hấn, đã thế còn lắng nghe ngày càng háo hức hơn. Hấn là lính mới trên chính trường, nhưng đã được tung hô như một trong các chính khách trẻ tuổi hứa hẹn làm được nhiều việc lớn. Trong một cuộc điều tra ý kiến bạn đọc của một tạp chí phụ nữ, hấn được mệnh danh là chính khách nổi tiếng nhất nước. Người ta xưng tụng hấn là một trí thức dân thân, một

kiểu chính khách trí thức mà trước nay chưa hề có.

Khi hết đọc nổi về các sự kiện hiện thời và vai trò nổi bật của Wataya Noboru trong đó, tôi chuyển sang thu thập ngày càng nhiều sách về Mãn Châu quốc. Quế mang đến cho tôi tất cả những gì anh ta tìm được về chủ đề này. Thế mà, ngay cả ở đây, tôi cũng không thoát nổi cái bóng của Wataya Noboru. Hôm đó cái bóng của hắn trỗi dậy từ những trang trong một cuốn sách về thống kê. Sách ấn hành năm 1978, bản của thư viện này trước đây chỉ được cho mượn một lần duy nhất khi sách hãy còn mới, và được trả lại gần như ngay lập tức. Có lẽ chỉ những người thân của trung úy Mamiya mới quan tâm

đền các vấn đề thông kê ở Mãn Châu quốc mà thôi.

Theo tác giả, ngay từ năm 1920, quân đội Thiên Hoàng đang tìm nguồn tích lũy một lượng lớn quân trang cần thiết cho mùa đông để chuẩn bị một cuộc chiến tranh tổng lực chống liên bang Xô Viết. Trang bị cho quân đội khả năng chiến đấu trong cái lạnh cắt da được coi là nhiệm vụ cấp bách, bởi người ta còn thiếu kinh nghiệm tác chiến thực tế trong điều kiện mùa đông cực kỳ khắc nghiệt ở Siberia. Nếu một xung đột biên giới dẫn tới đột ngột tuyên chiến với Liên Xô (điều hoàn toàn có thể xảy ra hồi đó), quân đội sẽ chưa sẵn sàng cho một chiến dịch mùa đông. Vì vậy, một nhóm nghiên

cứu trực thuộc văn phòng bộ tổng tham mưu đã được thành lập để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh giả thiết với Liên Xô, trong đó bộ phận hậu cần chịu trách nhiệm nghiên cứu việc mua sắm quần áo đặc biệt cho mùa đông. Để thực sự biết thế nào là cái lạnh họ đi lên cực bắc đảo Sakhalin vốn từ lâu là điểm tranh chấp giữa Nhật Bản với nước Nga sa hoàng về sau là liên bang Xô Viết, và sử dụng một đơn vị tác chiến thực thụ để kiểm tra các đôi boot, áo choàng và đồ lót cách nhiệt. Họ tiến hành kiểm nghiệm kỹ lưỡng các trang thiết bị mà quân đội Xô Viết hồi đó đang sử dụng cũng như loại quần áo mà quân đội Napoléon đã dùng trong chiến dịch đánh nước Nga, để rồi kết luận rằng với trang thiết bị hiện tại

thì quân đội Nhật Bản sẽ không sống nổi trong mùa đông ở Siberia. Họ dự tính rằng hai phần ba số bộ binh trên tiền tuyến sẽ bị loại khỏi vòng chiến vì tê cóng.

Quần áo chống rét của quân đội Nhật hiện nay chỉ để dùng cho mùa đông miền Bắc Trung Quốc vốn ít khắc nghiệt hơn, ngoài ra số lượng hiện có quá ít, không đủ cho tất cả. Nhóm nghiên cứu đã tính số cừu cần thiết để sản xuất đủ quần áo mùa đông cho mười sư đoàn (lúc đó trong nhóm có lưu truyền mẩu chuyện cười rằng họ quá bận đếm cừu đến nỗi không còn thì giờ để ngủ) rồi đưa số liệu này vào báo cáo, cùng với dự toán số thiết bị cơ khí cần thiết để xử lý ngân ấy

len cừu.

Báo cáo viết rằng lượng cừu hiện có ở quần đảo Nhật Bản không đủ cung ứng cho một cuộc chiến kéo dài ở các lãnh thổ miền bắc chống lại liên bang Xô Viết trong trường hợp Nhật Bản bị trừng phạt hay phong tỏa kinh tế, vì vậy nhất thiết Nhật Bản phải đảm bảo được nguồn cung cấp len ổn định (không chỉ cừu và cả thỏ mà các loài có lông khác) ở vùng Mãn Châu – Mông Cổ và thiết bị cơ khí để xử lý số len đó. Người được giao nhiệm vụ tiến hành quan sát thực địa ở Mãn Châu quốc vào năm 1932, ngay sau khi chế độ bù nhìn ở đó được thành lập, là một nhà kỹ trị trẻ tuổi vừa tốt nghiệp trường Võ bị với bằng thống kê học; tên là Wataya

Yoshitaka.

Wataya Yoshitaka! Đây chỉ có thể là bác ruột của Noboru. Chẳng có nhiều Wataya lắm trên đời này, còn cái tên Yoshitaka thì không nghi ngờ gì nữa.

Sứ mạng của ông ta là tính toán khoảng thời gian cần thiết để có thể bảo đảm nguồn cung cấp len ổn định ở Mãn Châu quốc. Wataya Yoshitaka chớp lấy ngay vấn đề này như một trường hợp mẫu cho thống kê học hiện đại và tiến hành phân tích số liệu một cách vô cùng thấu đáo.

Khi ở Mukden, Wataya Yoshitaka xin được gặp thiếu tướng Ishiwara Kanji và ngồi uống rượu đàm đạo thâu đêm với người này.

Ishiwara Kanji. Lại một cái tên mà tôi

biết rõ. Ông bác của Wataya Noboru đã tiếp xúc với Ishiwara Kanji, kẻ đầu sỏ trong việc dựng lên việc Trung Quốc tấn công quân đội Nhật Bản một năm trước đó, sự kiện được mệnh danh là “Sự biến Mãn Châu” và được Nhật Bản dùng làm cái cớ để biến Mãn Châu thành Mãn Châu quốc, cũng là sự kiện mà về sau sẽ chứng tỏ hành vi xâm lăng đầu tiên trong suốt mười lăm năm chiến tranh.

Ishiwara lúc đó đã đi khắp Trung Hoa đại lục và đâm ra tin tưởng rằng một cuộc chiến toàn diện với Liên Xô không những là không tránh khỏi mà mấu chốt để thắng trong cuộc chiến này nằm ở việc tăng cường lực lượng hậu cần của Nhật Bản; muốn vậy thì phải cấp tốc hiện đại

hóa đế quốc Mãn Châu vừa mới khai sinh và thiết lập một nền kinh tế tự cấp tự túc. Ông ta trình bày ý tưởng của mình với Wataya Yoshitaka một cách hùng hồn, đầy nhiệt huyết. Ông ta cũng lập luận rằng điều quan trọng là phải đưa nông dân từ Nhật sang để tổ chức lại ngành trồng trọt và chăn nuôi của Mãn Châu quốc, tăng năng suất của các ngành này.

Ý kiến của Ishiwara là Nhật Bản không nên biến Mãn Châu quốc thành thêm một thuộc địa của mình như Triều Tiên hay Đài Loan, mà nên làm Mãn Châu quốc trở thành một nhà nước châu Á kiểu mới. Tuy nhiên, Ishiwara vẫn tỉnh táo một cách đáng khâm phục khi thừa nhận rằng

Mãn Châu quốc nên đóng vai trò cơ sở hậu cần cho cuộc chiến với Liên Xô – thậm chí cả với Hoa Kỳ và Anh Quốc. Ông ta tin rằng Nhật Bản nay là nước châu Á duy nhất có khả năng tiến hành cuộc chiến sắp tới chống phương Tây (mà ông ta gọi là “cuộc chiến tối hậu”) và rằng các nước khác có nghĩa vụ hợp tác với Nhật Bản để có thể tự giải phóng mình khỏi ách nô dịch phương Tây.

Không một sĩ quan nào khác trong quân đội Thiên Hoàng lúc đó có mối quan tâm sâu sắc đến vấn đề hậu cần đồng thời có kiến thức uyên thâm như Ishiwara. Hầu hết sĩ quan Nhật lúc đó coi hậu cần là thứ công việc “yếu đuối nữ nhi”, họ cho rằng phạm đã là “người lính của Thiên Hoàng” thì phải chiến đấu anh dũng quên

mình dù trang bị nghèo nàn đến đâu đi nữa, rằng danh dự đích thực của người lính là ở chỗ chiến thắng kẻ thù hùng mạnh với quân số và trang bị hơn hẳn. Đánh bại quân thù và tiến quân “thần tốc đến nỗi hậu cần không theo kịp”, đó mới là con đường dẫn tới vinh quang.

Đối với Wataya Yoshitaka, nhà kỹ trị thuần thành, thì cái triết lý này là một thứ hoàn toàn vô nghĩa. Theo ông, khởi đầu một cuộc chiến lâu dài mà không có hậu cần vững chắc thì chẳng khác gì tự sát. Người Liên Xô đã tăng cường và hiện đại hóa mạnh mẽ khả năng quân sự của mình trong thời gian kế hoạch năm năm phát triển kinh tế tập trung của Stalin. Năm năm đẫm máu trong Thế chiến thứ

nhất đã hủy diệt nhiều giá trị của thế giới cũ, và chiến tranh cơ giới hóa đã làm thay đổi tận gốc cách nghĩ của châu u về chiến lược và vai trò của hậu cần. Từng làm tùy viên quân sự trong hai năm ở Berlin, Yoshitaka thấu hiểu điều đó đến tận xương tủy, nhưng não trạng của hầu hết giới quân nhân Nhật Bản vẫn chưa thoát khỏi cơn ngất ngây vì thắng lợi trong cuộc chiến Nga – Nhật gần ba mươi năm trước.

Trở về Nhật, Wataya Yoshitaka đã là một người hết lòng ngưỡng mộ Ishiwara, các lập luận, quan điểm cũng như tính cách vô cùng lôi cuốn của ông này. Hai người vẫn duy trì quan hệ thân thiết suốt nhiều năm sau đó. Ông thường đến thăm

Ishiwara ngay cả khi vị sĩ quan kiệt xuất này được chuyển từ Mãn Châu về nước để chỉ huy ngôi pháo đài biệt lập ở Maizuzu. Trở về Nhật, Wataya Yoshitaka đệ trình ngay lên bộ chỉ huy bản báo cáo cực kỳ tỉ mỉ và chính xác về việc nuôi cừu và xử lý lông cừu ở Mãn Châu quốc; bản báo cáo được đánh giá cao. Tuy nhiên, do thất bại đau đớn của Nhật trong trận Nomonhan năm 1939, và do Hoa Kỳ cùng Anh siết chặt trừng phạt kinh tế, giới quân sự bắt đầu chuyển sang nhòm ngó về phương Nam; thế là nhóm nghiên cứu nhằm chuẩn bị một cuộc chiến giả định với Liên Xô được phép thôi hoạt động dần. Dĩ nhiên, chính kết luận của nhóm này rằng, “trong điều kiện trang thiết bị hiện nay, chúng ta không có

khả năng tiến hành một chiến dịch mùa đông chống lại quân đội Xô Viết” đã là một yếu tố tác động đến quyết định sớm chấm dứt trận đánh ở Nomonhan vào đầu mùa thu chứ không để phát triển thành chiến tranh lớn. Ngay khi những cơn gió thu bắt đầu thổi, bộ tổng tham mưu vốn luôn bị ám ảnh vì vấn đề thể diện của quân đội Thiên Hoàng, đã bất ngờ quyết định phui tay trong trận đánh này, và thông qua đàm phán ngoại giao, nhường vùng thảo nguyên Hulunbuir trợ trụi cho quân đội Ngoại Mông và Xô Viết.

Trong một cước chú, tác giả cho biết, Wataya Yoshitaka bị chính quyền chiếm đóng của MacArthur cấm không được giữ các chức vụ trong nhà nước, đành lui

về sông ẩn dật mấy năm ở quê nhà Niigata. Nhưng khi lệnh cấm này được bãi bỏ, Đảng bảo thủ đã thuyết phục được Yoshitaka tham gia chính trường. Ông làm nghị sĩ Thượng viện trong hai nhiệm kỳ rồi chuyển sang Hạ viện. Trên tường phòng làm việc của ông có treo một cuộn thư pháp của Ishiwara Kanji. Tôi không biết ông bác của Wataya Noboru đã là một nghị sĩ ra sao hay ông đã làm được gì với tư cách một chính khách. Ông đã có lúc là bộ trưởng trong Nội các, nhưng chưa bao giờ trở thành một thủ lĩnh chính trị có tầm cỡ quốc gia. Nay thì di sản chính trị của ông đã được truyền lại cho đứa cháu là Wataya Noboru.

* * *

Tôi bỏ cuốn sách qua một bên rồi chấp tay sau đầu, nhìn ra ngoài cửa sổ, ngó mông lung về phía cổng trước. Chẳng bao lâu nữa cổng sẽ mở vào trong, chiếc Mercedes-Benz sẽ tiến vào, Quế ngồi sau tay lái. Anh ta sẽ đưa tới một “khách hàng” khác nữa. Những “khách hàng” này và tôi gắn kết với nhau bởi vết bầm trên má tôi. Ông ngoại của Quế và tôi cũng gắn kết với nhau bởi vết bầm trên má tôi. Ông ngoại của Quế và trung úy Mamiya ràng buộc với nhau bởi thành phố Tân Kinh. Trung úy Mamiya và ông Honda có tài thao thị gắn kết với nhau bởi cùng tham gia nhiệm vụ đặc biệt ở biên giới Mãn Châu – Mông Cổ, còn Kumiko và

tôi thì được gia đình Wataya Noboru giới thiệu với ông Honda. Trung úy Mamiya và tôi gắn bó với nhau bởi cả hai đều đã biết thế nào là ở dưới giếng – ông Mamiya thì ở Mông Cổ, tôi thì trên mảnh đất đang ngồi lúc này đây. Một vị sĩ quan từng chỉ huy quân đội ở Trung Hoa cũng có đạo sống trên khu đất này. Tất cả đều gắn kết với nhau như trong một vòng tròn mà tâm điểm là Mãn Châu thời trước chiến tranh, Đông Á đại lục và cuộc chiến tranh ngăn ngủi ở Nomonhan năm 1939. Nhưng có sao Kumiko và tôi lại bị cuốn vào trong chuỗi mắt xích nhân quả lịch sử này, tôi không thể nào hiểu nổi. Tất cả những sự kiện ấy đã diễn ra từ lâu trước khi cả tôi và Kumiko chào đời.

Tôi ngồi ở bàn làm việc của Quế, đặt tay trên bàn phím. Những ngón tay tôi vẫn còn nhớ như in cảm giác cuộc trò chuyện với Kumiko vừa qua. Cuộc nói chuyện qua máy tính này bị Wataya Noboru giám sát, chắc chắn như vậy. Hẳn đang cố biết được đôi điều từ đó. Dứt khoát là hẳn đã bố trí cho chúng tôi liên lạc với nhau bằng cách ấy không phải vì lòng tốt. Hẳn như chắc chắn rằng hẳn và lâu la của hẳn đang tìm cách tận dụng khả năng truy cập vào máy của Quế để biết được những bí mật của nơi này. Nhưng điều đó chẳng làm tôi bận tâm. Chiều sâu của chiếc máy tính này chính là chiều sâu của bản thân Quế. Bọn họ sẽ chẳng bao giờ biết nổi những chiều sâu đó khôn dò đến

mức nào.

24

Báo động đỏ



Cánh tay dài từ xa vươn tới

Lúc 9h sáng hôm sau Quế không đến một mình. Ngồi sau lưng anh ta, trên ghế dành cho khách là mẹ anh, Akasaka Nhục đậu khấu. Đã hơn một tháng rồi bà không đến đây. Lần đó bà cũng đến cùng với Quế mà không báo trước, ăn điểm tâm với tôi rồi nói dăm chuyện phiếm, sau đó chùng một tiếng thì bà đi.

Quế cởi áo khoác, mở băng bản Concerto Grosso của Handel (mà anh ta đã nghe suốt ba ngày liên tục) rồi xuống bếp pha trà và làm món bánh mì nướng

cho mẹ, bà vẫn chưa ăn sáng. Món bánh mì anh ta làm luôn luôn thật tuyệt, cứ như trong một đoạn phim quảng cáo. Trong khi anh dọn dẹp lau chùi bếp như mọi khi, Nhục đậu khấu và tôi ngồi uống trà bên chiếc bàn nhỏ. Bà ta chỉ ăn một lát bánh mì phết chút bơ. Ngoài kia mưa lạnh buốt đang rơi. Nhục đậu khấu nói ít, tôi cũng nói ít – chỉ nhận xét đôi câu về thời tiết. Tuy nhiên, dường như bà có điều gì muốn bộc bạch. Điều đó thấy rõ qua nét mặt và cách nói của bà. Bà xé từng mẩu bánh cỡ con tem cho vào miệng, từng miếng một. Chốc chốc chúng tôi lại nhìn ra ngoài mưa, như thể mưa là người bạn quen biết lâu năm của cả hai chúng tôi.

Khi Quế đã dọn bếp xong và bắt đầu lau nhà, Nhục đậu khấu dẫn tôi vào “phòng chỉnh lý”. Gian này đã được thiết kế sao cho giống hệt như phòng chỉnh lý tại văn phòng ở Akasaka. Kích thước và hình dáng gần như là một. Cửa sổ cũng có hai lớp rèm, cũng mờ mờ ảo ảo dù giữa ban ngày. Rèm không bao giờ mở lâu quá mười phút mỗi lần, khi Quế lau dọn phòng. Ở đây có một chiếc sofa bọc da, một bình hoa bằng thủy tinh được cắm đặt trên bàn, một cây đèn chân đế cao. Giữa phòng là một chiếc bàn làm việc trên đó có một chiếc kéo, những mẫu vải, một chiếc hộp gỗ đầy ắp kim chỉ, bút chì, cuốn sổ vẽ kiểu (trong đó đã có phác họa một số kiểu), cùng một vài công cụ

chuyên dùng mà tôi không biết tên và công dụng. Một chiếc gương lớn bằng cỡ người thật treo trên tường, ở góc phòng được ngăn ra bằng màn làm chỗ thay đồ. Khách hàng đến thăm Dinh luôn luôn được mời đến căn phòng này.

Tôi không hiểu tại sao Quế và mẹ anh ta thấy cần phải tái tạo một bản sao hoàn hảo của căn “phòng chỉnh lý” nguyên thủy tại văn phòng ở Akasaka. Ở đây thì đâu cần phải nguy trang như vậy. Có lẽ là họ (và khách hàng của họ) đã quá quen với căn “phòng chỉnh lý” kia đến nỗi không nghĩ ra được ý tưởng nào mới để trang hoàng căn phòng này. Dĩ nhiên họ cũng có thể đặt câu hỏi: ”Phòng chỉnh lý thì đã sao nào?” Dù lý do gì đi nữa, bản

thân tôi thích chỗ này. Nó thật sự là “phòng chính lý”, không phải căn phòng nào khác, và tôi thấy một cảm giác bình an kỳ lạ ở đó, khi quanh mình là đủ thứ dụng cụ cắt may quần áo. Nó là một khung cảnh siêu thực, nhưng không phi tự nhiên.

Nhục đậu khấu ra hiệu cho tôi ngồi xuống ghế sofa, rồi ngồi bên cạnh tôi.

- Sao, cậu thấy thế nào? - Bà hỏi .

- Cũng được, - tôi đáp.

Nhục đậu khấu mặc bộ áo váy màu xanh lơ nhạt. Váy ngắn, những cúc áo lớn hình sáu cạnh dài kín tận yết hầu như kiểu áo khoác của Nehru ngày xưa. Hai bên vai có miếng đệm cỡ chiếc bánh mì tròn. Bà ta làm tôi nhớ tới một bộ phim khoa học

viễn tường xem đã lâu, lấy bối cảnh tương lai gần. Hầu như tất cả các phụ nữ trong phim đều ăn mặc như thế này và sống trong một thành phố vị lai chủ nghĩa.

Nhục đậu khấu đeo đôi hoa tai cỡ lớn, bằng nhựa, cũng màu xanh tuyền hệt như bộ áo váy. Đó là một màu xanh thăm dường như được tạo ra nhờ kết hợp một số màu, theo một đơn đặt hàng đặc biệt sao cho đi với bộ đồ. Mà cũng có thể ngược lại mới đúng: bộ đồ được làm ra cho khớp với đôi hoa tai, kiểu như ta làm một cái hốc trong tường theo đúng hình dạng của một cái tủ lạnh. Có khi cũng nên nhìn sự vật như thế, tôi nghĩ. Khi đến, bà ta đeo kính râm mặc dù trời mưa,

đôi mắt kính hầu như chắc chắn là cũng xanh lơ. Đôi tất của bà ta cũng xanh lơ. Ngay cả ngày hôm nay hăn cũng màu xanh lơ nốt.

Bằng một chuỗi động tác nhịp nhàng như thường lệ. Nhục đậu khấu rút một điều thuốc từ trong túi xách, đưa lên môi, châm thuốc bằng chiếc bật lửa, môi hơi cong cong. Ít ra thì chiếc bật lửa không phải màu xanh lơ, mà vẫn là chiếc bằng vàng, mỏng mảnh, có vẻ rất đắt tiền mà bà ta luôn dùng. Tuy nhiên, nó rất hợp với màu xanh lơ. Rồi Nhục đậu khấu bắt treo cặp chân mang tất màu xanh lơ. Bà vừa kiểm tra đầu gối mình vừa sửa lại váy. Sau đó, như thể đó là một phần nối dài của đôi đầu gối, bà nhìn sang mặt tôi.

- Cũng được, - tôi lại nói - Cũng như mọi khi.

Nhục đậu khấu gật đầu.

- Cậu không mệt à? Cậu có thấy cần phải nghỉ một chút không?

- Không, không mệt lắm. Chắc tôi cũng quen việc rồi. Bây giờ dễ hơn nhiều so với hồi đầu.

Nhục đậu khấu không nói gì. Khói thuốc bà ta bay thẳng lên trời như sợi dây thừng bị một thầy phù thủy Ấn Độ đọc thần chú cho dựng đứng lên, rồi bị hút vào lỗ thông hơi trên trần. Theo chỗ tôi biết, đây là thiết bị thông hơi nhạy êm nhất và mạnh nhất trên thế giới.

- Bà thì thế nào? - Tôi hỏi.

-Tôi ấy à?

-Bà thì có mệt không?

Nhục đầu khầu nhìn tôi.

- Trông tôi có vẻ mệt sao?

Quả thật là ngay lúc bà ta mới đến, nhìn mắt nhau, tôi đã cảm thấy bà đang mệt. Khi tôi bảo bà như vậy, bà khẽ thở dài.

- Lại thêm một bài báo nữa trên một tạp chí sáng nay nói về cái chỗ này. Trong loạt bài “Bí mật của căn nhà có dớp”. Nghe như nhan đề một bộ phim kinh dị vậy.

- Đây là bài thứ hai phải không? –Tôi hỏi.

- Thì đây, bài thứ hai, - Nhục đầu khầu nói. - Thật ra một tờ báo khác mới đây cũng đăng một bài về đề tài này, cũng may chưa ai nhận ra có mối liên hệ giữa

bài này với bài kia. Tạm thời thì chưa.

- Họ có nói gì mới không? Về chúng ta ấy?

Bà chìa tay lấy gạt tàn dụi tắt điếu thuốc. Rồi khẽ lắc đầu. Đôi hoa tai của bà nhấp chới như những cánh bướm đầu xuân.

- Mới thì không hẳn mới, - bà nói, rồi ngừng một chút, - Chúng ta là ai, chúng ta làm gì ở đây, chưa ai biết. Tôi sẽ đưa cậu một bản copy, nếu cậu quan tâm thì đọc. Nhưng điều mà tôi muốn hỏi cậu là, hôm nọ có người rỉ tai tôi rằng cậu có người anh vợ là một chính khách trẻ nổi tiếng. Có đúng không?

- Đáng tiếc là đúng, - tôi nói.

- Anh của cô vợ đã bỏ cậu mà đi phải không?

- Đúng vậy.

- Liệu anh ta có biết phong phanh gì về chuyện cậu làm gì ở đây không?

- Anh ta biết tôi ngày nào cũng đến đây và tôi đang làm cái gì đó. Anh ta thuê người ta điều tra. Tôi nghĩ anh ta rất lo không biết tôi đang làm cái gì. Nhưng chắc anh ta chưa biết được gì đâu.

Nhục đầu kháu ngẫm nghĩ một hồi lâu về câu trả lời của tôi. Đoạn bà ngẩng mặt lên nhìn tôi hỏi:

- Cậu không ưa ông anh vợ này lắm phải không?

- Không ưa lắm.

- Anh ta cũng không ưa cậu.

- Nói thế còn nhẹ.

- Giờ thì anh ta đang lo không biết cậu làm gì ở đây. Tại sao?

- Nếu em rê bị phanh phui là dính vào một vụ mờ ám thì sẽ rất tai tiếng cho anh ta. Nói gì thì nói, anh ta đang là nhân vật thời nay, thành thử anh ta bận tâm đến những chuyện này thì cũng tự nhiên thôi.

- Vậy anh ta không thể là kẻ đang tiết lộ thông tin về nơi này cho báo chí phải không?

- Thành thật mà nói, tôi không biết Wataya Noboru đang nghĩ gì. Nhưng cứ suy theo lối thông thường, nếu tiết lộ chuyện này cho báo chí thì hẳn có được lợi lộc gì đâu. Với hẳn tốt nhất là cứ mặc cho đừng ai biết gì hết.

Nhục đậu khấu xoay xoay chiếc bật lửa

mỏng mảnh bằng vàng trên mấy ngón tay một hồi lâu. Trông như chiếc cối xay gió bằng vàng vào một ngày ít gió.

- Sao cậu không nói gì về ông anh vợ này với chúng tôi? – Nhục đậu khấu hỏi.

- Không chỉ với bà và Quế đầu. Tôi không bao giờ nhắc đến hắn với bất cứ ai, - tôi nói, - ngay từ đầu tôi với hắn đã không ưa nhau, đến giờ thì thật sự là căm ghét. Không phải tôi giấu không nói với bà về hắn. Chỉ là tôi nghĩ không cần phải đưa chuyện đó ra.

Nhục đậu khấu thở dài.

- Lẽ ra cậu nên kể với chúng tôi.

- Có lẽ vậy, giá tôi kể thì hơn, - tôi nói.

- Chắc cậu đang hình dung được chuyện ở đây liên quan đến cái gì. Khách hàng

của chúng ta toàn trong giới chính trị và doanh nhân. Những người có thể lực. Và đủ loại người nổi tiếng. Danh tính của họ phải được tuyệt đối giữ kín. Chính vì thế chúng tôi mới lo xa hết mức như vậy.

Cậu biết mà.

Tôi gật đầu.

- Quế đã dành biết bao thời gian công sức để lập ra cái hệ thống chính xác và phức tạp hầu duy trì bí mật của chúng tôi – một mê cung toàn những công ty giả, những tài khoản ẩn dưới bao nhiêu lớp nguy trang, một chỗ đỗ xe nặc danh trong cái khách sạn ở Akasaka, quản lý khách hàng cẩn trọng, kiểm soát thu chi chặt chẽ, cả thiết kế căn nhà này nữa: tất cả đều sinh ra từ đầu óc nó. Cho tới giờ, hệ

thông vẫn vận hành gần như hoàn hảo theo tính toán của nó. Dĩ nhiên, duy trì một hệ thống như vậy thì tốn bộn tiền, nhưng với chúng tôi tiền không thành vấn đề. Điều quan trọng là các bà đến với chúng tôi thấy an tâm rằng họ được bảo vệ tuyệt đối.

- Bà muốn nói rằng sự an toàn đó đang bị đe dọa.

- Phải, đáng tiếc là như vậy.

Nhục đậu khấu lấy hộp thuốc là ra, rút một điếu, nhưng kẹp hồi lâu giữa mấy ngón tay mà không châm lửa.

- Đã vậy tôi lại có tay anh họ chính trị gia nổi danh này nữa, càng dễ gây tai tiếng.

- Đúng vậy,- Nhục đậu khấu nói, môi

cong lên.

- Quế phân tích thế nào về tình hình này?

- Nó không nói gì cả. Như một con sò lớn dưới đáy biển vậy. Nó vùi mình vào bản thân, khóa chặt cửa phòng, miên man suy nghĩ điều gì đó.

Mắt Nhục đậu khấu dán vào tôi. Rốt cuộc, như sự nhớ ra điều thuốc cầm trên tay, bà châm lửa. Rồi bà nói:

- Đến giờ tôi vẫn cứ nghĩ mãi về chuyện đó; về chồng tôi, về cách anh ấy bị giết. Tại sao người ta phải ám sát anh ấy? Tại sao người ta phải cho căn phòng khách sạn kia ngập máu, phải moi phủ tạng của anh ấy ra mà mang đi? Tôi nghĩ mãi mà không ra nguyên do để ai đó làm như vậy. Chồng tôi không phải loại người dễ

bị giết một cách khác thường như thế.
Nhưng không chỉ cái chết của chồng tôi.
Tất cả những sự kiện không thể giải thích
được từng xảy ra trong đời tôi từ trước
đến nay – niềm đam mê mãnh liệt nghề
thời trang đột ngột bùng phát lên trong
tôi rồi cũng đột ngột biến mất, Quế bỗng
nhiên ngừng nói, rồi tôi bị cuốn vào cái
công việc kỳ lạ chúng ta đang làm đây.
Tất cả dường như đã được lập trình sẵn
ngay từ đầu nhằm mục đích đưa tôi đến
đây, chính chỗ này đây. Tôi không tài
nào gạt bỏ được cái ý nghĩ đó. Tôi như
thấy mỗi động tác của mình đều bị chi
phối bởi một cánh tay dài vươn ra từ nơi
nào đó rất xa, rằng đời tôi chẳng qua chỉ
là một ngõ thông thuận lợi cho những sự

kiện đó đi qua.

Từ phòng bên khẽ vẳng lại tiếng Quế đang hút bụi. Anh ta đang thi hành nhiệm vụ của mình một cách tập trung có hệ thống như mọi khi.

- Có bao giờ cậu cảm thấy như vậy không? – Nhục đậu khấu hỏi tôi.

- Tôi không bao giờ cảm thấy mình bị “cuốn vào” một cái gì hết, -tôi đáp, - Tôi ở đây lúc này là bởi tôi cần phải ở đây.

- Để cậu có thể thổi cây sáo thần và tìm thấy Kumiko?

- Đúng vậy.

- Cậu có cái gì để tìm kiếm, - bà ta vừa nói vừa chậm rãi đổi sang bắt chéo chân kia, - Cái gì cũng có cái giá của nó.

Tôi im lặng.

Cuối cùng, Nhục đậu khấu kết luận:

- Chúng tôi đã quyết định không đưa khách hàng đến đây trong một thời gian. Đó là quyết định của Quế. Bởi có mấy bài báo và sự xuất hiện của ông anh cậu, tín hiệu đã chuyển từ vàng sang đỏ. Ngày hôm qua chúng tôi đã hủy bỏ tất cả các cuộc hẹn còn lại, bắt đầu từ cuộc hẹn hôm nay.

- “Một thời gian” là bao lâu?

- Cho tới khi nào Quế vá được lỗ hổng trong hệ thống và chúng tôi có thể tin chắc mình đã hoàn toàn vượt qua được mọi khủng hoảng. Rất tiếc, nhưng chúng tôi không muốn liều lĩnh, hoàn toàn không. Quế vẫn sẽ đến đây hàng ngày, nhưng khách hàng thì sẽ không có nữa.

* * *

Khi Quế và Nhục đậu khấu đã đi khỏi thì cơn mưa buổi sáng vừa dứt. Nửa tá chim sẻ đang rửa lông trong một vũng nước trên lối đi dành cho ô tô. Khi chiếc Mercedes của Quế khuất dạng, cánh cổng tự động đã đóng lại tôi ngồi nơi cửa sổ nhìn lên bầu trời mùa đông trữu mây trên những cành cây. Những lời của Nhục đậu khấu hiện lên trong trí tôi: “một cánh tay dài vươn ra từ chỗ nào đó rất xa”. Tôi tưởng như thấy cánh tay từ những đám mây tối thẫm, thấp lè tè kia thò xuống, như bức minh họa trong cuốn truyện tranh nói về điềm gở.

25

Tai ba góc



Lục lạc

Suốt ngày hôm đó tôi ngồi đọc về Mãn Châu quốc. Chẳng việc gì phải vội quay về nhà. Sáng nay, khi chuẩn bị ra khỏi nhà, tôi đã tính trước rằng có thể mình sẽ về muộn nên đã lấy sẵn thức ăn khô đủ hai ngày cho Cá thu. Có thể nó sẽ không thích ăn lắm, nhưng ít ra đói thì không đói. Chính vì vậy tôi càng ngán ngẫm khi nghĩ đến chuyện phải lê xác về nhà. Tôi muốn nằm xuống đánh một giấc. Tôi lấy chăn gối trong một cái tủ ra, trải trên chiếc sofa trong “phòng chỉnh lý” rồi tắt

đền. Đoạn tôi nằm xuống, nhắm mắt mà nghĩ về Cá thu. Tôi muốn mình thiếp đi khi vẫn đang nghĩ đến cá thu. Nó thì đã trở về với tôi. Từ nơi nào đó xa xôi, nó đã về được với tôi. Đó hẳn là một thứ hồng phúc. Nhắm mắt nằm đó, tôi nghĩ về những núm thịt mềm mềm dưới bốn chân con mèo, hai cái tai mát rượi hình tam giác, cái lưỡi hồng hồng của nó.

Trong trí tôi, Cá thu nằm cuộn tròn ngủ yên lành. Tôi nghe hơi ấm của nó trên lòng bàn tay tôi. Tôi nghe được nhịp thở đều đặn của nó. Thần kinh tôi đang bị kích động hơn nhiều so với bình thường, nhưng chẳng mấy chốc tôi đã ngủ, một giấc ngủ sâu không mộng mị.

Tôi thức tỉnh lúc nửa đêm. Dường như tôi

nghe thấy tiếng lục lạc từ đâu đó xa xa, như âm thanh nền trong một bản nhạc Giáng sinh.

Tiếng lục lạc ư?

Tôi ngồi dậy trên sofa, mò mẫm tìm chiếc đồng hồ đặt trên bàn cà phê. Kim đồng hồ có dạ quang chỉ 1 giờ 30. Không ngờ tôi lại ngủ ngon đến thế. Tôi ngồi yên lắng nghe, nhưng âm thanh duy nhất nghe được là tiếng đập nho nhỏ, khò khàn của chính trái tim tôi. Chắc hẳn tôi chỉ tưởng tượng ra tiếng lục lạc ấy thôi. Có khi ấy chỉ là do nằm mơ. Dẫu sao tôi vẫn quyết định kiểm tra một vòng quanh nhà. Tôi xỏ chân vào dép rồi rón rén xuống bếp. Càng đi xa khỏi phòng, âm thanh đó nghe càng rõ. Quả thật là như

tiếng lục lạc, dường như phát ra từ phòng làm việc của Quế. Tôi đứng một lúc bên cánh cửa, lắng nghe, rồi gõ cửa. Nhưng không có tiếng trả lời. Tôi mở hé cửa dòm vào trong.

Đâu đó trong bóng tối, ngang tầm thắt lưng, có một mảng ánh sáng trắng trắng hình vuông. Đó là ánh sáng của màn hình máy vi tính, còn tiếng lục lạc là tiếng bíp lặp đi lặp lại của máy (một kiểu tiếng bíp khác, trước giờ tôi chưa nghe). Máy tính đang gọi tôi. Như thể bị ai kéo, tôi ngồi xuống trước màn hình đang tỏa sáng và đọc thấy thông điệp sau“

Bây giờ bạn có quyền truy cập chương trình “Biên niên ký sự của chim vặn dây cót”. Chọn một tài liệu . (1-16)

Ai đó đã bật máy lên và truy cập vào các tài liệu có nhan đề “Biên niên ký sự của chim vặn dây cót”. Chẳng còn ai khác trong nhà này ngoài tôi ra. Liệu có thể ai đó đã khởi động hệ thống từ bên ngoài chẳng? Nếu có, đây chỉ có thể là Quế.

”Biên niên ký sự của chim vặn dây cót“ư?

Ánh sáng, và cái âm thanh vui vẻ nghe như tiếng lục lạc, vẫn tiếp tục phát ra từ chiếc máy, cứ như vào buổi sáng giáng sinh. Dường như nó đang giục tôi lựa chọn. Ngần ngừ một chút, tôi chọn số 8, chẳng vì lý do gì đặc biệt. Lập tức tiếng chuông dứt, và một tài liệu mở ra trên màn hình như một bức tranh cuộn trải ra theo chiều ngang trước mắt tôi.

26

Biên niên ký sự số 8 của Chim vặn dây cót

(hay cuộc thám sát vụng về thứ hai)

*

Chưa tới 6 giờ sáng, viên bác sĩ thú y người Nhật đã thức giấc. Rửa mặt bằng nước lạnh xong, anh làm bữa điểm tâm. Mùa hè trời rạng sớm, hầu hết thú trong vườn thú Tân Kinh đã dậy rồi. Cửa sổ mở để lọt vào tiếng kêu của bầy thú, cùng với làn gió mang theo mùi của chúng, cái mùi giúp cho anh biết thời tiết mà không phải nhìn ra ngoài. Đó là một phần thủ tục hàng ngày của anh ở Mãn Châu: lắng nghe, sau đó hít bầu không

khí buổi sáng, thế là anh đã sẵn sàng cho một ngày mới.

Tuy nhiên, hôm nay phải khác hẳn ngày hôm trước. Không thể không khác. Quá nhiều giọng, quá nhiều mùi đã không còn nữa! Hồ, báo, sói, gấu, tất cả đã bị thanh trừng bởi những người lính chiều hôm trước. Giờ đây, sau khi ngủ một đêm, viên bác sĩ thú y cảm thấy như những sự kiện đó là một phần của cơn ác mộng lờ mờ mà anh đã mơ từ lâu, lâu lắm. Nhưng anh biết, những sự kiện đó thực sự đã xảy ra. Tai anh vẫn còn đau âm ỉ vì tiếng gầm của những họng súng. Đó không thể là giấc mơ được. Giờ đang là tháng Tám năm 1945, và anh đang ở đây, thành phố Tân Kinh; quân đội Xô Viết đã tràn qua

biên giới và mỗi giờ một áp sát hơn. Đây là thực tại – cũng thực như cái chậu và bàn chải răng mà anh đang thấy trước mặt mình.

Tiếng rống của lũ voi khiến anh thấy nhẹ lòng đôi chút. À vâng, lũ voi thì sống sót. May thay, viên trung úy trẻ đảm trách nhiệm vụ ngày hôm qua vẫn còn sự nhạy cảm thông thường của con người để loại lũ voi ra khỏi danh sách bị thanh trừng, bác sĩ thú y vừa rửa mặt vừa nghĩ. Từ khi tới Mãn Châu, anh đã gặp vô khối những tay sĩ quan trẻ kiêu ngạo và cuồng tín đến từ đất nước anh, và những cuộc gặp đó luôn luôn khiến anh sửng sốt. Hầu hết bọn họ là con nhà nông, tuổi niên thiếu của họ trôi qua trong thời kỳ suy

thoái những năm 30, chìm trong thảm kịch đói nghèo, lại bị nhồi sọ bởi một chủ nghĩa dân tộc tự cao tự đại. Họ sẵn sàng tuân lệnh cấp trên mà không suy nghĩ, dù lệnh đó có kỳ quặc đến đâu. Nếu nhân danh Thiên Hoàng người ta ra lệnh cho họ đào một cái lỗ xuyên qua trái đất tới Brazil, họ sẽ chộp lấy xẻng đào ngay. Một số người gọi đây là “sự thuần khiết”, nhưng viên bác sĩ thú y có tư khác để gọi nó. Là con trai một bác sĩ ở thành thị, được giáo dục trong môi trường tương đối tự do của Nhật Bản trong thập niên 1920, viên bác sĩ thú y không bao giờ hiểu được những tay sĩ quan trẻ đó. Bắn chết dăm con voi lẽ ra còn dễ hơn nhiều so với đào hầm xuyên trái đất tới Brazil, nhưng gã trung úy

ngày hôm qua, mặc dù nói năng hơi nhuốm giọng nhà quê, dường như là một kẻ mang nhiều tính người hơn so với những tay sĩ quan khác – có giáo dục hơn và biết suy xét hơn. Bác sĩ thú y cảm nhận được điều đó qua cách ăn nói và cư xử của người sĩ quan này.

Dù thế nào đi nữa, lũ voi đã không bị giết, và bác sĩ thú y tự nhủ, có lẽ anh cần phải biết ơn về điều ấy. Cả những người lính ắt cũng vui vì khỏi phải làm việc đó. Các công nhân Trung Hoa thì hẳn là tiếc hùi hụi vì lũ voi đã được tha mạng, không thì họ đã có thể tha hồ xẻ thịt và lấy ngà voi.

Bác sĩ thú y đun nước, thấm ướt râu bằng một cái khăn nóng rồi cạo râu. Sau đó

anh ăn điểm tâm một mình: trà, bánh mì và bơ. Suốt ăn ở Mãn Châu còn lâu mới đủ no, nhưng so với những nơi khác thì vẫn còn hậu hĩ lắm. Đây là tin tốt lành cho cả anh lẫn lũ thú. Bọn thú tỏ ra phần nộ khi phần ăn của chúng bị cắt giảm, nhưng tình hình ở đây còn tốt chán so với các sở thú ở quê nhà Nhật Bản, nơi nguồn thức ăn đã cạn kiệt đến mức không thể nào cạn kiệt hơn. Không ai tiên đoán được tương lai, nhưng ít nhất là hiện giờ, cả vật lẫn người đều chưa đến nỗi quá đói ăn.

Anh tự hỏi giờ này vợ và con gái đang làm gì. Họ đã trở về Nhật từ mấy hôm trước, nếu xuôi chèo mát mái thì giờ này chuyến tàu chở họ hẳn đã đến bờ biển

Triều Tiên. Sau đó họ sẽ lên tàu biển về Nhật. Bác sĩ thêm được nhìn thấy họ như anh vẫn thấy mỗi buổi sáng khi thức dậy. Anh thêm được nghe giọng nói liên thoảng của hai mẹ con khi họ chuẩn bị bữa điểm tâm. Một sự im lặng trống rỗng ngự trị căn nhà. Đây không còn là căn nhà mà anh từng yêu thương, nơi chốn mà anh từng là một phần của nó. Thế mà hiện giờ anh lại không thể không cảm thấy một niềm vui kỳ lạ khi được ở lại một mình trong cái chốn cư ngụ chính thức trống rỗng này, giờ đây anh có thể cảm nhận được trong chính xương thịt mình cái sức mạnh bất khả cưỡng của số mệnh.

Số mệnh ở đây là căn bệnh chết người

của chính viên bác sĩ thú y. Từ khi còn trẻ, anh đã có một nhận thức minh bạch kỳ lạ rằng “ta, với tư cách cá nhân, đang sống dưới sự kiểm soát của một thế lực ở bên ngoài ta”. Đây hẳn là vì vết bầm màu xanh dương sống động trên má phải của anh. Từ nhỏ, anh đã căm ghét vết bầm, cái dấu ấn này chỉ mình anh chứ không ai khác phải mang trên da thịt. Mỗi khi những đứa trẻ khác chòng ghẹo anh hay người lạ nhìn chăm chặp vào anh, anh chỉ muốn chết quách cho xong. Giá như có thể lấy dao cắt phăng phần cơ thể đó của mình đi thì tốt biết mấy! Nhưng khi trưởng thành, anh dần lặng lẽ chấp nhận vết bầm trên mặt mình, rằng “nó sẽ chẳng bao giờ biến đi cả”. Đây có thể là một nhân tố giúp anh hình thành

nên một thái độ điềm tĩnh trước tất cả những gì liên quan đến số mệnh.

Hầu như bất cứ lúc nào, uy lực của số mệnh cứ dai dẳng như một bè đệm êm ả và đơn điệu chỉ tô thêm sắc màu cho những đường viền của cuộc đời anh. Hiếm khi anh nhớ tới sự tồn tại của nó. Nhưng cứ từng lúc, đột ngột, thế cân bằng thay đổi (mà cái gì điều khiển thế cân bằng đó thì anh không hề biết: anh không phát hiện được sự đều đặn lặp lại nào trong sự thay đổi đó); cái lực đó thường tăng lên, nhấn anh vào một trạng thái cam chịu gần như tê liệt. Những lúc đó, anh không có cách nào khác ngoài từ bỏ tất cả và phó mặc mình cho dòng chảy. Bằng kinh nghiệm anh biết, anh

không thể làm hay nghĩ ra bất cứ cái gì để thay đổi tình thế. Số mệnh sẽ đòi phần của nó, và chừng nào chưa nhận được phần mình, nó sẽ không đi đâu cả. Anh tin chắc điều đó.

Chẳng phải vì anh là kẻ thụ động, thật ra, anh là người quyết đoán hơn hầu hết kẻ khác, anh luôn luôn thông suốt trong quyết định của mình. Trong nghề nghiệp cũng vậy, anh là người xuất chúng: một bác sĩ thú y có kỹ năng tuyệt vời, một nhà giáo dục không mệt mỏi. Có thể anh thiếu chút gì đó sáng tạo, nhưng hồi còn đi học anh luôn giành điểm cao và thường được chọn là học sinh đầu lớp. Ở nơi làm việc cũng vậy, ai cũng nhìn nhận rằng anh là người vượt trội, những người dưới đều

ngưỡng mộ anh. Nhất định anh không phải là người theo thuyết định mệnh theo nghĩa người ta thường nghĩ. Thế nhưng, chưa bao giờ anh được ném trái niềm xác tín vững chãi rằng chính anh chứ không phải ai khác là người quyết định mọi việc. Anh luôn luôn có cảm giác rằng chính số mệnh đã buộc anh phải quyết định việc này việc kia miễn sao lợi cho nó. Thảng hoặc, sau phút chốc hài lòng rằng mình đã quyết định điều gì đó bằng ý chí tự do, anh mới nhận ra rằng mọi việc đã được định đoạt từ trước bằng một thế lực ngoại tại nguy trang một cách khôn ngoan thành ý chí tự do, ấy chỉ là miếng mồi ném ra trước mặt anh để nhử cho anh hành xử như thể đó là do ý của chính anh. Những việc duy nhất anh

đã tự mình quyết định một cách hoàn toàn độc lập thấy đều là những chuyện vặt vãnh mà nếu xét kỹ sẽ thấy thật ra chẳng cần phải quyết định gì hết. Anh thấy mình như một quốc vương trên danh nghĩa, chẳng biết làm gì khác ngoài việc ấn con triện hoàng gia lên các văn kiện theo lệnh một quan nhiếp chính, kẻ thật sự thao túng quyền lực trong vương quốc – khác nào vị hoàng đế của cái đế quốc bù nhìn Mãn Châu này.

Bác sĩ yêu vợ và con gái. Có vợ con là điều tuyệt diệu nhất từng xảy đến với anh, đặc biệt là con gái, người mà anh yêu đến gần như mê muội. Vì họ, anh có thể vui lòng hy sinh tính mạng mình. Mà thật, anh vẫn thường tưởng tượng như

vậy, và trong tâm trí anh, những cái chết mà anh đã hứng chịu vì vợ con dường như là những cái chết ngọt ngào nhất người ta có thể tưởng tượng ra. Thế nhưng, mỗi khi đi làm về, nhìn thấy hai mẹ con, anh lại tự nhủ: Nói cho cùng, những kẻ này là những con người riêng biệt, mỗi người một cõi, ta không có mối liên hệ nào với họ hết. Họ là một cái gì đó khác mà anh không thực sự hiểu, tồn tại ở nơi nào đó rất xa bên ngoài anh. Và mỗi khi cảm thấy như vậy, anh lại thoáng qua ý nghĩ rằng thực ra anh đã không hề tự chọn lấy người này hay người nọ cho bản thân; tuy nhiên, điều đó không ngăn anh yêu thương họ vô điều kiện, quên mình. Đối với viên bác sĩ, đây là một nghịch lý lớn, một mâu thuẫn không thể

giải quyết được, là cái bẫy khổng lồ
giăng sẵn cho suốt cuộc đời anh.

Tuy nhiên, khi còn trơ lại một mình ở căn
nhà trong vườn thú, anh cảm thấy cái thế
giới mà mình thuộc về đã trở nên đơn
giản hơn, dễ hiểu hơn nhiều. Giờ anh chỉ
còn mỗi việc chăm nom lũ thú. Vợ con
đã đi rồi. Không cần nghĩ về họ nữa.
Viên bác sĩ có thể ở một mình cùng định
mệnh.

Mà trên tất cả, chính định mệnh, cái uy
lực to lớn của định mệnh, chính nó mới
là cái cầm chịch nơi đây, chứ không phải
đội quân Quan Đông, không phải quân
đội Xô Viết, không phải quân của Đảng
cộng sản Trung Quốc hay của Quốc dân
đảng. Ai cũng có thể thấy rằng chính định

mệnh là chúa tể nơi đây, còn ý chí cá nhân chẳng là cái quái gì. Hôm trước, chính định mệnh đã tha mạng cho lũ voi nhưng chôn vùi lũ hổ, báo, sói và gấu. Còn hôm nay nó sẽ chôn vùi ai, và sẽ tha mạng cho ai? Đó là những câu hỏi không người nào có thể trả lời.

Viên bác sĩ thú y rời nhà để chuẩn bị cho bữa thú ăn sáng. Cứ định ninh sẽ chẳng ma nào tới làm việc nữa, nhưng anh lại gặp hai thằng bé Trung Hoa đang đợi anh ở văn phòng. Anh không biết chúng. Hai đứa trạc mười ba, mười bốn tuổi, gày gò, da đen xỉn, cặp mắt thú láo liên. “Người ta bảo tụi cháu giúp ông”, một đứa nói. Viên bác sĩ gật đầu. Anh hỏi tên chúng, nhưng hai đứa không trả lời. Gương mặt

chúng vô cảm, như không hề nghe thấy câu hỏi. Hiển nhiên là hai đứa trẻ này do mấy người Trung Hoa vẫn còn làm việc ở đây cho tới ngày hôm qua cử đến. Có lẽ giờ đây những người đó đã chấm dứt mọi tiếp xúc với người Nhật để chờ chế độ mới, nhưng họ cho rằng trẻ con thì chắc sẽ không bị người ta hạch tội. Bọn trẻ được cử tới như một cử chỉ thiện chí. Các công nhân biết rằng bác sĩ sẽ không thể một mình xoay xở cho lũ thú ăn.

Viên bác sĩ cho mỗi đứa trẻ hai cái bánh quy, rồi cắt đặt công việc để chúng giúp anh cho lũ thú ăn. Họ dắt một chiếc xe la kéo từ chuồng này qua chuồng nọ, cho từng con thú ăn thức ăn dành riêng cho chúng và thay nước. Lau rửa chuồng thì

họ không làm. Giỏi lắm họ chỉ có thể lấy vôi phun qua loa cho sạch phân. Nói gì thì nói, vườn thú đang đóng cửa nên dù có khăm khăm một chút thì cũng chẳng ai than phiền.

Hoá ra nhờ không còn hổ, báo, gấu và sói mà công việc lại nhẹ đi rất nhiều. Chăm sóc lũ thú ăn thịt cỡ lớn vừa rất vất vả lại vừa nguy hiểm. Dù viên bác sĩ cảm thấy bứt rứt đến đâu khi bước ngang qua dãy chuồng của chúng nay trông rỗng, anh vẫn không nén được cảm giác nhẹ nhõm do không còn phải làm cái công việc kia.

Họ bắt đầu làm từ tám giờ và kết thúc lúc mười giờ hơn. Sau đó bọn trẻ biến mất mà không nói một lời. Bác sĩ cảm

thấy kiệt sức vì làm việc vất vả. Anh quay lại văn phòng để báo cáo với giám đốc vườn thú rằng bọn thú đã được cho ăn.

* * *

Ngay trước buổi trưa, viên trung úy quay lại vườn thú cùng với chính tám người lính mà y đã mang tới hôm qua. Cũng lại võ trang đầy mình, họ đi đến đâu là súng ống va leng keng đến đấy, người chưa xuất hiện mà từ xa đã nghe thấy tiếng. Áo họ lại cũng đen nhem vì mồ hôi. Ve sầu cũng kêu râm ran trên cây giống hôm qua. Tuy nhiên, hôm nay toán lính tới đây không phải để giết thú. Viên trung úy giơ tay chào giám đốc vườn thú rồi nói: “Chúng tôi cần biết tình hình vườn thú

hiện nay còn bao nhiêu xe kéo và vật kéo có thể sử dụng được”. Giám đốc cho y hay, vườn thú có đúng một con la và một cái xe. “Hai tuần trước chúng tôi đã đóng góp cho quân đội chiếc xe tải duy nhất cùng hai con ngựa”, ông ta lưu ý. Viên trung úy gật đầu và thông báo rằng y sẽ trưng dụng ngay con la cùng chiếc xe, theo lệnh của Bộ Tư lệnh đội quân Quan Đông.

- Đợi một chút, - viên bác sĩ thú y cắt ngang. – Chúng tôi cần cái xe với con la để cho thú ăn hai lần một ngày. Đám công nhân người địa phương của chúng tôi đi cả rồi. Không có con la với cái xe thì bọn thú sẽ chết đói. Dù có đi nữa thì chúng tôi cũng đã khó lòng trụ được rồi.

- Tất cả chúng ta đều khó lòng trụ được, thưa ông, - trung úy nói, cặp mắt đỏ ngầu, mặt lồm chồm râu ria. – Ưu tiên hàng đầu của chúng ta là bảo vệ thành phố. Ông có thể thả bọn thú ra khỏi chuồng bất cứ lúc nào nếu cần. Chúng tôi đã thanh toán xong đám thú ăn thịt nguy hiểm. Lũ còn lại thì chẳng gây hại cho ai. Đây là quân lệnh, thưa ông. Ông phải tự xoay xở lấy thôi.

Viên trung úy cắt ngang cuộc trò chuyện và ra lệnh cho binh lính đi lấy con la và chiếc xe. Khi họ đã đi khỏi, bác sĩ thú y và giám đốc vườn thú nhìn nhau. Giám đốc nhấp trà, lắc đầu, không nói gì.

Bốn tiếng đồng hồ sau, đám lính quay lại dẫn theo con la và chiếc xe goòng, trong

xe có chất cái gì đó lù lù trôi lên, phủ kín bằng một tấm vải bạt dày. Con la thở hổn hển, sùi bọt mép vì cái nắng chang chang và phải kéo quá sức. Tám người lính dùng lưỡi lê điếu bốn người Trung Quốc đi đằng trước – đó là những người rất trẻ, hẵn chỉ độ hai mươi tuổi, mặc đồng phục bóng chày, tay trái quặt sau lưng. Những vết bầm tím trên mặt cho thấy rõ họ đã bị đánh tơi bời. Mắt phải của một người sưng húp đến nỗi hằn như nhắm tịt lại, người khác môi còn rỉ máu loang đỏ ối cả chiếc áo bóng chày màu sáng. Ngực áo họ không ghi chữ nào, nhưng có những hình chữ nhật nhỏ nơi mà bảng tên đã bị giật ra. Con số trên lưng họ là 1, 4, 7 và 9. Viên bác sĩ thú y không thể nào hình dung vì sao, tại đúng

thời điểm nước sôi lửa bỏng này, bốn gã trai Trung Quốc kia lại mặc đồng phục bóng chày, hoặc vì sao họ bị đánh toi bời và bị toán lính Nhật điệu tới đây. Quang cảnh có vẻ như không thuộc về thế giới này, mà là tranh vẽ của một bệnh nhân tâm thần.

Viên trung úy hỏi mượn giám đốc vườn thú vài cái cuốc, xẻng. Trông y còn xanh xao phờ phạc hơn trước. Bác sĩ dẫn y cùng đám lính tới chỗ giá để dụng cụ ở phía sau văn phòng. Viên trung úy chọn hai cái cuốc và hai cái xẻng cho toán lính. Rồi y bảo bác sĩ đi cùng y. Sau đó, bỏ đám lính lại, y đi về phía một bụi cây phía bên kia đường. Viên bác sĩ thú y theo sau. Viên trung úy đi tới đâu, những

con châu chấu to ùng tủa ra tán loạn tới đó. Mùi cỏ mùa hè thoảng trong không khí. Lẫn trong tiếng ve sầu kêu đình tai, tiếng rống the thé của lũ voi từng chập vẳng tới như một lời cảnh báo xa xăm. Viên trung úy lảng lảng đi giữa những hàng cây, cho đến khi tìm thấy một khoảng đất trống giữa khu rừng. Khu vực này đã được lát đá để xây một quảng trường dành riêng nuôi những con thú nhỏ cho trẻ con chơi. Tuy nhiên kế hoạch đó đã bị hoãn vô thời hạn do tình hình chiến sự ngày càng tồi tệ khiến vật liệu xây dựng trở nên khan hiếm. Cây cối đã bị dọn quang tạo thành một khoảnh đất tròn trụi, mặt trời rọi sáng cái khoảnh đất này trong khu rừng như ánh đèn sân

khẩu. Viên trung úy đứng ngay giữa vòng tròn đó mà đưa mắt nhìn quanh. Rồi y sục sục gót giày xuống đất.

- Chúng tôi sẽ đóng quân ở đây một thời gian. – y vừa nói vừa quỳ gối xuống lấy tay vốc một nắm đất.

Bác sĩ thú y gật đầu để trả lời. Anh không hiểu nổi vì sao người ta lại phải đóng quân trong vườn thú, nhưng anh quyết định không hỏi. Ở Tân Kinh này, kinh nghiệm đã dạy anh chớ bao giờ đặt câu hỏi với đám quân nhân. Những câu hỏi chỉ tổ làm họ nổi giận, và trong bất cứ trường hợp nào họ cũng không bao giờ trả lời thẳng vào câu hỏi.

“Đầu tiên chúng tôi đào một cái lỗ to ở đây”, viên trung úy nói như với chính

mình. Y đứng dậy rút một gói thuốc lá từ trong ngực áo. Vừa cho một điếu lên mồm, y vừa mời viên bác sĩ thú y một điếu, sau đó y đánh diêm châm lửa cho cả hai. Hai người tập trung hút để lấp đầy sự im lặng. Viên trung úy lại lấy giày sụt xuống mặt đất. Y vẽ một hình gì đó trên mặt đất rồi xoa đi. Cuối cùng, y hỏi viên bác sĩ thú y: “Anh sinh ở đâu?”.

- Ở Kanawaga, - Bác sĩ nói. – Tại một thị trấn gọi là Ofuna, gần biển, cách Tokyo chừng một hai giờ xe.

Viên trung úy gật đầu.

- Còn anh sinh ở đâu? – Bác sĩ thú y hỏi. Thay vì trả lời, viên trung úy nheo mắt nhìn sợi khói bay lên từ giữa những ngón tay y. Không, đặt câu hỏi cho một quân

nhân thì chẳng bao giờ được gì hết, bác sĩ thú y tự nhủ một lần nữa. Họ thích đặt câu hỏi nhưng họ sẽ không bao giờ trả lời anh. Có hỏi họ bây giờ là mấy giờ họ cũng không trả lời, thật sự là vậy.

- Ở đó có một xưởng phim, - viên trung úy nói.

Phải mất mấy giây bác sĩ thú y mới hiểu ra rằng tay trung úy đang nói về Ofuna.

“Đúng vậy, một xưởng phim lớn. Nhưng tôi chưa vào đó bao giờ”.

Viên trung úy thả điều thuốc hút dở xuống mặt đất rồi dí chân lên.

- Tôi hy vọng anh sẽ có thể quay về đó, - y nói. – Dĩ nhiên, từ đây về Nhật Bản còn phải băng qua một đại dương. Có lẽ tất cả chúng ta sẽ chết ở đây. – Y vừa

nói vừa nhìn đắm đắm xuống đất. - Nói
tôi nghe, bác sĩ, anh có sợ chết không?

- Tôi cho rằng còn tùy anh chết theo cách
nào, - viên bác sĩ thú y nói sau một
thoáng suy nghĩ.

Trung úy ngược mắt lên nhìn viên bác sĩ
như thể bị khơi gợi trí tò mò. Rõ ràng là
y chờ đợi một câu trả lời khác. - Anh nói
đúng, - y nói. - Điều đó còn tùy anh chết
theo cách nào.

Hai người im lặng một lát. Nom bộ dạng
viên trung úy, y có thể đứng nguyên vậy
mà ngủ gục tới nơi. Rõ ràng y đã sức
cùng lực kiệt. Một con châu chấu to lạ
lùng đập cánh vù vù bay qua trên đầu họ
như một con chim rồi biến mất trong một
bụi cỏ đằng xa. Trung úy liếc đồng hồ.

- Tới giờ rồi, - y nói mà không rõ là với ai. Rồi y bảo với viên bác sĩ thú y. – Tôi muốn anh ở lại đây một lát. Có thể tôi sẽ nhờ anh làm một việc.

Viên bác sĩ thú y gật đầu.

* * *

Đám lính dẫn các tù nhân Trung Hoa ra khoảng trống trong rừng rồi tháo dây trói. Tay hạ sĩ dùng gậy bóng chày vẽ một vòng tròn trên mặt đất – viên bác sĩ thú y lại thấy thêm một điều huyền bí: tại sao người lính lại có cây gậy bóng chày – rồi dùng tiếng Nhật ra lệnh những người tù đào một cái hố sâu có kích thước bằng vòng tròn đó. Bốn người đàn ông mặc đồng phục bóng chày dùng cuốc xẻng lẳng lặng đào. Phân nửa đội lính Nhật

canh chừng đám tù nhân, nửa kia nằm dài ra dưới bóng cây. Dường như họ đang buồn ngủ đến chết được, vừa đặt lưng xuống đất, họ liền ngáy ngay tức thì. Bốn người lính còn lại vẫn thức canh chừng việc đào hố, súng gác ngang hông, mũi lê cắm đầu hòng súng, sẵn sàng sử dụng ngay lập tức. Viên trung úy và viên hạ sĩ thay phiên nhau, người giám sát công việc, kẻ tranh thủ chợp mắt dưới bóng cây.

Chưa đầy một tiếng đồng hồ, bốn tù nhân Trung Hoa đã đào xong một cái hố đường kính khoảng bốn mét, sâu tới cổ. Một người hỏi xin nước bằng tiếng Nhật. Viên trung úy gật đầu, tên lính liền xách lại một xô nước đầy. Bốn người Trung

Hoa lần lượt tọt nước trong xô, nóc ừng ực, vẻ khoan khoái ra mặt. Họ gần như uổng cạn cả xô nước. Đồng phục họ mặc gần như đen nhem máu, bùn và mồ hôi.

Viên trung úy ra lệnh cho hai người lính kéo chiếc xe goòng tới gần cái hố. Tay hạ sĩ giật tám vải bạt ra để lộ bốn xác chết chất đống trong xe. Máy cái xác cũng mặc đồng phục bóng chày như các tù nhân, và hiển nhiên cũng là người Trung Hoa. Hẳn là họ đã bị bắn chết, đồng phục của họ nhoè nhoẹt máu đen kịt. Những con ruồi to tướng bắt đầu bầu lầy đống xác. Xét qua những chỗ máu đông, bác sĩ đoán rằng họ đã chết được khoảng hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Viên trung úy ra lệnh cho bốn tù nhân

Trung Hoa ném mấy tử thi xuống cái hồ họ vừa đào xong. Mặt trắng bệch, chẳng nói chẳng rằng, các tù nhân lôi mấy cái xác ra khỏi chiếc xe goòng rồi ném từng cái một xuống hồ. Mỗi cái xác rơi chạm đất đánh bịch một tiếng trầm đục. Con số in trên đồng phục của mấy người chết là 2, 5, 6 và 8. Viên bác sĩ thú y ghi nhớ mấy con số.

Khi mấy người Trung Hoa đã ném xác xuống hồ xong, mấy tên lính trói mỗi người vào một gốc cây gần đó. Viên trung úy chìa cổ tay ra nhìn đồng hồ với vẻ nghiêm trang. Rồi y ngẩng lên nhìn hồi lâu một điểm trên bầu trời như thể tìm cái gì ở đó. Y giống như tay trưởng nhà ga đứng trên sân ga đợi một đoàn tàu

đã quá trễ giờ. Nhưng thật ra y chẳng nhìn gì hết. Y chỉ muốn để cho một khoảng thời gian nào đó trôi qua. Thời gian chờ đợi đã qua, y quay về phía viên hạ sĩ và cộc lốc ra lệnh đâm chết ba trong bốn tù nhân – mang số 1, 7 và 9 - bằng lưỡi lê.

Ba binh sĩ được chọn ra để đứng vào vị trí trước mặt ba người Trung Hoa. Máy người lính thậm chí còn xanh xao hơn cả những kẻ mà họ sắp sửa giết. Máy người Trung Hoa có vẻ mệt mỏi tới mức không còn trông mong bất cứ cái gì. Viên hạ sĩ mời mỗi người một điều thuốc, nhưng họ từ chối. Y đút gói thuốc vào lại túi áo.

Tay trung úy kéo viên bác sĩ thú y ra đứng cách những người lính khác một

quãng. “Anh nên xem vụ này”, y nói.
“Đây là một cách chết khác”.

Bác sĩ gật đầu. Tay trung úy không nói câu này với mình, anh nghĩ. Y đang nói với chính y.

Bằng giọng dịu dàng, viên trung úy giải thích: “Bắn có lẽ là cách đơn giản và hiệu quả nhất để giết chúng, nhưng chúng tôi được lệnh không phí phạm dù chỉ một viên đạn, nhất là không được phí đạn để giết người Trung Hoa. Chúng tôi phải để dành đạn cho bọn Nga. Bọn này chúng tôi chỉ giết bằng lưỡi lê, nghe thì dễ, nhưng không phải đâu. Mà này, bác sĩ, trong quân đội người ta có dạy anh cách dùng lưỡi lê không?

Viên bác sĩ giải thích rằng anh là bác sĩ

thứ y nên không được huấn luyện dùng lưỡi lê.

- Giết người bằng lưỡi lê cho đúng cách thì phải làm thế này: Trước tiên, phải thọc lưỡi lê vào dưới xương sườn, ở đây này. – Viên trung úy chỉ vào thân thể chính mình, ngay phía trên dạ dày. – Kế đó phải ngoáy lưỡi lê thành một vòng tròn rộng, sâu bên trong cơ thể tử tội, để xáo tung các cơ quan nội tạng. Sau đó thì thọc lên trên để đâm thủng tim. Đừng mong chỉ thọc lưỡi lê vào mà hấn chết được. Lính tráng chúng tôi được người ta dạy tới điều này không biết bao nhiêu lần. Đánh nhau tay đôi bằng lưỡi lê và tập kích ban đêm là niềm tự hào của quân đội Thiên Hoàng, mặc dù chủ yếu

vì đánh nhau kiểu này rẻ hơn nhiều so với xe tăng, máy bay và đại bác. Dĩ nhiên, huấn luyện gì mà chẳng được, nhưng nói gì thì nói, anh cũng chỉ đâm một con búp bê nhồi rơm chứ đâu phải một thằng người thật. Nó không chảy máu, không biết thét lên, cũng không đổ ruột xuống đất. mấy thằng lính đây đã bao giờ thật sự giết người bằng cách này đâu. Tôi cũng chưa hề.

Viên trung úy nhìn tay hạ sĩ và gật đầu. Viên hạ sĩ quát to ra lệnh cho ba tên lính vừa lập tức lấy tư thế nghiêm. Thế rồi ba tên lính lùi lại nửa bước và chĩa lưỡi lê ra, hướng mũi lê về phía vào mỗi người tù. Một trong ba người Trung Hoa (số 7) gầm gừ mấy chữ bằng tiếng Trung Hoa

nghe như một lời rửa và nhổ nước bọt với vẻ ngang tàng – đồng nước bọt chẳng bao giờ chạm đất mà dây rớt vào vạt trước bộ đồng phục bóng chày của anh ta.

Nghe lệnh kế tiếp, ba tên lính vận hết sức bình sinh thọc lưỡi lê vào mình mấy người Trung Hoa. Sau đó, như viên trung úy đã nói, họ ngoáy lưỡi lê để xé toạc lục phủ ngũ tạng các tù nhân, rồi thọc mũi lê về phía trên. Tiếng kêu của mấy người Trung Hoa không quá to; chúng giống như những tiếng nấc trầm trầm hơn là tiếng thét, như thể họ đang trút sạch ra ngoài toàn bộ hơi thở còn sót lại trong người qua một lỗ thoát duy nhất. Đám lính rút lưỡi lê ra, lùi lại. Viên hạ sĩ lại

quát to ra lệnh, và đám lính lại lặp lại quy trình giống hệt như trước – thọc, ngoáy, chọc lên trên, rút ra. Viên bác sĩ thú y chết lặng nhìn cảnh đó, bị choáng ngợp bởi cảm giác mình đang bắt đầu bị tách làm hai. Anh đồng thời trở thành kẻ đâm và kẻ bị đâm. Anh có thể cảm thấy cả tác động của lưỡi lê khi nó thọc vào cơ thể nạn nhân lẫn cái đau khi tạng phủ của chính mình bị xé thành từng mảnh. Một người Trung Hoa lâu chết hơn anh tưởng nhiều. Thân thể họ bị xé toang, tuôn máu xối xả lên mặt đất, nhưng thậm chí dù nội tạng đã bị xé ra từng mảnh, họ vẫn khẽ giật giật thêm hồi lâu. Tay hạ sĩ dùng lưỡi lê của chính mình để cắt dây thừng trói những người đàn ông vào mấy

gốc cây, sau đó y hạ lệnh cho mấy tên lính này giờ không tham gia vào việc hạ sát lôi những cái xác vừa sụm xuống đất kia mà vớt xuống hồ. Những cái xác này khi chạm đáy hồ cũng phát ra một tiếng ùng ùng, nhưng bác sĩ không khỏi cảm thấy âm thanh này khác với âm thanh phát ra bởi mấy cái xác trước kia. Có lẽ vì những người này chưa chết hẳn.

Giờ chỉ còn sót lại người tù Trung Hoa trẻ tuổi mang áo số 4. Ba người lính mặt tái nhợt xé lá dưới chân chùi lấy chùi để những lưỡi lê đâm máu. Lưỡi lê không chỉ nhuộm máu mà còn vấy những chất lỏng cơ thể có màu sắc kỳ lạ và dính những tảng thịt. Đám lính phải dùng rất nhiều lá mới trả được những lưỡi lê về

màu kim loại trơn ban đầu.

Viên bác sĩ thú y tự hỏi tại sao chỉ một mình người số 4 vẫn còn sống, nhưng anh không nói gì. Viên trung úy lấy ra thêm một liều thuốc rồi châm lửa. Y mời bác sĩ một liều, anh này lặng lẽ nhận, đút vào giữa hai môi rồi tự châm lửa lấy. Tay anh không run, dường như nó mất hết cảm giác, như thể anh đang mang găng tay dày.

- Máy tên này là học viên trường Dự bị Sĩ quan Quân đội Mãn Châu quốc, - viên trung úy nói. – Chúng từ chối tham gia phòng thủ Tân Kinh. Đêm qua chúng giết hai vị thầy người Nhật rồi tìm cách bỏ trốn. Chúng tôi tóm được chúng trong khi tuần đêm, giết bốn thằng ngay tại chỗ và

bắt sông bốn đứa. Trời tôi thành thử có hai đứa thoát được. – Viên trung úy dùng lòng bàn tay xát râu cằm. – Chúng ta trốn thoát bằng cách mặc đồng phục bóng chày. Tôi đoán chúng cho rằng nếu bị bắt trong khi đang mặc quân phục thì sẽ bị khép vào tội đào ngũ. Hoặc có thể bọn này sợ quân đội Cộng sản sẽ làm thịt chúng nếu gặp chúng mặc quân phục Mãn Châu quốc. Dù thế nào đi nữa, ngoài đồng phục học viên sĩ quan thì ở trại cả bọn chỉ có mỗi bộ đồng phục bóng chày. Thế là chúng xé mấy cái tên in trên đó ra rồi tìm cách mặc bộ đồng phục đó chạy trốn. Tôi không rõ anh có biết việc này không, trường sĩ quan có một đội bóng chày rất cừ. Tụi nó thường sang Đài Loan và Triều Tiên thi đấu giao hữu.

Thằng đó, - viên trung úy chỉ về phía gã trai đang bị trói vào thân cây, là đội trưởng và là tay đánh chính(11). Chúng tôi cho rằng cũng đích thị hắn bày ra trò đào tẩu này. Hắn giết hai ông thầy Nhật bằng một cây gậy bóng chày. Các ông thầy biết ở trại đang có chuyện lôi thôi nên sẽ chẳng bao giờ phát vũ khí cho đám học viên ngoại trừ trong trường hợp tối khẩn. Nhưng họ quên mấy cây gậy bóng chày. Cả hai người đều bị đánh toác sọ. Có lẽ họ đã chết ngay tức khắc. Hai cú đánh không chệ vào đâu được. Cây gậy đó đây.

Viên trung úy ra lệnh cho hạ sĩ đem cây gậy tới. Y chuyển cây gậy cho anh bác sĩ thú y. Anh này cầm lấy bằng hai tay, chìa

nó ra trước mặt, kiêu như một đầu thủ đang bước vào vị trí đánh bóng. Đó chỉ là một cây gậy bình thường, chế tác không khéo lắm, đầu tù tù, vân không đều. Tuy nhiên nó khá nặng, đã dùng nhiều. Tay cầm đen nhem vì mồ hôi. Trông nó không có vẻ gì là một chiếc gậy vừa được dùng để giết hai mạng người. Sau khi cảm nhận sức nặng của cây gậy, bác sĩ đưa trả cho viên trung úy. Tay này cầm lấy vụt vài cái nhẹ nhàng ra vẻ một tay chơi nhà nghề.

- Anh có chơi bóng chày không? – trung úy hỏi viên bác sĩ.

- Hồi còn nhỏ thôi.

- Giờ thì lớn quá rồi hay sao?

- Không còn bóng chày bóng chiếc gì

nữa, - bác sĩ nói. Suýt nữa anh đã hỏi “Thế còn anh, trung úy?”, nhưng kịp nuốt mấy chữ ấy lại.

- Tôi được lệnh đánh chết thằng này bằng chính cây gậy mà nó đã dùng, - viên trung úy vừa nói bằng giọng khô khan vừa lấy đầu gậy chọc chọc xuống đất. – Ăn miếng trả miếng. Nói riêng giữa tôi với anh thôi nhé, tôi thấy cái lệnh này thật là thôi. Đi giết mấy thằng nhóc này thì lợi lộc chó gì? Chúng ta chẳng còn cái máy bay nào, tàu chiến cũng không, những đơn vị thiện chiến nhất đi tong hết rồi. Mới mấy hôm trước một thứ bom đặc biệt nào đó đã quét sạch cả thành phố Hiroshima trong có một giây. Hoặc chúng ta sẽ bị quét sạch khỏi Mãn Châu

hoặc chúng ta sẽ bị giết cả lũ, rồi Trung Hoa lại thuộc về người Trung Hoa thôi. Chúng ta đã giết quá nhiều người Trung Hoa rồi, giết thêm vài mạng thì có khác gì. Nhưng lệnh là lệnh. Tôi là người lính thì phải tuân lệnh. Hôm qua chúng tôi đã giết lũ hổ và báo, hôm nay chúng tôi phải giết mấy gã trai này. Thành thử, hãy nhìn cho kỹ, bác sĩ ạ. Đây là một cách chết khác dành cho con người. Anh là bác sĩ, chắc anh đã quen với dao kéo, máu me, gan ruột, nhưng chắc hẳn anh chưa từng thấy ai bị đánh đến chết bằng gậy bóng chày.

Viên trung úy ra lệnh cho tay hạ sĩ dẫn gã số 4, tay đánh chính, đến cạnh mép hố. Một lần nữa người ta trói quặt tay anh ta

sau lưng, bịt mắt rồi buộc anh quỳ xuống đất. Anh ta là một gã trai cao lớn, vạm vỡ, hai cánh tay đồ sộ to cỡ bắp đùi người thường. Viên trung úy gọi một tay lính trẻ tới, đưa cho cậu ta cây gậy.

“Giết nó bằng cái này”, y nói. Tay lính trẻ đứng nghiêm chào trước khi nhận cây gậy, nhưng sau khi đã cầm nó trên tay, hấn vẫn đứng đực ra như hóa đá. Đường như hấn không thể hình dung nổi cái khái niệm đánh chết một người Trung Hoa bằng một cây gậy bóng chày.

- Cậu đã bao giờ chơi bóng chày chưa? – Viên trung úy hỏi tay lính (kẻ mà rất cuộc sẽ bị một cai tù người Xô Viết dùng xẻng đánh toác sọ trong một khu mỏ gần Irkutsk).

- Thừa ngài, chưa bao giờ, - tay lính đáp rõ to. Cả ngôi làng ở Hokkaido nơi hắn chào đời lẫn ngôi làng ở Mãn Châu nơi hắn lớn lên đều nghèo rớt mồng tơi đến nỗi cả bên này lẫn bên kia chẳng gia đình nào đủ tiền để đựng tới những thứ xa xỉ như bóng chày hay gậy bóng chày. Suốt thời niên thiếu y chạy tung tăng ngoài đồng, bắt chuồn chuồn và chơi trò đánh kiếm gậy với chúng bạn. Cả đời y chưa hề chơi bóng chày, thậm chí chưa hề xem một trận bóng chày. Đây là lần đầu tiên y cầm một cây gậy bóng chày.

Viên trung úy liền chỉ cho hắn cách cầm gậy, dạy hắn những điểm cơ bản về cách dùng gậy đánh, rồi tự mình thị phạm mấy lần. – Hiểu chưa? Quan trọng là hai bên

hông, - y lâu bầu, răng nghiền chặt. – Lùi lại lấy thế, rồi xoay người từ thắt lưng trở xuống. Đầu gậy sẽ tự động di chuyển theo. Hiểu chưa? Nếu tập trung quá nhiều vào việc vung gậy thì toàn bộ lực của cậu sẽ dồn vào hai cánh tay, cú đánh sẽ mất uy vũ. Phải vận người từ dưới hông. Tên lính xem ra không hiểu lắm những gì trung úy nói, nhưng hắn vẫn nhắc cái dụng cụ nặng trĩu của hắn lên theo lệnh và vụt qua vụt lại một hồi để tập. Ai nấy đều quan sát hắn. Viên trung úy đặt tay lên tay hắn để giúp điều chỉnh tư thế cầm gậy. Y là một giáo viên cừ. Chẳng mấy chốc, cú đánh của tên lính, tuy còn đôi chút vụng về, đã vung lên mạnh mẽ trong không trung. Kỹ thuật thì tên lính còn

thiếu, bù lại y có sức lực cơ bắp nhờ đã quen công việc đồng áng.

- Được rồi, - viên trung úy vừa nói vừa lấy mu bàn tay lau mồ hôi rịn ra trên lông mày. – Giờ làm đi, cố vục một cái duy nhất cho ra trò. Đừng để nó đau đớn.

Thật ra điều y muốn nói là: “Tao cũng chẳng muốn làm việc này hơn gì mày. Ai đòi lại nghĩ ra một trò ngu xuẩn như vậy cơ chứ? Giết người bằng gậy bóng chày...” Nhưng phàm là sĩ quan thì không bao giờ có thể nói như vậy với binh lính.

Tên lính bước lại phía sau người Trung Hoa bị bịt mắt đang quỳ trên mặt đất.

Khi tên lính nâng gậy lên, những tia nắng chói của mặt trời đang lặn hắt cái bóng

dài, bè bè của cây gậy lên mặt đất. Thật là gở, viên bác sĩ thú y nghĩ. Tay trung úy nói đúng: ta chưa bao giờ thấy ai bị giết bằng gậy bóng chày. Tên lính giữ cây gậy trên không một hồi lâu. Bác sĩ thấy đầu gậy run run.

Viên trung úy gật đầu với tay lính. Gã này hít một hơi dài, lùi lại lấy thế rồi lấy hết sức bình sinh quật cây gậy vào phía sau đầu tay học viên sĩ quan Trung Hoa. Hắn làm việc đó cừ khôi lạ lùng. Hắn xoay hông đúng hệt như viên trung úy đã dạy, nhãn hiệu của cây gậy giáng thẳng vào phía sau tai gã trai, gậy cứ thế theo sau, chính xác không chê vào đâu được. Có một âm thanh nứt gãy ùng ùng, đó là hộp sọ bị vỡ. Bản thân gã trai không kêu

một tiếng. Thân hình y treo trên không một hồi trong tư thế kỳ lạ rồi đổ vật về phía trước. Y nắm úp má xuống đất, máu tuôn từ một bên tai. Y không cựa cựa. Viên trung úy nhìn đồng hồ. Tên lính trẻ vẫn nắm chặt cây gậy bóng chày, nhìn trân trối vào khoảng không, miệng há hốc.

Viên trung úy là người làm việc gì cũng chi li cẩn trọng. Y đợi hẵn một phút. Khi đã tin chắc gã trai Trung Hoa kia hoàn toàn không động đậy, y bèn bảo viên bác sĩ thú y: “Anh làm ơn kiểm tra xem hắn đã chết hẵn chưa”.

Viên bác sĩ gật đầu, đi lại phía gã trai Trung Hoa đang nằm, quỳ xuống gỡ dải băng bịt mắt y. Mắt người đàn ông mở to,

con người trợn ngược, máu đỏ tươi từ trong tai tủa ra. Miệng y hé mở để lộ cái lưỡi cong vẹo bên trong. Cú đánh làm cho cổ của y vặn nghiêng thành một góc kỳ lạ. Lỗ mũi y thốc ra từng bùm máu đặc, làm thành những vết ố đen sịt trên mặt đất khô. Một con ruồi đặc biệt nhảy – và đặc biệt lớn – đã bay vù vù về phía một trong hai lỗ mũi để đẻ trứng. Bác sĩ cầm lấy cổ tay y để bắt mạch, chỉ để cho chắc. Mạch không còn, dĩ nhiên không còn mạch ở chỗ lẽ ra phải có. Tên lính trẻ đã kết liễu cuộc đời gã đàn ông sức tày Hạng Võ này bằng một cú gậy bóng chày duy nhất, cú đánh đầu tiên bằng gậy bóng chày trong đời hắn. Viên bác sĩ thú y nhìn viên trung úy gật đầu, ra hiệu rằng gã đàn ông quả thật đã chết, chẳng nghi

ngờ gì nữa. Làm xong nhiệm vụ, anh bắt đầu chậm chậm đứng lên khi cảm thấy mặt trời chiếu sau lưng bỗng trở nên càng chói gắt.

Đúng lúc đó, gã cầu thủ bóng chày người Trung Hoa trẻ tuổi mang số 4 ngồi dậy như vừa mới tỉnh giấc. Không một chút hồ nghi hoặc phân vân – hay có lẽ những người có mặt chỉ cảm thấy như vậy? – y túm lấy cổ tay viên bác sĩ. Mọi chuyện xảy ra trong có một giây. Viên bác sĩ không hiểu nổi; gã này đã chết, anh tin chắc điều đó. Thế mà lúc này, nhờ một giọt sức sống cuối cùng dường như vọt lên chẳng biết từ đâu, gã đàn ông đang siết cổ tay viên bác sĩ, mạnh như cái kim thép. Mí mắt căng hết cỡ, con ngươi vẫn

lộn ngược lên trên, gã trai trẻ ngã chúi xuống hố kéo theo bác sĩ. Viên bác sĩ ngã xuống bên trên y và nghe rõ tiếng xương sườn của y gãy răng rắc khi khối nặng thân thể y chạm đất. Thế mà gã cầu thủ bóng chày người Trung Hoa vẫn tiếp tục siết cổ tay anh. Những người lính thấy toàn bộ cảnh đó, nhưng họ sững sốt đến nỗi không làm được gì khác ngoài đứng nhìn. Viên trung úy trấn tĩnh trước tiên, bèn nhảy xuống hố. Y rút súng lục ra khỏi vỏ, chĩa họng súng vào đầu gã Trung Hoa, bóp cò ba lần. Hai tiếng rắc sắc lạnh, lẫn vào nhau vang lên, một cái lỗ lớn màu đen mở hoác ra nơi thái dương gã đàn ông. Giờ thì sự sống của y đã tắt hẳn, thế nhưng y vẫn chưa chịu buông cổ tay viên bác sĩ. Trung úy quỳ

xuống, một tay cầm súng, tay kia khó nhọc gỡ dần từng ngón tay của cái xác chết. Bác sĩ nằm trong hố, xung quanh là tám xác chết Trung Hoa nằm lặng mặc đồng phục bóng chày. Dưới đáy hố, tiếng kêu ran ran của ve sầu nghe rất khác với ở trên mặt đất.

Sau khi viên bác sĩ thú y đã thoát khỏi bàn tay siết của người chết, bọn lính kéo anh và viên trung úy lên khỏi cái huyết. Bác sĩ ngồi bệt xuống cỏ, thở mấy hơi thật sâu. Rồi anh nhìn cổ tay mình. Những ngón tay của gã trai để lại năm cái dấu đỏ lựng. Đang giữa buổi chiều tháng Tám nồng nực mà bác sĩ cảm thấy lạnh thấu ruột thấu gan. Ta sẽ không bao giờ rũ được cái lạnh này nữa, anh nghĩ.

Gã đàn ông đó quả thật đã ra sức lôi ta theo tới bất cứ chốn nào y tới.

Viên trung úy cài lại khóa an toàn rồi cẩn thận đút súng lục vào bao. Đây là lần đầu tiên y nã súng lục vào một con người. Nhưng y cố không nghĩ về điều đó. Chiến tranh sẽ còn tiếp diễn ít nhất là một thời gian nữa, người ta sẽ tiếp tục chết nữa. Chuyện nghiền ngẫm sâu xa này nọ, y có thể để dành về sau. Y chùi lòng bàn tay mướt mồ hôi vào quần rồi ra lệnh cho những tên lính ban nãy không tham gia hành hình lấp hố lại. Một bầy ruồi kéch xù đã đến để săn sóc đồng xác chết.

Tay lính trẻ vẫn đứng trơ ra đó, như hóa đá, tay nắm chặt cây gậy bóng chày.

Dường như hẳn không thể nào buông tay ra. Viên trung úy và hạ sĩ để hẳn đứng một mình. Có vẻ như hẳn đã quan sát toàn bộ chuỗi sự kiện quái đản kia – gã Trung Hoa “đã chết” bất ngờ chộp lấy cổ tay viên bác sĩ thú y, cả hai ngã xuống cái huyết, viên trung úy nhảy vào kết liễu đời gã Trung Hoa, còn bây giờ đám lính đang lấp hố lại. Nhưng kỳ thực hẳn chẳng quan sát bất cứ cái gì. Hẳn lắng nghe một con chim trên cây ở đâu đó đang kêu “Quick! Quick” như thể đang vắn một sợi dây cót. Tên lính ngược lên, cố định vị xem tiếng kêu phát ra từ hướng nào, nhưng không thấy tăm hơi gì của con chim vắn dây cót. Hẳn thấy hơi buồn nôn trong cổ họng.

Trong khi nghe tiếng vắn dây cót, tên lính trẻ nhìn thấy những hình ảnh theo nhau rời rạc hiện lên rồi mờ đi trước mắt hắn. Sau khi quân Nhật bị quân đội Xô Viết tước vũ khí, tay trung úy sẽ bị bàn giao cho người Trung Hoa, y sẽ bị treo cổ vì trách nhiệm của y trong những cuộc hành hình này. Viên hạ sĩ sẽ chết vì bệnh dịch hạch tại một trại tập trung ở Siberia: hắn sẽ bị ném vào một lều cách ly rồi bỏ mặc đó đến chết, mặc dù trên thực tế hắn chỉ gục ngã vì thiếu ăn và không hề mắc bệnh dịch hạch, ít nhất là không mắc bệnh trước khi bị ném vào lều cách ly. Viên bác sĩ thú y sẽ chết vì tai nạn một năm sau: là thường dân, anh ta sẽ bị người Liên Xô đưa đi phục vụ cho quân đội, sẽ

làm việc nặng nhọc ở một trại tập trung Siberia khác, anh đang làm việc ở tầng sâu trong một mỏ than Siberia thì một trận lũ sẽ cuốn phăng anh cùng với nhiều người lính. Còn mình... tên lính trẻ nghĩ, tay nắm chặt chiếc gậy bóng chày – nhưng hắn không thể nhìn thấy tương lai của chính mình. Thậm chí hắn không thể nhìn thấy những sự kiện đang xảy ra ngay trước mắt. Hắn nhắm mắt lại lắng nghe tiếng kêu của con chim vặn dây cót.

Thế rồi, bất chợt, hắn nghĩ tới đại dương – cái đại dương mà hắn nhìn thấy từ trên boong con tàu đã đưa hắn từ Nhật sang Mãn Châu tám năm về trước. Cho tới khi đó hắn chưa hề nhìn thấy đại dương, từ đó đến giờ cũng không một lần thấy lại.

Hắn vẫn còn nhớ rõ mùi không khí mặn măn. Đại dương là một trong những điều kỳ diệu nhất hắn từng thấy trong đời – lớn lao và sâu thẳm hơn bất cứ cái gì hắn từng hình dung. Nó thay đổi màu sắc, hình dạng và sắc thái tùy theo thời điểm, nơi chốn và thời tiết. Nó làm dậy lên một nỗi buồn sâu sắc trong lòng hắn, đồng thời lại mang đến cho lòng hắn sự bình an khuây khỏa. Liệu có bao giờ hắn lại thấy biển nữa không? Hắn nới lỏng tay buông chiếc gậy bóng chày xuống đất. Cây gậy chạm đất vang lên một tiếng khô khốc. Sau khi cây gậy rời khỏi tay, hắn thấy buồn nôn hơn một chút.

Con chim vặn dây cót vẫn tiếp tục kêu, nhưng không ai khác nghe thấy tiếng kêu

của nó.

* * *

Đây là hết “Biên niên ký sự Chim vặn
dây cốt số 8”.

11. Nguyên văn: cleanup batter. Trong môn bóng chày đây là cầu thủ đánh bóng thứ tư, thường dành cho người rất khỏe mạnh, vì đòi hỏi phải vừa đánh bóng mạnh vừa chạy nhanh - ND.

Những mắt xích còn thiếu của Quế

*

Đến đây là hết

“Biên niên ký sự của Chim vặn dây cót số 8”

*

Tôi thoát khỏi tài liệu rồi quay về trình đơn ban đầu và nhấp vào “Biên niên ký sự của Chim vặn dây cót số 9”. Tôi muốn đọc phần tiếp theo câu chuyện. Nhưng thay vì một tài liệu mới, tôi lại thấy thông điệp:

Không được phép truy cập “Biên niên ký sự của Chim vặn dây cót số 9” dựa trên

Mã R24.

Hãy chọn một tài liệu khác.

Tôi chọn số 10, nhưng kết quả cũng như vậy.

Không được phép truy cập “Biên niên ký sự của Chim vặn dây cốt số 10” dựa trên Mã R24.

Hãy chọn một tài liệu khác.

Kết quả cũng không khác khi tôi chọn số 11 và tất cả các tài liệu còn lại, kể cả số 8. Tôi chẳng biết Mã R24 là gì, nhưng giờ thì nó đã phong tỏa không cho tôi truy cập gì nữa. Chắc là khi mở “Biên niên ký sự của Chim vặn dây cốt số 8” thì tôi đã có thể truy cập bất cứ tài liệu nào, nhưng một khi tôi đã mở Số 8 và đóng lại thì bây giờ lồi vào tất cả các tài

liệu đó đã bị khóa. Có lẽ chương trình này chỉ cho phép truy cập mỗi lần một tài liệu mà thôi.

Tôi ngồi trước máy vi tính, tự hỏi phải làm tiếp cái gì. Nhưng tôi không thể làm tiếp cái gì cả. Đây là một thế giới được tổ chức một cách chuẩn xác, hình thành trong trí óc Quế và vận hành dựa trên các nguyên tắc của anh ta. Tôi không biết luật chơi. Tôi đành thôi không cố nữa và tắt máy.

* * *

Không nghi ngờ gì nữa, “Biên niên ký sự của Chim vặn dây cót số 8” là một truyện do Quế viết. Anh ta đã nhập mười sáu truyện vào máy tính dưới nhan đề “Biên niên ký sự của Chim vặn dây cót”, và tôi

đọc Số 8 chỉ là do ngẫu nhiên. Xét theo độ dài của một truyện thì cả mười sáu truyện nếu in ra sẽ thành một cuốn sách khá dày.

“Số 8” có thể có ý nghĩa gì? Xét theo từ “biên niên ký” trong nhan đề thì các truyện này được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Số 8 tiếp theo Số 7, Số 9 tiếp theo Số 8, vân vân. Đó là một giả định hợp lý, tuy không nhất thiết đúng. Các truyện này cũng có thể được sắp xếp theo một thứ tự khác. Tỉ như theo chiều ngược lại, từ hiện tại về quá khứ. Hoặc táo bạo hơn nữa, đó có thể là mười sáu dị bản khác nhau của cùng một truyện được kể song song. Dù thế nào đi nữa, câu chuyện tôi đọc là phần tiếp theo câu chuyện mà

Nhục đậu khấu, mẹ của Quế đã kể về những người lính giết thú trong vườn thú Tân Kinh vào tháng Tám năm 1945.

Chuyện xảy ra trong bối cảnh cùng một sở thú đó, vào ngày hôm sau, và nhân vật chính vẫn là viên bác sĩ thú y vô danh, cha của Nhục đậu khấu, ông ngoại của Quế.

Khó mà biết được bao nhiêu phần của câu chuyện là thật. Phải chăng Quế hư cấu ra từ đầu đến cuối, hay nhiều phần là dựa trên những sự kiện có thật? Nhục đậu khấu có bảo tôi rằng sau khi chia tay cha lần cuối, bà hoàn toàn không biết tin tức gì về ông nữa. Vậy có nghĩa, không thể toàn bộ câu chuyện này đều là thật. Tuy nhiên, cũng có thể một số chi tiết là

dựa trên sự thực lịch sử. Trong thời kỳ hỗn loạn ấy, có thể một số học viên trường sĩ quan Mãn Châu quốc đã bị hành hình và chôn vào một cái hố trong vườn thú Tân Kinh. Rằng viên sĩ quan Nhật chịu trách nhiệm trong vụ hành hình đó đã bị xử tử sau chiến tranh. Các vụ đào ngũ và nổi loạn trong quân đội Mãn Châu quốc không phải là chuyện hiếm vào lúc đó, và chuyện các học viên người Trung Hoa bị giết khi đang mặc đồng phục bóng chày tuy nghe hơi lạ nhưng cũng có thể xảy ra lắm. Biết các sự kiện có thật đó, Quế có thể đã kết hợp chúng với hình dung của anh về ông ngoại để làm nên câu chuyện của mình. Nhưng sao Quế lại viết những câu

chuyện đó? Sao cứ phải là truyện mà không phải thể loại khác? Và sao lại phải dùng từ “biên niên ký” trong nhan đề? Tôi ngồi trên sofa trong phòng chỉnh lý, vừa xoay xoay một cây bút chì màu vẽ kiêu trong tay vừa miên man nghĩ về điều đó.

Muốn tìm lời đáp cho những câu hỏi ấy hẳn tôi phải đọc tất cả mười sáu truyện, nhưng dù chỉ mới đọc truyện Số 8, tôi cũng đã có một ý niệm tuy mờ nhạt về việc Quế đang theo đuổi cái gì khi viết. Anh đang cố tìm kiếm ý nghĩa sự tồn tại của mình. Và anh hy vọng có thể thấy được bằng cách tìm vào những sự kiện đã xảy ra trước khi anh chào đời. Để làm vậy, Quế phải điền vào những

chỗ trống trong quá khứ mà anh không thể với tay tới được. Bằng cách dùng đôi tay đó của mình để viết nên một câu chuyện, anh cố mang lại những mất xích còn thiếu kia. Từ những câu chuyện được nghe mẹ kể hàng bao nhiêu lần, anh rút ra những câu chuyện khác, hòng tái tạo hình ảnh bí ẩn của ông ngoại mình trong một bối cảnh mới. Anh thừa hưởng từ những câu chuyện của mẹ cái phong cách cơ bản mà anh dùng một cách nguyên vẹn, không thay đổi trong truyện của mình; cụ thể là cái phong cách thực tế có thể không phải là sự thật, và sự thật không nhất thiết là cái xảy ra trong thực tế. Đối với Quế, việc trong truyện của anh phần nào là chuyện thực, phần nào không chẳng lấy gì làm quan trọng lắm. Điều

quan trọng không phải là ông ngoại anh đã làm gì mà là ông ngoại anh có thể đã làm gì. Ngay khi kể xong câu chuyện thì anh cũng biết được lời giải đáp cho câu hỏi đó.

Các truyện của anh dùng “Chim vặn dây cót” như một cụm từ khóa và hầu như chắc chắn là anh đưa câu chuyện về tận ngày hôm nay dưới dạng biên niên ký (mà cũng có thể không phải dưới dạng biên niên ký). Nhưng Chim vặn dây cót không phải là một cụm từ do Quế nghĩ ra. Trước đó, trong một bữa ăn cùng tôi tại nhà hàng ở Aoyama, mẹ của anh là Nhục đậu khấu đã nhắc tới cụm từ này trong khi kể một câu chuyện. Hầu như chắc chắn khi đó Nhục đậu khấu không biết tôi

đã được đặt cho cái biệt danh “Ông Chim vặn dây cót”. Nghĩa là bằng sự kết hợp nhiều điều ngẫu nhiên, tôi lại có liên quan đến câu chuyện của họ.

Tuy vậy, tôi cũng không thể tin chắc vào điều đó. Cũng có thể khi đó Nhục đậu khấu đã biết cái biệt danh này của tôi. Hẳn mấy chữ đó đã tác động đến câu chuyện của bà (đúng hơn là của hai mẹ con), có thể đã ăn sâu vào câu chuyện ở tầng vô thức. Câu chuyện chung này của hai mẹ con có thể không tồn tại dưới một dạng cố định duy nhất mà vẫn tiếp tục thay hình đổi dạng và lớn lên như thường thấy ở các câu chuyện truyền khẩu.

Dù có phải do tình cờ hay không, “Chim vặn dây cót” có một sức mạnh lớn lao

trong truyện của Quế. Tiếng kêu của nó chỉ một vài người nghe được, mà hễ đã nghe là cảm chắc cái chết không tránh khỏi. Ý chí con người chẳng là cái quái gì vào lúc đó, theo cảm nhận của viên bác sĩ thú y. Con người ta chẳng gì hơn là những con búp bê trên mặt bàn, lò xo quần chặt sau lưng, búp bê chỉ có thể chuyển động theo những cách không phải do nó chọn, đi về những hướng không phải do nó chọn. Hầu như tất cả những ai nằm trong tầm tiếng kêu của con Chim vặn dây cót đều gặp tai ương, đều bị hủy diệt. Hầu hết là chết, do rơi khỏi mép bàn.

* * *

Rất có thể Quế đã giám sát cuộc trò

chuyện giữa tôi và Kumiko. Hẳn là anh ta biết tất cả những gì diễn ra trong chiếc máy vi tính này. Anh ta đã đợi đến khi tôi xong đầu dây mới bày cho tôi xem “Biên niên ký sự của Chim vặn dây cót số 8”. Điều này xảy ra không phải do tình cờ hay một thoáng bốc đồng. Quế đã lập trình máy với một mục đích rất rõ ràng và cho tôi xem chỉ một truyện. Tuy nhiên, anh ta lại cũng gợi ý cho tôi rằng có thể còn cả một loạt truyện như thế nữa.

Tôi nằm xuống sofa, nhìn lên trần “phòng chỉnh lý” đang tranh tối tranh sáng. Đêm sâu thẳm, nặng trĩu, xung quanh lặng ngắt đến đau đớn. Trần nhà trắng lớp như một mũ băng dày chụp lên căn phòng.

Ông ngoại của Quế, viên bác sĩ thú y vô danh và tôi có nhiều cái chung đến kỳ lạ: một vết bầm trên mặt, cây gậy bóng chày, tiếng kêu của con chim vặn dây cót. Lại còn viên trung úy xuất hiện trong câu chuyện của Quế: y làm tôi nhớ tới Trung úy Mamiya. Trung úy Mamiya cũng được giao nhiệm vụ ở Bộ tham mưu đội quân Quan Đông tại Tân Kinh vào thời kỳ đó. Tuy nhiên, trong thực tế không phải là sĩ quan phát lương mà chỉ phục vụ trong tiểu ban vẽ bản đồ, và sau chiến tranh ông không bị treo cổ (số mệnh từ chối không cho ông chết) mà chỉ mất bàn tay trái trong chiến trận và quay về Nhật Bản. Dầu vậy tôi vẫn không rũ được cái cảm giác rằng trên thực tế chính Trung

úy Mamiya này đã chỉ huy cuộc hành hình các học viên sĩ quan Trung Hoa. Chí ít, nếu như đó quả thật là Trung úy Mamiya thì cũng hoàn toàn chẳng có gì lạ.

Rồi lại còn chuyện những cây gậy bóng chày. Quế biết tôi đang cắt một cây gậy như vậy ở dưới đáy giếng. Nghĩa là hình ảnh cây gậy ấy đã ăn sâu bén rễ vào câu chuyện, cũng như mấy từ “Chim vặn dây cót”. Tuy nhiên, cứ cho là vậy đi nữa thì trong chuyện gậy bóng chày vẫn có đôi điều không dễ giải thích: gã trai mang thùng đàn ghi-ta đã dùng gậy bóng chày tấn công tôi ở tiền sảnh căn nhà cho thuê bỏ hoang. Đó chính là người đã diễn trò dùng lửa nhen đốt lòng bàn tay mình trong

một quán bar ở Sapporo và sau đó dùng gậy đánh tôi chỉ để rồi chính tôi dùng gậy đánh anh ta. Anh ta chính là người đã nộp cây gậy cho tôi.

Còn nữa. Vì sao tôi lại có vết bầm cùng kích thước, cùng màu với vết bầm của ông ngoại Quế? Có phải đó cũng lại là do sự hiện diện của tôi đã hằn sâu vào câu chuyện của anh ta? Liệu trên thực tế viên bác sĩ thú y có vết bầm trên mặt không? Chắc chắn là Nhục đậu khấu chẳng việc gì phải theo dết chi tiết đó khi mô tả với tôi về cha mình. Chính vì vết bầm này, giống hệt như của cha bà, mà bà mới “tìm thấy” tôi ở khu Shinjuku. Mọi cái đều xoắn xuýt vào nhau, phức tạp như một câu đố ba chiều, một câu đố

mà trong đó sự thật không nhất thiết là sự kiện có thực và sự kiện có thực không nhất thiết là sự thật.

* * *

Tôi đứng dậy khỏi sofa, sang phòng làm việc của Quế lần nữa. Tôi ngồi ở bàn, tỉ cùi chỏ lên mặt bàn, nhìn chòng chọc vào màn hình máy tính. Ất hẳn Quế đang ở trong kia. Trong đó những lời câm lặng của anh sống động và hít thở như những câu chuyện. Chúng biết suy nghĩ, biết tìm kiếm, chúng có thể trưởng thành, có thể tỏa ra hơi nóng. Nhưng màn hình trước mắt tôi vẫn sâu hun hút, chết cứng như mặt trăng, giấu kín những lời của Quế trong rừng rậm mê cung. Chiếc màn hình lẫn bản thân Quế đằng sau nó, không bên

nào kể gì với tôi hơn nữa.

Không thể tin tưởng một căn nhà được
(Quan điểm của Kasahara May: 5)



Chào Chim vặn dây cót! Anh có khỏe không?

Cuối thư trước em có viết, những gì muốn nói với anh thì hầu như em đã nói hết rồi, em đã nói nhiều quá rồi thành thử thôi đi là vừa. Anh nhớ không? Tuy vậy sau đó nghĩ lại một chút thì em lại có cảm giác mình phải viết thêm chút nữa. Thế là nửa đêm em mò dậy như con gián, ngồi bên bàn và lại viết cho anh đây. Chẳng biết tại sao mấy hôm nay em cứ

nghe mãi về gia đình Miyawaki, cái gia đình tội nghiệp xưa vẫn sống ở căn nhà không người ở ấy, thế rồi các con nợ đòi riết quá, họ mới bỏ đi và tự sát, cả nhà. Em nhớ có đọc ở đâu đó rằng chỉ mình cô con gái cả là sống sót, nhưng nay không ai biết cô ta ở đâu... Dù em đang làm việc, đang ở trong nhà ăn, đang ngồi trong phòng mình nghe nhạc và đọc sách, hình ảnh gia đình đó vẫn không rời khỏi tâm trí em. Nói là em bị ám ảnh thì không phải, nhưng cứ hễ ở đâu có chỗ trống (mà đầu em thì lắm chỗ trống lắm!) thì y như rằng nó bò vào rồi ở riết đó, kiểu như khói len vào qua cửa sổ. Đã một tuần, có khi hai tuần rồi cứ như vậy hoài.

Từ khi sinh ra em đã sống nơi căn nhà trên cái ngõ ấy. Từ nhỏ đến lớn em luôn nhìn sang nhà đối diện. Cửa sổ phòng em nhìn thẳng qua bên ấy. Khi em đến tuổi đi học, bố mẹ em cho em một phòng riêng thì cũng là lúc nhà Miyawaki vừa xây xong nhà mới và đang ở đó. Lúc nào em cũng thấy người này hoặc người kia trong gia đình họ ở trong nhà hay ngoài sân, hàng đồng quần áo phơi sau nhà những hôm trời nắng, hai cô con gái quát gọi tên con chó chăn cừu gốc Đức to đùng, đen thui đen thui (tên là gì ấy nhỉ?). Còn mỗi khi mặt trời lặn, đèn trong nhà bật lên, trông thật ấm cúng thân tình, rồi sau đó tất cả đèn tắt cùng một lúc. Cô con gái lớn học dương cầm, cô

nhỏ thì vĩ cầm (cô chị lớn hơn em, cô em thì nhỏ hơn em). Vào những dịp sinh nhật hay Giáng sinh, họ mở tiệc, bạn bè nườm nượp đến, thật là vui. Ai mà chỉ nhìn thấy căn nhà đó khi đã bị bỏ hoang thì không hình dung được ngày xưa nó thế nào đâu.

Em thường thấy ông Miyawaki tưới cây ngoài vườn vào những ngày cuối tuần. Hình như ông ấy thích tự làm lấy đủ thứ việc vặt, những việc tốn nhiều thời gian, như dọn ống máng, dắt chó đi dạo hay bôi sáp lên ô-tô. Em chả bao giờ hiểu được tại sao có người thích làm những việc như vậy, mệt lắm, nhưng mỗi người một khác, và gia đình nào cũng nên có ít nhất một người như vậy. Cả gia đình hay

đi trượt tuyết, thành thử mỗi mùa đông đến họ lại buộc mấy đôi giày trượt tuyết lên mái chiếc ô-tô to rồi lái đi đâu đó, xem chừng thích thú lắm (em thì ghét trượt tuyết, nhưng chẳng sao).

Thành thử nhà ấy nghe như một gia đình tiêu biểu, bình thường, hạnh phúc. Mà không phải chỉ nghe như, sự thực là vậy: họ đúng là một gia đình tiêu biểu, bình thường, hạnh phúc. Ở họ hoàn toàn chẳng có gì khiến người ta phải nhướn mày lên mà hỏi: Ủ thì bình thường hạnh phúc, rồi thì sao?

Hàng xóm người ta hay xì xầm: “Cái nhà gở ấy, có cho tôi cũng không ở”, thế nhưng gia đình Miyawaki sống ở đó thật bình an, cứ như một bức tranh đóng

khung không có lấy một hạt bụi. Chả khác gì các gia đình trong truyện cổ tích, “và họ sống bên nhau đời đời hạnh phúc”. Ít nhất là so với gia đình em, họ dường như hạnh phúc hơn gấp mười lần. Hai cô con gái nhà ấy cũng thật là dễ mến mỗi khi gặp em. Em cứ ước gì mình có chị em gái như họ. Cả nhà họ - cả con chó nữa - dường như lúc nào cũng cười.

Không bao giờ em có thể hình dung rồi sẽ có ngày chỉ trong nháy mắt là toàn bộ cái thế giới ấy tiêu tan. Nhưng chuyện đó đã xảy ra. Một hôm em nhận ra rằng cả gia đình - kể cả con chó chần cừ giống Đức - đã biến mất như bị một cơn gió thổi phăng đi, chỉ còn trơ lại căn nhà. Suốt mấy hôm - có khi cả tuần không

chùng – hàng xóm chẳng ai nhận ra rằng gia đình Miyawaki đã biến mất. Em thấy lạ rằng ban đêm đèn không bật sáng, nhưng em chỉ nghĩ là họ đang đi chơi xa. Rồi mẹ em nghe người ta nói nhà Miyawaki hình như đã “đào tẩu”. Em nhớ mình đã hỏi mẹ từ đó nghĩa là gì. Ngày nay ta chỉ nói là “bỏ trốn”, chắc vậy.

Gọi thế nào cũng được, nhưng khi những người vẫn sống ở đó đã biến đi đâu mất thì bộ dạng căn nhà cũng thay đổi hẳn, nó gần như ghê ghê, gở gở. Trước đó em chưa hề thấy căn nhà bỏ hoang nào nên không biết một căn nhà bỏ hoang thực sự thì trông ra sao, nhưng em chắc là nó phải có vẻ u sầu, tối tăm thế nào đó, như

con chó bị bỏ rơi hay cái vỏ con ve sâu trút ra bỏ lại ấy. Nhưng cái nhà của gia đình Miyawaki thì hoàn toàn khác. Nó chẳng hề có vẻ “tôi tội” chút nào hết. Ngay khi gia đình Miyawaki đi khỏi, nó liền khoác ngay cái bản mặt tỉnh bơ kiểu “Tôi chưa hề biết Miyawaki là ai”. Ít nhất là em có cảm tưởng vậy. Nó cứ như một con chó ngu xuẩn, vô ơn. Ngay khi nhà kia đi khỏi, nó lập tức biến thành một thứ nhà hoang tự thân tự tại, chẳng có liên quan gì đến hạnh phúc của gia đình Miyawaki cả. Thật sự nó làm em phát điên! Em thì cứ nghĩ căn nhà lẽ ra cũng phải hạnh phúc như cả gia đình Miyawaki hồi họ còn sống ở đó. Căn nhà hẳn phải vui khi được gia đình ấy lau chùi, chăm bẵm thế kia, và nói cho cùng,

nếu như ông Miyawaki không tử tế xây nó lên thì nó đã không hề tồn tại. Anh có đồng ý không? Không thể nào đi tin cậy một căn nhà.

Chim vặn dây cót à, anh cũng biết chẳng kém gì em rằng từ đó trở đi căn nhà bị bỏ hoang, chẳng ai ở, đâu cũng toàn cút chim với những gì gì nữa. Đã bao nhiêu năm, ngồi ở bàn để học bài – hay giả bộ học bài – nhìn ra cửa sổ, em chẳng có gì để xem ngoài cái nhà ấy. Trời quang hay trời mưa, tuyết rơi hay vào mùa giông bão, nó vẫn ở nguyên đó, ngoài cửa sổ nhà em, mỗi khi nhìn ra ngoài thì kiểu gì cũng phải thấy nó. Mà cũng lạ, năm này qua năm khác, em dần dần thôi không cố lờ nó đi nữa. Em có thể ngồi hàng giờ,

cúi chỏ chống lên bàn, chẳng làm gì khác, chỉ nhìn đăm đăm căn nhà hoang. Thật sự là em rất hay làm vậy. Lạ thật, chỉ mới đây thôi nơi này còn tràn ngập tiếng cười, quần áo mới giặt trắng tinh bay phấp phới trong gió như một đoạn phim quảng cáo bột giặt (em không nói là bà Miyawaki hơi “bất thường” hay gì gì, nhưng quả thật bà ấy cực kỳ thích giặt giũ, hơn hầu hết người bình thường). Thế mà tất cả biến mất chỉ trong nháy mắt, sân vườn lút trong cỏ dại, không ai còn nhớ tới những ngày hạnh phúc của gia đình Miyawaki nữa. Với em điều đó thật lạ, lạ quá chừng!

Có điều này em muốn nói ngay: em không phải là thân với gia đình

Miyawaki lắm. Thật ra, có mấy khi em nói chuyện với họ đâu, trừ lúc gặp nhau ngoài phố thì “Chào” một tiếng rồi đường ai nấy đi. Nhưng bởi ngày nào em cũng dành bao nhiêu thời gian công sức quan sát họ từ cửa sổ nhà em nên em có cảm tưởng cuộc sống hạnh phúc của họ cũng là một phần của bản thân em. Cũng như trên bức ảnh gia đình vậy, ở một góc bao giờ mình cũng thoáng thấy một người chẳng có liên quan gì với những người trong ảnh cả. Vì vậy đôi khi em có cảm giác một phần của mình cũng đang “đào tẩu” cùng gia đình Miyawaki và đã biến mất. Cũng lạ phải không anh, khi cứ cảm thấy một phần của mình đã biến mất vì “đào tẩu” cùng những người mình hầu như không quen biết!

Đã kể với anh một chuyện lạ rồi thì em cũng có thể kể thêm một chuyện lạ nữa. Cái này mới thực là lạ đây.

Gần đây, đôi khi em có cảm giác mình đã biến thành Kumiko. Em thật sự là bà Chim vắn dây cót, em đã bỏ anh mà đi vì lý do nào đó và hiện nay đang nấu mình trên vùng núi, làm việc trong một xưởng chế tóc giả. Vì đủ loại lí do phức tạp, em buộc phải dùng cái bí danh “Kasahara May” và vờ như mình không phải là Kumiko. Còn anh cứ ngồi mãi ở cái hàng hiên nhỏ buồn thiu kia mà đợi em trở về. Em không biết... em cảm thấy thế thôi.

Nói em nghe này Chim vắn dây cót, có khi nào anh bị mấy ảo giác kiểu ấy nó ám ảnh chưa? Không phải nói khoác đâu, em

thì có. Lúc nào cũng có, thỉnh thoảng, những khi ảo giác quá nặng thì em suốt ngày làm việc mà cứ như đang đi trong sương mù. Dĩ nhiên, công việc chỉ có mấy động tác đơn giản nên em làm thì vẫn cứ làm, không bị ảnh hưởng gì, nhưng đôi khi các cô khác nhìn em có vẻ là lạ. Hay là em đang nói to lên một mình điều gì đó chẳng. Em không thích thế, nhưng nó cũng chẳng hại gì để phải cố bỏ. Mỗi khi ảo giác muốn đến là nó đến, như là kinh nguyệt vậy. Mình đâu có thể ra gặp nó ngoài cửa mà nói: “Xin lỗi nhé, hôm nay tôi bận. Khi khác nhé”. Dù sao, nếu đôi khi em giả vờ là Kumiko thì anh không giận chứ hở Chim vặn dây cót? Em không cố ý làm vậy đâu mà.

Chao ôi, em mệt quá là mệt. Em đi ngủ chừng ba bốn tiếng đây, ngủ tí thò lò ấy, rồi lại dậy mà làm miết từ sáng đến tối. Em sẽ lại dành suốt một ngày vừa làm tóc giả với các cô gái khác vừa nghe mấy bản nhạc vô hại. Đừng lo cho em. Dù trong cơn ảo giác em vẫn cứ làm việc ngon lành. Và bằng cách riêng của em, em cầu nguyện cho anh, mong rằng mọi điều sẽ tốt đẹp với anh, rằng Kumiko sẽ trở về và anh chị sẽ lại sống với nhau hạnh phúc, bình an như trước. Tạm biệt.

Một căn nhà hoang mới ra đời



Sáng hôm sau, đã 9 giờ sáng, rồi 10 giờ, vẫn không thấy Quế đâu. Chuyện này trước đây chưa hề có. Anh ta chẳng bao giờ bỏ sót ngày nào kể từ khi tôi “làm việc” ở chỗ này. Sáng nào cũng vậy, đúng 9 giờ, cổng sẽ mở và ánh loang loáng của mũi trước chiếc Mercedes sẽ hiện ra. Sự xuất hiện đều đều thường nhật song cũng có gì hơi kịch đố của Quế lại là mốc đánh dấu khởi đầu mỗi ngày mới đối với tôi. Tôi đã quen với cái thủ tục hàng ngày đó, kiểu như người ta quen với trọng lực hay áp suất không khí. Trong

cái nhịp đều đặn không chạy sai của Quế có gì đó nhiều hơn chứ không chỉ là sự chính xác máy móc, có cái gì đó an ủi, khích lệ và sưởi ấm tôi. Chính vì vậy một buổi sáng không có Quế cũng như bức tranh phong cảnh vẽ khéo nhưng không có một tiêu điểm.

Tôi đành thôi không đợi Quế nữa. Tôi rời khỏi cửa sổ đi gọt một quả táo để ăn sáng. Đoạn tôi ghé vào phòng làm việc của Quế nhìn xem liệu có thông điệp nào trên máy tính không, nhưng màn hình vẫn câm lặng. Tôi chẳng biết làm gì khác ngoài noi gương Quế, vừa nghe một đĩa nhạc Baroque vừa quét dọn, hút bụi sàn nhà, chùi cửa sổ. Để giết thì giờ, tôi làm mọi việc thật chậm rãi, thật cẩn trọng,

đền nổi lau cả từng cánh cửa cái quạt thông gió dưới bếp. Nhưng thời gian vẫn ì ạch trôi.

Đến 11 giờ thì tôi chẳng còn gì làm nữa, thế là tôi nằm dài trên chiếc sofa trong “phòng chỉnh lý”, buông mình theo dòng thời gian uể oải. Tôi cố tự bảo mình rằng Quế đến muộn chỉ vì lí do vật vãn nào đó. Có thể xe bị hỏng, hoặc anh ta bị kẹt xe. Nhưng tôi biết không thể có chuyện ấy. Cực bao nhiêu tôi cũng chịu. Xe của Quế không bao giờ hỏng, và mỗi khi ra khỏi nhà anh ta luôn tính toán xem đi đường nào không bị kẹt xe. Thêm nữa, trên xe có điện thoại, thành thử nếu có chuyện gì bất trắc anh ta sẽ gọi cho tôi ngay. Không, Quế không đến đây vì anh

ta đã quyết định không đến.

* * *

Khoảng gần 1 giờ trưa tôi thử gọi điện đến văn phòng của Akasaka Nhục đậu khấu, nhưng không ai trả lời. Tôi thử gọi lại, gọi lại nữa..., vẫn thế. Rồi tôi thử gọi văn phòng của Ushikawa, nhưng chỉ nhận được thông điệp rằng số điện thoại này đã bị ngắt. Lạ thật. Mới cách đây hai ngày tôi còn gọi vào số này cho y. Tôi đành chịu thua, lại quay về chiếc sofa trong “phòng chỉnh lý”. Trong hai ngày qua, cứ như thể tất cả mọi người đã cùng thông đồng cắt đứt liên lạc với tôi.

Tôi lại ra chỗ cửa sổ ghé nhìn qua bức rèm. Hai con chim mùa đông bé nhỏ trông hoạt bát bay đến đậu trên một cành

cây trong vườn, tròn mắt nhìn quanh.
Rồi, như bỗng dưng chán ngấy những gì
nhìn thấy ở đây, chúng vụt bay mất.
Ngoài ra, dường như không một cái gì
khác chuyển động. Có cảm giác như cái
Dinh này là một căn nhà vừa bị bỏ
hoang.

* * *

Suốt năm ngày sau tôi không trở lại căn
nhà đó. Chẳng hiểu vì sao, tôi như không
còn muốn chui xuống giếng chút nào nữa.
Chẳng bao lâu sau tôi sẽ mất ngay bản
thân cái giếng. Nếu khách hàng không
đến nữa thì tôi chỉ còn đủ tiền để nán lại
Dinh này thêm tối đa hai tháng, nên tôi sẽ
phải sử dụng cái giếng này càng nhiều
càng tốt chừng nào nó vẫn còn là của tôi.

Tôi thấy ngạt thở. Đột nhiên cái nơi này trở nên sai lạc, phi tự nhiên.

Tôi lang thang vơ vẩn đây đó mà không đến chỗ Dinh. Chiều chiều tôi lại đến quảng trường ở cổng phía Tây, ngồi trên băng ghế quen thuộc, ngồi đó chẳng làm gì, chỉ để giết thời giờ. Nhưng Nhục đậu khấu không xuất hiện. Có lần tôi đến chỗ văn phòng của bà ở khu Akasaka, nhấn chuông trong buồng thang máy rồi nhìn chăm chăm vào ống kính camera, nhưng không có tiếng trả lời. Thôi, thế là không mong gì nữa. Rõ ràng Nhục đậu khấu và Quế đã quyết định cắt đứt mọi liên hệ với tôi. Hai mẹ con kỳ lạ này đã từ bỏ con tàu đắm để đến nơi an toàn hơn. Tôi không ngờ điều đó lại khiến lòng tôi

buồn da diết đến vậy. Tôi cảm thấy như
rất cuộc đã bị chính gia đình mình phản
bội.

Cái đuôi của Kano Malta



Boris Lột da

Trong mơ (dù tôi không biết đó là mơ), tôi ngồi uống trà với Kano Malta, mỗi người một bên bàn. Căn phòng hình chữ nhật quá dài và quá rộng đến nỗi ngồi đầu này không thấy đầu kia. Xếp ngay hàng thẳng lối trong phòng là hàng trăm cái bàn vuông – khoảng năm trăm cái, có khi nhiều hơn. Hai chúng tôi ngồi ở một trong những cái bàn ở giữa, ngoài ra không còn ai khác. Dọc suốt trên trần nhà cao vút như trong một ngôi chùa Phật giáo chạy dài vô số những xà gỗ dày

nặng, khắp các dầm gỗ đỏ treo lủng lẳng cái gì hình như là những loại cây trồng trong chậu, nom như những bộ tóc giả. Nhìn kỹ, tôi nhận ra đó là những mảng da đầu người còn nguyên tóc. Nhìn thấy máu đen sịt bên dưới chúng tôi mới biết. Những mảng da này người ta chỉ mới lột ra xong, đem treo trên xà nhà cho khô. Tôi sợ những giọt máu vẫn còn tươi có thể rỏ vào trà. Máu vẫn còn rỏ tong tong quanh chúng tôi như những giọt mưa, tiếng tí tách vang vọng khắp căn phòng mênh mông hun hút nghe to khác thường. Chỉ những mảng da đầu ngay trên bàn chúng tôi xem ra đã đủ khô để không phải sợ có giọt nào rỏ xuống. Trà nóng rẫy như nước sôi. Đặt bên thìa

uống trà trong đĩa đựng tách của mỗi chúng tôi là ba thỏi đường màu xanh lơ tươi. Kano Malta thả hai thỏi vào tách trà của mình rồi khuấy, nhưng đường không tan. Một con chó chẳng hiểu từ đâu ló ra, ngồi xuống cạnh bàn chúng tôi. Bộ mặt nó là mặt của Ushikawa. Thân thì thân chó, to đùng, chắc nịch, đen trũi, nhưng từ cổ trở lên là Ushikawa, chỉ có điều lớp lông đen bù xù phủ khắp mình kia cũng mọc cả trên mặt và đầu. “Xin chào, xin chào, ông Okada phải không?” – Ushikawa trong bộ dạng chó nói. – “Ông nhìn xem này: cả một cái đầu toàn là lông, ngay khi tôi biến thành chó là mọc ngay tức thì. Giờ hai hòn dái của tôi to hơn, bao tử lại không đau nữa. Lại còn không phải đeo kính! Không phải quần

áo gì sất! Vui cha chả là vui! Làm sao mà trước đây tôi không nghĩ tới chuyện này nhỉ? Lẽ ra tôi phải thành chó từ lâu rồi mới đúng. Còn ông Okada thì sao? Sao ông không thử xem?”.

Kano Malta nhặt thỏi đường xanh lơ còn lại ném con chó. Thỏi đường đập vào trán Ushikawa, máu đen như mực chảy từ vết thương xuống đầy mặt y. Nhưng dường như Ushikawa chẳng đau gì cả. Vẫn cười toe toét, con chó dựng đuôi lên, chẳng nói chẳng rằng chạy mất. Thật vậy: cặp tinh hoàn của y to khủng khiếp. Kano Malta mặc áo choàng kiểu áo mưa có thắt lưng. Hai vạt áo khép chặt ở phía trước, nhưng qua mùi hương tinh tế của da thịt đàn bà tôi biết cô ta hoàn toàn

không mặc gì ở bên trong. Dĩ nhiên, cô ta vẫn đội chiếc mũ bằng vải vinyl màu đỏ. Tôi nâng tách lên nhấp một ngụm trà, nhưng trà chẳng có vị gì. Chỉ nóng mà thôi, không gì hơn.

- Tôi rất mừng là ông đã tới, - Kano Malta nói, giọng có vẻ nhẹ nhõm thật tình. Đã lâu không nghe giọng cô, tôi cảm thấy nó như có phần vui vẻ hơn trước. – Tôi gọi cho ông suốt mấy ngày song hình như ông đi ra ngoài. Tôi đã bắt đầu lo nhờ có chuyện gì xảy ra cho ông. Nhờ trời, ông vẫn bình an. Thật nhẹ cả người khi nghe thấy giọng ông! Dù sao đi nữa, tôi phải xin lỗi đã vắng mặt lâu đến như vậy. Tôi không thể kể chi tiết tất cả những gì đã xảy ra với tôi trong thời gian

đó, nhất là trên điện thoại thế này, nên tôi sẽ chỉ tóm tắt những điểm quan trọng. Cái chính là thời gian qua tôi đi đây đi đó suốt. Tôi vừa về cách đây một tuần. Alô! Ông Okada! Ông có nghe tôi nói không?

- Có, tôi đang nghe cô đây, - tôi đáp, chỉ khi đó tôi mới nhận ra mình đang áp ống nghe điện thoại lên tai. Ở đầu bàn bên kia, Kano Malta cũng cầm ống nghe. Giọng cô ta nghe như trong cuộc gọi từ nước ngoài mà kết nối không tốt lắm.

- Suốt thời gian qua tôi không ở Nhật mà ở đảo Malta trên Địa Trung Hải. Một ngày nọ bỗng nhiên tôi tự nhủ: “Ừ phải! Mình phải quay lại Malta, đem thân mình đến bên nguồn nước của Malta. Đã đến

lúc rồi!”. Chuyện đó xảy ra ngay sau khi tôi nói chuyện với ông, ông Okada ạ. Ông có nhớ lần nói chuyện đó không? Lúc đó tôi đang tìm Creta. Thật ra tôi không định đi lâu đến như vậy. Tôi cứ nghĩ đi chừng hai tuần thôi. Vì vậy tôi mới không liên lạc với ông. Hầu như tôi không nói với ai rằng mình sắp đi, cứ thế lên máy bay, hầu như chẳng mang theo gì ngoài bộ đồ trên người. Tuy nhiên, khi đến nơi, tôi thấy mình không thể ra đi được. Ông Okada đã bao giờ đến Malta chưa?

Tôi đáp là không mà nhớ rằng đã nói chuyện này với cô ta từ mấy năm trước rồi.

- Alô? Ông Okada?

- Vâng, tôi đây.

Hình như tôi đã định nói gì đó với Kano Malta nhưng không nhớ ra được cái gì.

Vất óc một hồi thì tôi chợt nhớ ra. Tôi chuyển ống nghe sang tai kia rồi nói:

- À đúng rồi, có chuyện này tôi đã định nói với cô từ lâu: con mèo đã về.

Malta im lặng chừng bốn năm giây rồi mới nói:

- Con mèo đã về à?

- Phải. Cô và tôi quen nhau trước hết là do chuyện tìm mèo, thành thử tôi nghĩ việc này thì phải cho cô biết.

- Con mèo trở về khi nào?

- Hồi đầu xuân năm nay, từ đó đến giờ nó vẫn ở với tôi.

- Bề ngoài nó có gì thay đổi không? Có gì khác so với trước khi nó bỏ đi không?

- Thay đổi á? Nghĩ kỹ thì tôi thấy dường như hình dáng cái đuôi có hơi khác, - tôi nói. – Khi vuốt đuôi nó đúng hôm nó về, tôi thấy cái đuôi dường như quặp hơn trước. Tuy nhiên, cũng có thể tôi lầm... Dù gì nó cũng bỏ nhà đi gần một năm trời kia mà.

- Ông tin chắc đúng là con mèo đó chứ?

- Hoàn toàn chắc. Tôi nuôi nó từ lâu lắm rồi. Đúng là nó hay không thì tôi phải biết chứ.

- Tôi hiểu, - Kano Malta nói. – Tuy vậy, chả giấu gì ông, tôi có cái đuôi thật của con mèo đây.

Kano Malta đặt ông nghe xuống bàn rồi

đứng dậy cởi phắt áo choàng ra. Đúng như tôi đã ngờ, ở bên trong cô ta hoàn toàn không mặc gì. Kính thước cặp vú và hình dáng âm mao của cô ta rất giống của Kano Creta. Chiếc mũ bằng vải vinyl màu đỏ thì cô không bỏ ra. Cô quay lại chìa lưng cho tôi xem. Thật vậy, gắn vào cặp mông cô ta là một cái đuôi mèo. Cái đuôi lớn hơn nhiều so với đuôi mèo thường – để tương xứng với kích thước của thân hình Malta, nhưng hình dáng thì rõ ràng là đuôi của Cá thu. Nó cũng quặp ngay ở chóp đuôi, nhưng cái chỗ quặp này so với của Cá thu thì giống hơn nhiều.

- Xin ông hãy nhìn kỹ, - Kano Malta nói.
- Đây là đuôi thật của con mèo đã bỏ

nhà đi. Còn cái đuôi của nó bây giờ là đuôi giả. Trông thì giống, nhưng nếu kiểm tra kỹ, ông sẽ thấy ngay là khác.

Tôi chìa tay ra định sờ cái đuôi, nhưng cô ta đã lôi phắt nó khỏi tay tôi. Thế rồi, vẫn trần truồng, cô ta nhảy lên một trong những cái bàn. Một giọt máu từ trên trần rỏ xuống lòng bàn tay đang chìa ra của tôi. Nó cũng đỏ thắm như chiếc mũ bằng vải vinyl của Kano Malta.

- Ông Okada à, con của Kano Creta tên là Corsica, - Kano Malta đứng trên bàn, vừa vẩy tí đuôi vừa nói.

- Corsica?

- Không ai là một hòn đảo giữa biển khơi... Ấy Corsica, - giọng của con chó mực Ushikawa chẳng hiểu từ đâu vẳng

tối.

- Con của Kano Creta?

Tôi thức dậy, mồ hôi đầm đìa như tắm.

* * *

Đã lâu lắm tôi không gặp giấc mơ nào vừa dài vừa sống động và nhất quán như vậy. Lại kỳ lạ nữa. Thức giấc hồi lâu rồi mà tim tôi vẫn đập thình thịch. Tôi đi tắm nước nóng rồi thay bộ pijama mới. Mới sau 1 giờ sáng một chút nhưng tôi không buồn ngủ nữa. Để trấn tĩnh, tôi lấy từ trong chạn bếp ra một chai brandy cũ, rót một cốc uống cạn.

Đoạn tôi vào phòng ngủ tìm Cá thu. Con mèo đang cuộn tròn dưới chăn, ngủ như chết. Tôi khẽ kéo tấm chăn ra, cầm cái đuôi con mèo trong tay, nghiên cứu hình

dạng của nó. Tôi miết ngón tay dọc theo cái đuôi, đang cố nhớ lại chính xác cái góc quặp của nó trước kia thì con mèo đuổi mình tỏ vẻ bức bối rồi lại ngủ. Giờ thì tôi không còn dám chắc đây đúng là cái đuôi mà con mèo từng có hồi nó còn mang tên Wataya Noboru. Không hiểu sao cái đuôi đằng sau mông Kano Malta dường như lại giống cái đuôi thật của mèo Wataya Noboru hơn nhiều. Hình dáng và màu sắc của cái đuôi đó trong giấc mơ, tôi vẫn nhớ như in.

Con của Kano Creta tên là Corsica, Kano Malta đã nói vậy trong giấc mơ của tôi.

* * *

Ngày hôm sau tôi không đi đâu xa khỏi

nhà. Buổi sáng, tôi mua thức ăn ở siêu thị cạnh nhà ga rồi làm bữa trưa. Tôi cho con mè^o mấy con cá sardine lớn còn tươi. Buổi chiều tôi đi bơi ở hồ bơi gần nhà. Người đi bơi không đông, h^ảnh thiên hạ còn bận chuẩn bị đón Năm mới. Loa trên trần phát nhạc Giáng sinh. Tôi thả bơi được khoảng nghìn mét thì bị chuột rút ở chân, liền thôi. Bức tường trông ra hồ bơi treo một món đồ trang trí Giáng sinh to.

Về nhà, tôi ngạc nhiên thấy có thư gửi cho mình, một bức thư dày. Không nhìn địa chỉ người gửi, tôi đã biết đó là ai. Người duy nhất viết thư cho tôi bằng những con chữ viết tay nắn nót tuyệt đẹp đó chỉ có thể là trung úy Mamiya.

Đầu thư, ông hết lời xin lỗi về việc đã im hơi lặng tiếng quá lâu kể từ bức thư lần trước. Ông dùng những cách diễn đạt cực kỳ lễ phép đến nỗi tôi hầu như cảm thấy chính mình mới là người phải xin lỗi.

Lâu nay tôi vẫn muốn kể cho ông một phần khác trong câu chuyện của tôi, hàng mấy tháng trời tôi cứ định sẽ viết thư cho ông, nhưng có nhiều việc xảy ra khiến tôi không thể ngồi vào bàn cầm lấy bút. Nay, ngoảnh đi ngoảnh lại thấm thoát đã gần hết năm. Thế mà tôi ngày một già hơn, chẳng biết chết khi nào. Tôi không thể nấn ná việc ấy mãi. E rằng thư này dài, mong rằng không quá dài đối với ông, thưa ông Okada.

Khi đưa kỷ vật của ông Honda cho ông hỏi mùa hè năm ngoái, tôi đã kể cho ông nghe một câu chuyện dài về thời gian tôi ở Mông Cổ, nhưng thật ra chuyện còn nhiều nữa, còn có “phần tiếp theo”, có thể nói vậy. Có một vài lí do vì sao tôi không kể luôn phần đó cho ông hỏi năm ngoái. Trước tiên, nếu kể hết ra thì sẽ quá dài. Ông chắc còn nhớ, khi đó tôi có vài việc gấp nên không có thì giờ kể hết mọi chuyện với ông. Nhưng có lẽ quan trọng hơn là lúc đó tôi vẫn chưa sẵn sàng về mặt cảm xúc để kể hết phần còn lại của câu chuyện cho bất cứ ai, để kể lại câu chuyện một cách trọn vẹn và trung thực.

Tuy nhiên, sau khi rời khỏi nhà ông, tôi

nhận ra rằng lẽ ra không nên để những vấn đề thực tế trước mắt ngăn cản tôi. Lẽ ra tôi phải kể cho ông đến cuối cùng, không che giấu.

Tôi bị dính một viên đạn súng máy trong trận đánh ác liệt vào ngày 13 tháng Tám năm 1945 ở vùng ngoại ô Hailar, và trong khi nằm trên mặt đất, bánh xích một chiếc tăng T34 của Liên Xô đã đè nát bàn tay trái tôi. Họ chuyển tôi lúc đó đã mê man bất tỉnh đến quân y viện Xô Viết ở Chita, ở đó các bác sĩ phẫu thuật đã cứu sống tôi. Như tôi đã nói trước đây, tôi được điều động vào cục Bản đồ quân sự thuộc Bộ tổng tư lệnh quân đội Quan Đông tại Tân Kinh, đơn vị này được chỉ thị ngay khi Liên Xô tuyên chiến với

Nhật thì phải lập tức lui về hậu phương. Tuy nhiên, vì đã quyết chết, tôi xin được chuyển sang đơn vị ở Hailar gần biên giới, phơi mình trước pháo, mìn trong tay xông lên tấn công xe tăng Xô Viết. Tuy nhiên, như ông Honda đã tiên đoán lúc ở trên bờ sông Khalkha, tôi không thể chết dễ dàng như vậy. Tôi đã mất một bàn tay nhưng mất mạng thì không. Tất cả những người dưới quyền tôi lúc đó hẳn đều chết. Có thể chúng tôi chỉ làm theo mệnh lệnh, nhưng đó là một cuộc tấn công ngu xuẩn, tự sát. Những quả mìn cầm tay nhỏ xíu của chúng tôi chẳng làm gì nổi một chiếc T34 to lớn.

Lí do duy nhất để người Liên Xô cứu chữa tôi là khi nằm bất tỉnh tôi đã nói

điều gì đó bằng tiếng Nga. Đó là về sau họ bảo tôi vậy. Như tôi có kể với ông, tôi đã học tiếng Nga căn bản. Công việc ở sở chỉ huy tại Tân Kinh cho tôi rất nhiều thời gian rảnh, thế là tôi tận dụng thời gian đó để nâng cao trình độ tiếng Nga. Tôi học rất chăm chỉ, nên tới khi chiến tranh sắp kết thúc thì tôi đã có thể nói tiếng Nga lưu loát. Ở Tân Kinh có nhiều người Bạch Nga sinh sống, tôi lại có quen biết vài cô hầu bàn người Nga, thành thử tôi chẳng bao giờ thiếu dịp thực tập. Hẳn là khi bất tỉnh, tôi đã buột miệng tuôn tiếng Nga ra một cách hoàn toàn tự nhiên.

Quân đội Xô Viết ngay từ đầu đã có kế hoạch đưa về Siberia bất cứ tù binh nào

bắt được ở Mãn Châu để cưỡng bức lao động, cũng như họ đã làm với tù binh Đức sau khi chiến tranh kết thúc ở Châu u. Người Liên Xô có thể là phe thắng trận, nhưng chiến tranh kéo dài đã khiến nền kinh tế của họ lâm vào khủng hoảng sâu sắc: đâu đâu cũng gặp tình trạng thiếu nhân công. Dùng tù nhân để bù đắp cho sự thiếu hụt nhân lực nam giới trưởng thành được họ coi là nhiệm vụ ưu tiên. Muốn vậy họ cần có thông dịch, mà số lượng thông dịch thì cực kỳ ít ỏi. Khi thấy tôi hình như nói được tiếng Nga, họ liền đưa tôi đến quân y viện ở Chita thay vì để mặc tôi chết. Giá tôi không lắp bắp điều gì đó bằng tiếng Nga thì chắc người ta đã để mặc tôi nằm chết trên bờ sông Hailar rồi. Người ta sẽ chôn tôi vào một

nằm mồ không mộ chí, và thế là hết. Số mệnh thật lạ lùng làm sao!

Sau đó người ta tiến hành điều tra gắt gao nhân thân tôi và giáo dục tư tưởng tôi trong vòng mấy tháng rồi đưa tôi đến một mỏ than ở Siberia để làm thông dịch viên. Tôi sẽ bỏ qua các chi tiết về thời kỳ đó, duy về việc giáo dục tư tưởng thì xin được nói điều này. Từ hồi sinh viên trước chiến tranh, tôi đã đọc một vài cuốn sách bị cấm của Marx, cố giấu không cho cảnh sát thấy. Tôi không hẳn là hoàn toàn có ác cảm với chủ nghĩa cộng sản, chỉ có điều tôi đã thấy quá nhiều chuyện nên không thể nào nuốt trôi cái chủ nghĩa đó được. Nhờ công việc của nhóm chúng tôi có quan hệ với bên

tình báo nên tôi biết rất rõ Stalin và các chế độ độc tài bù nhìn do ông ta dựng nên đã có những hành vi tàn bạo như thế nào ở Mông Cổ. Ngay sau Cách mạng, hàng vạn nhà tu hành, địa chủ và những người chống đối chế độ đã bị đưa vào trại tập trung, ở đó họ bị sát hại một cách tàn bạo. Chuyện như vậy cũng xảy ra ngay tại Liên Xô. Thậm chí dù tôi có thể tin ở ý thức hệ cộng sản, tôi vẫn không thể nào tin ở những con người hay cái hệ thống đang đảm nhận việc biến cải ý thức hệ và các nguyên lý đó thành thực tế. Tôi cũng cảm thấy vậy đối với những gì người Nhật chúng ta đã làm ở Mãn Châu. Tôi tin chắc ông không thể nào hình dung có bao nhiêu công nhân Trung Hoa đã bị giết trong quá trình xây dựng

căn cứ bí mật ở Hailar, giết để bịt miệng họ, để giữ bí mật cho kế hoạch xây dựng căn cứ.

Ngoài ra tôi đã chứng kiến cảnh tượng khủng khiếp khi viên sĩ quan Nga cùng các tay chân người Mông Cổ của y lột da một người sống. Tôi đã bị ném xuống một cái giếng ở Mông Cổ, và trong cái ánh sáng kỳ lạ, mãnh liệt đó tôi đã mất hết niềm ham sống. Làm sao một người như tôi có thể tin vào ý thức hệ và chính trị được?

Tôi làm thông dịch, tức làm trung gian liên lạc giữa các tù binh Nhật làm việc tại mỏ với những người Liên Xô giam giữ họ. Tôi không biết ở những trại tập trung Siberia khác thì sao, nhưng ở mỏ

than nơi tôi làm việc, ngày nào cũng có người chết: đói ăn, làm quá sức, sập hầm, chết đuối khi hầm bị ngập nước, điều kiện vệ sinh tồi tệ khiến bệnh dịch tràn lan; cái lạnh mùa đông khủng khiếp đến không thể tin được; những cai tù hung hãn, chỉ một kháng cự nhỏ nhất là đàn áp tàn bạo. Có cả những trường hợp người Nhật bị hành hình tập thể(13) bởi chính người Nhật, đồng bào của mình. Trong hoàn cảnh đó, người ta chỉ có thể thù ghét, nghi kỵ nhau, sợ hãi và tuyệt vọng.

Mỗi khi số người chết tăng đến mức lực lượng lao động sụt giảm, người ta lại đưa đến hàng đoàn tàu chật ních những tù binh chiến tranh mới. Họ ăn mặc rách

rười, kiệt quệ vì đói khát, một phần lớn sẽ chết trong vòng vài tuần đầu vì không chịu nổi điều kiện khắc nghiệt ở mỏ.

Những người chết bị ném vào các hầm lò bỏ không. Không thể đào hố chôn tất cả được. Đất đóng băng quanh năm, cứng ngắt, xẻng không làm mẻ được. Vì vậy các hầm lò bỏ không là nơi lí tưởng để thanh lí xác chết. Chúng vừa sâu vừa tối, và do khí hậu lạnh nên không bốc mùi. Lâu lâu chúng tôi lại phủ một lớp than lên đông xác. Khi một hầm lò đã đầy xác, người ta lấy đất đá bịt kín lại rồi chuyển sang hầm khác.

Không chỉ người chết mới bị ném xuống hầm lò. Đôi khi cả người sống cũng bị ném xuống, để dạy những người còn lại

một bài học. Bất cứ người lính Nhật nào có dấu hiệu phản kháng đều bị lính canh Liên Xô bắt đi, đánh thừa sống thiếu chết, bẻ chân tay rồi ném xuống đáy hồ đen kịt. Đến giờ tai tôi vẫn còn nghe những tiếng thét thảm thiết đó. Thật là địa ngục trần gian.

Mỏ này được coi là một cơ sở có tầm quan trọng chiến lược, do các phái viên Trung ương Đảng cử xuống điều hành, được quân đội canh gác vô cùng cẩn mật. Nhân vật cao cấp nhất nghe nói là đồng hương với Stalin, một cán bộ đảng còn trẻ đầy tham vọng, nghiệt ngã và lạnh lùng. Mọi quan tâm duy nhất của y là nâng cao sản lượng. Việc tiêu hao nhân lực chẳng là gì đối với y. Chỉ cần sản

lượng tăng, Trung ương Đảng sẽ công nhận mỏ của y là gương mẫu và thưởng bằng cách bổ sung nhân lực cho y nhiều hơn nơi khác. Thành thử bao nhiêu nhân công bỏ mạng là lập tức có bấy nhiêu người thay thế. Để tăng sản lượng, y cho phép đào cả những vỉa mà nếu trong hoàn cảnh bình thường thì sẽ bị coi là quá nguy hiểm. Đương nhiên là số tai nạn ngày càng tăng, nhưng y không quan tâm. Tay giám đốc không phải là kẻ nhẫn tâm duy nhất cai quản cái mỏ này. Hầu hết cai tù trong mỏ vốn là tội phạm, vô giáo dục, hung bạo và tàn độc khủng khiếp. Ở họ hoàn toàn không thấy có chút gì là cảm thông hay tình thương, dường như vì đã sống bao nhiêu năm ở chốn tận cùng

trái đất này, họ đã bị cái lạnh tàn nghiệt vùng Siberia biến thành những sinh vật dưới mức người. Phạm tội phải ngồi tù ở Siberia quá lâu, đến khi mãn hạn họ không còn nhà cửa hay gia đình nào để quay về. Họ lấy người địa phương, sinh con đẻ cái và cắm rễ vào mảnh đất Siberia.

Bị đưa đến mỏ làm việc không chỉ có tù binh Nhật. Còn có nhiều tội phạm người Nga nữa, là các tù nhân chính trị và cựu sĩ quan quân đội, nạn nhân các chiến dịch thanh trừng của Stalin. Không ít người trong số đó có giáo dục cao, rất có phẩm cách. Trong số người Nga có rất ít phụ nữ và trẻ em, hẳn là thành viên còn sót lại của gia đình các chính trị phạm.

Người ta buộc họ làm những việc như
hót rác, giặt giũ, vân vân. Các phụ nữ trẻ
thường bị bắt làm điếm. Ngoài người
Nga, các đoàn tàu còn chở tới người Ba
Lan, người Hungari và những nước khác,
một vài trong số đó có màu da sẫm, chắc
là người Armenia hay người Kurd. Trại
chia làm ba khu: khu lớn nhất giam các
tù binh Nhật, khu dành cho các tội phạm
và tù binh khác, và khu dành cho những
người không phải tội phạm. Sống ở khu
này là các thợ mỏ bình thường và chuyên
gia về mỏ, các sĩ quan và cai tù, một số
người có gia đình, và các công dân Nga
bình thường khác. Còn có một đồn lính
lớn gần nhà ga. Các tù binh chiến tranh
và tù nhân khác bị cấm không được rời
khỏi khu dành cho họ. Các khu ngăn cách

với nhau bằng hàng rào kẽm gai, luôn có lính đi tuần, mang súng máy.

Là thông dịch có nhiệm vụ liên lạc, tôi phải đến ban tham mưu hàng ngày nên được phép đi từ khu này sang khu kia nhưng phải trình giấy phép. Gần ban tham mưu là ga xe lửa và một cái gọi là thị trấn nhưng chỉ có một con phố duy nhất, hai bên là dăm ba cửa hàng nhếch nhác, một quán bar, một nhà trọ cho các quan chức và sĩ quan cao cấp đi thị sát. Quảng trường thị trấn bốn phía là những máng nước cho ngựa, chính giữa là một lá cờ đỏ lớn của Liên bang Xô Viết treo trên cột cờ. Dưới lá cờ là một chiếc xe bọc thép, có súng máy, tựa mình lên súng bao giờ cũng có một tay lính trẻ vẻ chán

ngán, trang bị tận răng. Quân y viện mới xây nằm ở đầu bên kia quảng trường, trước cổng có một bức tượng Iosip Stalin to tướng.

Có một người mà tôi phải kể với ông. Tôi gặp hấn vào mùa xuân năm 1947, có lẽ vào đầu tháng Năm khi tuyết đã tan hấn. Một năm rưỡi đã trôi qua kể từ khi tôi được đưa đến mỏ. Khi tôi gặp người đó lần đầu tiên, hấn đang mặc một thứ đồng phục người ta phát cho mọi tù nhân người Nga. Hấn đang cùng một nhóm khoảng mười người Nga làm công việc sửa chữa ở nhà ga. Họ dùng búa tạ đập vỡ đá rồi trải các mảnh đá vừa đập lên mặt đường. Tiếng búa nện chát chúa vào đá cứng vang rền khắp nơi. Tôi vừa đi

nộp báo cáo lên ban tham mưu về thì đi ngang qua nhà ga. Viên trung sĩ đang chỉ huy công việc chặn tôi lại yêu cầu xuất trình giấy thông hành. Tôi rút trong túi ra đưa cho y. Tay trung sĩ, người to lớn dềnh dàng, nhìn soi mói tờ giấy thông hành hồi lâu với vẻ nghi hoặc, nhưng rõ ràng y không biết đọc. Y gọi một trong các tù nhân đang làm việc trên mặt đường, bảo người này đọc to tờ giấy lên. Người tù này không như những người khác trong nhóm: ông ta mang dáng dấp người có học. Và đó chính là hắn. Khi nhìn thấy hắn, tôi cảm thấy như mặt mình đã kiệt hết máu. Tôi hầu như không thở được. Tôi có cảm giác mình đang chết đuối. Muốn thở mà không thở được.

Người tù có học này không ai khác hơn là viên sĩ quan Nga đã ra lệnh cho đám lính Mông Cổ lột da sống Yamamoto trên bờ sông Khalkha. Nay thì hấn gầy yếu, gần như hói trụi, mất một răng cửa. Thay vì bộ quân phục sĩ quan sạch như lau như li, hấn vận bộ quần áo tù bản thủ, và thay vì đôi boots sáng choang, hấn mang đôi giày vải thùng lỗ chỗ. Cặp tròng kính hấn trầy xước, đầy cát ghét, gọng kính cong vẹo. Thế nhưng không nghi ngờ gì nữa, đó chính là hấn. Không thể nào tôi lại nhận lầm hấn. Còn hấn, hấn cũng nhìn chòng chọc vào tôi, rõ ràng hấn tò mò không hiểu sao tôi lại đứng đực ra nhìn hấn như thế. Cũng như hấn, tôi đã già đi, đã tiêu tụy đi nhiều

trong chín năm qua. Thậm chí tóc tôi còn có mấy sợi bạc. Nhưng dấu sao hình như hấn cũng nhận ra tôi. Một nét sừng sốt lộ ra trên mặt hấn. Hấn là hấn cứ tưởng tôi đã chết rục xương dưới đáy cái giếng nào đó ở Mông Cổ rồi. Còn tôi, dĩ nhiên tôi cũng không thể nào ngờ sẽ lại gặp hấn vận quần áo tù trong một mỏ than ở Siberia.

Chỉ một thoáng sau hấn đã trấn tĩnh lại, điềm nhiên đọc to cho gã trung sĩ cổ đeo súng máy kia nghe nội dung tờ giấy thông hành của tôi: rằng tên tôi là gì, rằng nghề của tôi là thông dịch, rằng tôi được phép đi lại từ khu này sang khu kia, vân vân. Tay trung sĩ trả lại tờ giấy thông hành và hất cằm ra hiệu bảo tôi đi. Tôi bước tới

một đoạn thì ngoái đầu lại. Gã đàn ông kia đang nhìn tôi. Dường như hắn thoáng mỉm cười, nhưng có thể ấy chỉ là tôi tưởng tượng ra. Chân tôi run, mãi một lúc tôi không sao đi thẳng được. Cơn ác mộng khủng khiếp tôi từng ném trái chín năm về trước chỉ trong nháy mắt bỗng sống lại rõ ràng, sống động trước mắt tôi.

Tôi đoán rằng người đó đã bị thất sủng nên mới bị tống vào trại tù Siberia này. Những chuyện như vậy chẳng hiếm ở Liên Xô vào thời ấy. Trong nội bộ chính phủ, đảng và giới quân sự thường xuyên diễn ra những cuộc đấu đá khốc liệt, và Stalin, vốn đa nghi tới mức bệnh hoạn, truy bức những người thua cuộc một cách

không thương tiếc. Những người đó bị tước mọi chức vụ, cấp bậc, bị xét xử chiếu lệ ở những phiên tòa cho có, rồi hoặc bị hành hình hoặc bị đưa vào trại tập trung, đường nào tốt hơn thì chỉ có Chúa mới biết. Bỏ thoát chết thì cũng chỉ còn nước lao động khổ sai, nghiệt ngã đến không tưởng tượng nổi. Tù binh Nhật chúng tôi ít nhất cũng còn hy vọng được trở về quê hương nếu như sống sót, nhưng đám người Nga bị lưu đày kia không có niềm hy vọng ấy. Cũng như những kẻ khác, người này rồi cũng sẽ chết rục xương trên đất Siberia thôi.

Duy có một điều khiến tôi lo, đó là hấn biết tên tôi, biết tôi ở đâu. Hồi trước chiến tranh tôi đã vô tình tham gia điệp

vụ bí mật cùng với tay điệp viên Yamamoto, vượt sông Khalkha vào lãnh thổ Mông Cổ để hoạt động gián điệp. Nếu hẩn tiết lộ thông tin này ra thì tôi sẽ rơi vào hoàn cảnh rất bất lợi. Tuy nhiên, hẩn đã không tố giác tôi. Mãi về sau tôi mới biết, lúc ấy hẩn đã có những kế hoạch lớn hơn nhiều dành cho tôi.

Một tuần sau tôi lại gặp hẩn ngoài nhà ga. Hẩn vẫn bị xiềng, vẫn mặc bộ quần áo tù dơ dáy đó, đang dùng búa đập đá. Tôi nhìn hẩn, hẩn nhìn tôi. Hẩn đặt búa xuống đất rồi đứng dậy quay về phía tôi, vươn thẳng người cao lớn như khi hẩn còn mặc quân phục. Lần này, không nghi ngờ gì nữa trên mặt hẩn nở nụ cười, tuy chỉ khẽ nhếch nhưng vẫn là nụ cười,

trong nụ cười có một ánh tàn độc khiến tôi lạnh xương sống. Đó chính là vẻ mặt khi hắn quan sát Yamamoto bị lột da sống. Tôi bước ngang qua, không nói gì. Trong số các sĩ quan ban tham mưu quân đội Xô Viết ở trại có một người tôi chơi thân. Cũng như tôi, ông này là chuyên gia địa lý, học ở đại học tại Leningrad. Hai chúng tôi cùng tuổi, cùng yêu thích công việc vẽ bản đồ, nên thỉnh thoảng chúng tôi lại tìm có này có nọ để trao đổi về nghề nghiệp. Cá nhân ông ta rất quan tâm đến các bản đồ chiến lược của vùng Mãn Châu mà đội quân Quan Đông đã thực hiện. Dĩ nhiên, chúng tôi không thể nói những chuyện như vậy khi có mặt cấp trên ông ta. Chỉ những khi họ vắng mặt,

chúng tôi mới có thể thoải mái bàn đến vấn đề chuyên môn này. Thỉnh thoảng ông ta lại cho tôi đồ ăn hoặc cho tôi xem ảnh vợ con ông đang sống ở Kiev. Ông là người Nga duy nhất mà tôi có thể kết bạn trong suốt thời gian bị giam giữ ở Liên Xô.

Một lần, làm như tình cờ, tôi hỏi ông ta về những người tù làm việc cạnh nhà ga. Tôi thấy trong số đó có một người không giống người tù bình thường, tôi bảo vậy: hình như người đó từng giữ một vị trí quan trọng. Tôi mô tả ngoại hình người đó. Viên sĩ quan – ông ta tên là Nikolai – liền cau mày nói:

- Chắc đó là Boris Lột da. Tốt nhất là anh đừng dính dáng gì đến hắn.

- Tại sao? - Tôi hỏi.

Nikolai có vẻ ngần ngại không muốn nói thêm, nhưng ông ta biết tôi còn có thể giúp ích cho ông ta, nên ông miễn cưỡng cho tôi biết vì sao “Boris Lột da” lại bị đưa tới mỏ này.

- Đừng nói với ai là tôi kể với anh đây, - ông cảnh cáo. - Thằng cha đó nguy hiểm lắm. Tôi không đùa đâu. Có cầm sào đứng cách hắn ba thước tôi cũng không đại gì đụng vào hắn.

Nikolai kể như sau. Tên thật của “Boris Lột da” là Boris Gromov. Đúng như tôi nghĩ, hắn từng là thiếu tá trong NKVD(14). Khi Choybalsan chiếm chính quyền tại Mông Cổ và lên làm thủ tướng vào năm 1938, Gromov được cử

đền Ulan Bator làm cố vấn quân sự. Tại đó, hãⁿ tổ chức cơ quan cảnh sát mật của Mông Cồ² theo mô hình NKVD của Beria và tỏ ra nổi bật trong việc đàn áp các lực lượng phản cách mạng. Bọn họ tổ chức vây ráp bắt người, ném vào trại tập trung, tra tấn, và chỉ cần một chút nghi ngờ là thủ tiêu lập tức.

Ngay khi trận Nomonhan kết thúc và tình hình khủng hoảng tại Viễn Đông tạm yên, Boris được triệu hồi về Mátxcova và bổ nhiệm sang miền Đông Ba Lan lúc đó do quân đội Xô Viết chiếm đóng, ở đó hãⁿ đảm nhiệm việc thanh trừng quân đội cũ Ba Lan. Chính ở đó hãⁿ đã có biệt danh “Boris Lột da”. Hãⁿ có kiểu tra tấn đặc biệt là lột da người sống. Hãⁿ có một bộ

hạ chuyên làm việc này, nghe nói đem từ Mông Cổ sang. Khỏi phải nói, người Ba Lan sợ hấn kỳ chết. Bất cứ ai đã tận mắt chứng kiến kẻ khác bị lột da sống đều sẽ khai tuốt tuốt không thiếu một cái gì. Khi quân Đức bất ngờ tràn qua biên giới và chiến tranh Xô – Đức nổ ra, hấn rút lui từ Ba Lan về Mátxcova. Thời đó rất nhiều người bị bắt vì tình nghi cộng tác với Hitler. Họ bị hành quyết hay tống vào trại giam. Ở đây, một lần nữa Boris nổi lên là cánh tay phải của Beria, chuyên sử dụng đòn tra tấn đặc biệt của mình. Stalin và Beria phải bịa ra thuyết nội gián nhằm lấp liếm trách nhiệm của chính họ là đã không tiên đoán được cuộc tấn công bất ngờ của phát xít Đức và cũng nhằm củng cố quyền lãnh đạo

của họ. Nhiều người đã chết chẳng vì bất cứ cái gì trong những cuộc điều tra tàn bạo. Nghe nói Boris và thuộc hạ của hắn đã lột da ít nhất năm người, lại có lời đồn đại rằng hắn rất kiêu hãnh trưng những tấm da người kia lên khắp các bức tường phòng làm việc của mình.

Boris tàn bạo là thế nhưng cũng là người cực kỳ cẩn trọng, chính vì vậy hắn mới sống sót sau bao nhiêu âm mưu và cuộc thanh trừng. Beria yêu hắn như con.

Nhưng có lẽ chính vì vậy hắn quá tự tin mà đi lỡ trớn. Sai lầm ấy quả thật là sai lầm chí mạng. Hắn bắt giam chỉ huy một tiểu đoàn thiết giáp do tình nghi người này đã bí mật liên lạc với một trong các tiểu đoàn thiết giáp của Hitler trong một

trận đánh ở Ukraina. Hắn tra tấn anh ta bằng cách lấy thanh sắt nung đỏ chọc vào bất cứ chỗ nào có lỗ trên người: tai, lỗ mũi, trực tràng, dương vật vân vân, rồi giết chết người này. Nhưng hóa ra viên sĩ quan này là cháu ruột một quan chức cao cấp của Đảng Cộng sản. Chưa hết, khi ban tham mưu Hồng quân tiến hành điều tra đến nơi đến chốn thì mới phát hiện rằng anh ta hoàn toàn vô tội. Dĩ nhiên là vị quan chức kia nổi trận lôi đình, còn lãnh đạo Hồng quân cũng không thể im lặng khi thanh danh mình đã bị một vết nhơ như vậy. Lần này ngay cả Beria cũng không bảo vệ được Boris. Hắn bị cách chức, đưa ra tòa, cả hắn và tên trợ thủ người Mông Cổ bị kết án tử hình. Tuy nhiên NKVD đã làm mọi cách để can

thiếp, kết quả là Boris được giảm án thành lao động khổ sai ở một trại tập trung (mặc dù tên tay chân thì bị treo cổ). Beria gửi vào tù cho Boris một bức mật thư hứa sẽ gây tác động trong quân đội và đảng để Boris chỉ cần ngồi trong trại một năm là sẽ được đưa ra và phục hồi địa vị. Ít nhất thì đây là những gì Nikolai kể.

- Giờ anh biết rồi đó, - Nikolai hạ giọng nói với tôi, - ai cũng nghĩ rằng Boris lúc nào đó rồi cũng sẽ trở về Mátxcova, rằng chẳng bao lâu nữa Beria sẽ cứu hắn thôi. Đúng là Beria phải thận trọng, bởi trại này vẫn đang được quân đội và đảng điều hành. Nhưng không ai trong chúng ta có thể yên tâm đâu. Gió có thể đổi chiều

bất cứ lúc nào. Mà khi gió đã đổi chiều thì kẻ nào trót rấn tay với hấn ở đây sẽ gặp khốn đay. Trên đời này không thiếu gì thằng ngu, nhưng không ai ngu tới mức tự ký bản án tử hình cho mình. Thành thử tất cả bọn tôi đi qua hấn đều phải nhón chân. Hấn là khách danh dự ở đây. Dĩ nhiên chúng tôi không thể cho hấn được kẻ hầu người hạ và đối xử với hấn như trong khách sạn. Bề ngoài thì chúng tôi xích chân hấn, cho hấn đập vài hòn đá, nhưng thật ra hấn có phòng riêng, muốn rượu có rượu, muốn thuốc lá có thuốc lá. Nếu anh hỏi hấn là giống gì, tôi sẽ bảo hấn là rấn độc. Để hấn sống chẳng tốt lành cho ai hết. Giá như có ai nửa đêm lén vào cắt cổ hấn đi cho xong.

Mấy hôm sau, khi tôi đi ngang qua nhà ga, tay trung sĩ to xác lại chặn tôi. Tôi dợm đưa giấy thông hành ra, nhưng y lắc đầu và bảo tôi đến văn phòng trưởng ga. Chẳng hiểu chuyện gì, nhưng tôi vẫn đi, đến nơi thì gặp không phải trưởng ga mà là Boris Gromov. Hắn ngồi uống trà ở bàn đợi tôi tới. Tôi chết điếng trên ngưỡng cửa. Hắn không bị cùm chân nữa. Hắn đưa tay ra hiệu cho tôi vào.

- Xin chào trung úy Mamiya! Bao nhiêu năm rồi mới gặp nhau, - hắn vui vẻ nói, miệng cười toe toét. Hắn mời tôi một điều thuốc, nhưng tôi lắc đầu.

- Chính xác là chín năm, - hắn vừa nói vừa châm thuốc. – Hay là tám năm? Mà thôi, có gì khác nhau. Cái chính là anh

vẫn sống và khỏe mạnh. Gặp lại bạn cũ mới hạnh phúc làm sao chứ! Nhất là sau cuộc chiến tranh khùng khiếp nhường đó. Anh đồng ý không? Mà làm cách nào anh thoát ra khỏi cái giếng đó vậy?

Tôi chỉ đứng đó, không nói gì.

- Thôi được, không sao cả. Quan trọng là anh đã thoát ra được. Rồi anh mất một bàn tay ở đâu đó. Rồi lại học nói được tiếng Nga lưu loát thế kia! Tuyệt lắm, cừ lắm. Mất một bàn tay thì đã sao... Cái chính là anh vẫn còn sống.

- Có phải là do ý tôi đâu, - tôi đáp.

Boris cười ha hả.

- Trung úy Mamiya à, anh là người thú vị lắm. Thật ra anh có muốn sống đâu, thế mà anh đang sống sờ sờ ra ở đây. Phải,

đúng là thú vị thật. Nhưng không dễ lừa tôi đâu. Người bình thường không ai thoát khỏi cái giếng sâu đó một mình được, đã thoát mà lại còn biết đường vượt sông trở về Mãn Châu. Nhưng đừng lo, tôi không kể với ai đâu.

Thôi, về chuyện anh thế là đủ rồi. Giờ để tôi kể cho anh về tôi. Như anh biết đó, tôi đã mất chức, giờ chỉ là một tù nhân quèn trong trại tập trung. Nhưng tôi không định ở lại trốn khỉ ho cò gáy này mà đập đá suốt đời đâu. Tôi vẫn có thể lực ở Trung ương Đảng như hồi nào đến giờ, và tôi đang dùng thế lực đó để từng ngày một nâng cao vị thế của tôi ở đây. Vì vậy tôi sẽ nói rất chân thành với anh rằng tôi muốn có quan hệ tốt với các tù

binh Nhật. Năng suất của mỏ này tùy thuộc vào các anh, vào quân số và sức làm của các anh. Nếu không đếm xỉa đến sức mạnh của các anh, trong đó có cả anh, trung úy Mamiya, chúng tôi sẽ không đạt được gì hết. Tôi muốn anh giúp tôi bằng những gì anh có. Anh từng là sĩ quan tình báo của đội quân Quan Đông, là một người rất can đảm. Anh nói tiếng Nga lưu loát. Nếu anh làm người liên lạc cho tôi, tôi sẽ có thể giúp anh và các đồng bào anh. Đề nghị này không đến nỗi tồi đâu.

- Tôi chưa bao giờ là gián điệp, cũng không bao giờ có ý định làm gián điệp, - tôi tuyên bố.

- Tôi không yêu cầu anh làm gián điệp, -

Boris nói như để trấn an tôi. – Tôi chỉ nói rằng tôi có thể giúp cho các anh được dễ thở hơn. Tôi đề nghị cải thiện quan hệ, và anh sẽ là người trung gian giữa hai bên. Nếu hợp sức lại, chúng ta có thể lật đổ cái thằng chó dái người Gruzia “Ủy viên bộ chính trị” kia. Tôi làm vậy được đấy, đừng có tưởng! Mà tôi biết người Nhật các anh cũng căm thù hấn tận xương tủy. Một khi khử được hấn rồi, phía các anh sẽ có thể được tự quản một phần, có thể thành lập các ủy ban này nọ, có thể có tổ chức riêng của mình. Chừng đó thì ít nhất đám lính canh cũng không còn dám đối xử thô bạo với các anh bất cứ lúc nào tùy thích. Đã bao lâu nay các anh chỉ mong được thế thôi, phải không?

Điều đó thì Boris nói đúng. Chúng tôi đã kiến nghị lên ban lãnh đạo trại về những chuyện đó từ lâu nhưng họ luôn luôn bác bỏ thẳng thừng.

- Đồi lại ông muốn tôi làm gì? – Tôi hỏi.

- Hầu như chẳng phải làm gì hết, - hấn cười toe toét, giang rộng hai tay ra. – Tôi chả cần gì hơn là quan hệ thân thiện với tù binh Nhật các anh. Tôi cần loại bỏ một số đồng chí của mình vì không tìm được tiếng nói chung, mà muốn vậy tôi cần các anh hợp tác với tôi. Chúng ta có nhiều lợi ích chung, vậy tại sao chúng ta không hợp sức để hai bên cùng được hưởng? Người Mỹ nói thế nào ấy nhỉ? “Give and take”. Có qua có lại. Nếu anh hợp tác với tôi, tôi sẽ không làm gì bất

lợi cho anh cả. Tôi sẽ không đâm sau lưng anh đâu. Dĩ nhiên tôi biết, tôi không có quyền yêu cầu anh phải ưa tôi. Giữa chúng ta đã có những chuyện không hay gì, hẳn là vậy rồi. Nhưng tôi trông vậy thôi chứ là người tự trọng. Tôi luôn luôn giữ lời hứa. Chuyện gì đã qua thì cho nó qua đi.

Anh cứ về mà suy nghĩ về đề nghị của tôi đi, mấy hôm nữa hãy trả lời dứt khoát với tôi. Cứ thử xem. Các anh đâu có gì để mất, đúng không nào? Mà này, hãy nhớ rằng chuyện đó chỉ có thể nói với những người anh biết chắc chắn là đủ để tin cậy được. Có vài người trong các anh là chỉ điểm cho tay Ủy viên Bộ chính trị. Đừng để chúng hóng hớt được chuyện

này. Nếu lộ ra thì sẽ gay go đấy. Thế lực của tôi ở đây tạm thời chỉ có hạn thôi.

Về lại khu của mình, tôi chọn ra một người để bàn về lời đề nghị của Boris. Người này nguyên là đại tá trong quân đội, một kẻ gan lì và có đầu óc sắc sảo. Là chỉ huy một đơn vị từng cố thủ trong pháo đài trên núi Khingan, cương quyết không giương cờ trắng ngay cả khi Nhật đã đầu hàng, nay ông là thủ lĩnh không chính thức của các tù binh Nhật trong trại, một thế lực mà người Nga cần phải tính tới. Tôi giấu không kể với ông ta về chuyện Yamamoto bị lột da sống trên bờ sông Khalkha, chỉ nói rằng Boris từng là sĩ quan cao cấp trong lực lượng cảnh sát mật và giải thích về đề nghị của hắn.

Viên đại tá hình như quan tâm đến ý tưởng thanh toán tay Ủy viên Bộ chính trị cầm đầu trại và giành lấy ít nhiều quyền tự trị cho tù binh Nhật. Tôi nhấn mạnh rằng Boris là một tay có máu lạnh, một kẻ cực kỳ nguy hiểm, tay tổ về những trò lừa đảo và mưu ma chước quỷ, kẻ như vậy thì chớ bao giờ nhắm mắt tin. “Có thể anh nói đúng - đại tá nói – Nhưng thằng Ủy viên Bộ chính trị thì cũng vậy thôi, ta chẳng có gì để mất”. Ông có lý. Dù vụ này có vỡ lở đi nữa thì mọi chuyện cũng chẳng thể nào tồi tệ hơn hiện thời, tôi nghĩ. Song tôi đã làm to! Địa ngục thì chẳng bao giờ có đấy.

Mấy ngày sau tôi thu xếp được một cuộc gặp riêng giữa Boris và ông đại tá tại

một nơi kín đáo. Tôi làm thông dịch. Cuộc thảo luận kéo dài ba mươi phút, kết quả là hai bên đạt được một thỏa thuận bí mật và bắt tay nhau. Tôi không có cách nào biết những gì xảy ra sau đó. Hai bên không tiếp xúc trực tiếp để tránh gây chú ý, chỉ trao đổi thư từ viết bằng mật mã thông qua một kênh bí mật nào đó. Vai trò trung gian của tôi đến đó là hết. Thế cũng tốt đối với tôi. Tôi không muốn dính dáng gì tới Boris nữa. Mãi về sau tôi mới hiểu, gì chứ chuyện đó thì không thể.

Như Boris đã hứa, khoảng một tháng sau Trung ương Đảng triệu hồi tay Ủy viên Bộ chính trị người Gruzia, hai ngày sau thì cử tới một ủy viên mới để thay thế.

Sau đó hai ngày nữa thì ba tù binh Nhật bị siết cổ chết giữa đêm khuya. Người ta phát hiện được xác họ treo trên xà nhà để trông tuồng như tự sát, nhưng rõ ràng họ đã bị những người Nhật khác thanh toán. Ba người này hẳn là các tay chỉ điểm mà Boris đã nói. Chẳng ai tiến hành điều tra vụ việc. Đến khi đó thì Boris đã nắm toàn bộ trại trong tay mình.

13. Nguyên văn: hành hình theo kiểu lynch

14. Cơ quan cảnh sát mật của Liên Xô dưới thời Stalin (từ 1934 đến 1946), viết tắt từ tiếng Nga Narodniy Kommissarias Vnutrennikh Del, tạm dịch là Bộ Dân ủy Nội vụ - ND.

Gậy biến mất



Chim ác là ăn cắp trở về

Mặc áo len và áo khoác, mũ len kéo sụp gần như tận mắt, tôi trèo qua bức tường sau nhà, nhảy xuống ngõ. Phải một lát nữa trời mới sáng, thiên hạ đang còn ngủ. Tôi nhẹ nhàng đi dọc con ngõ về phía Dinh.

Trong nhà chẳng có gì thay đổi so với khi tôi bỏ đi sáu ngày trước đó. Bát đĩa vẫn nằm trong chậu rửa. Không thấy mẫu thư viết tay nào, không có tin nhắn nào trong máy trả lời tự động. Màn hình vi tính trong phòng Quế vẫn chết lạnh

như trước. Máy điều hòa vẫn giữ không khí ở nhiệt độ bình thường trong nhà. Tôi cởi áo khoác và găng tay rồi đun nước pha trà. Tôi ăn sáng bằng vài cái bánh bích quy, rửa bát trong chậu rồi cất vào chạn. 9 giờ sáng, vẫn không thấy tăm hơi Quế đầu.

* * *

Tôi ra ngoài sân, giở nắp giếng rồi cúi người nhìn vào bên trong. Vẫn cái bóng tối đặc sệt đó. Tôi biết rõ cái giếng này như một phần mở rộng của chính thân thể mình: bóng tối của nó, cái mùi và sự âm lạnh của nó là một phần của tôi. Theo nghĩa nào đó, tôi biết rõ cái giếng này hơn là biết Kumiko. Dĩ nhiên ký ức về nàng hãy còn sống nguyên, tươi rói.

Nhắm mắt lại là tôi có thể hồi tưởng từng chi tiết của giọng nói nàng, khuôn mặt, thân thể nàng, từng cử chỉ của nàng. Dù gì tôi cũng đã sống chung một mái nhà với nàng suốt sáu năm trời. Nhưng bây giờ tôi nhận ra rằng có một cái gì đó ở nàng mà tôi không hồi tưởng được rõ rệt như vậy. Mà cũng có thể đó chỉ là do tôi không dám chắc những gì mình nhớ lại là chính xác, cũng như tôi không thể hình dung lại chắc chắn cái khúc quặp ở đuôi con mèo khi nó mới trở về.

Tôi ngồi bên thành giếng, tay thọc vào túi áo khoác, nhìn bốn bề chung quanh lần nữa. Có cảm giác như trời có thể đổ cơn mưa lạnh hay tuyết rơi bất cứ lúc nào. Lạnh gió, nhưng không khí lạnh tê

tái. Một bầy chim nhỏ bay tới bay lui trên bầu trời vẽ thành những họa tiết phức tạp như thể đang viết chữ, rồi đột ngột vù đi mất. Lát sau tôi nghe thấy tiếng u u trầm trầm của một chiếc phản lực khuất trên những đám mây dày. Vào một ngày u ám tối trời như thế này, tôi có thể chui xuống giếng mà không sợ mặt trời làm hỏng mắt khi trở lên.

Nhưng tôi vẫn ngồi đó một hồi, không làm gì cả. Chẳng việc gì phải làm vội. Ngày chỉ vừa chớm bắt đầu, còn lâu mới đến trưa. Tôi ngồi trên thành giếng, mặc cho đầu óc nghĩ lan man chuyện này chuyện khác không theo thứ tự gì. Con chim đá từng ở trong vườn này, người ta mang nó đi đâu? Phải chăng nó đang

trang trí cho một khu vườn khác, vẫn đau đáu niềm khao khát vĩnh cửu và vô nghĩa là cất cánh lên bầu trời? Hay nó đã bị quăng làm đồng nát khi người ta phá dỡ căn nhà của gia đình Miyawaki mùa hè năm ngoái? Tôi bùi ngùi nhớ lại bức tượng chim. Không có nó, dường như khu vườn mất đi sự cân bằng tinh diệu nào đó.

Khi không còn gì để nghĩ nữa, tôi theo chiếc thang bằng thép trèo xuống giếng. Đặt chân lên đáy giếng, tôi hít mấy hơi dài để kiểm tra xem không khí có bình thường không, cũng như mọi khi. Nó vẫn vậy, sức mùi rêu, nhưng thở được. Tôi sờ soạng tìm cây gậy lần trước đã tựa vào vách giếng. Không có ở đó. Gậy

chẳng thấy đâu cả. Nó đã biến mất. Hoàn toàn biến mất. Không dấu vết.

* * *

Tôi ngồi xuống nền giếng, tựa lưng vào tường mà thở dài.

Ai đã lấy cái gậy đi chứ? Chỉ có thể là Quế. Anh ta là người duy nhất biết có nó, cũng là người duy nhất có thể nghĩ đến chuyện chui xuống giếng. Nhưng có sao phải lấy cây gậy đi? Điều đó thì tôi không hiểu nổi - một trong những điều tôi không hiểu nổi.

Tôi đành phải dấn tới mà không có cây gậy, chẳng còn cách nào khác. Cũng không sao. Xét cho cùng, cây gậy chỉ là một thứ bùa hộ mệnh. Không có thì cũng chẳng phải là gì ghê gớm. Chẳng phải dù

không có nó tôi vẫn từng lọt được vào căn phòng kia sao? Đưa ra cho chính mình những lập luận đó rồi, tôi liền giật dây thừng để đóng nắp giếng. Tôi đặt tay lên đầu gối rồi nhắm mắt lại trong bóng tối.

Cũng như lần trước, tôi không thể nào tập trung tư tưởng. Mọi thứ ý nghĩ linh tinh chen chúc trong đầu, không còn chỗ để tập trung. Để thoát khỏi chúng, tôi cố nghĩ về hồ bơi, cái hồ bơi trong nhà dài hai mươi lăm mét mà tôi thường đến để bơi. Tôi hình dung mình làm vài vòng bơi sải ở đó. Không việc gì phải bơi nhanh, chỉ cần lặp đi lặp lại từng đó động tác một cách êm ru, đều đặn. Khuỳnh hai cùi chỏ ra sao cho không gây

tiếng ồn, không bắn nước tung tóe, rồi dùng hai tay nhẹ nhàng xẻ nước, đầu tiên là ngón tay. Tôi hớp nước vào mồm rồi chậm chậm tuôn ra, như là thở dưới nước vậy. Sau một hồi, tôi cảm thấy thân mình trôi tự nhiên qua nước, như cưỡi trên làn gió nhẹ. m thanh duy nhất nghe được là tiếng thở đều đều của chính tôi. Tôi lướt trên gió như chim trên bầu trời nhìn xuống mặt đất ở bên dưới. Tôi thấy những thành thị xa xôi, những con người bé tí, những dòng sông trôi. Một nỗi bình an tràn ngập trong tôi, một cảm giác gần như ngây ngất. Bơi là một trong những điều đẹp đẽ nhất trong đời tôi. Nó chưa hề giải quyết được vấn đề gì, nhưng cũng không hề có hại, cũng chưa có gì làm hỏng niềm vui đó đối với tôi.

Đúng lúc đó, tôi nghe thấy một cái gì.

Quả thật tôi đang nghe thấy một tiếng u u trầm trầm, đơn điệu trong bóng tối, giống như tiếng vù vù của đôi cánh côn trùng.

Nhưng cái âm thanh này nhân tạo quá, cơ khí quá, không thể là cánh côn trùng được. Tần số của nó có những biến đổi cao thấp tinh tế, như khi ta chuyển kênh ở máy thu thanh sóng ngắn. Tôi nín thở lắng nghe, cố nắm bắt xem âm thanh từ đâu.

Dường như nó phát ra từ một điểm cố định trong bóng tối song đồng thời lại như từ chính trong đầu tôi. Trong bóng tối thăm thẳm, ranh giới giữa hai bên hầu như không thể nào xác định được.

Tập trung hết tâm trí vào âm thanh đó, tôi ngủ lúc nào không biết. Thậm chí tôi

không kịp cảm thấy buồn ngủ trước khi thiếp đi. Hoàn toàn bất ngờ, tôi thiếp đi, như thể tôi đang đi dọc theo một hành lang mà trong đầu chẳng có ý định gì cụ thể thì bỗng dưng bị ai đó kéo vào một căn phòng chưa hề biết. Tôi chìm vào cơn nửa tỉnh nửa mê đặc sệt như bùn đó trong bao lâu? Tôi không biết. Hẳn là không quá lâu. Có thể chỉ trong một khoảnh khắc. Nhưng khi có một cái gì đó làm cho ý thức trở lại thì tôi biết mình đã ở trong một bóng tối khác. Không khí khác, nhiệt độ khác, tính chất và chiều sâu của bóng tối khác. Cái bóng tối này nhuộm một thứ ánh sáng yếu ớt dùng dục. Và một mùi phấn hoa gần gũi quen thuộc xộc vào mũi tôi. Tôi đang ở trong căn phòng khách sạn kỳ lạ đó.

Tôi ngẩng đầu lên, nhìn quanh, nín thở.

Tôi đã đi xuyên qua tường.

Tôi đang ngồi trên sàn trải thảm, lưng tựa vào bức tường bọc vải. Tay tôi vẫn đang xếp trên đầu gối. Cơ ngữ của tôi một khoảnh khắc trước đó đáng sợ và sâu hun hút bao nhiêu thì cơ tỉnh của tôi lúc này tròn vẹn và rõ rệt bấy nhiêu. Sự tương phản giữa mơ và tỉnh, nó cùng cực đến mức phải mất một hồi tôi mới quen được với cái tỉnh này. Tiếng tim tôi đập nghe cũng rõ mồn một. Không nghi ngờ gì nữa. Tôi đang ở đây. Rốt cuộc tôi đã vào được trong căn phòng.

* * *

Trong bóng tối dường như dẹt bằng nhiều lớp lưới mắt nhỏ, căn phòng giống hệt

như tôi nhớ từ lần trước. Tuy nhiên, khi mắt đã quen với bóng tối, tôi bắt đầu nhận ra những khác biệt nhỏ. Đầu tiên là cái điện thoại giờ nằm ở chỗ khác.

Trước nó ở trên bàn ngủ, nay thì nằm trên một cái gối và dường như lọt thỏm vào trong gối. Kế đó tôi thấy lượng whisky trong chai đã vơi đi, gần như cạn đến đáy. Đá trong xô đã tan hết, chỉ còn lại một thứ nước cũ, dùng đục. Chát lỏng trong cốc đã khô, sờ tay vào tôi thấy lòng cốc phủ một lớp bụi trắng. Tôi lại gần giường, nhắc chiếc điện thoại lên, áp ống nghe lên tai. Đường dây không hoạt động. Căn phòng có vẻ đã bị bỏ rơi, bị lãng quên từ lâu lắm. Không có dấu vết sự hiện diện của con người. Duy có mấy bông hoa trong lọ còn giữ nguyên vẻ tươi

tấn đến kỳ lạ.

Có dấu hiệu cho thấy ai đó đã nằm trên giường: ga trải giường, chăn, gối đều hơi bị xô lệch. Tôi kéo thẳng ga trải giường rồi sờ xem có hơi ẩm không, nhưng không có. Cũng không còn mùi nước hoa. Vậy từ khi người này rời giường đến giờ cũng đã khá lâu. Tôi ngồi nép ở mép giường, nhìn khắp phòng một lần nữa, lắng nghe. Nhưng chẳng có âm thanh nào. Nơi này giống như ngôi mộ cổ đã bị những tên đào mộ lấy trộm thi hài trong đó mang đi.

* * *

Đột nhiên điện thoại reo. Tim tôi co rúm lại như một con mèo sợ sệt. Những tiếng vang lạnh lót làm rung động những hạt

phần hoa lơ lửng trong không khí; các cánh hoa khẽ chuyển mình, ngẩng lên trong bóng tối. Làm thế nào điện thoại lại reo được? Mới vài phút trước nó còn cảm lạnh như tảng đá trong lòng đất. Tôi cố thở đều, giữ yên nhịp tim, rồi kiểm tra xem, liệu mình có vẫn ở trong căn phòng đó không. Tôi vươn tay chạm vào ống nghe, chân chừ một chút rồi mới nhấc lên. Cho tới khi đó điện thoại đã reo ba, bốn lần.

"Alô". Điện thoại chết lặng ngay khi tôi nhấc ống nghe lên. Sức nặng bất khả cưỡng của cái chết đè nặng trong tay tôi như một cái bao cát. "Alô", tôi lại nói, nhưng giọng khô khốc của tôi dội trở lại không chút thay đổi, như thể bật lại từ

một bức tường dày. Tôi đặt máy xuống, rồi lại nhắc lên nghe. Không có âm thanh nào. Tôi ngồi trên mép giường, cổ thở đều trong khi chờ điện thoại reo lại. Nó không reo. Tôi nhìn những hạt bụi phấn trong không khí lại trở về với vô thức và chìm vào bóng tối. Tôi thử khôi phục lại tiếng điện thoại reo trong đầu mình. Tôi không còn dám tin chắc là điện thoại đã reo thật nữa. Nhưng nếu tôi để những nỗi ngờ vực kiểu đó len lỏi vào thì sẽ cứ ngờ vực mãi không bao giờ dứt. Tôi phải vạch ranh giới ở đâu đó. Nếu không thì tôi sẽ phải nghi ngờ ngay chính sự tồn tại của mình ở nơi này. Điện thoại đã reo. Điều đó là chắc chắn, không thể làm được. Rồi một khoảnh khắc sau nó đã chết lặng. Tôi hắng giọng, nhưng cả cái

âm thanh đó cũng lập tức tan biến trong không khí.

Tôi đứng dậy đi một vòng quanh phòng. Tôi sẫm soi sàn nhà, nhìn chăm chặp lên trần, ngồi lên bàn, tựa vào tường, xoay nhanh quả đấm cửa, bật lên bật xuống công tắc cây đèn chân đế. Quả đấm hiển nhiên không xoay, đèn không sáng. Cửa sổ bị phong kín từ bên ngoài. Tôi căng tai nghe xem có tiếng gì không, nhưng sự im lặng giống như bức tường cao ngất, nhẵn thín. Thế nhưng tôi vẫn cảm thấy có một cái gì đó đang cố đánh lừa tôi, dường như có những kẻ khác đang nín thở, ép sát người vào tường, xóa màu da để tôi không biết rằng có họ ở đó. Cho nên tôi cũng vờ không nhận thấy. Cả hai

bên chúng tôi rất giỏi lừa nhau. Tôi lại hắng giọng và sờ tay lên môi.

Tôi quyết định kiểm tra căn phòng một lần nữa. Tôi lại thử cây đèn chân đế, nhưng đèn không sáng. Tôi mở nút chai whisky, ngửi chỗ rượu còn sót lại. Mùi vẫn không thay đổi. Cutty Sark. Tôi đập nút lại rồi đặt lại chai lên bàn. Tôi kê ống nghe lên tai một lần nữa, nhưng cảm lạnh vẫn hoàn cảm lạnh. Tôi bước chậm mấy bước để cảm nhận tấm thảm bên dưới giày. Tôi áp tai vào tường, tập trung chú ý, cố nghe xem có âm thanh nào lọt qua không, nhưng dĩ nhiên là không. Tôi đi lại phía cửa, xoay quả đấm, dù biết làm thế là vô nghĩa. Quả đấm xoay dễ dàng về bên phải. Tôi ngó

ra một lúc, không hiểu thế nào. Mới đó quả đấm cửa còn cứng ngắc như gắn bằng xi-măng. Tôi lặp lại từ đầu, buông quả đấm ra rồi lại chìa tay nắm lấy, xoay sang phải, xoay sang trái. Nó xoay ngon lành trong tay tôi. Một cảm giác kỳ quặc nảy ra trong tôi, như thể lưỡi tôi đang sung phù lên trong mồm.

Cửa mở.

Tôi đẩy quả đấm cho đến khi cửa mở ra vừa đủ cho một làn ánh sáng chói lòa tuôn vào phòng. Cây gậy. Giá như có cây gậy, tôi sẽ thấy tự tin hơn. Mà thôi, quên cây gậy đi! Tôi đẩy rộng cửa ra. Tôi nhìn bên phải rồi bên trái, thấy không có ai, tôi mới bước ra ngoài. Đó là một hành lang dài, trải thảm. Cách không xa là một

chiếc bình lớn có cắm hoa. Đó chính là chiếc bình hoa mà tôi đã nấp đằng sau, khi gã bồi huyết sáo luôn mồm kia gõ cửa. Trong ký ức của tôi hành lang này dài, có nhiều chỗ ngoặt và nhánh rẽ. Tôi đã tình cờ chạm trán gã bồi huyết sáo kia và đi theo gã. Tấm biển trên cửa ghi rõ Phòng 208.

Bước thật cẩn thận, tôi đến gần bình hoa. Tôi hy vọng có thể tìm được đường ra chỗ tiền sảnh, nơi lần trước Wataya Noboru đã xuất hiện trên truyền hình. Tôi mong sẽ có thể tìm ra vài manh mối ở đó. Nhưng đi lang thang trong cái khách sạn này chẳng khác gì liều mạng đi trong sa mạc mênh mông mà không có la bàn. Nếu không tìm được chỗ tiền sảnh rồi

tiếp tục không tìm được đường trở lại Phòng 208 thì ắt tôi sẽ bị cầm tù trong chốn mê cung này, không thể quay về thế giới thực nữa.

Nhưng không có thời gian chần chừ thêm. Đây có thể là cơ hội cuối cùng của tôi. Tôi đã đợi dưới đáy giếng từng ngày một, trong sáu tháng trời, nay thì cửa đã mở trước mặt tôi. Hơn nữa, chẳng mấy chốc người ta sẽ tước đi cái giếng khỏi tôi. Nếu tôi lùi bước lần này thì bao nhiêu thời gian công sức của tôi sẽ hóa thành công cốc.

Tôi rẽ mấy lần. Đôi giày tennis bản thủ của tôi bước êm ru trên thảm. Tôi chẳng nghe thấy gì, không giọng người, không tiếng nhạc, không tiếng tivi, không có cả

tiếng cánh quạt hay thang máy. Khách sạn
lặng ngắt như một công trình đồ nát bị
thời gian bỏ quên. Tôi rẽ nhiều lần, đi
qua nhiều cánh cửa. Hành lang phân
nhánh liên tục, cứ mỗi lần như vậy tôi
đều rẽ phải, ý là để nếu muốn quay về,
tôi chỉ cần toàn rẽ trái là sẽ tìm được
phòng nơi xuất phát. Nhưng rồi tôi mất
phương hướng. Đi, đi mãi mà không hề
cảm thấy mình đang đến gần bất cứ cái
gì. Các phòng đánh số không theo thứ tự
nào, lại cứ nối nhau không biết bao giờ
mới hết nên có số cũng bằng không. Các
con số chưa kịp ghi vào trí nhớ thì đã
trôi tuột mất khỏi đầu tôi. Thỉnh thoảng
tôi lại có cảm giác mình đã đi qua số này
số nọ rồi. Đến giữa hành lang tôi dừng
lại thở. Có phải tôi đang đi vòng vòng

cùng một chỗ như khi người ta lạc lối
trong rừng?

* * *

Đang đứng đó tự hỏi sẽ làm gì thì tôi
nghe một âm thanh quen thuộc ở đằng xa.
Đó là gã bồi luôn mồm huýt sáo. Hẳn
huýt quả là cừ khôi, thật chẳng ai sánh
bằng. Cũng như lần trước, hẳn đang huýt
bản overtune trong vở Chim ác là ăn cắp
của Rossini, giai điệu này huýt sáo
không dễ, nhưng xem ra hẳn làm được
chẳng khó khăn gì. Tôi tiến dọc theo
hành lang về phía có tiếng huýt sáo mà
lúc này nghe đã to hơn, rõ hơn. Hình như
hắn đang đi về phía tôi. Tôi nhìn thấy
một cái cột khá to, liền nấp đằng sau.
Gã bồi vẫn bung một chiếc khay bằng

bạc, trên đó vẫn là chai Cutty Sark, xô nước đá và hai chiếc cốc. Hắn đi vội ngang qua tôi, hướng thẳng về phía trước, vẻ mặt chùng như hắn đang bị mê hoặc bởi tiếng huýt sáo của chính mình. Hắn không nhìn về phía tôi, hắn đang vội đến nỗi không thể phí phạm dù chỉ một giây cho một động tác thừa. Mọi cái y như lần trước, tôi nghĩ. Dường như thể xác tôi đang được đưa về quá khứ.

Ngay khi gã bồi đi qua rồi, tôi liền theo chân hắn. Chiếc khay bạc của hắn bập bênh lên xuống nhịp nhàng theo giai điệu mà hắn đang huýt sáo, thỉnh thoảng lại phản chiếu ánh đèn chùm trên trần. Hắn lặp đi lặp lại giai điệu Chim ác là ăn cắp như một lời thần chú. Chẳng biết vớ

opera này nói về cái gì nhỉ? Tôi chẳng biết gì hơn về nó ngoài giai điệu có phần buồn tẻ của khúc overtune và cái tên kỳ bí. Hồi tôi còn nhỏ, nhà tôi có một đĩa thu bản overtune này do Toscanini điều khiển dàn nhạc. So với cách diễn tấu trẻ trung, khinh khoái, hiện đại của Claudio Abbado thì cách của Toscanini có gì đó khốc liệt khuấy động máu trong người, như khi sau trận chiến sống mái với một kẻ thù hùng mạnh, ta đánh bại được đối phương và khoan thai bóp cổ y cho đến chết. Nhưng thật ra Chim ác là ăn cắp có phải là câu chuyện về một con chim dính vào trò ăn cắp không? Nếu mọi việc giải quyết êm xuôi, hẳn tôi phải đến thư viện tìm trong từ điển bách khoa âm nhạc xem sao. Thậm chí tôi cần mua một đĩa thu

toàn bộ vở opera nếu có. Hay là không cần? Có khi đến lúc đó, tôi lại chẳng buồn biết lời đáp cho các câu hỏi kia là gì nữa.

Gã bồi chuyên huýt sáo vẫn tiếp tục đi thẳng, bước đều tám tấc như người máy, tôi thì theo sau, cách một quãng cố định. Không cần nghĩ tôi cũng biết hắn đang đi đâu. Hắn đang mang chai Cutty Sark, nước đá và ly đến Phòng 208. Thật vậy, hắn dừng lại trước Phòng 208. Hắn chuyển khay sang tay trái, kiểm tra số phòng, sửa lại tư thế rồi gõ cửa cho có lệ. Gõ ba lần, rồi ba lần nữa.

Tôi không biết liệu có tiếng trả lời từ bên trong không. Tôi nấp sau bình hoa quan sát gã bồi. Thời gian trôi qua,

nhưng gã bồi vẫn đứng nguyên đó, như đang cố thử xem giới hạn sức chịu đựng của mình đến đâu. Hắn không gõ thêm, chỉ lẳng lặng chờ cửa mở. Cuối cùng, như đáp lại một lời cầu nguyện, cửa bắt đầu mở vào trong.

Buộc người khác dùng trí tưởng tượng
(Chuyện Boris Lột da, tiếp theo)



Boris đã giữ lời hứa. Tù binh Nhật chúng tôi được tự trị một phần, được phép lập ban đại diện. Viên đại tá làm trưởng ban. Từ đó trở đi, các cai tù Nga, cả dân sự và quân sự, đều được lệnh không được bạo hành nữa, và ban đại diện tù binh chịu trách nhiệm giữ gìn trật tự trong trại. Chừng nào chúng tôi không gây chuyện và hoàn thành chỉ tiêu sản xuất thì còn được yên thân. Bề ngoài thì đó là chính sách của tay Ủy viên Bộ chính trị mới, song thực chất là của

Boris. Những cái cách thoát trông có vẻ dân chủ này lẽ ra phải là tin vui cho bọn tù binh chúng tôi.

Nhưng hóa ra mọi chuyện không đơn giản như vậy. Quá say sưa chào đón những cái cách mới, chúng tôi đã quá ngu ngốc không nhìn thấy cái bẫy thâm độc mà Boris đã giăng ra cho chúng tôi. Được sự hỗ trợ của cảnh sát mật, Boris trở nên có thế lực hơn nhiều so với tay Ủy viên Bộ chính trị mới bổ nhiệm, thế là y tiến hành biến cải trại tù và trị trấn mỏ theo cách của y. Lừa đảo, lật lọng và khùng bố trở thành chuyện bình thường như cơm bữa. Boris chọn ra trong số tù nhân và cai tù những kẻ khỏe mạnh nhất và hung ác nhất (loại này thì không

thiếu), đào tạo rồi biến chúng thành đội vệ sĩ riêng của hắn. Vũ trang bằng súng, dao, dùi cui, đám vệ sĩ đặc tuyển này sẵn sóc tận tình bất cứ kẻ nào dám cự lại Boris, đe dọa và hành hung họ, đôi khi còn đánh chết họ theo lệnh của hắn. Không ai dám đụng đến chúng. Đám lính được quân đội cử đến canh gác mỏ thường vờ không thấy những gì diễn ra ngay trước mũi họ. Tới khi đó thì ngay cả quân đội cũng không làm gì được Boris. Lính tráng ngồi đằng xa, chỉ canh chừng ga xe lửa và doanh trại của chính mình, còn những gì xảy ra trong mỏ và trong trại thì coi như chẳng liên quan gì đến họ.

Kẻ mà Boris ưa nhất trong số các cận vệ

đặc tuyến của hắn là một tù nhân mệnh danh là "Thằng Tác-ta", đầu như là cự vô địch vật Mông Cổ. Boris đi đâu hắn cũng kè kè một bên như hình với bóng. Hắn có một vết sẹo bóng lớn trên má phải, nghe nói do bị tra tấn. Boris không mặc quần áo tù nữa và chuyển vào sống trong một căn nhà nhỏ thơm mát do một nữ tù đảm trách quét dọn.

Theo Nikolai (ông ta ngày càng miễn cưỡng nói chuyện với tôi), một số người Nga mà ông ta biết đã biến mất như bốc hơi giữa đêm khuya. Hồ sơ chính thức ghi rằng họ mất tích hoặc chết vì tai nạn, nhưng chẳng nghi ngờ gì nữa, họ đã được đám lâu la của Boris "săn sóc". Chỉ cần không tuân lệnh Boris hay thậm chí chỉ

không làm hấn hài lòng, là đủ để nguy đến tính mạng. Dăm ba người tìm cách khiếu nại trực tiếp lên Trung ương Đảng về tình trạng bạo hành trong trại, thế là sau đó chẳng ai nhìn thấy họ nữa. "Tôi nghe kể chúng giết cả một đứa trẻ mới bảy tuổi để bắt cha mẹ nó phải khuất phục. Chúng đánh thẳng bé đến chết trước mặt cha mẹ nó," Nikolai kể, mặt tái mét.

Ban đầu Boris không làm gì quá đáng như vậy trong khu người Nhật. Hấn còn bận tập trung sức lực nhằm kiểm soát hoàn toàn đám cai tù Nga và củng cố vị thế của hấn ở đó, nên tạm thời để người Nhật tự giải quyết lấy việc của mình. Thành thử trong mấy tháng đầu chúng tôi

được hưởng một khoảng bình an ngắn ngủi. Đó là những ngày bình lặng, thật sự là êm ả của chúng tôi. Ủy ban của chúng tôi đã đấu tranh thắng lợi để chế độ lao động bớt hà khắc hơn dù chỉ một chút. Lần đầu tiên từ khi đến đây, chúng tôi mới có được cảm giác gì đó gần như là hy vọng. Tất cả đều tin mọi việc đang trở nên tốt đẹp hơn.

Chẳng phải Boris không để mắt đến chúng tôi trong "tuần trăng mật" đó đâu. Đơn giản là hắn đang âm thầm sắp xếp các quân cờ để giành lợi thế chiến lược. Hắn tác động lên các thành viên ủy ban đại diện tù binh Nhật, từng người một, rất kín đáo, người thì hắn mua chuộc, kẻ thì hắn đe dọa, để dần dần khống chế họ.

Hắn tránh dùng bạo lực lộ liễu mà tiến hành một cách vô cùng thận trọng, vì vậy chẳng ai nhận thấy hắn đang làm gì. Khi rút cuộc chúng tôi cũng nhận ra thì đã quá muộn. Dưới cái vỏ bọc dành cho chúng tôi quyền tự trị, hắn làm chúng tôi mất cảnh giác, đồng thời tạo ra một hệ thống kiểm soát mới còn hữu hiệu hơn. Những tính toán của hắn chính xác một cách lạnh tanh và ác quỷ. Quả là hắn đã chấm dứt tình trạng bạo lực tự phát và vô nghĩa mà chúng tôi phải chịu, nhưng thay vào đó hắn tạo ra một thứ bạo lực mới được tính toán lạnh lùng.

Sáu tháng sau, củng cố xong cơ cấu kiểm soát của mình, hắn bèn chuyển hướng, bắt đầu gây áp lực lên chúng tôi. Nạn

nhân đầu tiên của hắn là thành viên quan trọng nhất của ủy ban - viên đại tá. Ông đã mấy lần thay mặt tù binh Nhật đối đầu trực diện với Boris về một số vụ việc, hậu quả là ông bị thanh toán. Cho tới khi đó chỉ còn ông và vài người nữa trong ủy ban là không phục tùng Boris. Một đêm nọ chúng đê ông xuống, siết khăn mặt ướt lên mặt ông cho đến khi ông tắc thở chết. Dĩ nhiên đó là theo lệnh của Boris, nhưng hắn chẳng bao giờ nhúng vào cho bản tay trong trường hợp giết người Nhật. Hắn chỉ việc ra lệnh cho ủy ban, để chính người Nhật làm việc đó. Cái chết của viên đại tá được ghi là chết vì bệnh. Bọn chúng tôi ai cũng biết kẻ đã giết ông, nhưng chẳng ai dám nói. Chúng tôi biết nội bộ mình có tay trong của

Boris, thành thử khi có mặt người khác thì phải giữ mồm giữ miệng. Sau khi đại tá bị ám sát, ủy ban liền bầu cho một ứng viên do chính Boris chọn làm chủ tịch thay ông.

Ngay sau khi có sự thay người trong ủy ban, môi trường làm việc của tù binh Nhật ngày càng xấu đi, cho đến khi trở thành tồi tệ chưa từng thấy. Để đổi lại quyền tự trị, chúng tôi đã có thỏa thuận với Boris về chỉ tiêu sản xuất, ấy thế là chỉ tiêu ngày một nặng nề. Chỉ tiêu không ngừng tăng lên vì cơ này hay cơ khác, cho tới khi công việc trở nên nặng nhọc hơn bao giờ hết. Số tai nạn cũng gia tăng, nhiều người lính Nhật phải bỏ xương nơi đất lạ quê người, nạn nhân của tình trạng

khai thác mỏ vô tội vạ. "Tự trị" chỉ có nghĩa là người Nhật giờ tự giám sát lấy công việc của mình thay cho người Nga như trước kia.

Dĩ nhiên, các tù binh ngày một bất mãn. Trại chúng tôi trước kia là một xã hội nhỏ nhỏ nơi chúng tôi chia đều nhau phần lao khổ, nay chỉ còn là sự bất công, rồi cùng với nó là thù hận và nghi kỵ sâu sắc. Những ai phục vụ Boris thì được giao việc nhẹ nhàng hơn, được đặc quyền đặc lợi, những ai không làm cho hắn thì phải chịu cảnh sống thê thảm - ấy là nếu còn được phép sống. Không ai dám mở mồm kêu ca, bởi vì phản đối công khai có nghĩa là chết. Người ta có thể bị ném vào một cái nhà hoang lạnh

buốt để chết vì đói rét, hoặc bị siết khăn
tắm ướt lên mặt khi đang ngủ, hoặc bị
một cái cuốc chim bổ toác sọ từ đằng sau
trong khi làm việc ở mỏ, hay bị ném
xuống đáy hầm lò. Dưới mỏ tối om, ai
biết chuyện gì đang xảy ra? Người ta
biến mất, đơn giản là thế.

Tôi không khỏi cảm thấy mình có lỗi
trong việc làm trung gian cho Boris và
đại tá gặp nhau. Dĩ nhiên, dù tôi không
dính tới thì thể nào Boris cũng sẽ chui
được vào giữa chúng tôi bằng cách này
hay cách khác, không sớm thì muộn, hậu
quả vẫn y như vậy. Nhưng ý nghĩ đó
không làm nguôi được nỗi đau của tôi.
Tôi đã phạm một sai lầm khủng khiếp.
Một hôm tôi được gọi đến tòa nhà nơi

Boris dùng làm văn phòng. Đã lâu lắm tôi không gặp hấn. Hấn ngồi uống trà nơi bàn, giống như lần tôi gặp hấn ở phòng trưởng ga. Đứng nghiêm đằng sau hấn là Thăng Tác-ta, bên hông đeo một khẩu súng lục to nòng. Khi tôi vào phòng, Boris ngoái lại tên Mông Cổ, ra hiệu bảo hấn đi ra ngoài. Chỉ còn lại Boris và tôi.

- Thế nào hử Trung úy Mamiya? Anh thấy đó, tôi đã giữ lời hứa.

Đúng là hấn đã giữ lời, tôi đáp. Bất hạnh thay, hấn nói đúng. Mọi điều đã hứa với tôi, hấn đều thực hiện. Tôi như đã ký một giao kèo với quỷ dữ.

- Các anh được quyền tự trị, tôi thì được quyền lực, - hấn vừa nói vừa cười, hai tay giang rộng. - Cả hai ta muốn gì là

được này. Sản lượng than tăng, ở thủ đô người ta hài lòng. Còn đòi gì hơn nữa? Tôi rất biết ơn anh đã làm người môi giới cho tôi, nên giờ tôi muốn làm gì đó để trả ơn anh.

- Không cần phải thế đâu, - tôi đáp.

- Anh không cần phải xa cách như vậy, Trung úy ạ. Hai ta trở lại vấn đề nhé. Tôi muốn anh làm việc ở đây với tôi. Tôi muốn anh làm trợ lý cho tôi. Đáng tiếc là chốn này quá thiếu những người có khả năng nghĩ bằng cái đầu. Anh có thể thiếu một bàn tay, nhưng bù lại trí óc anh thừa sức bén. Nếu anh làm thư ký cho tôi, tôi sẽ biết ơn lắm; tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để bảo đảm cho anh thấy dễ chịu ở đây. Chừng đó thì nhất định anh sẽ sống,

có khi còn được trở về Nhật nữa. Cứ thân cận với tôi đi, chỉ có lợi cho anh thôi.

Bình thường thì tôi sẽ cự tuyệt thẳng thừng một đề nghị như vậy. Tôi không có ý định làm hàu cận cho Boris, bán rẻ anh em đồng bào để mong yên ổn cái thân mình. Mà nếu khước từ thì hẳn sẽ giết tôi, vậy cũng tốt. Nhưng ngay lúc hẳn đưa ra đề nghị, một kế hoạch chợt hình thành trong đầu tôi.

- Ông muốn tôi làm những việc gì? - Tôi hỏi.

Công việc mà Boris muốn tôi làm không phải là dễ dàng. Số lượng các sự vụ mà tôi cần đảm nhiệm vô cùng lớn, trong đó quan trọng nhất là quản lý tài sản riêng

của Boris. Boris thường xuyên ém lại chừng bốn mươi phần trăm số thực phẩm, quần áo, thuốc men mà Mátxcova và Hội Chữ thập đỏ Quốc tế gửi tới trại, cất vào kho bí mật rồi bán cho con buôn. Hắn cũng thường hay bán cả một đoàn xe lửa chở than ra chợ đen. Nhiên liệu thiếu trầm trọng, có bao nhiêu cũng không đủ. Hắn đút lót các công nhân đường sắt và trưởng ga để họ cho hắn tùy ý bố trí các đoàn tàu, nhớ đó hắn tha hồ vớ bẫm. Đám lính canh gác nhà ga được đấm mồm thức ăn và tiền nên nhắm mắt làm ngơ mọi chuyện. Nhờ những phương thức "kinh doanh" đó mà Boris đã tích góp được một tài sản kếp xù. Hắn giải thích với tôi rằng tiền đó thật ra là để làm vốn hoạt động cho cảnh sát mật. "Hoạt động

của chúng tôi", như hấn gọi, đòi hỏi chi những khoản rất lớn mà lại không thể ghi vào chứng từ hợp pháp, nên ở đây hấn phải làm nhiệm vụ "huy động" các quỹ bí mật kia. Nhưng đó là dối trá. Có thể một phần tiền được gửi về Mátxcova thật, nhưng tôi tin chắc rằng hơn một nửa số tiền kia lọt vào túi riêng của Boris. Theo tôi biết, chỗ tiền đó hấn gửi nhà băng nước ngoài hay dùng để mua vàng.

Vì lý do khó hiểu nào đó, Boris hoàn toàn tin cậy tôi. Hình như hấn chưa bao giờ nảy ra ý nghĩ rằng, tôi có thể tiết lộ những bí mật của hấn cho người ngoài, điều đó giờ đây tôi cảm thấy thật lạ. Hấn luôn luôn cực kỳ đa nghi đối với người Nga và những người da trắng khác,

nhưng với người Mông Cổ và người Nhật thì hẳn lại tuyệt đối tín nhiệm. Có lẽ hẳn cho rằng tôi không thể hại gì hẳn được dù tôi có hở ra về bí mật của hẳn. Trước hết, tôi hở ra với ai mới được chứ? Quanh tôi toàn những kẻ cộng tác với hẳn hoặc tay chân hẳn, mỗi người đều được hưởng một phần con con trong khoản lợi nhuận khổng lồ của Boris. Còn những kẻ duy nhất đang khổ sở và chết dần mòn vì Boris đem bán những thức ăn, quần áo, thuốc men mà lẽ ra họ được hưởng để mưu lợi cho riêng hẳn, thấy đều là đám tù bất lực trong trại. Hơn nữa, mọi thư từ đều bị kiểm duyệt, mọi tiếp xúc với người ngoài đều bị cấm. Thế là tôi trở thành thư ký riêng của

Boris, một thư ký riêng năng nổ, trung thành. Tôi cải tiến lại hoàn toàn hệ thống sổ kế toán và theo dõi hàng tồn của hắn mà xưa nay là cả một mớ bòng bong. Tôi tiến hành hệ thống hóa và làm rõ luồng chu chuyển hàng hóa, vòng quay tiền mặt. Tôi tạo những cuốn sổ riêng biệt mà chỉ cần liếc vào là có thể biết ngay số lượng, vị trí của bất cứ món hàng nào, giá cả đang dao động ra sao. Tôi lập một danh sách dài những người nhận hối lộ và những "phí tổn cần thiết" cho mỗi người. Tôi làm quần quật cho Boris từ sáng đến tối, hậu quả là tôi mất hết đám người bạn ít ỏi mà tôi có. Người ta nghĩ về tôi (không thể nào không nghĩ) như một tên đê tiện đáng khinh đã bán mình làm kẻ liếm gót trung thành cho Boris. Và buồn

thay, hẳn là mãi đến giờ họ vẫn còn nghĩ về tôi như vậy. Nikolai không nói năng gì với tôi nữa. Hai ba tù binh Nhật mà tôi vẫn chơi thân, nay hễ thấy tôi đến là ngoảnh đi nơi khác. Mặt khác, lại có những kẻ cố làm thân vì thấy tôi đã thành người thân tín của Boris, nhưng tôi không muốn dính dáng gì tới bọn họ. Thế là tôi trở thành kẻ bị cô lập trong trại. Người ta không giết tôi chỉ vì đằng sau tôi có Boris. Kẻ nào dám ám sát vật sở hữu quý nhất của Boris mà lại yên thân được. Ai cũng biết Boris tàn bạo đến mức nào; tiếng tăm "lột da" của hắn đạt đến tầm cỡ huyền thoại ngay cả ở đây.

Tôi càng bị cô lập thì Boris càng tin nhiệm tôi hơn. Hắn hài lòng với thói

quen làm việc hữu hiệu và có hệ thống của tôi, và về lời khen thì hẳn rất hào phóng.

- Trung úy Mamiya ạ, anh cừ lắm. Chừng nào nước Nhật còn có những người như anh, thì Nhật Bản chắc chắn sẽ phục hồi được sau cơn hỗn loạn thời hậu chiến. Nước tôi thì vô vọng rồi. Có khi thời Sa hoàng còn khá hơn. Ít nhất là Sa hoàng không phải nát óc vì một mớ lý thuyết. Lenin hiểu được dăm ba thứ từ lý thuyết của Marx rồi cứ thế áp dụng sao cho được việc mình, Stalin hiểu dăm ba thứ (có được bao lâu đâu) từ lý thuyết của Lenin rồi cứ thế áp dụng sao cho được việc ông ta. Trí óc càng hạn hẹp thì người ta lại càng có nhiều quyền lực ở

cái xứ này. Trung úy ạ, tôi bảo anh thế này: ở đây chỉ có một cách duy nhất để sống sót mà thôi. Đó là không tưởng tượng gì hết. Gã người Nga nào dùng trí tưởng tượng của hắn là tới số. Tôi chẳng bao giờ dùng trí tưởng tượng của tôi cả. Việc của tôi là làm cho người khác dùng trí tưởng tượng của họ. Đó là miếng bánh của tôi. Hãy nhớ lấy điều đó cho kỹ. Và chừng nào anh còn ở đây thì ít nhất mỗi khi bắt đầu tưởng tượng cái gì đó, hãy hình dung khuôn mặt tôi và tự nhủ: không, đừng làm vậy. Tưởng tượng là mất mạng như chơi. Lời khuyên vàng ngọc của tôi đây. Gì chứ tưởng tượng thì hãy dành cho kẻ khác.

Nửa năm trôi qua như vậy. Nay đã gần

cuối thu năm 1947, tôi đã trở thành người không thể thiếu được đối với Boris. Tôi chịu trách nhiệm về khía cạnh kinh doanh trong hoạt động của hấn, còn Thăng Tác-ta đảm nhận phần bạo lực. Lực lượng cảnh sát mật vẫn chưa triệu hồi Boris về Mátxcova, nhưng đến khi đó dường như hấn cũng không còn muốn về thủ đô nữa. Hấn đã ít nhiều biến trại tù và mỏ than thành lãnh địa riêng bất khả xâm phạm của mình, ở đó hấn có đầy đủ tiện nghi, đều đều hút bạc, lại được cả một đội quân của chính mình bảo vệ. Mà có khi ngay cả giới lãnh đạo thủ đô cũng không muốn gọi hấn về mà cứ để hấn ở đó nhằm củng cố chỗ đứng của họ ở Siberia. Giữa Mátxcova và Boris vẫn thường xuyên trao đổi thư từ, dĩ nhiên

không phải bằng buro điện mà theo đường xe lửa, qua tay các sứ giả bí mật. Đó luôn luôn là những gã cao lớn có cặp mắt lạnh băng. Mỗi khi một tên như vậy bước vào, nhiệt độ trong phòng dường như tụt ngay xuống.

Trong khi đó, tù nhân làm trong mỏ vẫn tiếp tục chết như rạ, xác vẫn tiếp tục bị vứt vào hầm lò. Boris tiến hành đánh giá toàn diện khả năng của từng tù nhân, kẻ nào ốm yếu thì hấn vất kiệt lực đồng thời giảm khẩu phần ăn để giết họ dần dần và giảm số miệng ăn. Chỗ thức ăn cắt giảm từ khẩu phần của người yếu được bổ sung cho người mạnh để nâng cao năng suất. Ở trại này hiệu quả là tất cả: đó là thứ luật rừng, mạnh được yếu thua. Mỗi

khi số nhân lực bắt đầu giảm, hàng đoàn xe tải chật ních tù nhân mới như những đoàn tàu chở gia súc lại đến. Đôi khi có tới hai mươi phần trăm "chuyến hàng" chết trên đường đi, nhưng chuyện đó chẳng ai quan tâm. Hầu hết tù mới là người Nga và Đông u từ phía Tây mang về. Thật may cho Boris rằng chính sách bạo lực của Stalin vẫn tiếp tục thịnh hành ở đó.

Kế hoạch của tôi là giết Boris. Dĩ nhiên tôi biết, dù khỉ kẻ này thì cũng không có gì bảo đảm tình thế của chúng tôi sẽ khá hơn lên. Đảng nào cũng vẫn là địa ngục, không dạng này thì dạng khác. Nhưng đơn giản là tôi không thể để con người như thế tiếp tục tồn tại trên đời này. Như

Nikolai đã nói, hắn như con rắn độc. Ai đó sẽ phải chặt đầu nó.

Tôi không sợ chết. Có chăng là tôi sẵn sàng để Boris giết tôi như tôi giết hắn. Nhưng tôi không thể phạm sai lầm. Tôi phải đợi cho đến đúng cái khoảnh khắc khi tôi có thể tin tưởng tuyệt đối rằng sẽ chắc chắn kết liễu được mạng hắn chỉ bằng một phát súng. Tôi vẫn đóng vai người thư ký trung thành của hắn trong khi chờ cơ hội vô mồi. Nhưng như tôi đã nói, hắn là kẻ cực kỳ thận trọng. Thằng Tác-ta kè kè bên cạnh hắn cả ngày lẫn đêm. Mà cho dù nếu hắn cho tôi cơ hội chỉ gặp mình hắn thì làm sao tôi giết hắn khi chỉ có một bàn tay, lại còn không có súng nữa? Nhưng tôi vẫn nhẫn nại chờ

thời cơ. Nếu trên thế giới này quả thật có ông trời, thì lúc nào đó ngài ắt phải ban cơ hội cho tôi.

* * *

Đầu năm 1948, có một tin đồn loan ra trong trại, rằng các tù binh Nhật cuối cùng cũng được phép trở về tổ quốc, rằng vào mùa xuân sẽ có một con tàu sang đây để đưa chúng tôi hồi hương. Tôi hỏi Boris về chuyện đó.

- Đúng là vậy, Trung úy Mamiya ạ, - hắn nói. - Tin đồn đúng đấy. Các anh sẽ được về nước, không lâu nữa đâu. Một phần do dư luận quốc tế, chúng tôi không thể giữ các anh lâu hơn nữa. Nhưng tôi có một đề nghị cho anh, Trung úy. Liệu anh có muốn ở lại đất nước này, không

phải như tù binh chiến tranh mà như một công dân Xô Viết tự do không? Anh đã phục vụ tôi rất tốt, tôi tìm đâu ra người thay thế anh chứ? Về phần đây, nếu ở lại đây với tôi, anh cũng sẽ sống tươi hơn nhiều so với trở về Nhật mà chịu cực chịu nghèo. Nghe nói ở Nhật bây giờ cái ăn cũng chẳng có, người ta đang chết đói. Ở đây thì anh có tiền, có đàn bà, có quyền lực, gì cũng có.

Boris đưa ra đề nghị đó hoàn toàn nghiêm túc. Hắn biết để tôi ra đi thì có thể sẽ nguy hiểm bởi tôi biết bí mật của hắn. Nếu tôi từ chối, hắn có thể khử tôi để diệt khẩu. Nhưng tôi không sợ. Tôi cảm ơn lời mời của hắn nhưng nói rằng, tôi muốn về Nhật vì lo cho cha mẹ và chị

gái. Boris nhún vai và không nói gì nữa. Cơ hội tuyệt vời để giết Boris tự đến với tôi vào một đêm tháng Ba, khi ngày hội hương đã đến gần. Lúc gần chín giờ tối, Thăng Tác-ta ra ngoài, để lại mình tôi với Boris. Tôi đang làm sổ sách kế toán như mọi khi, Boris ngồi viết thư nơi bàn. Ít khi chúng tôi ở lại văn phòng muộn như vậy. Thỉnh thoảng hắn nhấp một ngụm brandy trong khi ngoáy bút trên giấy. Trên giá mắc áo, bên cạnh áo da và mũ của Boris là khẩu súng lục đút trong bao da. Không phải loại súng lục to đùng do quân đội Liên Xô sản xuất mà là súng Walther PPK của Đức, hình như Boris lấy của một thiếu tá SS bị bắt làm tù binh tại trận chiến trên sông Danube. Súng

luôn sạch như lau như lý, bóng loáng, trên báng súng có huy hiệu SS giống như hai lần sét. Tôi vẫn thường quan sát Boris lau súng, và tôi biết trong băng đạn luôn luôn có đạn - tám viên đạn. Hắn treo súng nơi giá mắc áo thì thật không bình thường. Vốn cực kỳ cẩn thận, mỗi khi làm việc ở bàn hắn luôn luôn cất súng trong ngăn kéo bên phải. Tuy nhiên, đêm ấy vì lý do nào đó hắn đang trong tâm trạng vui vẻ, nói nhiều nên không thận trọng như mọi khi. Cơ hội này thật không thể có đến lần thứ hai! Đã bao nhiêu lần tôi ôn đi ôn lại trong trí cái cảnh tôi dùng bàn tay duy nhất của mình mở khóa an toàn và đẩy viên đạn đầu tiên vào ổ đạn. Cuối cùng, quyết định

hành động, tôi đứng dậy đi ngang qua giá
mắc áo, vờ đi lấy một biểu mẫu. Boris
cầm cúi viết thư, không nhìn về phía tôi.
Ngang qua mắc áo, không dừng lại, tôi
rút súng khỏi vỏ. Khẩu súng nhỏ nhắn
nằm vừa khít trong lòng bàn tay tôi.
Gọn, nhẹ, rõ là thứ vũ khí tuyệt hảo. Tôi
đứng trước mặt Boris và mở chốt an
toàn. Đoạn, kẹp súng giữa hai đầu gối,
tôi dùng tay phải kéo khóa nòng, đẩy một
viên đạn vào ổ đạn. Tôi dùng ngón cái
kéo kim hỏa, làm phát ra một âm thanh
nhỏ, khô khốc. Nghe cái tiếng ấy, Boris
ngẩng đầu lên, thấy tôi đang chĩa súng
vào mặt hắn.

Hắn lắc đầu thờ dài.

- Đáng buồn cho anh là súng không có

đạn, Trung úy ạ, - hấn đẩy nắp bút lại rồi nói. - Cầm súng lên nghe nặng nhẹ thì biết có đạn hay không. Thử lắc lắc xem. Tám viên đạn cỡ 7,65 ly, tổng cộng tám mươi gam.

Tôi không tin. Không trù trù, tôi chĩa họng súng vào trán hấn rồi bóp cò. Chỉ nghe một tiếng tách khô khốc. Hấn nói đúng: súng không có đạn. Tôi đặt súng xuống cần môi, không nghĩ được gì cả. Boris mở ngăn kéo lấy ra một nắm đạn, đặt vào lòng bàn tay chìa cho tôi xem. Hấn đã lừa tôi. Hấn đã dàn dựng tất cả từ đầu đến cuối để lừa tôi.

- Lâu nay tôi đã biết anh muốn giết tôi, - hấn nhẹ nhàng nói. - Anh đã tưởng tượng, đã hình dung trong đầu chuyện đó hàng

bao nhiêu lần, tôi nói có đúng không nhỉ? Tôi đã bảo anh lâu rồi: đừng bao giờ dùng trí tưởng tượng mà mất mạng như chơi. Mà thôi, chẳng sao. Đơn giản là chẳng có cách nào anh giết được tôi hết. Boris lấy hai viên từ đạn trên lòng bàn tay mình mà ném xuống dưới chân tôi. Chúng kêu lanh canh khi chạm sàn nhà chỗ tôi đứng.

- Đạn thật đấy, - hắn nói. - Tôi không đùa đâu. Nạp vào súng rồi bắn tôi đi. Cơ hội cuối cùng cho anh ấy. Nếu thực sự muốn giết tôi thì hãy ngắm cẩn thận. Nhưng nếu bắn trượt, anh phải hứa không bao giờ tiết lộ bí mật của tôi. Anh không được nói với bất cứ ai trên đời này về những gì tôi đang làm ở đây. Thỏa thuận

thế nhé.

Tôi gật đầu. Tôi đã giữ lời.

Lại kẹp súng giữa hai đầu gối, tôi bấm nút tháo băng đạn ra rồi nạp hai viên đạn. Làm việc đó bằng một tay thật không dễ, ấy là chưa nói bàn tay ấy cứ run bần bật. Boris quan sát từng cử động của tôi, vẻ mặt bình thản. Thậm chí môi hắn còn thoáng cười. Gắn băng đạn vào chỗ cũ xong, tôi nhắm vào giữa hai mắt hắn, cố buộc tay mình thôi run rồi bóp cò. Căn phòng rung chuyển vì tiếng găm của khẩu súng, nhưng viên đạn chệch qua tai Boris mà đập vào tường. Bụi vữa trắng xóa bay tứ tung. Tôi đã bắn trượt dù chỉ đứng cách hai mét. Tôi đâu phải xạ thủ tồi. Lúc còn đóng quân ở Tân

Kinh, tôi vẫn thường hăm hờ tập bắn. Và dù tôi chỉ còn bàn tay phải, nhưng bàn tay đó mạnh hơn của hầu hết người khác, hơn nữa khẩu Walther là loại súng có cấu trúc cực chuẩn, giúp ta nhắm chính xác, chắc chắn. Tôi không tin được rằng mình đã bắn lầm. Tôi lại kéo kim hỏa rồi nhắm lần nữa. Tôi hít một hơi dài rồi tự nhủ: "Mày phải giết kẻ này". Giết được hắn thì đời tôi mới có chút ý nghĩa.

- Lần này thì nhắm cho chắc, Trung úy Mamiya ạ. Viên đạn cuối cùng của anh đây, - Boris vẫn cười cười.

Ngay lúc đó Thằng Tác-ta chạy bổ vào phòng, lăm lăm khẩu súng lục to tướng.

- Đừng xen vào, - Boris quát hắn. - Cứ để Mamiya giết tao. Nếu hắn giết được

tao thì mày làm gì cứ làm.

Thằng Tác-ta gật rồi chĩa họng súng vào tôi.

Siết chặt khẩu Walther trong bàn tay phải, tôi chĩa thẳng ra, nhắm vào chính giữa cái nụ cười khinh mạn, tự tin của Boris rồi bình tĩnh bóp cò. Súng hơi nảy, nhưng tôi giữ chắc. Phát bắn không chệch vào đâu được. Nhưng viên đạn lại suýt qua đầu Boris, lần này thì đập nát chiếc đồng hồ treo tường sau lưng Boris thành từng mảnh. Boris thậm chí không động cả lông mày. Hắn tựa lưng vào ghế, vẫn nhìn tôi chằm chằm bằng cặp mắt như của loài rắn. Khẩu súng rơi đánh choang xuống sàn.

Trong một lát không ai nói gì, không ai

động dậy. Nhưng rồi Boris rời ghế, cúi xuống nhặt khẩu Walther lên. Hắn nhìn khẩu súng trong tay mình hồi lâu với vẻ đăm chiêu rồi đút lại vào bao súng trên giá mắc áo. Đoạn hắn vỗ vỗ tay tôi hai lần như để an ủi tôi.

- Tôi đã bảo là anh không giết được tôi mà, phải không? - Boris nói. Hắn lấy trong túi áo ra một gói Camel, rút một điếu cho vào mồm rồi châm lửa. - Không phải vì anh bắn tôi. Chỉ có điều anh không thể giết tôi được. Anh không đủ tư cách để giết tôi. Đó là lý do duy nhất khiến anh bỏ lỡ cơ hội. Giờ thì, thật đáng tiếc, anh sẽ phải mang lời nguyện của tôi mà trở về quê hương. Nghe đây: dù anh có ở đâu, anh sẽ không bao giờ hạnh

phúc. Anh sẽ không yêu bất cứ ai, cũng không được bất cứ ai yêu. Lời nguyện của tôi đây. Tôi sẽ không giết anh đâu. Nhưng tôi tha cho anh không phải vì lòng tốt. Bao năm nay tôi đã giết nhiều người rồi, và tôi sẽ còn giết nhiều người nữa. Nhưng tôi không bao giờ giết nếu không cần giết. Vĩnh biệt, Trung úy Mamiya. Một tuần nữa anh sẽ rời khỏi đây đến cảng Nakhodka. Bon voyage(15). Hai chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp Boris Lột da. Một tuần sau tôi rời trại tập trung, đi tàu thủy đến Nakhodka. Sau nhiều nỗi gian truân, rốt cuộc tôi cũng về đến Nhật Bản vào mùa xuân năm 1949.

Nói thật với ông, thưa ông Okada, tôi không hề biết liệu câu chuyện đông dài kỳ lạ này có ý nghĩa nào với ông không. Có khi đó chẳng qua chỉ là những lời lảm nhảm của một ông già. Nhưng tôi muốn, và phải kể cho ông nghe câu chuyện của tôi. Đọc xong thư, chắc ông đã hiểu rằng đời tôi hoàn toàn thất bại. Tôi đã mất tất cả. Tôi chẳng còn là gì cả. Tôi không làm được bất cứ cái gì. Bởi sức mạnh của lời nguyền đó, tôi không yêu ai mà không được ai yêu. Tôi chỉ còn là cái bóng biết đi, cứ thế biến vào bóng tối. Tuy nhiên, đã ký thác được câu chuyện của mình cho ông, thưa ông Okada, tôi cũng được chút vui lòng mà ra đi. Mong sao ông sẽ sống một cuộc đời tốt

đẹp, không phải ân hận về bất cứ điều gì.

*15 - Tiếng Pháp, tạm dịch "Chúc đi
đường bình an" - ND*

33

Một nơi nguy hiểm

*

Những người xem truyền hình

*

Người rỗng

Cửa bắt đầu mở. Bê chiếc khay bằng cả hai tay, gã bồi khẽ cúi chào rồi bước vào trong phòng. Tôi đứng trong bóng chiếc bình hoa, đợi gã bồi đi ra và tự hỏi khi hắn ra thì mình sẽ làm gì. Khi hắn ra, tôi sẽ có thể vào. Chắc chắn phải có người trong Phòng 208. Nếu mọi việc tiếp tục tiến triển như lần trước (mà quả thật là như vậy), thì cửa phải không khóa.

Nhưng mặt khác tôi cũng có thể tạm thời quên cái phòng đi, hăng theo chân gã bồi trước đã. Khi đó có thể tôi sẽ đến được nơi y xuất phát.

Tôi phân vân một lát không biết chọn đường nào, cuối cùng tôi quyết định đi theo gã bồi. Có cái gì đó nguy hiểm đang lẫn lút trong Phòng 208, cái gì đó có thể gây hậu quả chết người. Tôi vẫn nhớ như in cái tiếng gõ sắc gọn trong bóng tối, ánh lóe màu trắng đầy bạo lực của vật gì đó giống như con dao. Tôi phải thật thận trọng. Trước hết hãy cứ xem gã bồi sẽ dẫn tôi đi đâu. Sau đó tôi có thể quay lại phòng này. Chỉ có điều bằng cách nào? Tôi thọc hai tay vào túi quần, trong đó ngoài chiếc ví, ít tiền lẻ và chiếc khăn

mùi soa còn có một cây bút bi nhỏ. Tôi rút cây bút ra, vạch một đường lên tay xem có còn mực không. Tôi có thể dùng bút này đánh dấu lên tường trong khi đi theo gã bồi. Sau đó tôi khả dĩ lần theo dấu mà trở về. Sẽ tìm được thôi.

Cửa mở, tên bồi bước ra tay không. Hắn đã để lại mọi thứ trong phòng kể cả chiếc khay. Đóng cửa phòng lại xong, hắn ưỡn thẳng người rồi vừa huýt sáo Chim ác là ăn cắp vừa tắt tả đi ngược lại đường mà hắn đã đến đây. Tôi bước ra khỏi chỗ nấp sau chiếc bình hoa lớn mà theo gót y. Mỗi khi hành lang tẽ làm hai, tôi lại đánh một dấu X nhỏ màu xanh lơ trên bức tường màu kem. Gã bồi không hề ngoái lại. Cách hắn đi có cái gì đó

thật đặc biệt. Hắn có thể ứng thí vào Cuộc thi Vô địch về Phong cách Đi đứng dành cho các Bồi Khách sạn Toàn Thế giới. Dáng đi của hắn như thể hùng hồn tuyên bố: "Đã là bồi khách sạn thì phải đi thế này này: đầu ngẩng cao, hàm chìa ra đằng trước, lưng thẳng, tay đung đưa đều đặn theo nhịp của Chim ác là ăn cắp, sải từng bước dài dọc hành lang". Hắn rẽ nhiều góc quanh, đi lên đi xuống nhiều đoạn cầu thang, đi dọc theo những quăng hành lang ánh sáng khi mờ khi tỏ, ngang qua những hốc thụt trên tường làm tạo ra nhiều loại bóng đen. Tôi giữ một khoảng cách hợp lý phía sau hắn nhằm tránh bị phát hiện, nhưng bám theo hắn cũng chẳng lấy gì làm khó. Mỗi khi gặp một góc quanh thì hắn cũng biến mất trong

khoảnh khắc, nhưng chẳng việc gì phải lo
mất đầu bởi hắn không ngừng huýt sáo
vang lừng.

Như con cá hồi di cư ngược dòng sông
rất cuộc cũng tìm đến được một cái hồ
yên tĩnh, gã bồi ra khỏi hành lang cuối
cùng để bước vào một gian tiền sảnh
khách sạn, chính là gian tiền sảnh lăm
người nơi tôi đã thấy Wataya Noboru
trên màn ảnh truyền hình. Tuy nhiên lần
này gian tiền sảnh vắng lặng, chỉ có dăm
người ngồi trước một chiếc tivi lớn xem
chương trình tin tức của NHK. Gã bồi đã
thôi huýt sáo từ khi sắp ra tới chỗ tiền
sảnh để không làm phiền mọi người. Giờ
thì hắn đang băng qua gian tiền sảnh rồi
biến mất sau một cánh cửa có chữ đề

"Chỉ dành cho nhân viên".

Giả vờ giết thì giờ, tôi đi tha thẩn quanh gian tiền sảnh, ngồi lên hết sofa này lại tới sofa khác, nhìn lên trần nhà, kiểm tra độ dày của tấm thảm dưới chân. Đoạn tôi đi lại chỗ một quầy điện thoại trả tiền, đút một đồng xu vào, nhưng cái điện thoại này cũng chết câm như điện thoại trong căn buồng kia. Tôi bèn nhắc ống nghe một điện thoại nội bộ khách sạn rồi bấm số "208", nhưng cả điện thoại này cũng chết.

Thế rồi tôi ngồi xuống một chiếc ghế cách xa chỗ đám người kia đang ngồi xem tivi để có thể kín đáo quan sát họ. Nhóm kia gồm có mười hai người, chín đàn ông và ba đàn bà, hầu hết trạc ba

mười, bốn mươi tuổi, có hai người trạc ngoài năm mươi. Toàn bộ đám đàn ông đều mặc com-lê hay áo khoác thể thao, cà-vạt chỉnh tề, đi giày da. Họ chỉ khác nhau chút ít về chiều cao và cân nặng, còn thì chẳng ai có nét gì đặc biệt. Ba người đàn bà đều khoảng ngoài ba mươi tuổi, ăn mặc tươm tất, trang điểm cẩn thận. Thoạt trông có thể ngỡ rằng họ vừa đi dự họp mặt bạn học cũ về, chỉ có điều họ lại ngồi riêng rẽ và chẳng tỏ dấu hiệu gì là quen biết nhau. Thật ra nhóm này hẳn đều là những người xa lạ, chỉ tình cờ gặp nhau ở chỗ cùng quan tâm đến những gì đang chiếu trên màn hình tivi. Họ không hề trao đổi ý kiến, không nhìn nhau cũng chẳng gật đầu với nhau.

Ngồi trên chiếc ghế ở đằng xa, tôi cũng theo dõi tin tức. Các bản tin chẳng có gì đặc biệt lý thú đối với tôi - một ông thống đốc cắt băng khánh thành con đường mới, một lô bút chì dành cho trẻ con bị phát hiện là có chứa độc tố, một tài xế xe tải tử nạn vì đâm phải chiếc xe buýt chở khách du lịch ở Asahikawa do đường đóng băng trơn trượt và bão tuyết lớn nên tầm nhìn kém, vài khách du lịch bị thương, đó là một nhóm khách đang trên đường đến khu nghỉ có suối nước nóng. Phát ngôn viên đọc lần lượt từng mẩu tin bằng giọng bình thản, như đang bày các quân bài ra trước mặt. Tôi nghĩ đến chiếc tivi trong nhà ông Honda, nhà chiêm tinh. Tivi của ông lúc nào cũng bật

kênh NHK.

Hình ảnh các tin tức truyền qua không khí này vừa thực lại vừa không đối với tôi. Tôi thấy thương cảm cho tay tài xế xe tải ba mươi bảy tuổi chết trong vụ tai nạn. Không ai muốn chết như thế cả - quần quai chết dần vì nội tạng bị giập nát giữa một cơn bão tuyết ở Asahikawa. Nhưng tôi không quen biết tay tài xế đó, anh ta cũng chẳng biết tôi. Thành thử mỗi cảm thông của tôi đối với anh ta chẳng hề mang tính cá nhân. Tôi chỉ có thể cảm thấy một mối cảm thông chung chung đối với một con người chẳng may gặp phải cái chết bất ngờ, đau đớn. Cái cảm xúc chung chung đó có thể rất thực với tôi, nhưng đồng thời cũng không thực chút

nào. Tôi rời mắt khỏi màn hình tivi mà nhìn quanh gian tiền sảnh rộng lớn, vắng tanh một lần nữa. Cũng chẳng có gì để chú mục vào. Không thấy nhân viên khách sạn, quầy bar nhỏ thì chưa mở. Vậy duy nhất trên tường là bức tranh sơn dầu lớn vẽ một ngọn núi.

Khi lại quay sang màn hình tivi, tôi nhìn thấy cận cảnh một gương mặt quen thuộc - Wataya Noboru. Tôi ngồi thẳng dậy, chú ý lắng nghe lời của phóng viên. Có chuyện gì đó đã xảy ra với Wataya Noboru. Tôi đã bỏ mất đoạn đầu của bản tin. Chẳng mấy chốc sau, bức ảnh biến mất và phóng viên xuất hiện trên màn hình. Anh ta đeo cà vạt, mặc áo khoác, đứng trước cửa vào một tòa nhà lớn, tay

cầm micro.

"... lập tức đưa vào Bệnh viện của Trường Đại học Y khoa Phụ nữ Tokyo và hiện đang được chăm sóc đặc biệt, nhưng cho đến giờ chúng ta chỉ biết rằng ông vẫn chưa hồi tỉnh vì bị một kẻ tấn công lạ mặt đánh nứt sọ. Các bác sĩ từ chối bình luận, liệu vết thương có nguy hiểm đến tính mạng ông hay không. Tường trình chi tiết về tình trạng của ông sẽ được công bố sau. Tường thuật trực tiếp từ cổng chính Đại học Y khoa Phụ nữ Tokyo..."

Ông kính lại quay về phòng thu. Người dẫn chương trình bắt đầu đọc một mẫu giấy người ta vừa đưa cho. "Theo báo cáo mới nhất. Dân biểu Wataya Noboru

đã bị trọng thương ở đầu trong một cuộc hành hung chí mạng. Kẻ hành hung trẻ tuổi đã đột nhập vào văn phòng của ông tại Quận Minata, Tokyo lúc 11 giờ 30 trưa nay và, ngay trước mặt những người đang tiếp kiến Dân biểu Wataya Noboru, đã dùng một cây gậy đánh bóng chày đánh mấy cú mạnh liên tiếp lên đầu dân biểu Wataya gây thương tích nghiêm trọng cho ông."

Màn hình chiếu cảnh ngôi nhà nơi tọa lạc văn phòng của Wataya Noboru.

"Hung thủ giả vờ là khách đến thăm văn phòng của Wataya Noboru, giấu cây gậy bóng chày trong một chiếc ống dài thường dùng để đựng các bản đồ án. Các nhân chứng cho biết, y đã lôi gậy ra khỏi

ông rồi tấn công mà chẳng nói chẳng rằng."

Màn hình chiếu cảnh văn phòng nơi xảy ra tội ác. Ghế nằm lảo lóc trên sàn, gần đó là một vũng máu đen kịt.

"Vụ hành hung diễn ra bất ngờ đến nỗi cả Dân biểu Wataya lẫn những người đang ở trong phòng cùng ông đều không kịp trở tay. Sau khi kiểm tra xem có chắc là Dân biểu Wataya đã bất tỉnh chưa, hung thủ mới rời khỏi hiện trường, tay vẫn nắm cây gậy bóng chày. Các nhân chứng cho biết hung thủ trạc ba mươi tuổi, mặc áo khoác màu xanh lính thủy, đội mũ len trượt tuyết cũng màu xanh lính thủy, đeo kính sẫm màu. Hấn cao xấp xỉ 1,75 mét, có một vết tròng như vết bầm trên má

phải. Cảnh sát đang truy lùng hung thủ, dường như hắn đã kịp trà trộn vào đám đông mà biến mất không dấu vết."

Màn hình cho thấy cảnh sát đang ở hiện trường nơi xảy ra tội ác, sau đó là cảnh đường phố nhộn nhịp ở khu Akasaka.

Gậy bóng chày? Vết bầm trên mặt? Tôi cần môi.

"Wataya Noboru là một ngôi sao đang lên trong giới kinh tế gia và các nhà bình luận chính trị. Mùa xuân năm nay ông đã được bầu vào Hạ viện, nối bước bác mình là Wataya Yoshiraka, thành viên lâu năm của Nghị viện. Từ đó ông đã được công chúng rộng rãi thừa nhận là một nhà chính trị và nhà luận chiến có tầm ảnh hưởng sâu rộng. Người ta đặt rất

nhiều kỳ vọng vào ông. Hiện cảnh sát đang tiến hành điều tra theo hai hướng: một, đây có thể là vụ hành hung có động cơ chính trị, hai, có thể là trả thù cá nhân. Chúng tôi xin lặp lại một lần nữa tin mới nhất: sáng nay, Dân biểu Wataya Noboru, một thành viên hùng tiếng của Hạ viện, đã bị một kẻ lạ mặt hành hung gây thương tích nghiêm trọng ở đầu, được đưa vào bệnh viện cấp cứu. Hiện vẫn chưa có thông tin chi tiết nào về tình trạng của ông. Còn bây giờ là các tin tức khác..."

Đến đó thì hình như có người tắt tivi. Giọng phát ngôn viên bị cắt ngang nửa chừng, im lặng trùm xuống gian tiền sảnh. Mọi người nãy giờ căng thẳng bắt

đầu đôi tư thế cho thoải mái. Rõ ràng là họ tụ tập lại trước màn hình tivi chỉ vì mục đích duy nhất là nghe bản tin về Wataya Noboru. Sau khi tivi đã tắt, không ai cử động. Không ai phát ra một tiếng nào.

Ai đã dùng gậy bóng chày mà đánh Wataya Noboru? Theo người ta mô tả, hung thủ có ngoại hình giống hệt tôi - áo khoác và mũ màu xanh lính thủy, kính râm, vết bầm trên má, chiều cao, độ tuổi - và cây gậy bóng chày. Tôi đã để cây gậy bóng chày dưới đáy giếng hàng mấy tháng trời, nhưng nó vừa biến mất. Nếu đó cũng là cây gậy được dùng để đánh vỡ sọ Wataya Noboru thì ắt hẳn ai đó đã mang nó ra khỏi giếng nhằm chính mục

đích này.

Ngay lúc đó cái nhìn của một trong những phụ nữ ở nhóm người kia hướng vào tôi - đó là một phụ nữ gầy nhảnh, xương hàm bạnh trông như con cá. Cô ta đeo bông tai màu trắng ngay chính giữa cặp dái tai dài. Cô ta đã xoay người trên ghế rồi cứ giữ nguyên tư thế đó mà nhìn tôi không rời mắt, không thay đổi sắc mặt. Kế đó người đàn ông hói đằng sau cô ta cũng đưa mắt theo hướng nhìn của cô mà ngoái lại nhìn tôi. Về chiều cao và vóc dáng, ông ta trông giống tay chủ hiệu giặt là cạnh nhà ga. Từng người một, những người khác cũng ngoái về phía tôi, như thể đến giờ họ mới biết rằng tôi đang có mặt ở đó cùng họ. Trước cái nhìn

chòng chọc của họ, tôi không thể không hiểu ra rằng mình đang mặc áo khoác vào đội mũ màu xanh lính thủy, rằng tôi cao xấp xỉ 1,75 mét, rằng tôi ba mươi tuổi, rằng tôi có vết bầm trên má phải. Những người đó hình như cũng biết tôi là em rể của Wataya Noboru, và tôi không chỉ ghét hắn mà còn căm thù hắn. Tôi thấy điều đó trong mắt họ. Tôi bấu chặt hai tay ghế, phân vân không biết phải làm gì. Tôi không dùng gậy bóng chày để đánh Wataya Noboru. Tôi không phải loại người đó, hơn nữa tôi không còn cây gậy. Nhưng chắc chắn họ sẽ chẳng đời nào tin tôi. Họ chỉ tin những gì đã thấy trên truyền hình.

Tôi chậm chậm đứng dậy khỏi ghế, đi về

phía hành lang đã dẫn tôi đến gian tiền sảnh. Tôi phải rời khỏi nơi này càng nhanh càng tốt. Chẳng ai hân hoan chào đón tôi ở đây. Vừa đi được vài bước, tôi ngoảnh lại thì thấy có mấy người đã đứng dậy đi theo tôi. Tôi rảo bước, cắt ngang qua gian tiền sảnh về phía hành lang nọ. Tôi phải tìm đường về lại Phòng 208. Trong mồm tôi khô khốc.

Tôi mới băng qua được gian tiền sảnh và giẫm bước đầu tiên vào hành lang thì đột nhiên tất cả đèn đóm trong khách sạn vụt tắt không một tiếng động. Một bức màn đen nặng trĩu từ đâu rơi phập xuống nhanh như một lưỡi rìu. Ai đó thét lên sau lưng tôi, gần hơn tôi tưởng rất nhiều, tận trong lõi giọng thét đó có một nỗi

cắm thù rắn như đá.

Tôi vẫn dần bước trong bóng tối, vừa đi vừa cẩn thận dò dẫm hai tay theo mặt tường. Tôi phải thoát khỏi bọn họ.

Nhưng bỗng tôi chạm phải một cái bàn nhỏ, đánh đổ một cái gì trong bóng tối, hẳn là bình lọ gì đó. Nó vừa lăn tròn vừa kêu lanh canh trên sàn. Cú va chạm khiến tôi ngã dúi dụi xuống mặt thảm. Tôi lồm cồm bò dậy, lại mò mẫm đi dọc theo hành lang. Ngay khi đó vạt áo khoác của tôi bị giật mạnh lại như vướng phải đinh. Phải một thoáng sau tôi mới hiểu chuyện gì đã xảy ra. Ai đó đang túm áo khoác tôi mà lôi lại. Không chần chừ, tôi cởi phắt áo khoác rồi lại sấn tới trong bóng tối. Tôi rẽ một góc quanh, lên nhằm một

cầu thang, lại rẽ một góc quanh nữa, đầu và vai tôi cứ va vào hết vật này đến vật khác. Có lúc tôi vấp một bước chân, ngã đập mặt vào tường. Thế nhưng tôi không thấy đau, chỉ hơi ê ẩm phía sau mắt. Không thể để họ tóm được tôi ở đây.

Hoàn toàn không có ánh sáng nào, không có cả đèn báo hiệu khẩn cấp mà đáng lẽ phải bật lên trong trường hợp khách sạn mất điện. Sau một hồi cuống cuống tháo chạy không biết trời đất là gì nữa trong bóng tối như mực đó, tôi dừng lại lấy hơi, lắng nghe những tiếng động sau lưng mình. Nhưng tôi chẳng nghe thấy gì khác ngoài tiếng tim mình đập như điên. Tôi quỳ xuống nghỉ một chút. Hẳn đám người kia đã bỏ cuộc không đuổi theo tôi nữa.

Nếu còn tiến tới thêm một chút trong bóng tối, có khi tôi sẽ lạc đường trong cái mê cung hun hút này. Tôi quyết định cứ ở lại đây, tựa lưng vào tường, cố trấn tĩnh lại.

Ai đã tắt đèn đi vậy? Tôi không thể tin đó là ngẫu nhiên. Điều đó đã xảy ra đúng lúc tôi bước vào hành lang trong khi người ta đang cố bắt kịp tôi. Rất có thể ai đó đã làm vậy để cứu nguy cho tôi. Tôi cởi mũ len ra, dùng khăn tay lau mồ hôi trên mặt rồi lại đội mũ vào. Tôi bắt đầu nhận thấy cái đau ở những phần khác trên cơ thể, nhưng hình như tôi không bị thương tích nào đáng kể. Tôi nhìn những cây kim lân tinh của đồng hồ đeo tay trong bóng tối, rồi lại nhớ ra rằng đồng

hồ đã đứng từ lúc 11 giờ 30. Đó là lúc tôi trèo xuống giếng, cũng là lúc ai đó đã dùng gậy bóng chày đánh Wataya Noboru tại văn phòng của hắn.

Liệu có phải chính tôi đã làm việc đó không?

Trong bóng tối nhường này, điều ấy đâm ra có thể là một khả năng lý thuyết. Có thể là, ở trên kia, trong thế giới thực, tôi đã đánh hắn bằng gậy bóng chày và làm hắn trọng thương, nhưng tôi là người duy nhất không biết điều đó. Có lẽ nỗi thâm thù bên trong tôi đã tự ý đi đến hành động đó mà chính tôi không biết, để nện hắn một đòn chí tử. Nhưng tôi nói là đi ư? Muốn vậy tôi phải đáp tàu điện tuyến Odakyu đến Shinjuku rồi đổi sang tàu

điện ngầm đến Akasaka. Liệu tôi có thể làm từng ấy chuyện mà chính mình không biết không? Không, nhất định là không, trừ phi còn có một cái tôi khác.

"Ông Okada", ai đó nói cạnh tôi trong bóng tối.

Tim tôi như muốn bật ra khỏi họng. Tôi chịu không hiểu nổi giọng nói đó phát ra từ đâu. Bắp thịt tôi căng cứng trong khi tôi căng mắt nhìn vào bóng tối, nhưng dĩ nhiên chẳng nhìn thấy gì.

"Ông Okada", giọng nói lại vang lên. Một giọng đàn ông khe khẽ. "Ông Okada đừng lo. Tôi cùng phe với ông. Chúng ta đã gặp nhau ở đây một lần. Ông có nhớ không?"

Tôi nhớ. Tôi biết giọng nói này. Đó là

giọng của gã đàn ông không mặt. Nhưng tôi cần phải thận trọng. Tôi không sẵn sàng trả lời.

- Ông phải rời khỏi nơi này càng nhanh càng tốt, ông Okada ạ. Đèn sáng là họ sẽ tìm thấy ông ngay. Theo tôi, tôi biết một lối tắt.

Gã đàn ông bật một cây đèn bút. Nó hắt ra một tia sáng nhỏ xíu, song vừa đủ để cho tôi nhìn bước chân. "Lối này", gã giục. Tôi lồm cồm đứng dậy hấp tấp theo sau gã.

- Chắc hẳn ông là người đã tắt đèn cho tôi phải không? - Tôi hỏi gã từ đằng sau. Gã không đáp, nhưng cũng không phủ nhận.

- Cảm ơn, - tôi nói. - Suýt chút nữa thì...

- Mấy người đó nguy hiểm lắm, - gã nói.
- Nguy hiểm hơn ông tưởng nhiều.

Tôi hỏi gã:

- Có thật là Wataya Noboru bị đánh trọng thương không?
- Trên tivi người ta nói thế, - gã đáp, cẩn thận lựa lời.
- Nhưng tôi không làm việc ấy, - tôi nói.
- Lúc đó tôi đang ngồi dưới giếng, một mình.
- Nếu ông bảo vậy, tôi tin ông nói đúng, - gã đáp với vẻ thản nhiên. Gã mở cánh cửa rồi vừa rọi đèn xuống dưới chân vừa bước lên một cầu thang ở phía bên kia cửa. Đó là một cầu thang dài đến nỗi đi được nửa chừng thì tôi không còn biết hai chúng tôi đang lên hay đang xuống

nữa. Thậm chí tôi không chắc đây có phải là cầu thang không.

- Liệu có người nào khả dĩ làm chứng rằng lúc đó ông đang ở dưới giếng không? - Gã hỏi mà không ngoái lại.

Tôi không nói gì. Chẳng có người nào như vậy cả.

- Trong trường hợp đó, việc khôn ngoan nhất ông nên làm là chạy trốn. Họ đã tự xác định rằng ông là thủ phạm.

- "Họ" là ai?

Lên đến cầu thang, gã đàn ông rẽ phải, đi một quãng ngắn, mở một cánh cửa rồi bước ra hành lang. Đến đây gã dừng lại nghe ngóng động tĩnh. "Ta phải nhanh lên. Năm lấy áo tôi".

Tôi năm lấy vật dưới áo khoác của gã

theo lời gã.

Gã đàn ông không mặt nói:

- Những người đó luôn luôn dán chặt vào chiếc tivi. Chính vì lẽ đó ông mới bị người ta căm ghét đến vậy ở đây. Họ rất thích ông anh vợ của ông.

- Ông biết tôi là ai à? - Tôi hỏi.

- Dĩ nhiên tôi biết.

- Vậy thì ông có biết, Kumiko giờ đang ở đâu không?

Gã đàn ông không nói gì. Tôi nắm chặt đuôi áo khoác gã, như thể hai chúng tôi đang chơi một trò chơi nào đó trong bóng tối, hồi hải rẽ một góc quanh nữa, xuống một cầu thang ngắn, băng qua cánh cửa nhỏ bí mật, qua một lối đi kín đáo trần thấp lè tè, lại vào một hành lang

nữa. Cái lộ trình kỳ lạ lắt léo này của gã đàn ông không mặt chữ khác gì một hành trình vô tận băng qua lòng ruột của một bức tượng đồng khổng lồ.

- Cho tôi nói điều này, ông Okada. Tôi không biết được mọi điều ở đây đâu. Nơi này rất rộng lớn, phạm vi trách nhiệm của tôi chủ yếu là ở gian tiền sảnh. Có nhiều chuyện mà tôi không biết lắm.

- Ông có biết tay bồi hay huýt sáo không?

- Không, tôi không biết. Ở đây chẳng có bồi nào cả, huýt sáo hay không huýt sáo cũng vậy. Nếu ông có thấy một gã bồi đâu đó ở đây thì thật ra hẳn không phải là bồi đâu: ấy là một cái gì đó cải dạng thành gã bồi. Mà tôi quên hỏi ông, ông

muôn đến Phòng 208 đúng không?

- Đúng. Tôi cần gặp một người đàn bà ở đó.

Nghe vậy, gã đàn ông chẳng nói gì. Gã không gắng hỏi chi tiết về người đàn bà, cũng chẳng hỏi xem tôi có chuyện gì cần gặp cô ta. Gã vẫn tiếp tục đi dọc hành lang với những sải bước đầy tự tin của một người biết rõ nơi này, lôi tôi lẳng nhặng theo sau như chiếc xà lan, qua một lộ trình phức tạp.

Rốt cuộc, không báo trước, gã đứng khựng lại trước một cánh cửa. Tôi đâm sầm vào gã từ đằng sau, gần như làm gã ngã bổ chửng. Lúc va chạm, tôi cảm thấy da thịt gã nhẹ bẫng, dường như tôi mới va vào một cái vỏ ve sâu rỗng. Gã nhanh

chóng gượng thẳng người dậy rồi dùng đèn pin bỏ túi soi lên biển số phòng: 208.

- Cửa này không khóa, - gã nói. - Ông cầm đèn theo mà dùng. Tôi có thể quay về trong bóng tối được. Vào xong thì khóa cửa lại, đừng mở ra cho bất cứ ai. Dù có việc gì đi nữa, hãy cố giải quyết cho nhanh rồi quay về nơi ông xuất phát. Nơi này nguy hiểm lắm. Ông là kẻ đột nhập không ai mời mà đến, và tôi là người duy nhất đứng về phía ông. Đừng quên điều đó.

- Ông là ai? - Tôi hỏi.

Gã đàn ông trao cây đèn pin cho tôi như trao gậy tiếp sức. "Tôi là người rỗng", gã nói. Hướng khuôn mặt không có mặt

về phía tôi, gã đứng trong bóng tối đợi tôi trả lời, nhưng tôi không tìm được lời nào cho đúng. Cuối cùng, chẳng nói chẳng rằng, gã biến mất. Mới giây trước gã còn đứng ngay trước mặt tôi, giây sau gã đã bị nuốt chửng vào bóng tối. Tôi rọi đèn về phía gã, nhưng chỉ có một mảng tường trắng xín hiện ra từ bóng tối.

* * *

Như gã đàn ông đã nói, cửa Phòng 208 không khóa. Quả đấm cửa xoay trong tay tôi không một tiếng động. Tôi cẩn thận tắt đèn pin rồi cố bước vào càng êm càng tốt. Cũng như trước, phòng im lặng như tờ, tuyệt không động tĩnh. Có tiếng những viên đá đang tan kêu răng rắc khe khẽ trong xô đựng đá. Tôi bật đèn pin rồi

quay lưng lại khóa cửa. Then cửa cài vang lên một tiếng cạch kim khí khô khốc, nghe to một cách bất thường trong phòng này. Trên chiếc bàn ở giữa phòng là chai Cutty Sark vẫn chưa mở, hai chiếc ly sạch, xô đựng đầy nước đá còn mới nguyên. Chiếc khay màu bạc cạnh bình hoa phản chiếu đèn pin hắt ra một ánh lóe đầy nhục cảm, như thể nó đã đợi tôi từ lâu lắm. Dường như để đáp lại, mùi phấn hoa trở nên gắt hơn trong một khoảnh khắc. Không khí quanh tôi đặc quánh lại, trọng lực dường như tăng lên. Tựa lưng vào cánh cửa, tôi quan sát chuyển động quanh tôi trong ánh đèn pin. Nơi này nguy hiểm lắm. Ông là kẻ đột nhập không ai mời mà đến, và tôi là

người duy nhất đứng về phía ông. Đừng quên điều đó.

- Đừng rọi ánh sáng ấy lên tôi, - một giọng phụ nữ vang lên từ phòng trong. - Ông có hứa là sẽ không rọi ánh sáng ấy lên tôi không?

- Tôi hứa, - tôi nói.

34

Ánh sáng đom đóm

*

Phá bỏ lời nguyên

*

Thế giới nơi đồng hồ báo thức
reo vào buổi sáng

– Tôi hứa, – tôi nói, nhưng giọng tôi có vẻ giả tạo thế nào đó, như khi ta nghe thu băng giọng nói của chính mình vậy.

– Tôi muốn nghe ông nói điều này: rằng ông sẽ không rọi ánh sáng đó lên tôi.

– Tôi sẽ không rọi ánh sáng đó lên cô, tôi hứa.

– Ông có hứa thật không? Ông nói thật

với tôi chứ?

– Tôi nói thật với cô mà. Tôi không nuốt lời hứa đâu.

– Thế thì tôi chỉ muốn là, nếu ông không phiền, xin hãy rót hai ly whisky có đá rồi mang vào đây. Nhớ cho nhiều đá nhé.

Cô ta nói bằng giọng ngọng ngịu chả chót nghe như trẻ con, mặc dù giọng nói thuộc về một phụ nữ trưởng thành, nhạy cảm.

Tôi đặt cây đèn pin xuống bàn theo chiều dọc, rồi đi pha whisky. Tôi cho đá vào hai ly rồi rót whisky lên. Tôi phải hình dung rõ ràng tường tận trong đầu về từng động tác mà hai bàn tay tôi đang làm.

Những bóng đen lớn chập chờn trên tường theo từng cử động của tay tôi.

Tôi đi vào phòng trong, tay phải cầm hai

ly whisky, tay trái cầm đèn pin rọi lên sàn để soi đường. Không khí có vẻ lạnh hơn trước. Hẳn là khi tháo chạy trong bóng tối tôi đã vã mồ hôi khắp người mà không biết, giờ mồ hôi ráo đi mới thấy lạnh. Tôi nhớ mình đã cởi áo khoác bỏ lại trên đường chạy.

Như đã hứa, tôi tắt đèn nhét vào túi quần. Rồi tôi mò mẫm đặt một ly whisky lên bàn, đoạn cầm ly còn lại đến ngồi ở chiếc ghế có tay dựa bên cạnh giường. Tối như mực, nhưng tôi vẫn nhớ cách bố trí đồ đạc trong phòng.

Tôi như nghe tiếng những tấm ga trải giường cọ vào nhau sột soạt. Cô ta đang nhòm dậy trên đệm, tựa lưng vào tấm ván đầu đệm, ly rượu cầm trong tay. Cô ta

khẽ lắc ly, khuấy đá rồi nhấp một ngụm whisky. Trong bóng tối, tất cả những âm thanh đó nghe như tiếng động nền trong một vở kịch truyền thanh. Tôi ngửi mùi thơm rượu whisky trong tay, nhưng không uống.

– Lâu lắm rồi mới gặp nhau nhỉ, – tôi nói. Giọng tôi giờ nghe có vẻ đúng là giọng tôi hơn ban nãy.

– Thế kia à? – cô ta nói. – Em không hiểu nói vậy là sao, “lâu” hay “lâu lắm”?

– Theo tôi nhớ thì chính xác là một năm và năm tháng, – tôi nói.

– Ừ thì thế, – cô ta đáp, vẻ thờ ơ. – Em không nhớ chính xác.

Tôi đặt ly của mình xuống sàn rồi bắt chéo chân.

– Lần trước tôi đến đây thì cô không có mặt phải không?

– Đương nhiên là em có mặt. Ngay ở đây. Trên giường. Em luôn luôn ở đây mà.

– Nhưng tôi biết chắc là lần đó tôi vào Phòng 208. Đây là Phòng 208 đấy chứ? Cô xoay xoay viên đá trong ly rồi vừa nói vừa cười:

– Em thì em biết chắc là anh không biết chắc. Lần trước anh vào Phòng 208 khác, cái đó thì chắc chắn.

Có cái gì đó bất an trong giọng cô ta khiến tôi bứt rứt khó chịu. Có lẽ rượu tác động đến cô ta chẳng. Tôi tháo mũ len đặt lên đầu gối.

Tôi bảo cô ta:

– Điện thoại không gọi được mà, cô biết đấy.

– Vâng, em biết, – cô ta nói, giọng có vẻ cam chịu. – Người ta cắt rồi. Người ta biết em rất hay gọi điện thoại mà.

– Họ là những người đang giữ cô ở đây phải không?

– Nói thế nào nhỉ. Em chả biết nữa. – Cô ta vừa nói vừa cười khẽ. Không khí xáo động làm nụ cười cô run lên.

Quay mặt về phía cô, tôi nói:

– Tôi nghĩ mãi về cô suốt bấy lâu nay. Ngay từ lần đầu tôi đến đây. Nghĩ về việc cô là ai, cô làm gì ở đây.

– Nghe thú nhỉ, – cô nói.

– Tôi đã tưởng tượng ra đủ thứ khả năng, nhưng chưa thể chắc điều gì cả. Tôi chỉ

mới ở giai đoạn tưởng tượng thôi.

– Được rồi, được rồi, – cô nói, như thể cảm kích. – Vậy là anh chưa thể chắc điều gì cả, anh vẫn đang ở giai đoạn tưởng tượng.

– Đúng vậy, – tôi nói. – Mà tôi cũng có thể nói thế này nữa: tôi nghĩ em là Kumiko. Ban đầu tôi chưa nhận ra, nhưng giờ thì tôi càng lúc càng tin chắc thế.

–Ồ, anh tin chắc thế à? – Cô im lặng một chút rồi nói, có vẻ thích thú. – Vậy em là Kumiko?

Trong một khoảnh khắc tôi mất hết cảm giác về phương hướng, như thể tất cả những gì tôi đang làm đều trái khoáy: tôi đã đến nhầm nơi, nói nhầm lời với nhầm

người. Chỉ tổ mất thì giờ, một con đường vòng vô nghĩa. Nhưng tôi cố giữ thẳng người trong bóng tối. Tôi bầu chặt cả hai tay vào chiếc mũ đặt trên lòng mình như để kiểm tra tính xác thực.

– Phải, tôi nghĩ em là Kumiko. Bởi vì mọi chuyện đều từ đó mà ra cả. Em đã từ đây mà gọi điện thoại cho tôi không biết bao nhiêu lần. Em cố truyền đạt cho tôi một thông điệp bí mật nào đó. Một bí mật về Kumiko. Một bí mật mà Kumiko thật trong đời thực không đủ sức nói cho tôi biết. Thế nên em phải làm việc đó thay cô ấy, bằng những lời như một thứ ám hiệu.

Cô ta không nói gì một lát. Cô nâng ly lên nhấp một ngụm whisky nữa, rồi bảo:

– Em không biết. Nhưng nếu anh đã nghĩ vậy thì chắc là đúng. Có thể em đúng là Kumiko thật. Nhưng em không chắc lắm. Thành thử... nếu quả thật... em đúng là Kumiko thực... thì hẳn em có thể nói với anh bằng giọng của Kumiko... Đúng không? Nếu vậy thì sẽ hơi rồi một chút. Không sao chứ?

– Không sao cả, – tôi nói. Lại một lần nữa, giọng tôi như mất đi phần nào bình tĩnh và một cảm thức về thực tại. Cô hắng giọng trong bóng tối.

– Thì đây, thử xem. Em không biết liệu có được không. – Cô lại bật cười khẽ. – Có dễ đâu mà. Anh có vội không? Anh nán lại ở đây một chút được không?

– Tôi không biết nữa, – tôi nói.

– Đợi một chút thôi. Xin lỗi. E hèm...
Em xong ngay đây, bây giờ thôi.

Tôi đợi.

– Vậy là, anh đến đây để tìm em. Anh muốn gặp em, phải không? – giọng nghiêm trang của Kumiko vang lên trong bóng tối.

Đã lâu, từ buổi sáng mùa hè kia, khi tôi kéo khóa áo cho Kumiko, tôi không được nghe giọng nói của nàng. Lúc ấy nàng xúc một thứ nước hoa mới ở sau tai, nước hoa của kẻ nào khác tặng. Hôm ấy nàng bỏ nhà đi và không bao giờ trở về. Dù cái giọng vang lên trong bóng tối kia là giọng thực hay giọng giả, nó đưa tôi quay lại buổi sáng đó trong một khoảnh khắc. Tôi ngửi thấy được mùi nước hoa,

thấy được làn da trắng của lưng Kumiko. Khoảnh khắc đó đặc sệt và nặng trĩu trong bóng tối – có lẽ đặc và nặng hơn là trong thực tại. Tôi siết chặt chiếc mũ trong hai bàn tay.

– Nói đúng ra, anh không đến đây để gặp em. Anh đến là để đưa em về, – tôi nói. Cô khẽ thở dài trong bóng tối.

– Sao anh lại tha thiết muốn đưa em về như vậy chứ?

– Bởi vì anh yêu em, – tôi nói. – Và anh biết em cũng yêu anh, em cần anh.

– Anh có vẻ tự tin quá nhỉ, – Kumiko – hay giọng của Kumiko – nói. Không có vẻ gì là chế giễu trong giọng của nàng. Nhưng trong giọng đó cũng chẳng có gì là âm áp.

Tôi nghe thấy tiếng những viên nước đá trong phòng bên đổi chỗ cho nhau.

– Nhưng muốn đưa được em về, anh còn phải giải một vài câu đố, – tôi nói.

– Bây giờ mới bắt đầu thì liệu có hơi muộn không? Em sợ anh không có nhiều thời gian lắm đâu.

Nàng nói đúng. Thời gian không còn nhiều mà lại có quá nhiều thứ cần phải nghĩ. Tôi lấy lưng bàn tay lau mồ hôi đọng trên lông mày. Đây có lẽ là cơ hội cuối cùng của tôi, tôi tự nhủ. Tôi cần phải nghĩ.

– Anh cần em giúp, – tôi nói.

– Giúp thế nào? – Giọng Kumiko hỏi. – Vị tất em đã giúp anh được. Nhưng em sẽ cố.

– Câu hỏi đầu tiên là tại sao em bỏ anh. Anh muốn biết lý do thật. Anh biết trong thư em nói gì – rằng em đã dan díu với người khác. Dĩ nhiên anh đã đọc thư. Đọc đi đọc lại, đọc mãi. Thật ra nó cũng giải thích được một phần nào đó. Nhưng anh không tin ấy là lý do thật. Nghe nó không thật lắm. Anh không bảo đó là nói dối, nhưng anh không khỏi cảm thấy đó chẳng qua chỉ là một thứ ẩn dụ thôi.

– Ẩn dụ?! – Nghe giọng cô ta thật sự sửng sốt. – Em không hiểu... Nếu ngủ với người đàn ông là ẩn dụ cho một cái gì đó thì em muốn biết đó là cái gì?

– Ý anh muốn nói là anh cảm thấy giải thích như thế chỉ để mà giải thích thôi. Nó chẳng dẫn tới đâu hết. Nó chỉ lướt

trên bề mặt. Càng đọc thư em, anh càng cảm thấy thế. Chắc hẳn phải có một lý do nào khác cơ bản hơn – thật hơn. Mà lý do đó nhất định là có liên quan đến Wataya Noboru.

Tôi cảm thấy cặp mắt nàng nhìn chằm chằm vào tôi trong bóng tối và chợt nghĩ, biết đâu nàng có thể nhìn thấy tôi.

– Liên quan đến Wataya Noboru? Như thế nào? – Giọng Kumiko hỏi.

– Thì... tất cả những sự kiện mà anh trải qua đều hết sức phức tạp. Đủ loại nhân vật xuất hiện trên sân khấu, rồi những sự lạ xảy ra cái này tiếp cái kia, đến độ cứ hễ cố suy nghĩ lại cho có trình tự lớp lang là y như rằng anh rồi tung lên. Tuy nhiên, nếu lùi lại một chút mà quan sát

thì sẽ thấy sợi chỉ xuyên suốt mọi chuyện là hết sức rõ ràng. Tất cả cơ sự là do em đã rời khỏi thế giới của anh để chuyển sang thế giới của Wataya Noboru. Bước chuyển ấy mới là cái quan trọng hơn cả. Còn dù trên thực tế em có ngủ với người này hay người nọ đi nữa thì cũng chỉ là chuyện thứ yếu. Chỉ là bề nổi thôi. Anh muốn nói là nói như vậy.

Cô ta nghiêng ly rượu trong bóng tối. Căng mắt về phía nguồn phát ra tiếng động, tôi cảm giác như có thể nhìn thấy mờ mờ những chuyển động của cô, nhưng hiển nhiên đó chỉ là ảo giác.

– Không phải bao giờ người ta cũng gửi thông điệp để truyền đạt sự thực đâu, ông Okada ạ, – cô nói. Lần này không còn là

giọng Kumiko nữa. Cũng không phải giọng nhí nhảnh con gái như ban đầu. Đây là một giọng khác, thuộc về một người khác. Nó có vẻ điềm tĩnh, thông minh. – ... Cũng như không phải bao giờ người ta cũng gặp nhau để bộc lộ cái tôi thực của mình. Ông Okada có hiểu ý tôi không?

– Nhưng dù thế nào đi nữa, Kumiko đang cố gắng truyền đạt một điều gì đó cho tôi. Dù đó có là sự thực hay không, cô ấy cũng tìm tôi để truyền đạt nó. Chính đó là sự thực đối với tôi.

Tôi cảm thấy bóng tối quanh mình càng lúc càng đậm đặc hơn, như thủy triều buổi đêm dâng lên đầy tràn không tiếng động. Tôi cần phải nhanh lên. Tôi không

còn nhiều thời gian nữa. Nếu đèn sáng trở lại, bọn họ có thể tới đây lòng tôi. Tôi quyết định liệu nói ra lời những ý nghĩ đã chầm chậm hình thành trong trí tôi.

– Những gì anh nói sau đây hoàn toàn là sản phẩm của trí tưởng tượng của anh. Anh đoán rằng, trong dòng máu nhà Wataya có một khuynh hướng di truyền nào đó. Khuynh hướng đó là gì anh không rõ, nhưng nó là một thứ khuynh hướng. Nó là một thứ mà em sợ. Chính vì vậy em luôn sợ có con. Khi có thai, em đã hoảng loạn vì em lo cái khuynh hướng đó sẽ lộ ra ở con của chính mình. Nhưng em đã không thể tiết lộ điều bí mật đó với anh. Toàn bộ câu chuyện bắt

đầu từ đó.

Cô ta không nói gì nhưng lẳng lặng đặt cốc lên bàn ngủ. Tôi nói tiếp:

– Còn chị của em, anh tin chắc rằng chị ấy chết không phải vì ngộ độc thức ăn. Không, nguyên nhân bất thường hơn thế nhiều. Kẻ chịu trách nhiệm về cái chết của chị ấy là Wataya Noboru, và chuyện đó em biết. Chị của em hẳn đã nói điều gì với em về chuyện đó trước khi chị chết, đã cảnh báo một điều gì cho em. Wataya Noboru có một thứ năng lực đặc biệt nào đó, hẳn biết cách tìm ra những người chịu khuất phục cái năng lực ấy rồi bòn rút một cái gì đó từ họ. Hẳn ắt hẳn đã dùng cái năng lực đó theo một cách đặc biệt tàn bạo với Kano Creta.

Cô ấy đã có thể hồi phục bằng cách này hay cách khác, nhưng chị của em thì không. Dù gì chị ấy cũng sống chung nhà với hắn nên chẳng biết chạy đi đâu. Chị ấy không chịu nổi nữa nên chọn cái chết. Ba mẹ em đã luôn luôn giữ kín chuyện chị ấy tự sát. Có đúng vậy không?

Không có câu trả lời. Người đàn bà như muốn xóa đi sự hiện diện của mình trong bóng tối.

Tôi nói tiếp:

– Anh không biết bằng cách nào và trong hoàn cảnh nào, nhưng cho đến một thời điểm, Wataya Noboru đã tăng cường cái năng lực tàn bạo đó của hắn một cách nhảy vọt. Thông qua truyền hình và các phương tiện khác, hắn trở nên có khả

năng hướng cái năng lực đã được khuếch đại này ra ngoài xã hội. Giờ hắn đang cố gắng lôi ra ngoài một cái gì đó mà đa số thiên hạ vẫn giữ kín trong bóng tối vô thức của họ. Hắn muốn lợi dụng cái đó cho ý đồ chính trị của mình. Đó là một cái gì hết sức nguy hiểm. Cái mà hắn muốn lôi ra ngoài đó, nó bị vấy bẩn đến chết người bởi bạo lực và máu, nó có liên quan trực tiếp với những vực sâu đen tối nhất của lịch sử, bởi hiệu quả cuối cùng của nó là hủy diệt và xóa bỏ con người trên quy mô lớn.

Cô thở dài trong bóng tối.

– Ông có thể làm ơn pha cho tôi một ly whisky nữa được không? – Cô nhẹ nhàng hỏi.

Tôi đi lại chỗ bàn ngủ cầm lấy chiếc ly mà cô vừa uống cạn. Trong bóng tối tôi chỉ có thể làm được ngần ấy động tác thôi. Tôi cầm đèn pin sang phòng bên pha một cốc whisky mới có đá.

– Những điều ông vừa nói chỉ là do ông tưởng tượng ra thôi phải không? – Cô hỏi.

– Đúng. Tôi chỉ xâu chuỗi vài ý nghĩ lại với nhau thôi, – tôi nói. – Tôi chẳng có cách nào chứng minh được. Tôi không có cơ sở nào để bảo rằng những gì tôi vừa nói là đúng.

– Dẫu sao tôi vẫn muốn nghe phần còn lại, nếu như ông vẫn còn gì để nói thêm. Tôi quay lại phòng trong đặt ly rượu lên bàn ngủ. Đoạn tôi tắt đèn pin và trở lại

ngôi xuống ghế. Tôi tập trung chú ý kể tiếp câu chuyện của mình.

– Em không biết đích xác chuyện gì đã xảy ra cho chị gái em, trừ mỗi việc chị ấy đã cảnh báo cho em một điều gì trước khi chị mất. Khi đó em còn quá nhỏ lên chưa hiểu được cảnh báo có ý nghĩa gì. Nhưng em vẫn thấy được dù một cách lơ mờ. Em biết rằng Wataya Noboru đã làm chị em bị ô uế và tổn thương bằng cách nào đó. Và em cảm thấy trong huyết quản mình có một thứ bí mật đen tối, một cái gì đó mà em không thể nào tránh được. Thế nên, trong ngôi nhà ấy, em đã luôn luôn cô độc, luôn luôn căng thẳng, phải đấu tranh với nỗi bất an âm ỉ không thể xác định là gì, như một trong những con

sửa mà chúng ta đã thấy ở công viên thủy sinh.

Sau khi em tốt nghiệp đại học, và sau bao nhiêu rắc rối với gia đình em, em đã lấy anh và rời khỏi nhà Wataya. Rồi hai chúng mình sống một cuộc đời êm ả, từng ngày ngày qua, em cũng dần dần quên đi cái nỗi bất an đen tối đó. Em bước vào xã hội như một con người mới, em dần dần hồi phục. Đã có một thời tưởng như mọi cái đều êm đẹp với em. Nhưng thật không may, chuyện chẳng đơn giản như vậy. Đến một lúc nào đó, em nhận ra rằng mình đang bị lôi kéo ngoài ý muốn về phía cái sức mạnh đen tối mà em cứ nghĩ mình đã bỏ lại đằng sau. Và khi nhận ra điều gì đang xảy ra với mình,

em đâm bản loạn. Em không biết phải làm gì. Chính vì vậy em đi nói chuyện với Wataya Noboru, hy vọng có thể biết được sự thật. Và em tìm Kano Malta, những mong cô ta có thể giúp mình. Chỉ có anh, là em không thể bộc bạch thôi.

Anh đoán mọi chuyện đã khởi đầu từ sau khi em có thai. Anh tin chắc đó là bước ngoặt. Có lẽ vì vậy mà anh đã nhận được lời cảnh báo đầu tiên từ tay nhạc công ghita ở Sapporo vào đúng cái đêm em phá thai. Việc có thai hẳn đã kích thích và đánh thức cái gì đó đang tiềm ẩn trong em. Wataya Noboru chỉ chờ có chừng ấy. Đó chính là cách duy nhất để hắn có quan hệ tính giao với đàn bà. Chính vì vậy hắn mới cương quyết giằng em ra

khỏi anh mà lồi về phía hấn, một khi cái khuynh hướng đó đã lộ ra ở em. Hấn phải có được em. Wataya Noboru cần em để đóng cái vai mà chị gái em từng đóng cho hấn.

Khi tôi nói xong, im lặng sâu thẳm lấp đầy khoảng trống. Tôi đã nói thành lời tất cả những gì trí tưởng tượng đã mách bảo tôi về Kumiko. Một phần là những suy nghĩ mơ hồ tôi từng có từ trước, phần còn lại thì hình thành trong trí tôi ngay lúc tôi đang nói trong bóng tối. Có lẽ sức mạnh của bóng tối đã lấp đầy những khoảng trống trong tưởng tượng của tôi. Hoặc có thể sự hiện diện của người đàn bà này đã giúp vào đó. Nhưng đằng nào đi nữa, những gì tôi tưởng tượng chẳng

dựa trên cơ sở chắc chắn nào.

– Hay quá, hay quá, – người đàn bà nói. Một lần nữa giọng cô lại là giọng nhí nhảnh trẻ con. Hình như cô đổi giọng càng lúc càng nhanh. – Thế đấy, thế đấy. Vậy là em đã bỏ anh đằng lách mình không cho ai thấy tấm thân ô uế của em. Nghe như là Cầu Waterloo trong sương mù ấy nhỉ, Auld Lang Sync(16), Robert Taylor và Vivien Leigh...

– Anh sẽ đưa em ra khỏi đây, tôi ngắt lời cô. – Anh sẽ đưa em về nhà, về thế giới của em, thế giới có những con mèo đuôi quặp, có những mảnh vườn nho nhỏ, có những chiếc đồng hồ báo thức vào buổi sáng.

– Bằng cách nào cơ? – người đàn bà hỏi.

– Làm sao anh Okada có thể đưa em ra khỏi đây được?

– Như trong truyện cổ tích ấy, – tôi đáp.

– Bằng cách phá bỏ lời nguyền.

–Ồ, em hiểu. Nhưng anh Okada đợi một chút. Có vẻ như anh nghĩ em là Kumiko. Anh muốn đưa em về nhà như là đưa Kumiko về. Nhưng nếu em không phải là Kumiko thì sao? Chừng đó anh sẽ làm gì? Có khi anh sắp đưa về nhà một kẻ hoàn toàn khác đấy. Anh có tin chắc mình đang làm gì không? Liệu anh có nên nghĩ kỹ một lần nữa không?

Tôi thò tay nắm chặt chiếc đèn pin trong túi. Đây không thể là ai khác ngoài Kumiko, tôi nghĩ. Nhưng tôi không chứng minh được. Rốt cuộc đó cũng chỉ là giả

thuyết, không hơn. Mồ hôi túa ra từ bàn tay tôi đang thọc trong túi.

– Anh sẽ đưa em về nhà, – tôi lại nói, giọng khô khốc. – Anh đến đây là để đưa em về.

Tôi nghe tiếng chấn đệm sột soạt. Cô vừa đổi tư thế trên giường.

– Anh nói thế nhưng có dám chắc không? Không nghi ngờ gì chứ? – Cô hỏi, ép tôi phải xác nhận.

– Phải, anh dám chắc. Anh sẽ đưa em về.

– Anh không nghĩ lại chứ?

– Không nghĩ lại. Ý anh đã quyết, – tôi nói.

Nghe xong cô im lặng hồi lâu, như để kiểm tra sự xác thực của một cái gì đó. Rồi, như để đánh dấu đoạn kết của cuộc

đôi thoại này, cô thở một hơi dài.

– Em sẽ cho anh một món quà, – cô nói.

– Quà chẳng lấy gì làm ghê gớm cả, nhưng có khi sẽ được việc đấy. Đừng bắt đền, cứ lại đây, chậm, thật chậm, lại gần bàn ngủ này.

Tôi rời ghế, chìa tay phải ra trong bóng tối, như để đo bề sâu của sự rỗng không. Tôi cảm thấy những cái gai sắc nhọn của không khí chọc vào đầu ngón tay mình. Rồi tôi chạm vào vật đó. Khi tôi nhận ra nó là gì, không khí dường như nghẹt lại trong cuống họng. “Quà” là một cây gậy bóng chày.

Tôi nắm chặt chỗ tay cầm, giơ thẳng gậy lên. Hầu như chắc chắn đó là cây gậy mà tôi đã lấy của gã đàn ông xách hộp đàn

ghita. Tay cầm và trọng lượng y hệt. Ất là nó rồi. Nhưng, sờ kỹ hơn, tôi thấy có cái gì đó dính vào gậy ngay phía trên chỗ nhãn hiệu. Nghe như là một sợi tóc. Tôi miết nó giữa mấy đầu ngón tay. Xét theo độ dày và độ cứng, nó chắc chắn phải là một sợi tóc người. Có mấy sợi như vậy dính vào gậy, còn thêm cái gì đó như là máu đông. Ai đó đã dùng cây gậy này để đánh vào đầu một người khác, có thể là Wataya Noboru. – Phải cố lắm tôi mới hất chỗ không khí nghẽn trong họng ra ngoài được.

– Đây là gậy của anh phải không? – Cô hỏi.

– Chắc vậy, – tôi nói, cố giữ bình tĩnh. Giọng tôi bắt đầu có một âm sắc khác

hắn trong bóng tối dày đặc, như thể có ai đó này giờ lẫn lút đâu đây đang nói thay tôi. Tôi háng giọng, kiểm chứng cho chắc xem có phải người đang nói vẫn là tôi không, rồi mới tiếp lời:

– Nhưng hình như ai đó đã dùng cây gậy này để đánh một người khác.

Người đàn bà nín thinh. Tôi ngồi xuống ghế, hạ cây gậy xuống kẹp giữa hai chân.

– Hắn là em biết có chuyện gì... – tôi nói. – Có ai đó đã dùng cây gậy này để đánh vỡ sọ Wataya Noboru. Tin tức anh nghe được trên tivi là đúng. Wataya Noboru đang nằm ở bệnh viện trong tình trạng nguy kịch. Hắn có thể chết.

– Hắn sẽ không chết, – giọng Kumiko nói, hoàn toàn vô cảm. Nàng nói như thể

đang tường thuật một sự kiện lịch sử từ trong một cuốn sách. – Tuy nhiên hẳn sẽ không phục hồi ý thức được. Hẳn có thể vẫn tiếp tục lang thang trong bóng tối, nhưng đó là loại bóng tối nào thì không ai biết.

Tôi sờ soạng tìm ly rượu dưới chân, nhắc lên. Tôi trút hết chỗ rượu trong ly vào miệng, rồi chẳng nghĩ ngợi gì, nuốt ực. Thứ chất lỏng không có vị gì đi qua họng, trôi xuống thực quản tôi. Chẳng hiểu vì sao tôi thấy ớn lạnh, kể đó là một cảm giác khó chịu như thể có cái gì đó từ xa đang chậm chậm dịch chuyển về phía tôi qua một bóng tối dằng dặc. Tim tôi đập mạnh lên như đã dự cảm được từ trước.

– Chúng ta không còn nhiều thời gian, –
tôi nói. – Nếu có thể thì hãy cho anh biết
chúng ta đang ở đâu?

– Anh từng đến đây rồi, anh đã biết cách
đến đây sao cho vẫn sống và bình an vô
sự. Anh ắt phải biết đây là nơi nào chứ.
Nhưng bây giờ đó cũng chẳng phải vấn
đề quan trọng nữa. Cái chính là...

Ngay khi đó có tiếng gõ cửa – một âm
thanh nặng trĩu, khô khốc, như ai đó
đang đóng đinh vào tường. Hai tiếng, rồi
hai tiếng nữa. Chính là tiếng gõ cửa tôi
đã nghe lần trước. Người đàn bà thở hắt
hên.

– Anh phải đi khỏi đây ngay. – Cô nói,
lần này là giọng của Kumiko, không thể
làm được. – Nếu anh đi ngay bây giờ thì

vẫn còn kịp xuyên qua tường.

Tôi không rõ mình đang nghĩ đúng hay sai, nhưng tôi biết chừng nào còn ở đây, tôi còn phải đánh bại cái thứ này. Đây là cuộc chiến của tôi, và tôi phải chiến đấu đến cùng.

– Lần này anh không bỏ chạy đâu, – tôi nói với Kumiko. – Anh sẽ đưa em về.

Tôi đặt ly xuống sàn, đội mũ len lên, rồi cầm lấy cây gậy đang kẹp giữa hai đầu gối. Đoạn tôi từ từ tiến lại phía cửa.

16 - Tên một bài hát rất phổ biến dựa theo lời thơ của thi hào Scotland Robert Burns (1759 – 1796) – ND.

Chẳng qua là một con dao thực

*

Điều đã được tiên báo

Dùng đèn soi đường, cố bước thật êm, tôi đi về phía cửa. Cây gậy nằm trong tay phải tôi. Tôi vẫn đang đi thì tiếng gõ cửa lại vang lên: hai tiếng, rồi hai tiếng nữa. Lần này mạnh hơn, hung hãn hơn. Tôi nép mình vào tường bên để khi cửa mở thì tôi sẽ được cánh cửa che khuất. Tôi đứng đó đợi, nín thở.

Khi tiếng gõ cửa đã lắng đi, im lặng sâu thẳm lại chìm xuống mọi vật như thể không có chuyện gì xảy ra. Nhưng tôi cảm nhận được sự hiện diện của ai đó

phía bên kia cửa. Cái kẻ nào đó này cũng đang đứng đấy như tôi, cũng đang nín thở, lắng tai, cố nghe ra tiếng thở hay tiếng tim đập, hay để đọc ra những vận động của một ý nghĩ. Tôi cố kìm không cho hơi thở mình khuấy động không khí xung quanh. Mình không có mặt ở đây, tôi tự nhủ. Tôi không ở đây. Tôi chẳng ở đâu hết.

Chìa khóa xoay trong ổ khóa. Hẳn thực hiện từng cử chỉ một cách cực kỳ cẩn trọng, kéo dài thời gian từng động tác sao cho những âm thanh phát ra bị chẻ thành mỗi mảnh nhỏ không còn liên hệ với nhau, mất hết ý nghĩa. Quả đấm cửa xoay, theo sau là tiếng bản lề xoay hầu như không thể nhận ra. Tim tôi bắt đầu

co bóp nhanh hơn. Tôi cố át đi sự nhiễu loạn này, nhưng không được.

Ai đó đã đi vào phòng, gây ra vài nhiễu loạn trong không khí. Tôi tập trung tinh thần mài sắc ngũ quan và bắt được cái mùi thoang thoảng của kẻ lạ: một hỗn hợp kỳ quặc giữa quần áo dày, hơi thở dồn nén và thần kinh kích động hết mức chìm trong im lặng. Hắn có cầm dao trong tay không? Phải coi như là hắn có. Tôi vẫn nhớ cái ánh lóa trắng bạc của nó. Tôi nín thở, xóa bỏ sự tồn tại của mình, siết chặt cây gậy trong cả hai tay.

Vào phòng xong, kẻ đó đóng cửa rồi khóa lại. Đoạn hắn đứng đó, lưng áp vào cửa, quan sát và chờ đợi. Hai bàn tay siết chặt gậy của tôi mướt mồ hôi. Tôi đã

toan chúi lòng bàn tay vào quần, nhưng mọi cử động dù nhỏ nhất cũng có thể gây hậu quả chết người. Tôi cố nhớ lại bức tượng chim trong vườn căn nhà bỏ hoang của gia đình Miyawaki. Để xóa bỏ sự hiện hữu của mình ở đây, tôi tự đồng hóa mình thành nhất thể với hình ảnh một con chim. Nơi đó, trong khu vườn mùa hè ngợp nắng, tôi là bức tượng chim, đóng băng tại chỗ, nhìn chăm chăm lên bầu trời.

Kẻ đó mang theo đèn pin. Hắn bật đèn pin, tia sáng thẳng, hẹp của nó cắt xuyên qua bóng tối. Ánh sáng không mạnh. Đó là ánh sáng của một cây đèn bút cùng loại với cây tôi đang mang. Tôi đợi tia sáng đó quét qua tôi khi hắn bước vào

phòng, nhưng hắn không nghĩ đến chuyện dời khỏi chỗ. Ánh sáng bắt đầu nhận diện từng vật một ở trong phòng – những đóa hoa trong bình, chiếc khay bạc nằm trên bàn (hắt ra ánh lóe đầy nhục cảm), ghế sofa, đèn trang trí... Nó lướt qua ngay trước mũi tôi rồi dừng lại trên sàn chỉ cách đầu mũi giày tôi vài xăng-ti-mét, liếm từng góc phòng như cái lưỡi rắn. Tôi đợi, chừng như phải đợi đến vĩnh viễn. Sợ hãi và căng thẳng khoan vào ý thức tôi đau nhói.

Đừng nghĩ ngợi. Mà không được phép nghĩ. Tôi tự nhủ. Mà không được phép dùng trí tưởng tượng. Trung úy Mamiya đã viết thế trong thư. Ở nơi này mà tưởng tượng là mất mạng như chơi.

Cuối cùng, ánh đèn pin bắt đầu chuyển động về phía trước, chậm, thật chậm. Gã đàn ông hình như đang tiến về phía phòng trong. Tôi siết chặt gậy trong tay. Chính khi đó tôi mới nhận ra mồ hôi trên tay tôi đã sạch ráo. Tay tôi bây giờ quá khô là đằng khác.

Gã đàn ông chậm chậm tiến tới một bước, dừng lại. Rồi một bước nữa. Hắn như đang kiểm tra từng bước chân của mình. Hắn đang gần tôi hơn bao giờ hết. Tôi hít một hơi rồi nén lại. Chỉ cần hai bước nữa là hắn sẽ đến đúng chỗ tôi muốn. Chỉ hai bước nữa là tôi có thể kết liễu cái cơn ác mộng biết đi này. Nhưng rồi đúng lúc đó, hoàn toàn bất ngờ, ánh sáng biến mất. Bóng tối như mực lại nuốt

chứng mọi vật. Hấn đã tắt đèn pin. Tôi cố buộc đầu mình làm việc nhanh hơn trong bóng tối, nhưng nó hoàn toàn không chịu làm việc. Một luồng khí lạnh tôi chưa từng biết chạy khắp người tôi. Hấn đã nhận ra tôi đang ở đây.

Cử động đi, tôi tự nhủ. Đừng đứng đực ra thế. Tôi cố lạng người sang trái, nhưng chân tôi không nhúc nhích. Chân tôi như đã gắn chặt xuống sàn nhà, giống như chân con chim đá. Tôi cúi về phía trước, cố nghiêng phần thân trên tê dại của tôi sang trái. Đúng lúc ấy cái gì đó đập vào vai phải của tôi, rồi một cái gì cứng và lạnh như mưa đá thọc vào thấu xương tôi.

Cú sốc như làm tôi bừng tỉnh, chứng tê

liệt biên mất khỏi chân tôi. Tôi nhảy bật về bên trái rồi phục trong bóng tối, mò mẫm tìm đối thủ. Máu chạy rần rật trong cơ thể tôi, mỗi bắp thịt, mỗi tế bào căng lên đòi dưỡng khí. Vai phải tôi tê dại dần, nhưng tôi không thấy đau. Mãi sau mới đau. Tôi đứng im không động đậy, hấn cũng thế. Hai chúng tôi đối diện nhau trong bóng tối, cùng nín thở. Chẳng nhìn thấy gì, chẳng nghe thấy gì.

Một lần nữa, không hề báo trước, dao xia tới. Nó sượt qua mặt tôi như một con ong chích, điểm nhọn vừa vắn bén vào má phải tôi, chỗ có vết bầm. Tôi cảm thấy da bị toạc ra. Không, hấn cũng không nhìn thấy tôi. Nếu thấy tôi thì hấn đã cho tôi rồi đời từ lâu rồi. Tôi vung

gậy trong bóng tối, nhắm vào hướng xuất phát của con dao, nhưng gậy chỉ vụt qua không khí, chẳng đập vào cái gì sắt. Tuy nhiên cú vung khá đạt, và tiếng vụt sắc gọn kia giúp tôi phần nào bớt căng thẳng. Tạm thời chúng tôi ngang sức nhau. Tôi đã dính dao hai lần, nhưng cả hai lần đều không nặng. Hai chúng tôi chẳng ai nhìn thấy nhau. Hắn có dao, nhưng tôi có gậy. Một lần nữa, cùng mù như nhau, hai chúng tôi kìm hơi thở, cố cảm nhận ra đối thủ, chờ từng động tĩnh nhỏ nhất. Tôi cảm thấy máu rỉ xuống mặt mình, nhưng tôi chẳng mấy may sợ hãi. Chỉ là con dao thôi mà, tôi tự nhủ. Chỉ là một vết rạch thôi. Tôi đợi. Tôi đợi con dao lại xĩa về phía tôi lần nữa. Đâm đi! Tôi bảo hắn

trong đầu mình. Nhúc nhích đi! Tao đang đợi mày động thủ đây. Muốn thì cứ đâm tao đi. Tao không sợ đâu.

Con dao lại tới. Nó rạch toang cổ áo len của tôi. Tôi cảm thấy được mũi dao sạt qua họng tôi nhưng không chạm tới da tôi. Tôi xoay người nhảy sang một bên, rồi, hầu như hấp tấp quá chẳng kịp thẳng người lên nữa, tôi vung gậy vào không trung. Gậy đập vào đầu đó gần xương quai xanh hấn. Không đủ mạnh để quật ngã hấn hay làm gãy xương, nhưng tôi biết mình vừa nện hấn một cú ra trò. Tôi cảm thấy hấn rụt hấn lại vì cú đánh, nghe tiếng hấn há miệng đớp không khí. Tôi lùi gậy lại một quãng ngắn rồi lại vung lên giáng vào hấn, cũng về hướng đó

nhưng cao hơn một chút, nơi tôi nghe tiếng hấn thở.

Cú đánh quá hoàn hảo. Tôi đã nện vào hấn ở đầu đó trên cổ. Có tiếng xương gãy răng rắc nghe lợm giọng. Một cú giáng thứ ba đúng phóc – ngay vào sọ, quật hấn văng sang một bên. Hấn hộc ra một âm thanh kỳ lạ rồi đổ phịch xuống sàn. Hấn nằm đó, ngáp ngáp khe khẽ, nhưng tiếng ngáp chẳng mấy chốc ngừng. Tôi nhắm mắt, rồi, chẳng suy nghĩ gì, nhắm một cú đánh cuối cùng về phía âm thanh kia. Tôi không muốn làm vậy, nhưng tôi không có cách nào khác. Tôi phải kết liễu hấn: không phải vì hận thù, thậm chí cũng chẳng phải vì sợ, ấy chẳng qua là một việc tôi phải làm. Tôi nghe tiếng cái gì

đỏ vỡ toác trong bóng tối như một quả dưa. Rồi tôi nhận thấy mình đang run bắn lên. Toàn thân. Chẳng cách nào ngăn được. Tôi lùi lại một bước, rút đèn pin ra khỏi túi.

– Đứng! – Một giọng thét lên trong bóng tối. – Đứng nhìn nó! – Giọng Kumiko đang gọi tôi từ phòng trong, cố ngăn không cho tôi nhìn, nhưng tôi phải nhìn. Tôi phải thấy nó. Tôi phải biết nó là cái gì, cái vật nằm ở trung tâm bóng tối mà tôi đã đánh cho như tử kia. Một phần của tôi hiểu Kumiko đang cấm tôi làm gì. Nàng nói đúng: tôi không nên nhìn nó. Nhưng lúc này tôi đang có đèn pin trong tay, và bàn tay đang tự nó chìa ra phía trước.

– Xin đừng, em xin anh hãy đừng lại! –
Nàng thét lên. – Nếu anh còn muốn đưa
em về nhà thì chớ nhìn nó!

Tôi nghiêng rặng, im lặng đẩy không khí
này giờ giam trong phổi ra ngoài. Nhưng
cơn run vẫn không giảm. Một mùi tỏi
lợm nồng nặc trong không khí – mùi óc,
mùi bạo lực và chết chóc. Tôi đã làm
việc này: chính tôi là kẻ đã làm cho
không khí có cái mùi này. Tôi tìm thấy
chiếc sofa, liền đổ vật xuống. Trong
chốc lát tôi cố chống cự với cơn buồn
nôn đang dậy lên trong dạ dày, nhưng rồi
cơn buồn nôn thắng. Tôi nôn xuống thảm
tất cả những gì có trong dạ dày, đến khi
chẳng còn gì nữa thì tôi nôn ra dịch vị,
rồi không khí và nước dãi. Trong khi

nôn, tôi buông gậy xuống sàn. Tôi nghe tiếng nó lăn lông lốc trong bóng tối.

Khi những cơn co thắt dạ dày bắt đầu dịu xuống, tôi muốn rút khăn mùi soa lau miệng nhưng không cử động nổi tay. Tôi không đứng dậy nổi khỏi sofa. – Mình về nhà đi, – tôi nói về phía bóng tối ở buồng trong. – Xong cả rồi. Ta đi thôi.

Nàng không trả lời.

Không còn ai ở trong đó nữa. Tôi lại vùi mình vào sofa, nhắm mắt lại.

Tôi cảm thấy sức lực đang trút ra khỏi mình – từ đầu ngón tay tôi, từ vai tôi, cổ tôi, chân tôi... Cái đau từ những vết thương của tôi cũng dần dần biến mất. Thân thể tôi đang mất mọi cảm giác về khối lượng và vật chất. Nhưng điều đó

không làm tôi bất an hay sợ hãi, hoàn toàn không. Tôi không chống cự mà buông mình – phó thác nhục thể mình – cho một vật to lớn, ấm mềm nào đó đang đến để bao bọc lấy tôi. Điều đó thật tự nhiên. Khi đó tôi nhận ra, mình đang băng qua bức tường sữa. Tôi chỉ có mỗi việc là buông mình cho dòng chảy. Mình sẽ không bao giờ quay lại đây nữa, tôi tự nhủ trong khi di chuyển qua tường. Mọi chuyện đã chấm dứt. Nhưng Kumiko đâu? Nàng đi đâu rồi? Lẽ ra tôi phải mang nàng ra khỏi căn phòng đó mà đưa nàng về nhà. Chính vì lẽ đó tôi mới giết tên kia. Chính vì lẽ đó tôi mới đánh cho sợ hãi vỡ toác ra như quả dưa. Chính vì lẽ đó tôi... Nhưng tôi không thể nghĩ gì được nữa. Ý thức tôi bị hút vào cái hồ

sâu hoắm của hư không.

* * *

Khi hồi tỉnh, tôi thấy mình lại đang ngồi trong bóng tối. Lưng tôi đang dựa vào tường như mọi khi. Tôi đã trở lại đáy giếng.

Nhưng đó không phải cái đáy giếng như khi trước. Có cái gì đó mới ở đây, cái gì đó lạ lẫm. Tôi cố tập trung các giác quan để hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Cái gì khác biệt đến vậy? Nhưng các giác quan tôi vẫn đang trong một tình trạng tê liệt gần như hoàn toàn. Tôi chỉ có cảm nhận một phần, đứt đoạn về môi trường xung quanh. Tôi cảm thấy như thể, vì sai lầm nào đó mà tôi đã bị đặt vào nhầm vỏ chứa. Tuy nhiên, sau một lát, tôi bắt đầu

nhận ra đây là chuyện gì.

Nước. Quanh tôi toàn nước.

Giếng không còn khô nữa. Tôi đang ngồi trong nước lên tới thắt lưng. Tôi hít vào mấy hơi để trấn tĩnh. Làm sao có chuyện này được? Giếng đang có nước, tuy không phải nước lạnh. Đúng hơn là nước âm ẩm, như thể tôi đang dầm mình trong bể bơi có sưởi. Bỗng tôi sức nghĩ cần phải kiểm tra trong túi. Tôi muốn biết cây đèn pin có còn đó không. Liệu tôi có mang theo cây đèn đó từ thế giới kia về đây không? Liệu có mối liên hệ nào giữa những gì xảy ra ở đó với cái thực tại này không? Nhưng tay tôi không động đậy được. Ngay cả ngón tay tôi cũng không nhúc nhích được. Bao nhiêu sức lực đã

mất hết khỏi tay chân tôi. Thậm chí đứng dậy tôi cũng không đứng nổi.

Tôi bắt đầu nhận định một cách tỉnh táo hoàn cảnh của mình. Trước hết, nước chỉ mới tới thắt lưng, nên tôi không phải lo chết đuối. Đúng là tôi không nhúc nhích được, nhưng có lẽ ấy là do tôi đã vắt kiệt sức. Chỉ cần có đủ thời gian là sức lực sẽ hồi phục lại thôi. Vết thương vì dao đâm xem chừng không sâu lắm, và toàn thân tê dại thế này lại hóa hay – ít nhất cũng nhờ vậy mà tôi không thấy đau. Máu nơi má hình như không chảy nữa.

Tôi tựa đầu vào tường tự nhủ: Không sao, đừng lo. Mọi chuyện xong rồi. Bây giờ tôi chỉ còn có mỗi một việc là cho thân thể mình được nghỉ ngơi, sau đó trở

về thế giới ban đầu của mình, thế giới ở trên mặt đất kia, nơi chan hòa ánh nắng... Nhưng tại sao cái giếng này tự dưng có nước hoàn toàn đột ngột như vậy? Nó đã khô cạn, đã chết từ quá lâu rồi, thế nhưng giờ nó đã phục hồi sự sống. Liệu điều này có mối liên hệ nào với những gì tôi đã làm ở kia không? Có, hẳn là có. Cái gì đó bấy lâu vẫn làm tắc nghẽn mạch nước nay đã bị tháo tung ra.

* * *

Chẳng mấy chốc sau tôi chạm trán với một thực tế đen tối. Thoạt tiên tôi cố khước từ không chịu thừa nhận nó là thực tế. Trí óc tôi nghĩ ra hàng loạt khả năng may thì có thể giúp tôi phủ nhận nó. Tôi cố tự thuyết phục mình ấy chỉ là một ảo

giác nảy sinh do kết hợp giữa bóng tối và kiệt sức. Nhưng rốt cục, tôi phải công nhận sự thực. Dù ra sức tự lừa mình đến đâu đi nữa, thực tế vẫn sờ sờ ra đó.

Mực nước đang dâng lên.

Nước ban này còn ngang thắt lưng, giờ đã lên đến phía dưới cặp đầu gối đang co lại của tôi. Nước dâng từ từ thôi, nhưng nó đang dâng. Tôi lại cố động dậy thân thể. Tôi tập trung toàn bộ tinh thần, cố rặn hết chút sức lực cuối cùng còn lại, nhưng vô ích. Cùng lắm tôi chỉ xoay cổ được chút ít. Tôi nhìn lên trên đầu. Nắp giếng vẫn đập kín bung. Tôi cố xem đồng hồ trên cổ tay trái nhưng đành chịu. Nước đang chảy ra từ một khe mở nào đó, mà hình như càng lúc càng nhanh.

Ban đầu chỉ rí rí, nhưng giờ thì tuôn xối xả. Tôi nghe được tiếng nước tuôn. Chẳng mấy chốc đã lên đến ngực. Nước sẽ còn dâng đến đâu chứ?

Nhớ cẩn thận với nước, ông Honda đã bảo tôi thế. Hồi đó cũng vậy, sau này cũng vậy, tôi đã chẳng hề tin lời tiên tri của ông. Quên thì tôi không quên (một điều kỳ quặc như thế thì không thể quên được), nhưng tôi cũng chưa bao giờ coi nó là nghiêm túc cả. Ông Honda chẳng qua chỉ là một tình tiết vô hại đối với tôi và Kumiko mà thôi. Thỉnh thoảng nhân chuyện gì đó, tôi lại nhắc lời ông “Nhớ cẩn thận với nước” để đùa. Thế là chúng tôi cười ha hả. Chúng tôi còn trẻ, đâu cần tới những lời tiên với tri. Bản thân

việc sông đã là một hành vi tiên tri rồi. Nhưng ông Honda nói đúng. Tôi hầu như muốn cười phá lên. Nước đang dâng, và tôi đang gặp khốn.

Tôi nghĩ tới Kasahara May. Tôi dùng trí tưởng tượng để hình dung cô đang mở nắp giếng – hoàn toàn rõ ràng, sống động như thực. Bức tranh thực và rõ mồn một đến nỗi dường như tôi có thể bước thẳng vào. Tôi không cử động được thân mình, nhưng trí tưởng tượng của tôi vẫn hoạt động. Tôi còn được làm gì khác nữa?

– Này Chim vặn dây cót, – Kasahara May nói. Giọng cô dội xuống vọng lên thành giếng. Tôi chưa hề biết rằng giếng có nước thì tạo tiếng vang tốt hơn giếng không có nước. – Anh làm gì dưới kia

thế? Lại suy nghĩ à?

– Chẳng phải anh đang làm gì cả, – tôi ngẩng mặt lên nói. – Giải thích bây giờ thì lâu lắm. Anh không cử động được thân mình, nước lại đang dâng lên dưới này. Đây không còn là giếng cạn nữa. Chắc anh chết đuối mất.

– Tội nghiệp Chim vượn dây cót! – Kasahara May nói. – Anh đã vắt kiệt hết mình, cố hết sức bình sinh để cứu Kumiko. Và có lẽ anh đã cứu được chị ấy thật. Đúng không? Và trong khi làm vậy, anh cũng đã cứu nhiều người. Nhưng bản thân mình thì anh lại không cứu được. Mà cũng chẳng ai khác cứu được anh cả. Anh đã dốc cạn sức mình, đem cả tính mạng mình ra để cứu người

khác. Hạt giống của anh thấy đã gieo chỗ khác hết rồi, giờ túi anh rỗng không. Sao lại bắt công đến thế được chứ! Em thông cảm với anh, Chim vặn dây cót à, tự đáy lòng em. Thật đấy. Nhưng nói gì thì nói, đó là tự anh lựa chọn mà. Anh có hiểu ý em không?

– Anh hiểu, – tôi nói.

Vai phải tôi nghe đau dần dật. Vậy là chuyện đó thực đã xảy ra, tôi tự nhủ. Con dao quả thực đã đâm tôi. Nó đã xé thịt tôi như một con dao thực.

– Anh có sợ chết không, hờ Chim vặn dây cót? – Kasahara May hỏi.

– Có chứ, – tôi nói. Tôi nghe giọng mình vang vọng trong giếng. Nó là giọng tôi, đồng thời cũng không phải giọng tôi. –

Nghĩ đến chuyện mình phải chết dưới đáy giếng tối om này thì dĩ nhiên anh sợ.

– Thế thì tạm biệt anh, Chim vặn dây cót tội nghiệp. Tiếc là em chẳng làm gì cho anh được. Em đang ở xa, xa lắm.

– Tạm biệt, Kasahara May, – tôi nói. – Em mặc bikini trông xinh lắm.

Giọng Kasahara May hết sức bình thản khi cô nói:

– Tạm biệt, Chim vặn dây cót tội nghiệp.

Nắp giếng lại đóng chặt. Hình ảnh tan biến. Như chẳng có gì xảy ra cả. Hình ảnh ấy không gắn liền với bất cứ cái gì. Tôi thét về phía miệng giếng: “Kasahara May ơi, lúc này anh cần em thì em ở đâu?”

* * *

Nước đã lên đến họng tôi. Giờ nó đã
quấn quanh cổ tôi như cái thòng lọng.
Bằng dự cảm, tôi bắt đầu thấy khó thở.
Tim tôi, giờ nằm trong nước, ra sức
điểm quãng thời gian còn lại của nó. Cứ
thế này tôi còn khoảng năm phút nữa cho
tới khi nước lấp đầy mũi miệng tôi và
bắt đầu tràn ngập phổi tôi. Chẳng có
cách nào tôi thắng được. Tôi đã hồi sinh
cho cái giếng này thì giờ đây tôi chết
giữa lúc hồi sinh của nó. Chết cách này
cũng không tồi, tôi tự nhủ. Trên đời có
lắm cách chết kinh khủng hơn thế nhiều.
Tôi nhắm mắt lại, cố chấp nhận cái chết
đang đến gần một cách càng bình thản
càng tốt. Tôi cố vượt qua sợ hãi. Ít nhất
thì sau khi chết, tôi cũng để lại được vài

thứ. Chẳng nhiều nhận gì cho cam, nhưng
dầu sao vẫn là một tin lành. Tôi cố mỉm
cười, nhưng chẳng đạt lắm. “Dầu sao
mình vẫn sợ chết,” tôi tự nhủ. Hóa ra đó
là lời cuối của tôi. Nghe chẳng ấn tượng
lắm, nhưng không thay đổi được nữa,
muộn quá rồi. Nước giờ đã dâng cao hơn
miệng tôi. Rồi cao hơn mũi tôi. Tôi
ngừng thở. Phổi tôi nặng nạch đòi hít
không khí mới. Nhưng chẳng còn không
khí nữa. Chỉ có nước âm ỉm thôi.
Tôi đang chết. Như tất cả những ai sống
ở trên đời.

36

Chuyện về dân vệt

*

Bóng và nước mắt

*

Quan điểm của Kasahara May (6)

Chào chim vượn dây cót!

Này, anh có nhận được mấy thư trước của em không đấy?

Em đã viết cho anh hàng đống thư, mà rồi chẳng biết anh có nhận được không.

Địa chỉ người nhận em chỉ ghi hú họa, còn địa chỉ người gửi thì em không ghi trên phong bì, thành thử có khi thư em đã chất đống trên ngăn “thư không người

nhận” ở bưu điện, bụi bặm mốc meo, không ai thèm ngó tới. Thôi được, nếu không đến được người nhận thì là không đến được, đã sao nào? Em cày cục viết ngàn ấy thư là viết cho anh, nhưng điều quan trọng là em phải ghi được ý nghĩ của mình ra giấy. Hễ cứ nghĩ mình đang viết cho anh là em lại viết dễ dàng hơn. Chim vượn dây cót ạ. Em chả biết tại sao. Ủa nhỉ, tại sao thế?

Nhưng riêng thư này thì em thực sự muốn anh đọc. Em cầu mong sao nó đến được tay anh.

* * *

Giờ em sẽ viết về dân vịt. Vâng, đây là lần đầu tiên em nhắc đến dân vịt, chuyện thế này.

Em có lần nói với anh là nhà máy nơi em đang làm việc đây có cơ ngơi rộng ới là rộng, có rừng, có hồ, lại còn gì gì nữa ấy. Thong dong tản bộ thì chả còn gì bằng. Hồ khá to, có dân vịt sống ở đây, đâu như mười hai chú. Em chả biết mấy chú này tổ chức gia đình ra sao. Có lẽ chúng thỏa thuận nội bộ với nhau thế nào đó, kiểu như chú này thì chơi được với chú nọ nhưng không được chơi với chú kia, nhưng em chưa bao giờ thấy chúng đánh nhau cả.

Đã sang tháng Mười Hai, băng đã bắt đầu đóng trên mặt hồ, nhưng cũng chưa dày lắm. Ngay cả khi trời lạnh hồ vẫn không đóng băng hết, vẫn còn một khoảng nước đủ cho dân vịt bơi loanh

quanh tí chút. Em nghe nói, khi trời đủ lạnh để băng đóng dày, có vài cô trong bọn em ra đây trượt băng. Chừng đó thì dân vịt (hì, gọi thế nghe cũng lạ, nhưng em quen mất rồi, tự buột mồm ra thôi) sẽ phải đi chỗ khác. Em thì chẳng thích trượt băng, nên em chỉ mong đừng có băng biếc gì hết, nhưng đâu có mong thì cũng đâu thể được như ý mình. Vùng này mùa đông lạnh kinh người, thành thử một khi đã sống ở đây thì dân vịt ắt phải thích nghi với lãnh thổ chứ.

Dạo này, cuối tuần nào em cũng tới đây giết thì giờ bằng cách ngắm dân vịt. Mỗi lần như vậy, em có thể ngồi hàng hai ba tiếng đồng hồ mà không biết. Ra ngoài trời lạnh là em vũ trang từ đầu tới chân y

như thợ săn gấu Bắc Cực ấy: tất lột, mũ, khăn choàng, giày cao cổ, áo khoác lông. Rồi em ngồi hàng tiếng đồng hồ trên một tảng đá, chỉ mình em, hoàn toàn thư giãn, ngắm dân vịt. Thỉnh thoảng em cho chúng ăn bánh mì cũ. Dĩ nhiên ở đây chẳng có ai khác dư thì giờ làm mấy chuyện điên rồ ấy cả.

Chẳng rõ anh Chim vặn dây cót có biết không, chứ vịt là một loài rất dễ thương. Em ngắm chúng cả bao giờ chán. Em không làm sao hiểu được, vì sao ai cũng thích đi đâu đó thật xa hay bỏ tiền xem những bộ phim ngớ ngẩn thay vì dành thì giờ vui với dân vịt. Chẳng hạn như thỉnh thoảng chúng lại vỗ cánh bay lên không trung rồi đáp xuống băng nhưng lại trượt

chân, thế là ngã oạch oạch. Y như xem hài kịch trên ti-vi ấy! Xung quanh chẳng có ai khác, thế mà em vẫn cười sặc sụa. Dĩ nhiên đâu phải chúng làm trò để cho em cười. Chúng đang cố hết sức mình để sống cho ra sống đấy chứ, chỉ có điều thỉnh thoảng một cái thôi. Thế mới thật là hay, em nghĩ vậy.

Dân vịt có những cái chân có màng dẹt màu cam đến là dễ thương, như là chúng mang giày đi mưa nhỏ xíu của trẻ con ý, chỉ có điều chân ấy không sinh ra để đi trên băng, em đoán vậy vì em thấy chúng cứ trượt tới trượt lui suốt, có khi còn ngã phịch mông xuống, chống cằm lên trời nữa. Giày ấy ắt là không có nún chống trượt. Thành thử mùa đông thật chẳng

phải là mùa vui vẻ gì cho dân vịt. Em tự hỏi, trong thâm tâm chúng nó nghĩ gì về băng hay những thứ tương tự. Em dám cá rằng chúng chẳng ghét bỏ gì mùa đông lắm đâu. Nhìn chúng nó em cảm thấy vậy. Xem ra chúng sống cũng khá vui vẻ đấy chứ, dẫu đang mùa đông, có chăng thì thỉnh thoảng chỉ tự càu nhàu: “Lại băng à? Đành vậy thôi...” Em thích dân vịt là còn thích điều ấy nữa.

Hồ nằm chính giữa rừng, từ đâu đến đây cũng xa. Chẳng ai khác (ngoài em ra, dĩ nhiên!) buồn cuộc bộ ngàn ấy đường để đến đây vào mùa này, ngoại trừ những hôm thật ấm. Em đi theo lối mòn xuyên qua rừng, giày em nghiêng lạo xạo trên lớp băng còn lại từ trận mưa tuyết gần

đây. Em thấy xung quanh đâu cũng toàn chim. Mỗi khi em dựng cao cổ áo lên, khăn quàng quần cổ kín tận cằm, mỗi hơi thở ra là thành bùm khói trắng trong không khí, với một khúc bánh mì tận trong túi, cứ thế men theo đường mòn xuyên qua rừng mà nghĩ về dân vịt, em lại thấy lòng thực sự ấm áp, hạnh phúc, và em chợt nghĩ ra rằng đã lâu lắm rồi mình không thấy hạnh phúc như vậy.

Thôi, chuyện dân vịt thế là đủ.

Nói thật với anh, cách đây một giờ em thức dậy giữa lúc đang nằm mơ thấy anh, Chim vặn dây cót ạ, thế là này giờ em ngồi viết thư này cho anh. Bây giờ là (để em xem đồng hồ) đúng 2 giờ 18 phút sáng. Cũng như mọi khi, chưa tới 10 giờ

em đã đi ngủ rồi, em nói với dân vịt
“Chúc cả nhà ngủ ngon!” Sau đó thì ngủ
tít, thế nhưng vừa mới đây thôi, dùng một
cái, em choàng dậy. Thật sự em không
chắc đó có phải là mơ không. Em chẳng
nhớ mình đang mơ cái gì cả. Có khi
không phải em đang mơ. Nhưng dù thế
nào đi nữa, em đã nghe giọng anh sát bên
tai em. Anh đang gọi em, gọi mãi, gọi to
lắm. Chính vì vậy mà em bừng tỉnh.
Khi em mở mắt, trong phòng không tối
lắm. Ánh trăng tuôn vào qua cửa sổ.
Vàng trắng to lồ lộ trông như một cái
khay bằng thép không gỉ treo trên ngọn
đồi. Nó to đến nỗi dường như em có thể
với tay ra sờ và viết lên đó được. Còn
ánh trăng tuôn vào qua cửa sổ thì giống

như một vũng nước lớn, trắng phau. Em ngồi trên giường, vắt óc nghĩ xem vừa mới xảy ra chuyện gì. Tại sao anh lại gọi em giọng rõ mồn một, nghe chói lọi như vậy? Tim em đập thình thịch, mãi không yên được. Giả như em đang ở nhà mình, em sẽ mặc đồ - dù giữa đêm khuya đi nữa - rồi chạy xuống ngõ mà đến nhà anh, Chim vặn dây cót ạ. Nhưng ở vùng núi non xa anh đến hàng vạn dặm như thế này thì em chẳng chạy đi đâu được, đúng không?

Thế thì anh có biết em đã làm gì không? Em cởi hết ra. Chà. Đừng hỏi tại sao. Chính em cũng chả biết nữa. Thành thử anh cứ im lặng mà nghe cho hết nhé. Nói chung là em cởi hết quần áo rồi ra khỏi

giường. Đoạn em quỳ xuống sàn nhà trong ánh trắng màu trắng kia. Máy sưởi đã tắt, trong phòng hẳn là lạnh, nhưng em không thấy lạnh. Trong ánh trắng đang tuôn từ cửa sổ vào kia có một cái gì đó đặc biệt, nó quấn quanh thân thể em thành một lớp bảo vệ mỏng, sát vào da. Ít ra là em cảm thấy vậy. Em đứng đó, trần truồng, trong một lát, thế rồi em lần lượt chia từng bộ phận cơ thể mình ra cho nó tắm trong ánh trắng. Em chẳng biết tại sao, dường như đó là việc tự nhiên nhất trên đời vậy. Ánh trắng đẹp tuyệt vời, đẹp vô ngần đến nỗi em không thể không làm như thế. Đầu em, vai em, tay em, ngực em, bụng em, chân em, mông em và cả vùng quanh đó nữa, anh biết rồi đấy: lần lượt từng cái một, em

nhúng vào ánh trắng, như đang tắm vậy. Nếu có ai ở ngoài mà thấy em, hẳn họ sẽ nghĩ thật quái lạ. Hẳn họ sẽ coi em như một con bé bị chứng cuồng trắng, hề trắng tròn là lại lên cơn khủng. Nhưng dĩ nhiên chẳng ai thấy em cả. Ủ thì cũng dễ anh chàng cuời mô tô có thể đang ở đâu đó mà nhìn em. Nhưng chuyện đó thì không sao. Anh ấy chết rồi. Nếu anh ấy muốn nhìn, và nếu như vậy mà anh ấy thích thì em sẽ vui vẻ để cho anh ấy thấy. Nhưng không, chẳng ai nhìn em cả. Em làm việc đó hoàn toàn chỉ một mình dưới ánh trắng. Chốc chốc em lại nhắm mắt lại mà nghĩ về dân vịt, hẳn chúng đang ngủ đâu đó gần hồ. Em nghĩ đến cái cảm giác ấm áp, hạnh phúc mà dân vịt và em đã

cùng làm ra lúc ban ngày. Bởi vì, rốt cuộc, dân vịt như là một thứ bùa hộ mệnh huyền bí thật quan trọng đối với em.

Sau đó em cứ trần truồng như vậy mà quỳ một hồi lâu, quỳ một mình, trong ánh trăng. Ánh trăng làm cho da em có một màu kỳ bí, lại hắt bóng đen sắc nét của thân mình em xuống sàn, dài tới tận tường. Nó không giống như bóng của thân thể em mà thuộc về một người đàn bà khác trưởng thành hơn em nhiều. Đó không phải một đứa con gái còn trinh như em, nó không có những góc cạnh như em mà tròn đầy hơn, ngực và núm vú to hơn nhiều. Nhưng nó chính là cái bóng mà em đang tạo ra - chỉ có điều trải dài hơn với hình dáng khác thôi. Khi em cử

động, nó cũng cử động. Mỗi một hồi em cứ thử cử động hết cách này đến cách khác, vừa làm vừa quan sát thật kỹ xem có mối liên hệ nào giữa em với cái bóng của em, cố hiểu tại sao trông nó lại khác đến vậy. Nhưng em chẳng hiểu gì cả. Càng nhìn càng thấy lạ lùng.

Giờ thì mới đến phần thực sự khó lý giải, Chim vặn dây cốt ạ. Em không biết em có nói được không, nhưng cứ thử xem.

Nói thật ngắn gọn là đột nhiên em òa khóc. Nếu trong kịch bản hay gì gì đó thì chắc người ta viết thế này: “Kasahara May đột nhiên lấy tay che mặt, nước nở to, nước mắt chảy ràn rụa”. Nhưng đừng sùng sốt quá nhé. Lâu nay em vẫn giấu

anh, chứ thực ra em là đứa mít ướt nhất trần đời. Chuyện gì em cũng khóc. Đó là điểm yếu bí mật của em. Thành thử đôi với em, chuyện tự dung òa khóc chẳng vì lý do nào đâu có gì lạ. Tuy nhiên thường thì em chỉ khóc một tý, sau đó em tự nhủ: khóc thể đủ rồi, dừng thôi. Em dễ khóc nhưng cũng dễ nín. Thế nhưng đêm nay em không sao nín được. Cứ như ai đó khai nút bật ra, vậy là cứ thế tuôn. Em không biết vì đâu mình khóc, nên cũng chẳng biết làm sao dừng lại cả. Nước mắt cứ thế tuôn ra, như máu tuôn từ một vết thương rộng hoác. Em không thể tin mình lại có thể khóc ra nhiều nước mắt đến vậy. Em đâm lo cứ cái đà này có khi mình sẽ kiệt nước mà biến thành xác ướp mất.

Em thực sự nhìn thấy, nghe thấy nước mắt em rơi từng giọt xuống hồ trắng màu trắng rồi bị hút luôn vào như thể những giọt nước mắt vốn dĩ luôn luôn là một phần của ánh sáng ấy. Khi rơi xuống giữa không trung, những giọt nước mắt bắt ánh trắng, sáng lóng lánh tuyệt đẹp như những tinh thể pha lê. Rồi em nhận ra rằng cái bóng của em cũng đang khóc, cũng đang tuôn nước mắt, những giọt nước mắt bóng rõ ràng, sắc nét. Anh Chim vặn dây cót đã bao giờ thấy bóng của nước mắt chưa? Chẳng có gì giống những cái bóng thường đâu. Hoàn toàn khác. Chúng đến đây từ một thế giới khác, rất xa nơi đây, chúng đến đây chỉ là cho trái tim của chúng ta thôi. Mà cũng có thể không

phải. Chính khi đó em lại sức nghĩ, biết đâu nước mắt mà cái bóng của em đang tuôn mới là thực, còn nước mắt em đang tuôn thì chỉ là bóng. Em chắc là anh không hiểu đâu, Chim vặn dây cót à. Khi một đứa con gái mười bảy tuổi trần truồng tuôn nước mắt trong ánh trăng thì chuyện gì cũng có thể xảy ra. Thật đấy.

Ấy là chuyện đã xảy ra trong căn phòng này cách đây khoảng một tiếng. Bây giờ thì em đang ngồi ở bàn, viết thư cho anh bằng bút chì, Chim vặn dây cót ạ (dĩ nhiên em đã mặc quần áo rồi!).

Tạm biệt Chim vặn dây cót. Em không biết nói thế nào... nhưng em cùng với dân vịt trong rừng sâu cầu mong cho anh được ấm lành, hạnh phúc. Nếu có chuyện

gì, anh cứ gọi em nữa đi, gọi cho to vào,
đừng ngại.

Chúc anh ngủ ngon.

37

Hai loại tin khác nhau



Vật biến mất

- Quế đã đưa cậu về đây, - Nhục đậu khấu nói.

Điều đầu tiên tôi nhận thấy khi thức dậy là đau, đau dưới nhiều dạng khác nhau, méo mó. Con dao đã làm tôi bị thương, mọi khớp sụn, mọi khớp xương, cơ bắp trong thân thể tôi đều khiến tôi đau. Hẳn là nhiều bộ phận thân thể tôi đã va mạnh vào vật này vật khác trong lúc tôi bỏ chạy trong bóng tối. Thế nhưng hình dạng của mỗi cái đau khác nhau đó vẫn chưa đúng hẳn. Chúng đâu như gần với cái

đau, nhưng không thể gọi đích xác là cái đau.

Kế đó tôi nhận ra mình đang nằm dài trên ghế sofa trong "phòng chính lý" của Dinh, mặc bộ pyjama màu xanh lính thủy mà tôi chưa thấy bao giờ, mình đắp chăn. Rèm mở toang, ánh mặt trời buổi sáng tuôn vào qua cửa sổ. Tôi đoán bây giờ chắc khoảng 10 giờ. Không khí nơi đây thật trong lành, và thời gian thì vẫn đang trôi về phía trước. Nhưng vì sao tất cả những chuyện đó lại xảy ra được, tôi không sao lý giải rõ ràng.

- Quế đã đưa cậu về đây, - Nhục đậu khấu nói. - Máy vết thương của cậu không nặng lắm. Vết trên vai khá sâu, nhưng không phạm đến mạch máu chính

nào, cũng may. Những vết trên mặt thì chỉ là trầy xước. Quế đã dùng kim chỉ khâu các vết thương khác sao cho cậu không bị sẹo. Chuyện ấy thì nó giỏi lắm. Ít hôm nữa cậu có thể tự tháo chỉ được, không thì nhờ bác sĩ.

Tôi cố nói, nhưng không thốt được tiếng nào. Tôi chỉ làm được mỗi một việc là hít vào rồi thở ra nghe rin rít chói tai.

- Cậu khoan hãy cố nói hay cử động thì tốt hơn, - Nhục đậu khấu nói. Bà ngồi trên chiếc ghế gần đó, hai chân bắt chéo. - Quế bảo cậu đã ở dưới giếng quá lâu, thiếu chút nữa là đã chết rồi. Nhưng đừng hỏi tôi đã xảy ra chuyện gì. Tôi chẳng biết gì hết. Nửa đêm có cú điện thoại gọi tôi, tôi bèn gọi taxi rồi ù té tới

đây ngay. Cụ thể chuyện gì xảy ra trước đó thì tôi không biết. Quần áo cậu ướt sũng, toàn là máu. Chúng tôi quăng đi rồi.

Nhục đậu khấu ăn mặc đơn sơ hơn mọi khi, có lẽ đúng là bà đã quáng quàng ra khỏi nhà thật. Bà mặc áo len ca-sơ-mia màu kem khoác ngoài áo sơ-mi nam giới kẻ sọc, váy len màu xanh ôliu, không nữ trang, tóc buộc đằng sau. Bà trông hơi mệt mỏi, nhưng trừ cái đó ra thì bà trông như người mẫu trong cataloug ảnh. Bà cho một miếng thuốc lên môi rồi châm lửa bằng chiếc bật lửa bằng vàng, làm phát ra tiếng tách rổ rẹt, khô khốc quen thuộc, đoạn hít mấy hơi, mắt nheo nheo lại. Tôi đúng là chưa chết thật, tôi tự trấn an

mình khi nghe tiếng tách của cái bật lửa.
Hắn là Quế đã kéo tôi lên khỏi giếng
đúng vào phút chót.

- Quế hiểu biết mọi chuyện theo một kiểu
đặc biệt, - Nhục đậu khấu nói. - Khác
với tôi hay cậu, nó luôn luôn suy nghĩ rất
sâu xa về khả năng xảy ra chuyện này hay
chuyện khác. Nhưng ngay cả nó cũng
không tưởng tượng nổi nước lại dâng đầy
cái giếng đó đột ngột đến thế. Chuyện đó
nằm ngoài mọi khả năng mà nó đã tiên
liệu. Chính vì vậy mà suýt nữa là cậu
mất mạng rồi. Đây là lần đầu tiên tôi thấy
thằng bé hoảng hốt đến thế.

Bà cố mỉm cười khi nói như vậy.

- Hắn là nó thật sự thích cậu, - bà nói.
Sau đó bà nói gì tôi không nghe được

nữa. Tôi nghe đau ở sâu đằng sau mắt, mí mắt tôi nặng như chì. Tôi cứ để mắt díp lại mà đắm vào trong bóng tối như đang đi xuống bằng buồng thang máy.

* * *

Phải mất hai ngày cơ thể tôi mới hồi phục lại. Suốt thời gian đó Nhục đậu khấu luôn ở bên tôi. Tôi không tự dậy được, không nói được, gần như không ăn được. Cố lắm tôi cũng chỉ hớp nổi vài hớp nước cam và nhắm vài miếng đào đóng hộp. Ban đêm Nhục đậu khấu về nhà, sáng ra lại đến. Thế cũng tốt, bởi vì suốt đêm - và hầu như suốt cả ngày nữa tôi ngủ như chết - tôi bị nhiễm cái lạnh ngoài trời. Rõ ràng ngủ là thứ tôi cần nhất để có thể hồi phục.

Tôi không hề gặp Quế. Hình như Quế cố tình tránh mặt tôi. Ngày nào tôi cũng nghe tiếng xe anh ta qua cổng mỗi khi đưa đón Nhục đậu khấu hoặc mang tới đồ ăn, quần áo - nghe cái tiếng ùng ục trầm trầm đặc biệt của động cơ xe Porsche, bởi cậu ta đã thôi dùng chiếc Mercedes, - nhưng cậu ta không vào bên trong. Cậu trao mọi thứ cho Nhục đậu khấu ở cửa trước rồi lại đi.

- Sắp tới chúng tôi sẽ dẹp bỏ chỗ này, - Nhục đậu khấu bảo tôi. - Tôi sẽ lại phải tự mình chăm lo cho các quý bà kia. Ồ, phải. Chắc cái số tôi nó thế. Tôi sẽ cứ phải tiếp tục chùng nào chưa kiệt sức - chùng nào chưa cạn sạch. Còn cậu, có lẽ cậu sẽ không còn gì phải liên quan đến

chúng tôi nữa. Khi chuyện này đã qua và cậu đã bình phục, tốt nhất là cậu hãy quên chúng tôi đi, càng sớm càng tốt. Bởi vì... Ừ nhỉ, còn chuyện này tôi quên chưa cho cậu biết. Về anh vợ cậu ấy mà. Wataya Noboru.

Nhục đậu khấu đem một tờ báo từ phòng bên sang, giở ra giữa bàn.

- Quế vừa mới mang tờ báo về thôi. Anh vợ cậu bị đột quỵ đêm qua ở Nagasaki. Người ta đưa ông ấy vào bệnh viện, nhưng đến giờ ông ấy vẫn bất tỉnh. Người ta không biết liệu ông ấy có tỉnh lại nữa hay không.

Nagasaki ư? Tôi khó lòng hiểu bà ta đang nói gì. Tôi muốn nói, nhưng lời lẽ không bật ra được. Wataya Noboru lẽ ra

phải đột quy ở Akasaka chứ không phải Nagasaki. Sao lại Nagasaki?

- Ông ấy diễn thuyết ở Nagasaki, - Nhục đậu khấu nói tiếp, - sau đó trong khi đang ăn tối với các nhà tổ chức thì bỗng đột quy. Người ta đưa ông ấy đến bệnh viện gần đó. Người ta cho rằng có lẽ đó là một loại tai biến mạch máu não, chắc là vì một khiếm khuyết bẩm sinh ở mạch máu trong não. Báo chí cho biết ông ấy sẽ phải nằm liệt giường một thời gian, rằng dù có tỉnh lại có lẽ ông ấy cũng không nói được, rằng rất có thể sự nghiệp chính trị của ông ấy đến đây là hết. Thật đáng tiếc, ông ấy còn trẻ quá. Tôi đề tờ báo lại đây. Khi nào thấy khỏe hơn thì cậu tự đọc.

Phải mất một lúc tôi mới chấp nhận được cái hiện tại kia là sự thực. Những hình ảnh tin tức tivi mà tôi đã thấy trong tiền sảnh khách sạn vẫn còn in sâu, quá sống động rõ ràng trong ý thức tôi: văn phòng của Wataya Noboru ở Asakasa, cảnh sát bu chặt ních, cổng trước bệnh viện, nét nghiêm trọng của người dẫn chương trình, vẻ căng thẳng trong giọng anh ta. Tuy nhiên, dần dần, từng tí một, tôi đã có thể thuyết phục được chính mình rằng những gì tôi từng thấy kia là những tin tức chỉ tồn tại trong thế giới khác. Trong thực tại, ở thế giới này, tôi đã không đánh Wataya Noboru bằng gậy bóng chày. Trong thực tại, tôi sẽ không bị cảnh sát thẩm vấn hay bị bắt vì phạm tội. Hẳn

đã đột quy trước bàn dân thiên hạ, vì tai biến mạch máu não. Chẳng có tội phạm nào hết, không thể có tội phạm nào cả. Ý nghĩ đó khiến tôi có thể thở phào nhẹ nhõm. Dù gì đi nữa, hung thủ được mô tả trên truyền hình kia có nhân dạng giống tôi như đúc, thành thử tôi không có bằng chứng ngoại phạm.

Chắc hẳn phải có mối liên quan nào đó giữa việc tôi đã đánh chết kẻ nào đó ở thế giới kia với việc Wataya Noboru đột quy. Rõ ràng tôi đã giết chết một cái gì đó ở bên trong hắn hay một cái gì đó có liên quan chặt chẽ với hắn. Ất là hắn đã tiên cảm được điều đó sẽ xảy ra. Tuy nhiên, việc tôi làm đã không đoạt được sinh mạng của Wataya Noboru. Hắn vẫn

cứ sống ngay bên bờ vực cái chết. Lẽ ra tôi phải đẩy luôn hắn xuống vực kia. Chuyện gì sẽ xảy ra với Kumiko đây? Liệu nàng có dứt được khỏi chỗ đó trong khi hắn vẫn sống? Liệu từ trong bóng tối vô thức kia hắn có tiếp tục ám lời nguyên lên Kumiko?

Ý nghĩ của tôi chỉ đi xa được đến ngần ấy. Ý thức tôi chuội đi từng tí một, cho đến khi tôi nhắm mắt lại ngủ thiếp. Tôi mơ một giấc mơ căng thẳng, đứt đoạn. Kano Creta đang bế một đứa bé áp vào ngực. Tôi không thấy mặt đứa bé. Tóc Kano Creta cắt ngắn, cô không trang điểm gì. Cô bảo tôi tên đứa bé là Corsica, và cha đứa bé nữa là tôi nữa kia là Trung úy Mamiya. Cô bảo cô đã

không đến đảo Crete mà vẫn ở lại Nhật để sinh và nuôi đứa bé này. Cô vừa nghĩ ra được tên mới cho đứa bé, còn hiện giờ cô đang sống yên bình, trồng rau trên những núi đồi Hiroshima cùng Trung úy Mamiya. Những tin ấy không hề làm tôi ngạc nhiên. Ít nhất là trong giấc mơ tôi đã thấy trước tất cả.

- KanoMalta thế nào từ sau khi tôi gặp cô ấy lần trước? - Tôi hỏi.

Kano Creta không trả lời. Cô chỉ buồn buồn nhìn tôi rồi biến mất.

* * *

Vào sáng ngày thứ ba tôi đã tự khỏi giường được. Đi đứng thì vẫn còn khó khăn lắm, nhưng tôi đã dần dần nói năng lại được. Nhục đậu khấu nấu cho tôi ít

cháo. Tôi ăn cháo rồi thêm ít hoa quả.

- Con mèo sao rồi? - Tôi hỏi bà. Vấn đề này có lúc đã khiến tôi không yên tâm.

- Đừng lo. Quế đang chăm sóc nó. Ngày nào cậu ấy cũng đến nhà cậu để cho mèo ăn và thay nước. Giờ cậu chỉ nên lo lắng cho bản thân mình thôi.

- Bà với cậu ấy định khi nào sẽ dọn bỏ nhà này?

- Càng sớm càng tốt. Có lẽ trong vòng tháng sau. Chắc là cậu cũng sẽ kiếm được ít tiền đấy. Chắc chúng tôi sẽ phải bán giá thấp hơn một chút so với hồi chúng tôi mua, thành thử cậu sẽ không được nhiều lắm, nhưng phần cậu vẫn là một phần trăm kha khá của số tiền cậu đã trả thế chấp. Sẽ đủ cho cậu sống một thời

gian. Nên cậu không phải quá lo về chuyện tiền nong. Cậu xứng đáng được như vậy; nói gì thì nói, cậu đã làm việc tốt ở đây mà.

- Nhà này sẽ bị phá dỡ à?

- Có lẽ vậy. Họ cũng sẽ lấp luôn giếng. Cho nên bây giờ giếng có nước cũng bằng thừa thôi, thời buổi này có ai thích một cái giếng cổ to đùng như thế đâu. Người ta chỉ cần đặt ống và máy bơm điện là xong. Tiện hơn nhiều mà lại choán ít chỗ.

- Chắc chỗ này không bị xúi quẩy nữa đâu, - tôi nói. - Nó sẽ lại là chỉ một lô đất bình thường chứ không phải "nhà có dớp" nữa.

- Có thể cậu nói đúng, - Nhục đậu khấu

nói. Bà ngần ngừ một chút rồi cắn môi. -
Nhưng chuyện đó không còn liên quan
đến tôi hay cậu nữa. Đúng không? Trong
mọi trường hợp, điều quan trọng là bây
giờ cậu phải nghỉ ngơi, đừng bận tâm đến
những chuyện không thực sự đáng kể.
Phải mất một thời gian nữa cậu mới hồi
phục hoàn toàn đây.

Nhục đầu khầu chỉ cho tôi bài báo về
Wataya Noboru trong tờ báo buổi sáng
mà bà mang theo. Chỉ là một bài báo
nhỏ, Wataya Noboru vẫn còn mê man, đã
được chuyển từ Nagasaki về một bệnh
viện đại học lớn ở Tokyo, đang được
chăm sóc đặc biệt nhưng tình trạng vẫn
không thay đổi. Báo chẳng nói gì hơn
ngàn đó. Đọc tới đây, dĩ nhiên tôi nghĩ

ngay tới Kumiko. Nàng đang ở đâu? Tôi phải quay về nhà. Nhưng tôi vẫn chưa đủ sức để đi bộ một quãng xa đến thế.

Sáng hôm sau tôi cố lê đến bồn rửa mặt và nhìn thấy mình trong gương lần đầu tiên trong ba ngày qua. Tôi trông thật khủng khiếp. Chẳng giống một người sống phờ phạc là mấy, một cái xác được bảo quản tốt thì đúng hơn. Như Nhục đậu khấu đã nói, vết rạch trên má đã được khâu lại bằng những mũi khâu nhà nghề, mép vết thương đều khín khít với đường chỉ trắng. Vết đâm dài ít nhất hai phân rưỡi nhưng không sâu lắm. Khi tôi thử nhắm mắt thì nó cũng căng ra, nhưng chẳng thấy đau mấy. Tôi đánh răng rồi dùng máy cạo râu chạy điện để cạo râu.

Tôi chưa đủ tự tin để dùng dao cạo như bình thường. Khi đã rửa sạch bọt cạo râu, tôi khó lòng tin được điều mình nhìn thấy trong gương. Tôi đặt máy cạo râu xuống rồi nhìn kỹ. Vết bầm đã biến mất. Gã đàn ông kia đã đâm vào má phải tôi. Đúng ngay chỗ có vết bầm. Vết đâm vẫn còn đó, nhưng vết bầm không còn nữa. Nó đã biến mất khỏi má tôi không còn một dấu vết nào.

* * *

Nửa đêm ngày thứ năm, tôi lại nghe tiếng lục lạc reo khe khẽ. Lúc ấy hơn 2 giờ sáng một chút. Tôi trở dậy khỏi sofa, khoác áo cardigan ngoài bộ pyjama rồi ra khỏi phòng chính lý. Băng qua bếp, tôi tiến đến phòng làm việc nhỏ của Quế,

ghé nhìn vào. Quế lại đang gọi tôi từ bên trong máy tính. Tôi ngồi xuống bàn đọc thông điệp trên màn hình.

Hiện bạn đã được quyền truy cập chương trình "Biên niên ký sự của Chim vặn dây cót". Chọn một tài liệu (1-17).

Tôi nhấp Số 17, và một tài liệu mở ra trước mắt tôi.

Biên niên ký sự của
Chim vặn dây cót Số 17
(Thư của Kumiko)



Có nhiều chuyện em muốn nói với anh. Kể cho hết thì phải mất nhiều thì giờ lắm, có khi phải mấy năm trời. Đáng ra em phải bộc bạch với anh từ lâu, thú nhận với anh tất cả, nhưng tiếc thay, em không đủ can đảm làm vậy. Thế nhưng em vẫn ấp ủ một hy vọng vu vơ, rằng mọi chuyện sẽ không đến nỗi tệ hại như vậy. Kết quả là cơn ác mộng này dành cho cả anh và em. Lỗi tại em hết. Nhưng giải thích mọi chuyện thì cũng đã quá muộn rồi. Chúng

ta không có nhiều thời gian để làm việc đó. Cho nên ở đây em chỉ muốn nói với anh điều quan trọng nhất thôi.

Đó là, em cần phải giết anh trai em, Wataya Noboru.

Lát nữa em sẽ đến phòng bệnh nơi anh ta đang ngủ, để rút phích cắm hệ thống duy trì sự sống cho anh ta. Em là em gái anh ta, nên người ta sẽ cho em thay y tá ở lại qua đêm cạnh anh ta. Hệ thống bị ngắt rồi mọi người cũng không nhận ra ngay đâu. Hôm qua em đã nhờ bác sĩ chỉ cho cách vận hành hệ thống. Em định sẽ đợi đến khi chắc chắn là anh ta đã chết, chừng đó em tự nộp mình cho cảnh sát. Em sẽ bảo họ, em đã làm việc em cho là đúng, nhưng không giải thích gì hơn.

Chắc người ta sẽ bắt giữ em ngay tại chỗ và đưa em ra tòa vì tội giết người. Báo chí sẽ nhảy vào, mọi người sẽ nêu ý kiến về chuyện chết không đau đớn và những thứ đại loại thế. Nhưng em sẽ vẫn im lặng. Em không giải thích hay thanh minh gì cả. Trong mọi chuyện chỉ có một sự thực duy nhất mà thôi, ấy là em muốn kết liễu cuộc đời của một con người, Wataya Noboru. Họ sẽ tổng giam em, nhưng chuyện ấy em không hề sợ. Những gì tồi tệ nhất em đã trải qua cả rồi.

* * *

Nếu như không có anh, chắc em đã mất trí từ lâu. Chắc hẳn em đã tự trao mình trọn vẹn, trống rỗng, cho một kẻ khác và rơi xuống tới một nơi không còn hy vọng

phục hồi. Anh trai em, Wataya Noboru, đã làm đúng như vậy với chị gái em nhiều năm trước đây, rồi cuộc chị ấy đã tự sát. Anh ta đã làm ô uế hai chị em. Nói đúng ra, anh ta không làm ô uế thân thể chúng em. Việc anh ta đã làm còn tồi tệ hơn thế.

Em đã bị tước quyền tự do làm bất cứ việc gì, tự giam mình đơn độc trong phòng tối. Chẳng ai xiềng xích em hay đặt lính gác canh giữ, nhưng em không thể nào thoát ra được. Anh trai em giam giữ em bằng những thứ xiềng xích và lính gác mạnh hơn nhiều - những xiềng xích và lính gác vốn là chính bản thân em. Em chính là xiềng xích buộc vào chân em, chính là tên lính gác tàn bạo không bao

giờ ngủ. Dĩ nhiên bên trong em còn có một cái tôi khác muốn thoát ra, nhưng đồng thời lại có một cái tôi nữa hèn dõn, trụy lạc đã mất hết mọi hy vọng liệu có bao giờ thoát được, và cái tôi thứ nhất chẳng bao giờ át nổi cái tôi thứ hai vì em đã quá mức ô uế trong thể xác và tâm hồn rồi. Em đã đánh mất quyền trở lại với anh, không chỉ vì em đã bị anh trai, Wataya Noboru làm ô uế, mà còn bởi từ trước đó em đã tự làm ô uế mình đến không sao cứu chữa nổi.

Trong thư em có nói với anh, em đã ngủ với người đàn ông khác, nhưng nội dung thư đó không phải là sự thật. Em phải thú nhận sự thật với anh ở đây. Em đã ngủ không chỉ với một người mà với nhiều

người khác nữa. Nhiều quá không đếm xuể. Chính em cũng không biết, cái gì đã xui em làm một việc như vậy. Bây giờ nhìn lại, em nghĩ đó chắc hẳn là do ảnh hưởng của anh trai em. Hẳn là anh ta đã mở một cái ngăn kéo nào đó bên trong em, lôi ra một cái gì đó không hiểu là gì, thế là anh ta khiến em phải hiến thân cho hết người này đến người khác. Anh trai em có cái thứ sức mạnh đó, và, dẫu không muốn, em cũng phải thừa nhận điều này: nhất định là hai anh em chúng em có gắn bó khăng khít với nhau ở một chỗ tâm tối nào đó.

Dù thế nào thì thế, khi anh trai em đến chỗ em thì em đã tự làm ô uế mình không sao gột rửa được. Rốt cuộc em đã bị

mắc bệnh giang mai. Nhưng đâu có vậy đi nữa, như em đã nói trong thư, trong thời gian đó, em không bao giờ cảm thấy mình đang làm điều gì xấu với anh. Em cảm thấy việc em làm dường như hoàn toàn tự nhiên - chắc đó không phải là cái tôi thực của em nên mới cảm thấy như vậy. Tuy nhiên, liệu có đúng vậy không chứ? Liệu câu trả lời có thực sự đơn giản như vậy không? Mà nếu vậy thì đâu là cái tôi thực của em? Liệu em có cơ sở vững chắc nào để kết luận rằng cái tôi đang viết bức thư này là "cái tôi thực"? Em chưa bao giờ có thể tin chắc đến vậy vào "cái tôi" của em, cả đến giờ phút này cũng thế.

Em thường mơ thấy anh, những giấc mơ

sống động, rõ mồn một. Trong những giấc mơ đó, anh luôn luôn đang tuyệt vọng tìm em. Chúng ta đang ở trong một thứ mê cung, anh gần như đã đến sát cạnh chỗ em đang đứng. "Thêm một bước nữa thôi! Em đang ở ngay đây!" Em muốn thét lên, giá như anh tìm thấy em và ôm em vào lòng thì cơn ác mộng hắc đã chấm dứt, mọi thứ sẽ quay lại như xưa. Nhưng em không thể nào cất lên tiếng thét đó. Thế là anh lại không nhìn ra em trong bóng tối, anh đi ngang qua ngay trước mặt em rồi biến mất. Lúc nào cũng vậy. Thế nhưng, những giấc mơ ấy vẫn giúp đỡ và khích lệ em. Ít nhất là em biết, mình vẫn còn sức để mơ. Anh trai em không thể ngăn em làm chuyện đó. Em cảm thấy được rằng anh đang cố hết

sức bình sinh để đến gần em. Có thể một ngày nào đó anh sẽ tìm thấy em, ôm em vào lòng, quét sạch những thứ bẩn thỉu kinh tởm đang bám chặt lấy em rồi cứu em thoát khỏi chỗ đó vĩnh viễn. Có thể anh sẽ phá được lời nguyền, gắn lại niêm phong sao cho cái tội thực của em sẽ không bao giờ phải bỏ đi đâu nữa. Chính nhờ vậy em mới còn giữ được một ngọn lửa hy vọng con con ở cái nơi tối tăm lạnh lẽo không lối thoát này, vẫn giữ được chút nhỏ nhoi còn sót lại từ giọng nói đích thực của em.

Em nhận được mật khẩu truy nhập máy tính hồi chiều nay. Có ai đó đã gửi nó cho em bằng thư bảo đảm. Em đang gửi thư này cho anh từ máy vi tính trong văn

phòng của anh trai em. Em hy vọng thư sẽ đến tay anh.

* * *

Em không còn thời gian nữa. Taxi đang đợi em ngoài kia. Em phải đến bệnh viện ngay bây giờ, để giết anh trai em và chịu trừng phạt. Lạ thật, em không còn căm thù anh trai em nữa. Em thanh thản với ý nghĩ mình sẽ phải xóa sạch cuộc đời anh ấy ra khỏi thế giới này. Em phải làm việc đó vì chính anh ấy nữa. Và để mang lại ý nghĩa cho cuộc đời của chính em.

Anh nhớ chăm nom con mèo nhỏ. Anh không thể biết em vui đến nhường nào khi hay tin nó đã trở về đâu. Anh bảo tên nó là Cá thu à? Em thích cái tên ấy. Nó luôn luôn là biểu tượng cho một cái gì tốt

lành đã lớn lên giữa hai ta. Lẽ ra hồi đó chúng mình đừng để mất nó mới phải.

* * *

Em không thể viết thêm gì nữa. Tạm biệt.

Tạm biệt



- Tiếc là em không thể chỉ cho anh xem dân vịt. Chim vặn dây cót à, - Kasahara May có vẻ tiếc rẻ rất thành thực.

Cô và tôi đang ngồi trên bờ, nhìn mặt hồ đóng lớp băng dày. Đó là một cái hồ lớn, trên mặt băng có hàng ngàn vết cắt nhỏ vì đế giày trượt. Kasahara May đã xin nghỉ phép sáng thứ Hai hôm nay chỉ vì tôi.

Tôi đã định đến thăm cô vào Chủ nhật, nhưng vì có tai nạn tàu hỏa nên tôi bị trễ mất một ngày. Kasahara May quấn mình kín mít trong áo lót lông. Chiếc mũ len màu xanh nhạt của cô thêu hoa văn hình

học bằng sợi len trắng, trên chòm có quả cầu tròn nho nhỏ. Cô đã tự đan chiếc mũ đó cho mình, cô bảo mùa đông sang năm cô sẽ đan một chiếc y như thế cho tôi.

Má cô đỏ hây hây, mắt cô ngời sáng trong trẻo như bầu không khí xunh quanh, khiến tôi thấy thật sung sướng: dù sao đi nữa cô chỉ mới mười bảy tuổi, cô còn có thể thay đổi đến vô cùng.

- Từ khi hồ đóng băng kín thì dân vịt chuyển đi chỗ khác hết rồi. Nếu anh gặp thì nhất định anh cũng sẽ yêu chúng ngay. Mùa xuân này anh trở lại nhé? Em sẽ giới thiệu anh với chúng.

Tôi mỉm cười. Tôi mặc một chiếc áo khóa len không ấm lắm, quần khăn quàng kín tận má, tay thọc vào túi áo. Trong

rừng lạnh căm căm. Tuyệt cứng như đá phủ đầy mặt đất. Đôi giày thể thao của tôi cứ trượt luôn. Lẽ ra tôi phải mua từ trước một đôi giày cao cổ chống trượt dành riêng cho chuyến đi này.

- Vậy là em định sẽ ở lại đây lâu hơn phải không? - Tôi hỏi.

- Chắc vậy. Có thể sau một thời gian nữa em sẽ về đi học lại. Mà cũng có thể không. Em chả biết nữa. Cũng có khi em đi lấy chồng không chừng... mà cũng không chắc. - Cô mỉm cười, thở ra một làn hơi trắng. - Nhưng dù gì, em cũng ở lại đây ít lâu nữa. Em cần thêm thời gian để suy nghĩ. Nghĩ xem em muốn làm gì, em muốn đi đâu. Em cần có thì giờ để nghĩ về những chuyện đó.

Tôi gật đầu: Có lẽ em cần phải làm vậy thật.

- Này Chim vặn dây cót, hỏi bằng tuổi em, anh có hai nghĩ về những chuyện như thế không?

- Hừm. Chắc là không. Chắc anh cũng có nghĩ tới mấy chuyện đó một chút, nhưng nếu nghĩ một cách nghiêm túc như em thì không... anh nhớ là không. Chắc là hỏi đó anh nghĩ nếu mình cứ bình thường mà sống thì mọi chuyện tự nó sẽ ổn thôi. Nhưng kết cục lại chẳng như vậy, phải không? Thật đáng tiếc.

Cô nhìn thẳng vào mắt tôi, khuôn mặt cô bình thản. Rồi cô đặt đôi găng tay lên lòng mình, chiếc nọ chồng lên chiếc kia.

- Vậy là rốt cuộc người ta sẽ không thả

Kumiko ra à? - Cô hỏi.

- Cô ấy không chịu ra tại ngoại, - tôi nói.

- Cô ấy sợ nếu ra ngoài thì sẽ bị đám đông vây lấy, không cho cô ấy yên.

Chẳng thà cứ ở trong tù, được tĩnh lặng bình an. Thậm chí cô ấy cũng không muốn gặp anh nữa. Cô ấy không muốn gặp ai hết, chừng nào mọi việc chưa giải quyết xong.

- Bao giờ phiên tòa bắt đầu?

- Đâu như vào mùa xuân, Kumiko nhận tội. Cô ấy sẽ chấp nhận phán quyết của tòa, dù tòa quyết định thế nào đi nữa. Phần xét xử chắc sẽ không kéo dài đâu. Có nhiều khả năng cô ấy sẽ được hưởng án treo, cùng lắm thì cũng xử nhẹ thôi.
Kasahara May nhật một hòn đá dưới

chân ném ra giữa hồ. Hòn đá rơi đánh cách xuống mặt băng rồi văng sang phía bên kia.

- Còn anh Chim vặn dây cốt, anh lại sẽ ở nhà đợi chị Kumiko chứ?

Tôi gật đầu.

- Thế cũng tốt nhỉ... có tốt không?

Tôi thở một cụm mây trắng lớn vào bầu không khí lạnh.

- Anh không biết, chắc là chính bọn anh đẩy mọi chuyện đến chỗ này thôi.

Kết cục có khi còn tệ hơn nhiều ấy chứ, tôi tự nhủ.

Đằng xa, trong khu rừng bao quanh hồ, một con chim cất tiếng kêu. Tôi ngẩng lên nhìn khắp xung quanh, nhưng chẳng còn nghe thấy gì nữa. Chẳng thấy gì nữa.

Chỉ có âm thanh khô khốc, rỗng không của một con chim gõ kiến đang khoan lỗ vào thân cây.

- Nếu Kumiko và anh có con, anh chắc sẽ đặt tên nó là Corsia, - tôi nói.

- Tên hay quá, - Kasahara May nói.

* * *

Khi hai chúng tôi đi bên nhau xuyên qua khu rừng, Kasahara May tháo găng tay bên phải rồi đút tay vào túi áo khoác của tôi. Điều đó làm tôi nhớ lại Kumiko.

Nàng cũng hay làm như vậy những khi chúng tôi cùng đi bên nhau vào mùa đông, để cả hai có thể dùng chung một cái túi áo trong những ngày lạnh giá. Tôi nắm bàn tay Kasahara May trong túi áo tôi. Đó là bàn tay bé nhỏ, ấm như một

linh hồn ẩn dật.

- Này Chim vặn dây cót, chắc ai người ta cũng nghĩ mình là đôi tình nhân đấy.

- Có lẽ em nói đúng.

- Thế thì anh có đọc hết thư của em không đấy?

- Thư của em á? - Tôi hoàn toàn không hiểu cô đang nói đến chuyện gì. - Anh xin lỗi, anh chẳng hề nhận được thư từ nào của em hết. Anh phải hỏi mẹ em mới có địa chỉ và số phone của em. Cũng chẳng dễ đâu, anh đã phải bịa một chút đấy.

- Ôi không! Thế thì thư em đi đâu hết rồi? Em viết cho anh dễ đến năm trăm bức là ít! - Kasahara May nhìn lên trời.

* * *

Chiều muộn ngày hôm đó, Kasahara May tiễn tôi ra ga. Hai chúng tôi đáp xe buýt vào thị trấn, ăn bánh pizza ở một nhà hàng gần ga, sau đó đợi đoàn tàu bé tí vồn vện ba toa chạy bằng dầu diesel rất cuộc cũng bò tới. Hai ba người đứng quanh chiếc lò sưởi to đốt bằng củi đỏ rực giữa phòng đợi, nhưng hai chúng tôi thì đứng ngoài sân ga giữa trời lạnh. Một vầng trăng mùa đông rõ ràng, sắc cạnh đông cứng trên bầu trời. Đó là vầng trăng non, với đường cong sắc nét như một thanh gươm Trung Hoa. Dưới vầng trăng ấy, Kasahara May nhón chân hôn lên cổ tôi. Tôi cảm thấy đôi môi mỏng, lạnh của cô chạm vào chỗ trước kia có vết bầm.

- Tạm biệt, Chim vặn dây cót, - cô thì

thăm. - Cảm ơn anh đã đi ngàn ấy đường để đến thăm em.

Hai tay thọc sâu trong túi áo khoác, tôi nhìn vào mắt cô. Tôi chẳng biết nói gì. Khi tàu đến, cô cởi mũ ra, lùi lại một bước rồi nói với tôi:

- Nếu có chuyện gì xảy ra với anh, chỉ cần gọi em cho to vào. Chim vặn dây cốt nhé? Gọi em và gọi dân vịt.

- Tạm biệt, Kasahara May, - tôi nói.

* * *

Vòng cung trắng vẫn treo trên đầu tôi mãi sau khi tàu đã rời ga, xuất hiện rồi lại biến mất mỗi khi tàu vào một khúc quanh. Tôi dán mắt vào vàng trắng, và mỗi khi nó biến khỏi tầm nhìn, tôi ngắm ánh đèn những thị trấn nhỏ lướt qua cửa

sổ. Tôi nghĩ đến Kasahara May, đội chiếc mũ len màu xanh dương, đang ngồi một mình trên xe buýt quay về nhà máy ở trên đồi. Đoạn tôi nghĩ về dân vịt đang thiu thiu ngủ ở đâu đó trong bóng cỏ. Cuối cùng tôi nghĩ về cái thế giới, nơi tôi đang quay về.

- Tạm biệt, Kasahara May, - tôi nói.
Tạm biệt, Kasahara May: cầu chúc cho luôn luôn có một cái gì đó trông chừng bảo vệ em.

Tôi nhắm mắt lại cố ngủ. Nhưng mãi rất lâu sau tôi mới thực sự ngủ được. Ở một nơi xa cách bất kỳ ai hay bất cứ nơi đâu, tôi mơ màng thiếp đi một lát.

END.

Mời vào blog
daotieuvu.blogspot.com để
tải nhiều truyện hơn!



BOOK

Free Downloads

<http://daotieuvu.blogspot.com>